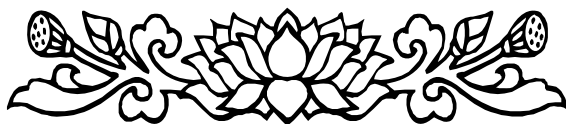




TRÍ TÌNH TOÀN TẬP

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

HT. Thích Trí Tịnh



**TRÍ TỊNH
TOÀN TẬP**



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

BAN CHỨNG MINH

Hòa thượng Thích Từ Nhơn

Hòa thượng Thích Thanh Từ

Hòa thượng Thích Tắc An

Hòa thượng Thích Hiền Tu

Hòa thượng Thích Viên Giác

Hòa thượng Thích Trí Quảng

Hòa thượng Thích Như Niệm

Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh

Hòa thượng Thích Giác Toàn

Hòa thượng Thích Nhật Quang (*Chùa Ân Quang - Q. 10*).

BAN CỐ VẤN

Hòa thượng Thích Chơn Lạc

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

Hòa thượng Thích Nhật Quang (*TV. Thường Chiếu*)

Hòa thượng Thích Minh Cảnh

Hòa thượng Thích Minh Thông

Hòa thượng Thích Thiện Pháp

Hòa thượng Thích Hoằng Đức

Hòa thượng Thích Tấn Lãnh

Hòa thượng Thích Hoằng Thông

Hòa thượng Thích Minh Tùy

Thượng tọa Thích Chân Tính

Thượng tọa Thích Đồng Bồn

Thượng tọa Thích Minh Duyên

Thượng tọa Thích Hoằng Kiên.

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: Thượng tọa Thích Hoằng Tri

Phó ban: Thượng tọa Thích Hoằng Chí

Phó ban: Đại đức Thích Hoằng Thạnh.

BAN THỰC HIỆN

Đại đức Thích Pháp Đăng (*Trưởng ban*)

Thượng tọa Thích Thiện Xuân

Thượng tọa Thích Hoằng Vi

Đại đức Thích Hoằng Tín

Đại đức Thích Hoằng Đạt

Đại đức Thích Hoằng Xung

Đại đức Thích Hoằng Thường

Đại đức Thích Minh Thành

Đại đức Thích Hoằng Hiền

Đại đức Thích Hoằng Nhiệm

Đại đức Thích Hoằng Phước

Đại đức Thích Hoằng Lập

Sa-di Thích Tâm Chánh

Phật tử Hoằng Ân

Phật tử Hoằng Tôn

Phật tử Thanh Tiền

Phật tử Thanh Tụ

Phật tử Diệu Tịnh.

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

Hôm nay, chúng ta có phúc duyên chiêm ngưỡng bộ *Trí Tịnh Toàn Tập*, một tuyển tập kinh, luật, luận trong Tam Tạng giáo điển của Phật giáo, được HT. Thích Trí Tịnh gia tâm nghiên cứu và diễn dịch ra chữ Việt để cho tăng, ni, Phật tử dễ dàng trong việc tu học và đọc tụng.

Lần đầu tiên, chúng ta có được một toàn tập kinh, luật, luận lớn lao và quan trọng của Phật giáo Việt Nam. *Trí Tịnh Toàn Tập* là sự diễn dịch chuẩn mực với thâm tâm và ngòi bút linh hoạt, Hòa thượng Trí Tịnh đem đến cho chúng ta một sự hiểu biết sâu rộng đối với Phật pháp, mà *Trí Tịnh Toàn Tập* là sự hướng dẫn quan trọng cho tứ chúng trên bước đường tu hành.

Kinh giáo là kim chỉ nam cho người con Phật, nên sự diễn dịch giáo điển phải là bậc cao tăng thạc học thì mới đem lại sự kính ngưỡng tiếp nhận, và càng được thêm lợi ích với công đức và đạo hạnh của dịch giả, nên *Trí Tịnh Toàn Tập* là phúc duyên của Phật giáo Việt Nam và cho tăng, ni, Phật tử.

Sự hiện diện của *Trí Tịnh Toàn Tập* là sắc đẹp và hương thơm trong vườn hoa đạo, làm cho giáo lý của Phật pháp càng thêm rực rỡ và ngào ngạt, khiến cho tăng, ni và Phật tử tha thiết muốn phổ biến rộng rãi các kinh, luật, luận của Hòa thượng đã diễn dịch, nên câu hội và đề xuất *Trí Tịnh Toàn Tập* để huân triêm lợi lạc cho đại chúng hiện tại và lâu mãi về sau, nên bộ *Trí Tịnh Toàn Tập* xuất hiện.

Tôi trân trọng tán dương công đức *Trí Tịnh Toàn Tập* với tứ chúng và mong tăng, ni, Phật tử được ân triêm lợi lạc rộng lớn trên bước đường tu hành.

Việt Nam Quốc Tự
HT. Thích Từ Nhơn

LỜI KHẢI BẠCH

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni!

Kính thưa Phật tử trong và ngoài nước!

Suốt cuộc đời hành đạo của Hòa thượng Tôn Sư là một sự nghiệp vĩ đại: dịch kinh, giảng kinh và tụng kinh. Kinh của Ngài dịch là những bộ kinh lớn quan trọng của Phật giáo Đại thừa, cương yếu lập tông của các Tông phái. Về giảng kinh thì phần đông chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư qua các trường lớp Phật học ngày trước đều thọ nhận sự giáo dưỡng của Ngài. Về tụng kinh thì Ngài dạy phải thuộc lòng kinh thì mới gọi là tụng kinh. Khi mới vào chùa, Ngài rất siêng năng tụng niệm. Ngoài các thời khóa quy định, Ngài còn tụng thêm ở thất riêng. Thích kinh nào là học thuộc lòng kinh đó và tụng niệm thường xuyên. Khi về Trường Phật Học Liên Hải, mỗi sáng sớm Ngài đều trì kinh *Pháp Hoa* trọn bộ, trì xong mới dùng sáng. Về sau, Ngài giữ thời khóa nhất định: mỗi ngày đều tụng kinh *Phổ Hiền*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Kim Cang*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A-di-đà* và cuối cùng là niệm Phật hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Bây giờ, sức yếu, Ngài chỉ tụng thầm. Tụng thầm mà vẫn thuộc thì sự nhiếp tâm rất cao.

Trước tấm gương vĩ đại đó, chúng con thật lầy làm hổ thẹn. Về ba phương diện trên, chúng con chưa có phần nào tương ứng. Nay Hòa thượng Tôn Sư tuổi hạc đã cao, sức khỏe mỗi ngày một yếu, thế mà chúng con chưa làm được gì để gọi là “tri ân báo ân” đối với sự nghiệp của Ngài.

Chúng con từng nghe:

Nhạn bay ngang trời

Bóng chìm đầm lạnh

Nhạn không có ý để lại dấu tích

Nước không có ý lưu giữ bóng hình.

Dù biết phù sinh hư ảo, vạn vật vô thường, song trước ân đức vô bờ của Hòa thượng Tôn Sư, chúng con cũng muốn lưu lại chút dư âm trong một đời tu học và hành đạo của Ngài, nhằm lợi lạc quần sanh. Thế nên, chúng con bèn họp đại chúng, cùng nhau thỉnh chư Tôn túc chỉ dạy để chúng con thực hiện bộ *Trí Tịnh Toàn Tập*, hầu ghi lại dấu ấn vàng son trong một đời hoằng hóa của Ngài, tuy muộn màng nhưng vẫn còn kịp lúc. Thâm nguyện Ngài từ bi trợ thế, gia trì trí lực cho chúng con để chúng con có thể sớm hoàn thành mỹ mãn công trình Phật sự quan trọng này. Rất mong, bộ *Toàn Tập* sẽ đem lại lợi ích lớn cho Phật giáo Việt Nam, cũng như cho Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước.

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho Hòa thượng Tôn Sư trụ thế dài lâu để chúng con còn nhờ ân giáo dưỡng và cũng mong ân Tam Bảo gia hộ cho chúng con được đầy đủ thắng duyên thực hiện hoàn mãn bộ *Toàn Tập* này, để tỏ lòng tri ân báo ân Hòa thượng Tôn Sư trước khi Ngài về Phật.

Chúng con xin tri ân chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa đã sách tấn, động viên, cố vấn, hướng dẫn chúng con trong quá trình thực hiện.

Chúng tôi cũng xin tri ân đến tất cả huynh đệ Tăng Ni, Phật tử trong Ban Biên tập đã dốc lòng, dốc sức làm việc để sớm hoàn chỉnh từng bộ, đưa vào in ấn.

Chúng tôi cũng không quên ghi nhận công đức của chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử đã cúng dường tịnh tài để chúng tôi đầy đủ phương tiện thực hiện công trình.

Xin nhất tâm tùy hỉ trước mọi tấm lòng hướng về việc làm đầy ý nghĩa này. Trong lúc thực hiện không tránh khỏi những sơ sót, kính mong chư Tôn đức khắp mười phương niệm tình chỉ dạy cho.

Chùa Vạn Đức, ngày 19/02 Tân Mão (28/03/2011)

TM. Ban Biên tập

Tỳ-kheo Thích Hoàng Tri

*

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

Hòa thượng pháp danh Thiện Chánh, tự Trí Tịnh, pháp hiệu Hân Tịnh, húy Nhựt Bình, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Hòa thượng: *thượng* Thiện *hạ* Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cẩm, Châu Đốc. Hòa thượng thế danh Nguyễn Văn Bình, sanh ngày 17 tháng 10 năm 1917 (02/09 Đinh Ty), tại xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp), là con út trong gia đình có sáu anh chị em.

Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chon chắt. Cụ ông qua đời lúc Hòa thượng mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Hòa thượng vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Hòa thượng ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đăng (nay đã qua đời). Hòa thượng có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư thì mất sớm.

Đến năm 10 tuổi, Hòa thượng mới vào học lớp năm (thời đó, lớp năm là lớp thấp nhất). Hòa thượng rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu. Ban đêm còn đọc truyện Tàu cho mọi người nghe. Một ngày nọ, nhân thấy người hàng xóm bắt chim đồng dộc đem về nhổ lông rồi nướng ăn. Nhìn sự đau đớn của con vật trước khi chết, trong lòng Hòa thượng xót thương vô cùng, từ đó bèn phát tâm ăn chay trường. Trong nhà có người hỏi thì chỉ trả lời là không ăn mặn được. Lúc chơi đùa với lũ trẻ cùng trang lứa trong xóm, thấy các bạn lấy dàn ná bắn chim thì Hòa thượng đuổi cho nó bay đi, dù cho chúng bạn có chê cười, trách mắng, cũng không bận lòng.

Năm 15 tuổi, Hòa thượng học đến lớp đệ thất, rồi sang học chữ Nho với người chú và học thuốc Bắc với người anh họ.

Hòa thượng thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục. Từ đây, Hòa thượng bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo, vì chủ thuyết của các tôn giáo kia có nhiều điểm Hòa thượng không thỏa mãn. Nhân duyên đọc được quyển *Tây Phương Trục Chi*, từ đó, Hòa thượng âm thầm tập niệm Phật, trì chú vãng sanh, gọi lòng mình về cõi Tây Phương Tịnh Độ. Mỗi ngày, Hòa thượng lấy quyển sách thuốc Bắc của người anh cầm trên tay, xem như đang đọc sách nhưng Hòa thượng đang âm thầm niệm Phật: hễ niệm đủ 100 câu Phật hiệu thì lật qua một trang. Ngài đến các chùa, đa số thấy quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, cúng bái, đi đám; trên bàn thờ thì tối om, thờ nhiều tượng, tượng nào cũng đội khăn đỏ trông phát sợ nên không có cảm tình lắm. Hòa thượng cho rằng, các vị cao tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có ý hoài vọng các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Hòa thượng thấy có một ông lão, bảo rằng: “Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước”. Ông còn bảo thêm: “Chùng nào cọp chết, rắn mới về non”. (Hòa thượng tuổi Tỵ).

Năm 1937, lúc Hòa thượng 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cọp con, đem về nuôi được chín, mười ngày thì nó chết. Ứng điềm chiêm bao, Hòa thượng liền thu xếp tìm đường xuất gia. Trước đó, tuy đã có ý định xuất thế cho sớm nhưng còn người chị thứ sáu chưa lập gia đình, nên không nỡ bỏ đi. Nay bà chị đã yên bề gia thất, Hòa thượng yên tâm ra đi, để lại cho các anh chị mỗi người một lá thư và một tấm hình.

Hòa thượng đi thẳng lên núi Cẩm, vì trước đã nghe có nhiều vị chân tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả giày dép. Hòa thượng nhảy từ tảng đá này

qua tảng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là ai. Và rồi nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh, là một ngôi chùa ở xa và cao nhất. Hòa thượng vào chùa xin xuất gia. Lúc đó, Hòa thượng Trụ trì không có ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bìa rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Tịnh độ mới vào dạy bảo tăng chúng ít lời. Hôm ấy là tối 14 tháng 02 Đinh Sửu, ngày sám hối giữa tháng. Sau giờ sám hối, chúng ra thưa, Hòa thượng Trụ trì vào. Hòa thượng Trụ trì nhìn sững Hòa thượng hồi lâu rồi mới nói với đại chúng: “Bay đừng khinh thường thằng này. Đời trước nó đã làm Hòa thượng, đời nay nó cũng làm Hòa thượng, nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đời này bị bệnh mất suốt đời”. Thế là hôm sau, Hòa thượng được thể phát vào ngày vía Phật nhập Niết-bàn.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng lãnh việc viết sớ điệp. Hòa thượng Trụ trì cho Ngài ở cái thất nhỏ trong vườn chùa. Ngoài các việc và thời khóa trong chùa, Hòa thượng còn ra thất tụng kinh và làm bốn phận hết sức cần mẫn. Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đời Hòa thượng Trụ trì phải cảnh cáo.

Nhân đọc được tạp chí *Từ Bi Âm*, Hòa thượng phát khởi ý nguyện học rộng Phật pháp. Cuối năm 1939, Hòa thượng xin phép Hòa thượng Trụ trì xuống núi về Sài Gòn để tìm học kinh luật.

Về đến Sài Gòn, Hòa thượng cùng thầy Thiện Phước ra núi Thị Vải tìm chỗ thích hợp để cất thất. Sau cùng, tìm được một điểm tương đối tốt gần chùa Tổ (nay là Linh Sơn Bửu Thiên). Trong chùa có cho mượn dụng cụ đốn cây và dẫn nước về. Thời gian đó chưa có ai ở nhiều, nên sơn lam chướng khí rất nặng. Vì thế, chẳng mấy hôm, Hòa thượng và thầy Thiện Phước đều bị bệnh sốt rét, lên cữ từng cơn. Thấy không kham nổi nên hai người đồng xuống chân núi. Thầy Thiện Phước thì tá túc nơi am của bà Năm, Hòa thượng thì tá túc nơi

hang đá của bà Bảy. Vài hôm sau, thầy Thiện Phước tịch. Hòa thượng bèn về Sài Gòn tá túc ở chùa Tịnh Độ, Gò Vấp. Chùa này do ông Tư Lành làm xếp ga xây dựng lên. Nhà ông ở phía trước, chùa xây phía sau, có thỉnh quý thầy để trụ trì. Hòa thượng đến bệnh viện Sài Gòn để điều trị, nhưng cũng chẳng thuyên giảm. Thấy vậy, Ngài tự nguyện với lòng: “Có chết như huynh Thiện Phước cũng chẳng sao”. Thế nên, không quan tâm đến việc trị bệnh nữa mà phát tâm biên chép kinh *Pháp Hoa*. Có một Phật tử biết tâm nguyện của Hòa thượng, giúp tìm mua giấy mực. Đến ngày 14 tháng 10 là biên chép xong. Đúng hôm ấy, trong khi gởi để đóng lại thành quyển, chưa đem về thì có ông Mười là bổn đạo trong chùa đến nói với Hòa thượng: “Tôi biết có ông thầy kia trị bệnh sốt rét hay lắm, để tôi đưa huynh đến đó xem sao!”.

Ông bèn lấy xe đạp chở Hòa thượng đến đó. Ông thầy thuốc không có nhà riêng, ở đậu nhà người ta mà làm thuốc. Sau khi hỏi bệnh trạng và giờ lên cũ, ông nói bệnh nặng lắm vì lên cũ khuya. Ông vào nhà sau, một lúc đem ra cục thuốc để trên miếng giấy, quan sát thì Hòa thượng biết có ớt và tỏi đâm chung. Ông bảo trước khi lên cũ nửa tiếng, lấy tay mặt với ra sau lưng, từ trên cổ lằn xuống hết ngón tay giữa chấm chỗ nào thì đó là huyết cao quan, lấy cục thuốc ịn vào đó (cục thuốc được để trên miếng giấy mỏng chừng 3 ngón tay), rồi cứ ngồi ngay ngắn chờ. Hòa thượng về làm y như vậy. Nửa tiếng sau khi ịn cục thuốc, cơn sốt rét bắt đầu kéo đến. Như mọi lần, nó bắt đầu từ xương khu quặt lên như con rắn bò, đến cục thuốc nó dừng lại và quặt vòng quanh đó dữ lắm rồi lại ngưng, làm như vậy ba lần rồi ngưng luôn. Từ đó căn bệnh sốt rét dứt hẳn.

Sau khi hết bệnh, Hòa thượng ở lại chùa đó một thời gian ngắn. Về sau, có người em gái họ đã xuất gia ghé thăm, pháp danh là Diệu Trí. Cô ấy có khoe với Hòa thượng là được học kinh này kinh nọ và khuyên Hòa thượng nên tìm học. Lúc bấy

giờ, chỉ có trường An Nam Phật Học mở ở chùa Báo Quốc tại Huế, trong tâm Hòa thượng khởi ý đi Huế từ đó.

Đầu năm 1940, Hòa thượng về lại Cái Tàu để xin giấy ra Huế học, nhưng chính quyền không cho, bảo Hòa thượng phải ở lại năm bảy tháng mới cấp giấy. Hòa thượng không chờ được nên lên Sài Gòn tìm cơ hội để đi, được một thí chủ là bà Ba Hộ (chủ đất chùa Vạn Đức) cúng dường 15 đồng làm lộ phí. Thật ra, đi tàu suốt đến Huế thì khỏe hơn, nhưng bấy giờ, Huế thuộc vùng bảo hộ của Pháp, còn miền Nam là thuộc địa, nên ra đó phải có giấy như xin Passport ra nước ngoài vậy. Vì thế, Hòa thượng phải đi từng chặng. Hòa thượng lên tàu đi Phan Thiết, đến nơi thì đã trưa, Hòa thượng kêu xe kéo đến chùa nào gần cũng được, vì thật sự cũng không biết chùa nào mà đến. Xe kéo Hòa thượng đến chùa Bình Quang, Hòa thượng vào chùa xin cơm. Chùa dọn cơm xong, lúc sắp ăn thì vị Ni trụ trì nói: “Huynh à! Chư tăng ở đây đi đường hay ăn cơm là phải mặc áo dài, sao huynh không mặc?”. Hòa thượng làm thinh, trong bụng thầm nghĩ: “Cũng muốn mặc lắm nhưng có đâu mà mặc”. Sau này vị Ni đó vẫn còn nhớ chuyện cũ, trong tâm tiếc rằng phải chi lúc ấy cúng dường cho Hòa thượng một hai cái áo dài nào có khó gì, lại còn gieo được phước lành cúng dường bước đầu cho một vị cao tăng sau này.

Sau khi ăn cơm xong, Hòa thượng lại tiếp tục ra bến xe để đi Bình Định, vì trước khi đi, Hòa thượng có đến tòa soạn báo *Từ Bi Âm*, gặp Hòa thượng Trụ trì chùa Liên Tôn ở Bình Định, lúc đó là Phó chủ bút, còn Hòa thượng Bích Liên làm chủ bút. Ra đến Bình Định, Hòa thượng tìm lại chùa Liên Tôn. Hôm đó, Hòa thượng Trụ trì còn ở Thành phố chưa về. Trong chùa, chỉ có một vị thầy trông coi gọi là thầy Khố. Ít hôm sau, Hòa thượng Trụ trì về, có cả cô Diệu Trí và có thị giả. Hòa thượng bèn xin tạm ở đây tu học. Hòa thượng Trụ trì nhờ Hòa thượng viết lại *Bát-nhã Tâm Kinh* mà Hòa thượng đã giảng và

in từng kỳ trong báo *Từ Bi Âm*, ghép lại thành tập để in ra phổ biến. Thời gian đó, Hòa thượng Trụ trì có giảng *Cảnh Sách Cứ Thích Ký*, chủ yếu là dạy cho cô thị giả, Hòa thượng và cô Diệu Trí cũng theo học. Cô Diệu Trí có nhờ ngoài Bắc thỉnh một số kinh chữ Hán, giúp đỡ cho Hòa thượng có tài liệu để học. Cô Diệu Trí đề nghị Hòa thượng nên ra Huế vào trường học tốt hơn. Thế nên, Hòa thượng ở đó được ba tháng thì tiếp tục lên đường ra Huế, còn cô Diệu Trí thì về lại Sài Gòn. Lúc đó là tháng 08 năm 1940.

Ra đến Huế, Hòa thượng cũng không biết đến chùa nào, mới nhờ mấy người kéo xe. Họ nói ở chùa Tây Thiên có quý thầy ở miền Nam ra. Hòa thượng nhờ họ kéo đến đó. Chùa Tây Thiên là chùa của Hòa thượng Giác Nhiên, vị tăng Thống thứ hai của GHPGVNTN. Ở đó, Hòa thượng gặp Hòa thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa. Hòa thượng Giác Tâm chùa Duyên Giác ở Bến Tre thì đã ra trường trước. Ở đây cũng có dạy kinh *Lãng-nghiêm*. Sau buổi học, thầy Giác Tâm bảo Hòa thượng đọc lại phần đã học. Hòa thượng đọc lại, giảng nghĩa rành rẽ. Thầy Giác Tâm thấy thế mới đề nghị Hòa thượng nên đến trường lớp, vấn đề liên hệ thầy Giác Tâm sẽ lo cho.

Hòa thượng được nhận vào học và được cấp học bổng, vì một thân một mình không ai bảo trợ. Khi Hòa thượng vào học thì lớp đó là năm thứ sáu của Tiểu học (Sơ cấp) còn vài tháng nữa là thi lên Trung học (Trung cấp). Các môn khác thì Hòa thượng học không khó lắm, chỉ có môn Duy Thức là mù tịt không biết gì. Lúc đó đang dạy *Duy Thức Dị Giản* sắp hết, Hòa thượng mới mượn tập xem lại từ đầu và dần dần hiểu ra. Sau khi hết quyển, cho làm bài kiểm tra với chủ đề là *Bát Thức Đồng Dị*. Bài đó, Hòa thượng được chấm chín điểm rưỡi, cao nhất lớp. Việc này đã làm xao động trong chúng. Hòa thượng được Hòa thượng Đốc Giáo để ý. Đến cuối năm, khi thi lên Trung cấp, học chúng lo ngại nếu Hòa thượng đứng

đầu thì mất thể diện những người học lâu. Sau khi thi viết, đến phần khảo hạch miệng. Bác sĩ Lê Đình Thám phụ trách môn này. Cách thi là lật quyển sách nhằm trang nào thì giải thích trang đó. Vì lật nhầm trang chưa học nên Hòa thượng giải thích chưa được trúng lắm. Giáo sư Lê Đình Thám cười và nói: “Chú này đến sau, mà sau này sẽ hữu dụng!”. Chung cuộc, Hòa thượng cũng được đứng hạng bảy.

Đầu năm 1941, Hòa thượng thọ giới Sa-di tại Huế với Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ chùa Quốc Ân - Huế, được ban pháp tự là Trí Tịnh.

Sau đó, Hòa thượng tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942. Đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An Nam Phật Học dời vào Tông Lâm Kim Sơn, Hòa thượng được Hội và Ban giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường. Kế đó, vì nạn đói ở Huế cũng như cả miền Bắc, nhà trường quyết định chuyển học tăng Sơ đẳng và Trung đẳng khoảng 40 vị vào Nam và giao toàn chúng cho Hòa thượng quản lý. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Chí Quang lo chỗ nơi, mục tiêu hướng đến là Lương Xuyên Phật Học. Vào đến Nam, đoàn học tăng tạm ở lại chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho do thầy Trí Long trụ trì. Thầy Trí Long cũng là một học tăng trong đoàn. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Chí Quang trở về Lương Xuyên lo sắp xếp, còn Hòa thượng về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất. Ngày 19 tháng 06 năm 1945, Hòa thượng được thọ Đại giới tại Đại giới đàn tổ chức tại chùa Long An, Sa Đéc, do Đại lão Hòa thượng chùa Kim Huê làm Hòa thượng đàn đầu.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 phát động, Lương Xuyên Phật Học bị phân tán. Hòa thượng Thiện Hoa về chùa Phật Quang ở Trà Ôn, Cần Thơ do Hòa thượng Thiện Tâm là anh ruột làm trụ trì, xây dựng tạm mái trường. Hòa thượng từ Sa Đéc về Phật Quang, cùng Hòa thượng Thiện Hoa tập hợp các

học tăng lập thành trường Phật Học Phật Quang, khai giảng vào cuối năm. Học tăng trường Phật Quang phần đông là học viên mới, còn nhóm cũ phần đông tự phân tán vì quốc biến.

Cuối năm 1946, tình hình địa phương không được ổn định. Hòa thượng dời một số học tăng về tạm ở chùa Vạn Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn. Sau đó, Hòa thượng cùng thầy Huyền Dung xây dựng thành trường Liên Hải Phật Học, quy tụ số học tăng khoảng 70 vị từ khắp các nơi về. Trong đó có Hòa thượng Đạt Từ ở chùa Thiên Tôn (Thủ Đức) đến giúp và giữ chức Giám trường, Hòa thượng Quảng Liên và Hòa thượng Quảng Huệ cũng về hợp tác. Tại đây, Hòa thượng đã tổ chức được một Đại giới đàn. Hòa thượng Quảng Liên cũng như Hòa thượng Bửu Huệ được thọ Đại giới tại đây.

Đến năm 1950, Hòa thượng có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở Linh Sơn Cổ Tự (Vũng Tàu), nên giao toàn trường cho Hòa thượng Thiện Hòa vừa ở Bắc về quản lý. Năm 1951, Hội chùa Linh Sơn thỉnh Hòa thượng làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý.

Năm 1952, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập ở Sài Gòn, Hòa thượng được mời giữ chức Trưởng Ban Giáo Dục và Trưởng Ban Giám Luật. Kế đó, Giáo Hội Tăng Già toàn quốc được thành lập, Hòa thượng được cử vào các chức vụ: Trưởng Ban Giáo Dục, Ủy viên Phiên dịch Tam tạng và Phó Trị Sự Trưởng. Vì có nhiều trọng trách trong Giáo hội nên tháng 04 năm 1954, Hòa thượng trao quyền trụ trì chùa Linh Sơn cho Thượng tọa Tịnh Viên, cho đến năm 1995 thì Thượng tọa Tịnh Viên viên tịch.

Với hoài bão truyền đăng tục diệm, hoàng dương chánh pháp, kiến tạo già lam, Hòa thượng được Phật tử cung thỉnh về ngôi nhà xưa không người thừa kế trên một vùng đất hoang vu vắng vẻ ít người đi lại, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Tâm Bình, quận Thủ Đức, phường Tam Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi đây, Hòa thượng khai sơn tạo dựng già lam, lấy tên là Vạn Đức. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Hòa thượng, tăng ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay, nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh độ, hướng dẫn chúng sanh đời mạt pháp, Hòa thượng thành lập Cục Lạc Liên Hữu, khuyến tấn người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ. Trong đó, Hòa thượng làm Liên trưởng, Hòa thượng Huệ Hưng làm Liên phó, thầy Tịnh Đức làm Thư ký. Cục Lạc Liên Hữu được Hòa thượng khai hóa đã khơi dậy phong trào tu tập, khuyến tấn hành giả tín hướng chỉ quy Tịnh Độ. Hòa thượng là vị Tổ Sư đương thời chấn hưng Tịnh tông trong tòa nhà Phật Giáo Việt Nam. Hòa thượng từng chỉ dạy: *“Sự nghiệp của người xuất gia chính là thiện căn công đức, tự mình giác ngộ và giác ngộ cho mọi người. Pháp môn niệm Phật rất đơn giản, dễ thực hành. Một câu A-di-đà Phật, mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể niệm, không trở ngại mọi ngành nghề, ai nấy đều có thể tu được, chỉ cần nhất tâm tinh tấn, Tín-Nguyện-Hạnh vững bền thì chắc chắn thành công”*.

Hòa thượng rất quán triệt Thánh điển, tinh tường y dược Đông phương, tăng ni, Phật tử Việt Nam thấm nhuần được kinh điển Đại thừa, phần lớn do công trình dịch thuật của Hòa thượng.

Dịch phẩm của Hòa thượng rất có giá trị. Hòa thượng quý chuộng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng, chơn chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng lưu thông, thâm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh.

Năm 1947, Hòa thượng dịch kinh *Pháp Hoa* ở trường Liên Hải Phật Học. Sau đó là kinh *Tam Bảo*, *Địa Tạng*, phẩm *Phổ Hiền*.

Năm 1951, do yêu cầu của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Hòa thượng chuyển dịch kinh *Phạm Võng* để tụng trong ngày Bồ-tát.

Năm 1952, trước tác bộ *Đường Về Cực Lạc* tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

Năm 1964, dịch kinh *Hoa Nghiêm* ở chùa Vạn Đức, rồi tiếp tục kinh *Đại Bát Niết-bàn*, *Đại Bát-nhã*.

Năm 1972, dịch *Đại Bửu Tích*, Hán bộ từ 01-120.

Năm 1978, được phép in nên dịch thêm hai tập, Hán bộ từ 121-150.

Rồi dịch *Văn-thù Vấn Bát-nhã*, Hán bộ từ 151-155; *Vô Tận Ý Bồ-tát*, Hán bộ từ 156-159; *Thập Lục Quán Kinh*, Hán bộ 160.

Tất cả ghép chung vào *Đại Bảo Tích* để tiện việc xin phép.

Năm 1962, Hòa thượng được bổ nhiệm làm Phó Viện Trưởng Phật Học Viện Trung Phần.

Năm 1964, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Hòa thượng làm Trưởng đoàn Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Việt Nam, được suy cử làm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự.

Năm 1973, làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1978, Hòa thượng được Hòa thượng Tăng Thống tấn phong giáo phẩm cùng ba vị: Hòa thượng Trí Nghiêm ở Nha Trang, Hòa thượng Giác Tánh ở chùa Nguyên Thiều, Bình Định và Hòa thượng Minh Tâm ở Phan Rang.

Huy hiệu bánh xe pháp luân 12 căm của GHPGVNTN là ý kiến của Hòa thượng (Tam chuyển pháp luân Tứ đế).

Năm 1981, GHPGVN thành lập, Hòa thượng được suy cử làm Phó Chủ Tịch Thường Trực.

Năm 1982, kiêm thêm Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội PG TP. HCM.

Năm 1984, Hòa thượng chính thức được suy cử làm Chủ Tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1987, kiêm thêm Trưởng Ban Tăng Sự, giao Trưởng Ban Trị Sự Thành Hội cho Hòa thượng Thiện Hào.

Năm 1992, kiêm thêm Đệ Nhất Phó Pháp Chủ, kiêm Giám Luật đến bây giờ.

Hòa thượng cả đời tận tụy vì Phật pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và phiên dịch kinh điển từ Hán tạng ra Việt văn làm chánh hạnh của đời mình. Hiện nay, tuy tuổi đã 95 (2011), nhưng tinh thần Hòa thượng vẫn sáng suốt, càng thêm dốc sức tu Tịnh nghiệp. Mỗi ngày, Hòa thượng thâm tụng thuộc lòng kinh *Phổ Hiền Hạnh Nguyên*, kinh *Kim Cang*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A-di-đà* và sau đó niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, lấy đó làm thường khóa, chưa từng bỏ sót. Hòa thượng luôn nhắc nhở tăng ni, Phật tử phải nhớ vô thường đề tiến tu, lấy sự ăn chay, phóng sanh làm nền tảng dưỡng tâm từ bi, siêng làm việc lành lợi ích rộng khắp cho mọi người, và nhất là luôn luôn niệm Phật, đọc tụng kinh điển Đại thừa để an định tâm mình, chế phục phiền não, lấy thế giới Cực Lạc làm chỗ trở về, bảo đảm thành tựu quả vị Phật. Vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Hòa thượng lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

Hòa thượng thật là một tấm gương sáng, một bậc chân tu sáng ngời đạo hạnh trong lòng tăng ni, Phật tử Việt Nam, là bậc thầy mẫu mực của Tịnh tông để các liên hữu cùng noi bước.

Sau ngày vía Bồ-tát Quán Thế Âm 19/02 năm Giáp Ngọ (2014), sức khỏe Hòa thượng yếu hẳn. Hàng đệ tử thỉnh Ngài nên đi bệnh viện, Hòa thượng không đồng ý. Đến ngày 24/02,

nhận thấy Ngài quá yếu nên quý Thầy đã đưa Hòa thượng đến bệnh viện Chợ Rẫy một cách miễn cưỡng.

Được sự quan tâm của Giáo hội và Nhà nước cũng như tập thể y bác sĩ đã tận tình chữa trị, nhưng đến sáng ngày 28/02 âm (28/03/2014), nhận thấy không khả quan, quý Thầy đã quyết định đưa Hòa thượng về chùa Vạn Đức. Lúc 09 giờ 15 phút, Hòa thượng đã an nhiên thị tịch trong tiếng niệm Phật vang rền của đại chúng. Hòa thượng hưởng thượng thọ 98, hạ lạp 69.

Sau đó, đại chúng đã luân phiên niệm Phật đến 17 giờ 15 phút mới dừng. Lúc ấy, nhục thân Hòa thượng vẫn mềm mại, sắc diện hồng hào, thanh thoi như đi vào giấc ngủ, và nóng ở đỉnh đầu. Trong bảy ngày tang lễ, chư tăng và Phật tử đã luân phiên niệm Phật suốt ngày đêm cho đến ngày di quan nhập tháp.

*



HT. Thích Trí Tịnh

*Giới, Định, Huệ thoát Ta-bà
Tín, Nguyện, Hạnh sanh Cực Lạc*



KINH TAM BẢO

KINH A DI ĐÀ⁽¹⁾

Hán dịch: **Đời Dao Tần, Ngài Tam Tạng**

Pháp sư Cưu Ma La Thập⁽²⁾

1. KỶ VIÊN ĐẠI HỘI⁽³⁾

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, đức Phật ở nơi vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ kheo câu hội đều là bậc đại A la hán mọi người đều quen biết, như là:

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Ma ha Ca Chiên Diên, Ma ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nâu Lô Đà... Những vị đại đệ tử như thế và hàng đại Bồ tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương

Tử, A Dật Đa Bồ tát, Càn Đà Ha Đề Bồ tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát... cùng với các vị đại Bồ tát như thế và với vô lượng chư Thiên như ông Thích Đề Hoàn Nhơn v.v... Đại chúng cùng đến dự hội⁽⁴⁾.

2. Y BẢO CHÁNH BẢO⁽⁵⁾

Bấy giờ đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng:

Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cự Lạc, trong thế giới đó có đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đang nói pháp.

3. Y BẢO TRANG NGHIÊM

Xá Lợi Phất! Cõi đó vì sao tên là Cự Lạc? Vì chúng sanh trong cõi đó không có bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên nước đó tên là Cự Lạc⁽⁶⁾.

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi Cự Lạc có bảy tầng bao lon, bảy tầng màn lưới, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn chất báu bao bọc giáp vòng, vì thế nên nước đó tên là Cự Lạc⁽⁷⁾.

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi Cự Lạc có ao bằng bảy chất báu, trong ao đầy đầy nước đủ tám công đức, đáy ao thuận dùng cát vàng trải làm đất. Vàng, bạc, lưu ly, pha lê hiệp thành những thềm đường ở bốn bên ao; trên thềm đường có lầu gác cũng đều nghiêm sức bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe: hoa sắc xanh thì ánh sáng xanh, sắc vàng thì ánh sáng vàng, sắc đỏ thì ánh sáng đỏ, sắc trắng thì ánh sáng trắng, màu nhiệm thơm tho trong sạch⁽⁸⁾.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cự Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi nước của đức Phật đó, thường trời nhạc trời, đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời rưới hoa

trời Mạn đà la. Chúng sanh trong cõi đó thường vào lúc sáng sớm, đều lấy đũa hoa đựng những hoa tốt đem cúng dường mười muôn ức đức Phật ở phương khác, đến giờ ăn liền trở về bồn quốc ăn cơm xong đi kinh hành⁽⁹⁾.

Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Lại nữa, Xá Lợi Phát! Cõi đó thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp lạ thường, nào chim Bạch hạc, Không tước, Anh vũ, Xá lợi, Ca lãng tần già, Cộng mạng... những giống chim đó ngày đêm sáu thời kêu tiếng hòa nhã. Tiếng chim đó diễn nói những pháp như: ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ đề phần, bát Thánh đạo phần v.v... Chúng sanh trong cõi đó nghe tiếng chim xong thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng!

Xá Lợi Phát! Ông chớ cho rằng những giống chim đó thật là do tội báo sanh ra. Vì sao? Vì cõi của đức Phật đó không có ba đường dữ. Xá Lợi Phát! Cõi của đức Phật đó tên đường dữ còn không có huống gì lại có sự thật. Những giống chim đó là do đức Phật A Di Đà muốn làm cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa làm ra đấy thôi⁽¹⁰⁾.

Xá Lợi Phát! Trong cõi nước của đức Phật đó, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và động các màn lưới báu, làm vang ra tiếng vi diệu, thí như trăm nghìn thứ nhạc đồng một lúc hòa chung. Người nào nghe tiếng đó tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phát! Cõi nước của đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

4. CHÁNH BÁO VÔ LƯỢNG THÙ THẮNG

Xá Lợi Phát! Nơi ý ông nghĩ sao? Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà?

Xá Lợi Phát! Đức Phật đó, hào quang sáng chói vô lượng, soi suốt các cõi nước trong mười phương không bị chướng ngại vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Xá Lợi Phát! Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nên hiệu là A Di Đà⁽¹¹⁾.

Xá Lợi Phát! Đức Phật A Di Đà thành Phật nhãn lại đến nay, đã được mười kiếp.

Xá Lợi Phát! Lại đức Phật đó có vô lượng vô biên Thanh văn đệ tử đều là bậc A la hán, chẳng phải tính đếm mà có thể biết được, hàng Bồ tát chúng cũng đông như thế.

Xá Lợi Phát! Cõi nước của đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Xá Lợi Phát! Lại trong cõi Cực Lạc, những chúng sanh vãng sanh vào đó đều là bậc Bất thối chuyển. Trong đó có rất nhiều vị bậc Nhứt sanh bất tử, số đó rất đông, chẳng phải tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a tăng kỳ để nói thôi!

Xá Lợi Phát! Chúng sanh nào nghe những điều trên đây, nên phải phát nguyện cầu sanh về nước đó. Vì sao? Vì đồng cùng với các bậc thượng thiện như thế câu hội một chỗ⁽¹²⁾.

5. NHƠN HẠNH VÃNG SANH

Xá Lợi Phát! Chẳng có thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi đó.

Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào nghe nói đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của đức Phật đó, hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không tạp loạn. Thì người đó đến lúc lâm chung đức

Phật A Di Đà cùng hàng Thánh chúng hiện thân ở trước người đó. Người đó lúc chết tâm thần không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà⁽¹³⁾.

Xá Lợi Phất! Ta thấy có sự lợi ích ấy nên nói những lời như thế. Nếu có chúng sanh nào, nghe những lời trên đây, nên phải phát nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc.

6. SÁU PHƯƠNG PHẬT ĐỒNG KHUYÊN TIN

Xá Lợi Phất! Như Ta hôm nay ngợi khen công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà. Phương Đông cũng có đức A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật... hằng hà sa số những đức Phật như thế đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên mà nói lời thành thật rằng: *Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.*

Xá Lợi Phất! Thế giới phương Nam, có đức Nhựt Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật... hằng hà sa số những đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên mà nói lời thành thật rằng: *Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.*

Xá Lợi Phất! Thế giới phương Tây, có đức Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bửu Tướng Phật, Tịnh Quang Phật... hằng hà sa số những đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên mà nói lời thành thật rằng: *Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.*

Xá Lợi Phát! Thế giới phương Bắc, có đức Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhứt Sanh Phật, Vãng Minh Phật... hằng hà sa số những đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên mà nói lời thành thật rằng: *Chúng sanh các ngươi phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.*

Xá Lợi Phát! Thế giới phương Dưới, có đức Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật... hằng hà sa số những đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên mà nói lời thành thật rằng: *Chúng sanh các ngươi phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này.*

Xá Lợi Phát! Thế giới phương Trên, có đức Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Táp Sắc Bửu Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bửu Hoa Đức Phật, Kiến Nhứt Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật.. hằng hà sa số những đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên Đại thiên mà nói lời thành thật rằng: *Chúng sanh các ngươi phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này*⁽¹⁴⁾.

Xá Lợi Phát! Nơi ý của ông nghĩ thế nào, vì sao tên là Kinh Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm?

Xá Lợi Phát! Vì nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào nghe kinh này mà thọ trì đó và nghe danh hiệu của các đức Phật, thì những thiện nam tử cùng thiện nữ nhơn ấy đều được tất cả các đức Phật hộ niệm, đều được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá Lợi Phất! Cho nên các ông đều phải tin nhận lời của Ta và của các đức Phật nói.

Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, hiện nay phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi nước của đức Phật A Di Đà, thì những người ấy đều được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nơi cõi nước kia, hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay sanh về, hoặc sẽ sanh về.

Xá Lợi Phất! Cho nên các thiện nam tử, thiện nữ nơn nếu người nào có lòng tin thì phải nên phát nguyện sanh về cõi nước kia.

7. THUYẾT KINH RẤT KHÓ

Xá Lợi Phất! Như Ta hôm nay ngợi khen công đức chẳng thể nghĩ bàn của các đức Phật, các đức Phật đó cũng ngợi khen công đức chẳng thể nghĩ bàn của Ta mà nói lời này:

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật hay làm được việc rất khó khăn hy hữu, có thể ở trong cõi ta bà đời ác năm món trước: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, mà Ngài chứng được ngôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ngài vì các chúng sanh nói kinh pháp mà tất cả thế gian khó tin này.

Xá Lợi Phất! Phải biết rằng Ta ở trong đời ác ngũ trước thực hành việc khó này: được thành bực Vô thượng Chánh giác và vì tất cả thế gian nói kinh pháp khó tin này, đó là rất khó⁽¹⁵⁾!

Đức Phật nói kinh này rồi, ngài Xá Lợi Phất cùng các vị Tỳ kheo, tất cả trong đời: trời, người, A tu la v.v... nghe lời của đức Phật dạy, đều vui mừng tin nhận đánh lễ Phật mà lui ra.

■ THÍCH NGHĨA KINH A DI ĐÀ

[1] Trong kinh này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuật nói chánh báo và y báo thù thắng trang nghiêm của đức A Di Đà Phật.

[2] Triều Tần (Tàu), Dao Hưng chiếm một phần đất xung vương, quốc hiệu là Tần nên gọi là Dao Tần.

Bậc thông hiểu tam tạng: kinh, luật và luận, có thể giảng nói để dạy mọi người nên gọi là Tam tạng Pháp sư.

Ngài Cưu Ma La Thập người xứ Thiên Trúc, qua Tàu làm một nhà dịch kinh chữ Phạn ra chữ Tàu có danh tiếng nhất.

[3] Ông Cấp Cô Độc Trưởng giả mua khu vườn của ông Kỳ Đà Thái tử, con vua Ba Tư Nặc, nước Xá Vệ. Thái tử cúng luôn rừng cây trong đó, rồi hai người chung sức nhau dựng Tinh xá để thỉnh Phật cùng chúng hội về ở. Do đó nên hiệp cả hai tên của hai người để đặt tên chôn ấy mà gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên vậy.

Đệ tử của đức Phật rất đông, không phải chỉ có 1.250 người, nhưng vì 1.250 vị đại A la hán này là những vị được Phật độ trước và theo hầu cận bên Phật luôn, nên trong kinh thường ước lược nói số đó.

[4] A Dật Đa là tên của đức Di Lặc Bồ tát.

Càn Đà Ha Đề Bồ tát là ngài Bất Hưu Tức Bồ tát.

Thích Đề Hoàn Nhân là tên của Đế Thích, vua cõi trời Đạo Lợi.

[5] Y báo là chỗ nương ở, nhà cửa, ao vườn v.v... gọi chung là cõi nước, trong đây y báo là nước Cực Lạc.

Chánh báo là quả báo chánh thể, tức là loài người, trời, chim thú v.v... trong đây chánh báo là đức Phật A Di Đà cùng Bồ tát, Thanh văn v.v...

[6] Cõi nước ta đương ở đây gọi là ta bà có không biết bao nhiêu điều khổ lụy, nào tam khổ, bát khổ v.v... Trái lại, bên cõi Cực Lạc chỉ thuần có những điều vui sướng, nào tam lạc, bát lạc v.v...

KHỔ Ở CÕI TA BÀ

TAM KHỔ:

1. Khổ khổ: mang thân sắc người nặng nề, như uế, sống nay chết mai này đã khổ lắm rồi, mà trên cái khổ đó lại còn chồng thêm không biết bao nhiêu là sự khổ khác nữa, như già, bệnh, đói khát, nóng rét v.v...

2. Hoại khổ: vô thường biến đổi, thân mạng như chỉ mảnh, tang thương xoay chuyển, như sương đầu cỏ, như móc buôi mai.

3. Hành khổ: trong mỗi niệm, tâm tưởng, thiên chuyển luôn không dừng...

BÁT KHỔ:

1. Sanh khổ: ở thai bào tối tăm như uế, lọt lòng đau khổ trăm bề...

2. Lão khổ: lụm cụm già nua, mắt mờ tai điếc, trí lãng, thần hôn, lưng mỏi, gối dùn, mặt nhăn đầu bạc...

3. Bệnh khổ: đau rên bút rút, nhức nhối xót xa, ngồi nằm không yên, đi đứng không ổn...

4. Tử khổ: ngộp mệt không ngăn, lộn tròng, méo miệng, chuyển xương, gân rút...

5. Cầu bất đắc khổ: lợi danh không toại, muốn phước trở mang họa, cầu thọ mà yếu vong...

6. Ái biệt ly khổ: cốt nhục phân tán, sanh biệt tử ly...

7. Oán tăng tội khổ: oan gia đối đầu, cừ thù gặp gỡ.

8. Ngũ âm xí thanh khô: thân tâm đời đời biến diệt, phút phút chẳng dừng, như ngọn lửa phừng không khác...

VUI Ở CỰC LẠC

TAM LẠC:

1. Lạc trung lạc: thân cùng độ đều thù thắng, thân nhẹ, cõi xinh, ấm no, khương kiện...

2. Bất biến hoại lạc: thân mạng trường tồn, cõi nước không thiêu diệt...

3. Bất động trí lạc: định huệ dung thông, chánh trí bất động...

BÁT LẠC:

1. Sanh lạc: thác chất liên hoa, thanh tịnh hóa sanh...

2. Vô lão lạc: mãi mãi trẻ trung, không già không yếu...

3. Vô bệnh lạc: hăng hăng khương kiện, không bệnh, không đau...

4. Vô tử lạc: thọ mạng vô cùng, trường sanh bất diệt...

5. Toại nguyện lạc: tùy ý quả toại, y thực tự nhiên...

6. Vô ái biệt ly lạc: bạn lành hải chúng, thân cận không rời...

7. Vô oán tắng hội lạc: thuần là thượng thiện nhơn, đồng tâm xướng ý...

8. Vô ngũ âm thanh lạc: thân tâm thanh tịnh, thường trụ không đời...

Không đâu khổ bằng ta bà, không đâu vui bằng Cực Lạc, vì thế mọi người nên nhàm lìa chốn ta bà mà nguyện về chốn Cực Lạc!

[7] Bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trong đây nói bốn báu mà chính là gồm bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ,

xích châu, và mã não. Trong *Quán Kinh* nói: hoặc có thứ cây thuần bằng vàng, hoặc có thứ cây thuần bằng bạc v.v... hoặc có thứ cây thân vàng, lá bạc, nhánh lưu ly v.v...

Dầu bằng chất thất bửu chớ vẫn là cây sống, cũng như cây bên này bằng chất gỗ.

[8] Trong đây nói đất (địa) đó là chỉ thuần theo tiếng này mà gọi thế, chớ chính thật cõi Cực Lạc thuần bằng chất vàng... Tuyệt không có thứ đất bùn cát sỏi.

Tám công đức của nước trong ao bên Cực Lạc:

1. Trong sạch
2. Nhẹ nhàng
3. Mát mẻ
4. Ngon ngọt
5. Đượm thuần
6. Êm đềm hòa hoãn
7. Uống vào hết đói khát
8. Bỏ khỏe thân tâm.

[9] Người trong nước Cực Lạc đều có thân tức thông, trong nháy mắt có thể đi trải qua vô lượng thế giới.

Đi kinh hành là đi vòng quanh chậm rãi, vừa đi vừa suy gẫm tưởng niệm những pháp lành: Phật, Pháp và Tăng v.v... Đi kinh hành có hai điều lợi ích:

1. Thâu nhiếp tâm tưởng vào chánh niệm, phục trừ tà niệm loạn tưởng cùng biếng lười ngủ nghỉ.
2. Điều hoà thân thể, huyết khí lưu thông, tiêu hóa dễ dàng.

[10] Tín, tấn, niệm, định, huệ: người tu hành có năm đức này thì vững chắc trên đường đạo như cây có rễ nên gọi là ngũ căn (cội rễ).

Nếu tất cả cảnh duyên không thể khuấy rối làm lay động được, thời năm đức trên gọi là ngũ lực (sức mạnh).

Thất Bồ đề Phần cũng gọi là thất giác chi (7 đức giác ngộ) là: Trạch pháp, Niệm, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả.

Bát thánh đạo phần là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Ở trong cõi ta bà này, những loài chim nhiếp thuộc vào súc sanh đạo, một ác đạo trong lục đạo, do ác nghiệp tội khiên mà chiêu cảm ra khổ báo ấy. Chim bên Cực Lạc thời khác hẳn, không phải là giống vật do tội báo cảm vờ sanh ra, mà do thần lực của đức A Di Đà biến hóa ra để làm cho pháp âm được lưu chuyển khắp trong nước.

[11] Đoạn này là đức Phật Thích Ca tự định danh nghĩa của ba tiếng A Di Đà, vì có hai điều vô lượng: 1) Vô lượng quang, 2) Vô lượng thọ, nên đức Phật bên nước Cực Lạc hiệu là A Di Đà.

[12] A bệ bạt trí (Phạm âm) Hán dịch là bất thối chuyển, vào bậc này thời một mực đi trên đường thánh, thẳng đến thành Phật, không còn bị thối sụt xuống phàm phu hay tiểu thừa nữa. Tất cả mọi người được sanh về cõi Cực Lạc đều vào bậc bất thối cả, trong hàng bất thối lại có vô số bậc Nhứt sanh bồ xứ Bồ tát (vì Bồ tát chỉ còn là Bồ tát trong một đời hiện tại, mãn đời hiện tại thời thành Phật, như hiện nay đức Di Lạc Bồ tát ở cung trời Đâu Suất nội viện là bậc Nhứt sanh bồ xứ Bồ tát vậy).

Các bậc thượng thiện hơn là chỉ các bậc Nhứt sanh bồ xứ Bồ tát.

[13] Cõi Cực Lạc rất thù thắng trang nghiêm, phải có nhiều căn lành phước đức mới được sanh về đó. Niệm Phật được nhất tâm bất loạn thời là thành tựu căn lành phước đức

rất lớn, đến khi lâm chung đức Phật A Di Đà cùng Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát..v.v.. phóng quang đến rước, quyết định đặng sanh cõi Cực Lạc.

- Niệm Phật không còn có móng tướng gì khác, không có mảy may thính sắc gì khác xen vào, vững vàng không xao động gọi là nhứt tâm bất loạn.

[14] Người tu Tịnh độ phải có đủ ba điều: Tín (tin thật), Hạnh (chuyên tâm niệm Phật..v.v...) Nguyện (thiết tha muốn được sanh về cõi Cực Lạc) Trong ba điều này, lòng tin đứng trước cả mà cũng là nền tảng của tất cả căn lành vì thế nên chư Phật ở sáu phương đồng khuyến bảo, cho mọi người sanh lòng tin chắc chắn quyết định.

- Hằng hà sa số: là số cát sông Hằng. Sông Hằng là con sông lớn bên Thiên Trúc, nguồn từ dãy núi Hy Mã, chảy ngang xứ Thiên Trúc, đổ vào Ấn Độ Dương. Lòng sông và hai bên bãi có cát rất nhiều và rất mịn. Đương thời đức Phật thường nói pháp gần bên sông, nên phàm khi muốn chỉ một số lớn quá nhiều thời mượn số cát trong sông Hằng mà nói.

- Tướng lưỡi rộng dài biểu tượng của sự thành thật. Trong kinh nói người nào chót lưỡi liếm đến đầu mũi, thời người ấy trong ba đời đã qua không hề có một lời nói dối. Lưỡi dài liếm đến đầu mũi còn như thế, huống nữa là rộng dài trùm khắp cả thế giới?

- Một thái dương hệ là một tiểu thế giới. Một nghìn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới. Một nghìn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một nghìn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Trải qua ba lần nhân cho số nghìn, nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới (1 tiểu thế giới x 1.000 x 1.000 x 1.000 = 1 đại thiên thế giới).

Đại thiên thế giới của ta ở đây tên là ta bà (Phạm âm) dịch là Kham nhẫn ngụ ý rằng trong cõi này có vô lượng sự thống khổ, mà chúng sanh trong đó vẫn kham chịu được.

[15] Ngũ trược:

1. Kiếp trược: Kiếp là chỉ cho thời đại, thời gian. Trong thời đại nào mà có các món trược dưới đây thời là thời đại đục nhơ.

2. Kiến trược: Những điều mê chấp, tà kiến, điên đảo v.v...

3. Phiền não trược: Các tâm niệm bất thiện như tham, sân, si, mạn bất tín v.v...

4. Chúng sanh trược: Năm ấm (sắc, thọ,...) hiệp hội sanh diệt chẳng dừng.

5. Mạng trược: Số thọ rất ngắn, sống nay chết mai, mạng sống trong chùng hơi thở v.v...

Năm món trên đây tánh cách nhiều ão, sai lầm, thiên biến vô thường nên đều gọi là trược (nhơ đục).

*

■ PHỤ LỤC

VÀI TÍCH VÃNG SANH CÓ CHỨNG NGHIỆM

Những sự tích của các vị tu Tịnh độ được vãng sanh mà chúng ta được đọc đến, hầu hết là trích dịch ở sách Tàu mà những vị được vãng sanh kia là người Tàu. Người nước ta tu Tịnh độ, từ xưa đến nay há lại không có người được vãng sanh ư? Nếu có, sao không thấy sách nào ghi đến? Có vãng sanh cùng chép vào sách là hai chuyện. Từ xưa đến nay người nước ta tu Tịnh độ được vãng sanh rất nhiều, nhưng vì thiếu sót sự ký lục, thiếu sự lưu truyền, nên dầu có nhiều mà ít người được biết, có biết cũng chỉ riêng nơi nhóm người được mục kích, nhưng rồi nó cũng theo thời gian mà phai lặn.

Nhưng chính tôi cũng từng nghe biết nhiều người tu Tịnh độ khi lâm chung có chứng nghiệm chắc chắn được vãng sanh nhưng vì không ghi chép, không thường lập lại trong trí, nên nay thấy sự khuyết điểm như vừa nói ở trên, muốn tường thuật lại thời đã quên lãng gần hết, hoặc nhớ người mà quên tên họ, năm tháng v.v... Ghi chép mà không rành rẽ tên họ chỗ nơi, thời làm thế nào mà thủ tín được!

Vài sự tích chép dưới đây may chăng nó có thể làm tiền phong bổ cứu điều khuyết điểm trên, mà từ đây về sau, lần lượt mọi người được đọc những trang tiểu sử vãng sanh có chứng nghiệm của các nhà đạo tâm vì mục đích vị tha tường thuật, để thật nghiệm lời Phật đã dạy và nẩy nở tín tâm của mình.

Ngày 10-10 Mậu Tý (1948 DL).

*

NÁN LẠI MỘT NGÀY

Bà Nguyễn thị Danh pháp danh Đạt Nhiên, người làng Thanh Hà hạt Chợ lớn, gần 60 tuổi mới phát tâm cầu đạo thọ pháp với Sư cụ chùa Tôn Thạnh chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Đến năm Ất Dậu 1945 DL (năm bà 68 tuổi), bà nhuốm bệnh. Biết trước giờ vãng sanh, ngày 7 tháng 4, bà sai người đến chùa Tôn Thạnh thỉnh Sư cụ Liễu Toàn rằng:

Ngày mùng 8 tháng 4 này, bà theo Phật, xin thỉnh Sư cụ đến ngày đó xuống nhà để bà từ tạ.

Nhưng vì ngày mùng 8 tháng 4 là ngày lễ Đản sanh của Đức Phật Thích Ca, Sư cụ mắc ở lại chùa hành lễ, nên thành ra sáng mùng 9, Sư cụ mới xuống đến. Thấy Sư cụ bà mừng rỡ mà bạch rằng:

Từ hôm qua tới nay, tôi trông thầy lắm. Trước khi về Phật, tôi muốn gặp thầy để tạ từ. Đáng lẽ tôi đã đi hồi trưa hôm qua song vì chờ thầy nên tôi phải nán lại tới hôm nay. Bây giờ tôi sắp đi, xin nhờ thầy hộ cho một biến kinh.

Sư cụ cùng vài người đệ tử lên trước bàn Phật tụng kinh *A Di Đà*, vừa xong quyển, thời bà ngồi chấp tay niệm Phật mà quy Tây. Bà có hai người con trai đều xuất gia, hiện đương coi chùa Linh Phong tại làng Tân Hiệp, tỉnh Mỹ Tho.

*

Ý NGUYỆN VÃNG SANH

Bà Trần Thị Lai, người ở làng Tân Kim, hạt Chợ Lớn, năm 45 tuổi phát tâm tu hành. Có lời nguyện rằng:

Tôi quyết chí tu hành, xin Phật cho tôi được vãng sanh vào ngày vía Đức A Di Đà Phật (17 tháng 11).

Quả nhiên, đến ngày 17 tháng 11 năm Đinh Hợi (1947 D.L), bà niệm Phật mà từ trần.

Con cháu của bà đều xuất gia, hiện nay đang tu tại chùa Pháp Tánh (làng Tân Kim, Chợ Lớn).

*

BIẾT TRƯỚC NGÀY GIỜ VÃNG SANH

Ông Hồ Văn Định, người làng Long An (Chợ Lớn), năm 42 tuổi phát tâm mộ đạo, chuyên ròng niệm Phật tụng kinh.

Đến năm Mậu Tý (1948 D.L) ngày mùng 3 tháng 9, ông nói trước vợ con rằng:

Đến giờ Thân, thời tôi về Phật.

Thật giờ Thân, ông chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Ba tích vãng sanh trên đây là của Sư cụ Liễu Toàn (Hòa thượng chùa Tôn Thạnh ở Cần Giuộc) tường thuật. Sư cụ tự nói rằng những người tu Tịnh độ lúc lâm chung có thật nghiệm là được vãng sanh. Sư cụ tường thuật đây, đều là tận mắt Sư cụ mục kích trong khi Sư cụ đến hộ niệm. Ngoài ra Sư cụ còn thuật thêm 7 người nữa, như ông Nguyễn Văn Xá (làng Quy Đức) niệm Phật chờ mây trắng đến mà từ trần. Cô Nguyễn Thị Sao (làng Mỹ Lệ) trước giờ lâm chung thấy ba lần móng bạc xẹt ngang mình từ đông sang tây v.v...

Ôi! Sanh không biết từ đâu đến, chết không biết rồi sẽ về đâu, hãi hùng kinh sợ, giật mình lảo lộn, mắt trợn ngược, miệng kéo xéch, ngột hơi cứng lưỡi, chơn rút, tay vinh v.v... kẻ sao cho hết cảnh trạng thống khổ trong khi sắp chết của một phần đông trong số người cả đời không biết gì là điều lành, là đạo đức.

Muốn “tử an” há lại dễ được lắm ư! Câu tử khổ từ xưa đức Phật đã từng răn nhắc! muốn khỏi “tử khổ” phải làm thế nào?

Kinh nói:

Khi con người sắp chết, thời tất cả cảnh tượng của những điều ác hay lành trọn trong đời của người đó gây tạo đều tuần tự phô diễn lại trong trí của người đó. Nếu cảnh dữ thời sẽ chết một cách đau khổ, sợ sệt. Còn cảnh lành thời đi một cách yên vui vững vàng.

Biết trước ngày giờ mình sẽ từ giã thân ô trược này, khi đi thong dong tự tại, là những điều dành riêng cho những người hành đạo chơn chánh và đã đắc lực, mà dễ được nhưt là người tu về PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ (niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc).

Ngày thường đã tu Tịnh độ thời là đã vun trồng chánh nhơn Tịnh độ. Nhơn thành thời kết quả. Trong kinh đức Phật có dạy:

Nầy Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, hiện phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà... nơi cõi nước kia hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay sanh về, hoặc sẽ sanh về.

Lời của đức Phật, đấng Thiên Nhơn Sư, phán ra quyết định là đúng thật, đó là điều mà từ xưa đến nay, người có chánh tín, không ai là không công nhận PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ (niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc) là pháp môn vừa thù thắng nhất vừa giản tiện nhất đó là lời các vị Tổ sư thường nói.

Thù thắng nhất, vì người tu Tịnh độ mau chứng bậc “bất thối”, mau “thành Phật”. Cho đến ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền là bậc Pháp vương tử mà còn nguyện sanh thay!

Giản tiện nhất, vì mọi người, bất luận là trí, ngu, nam, nữ, đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu.

Xem như nguyện của Bà Danh v.v... đến già mới phát tâm. Thời gian tu hành không bao lâu, mà đều có phần tự tại an vui khi lâm chung: người thời ngừng sự chết lại, người thời y như chỗ mình nguyện cầu, người biết rõ giờ khắc... Những sự tự tại an vui khi lâm chung của người tu Tịnh độ là thoại ứng được vãng sanh về cõi Tây phương Cực Lạc vậy.

Người tu Tịnh độ được như thế là do nhờ sức đại nguyện của đức Phật A Di Đà nhiếp thọ.

Trong kinh “Vô Lượng Thọ Phật”, đức A Di Đà khi tu hạnh Bồ tát có phát 48 điều đại nguyện để nhiếp sanh. Ngài đã thực hành đầy đủ 48 điều đó, và hiện tại cũng như vị lai Ngài vẫn dùng 48 điều đại nguyện đó bủa khắp pháp giới để tiếp độ muôn loài.

48 LỜI ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

1. Giả sử khi Ta được thành Phật, trong cõi nước của Ta còn có địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

2. Giả sử khi Ta được thành Phật, mà hàng trời, người trong nước Ta sau khi mạng chung còn phải đọa vào ba ác đạo, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

3. Giả sử khi Ta được thành Phật, tất cả thân thể của hàng trời, người trong nước Ta chẳng thuần sắc vàng ròng cả, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

4. Giả sử khi Ta được thành Phật, hình sắc của hàng trời, người trong nước Ta có tốt xấu không đồng nhau, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

5. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng biết túc mạng, ít nhất là biết những việc trong trăm nghìn ức vô số kiếp, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

6. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng được Thiên nhãn, ít nhất là thấy trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

7. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng được Thiên nhĩ, ít nhất là nghe lời thuyết pháp của trăm nghìn ức vô số đức Phật mà chẳng thọ trì trọn vẹn được, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

8. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng được tha tâm trí, ít nhất là rõ biết tâm niệm của chúng sanh trong nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

9. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng được thần túc thông trong khoảng một niệm, ít nhất chẳng vượt qua được trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

10. Giả sử khi Ta được thành Phật, nếu hàng trời, người trong nước Ta còn sanh lòng tham chấp nơi thân mình, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

11. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng trụ trong dòng chánh định mãi đến lúc thành Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

12. Giả sử khi Ta được thành Phật, ánh sáng của Ta còn có hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

13. Giả sử khi Ta được thành Phật, thọ mạng của Ta còn có hạn lượng, ít nhất là trăm nghìn ức vô số kiếp, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

14. Giả sử khi Ta được thành Phật, có người tính đếm biết được số của hàng Thanh văn trong nước Ta, hoặc giả hẳn đến tất cả chúng sanh trong cõi Tam thiên Đại thiên đều thành bậc Duyên giác, cùng nhau đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp mà biết được số Thanh văn đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

15. Giả sử khi Ta được thành Phật, thọ mạng của hàng trời, người trong nước Ta không có hạn lượng, trừ khi họ có bốn nguyện riêng, dài ngắn tự tại theo ý muốn. Nếu không được vậy, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

16. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta hẳn đến nghe có tên bất thiện, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

17. Giả sử khi Ta được thành Phật, các đức Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương không đều ngợi khen xưng danh hiệu của Ta, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

18. Giả sử khi Ta được thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tín nhạo muốn sanh về nước của Ta, nhĩn đến trong mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác; chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch và chê bai chánh pháp.

19. Giả sử khi Ta được thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sanh về nước của Ta, đến lúc người đó mạng chung, nếu Ta chẳng cùng với đại chúng vây quanh hiện ra nơi trước người đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

20. Giả sử khi Ta được thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của Ta, đề tâm nơi nước của Ta vun trồng cội công đức, chí tâm hồi hướng muốn sanh về nước của Ta, nếu không được quả toại, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

21. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng đều thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng đại nhơn, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

22. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Bồ tát ở Phật độ phương khác sanh về nước Ta rớt rảo chắc đến bậc Nhứt sanh bất tử, trừ những vị có bốn nguyện muốn tự tại hóa độ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoàng thế, chứa nhóm cội công đức, độ thoát mọi loài, đi qua cõi nước của chư Phật tu hạnh Bồ tát, cúng dường các đức Phật Như Lai ở mười phương, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sanh làm cho trụ vào đạo Vô thượng chánh chơn, vượt ngoài hạnh tu tuần thứ theo địa vị của hạng tầm thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền, nếu chẳng được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

23. Giả sử khi Ta được thành Phật, Bồ tát trong nước Ta nương thân lực của Phật mà đi cúng dường các đức Như Lai, chùng trong khoảng một bữa ăn mà chẳng có thể đến khắp vô số vô lượng ức na do tha cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

24. Giả sử khi Ta được thành Phật, Bồ tát trong nước Ta ở trước chư Phật hiện cội công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường chư Phật nếu chẳng có đúng như ý muốn đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

25. Giả sử khi Ta được thành Phật, Bồ tát trong nước Ta không thể diễn nói Như thuyết trí, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

26. Giả sử khi Ta được thành Phật, Bồ tát trong nước Ta không được thân kim cang bền chắc, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

27. Giả sử khi Ta được thành Phật, trong nước Ta, những hàng trời, người, tất cả muôn vật đều đẹp đẽ, trong sạch, sáng rõ, hình sắc lạ thường, rất nhiệm, rất màu, không ai có thể cân lường được. Những chúng sanh kia hẳn đến người được Thiên nhãn mà có thể biện biết rõ ràng danh số của những vật trên đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

28. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng Bồ tát trong nước Ta, hẳn đến những vị công đức kém ít mà không thấy biết được Đạo Tràng Thọ cao bốn trăm muôn dặm, vô lượng màu sắc, vô lượng ánh sáng, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

29. Giả sử khi Ta được thành Phật, nếu Bồ tát trong nước Ta đọc kinh pháp, phúng tụng, thọ trì, giảng thuyết mà không được trí huệ biện tài, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

30. Giả sử khi Ta được thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ tát trong nước Ta nếu có người hạn lượng được đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

31. Giả sử khi Ta được thành Phật, cõi nước của Ta thanh tịnh, thủy đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương, dường như gương sáng soi thấy rõ bóng mặt. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

32. Giả sử khi Ta được thành Phật, trong nước Ta, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa... tất cả muôn vật đều do vô lượng chất báu đẹp cùng trăm nghìn thứ hương thơm hiệp chung lại làm thành, nghiêm sức tốt lạ, hơn hẳn hàng trời người. Mùi thơm của những vật ấy xông khắp cả cõi nước ở mười phương. Bồ tát nghĩ được mùi hương ấy thì đều tu hạnh của Phật. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

33. Giả sử khi Ta được thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương được ánh sáng của Ta chiếu đến thân, thì thân tâm của chúng sanh ấy hòa dịu hơn hẳn hàng Trời, Người. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

34. Giả sử khi Ta được thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước chư Phật ở mười phương, nghe danh tự của Ta mà chẳng được các món tổng trì sâu mâu cùng Vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

35. Giả sử khi Ta được thành Phật, những người nữ trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của Ta mà vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm, nhằm ghét thân gái, nếu sau khi mạng chung còn thọ thân gái trở lại, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

36. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng Bồ tát trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương thế giới nghe danh tự của Ta, thì sau khi mạng chung vẫn thường tu hạnh thanh tịnh đến lúc thành Phật đạo. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

37. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Trời, Người nhơn dân trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu của Ta, năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu lễ lạy, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ tát, thì các hàng Trời, Người đều kính trọng đó. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

38. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng Trời, Người trong nước Ta muốn được y phục, thì những y phục tốt đẹp đúng phép của đức Phật ngợi khen liền tùy niệm tự nhiên hiện đến trên thân, nếu còn phải cần may vá, đập, nhuộm giặt... Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

39. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng Trời, Người trong nước Ta hưởng thọ sự vui sướng không bằng bực lậu tận Tỳ kheo, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

40. Giả sử khi Ta được thành Phật, Bồ tát trong nước Ta tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương, tức thì ở trong cây báu thấy đều soi thấy rõ ràng đúng như ý muốn chẳng khác gương sáng soi thấy bóng mặt. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

41. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Bồ tát ở nước phương khác nghe danh tự của Ta, mãi đến lúc thành Phật, nếu các căn thiếu xấu chẳng đầy đủ, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

42. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Bồ tát ở nước phương khác nghe danh tự của Ta thấy đều chứng được chánh định thanh tịnh giải thoát. Trụ trong chánh định đó,

trong khoảng móng niệm liền cúng dường khắp vô lượng bất khả tư nghị các đức Phật Thế Tôn, mà vẫn không quên mất tâm chánh định. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

43. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, sau khi mạng chung sanh vào nhà tôn quý. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

44. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, vui mừng hớn hở, tu hạnh Bồ tát đầy đủ cội công đức. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

45. Giả sử khi Ta được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, thấy đều chứng được Chánh định phổ đẳng. Trụ trong chánh định đó, mãi đến lúc thành Phật, thường thấy tất cả vô lượng bất khả tư nghị các đức Phật. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

46. Giả sử khi Ta được thành Phật, Bồ tát trong nước Ta tùy ý muốn nghe pháp chi, thì tự nhiên liền được nghe pháp đó. Nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

47. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, chẳng liền được bực Bất thối chuyển, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

48. Giả sử khi Ta được thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, mà chẳng liền chứng được bực Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sanh pháp nhẫn cùng ở nơi pháp của chư Phật mà chẳng liền được bực Bất thối chuyển, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

HỒNG DANH BỬU SÁM^[1]

Bất Động Pháp Sư thuật

1. TÁN THÁN CÔNG ĐỨC CỦA CHƯ PHẬT^[2]

Đại từ đại bi thương chúng sanh

Đại hỷ đại xả cứu hàm thức

Tướng tốt sáng rõ dùng nghiêm thân

Chúng con chí tâm quy mạng lễ O^{*(1)}

2. QUY Y TAM BẢO^[3]

Nam mô Quy y Kim Cang Thượng sư O⁽²⁾

Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng O⁽³⁾

3. PHÁT TÂM TỐI THƯỢNG THỪA^[4]

Con nay phát tâm, chẳng vì tự cầu phước báu nhỏ
Thiên, cùng quả Thanh văn, Duyên giác, nhân đến các quả vị
Bồ tát trong quyền thừa. Con chỉ y theo tối thượng thừa, phát
tâm Bồ đề, nguyện cùng chúng sanh trong pháp giới chung
cùng một lúc đồng chứng đặng quả Vô thượng Chánh đẳng
Chánh giác O⁽⁴⁾

4. QUY Y VÔ TẬN TAM BẢO^[5]

Nam mô Quy y khắp mười phương cùng tận cõi hư không
tất cả các đức Phật O⁽⁵⁾

Nam mô Quy y khắp mười phương cùng tận cõi hư không
tất cả tôn Pháp O⁽⁶⁾

* Lưu ý: Dấu O đánh chuông, lay 1 lay.

Nam mô Quy y khắp mười phương cùng tận cõi hư không
tất cả Hiền Thánh Tăng O⁽⁷⁾

5. XUNG DƯƠNG MƯỜI HIỆU CỦA CHƯ PHẬT^[6]

Nam mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh
Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều
Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn O⁽⁸⁾

6. LỄ 89 HIỆU PHẬT^[7]

Nam mô Phổ Quang Phật O⁽⁹⁾

Nam mô Phổ Minh Phật O⁽¹⁰⁾

Nam mô Phổ Tịnh Phật O⁽¹¹⁾

Nam mô Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Phật O⁽¹²⁾

Nam mô Chiên Đàn Quang Phật O⁽¹³⁾

Nam mô Ma Ni Tràng Phật O⁽¹⁴⁾

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bửu Tích Phật O⁽¹⁵⁾

Nam mô Nhứt Thiết Thế Gian Nhạo Kiến

Thượng Đại Tinh Tấn Phật O⁽¹⁶⁾

Nam mô Ma Ni Tràng Đẳng Quang Phật O⁽¹⁷⁾

Nam mô Huệ Cự Chiếu Phật O⁽¹⁸⁾

Nam mô Hải Đức Quang Minh Phật O⁽¹⁹⁾

Nam mô Kim Cang Lao Cường Phổ Tán Kim Quang
Phật.O⁽²⁰⁾

Nam mô Đại Cường Tinh Tấn Đồng Mãnh Phật O⁽²¹⁾

Nam mô Đại Bi Quang Phật O⁽²²⁾

Nam mô Từ Lực Vương Phật O⁽²³⁾

Nam mô Từ Tạng Phật O⁽²⁴⁾

- Nam mô Chiên Đàn Khốt Trang Nghiêm Thắng Phật 〇⁽²⁵⁾
Nam mô Hiền Thiện Thủ Phật 〇⁽²⁶⁾
Nam mô Thiện Ý Phật 〇⁽²⁷⁾
Nam mô Quảng Trang Nghiêm Vương Phật 〇⁽²⁸⁾
Nam mô Kim Hoa Quang Phật 〇⁽²⁹⁾
Nam mô Bửu Cái Chiêu Không Tự Tại Lực Vương Phật 〇⁽³⁰⁾
Nam mô Hư Không Bửu Hoa Quang Phật 〇⁽³¹⁾
Nam mô Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật 〇⁽³²⁾
Nam mô Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật 〇⁽³³⁾
Nam mô Bất Động Trí Quang Phật 〇⁽³⁴⁾
Nam mô Hàng Phục Chúng Ma Vương Phật 〇⁽³⁵⁾
Nam mô Tài Quang Minh Phật 〇⁽³⁶⁾
Nam mô Trí Huệ Thắng Phật 〇⁽³⁷⁾
Nam mô Di Lạc Tiên Quang Phật 〇⁽³⁸⁾
Nam mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương
Phật 〇⁽³⁹⁾
Nam mô Thế Tịnh Quang Phật 〇⁽⁴⁰⁾
Nam mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật 〇⁽⁴¹⁾
Nam mô Nhựt Nguyệt Quang Phật 〇⁽⁴²⁾
Nam mô Nhựt Nguyệt Châu Quang Phật 〇⁽⁴³⁾
Nam mô Huệ Tràng Thắng Vương Phật 〇⁽⁴⁴⁾
Nam mô Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật 〇⁽⁴⁵⁾
Nam mô Diệu Âm Thắng Phật 〇⁽⁴⁶⁾
Nam mô Thường Quang Tràng Phật 〇⁽⁴⁷⁾
Nam mô Quang Thế Đăng Phật 〇⁽⁴⁸⁾

- Nam mô Huệ Oai Đăng Vương Phật 〇⁽⁴⁹⁾
 Nam mô Pháp Thắng Vương Phật 〇⁽⁵⁰⁾
 Nam mô Tu Di Quang Phật 〇⁽⁵¹⁾
 Nam mô Tu Ma Na Hoa Quang Phật 〇⁽⁵²⁾
 Nam mô Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương Phật 〇⁽⁵³⁾
 Nam mô Đại Huệ Lực Vương Phật 〇⁽⁵⁴⁾
 Nam mô A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật 〇⁽⁵⁵⁾
 Nam mô Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật 〇⁽⁵⁶⁾
 Nam mô Tài Quang Phật 〇⁽⁵⁷⁾
 Nam mô Kim Hải Quang Phật 〇⁽⁵⁸⁾
 Nam mô Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Phật 〇⁽⁵⁹⁾
 Nam mô Đại Thông Quang Phật 〇⁽⁶⁰⁾
 Nam mô Nhứt Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật 〇⁽⁶¹⁾
 Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật 〇⁽⁶²⁾
 Nam mô Kim Cang Bất Hoại Phật 〇⁽⁶³⁾
 Nam mô Bửu Quang Phật 〇⁽⁶⁴⁾
 Nam mô Long Tôn Vương Phật 〇⁽⁶⁵⁾
 Nam mô Tinh Tấn Quân Phật 〇⁽⁶⁶⁾
 Nam mô Tinh Tấn Hỷ Phật 〇⁽⁶⁷⁾
 Nam mô Bửu Hỏa Phật 〇⁽⁶⁸⁾
 Nam mô Bửu Nguyệt Quang Phật 〇⁽⁶⁹⁾
 Nam mô Hiện Vô Ngu Phật 〇⁽⁷⁰⁾
 Nam mô Bửu Nguyệt Phật 〇⁽⁷¹⁾
 Nam mô Vô Cầu Phật 〇⁽⁷²⁾
 Nam mô Ly Cầu Phật 〇⁽⁷³⁾

- Nam mô Đông Thích Phật 〇⁽⁷⁴⁾
Nam mô Thanh Tịnh Phật 〇⁽⁷⁵⁾
Nam mô Thanh Tịnh Thích Phật 〇⁽⁷⁶⁾
Nam mô Ta Lưu Na Phật 〇⁽⁷⁷⁾
Nam mô Thủy Thiên Phật 〇⁽⁷⁸⁾
Nam mô Kiên Đức Phật 〇⁽⁷⁹⁾
Nam mô Chiên Đàn Công Đức Phật 〇⁽⁸⁰⁾
Nam mô Vô Lượng Cúc Quang Phật 〇⁽⁸¹⁾
Nam mô Quang Đức Phật 〇⁽⁸²⁾
Nam mô Vô Ưu Đức Phật 〇⁽⁸³⁾
Nam mô Na La Diên Phật 〇⁽⁸⁴⁾
Nam mô Công Đức Hoa Phật 〇⁽⁸⁵⁾
Nam mô Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật 〇⁽⁸⁶⁾
Nam mô Tài Công Đức Phật 〇⁽⁸⁷⁾
Nam mô Đức Niệm Phật 〇⁽⁸⁸⁾
Nam mô Thiện Danh Xung Công Đức Phật 〇⁽⁸⁹⁾
Nam mô Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật 〇⁽⁹⁰⁾
Nam mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật 〇⁽⁹¹⁾
Nam mô Đâu Chiến Thắng Phật 〇⁽⁹²⁾
Nam mô Thiện Du Bộ Phật 〇⁽⁹³⁾
Nam mô Châu Tráp Trang Nghiêm Công Đức Phật 〇⁽⁹⁴⁾
Nam mô Bửu Hoa Du Bộ Phật 〇⁽⁹⁵⁾
Nam mô Bửu Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật 〇⁽⁹⁶⁾
Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật 〇⁽⁹⁷⁾

7. SÁM HỐI TỘI LỖI ^[8]

Các đức Phật Thế Tôn khắp trong tất cả thế giới như thế thường trụ tại trong đời, xin các đức Thế Tôn nên từ niệm con. Hoặc đời này của con, hoặc đời trước của con, con từ vô thỉ sanh tử nhân đến nay gây phạm các điều tội lỗi, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người làm, hoặc thấy người làm mình vui mừng theo.

Đồ vật của tháp, của hiện tiền Tăng, hay của tứ phương Tăng, hoặc tự mình lấy, hoặc bảo người lấy, hoặc thấy người lấy mình vui mừng theo.

Năm tội vô gián, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người làm, hoặc thấy người làm mình vui mừng theo.

Mười điều bất thiện, hoặc tự mình phạm, hoặc bảo người phạm, hoặc thấy người phạm mình vui mừng theo.

Bao nhiêu tội chướng của con gây tạo ra, hoặc có che giấu hoặc không che giấu, đáng đọa địa ngục, ngã quý, súc sanh, cùng các ác thú khác, đọa vào chốn biên địa, hạng hạ tiện, kẻ ác kiến. Những tội chướng đáng bị đọa vào các nơi khổ báo như thế, nay con đều sám hối.

8. HỐI HƯỚNG CĂN LÀNH ^[9]

Nay các đức Phật Thế Tôn nên chứng biết cho con. Con lại đối trước các đức Phật Thế Tôn mà bạch lời này:

Hoặc đời này của con, hoặc đời khác của con đã từng làm việc bố thí, hay giữ gìn giới pháp trong sạch, nhân đến thí cho loài chim muông một vắt cơm.

Hoặc đã từng tu hạnh thanh tịnh có bao nhiêu căn lành, thành tựu chúng sanh có bao nhiêu căn lành, tu hạnh đạo Bồ đề có bao nhiêu căn lành, cho đến đã từng phát tâm Vô thượng Phật trí có bao nhiêu căn lành; hiệp nhóm, so đếm, tính lường

tất cả căn lành thấy đều hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các đức Phật trong thuở quá khứ, vị lai và hiện tại cách thức hồi hướng như thế nào, con cũng hồi hướng như thế đó. O⁽⁹⁸⁾

9. TỔNG KẾT HAI ĐOẠN TRƯỚC

Những tội lỗi con đều sám hối
 Các phước lành con vội tùy hân (*vui wa theo*)
 Vói cùng thỉnh Phật công huân
 Trí mầu vô thượng nguyện thuần nên ngay
 Các đức Phật khứ, lai, hiện tại
 Trong chúng sanh thắng đại Thánh Vương
 Biển khơi công đức không lường
 Con nay quy mạng nguyện thường lễ tin. O⁽⁹⁹⁾

10. LỄ KÍNH CHƯ PHẬT^[10]

Trong bao nhiêu mười phương cõi nước
 Cả ba đời các đức Pháp Vương
 Con dùng ba nghiệp tịnh xương (sạch tốt)
 Khắp lễ tất cả mười phương vẹn tuyền
 Sức thần oai Phổ Hiền hạnh nguyện
 Trước Như Lai khắp hiện tự thân
 Mỗi thân lại hiện trần thân
 Thân thân lễ khắp sát trần Thế Tôn. O⁽¹⁰⁰⁾

11. XÙNG TÁN NHƯ LAI

Trong một trần có trần số Phật

Đều ở trong hội bậc thượng nhơn
 Khắp cùng pháp giới mảy trần
 Sâu tin chư Phật đều thường đầy trong
 Biển âm thanh đều dùng trọn vẹn
 Diệu ngôn từ vô tận khắp vang
 Vị lai cả kiếp thấy toàn (*tất cả*)
 Ngợi khen Phật đức biển ngàn rất sâu! O⁽¹⁰¹⁾

12. QUẢNG TU CÚNG DƯỜNG^[11]

Tràng hoa đẹp rất xinh thơm ngát
 Cùng hương xoa, kỹ nhạc, lộng tàn
 Như kia đồ tốt trang hoàng
 Cúng dường chư Phật con toàn kính dâng.
 Y tối thắng cùng hương tối thắng
 Với đuốc đèn, hương phấn, hương xông
 Đều nhiều như Diệu Cao Phong (*núi Tu Di*)
 Cúng dường chư Phật con đồng dâng lên
 Tâm thắng giải mộng mênh con dụng
 Phật ba đời thấy cũng tin kiên (*tin chắc*)
 Đều nương hạnh nguyện Phổ Hiền
 Cúng dường chư Phật khắp miền mười phương. O⁽¹⁰²⁾

13. SÁM HỎI NGHIỆP CHƯỚNG

Các tội ác xưa con làm lỡ
 Do tham sân muôn thuở xui nên
 Từ thân ngữ ý sanh lên
 Nay con cả thấy đều bền sám luôn. O⁽¹⁰³⁾

14. TÙY HỖ CÔNG ĐỨC ^[12]

Các chúng sanh khắp mười phương cõi
Bực Nhị thừa: Hữu học cùng Vô
Như Lai Bồ tát vẹn tuyền,
Có bao công đức con nguyện vui ưa. O⁽¹⁰⁴⁾

15. THỈNH CHUYỂN PHÁP LUÂN ^[13]

Thế gian đặng trong mười phương nước
Lúc tối sơ thành đợc Bồ đề
Nay con đều thỉnh một bề
Giảng truyền pháp diệu võ về quần sanh. O⁽¹⁰⁴⁾

16. THỈNH PHẬT TRỤ THẾ ^[14]

Các đức Phật muốn toan nhập diệt
Con chí thành mãi miết ân cần
Cúi mong ở mãi kiếp trần,
Làm cho lợi lạc khắp cùng sanh linh. O⁽¹⁰⁵⁾

17. PHỔ GIAI HỒI HƯỚNG ^[15]

Bao nhiêu phước cúng dường, lễ tán
Thỉnh ở đời cùng giảng pháp luân
Vui theo sám hối thiện căn
Hồi sanh hướng Phật cao thẳng Bồ đề. O⁽¹⁰⁶⁾

18. QUY CHON THỪA VÀ TỔNG KẾT

Con nguyện đem đức dày thắng lợi
Hồi hướng chon pháp giới tối cao

Tánh, tướng Tam Bảo thế nào
 Hải ấn tam muội dung vào tục chơn
 Biển công đức khôn lường như thế
 Nay con đều đem để hồi về:
 Dưới cho muôn loại nương kê
 Cùng con đồng chứng Bồ đề đạo chơn. **O**⁽¹⁰⁷⁾
 Bao nhiêu chúng nơi thân, khẩu, ý
 Lòng mê lầm móng nghĩ sân, si
 Chê bai chánh pháp Mâu Ni (Phật)
 Thân tâm phạm quấy kể gì phải chǎng
 Như trên nghiệp chướng tội thâm
 Nguyên tiêu diệt hết ác tâm chǎng còn
 Trí huệ khắp đầy tròn pháp giới
 Độ chúng sanh chǎng ngại gian lao
 Hư không thế giới dẫu hao
 Chúng sanh phiền não với nào nghiệp chung (*cùng tận*)
 Nay con hồi hướng rộng lung
 Cũng như bốn pháp vô cùng vô biên! **O**⁽¹⁰⁸⁾
Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát Ma ha tát (3 lần).

*

■ THÍCH NGHĨA HỒNG DANH BỬU SÁM

[1] Hồng danh: Danh hiệu rộng lớn. Danh hiệu của Phật là danh hiệu tôn quý nhất trong đời, nên gọi là “Hồng danh”. Toàn thể những đoạn văn dưới đây: trước xưng lễ danh hiệu của chư Phật để rồi cầu ai sám hối, là pháp sám hối rất báu quý, vì có thể đem nhiều sự lợi ích lớn lao cho hàng nhơn, nên gọi là “Hồng Danh Bửu Sám”. Văn sám hối này là của ngài Bất Động Pháp Sư đời tổng soạn ra. Toàn văn chia làm 108 lay để biểu nghĩa đối trị 108 món phiền não. Nên chính tên là “Lễ Phật đại sám hối văn”.

[2] Đại từ đại bi, đại hỷ, đại xả là bốn đức vô lượng tâm của Phật. Ban vui cho tất cả muôn loài là đại từ. Cứu khổ cho tất cả muôn loài là đại bi. Muôn loài được lợi ích, đức Phật vui mừng đó là đại hỷ. Dầu luôn luôn ban vui, cứu khổ, làm lợi ích cho muôn loài, đức Phật vẫn không thấy mình có làm, mà cũng không thấy có mình v.v... đó là đại xả.

Hàm thức là những loài hàm súc thức tâm tri giác, một tên riêng của hữu tình chúng sanh.

Quy mạng là đem thân mạng, món quý trọng nhất của mình, nương về nơi đức Phật, giáo phó cho đức Phật, đó là biểu lòng kính tưởng chí thiết không tiếc gì mạng sống.

[3] Quy y là về nương. Quy y và quy mạng đồng là Hán dịch ở danh từ Phạm âm “Nam mô”.

Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi báu quý rất lợi ích ở trong đời, nên gọi là Tam bảo.

Kim Cang Thượng Sư là đấng giáo chủ của đức Tỳ Lô Giá Na, biểu hiệu của pháp tánh như thể Tam bảo.

[4] Tối thượng thừa là thừa (đưa đến chỉ về các pháp môn) rất trên hơn cả, cũng gọi là Phật thừa hay viên thừa, như thừa.

[5] Mười phương hư không rộng lớn vô biên, Tam bảo ở trong cũng nhiều vô tận, nên nói vô tận Tam bảo.

[6] Các đức Phật đều có đủ 10 đức hiệu này, đủ mười đức hiệu này mới phải là Phật.

Như Lai: tự thể pháp thân chẳng động chẳng dời là Như. Trí quang chiếu khắp, bi tâm độ sanh là Lai.

Ứng Cúng: Đức Phật đã dứt hẳn tất cả mê làm tội quấy, xa khỏi tất cả khổ lụy, viên thành tất cả công đức, đầy đủ tất cả phước huệ, là phước điền của tất cả thánh phàm, kham ứng thọ sự cúng dường của tất cả thánh phàm, do đó tất cả thánh phàm trọn nên thiện căn công đức.

Chánh Biến Tri: Đức Phật có trí lớn rõ thấu tất cả một cách hoàn toàn đúng đắn.

Minh Hạnh Túc: Trí minh và vạn hạnh đều đầy đủ.

Thiện Thệ: Hay khéo ra khỏi thế gian chứng thành quả Phật, hằng đến trong thế gian để độ sanh, hẳn không bị thế gian làm ô nhiễm.

Thế Gian Giải: Thế gian đây là gồm cả thế gian và xuất thế gian, tất cả pháp trong đó đức Phật đều hiểu rõ thấu suốt.

Vô Thượng Sĩ: Đấng cao thượng không còn có ai trên.

Điều Ngự Trượng Phu: Đấng đầy đủ đức tướng tài năng hay điều hòa những chúng sanh nhu thuận và ngự phục những chúng sanh cương cường.

Thiên Nhơn Sư: Đấng Đạo Sư của tất cả trời, người.

Phật: Nói tắt của danh từ Phật Đà (Phạm âm), Hán dịch là Giác Giả, nghĩa là đấng giác ngộ hoàn toàn.

Đức Phật đủ cả mười đức hiệu ở trên, là đấng tôn quý cao thượng nhất trong thế gian và xuất thế gian gọi là Thế Tôn.

[7] Từ Phật Phổ Quang đến Như Thích Pháp Tràng Mãn Vương Phật (53 hiệu Phật) rút ở trong kinh *Quán Dược*

Vương Dược Thượng Nhị Bồ tát. Từ Thích Ca Mâu Ni Phật đến Bửu Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật (35 hiệu Phật) rút trong kinh *Bửu Tích*.

Trong kinh đức Phật dạy rằng:

Người nào chí tâm xưng niệm vào kính lễ đức hiệu của 53 đức Phật và của 35 đức Phật, thời bao nhiêu tội nghiệp ác chướng đều tiêu diệt, được công đức rất lớn. Chính đức Phật lúc còn tu hạnh Bồ tát cũng nhờ đó mà đặng mau thành Phật.

Rót sau lễ đức A Di Đà Phật là ngụ ý đem cả công đức hồi hướng nguyện sanh về cõi Cực Lạc.

[8] Sám là tiếng nói tắt của danh từ sám ma (Phạm âm), Hán dịch là hối quá: sám hối là gồm cả Phạm âm và Hán dịch mà gọi tắt vậy... Ăn năn lỗi trước, chừa bỏ lỗi sau là ý nghĩa của hai chữ sám hối.

Năm tội vô gián:

- 1) Giết cha
- 2) Giết mẹ
- 3) Phá hòa hợp Tăng
- 4) Ác tâm làm thân của Phật ra máu
- 5) Giết các bậc thánh.

Người nào phạm 1 trong 5 tội trên đây phải bị đọa vào vô gián địa ngục (nơi địa ngục mà các sự khổ sở không hề hờ ngớt), nên gọi là tội vô gián.

Mười đạo bất thiện:

Nơi thân nghiệp có ba:

- 1) Sát sanh
- 2) Trộm cướp
- 3) Tà dâm.

Nơi khẩu nghiệp có bốn:

- 1) Nói dối
- 2) Nói chia rẽ
- 3) Nói thô ác
- 4) Nói thêu dệt.

Nơi ý nghiệp có ba:

- 1) Tham lam bòn xén
- 2) Giận hờn ganh ghét
- 3) Mê lầm tà kiến.

Có che giấu là ẩn khuất giấu giếm, không che dấu là phô bày tự thú.

Đức Phật dạy: Tất cả mọi người chẳng phải mới có một đời sống hiện tại, mà trước đã trải qua vô lượng đời sống, hoặc là làm trời, làm súc, làm quỷ, làm người v.v..., tùy theo hạnh nghiệp gây tạo ở những đời chiêu cảm ra. Và những hạnh nghiệp gây tạo ra trong đời sống làm người hiện tại đây hiệp với quá khứ, sẽ chiêu cảm thành đời sống tương lai, khi mãn đời sống này. Nếu hạnh nghiệp trong đời hiện tại và quá khứ có tánh cách lành thì nó sẽ cảm với đời sống tương lai một trình độ cao tốt vui sướng (người, trời, thánh v.v...); ngược bằng tánh cách dữ, đời sống tương lai sẽ xấu xa thấp thỏi khổ sở (quỷ, súc v.v...) vì thế nên trong đây sám hối cả tội lỗi trong đời này cho đến vô lượng đời về trước vô cùng nên gọi là vô thí.

[9] Những điều làm, nói và suy nghĩ hay phải, có thật lợi ích cho mình cho người v.v... là những căn lành. Với một tâm lượng hẹp nhỏ những căn lành kia sẽ kết thành những quả báo hẹp nhỏ trên đường lành (tâm thế gian sẽ kết thành quả báo nhon, thiên, tiên, thân. Tâm xuất thế tiêu thừa sẽ kết thành bậc

tiểu thánh: Thanh văn, Duyên giác). Nay đem căn lành hồi hướng về Phật đạo (Vô thượng Chánh giác), đó là dùng tâm lượng rộng lớn xuất thế đại thừa, với tâm lượng này những căn lành kia sẽ kết thành bậc đại thánh Phật quả. Đem căn lành công đức xây về đó, hướng đến đó, nguyện cầu cho được thành Phật, như thế gọi là hồi hướng A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

[10] Sư tử là chúa tể trong loài muông thú, mỗi khi gầm hét, tất cả muôn thú nghe đều thất vía kinh hồn. Đức Phật ra đời dùng viên âm thuyết pháp, tất cả thiên ma, ngoại đạo v.v... đều khiếp phục quy đầu, như thế đức Phật đáng là chúa tể tự tại vô úy trong loài người như sư tử là chúa tể tự tại vô úy trong loài thú nên gọi là đáng Nhơn Sư Tử.

Lòng tưởng Phật, miệng xưng danh hiệu Phật, năm vóc gieo xuống đất, đó là thanh tịnh lễ Phật.

Hạnh nguyện Phổ Hiền lượng rộng lớn đồng pháp giới. Nương hạnh nguyện Phổ Hiền thời tâm và thân của hành giả cũng đồng pháp giới. Pháp giới rộng vô biên các đức Phật trong pháp giới nhiều vô lượng, tâm của hành giả cũng rộng vô biên, thân của hành giả cũng biến hiện nhiều vô lượng như sát trần (bụi trần trong cõi nước) để lễ khắp tất cả Phật.

Thượng nhơn là các vị Bồ tát (Kinh *Duy Ma Cật*).

[11] Núi Tu Di (Phạm âm) Hán dịch là Diệu Cao, núi này thuần bằng bốn chất báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, rất xinh đẹp nên gọi là Diệu, cao hơn tất cả núi khác nên gọi là Cao. Lưng chừng núi là chỗ của trời Tứ Thiên Vương, trên đỉnh là nước của trời Đạo Lợi.

Tâm Thắng Giải là tâm nhận hiểu chắc thật quyết định.

[12] Nhị thừa là Thanh văn thừa và Duyên giác thừa. Trong hai thừa này bậc A la hán và Bích chi Phật là bậc vô học (đối trong hai thừa, chỗ tu chứng đã xong không còn phải

học nữa) dưới hai bậc trên là bậc hữu học (chỗ tu chứng chưa xong còn phải học thêm).

[13] Chuyển pháp là thuyết pháp độ đời.

Đức Phật ra đời nói pháp phá tan lòng mê tối lầm lạc của mọi người trong đời, như ngọn đèn sáng phá sự tối tăm, nên gọi là đấng Thế gian đấng.

[14] Toan thị tịch là sắp muốn thể hiện Niết bàn (nhập diệt).

Kiếp trần là kiếp số nhiều như bụi trần, ý muốn thỉnh Phật ở mãi trên đời đừng nhập diệt, để mọi người được gọi nhờ ơn giáo hóa.

[15] Vô thượng chân pháp giới là tự tánh bản tâm. Tâm này thể tánh chơn thật tuyệt đối trùm khắp pháp giới, là thể của pháp giới, mà mọi người đều tự sẵn đủ. Hồi hướng về đó là ý rằng từ trên tất cả công đức lễ Phật, sám hối v.v... là việc làm thuộc về hình thức bề ngoài, nay đem tất cả quy về tự bản tâm chơn tánh vậy.

Nhị đế là chân đế (tánh thể chơn thật) và tục đế (tướng dụng giả huyễn) Tánh Phật, Pháp, Tăng thuộc chơn đế. Tướng Phật, Pháp, Tăng thuộc tục đế. Trong tam muội (chánh định) dung thông cả tánh (chơn) và tướng (tục) như trong biển ảnh hiện sum la vạn tượng (hải ấn).

Từ lễ kính chư Phật đến phổ giai hồi hướng (48 câu kệ) trích trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện.

*

PHẬT NÓI KINH VU LAN BỒN⁽¹⁾

Đời Tây Tấn, ngài Tam Tạng

Pháp Sư Trúc Pháp Hộ dịch

Tôi nghe như vậy:

Một lúc nọ, đức Phật ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước Xá Vệ. Ông Đại Mục Kiền Liên vừa mới chứng được sáu pháp thần thông⁽²⁾ ông muốn cứu độ cha mẹ của ông để đền đáp công ơn bú mớm. Ông liền dùng đạo nhãn⁽³⁾ xem khắp trong thế gian, thấy bà vong mẫu⁽⁴⁾ của ông sanh vào trong loài ngựa quý⁽⁵⁾ chẳng được uống ăn, thân thể ốm gầy da bọc lấy xương.

Thấy thế, ông Mục Liên chẳng xiết xót thương, liền lấy bình bát đựng cơm đem dâng cho mẹ ông. Mẹ ông tiếp được bình bát cơm, bèn dùng tay trái che bát, tay mặt bốc cơm. Cơm của bà bốc chưa vào đến miệng đã hóa thành than lửa, bà ăn không đặng. Ông Mục Liên kêu to, buồn rầu khóc lóc, vội vã trở về bạch với đức Phật, thuật đủ những việc như thế.

Đức Phật dạy rằng:

Tội căn⁽⁶⁾ của mẹ ông gây kết sâu nặng, chẳng phải thần lực của một mình ông mà có thể làm cứu được. Dầu rằng ông có lòng hiếu thuận, tiếng tăm vang động cả trời đất, mà những vị thiên thần, địa kỳ, tà ma, ngoại đạo, đạo sĩ và bốn vị Thiên vương thần⁽⁷⁾ cũng không thể làm thế nào cứu được. Cần phải nhờ đến sức oai thần của chúng Tăng ở mười phương, mẹ ông mới có thể giải thoát. Nay Ta sẽ nói phương pháp cứu tế, làm cho tất cả kẻ bị hoạn nạn như thế, đều được thoát khỏi những sự buồn khổ.

Đức Phật bảo ông Mục Liên:

Ngày rằm tháng Bảy là ngày Tụ Tứ của chúng Tăng ở mười phương(8), đến ngày ấy người làm con phải nên vì cha mẹ trong bảy đời đã qua(9) và cha mẹ trong đời hiện tại đang bị khốn trong vòng ách nạn, mà sắm những giường trải nệm chiếu, những bồn chậu đựng nước rửa, hương dầu, đèn nến, năm thứ trái, cơm canh trăm thứ những đồ ăn ngon lành nhứt trên đời, đựng vào trong bồn cúng dường cho hàng Đại đức Tăng ở mười phương(10).

Đang trong ngày đó, tất cả Thánh chúng: hoặc những người tu thiền nhập định ở trong núi, hoặc những vị chúng được bốn đạo quả(11), hoặc những người đi kinh hành dưới cội cây hoặc những bậc Thanh văn và Duyên giác(12) đủ sáu pháp thân thông tự tại giáo hóa, hoặc là hàng Thập địa Bồ tát Đại nhơn(13) quyền hiện làm Tỳ kheo(14)... đồng hội về ở trong Đại chúng đều đồng nhứt tâm lãnh thọ bát cơm, đạo đức của hàng Thánh chúng hoàn toàn giới hạnh thanh tịnh đó rất là rộng lớn.

Có người nào cúng dường cho hàng chúng Tăng Tụ Tứ dường ấy, thì cha mẹ cùng lục thân(15) quyền thuộc trong đời hiện tại của người đó được ra khỏi chốn khổ tam đồ(16), liền giải thoát hưởng thọ những đồ mặc, món ăn tự nhiên. Như cha mẹ hiện đang còn sống, thời sống lâu trăm tuổi hưởng phước an vui. Còn cha mẹ trong bảy đời đã qua, đều được sanh lên cõi trời, hóa sanh tự tại vào trong cõi trời sáng đẹp.

Bấy giờ, đức Phật truyền chúng Tăng ở mười phương, trước phải vì người thí chủ mong chờ chú nguyện, cầu cho cha mẹ bảy đời, mà chuyên ý thiền định(17) rồi sau mới thọ thực.

Lúc ban đầu thọ thực, trước hết để món ăn nơi trước đức Phật, hay để trước tượng Phật trong chùa tháp, chúng Tăng đồng chú nguyện xong, rồi mới tự thọ thực.

Lúc đó, ông Mục Liên Tỳ kheo và hàng đại Bồ tát đều rất vui mừng, tiếng buồn rầu khóc lóc của ông Mục Liên liền nín

lặng. Chính trong ngày đó, bà mẹ của ông Mục Liên được thoát khỏi một kiếp chịu khổ trong loài ngạ quỷ. Ông Mục Liên lại bạch với đức Phật rằng:

Sanh mẫu(18) của đệ tử nay do nhờ sức công đức của Tam Bảo và sức oai thần của chúng Tăng mà được khỏi khổ. Còn về đời vị lai, tất cả đệ tử của Phật cũng phải phụng Bồn Vu Lan để cứu độ cha mẹ hiện tại nhằm đến cha mẹ trong bảy đời đã qua, làm như thế được chăng?

Đức Phật nói:

Ông hỏi rất hay! Chính là Ta vừa muốn nói, mà ông nay hỏi liền.

Này thiện nam tử! Những người tu hạnh hiếu từ hoặc là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc là quốc vương, thái tử, quan đại thần, tể tướng, tam công, trăm quan, muôn dân, kẻ thứ thấp hèn v.v... đến ngày Rằm tháng Bảy, ngày đức Phật hoan hỷ, ngày chúng Tăng Tự tứ, đều nên trước vì cha mẹ hiện tại và cha mẹ trong bảy đời đã qua, mà sắm cơm và đồ ăn trăm vị thơm ngon để vào Bồn Vu Lan cúng dường cho chúng Tăng Tự tứ ở mười phương. Cầu nguyện cho cha mẹ được sống lâu trăm tuổi, không đau ốm, không tất cả hoạn nạn khổ não, nhằm đến cầu nguyện cho cha mẹ trong bảy đời đã qua thoát khỏi chốn khổ ngạ quỷ, sanh vào trong loài người, hoặc cõi Trời hưởng phước vui vô cùng.

Là hàng đệ tử của Phật tu hạnh hiếu thuận, trong mỗi niệm phải thường nhớ tưởng cha mẹ hiện tại, nhằm đến cha mẹ trong bảy đời. Mỗi năm đến ngày Rằm tháng Bảy, do lòng hiếu thuận(19) thường nhớ tưởng đến cha mẹ đã sanh mình, vì cha mẹ sắm Bồn Vu Lan cúng dường đức Phật và chúng Tăng, để đền đáp công ơn từ ái nuôi nấng của cha mẹ. Nếu làm đệ tử của đức Phật, tất cả phải nên phụng trì phương pháp báo hiếu này.

Bấy giờ, ông Đại Mục Kiền Liên Tỳ kheo và bốn hàng đệ tử(20) đều vui mừng tuân theo thực hành.

*

■ THÍCH NGHĨA KINH VU LAN BỒN

[1] Phật tức là đức Thích Ca Mâu Ni Phật trong kinh này. Đức Phật vì ông Đại Mục Kiền Liên và mọi người mà chỉ dạy phụng Bồn Vu Lan để cứu độ cha mẹ hiện tại, nhân đến cha mẹ trong bảy đời đã qua cùng cả lục thân quyến thuộc.

Bồn là bồn, thau, tượng, chậu, đồ bằng sành, bằng thiếc, hoặc bằng thau, đồng v.v... để đựng chứa đồ ăn.

Vu Lan là Phạm âm, Hán dịch là Giải đảo huyền, nghĩa đen: là tháo mở sự treo ngược. Sự treo ngược là ám chỉ cho tất cả sự thống khổ nặng nề. Dem bồn đựng đồ ăn cúng dường Phật và chúng Tăng, trong ngày rằm tháng bảy để cứu độ cha mẹ v.v... khỏi sự thống khổ nên gọi là Vu Lan Bồn.

[2] 1. Thiên nhãn thông: Thiên nhãn thấy xa đến cả thế giới, thấy rõ vật nhỏ như vi trùng v.v... thấy suốt thấu các chất ngại.

2. Thiên nhĩ thông: Thiên nhĩ nghe được xa và nghe được tiếng rất nhỏ, cùng tiếng nói của tất cả loài.

3. Túc mạng thông: Biết rõ những đời trước của mình và của người khác.

4. Tha tâm thông: Hiểu biết tâm niệm, tư tưởng của người khác.

5. Thần túc thông: Bay đi mau lẹ tự tại, ý muốn đến đó thời thân liền đến đó.

6. Lậu tận thông: Những phiền não loạn tưởng đã dứt sạch, thấy suốt đời vị lai.

[3] Đạo nhân: chính là thiên nhân thông. Do tu hành đạo hạnh thành tựu đạo quả mà có nên gọi là đạo nhân.

[4] Vong mẫu là người mẹ đã qua đời.

[5] Nga quỷ (quỷ đói). Loài này cả đời chịu khổ về đói khát. Không hề được uống, vì thấy nước thành máu mủ hay lửa hùng, nước dính vào miệng nó làm phỏng cả miệng lưỡi, mà cũng không hề được ăn, vì cuống họng nhỏ bằng cây kim, bụng lớn như trống, mà đồ ăn đến miệng lại biến thành than lửa, nên dầu có cũng không ăn được. Trên đây là nói về hạng vô tài nga quỷ, mẹ ông Mục Liên bị đọa sinh vào loài này. Ngoài ra còn hạng hữu tài nga quỷ, loài sau này có phần ít đói khát hơn.

Trong kinh nói: Những người bị đọa vào nga quỷ vì gây nhiều tội ác mà tánh ích kỷ, bòn sẻn, tham lam là phần chính.

[6] Tội căn: Cội gốc tội lỗi, đã kết thành quả báo xấu khó lay chuyển như cây có gốc rễ.

[7] Các vị thần trên cõi trời gọi là thiên thần, những vị thần ở mặt đất gọi là địa kỳ. Giữa chừng núi Tu Di bốn mặt có bốn cõi trời, mỗi cõi có một vị thiên vương cai quản gọi đó là Tứ Thiên Vương.

[8] Chúng tăng là đoàn thể Tăng già từ bốn vị xuất gia trở lên y theo sáu pháp hòa hiệp mà trụ.

Tự tứ là tha hồ, mặc tình, hứa cho không ngăn cấm.

Sau ba tháng an cư (bắt đầu từ ngày 16 tháng tư đến ngày rằm tháng bảy), thời tất cả chúng Tăng trong một đại giới đều câu hội lại rồi y theo luật pháp mà chỉ chỗ lỗi lầm lẫn nhau, để cùng nhau sám hối, cốt ý để chứng tỏ sự thanh tịnh (nếu người không phạm lỗi) hay làm cho thanh tịnh (nếu người có phạm lỗi) trong toàn thể đại chúng và khỏi những điều nghi ngờ, trong khi đó ai ai cũng sẵn sàng bằng lòng cho người khác chỉ

trích lỗi của mình đã phạm trong ba tháng hạ mà mình không tự biết (vì nếu tự biết thì đã làm phép sám hối rồi) và sẵn sàng vui lòng nhận lấy lỗi của mình, trực nhớ lại, hoặc lời chỉ trích hữu lý cùng có bằng cứ. Vì thế nên ngày rằm tháng bảy gọi là ngày Tăng tự tứ.

[9] Phật dạy mọi người chẳng phải chỉ có một đời hiện tại mà về quá khứ, đã thọ nhiều thân, trải qua nhiều đời sống, một lần sinh, một lần chết gọi là một đời, một đời sống thì có một đời cha mẹ, đã trải qua nhiều đời sống là đã có nhiều cha mẹ chớ chẳng phải nội bảy đời thôi, song trong kinh đây nói cha mẹ trong bảy đời đã qua, đó là vì ba lẽ:

1. Số bảy là con số của đức Phật thường dùng, vì nó có quan trọng đối với sự biểu pháp.
2. Ước lượng mà nói.
3. Còn gần với hiện tại, dễ hiểu biết và có phần thân thiết hơn.

[10] Cơm trăm vị là cơm rất thơm ngon đủ các mùi vị.

Câu: Đem đủ cả những đồ ăn ngon lành có trên đời (tận thế cam mỹ) là ý nói hết sức lo sắm sửa, người giàu thì tận sức của phận giàu, người nghèo thì tận lực của phận nghèo.

Năm thứ trái:

1. Loại trái có hạt lớn, như: táo, xoài v.v...
2. Loại trái dày cơm, như: dưa, hồng v.v...
3. Loại trái có vỏ cứng, như: lựu, măng v.v...
4. Loại trái mềm mại, như: nho v.v...
5. Loại trái có sừng khía, như: ấu v.v...

[11] Bốn đạo quả xem lời thích nghĩa ở sau Kinh Kim Cang.

[12] Bích chi Phật là Phạm âm, quả vị đồng với bậc A la hán (quả thứ tư trong hàng Thanh văn hoặc tiểu thừa) nhưng về công hạnh tu hành thời khác, có hai hạng:

1. Ra đời không gặp đức Phật mà cũng không gặp được Phật pháp, do căn lành đã vun trồng từ nhiều đời trước, xuất gia thấy cảnh sống chết của người vật, thấy cảnh tươi héo của cỏ hoa v.v... mà tự ngộ lý vô thường, vô ngã, chứng sanh không quả gọi là vị Độc giác.

2. Ra đời gặp Phật hay giáo pháp của đức Phật, y theo phép quán mười hai nhân duyên mà tu tập, đoạn hoặc chứng chân thành quả vô sanh gọi là vị Duyên giác.

[13] Bồ tát là người phát đại tâm, tu hành đại thừa, chứng thành đại quả nên gọi là đại nhơn.

Đức Phật là đấng đã chứng pháp tánh thân hoàn toàn; còn những bậc cũng chứng pháp tánh thân mà chưa được hoàn toàn thời có hàng Thập địa Bồ tát:

1. Hoan Hỷ địa
2. Ly Cấu địa
3. Phát Quang địa
4. Diệm Huệ địa
5. Nan Thắng địa
6. Hiện Tiền địa
7. Viễn Hành địa
8. Bất Động địa
9. Thiên Huệ địa
10. Pháp Vân địa

[14] Người xuất gia thọ 250 điều giới pháp Tỳ kheo thời gọi là thầy Tỳ kheo.

[15] Cha, mẹ, anh, em, chồng, vợ gọi là lục thân.

[16] Tam đồ:

1. Hỏa đồ, tức địa ngục, chôn lửa đốt cháy ngày đêm.
2. Dao đồ, tức là nạ quý, thường dùng dao gậy chém đập nhau.
3. Huyết đồ, tức là súc sinh, thường bị cắt cổ mổ bụng máu chảy lai láng.

[17] Chuyên ý thiền định là chú ý lặng lòng để tưởng niệm, khiến cho sự cầu nguyện được mau thành tựu.

[18] Sanh mẫu là mẹ đẻ, mẹ ruột.

[19] Câu: Do lòng hiếu từ là ý chỉ rõ rằng do lòng hiếu từ thiết tha nhớ tưởng đến cha mẹ mà làm lễ Vu Lan để cầu phước cho cha mẹ, chớ chẳng phải làm theo lệ lấy có, hay cầu tiếng khen v.v...

[20] Bốn hàng đệ tử:

1. Tỳ kheo: Xuất gia thọ 250 điều giới pháp.
2. Tỳ kheo ni: Xuất gia thọ 348 điều giới pháp.
3. Ưu bà tắc: Người nam tu tại gia quy y thọ năm điều giới pháp.
4. Ưu bà di: Người nữ tu tại gia quy y thọ năm điều giới pháp.

*

PHẬT NÓI KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN⁽¹⁾

Hán dịch: Nhà Dao Tàn,
Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

1. BẠCH HỎI SỞ NHƠN

Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật⁽²⁾ mà bạch rằng:

Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?

2. THOÁT TÁM ĐIỀU NẠN

Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ tát:

Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các sự khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ tát này, một lòng xưng danh, Quán Thế Âm Bồ tát tức thời xem xét tiếng tăm kia đều được giải thoát.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức oai thần của Bồ tát này vậy. Nếu bị nước lớn cuốn trôi, xưng danh hiệu Bồ tát liền được đến chỗ cạn.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm các thứ châu báu như: vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu... nên vào trong biển lớn. Giả sử gió bão thổi ghe thuyền của kẻ kia trôi tấp nơi nước quý La sát, trong đó nếu có nhẫm đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thì các người đó đều được thoát khỏi nạn quý La sát, do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát thì dao gậy của người kia cầm liền gãy từng khúc mà được thoát khỏi.

Nếu quý Dạ xoa cùng La sát đầy trong cõi Tam thiên Đại thiên⁽³⁾ muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thì các quỷ dữ đó còn không có thể dùng mắt dữ mà nhìn người huống lại làm hại được.

Dẫu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thầy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi Tam thiên Đại thiên, có một vị thương chủ dắt đoàn người buôn đem theo nhiều của báu đi ngang qua đường hiểm trở. Trong đó có một người xưng rằng: "Các thiện nam tử, chớ có sợ sệt! Các ông phải nên một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, vị Bồ tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sanh, nếu các ông xưng danh hiệu Ngài thì sẽ được thoát khỏi nơi oán tặc này". Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: "Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát!". Vì xưng danh hiệu Bồ tát nên liền được thoát khỏi.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm đại Bồ tát có sức oai thần rộng lớn như thế.

Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ tát, liền được lìa lòng dâm, ý dục. Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ tát liền được lìa lòng giận hờn. Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ tát liền được lìa ngu si.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát có những sức oai thần rộng lớn nhiều sự lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ đến Ngài.

3. TOẠI HAI ĐIỀU CẦU

Nếu có người nữ giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát, liền sanh con trai phước đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trông cội phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát có sức oai thần như thế.

4. SO SÁNH CÔNG ĐỨC LỄ NIỆM

Nếu có chúng sanh nào cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ tát thì phước đức chẳng lường mất, cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng hà sa⁽⁴⁾ Bồ tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam, người thiện nữ đó có nhiều chăng?

Vô Tận Ý thưa: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều .

Phật dạy:

Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thì phước đức của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận⁽⁵⁾.

Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế.

5. MƯỜI CHÍN LOẠI THUYẾT PHÁP

Ngài Vô Tận Ý Bồ tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn, Quán Thế Âm Bồ tát dạo đi trong cõi ta bà như thế nào? Vì chúng sanh nói pháp như thế nào? Sức phương tiện của Ngài như thế nào?

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ tát:

Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật đặng độ thoát, thì Quán Thế Âm Bồ tát liền hiện thân Phật vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Duyên giác đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Duyên giác vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Thanh văn đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Thanh văn vì đó nói pháp⁽⁶⁾.

Nơi đáng dùng thân Phạm Vương đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Phạm Vương vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Đế Thích đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Đế Thích vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tự Tại Thiên đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Tự Tại Thiên vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Thiên Đại Tướng quân đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Thiên Đại Tướng quân vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tỳ Sa Môn đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Tỳ Sa Môn vì đó nói pháp⁽⁷⁾.

Nơi đáng dùng thân Tiểu vương đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Tiểu vương vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân trưởng giả đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân trưởng giả vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân cư sĩ đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân cư sĩ vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân tể quan đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân tể quan vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Bà la môn đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Bà la môn vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà la môn đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân phụ nữ vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân đồng nam, đồng nữ vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhơn cùng phi Nhơn đặng độ thoát, Bồ tát liền đều hiện thân vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân thần Chấp Kim Cang đặng độ thoát, Bồ tát liền hiện thân thần Chấp Kim Cang vì đó nói pháp⁽⁸⁾.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình dạo đi trong các cõi nước, để độ thoát chúng sanh như thế, vì vậy các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát. Quán Thế Âm đại Bồ tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban cho sự vô úy, cho nên cõi ta bà này đều gọi Ngài là vị Thích Vô Úy⁽⁹⁾.

6. CÚNG DƯỜNG

Vô Tận Ý Bồ tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con nay xin cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát". Ngài liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu, giá trị trăm nghìn lượng vàng nơi cổ đem cúng dường cho ngài Quán Thế Âm mà nói rằng: "Xin Ngài nhận chuỗi ngọc trân bửu pháp thí này".

Khi ấy Quán Thế Âm Bồ tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ tát rằng: "Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này".

Bấy giờ, Phật bảo Quán Thế Âm Bồ tát:

Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ tát này và hàng Tứ chúng⁽¹⁰⁾, cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhơn và phi Nhơn v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó.

Tức thời Quán Thế Âm Bồ tát thương hàng Tứ chúng và Trời, Rồng, Nhơn, phi Nhơn v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: một phần dâng đức Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng vào tháp của Phật Đa Bửu⁽¹¹⁾.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ tát có sức oai thần tự tại như thế dạo đi nơi cõi Ta bà.

7. TRÙNG TỤNG⁽¹²⁾

Lúc đó, ngài Vô Tận Ý Bồ tát nói kệ hỏi Phật rằng:

Thế Tôn đủ tướng tốt!

Con nay lại hỏi kia

Phật tử nhơn duyên gì⁽¹³⁾

Tên là Quán Thế Âm?

Đấng đầy đủ tướng tốt

Kệ đáp Vô Tận Ý:

Ông nghe hạnh Quán Âm

Khéo ứng các nơi chốn.

Thệ rộng sâu như biển

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn⁽¹⁴⁾

Hầu nhiều nghìn ức Phật

Phát nguyện thanh tịnh lớn.

Ta vì ông lược nói

Nghe tên cùng thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi⁽¹⁵⁾.
Giả sử sanh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc trôi dạt biển lớn
Các nạn quý, cá, rồng
Do sức niệm Quán Âm
Sóng mòi chẳng chìm đặng.
Hoặc ở chót Tu Di⁽¹⁶⁾
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quán Âm
N như mặt nhựt treo không.
Hoặc bị người dữ rượt
Rớt xuống núi Kim Cang,
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng tồn đến mảy lông.
Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm dao làm hại
Do sức niệm Quán Âm
Đều liền sinh lòng lành.
Hoặc bị khổ nạn vua
Khi hành hình sắp chết

Do sức niệm Quán Âm
Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cầm xiềng xích
Tay chân bị gông cùm
Do sức niệm Quán Âm
Tháo rã được thoát khỏi.
Nguyên rửa, các thuốc độc
Muốn hại đến thân đó,
Do sức niệm Quán Âm
Trở hại nơi bốn nhơn⁽¹⁷⁾.
Hoặc gặp La sát dữ
Rồng độc các loài quỷ
Do sức niệm Quán Âm
Liên đều không dám hại.
Hoặc thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quán Âm
Vội vàng bỏ chạy thẳng.
Rắn độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt,
Do sức niệm Quán Âm
Nghe tiếng tự bỏ đi.
Mây sấm nổ sét đánh
Tuôn giá xối mưa lớn,
Do sức niệm Quán Âm

Liên được tiêu tan cả.
Chúng sanh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian.
Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào chẳng hiện.
Các loài trong đường dữ
Địa ngục, quý, súc sanh,
Sanh, già, bệnh, chết khổ
Lần đều khiến dứt hết.
Chơn quán, thanh tịnh quán
Trí huệ quán rộng lớn
Bi quán và từ quán⁽¹⁸⁾
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Sáng thanh tịnh không như
Huệ nhật phá các tối⁽¹⁹⁾
Hay phục tai gió lửa
Khắp soi sáng thế gian.
Lòng bi răn như sấm
Ý từ diệu dường mây
Xối mưa pháp cam lộ
Dứt trừ lửa phiền não.⁽²⁰⁾

Cãi kiện qua chỗ quan
 Trong quân trận sợ sệt
 Do sức niệm Quán Âm
 Cừ oán đều lui tan.
 Diệu âm, Quán thế âm
 Phạm âm, hải triều âm⁽²¹⁾
 Tiếng hơn thế gian kia
 Cho nên thường phải niệm.
 Niệm niệm chớ sanh nghi
 Quán Âm bực Tịnh Thánh
 Nơi khổ não nạn chết
 Hay vì làm nương cậy.⁽²²⁾
 Đủ tất cả công đức
 Mắt lành trông chúng sanh
 Biển phước lớn không lường
 Cho nên phải đánh lễ.

8. TỔNG KẾT NGHE KINH ĐƯỢC CÔNG ĐỨC LỚN

Bảy giờ, ngài Trì Địa Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ tát đạo nghiệp tự tại, Phổ Môn thị hiện sức thần thông này, thì phải biết công đức của người đó chẳng ít”.

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sanh đều phát tâm Vô đẳng đẳng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

■ THÍCH NGHĨA KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM PHỔ MÔN

[1] Toàn bộ kinh “*Diệu Pháp Liên Hoa*” (thông thường gọi tắt là kinh *Pháp Hoa*) có 28 phẩm chia làm 7 quyển. Phẩm Phổ Môn này là phẩm thứ 25, thuộc về quyển thứ 7.

[2] Phật đây là đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

[3] Tam thiên đại thiên (xem thích nghĩa ở sau kinh *A Di Đà*).

[4] Hằng hà sa (xem thích nghĩa ở sau kinh *A Di Đà*).

[5] Không thể cùng tận là phước đức đó còn mãi mãi không hết không dứt.

[6] Thân Phật, thân Duyên giác (Bích chi Phật) và thân Thanh văn là thân của ba bậc thánh xuất thế gian.

[7] Từ Phạm Vương đến Tỳ Sa Môn (một trong tứ Thiên Vương) là hiện thân của các vị trời cõi sắc và cõi dục để độ chúng sanh.

[8] Cháp Kim Cang Thần là thần cầm chày kim cương, thường trừ dẹp tà ma ác quỷ để trợ chánh pháp, ủng hộ người tu hành chơn chánh.

[9] Thí vô úy là ban cho sự không sợ hãi, nghĩa là làm cho thoát khỏi sự hoạn nạn hiểm nguy tật bệnh v.v...

[10] Tứ chúng:

- | | | |
|---------------|---|--------------------|
| 1. Tỳ kheo | } | (2 chúng xuất gia) |
| 2. Tỳ kheo ni | | |
| 3. Ưu bà tắc | } | (2 chúng tại gia) |
| 4. Ưu bà di | | |

[11] Trong hội Pháp Hoa, tháp của đức Phật Đa Bửu từ dưới đất hiện lên dừng tại trên lưng chừng không, để nghe

Phật Thích Ca nói kinh và để chứng thật, (xem kinh *Pháp Hoa* quyển thứ tư, phẩm thứ 11).

[12] Trùng tụng là lời kê tụng thuật lại những điều, những nghĩa đã nói ở trước.

[13] Bồ tát từ nơi pháp của đức Phật mà nên, là con pháp của đức Phật nên gọi là Phật tử.

[14] Thệ nguyện rộng sâu của Bồ tát đã trải qua nhiều kiếp và không thể lấy tâm tư suy đoán bàn luận đến được.

[15] Những sự khổ trong cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

[16] Núi Tu Di xem lời (Thích nghĩa ở sau Hồng Danh).

[17] Những thứ nguyên rửa, bùa chú, thuốc độc v.v... trở lại hại người chủ.

[18] Chân quán: chân trí soi chơn lý.

Thanh tịnh quán: Rõ thấu pháp tánh thanh tịnh.

Quảng đại trí huệ quán: Trí huệ rộng lớn suốt thấu tất cả pháp.

Bi quán: Lòng đại bi xem xét sự khổ của mọi loài để cứu vớt chúng.

Từ quán: Lòng đại từ thường xem xét mọi loài thường ưa thích những gì để ban sự vui cho chúng.

[19] Trí huệ phá tan sự mê lầm ngu dại như ánh sáng mặt trời trừ chỗ tối tăm nên gọi là huệ nhật.

[20] Phiền não là những lòng tham, giận v.v... nó làm cho tâm người loạn động bứt rứt khổ sở, như bị lửa đốt.

[21] Diệu âm: Tiếng nhiệm màu khai ngộ cho tất cả chúng sanh.

Quán thế âm: Tiếng quan sát thế gian để cứu giúp.

Phạm âm: Tiếng thanh tịnh.

Hải triều âm: Tiếng lớn vang khắp và đúng giờ, như tiếng nước triều trong biển.

[22] Bồ tát là nơi chúng sanh nương dựa để được mọi điều vui, cậy nhờ để được khỏi những sự khổ.

*

NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TÂM THANH CỨU KHỔ

Một chuyện linh cảm của đức Quán Thế Âm Bồ tát xảy ra vào năm 1940 (DL) do thầy giáo thọ Đạt Từ, trụ trì chùa Thiên Tôn (làng Thạnh Mỹ Lợi tỉnh Gia Định) tường thuật

Hoặc trôi giạt biển lớn, các nạn quỷ cá rồng.

Do sức niệm Quán Âm, sóng mòi chẳng chìm đắm.

Tại Nam phần Việt Nam, gần đây có một người bốn xứ nhập tịch dân Pháp tên là Brillan. Bà thân của ông vốn tin trọng Phật, thường niệm Quán Thế Âm Bồ tát. Bà thường nhắc những chuyện linh cảm của Bồ tát để khuyên dạy con cháu. Vì thế ông Brillan sớm đã có tin tưởng Bồ tát. Lớn lên đi lính, lắm khi gặp việc bất tường ông thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thời đều được toại nguyện. Lúc ông được bỏ vào sở thủy phi thuyền thời ông đã lên chức thiếu úy.

Năm 1940 DL. một hôm thiếu úy Brillan cùng với đại úy Touf-fan, trung úy Retourna, ba người ngồi phi thuyền ra Côn Lôn.

Lúc trở về phi thuyền hư, nên đồng ngộ nạn ngoài biển khơi. Trong lúc nguy khốn chỉ còn dự bị để chờ chết vì sóng to chụp lên phi thuyền, mặc cho hai ông kia rôi rít gọi nhau lo kế thoát khổ, thiếu úy chỉ cả tiếng kêu cầu Quán Thế Âm Bồ tát. Chiếc phi thuyền vẫn lững đững lơ đờ trên lượn sóng đến

mấy tiếng đồng hồ. Rất may, một chiếc tàu đánh cá của người Nhật bắt gặp.

Sau khi thòng thang dây xuống cho ba người leo lên, chiếc phi thuyền liền chìm! Toàn trên tàu cả khách lẫn chủ, ai cũng lấy làm lạ. Tại sao chiếc phi thuyền lúc có người thời mãi mấy giờ vẫn bập bênh không chìm, bây giờ không có người lại chìm liền như vậy? Thiếu úy lần lượt thuật lại sự linh cảm của Quán Thế Âm, ngày trước cũng như vừa rồi ngộ nạn phi thuyền ông luôn kêu cầu Bồ tát mà đều có ứng nghiệm. Chiếc phi thuyền kia đáng lẽ chìm liền khi sóng biển chụp lên, nhưng vẫn bập bênh chờ cả ba lên tàu rồi mới chìm đắm, đó phải chăng là do oai thần của Quán Thế Âm Bồ tát cứu hộ?

Nghe thiếu úy trình trọng giải bày, đại úy Touffan rất chú ý, vì đại úy công nhận rằng chiếc phi thuyền lúc này không chìm là do một sự lạ lùng không thể có được, và nhớ rõ rằng Brillan chỉ một mặt chấp tay kêu gọi nhờ cầu cứu với một đấng thiêng liêng nào, trong lúc ông và trung úy Retourna lính quýnh không tìm ra chức thoát thân.

Từ đó về sau, đại úy rất tín ngưỡng đạo Phật, và biết ơn đối với Quán Thế Âm Bồ tát. Muốn tỏ lòng thành, đại úy cất một cái am thờ Phật rất trang nghiêm tại Cát Lái (làng Thạnh Mỹ Lợi, Gia Định). Thường ngày hai lần đại úy đến am dâng hoa chiêm ngưỡng. Thỉnh thoảng đại úy cũng có đến chùa Thiền Tôn cúng Phật trong những ngày lễ hay ngày tam ngươn. Ông thường nhắc đến câu chuyện ngộ nạn phi thuyền trên đây và cũng vì đó mà ông tin Phật.

Hiện nay đại úy đã đổi đi nơi khác. Cái am đã biến thành trại xưởng, nhưng Cai Tham vẫn ghi rõ chuyện trên và thường thuật lại cho người khác nghe.

PHẬT NÓI KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT⁽²⁾

Hán dịch: Nhà Dao Tần,
Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập

1. PHÁP HỘI NHƠN DO

Ta nghe như vậy:

Một lúc nọ, đức Phật ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước Xá Vệ, cùng với chúng đại Tỳ kheo một nghìn hai trăm năm mươi người câu hội⁽³⁾. Lúc đó, gần đến giờ ăn, đức Thế Tôn đắp y, cầm bát vào thành lớn Xá Vệ mà khát thực. Trong thành ấy, đức Phật theo thứ tự ghé từng nhà khát thực xong⁽⁴⁾, trở về Tinh xá, dùng cơm rồi cất y bát, sau khi rửa chân xong, đức Phật trải tòa mà ngồi.

2. ÔNG TU BỒ ĐỀ THƯA HỎI⁽⁵⁾

Bấy giờ ông Trưởng lão Tu Bồ đề, ở trong Đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bên vai hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, cung kính chắp tay mà bạch cùng đức Phật rằng: “Hy hữu thay, đức Thế Tôn! Đức Như Lai khéo hay hộ niệm⁽⁶⁾ các vị Bồ tát và khéo hay phó chúc⁽⁶⁾ cho các vị Bồ tát!

Bạch đức Thế Tôn! Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải trụ tâm như thế nào, nên hàng phục tâm mình như thế nào?”

Đức Phật dạy:

Hay thay! Hay thay! Nay Tu Bồ đề! Đúng như lời của ông vừa nói, đức Như Lai khéo hay hộ niệm các vị Bồ tát và khéo hay phó chúc cho các vị Bồ tát. Nay ông nên lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải trụ tâm như thế này, phải hàng phục tâm mình như thế này.

- Vâng, bạch đức Thế Tôn! Con xin vui thích muốn nghe.

3. ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ đề:

Các vị đại Bồ tát phải hàng phục tâm mình như thế này: Bao nhiêu những loài chúng sanh, hoặc là loài noãn sanh, hoặc loài thai sanh, hoặc loài thấp sanh, hoặc loài hóa sanh; hoặc loài có hình sắc, hoặc loài không hình sắc; hoặc loài có tư tưởng, hoặc loài không tư tưởng, hoặc loài chẳng phải có tư tưởng mà cũng chẳng phải không tư tưởng⁽⁸⁾, thì Ta đều diệt độ đó mà làm cho vào nơi vô dư Niết bàn⁽⁹⁾.

Diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh như thế, mà thật không có chúng sanh là kẻ được diệt độ. Tại sao vậy? Đây, Tu Bồ đề! Nếu vị Bồ tát còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ tát.

4. DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

Tu Bồ đề! Lại nữa, vị Bồ tát, đứng nơi pháp, phải nên không có chỗ trụ trước mà làm việc bố thí. Nghĩa là không trụ trước nơi hình sắc mà bố thí, không trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà bố thí⁽¹⁰⁾.

Này Tu Bồ đề! Vị Bồ tát phải nên bố thí như thế, chẳng trụ trước nơi tướng. Tại vì sao? Vì nếu vị Bồ tát, không trụ trước nơi tướng mà bố thí thì phước đức nhiều không thể suy lường.

Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ sao? Có thể suy lường được cõi hư không ở phương Đông chăng?

- Bạch đức Thế Tôn, không thể suy lường được.

- Tu Bồ đề! Có thể suy lường được cõi hư không ở phương Nam, Tây, Bắc, cõi hư không ở bốn hướng cạnh⁽¹¹⁾ và cõi hư không ở Trên, Dưới, chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không thể suy lường được.

- Tu Bồ đề! Vị Bồ tát không trụ trước nơi tướng mà bố thí, thì phước đức cũng lại như thế, không thể suy lường được. Tu Bồ đề! Vị Bồ tát chỉ phải nên đứng như lời Ta đã dạy đó mà trụ.

5. THẤY CHƠN THẬT ĐÚNG LÝ

- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ sao? Có thể do nơi thân tướng mà thấy Như Lai chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không thể do nơi thân tướng mà được thấy Như Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như Lai nói thân tướng đó chính là chẳng phải thân tướng⁽¹²⁾.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Phàm hề có tướng đều là hư vọng cả. Nếu nhận thấy các tướng đều là không phải các tướng chính là thấy Như Lai.

6. CHÁNH TÍN RẤT HY HỮU

Ông Tu Bồ đề bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Như có chúng sanh nào được nghe những câu, bài giảng giải như vậy, có sanh lòng tin là thật chẳng?

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Ông chớ nói lời ấy! Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm cuối sau, có người trì giới, tu phước có thể sanh lòng tin nơi những câu trong bài này mà cho đó là thật; thì phải biết rằng người ấy chẳng phải chỉ vun trồng căn lành nơi

một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà người đó đã vun trồng căn lành từ nơi vô lượng nghìn muôn đức Phật rồi.

Như có ai nghe những câu bài này sanh lòng tin trong sạch nhân đến chừng trong khoảng một niệm. Tu Bồ đề! Đức Như Lai đều thấy, đều biết, những chúng sanh đó được phước đức vô lượng dường ấy. Tại vì sao? Vì những chúng sanh đó không còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp, cũng không có tướng phi pháp. Tại vì sao? Vì những chúng sanh đó, nếu trong lòng chấp tướng thì chính là chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Nếu chấp tướng pháp thì chính là chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả và vì nếu chấp tướng phi pháp thì cũng chính là chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; vì thế cho nên chẳng nên chấp pháp và cũng chẳng nên chấp phi pháp. Cũng bởi nghĩa đó Như Lai thường dạy rằng: “Này các Tỳ kheo, các ông phải biết pháp của Ta nói ra đó dụ cũng như thuyền bè⁽¹³⁾, đến pháp còn phải xả bỏ huống nữa là phi pháp!”⁽¹⁴⁾.

7. VÔ ĐẶC VÔ THUYẾT

- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Đức Như Lai có chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Đức Như Lai có nói pháp chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thì không có pháp nhưt định nào gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhưt định nào mà đức Như Lai có thể nói được. Bởi vì sao? Vì pháp của đức Như Lai nói đều không thể vin lấy, không thể nói được, chẳng phải pháp, chẳng phải không phải pháp. Tại vì sao? Vì tất cả Hiền Thánh đều do nơi pháp vô vi mà có từng bậc khác nhau⁽¹⁵⁾.

8. Y PHÁP XUẤT SANH CÔNG ĐỨC

- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Như có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi Tam thiên Đại thiên để làm việc bố thí, phước đức của người đó được có nhiều chăng?

Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Tại sao? Vì phước đức đó chính là không phải thật phước đức cho nên đức Như Lai nói là phước đức nhiều.

- Còn như có người nơi trong kinh này nhận đến thọ trì một bài kệ bốn câu v.v... lại giảng nói cho người khác thì phước đức này trội hơn phước đức trước. Bởi vì sao? Nay Tu Bồ đề! Tất cả các đức Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các đức Phật, đều từ kinh này mà có ra.

Nay Tu Bồ đề! Phật pháp nói đó chính chẳng phải là Phật pháp.

9. NHỨT TƯỚNG KHÔNG CÓ TƯỚNG⁽¹⁶⁾

- Tu Bồ đề! Vị Tu đà hoàn có thể tự nghĩ là mình chứng được quả Tu đà hoàn chăng⁽¹⁷⁾?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn, không thể được! Bởi vì sao? Vì vị Tu đà hoàn, gọi là bực Nhập lưu, mà chính không nhập vào nơi đâu; chẳng vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là Tu đà hoàn.

- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Vị Tu đà hàm có thể tự nghĩ rằng mình được quả Tu đà hàm chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì vị Tu đà hàm gọi là bực Nhứt vãng lai, mà thật không có vãng lai, đó gọi là Tu đà hàm.

- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Vị A na hàm có thể tự nghĩ rằng, mình được quả A na hàm chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì vị A na hàm gọi là bực Bất lai, mà thật không có tướng bất lai cho nên gọi là A na hàm.

- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Vị A la hán có thể tự nghĩ rằng, mình chứng được quả vị A la hán chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì thật không có pháp chi gọi là A la hán. Bạch đức Thế Tôn! Nếu như vị A la hán nghĩ thế này: Ta được đạo A la hán, thì chính là chấp trước tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật dạy rằng con được môn Vô Tránh tam muội⁽¹⁸⁾, là bực nhứt trong mọi người, là bực A la hán ly dục thứ nhứt. Bạch đức Thế Tôn! Nếu con tự nghĩ rằng mình được đạo A la hán, thì chắc đức Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ đề là người ưa hạnh tịch tịnh. Bởi Tu Bồ đề thật không móng niệm, mới gọi Tu Bồ đề là ưa hạnh tịch tịnh.

10. TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Ý của ông nghĩ thế nào? Thuở xưa, hỏi ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai ở nơi pháp có chỗ được chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Hỏi ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, ở nơi pháp, đức Như Lai thật không chỗ được.

- Nay, Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Bồ tát có trang nghiêm Phật độ chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không, tại vì sao? Vì trang nghiêm Phật độ đó, chính chẳng phải trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm.

- Nay, Tu Bồ đề! Vì thế các vị đại Bồ tát, phải nên sanh tâm thanh tịnh như vậy: Chẳng nên trụ trước nơi sắc mà sanh tâm, chẳng nên trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc và pháp mà sanh tâm, nên "không chỗ trụ trước" mà sanh tâm thanh tịnh kia.

Nay, Tu Bồ đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu Di⁽¹⁹⁾, ý của ông nghĩ thế nào? Thân của người đó có lớn chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Rất lớn. Bởi vì sao? Vì đức Phật nói chẳng phải thân, đó gọi là thân lớn.

11. PHƯỚC ĐỨC VÔ VI THÙ THẮNG

- Tu Bồ đề! Như trong một sông Hằng có bao nhiêu số cát, số sông Hằng lại đồng như số cát đó. Ý của ông nghĩ thế nào? Số cát trong những sông Hằng đó chừng có nhiều chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều. Nội những sông Hằng đã là nhiều vô số rồi, huống nữa là số cát trong sông!

- Nay, Tu Bồ đề! Nay Ta nói thật mà bảo ông. Nếu có trang nam tử, người nữ nhơn nào đem bảy thứ báu đầy cả ngàn ấy hằng hà sa số cõi Tam thiên Đại thiên để làm việc bố thí, người đó được phước có nhiều không?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều”.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Nơi trong kinh này, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào thọ trì nhẫn đến một bài kệ bốn câu v.v... và giảng nói cho người khác nghe, thì phước đức này hơn phước đức trước kia.

12. TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

Này Tu Bồ đề! Lại nữa, tùy chỗ nào giảng nói kinh này hẳn đến một bài kệ bốn câu v.v... phải biết chỗ đó, tất cả Trời, Người, A tu la... trong đời, đều nên cúng dường như là tháp miếu thờ đức Phật. Huống nữa là có người nào hay thọ trì, đọc tụng trọn cả kinh này!

Này Tu Bồ đề! Phải biết người ấy thành tựu pháp tối thượng, hy hữu bậc nhất. Còn nếu kinh điển này ở tại chỗ nào, thì chỗ đó chính là có đức Phật hoặc có hàng tôn trọng đệ tử của Phật⁽²⁰⁾.

13. THỌ TRÌ ĐÚNG NHƯ PHÁP

Bấy giờ ông Tu Bồ đề bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Tên gọi kinh này là gì? Chúng con phải phụng trì thế nào?”.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề rằng:

Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, ông nên theo danh tự ấy mà phụng trì. Bởi vì sao? Này Tu Bồ đề, đức Phật nói Bát nhã ba la mật, chính chẳng phải Bát nhã ba la mật, đó gọi là Bát nhã ba la mật.

Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Như Lai có chỗ nói pháp chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Như Lai không chỗ nói pháp.
- Tu Bồ đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Bao nhiêu vi trần trong cõi Tam thiên Đại thiên, thế là nhiều chẳng⁽²¹⁾?
- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều.
- Này Tu Bồ đề! Những vi trần ấy, Như Lai nói chẳng phải vi trần, đó gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới. Này Tu Bồ đề! Nơi ý của

ông nghĩ thế nào? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chẳng⁽²²⁾?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Chẳng có thể do ba mươi hai tướng mà được thấy Như Lai. Bởi vì sao? Đức Như Lai nói ba mươi hai tướng chính chẳng phải tướng, đó gọi là ba mươi hai tướng.

- Tu Bồ đề! Như có trang thiện nam, người thiện nữ nào đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí. Nếu lại có người theo trong kinh này, mà thọ trì nhẫn đến bài kệ bốn câu v.v... mà giảng nói cho người khác nghe, thì phước của người này nhiều hơn người trên.

14. VẮNG LẠNG LÀ TƯỚNG

Bây giờ, ông Tu Bồ đề nghe đức Phật nói kinh này, thì ông hiểu thấu nghĩa thú⁽²³⁾ của kinh, nên ông buồn khóc mà bạch với đức Phật rằng:

- Hy hữu thay, đức Thế Tôn! Đức Phật nói kinh điển rất sâu xa dường ấy, từ ngày được huệ nhãn đến nay, con chưa từng được nghe kinh điển như thế này. Bạch đức Thế Tôn! Nếu lại có người nào được nghe kinh này mà có lòng tin thanh tịnh thì chính là sanh thật tướng. Phải biết người ấy thành tựu công đức hy hữu bực nhứt.

Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng đó chính chẳng phải tướng, cho nên đức Như Lai gọi là thật tướng.

Bạch đức Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển thế này, con tin hiểu, thọ trì chẳng đủ lấy làm khó. Nếu khoảng năm trăm năm rớt sau ở đời tương lai, mà có chúng sanh nào được nghe kinh này rồi tin hiểu thọ trì thì người ấy chính là hy hữu bực nhứt. Bởi vì sao? Vì người ấy không có tướng ngã, không có tướng nhơn, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả. Vì sao thế? Vì tướng ngã chính là không phải tướng,

tướng nhờn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, chính là không phải tướng! Bởi vì sao? Vì rời lìa tất cả tướng chính đó gọi là chư Phật.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Đúng thế! Đúng thế! Lại như có người được nghe kinh này mà lòng không kinh hãi, không e sợ, không nhút nhát, thì phải biết người đó rất là hy hữu. Bởi vì sao? Đây Tu Bồ đề! Đức Như Lai nói môn Ba la mật thứ nhứt chính chẳng phải môn Ba la mật thứ nhứt, đó gọi là môn Ba la mật thứ nhứt.

Này Tu Bồ đề! Môn Nhẫn nhục ba la mật, đức Như Lai nói đó chẳng phải Nhẫn nhục ba la mật, đó gọi là Nhẫn nhục ba la mật. Bởi vì sao? Đây Tu Bồ đề! Như Ta thuở xưa bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể⁽²⁴⁾. Trong lúc đó, Ta không có tướng ngã, không có tướng nhờn, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả. Vì sao vậy? Vì thuở xưa, trong lúc thân phận bị chặt rời rã đó, nếu Ta có tướng ngã, tướng nhờn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì lẽ ra Ta móng lòng hờn giận.

Này Tu Bồ đề! Ta lại nhớ hồi thuở quá khứ, trong năm trăm đời Ta làm vị Tiên nhẫn nhục. Trong bao nhiêu đời đó, Ta không tướng ngã, không tướng nhờn, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả.

Tu Bồ đề! Vì thế nên Bồ tát phải rời lìa tất cả tướng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng nên trụ trước nơi sắc mà sanh tâm, chẳng nên trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sanh tâm. Nên sanh tâm không trụ trước vào đâu cả. Nếu như tâm có trụ, chính là chẳng phải trụ nên đức Phật nói tâm của Bồ tát chẳng nên trụ trước nơi sắc mà bố thí.

Này Tu Bồ đề! Bồ tát vì lợi ích cho tất cả chúng sanh nên phải bố thí như thế. Đức Như Lai nói tất cả các tướng chính là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh chính là chẳng phải chúng sanh. Đây Tu Bồ đề! Đức Như Lai là bực nói lời

chơn chánh, lời chắc thật, lời đứng đắn, lời không phỉnh phờ, lời không sai khác. Nay Tu Bồ đề! Pháp của đức Như Lai chúng được, pháp ấy, không thật, không hư⁽²⁵⁾.

Nay Tu Bồ đề! Nếu tâm của Bồ tát trụ trước nơi pháp mà làm việc bố thí, thì như người vào chỗ tối tăm liền không thấy được chi cả. Nếu tâm của Bồ tát không trụ trước nơi pháp mà làm việc bố thí, thì như người có mắt sáng lại có ánh sáng của mặt trời chiếu đến liền thấy các thứ hình sắc.

Nay Tu Bồ đề! Về đời đương lai, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào có thể thọ trì, đọc tụng kinh này, liền được đức Như Lai dùng trí huệ của Phật đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, thấy đều được thành tựu công đức vô lượng, vô biên.

15. CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Nay Tu Bồ đề! Nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào vào khoảng buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố thí, vào khoảng buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố thí, vào khoảng buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố thí; trong vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp đem thân mạng bố thí như thế. Lại như có người nào nghe kinh điển này mà sanh lòng tin không trái, thì phước của người này hơn phước của người trước kia, huống chi là biên chép, thọ trì, đọc tụng, nói cho người khác nghe!

Nay Tu Bồ đề! Tóm tắt mà nói đó, thì kinh này có vô biên công đức không thể nghĩ bàn, không thể cân lường được. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà nói, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Như có người nào có thể thọ trì, đọc tụng, giảng nói rộng ra cho người khác nghe, thì đức Như Lai đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, thấy đều được thành tựu công đức không thể lường được, không thể cân được, không có ngần mé, không thể nghĩ bàn được. Những

người như thế chính là người gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của đức Như Lai. Bởi vì sao? Đây Tu Bồ đề! Vì nếu người nào ham ưa pháp Tiểu thừa chấp trước tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì ở nơi kinh này, người ấy không thể nghe nhận, đọc tụng và giảng nói cho người khác nghe được.

Này Tu Bồ đề! Nếu những nơi chỗ nào mà có kinh này thì tất cả Trời, Người, A tu la... trong đời đều nên cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp thờ đức Phật, đều phải cung kính lễ lạy, đi nhiễu quanh⁽²⁶⁾ đem các món hoa hương mà rải trên chỗ đó.

16. SẠCH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG

Lại nữa, này Tu Bồ đề! Như trang nam tử, người nữ nhơn nào thọ trì, đọc tụng kinh này, hoặc lại bị người khinh tiệt; tội nghiệp đã gây ra trong đời trước người ấy đáng lẽ sẽ phải đọa vào ác đạo, nhưng bởi trong đời nay bị người khinh tiệt, nên tội nghiệp đã gây ra trong đời trước đó liền được tiêu diệt, người ấy sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề! Ta nhớ lại hồi thuở trước đức Phật Nhiên Đăng ra đời vô lượng vô số kiếp về quá khứ, Ta gặp đặng tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha các đức Phật, lúc ấy Ta thấy đều hâu hạ, cúng dường không có luống bỏ qua. Về đời mạt thế sau này, nếu lại có người hay thọ trì, đọc tụng kinh này, thì công đức của những người ấy được, công đức cúng dường các đức Phật của Ta trong thuở trước, sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn muôn ức cho đến tính đếm thí dụ đều chẳng bằng được.

Này Tu Bồ đề! Về đời mạt thế sau này, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng kinh này, công đức của những người đây được, nếu Ta nói đủ hết cả ra, hoặc có kẻ nghe đó, trong lòng liền cuồng loạn, nghi ngờ không tin.

Này Tu Bồ đề! Phải biết rằng, vì nghĩa lý của kinh này chẳng thể nghĩ bàn được nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn được!

17. RỐT RÁO KHÔNG NGÃ

Bấy giờ, ông Tu Bồ đề bạch với đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải trụ tâm như thế nào, phải hàng phục tâm mình như thế nào?

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó, thì phải sanh tâm như vậy: “Ta phải diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh xong mà không có một chúng sanh nào thật diệt độ”. Bởi vì sao? Này Tu Bồ đề! Nếu Bồ tát có tướng ngã; tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chính là chẳng phải Bồ tát. Vì có sao? Này Tu Bồ đề! Vì thật ra không có pháp chi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả!

Tu Bồ đề! Nơi ý Ông nghĩ thế nào? Ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp chi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không, như chỗ con hiểu nghĩa lý của đức Phật nói, thì đức Như Lai ở nơi đức Phật Nhiên Đăng không có pháp chi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Đức Phật dạy rằng:

Đúng thế! Đúng thế! Này Tu Bồ đề! Thật không có pháp chi đức Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề! Nếu có pháp đức Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì đức Phật Nhiên Đăng bèn

chẳng thọ ký cho Ta rằng: “Ông ở đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni”. Bởi thật không có pháp chi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên đức Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Ta mà nói lời này: “Ông ở đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni”.

Bởi vì sao? Vì Như Lai đó chính là nghĩa các pháp Như Như⁽²⁷⁾. Nếu có người nói rằng: “Đức Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Nay Tu Bồ đề! Thật ra không có pháp chi mà đức Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nay Tu Bồ đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của đức Như Lai chứng được, trong đó không thật, không hư, vì thế đức Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Nay Tu Bồ đề! Tất cả pháp mà đức Phật nói đó, chính chẳng phải tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp.

Nay Tu Bồ đề! Ví như thân người cao lớn.

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Đức Như Lai nói thân người cao lớn, chính là chẳng phải thân cao lớn, đó tạm gọi là thân cao lớn.

- Nay Tu Bồ đề! Bồ tát cũng như thế. Nếu nói lời như vậy: “Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh”, thì vị đó không gọi là bực Bồ tát. Bởi vì sao? Nay Tu Bồ đề! Thật không có pháp chi gọi là Bồ tát. Vì thế, đức Phật nói tất cả pháp, không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả.

Nay Tu Bồ đề! Nếu Bồ tát nói như thế này: “Ta phải trang nghiêm Phật độ”, thì vị ấy không gọi là bực Bồ tát. Bởi vì sao? Vì đức Như Lai nói trang nghiêm Phật độ, chính chẳng phải trang nghiêm đó tạm gọi là trang nghiêm.

Nay Tu Bồ đề! Nếu Bồ tát thông đạt được lý không ngã, không pháp đó⁽²⁸⁾, thì Như Lai gọi là thật phải bực Bồ tát.

18. XEM ĐỒNG MỘT THỂ

Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Đức Như Lai có nhục nhãn chăng? ⁽²⁹⁾

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng thể, đức Như Lai có nhục nhãn.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Đức Như Lai có Thiên nhãn chăng?

-Bạch đức Thế Tôn! Đúng thể. Đức Như Lai có Thiên nhãn.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Đức Như Lai có Huệ nhãn chăng?

-Bạch đức Thế Tôn! Đúng thể. Đức Như Lai có Huệ nhãn.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Đức Như Lai có Pháp nhãn chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng thể. Đức Như Lai có Pháp nhãn.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Đức Như Lai có Phật nhãn chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng thể. Đức Như Lai có Phật nhãn.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Như bao nhiêu cát trong sông Hằng, đức Phật có nói là cát chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng thể, đức Như Lai nói là cát.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thể nào? Ví như có bao nhiêu cát trong một sông Hằng, có những sông Hằng bằng số cát như thế, cõi Phật như bao nhiêu số cát trong những sông Hằng đó, như thế chừng có nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều!

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề:

Bao nhiêu thứ tâm niệm của tất cả chúng sanh trong ngàn ấy cõi nước, đức Như Lai đều biết rõ. Bởi vì sao? Vì đức Như Lai nói các thứ tâm đều là chẳng phải tâm, đó gọi là tâm. Vì có sao thế? Này Tu Bồ đề! Tâm quá khứ chẳng thể đặng, tâm hiện tại chẳng thể đặng, tâm vị lai chẳng thể đặng.

19. THÔNG HÓA PHẬT GIÁO

Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thế nào? Như có người đem bảy thứ báu, đầy cả cõi Tam thiên Đại thiên để dùng bố thí. Do nhơn duyên như thế, người ấy được phước có nhiều chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng thế. Người đó do nhơn duyên ấy được phước rất nhiều.

- Này Tu Bồ đề! Nếu phước đức là có, thì đức Như Lai chẳng nói là được phước đức nhiều. Do vì phước đức là không, nên đức Như Lai mới nói được phước đức nhiều.

20. LÀ SẮC LÀ TƯỚNG

Này Tu Bồ đề! Nơi ý ông nghĩ thế nào? Có thể do sắc thân cụ túc để thấy đức Phật chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Chẳng nên do sắc thân cụ túc để thấy đức Như Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như Lai nói sắc thân cụ túc, chính chẳng phải sắc thân cụ túc, đó gọi là sắc thân cụ túc.

- Này Tu Bồ đề! Nơi ý ông nghĩ thế nào? Có thể do nơi các tướng cụ túc mà thấy được đức Như Lai chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Chẳng nên do các tướng cụ túc mà thấy đức Như Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như Lai nói các

tướng cụ túc, chính là chẳng phải cụ túc, đó gọi là các tướng cụ túc.

21. CHẲNG PHẢI NẰNG THUYẾT SỞ THUYẾT

- Này Tu Bồ đề! Ông chớ nói rằng đức Như Lai nghĩ thế này: “Ta nên có chỗ thuyết pháp”, ông đừng nghĩ như thế. Bởi vì sao? Vì nếu người nào nói rằng: “Đức Như Lai có thuyết pháp”, thì là hủy báng đức Phật, không hiểu được nghĩa lý của Phật nói.

Này Tu Bồ đề! Thuyết pháp đó chính thật không có pháp chi nói được, đó gọi là thuyết pháp.

Bấy giờ, ông Huệ Mạng Tu Bồ đề bạch đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Trong vị lai, chùng có chúng sanh nào nghe nói pháp này mà sanh lòng tin chẳng?

Đức Phật dạy rằng:

Này Tu Bồ đề! Chúng sanh kia chẳng phải chúng sanh, cũng chẳng phải là không phải chúng sanh⁽³⁰⁾. Bởi vì sao? Này Tu Bồ đề! Những chúng sanh đó, đức Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, đó gọi là chúng sanh⁽³¹⁾.

22. KHÔNG PHÁP CHI CÓ THỂ ĐƯỢC

Ông Tu Bồ đề bạch với đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là không có chỗ chi được ư?

Đức Phật dạy rằng:

Đúng thế! Đúng thế! Này Tu Bồ đề! Ta ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhận đến không có chút pháp chi có thể gọi là được, đó mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

23. TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

Lại nữa, này Tu Bồ đề! Pháp đó bình đẳng không có cao, thấp, đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vì không ngã, không nhọn, không chúng sanh, không thọ giả, tu tất cả pháp lành liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề! Pháp lành đã nói đó, đức Như Lai nói chính chẳng phải pháp lành, đó gọi là pháp lành.

24. PHƯỚC ĐỨC TRÍ HUỆ KHÔNG CHI SÁNH BẰNG

Này Tu Bồ đề! Như trong cõi Tam thiên Đại thiên có bao nhiêu núi chúa Tu Di, nếu có người góp cả bảy thứ báu lại bằng những núi Tu Di đó, đem dùng mà bố thí.

Nơi kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* này nhận đến một bài kệ bốn câu v.v... nếu có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho kẻ khác nghe, thì phước đức của người bố thí trước sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn muôn ức, cho đến tính đếm thí dụ đều chẳng bằng được.

25. HÓA ĐỘ KHÔNG NGƯỜI ĐƯỢC HÓA ĐỘ

Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thế nào? Các ông chớ cho rằng đức Như Lai nghĩ như vậy: Ta phải hóa độ chúng sanh.

Này Tu Bồ đề! Ông đừng nghĩ như thế. Bởi vì sao? Vì thật không có chúng sanh nào đức Như Lai độ cả. Nếu có chúng sanh mà đức Như Lai độ đó, thì đức Như Lai còn có tướng ngã, nhọn, chúng sanh, thọ giả.

Này Tu Bồ đề! Đức Như Lai nói có ngã đó chính chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm phụ lại cho là có ngã. Này Tu Bồ đề! Phàm phụ đó, đức Như Lai nói chính chẳng phải phàm phụ, đó tạm gọi là phàm phụ.

26. PHÁP THÂN KHÔNG PHẢI SẮC TƯỚNG

Này Tu Bồ đề! Nơi ý của ông nghĩ thế nào? Có thể do nơi ba mươi hai tướng mà xem là đức Như Lai chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Đúng thế! Đúng thế! Do nơi ba mươi hai tướng mà xem là đức Như Lai.

Đức Phật dạy rằng:

Này Tu Bồ đề! Nếu do nơi ba mươi hai tướng mà xem là đức Như Lai đó, thì vua Chuyển Luân Thánh Vương chính là đức Như Lai rồi⁽³²⁾!

Ông Tu Bồ đề bạch với đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Theo như con hiểu nghĩa lý của đức Phật nói thì chẳng nên do nơi ba mươi hai tướng mà xem là đức Như Lai.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu dùng sắc thấy Ta

Dùng tiếng tầm cầu Ta

Người ấy tu đạo tà!

Chẳng thấy được Như Lai.

27. KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT

Này Tu Bồ đề! Nếu ông nghĩ thế này: “Đức Như Lai vì chẳng do nơi tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Này Tu Bồ đề! Ông đừng nghĩ như vậy: Đức Như Lai vì chẳng do nơi tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề! Nếu ông nghĩ như vậy: “Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đều đoạn diệt”. Ông đừng nghĩ như thế! Bởi vì sao? Vì nơi các pháp, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nói tướng đoạn diệt.

28. CHẲNG NHẬN LẤY CHẲNG THAM

Này Tu Bồ đề! Nếu Bồ tát đem bảy thứ báu đầy cả những cõi nước bằng số cát sông Hằng để làm việc bố thí. Nếu lại có người biết lý vô ngã của tất cả pháp mà được thành nhẫn trí⁽³³⁾. Vị Bồ tát này được công đức hơn phước đức của vị Bồ tát trước. Bởi vì sao? Này Tu Bồ đề! Vì các vị Bồ tát không nhận lấy phước đức.

Ông Tu Bồ đề bạch với đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao các vị Bồ tát không nhận lấy phước đức?

- Này Tu Bồ đề! Vị Bồ tát phàm có làm việc phước đức thì chẳng nên tham trước, vì thế nên nói là chẳng nhận lấy phước đức.

29. OAI NGHI VẮNG LẶNG

Này Tu Bồ đề! Nếu có người nói: “Đức Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm”, thì người ấy không hiểu nghĩa của Phật nói. Bởi vì sao? Vì Như Lai đó, không từ nơi nào lại, mà cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai!

30. NGHĨA LÝ NHỨT HIỆP TƯỚNG

Này Tu Bồ đề! Như có trang thiện nam, người thiện nữ đem cõi Tam thiên Đại thiên đập nát ra vì trần. Nơi ý ông nghĩ thế nào? Các vi trần đó có nhiều chăng?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều. Bởi vì sao? Vì nếu những vi trần đó là thật có, thì đức Phật chẳng nói là những vi trần. Vì có sao thế? Vì đức Phật nói những vi trần chính chẳng phải những vi trần, đó gọi là những vi trần.

Bạch đức Thế Tôn! Cõi Tam thiên Đại thiên của đức Như Lai nói, chính chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới. Bởi vì sao? Vì nếu thế giới là thật có ấy, thì là một hiệp tướng. Đức Như Lai nói một hiệp tướng chính chẳng phải một hiệp tướng, đó gọi là một hiệp tướng⁽³⁴⁾.

- Nay Tu Bồ đề! Một hiệp tướng đó bèn là chẳng thể nói được, chỉ nơi kẻ phàm phu tham trước việc ấy thôi.

31. TRI KIẾN KHÔNG SANH

Nay Tu Bồ đề! Như có người nói: “Đức Phật nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến⁽³⁵⁾”. Nơi ý của ông nghĩ thế nào? Người ấy hiểu nghĩa lý của Phật nói chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không. Người ấy không hiểu nghĩa lý của đức Phật nói. Bởi vì sao? Đức Thế Tôn nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, chính chẳng phải ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến; đó gọi là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

- Nay Tu Bồ đề! Nơi tất cả pháp, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sanh pháp tướng.

Nay Tu Bồ đề! Pháp tướng nói ra đó, đức Như Lai nói chính là không phải pháp tướng, đó gọi là pháp tướng.

32. ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI CHƠN THẬT

Nay Tu Bồ đề! Như có người đem bảy thứ báu đầy cả vô lượng vô số cõi nước để làm việc bố thí. Như có trang thiện nam, người thiện nữ nào phát tâm Bồ đề thọ trì kinh này, hẳn

đến một bài kệ bốn câu v.v... tự mình thọ trì, đọc tụng, lại giảng cho kẻ khác nghe, thì phước đức của người này hơn người trước.

Giảng nói cho người khác nghe như thế nào? Không chấp lấy nơi tướng, như như chẳng động. Bởi vì sao?

Tất cả những pháp hữu vi

Khác nào mộng, huyễn, khác gì điện, sương

Như bóng nước, như ảnh tượng

Xét suy như thế cho thường chớ quên!⁽³⁶⁾

33. TIN NHẬN VÂNG LÀM

Đức Phật nói kinh này xong, ông Trưởng lão Tu Bồ đề cùng với các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, tất cả Trời, Người, A tu la v.v... trong thế gian nghe những lời của đức Phật nói, thấy đều rất vui mừng, tin nhận, vâng theo tu hành.

*

■ THÍCH NGHĨA KINH KIM CANG

[1] Trong kinh *Pháp Hoa* phẩm *Dược Vương Bồ tát Bốn sự* có câu: “Lại rưới hương hải thử ngạn chiêm đàn, sáu thù hương này giá trị bằng cõi Ta Bà...” Sáu thù là hai chỉ rươi. Hương hải ngạn chiêm đàn là một thứ hương rất quý.

Trong *Trí Độ luận* nói: sau khi đức Thái tử Sĩ Đạt Đa bỏ ngôi đi xuất gia vào núi Tuyết tu hành, nhiều người nghĩ bà Da Du Đà La, vợ cũ của Thái tử, là có chữa hoang. Ở trước mặt mọi người bà lập thệ rằng:

Nếu ta không trinh chánh, đưa con trong bụng ta đây nếu không phải chính thật là con của Thái tử Sĩ Đạt Đa, nguyện ta cùng con đều bị lửa cháy tiêu.

Nguyện xong, bà liền nhảy vào hầm lửa. Lúc đó hầm lửa đang cháy hừng hực, bỗng biến thành ao nước mát mẻ đầy hoa sen tươi tốt, bà an lành ngồi trên hoa sen. Do đó mà mọi người đồng công nhận bà là bậc trinh chánh. Nay người tu hành dùng chí thành đem nén tâm hương cúng dường thập phương Tam bảo, như lòng chí thành của bà Da Du Đà La, thời quyết có cảm nghiệm.

[2] Bát nhã (Phạm âm) Tàu dịch là trí huệ. Ba la mật (Phạm âm) Tàu dịch là báu bử ngạn (ý nói trọn nên hoàn toàn). Trí huệ hoàn toàn này có thể phá tất cả sự mê lầm trong thế gian và xuất thế gian, mà không có điều mê lầm nào phạm đến được, dụ như kim cang (một chất rất cứng có thể phá vỡ các chất khác, không chất gì cứng bằng).

[3] Xem lời thích nghĩa ở sau kinh *A Di Đà*.

[4] Theo thứ tự ghé từng nhà khát thực đó là sau khi ghé nhà thứ nhất liền ghé vào nhà kế cận (nếu đồ ăn chưa đủ dùng), tuần tự như thế nào cho đến khi vừa đủ ăn thì thôi. Không chọn nhà này bỏ nhà kia, mặc dầu là nhà giàu hay nhà

nghèo, nhà sang hay nhà hèn. Đó là lòng từ bi bình đẳng của đức Phật lưu lộ ra nơi cử chỉ vậy. Đức Phật đi khắp thực là ý muốn cho mọi người được thấy nghi dung của Phật mà sinh lòng lành mộ đạo từ bi và để cho mọi người được phước, vì cúng dường cho đức Phật thời được phước đức rất lớn. Đức Phật là vô thượng phước điền của tất cả chúng sanh!

[5] Tu Bồ đề (Phạm âm) dịch là Không Sanh, là bậc đại A la hán, ngài tỏ ngộ lý chơn không bậc nhất trong hàng Thanh văn.

[6] Hộ niệm là để ý nghĩ nhớ đến hầu giúp đỡ cho.

[7] Phó chúc là giao phó dặn dò.

[8] Noãn sanh là loài từ trứng nở ra, như chim...

Thai sanh là loài từ bào thai đẻ ra như người...

Thấp sanh là loài từ chỗ ẩm ướt sanh ra, như trùn, đóm...

Hóa sanh là loài do sự biến chuyển hóa ra như Trời, địa ngục...

Có sắc là loài có sắc thân, như chúng sanh ở cõi dục cõi sắc.

Không sắc là loài không có thân bằng sắc chất, như chúng sanh ở cõi vô sắc.

Có tướng là loài có tướng gồm suy nghĩ, như người.

Không tướng là loài không tướng gồm suy nghĩ, như trời Vô Tướng.

Không phải có tướng không phải chẳng có tướng là loài không có sự tướng gồm thô mà có sự tướng gồm vi tế, như trời Phi Phi Tướng.

[9] Diệt độ là độ cho chúng sanh dứt sạch phiền não nghiệp chướng khỏi tất cả điều khổ lụy.

Vô dư Niết bàn là vắng bật tất cả phiền não, nghiệp chướng và khổ lụy không còn sót thừa (cảnh giới của chư Phật).

[10] Dầu vẫn bố thí luôn luôn mà trong lòng không thấy có mình là người bố thí kẻ khác là người thọ thí và đồ vật v.v... là của bố thí. Lòng vắng lặng không để dính mắc vào một điều gì, một sự gì nên gọi là không trụ trước. Không trụ trước thì lòng rộng rãi như hư không, nên phước đức cũng rộng lớn như hư không.

[11] Bốn hướng cạnh là đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc.

[12] Thân tướng là thân sắc vàng sáng chói đủ tướng tốt đẹp của Phật.

[13] Thuyền bè là vật tạm dùng để đưa người qua sông, đến bờ thì bỏ bè lên bộ. Giáo pháp của Phật cũng thế là những môn phương tiện đưa người tu hành qua khỏi sông mê, biển khổ. Khi lên bờ giác thì bỏ phương tiện.

[14] Pháp là pháp lành, pháp chánh, pháp thánh, pháp Phật v.v...

Phi pháp là pháp ác, pháp tà, pháp phàm, pháp chúng sanh v.v...

[15] Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là quả vị cứu cánh của chư Phật mà cũng là bản thể chơn thật thanh tịnh của tất cả muôn loài, nơi đó, tuyệt vọng đối đãi, rời tướng ngữ ngôn, rời tướng văn tự, dứt tâm tư, bật ý niệm... Nếu Vô thượng Chánh giác mà lời nói đến được, thì còn trong phạm vi tướng ngữ ngôn, là hư vọng, không phải thật Vô thượng Chánh giác. Nếu là thật Vô thượng Chánh giác thì không thể dùng lời nói kêu gọi được.

Pháp của đức Phật nói cũng như thế, rời tất cả tướng, dứt tư niệm, không thể cho là có, cũng không thể cho là không. Rời tất cả tướng nên không thể nói được, dứt tư niệm nên không thể duyên lấy, không phải có nên chẳng phải pháp, không phải không nên chẳng phải không phải pháp. Đó cũng gọi là vô vi

pháp. Vô vi pháp vẫn tuyệt đối mà do nơi vô vi pháp tu hành lại có các bậc hiền thánh cao thấp khác nhau ấy, chỉ bởi vì chỗ chứng ngộ của các Ngài không đồng nhau đấy thôi.

[16] Thẻ tánh chơn thật làm tướng chung cho tất cả pháp, bình đẳng không có tướng sai khác, nên gọi là nhứt tướng.

[17] Trong Thanh văn thừa có 4 quả vị; trong 4 quả vị này do sự tu hành dứt kiến hoặc và tư hoặc trong tam giới mà chứng đặng. Kiến hoặc trong tam giới có 88 món, dứt sạch 88 món kiến hoặc thời thoát khỏi phàm phu dự vào hàng thánh (Nhập lưu cũng gọi là Dự lưu, tiếng Phạm là Tu đà hoàn), đây là quả vị thứ nhứt.

Về tư hoặc, ở cõi dục có 9 phẩm, cõi sắc và vô sắc chung có 72 phẩm. Sau khi chứng bậc Tu đà hoàn (đã dứt 88 món kiến hoặc) thời phải tu hành dứt tư hoặc. 9 phẩm tư hoặc cõi Dục nó làm cho vị Tu đà hoàn phải bị 7 đời sanh tử ở cõi dục. Dứt được 6 phẩm trước thời chỉ còn 1 lần sanh tử ở cõi dục nên gọi là Nhứt lai (Tu đà hàm, Phạm âm) đây là quả vị thứ hai. Dứt luôn ba phẩm sau thời không còn bị sanh vào cõi dục nữa nên gọi là Bất lai (A na hàm, Phạm âm) đây là quả vị thứ ba. Dứt sạch luôn cả 72 phẩm tư hoặc cõi sắc và vô sắc thời thoát hẳn vòng sanh tử luân hồi nên gọi Vô sanh (A la hán, Phạm âm) đây là quả vị thứ tư.

[18] Vô tránh tam muội là môn chánh định cao siêu hơn hết trong các môn chánh định của hàng Thanh văn.

[19] Tu Di (xem lời thích nghĩa sau kinh *A Di Đà*).

[20] Hàng tôn trọng đệ tử của đức Phật như các ngài: Xá Lợi Phất, Ma Ha Ca Diếp v.v...

[21] Vi trần là bụi nhỏ.

Tam thiên đại thiên thế giới (xem lời thích nghĩa sau kinh *A Di Đà*).

[22] Trên thân Phật có 32 tướng tốt:

1. Nhục kế (đỉnh đầu thịt nổi vun lên rất đẹp)
2. Lôông trắng giữa chặn hai chon mày (bạch hào)
3. Tròng mắt đen trắng phân minh
4. Lôông nheo như cửa Nguru vương
5. Gương mặt tròn trịa đầy đặn như trăng rằm
6. Răng đủ 40 cái
7. Răng nhỏ đều khít khao
8. Răng trắng trong tinh sạch
9. Lưỡi rộng dài, khi le ra có thể trùm cả mặt đến mí tóc
10. Tiếng nói thanh tao và nghe được rất xa
11. Trong cổ hầu thường có chất nước cam lồ rịn ra
12. Thân mình nở nang tròn suông
13. Mã âm tàng
14. Hai bên hông đầy đặn
15. Hai tay dài quá gối
16. Cánh tay và bàn tay da thịt mềm dịu như bông
17. Ngón tay dài và vót
18. Vế như cửa Lộc vương
19. Lưng hai bàn chân no tròn
20. Lòng bàn chân bằng phẳng
21. Gót chân tròn trịa
22. Lòng bàn chân có chỉ xoáy rõ ràng như bánh xe nghìn cọng
23. Ngón tay và ngón chân đều có da mỏng như lưới mịn, trong suốt như pha lê dính liền nhau

24. Bảy chỗ trong thân đều đầy đặn (hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân, hai vai, yết hầu)
25. Tất cả lỗ chân lông đều có lông đẹp
26. Lông và tóc đều xoắn tròn về phía hữu
27. Da mịn màng trơn láng
28. Màu da như màu vàng ròng tử kim
29. Thân hình cao lớn hơn mọi người
30. Hình tướng đoan nghiêm
31. Thân hình ngay thẳng vững vàng
32. Thường có ánh sáng sắc vàng ròng chiếu ra một tầm

Trên đây là 32 tướng chánh, còn có rất nhiều tướng tốt khác như bát thập tùy hình hảo v.v...

[23] Nghĩa thú là nghĩa lý và chỉ thú.

[24] Thuở quá khứ, nước Ba La Nại, có vị quốc vương hiệu Ca Lợi. Một hôm vua dẫn quan quân và cung phi đi du ngoạn cảnh núi rừng. Trong khi nhà vua nằm nghỉ dưới bóng cây vì mỏi mệt, các cung phi rủ nhau đi hái hoa rừng để đem về hiến vua. Trên gộp đá, các cung phi gặp một nhà tu dung nghi oai nghiêm khác thường, Đại Tiên Sần Đề Ba La đang tịnh tọa! Tỏ lòng kính ngưỡng, các cung phi đồng dâng hoa cúng dường Đại Tiên rồi chĩnh tề ngồi hai bên nghe Đại Tiên giảng dạy đạo lý.

Vừa lúc đó vua và quan quân kéo đến. Thấy cung phi mình kính ngưỡng Đại Tiên, nhà Vua không bằng lòng, liền đến trước gộp đá:

Người ở đây làm việc gì? Nhà vua hỏi gần từng tiếng một.

- Tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục. Đại Tiên thông thả đáp.

- Đê ta thử ngươi! Vua Ca Lợi nói với một giọng mỉa mai đầy căm tức. Dứt lời, vua tuốt gươm chặt cụt hai cánh tay của Đại Tiên rồi hỏi tiếp:

Người ở đây làm việc gì?

- Tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục. Đại Tiên ung dung đáp.

Càng tức giận, nhà Vua chặt luôn cả hai chân rồi kê đến lại lắc tai lắc mũi của Đại Tiên. Mỗi lần như thế vua đều hỏi:

Người ở đây làm việc gì?

Mặt không nháy, mặt không đổi sắc, với một giọng nhã nhặn hiền từ, Đại Tiên vẫn thản nhiên đáp:

Tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục.

Thấy tư cách phi thường của Đại Tiên, nhà Vua đổi giận làm sợ. Đại Tiên lại dịu dàng nói đến vua:

Nay nhà vua lấy gươm sắt chặt đứt thi thể của ta, sau này, khi ta thành Phật, ta sẽ dùng gươm trí tuệ mà dứt giùm ác tâm của nhà vua, để độ vua trước nhất.

Gươm rời khỏi tay, cả mình rỏn ốc, nhà vua bất giác sụp quỳ trước hạnh nhẫn nhục, tinh thần cao quý vô thượng của Đại Tiên!

Vị Đại Tiên đó thuở xưa là đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện nay. Vua Ca Lợi ngày trước bây giờ là Kiều Trần Như vị đại A la hán được đức Phật độ trước nhất nơi Lộc Uyển.

[25] Không thiệt không hư nghĩa là không trụ trước vào tướng có và tướng không. Không trụ trước mới phải là pháp Vô thượng Chánh giác của Phật.

[26] Đi nhiều quanh về phía hữu (từ đông qua nam, tây, bắc đông) là tỏ vẻ cung kính thuận tùng.

[27] Như như bất động.

[28] Ngã là phần tác động chủ thể, như Phật, Bồ tát v.v... Pháp là phân thể chất, hình tượng, nghĩa lý, tức là những sự những điều có tánh cách riêng định có thể nhận đến được như: trang nghiêm, Phật độ, v.v...

Đức Phật dạy:

Không có pháp chi gọi là Bồ tát.

Đó là không ngã. Đức Phật lại dạy:

Như Lai nói trang nghiêm Phật độ chính chẳng phải trang nghiêm.

Đó là nói không pháp.

[29] Ngũ nhãn:

1. Nhục nhãn (mắt thịt), mắt thường bằng chất tứ đại (địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại) hiệp thành.

2. Thiên nhãn, tác dụng của sự thấy được xa trăm nghìn muôn ức dặm cho đến nhiều thế giới, thấy đến vật rất nhỏ như vi trùng, vi tử, khí chất v.v... và thấy suốt qua các chất ngại. Có 2 thứ thiên nhãn:

a) Sanh đắc thiên nhãn: Thiên nhãn do phước báo mà cảm sanh ra, như thiên nhãn của các cõi trời.

b) Tu đắc thiên nhãn: Thiên nhãn do công phu tu tập chứng đạo quả mà có, như thiên nhãn của A la hán, Bồ tát, Phật. Thiên nhãn sau này hơn thiên nhãn trên. Thù thắng nhất là của Phật. Tất cả vô lượng vô biên thế giới chúng sanh khắp trong pháp giới, thiên nhãn của đức Phật thấy rõ ràng cả thấy.

3. Huệ nhãn, tác dụng của sự chứng thấu tánh thể không tịch vô ngã. Từ bậc thánh A la hán trở lên mới có huệ nhãn. Các cõi trời đến các loài dưới (phàm phu) đều không có.

4. Pháp nhãn, tác dụng của sự soi suốt huyền trạng của hiện tượng tùy duyên vô pháp. Từ bậc đại Bồ tát đến Phật mới có pháp nhãn, A la hán trở xuống đều không có.

5. Phật nhãn, trí huệ viên mãn cứu cánh của Phật.

[30] Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh (Bồ đề tánh) nên nói chẳng phải chúng sanh. Nhưng không tự nhận lấy Phật tánh nên nói chẳng phải là không phải chúng sanh.

[31] Chúng sanh, chúng sanh là nhiều loài chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ giống bát nhã nên đức Như Lai nói chẳng phải chúng sanh. Sẵn đủ mà chưa hiển lộ nên gọi là chúng sanh.

[32] Tướng là tướng của ứng thân huyễn chất; còn pháp tánh thân mới thật là Như Lai. Thân vua chuyển luân cũng đủ 32 tướng, mà vua chuyển luân vẫn là phàm phu chớ chẳng phải Như Lai. Vì thế chỉ nhận 32 tướng nơi ứng thân mà cho là thật Như Lai thời chưa phải. Như Lai pháp thân rời tất cả sắc tướng, nên ở nơi sắc tướng mà thấy mà cầu Như Lai thời không thể thấy đặng. Vậy thời như thế nào? Đức Phật dạy:

Phàm hề có tướng đều là hư vọng cả, nếu thấy các tướng đều là không phải tướng thời chính là thấy Như Lai.

[33] Hiểu biết nhân thật quyết định lý vô ngã của các pháp, gọi là Vô sanh pháp nhãn.

[34] Hiệp tướng là nhiều thứ hội hiệp làm thành một tướng thế giới.

[35] Ngã kiến, nhơn kiến v.v... là tình chấp cho có tướng ngã, tướng nhơn v.v...

[36] Mộng: cảnh giới trong chiêm bao.

Huyễn: những cảnh vật do huyễn thuật phù chú hóa hiện ra.

Điền: chớp nháng.

Sương: sương mù.

Bóng nước: bong bóng nổi trên mặt nước.

Ảnh tượng: bóng hình hiện ra trong gương, trong nước.

Pháp hữu vi: pháp do thi vi tạo tác mà có. Phàm tất cả những vật, những sự, những điều gì... bất luận thuộc về vật chất hay tinh thần trong thế gian cùng xuất thế gian, mà do Nhơn duyên chi phối cấu tạo hòa hiệp làm thành, đều thuộc về pháp hữu vi cả. Do Nhơn duyên chi phối mà có, nên đều là không thật thể, như mộng, như huyễn v.v...

*

THÍCH NGHĨA VĂN MƯỜI PHƯƠNG

LỜI TỰA

Bài hồi hướng Thập phương, văn chữ Hán vốn là của ngài Đại Từ Bồ tát soạn ra. Sau khi tụng kinh cùng niệm Phật, tụng bài này cốt để đem bao nhiêu công đức tụng niệm đều hồi hướng cầu được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Tụng bài này phước đức lớn lắm nên từ xưa đến nay, ở nước ta cũng như nước Tàu, trong các chốn thiền môn, luôn luôn dùng bài này phổ vào các thời khóa.

Còn từ “Nhứt giả” đến “Thập giả”, là mười điều nguyện rút ra từ phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyện* trong kinh *Hoa Nghiêm*. Trong kinh mỗi một nguyện ngài Phổ Hiền Bồ tát vì ngài Thiện Tài Đồng Tử và chúng hội Bồ tát mà giảng giải rất rộng. Mười câu là những câu tổng nêu về một nguyện thôi.

Phàm tụng văn hồi hướng, cần nhứt người tụng phải hiểu rõ nghĩa lý trong văn, vì có hiểu thời chỗ hồi hướng phát nguyện mới thiết thực, tâm quán tưởng mới xác thật, công đức mới tăng trưởng. Nếu tụng mà không hiểu chi hết, thì hồi hướng đó là hồi hướng về đâu? Phát nguyện đó là phát những gì và như thế nào? Thành ra chỉ có tụng theo lệ suông thôi, chắc khó thành tựu công đức được.

Vì lẽ trên đây, nên tôi không quản trí cạn văn vựng, phỏng theo nguyên văn và y cứ nơi nghĩa trong kinh mà dịch cả hai bài ra quốc văn. Dịch xong lại còn ngại vì trong sám văn có nhiều nghĩa sâu ẩn, khuất khúc, nên viết thêm đoạn thích nghĩa sau đây để giải rõ bốn quốc văn, ngõ hầu khi

tụng đến, tụng chữ hiểu nghĩa, tâm và ý tương ứng khế hiệp, lâu lâu tinh thuần, thiện căn công đức chắc chắn là vô cùng vô tận vậy.

Hân Tịnh Trì kheo
THÍCH TRÍ TỊNH
Cẩn chí

*

THÍCH NGHĨA

Trong khoảng không gian vô tận, chẳng phải chỉ có nội một cõi ta bà của đức Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Phật mà chúng ta hiện ở đây thôi, kỳ thiết ngoài ta bà ra còn có vô biên thế giới khác. Phạm hể có một thế giới thời có một đức Phật làm Giáo Chủ, thế giới đã có vô biên thời là có vô lượng chư Phật. Chẳng những hiện tại đây vô biên thế giới ở mười phương (đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên và dưới) có vô lượng chư Phật, và về thời kỳ quá khứ đã có vô lượng chư Phật và đến thời kỳ vị lai cũng sẽ có vô lượng chư Phật. Nên trong văn nói:

Mười phương chư Phật ba đời.

Trong vô lượng chư Phật ở mười phương ba đời đó, suy ra thời đức Phật A Di Đà là bậc nhất.

Về Phật quả thời Phật đồng chứng như nhau, đồng trí viên, đồng hạnh mãn, đồng đức đủ, đồng nguyện toàn, công đức của chư Phật đã đồng nhau sao lại nói Phật A Di Đà là bậc nhất? Đây nói bậc nhất là cứ nơi ứng hóa thân của Phật mà so sánh thôi, chớ không phải nói đến pháp thân và báo thân. Về pháp thân và báo thân của chư Phật quyết hẳn là đồng, vì hai thân đó là thật thân quả chứng của chư Phật vậy.

Còn ứng hóa thân là những chiếc thân vì chúng sanh cảm cách đến Phật mà ứng hóa ra, chúng sanh cơ cảm có sai khác nên thân ứng hóa của chư Phật cũng tùy đó mà sai khác, lại sự sai khác đó cũng do vì bốn nguyện của chư Phật lúc còn tu hạnh Bồ tát không đồng nhau vậy.

Về sự thù thắng nơi ứng thân của đức Phật A Di Đà lược kể về phần đại khái thời có bốn điều:

A. Quang minh thường nơi thân chiếu suốt các cõi nước ở mười phương không bị che ngăn, như trong kinh *Tiểu Bản A Di Đà* nói:

Quang minh của đức Phật đó vô lượng, chiếu các cõi nước ở mười phương không bị chướng ngại nên hiệu A Di Đà.

Trong kinh *Đại Bản A Di Đà* nói:

Giả sử khi ta đặng thành Phật mà quang minh có hạn lượng, ít nhất là chẳng soi suốt trăm nghìn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời ta nguyện không chứng quả Chánh giác (điều nguyện thứ 12 trong 48 lời nguyện).

Còn quang minh nơi ứng thân của chư Phật, phần nhiều có hạn lượng, hoặc chiếu một do tuần, 10 do tuần, 100, 1.000,... do tuần, hoặc chiếu 1 thế giới, 10, 100, 1.000,... thế giới. Như quang minh nơi ứng thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ chiếu có một tâm!

Vì quang minh vô lượng nên đức Phật A Di Đà có 12 biệt hiệu như trong *Đại Bản Kinh*:

1. Vô Lượng Quang.
2. Vô Biên Quang.
3. Vô Ngại Quang.
4. Vô Đối quang.
5. Viêm Vương Quang (có chỗ để Diệm Vương Quang).

6. Thanh Tịnh Quang.
7. Hoan Hỷ Quang.
8. Trí Huệ Quang.
9. Nan Tư Quang.
10. Bất Đoạn Quang.
11. Vô Xúng Quang.
12. Siêu Nhứt Nguyệt Quang.

Do đây nên về quang minh thường nơi ứng thân, thời đức A Di Đà được phần thù thắng trong hàng chư Phật vậy.

B. Thọ mạng ứng hiện ra đời của chư Phật phần nhiều đều có hạn lượng: hoặc 100 tuổi, 1.000 tuổi... hoặc 1 kiếp, 10 kiếp, 100 kiếp, 1.000 kiếp... như đức Phật Thích Ca ở đời chỉ có 80 năm.

Còn về ứng thân của đức Phật A Di Đà, thọ mạng vô lượng. Trong *Tiểu Bản* kinh nói:

Đức Phật đó sống lâu vô lượng vô biên vô số kiếp, nên hiệu là A Di Đà.

Điều nguyện thứ 13 trong *Đại Bản* kinh nói:

Giả sử khi ta đặng thành Phật mà thọ mạng có hạn lượng, ít nhứt không được trăm nghìn ức na do tha kiếp đó, thời ta nguyện không chứng quả Chánh giác.

Nên đức Phật A Di Đà cũng hiệu là Vô Lượng Thọ Phật.

Đây là thọ mạng của đức Phật A Di Đà có phần thù thắng trong hàng chư Phật vậy.

C. Về phần đồng cư nơi Cực Lạc, là cõi nước của đức Phật A Di Đà cực kỳ trang nghiêm, thuần vui thanh tịnh, tuyệt không có mảy may khổ não, như trong *Đại Bản* kinh, *Tiểu Bản* kinh và *Quán Kinh* đã rộng thuật.

Lại trong bộ *Yếu Giải* nói:

Cực Lạc đồng cư, tứ độ viên dung, thọ lạc viên dung

Ở nơi đồng cư độ (cõi phàm) mà viên kiến cả ba bộ trên (3 cõi thánh: Phương tiện độ, Thật báo độ, Thường tịch quang độ – cõi trước là cõi của nhị thừa thánh nhơn, kể là cõi của đại Bồ tát, sau rốt là cõi của đức Phật).

Chớ so với các cõi khác, như ta bà chẳng hạn, nơi chúng ta đang sống đây chính là Đồng cư độ của cõi ta bà vậy, thời lại đủ thứ uế nhơ, nào tam khổ, bát khổ, vô lượng đều khổ sở, ngũ trược... lại hạng phàm phu không thể dự phần nơi cảnh thánh.

Đây là cõi đức Phật A Di Đà, về phần Đồng cư độ có phần đặc biệt trong các cõi nước ở mười phương vậy.

D. Nhân dân trong nước của đức Phật A Di Đà đều là phàm, nhưng cũng đều trụ bậc “Bất thối chuyển”, nghĩa là ở vào địa vị thẳng mãi đến thành Phật, không còn ngưng trệ, lui sụt. Nói chi các bậc thánh! Trong hàng thánh của nước Cực Lạc, cứ về bậc Nhứt sanh bổ xứ Bồ tát như ngài Quán Âm, Thế Chí, hay như là Di Lạc... số nhiều vô hạn, huống là bậc Thập địa, Địa tiền cùng Thanh văn, Duyên giác! – Trong *Tiểu Bốn* kinh nói:

Nơi nước Cực Lạc, chúng sanh nào sanh về đó đều là bậc Bất thối chuyển. A la hán và Bồ tát đều đông vô lượng vô biên, không thể tính đếm mà biết được, chỉ có thể gượng nói vô lượng vô biên vô số thôi. Trong đó có rất nhiều bậc Nhứt sanh bổ xứ, không thể tính đếm..

Bậc thánh trong cõi khác hoặc là có số hạn, như cõi ta bà có 62 ức hằng hà sa vị Bồ tát.

Lại nhơn dân nơi Cực Lạc tuổi thọ đồng với Phật, nghĩa là vô lượng, như *Tiểu Bốn* kinh nói:

Thọ mạng của đức Phật đó và thọ mạng của nhơn dân của Ngài, vô lượng, vô biên, vô số kiếp.

Đây là nhơn dân, La hán, Bồ tát của đức Phật A Di Đà có phần đặc thắng trong các cõi nước mười phương vậy.

Vì những phần đặc thắng trên đây, nên trong văn nói:

Mười phương chư Phật ba đời, Di Đà bậc nhất...

Đối với chúng sanh, đức Phật A Di Đà có nguyện lực độ sanh rất lớn. Nguyện lực đó rõ ràng nhất là đã nêu trong 48 lời nguyện của Ngài: những nguyện độ khắp Thánh phàm trong mười phương! Lại trong *Quán Kinh* có câu:

Phật tâm đó là lòng đại từ bi vậy, dùng Vô duyên từ nhiếp độ các chúng sanh. Kinh lại nói:

Đức Vô Lượng Thọ Phật có 84.000 tướng, trong mỗi tướng đều có 84.000 tùy hình hảo, trong mỗi hình hảo lại có 84.000 ánh sáng, mỗi ánh sáng chiếu khắp các cõi nước ở mười phương. Ánh sáng này nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật không lìa bỏ.

Đức Phật A Di Đà đã có lòng từ, nguyện lớn, phóng quang minh tiếp độ chúng sanh không lìa bỏ, nên trong văn nói:

Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sanh.

Do nguyện lực của đức Phật A Di Đà, nên những người được sanh về cõi Cực Lạc của Ngài đều từ trong hoa sen báu nơi ao thất bảo mà hóa sanh, nghĩa là mượn hoa sen làm bào thai mà có thân hình. Đó gọi là “Liên hoa thanh tịnh hóa sanh”, cũng có câu “Liên hoa vi phụ mẫu”. Vì người vãng sanh về đó nơi trí có cao thấp, nơi phước có nhiều ít không đồng nhau, nên hoa sen là chỗ thác sanh cũng có nhiều hạng, đại khái chia làm 9 phẩm:

1. Thượng phẩm thượng sanh.

2. Thượng phẩm trung sanh.

3. Thượng phẩm hạ sanh.

(Ba phẩm này thuộc bậc đại thừa Bồ tát)

4. Trung phẩm thượng sanh.

5. Trung phẩm trung sanh.

(Hai phẩm này thuộc hàng nhị thừa thánh nhơn).

6. Trung phẩm hạ sanh.

(Một phẩm này thuộc hàng có công đức lành ở đời).

7. Hạ phẩm thượng sanh.

8. Hạ phẩm trung sanh.

9. Hạ phẩm hạ sanh.

(Ba phẩm này thuộc về hạng người tạo ác nghiệp)

Cứ nơi chín phẩm trên đây, thời thấy rằng từ bậc đại thừa Bồ tát, nhị thừa thánh nhơn, người lành tốt trong đời cho đến kẻ tạo ác nghiệp, phạm ngũ nghịch thập ác v.v... mà có gia công niệm Phật, thời đều được vãng sanh về cõi Cực Lạc cả (trừ người hủy báng Tam bảo).

Đức Phật A Di Đà sẵn đức từ bi nguyện lực, dùng chín phẩm liên hoa báu để chờ tiếp dẫn chúng sanh nào muốn sanh về nước của Ngài, nên trong văn nói:

Sen vàng chín phẩm sẵn dành.

Oai lực linh thông của Phật vô cùng, đức lành của Phật vô cực. Trí quang chiếu phá sự mê tối của chúng sanh khắp mười phương, đó là “oai lực”. Chúng sanh niệm Phật, thời liền hộ niệm giữ gìn cho được an ổn không thối không thất, và hiện vô lượng thân đến khắp vô lượng thế giới để tiếp dẫn chúng sanh về cõi Cực Lạc. Đây là “linh thông”. Tâm của Phật không phút nào quên chúng sanh, như cha mẹ hiền nhớ con,

thương con. Lại không công đức nào mà Phật không hoàn mãn đây là “đức lành”. Như *Tiểu Bản* kinh nói:

Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nghe nói đến đức Phật A Di Đà rồi hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, chấp trì danh hiệu nhưt tâm bất loạn. Người này đến lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà và hàng thánh chúng hiện ra nơi trước, người lúc chết tâm không điên đảo, liền đặng vãng sanh về nước Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Kinh *Lăng Nghiêm* có câu:

Các đức Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con.

Lại có câu:

Người nào niệm danh hiệu Phật, thời hào quang của Phật chiếu đến người đó, làm cho các sự tai vạ tà ma, quỷ quái không đến gần được.

Oai lực linh thông của Phật vô cùng, đức dày của Phật lại vô cực nên văn nói:

Oai lực đức cả đã đành vô biên.

Từ đây nhần lên là giải một đoạn bốn câu kệ về phân tán tán công đức của Phật:

Mười phương chư Phật ba đời

Di Đà bậc nhưt chẳng rời quần sanh

Sen vàng chín phẩm sẵn dành

Oai lực đức cả đã đành vô biên.

Đã rõ nơi đức Phật A Di Đà có vô lượng công đức thù thắng, nếu không quy y với Phật còn quy y với ai. Quy y là đem cả thân mạng mình nương nơi Phật, gởi nơi Phật, giao phó cho Phật. Lại dùng lòng chí thành mà quy y. Trong văn nói:

Nay con dâng tâm lòng thiêng (thành) quy y với Phật...

Từ thuở trước đến ngày nay, vì say mê nên đã lỡ làm gây tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi. Ngày nay nhờ nghe kinh thấy Phật mà tỉnh ngộ, đã biết tự xét ăn năn, nên cũng mau mau dùng lòng chí thành mà sám hối tội lỗi, nghĩa là ăn năn tội trước, chừa cải lỗi sau. Nên trong văn nói:

Sám liền tội căn.

Nay tự suy lấy ta. – Trong những đời đã qua, chắc có lẽ ta cũng đã tu tạo ít nhiều phước lành chớ chẳng không, vì nếu không có phước lành thời quyết hẳn là không được sanh làm người, vì loài người thuộc về thiện đạo trong lục đạo. Lại trong kinh nói:

Gặp được Phật pháp là điều rất khó. Rất khó mà nay ta được nghe, thời chắc chắn là ta đã có căn lành sẵn rồi, dầu có nhưng vì ta mê muội nên cách đời mà quên đi. Lại trong đời này, những ngày qua, hiện tại nay, và sau này, thời ta đã có căn lành, hiện tu tập và sẽ vun trồng cội phước.

Dầu thế song còn thuộc hạng phàm phu, phiền não, nghiệp chướng đầy dẫy, thời làm lành đâu dám chắc là thiệt lành, làm phước đâu dám tự hào là thiệt phước, chỉ có trí tuệ của đức Phật mới có thể nhận thiệt mà thôi, nên trong văn nói:

Phước lành con có chi chẳng?

Nương phước mà ở mãi nơi Ta Bà, thời chỉ được hưởng sự vui tạm bợ, hết phước tất phải khổ, hưởng trong vòng luân hồi, từ say mê càng vào mê, hễ mê thời dễ gây nghiệp, đâu bằng đem công đức hồi hướng cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới ở Tây Phương, để được hưởng sự vui thanh tịnh và bảo đảm giải thoát, đây văn nói:

Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây.

Từ đây trở lên là giải về bốn câu kệ quy y, sám hối và hồi hướng:

Nay con dâng tâm lòng thiêng (thành)

Quy y với Phật, sám liền tội căn

Phước lành con có chi chẳng?

Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây.

Pháp lữ đề huề, thân cận thiện hữu, là điều cần thiết mà từ đức Phật đến chư Tổ đều luôn luôn nhắc nhở. Cùng dạy bảo cho nhau, những sự nhơn nghĩa chơn chánh, những lý thú thâm huyền. Cùng nhau đồng hành pháp sự, đồng tu Tịnh nghiệp. Cùng nhau tùy hỷ khi đắc ích, khuyên răn lúc sai lười... mến nhau như ruột thịt, coi nhau như tay chơn. Vì thế nên chẳng phải chỉ nghĩ riêng về phần mình, mà tâm tâm niệm niệm không quên mong mỏi cho thiện hữu, cũng như trông cầu cho tự mình, sớm đặng kết thành ứng nghiệm lành trên đường tu tập: chính là nguyện bạn cùng mình, trong ngày hiện tại nơi đời sống này, hoặc lúc thiền quán, hoặc lúc mộng mơ, cảm cách đến Phật, đến thánh chúng, đến Cực Lạc, mà được thấy Kim thân của đức Phật, hoặc thấy hào quang, hoặc thấy liên hoa, hoặc thần du cõi Cực Lạc v.v... để cho lòng tin thêm kiên cố, nguyện hạnh càng tiến triển. Nên trong văn nói:

Nguyện cùng với bạn tu đây

Tùy thời cảm ứng hiện ngay điềm lành.

Có nhân tất có quả. Nhân là tu tịnh nghiệp: niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc quốc. Quả là khi mãn báo thân trước ược này được thác chất liên hoa nơi ao báu ở Tây phương Cực Lạc thế giới. Trước ngày lâm chung, nguyện đức Phật tin cho biết rõ ngày giờ, để vững lòng chờ đợi. Đến lúc lâm chung, xin đức Phật y bốn nguyện lực, hiện thân vàng cùng cảnh thánh cho mình được thấy, nói pháp cho mình được nghe. Đã được thấy Phật, nghe pháp rồi, thời chánh niệm càng tinh tấn, bội hơn ngày thường. Nên văn nói:

Biết giờ biết khắc rõ ràng

Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây phương

Thấy nghe chánh niệm hơn thường

Chánh niệm tinh tấn, tâm không mê muội, không điên đảo đặng vắng sanh về nước Cực Lạc, thác chất nơi hoa sen thất bảo. Sau khi hoa nở, tâm nhãn khai thông đôi mắt thanh tịnh, thấy rõ thân quang minh tướng hảo của đức Phật, được Phật vì mình mà thuyết pháp mâu, liền ngộ lý Vô sanh, chứng bậc bất thối, thoát hẳn vòng sanh tử luân hồi. Rồi cùng đức Phật, dùng thần thông trí lực, vận dụng từ bi, hiện thân đến thập phương độ khắp mọi loài chúng sanh, đồng được giải thoát như mình đã được giải thoát. Như trong văn:

Vãng sanh Lạc quốc đồng nương hoa vàng

Hoa nở thấy Phật rõ ràng

Thoát vòng sanh tử, độ an muôn loài.

Từ đây nhãn lên là giải về 8 câu kệ vì mình vì người mà phát nguyện:

Nguyện cùng với bạn tu đây

Tùy thời cảm ứng hiện ngay diêm lành

Biết giờ biết khắc rõ ràng

Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây phương

Thấy, nghe chánh niệm hơn thường

Vãng sanh Lạc quốc đồng nương hoa vàng

Hoa nở thấy Phật rõ ràng

Thoát vòng sanh tử độ an muôn loài.

Muốn sau khi về Cực Lạc được ở phẩm cao, thời phải có hạnh nguyện đại thừa vì ba phẩm thượng trong chín phẩm chỉ có đại thừa Bồ tát mới được dự phần. Nên người tu Tịnh độ

cần phát “Tứ hoằng thệ nguyện”. Bốn nguyện này là những điều nguyện chung mà tất cả chúng đại thừa ai cũng phải đủ.

I. Thệ dứt tất cả phiền não, dầu là vô biên như văn nói:

Phiền não vô biên thệ dứt trừ.

II. Nguyện học thông và tu tập tất cả pháp môn chánh đạo của đức Phật truyền dạy, dầu là vô lượng. Như văn nói:

Pháp môn tu học chẳng còn dư.

III. Lợi tha là chánh hạnh của đại thừa, là hoài bảo của Bồ tát. Nên thệ độ tất cả chúng sanh, dầu là vô tận, độ đến đâu? Độ đến giác ngộ kia. Như văn nói:

Chúng sanh nguyện độ bờ kia đến.

IV. Và mục đích cuối cùng, là nguyện mình cùng tất cả muôn loài đồng viên mãn chánh trí, chúng nhập chân như, tức là thành Phật đạo hoàn toàn, Phật đạo vô thượng. Như văn nói:

Phật đạo cùng nhau chứng trí, như.

Từ đây nhần lên là giải về 4 câu hoằng thệ viết theo thể tứ cú để cho có phần đặc biệt, là ý muốn người tụng đến phải chú ý:

Phiền não vô biên thệ dứt trừ

Pháp môn tu học chẳng còn dư

Chúng sanh nguyện độ bờ kia đến

Phật đạo cùng nhau chứng trí, như.

Từ đây nhần xuống là 4 câu kết thúc lập chí bền chắc, giữ nguyện kiên cố, hư không chẳng bao giờ cùng tận, cái không cùng tận mà giả tử cho nó cùng tận đi nữa, nhưng những điều mà ta đã thệ nguyện ở trên đó, quyết không cùng tận, không mảy may dời đổi. Đây là ý nguyện của ta bền chắc vững vàng hơn cõi hư không. Những loài tình thức (người, vật v.v...)

cùng với những loài không tình thức (núi, sông v.v...) khắp trong thế giới, ta đều bình đẳng nguyện cầu cho tất cả đồng viên thành trí huệ nhiệm màu của Phật. Như văn nói:

Hư không côi nọ dấu cùng (cùng tận)

Nguyện trên còn mãi chẳng cùng (cùng tận) chẳng thiên (dời đổi).

Không tình cùng có (có tình) đồng nguyện:

Trí màu của Phật đồng viên đồng thành.

Hỏi - Loài có tình thức tu tập viên thành Phật trí thì phải, còn vô tình sao cũng đồng thành?

Đáp - Có 2 nghĩa:

A. Vô tình là y báo, hữu tình là chánh báo. Y báo là do chánh báo cảm ra. Nên khi chánh báo (hữu tình) thành Phật trí thời y báo (vô tình) cũng chuyển thành Phật cảnh. Vì nơi Phật, cảnh cùng trí không sai biệt, nên đồng viên thành Phật trí cũng không ngại, đó là lấy trí nhiếp cảnh vậy.

B. Giác tánh ở nơi hữu tình thời gọi là Phật tánh, ở nơi vô tình gọi là Pháp tánh. Phật tánh và Pháp tánh đều là giác tánh. Thành Phật là viên chứng giác tánh, rốt ráo bình đẳng viên dung, thời đâu còn có hữu và vô sai biệt cách ngại như phàm phu. Như thế, há lại không phải đồng viên đồng thành đó ư?

(**) Vì muốn cho các điều hạnh nguyện trên được dung thông pháp giới, rộng lớn tuyệt đối, nên tiếp tụng mười điều nguyện vương của ngài Phổ Hiền Bồ tát tuyên thuyết nơi Hoa Nghiêm đại hội. Viên mãn mười nguyện vương này thời tức là viên mãn Phật quả vậy.

1. Phật dạy: Chúng sanh lưu lã trong vòng sanh tử, chính là vì trái quên tánh giác mà dong ruổi theo trần lao. Trần lao là món vô thường nên theo nó tất cũng lưu chuyển như nó. Nếu chúng sanh thức tỉnh, biết xét trở lại, rời trần lao

mà quay về giác tánh thời khỏi hẳn luân hồi, vì giác tánh là bản thể bất động.

Bậc chứng cùng giác tánh là đức Phật nên điều nguyện thứ nhất lễ Phật đây là biểu tượng trái trăn lao hiệp giác tánh. Như văn nói:

Một là nguyện lạy Thế Tôn.

“Phật Thế Tôn” là đấng Vô thượng Chánh giác tôn quý nhất trong thế gian và xuất thế gian.

Lạy Phật như thế nào?

Trong phẩm Hạnh Nguyện, ngài Phổ Hiền có giảng giải điều đó như thế này: “Tất cả vi trần số chư Phật ở mười phương ba đời, do ta dùng sức hạnh nguyện Phổ Hiền, nên tâm tâm tín giải như đối trước mắt. Đều dùng thân, khẩu, ý ba nghiệp mà thường cung kính đánh lễ luôn. Nơi mỗi đức Phật ta đều hiện ra vi trần số thân. Mỗi mỗi thân đánh lễ khắp vi trần số đức Phật. Sự lễ kính của ta đây không có cùng tận, niệm niệm nối luôn không có xen hở, ba nghiệp không có nhàm mỏi.

Trong văn tóm tắt:

Hiện thân trước Phật hết lòng kính tin.

2. Điều nguyện vương thứ hai là “khen ngợi Như Lai”.

Về điều nguyện này trong *Hạnh Nguyện* phẩm nói:

Tất cả cõi nước trong mười phương ba đời có bao nhiêu vi trần, trong mỗi vi trần đều có vi trần số Phật, nơi chỗ của mỗi đức Phật đều có hải hội Bồ tát vây quanh. Ta đều phải dùng sức thắng giải hiện tiền tri kiến rất sâu, đều dùng thiết căn nhiệm màu hơn cả Biện Tài Thiện nữ. Mỗi mỗi thiết căn vang ra biển âm thanh vô tận, mỗi mỗi âm thanh diễn ra biển tất cả lời nói ngợi khen tán thán biển các công đức của tất cả

Như Lai, cùng tột thuở vị lai luôn nói không ngớt, tận cõi hư không đều cùng khắp cả.

Tóm nghĩa kinh, văn nói:

Hai, khen Phật đức rộng thinh (thinh thang)

Lời hay tiếng tốt tận tình ngợi ca.

3. Điều nguyện vương thứ ba là “Rộng sắm cúng dường”

Hạnh Nguyện phẩm giải rằng:

Trong vi trần của tất cả cõi nước mười phương ba đời, mỗi mỗi đều có vi trần số cõi Phật, nơi chỗ của mỗi đức Phật, đều có hải hội các hàng Bồ tát vây quanh, ta do sức hạnh nguyện Phổ Hiền mà sanh tri kiến hiện tiền tín giải rất sâu, đều đem các thứ đồ cúng dường thượng diệu để mà cúng dường. Những là mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc trời, mây tàn lọng, mây y phục trời; các thứ hương trời: hương xoa, hương bột, hương xông... mỗi thứ mây đó lượng lớn như núi Tu Di. Thắp các thứ đèn, đèn tô, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, mỗi mỗi đèn lượng như hòn núi Tu Di, dầu trong mỗi đèn như nước biển lớn. Dùng các thứ đồ cúng dường như thế thường đem cúng dường.

Này thiện nam tử! Pháp cúng dường là hơn hết trong các cách cúng dường. Đó là: đúng theo lời Phật dạy mà tu hành để cúng dường, làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, thay thế sự khổ cho chúng sanh để cúng dường, siêng tu căn lành để cúng dường, chẳng bỏ hạnh nguyện Bồ tát để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ đề để cúng dường.

Này thiện nam tử! Với chừng một phần công đức của pháp cúng dường đem vô lượng phần công đức của tài vật cúng dường ở trước mà so sánh cũng không bằng một phần trăm, không bằng một phần nghìn v.v...

Bởi sao? Vì các đức Như Lai đều tôn trọng pháp vậy, vì tu hành đúng theo lời Phật dạy thời xuất sanh các đức Phật vậy. Nếu các vị Bồ tát tu hành về pháp cúng dường, thời việc cúng dường đức Như Lai được thành tựu. Tu hành như thế là chơn thật cúng dường. Cho nên đây là sự cúng dường rộng lớn tối thắng...

Nơi văn lược nói:

Ba, thời sám đũ hương hoa

Tràng phan, bảo cái dâng ra cúng dường.

4. Điều nguyện thứ tư là “Sám Hối nghiệp chướng”.

“Sám” là Phạm âm nói đũ là “Sám ma”. Trung Hoa dịch là “Hối quá”. Lấy chữ “Sám” trong Sám ma cùng chữ “Hối” trong Hối quá gọi chung là “Sám Hối”, nghĩa là ăn năn chừa cải. “Nghiệp” là những việc tạo tác không lành của thân, khẩu, ý, nghiệp này nó làm chướng ngại đường lành, nó ngăn đạo Thánh, nên gọi là nghiệp chướng.

Về điều nguyện này, trong phẩm giải nói rằng:

Bồ tát tự nghĩ như vậy: Ta trong vô thủy kiếp về quá khứ, do lòng tham lam, sân hận, ngu si, phát ra nơi khẩu, ý mà đã làm ra vô lượng vô biên nghiệp chướng lành. Nếu nghiệp ác đó mà có thể tướng thật, thời tất cả cõi hư không cũng không thể dung thọ cho hết. Nay ta đều đem ba nghiệp thanh tịnh, đối khắp trước tất cả chư Phật cùng chúng Bồ tát, mà thành tâm sám hối, về sau không phạm nữa, luôn trụ nơi giới pháp thanh tịnh tất cả công đức...

Trong văn nói:

Bốn, vì mê chấp làm đường (si)

Tham sân nghiệp chướng con thường Sám luôn.

5. Điều nguyện vương thứ năm là “Tùy hỷ công đức”.

Thấy người khác có công đức mà mình thật tâm vui mừng tán thành, đó gọi là: Tùy hỷ công đức.

Về điều nguyện này, trong phẩm giải rằng:

Vi trần số chư Phật Như Lai, từ khi mới phát tâm vì cầu Nhứt thiết chủng trí mà siêng tu phước và huệ, chẳng tiếc thân mạng, trải qua vi trần số kiếp. Trong mỗi kiếp xả thí vi trần số đầu mắt tay chân, thực hành tất cả hạnh khổ khó làm như thế. Viên mãn các môn Ba la mật, chứng nhập các trí địa Bồ tát, thành tựu đạo Vô thượng Bồ đề của chư Phật cho đến nhập Niết bàn phân chia Xá lợi... Nơi đức Phật có bao nhiêu thiện căn thời ta đều tùy hỷ cả.

Và trong tất cả thế giới ở mười phương kia tất cả mọi loài lục đạo, tứ sanh... có bao nhiêu công đức cho đến chừng một mảy trần ta đều tùy hỷ cả.

Tất cả Thanh văn và Bích chi Phật, hàng hữu học cùng vô học trong mười phương ba đời, có bao nhiêu công đức ta đều tùy hỷ cả.

Tất cả Bồ tát tu vô lượng hạnh khổ khó làm, chí cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, công đức rộng lớn, ta đều tùy hỷ cả.

Bao quát nghĩa trên, trong văn nói:

Năm, suy công đức vàn muôn (muôn muôn)

Của phàm (tứ sanh) của thánh (Phật, Bồ tát) con đồng vui ưa.

6. *Điều nguyện vương thứ sáu là “Thỉnh chuyên pháp luân”.*

Thỉnh là cầu thỉnh với đức Phật. “Chuyên” là diễn nói dạy trao. “Pháp luân” có hai nghĩa:

A. Vòng pháp, ý nói không cùng không tận, vô thỉ vô chung, không thể phân biệt nghĩ bàn, như vòng tròn.

B. Bánh xe pháp, Pháp của đức Phật có thể đưa người tu hành từ mê đến giác, từ phàm đến Thánh, từ khổ sang vui, từ sanh tử đến trường tồn lại hay phá trừ tứ ma các chướng v.v... Như bánh xe lăn từ đây sang kia, cán rập chông gai sạn sỏi v.v...

Trong *Hạnh Nguyên* phẩm giải rằng:

Trong vi trần của tất cả cõi nước ở mười phương ba đời, mỗi mỗi đều có vi trần số cõi nước rộng lớn, trong mỗi cõi nước niệm niệm đều có vi trần số đức Phật thành bậc Đẳng chánh giác, mỗi đức Phật đều có tất cả hải hội Bồ tát vây quanh. Ta đều dùng thân, khẩu, ý đủ các phương tiện, để ân cần thỉnh tất cả chư Phật chuyển diệu pháp luân...

Bày nghĩa trên, văn nói:

Sáu, khi Phật chứng thượng thừa

Pháp mâu con thỉnh đã vừa truyền trao.

“Thượng thừa” chính là Tối thượng thừa, là Phật thừa, chứng Phật thừa là thành Phật. “Pháp mâu” là Vi diệu Pháp luân. “Đã vừa” là đã vừa đến thời, vừa phải cơ.

Đức Phật thành Phật là vì chúng sanh mà thành Phật. Đã vì chúng sanh, sao còn chờ cầu thỉnh?

A. Vì muốn cho chánh pháp có phần quý trọng, có quý trọng mọi người mới sanh lòng hy hữu, khao khát ngưỡng vọng, có khao khát ngưỡng vọng mới có thể được lợi ích.

B. Lòng của Bồ tát lúc nào cũng tha thiết nóng nả đối với sự lợi người lợi mình. Mình cùng người được lợi không gì bằng được nghe Phật thuyết pháp, nên đức Phật chưa nói, mà Bồ tát đã cầu thỉnh trước.

7. *Điều nguyện vương thứ bảy là “Thỉnh Phật trụ lại đời”.*

Trong Hạnh Nguyên phẩm giải rằng: “Vi trần số chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời toan muốn nhập Niết bàn, và các Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác, hữu học, vô học, cho đến các vị thiện tri thức... Ta đều cầu thỉnh tất cả xin chớ nhập Niết bàn, xin ở mãi nơi đời trải qua vi trần kiếp vì muốn cho tất cả chúng sanh được lợi lạc...”

Như trong văn nói:

Bảy, lòng chẳng chút lãng xao

Cầu xin chư Phật chớ vào Vô dư!

“Lòng chẳng lãng xao” là tâm tâm niệm niệm cầu thỉnh luôn không ngừng không hở. “Vô dư” là Vô dư y Niết bàn. “Niết bàn” là cảnh giới sở chứng của các bậc Thánh xuất thế, nơi đó tịch tịnh an thường. “Tịch tịnh an thường” là nghĩa chính của “Niết bàn” khác hẳn với cảnh phàm phiền nhiễu loạn động sanh diệt.

Niết bàn có 4:

1. Hữu dư y Niết bàn.
2. Vô dư y Niết bàn.
3. Vô trụ xứ Niết bàn.
4. Tánh tịnh Niết bàn.

Đây về Vô dư y Niết bàn, là quả Niết bàn không còn thừa, những báo và vô minh. Báo là thân hiện tại nơi thế. Ngoài đức Phật ra, từ Đẳng Giác Bồ tát trở xuống đến Bích Chi Phật, A la hán, đều còn vô minh. Nên cứu cánh Vô dư y Niết bàn chỉ có bậc Phật là cùng tột.

Các bậc thánh xuất thế không còn hệ lụy trong vòng sanh tử, nên muốn ở đời bao lâu vẫn được tự tại vô ngại. Do đó mới khuyên thỉnh như vậy.

8. Điều nguyện vương thứ tám là “Thường học theo Phật”.

Trong *Hạnh Nguyên* phẩm giải rằng:

Như đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai trong cõi ta bà này, từ khi mới phát tâm, thời tinh tấn luôn không lui sụt. Đem bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng mà bố thí. Ngài lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực, để biên chép kinh điển, chứa nhiều như núi Tu Di. Vì trọng Pháp mà Ngài không tiếc thân mạng, huống nữa là ngôi vua, thành ấp v.v... và các hạnh khổ khó làm khác. Cho đến dưới gốc cây Ngài chứng quả Bồ đề. Ngài thị hiện các món thần thông, khởi các thứ biến hóa hiện ra các hạng Phật thân ở các nơi chúng hội: hoặc ở trong chúng hội đạo tràng của tất cả các bậc đại Bồ tát, hoặc chúng hội đạo tràng của Thanh văn, Bích chi Phật, cho đến chúng hội đạo tràng của thiên, long, bát bộ... Ở trong những chúng hội như thế, Ngài dùng âm thanh viên mãn như sấm lớn vang dội, tùy theo chỗ hạp nghi của mỗi chúng hội mà nói pháp để giáo hóa chúng sanh cho đến Ngài thị hiện nhập Niết bàn.

Tất cả công hạnh của Ngài như thế ta đều học theo. Như với đức Tỳ Lô Giá Na Thế Tôn với tất cả chư Phật ở mười phương ta cũng luôn luôn học theo cả.

Ngụ bày những ý nghĩa trên, trong văn nói:

Nguyên thường tu học đại thừa

Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con.

Đã muốn bằng Phật sẽ tất nhiên là phải học theo Phật.

9. *Điều nguyện thứ chín là “Tùy thuận chúng sanh luôn”.*

“Tùy thuận” đây chính ý là thiết tha lân mẫn chúng sanh, chiều theo chỗ hạp nghi, lòng nguyện vọng trong sạch của chúng sanh, mà thi hành những phương pháp gì để chúng sanh được lợi ích trên đường giải thoát khỏi khổ.

Hạnh Nguyên phẩm giải rằng:

Bao nhiêu chúng sanh chủng loại sai khác ở mười phương, những là loài tứ sanh, hoặc loài nương nơi đất, nước, gió, lửa mà an trụ. Hoặc là loài nương nơi hư không và cỏ cây mà an trụ... cho đến thiên, long bát bộ, người cùng phi nhơn, hoặc loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, loài có sắc, không sắc, có tướng không tướng v.v... Ở nơi các loài như thế, ta nên tùy thuận mà thực hành những điều kính thờ, cúng dường, như kính cha mẹ, sư trưởng, A la hán cho đến như kính đức Như Lai không khác.

Với kẻ bệnh khổ thời ta là ông lương y; với kẻ lạc đường thời ta là người chỉ con đường chánh; với kẻ trong đêm tối thời ta là người soi sáng; với kẻ nghèo cùng thời ta làm cho họ được kho báu. Bồ tát bình đẳng, lợi ích tất cả chúng sanh như thế. Tại làm sao? Vì nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thời là tùy thuận cúng dường chư Phật, ở nơi chúng sanh nếu có thể tôn trọng thừa sự thời là tôn trọng thừa sự Như Lai, nếu làm cho chúng sanh sanh lòng vui mừng thời là làm cho tất cả đức Như Lai vui mừng.

Tại làm sao? Vì chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi mà làm thế vậy.

Nhân nơi chúng sanh mà sanh lòng đại bi, nhân nơi đại bi mà phát tâm Bồ đề, nhân tâm Bồ đề mà thành bậc Đẳng Chánh Giác.

Ví như trong đồng trống sa mạc có cây thọ vương lớn, nếu như cây đó được nước thấm nhuần, thời nhánh lá bông trái thảy đều sum suê.

Cây thọ vương trong đồng trống sanh tử cũng lại như thế, tất cả chúng sanh là gốc rễ của cây, chư Phật, Bồ tát là bông trái. Dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, thời tất có thể thành tựu bông Bồ tát cùng trái trí tuệ của chư Phật.

Bởi vì sao? Vì nếu các Bồ tát dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sanh thời có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác. Vì thế nên Bồ tát thuộc nơi chúng sanh, nếu không chúng sanh, thì tất cả Bồ tát trọn hẳn chẳng hề thành bậc Vô thượng Chánh giác. Này thiện nam tử! Đối với nghĩa đó, ông nên hiểu như thế.

Bởi ở nơi chúng sanh mà tâm bình đẳng, thì có thể thành tựu đức đại bi viên mãn. Dùng lòng đại bi để tùy thuận chúng sanh như thế...

Lược nghĩa trên, văn nói:

Chín, thề chẳng dám mỗi mòn

Đất diu muôn loại đều tròn Pháp thân.

“Pháp thân” là thân của chư Phật. Độ muôn loài viên mãn Phật quả chính là chỗ tùy thuận cứu cánh làm lợi ích cho chúng sanh vậy.

10. Điều nguyện vương thứ mười là “Điều hồi hương khắp cả”.

Trong *Hạnh Nguyện* phẩm giải rằng:

“Từ việc lễ bái” đầu tiên cho đến “Tùy thuận chúng sanh” mà có bao nhiêu công đức, ta thấy đều đem cả hồi hương cho tất cả chúng sanh. Ta nguyện cho chúng sanh thường được an vui, không có các bệnh khổ. Như họ có muốn làm việc ác, thấy đều không thành. Còn những nghiệp lành của họ tu, thì đều mau thành tựu. Đóng bít tất cả cửa ác đạo, mở bày đường chánh: nơn, Thiên, Niết bàn.

Nếu các chúng sanh, nhân vì họ gây tạo các ác nghiệp mà phải cảm vùi lấy quả khổ rất nặng, thì ta nguyện chịu thế, để cho chúng sanh đó đặng giải thoát, rốt ráo thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác.

Bồ tát tu nguyện hồi hương như thế...

Gồm ý trên, trong văn nói:

Mười, đem tất cả công huân

Mọi loài cùng hưởng, khắp trần cùng vui.

Trong *Hạnh Nguyên* phẩm, sau khi giảng giải mười điều nguyện vương xong, nơi đoạn đặc ích, về trường hàng có nói như vậy:

Lại nữa, người đó lúc mạng chung đến sát na rốt sau, tất cả các thân căn thấy đều tán hoại, tất cả hàng thân thuộc đều xa lìa, tất cả oai thế đều thối thất, nào quan phụ tướng đại thần, nào cung thành nội ngoại, voi ngựa xe cộ của báu kho đụn... tất cả những món như thế không còn theo nhau, chỉ có mười nguyện vương chẳng xa rời nhau, trong tất cả lúc nó dẫn đường nơi trước, trong khoảng một sát na liền đặng vãng sanh về cõi Cực Lạc. Đến rồi, liền thấy đức Phật A Di Đà, ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, ngài Phổ Hiền Bồ tát, ngài Quán Tự Tại Bồ tát, ngài Di lặc Bồ tát v.v...

Và về phân kệ có những câu này:

Nguyện đến lúc tôi sắp mạng chung
 Sạch trừ tất cả những chướng ngại,
 Tận mặt thấy đức Phật A Di Đà
 Liền đặng vãng sanh về Cực Lạc,
 Phật kia, chúng hội đều thanh tịnh
 Tôi liền từ thẳng liên hoa sanh
 Thấy rõ đức Phật Vô Lượng Quang
 Hiện tiền trao tôi “Bồ đề ký”
 Được đức Như Lai thọ ký xong
 Tôi hóa vô số trăm ức thân
 Sức trí “rộng lớn” khắp mười phương
 Lợi ích tất cả cõi chúng sanh.

Vì nương theo văn trong phẩm mà cũng chính là mục đích của người tu về pháp môn Tịnh độ, nên sau mười nguyện liên tiếp nói:

Phổ Hiền nguyện lớn nguyện rồi

Nguyện về Cực lạc, nguyện ngồi tòa sen.

Tất cả những đoạn giải thích trên đây, toàn là y cứ nơi kinh cả. Hoặc khi tụng sám văn, hoặc lúc xem thích nghĩa, chính đó là tụng xem nghĩa lý trong kinh thời công đức vô lượng. Như trong phẩm có nói:

Như có người thiện nam, người thiện nữ nào dùng của báu thượng diệu đầy đủ cả vi trần thế giới v.v... để bố thí chúng sanh trong tất cả thế giới, để cúng dường cho chư Phật, Bồ tát trong tất cả thế giới luôn luôn như vậy trải đến vi trần số kiếp không ngớt. Công đức của thiện nam hay thiện nữ này đáng sánh không bằng một phần trăm công đức, một phần nghìn công đức v.v... của người nghe nguyện vương này một phen thoáng qua tai.

Công đức của chúng sanh nào đọc tụng nguyện vương này và khắp vì người mà giảng nói, ngoài đức Phật ra không ai có thể biết được.

Dầu thế nào, đây cũng thuộc về phần tóm tắt. Nếu người nào muốn hiểu biết rõ ràng đầy đủ hơn, xin tụng đọc những bộ này:

1. Phật thuyết *A Di Đà* kinh, tức là *Tiểu Bản A Di Đà* kinh.
2. *Vô Lượng Thọ* kinh, tức là *Đại Bản A Di Đà* kinh.
3. *Quán Vô Lượng Thọ* kinh, tức là *Quán Kinh*
4. *Phổ Hiền Hạnh Nguyện* phẩm.

LỜI BẠT

Một hôm, nhà ấn tống chủ viết thư cho tôi, nhờ tôi viết dịch cả âm nghĩa *Bộ Tam Bảo* và kinh *Địa Tạng*.

Bộ Tam Bảo!

Không rõ trung và bắc phần Việt Nam có đồng nhận như người ở nam phần, "*Bộ Tam bảo*" là danh từ gọi tắt năm thứ kinh sau đây hỗn hợp lại:

1. Kinh *Phật thuyết A Di Đà*.
2. Hồng Danh Bửu Sám.
3. Kinh *Vu Lan Bồn*.
4. Phẩm *Quán Thế Âm Bồ tát Phổ Môn*.
5. Kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật*.

Ở nam phần này, những hàng Phật tử, cả tại gia và xuất gia, mỗi khi muốn chỉ chung năm thứ kinh trên đây phần nhiều đều nói: *Bộ Tam Bảo*. Như: - Tôi nguyện tụng... *Bộ Tam Bảo* - Tôi đi thỉnh *Bộ Tam Bảo* - Tôi thọ trì *Bộ Tam Bảo* - Tôi ấn tống *Bộ Tam Bảo* v.v...

Tại sao năm thứ kinh này gọi là *Bộ Tam Bảo*? - Ai là người thuyết ra danh từ đó trước như? - Vấn đề ở câu hỏi thứ hai không sao tìm ra manh mối để giải đáp cho có bằng có xác thực, vì đã trải qua nhiều thời gian, và lại dấu vết ấy không thấy ghi lại trong quyển sách vở nào. Mà đến vấn đề trong câu gạn thứ nhưt cũng chưa được thấy ở đâu có lời giải thích rạch ròi.

Thiết tưởng, người có ý thức, phạm những lời nói ra cũng như ở việc làm trước phải hiểu rõ và cần phải tránh hay phải giáo chánh những điều không ý nghĩa hoặc mạo nhận. Như thế nghĩa là bao giờ chúng ta cũng cần suy cứu nghiên tầm những danh từ quan trọng cũng như tất cả điều quan

trọng khác khi chúng ta muốn dùng đến, nếu nơi đó chúng ta còn chưa rành rẽ.

Bộ Tam Bảo phải chăng là một danh từ qua trọng và ý nghĩa của nó là một vấn đề mà chúng ta cần phải suy nghiệm?

Chúng ta không thể bỏ qua đối với vấn đề ấy, vì chúng ta vẫn luôn luôn dùng đến nó kia mà!

Bộ Tam Bảo hẳn đã đành là một danh từ không có quy cứ ở trong thánh giáo có lẽ nó chỉ là do trong thời kỳ trước, một vị nào đó sắp đặt ra để kêu gọi năm thứ kinh này cho được đốn gọn, mà hiện nay không do đâu để suy ra nguyên bản được. Nhưng vấn đề suy cứu ý nghĩa của nó là điều khẩn yếu hơn.

Dưới đây, tôi xin trình bày một vài ý nghĩa của danh từ.

Bộ Tam Bảo và tuần thứ của nó, những ý nghĩa riêng của tôi nhận xét, còn phần đúng cùng chẳng, hoàn bị hay khuyết điểm xin nhường ở sự thẩm định của các bậc cao minh thức giả.

Biện về ý nghĩa có 2 phần: A - Tổng, B - Biệt.

A. Trong năm thứ kinh đã kể ở trên, đó là gọi cho gọn, chớ kỳ thật là bốn kinh và một sám văn, mỗi kinh đều thấy đủ cả Phật, Pháp và Tăng. Cứ đó mà suy thời chẳng những trong năm thứ đó có đủ cả Phật, Pháp và Tăng mà ngoài ra trong các kinh khác như kinh *Địa Tạng*, kinh *Pháp Hoa* v.v... không bộ nào là chẳng đủ Phật, Pháp và Tăng. Vì bất luận kinh nào, trong đó cũng có đức Phật là vị thuyết pháp chủ hay danh hiệu của chư Phật, lời của Phật dạy hoặc của Bồ tát v.v... giải bày cùng bốn bộ chúng v.v... dự hội. Cứ lấy ý này, thời tất cả những bộ kinh điển trong nhà Phật đều có thể gọi là kinh *Tam Bảo* (kinh thuộc về Phật, Pháp và Tăng) cả, và suy rộng thêm một chút thời *Bộ Tam Bảo* có thể là danh từ để dùng vào sự gọi tắt toàn cả đại tạng giáo điển. Dầu vậy nhưng nay đã riêng định áp dụng ba chữ đó để làm một danh từ đại diện cho năm thứ kinh trên mà

mọi người đều công nhận thời cũng có phần được, vì thứ kinh trên chính thật là kinh điển trong nhà Phật. Người trước nhứt đã áp dụng riêng biệt như vậy, có lẽ vì năm thứ kinh này là mấy thứ kinh thông dụng để trì tụng hằng ngày của người tu Phật có phần phổ cập nhất trong thời đại gần đây!

B. Trong năm thứ kinh này nếu tế thẩm về phần đại thể quan yếu, thời thấy rằng:

Kinh *Phật Thuyết A Di Đà* và *Hồng Danh Bửu Sám* có thể phối với Phật Bảo. Vì trong kinh *A Di Đà* khuyên người tin Phật A Di Đà cùng cầu nguyện vãng sanh về cõi của Ngài. Trong văn *Bửu Sám*, một phần lớn là xưng niệm và lễ lạy hồng danh của chư Phật.

Kinh *Vu Lan Bồn* và phẩm *Quán Thế Âm Bồ tát Phổ Môn* có thể phối với Tăng Bảo. Vì chủ chính của kinh *Vu Lan* là nói nhân duyên của ngài đại A la hán Ma Ha Mục Kiền Liên vì lòng hiếu từ mà độ cho mẹ. Đại thể trong phẩm *Phổ Môn* là bày tỏ thần lực tự tại cùng phương tiện độ sanh của đức Quán Thế Âm Bồ tát. A la hán và Bồ tát là hiền thánh Tăng!

Cuối cùng kinh kim *Cang Bát Nhã Ba La Mật* có thể phối với Pháp Bảo. Vì toàn bộ kinh *Kim Cang* là đức Phật vì ông Tu Bồ đề và chúng hội mà giảng rõ diệu lý "thật tướng ly tướng" hiển bày "Pháp thân bất động" và trực chỉ "tự tánh đại trí huệ cứu cánh kim Cang bát nhã".

Hai món đầu phối Phật bảo, một kinh sau cùng phối Pháp bảo, hai thứ giữa phối Tăng bảo. Hiệp chung cả năm thứ lại gọi tổng là *Bộ Tam Bảo*. Cứ theo đoạn B này đã tế thẩm phần đại thể của năm thứ phối hiệp với Phật, Pháp, Tăng, thời ba tiếng *Bộ Tam Bảo* dùng làm cái hiệu đại diện cho năm thứ kinh đây cũng có ý nghĩa đúng lắm.

Đã lược định xong ý nghĩa của danh từ *Bộ Tam Bảo*, còn phần ý nghĩa về tuần thứ thời như thế nào?

Tuần thứ của *Bộ Tam Bảo* tức là thứ tự trước sau của bốn kinh và một sám văn đã kể ở đoạn đầu. Xét kỹ đến thời thấy có ý nghĩa rất hay về sự luân quán. Nghĩa là nếu xâu hiệp lại thời năm món sắp để trước sau rất có ý nghĩa, và cứ thứ tự đó, năm món tương quan tương trợ nhau mà làm cho hành nhân được nhiều điều lợi ích rất lớn trên con đường tu tập về quán niệm.

Chúng sanh trong thời mạt thế, tuổi thọ đoản thúc lại thêm chướng duyên rất nhiều, tội nghiệp sâu nặng, cứ tự lực, khó có thể trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà siêu phàm nhập thánh được. Không chống nổi tứ ma, mắc phải hoặc triền, nghiệp phược, chôn lục đạo, nẻo luân hồi, tránh sao khỏi đời đời khô lụy. Tự lực không chưa đủ, còn cần phải nương tha lực. Nguyện lực của đức Phật A Di Đà rất rộng lớn, nhiếp thủ không rời những chúng sanh nào có lòng muốn theo Ngài, muốn về nương với đức Phật, lại thêm trong cõi Cực Lạc rờng rặc những thuận duyên thù thắng mới nắm chắc phần thoát khỏi hẳn biển trầm luân cùng vượt qua dòng sinh tử. Do có đó nên trước phải tụng Kinh A Di Đà để rèn bền tín tâm, lập vững chí nguyện, tinh tấn trì danh hiệu của Phật, cần cầu được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Về Cực Lạc hầu đức Phật A Di Đà làm chỗ quy thú duy nhất của đời mình.

Chỗ quy thú đã lập, dầu vậy, xong ở nơi hành nhân không sao khỏi bị túc chướng nó nhiều như khuấy rối, hoặc làm cho tâm tạp loạn, hoặc làm cho thân ốm đau... Muốn yên ổn trên đường tu hành, phải phát nguyện rộng lớn, lễ 89 vị Phật chí thành cầu ai sám hối, để tiêu trừ nghiệp căn tội chướng của mình đã gây tạo ra từ vô thủy đến nay. Văn Hồng Danh Bửu Sám, sắp vào hàng thứ hai vì có này vậy.

Đã phát nguyện rộng, lập chí lớn, thời chẳng những lo giải thoát phần mình mà còn gấp toan lợi ích quần sanh. Loài ngạ quỷ là một hạng chúng sanh đang bị thống khổ không ngần. Công ơn cha mẹ đối với con có phần sâu dày bậc nhất

mà cũng là thân thiết nhưt. Lẽ tất nhiên, khổ nhiều phải cứu gấp, thân thiết phải độ trước, do đây mà hàng thứ ba có kinh *Vu Lan Bồn* vậy.

Song thân đã có phương độ, nọ quỷ đã có chước cứu. Nhưng pháp giới rộng vô biên, chúng sanh đông vô lượng, lầy sức kém, trí nhỏ đâu có thể thực hiện được chí nguyện rộng lớn. Một gáo nước có thấm vào đâu đối với kiếp hỏa! Vậy phải làm thế nào thân đồng pháp giới, lực dụng vô biên, tự tại độ mọi loài mới mãn bốn thế được. Nên tiếp đến hàng thứ tư có Phổ Môn Phẩm chính là để học hạnh của Quán Thế Âm nhập như huyền văn huân văn tu kinh *Kim Cang tam muội*, trên cùng chư Phật hiệp một sức từ, dưới với chúng sanh đồng một bi ngưỡng, một thân ứng khắp mười phương, hiện ba mươi hai tướng, nương mười bốn món vô úy, dùng mười chín loại thuyết pháp, viên thành diệu hạnh để phổ nhiếp mọi loài trong pháp giới vậy.

Dầu rằng quy thú đã phải chỗ, tội căn đã sám trừ, nguyện lớn đã thực hành, diệu hạnh đã tu tập, song còn e trước tướng tán tu, trệ ngại nơi sắc thính mà xa cách Pháp thân, công đức hữu hạn nên rút sau trì kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* để phá tâm trụ trước, trừ niệm ngã pháp, hầu thâm nhập diệt lý thí không thí, tu không tu, đắc không đắc, chứng không chứng, ly tất cả cảnh tướng, bật tất cả duyên niệm, để viên mãn thí, tu, đắc, chứng. Nơi tâm rộng rang như hư không, nơi trí lặng lẽ dường gương sáng, chứng Pháp thân thật tướng, nhập chân tánh diệu cảnh, hiển kim cang bát nhã diệu dụng...

Viết Lời Bạt này tại Liên Hải Phật Học Đường sau khi dịch xong Bộ Tam Bảo.

Phật lịch 2492, mùa Đông năm Mậu Tý 1948

HÂN TỊNH TỶ KHEO
THÍCH TRÍ TỊNH



KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Pháp Đăng

Việt dịch: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

PHẨM THỨ NHỨT:

THẦN THÔNG TRÊN CUNG TRỜI ĐAO LỢI

1. PHẬT HIỆN THẦN THÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, tại cung trời Đao Lợi, đức Phật vì Thánh mẫu mà thuyết pháp(1). Lúc đó, bất khả thuyết bất khả thuyết tất cả chư Phật và đại Bồ tát trong vô lượng thế giới ở mười phương đều đến hội họp, rồi đồng khen ngợi rằng(2): “Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể ở trong đời ác ngũ trược mà hiện

sức đại trí huệ thần thông chẳng thể nghĩ bàn để điều phục chúng sanh càng cường làm cho chúng đó rõ pháp khổ pháp vui”(3). Khen xong, chư Phật đều sai thị giả kính thăm đức Thế Tôn(4).

Bấy giờ, đức Như Lai mỉm cười phóng ra trăm ngàn vùng mây sáng rỡ lớn. Như là: vùng mây sáng rỡ đầy đủ, vùng mây sáng rỡ đại từ bi, vùng mây sáng rỡ đại trí huệ, vùng mây sáng rỡ đại bát nhã, vùng mây sáng rỡ đại tam muội, vùng mây sáng rỡ đại kiết tường, vùng mây sáng rỡ đại phước đức, vùng mây sáng rỡ đại công đức, vùng mây sáng rỡ đại quy y, vùng mây sáng rỡ đại tán thán... Đức Phật phóng ra bất khả thuyết vùng mây sáng rỡ như thế rồi lại phát ra các thứ tiếng vi diệu. Như là: tiếng bồ thí độ, tiếng trì giới độ, tiếng nhẫn nhục độ, tiếng tinh tấn độ, tiếng thiền định độ, tiếng bát nhã độ, tiếng từ bi, tiếng hỷ xả, tiếng giải thoát, tiếng vô lậu, tiếng trí huệ, tiếng sư tử hống, tiếng đại sư tử hống, tiếng mây sấm, tiếng mây sấm lớn.

2. TRỜI, RÒNG... HỘI HỢP

Khi đức Phật phát ra bất khả thuyết bất khả thuyết tiếng vi diệu như thế xong, thì có vô lượng ức hàng trời, rồng, quỷ, thần ở trong cõi Ta Bà và cõi nước phương khác cũng đến hội họp nơi cung trời Đao Lợi. Như là: trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Tu Diệm Ma, trời Đâu Suất Đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm, trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời Thiếu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Nghiêm Sức, trời Vô Lượng Nghiêm Sức, trời Nghiêm Sức Quả Thiệt, trời Vô Tướng, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh, trời Ma Hê Thủ La, cho đến trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Tất cả

Thiên chúng, Long chúng, cùng các chúng quỷ thần đều đến hội họp(5).

Lại có những vị thần ở cõi Ta Bà cùng cõi nước phương khác, như Thần biển, Thần sông, Thần rạch, Thần cây, Thần núi, Thần đất, Thần sông chằm, Thần lúa mạ, Thần chủ ngày, Thần chủ đêm, Thần hư không, Thần trên trời, Thần chủ ăn uống, Thần cây cỏ... Các vị thần như thế đều đến hội họp.

Lại có những đại Quỷ vương ở cõi Ta Bà cùng cõi nước phương khác, như: Ác Mục Quỷ vương, Đạm Huyết Quỷ vương, Đạm Tinh Khí Quỷ vương, Đạm Thai Noãn Quỷ vương, Hành Bệnh Quỷ vương, Nhiếp Độc Quỷ vương, Từ Tâm Quỷ vương, Phước Lợi Quỷ vương, Đại Ai Kính Quỷ vương... Các Quỷ vương như thế đều đến hội họp.

3. ĐỨC PHẬT PHÁT KHỞI

Bấy giờ đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử đại Bồ tát rằng:

Ông xem coi tất cả chư Phật, Bồ tát và trời, rồng, quỷ thần đó ở trong thế giới này cùng thế giới khác, ở trong quốc độ này cùng quốc độ khác, nay đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi như thế, ông có biết số bao nhiêu chăng?

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu dùng thần lực của con để tính đếm trong nghìn kiếp cũng không biết là số bao nhiêu!

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

Đến Ta dùng Phật nhãn xem hãy còn không đếm xiết! Số Thánh, phàm này đều của ngài Địa Tạng Bồ tát từ thuở kiếp lâu xa đến nay, hoặc đã độ, đương độ, chưa độ; hoặc đã thành tựu, đương thành tựu, chưa thành tựu.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng:

Từ thuở lâu xa về trước con đã tu căn lành chứng đặng trí vô ngại, nghe lời đức Phật nói đó thì tin nhận liền. Còn hàng tiểu quả Thanh văn, trời, rồng tám bộ chúng và những chúng sanh trong đời sau, dầu nghe lời thành thật của Như Lai, nhưng chắc là sanh lòng nghi ngờ, dầu cho có lạy vâng đi nữa cũng chưa khỏi hủy báng. Cúi mong đức Thế Tôn nói rõ hơn địa của ngài Địa Tạng Bồ tát: Ngài tu hạnh gì, lập nguyện gì, mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như thế? (6)

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

Ví như bao nhiêu cỏ, cây, lùm, rừng, lúa, mè, tre, lau, đá, núi, bụi bặm trong cõi Tam thiên Đại thiên, cứ một vật làm một sông Hằng; rồi cứ số cát trong mỗi sông Hằng, một hạt cát làm một cõi nước; rồi trong một cõi nước, cứ một hạt bụi nhỏ làm một kiếp; rồi bao nhiêu số bụi nhỏ chứa trong một kiếp đều đem làm kiếp cả. Từ lúc ngài Địa Tạng Bồ tát chứng quả vị Thập địa Bồ tát đến nay nghìn lần lâu hơn số kiếp tỷ dụ ở trên, huống là những thuở ngài Địa Tạng Bồ tát còn ở bậc Thanh văn và Bích chi Phật!(7)

Này Văn Thù Sư Lợi! Oai thần thế nguyện của Bồ tát đó không thể nghĩ bàn đến được. Về đời sau, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào nghe danh tự của Địa Tạng Bồ tát, hoặc khen ngợi, hoặc chiêm ngưỡng vái lạy, hoặc xưng danh hiệu, hoặc cúng dường... nhân đến vẽ, khắc, đắp, sơn hình tượng của Địa Tạng Bồ tát, thì người đó sẽ được một trăm lần sanh lên cõi trời Đao Lợi, vĩnh viễn chẳng còn bị sa đọa vào chốn ác đạo(8).

4. TRƯỞNG GIẢ TỬ PHÁT NGUYỆN

Này Văn Thù Sư Lợi! Trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp lâu xa về trước, tiền thân của ngài Địa Tạng Bồ tát làm một vị Trưởng giả tử. Lúc đó, trong đời có đức Phật

hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Trưởng giả tử thấy đức Phật tướng mạo tốt đẹp nghìn phước trang nghiêm, mới bạch hỏi đức Phật tu hạnh nguyện gì mà đặng tốt đẹp như thế?

Khi ấy, đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai bảo Trưởng giả tử rằng: “Muốn chúng được thân tướng tốt đẹp này, cần phải trải qua trong một thời gian lâu xa độ thoát tất cả chúng sanh bị khổ khổ”.

Này Văn Thù Sư Lợi! Trưởng giả tử nghe xong liền phát nguyện rằng: “Từ nay đến tội số chẳng thể kể xiết ở đời sau, tôi vì những chúng sanh tội khổ trong sáu đường mà giảng bày nhiều phương tiện làm cho chúng đó được giải thoát hết cả, rồi tự thân tôi mới chúng thành Phật đạo”.

Bởi ở trước đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, Ngài lập nguyện rộng đó, nên đến nay đã trải qua trăm nghìn muôn ức vô số bất khả thuyết kiếp, mà Ngài vẫn còn làm vị Bồ tát!

5. BÀ LA MÔN NỮ CỨU MẸ

Lại thuở bất khả tư nghị vô số kiếp về trước, lúc đó có đức Phật hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, đức Phật ấy thọ đến bốn trăm nghìn muôn ức vô số kiếp. Trong thời Tượng pháp, có một người con gái dòng Bà la môn, người này nhiều đời chứa phước sâu dày, mọi người đều kính nể, khi đi đứng lúc nằm ngồi, chư Thiên thường theo hộ vệ. Bà mẹ của người mê tín tà đạo, thường khinh khi ngô Tam Bảo(9). Thuở ấy, mặc dầu Thánh nữ đem nhiều lời phương tiện khuyên nhủ bà mẹ người, hầu làm cho bà sanh chánh kiến(10), nhưng mà bà chưa tin hẳn. Chẳng bao lâu bà ấy chết thân hồn sa đọa vào Vô Gián địa ngục(11).

Lúc đó, Thánh nữ biết rằng người mẹ khi còn sống không tin nhơn quả, liệu chắc phải theo nghiệp quấy mà sanh vào

đường ác. Thánh nữ bèn bán nhà đất, sắm nhiều hương hoa cùng những đồ lễ cúng, rồi đem cúng dường tại các chùa tháp thờ đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương.

Trong một ngôi chùa kia, thấy hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương đắp vẽ oai dung đủ cách tôn nghiêm. Thánh nữ chiêm bái tượng của đức Phật lại càng sanh lòng kính ngưỡng, tự nghĩ thầm rằng: “Đức Phật là đấng Đại giác đủ tất cả trí huệ, nếu đức Phật còn trụ ở đời, thì khi mẹ tôi khuất, tôi đến bạch hỏi Phật, chắc thế nào cũng rõ mẹ tôi sanh vào chốn nào”. Nghĩ đến đó, Thánh nữ buồn tủi rơi lệ chăm nhìn tượng Như Lai mà lòng quyến luyến mãi.

Bỗng nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: “Thánh nữ đương khóc kia, thôi đừng có bi ai quá lắm! Nay Ta sẽ bảo cho ngươi biết chỗ của mẹ ngươi”.

Thánh nữ chấp tay hướng lên hư không mà vái rằng: “Đức Thần nào đó mà giải bớt lòng sầu lo của tôi như thế? Từ khi mẹ tôi mất đến nay, tôi thương nhớ ngày đêm, không biết đâu để hỏi cho rõ mẹ tôi thác sanh vào chốn nào?”.

Trên hư không lại có tiếng bảo Thánh nữ rằng: “Ta là đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà ngươi đương chiêm bái đó. Thấy ngươi thương nhớ mẹ tội hơn thường tình của chúng sanh, nên Ta đến chỉ bảo”.

Thánh nữ nghe nói xong, liền té xỉu xuống, tay chân mình mảy đều bị tổn thương. Những người đứng bên vội vàng đỡ dậy, một lát sau Thánh nữ mới tỉnh lại rồi bạch cùng trên hư không rằng: “Cúi xin đức Phật xót thương bảo ngay cho rõ chỗ thác sanh của mẹ con, nay thân tâm của con sắp chết mất!”.

Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai bảo Thánh nữ rằng: “Cúng dường xong, ngươi mau mau trở về nhà, rồi ngồi ngay thẳng nghĩ tưởng danh hiệu của Ta, thì ngươi sẽ biết chỗ thác sanh của mẹ ngươi”.

Lễ Phật xong, Thánh nữ liền trở về nhà. Vì thương nhớ mẹ, nên Thánh nữ ngồi ngay thẳng niệm danh hiệu của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trải suốt một ngày một đêm, bỗng thấy thân mình đến một bờ biển kia. Nước trong biển đó sôi sùng sục, có rất nhiều thú dữ thân thể toàn bằng sắt bay nhảy trên mặt biển, chạy rảo bên này, xua đuổi bên kia. Thấy những trai cùng gái số nhiều đến nghìn muôn thoát chìm thoát nổi ở trong biển, bị các thú dữ giành nhau ăn thịt.

Lại thấy quỷ Dạ xoa hình thù đều lạ lùng: hoặc nhiều tay, nhiều mắt, nhiều chân, nhiều đầu... răng nanh chĩa ra ngoài miệng bén nhọn dường gươm, lừa những người tội đến gần thú dữ. Rồi quỷ lại chụp bắt người tội, túm quắp đầu chân người tội lại, hình trạng muôn thứ chẳng dám nhìn lâu. Thánh nữ nhờ nương sức niệm Phật nên tự nhiên không kinh sợ.

Khi ấy, Có một vị Quỷ vương(12) tên là Vô Độc, đến cúi đầu nghinh tiếp, hỏi Thánh nữ rằng:

Hay thay Bồ tát! Ngài có duyên sự gì đến chốn này?

Thánh nữ hỏi Quỷ vương:

Đây là chốn nào?

Quỷ vương Vô Độc đáp:

Đây là từng biển thứ nhứt ở phía Tây núi Đại Thiết Vi.

Thánh nữ hỏi:

Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thật như thế chăng?

Vô Độc đáp:

Thật có địa ngục.

Thánh nữ hỏi:

Nay tôi làm sao để được đến chốn địa ngục đó?

Vô Độc đáp:

Nếu không phải sức oai thần thì cần phải do nghiệp lực. Ngoài hai điều này ra ắt không bao giờ có thể đến đó được (13).

Thánh nữ lại hỏi:

Duyên cớ vì sao mà nước trong biển này sôi sùng sục và có những người tội cùng với các thú dữ như thế?

Vô Độc đáp rằng:

Những người tội trong biển này là những kẻ tạo ác ở cõi Diêm Phù Đề mới chết, trong khoảng bốn mươi chín ngày không người kẻ tỵ để làm công đức hầu cứu vớt khổ nạn cho; lúc sống, kẻ đó lại không làm được nhân lành nào cả. Vì thế nên cứ theo nghiệp ác của họ đã gây tạo mà cảm lấy báo khổ ở địa ngục, tự nhiên họ phải lội qua biển này.

Cách biển này mười muôn do tuần(14) về phía Đông lại có một cái biển, những sự thống khổ trong biển đó gấp bội hơn biển này. Phía Đông của biển đó lại có một cái biển nữa, sự thống khổ trong đó càng trội hơn. Đó đều là do những nghiệp nhơn xấu xa của ba nghiệp mà cảm vờ ra, đồng gọi là biển nghiệp, chính là ba cái biển này vậy(15).

Thánh nữ lại hỏi Quý vương Vô Độc rằng:

Địa ngục ở đâu?

Vô Độc đáp rằng:

Trong ba cái biển đó đều là địa ngục, nhiều đến số trăm nghìn, mỗi ngục đều khác nhau. Về địa ngục lớn thì có 18 chỗ, bực kẻ đó có 500 chỗ, đủ không lường sự khổ sở; bực kẻ nữa có đến nghìn trăm cũng đầy không lường sự thống khổ.

Thánh nữ lại hỏi Quý vương:

Thân mẫu của tôi mới khuất gần đây, không rõ thân hồn của người phải sa vào chôn nào?

Quý vương hỏi Thánh nữ:

Thân mẫu của Bồ tát khi còn sống quen làm những nghiệp gì?

Thánh nữ đáp:

Thân mẫu của tôi mê tín tà đạo khinh chê ngôi Tam Bảo, hoặc có lúc tạm thời tin chánh pháp, xong rồi chẳng kính. Dầu khuất không bao lâu, mà chưa rõ đọa lạc vào đâu?

Vô Độc hỏi:

Thân mẫu của Bồ tát tên họ là gì?

Thánh nữ đáp:

Thân phụ và thân mẫu của tôi đều dòng dõi Bà la môn. Thân phụ tôi hiệu là Thi La Thiện Kiến. Thân mẫu tôi hiệu là Duyệt Đế Lợi.

Vô Độc chấp tay thưa Thánh nữ rằng: “Xin Thánh nữ hãy trở về, chớ đem lòng thương nhớ buồn rầu quá lắm nữa. Tội nữ Duyệt Đế Lợi được sanh lên cõi trời đến nay đã ba ngày rồi. Nghe nói nhờ con gái của người có lòng hiếu thuận, vì mẹ mà sắm sửa lễ vật, tu tạo phước lành, cúng dường chùa tháp thờ đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Chẳng phải chỉ riêng thân mẫu của Bồ tát đặng thoát khỏi địa ngục, mà ngày đó, những tội nơn Vô gián cũng đều được vui vẻ, đồng đặng thác sanh cả”. Nói xong, Quý vương chấp tay chào Thánh nữ mà cáo lui.

Bấy giờ, Thánh nữ dường chiêm bao chợt tỉnh, rõ biết việc đó rồi, bèn đứng trước tháp tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà phát thệ nguyện rộng lớn rằng: “Tôi nguyện từ nay nhân đến đời vị lai những chúng sanh mắc phải tội khổ, thì tôi lập ra nhiều phương chước làm cho chúng đó được giải thoát”.

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

Quý vương Vô Độc trước đó nay chính là ông Tài Thủ Bồ tát. Còn Thánh nữ Bà la môn đó nay là Địa Tạng Bồ tát vậy.

*

PHẨM THỨ HAI:

PHÂN THÂN TẬP HỘI

1. HÓA THÂN CÙNG QUYẾN THUỘC

Lúc đó phân thân Địa Tạng Bồ tát ở các nơi có địa ngục trăm nghìn muôn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng vô số thế giới đều đến hội họp tại cung trời Đao Lợi. Do nhờ thần lực của Như Lai, phân thân đó hiệp với những chúng đã được giải thoát ra khỏi chốn nghiệp đạo ở mười phương, cũng đều đông đến số nghìn muôn ức na do tha, đồng cảm hương hoa đến cúng dường Phật.

Những chúng cùng đến với phân thân đó, thấy đều nhờ Địa Tạng Bồ tát giáo hóa làm cho trụ nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không còn thối chuyển. Những chúng đó từ kiếp lâu xa đến nay trôi lăn trong vòng sanh tử ở trong sáu đường, chịu những điều khổ sở không có lúc nào tạm ngừng dứt, nhờ lòng từ bi lớn và thệ nguyện sâu dày của ngài Địa Tạng Bồ tát, nên tất cả đều chúng được đạo quả. Đại chúng đó khi đã đến cung trời Đao Lợi, lòng họ vui mừng hơn hờ, chiêm ngưỡng đức Như Lai mắt nhìn mãi không rời.

2. ĐỨC NHƯ LAI AN ỦI ỦY THÁC

Bấy giờ, Thế Tôn giơ tay sắc vàng xoa đánh của hóa thân Địa Tạng đại Bồ tát trong trăm nghìn muôn ức bất khả tư, bất khả nghị, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng vô số thế giới, mà dạy rằng:

Ta ở trong đời ác ngũ trược giáo hóa những chúng sanh cang cường như thế, làm cho lòng chúng đó điều phục bỏ tà về chánh; nhưng trong mười phần vẫn còn một hai phần chúng sanh quen theo tánh ác. Muốn độ chúng đó, Ta cũng phân nghìn trăm ức thân lập ra nhiều phương lược. Trong chúng sanh đó, hoặc có người căn tánh sáng lẹ nghe pháp của Ta thì liền tín nhận. Hoặc có người phải ân cần khuyên bảo mới thành tựu được thiện quả. Hoặc có kẻ vì tội nghiệp quá nặng nên chẳng đem lòng kính tin ngưỡng mộ.

Ta phân ra nhiều thân độ thoát những hạng chúng sanh mỗi mỗi sai khác như thế. Hoặc hiện ra thân trai, hoặc hiện ra thân gái, hoặc hiện ra thân trời, rồng; hoặc hiện ra thân quỷ, thần; hoặc hiện ra rừng, núi, sông, ngòi, ao, rạch, suối, làm lợi ích cho mọi người, để rồi độ họ được giải thoát.

Hoặc hiện ra thân Thiên Đế, hoặc hiện ra thân trời Phạm Vương, hoặc hiện ra thân vua Chuyển Luân, hoặc hiện ra thân Quốc vương, hoặc hiện ra thân cư sĩ, hoặc hiện ra thân tể phụ, hoặc hiện ra thân các hàng quan thuộc, hoặc hiện ra thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Nhẫn đến hiện ra những thân Thanh văn, La hán, Bích chi Phật và Bồ tát để hóa độ chúng sanh, chớ chẳng phải chỉ có thân Phật hiện ra trước chúng thôi đâu!

Địa Tạng! Ông xem Ta đã trải qua bao số kiếp nhọc nhằn độ thoát những chúng sanh cang cường đầy tội khổ khó khai hóa như thế. Ngoài ra những kẻ chưa điều phục được, thì phải theo nghiệp thọ báo. Nếu khi chúng đó có bị đọa vào đường dữ chịu nhiều sự thống khổ, thì ông nên nghĩ nhớ Ta ở cung trời Đao Lợi ân cần phó chúc đây mà gắng độ chúng sanh, làm cho chúng sanh trong cõi Ta Bà này đến lúc Phật Di Lặc ra đời, đều đặn giải thoát khỏi hẳn các điều khổ, gặp Phật, được đức Phật thọ ký.

Bấy giờ, những hóa thân Địa Tạng Bồ tát ở các thế giới hiệp chung lại một hình, rơi lệ thương cảm mà bạch cùng đức Phật rằng:

Từ số kiếp lâu xa đến nay, con nhờ đức Thế Tôn tiếp độ dắt dìu làm cho con được thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đầy đủ trí huệ rộng lớn. Con phân hiện thân hình ra ở cùng khắp trăm nghìn muôn ức hằng hà sa thế giới. Trong mỗi thế giới hóa hiện trăm nghìn muôn ức thân. Mỗi thân đó hóa độ trăm nghìn muôn ức người, làm cho quy kính ngôi Tam Bảo, khỏi hẳn vòng sanh tử hưởng vui Niết bàn. Những chúng sanh nào ở nơi Phật pháp chỉ làm việc lành bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một bụi nhỏ, hoặc chỉ bằng chùng mảy lông tóc, con đều độ thoát lần lần, làm cho chúng đó được lợi ích lớn.

Cúi mong đức Như Lai chớ vì những chúng sanh ác nghiệp trong đời sau mà sanh lòng lo lắng!... Cúi mong đức Như Lai chớ vì những chúng sanh ác nghiệp trong đời sau mà sanh lòng lo lắng!...

Ngài Địa Tạng Bồ tát bạch cùng đức Phật ba lần như thế. Lúc ấy, đức Phật khen ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Hay thay! Hay thay! Ta hộ trợ cho ông được toại nguyện! Từ số kiếp lâu xa đến nay thường phát nguyện rộng lớn, cứu độ tất cả chúng sanh xong rồi, thì ông liền chứng quả Bồ đề.

*

PHẨM THỨ BA:

QUÁN CHÚNG SANH NGHIỆP DUYÊN

1. PHẬT MẪU THƯA HỎI

Lúc đó, đức Phật mẫu là bà Ma Gia phu nhưn chấp tay cung kính mà hỏi ngài Địa Tạng Bồ tát:

Thánh giả! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề tạo nghiệp sai khác, cảm thọ quả báo ra thế nào?

Ngài Địa Tạng Bồ tát đáp:

Trong nghìn muôn thế giới cho đến quốc độ, hoặc nơi thì có địa ngục, nơi thì không địa ngục, hoặc nơi thì có hàng nữ nhơn, nơi thì không có hàng nữ nhơn, hoặc nơi có Phật pháp, nơi thì không Phật pháp, nhứt đến bậc Thanh văn và Bích chi Phật v.v... Cũng sai khác như thế, chớ chẳng phải riêng tội báo nơi địa ngục sai khác thôi đâu!

Bà Ma Gia Phu nhơn lại bạch cùng Bồ tát:

Tôi muốn nghe tội báo trong cõi Diêm Phù Đề chiêu cảm lấy ác đạo.

Ngài Địa Tạng đáp:

Thánh mẫu! Trông mong Ngài lắng nghe nhận lấy, tôi sẽ lược nói việc đó.

Thánh mẫu bạch rằng:

Xin Thánh giả nói cho.

2. BỒ TÁT LƯỢC THUẬT

Bấy giờ, ngài Địa Tạng Bồ tát thưa Thánh mẫu rằng:

Danh hiệu của những tội báo trong cõi Nam Diêm Phù Đề như dưới đây:

Như có chúng sanh chẳng hiếu thảo với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ, kẻ đó phải đọa vào Vô Gián địa ngục mãi đến nghìn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Như có chúng sanh nào có lòng ác, làm thân Phật bị thương chảy máu, khinh chê ngôi Tam Bảo, chẳng kính kinh điển, cũng phải đọa vào Vô Gián địa ngục, trong nghìn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Hoặc có chúng sanh xâm tổn của Thường trụ, ô phạm Tăng ni, hoặc tứ tình làm sự dâm loạn trong chốn chùa chiền, hoặc giết, hoặc hại... Những chúng sanh đó phải đọa vào Vô Gián địa ngục, trong nghìn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Như có chúng sanh giả làm thầy Sa môn kỳ thật tâm chẳng phải Sa môn, lạm dụng của Thường trụ, trái phạm giới luật, gạt gẫm hàng bạch y, tạo nhiều điều tội ác. Hạng người như thế phải đọa vào Vô Gián địa ngục, trong nghìn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Hoặc có chúng sanh trộm cắp những tài vật lúa gạo, đồ ăn uống, y phục v.v... của Thường trụ, cho đến không cho mà lấy một vật, kẻ đó phải đọa vào Vô Gián địa ngục, trong nghìn muôn ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được.

Ngài Địa Tạng Bồ tát thưa rằng:

Thánh mẫu! Nếu có chúng sanh nào phạm những tội như trên đó thì phải đọa vào địa ngục ngũ Vô Gián, cầu tạm ngừng sự đau khổ chừng khoảng một niệm cũng không được.

Bà Ma Gia phu nhơn lại bạch cùng Địa Tạng Bồ tát: “Thế nào là Vô Gián địa ngục?”.

Ngài Địa Tạng Bồ tát thưa:

Thánh mẫu! Bao nhiêu địa ngục ở trong núi Thiết Vi, lớn có 18 chỗ, thứ kể đó 500 chỗ danh hiệu đều riêng khác nhau, thứ kể lại có nghìn trăm danh hiệu cũng đều riêng khác nhau. Nói về địa ngục Vô Gián đó, giáp vòng ngục thành hơn tám muôn dặm, thành đó thuần bằng sắt cao đến một muôn dặm. Lửa cháy trên thành không có chỗ nào hở trống. Trong ngục thành đó có các nhà ngục liên tiếp nhau đều có danh hiệu sai khác.

Riêng có một sở ngục tên là Vô Gián. Ngục này châu vi một muôn tám nghìn dặm, tường ngục cao một nghìn dặm, toàn bằng sắt cả. Lửa cháy hực hờ suốt trên suốt dưới. Trên tường ngục rắn sắt, chó sắt, phun lửa đuổi nhau chạy bên này sang bên kia. Trong ngục có giường rộng khắp muôn dặm. Một người thọ tội thì tự thấy thân mình nằm đầy chật cả giường, đến nghìn muôn người thọ tội cũng đều tự thấy thân của mình nằm đầy chật cả trên giường. Đó là do vì những tội nghiệp đã tạo ra nó cảm vời như thế.

Lại những người tội chịu đủ sự khổ sở: trăm nghìn quỷ Dạ xoa cùng với loài ác quỷ, răng nanh bén nhọn dường gươm, cặp mắt chói sáng như chớp nhoáng, móng tay cứng như đồng, móc ruột bám chặt.

Lại có quỷ Dạ xoa khác cầm chĩa lớn bằng sắt đâm vào mình người tội, hoặc đâm trúng miệng mũi, hoặc đâm trúng bụng lưng... rồi dồi lên trên không, lấy chĩa hứng lấy đê lại trên giường. Lại có điều hâu bằng sắt mở mắt người tội.

Lại có rắn sắt cắn đầu người tội. Nơi lông đốt khắp trên thân thể đều lấy đinh dài đóng xuống giường, kéo lưỡi ra rồi cày bừa trên đó, lôi kéo người tội, nước đồng đổ vào miệng, dây sắt nóng đỏ quấn lấy thân người tội, một ngày một đêm, muôn lần chết muôn lần sống lại. Do vì tội nghiệp mà cảm lấy như thế, trải qua ức kiếp, không lúc nào mong ra khỏi được. Lúc thế giới này hư hoại thì sanh nhờ qua địa ngục ở thế giới khác. Lúc thế giới khác đó hư hoại thì lại sanh vào cõi khác nữa. Lúc cõi khác đó hư hoại thì cũng xoay vần sanh vào cõi khác. Đến khi thế giới này thành xong thì sanh trở về thế giới này. Những sự tội báo trong ngục Vô Gián như thế đó.

Lại địa ngục đó do có năm điều nghiệp cảm, nên gọi là Vô Gián. Năm điều đó là những gì?

① Tội nhờn trong đó chịu khổ ngày lẫn đêm, cho đến trải qua số kiếp không lúc nào ngừng ngớt, nên gọi là Vô Gián.

② Một người tội thân đầy chật cả ngục, nhiều người tội mỗi mỗi thân cũng đều đầy chật cả ngục, nên gọi là Vô Gián.

③ Những khí cụ để hành hình tội nhờn như: chĩa ba, gậy, điều hâu, rắn, sói, chó, cối giã, cối xay, cưa, đục, dao mác, chảo dầu sôi, lưới sắt, dây sắt, lửa sắt, ngựa sắt, da sống niên đầu, nước sắt nóng rưới thân, đói thì ăn hoàn sắt nóng, khát thì uống nước sắt sôi. Từ năm trọn kiếp đến vô số kiếp, những sự khổ sở nối nhau luôn không một giây ngừng ngớt nên gọi là Vô Gián.

④ Không luận là trai hay gái, Mùong, Mán, mọi rợ, già trẻ, sang hèn, hoặc là rồng, là trời, hoặc là thần, là quỷ... hễ gây tội ác theo đó mà cảm lấy, tất cả đều đồng chịu khổ nên gọi là Vô Gián.

⑤ Nếu người nào bị đọa vào địa ngục đó, thì từ khi mới vào cho đến trăm nghìn kiếp mỗi một ngày đêm muôn lần chết, muôn lần sống lại, muôn cầu tạm ngừng chừng khoảng một niệm cũng không đặng, trừ khi tội nghiệp tiêu hết mới đặng thọ sanh. Do vì lẽ liên miên mãi nên gọi là Vô Gián.

Ngài Địa Tạng Bồ tát thưa Thánh mẫu rằng:

Nói sơ lược về địa ngục Vô Gián như thế. Nếu nói rộng ra thì tên của những khí cụ để hành tội cùng những sự thống khổ trong địa ngục đó, dầu đến suốt một kiếp cũng không thể nào nói cho hết được.

Bà Ma Gia Phu nhờn nghe ngài Địa Tạng Bồ tát nói xong, khôn xiết lo rầu! Bà chấp tay đánh lễ Bồ tát mà lui ra.

PHẨM THỨ TƯ: NGHIỆP CẢM CỦA CHÚNG SANH

1. BỒ TÁT VÂNG CHỈ

Lúc đó ngài Địa Tạng đại Bồ tát bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Con nương sức oai thần của đức Như Lai, nên phân thân ở khắp trăm nghìn muôn ức thế giới, để cứu vớt tất cả chúng sanh bị nghiệp báo. Nếu không nhờ sức đại từ của đức Như Lai, thì chẳng có thể biến hóa ra như thế được. Nay con lại được Như Lai phó chúc từ bây giờ đến khi ngài A Dật Đa thành Phật, làm cho chúng sanh trong sáu đường đều đặng độ thoát.

Bạch đức Thế Tôn! Xin vâng! Xin đức Thế Tôn chớ lo!

Bây giờ đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Những chúng sanh mà chưa được giải thoát, tánh thức của nó không định, hễ quen làm dữ thì kết thành nghiệp báo dữ, còn quen làm lành thì kết thành quả báo lành. Làm lành cùng làm dữ tùy theo cảnh duyên mà sanh ra lăn mãi trong năm đường không lúc nào tạm ngừng ngớt, mê lầm chướng nạn trải đến kiếp số nhiều như vi trần.

Ví như loài cá bơi lội trong lưới theo dòng nước chảy, thoát hoặc tạm được ra, rồi lại mắc vào lưới. Vì thế nên Ta phải lo nghĩ đến những chúng sanh đó. Đời trước ông trót đã lập nguyện trải qua nhiều kiếp phát thệ rộng lớn độ hết cả hàng chúng sanh bị tội khổ, thì Ta còn lo gì!

2. ĐỊNH TỰ TẠI VƯƠNG BẠCH HỎI

Khi đức Phật dạy lời như thế xong, trong Pháp hội có vị đại Bồ tát hiệu là Định Tự Tại Vương ra bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, ngài Địa Tạng Bồ tát đã phát thệ nguyện gì, mà nay được đức Thế Tôn ân cần ngợi khen như thế? Cúi mong đức Thế Tôn lược nói cho.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Định Tự Tại Vương Bồ tát:

Lóng nghe! Lóng nghe! Phải khéo suy xét đó, Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng.

3. ÔNG VUA NƯỚC LÂN CẬN

Vô lượng vô số na do tha bất khả thuyết kiếp về thuở trước. Lúc đó, có đức Phật ra đời hiệu là Nhứt Thiết Trí Thành Tự Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Phật đó thọ sáu muôn kiếp. Khi Ngài chưa xuất gia, thì Ngài làm vua một nước nhỏ kia, kết bạn cùng với vua nước lân cận; hai vua đồng thực hành mười hạnh lành làm lợi ích cho nhơn dân(16). Nhơn dân trong nước lân cận đó phần nhiều tạo những việc ác. Hai vua cùng nhau bàn tính tìm những phương chước để dắt dìu dân chúng ấy.

Một ông phát nguyện: “Tôi nguyện sớm thành Phật sẽ độ dân chúng ấy làm cho đều được giải thoát không còn thừa”.

Một ông phát nguyện: “Nhu tôi chẳng trước độ những kẻ tội khổ làm cho đều đặng an vui chúng quả Bồ đề, thì tôi nguyện chưa chịu thành Phật”.

Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương Bồ tát rằng:

Ông vua phát nguyện sớm thành Phật đó, chính là đức Nhứt Thiết Trí Thành Tự Như Lai. Còn ông vua phát nguyện độ chưa hết những chúng sanh tội khổ thì nguyện chưa thành Phật đó, chính là ngài Địa Tạng Bồ tát đây vậy.

4. QUANG MỤC CỨU MẸ

Lại vô lượng vô số kiếp về thuở trước, có đức Phật ra đời, hiệu là Liên Hoa Mục Như Lai. Đức Phật đó thọ bốn mươi kiếp. Trong thời Mạt pháp, có một vị La hán phước đức cứu độ chúng sanh. Nhơn vì đi tuần tự giáo hóa mọi người, La hán gặp một người nữ tên là Quang Mục, nàng này sắm sửa đồ ăn cúng dường La hán. La hán thọ cúng rồi hỏi:

Nàng muốn những gì?

Quang Mục thưa:

Ngày thân mẫu tôi khuất, tôi làm việc phước thiện để nhờ đó mà cứu vớt thân mẫu tôi, chẳng rõ thân mẫu tôi thác sanh vào đường nào?

La Hán nghe nói cảm thương bèn nhập định quan sát, thì thấy bà mẹ của Quang Mục đọa vào chốn địa ngục rất khổ sở. La Hán hỏi Quang Mục rằng:

Thân mẫu người lúc sanh tiền đã làm những hạnh nghiệp gì, mà nay phải đọa vào chốn địa ngục rất khổ sở như thế?

Quang Mục thưa:

Ngày còn sống, thân mẫu tôi chỉ ưa ăn thịt loài cá trạnh, phần nhiều là hay ăn cá con và trạnh con, hoặc chiên, hoặc nấu, tha hồ mà ăn cho thỏa mãn. Nếu tính đếm số cá trạnh mà người đã ăn thì đến hơn nghìn muôn. Xin Tôn giả thương xót chỉ dạy phải làm cách nào để cứu thân mẫu tôi?

La hán xót thương bèn dạy phương chước, Ngài khuyên Quang Mục rằng:

Người phải đem lòng chí thành mà niệm đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, và vẽ đắp hình tượng đức Phật, thì kẻ còn cùng người mất đều được phước lợi!

Quang Mục nghe xong, liền xuất tiền của, họa tượng Phật mà thờ cúng. Nàng lại đem lòng cung kính, khóc than chiêm

ngưỡng đánh lễ tượng Phật. Đêm đó, nàng chiêm bao thấy thân của đức Phật sắc vàng sáng chói như hòn núi Tu Di. Đức Phật phóng ánh sáng mà bảo Quang Mục rằng: “Chẳng bao lâu đây thân mẫu ngươi sẽ thác sanh vào trong nhà của ngươi, khi vừa biết đói lạnh thì liền biết nói”.

Sau đó, đưa tở gái trong nhà sanh một đứa con trai, chưa đầy ba ngày đã biết nói. Trẻ đó buồn khóc mà nói với Quang Mục rằng:

Nghiệp duyên trong vòng sanh tử phải tự lãnh lấy quả báo. Tôi là mẹ của người, lâu nay ở chốn tối tăm. Từ khi vĩnh biệt người, tôi phải đọa vào đại địa ngục. Nhờ phước lực của người, nên nay được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm số mạng ngắn ngủi, năm mươi ba tuổi đây sẽ bị đọa vào địa ngục nữa. Người có phương thế gì làm cho tôi được thoát khỏi nỗi khổ sở?

Nghe đứa trẻ nói, Quang Mục biết chắc là mẹ mình. Nàng nghẹn ngào khóc lóc mà nói với đứa trẻ rằng:

Đã là mẹ của tôi, thì phải tự biết tội của mình, đã gây tạo hạnh nghiệp chi mà bị đọa vào địa ngục như thế.

Đứa trẻ đáp:

Do hai nghiệp giết hại sinh vật và chê bai mắng nhiếc mà thọ báo khổ. Nếu không nhờ phước đức của người cứu nạn cho tôi, thì cứ theo tội nghiệp đó vẫn còn chưa được thoát khổ.

Quang Mục hỏi:

Những việc tội báo trong địa ngục ra làm sao?

Đứa trẻ đáp:

Những việc tội khổ nói ra càng bất nhẫn, dầu đến trăm nghìn năm cũng không thuật hết được.

Quang Mục nghe xong, than khóc rơi lệ mà bạch cùng giữa hư không rằng:

Nguyện cho thân mẫu tôi khỏi hẳn địa ngục khi mãn mười ba tuổi không còn có trọng tội cùng không còn đọa vào ác đạo nữa. Xin chư Phật trong mười phương thương xót chứng minh cho tôi, vì mẹ mà tôi phát nguyện rộng lớn như vậy:

Như thân mẫu tôi khỏi hẳn chốn tam đồ và hạng hạ tiện cùng thân gái, cùng kiếp không còn thọ những quả báo xấu đó nữa, tôi đối trước tượng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai mà phát lời nguyện rằng: “Từ ngày nay nhẫn về sau đến trăm nghìn muôn ức kiếp, trong những thế giới nào mà các hàng chúng sanh bị tội khổ nơi địa ngục cùng ba ác đạo, tôi nguyện cứu vớt chúng đó làm cho tất cả đều thoát khỏi chốn ác đạo địa ngục, súc sanh và ngã quỷ v.v... Những kẻ mắc phải tội báo như thế thành Phật cả rồi, vậy sau tôi mới thành bậc Chánh giác”.

Quang Mục phát nguyện đó xong, liền nghe tiếng của đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai dạy rằng:

Này Quang Mục! Nhà ngươi rất có lòng từ mẫn, vì mẹ mà phát ra lời thệ nguyện rộng lớn như thế thật là hay lắm! Ta quan sát thấy mẹ nhà ngươi lúc mãn mười ba tuổi, khi bỏ báo thân này sẽ thác sanh làm người Phạm chí sống lâu trăm tuổi. Sau đó vãng sanh về cõi nước Vô Ưu sống lâu đến số không thể tính kể. Sau rốt sẽ thành Phật độ nhiều hạng người, trời, số đông như số cát sông Hằng.

Đức Phật bảo ngài Định Tự Tại Vương Bồ tát rằng:

Vị La hán phước lành độ Quang Mục thưở đó, nay chính là Vô Tận Ý Bồ tát. Thân mẫu của Quang Mục là ngài Giải Thoát Bồ tát. Còn Quang Mục thì là ngài Địa Tạng Bồ tát đây vậy.

Trong nhiều kiếp lâu xa về trước Ngài có lòng từ mẫn, phát ra hằng hà sa số lời thệ nguyện độ khắp chúng sanh như thế. Trong đời sau, như có chúng sanh không làm lành, mà làm ác, nhẫn đến kẻ chẳng tin luật nhân quả, kẻ tà tâm, vọng

ngữ, kẻ lường thiệt, ác khẩu, kẻ hủy báng Đại thừa... Những chúng sanh có tội nghiệp như thế chắc phải bị đọa vào ác đạo nếu gặp được hàng thiện tri thức khuyến bảo quy y với Ngài Địa Tạng Bồ tát chừng trong khoảng khảy móng tay, những chúng sanh đó liền đặng thoát khỏi báo khổ nơi ba ác đạo.

Nếu người nào có thể quy kính và chiêm ngưỡng đánh lễ ngợi khen, cùng dâng cúng những y phục, đồ ăn vật uống, các thứ trân bửu... Thì người đó, trong trăm nghìn muôn ức kiếp sau, thường ở cõi trời hưởng thọ sự vui thắng diệu. Hoặc lúc phước trời hết, sanh xuống chốn nhơn gian, vẫn còn thường làm vị đế vương trong trăm nghìn kiếp; lại nhớ được cội ngành nhân quả trong các đời trước của mình.

Này Định Tự Tại Vương! Ngài Địa Tạng Bồ tát có sức oai thần rất lớn không thể nghĩ bàn, nhiều sự lợi ích cho chúng sanh như thế. Các ông, những bậc Bồ tát, phải ghi nhớ Kinh này hầu tuyên truyền lưu bố rộng ra.

Ngài Định Tự Tại Vương bạch đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Xin Phật chớ lo! Nghìn muôn ức đại Bồ tát chúng con đều có thể nương oai thần của Phật mà tuyên lưu rộng Kinh này nơi cõi Diêm Phù Đề để cho lợi ích chúng sanh.

Ngài Định Tự Tại Vương Bồ tát bạch với đức Phật xong, bèn cung kính chấp tay lễ Phật mà lui ra.

5. TỬ THIÊN VƯƠNG HỎI PHẬT

Bấy giờ, bốn ông Thiên Vương đồng từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay mà bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ tát từ kiếp lâu xa nhân lại đã phát nguyện rộng lớn như thế, tại sao Ngài vẫn chưa độ hết mà ngày nay lại còn phải phát lời nguyện rộng lớn nữa? Cúi mong đức Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.

Đức Phật bảo bốn vị Thiên Vương rằng:

Hay thay! Hay thay! Nay vì muốn được sự lợi cho chúng sanh. Ta vì các ông cùng chúng Thiên Nhơn ở hiện tại và vị lai, mà nói những sự phương tiện của ngài Địa Tạng Bồ tát ở trong đường sanh tử nơi Diêm Phù Đề ở Ta Bà thế giới này, vì lòng từ mẫn xót thương mà cứu vớt, độ thoát tất cả chúng sanh mắc phải tội khổ.

Bốn ông Thiên Vương bạch rằng:

Vâng! Bạch đức Thế Tôn! Chúng con xin muốn được nghe.

6. PHƯƠNG TIỆN GIÁO HÓA

Đức Phật bảo bốn ông Thiên Vương rằng:

Từ kiếp lâu xa nhân đến ngày nay, ngài Địa Tạng Bồ tát độ thoát chúng sanh vẫn còn chưa mãn nguyện, Ngài thương xót chúng sanh mắc tội khổ đời này, lại quan sát vô lượng kiếp về sau, tội khổ cứ lây dây mãi không dứt. Vì lẽ đó nên ngài Địa Tạng Bồ tát lại phát ra lời trọng nguyện ở trong cõi Diêm Phù Đề nơi thế giới Ta Bà, dùng trăm nghìn muôn ức phương chước để giáo hóa chúng sanh.

Này bốn ông Thiên Vương! Ngài Địa Tạng Bồ tát nếu gặp kẻ sát hại loài sanh vật, thì Ngài dạy rõ quả báo vì ương lụy đời trước mà phải bị chết yểu.

Nếu gặp kẻ trộm cắp, thì Ngài dạy rõ quả báo nghèo khổ khổ sở.

Nếu gặp kẻ tà dâm thì Ngài dạy rõ quả báo làm chim se sẻ, bồ câu, yên ương.

Nếu gặp kẻ nói lời thô ác, thì Ngài dạy rõ quả báo quyền thuộc kinh chống nhau.

Nếu gặp kẻ hay khinh chê, thì Ngài dạy rõ quả báo không lưỡi, miệng lở.

Nếu gặp kẻ nóng giận, thì Ngài dạy rõ quả báo thân hình xấu xí tàn tật.

Nếu gặp kẻ bòn sên, thì Ngài dạy rõ quả báo cầu muốn không được toại nguyện.

Nếu gặp kẻ buông lung săn bắn, thì Ngài dạy rõ quả báo kinh hải điên cuồng mất mạng.

Nếu gặp kẻ trái nghịch cha mẹ, thì Ngài dạy rõ quả báo trời đất tru lục.

Nếu gặp kẻ đốt núi rừng cây cỏ, thì Ngài dạy rõ quả báo cuồng mê đến chết.

Nếu gặp cha ghẻ, mẹ ghẻ ăn ở độc ác, thì Ngài dạy rõ quả báo thác sanh trở lại hiện đời bị roi vọt.

Nếu gặp kẻ dùng lưới bắt chim non, thì Ngài dạy rõ quả báo cốt nhục chia lìa.

Nếu gặp kẻ hủy báng Tam Bảo, thì Ngài dạy rõ quả báo đui, điếc, câm, ngọng.

Nếu gặp kẻ khinh chê giáo pháp, thì Ngài dạy rõ quả báo ở mãi trong ác đạo.

Nếu gặp kẻ lạm phá của Thường trụ, thì Ngài dạy rõ quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục.

Nếu gặp kẻ ô nhục người hạnh thanh tịnh và vu báng Tăng già, thì Ngài dạy rõ quả báo ở mãi trong loài súc sanh.

Nếu gặp kẻ dùng nước sôi hay lửa, chém chặt, giết hại sanh vật, thì Ngài dạy rõ quả báo phải luân hồi thường mạng lẫn nhau.

Nếu gặp kẻ phá giới phạm trai, thì Ngài dạy rõ quả báo cảm thú đói khát.

Nếu gặp kẻ phung phí phá tổn của cải một cách phi lý, thì Ngài dạy rõ quả báo tiêu dùng thiếu hụt.

Nếu gặp kẻ tao ta kiêu mạn công cao, thì Ngài dạy rõ quả báo hèn hạ bị người sai khiến.

Nếu gặp kẻ đâm chọc gây gỗ, thì Ngài dạy rõ quả báo không lưỡi hay trăm lưỡi.

Nếu gặp kẻ tà kiến mê tín, thì Ngài dạy rõ quả báo thọ sanh vào chốn hẻo lánh.

Những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, từ nơi thân khẩu ý tạo ác, kết quả trăm nghìn muôn sự báo ứng như thế, nay chỉ nói sơ lược đó thôi.

Những nghiệp cảm sai khác của chúng sanh trong chốn Diêm Phù Đề như thế, Địa Tạng Bồ tát dùng trăm nghìn phương chước để giáo hóa đó.

Những chúng sanh ấy trước phải chịu lấy các quả báo như thế, sau lại đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp không lúc nào thoát khỏi.

Vì thế nên các ông là bực hộ vệ người cùng bảo trợ cõi nước, chớ để những nghiệp chướng đó nó làm mê hoặc chúng sanh.

Bốn ông Thiên Vương nghe xong, roi lê than thở chấp tay lễ Phật mà lui ra.

*

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỒN NGUYỆN QUYỀN THƯỢNG HẾT

Bốn nguyện Địa Tạng

Đạo Lợi Thiên cung

Thần thông hiển hóa độ quần mong

Đời ngũ trược khó thông

Chúng sanh cang cường

Ham vui khổ vô cùng.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Phật (3 lần).

**Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát Ma ha
tát (3 lần).**

*



KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN

QUYỂN TRUNG

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Pháp Đăng

Việt dịch: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

PHẨM THỨ NĂM:

DANH HIỆU CỦA ĐỊA NGỤC

1. PHỔ HIỀN HỎI

Lúc đó, ngài Phổ Hiền Bồ tát thưa cùng ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Thưa Nhơn giả! Xin Ngài vì Trời, Rồng, Bát bộ và tất cả chúng sanh ở hiện tại cùng vị lai mà nói danh hiệu của những địa ngục là chỗ thọ báo của hạng chúng sanh bị tội khổ ở trong cõi Ta Bà cùng Diêm Phù Đề này và nói những sự về quả báo

không lành. Làm cho chúng sanh trong thời Mạt pháp sau này biết rõ những quả báo đó.

Ngài Địa Tạng Bồ tát đáp rằng:

Thưa Nhơn giả! Nay tôi nương oai thần của đức Phật cùng oai lực của Ngài mà nói danh hiệu của các địa ngục, cùng những sự về tội báo và ác báo.

2. DANH HIỆU CỦA ĐỊA NGỤC

Thưa Nhơn giả! Phương Đông của Diêm Phù Đề có dãy núi tên là Thiết Vi. Dãy núi đó tối tăm không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, trong đó có địa ngục lớn tên là cực Vô gián.

Lại có địa ngục tên là đại A Tỳ, lại có địa ngục tên là Tứ Giác, lại có địa ngục tên là Phi Dao, lại có địa ngục tên là Hỏa Tiễn, lại có địa ngục tên là Giáp Sơn, lại có địa ngục tên là Thông Thương.

Lại có địa ngục tên là Thiết Xa, lại có địa ngục tên là Thiết Sàng, lại có địa ngục tên là Thiết Ngưu, lại có địa ngục tên là Thiết Y, lại có địa ngục tên là Thiên Nhẫn, lại có địa ngục tên là Thiết Lư.

Lại có địa ngục tên là Dương Đồng, lại có địa ngục tên là Bảo Trụ, lại có địa ngục tên là Lưu Hỏa, lại có địa ngục tên là Canh Thiệt, lại có địa ngục tên là Tỏa Thủ, lại có địa ngục tên là Thiêu Cước.

Lại có địa ngục tên là Đạm Nhẫn, lại có địa ngục tên là Thiết Hoàn, lại có địa ngục tên là Tránh Luận, lại có địa ngục tên là Thiết Thù, lại có địa ngục tên là Đa Sân...(17).

Ngài Địa Tạng Bồ tát nói rằng:

Thưa Nhơn giả! Trong dãy núi Thiết Vi có những địa ngục như thế số nhiều vô hạn. Lại có địa ngục Kiếu Oán, địa ngục Bạt Thiệt, địa ngục Phản Niếu, địa ngục Đồng Tỏa, địa

ngục Hỏa Tượng, địa ngục Hỏa Cầu, địa ngục Hỏa Mã, địa ngục Hỏa Ngưu, địa ngục Hỏa Sơn, địa ngục Hỏa Thạch, địa ngục Hỏa Sàng, địa ngục Hỏa Lương, địa ngục Hỏa Ứng, địa ngục Cú Nha, địa ngục Bác Bì, địa ngục Âm Huyết, địa ngục Thiêu Thủ, địa ngục Thiêu Cước, địa ngục Đảo Thích, địa ngục Hỏa Ốc, địa ngục Thiết Ốc, địa ngục Hỏa Lang...(18). Những địa ngục như thế trong đó mỗi ngục lớn lại có những ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, nhằn đến trăm nghìn; trong số đó danh hiệu đều chẳng đồng nhau.

Ngài Địa Tạng Bồ tát nói với ngài Phổ Hiền Bồ tát rằng:

Thưa Nhơn giả! Đó đều là do chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề làm những điều ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra những địa ngục như thế. Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu Di, có thể sâu dường biển cả, có thể ngăn đạo Thánh. Vì thế chúng sanh chớ khinh điều quấy nhỏ mà cho là không tội, sau khi chết đều có quả báo dầu đến mảy mún đều phải chịu lấy. Chí thân như cha với con, mỗi người cũng theo nghiệp của mình mà đi khác đường, dầu có gặp nhau cũng chẳng bằng lòng chịu khổ thay nhau. Nay tôi nương oai lực của đức Phật mà nói sơ lược những sự tội báo nơi địa ngục. Trông mong Nhơn giả tạm nghe lời đó.

Ngài Phổ Hiền Bồ tát đáp rằng:

Dầu từ lâu tôi đã rõ tội báo nơi ba đường ác đạo rồi, nhưng tôi muốn Nhơn giả nói ra để làm cho tất cả chúng sanh có tâm hạnh ác trong đời Mạt pháp sau này, nghe được lời dạy của Nhơn giả, mà biết quy hướng về giáo pháp của Phật.

3. TỘI BÁO TRONG ĐỊA NGỤC

Ngài Địa Tạng Bồ tát nói rằng:

Thưa Nhơn giả! Những sự tội báo trong chốn địa ngục như vậy:

Hoặc có địa ngục kéo lưỡi người tội ra mà cho trâu cày trên đó, hoặc có địa ngục moi tim người tội để cho quỷ Dạ xoa ăn, hoặc có địa ngục vạc dầu sôi sùng sục nấu thân người tội, hoặc có địa ngục đốt cột đồng cháy đỏ rồi bắt người tội ôm lấy.

Hoặc có địa ngục từng bưng lửa lớn bay tấp vào người tội, hoặc có địa ngục toàn cả thuần là băng giá, hoặc có địa ngục đầy vô hạn đồ phản tiêu, hoặc có địa ngục lao gai chông sắt, hoặc có địa ngục đâm nhiều giáo lửa.

Hoặc có địa ngục chỉ đập vai lưng, hoặc có địa ngục chỉ đốt chân tay, hoặc có địa ngục cho rắn sắt quấn cắn, hoặc có địa ngục xua đuôi chó sắt, hoặc có địa ngục đóng ách lửa sắt.

Nhơn giả! Những quả báo như thế trong mỗi mỗi ngục có trăm nghìn thứ khí cụ để hành hình, đều là bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa. Bốn loại khí cụ này là do các hạnh nghiệp quấy ác của chúng sanh mà cảm vời ra. Nếu tôi thuật rõ cả những sự về tội báo ở địa ngục, thì trong mỗi ngục lại còn có trăm nghìn thứ khổ sở, huống chi là nhiều ngục!

Nay tôi nương sức oai thần của đức Phật và vì Nhơn giả hỏi mà nói sơ lược như thế. Nếu nói rõ cả thì cùng kiếp nói cũng không hết.

*

PHẨM THỨ SÁU:

NHƯ LAI TÁN THÁN

1. PHẬT PHÓNG QUANG DẶN BẢO

Lúc đó, khắp thân của đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn soi khắp đến trăm nghìn muôn ức hằng hà sa cõi nước của chư Phật; trong ánh sáng đó vang ra tiếng lớn bảo khắp các cõi nước của chư Phật rằng:

Tất cả hàng đại Bồ tát và trời, rồng, quý, thần v.v... lóng nghe hôm nay Ta khen ngợi rao bày những sự của ngài Địa Tạng Bồ tát ở trong mười phương thế giới hiện ra sức từ bi oai thần không thể nghĩ bàn, để cứu giúp tất cả tội khổ chúng sanh.

Sau khi Ta diệt độ, thì hàng Bồ tát Đại sĩ các ông cùng với Trời, Rồng, Quý, Thần v.v... nên dùng nhiều phương chước để giữ gìn Kinh này, làm cho tất cả mọi loài chúng sanh đều khỏi tất cả sự khổ, mà chứng cảnh vui Niết bàn.

2. PHỔ QUẢNG THƯA THỈNH

Nói lời ấy xong, trong pháp hội có một vị Bồ tát tên là Phổ Quảng cung kính chấp tay mà bạch cùng đức Phật rằng:

Nay con nghe đức Thế Tôn ngợi khen ngài Địa Tạng Bồ tát có đức oai thần rộng lớn không thể nghĩ bàn như thế. Trông mong đức Như Lai lại vì những chúng sanh trong thời Mạt pháp sau này, mà tuyên nói các sự nhân quả của ngài Địa Tạng Bồ tát làm lợi ích cho hàng Trời, Người. Làm cho hàng Trời, Rồng, Bát bộ và chúng sanh trong đời sau kính vâng lời của đức Phật.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Phổ Quảng Bồ tát cùng trong tứ chúng rằng:

Lóng nghe! Lóng nghe! Ta sẽ vì các ông nói lược về những sự phước đức của ngài Địa Tạng Bồ tát làm lợi ích cho Người cùng Trời.

Ngài Phổ Quảng bạch Phật rằng:

Vâng! Bạch đức Thế Tôn! Chúng con xin ham muốn nghe.

3. PHẬT DẠY SỰ LỢI ÍCH

Đức Phật bảo ngài Phổ Quảng Bồ tát:

Trong đời sau như có người thiện nam, kẻ thiện nữ nào nghe được danh hiệu của Địa Tạng đại Bồ tát, hoặc là chấp

tay, hoặc là ngợi khen, hoặc là đánh lễ, hoặc là luyến mộ... người đó sẽ qua khỏi tội khổ trong ba mươi kiếp.

Này Phổ Quang! Như có kẻ thiện nam hay người thiện nữ nào hoặc là họa vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát rồi chùng một lần chiêm ngưỡng, một lần đánh lễ, người đó sẽ được sanh lên cõi trời Đao Lợi một trăm lần, không còn phải bị sa đọa vào ác đạo nữa. Ví dầu ngày kia phước trời đã hết mà sanh xuống nhơn gian, cũng vẫn làm vị quốc vương, không hề mất sự lợi lớn.

4. KHỎI NỮ THÂN

Như có người nữ nào nhàm chán thân gái, hết lòng cúng dường tượng vẽ của Địa Tạng Bồ tát và những tượng cốt bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt v.v... Ngày ngày thường đem hoa, hương, đồ ăn uống, y phục, gắm lụa, tràng phan, tiền bạc, vật báu v.v... cúng dường như thế mãi không thôi. Người thiện nữ đó sau khi mãn một thân gái hiện tại, thì đến trăm nghìn muôn kiếp còn không sanh vào cõi nước có người nữ, huống nữa là thọ thân gái! Trừ khi vì lòng từ phát nguyện cần phải thọ thân gái để độ chúng sanh. Nương nơi phước cúng dường Địa Tạng Bồ tát và sức công đức đó, trong trăm nghìn muôn kiếp chẳng còn thọ thân người nữ lại nữa.

5. THÂN XINH ĐẸP

Lại nữa, này Phổ Quang Bồ tát! Nếu có người nữ nào chán thân xấu xí và nhiều bệnh tật, đến nơi trước tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát chí tâm chiêm ngưỡng đánh lễ chùng trong khoảng một bữa ăn, người nữ đó trong nghìn vạn kiếp thọ sanh được thân hình tướng mạo xinh đẹp không có bệnh tật.

Người nữ xấu xí đó nếu không nhàm chán thân gái, thì trăm nghìn muôn ức đời thường làm con gái nhà vua cho đến làm vương phi, dòng dõi nhà quan lớn cùng con gái các vị đại trưởng giả, tướng mạo đoan trang xinh đẹp.

Do vì có lòng chí thành chiêm ngưỡng đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát mà đặng phước như thế.

6. QUỶ THẦN HỘ VỆ

Lại nữa, này Phổ Quảng! Như có người thiện nam, người thiện nữ nào có thể đối trước tượng của Địa Tạng Bồ tát mà trôi các thứ kỹ nhạc, ngâm ca khen ngợi, dùng hương hoa cúng dường, cho đến khuyến hóa được một người hay nhiều người.

Những hạng người đó ở trong đời hiện tại cùng thuở vị lai sau, thường được trăm nghìn vị quỷ thần ngày đêm theo hộ vệ, còn không cho những việc hung dữ đến tai người đó, huống là để cho người đó phải chịu các tai vạ bất ngờ!

7. KHINH CHÊ MẮC TỘI

Lại nữa, này Phổ Quảng Bồ tát! Trong đời sau, như có người ác và ác thân, ác quỷ nào thấy kẻ thiện nam, người thiện nữ quy y cung kính, cúng dường ngợi khen chiêm ngưỡng đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát, mà vọng sanh khinh chê là không có công đức cùng không có sự lợi ích, hoặc nhăn răng ra cười, hoặc chê sau lưng hay chê trước mặt, hoặc khuyên bảo người khác cùng chê, hoặc khuyên bảo một người hay nhiều người cùng chê, cho đến sanh lòng chê bai trong chùng một niệm... Những kẻ như thế, do bị tội báo khinh chê nên mãi đến sau khi một nghìn đức Phật trong Hiền kiếp nhập diệt cả, vẫn còn ở trong địa ngục A Tỳ chịu tội khổ rất nặng.

Qua khỏi Hiền kiếp này mới được thọ thân ngạ quỷ, rồi mãi đến một nghìn kiếp sau mới thọ thân súc sanh; lại phải trải qua đến một nghìn kiếp nữa mới đặng sanh làm người. Dầu được làm người, lại sanh vào hạng bần cùng hèn hạ tật

nguyên thiếu sút, hay bị những nghiệp ác ràng buộc vào thân, không bao lâu phải sa đọa vào ác đạo nữa.

Này Phở Quảng! Khinh chê người khác cúng dường mà còn mắc phải tội báo xấu khổ như thế, huống nữa là tự sanh ác kiến mà khinh chê phá diệt!

8. TIÊU TỘI CHƯỞNG

Lại nữa, này Phở Quảng Bồ tát! Trong đời sau, như có người nam, người nữ nào đau nằm liệt mãi trên giường gối, cầu sống hay muốn chết cũng đều không được. Hoặc đêm nằm chiêm bao thấy quỷ dữ cho đến kẻ thân thích trong nhà, hoặc thấy đi trên đường nguy hiểm hoặc bị bóng đè, hoặc với quỷ thần cùng đi...

Trải qua nhiều tháng nhiều năm, đến đổi thành bệnh lao, bệnh bại... trong giấc ngủ kêu réo thê thảm sầu khổ. Đây đều do nơi nghiệp đạo luận đối chưa quyết định là khinh hay trọng, nên hoặc là khó chết, hoặc là khó lành. Mất phạm tục của kẻ nam, người nữ không thể biện rõ việc đó, chỉ phải nên đối trước tượng của chư Phật Bồ tát, to tiếng mà đọc tụng Kinh này một biến.

Hoặc lấy những món vật riêng của người bệnh thường ưa tiếc, như y phục, đồ quý báu, nhà cửa ruộng vườn v.v... đối trước người bệnh cất tiếng lớn mà xưng lên rằng: “Chúng tôi tên đó... họ đó... nay vì người bệnh này đối trước kinh tượng, đem những của vật này hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật Bồ tát, hoặc xây dựng chùa tháp, hoặc sắm đèn dầu thắp cúng, hoặc cúng vào của thường trụ”.

Xưng lên như vậy ba lần để cho người bệnh được nghe biết. Giả sử như thần thức của người bệnh đã phân tán đến hơi thở đã dứt, thì hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, cứ lớn tiếng xưng bạch như trên và lớn

tiếng tụng Kinh này. Sau khi người bịnh đó mạng chung thì dầu cho từ trước có tội vạ nặng nhẩn đến năm tội Vô gián, cũng được thoát khỏi hẳn, thọ sanh vào đâu cũng thường nhớ biết việc đời trước. Huống nữa là người thiện nam, người thiện nữ nào tự mình biên chép Kinh này, hoặc bảo người biên chép, hoặc tự mình đắp vẽ hình tượng của Bồ tát, cho đến bảo người khác vẽ đắp; người đó khi thọ quả báo chắc đặng nhiều lợi lớn.

Này Phổ Quảng Bồ tát! Vì thế nên, nếu ông thấy có người nào đọc tụng Kinh này, cho đến chỉ trong một niệm ngợi khen Kinh này, hoặc là có lòng cung kính đối với Kinh, thì ông cần phải dùng trăm nghìn phương chước khuyến hóa người đó, phát lòng siêng năng chớ đừng thôi thối, thì có thể được trăm nghìn muôn ức công đức không thể nghĩ bàn ở hiện tại và vị lai.

9. SIÊU ĐỘ VONG LINH

Lại nữa, này Phổ Quảng Bồ tát! Như những chúng sanh đời sau, hoặc trong giấc ngủ, hoặc trong chiêm bao thấy các hạng quỷ thần nhẩn đến các hình lạ, rồi hoặc buồn bã, hoặc khóc lóc, hoặc rầu rĩ, hoặc than thở, hoặc hãi hùng, hoặc sợ sệt... Đó đều là vì hoặc cha mẹ, con em, hoặc chồng vợ, quyền thuộc trong một đời, mười đời, hay trăm đời, nghìn đời về thưở quá khứ bị đọa lạc vào ác đạo chưa được ra khỏi, không biết trông mong vào phước lực nơi nào để cứu vớt nỗi khổ não, nên mới về mách bảo với người có tình cốt nhục ở đời trước cầu mong làm phương tiện gì để hầu được thoát khỏi ác đạo.

Này Phổ Quảng! Ông nên dùng sức oai thần, khiến hàng quyền thuộc đó đối trước hình tượng của chư Phật, chư Bồ tát chí tâm tự đọc Kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc đủ số ba biến hoặc đến bảy biến. Như vậy, kẻ quyền thuộc đương mắc

trong ác đạo kia, khi tiếng tụng kinh đủ số mây biến đó xong sẽ đặng giải thoát, cho đến trong khi mơ ngủ không còn thấy hiện về nữa.

10. KHỎI NÔ LỆ

Lại nữa, này Phổ Quảng! Như đời sau này có những hạng người hạ tiện, hoặc tứ trai, hoặc tứ gái, nhân đến những kẻ không được quyền tự do, rõ biết là do tội nghiệp đời trước gây ra cần phải sám hối đó, thì nên chí tâm chiêm ngưỡng đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát. Rồi trong bảy ngày niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ tát đủ một muôn biến. Những người trên đó sau khi mãn báo thân hạ tiện ở hiện đời, trong nghìn muôn đời về sau thường sanh vào bậc tôn quý, trọn không bao giờ còn phải sa đọa vào ba đường ác khổ nữa.

11. SANH CON DỄ NUÔI

Lại vậy nữa, này Phổ Quảng Bồ tát! Về trong thuở sau này, nơi cõi Diêm Phù Đề, trong hàng Sát đế lợi, Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ, tất cả các hạng người và những dân tộc dòng họ khác, như có người nào mới sanh đẻ hoặc con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đưa trẻ mới sinh ra đó mà tụng Kinh điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đưa trẻ mà niệm danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát đủ một muôn biến.

Được vậy thì đưa trẻ hoặc trai hay là gái mới sanh ra đó, nếu đời trước nó có gây lấy tội vạ chi cũng đặng thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ dễ nuôi, lại thêm được sống lâu. Còn như nó là đứa nương nơi phước lực mà thọ sanh, thì đời nó càng được an vui hơn cùng sống lâu hơn.

12. NGÀY THẬP TRAI TỤNG KINH ĐƯỢC PHƯỚC

Lại vậy nữa, này Phổ Quảng! Trong mỗi tháng, những ngày: mùng Một, mùng Tám, mười bốn, Rằm, mười tám, hăm

ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi, mười ngày trên đây là ngày mà các nghiệp tội kết nhóm lại để định là nặng hay nhẹ.

Tất cả những cử chỉ động niệm của chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề không có điều gì là chẳng phải tội lỗi, huống nữa là những kẻ buông lung giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ trăm điều tội lỗi. Về đời sau, nếu có chúng sanh nào trong mười ngày trai kể trên, mà có thể đối trước hình tượng của chư Phật, Bồ tát, Hiền Thánh để đọc tụng Kinh này một biến, thì chung quanh chỗ người đó ở bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc... trong khoảng một trăm do tuần không có xảy ra những việc tai nạn. Còn chính nhà của người đó ở, tất cả mọi người hoặc già, hoặc trẻ về hiện tại và vị lai đến trăm nghìn năm xa khỏi hẳn các ác đạo.

Trong mười ngày trai trên đây nếu có thể mỗi ngày tụng một biến Kinh này, thì trong đời hiện tại hay làm cho người trong nhà không mắc phải bệnh tật bất ngờ, đồ ăn mặc dư dật.

Này Phổ Quảng! Vì thế nên biết rằng ngài Địa Tạng Bồ tát có bất khả thuyết trăm nghìn muôn ức những sự oai thần lực lớn, nhiều lợi ích cho chúng sanh như thế. Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề này có hơn duyên lớn với ngài Địa Tạng Đại sĩ. Những chúng sanh đó hoặc được nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ tát, hoặc được thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ tát, cho đến nghe chừng ba chữ hay năm chữ trong Kinh này, hoặc một bài kệ hay một câu, thì những người đó hưởng sự an vui lạ thường trong đời hiện tại, trăm nghìn muôn đời về vị lai thường được thác sanh vào nhà tôn quý, thân hình xinh đẹp.

13. DANH HIỆU CỦA KINH

Khi nghe đức Phật Như Lai tuyên bày ngợi khen ngài Địa Tạng Đại sĩ xong, ngài Phổ Quảng Bồ tát liền quỳ xuống chấp tay mà bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã rõ biết vị Đại sĩ này có thần lực cùng đại nguyện lực không thể nghĩ bàn như thế rồi, song nay vì muốn những chúng sanh trong đời sau này rõ biết các sự lợi ích đó, nên con mới bạch hỏi cùng đức Như Lai. Vâng! Con xin cung kính tin nhận lời Phật dạy.

Bạch đức Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì và định cho con lưu bố thế nào?

Đức Phật bảo ngài Phổ Quảng:

Kinh này có ba danh hiệu: một là **Địa Tạng Bốn Nguyện Kinh**, cũng gọi là **Địa Tạng Bốn Hạnh Kinh** đây là tên thứ hai, cũng gọi là **Địa Tạng Bốn Thệ Lực Kinh** đây là tên thứ ba. Do vì ngài Địa Tạng Bồ tát từ thuở kiếp lâu xa đến nay phát nguyện rộng lớn làm lợi ích cho chúng sanh, cho nên các ông phải đúng theo tâm nguyện mà lưu hành truyền bá Kinh này.

Nghe đức Phật dạy xong, ngài Phổ Quảng Bồ tát tin chịu, chấp tay cung kính lễ Phật lui ra.

*

PHẨM THỨ BẢY:

LỢI ÍCH CẢ KẺ CÒN NGƯỜI MẮT

1. KHUYÊN TU THÁNH ĐẠO

Lúc đó ngài Địa Tạng đại Bồ tát bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong cõi Diêm Phù sanh tâm động niệm không chi là chẳng phải tội. Nếu gặp những việc về pháp sự lợi lành phần nhiều thối thất tâm tốt ban đầu. Còn hoặc khi gặp duyên sự bạo ác chẳng lành lại lần lần thêm lớn. Những hạng người trên đó như kẻ mang

đá nặng đi trong bùn lầy, càng nặng thêm lần, càng khốn đốn thêm lần, chân đạp lún lút sâu.

Những người đó hoặc gặp hàng thiện tri thức đội dùm đá bớt cho, hoặc là đội dùm hết cả, vì hàng thiện tri thức đó có sức rất khỏe mạnh lại dìu đỡ người ấy khuyên gắng làm cho người ấy mạnh chân lên. Nếu khi ra khỏi bùn lầy đến chỗ đất bằng phẳng rồi, thì cần phải xét nghĩ đến con đường hiểm xấu ấy, đừng có đi vào đó nữa.

Bạch đức Thế Tôn! Những chúng sanh quen theo thói ác, bắt đầu từ mảy mún rồi lần đến nhiều vô lượng. Đến khi những chúng sanh quen theo thói chẳng lành ấy sắp sửa mạng chung, thì cha mẹ cùng thân quyến vì người đó mà tu tạo phước lành để giúp tiền đồ cho người đó. Hoặc treo phan lọng và thắp đèn dầu, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường tượng Phật cùng hình tượng của các vị Thánh, cho đến niệm danh hiệu của Phật và Bồ tát cùng Bích chi Phật, làm cho một danh một hiệu thấu vào lỗ tai của người sắp mạng chung, hoặc là ở nơi bồn thức nghe biết. Cứ theo nghiệp ác của người đó đã gây tạo, suy tính đến quả báo, thì đáng lẽ người đó phải bị đọa vào ác đạo, song nhờ thân quyến vì người đó mà tu nhơn duyên Thánh đạo, cho nên các điều tội ác của người đó thấy đều tiêu sạch.

Như sau khi người đó đã chết, lại có thể trong bốn mươi chín ngày vì người ấy mà tu tạo nhiều phước lành, thì có thể làm cho người chết đó khỏi hẳn chốn ác đạo, được sanh lên cõi trời hoặc trong loài người hưởng được nhiều sự rất vui sướng, mà kẻ thân quyến hiện tại đó cũng được vô lượng điều lợi ích. Vì lẽ trên đó nên nay con đối trước đức Phật Thế Tôn cùng với hàng Trời, Rồng, tám bộ chúng, Người với phi Nhơn v.v... mà có lời khuyên bảo những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, ngày lâm chung kẻ thân thuộc phải cẩn thận chớ có giết hại và chớ gây tạo nghiệp duyên chẳng lành, cũng đừng té

lễ quý thần, cầu cúng ma quái. Vì sao thế? Vì việc giết hại cho đến tế lễ đó, không có một mảy mún chi lợi ích cho người chết cả, chỉ có kết thêm tội duyên của người đó làm cho càng thêm sâu nặng hơn thôi.

Giả sử người chết đó hoặc là đời trước hay đời hiện tại vừa rồi, đã chứng đặng phần Thánh quả, sẽ sanh vào cõi Trời, cõi Người, nhưng do vì lúc lâm chung hàng thân thuộc gây tạo những nghiệp nhơn không lành, cũng làm cho người chết đó mắc lấy ương lụy phải đổi biện, chậm sanh vào chốn lành. Huống ghi là người chết kia lúc sanh tiền chưa từng làm được chút phước lành, đều theo ác nghiệp của họ đã gây tạo mà tự phải bị sa đọa vào ác đạo. Hàng thân thuộc nào lại làm cho tội nghiệp của người ấy nặng thêm!

Cũng ví như, có người từ xứ xa đến, tuyệt lương thực đã ba ngày, đồ vật của người đó mang vác nặng hơn trăm cân, bỗng gặp kẻ lân cận lại gởi một ít đồ vật nữa, vì vậy mà người xứ xa đó càng phải khốn khổ nặng nề thêm.

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét những chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, ở nơi trong giáo pháp của Phật, nếu có thể làm việc phước lành cho đến chùng bằng sợi lông, giọt nước, bằng một hột cát, một mảy bụi nhỏ, thì tất cả chúng sanh đó đều tự mình được lợi ích cả.

2. TRƯỞNG GIẢ BẠCH HỎI

Khi ngài Địa Tạng nói lời như thế xong, trong pháp hội có một vị trưởng giả tên là Đại Biện. Ông Trưởng giả này từ lâu đã chứng quả Vô sanh hiện thân trưởng giả để hóa độ chúng sanh trong mười phương, ông chấp tay cung kính mà thưa hỏi ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Thưa Đại sĩ! Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có chúng sanh nào sau khi mạng chung, mà hàng quyến thuộc hoặc kẻ lớn

người nhỏ, vì người chết đó mà tu các công đức, cho đến thiết trai cúng dường, làm những phước lành, thì người chết đó, có đặng lợi ích lớn cùng đặng giải thoát chăng?

3. KẺ CÒN, NGƯỜI MẤT ĐỀU ĐƯỢC LỢI

Ngài Địa Tạng Bồ tát đáp rằng:

Này ông Trưởng giả! Nay tôi vì tất cả chúng sanh trong hiện tại này cùng thuở vị lai sau, nương nơi oai thần của đức Phật mà nói lược về việc đó.

Này ông Trưởng giả! Những chúng sanh ở hiện tại hay vị lai, lúc sắp mạng chung mà nghe đặng danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một Bồ tát hay danh hiệu của một Bích chi Phật, thì không luận là có tội cùng không tội đều được giải thoát cả. Như có người nam cùng người nữ nào lúc sanh tiền không tu tạo phước lành mà lại gây lấy những tội ác, sau khi người mạng chung, hàng thân quyến kẻ lớn người nhỏ vì người chết mà tu tạo phước lợi làm tất cả việc về thánh đạo, thì trong bảy phần công đức người chết nhờ đặng một phần, còn sáu phần công đức thuộc về người thân quyến hiện lo tu tạo đó. Bởi vì có trên đây, nên những người thiện nam cùng thiện nữ ở hiện tại và vị lai, nghe lời nói vừa rồi đó nên cố gắng mà tu hành thì đặng hưởng trọn phần công đức.

Con quý dữ vô thường kia không hẹn mà đến, thần hồn vợ vắn mịt mờ chưa rõ là tội hay phước, trong bốn mươi chín ngày như mây như điếc, hoặc ở các ty sở để biện luận về nghiệp quả, khi thẩm định xong thì cứ y theo nghiệp mà thọ lấy quả báo. Trong lúc mà chưa biết chắc ra làm sao đó thì đã nghìn muôn sâu khổ, huống là phải bị đọa vào các ác đạo. Thần hồn người chết đó khi chưa được thọ sanh, ở trong bốn mươi chín ngày, luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục thân quyến tu tạo phước lành để cứu vớt cho.

Qua khỏi bốn mươi chín ngày thì cứ theo nghiệp mà thọ lấy quả báo. Người chết đó, nếu là kẻ có tội thì trải qua trong trăm nghìn năm không có ngày nào được thoát khỏi. Còn nếu là kẻ phạm năm tội Vô Gián thì phải đọa vào đại địa ngục chịu mãi những sự đau khổ trong nghìn kiếp muôn kiếp.

Lại vậy nữa, này ông Trưởng giả! Sau khi những chúng sanh gây phạm tội nghiệp như thế mạng chung, hàng cốt nhục thân quyến có làm chay để giúp thêm phước lành cho người chết đó. Thì khi sắm sửa chưa rồi, cùng trong lúc đương làm chớ có đem nước gạo, lá rau v.v... đổ vãi ra nơi đất, cho đến các thứ đồ ăn chưa dâng cúng cho Phật cùng Tăng thì chẳng được ăn trước. Nếu như ăn trái phép và không được tinh sạch kỹ lưỡng, thì người chết đó trọn không được mấy phước nào cả. Nếu có thể kỹ lưỡng giữ gìn tinh sạch đem dâng cúng cho Phật cùng Tăng, thì trong bảy phần công đức người chết hưởng được một phần.

Này ông Trưởng giả! Vì thế nên những chúng sanh trong cõi Diêm Phù, sau khi cha mẹ hay người thân quyến chết, nếu có thể làm chay cúng dường, chí tâm cầu khẩn thì những người như thế, kẻ còn lẫn người mất đều đặng lợi ích cả.

Lúc ngài Địa Tạng nói lời này, tại cung trời Đao Lợi có số nghìn muôn ức na do tha quý thần cõi Diêm Phù Đề, đều phát tâm Bồ đề vô lượng. Ông Trưởng giả Đại Biện vui mừng vâng lời dạy, làm lễ mà lui ra.

*

PHẨM THỨ TÁM:

CÁC VUA DIÊM LA KHEN NGỢI

1. DIÊM LA VƯƠNG CÙNG QUỶ VƯƠNG VÂN TẬP

Lúc đó trong dãy núi Thiết Vi có vô lượng đại Quỷ vương cùng với vua Diêm La đồng lên cung trời Đao Lợi đến chỗ

của đức Phật. Các vị Quý vương đó tên là: Ác Độc Quý vương, Đa Ác Quý vương, Đại Tránh Quý vương, Bạch Hồ Quý vương, Huyết Hồ Quý vương, Xích Hồ Quý vương, Tán Ương Quý vương, Phi Thân Quý vương, Diễm Quang Quý vương, Lang Nha Quý vương, Thiên Nhân Quý vương, Đạm Thú Quý vương, Phụ Thạch Quý vương, Chủ Hao Quý vương, Chủ Họa Quý vương, Chủ Thực Quý vương, Chủ Tài Quý vương, Chủ Súc Quý vương, Chủ Cầm Quý vương, Chủ Thú quý vương, Chủ Mị Quý vương, Chủ Sản Quý vương, Chủ Mạng Quý vương, Chủ Tật Quý vương, Chủ Hiểm Quý vương, Tam Mục Quý vương, Tứ Mục Quý vương, Ngũ Mục Quý vương, Kỳ Lợi Thất vương, Đại Kỳ Lợi Thất vương, Kỳ Lợi Xoa vương, Đại Kỳ Lợi Xoa vương, A Na Tra vương, Đại A Na Tra vương v.v...

Những vị đại Quý vương như thế, mỗi vị cùng với trăm nghìn tiểu Quý vương cả thảy ở trong cõi Diêm Phù Đề đều có chức trách, đều có phần chủ trị. Các vị Quý vương đó cùng với vua Diêm La nương sức oai thần của đức Phật và oai lực của ngài Địa Tạng đại Bồ tát, đồng lên đến cung trời Đao Lợi đứng qua một phía.

2. VUA DIÊM LA BẠCH PHẬT

Bấy giờ vua Diêm La quỳ gối chấp tay bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nay chúng con cùng các vị Quý vương nương sức oai thần của đức Phật và oai lực của ngài Địa Tạng Bồ tát mới được lên đến đại hội nơi cung trời Đao Lợi này mà cũng là vì chúng con đặng phước lành vậy. Nay chúng con có chút việc nghi ngờ, dám bạch hỏi đức Thế Tôn, cúi xin đức Thế Tôn từ bi vì chúng con mà chỉ dạy cho.

Đức Phật bảo vua Diêm La rằng: “Cho phép ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà dạy rõ”. Bấy giờ, vua Diêm La chiêm ngưỡng

đánh lễ đức Thế Tôn và ngó ngoái lại ngài Địa Tạng Bồ tát, rồi bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét ngài Địa Tạng Bồ tát ở trong sáu đường dùng trăm nghìn phương chước để cứu độ những chúng sanh mắc phải tội khổ, Ngài không từ mệt nhọc. Ngài Địa Tạng Bồ tát đây có những sự thần thông không thể nghĩ bàn được như thế, nhưng sao hàng chúng sanh vừa đặng thoát khỏi tội báo, không bao lâu lại phải bị đọa vào ác đạo nữa?

Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ tát đã có thần lực chẳng thể nghĩ bàn như thế, nhưng tại vì có sao hàng chúng sanh chẳng chịu nương về đường lành để được giải thoát mãi mãi? Cúi xin đức Thế Tôn dạy rõ việc đó cho chúng con.

3. PHẬT GIẢNG SỞ NHƠN

Đức Phật bảo vua Diêm La rằng:

Chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề tánh tình cứng cỏi khó dạy khó sửa. Ngài Địa Tạng đại Bồ tát đây trong trăm nghìn kiếp đã từng cứu vớt những chúng sanh đó làm cho sớm được giải thoát. Những người bị tội báo cho đến bị đọa vào đường ác lớn, ngài Địa Tạng Bồ tát dùng sức phương tiện nhỏ sạch cội gốc nghiệp duyên, mà làm cho chúng sanh đó nhớ biết những công việc ở đời trước. Tại vì chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề kết nghiệp dữ, phạm tội nặng, nên vừa ra khỏi ác đạo, rồi trở vào lại, làm nhọc cho ngài Địa Tạng Bồ tát phải trải qua nhiều số kiếp lo lắng để cứu độ chúng đó.

Ví như có người quên mất nhà mình, đi lạc vào con đường hiểm, trong con đường hiểm đó có rất nhiều thứ quý Dạ xoa, cùng hùm sói, sư tử, rắn độc, bò cạp. Người quên đường đó ở trong đường hiểm chừng giây lát nữa sẽ bị hại. Có một vị thiện tri thức hiểu nhiều pháp thuật lạ, có thể trừ sự độc hại

đó, cho đến có thể trừ quỷ Dạ xoa, các loài ác độc v.v... chợt gặp người quên lạc đường kia, đương muốn đi thẳng vào con đường hiểm nạn, bèn vội bảo rằng: “Ô hay! Này ông kia! Có duyên sự gì mà vào con đường hiểm nạn này? Ông có pháp thuật lạ gì có thể ngăn trừ các sự độc hại chăng?”. Người lạc đường đó, bỗng nghe lời hỏi trên mới rõ là đường hiểm nạn, bèn liền lui trở lại muốn ra khỏi đường hiểm nạn đó.

Vị thiện tri thức ấy nắm tay dìu dắt, dẫn người lạc lối đó ra ngoài đường hiểm nạn, khỏi các sự độc hại, đến nơi con đường tốt, làm cho được an ổn rồi bảo rằng: “Này người lạc đường! Từ nay về sau chớ có đi vào con đường hiểm nạn đó nữa, ai mà vào con đường hiểm đó, ắt khó ra khỏi đặng, lại còn phải bị tổn tánh mạng”.

Người lạc đường đó cũng sanh lòng cảm trọng. Lúc từ biệt nhau, vị thiện tri thức lại dặn thêm: “Nếu ông có gặp kẻ quen người thân cùng những người đi đường hoặc trai hay gái, thì ông bảo cho họ biết con đường đó có rất nhiều sự độc hại, vào đó ắt phải tổn tánh mạng, chớ để cho những người ấy tự vào chỗ chết!”.

Vì thế nên ngài Địa Tạng Bồ tát đủ đức từ bi lớn, cứu vớt chúng sanh mắc tội khổ, muốn cho chúng đó sanh lên cõi Trời cõi Người để hưởng lấy sự vui sướng tốt đẹp. Những chúng sanh tội khổ đó rõ biết sự khốn khổ trong con đường ác nghiệp rồi, khi đã được ra khỏi, chẳng còn trở vào nữa.

Như người quên đường kia lạc vào đường hiểm, gặp vị thiện tri thức dẫn dắt cho ra khỏi không bao giờ còn lạc vào nữa. Gặp gỡ người khác lại bảo chớ vào đường ấy, tự nói rằng mình là người quên đường nên đi lạc vào đó, nay đặng thoát khỏi rồi, trọn hẳn không còn trở vào đường đó nữa. Nếu còn đi vào đường ấy nữa, thì là còn mê lầm không biết đó là con đường hiểm nạn mà mình đã từng sa lạc rồi, hoặc đến nỗi phải mất mạng.

Như chúng sanh bị đọa vào chốn ác đạo, ngài Địa Tạng Bồ tát dùng sức phương tiện cứu vớt cho được thoát khỏi, sanh vào cõi Trời, rồi cũng vẫn trở vào ác đạo nữa. Nếu chúng sanh đó kết nghiệp ác quá nặng, thì ở mãi chốn địa ngục không lúc nào được thoát khỏi.

4. QUỶ VƯƠNG BÀY THIỆN NGUYỆN

Bấy giờ Ác Độc Quỷ vương, chấp tay cung kính bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Chúng con là hàng Quỷ vương số đông vô lượng, ở trong cõi Diêm Phù Đề, hoặc có vị làm lợi ích cho người, hoặc có vị làm tổn hại cho người mỗi mỗi đều không đồng nhau. Nhưng vì nghiệp báo khiến quyền thuộc chúng con đi qua thế giới, ác nhiều lành ít.

Khi đi qua sân nhà người, hoặc thành ấp, xóm làng, trại vườn, ruộng nhà, trong đó như có người trai kẻ gái nào tu tạo được chút phước lành bằng mấy lông sợi tóc, cho đến treo một lá phan, một bửu cái, chút hương, chút hoa cúng dường tượng Phật cùng tượng Bồ tát, hoặc đọc tụng tôn kinh, đốt hương cúng dường một bài kệ một câu kinh v.v... Hàng Quỷ vương chúng con cung kính làm lễ người đó như kính lễ các đức Phật thuở quá khứ, đương hiện tại cùng lúc vị lai. Chúng con truyền các hàng tiểu quỷ có oai lực lớn, và kẻ có phần chức trách về cuộc đất đai đó, đều phải hộ trợ giữ gìn, còn chẳng cho việc dữ cùng sự tai nạn bất ngờ, bệnh tật hiểm nghèo thành linh, cho đến những việc không vừa ý đến gần chỗ của các nhà đó, huống là để vào cửa!

Đức Phật khen Quỷ vương rằng:

Hay thay! Hay thay! Các ông cùng với vua Diêm La có thể ủng hộ kẻ thiện nam người thiện nữ như thế! Ta cũng truyền cho các vị trời Phạm Vương, Đế Thích hộ vệ các ông.

5. CHỦ MẠNG TRÌNH THƯA

Khi đức Phật nói lời ấy xong, trong pháp hội có một vị Quỷ vương tên là Chủ Mạng bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Bốn nghiệp duyên của con là cai quản về tuổi thọ của người trong cõi Diêm Phù Đề, khi sanh khi tử con đều coi biết đó, cứ theo nơi bốn nguyện của con, thì có lợi ích rất lớn cho mọi người. Nhưng tại vì chúng sanh không hiểu ý của con nên đến đôi khi sanh khi tử đều không được an ổn. Tại làm sao thế?

6. KHI SANH NỮ NÊN LÀM LÀNH KIÊNG ÁC

Người trong cõi Diêm Phù Đề lúc mới sanh, không luận là con trai hay con gái, khi sắp sanh ra chỉ nên làm việc phước lành thêm sự lợi ích cho nhà cửa, thì Thổ địa vui mừng khôn xiết, ủng hộ cả mẹ lẫn con đều đặng nhiều sự an vui, hàng thân quyến cũng được phước lợi.

Hoặc khi đã hạ sanh rồi, nên cẩn thận chớ có giết hại sanh vật để lấy những vị tươi ngon cung cấp cho người sản mẫu ăn, cùng nhóm họp cả hàng quyến thuộc lại để uống rượu ăn thịt, ca xang đờn sáo... Nếu làm những việc trên đó có thể làm cho người mẹ đưa con chẳng đặng an vui. Vì sao thế? Vì lúc sanh sản nguy hiểm đó có vô số loài quỷ dữ cùng ma quái tinh mi muốn ăn huyết tanh. Nhờ có con sớm đã sai các vị thần linh xá trạch Thổ địa, bảo hộ mẹ con người ấy, làm cho được an vui mà đặng nhiều lợi ích. Người ấy thấy mình được an ổn, thì đáng lẽ nên làm phước lành để đền đáp công ơn Thổ địa, mà trái lại giết hại loài sanh vật, hội họp thân quyến, vì lẽ này, đã phạm tội lỗi tất phải tự thọ lấy tai vạ, mẹ con đều tổn.

7. LÚC CHẾT NÊN TU PHƯỚC

Lại người trong cõi Diêm Phù Đề đến lúc mạng chung, không luận là người lành hay kẻ dữ, con cũng đều muốn

cho họ không bị đọa lạc vào chốn ác đạo. Huống gì là người lúc sanh tiền biết tu tạo cội phước lành giúp thêm oai lực cho con.

Trong cõi Diêm Phù Đề, những người làm lành đến lúc mạng chung cũng còn có trăm nghìn quỷ thần ác đạo hoặc biến ra hình cha mẹ, nhấn đến hóa làm người thân quyến dắt dẫn thần hồn người chết làm cho đọa lạc vào chốn ác đạo, huống chi là những kẻ lúc sanh tiền đã sẵn tạo nghiệp ác.

Bạch đức Thế Tôn! Những kẻ nam tử nữ nhơn ở cõi Diêm Phù Đề, lúc lâm chung thì thần thức hôn mê không biện được lẽ lành điều dữ, cho đến mắt cùng tai không còn thấy nghe gì hết. Hàng thân quyến của người lâm chung đó, nên phải sắm sửa làm sự cúng dường lớn, tụng đọc tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật và Bồ tát, tu tạo nhơn duyên phước lành như thế, có thể cho người chết thoát khỏi chốn ác đạo, các thứ ma, quỷ, ác thần quỷ đều phải lui tan cả hết.

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh lúc lâm chung nếu đặng nghe danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một Bồ tát, hoặc nghe một câu một bài kệ kinh điển Đại thừa, con xem xét thấy hạng người ấy, trừ năm tội Vô gián cùng tội sát hại, những nghiệp ác nho nhỏ đáng lẽ phải sa vào chốn ác đạo, liền đặng thoát khỏi cả.

8. ĐỨC PHẬT CĂN DẶN

Đức Phật bảo Chủ Mạng Quỷ vương rằng:

Ông vì có lòng đại từ nên có thể phát ra lời nguyện lớn ở trong sanh tử cứu hộ chúng sanh như thế. Như về trong đời sau này, có kẻ nam người nữ nào đến lúc mạng chung, ông chớ quên lãng lời nguyện trên đó, đều nên làm cho giải thoát mãi mãi được an vui.

Chủ Mạng Quỷ vương bạch cùng đức Phật rằng:

Xin đức Thế Tôn chớ lo! Trọn đời của con luôn luôn ủng hộ chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề lúc sanh lúc tử đều làm cho được an vui cả. Chỉ trông mong các chúng sanh trong lúc sanh cùng lúc tử, tin theo lời của con đã nói trên thì đều giải thoát đặng lợi ích lớn.

9. ĐỨC PHẬT THỌ KÝ CHO CHỦ MẠNG

Bấy giờ đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Vị đại Quý vương cai quản về tuổi thọ của mọi người đây đã từng trải qua trăm nghìn đời làm vị Quý vương, ủng hộ chúng sanh trong lúc sanh cùng khi tử. Đó là bậc Bồ tát Đại sĩ vì lòng từ bi phát nguyện hiện thân đại quý chớ thật chẳng phải quý. Quá một trăm bảy mươi kiếp sau, ông đó sẽ được thành Phật hiệu là Vô Tướng Như Lai, kiếp đó tên là An Lạc. Cõi nước tên là Tịnh Trụ, thọ mạng của đức Phật đó đến số kiếp không thể tính đếm được.

Này Địa Tạng Bồ tát! Những sự của vị đại Quý vương đó không thể nghĩ bàn như thế, hàng Trời cùng Người được vị ấy độ thoát cũng đến số không thể hạn lượng.

*

PHẨM THỨ CHÍN:

XUNG DANH HIỆU CHƯ PHẬT

Lúc đó ngài Địa Tạng Bồ tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Nay con vì chúng sanh trong đời sau mà phô bày sự lợi ích, làm cho trong vòng sanh tử đặng nhiều lợi ích lớn. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con nói đó’.

Đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ tát:

Nay ông muốn khởi lòng từ bi cứu vớt tất cả chúng sanh mắc phải tội khổ trong sáu đường, mà diễn nói sự chẳng thể

nghĩ bàn, bây giờ chính đã phải lúc, vậy ông nên nói ngay đi. Giả sử ông có thể sớm làm xong nguyện đó, Ta đâu có vào Niết bàn, cũng không còn phải lo ngại gì đến tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai nữa.

Ngài Địa Tạng bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Biên Thân Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật đây mà tạm thời sanh lòng cung kính, liền đặng siêu việt tội nặng sanh tử trong bốn mươi kiếp, huống là vẽ đắp hình tượng cúng dường tán thán. Người này đợc vô lượng vô biên phước lợi.

Lại hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bửu Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào đợc nghe danh hiệu của đức Phật đây, phát tâm quy y với Phật trong khoảng khảy móng tay, người này trọn hẳn không còn thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh giác.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào, nghe đến danh hiệu của đức Phật đây thoáng qua lỗ tai, người này sẽ đợc một nghìn lần sanh lên sáu tầng trời cõi Dục, huống nữa là chí tâm xưng niệm!

Lại bất khả thuyết bất khả thuyết vô số kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, mà phát tâm quy y chừng trong một niệm, người này sẽ đặng gặp vô lượng các đức Phật xoa đánh thọ ký cho.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Câu Lưu Tôn Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, chí tâm chiêm ngưỡng lễ bái hoặc lại tán thán, người này nơi pháp hội của một nghìn đức Phật trong Hiền kiếp làm vị đại Phạm Vương, đặng Phật thọ ký đạo Vô thượng cho.

Lại về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai. Như có người nam người nữ nào được nghe danh hiệu của đức Phật đây, thì mãi không còn sa đọa vào chốn ác đạo, thường được sanh vào chốn trời người, hưởng lấy sự vui thù thắng vi diệu.

Lại vô lượng vô số hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đa Bửu Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, liền khỏi đọa vào ác đạo, thường ở tại cung trời hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu Bửu Tướng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, sanh lòng cung kính, không bao lâu người ấy sẽ đặng quả A la hán.

Lại vô lượng vô số kiếp về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sa Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, thì người này sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp.

Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật đây, thì người này đặng gặp hằng hà chư Phật nói nhiều pháp mầu cho, đều đặng thành đạo Bồ đề.

Lại về thuở quá khứ, có đức Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Tụ Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thanh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật... có bất khả thuyết đức Phật Thế Tôn như thế. Tất cả chúng sanh trong thời hiện tại cùng thuở vị lai: hoặc là Trời, hoặc là Người, hoặc người nam, hoặc người nữ chỉ niệm được danh hiệu của một đức Phật thôi, sẽ được vô lượng công đức, hưởng

nữa là niệm được nhiều danh hiệu. Những chúng sanh đó lúc sanh lúc tử đặng nhiều phước lợi, không còn phải đọa vào ác đạo nữa.

Như có người nào sắp mạng chung, hàng thân quyến trong nhà nhẫn đến một người vì người bịnh sắp chết đó mà niệm lớn tiếng danh hiệu của một đức Phật, thì người chết đó, trừ năm tội lớn Vô gián, các nghiệp báo khác đều tiêu sạch cả. Năm tội lớn Vô gián kia dầu rất nặng nề đáng lẽ trải qua ức kiếp hẵn không ra khỏi đặng quả khổ, nhưng bởi lúc lâm chung, nhờ người khác vì đó mà xưng niệm danh hiệu của Phật cho nên những tội nặng đó cũng lần lần tiêu sạch.

Huống là chúng sanh tự mình xưng danh hiệu của chư Phật, người này đặng vô lượng phước lành, trừ diệt vô lượng khổ.

*

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN QUYỂN TRUNG HẾT

Bổn hạnh Địa Tạng

Thệ nguyện rộng sâu

Gậy vàng châu sáng độ chúng sanh

Địa ngục khổ không ngần

Tinh tấn kiên thành

Khỏi mắc khổ trầm luân.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Pháp (3 lần).

Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát Ma ha tát (3 lần).

*



KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN

QUYỂN HẠ

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Pháp Đăng

Việt dịch: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

PHẨM THỨ MƯỜI:

**SO SÁNH NHƠN DUYÊN CÔNG ĐỨC
CỦA SỰ BỐ THÍ**

Lúc đó ngài Địa Tạng Bồ tát Ma ha tát nương oai thần của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh trong nghiệp đạo so sánh về sự bố thí có nhẹ có nặng. Có người hưởng phước trong một đời, có người hưởng phước trong mười đời,

hoặc đến hưởng phước lợi lớn trong trăm đời, nghìn đời. Những sự ấy tại làm sao thế? Cúi xin đức Thế Tôn dạy cho.

Bấy giờ đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Nay Ta ở trong toàn thể chúng hội nơi cung trời Đao Lợi này giảng về sự so sánh công đức khinh trọng của việc bố thí ở Diêm Phù Đề. Ông phải lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói!

Ngài Địa Tạng Bồ tát bạch cùng đức Phật rằng:

Chính con nghi ngờ về việc ấy. Con xin ưa muốn nghe.

Đức Phật bảo ngài Địa Tạng Bồ tát rằng:

Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có các vị quốc vương, hàng tể phụ quan chức lớn, hàng đại trưởng giả, hàng đại Sát đế lợi, hàng đại Bà la môn v.v... Nếu gặp kẻ hết sức nghèo túng, nhân đến kẻ tật nguyên câm ngọng, kẻ điếc ngậy mù quáng, gặp những hạng người thân thể không được vẹn toàn như thế. Lúc các vị quốc vương đó v.v... muốn bố thí, nếu có thể đủ tâm từ bi lớn, lại có lòng vui vẻ tự hạ mình, tự tay mình đem của ra bố thí cho tất cả những kẻ đó, hoặc bảo người khác đem cho, lại dùng lời ôn hòa dịu dàng an ủi. Các vị quốc vương, đại thần đó v.v... đặng phước lợi bằng phước lợi công đức cúng dường cho một trăm hằng hà sa chư Phật vậy.

Tại làm sao? Chính bởi vị quốc vương đó v.v... phát tâm đại từ bi đối với kẻ rất mực nghèo cùng và với những người tàn tật kia, cho nên phước lành được hưởng quả báo như thế này, trong trăm nghìn đời thường được đầy đủ những đồ thất bửu, huông là những thứ để thọ dùng như y phục đồ uống ăn v.v...

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có vị quốc vương cho đến hàng Bà la môn v.v... gặp chùa tháp thờ Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến hình tượng Bồ tát, Thanh văn hay Bích chi Phật, đích thân tự sửa sang, cúng

dường bố thí. Vị quốc vương đó, sẽ đặng trong ba kiếp làm vị trời Đế Thích hưởng sự vui sướng tốt lạ. Nếu có thể đem phước lành bố thí đó mà hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong pháp giới, thì vị quốc vương đó, trong mười kiếp thường được làm vị trời Đại Phạm Thiên Vương.

Lại thế này nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, nếu có vị quốc vương cho đến hàng Bà la môn v.v... gặp chùa tháp của đức Phật thuở trước, hoặc là kinh điển hay hình tượng bị hư sụp rách rã, liền có thể phát tâm tu bổ lại. Vị quốc vương đó, hoặc tự mình đích thân lo sửa sang, hoặc khuyến hóa người khác cho đến khuyến hóa trăm nghìn người khác cùng chung bố thí cúng dường để kết duyên lành. Vị quốc vương đó, trong trăm nghìn đời thường làm vua Chuyển Luân, còn những người khác cùng làm việc bố thí đó, trong trăm nghìn đời thường làm vua nước nhỏ. Nếu lại ở trước chùa tháp có thể phát tâm đem công đức cúng dường bố thí đó mà hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh giác, được như vậy thì vị quốc vương đó cho đến tất cả mọi người đều sẽ thành Phật cả, bởi quả báo ấy rộng lớn vô lượng vô biên.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có vị quốc vương hay hàng Bà la môn, gặp những người già yếu tật bệnh và kẻ phụ nữ sanh đẻ, nếu trong khoảng chừng một niệm sanh lòng từ lớn đem thuốc men, cơm nước, giường chiếu bố thí, làm cho những kẻ ấy được an vui. Phước đức đó rất không thể nghĩ bàn đến được, trong một trăm kiếp thường làm vua trời Tịnh Cư, trong hai trăm kiếp thường làm vua sáu tầng trời cõi Dục, không bao giờ còn đọa vào ác đạo, cho đến trong trăm nghìn đời, lỗi tai không hề nghe đến tiếng khổ, rốt ráo sẽ thành Phật đạo.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau như có vị quốc vương và Bà la môn, có thể làm những việc bố thí như thế sẽ đặng vô lượng phước lành. Nếu lại có thể đem phước

đức đó hồi hướng đạo Bồ đề, thì không luận là nhiều hay ít, rớt ráo sẽ thành Phật cả, huống gì là những quả trời Phạm Vương, trời Đế Thích, vua Chuyển Luân.

Này Địa Tạng Bồ tát! Vì thế nên khuyến hóa tất cả chúng sanh đều phải học theo như thế.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có thiện nam kẻ thiện nữ nào ở trong Phật pháp mà gieo trồng chút ít cội phước lành chừng bằng cái lông, sợi tóc, hột cát, mảy bụi, phước lợi của những người đó sẽ hưởng thọ không thể ví dụ thế nào cho được.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam cùng người thiện nữ nào gặp hình tượng Phật, hình tượng Bồ tát, hình tượng Bích chi Phật, hình tượng vua Chuyển Luân mà bố thí cúng dường, thì đặng vô lượng phước lành, thường sanh ở cõi Người, cõi Trời hưởng sự vui thù thắng vi diệu. Như có thể đem công đức hồi hướng cho cả pháp giới chúng sanh, thì phước lợi của người ấy không thể ví dụ thế nào cho được.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp kinh điển Đại thừa hoặc nghe thấy một bài kệ, một câu kinh, rồi phát tâm ân cần trân trọng cung kính ngợi khen, bố thí cúng dường, người ấy được quả báo lớn vô lượng vô biên. Nếu có thể đem phước đức hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh thì phước lợi này không thể ví dụ thế nào cho được.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào gặp chùa tháp và kinh điển Đại thừa, nếu là kinh tháp mới thì bố thí cúng dường, chiêm ngưỡng lễ lạy ngợi khen chấp tay cung kính. Nếu gặp kinh, tháp cũ, hoặc hư rách thì sửa sang tu bổ, hoặc riêng mình phát tâm làm, hoặc khuyến người khác cùng đồng phát tâm.

Những người đồng phát tâm đây, trong ba mươi đời thường làm vua các nước nhỏ. Còn vị đàn việt chính đó thường làm vua Chuyển Luân, lại dùng pháp lành mà giáo hóa vua các nước nhỏ.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, như có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, ở nơi cõi phước lành đã gieo trồng trong Phật pháp, hoặc là bố thí cúng dường, hoặc là tu bổ chùa tháp, hoặc sửa sang kinh điển, cho đến chùng bằng một sợi lông, một mảy bụi, một hạt cát, một giọt nước. Những sự lành như thế không luận nhiều ít, chỉ có thể đem hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh, thì công đức của người đó trong nghìn đời thường hưởng thọ sự vui thượng diệu. Còn như chỉ hồi hướng cho thân quyến trong nhà hoặc tự mình được lợi ích thôi, như thế thì sẽ hưởng quả vui trong ba đời, cứ làm một phần sự lành, thì được hưởng báo tốt một muôn lần trội hơn.

Này Địa Tạng Bồ tát! Những nhơn duyên công đức về sự bố thí như thế đó.

*

PHẨM THỨ 11:

ĐỊA THẦN HỘ PHÁP

Lúc đó vị Kiên Lao Địa Thần bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, con từng chiêm ngưỡng đánh lễ vô lượng vị đại Bồ tát, đều là những bậc trí huệ thân thông lớn không thể nghĩ bàn độ khắp mọi loài chúng sanh. Ngài Địa Tạng Bồ tát đây so với các vị Bồ tát chỗ thể nguyện rất là sâu rộng.

Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Bồ tát đây có nhơn duyên lớn với chúng sanh trong Diêm Phù Đề. Như ngài Văn

Thù, ngài Phổ Hiền, ngài Quan Âm, ngài Di Lặc cũng hóa hiện trăm nghìn thân hình để độ chúng sanh trong sáu đường, nhưng chỗ phát nguyện của các Ngài còn có lúc hoàn mãn. Ngài Địa Tạng Bồ tát đây phát thệ nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh trong sáu đường trải đến kiếp số như số cát trong trăm nghìn ức sông Hằng.

Bạch đức Thế Tôn! Con xem xét chúng sanh ở hiện tại nay và về vị lai sau, nơi chỗ sạch sẽ ở phương Nam trong cuộc đất của mình ở, dùng đất đá, tre gỗ mà dựng cất cái khám cái thất. Trong đó có thể họa vẽ, cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc nặn hình tượng Địa Tạng Bồ tát, đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen, thì chỗ người đó ở được mười điều lợi ích. Những gì là mười điều?

Một là đất cát tốt màu,
 Hai là nhà cửa an ổn mãi mãi,
 Ba là người đã chết được sanh lên cõi trời,
 Bốn là những người hiện còn hưởng sự lợi ích,
 Năm là cầu chi cũng toại ý cả,
 Sáu là không có tai họa về nước và lửa,
 Bảy là trừ sạch việc hư hao,
 Tám là dứt hẳn ác mộng,
 Chín là khi ra lúc vào có thần theo hộ vệ,
 Mười là thường gặp bậc Thánh nhơn.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng sanh trong đời sau cùng hiện tại nay, nếu ở nơi phần đất của mình cư trụ mà có thể làm ra sự cúng dường ngài Địa Tạng như thế, thì được sự lợi ích như vậy.

Vị Kiên Lao Địa Thần lại bạch với đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Trong đời sau này, như có người thiện nam kẻ thiện nữ nào ở trong chỗ của mình cư trụ mà có Kinh điển này cùng hình tượng của đức Địa Tạng Bồ tát, người đó lại có thể đọc tụng Kinh điển này và cúng dường hình tượng của Bồ tát. Thì con dùng thần lực của con thường hộ vệ người đó, cho đến tất cả sự tai họa như nước, lửa, trộm, cướp, nạn lớn, nạn nhỏ v.v... thấy đều tiêu sạch.

Đức Phật bảo Kiên Lao Địa Thần rằng:

Thần lực rộng lớn của ông, các thần khác ít ai bằng. Vì có sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù Đề đều nhờ ông hộ trợ, cho đến cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, gạo thóc, của báu, tất cả những thứ từ đất mà có ra đều nhờ nơi sức thần của ông cả. Nay ông lại tuyên bày những sự lợi ích của ngài Địa Tạng Bồ tát, thì công đức và thần thông của ông lại càng thêm trăm nghìn lần trội hơn lúc thường.

Này Địa Thần! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào cúng dường Địa Tạng Bồ tát cùng đọc tụng Kinh điển này, chỉ có thể tu hành theo một việc mà trong Kinh Địa Tạng Bồ tát Bản Nguyên đã dạy. Thì ông nên dùng thần lực của ông mà ủng hộ người đó, chớ để tất cả sự tai hại cùng sự không vừa ý đến nghe nơi tai, hưởng nữa là để cho phải chịu. Chẳng phải chỉ riêng mình ông hộ trì người đó, cũng có hàng quyến thuộc của Phạm Vương, Đế Thích, quyến thuộc của chư thiên ủng hộ người đó.

Tại sao lại đặng các vị Hiền Thánh ủng hộ như thế? Thấy đều do những người ấy chiêm lễ hình tượng của Địa Tạng Bồ tát và đọc tụng Kinh Bản Nguyên này, tự nhiên được rớt ráo xa lìa biển khổ, chứng đạo Niết bàn an vui, vì thế nên đặng ủng hộ một cách lớn lao như thế.

PHẨM THỨ 12:

THẤY NGHE ĐƯỢC LỢI ÍCH

1. ĐỨC PHẬT PHÓNG QUANG TUYÊN CÁO

Lúc đó, từ trên đỉnh môn đức Thế Tôn phóng ra cả trăm nghìn muôn ức tia sáng lớn. Như là: tia sáng sắc trắng, tia sáng sắc trắng lớn; tia sáng lành tốt, tia sáng lành tốt lớn; tia sáng ngọc, tia sáng ngọc lớn; tia sáng sắc tía, tia sáng sắc tía lớn; tia sáng sắc xanh, tia sáng sắc xanh lớn; tia sáng sắc biếc, tia sáng sắc biếc lớn; tia sáng sắc hồng, tia sáng sắc hồng lớn; tia sáng màu lục, tia sáng màu lục lớn; tia sáng màu vàng y, tia sáng màu vàng y lớn. Tia sáng tướng mây lành, tia sáng tướng mây lành lớn; tia sáng tướng nghìn vòng tròn, tia sáng tướng nghìn vòng tròn lớn; tia sáng vòng tròn báu, tia sáng vòng tròn báu lớn; tia sáng vùng mặt trời, tia sáng vùng mặt trời lớn; tia sáng vùng mặt trăng, tia sáng vùng mặt trăng lớn; tia sáng tướng cung điện, tia sáng tướng cung điện lớn; tia sáng tướng mây biển, tia sáng tướng mây biển lớn... Từ trên đỉnh môn phóng ra những luồng tia sáng như thế xong, lại nói ra những tiếng rất vi diệu mà bảo Đại chúng rằng:

Này tám bộ chúng Trời, Rồng, Người cùng phi Nhơn v.v... lắng nghe! Hôm nay Ta ở tại cung trời Đao Lợi tuyên bày ngợi khen những sự lợi ích trong hàng Trời Người, những sự không thể nghĩ bàn, những sự vẻ nhơn hạnh lên bậc Thánh, những sự chứng quả Thập địa, những sự rốt ráo không lui sụt nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... của ngài Địa Tạng Bồ tát.

2. QUÁN THẾ ÂM CẦU THỈNH

Lúc đức Phật nói lời trên đó vừa dứt tiếng, trong pháp hội có một vị đại Bồ tát hiệu là Quán Thế Âm từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay mà bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Ngài Địa Tạng Đại Bồ tát đầy đủ đức từ bi lớn, Ngài thương xót chúng sanh mắc tội khổ ở trong muôn nghìn ức thế giới, Ngài hóa hiện ra nghìn muôn ức thân, bao nhiêu công đức và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Ngài, con đã từng nghe đức Thế Tôn cùng vô lượng chư Phật trong mười phương, khác miệng đồng lời ngợi khen ngài Địa Tạng Bồ tát. Dầu cho các đức Phật trong thuở quá khứ, hiện tại và vị lai nói công đức của ngài Địa Tạng Bồ tát vẫn chẳng thể nói hết.

Vừa rồi lại được đức Thế Tôn bảo khắp trong Đại chúng rằng đức Phật muốn tuyên nói các sự lợi ích của ngài Địa Tạng Bồ tát. Cúi mong đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ tát, làm cho tám bộ chúng Trời, Rồng v.v... chiêm ngưỡng lễ lạy ngài Địa Tạng Bồ tát để đặng phước lành.

3. ĐỨC PHẬT TÁN THÁN VÀ HỨA KHẢ

Đức Phật bảo ngài Quán Thế Âm Bồ tát:

Ông có nhơn duyên rất lớn với chúng sanh trong cõi Ta Bà. Những hàng Trời, Rồng, hoặc nam tử nữ nhơn, hoặc thần, hoặc quý, cho đến chúng sanh mắc phải tội khổ trong sáu đường nếu kẻ nào nghe danh hiệu của ông, thấy hình tượng của ông, hay mến tưởng đến ông cùng khen ngợi ông. Thì những chúng sanh ấy đều ở nơi đạo Vô thượng Chánh giác quyết chẳng còn thối chuyển, thường được sanh vào cõi Người, cõi Trời hưởng đủ sự vui vi diệu, khi nhân quả sắp thành thực liền được Phật thọ ký cho. Nay ông sẵn lòng từ bi lớn thương xót các loài chúng sanh và tám bộ chúng Trời, Rồng v.v... mà muốn nghe Ta nói những sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ tát. Ông nên lắng nghe cho kỹ, nay Ta sẽ nói đó!

Ngài Quán Thế Âm Bồ tát bạch rằng:

Vâng! Bạch đức Thế Tôn! Con xin ưa muốn nghe.

4. THẤY NGHE THÊM PHƯỚC TRỜI

Đức Phật bảo ngài Quán Thế Âm Bồ tát:

Trong các thế giới về thuở hiện tại nay và vị lai sau, có vị Trời nào, hưởng phước Trời đã mãn, năm tướng suy hao⁽¹⁹⁾ hiện ra nơi thân, hoặc có kẻ phải đọa lạc vào nơi chốn ác đạo. Các vị Trời đó, hoặc nam hoặc nữ đương lúc tướng suy hao hiện, hoặc thấy hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát, hoặc nghe tên ngài Địa Tạng Bồ tát, rồi một lần chiêm ngưỡng một lần đánh lễ. Thì các vị Trời đó càng thêm lớn phước Trời, hưởng sự vui sướng rất nhiều không bao giờ còn phải bị đọa lạc vào ba ác đạo nữa. Huống chi là những người thấy hình tượng Bồ tát, nghe danh hiệu Bồ tát, rồi đem các thứ hương hoa, đồ y phục, đồ uống ăn, vật báu, chuỗi ngọc... mà bố thí cúng dường, thì người này đặng vô lượng vô biên công đức phước lợi.

5. NGƯỜI BỊNH ĐƯỢC LỢI

Lại vậy nữa này Quán Thế Âm! Trong các thế giới về thuở hiện tại nay và vị lai sau, những hàng chúng sanh trong sáu đường, như có kẻ sắp mạng chung mà đặng nghe một tiếng danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát thoáng qua lỗ tai, thì kẻ mạng chung đó không còn bị đọa vào chốn khổ ba ác đạo. Huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng thân quyến đem của cải nhà cửa, vật báu, y phục v.v... của người sắp mạng chung đó mà làm chi phí để tô đắp hay họa vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát. Rồi làm cho người bệnh lúc chưa chết, hoặc mắt thấy tai nghe biết rằng hàng thân quyến đem nhà cửa vật báu v.v... vì mình mà tô vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát.

Người bình đó nếu có nghiệp báo phải mang lấy bệnh nặng, thì nhờ công đức này liền được lành mạnh, tuổi thọ thêm lâu. Còn nếu người bình đó có nghiệp báo số mạng đã hết, lại có đủ tất cả tội chướng, nghiệp chướng đáng lẽ phải đọa vào chốn ác đạo, song vì nhờ công đức này nên sau khi mạng chung, liền được sanh vào cõi Trời, cõi Người hưởng quả vui thù thắng vi diệu, tất cả tội chướng thấy đều tiêu sạch.

6. TIÊN VONG ĐƯỢC PHƯỚC

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ tát! Về đời sau, nếu có kẻ nam tử, người nữ nơn nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, hoặc lúc lên năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ cho đến chết mất anh em chị em. Đến khi người đó khôn lớn nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng thân quyến không rõ đọa lạc vào chốn nào, hay sanh về thế giới nào, hoặc sanh lên cõi Trời nào?

Người đó như có thể tô vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát, nhẫn đến nghe danh hiệu của Ngài rồi một lần chiêm ngưỡng một lần đánh lễ, từ một ngày cho đến bảy ngày đừng thối thất tâm ban đầu. Thì quyến thuộc đã sớm khuất của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào ác đạo, tính ra phải chịu đến số kiếp, nay nhờ công đức tô vẽ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát và chiêm lễ cúng dường của con cái, hay của anh chị em, nên liền đặng giải thoát, được sanh lên cõi Trời, cõi Người hưởng quả vui thù thắng vi diệu. Còn như quyến thuộc đã sớm khuất của người đó có phước lành, đã được sanh lên cõi Trời, cõi Người hưởng thọ quả vui thù thắng vi diệu rồi, thì nhờ công đức này càng thêm lớn nghiệp nhân về bậc Thánh, hưởng vô lượng quả vui.

Như người đó lại có thể trong hai mươi một ngày, chuyên lòng chiêm lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát và niệm

lấy danh hiệu của Ngài đủ số một muôn biến, sẽ đặng Địa Tạng Bồ tát hiện vô biên thân, mách cho người đó rõ nơi cõi của hàng thân quyến sớm khuất kia đã sanh về. Hoặc trong giấc mộng, Địa Tạng Bồ tát hiện sức thần thông lớn, tự dắt người đó đến các thế giới thấy hàng quyến thuộc.

Nếu người đó lại có thể trong mỗi ngày niệm danh hiệu của Bồ tát một nghìn biến luôn đến một nghìn ngày. Thì người đó sẽ được Bồ tát sai các vị quý thần ở tại chỗ đó hộ vệ trọn đời, hiện đời món ăn đồ mặc dư dật, không có các thứ bệnh khổ, cho đến các sự tai vạ còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân. Rốt ráo rồi người đó được ngài Địa Tạng Bồ tát xoa đánh thọ ký cho.

7. NGUYỆN LỚN SỚM THÀNH

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ tát! Về đời sau, như có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tu đạo Vô thượng Chánh giác, muốn thoát khỏi tam giới. Những người đó thấy hình tượng và nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát, rồi chí tâm quy y hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn uống v.v... để cúng dường chiêm ngưỡng đánh lễ, thì chỗ nguyện cầu của kẻ thiện nam cùng thiện nữ đó mau được thành tựu không bao giờ bị chướng ngại.

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ tát! Trong đời sau, như có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào, muốn cầu trăm nghìn muôn ức điều nguyện, trăm nghìn muôn ức sự về hiện tại cùng vị lai, thì chỉ nên quy y chiêm ngưỡng đánh lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát. Được như thế thì nguyện những chi và cầu những chi thấy đều thành tựu cả. Lại cầu mong Địa Tạng Bồ tát, vận đức từ bi rộng lớn ủng hộ mãi cho, người đó trong giấc chiêm bao liền đặng ngài Địa Tạng Bồ tát xoa đánh thọ ký.

8. ĐƯỢC TRÍ HUỆ

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ tát! Trong đời sau, như có người thiện nam, kẻ thiện nữ nào sanh lòng rất trân trọng đối với kinh điển Đại thừa, phát tâm bất tư nghị muốn đọc tụng tụng kinh điển ấy. Dầu gặp đấng bậc minh sư truyền dạy cho những người đó học tập, nhưng đọc rồi quên rồi, trải đến cả tháng cả năm vẫn không đọc tụng được. Những kẻ thiện nam đó vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch, cho nên ở nơi kinh điển Đại thừa không có công năng đọc tụng.

Những hạng người này khi nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát cùng thấy hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát, đem hết bồn tâm cung kính bày tỏ với Bồ tát, rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn, tất cả đồ ngọa cụ v.v... cúng dường hình tượng Bồ tát. Dùng một chén nước trong để trước tượng Bồ tát một ngày một đêm, sau đó cung kính chấp tay thỉnh để uống, xây mặt về hướng Nam. Khi nước vào miệng phải chí tâm trịnh trọng, uống nước xong, phải cử ngũ tân, rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ và các việc giết hại trong bảy ngày hoặc hai mươi một ngày.

Người thiện nam cùng thiện nữ đó trong giấc chiêm bao thấy Địa Tạng Bồ tát hiện thân vô biên rưới nước trên đỉnh của người đó. Sau khi thức dậy, người đó liền đặng thông minh, một phen nghe đến những kinh điển Đại thừa ấy liền sẽ nhớ mãi, không bao giờ còn quên một câu kệ nữa.

9. TAI NẠN TIÊU TRỪ

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ tát! Về trong đời sau, như có những người nào ăn mặc không đủ, cầu chi cũng không toại nguyện, hoặc thân nhiều tật bệnh, hoặc nhiều sự hung suy, nhà cửa không yên ổn, quyền thuộc chia lìa, hoặc

các sự tai vạ cứ đến khuấy nhiễu nơi thân luôn, trong giấc mộng thường phải kinh sợ. Những người như thế đó, khi nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát, thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ tát nên chí tâm cung kính niệm đủ một muôn biến, thì những sự không toại ý trên đó sẽ tiêu sạch lần lần, liền đặng an vui, đồ ăn mặc dư dật, cho đến trong giấc mộng thấy đều an ổn vui vẻ.

10. KHỎI HIỂM NGUY

Lại vậy nữa, này Quán Thế Âm Bồ tát! Về đời sau, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc nhơn sự làm ăn, hoặc nhơn sự công chuyện tư, hoặc nhơn sự sanh cùng tử, hoặc nhơn việc gấp mà phải vào trong rừng núi, hay là qua sông vượt biển hoặc gặp nước lụt lớn, hoặc đi ngang đường hiểm trở... Người ấy trước khi đi nên niệm danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát một muôn biến, được thế thì đi qua nơi nào chốn nào cũng có các vị quý thần hộ vệ. Lúc đi đứng, khi nằm ngồi, đều được an ổn vui vẻ luôn, cho đến dầu gặp loài hùm sói sư tử... nhưng tất cả thứ độc hại đều không thể phạm đến người đó được.

Đức Phật bảo ngài Quán Thế Âm Bồ tát:

Ngài Địa Tạng Bồ tát có nhơn duyên rất lớn với cõi Diêm Phù Đề. Nếu nói về những sự mà các hàng chúng sanh thấy hình nghe tên của ngài Địa Tạng Bồ tát được lợi ích, thì dầu nói đến trong trăm nghìn kiếp cũng không hết được.

Này Quán Thế Âm Bồ tát! Vì thế ông nên dùng thần lực mà lưu truyền Kinh này làm cho chúng sanh trong cõi Ta Bà đây mãi đến trăm nghìn kiếp được hưởng những sự an vui luôn.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Ta xem Địa Tạng sức oai thần

Kiếp số hằng sa khó tỏ trần

Thấy nghe một niệm chiêm ngưỡng lễ
Trời, người lợi ích sự không ngần.

Hoặc Rông, hoặc Thần cùng nam nữ
Báo tận sẽ sa vào đường dữ
Chí tâm quy mạng Đại sĩ thân
Tuổi thọ thêm nhiều trừ tội dữ.

Trẻ thơ chết mất mẹ cùng cha
Huynh đệ chị em kẻ ruột rà
Lớn khôn nghĩ đến đều không biết
Nẻo dữ đường lành ở đâu là?

Hoặc vẽ, hoặc tô Đại sĩ hình
Cảm thương chiêm lễ biệt chẳng đành
Hăm một ngày luôn niệm danh hiệu
Bồ tát hiện thân đến bên mình.

Chỉ rành quyền thuộc ở nơi nào
Dầu sa ác thú cũng ra mau
Nếu được không lui lòng kính ngưỡng
Thánh ký, Bồ tát vượt đầu trao.

Bồ đề Vô thượng muốn tu hành
Mong ra ba cõi khỏi tử sinh
Người này đã phát lòng bi lớn
Trước nên chiêm lễ Đại sĩ hình.

Nghe tên, quy y Đấng trọn lành
Cúng dường cung kính phát lòng thành

Nghiệp chướng chẳng hề ngăn chướng đặng
Bao nhiêu mong ước sớm viên thành.

Có kẻ phát tâm tụng kinh sách
Muốn độ chúng sanh khỏi tai ách
Dầu lập nguyện lớn chẳng nghĩ bàn
Đọc rồi quên rồi luôn sót mất.

Người này nghiệp chướng nó làm mê
Học Đại thừa kinh khó mọi bề
Y phục, uống ăn, các ngọa cụ
Cúng dường Địa Tạng với hương hoa.

Dùng chén nước trong bày trước tượng
Cách một ngày đêm bung lầy uống
Sanh lòng ân trọng cử ngũ tân
Rượu thịt, tà dâm cùng dối luống.

Trong hăm một ngày chớ sát sanh
Chuyên lòng tưởng niệm Thượng non danh
Chiêm bao thấy rõ tôn dung hiện
Thức rồi, liền đặng trí khôn lanh.

Đại thừa kinh giáo nghe qua tai
Nghìn vạn đời sau nhớ chẳng sai
Chính nhờ Đại sĩ oai thần lớn
Thần giúp người kia có huệ tài.

Chúng sanh nghèo khổ lại ốm đau
Cửa nhà họa hoạn, người lia nhau

Ngủ mê mộng寐 không an giấc
Cầu muốn hồng hư chẳng được nào!

Đốc lòng chiêm lễ Địa Tạng ngài
Bao nhiêu việc ác thấy tiêu ngay
Nhẫn đến chiêm bao đều an cả
Quý thần phò hộ, của dư xài.

Muôn qua sông biển, đến núi rừng
Cầm thú độc nguy, giặc đón đường
Ác thần, ác quỷ, mưa gió dữ
Nhiều nỗi gian nan khôn không lường.

Sắp sửa ra đi đối trước tượng
Cúng dường kính lễ cùng chiêm ngưỡng
Núi rừng biển cả có vào trong
Ác tai tiêu sạch thường an sướng.

Quán Âm lóng nghe Ta nói rõ
Địa Tạng vô lượng oai thần đó
Trăm nghìn muôn kiếp thuật chẳng rồi
Rộng tuyên Đại sĩ đầy sức nọ!

Như người nghe đến Địa Tạng danh
Thấy hình chiêm lễ hết lòng thành
Hương hoa, ăn uống, dâng y phục
Trăm nghìn báo đệp hưởng điều lành.

Nếu hay đem công hồi pháp giới
Rốt ráo thành Phật, sanh tử khỏi

Quán Âm nên biết gắng tuyên bày
 Truyền khắp hằng sa nhiều nước cõi!

*

PHẨM THỨ 13:

DẶN DÒ CỨU ĐỘ NHƠN THIÊN

1. ĐỨC PHẬT GIAO PHÓ

Lúc đó đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đánh ngài Địa Tạng đại Bồ tát mà bảo rằng:

Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn, đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn, trí huệ của ông không thể nghĩ bàn, biện tài của ông không thể nghĩ bàn. Dầu cho các đức Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự chẳng thể nghĩ bàn của ông trăm nghìn muôn kiếp cũng chẳng hết đặng.

Này Địa Tạng! Địa Tạng! Ông nên nhớ hôm nay Ta ở trong cung trời Đao Lợi, nơi pháp hội lớn có trăm nghìn muôn ức bất khả thuyết, bất khả thuyết tất cả các đức Phật, các vị Bồ tát, các hàng Trời, Rồng, tám bộ chúng đây, một lần nữa đem các hàng chúng sanh, những kẻ ở trong nhà lửa chưa ra khỏi ba cõi, mà giao phó cho ông. Ông chớ để các chúng sanh đó phải bị đọa vào ác đạo dầu là chừng một ngày, một đêm, huống chi lại để cho chúng đó phải bị đọa lạc vào địa ngục ngũ Vô Gián cùng địa ngục A Tỳ, mãi đến nghìn muôn ức kiếp không lúc nào ra khỏi ư!

Này Địa Tạng! Tâm tánh của chúng sanh cõi Diêm Phù Đề không định, phân đông đều quen theo thói ác, thoảng hoặc có người phát tâm lành, nhưng rồi không bao lâu liền thôi thất, còn như duyên ác lại luôn luôn tăng trưởng. Cũng vì lẽ đó, nên

Ta phải chia thân này ra trăm nghìn ức để hóa độ, thuận theo căn tánh của chúng đó hầu làm cho chúng đó được giải thoát.

Này Địa Tạng! Hôm nay ta ân cần đem chúng Trời, Người giao phó cho ông. Trong đời sau, như có hàng Trời, Người cùng thiện nam, thiện nữ nào trồng chút ít căn lành ở trong Phật pháp, chùng bằng sợi lông, mảy trần, hột cát, giọt nước, thì ông nên dùng đạo lực của ông ủng hộ người đó, làm cho người đó tu tập lần lần đạo hạnh Vô thượng, chớ để họ thối thất.

Lại vậy nữa, này Địa Tạng Bồ tát! Trong đời sau, hoặc có Trời hay Người nào phải theo nghiệp mà thọ báo bị đọa vào chốn ác đạo, đến khi bị đọa vào ác đạo vừa bước đến cửa ngục, những chúng sanh đó nếu có thể niệm đặng danh hiệu của đức Phật, hay danh hiệu của một vị Bồ tát, cùng một câu kệ kinh điển Đại thừa. Ông nên dùng thần lực của ông tìm phương chước cứu vớt các chúng sanh đó, ông nên hiện thân ra trước kẻ đó, phá tan địa ngục làm cho họ được sanh lên cõi Trời hưởng những sự vui vi diệu thù thắng.

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đời nay đời sau chúng Thiên, Nhơn

Nay Ta ân cần dặn bảo ông

Dùng đại thần thông quyền độ họ

Đừng cho ác đạo đọa vào trong.

2. BỒ TÁT TUÂN CHỈ

Bấy giờ ngài Địa Tạng đại Bồ tát quỳ gối chấp tay bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin đức Thế Tôn chớ lo. Trong đời sau, nếu có người thiện nam cùng kẻ thiện nữ nào, đối với trong Phật pháp có một niệm cung kính, con cũng dùng trăm

nghìn phương tiện độ thoát người đó, làm cho mau đặng giải thoát trong đường sanh tử, huống nữa là nghe các việc lành rồi luôn luôn tu hành, tự nhiên ở nơi đạo Vô thượng không bao giờ còn thối chuyển.

3. HƯ KHÔNG TẠNG BẠCH HỎI

Lúc ngài Địa Tạng Bồ tát bạch lời nói trên đó vừa xong, trong pháp hội có một vị Bồ tát tên là Hư Không Tạng bạch cùng đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Từ khi con đến cung trời Đao Lợi này nghe đức Như Lai ngợi khen oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ tát. Trong đời sau, hoặc có người thiện nam cùng thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng Trời, Rồng v.v... nghe Kinh điển này và nghe danh tự của Địa Tạng Bồ tát, cùng với chiêm lễ hình tượng Địa Tạng Bồ tát, thì những kẻ ấy được bao nhiêu điều phước lợi? Cúi mong đức Thế Tôn vì tất cả hàng chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà nói lược việc ấy cho.

4. HAI MƯƠI TÁM ĐIỀU LỢI

Đức Phật bảo ngài Hư Không Tạng Bồ tát:

Lóng nghe! Lóng nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói rõ việc ấy. Trong đời sau, người thiện nam cùng thiện nữ nào thấy hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát và nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, đồ ăn món uống, y phục, vật báu mà bố thí cúng dường ngợi khen chiêm lễ, thì kẻ ấy được hai mươi tám điều lợi ích như sau đây:

1. Các hàng Trời, Rồng thường hộ niệm.
2. Quả lành càng ngày càng thêm lớn.
3. Chứa nhóm nhưn vô thượng của bậc Thánh.

4. Mãi không còn thói thất đạo Bồ đề.
5. Đồ mặc, món ăn dồi dào đầy đủ.
6. Những bệnh tật không đến nơi thân.
7. Khỏi những tai nạn về lửa và nước.
8. Không có bị hại vì trộm cướp.
9. Người khác thấy đến sanh lòng cung kính.
10. Các hàng quý thần theo hộ trì.
11. Đời sau thân gái sẽ chuyển thành thân trai.
12. Đời sau sẽ làm con gái các hàng vương giả, đại thần.
13. Thân tướng xinh đẹp.
14. Phần nhiều được sanh về cõi Trời.
15. Hoặc làm bậc vua chúa.
16. Có trí sáng biết rõ việc trong những đời trước.
17. Có mong cầu chi cũng được toại ý.
18. Quyên thuộc an vui.
19. Các tai vạ bất ngờ đều dứt sạch.
20. Các nghiệp về ác đạo đều trừ hẳn.
21. Đi đến đâu cũng đều không bị sự trở ngại.
22. Đêm nằm chiêm bao an ổn vui vẻ.
23. Những người thân tộc đã chết nếu có tội thì được khỏi khổ.
24. Nếu về đời trước có phước thì được thọ sanh về cõi vui sướng.
25. Các bậc Thánh ngợi khen.
26. Căn tánh lạnh lợi thông minh.

27. Giàu lòng từ mẫn.

28. Rốt ráo thành Phật.

5. BẢY ĐIỀU LỢI

Lại vậy nữa, này Hu Không Tạng Bồ tát! Như hàng Trời, Rồng, quý thần ở hiện tại và vị lai nghe danh hiệu của ngài Địa Tạng Bồ tát, đánh lễ hình tượng của ngài Địa Tạng Bồ tát, hoặc nghe các sự về bốn nguyện tu hành của ngài Địa Tạng Bồ tát mà ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ đặng bảy điều lợi ích:

1. Mau chứng bực Thánh.
2. Nghiệp ác tiêu diệt.
3. Chư Phật đến ủng hộ.
4. Không thối thất Bồ đề.
5. Bốn lực được tăng trưởng.
6. Việc đời trước đều rõ biết.
7. Rốt ráo thành Phật.

6. ĐẠI HỘI TÁN THÁN

Bấy giờ, bất khả thuyết tất cả các đức Phật và đại Bồ tát cùng tám bộ chúng Trời, Rồng... ở mười phương đến dự pháp hội đó, nghe đức Thích Ca Mâu Ni Phật ngợi khen tuyên bày sức oai thần lớn chẳng thể nghĩ bàn của ngài Địa Tạng Bồ tát, đều khen là việc chưa từng có.

Lúc đó Trời Đao Lợi rưới vô lượng hương hoa, Thiên y, chuỗi ngọc để cúng dường đức Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ tát xong rồi, tất cả Đại chúng trong pháp hội đều lại chiêm lễ chấp tay mà lui ra.

**KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỒN NGUYỆN
QUYÊN HẠ HẾT**

Bổn thệ Địa Tạng

So hơn trong kinh

Tàn tật, câm, ngọng do tiền sanh

Đời nay tụng Đại thừa

Phước lợi vô cùng

Quyết sen báu vãng sanh.

Nam mô Thường Trụ Thập Phương Tăng (3 lần).

**Nam mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát Ma ha
tát (3 lần).**

*



PHẬT THUYẾT KINH PHẠM VÔNG

PHẨM BỒ TÁT TÂM ĐỊA

(PHẦN DƯỚI)⁽ⁱ⁾

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

I. LÔ XÁ NA PHẬT⁽ⁱⁱ⁾:

Bấy giờ, đức Phật Lô Xá Na vì trong Đại chúng lược giảng Tâm Địa như chùng đầu sợi lông trong số trăm ngàn hằng hà sa bất khả thuyết pháp môn.

Ngài kết Tâm Địa đây chính là lời của tất cả Phật thời quá khứ đã giảng, tất cả Phật thời vị lai sẽ giảng và tất cả Phật thời hiện tại đương giảng. Cũng là pháp môn mà tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đương học.

Ta đã từng trăm a tăng kỳ⁽ⁱⁱⁱ⁾ kiếp tu tập tâm địa này, do đó Ta được hiệu là Lô Xá Na. Chư Phật! Các Ngài đem lời

giảng của Ta đây hầu mở con đường tâm địa cho hết thảy chúng sanh.

Liên đó, từ trên Tòa Thiên Quang Sư Tử rục rờ nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, đức Phật Lô Xá Na phóng ra những tia sáng. Trong tia sáng ấy có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên ngàn cánh sen báu: Các Ngài thọ trì phẩm Tâm Địa Pháp Môn của Ta đây, rồi tuần tự đem giảng lại cho ngàn trăm ức Thích Ca cùng tất cả chúng sanh. Ai nấy đều nên thọ trì đọc tụng và nhất tâm vâng làm.

Sau khi lãnh thọ phẩm Tâm Địa Pháp Môn, chư Phật đang ngự trên ngàn cánh sen báu cùng ngàn trăm ức đức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa sư tử^(iv). Toàn thân của các Ngài chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng ấy đều hóa hiện vô lượng đức Phật, đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp xanh vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na. Cúng dường xong, chư Phật từ tạ trở về.

Khi rời khỏi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, chư Phật vào chánh định thể tánh hư không hoa quang, mỗi Ngài trở lại chốn cũ, dưới cội Bồ đề nơi cõi Diêm Phù.

Sau khi ra khỏi chánh định thể tánh hư không hoa quang, đức Phật mới ngự trên tòa Kim Cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang Đường^(v) mà giảng về Thập Thế Giới Hải.

Rồi đức Phật giảng pháp Thập Trụ^(vi) nơi cung Đế Thích, giảng pháp Thập Hạnh^(vii) nơi cung trời Diêm Ma, giảng pháp Thập Hội Hương^(viii) nơi cung trời Đâu Xuất, giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc, giảng pháp Thập Địa^(ix) nơi cung Trời Tha Hóa, giảng pháp Thập Kim Cương cõi Sơ Thiên, giảng pháp Thập Nhân nơi cõi Nhị Thiên, giảng pháp Thập Nguyên nơi cõi Tam Thiên và sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, đức Phật giảng Phẩm Tâm Địa Pháp Môn mà thuở trước đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng.

Tất cả ngàn trăm ức đức Thích Ca ở nơi thế giới của mình đều giảng nói như thế cả. (Như trong phẩm Hiền Kiếp đã nói).

II. THÍCH CA MÂU NI PHẬT:

Bấy giờ, đức Thích Ca Mâu Ni, từ lúc sơ khởi hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến tại cung của Thiên Vương, diễn nói kinh Ma Thọ Hóa. Sau đó, Ngài giảng sanh nơi cõi Nam Diêm Phù Đề tại nước Ca Tỳ La, vua Tịnh Phạn là thân phụ và hoàng hậu Ma Gia là sinh mẫu, nữ danh của Ngài là Tất Đạt Đa.

Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật.

Từ Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang nơi đạo tràng Tịch diệt^(x) nhần đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, trong mười nơi ấy đức Phật tuần tự ngự đến thuyết pháp.

Lúc đó như khi xem bửu tràng màn lưới của Đại Phạm Thiên Vương, đức Phật vì Đại chúng mà giảng Kinh Phạm Võng^(xi).

Ngài dạy rằng: Vô lượng thế giới dường như là lỗ lưới. Mỗi thế giới đều khác nhau cả, khác nhau đến số vô lượng. Giáo pháp của Phật cũng như vậy.

Đức Phật đã tám ngàn lần đến thế giới Ta Bà này, ngự trên bửu tòa Kim Cương Hoa Quang nhần đến ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, lược giảng Tâm Địa Pháp Môn cho cả thầy Đại chúng trong những Pháp Hội ấy.

Sau đó từ cung của Thiên Vương, đức Phật trở xuống ngự dưới cội Bồ đề nơi cõi Diêm Phù, vì tất cả chúng sanh trên quả đất này, hạng người Phạm ngu tối mà giảng một giới pháp Kim Cương Quang Minh Bửu Giới^(xii). Giới Pháp này là lời thường trì tụng của Phật Lô Xá Na, khi Ngài mới phát Bồ đề

tâm trong thời kỳ tu nhơn của Ngài. Giới pháp này cũng chính là bốn nguyên của tất cả Phật, là bốn nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật Tánh^(xiii).

Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh. Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật Tánh. Vì chắc chắn thường có chánh nhơn, nên chắc chắn Pháp thân thường trụ.

Mười Ba La Đề Mộc Xoa như thế xuất hiện trong đời. Giới pháp này là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sanh trong ba thuở. Giờ đây, đức Phật sẽ vì trong Đại chúng này mà giảng lại Giới Phẩm Vô Tận Tạng, là giới phẩm của tất cả chúng sanh, bốn nguyên tự tánh thanh tịnh.

Nay Ta là Lô Xá Na
 Đương ngồi trên đài Liên Hoa.
 Trên ngàn cánh sen đơm vòng
 Lại hiện ra ngàn Thích Ca.
 Mỗi cánh sen trăm ức cội
 Mỗi cội một Phật Thích Ca.
 Đều ngồi dưới cội Bồ đề
 Đồng thời thành Chánh giác đạo.
 Ngàn trăm ức Phật như vậy
 Lô Xá Na là bốn thân.
 Ngàn trăm ức Phật Thích Ca
 Đều đem theo vi trần chúng
 Cùng nhau đến tại chỗ Ta
 Để nghe Ta tụng Phật Giới,
 Ta liền giảng môn Cam Lộ^(xiv).

Bây giờ ngàn trăm ức Phật,
Trở về đạo tràng của mình,
Đều ngồi nơi cõi Bồ đề
Tụng mười tụng, bốn mươi tám
Giới của Bản Sư Xá Na,
Giới như vùng nhựt nguyệt sáng,
Cũng như chuỗi báu ngọc châu^(xv).
Chúng Bồ tát như vi trần
Do giới này mà thành Phật,
Đây là đức Xá Na tụng
Ta đây cũng tụng như vậy.
Các ông tân học Bồ tát
Phải cung kính thọ trì giới!
Khi thọ trì giới này rồi
Nên truyền lại cho chúng sanh,
Lắng nghe Ta đang trì tụng
Pháp Ba La Đề Mộc Xoa
Là giới tạng trong Phật Pháp.
Đại chúng lòng nên tin chắc:
Các người là Phật sẽ thành,
Ta đây là Phật đã thành.
Thường có lòng tin như vậy
Thời giới phạm đã tròn vẹn
Tất cả những người có tâm
Đều nên nhiếp hộ Phật giới.

Chúng sanh nào thọ Phật giới
 Chính là vào hàng chư Phật.
 Đã đồng hàng bực Đại Giác
 Mới thiệt là con chư Phật^(xvi).
 Đại chúng đều nên cung kính
 Chí tâm nghe lời Ta tụng.

III. ĐỨC PHẬT KIẾT BỒ TÁT GIỚI:

Thuở ấy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc mới thành đạo Vô thượng Chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kiết Bồ tát giới. Ngài dạy: “Hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận pháp chí đạo. Hiếu gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn”^(xvii).

Liên đó, từ nơi miệng đức Phật phóng ra vô lượng tia sáng. Bảy giờ có đến trăm vạn ức Đại chúng, các Bồ tát^(xviii), mười tám Phạm Thiên^(xix), sáu cõi trời Dục^(xx), mười sáu đại Quốc vương^(xxi) đồng chấp tay chí tâm nghe đức Phật tụng Giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật.

Đức Phật nói với các vị Bồ tát:

Nay Ta cứ mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của chư Phật. Tất cả hàng Bồ tát sơ phát tâm, nhứt đến các Bồ tát thập Phát Thú. Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa^(xxii) cũng tụng giới này. Vì thế nên giới quang từ miệng Ta phóng ra. Phóng quang là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới Quang ấy chẳng phải màu xanh vàng, đỏ, trắng và đen, chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô, cũng chẳng phải pháp nhơn, pháp quả. Nó chính là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật tử. Vì thế nên chúng Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này.

Chúng Phật tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ tát này, không luận là Quốc vương Thái tử, các quan chức hay Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, không luận là chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục, không luận là hàng thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ hay hàng nô tỳ, cũng không luận là tám bộ quỷ thần, thần Kim Cương hay loài súc sanh nhân đến kẻ biến hóa^(xxiii) hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư thời đều thọ đặng giới và đều gọi là thanh tịnh thứ nhất.

IV. MƯỜI GIỚI TRỌNG:

Đức Phật bảo các Phật tử rằng: Có mười điều giới trọng, nếu người thọ giới Bồ tát mà không tụng điều giới này, thời người ấy không phải Bồ tát, không phải là Phật tử. Chính Ta cũng tụng như vậy.

Đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ tát. Tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đương học. Cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì. Đức Phật dạy:

1. Giới sát sanh^(xxiv):

Nếu Phật tử, hoặc tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhân đến dùng bùa chú để giết: Nhon giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết. Phạm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thể cứu giúp tất cả chúng sanh, mà trái lại tự phóng tâm nổi lòng sát sanh, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

2. Giới trộm cướp^(xxv):

Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, nhân đến dùng bùa chú trộm cướp: Nhon trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp,

ngiệp trộm cướp... Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quỷ thần hay kẻ giặc cướp, nhần đến một cây kim, một ngọn cỏ đều không đặng trộm cướp. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, thường giúp cho mọi người được phước, được vui, mà trái lại trộm cướp tài vật của người, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

3. Giới dâm^(xxvi):

Nếu Phật tử, tự mình dâm dục, bảo người dâm dục, với tất cả phụ nữ, các loài cái, loài mái, cho đến Thiên nữ, Quỷ nữ, Thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm: Nhơn dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục. Là Phật tử, đối với tất cả không được cố dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả những chúng sanh, đem pháp thanh tịnh khuyên dạy người, mà trái lại không có tâm từ bi, làm cho mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ, con, chị, em trong lục thân, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

4. Giới vọng^(xxvii):

Nếu Phật tử, mình nói vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ: Nhơn vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Nhần đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn chánh ngữ, chánh kiến và cũng làm cho tất cả chúng sanh có chánh ngữ, chánh kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

5. Giới bán rượu^(xxviii):

Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: Nhơn bán rượu, duyên bán rượu, nghiệp bán rượu, Tất cả rượu

không được bán - Rượu là nhân duyên sanh tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí tuệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho tất cả chúng sanh. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

6. Giới rao lỗi của tứ chúng:

Nếu Phật tử, tự miệng rao nói tội lỗi của Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy: Nhơn rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử, khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo cùng người Nhị thừa nói những điều phi pháp, trái Luật trong Phật pháp, thời phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy cho họ sanh tín tâm lành đối với Đại thừa, mà trái lại Phật tử lại tự mình rao nói những tội lỗi trong Phật pháp, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

7. Giới tự khen mình chê người:

Nếu Phật tử, tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen ngợi mình chê người: Nhơn chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử, lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô trương tài đức của mình mà đim che điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

8. Giới bòn sẻn thêm mắng đũa:

Nếu Phật tử, tự mình bòn sẻn, bảo người bòn sẻn: Nhơn bòn sẻn, duyên bòn sẻn, cách thức bòn sẻn, nghiệp bòn sẻn. Phật tử khi thấy những người bần cùng đến cầu xin, phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ. Mà Phật tử lại đem lòng giận ghét, cho đến không cho một mảy, có người đến cầu học giáo

pháp cũng chẳng nói một kệ một câu, lại còn xua đuổi quở mắng, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

9. Giới giận hờn không nguôi:

Nếu Phật tử, tự mình giận, bảo người giận: Nhon giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Người Phật tử lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh được những căn lành không gây gổ, thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Mà trái lại, đối với trong tất cả chúng sanh, cho đến trong loài phi chúng sanh, đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay chân, dao gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến nạn nhân kia lấy lời nhỏ nhẹ xin lỗi, cầu sám hối tạ tội, nhưng vẫn còn không hết giận, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

10. Giới hủy báng Tam Bảo:

Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam Bảo, xúi người hủy báng Tam Bảo: Nhon hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử nghe một lời hủy báng Tam Bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, hướng là tự miệng mình hủy báng! Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác, kẻ tà kiến hủy báng nữa, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

V. ĐỨC PHẬT KẾT RĂN:

Này các Phật tử! Trên đây là mười giới trọng của Bồ tát, các Phật tử cần nên học. Trong mười giới đó không nên trái phạm một giới nào cả, dầu một mảy nhỏ như vi trần, hướng chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu có người nào trái phạm, thời người ấy hiện đời không được phát Bồ đề tâm, rồi cũng mất ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cũng mất những quả Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa, tất cả diệu quả Phật

Tánh thường trú đều mất, đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo. Vì thế nên không được phạm một giới nào cả. Tất cả Bồ tát các Ngài đã học, sẽ học và hiện nay học. Mười giới^(xxix) như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì. (*Trong phẩm Bát Nạn Oai Nghi có giảng rộng*).

VI. 48 ĐIỀU GIỚI KHINH:

Đức Phật bảo các vị Bồ tát rằng: Đã giảng mười giới trọng rồi, nay Ta sẽ nói về bốn mươi tám giới khinh^(xxx).

1. Giới không kính thầy bạn:

Nếu Phật tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức Quan, trước nên thọ giới Bồ tát. Như thế tất cả quý thần cứu hộ thân vua và thân các quan, Chư Phật đều hoan hỷ.

Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng tọa, Hòa thượng, A xà lê, những bậc Đại đức, đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi thăm. Mỗi sự đều đúng như pháp cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái, cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sanh lòng kiêu mạn, sân hận, ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử này phạm Khinh câu tội.

2. Giới uống rượu:

Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống hay sanh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống sẽ mang ác báo: Năm trăm đời không tay, hưởng là tự uống. Cũng chẳng tự bảo người và tất cả chúng sanh uống rượu, hưởng là tự mình uống! Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống cùng bảo người uống, Phật tử này phạm Khinh câu tội.

3. Giới ăn thịt:

Nếu Phật tử cố ăn thịt, tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thời mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh, tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn tất cả thứ thịt của mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

4. Giới ăn ngũ tân^(xxx):

Nếu Phật tử, chẳng được ăn loại ngũ tân: loại hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân này gia vào trong tất cả các thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

5. Giới không dạy người sám hối:

Nếu Phật tử, khi thấy người phạm ngũ giới, bát giới, thập giới, phá giới, hay phạm thất nghịch, bát nạn, tất cả tội phạm giới v.v... phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

6. Giới không cúng dường thỉnh pháp:

Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa hay những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, từ trăm dặm ngàn dặm đến nơi Tăng phòng, nhà cửa, thành ấp thời liền đứng dậy rước vào, đưa đi, lễ bái, cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cấp hộ cho Pháp sư. Mỗi ngày: Sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp sư

thuyết pháp và đánh lễ. Không hề có lòng sân hận buồn rầu. Luôn thỉnh pháp không mồi nhàm, chỉ trọng pháp chứ không kể thân. Nếu Phật tử không như thế thì phạm Kinh Cầu Tội.

7. Giới không đi nghe pháp:

Nếu Phật tử, hàng tân học Bồ tát, phạm nơi nào, chốn nào có giảng Kinh Luật, phải mang Kinh Luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa, nhà v.v... Tất cả chỗ thuyết pháp đều đến nghe học. Nếu Phật tử không đến nơi ấy để nghe pháp cùng thưa hỏi, thì phạm Kinh cầu tội.

8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa:

Nếu Phật tử, có quan niệm trái bỏ Kinh Luật Đại thừa thường trụ, cho rằng không phải của Phật nói mà đi thọ trì Kinh Luật tà kiến và tất cả cấm giới của Thanh văn Nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.

9. Giới không khán bệnh^(xxxii):

Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, khán bệnh là phước điền thứ nhất. Nếu như cha mẹ, Sư Tăng cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh, Phật tử lại vì lòng hờn giận không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.

10. Giới chứa khí cụ sát sanh:

Nếu Phật tử không đặt cất chứa những binh khí: như dao, gậy, cung, tên, búa, giáo mác v.v... cùng những đồ sát sanh như chài, lưới, rập, bẫy v.v... Là Phật tử, dầu cho đến cha

mẹ bị người giết, còn không báo thù, hướng lại đi giết tất cả chúng sanh! Không được cất chứa những khí cụ sát sanh! Nếu cố cất chứa, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Mười giới như thế, cần nên học và kính trọng phụng trì.
(*Trong sáu phẩm sau có giảng rộng*).

11. Giới đi sứ:

Nếu Phật tử, chẳng đặng vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh bị giết hại. Là Phật tử còn không được vào, cùng qua lại trong quân trận, hướng lại cố làm môi giới chiến tranh. Nếu cố làm, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

12. Giới buôn bán phi pháp^(xxxiii):

Nếu Phật tử cố bán người lành, tôi trai, tở gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây, đồ đựng thầy chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, hướng lại bảo người. Nếu cố tự buôn bán, hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

13. Giới hủy báng:

Nếu Phật tử, vì ác tâm, nơi người tốt, người lành, Pháp sư, Sư tăng, hoặc Quốc vương và hàng quý nhân, vốn vô sự mà hủy báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Với cha mẹ, anh em, lục thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đọa nơi ác đạo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

14. Giới phóng hỏa^(xxxiv):

Nếu Phật tử, vì tâm ác, phóng hỏa đốt núi, rừng, đồng nội. Từ tháng Tư đến tháng Chín phóng hỏa. Hoặc cháy lan đến nhà

cửa, thành ấp, tăng phùng, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quý thần. Tất cả chỗ có sanh vật không được có thiêu đốt. Nếu có thiêu đốt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

15. Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa^(xxxv):

Nếu Phật tử, từ Phật đệ tử, lục thân, tất cả thiện tri thức, đến ngoại đạo ác nhơn, đều phải khuyên bảo thọ trì Kinh Luật Đại thừa. Nên giảng cho hiểu nghĩa lý khiến phát Bồ đề tâm, Thập Phát Thú Tâm, Thập Trưởng Dưỡng Tâm, Thập Kim Cương Tâm. Trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món. Mà Phật tử lại vì ác tâm, sân tâm đem Kinh Luật của Thanh văn Nhị thừa, cùng các bộ Luận của ngoại đạo tà kiến để dạy ngang cho người, Phật tử này phạm Khinh cấu tội

16. Giới vì lợi mà giảng pháp lộn lạo⁽⁴³⁾:

Nếu Phật tử, phải tận tâm học Kinh Luật oai nghi Đại thừa. Thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có hàng tân học Bồ tát từ xa trăm dặm ngàn dặm đến cầu học Kinh Luật Đại thừa, nên đứng như pháp giảng giải tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, đốt cánh tay. Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật thời không phải là hàng Bồ tát xuất gia. Nhân đến xả thịt nơi thân mình cùng tay chân mà bố thí cho tất cả những cạp sói sư tử đói, cùng tất cả loài quý đói. Rồi sau mới tuần tự theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng Kinh Luật một cách điên đảo, vặn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tánh cách hủy báng Tam Bảo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

17. Giới cậy thế lực quyền tở^(xxxvi):

Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận Quốc vương, hoàng tử cùng các quan,

nương quyền cậy thế bức người để lấy tiền của, lại bảo người khác cũng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

18. Giới không thông hiểu mà làm thầy truyền giới^(xxxvii):

Nếu Phật tử, phải học mười hai phần Kinh, thường tụng giới. Mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ tát giới, hiểu rõ nghĩa lý tánh Phật tánh của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu cùng như duyên của Giới Luật, mà dối rằng thông hiểu, đó chính là dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một Luật mà lại đi làm thầy truyền giới cho người. Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

19. Giới lưỡng thiệt (Lưỡi đôi chiều)^(xxxviii):

Nếu Phật tử, vì ác tâm, thấy thầy Tỳ kheo trì giới tay bung lư hương, tu hạnh Bồ tát, tự đi đâm thọc hai đầu, cho sanh sự bất hòa khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác. Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

20. Giới không phóng sanh^(xxxix):

Nếu Phật tử, vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh. Tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Nếu giết chúng để ăn thịt, thời chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sanh, nên tìm cách cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ! Thường đem giới Bồ tát giảng dạy để cứu độ chúng sanh.

Nếu ngày cha mẹ hay anh chị em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng Kinh Luật Bồ tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sanh Tịnh Độ ra mắt chư Phật, hay thác sanh trong cõi trời, cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

Mười giới như thế cần nên học tập kính trọng phụng trì.
(*Như trong phẩm Diệt Tội giảng rõ mỗi giới*).

21. Giới đem sân báo sân đem đánh trả đánh^(xl):

Nếu Phật tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ anh em hay lục thân bị người giết cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người thí chết cũng chẳng được báo thù. Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo. Hãy còn không được chứa nuôi tôi tớ, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhất là khẩu nghiệp. Huống lại cố đi làm tội thất nghịch. Nếu xuất gia Bồ tát không có lòng từ bi cố báo thù, nhẫn đến cố báo thù cho trong hàng lục thân, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

22. Giới kiêu mạn không thỉnh pháp:

Nếu Phật tử, mới xuất gia chưa thông hiểu Kinh Luật, mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là giòng sang, con nhà quyền quý, hoặc ý mình học rộng, phước to giàu lớn v.v... rồi sanh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi Kinh Luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc dòng hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ, nghèo nàn, hèn hạ hay có tật nguyên nhưng lại thiết có đức hạnh cùng thông hiểu nhiều Kinh Luật. Hàng tân học Bồ tát không được nhìn vào dòng giống vị Pháp sư mà không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị ấy, Phật tử nếu như vậy thì phạm Khinh cầu tội.

23. Giới khinh ngạo không tận tâm dạy^(xli):

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ tát, thời đối trước tượng Phật cùng tượng Bồ tát mà tự nguyện thọ giới. Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ tát sám hối trong bảy ngày, hễ được thấy hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thời phải sám hối 14 ngày, 21 ngày, hay đến cả năm, cầu thấy được hảo tướng. Khi được thấy hảo tướng rồi, thời được đối trước tượng Phật, Bồ tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thời dầu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ Bồ tát mà thọ giới, thời không cần thấy hảo tướng. Tại sao vậy? Vì vị Pháp sư ấy là chư sự truyền giới cho nhau, nên không cần hảo tướng. Hễ đối trước vị Pháp sư ấy mà thọ giới liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới. Nếu ở trong vòng ngàn dặm, mà tìm không được vị Pháp sư truyền giới, thời Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ tát mà tự nguyện thọ giới Bồ tát, nhưng cần phải thấy hảo tướng.

Nếu các vị Pháp sư y mình thông Kinh Luật cùng giới pháp Đại thừa, kết giao với các nhà quyền quý, khi có hàng tân học Bồ tát đến cầu học nghĩa Kinh Luật, lại giận ghét, hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm Khinh cấu tội.

24. Giới không tập học Đại thừa^(xlii):

Nếu Phật tử, có Kinh Luật Đại thừa pháp chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật, mà không chịu siêng học siêng tu, lại bỏ bảy của báu, trở học những sách luật tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó mà làm mất giống Phật, là nhân duyên chướng đạo, chẳng phải thực hành đạo Bồ tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

25. Giới tri Chúng vụng về^(xliii):

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt làm Pháp sư, Giảng Sư, Luật Sư, Thiền Sư Thủ Tọa, Tri sự, Tri Khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam Bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình, mà trở lại khuấy chúng gây gổ, kinh chống, lung lòng xài của Tam Bảo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

26. Giới riêng thọ lợi dưỡng^(xliv):

Nếu Phật tử ở trước trong Tăng phường, lúc sau thấy có khách Bồ tát Tỳ kheo đến hoặc nơi thành ấp nhà cửa của Tăng hay của Vua, nhẫn đến chỗ kiết hạ an cư cùng trong đại hội... chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho những đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế v.v... Nếu tự mình không có, thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ tự phái khách Tăng đi thọ trai. Nếu chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai mà không phái khách Tăng đi, thời vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa môn không phải dòng Thích Tử, nào khác gì loài súc sanh. Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

27. Giới thọ biệt thỉnh^(xlv):

Nếu Phật tử, tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Của cúng dường này thuộc thập phương Tăng, nếu nhận riêng thời là lấy của thập phương Tăng đem về phần mình. Và của vật trong tám phước điền: Chư Phật, Thánh Nhân, các Sư Tăng, cha mẹ và người bệnh, tự mình riêng nhận dùng. Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

28. Giới biệt thỉnh Tăng^(xlvii):

Nếu Phật tử có những hàng Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh Tăng để cúng dường cầu nguyện, nên vào Tăng phường thưa với vị Tri sự. Vị Tri sự bảo rằng: Theo thứ tự mà thỉnh thời được Thập Phương Hiền Thánh Tăng. Người đời riêng thỉnh năm trăm vị A la hán Bồ tát Tăng vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một phạm phu Tăng. Trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh Tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, là không thuận với hiểu đạo. Nếu Phật tử cố thỉnh riêng thời phạm Khinh cấu tội.

29. Giới tà mạng nuôi sống^(xlviii):

Nếu Phật tử dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay, tự giã, xem tướng, bùa mộng, đoán số sanh trai hay gái, bùa chú, pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi ó và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, ngàn thứ thuốc độc, độc rắn, độc sanh kim, sanh ngân, độc sâu cỏ, đều không có lòng từ bi, lòng hiểu thuận. Nếu cố làm các điều như thế, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

30. Giới quản lý cho Bạch Y^(xlviii):

Nếu Phật tử vì ác tâm, tự mình hủy báng Tam Bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi lại ở trong có, làm quản lý cho hàng bạch y, vì hàng bạch y làm mai làm mối cho nam cho nữ giao hội dâm sắc gây thành các nghiệp kiết phược, những ngày lục trai trong mỗi tháng, ba tháng trường trai trong mỗi năm, làm việc sát sanh, trộm cướp, phá trai, phạm giới. Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Mười giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì. (*Trong phẩm Chế Giới có giảng rõ*).

31. Giới không mua chuộc:

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt ở trong đời ác, thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ tát, cha mẹ, đem bán Kinh Luật, đem bán Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cùng người hành đạo Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ đề, để làm tay sai cho các quan hay làm tội tở cho mọi người. Phật tử thấy những sự như thế, nên có lòng từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ tát và tất cả Kinh Luật, chuộc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người tu hạnh Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ đề. Nếu không chuộc, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

32. Giới tổn hại chúng sanh^(xlix):

Nếu Phật tử, không được buôn bán dao, gậy, cung, tên những khí giới sát sanh. Không được chứa cân non giả thiếu. Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được ác tâm trói buộc người và phá hoại việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó... Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

33. Giới tà nghiệp giác quán^(l):

Nếu Phật tử, không đặng vì ác tâm đi xem tất cả nam nữ v.v... đánh nhau, hay quân trận binh tướng giặc cướp v.v... đấu chiến nhau. Cũng chẳng được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v... cho đèn bói xú. Chẳng được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

34. Giới tạm bỏ Bồ đề tâm^(li):

Nếu Phật tử, ngày đêm sáu thời đọc tụng giới Bồ tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững

chắc như kim cương, nhe đeo trái nổi để qua biển lớn, như các Tỳ kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, rồi phát Bồ đề Tâm và giữ vững không thối chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

35. Giới không phát nguyện:

Nếu Phật tử, nên phát những điều nguyện lớn: Nguyện ở hiếu thuận với cha mẹ, Sư Tăng - Nguyện đặng gặp được thầy tốt, bạn thiện tri thức - Thường dạy bảo tôi các Kinh Luật Đại thừa: Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp. Nguyện giữ vững giới của Phật: Thà chết chớ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thì phạm Khinh cấu tội.

36. Giới không phát thệ^(lii):

Nếu Phật tử khi đã phát mười điều nguyện lớn trên đây rồi, phải giữ gìn giới cấm của Phật. Tự thệ rằng: Thà nhảy vào đồng lửa, hố sâu, núi đao, quyết không cùng với tất cả người nữ (nam) làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong Kinh Luật của Tam Thế chư Phật.

Lại thệ rằng: Thà lấy lưới sắt nóng quấn thân mình cả ngàn lớp, quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm đàn việt. Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm ngàn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt. Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt. Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ

thuốc men của tín tâm đàn việt. Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm ngàn kiếp quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín tâm đàn việt.

Lại phát thệ rằng: Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân nát như tro bụi, quyết không để thân này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt.

Lại phát thệ rằng: Thà lấy trăm ngàn lưỡi gươm giáo khoét đôi mắt mình quyết không đem tâm phá giới này mà nhìn xem sắc đẹp của người. Thà lấy trăm ngàn dùi sắt đâm thủng lỗ tai mình trải trong một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này mà nghe tiếng tốt giọng hay. Thà lấy trăm ngàn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ngửi các mùi thơm. Thà lấy trăm ngàn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm phá giới này, mà ăn các thứ tịnh thực của người. Thà lấy búa bèn chặt chém thân thể mình, quyết không đem tâm phá giới này mà tham mặt đồ tốt.

Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Nếu Phật tử không phát những điều thệ này, thời phạm Khinh cấu tội.

37. Giới vào chỗ hiểm nạn^(liii):

Nếu Phật tử, mỗi năm phải hai kỳ hành đầu đà, mùa Đông mùa Hạ thời ngồi thiền kiết hạ an cư. Thường dùng nhánh dương, nước tro, ba y, bát, bình, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, dây lược nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, Kinh Luật, tượng Phật, tượng Bồ tát. Khi Phật tử hành đầu đà cùng lúc du phương đi lại trăm dặm ngàn dặm, mười tám món này mang luôn bên mình. Đây là hai kỳ hành đầu đà trong mỗi năm: Từ rằm tháng Giêng đến rằm tháng Ba và từ rằm tháng Tám đến rằm tháng Mười. Trong

hai kỳ hành đầu đà luôn mang theo mình mười tám món ấy như chim hai cánh.

Nếu đến ngày Bồ tát, hàng tân học Phật tử, mỗi nửa tháng luôn Bồ tát, tụng mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh.

Lúc tụng giới, nên ở trước tượng Phật và Bồ tát mà tụng. Chỉ có một người Bồ tát thì một người tụng, nếu hai người, ba người nhẫn đến trăm ngàn người cũng một người tụng, còn bao nhiêu thì lắng nghe. Người tụng ngồi cao người nghe ngồi thấp. Mỗi người đều đáp y hoại sắc chín điều, bảy điều và năm điều. Trong lúc kiết hạ an cư cũng phải mỗi việc đúng theo phép tắc.

Lúc hành đầu đà, chớ đi đến chỗ có tai nạn, cõi nước hiểm ác, nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có giống sư tử cạp sói, cùn lụt, bão, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít... Tất cả nơi hiểm nạn ấy đều không được đến. Chẳng những lúc hành đầu đà, mà lúc kiết hạ, an cư cũng không được vào những chỗ hiểm nạn ấy.

Nếu có vào những nơi ấy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

38. Giới trái thứ tự tôn ty^(liv):

Nếu Phật tử, phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi: Người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Không luận già, trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người sang như Quốc vương, hoàng tử, nhẫn đến kẻ hèn như huỳnh môn, tôi tớ v.v... tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi: Người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau.

Không được như hàng ngoại đạo, si mê, hoặc già, hoặc trẻ, ngồi trước sau lộn xộn không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật pháp của Ta, hễ người thọ giới trước thì ngồi trước, còn người thọ giới sau thì ngồi sau.

Nếu Phật tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi, thì phạm Khinh Cấu Tội.

39. Giới không tu phước huệ^(iv):

Nếu Phật tử, thường phải khuyến hóa tất cả mọi người kiến tạo Tăng phường nơi núi rừng vườn ruộng, xây dựng Phật Tháp, chỗ an cư, tọa thiền trong mùa Đông mùa Hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến tạo.

Người Phật tử phải giảng thuyết Kinh Luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc tật bệnh, nước có nạn có giặc, ngày cha, mẹ, anh, em, Hòa thượng, A xà lê khuất tịch và mỗi tuần thất, nhứt đến bảy tuần thất, cũng nên giảng thuyết Kinh Luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn lụt, bão, hỏa hoạn, ghe thuyền trôi giạt nơi sông to biển lớn, gặp quỷ La sát v.v... đều cũng đọc tụng Kinh Luật Đại thừa. Nhứt đến tất cả tội báo, tam ác, bát nạn. Thất nghịch công cùm xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng Kinh Luật Đại thừa này.

Nếu hàng tân học Phật tử không thực hành như trên đây, thời phạm Khinh cầu tội.

Chín giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì. (*Trong phẩm Phạm Đàn có giảng rộng*).

40. Giới không bình đẳng truyền giới:

Nếu Phật tử, lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng Quốc Vương, hoàng tử, các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, dâm nam, dâm nữ, Phạm Thiên trong 18 cõi Sắc, Thiên tử trong sáu cõi Dục, người thiếu căn, hai căn, huỳnh môn, tội tứ và tất cả quý thần đều được thọ giới. Tất cả y phục ngọa cụ nên bảo phải hòa màu: Xanh đỏ đen tím nhuộm thành hoại sắc cho hiệp với đạo.

Trong tất cả quốc độ, theo y phục của người trong nước mặc, y phục của thầy Tỳ kheo đều phải khác với y phục của người thế tục.

Khi ai muốn thọ Bồ tát giới, vị Sư phải hỏi rằng: Trong đời này người có phạm tội thất nghịch chăng? Bồ tát Pháp sư không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới trong đời này.

Đây là tội thất nghịch: Ác tâm làm thân Phật chảy máu, hại bậc Thánh nhân, giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng, giết A xà lê, phá Yết ma Tăng, chuyển Pháp luân Tăng. Nếu phạm tội thất nghịch, thời hiện đời không đắc giới. Ngoài ra tất cả người đều được thọ giới.

Theo pháp của người xuất gia, không lạy Quốc vương, cha mẹ, lục thân và quý thân.

Phàm hễ ai nhận được hiểu lời nói của Pháp sư đều được thọ giới. Mà có người từ trăm dặm ngàn dặm đến cầu pháp, nếu Bồ tát Pháp sư vì ác tâm, sân tâm, mà không mau mắn truyền giới Bồ tát cho người ấy, thời phạm Kinh câu tội.

41. Giới vì lợi làm thầy^(lvi):

Nếu Phật tử, giáo hóa người sanh lòng tin tưởng pháp Đại thừa, Bồ tát làm Pháp sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ tát, nên bảo người ấy thỉnh hai Đại Sư: Hòa thượng và A xà lê.

Phải hỏi người ấy có phạm tội thất nghịch không? Nếu người ấy hiện đời có phạm tội thất nghịch, thời Pháp sư không được cho người ấy thọ giới. Như không phạm tội thất nghịch thời cho thọ giới. Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải bảo người ấy sám hối, đối trước tượng Phật và Bồ tát. Ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ tát tha thiết đánh lễ tam thế chư Phật cho được thấy hảo tướng. Sám hối như thế trong bảy ngày, mười bốn ngày, hai mươi một ngày, nhẫn đến trọn năm mãi đến chừng nào thấy được hảo tướng. Đây là hảo tướng: Thấy Phật đến xoa đầu mình, thấy quang minh, thấy hoa báu v.v... các thứ cảnh tượng lạ. Thấy được những hảo tướng ấy là

triệu chứng tội đã tiêu diệt. Nếu không được thấy hảo tướng, dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời cũng không đắc giới, nhưng đặng tăng ích thọ giới.

Nếu là người phạm trong bốn mươi tám điều giới khinh, đời này sám hối, thì tội đặng tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch.

Vị Pháp sư giáo giới ở trong những pháp này phải hiểu rõ. Nếu không hiểu Kinh Luật Đại thừa, những giới khinh, giới trọng, hành tướng phải, chẳng phải; không hiểu đệ nhất Nghĩa đế, Tập Chung Tánh, Trưởng Dưỡng Tánh, Tánh Chung Tánh, Bất Khả Hoại Tánh, Đạo Chung Tánh, Chánh Pháp Tánh. Những quán hạnh đa, thiếu, xuất, nhập của trong các pháp đó, cùng mười chi thiên, tất cả pháp hạnh, mỗi mỗi đều không thông hiểu. Phật tử vì tài lợi, vì danh tiếng, cầu quấy, cầu nhiều, tham đệ tử đông lên giả tuồng là mình hiểu biết tất cả Kinh Luật để được cúng dường đó là tự dối mình mà cũng khi dối người khác. Nếu cô làm Giáo sư truyền giới cho người, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

42. Giới vì người ác giảng giới^(lvii):

Nếu Phật tử, không được vì tài lợi mà đem đại giới của chư Phật đây, nói với người chưa thọ giới Bồ tát, hoặc với hàng ngoại đạo, những người tà kiến... trừ Quốc Vương, ngoài ra không được nói với tất cả hạng người ấy. Những hạng người ấy chẳng thọ giới của Phật, gọi là súc sanh, đời đời sanh ra không gặp được Tam Bảo, như cây đá, không có tâm thức, gọi là ngoại đạo, bọn tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật tử giảng nói giới pháp của chư Phật, thì phạm Khinh cấu tội.

43. Giới cố mống tâm phạm giới^(lviii):

Nếu Phật tử, do đức tin mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố mống tâm hủy phạm giới pháp, thì không được

thọ lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc dân, không được uống nước của quốc dân. Năm ngàn đại quý luôn đứng án trước mặt người đó mà gọi là “Gã bọm giặc”.

Nếu khi đi vào trong phòng nhà thành ấp, các quý thường theo chà quét dấu chân của người ấy. Tất cả người đời đều mắng người ấy là kẻ giặc trong Phật pháp. Hết thấy chúng sanh đều không muốn nhìn ngó người ấy. Người phạm giới, khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố phá hủy giới pháp của Phật, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

44. Giới không cúng dường Kinh Luật^(lix):

Nếu Phật tử, phải thường nhất tâm thọ trì đọc tụng Kinh Luật Đại thừa, dùng giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây... cho đến lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, để biên chép Kinh Luật, dùng vàng bạc làm hộp, rương, đựng những quyển Kinh Luật.

Nếu không y theo Pháp mà cúng dường Kinh Luật, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

45. Giới không giáo hóa chúng sanh^(lx):

Nếu Phật tử, nên có lòng đại bi, khi vào trong tất cả nhà cửa thành ấp, thấy những loài chúng sanh, phải xưng lên rằng: Các người đều nên thọ Tam Quy và Thập Giới. Nếu gặp trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê v.v.. nên tâm nghĩ miệng nói: Các người là súc sanh phát Bồ đề Tâm. Khi Phật tử đi đến núi, rừng, sông, đồng nội cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thấy chúng sanh phát Bồ đề Tâm.

Nếu Phật tử không phát tâm giáo hóa chúng sanh, thời phạm Khinh cấu tội.

46. Giới thuyết pháp không đúng pháp:

Nếu Phật tử, thường nên có lòng đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà đàn việt sang giàu, cùng trong tất cả chúng hội, không được đứng thuyết pháp cho hàng bạch y. Phải ngồi trên tòa cao trước chúng bạch y.

Vị Tỳ kheo Pháp sư không được đứng dưới đất thuyết pháp cho tứ chúng. Khi thuyết pháp vị Pháp sư ngồi tòa cao, dùng hương hoa cúng dường, còn tứ chúng, hàng thính giả thời ngồi dưới thấp. Đối với Pháp sư phải như là hiếu thuận cha mẹ, kính thuận Sư trưởng như Bà la môn thờ lửa. Nếu Phật tử thuyết pháp mà không đúng như pháp thời phạm Kinh cầu tội.

47. Giới chế hạn phi pháp^(lxi):

Nếu Phật tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc vương, hoàng tử, các quan, bốn bộ đệ tử tự ý thế lực cao quý, phá diệt giới luật Phật pháp, lập ra điều luật chế, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho tạo lập hình tượng Phật và Bồ tát, cùng Tháp và Kinh Luật. Lại đặt ra chức quan đồng lý hạn chế tứ chúng và lập bộ sổ ghi số Tăng. Tỳ kheo Bồ tát đứng dưới đất còn Bạch y ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi pháp như binh nô thờ chủ. Hàng Bồ tát này chính nên được mọi người cúng dường, mà trở lại bắt làm tay sai của các quan chức, thế là phi pháp phi luật.

Nếu Quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm những tội phá Tam Bảo ấy. Nếu cố làm, thời phạm Kinh cầu tội.

48. Giới phá diệt Phật Pháp^(lxii):

Nếu Phật tử, do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng cùng tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc vương và

các quan, làm những sự công trời các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người thọ giới Bồ tát như cách của ngục tù và binh nô. Như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chớ chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật tử tự hủy phá Phật Pháp, không phải ngoại đạo hay Thiên ma phá được.

Người đã thọ giới của Phật, nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá.

Người Phật tử khi nghe ngoại đạo, người ác dùng lời xấu hủy báng giới pháp của Phật, thời đau đớn không khác nào cả ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả ngàn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật do bọn người ác. Huống là không lòng hiếu thuận, tự mình hủy phá giới pháp của Phật, hay làm nhân duyên bảo người khác hủy phá. Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Chín giới như vậy, cầu nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

VII. TỔNG KẾT:

Đức Phật dạy: Các Phật tử! Đó là bốn mươi tám điều giới khinh, các người phải thọ trì. Chư Bồ tát thọ đời quá khứ đã tụng, chư Bồ tát thọ đời vị lai sẽ tụng, chư Bồ tát hiện tại đương tụng.

Các Phật tử lắng nghe! Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh đây, chư Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và hiện đương tụng. Nay Ta cũng tụng như vậy.

VIII. LƯU THÔNG:

Đức Phật phán tiếp: Tất cả Đại chúng, Quốc vương, Vương tử, các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ thầy,

những người thọ trì giới Bồ tát, nên phải thọ trì đọc tụng giảng thuyết biên chép quyển giới pháp Phật Tánh Thường Trụ để lưu thông mãi mãi. Tất cả chúng sanh xoay vần truyền dạy lẫn nhau không dứt. Do đây, đặng gặp chư Phật, được chư Phật trao tay. Đòi đời khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn. Thường được thác sanh trong loài người, hay cõi trời^(lxiii).

Nay Ta ở dưới cội Bồ đề này, lược giảng giới pháp của chư Phật. Tất cả Đại chúng phải nhất tâm học Ba La Đề Mộc Xoa, hoan hỷ phụng hành.

Như phần Khuyến Học trong phẩm Vô Tướng Thiên Vương mỗi mỗi đều giảng rõ.

Lúc đó chư vị Học sĩ trong cõi Tam thiên ngôi lóng nghe đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, hoan hỷ thọ trì^(lxiv).

Đức Thích Ca Mâu Ni giảng xong về mười vô tận giới pháp trong phẩm Tâm Địa Pháp Môn của đức Phật Lô Xá Na đã giảng nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng lúc trước, ngàn trăm ức đức Thích Ca cũng đồng giảng như vậy. Từ cung Đại Tự Tại Thiên Vương đến dưới cây Bồ đề này, thuyết pháp cả mười chỗ, vì tất cả Bồ tát và vô số Đại chúng thọ trì đọc tụng giải thuyết pháp nghĩa cũng như vậy.

Ngàn trăm ức thế giới, Liên Hoa Đài Tạng thế giới, vi trần thế giới, chư Phật cũng giảng thuyết như vậy.

Tất cả Phật Tâm Tạng, Địa Tạng, Giới Tạng, Vô Lượng Hạnh Nguyên Tạng, Nhân Quả Phật Tánh Thường Trụ Tạng. Tất cả chư Phật giảng thuyết vô lượng pháp tạng như thế đã xong.

Hết thầy chúng sanh trong ngàn trăm ức thế giới đều thọ trì hoan hỷ phụng hành.

Còn về phần giảng rộng những hành tướng của tâm địa thời như trong phẩm **Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh** có nói.



KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI GIẢNG GIẢI

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

I. LỜI DẪN

Nam Mô Phạm Võng Hội Thượng Phật Bồ Tát.

Hôm nay trong chúng bắt đầu học về nghi tụng Bồ tát giới. Nghi tụng Bồ tát giới này là một phần ở trong kinh Phạm Võng. Kinh Phạm Võng thì nhiều quyển, nhiều phẩm. Trong những phẩm đó có một phẩm tên là “**Bồ tát Tâm Địa Pháp Môn**”. Nơi phẩm **Bồ Tát Tâm Địa** đó chia ra làm hai phần: phần **Thượng** với phần **Hạ**.

Phẩm **Tâm Địa Bồ Tát**, phần Thượng nói về địa vị của Bồ tát, còn phần Hạ nói về giới Bồ tát, nghĩa là những điều giới mà Bồ tát phải giữ gìn.

Do đó cho nên, hễ những vị nào phát tâm Đại thừa muốn tu hạnh Bồ tát để được lên địa vị Bồ tát đến thành Phật, đầu tiên cần phải giữ giới Bồ tát. Những điều giới Bồ tát chính là hạnh Bồ tát.

Từ trong bộ kinh *Phạm Võng*, chư Tổ thuở xưa đem phẩm “**BỒ TÁT TÂM ĐỊA** - phần **Dưới**” này tách riêng ra làm nghi thức tụng giới Bồ tát cho những người đã thọ giới Bồ tát muốn thực hành lấy hạnh Bồ tát, đọc học nơi đó và cũng để mỗi nửa tháng, theo luật của Phật dạy thì những hàng đệ tử phải Bồ tát, tụng giới này.

Nửa tháng Bồ tát là để kiểm điểm lại nửa tháng vừa rồi coi ở nơi người thọ giới, tự nơi mình có những điều chi sơ sót. Nếu có sơ sót thì phải sám hối, phải theo pháp để gội rửa thân tâm cho thanh tịnh. Và cũng ở nơi ngày Bồ tát đó, nghe và tụng những điều giới đã thọ, để được nhớ và giữ gìn trong 15 ngày kế tiếp cho được trọn vẹn, không có sai phạm.

Do đó cho nên Phật dạy hàng đệ tử, không luận là người đã thọ giới Đại thừa Bồ tát, hay là người thọ giới Tỳ kheo, Sa di cũng như những người đã thọ ngũ giới chẳng hạn, đều nửa tháng phải có làm phép Bồ tát.

Như đã nói, Bồ tát là để kiểm điểm lại trong nửa tháng qua và cũng để sách tấn cho nửa tháng sắp tới, ở nơi những giới mà mình đã thọ cho được thanh tịnh. Nếu có những điều chi sơ sót thì phải sám hối, phải sửa chữa cho giới đức mỗi ngày được thêm lớn lên.

Vì thế cho nên, danh từ “**Bồ tát**” là tiếng Phạn, có nghĩa là Trưởng Tịnh. “Trưởng” là lớn, nói cho đủ là trưởng dưỡng, là nuôi lớn, còn “Tịnh” là rửa sạch. Nuôi lớn cái chi? Nuôi lớn những thiện căn (trưởng dưỡng thiện căn). Còn rửa sạch cái chi? Là rửa sạch những nghiệp chướng (tịnh trừ nghiệp chướng).

Như vậy **Bồ tát** có nghĩa là nuôi lớn căn lành và rửa sạch những nghiệp chướng (trưởng dưỡng thiện căn, tịnh trừ nghiệp chướng).

Nuôi lớn căn lành là nhờ nơi đâu? Chính là nhờ nơi giữ các điều giới đã thọ cho được toàn vẹn. Nếu điều giới đã thọ

được toàn vẹn thì thiện căn mỗi ngày một thêm lớn, gọi là nuôi lớn căn lành. Nếu có những điều lỗi đã sai phạm thì phải sám hối và chừa cải cho những điều lỗi đó được tiêu trừ đi, nên gọi là tiêu trừ nghiệp chướng.

Tôi nhắc lại: Nửa tháng Bồ tát. Danh từ Bồ tát đó có nghĩa là trưởng dưỡng thiện căn và tịnh trừ nghiệp chướng. Nói tắt là trưởng tịnh, là nuôi lớn căn lành do sự trì giới và rửa sạch nghiệp chướng do nơi sự sám hối.

Vì thế cho nên trong luật Phật răn kỹ: người đệ tử của Phật, bất luận là thọ ở nơi phần giới nào, đều phải cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng phải Bồ tát, phải tụng giới. Nếu không Bồ tát, không tụng giới, thì người đó không phải là đệ tử Phật, trong Luật có nói một câu rõ như vậy. Và khi Phật còn tại thế, đến ngày Bồ tát, lúc đầu Phật chưa ra kỷ luật bắt buộc ai cũng phải Bồ tát.

Do đó cho nên có những vị vào trong núi hay vô trong rừng cho tịch tịnh để mà tọa thiền, để nhập định không về kịp giờ Bồ tát. Một hôm Ngài Xá Lợi Phất đang tọa thiền nhập định hơi xa nơi tinh xá. Sáng ngày đó là đến ngày Bồ tát. Ngài nghĩ rằng: “Tôi về Bồ tát thì cũng là thanh tịnh, mà không về Bồ tát thì cũng là thanh tịnh”. Vì Ngài là bậc đại A la hán, đâu còn có sự lỗi.

Liền đó Phật biết, Phật mới dùng thần thông Phật đến, Phật rầy. Phật nói đến ngày Bồ tát thì phải về Bồ tát. Ngài Xá Lợi Phất nghe Phật rầy như vậy, Ngài toan dùng thần thông để đi về. Phật nói không được, nếu Ông bây giờ ý mình đã chứng quả, có thần thông, rồi nương thần thông đó đi về tại chỗ mà Bồ tát. Những người khác chưa có thần thông sẽ nói rằng: *Hồi đó, Ngài Xá Lợi Phất bị Phật rầy như vậy mà phải về, là vì Ngài có thần thông về dễ, chớ bây giờ tôi đang ở xa mà không có thần thông thì về khó khăn, mất thời giờ, mệt nhọc. Thành*

ra về sau có những người viện lý có đó mà không về Bồ tát. Vì thế nên Ông phải đi bộ.

Nhắc câu chuyện đó thì thấy rằng vấn đề Bồ tát rất là quan trọng. Đến như Phật, đại Bồ tát, các bậc đại A la hán đến ngày Bồ tát còn không bỏ, là ý chi? Tất nhiên để làm gương cho những người khác. Chớ nếu mấy vị lớn mà đến ngày Bồ tát không làm phép Bồ tát, mà để cho các vị nhỏ Bồ tát thôi, thì lần lần mấy vị nhỏ cũng lơ là. Mà mấy vị nhỏ đó thì thân tâm chưa thanh tịnh, đạo quả chưa thành, lẽ tất nhiên tội lỗi không được nhờ nơi Bồ tát để nhắc nhở những điều giới đã thọ cho được thanh tịnh, thời làm sao thiện căn công đức tăng trưởng được? Làm sao tiêu trừ những tội lỗi đã có, cùng ngăn ngừa những tội lỗi chưa phát sanh.

Cho nên công việc Bồ tát mỗi nửa tháng, nửa tháng rất là quan trọng. Mà đã quan trọng thì tất nhiên phải có một lễ lỗi Bồ tát. Về bên người xuất gia cũng vậy, cũng có cái nghi Bồ tát của Sa di, của Tỳ kheo và của giới Bồ tát. Và người tại gia nếu đã thọ Bồ tát giới rồi cũng phải tinh tấn để Bồ tát trong mỗi nửa tháng.

Theo đúng thì phải họp chúng lại ở chung một chỗ, chọn lấy một địa điểm để Bồ tát. Vì sao? Vì có như vậy mới kiểm điểm những giới đã thọ, người đó đã được trọn vẹn hay không? Mà do vì chúng đông họp lại để Bồ tát thời mỗi người đều tự thận trọng và e ngại lấy mình. Do sự e ngại đó mà có sự sám hối, có sự cố gắng giữ gìn, không để cho mình sai phạm. Đã e ngại thì tất nhiên có tâm tầm quý. Đã có tâm tầm quý thì có thể được phần nào kèm thúc thân tâm vào khuôn khổ của giới luật. Nếu không Bồ tát, thọ giới rồi bỏ trôi luôn, sự nhớ sự biết cũng không cần gì, cũng không phải sợ ai ngó thấy mình đã có phạm, cũng không ai cử tội ai được vì thiếu Bồ tát công cộng, như thế giới luật tất khó duy trì. Do đó cho nên vấn đề Bồ tát quan trọng cho cả hai giới: tại gia và xuất gia.

Nhờ Bồ tát mà giới luật của Phật mới còn ở thế gian, giới luật còn thì chánh pháp còn. Nếu giới luật không còn thì chánh pháp cũng không nương đâu mà còn, vì giới luật là nền tảng của tòa nhà Phật pháp. Nếu thiếu nền giới luật thì lầu đài Phật pháp tất sụp đổ hết.

Đó là nói những cái đã có rồi, còn những thiện căn công đức chưa có, nếu không có cái nền thì nương nơi đâu để xây dựng lên?

Do đó cho nên giới luật là cội gốc, là cái nền của tất cả những điều lành, tất cả những công đức. Nói tất cả đó, tất nhiên là những điều lành của thế gian hay xuất thế gian, những công đức của phàm phu hay là của các bậc Thánh, cho đến tầng cao tốt là Phật quả cũng phải thành tựu trên cái nền giới luật.

Thế nên về sự học giới là vấn đề quan trọng nhất của người đệ tử Phật.

Tại sao lại **quan trọng nhất**? Như vừa rồi đã nói, vì tất cả thiện căn công đức đều lấy giới làm nền để xây dựng, cho đến quả vị cao tốt là Phật quả cũng phải thành tựu ở trên giới luật.

Nhờ có học, có hiểu, nên ở nơi sự trì giới, là giữ gìn mới không sai và không phạm. Chớ nếu không học, tất nhiên là không biết, không hiểu. Mà không biết, không hiểu thì lấy gì để giữ gìn.

Ngày nay, quý vị đã có duyên lành lớn trong nhiều đời và cũng đã có trồng sâu nơi chủng tử Đại thừa, gieo căn lành lớn ở nơi chánh pháp, vì thế cho nên mới được thọ lấy giới Bồ tát. Quý vị cần phải nên học, nên đọc cho hiểu, cho nhớ. Nương theo sự hiểu và nhớ đó để giữ gìn cho được thanh tịnh.

Pháp của Phật dạy răn rất lợi ích cho chúng sanh, nhất là những pháp về Đại thừa, pháp này có thể làm cho chúng sanh thành Phật. Dầu vậy, nhưng cũng phải do nơi người thiết tin,

thiệt biết, nương nơi sự tin và biết (tức là tín giải), rồi thực hành đúng theo (tức là khởi hạnh). Nếu ở nơi tin, hiểu và thực hành, ba điều đó mà đã có đủ thì nhứt định là sẽ được sự lợi ích đúng như trong kinh đã nói. Nếu trái lại, thì như Đức Phật đã từng nói, người nói ăn không no được, lấy bánh vẽ thì không dùng được và cũng như người ngồi nhà tính số tiền bạc của kẻ khác thì không bao giờ thoát khỏi sự nghèo thiếu.

Do đó cho nên cần phải ăn mới no, phải làm mới có tiền. Sự **ăn** và sự **làm** đó là nói phải thực hành. Đối với chánh pháp của Phật, trước khi thực hành thì cần phải tin và biết, rồi do cái biết đó mà sự tin lại càng sâu đậm và nhờ thực hành rồi mới có chỗ được là ngộ chứng. Đến khi chứng mới gọi rằng là no, là giàu, nghĩa là đắc pháp. Nếu chưa chứng thì chỉ có danh từ suông là đệ tử Phật, là đã thọ giới, là nhà tu hành v.v... mà thôi, chớ thiệt ra chưa được những sự lợi ích thiết thực của Phật pháp.

Vì thế nên Đại chúng phải cố gắng để học hỏi, rồi cố gắng nhớ, đã hiểu đó rồi tinh tấn hành trì, nếu lỡ sai phạm thì đúng theo pháp để sám hối cho được thanh tịnh, gắng giữ gìn giới luật cho kiên cố.

Thiệt ra trong các điều giới về Bồ tát này, nếu giữ gìn cho kỹ, đừng có chút gì gọi là sai phạm, thì cái nếp sống của người đó hoàn toàn là nếp sống của Bồ tát chớ không phải người thường.

*

Đây, Tôi muốn mấy vị đều có quyền giới để dò theo và ghi lấy chỗ nên ghi, nếu không có quyền giới để dò theo thì lúc giảng dạy tất khó nhận, khó biết và không nhớ được hết. Cũng như sự Bồ tát, tôi đã cắt nghĩa cho, đã nói đi nói lại, tôi

nhớ có đến trên ba lần, giờ đây hỏi lại có lẽ ít ai thiết nhớ được đầy đủ, thế nên học phải chăm chỉ.

II. PHẦN KHAI KINH

Trên hết bài **Tán Lư Hương** và bài **Kệ Khai Kinh**, đó là thông thường trong nghi thức tụng niệm, nghi thức nào cũng có như vậy cả. Bài Tán Lư Hương này dựa theo bài chữ Hán:

“Lư hương sạ nhiệt

Pháp giới môn huân

Chư Phật hải hội tất diêu văn

Tùy xú kiết tường vân

Thành ý phương ân

Chư Phật hiện toàn thân”.

Dịch theo lời lục bát:

“Lư hương vừa ngún chiêm đàn

Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa

Lòng con kính ngưỡng thiết tha;

Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh”.

Trong lò hương mình đốt những chiêm đàn, tức là tất cả những thứ gỗ thơm như gỗ trầm hay bạch đàn chẳng hạn.

Gỗ vừa ngún lên có khói thơm. Nơi tâm tưởng của mình nghĩ rằng khói thơm đó tỏa khắp cả mười phương và đến tận chỗ của tất cả chư Phật.

Theo trong kinh có nói: “Tâm nghiệp lực bất tư nghĩ”. Tâm niệm của mọi người có sức mạnh vô biên. Nếu mà biết dùng thời cái năng lực của nó không thể nào bàn cho đến ngàn mé được. Vì làm sao? Vì ở nơi tâm của mọi người bao trùm tất cả pháp giới.

Do đó cho nên, khi mà mình nghĩ tưởng rằng cái đó rộng lớn tới mười phương thế giới, đến ở nơi chỗ chư Phật, thì khói thơm từ ở nơi cái lư hương mà mình xông đốt bạch đàn hay là trầm, theo nơi sức mạnh của tâm niệm đó sẽ lan rộng ra đến khắp mười phương nơi chỗ chư Phật. Mà khói thơm đã đến chỗ chư Phật rồi thì sự cúng dường của mình tất là đã dâng lên chư Phật đồng thời trong lúc đó, những tâm niệm cung kính cúng dường của mình chư Phật đều hay biết.

Do đó nên hai câu kệ mới ngưỡng vọng đến chư Phật thương và chứng minh ở nơi lòng thành kính dâng hương cúng dường của mình.

*

Giờ đây sẽ tụng đến giới Bồ tát. Giới Bồ tát này trích ở trong kinh Phạm Võng. Kinh Phạm Võng đây đầu tiên do đức Phật Lô Xá Na thuyết ra rồi đức Phật Thích Ca mới đem truyền lại ở nơi thế giới Ta bà. Do đó nên mới niệm danh hiệu của đức Lô Xá Na trước: “Nam Mô Phạm Võng Giáo Chủ Lô Xá Na Phật”.

KỆ KHAI KINH

Kệ đến là bài **Kệ Khai Kinh**. Nội dung của bài kệ: Thứ nhất là tán thán pháp của Phật rất rộng, rất sâu. Thứ hai là nghĩ rằng pháp của Phật rất khó gặp mà nay đã được gặp rồi, thì phải nắm lấy đó để mà giữ gìn, y theo đó để mà thực hành. Để chi? Để cho được tỏ ngộ nghĩa lý rộng sâu của Phật pháp đó:

**“Phật pháp rộng sâu rất nhiệm màu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng;
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu!”.**

Vì hiện tại Phật pháp mà có ở nơi thế gian này là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng thân để thuyết ra rồi truyền đến ngày nay, vì thế nên mới niệm hồng danh đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Và đã tự hứa hẹn rằng nguyện tỏ ngộ lấy nghĩa nhiệm màu của đức Phật thuyết ra, vậy thì sự trì tụng phải thành tâm, phải tha thiết, phải chăm chỉ. Chớ nếu mà thiếu sự thành tâm, tha thiết, chăm chỉ đó thì đối với pháp của Phật, dầu cho trì tụng nhiều năm, nhiều tháng, hay là nhiều lần đi nữa cũng khó có thể thâm nhập được nghĩa lý nhiệm màu. Vì sao? Vì ở nơi pháp của Phật không phải lấy lý trí thế gian mà có thể thâm nhập được. Những nghĩa lý trong pháp của Phật, do đức Phật thuyết ra, đó chỉ là trình bày những gì mà ở nơi tự tâm bổn tánh của mọi người đã sẵn có. Đại chúng nên nhận kỹ điều này.

Đức Phật là bậc đã hoàn toàn giác ngộ như Đại chúng đã biết, sự giác ngộ ấy chỉ có Phật trí mới thấu suốt nhưng chúng ta có thể tóm lại là giác ngộ tự tâm.

Chúng sanh sở dĩ gọi là chúng sanh, gọi là mê tối là do nơi đâu? Do vì không biết được tự tánh. Mở mắt ra thì chỉ thấy cảnh sắc ngoài, vảnh lỗ tai lên thì chỉ nghe tiếng động ngoài. Tất cả những hành động chi đều chạy theo trần duyên ngoài. Cho đến trong tâm tưởng cũng vậy, chỉ nghĩ đến sáu trần cảnh ngoài mà thôi. Cho nên đối với tự tâm bổn tánh, dầu luôn ngày đêm sống trong đó mà không tự biết, không tự thấy. Do duyên có này mà gọi là chúng sanh, gọi là mê muội.

Giáo pháp của đức Phật dắt dẫn chúng sanh nhận biết được tự tâm bổn tánh mà chúng sanh hằng ngày sống trong đó, để rồi thọ dụng được những cái gì mà tự tâm bổn tánh sẵn có và chính cái đó là của chư Phật ngộ và chúng.

Muốn như vậy thì phải nương theo giáo pháp của đức Phật. Vì Phật đã ngộ và chứng nơi tự tâm bốn tánh. Phật biết nó là như thế nào và làm thế nào để mà được tới chỗ tỏ ngộ và thọ dụng đó, đức Phật mới trình bày ra thành giáo pháp.

Như vừa rồi trong Đại chúng đã nghe nói đến cái lỗi của chúng sanh là chạy theo duyên ngoài mà bỏ nơi tự tâm bốn tánh dầu hằng ngày luôn sống trong đó. Giờ đây, chánh pháp của đức Phật là trình bày những cái gì tự tâm bốn tánh sẵn có, để cho mọi người được tỏ ngộ, được chứng đắc, được thọ dụng. Do đó nên khi học hay suy nghĩ, hoặc lúc thực hành chánh pháp của đức Phật là trình bày những cái gì tự tâm bốn tánh sẵn có, để cho mọi người được tỏ ngộ, được chứng đắc, được thọ dụng. Do đó nên khi đọc hay suy nghĩ, hoặc lúc thực hành chánh pháp của Đức Phật thì điều cốt yếu nhất là phải thâm nhiếp tất cả lý trí vào trong nội tâm. Do thâm lý trí quay trở vào trong nội tâm nên lần lần mới nhận biết được tự tâm. Vì thế nên trong giáo pháp của đức Phật, chánh định cũng quan trọng không kém gì giới luật.

Khi mình trì tụng cũng như lúc mình nghe giáo pháp, tất cả duyên ngoài đều bỏ, không theo sắc trần, cũng không chấp nơi thanh trần, chỉ một niệm nhiếp tâm nhiếp ý lại. Mà nhiếp tâm, nhiếp ý để vào đâu? Để vào lời trình bày về tự tâm bốn tánh của đức Phật. Như vậy, lần lần tâm niệm mình sẽ thâm nhiếp trở lại. Mà đã thâm nhiếp trở lại, tất nhiên tự nó có một lúc nào đó, nó sẽ nhận lấy nó. Ai nấy nên nhớ kỹ: có một lúc nào đó, tự nó, tự nó là chi? Tự nó là cái tâm trí mình, nó sẽ tự nhận, tự biết lấy nó, nếu chịu khó thâm niệm về nội tâm mãi mãi.

Từ lâu, mình và chúng sanh, cũng như mọi người, chính nơi tâm trí đó mà cho nó chạy theo những cảnh duyên ngoài, những trần cảnh. Vì vậy cho nên, sự nhận, sự biết của nó là

nhận biết duyên ngoài, nhận biết trần cảnh. Bây giờ mình đã thâm nhiếp nó lại, lúc thâm nhiếp nó lại phải đặt để nó lên trên những lời, những chỗ mà đức Phật giải thích về tâm tánh, tất nhiên là giải thích nó. Vì thế cho nên có một lúc nào đó, nó sẽ tự nhận lấy nó, nghĩa là cái tâm trí đó nó sẽ tự nhận lấy cái tâm trí. Đây cũng gọi là tự ngộ, là minh tâm, kiến tánh. Do đó cho nên có chỗ gọi là rằng ngộ rồi thì đồng như chưa ngộ và có chứng được cũng vẫn là không có chi để chứng. Chính vì đâu? Vì là cái tâm trí đó, nó tự nhận lấy nó, tự chứng lấy nó, chớ không phải là có hai cái, một bên kia nhận bên này, chỗ này nhận chỗ kia.

Nếu còn một cái ở đây mà nhận cái kia, cái này để chứng cái nọ, thì đó là trong vòng năng sở hư vọng chớ không phải chứng thiệt. Đó là toàn ở nơi giả cảnh mà thôi, bởi vì còn đối tượng tất nhiên còn cảnh, mà đã còn cảnh thì là ở trong vòng giả, vòng huyễn, không phải tỏ ngộ và chứng thiệt.

Tôi giảng nói như trên, đó là để giải thích hai câu trong bài kệ Khai Kinh mà thường trong Đại chúng hằng ngày đều có tụng đến, nhưng có thể ít ai để ý.

Câu:

**“Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chơn thiệt nghĩa!”.**

Hay là:

*“Nay con nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu!”.*

“Thọ trì” thì phải thọ trì làm sao? Những gì là **“chơn thiệt nghĩa”** của Phật? Như này giờ tôi giảng giải, chính là giảng giải cách thọ trì rồi đó. Và tỏ ngộ nơi chơn thiệt nghĩa của Như Lai là tỏ ngộ cái gì? Và cái gì tỏ ngộ cái gì? Những điều đó đã rõ ràng ra hết rồi.

III. PHẦN QUY KÍNH

Đây mới bắt đầu vào trong Nghi thức tụng Bồ tát Giới.

Bài kệ kê đây là quy ngưỡng nơi Tam Bảo, vì trong đây có Phật, có Bồ tát và có Giới. Giới thuộc về Pháp, Phật là Phật, Bồ tát là Tăng, đó là Tam Bảo. Mở đầu bài kệ quy ngưỡng Tam Bảo, có câu: **“Chúng thọ Bồ tát giới lắng nghe”** đây là lời nhắc nhở trong Đại chúng, những người dự Bồ tát, nên chú ý lắng nghe. Vì đây là tụng giới trong giờ Bồ tát, thì một người tụng, còn bao nhiêu người lắng nghe. Do đó cho nên người tụng giới cần phải có lên tiếng để cho những người nghe chú ý.

Quy mạng Lô Xá Na

Mười phương Kim Cương Phật.

Đây, chính là quy y Phật. Lô Xá Na tức là đức Lô Xá Na Phật, luôn cả thập phương chư Phật.

“Đảnh lễ đức Di Lạc

Sẽ hạ sanh thành Phật”.

Đây chính là quy mạng Bồ tát Tăng vì đức Di Lạc hiện tại còn là Bồ tát. Tại sao nơi đây lại xưng hiệu đức Di Lạc Bồ tát để kính lễ? Vì đức Di Lạc được sự thọ ký của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hiện tại ngự nơi cõi trời Đâu Suất nội viện là Di Lạc Bồ tát, sau đây sẽ giáng sanh xuống Diêm Phù Đề để thành Phật độ sanh, nối tiếp chánh pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đảnh lễ đức Di Lạc là đảnh lễ tất cả chư vị đại Bồ tát, lấy đức Di Lạc làm tiêu biểu, vì Ngài có bốn phận giữ gìn chánh pháp và sau khi giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã mãn thì Ngài sẽ chuyển thân làm Phật.

Câu **“Sẽ hạ sanh thành Phật”** là chỉ rõ rằng hiện tại Ngài còn là Bồ tát.

**“Nay tụng ba tụ giới
Bồ tát đều cùng nghe”.**

Ba tụ giới là nói Bồ tát giới. Ba tụ giới nói đủ là **Ba tụ tịnh giới**. Tụ cũng như một khối, một nhóm. Vì giới Bồ tát có nhiều quy điều và chia ra làm ba khối.

Khối thứ nhất gọi là “Nhiếp luật nghi giới”.

Khối thứ hai gọi là “Nhiếp thiện pháp giới”.

Khối thứ ba gọi là “Nhiêu ích hữu tình giới”.

Không được sát sanh, không được trộm cướp, không được tà hạnh, không được nói dối, không được uống rượu, say sưa, không được bán rượu, cho đến không được tà kiến, hủy báng Tam Bảo v.v ...

Tất cả những điều như vậy, gọi là những điều răn cấm không cho làm, thân nhiếp đúng theo luật pháp oai nghi của Phật định chế ấy hợp lại thành một khối, khối đó gọi là “Nhiếp luật nghi giới”, cũng là tụ tịnh giới thứ nhất của Bồ tát.

Ngoài những điều xấu ác cần răn cấm không cho phạm, còn có những thiện pháp phải thực hành, nếu không làm thì phạm. Như phải kính Phật trọng Tăng, phải cúng dường Tam Bảo bằng cách xây dựng tháp thờ Phật, biên soạn ấn loát kinh điển để lưu truyền, tứ sự cung cấp cho người xuất gia hành đạo, phải lễ Phật, niệm Phật. phải tọa thiền tham cứu, phải học Kinh Luật, phải nghe diễn giảng, phải tập chánh định, phải tu trí huệ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu môn ba la mật v.v... phải siêng tu tập, nhẫn đến Thánh hạnh phải làm, Thánh đức phải theo.

Cúng dường Tam Bảo nhẫn đến chánh định, trí huệ v.v... là những thiện pháp mà người đã thọ giới Bồ tát phải thực hành. Những điều này gom lại thành một khối gọi là “Nhiếp thiện pháp giới”. Đây là tụ tịnh giới thứ hai của Bồ tát.

Trong các điều luật của Bồ tát lại còn có những điều luật bắt buộc phải làm lợi ích cho người, cho vật. Như gặp người bệnh tật thì phải lo cứu tế. Thấy người bệnh tật lẻ loi, cô độc không có cả thuốc men, không ai săn sóc, gặp rồi bỏ lãng mà đi, không tìm phương tiện giúp đỡ là phạm giới đối với người đã thọ giới Bồ tát. Nghĩa là buộc phải săn sóc người bệnh, nếu người đó thiếu sự săn sóc. Lại như thấy người đói mà mình có đồ ăn thì phải chia, phải sót, phải cho, phải bố thí, đây cũng là một điều bắt buộc phải làm. Cho đến phải cứu độ chúng sanh, phải làm cho chúng sanh hết khổ, phải làm cho chúng sanh được vui, dầu rằng có sự làm chưa được, nhưng mà trong tâm lúc nào cũng mong muốn, như nguyện cho tất cả chúng sanh được giải thoát, được thành Phật.

Những điều giới trong phạm vi phải có những việc làm, những lời nói hay là những tâm niệm đem lại sự lợi ích cho chúng sanh, để đưa chúng sanh khỏi khổ sanh tử mà đến quả giải thoát thành Phật đó, gom lại thành ra một khối, gọi là “**Nhiêu ích hữu tình giới**”. Đây là tụ tịnh giới thứ ba của Bồ tát.

Những điều giới răn cấm việc ác gom lại thành một khối. Những điều giới bắt buộc phải làm những thiện pháp gom lại thành một khối và những điều giới phải đem sự lợi ích, sự giải thoát cho chúng sanh gom lại thành một khối, gọi chung là ba tụ tịnh giới của Bồ tát.

Một là “**Nhiếp luật nghi giới**” những điều ác phải răn chừa.

Hai là “**Nhiếp thiện pháp giới**” những điều lành phải làm.

Ba là “**Nhiêu ích hữu tình giới**” những điều giới đem sự lợi ích cho chúng sanh.

Nay tụng về Bồ tát giới mà Bồ tát giới bao giờ cũng có đủ ba khối này cả, các vị đã thọ giới Bồ tát đều phải cùng nghe.

Đây mới nói đến công dụng của giới, công dụng của giới thì cũng như công đức của giới vậy. Giới như chi?

**“Giới như đèn sáng lớn,
Soi sáng đêm tối tăm”.**

Nếu không giới thì không biết điều nào là lành, điều nào là dữ, những điều gì nên làm, những điều gì nên tránh. Nhờ có giới luật nên mới có biết được những điều đó. Như vậy, giới khác nào như cây đèn sáng để soi sáng đêm tối tăm cho mọi người, để biết lối nào nên đi, lối nào nên tránh.

**“Giới như gương báu sáng,
Chiếu rõ tất cả pháp”.**

Có nhiều khi làm những việc đó mình tưởng là tốt, rồi những người khác làm việc đó, mình lại nghĩ tưởng đó là xấu. Nhưng những điều mà mình nghĩ tưởng cho là tốt và cho là xấu đó chưa ắt hẳn là tốt hay xấu, cần phải lấy cái gì để soi cho rõ coi cái đó là thiệt tốt hay là thiệt xấu. Bây giờ đem giới luật ra để mà soi. Nếu đúng như trong điều giới đó, mà trong điều giới lại nói rằng việc đó là tốt, thì nhứt định nó là tốt. Nếu trong điều giới nói như vậy là xấu, thì nhứt định nó là xấu.

Lệ như nơi sân, nơi nhà có ổ kiến lửa. Anh bảo nên lấy lửa đốt, hoặc dùng dầu hôi rưới, nếu để vậy kiến sẽ cắn người. Chị lại cho rằng không nên đốt, không nên rưới dầu hôi vì làm như vậy kiến chết tội nghiệp. Anh và chị đều có lý lẽ riêng khó phân biệt phải trái. Bây giờ đem giới luật ra so, chúng ta sẽ thấy rằng không đốt là phải. Vì trong luật có điều giới nói rõ ràng tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được giết hại. Kiến là một loài hữu tình có mạng sống, tất không được giết hại mạng nó. Như thế thì giết hại là điều ác, còn không giết hại là điều lành. Tại sao vậy? Vì giới luật do đức Phật chế răn. Chẳng phải do suy đoán mà đức Phật chế giới.

Dùng Phật nhãn và Phật trí, đức Như Lai thấy rõ nghiệp và quả của tất cả chín giới chúng sanh: do nghiệp như vậy mà

được quả như vậy. Quả như kia là do nghiệp như kia. Nếu thấy kết thành những quả an vui tốt đẹp, giải thoát tự tại thời biết chắc đó là nghiệp nhơn lành tốt thanh tịnh. Nếu thấy hiện lên những quả xấu xa khổ sở buộc ràng hệ lụy thời biết chắc đó là những nghiệp nhơn xấu ác, như trước. Do thấy rõ như vậy mà Đức Phật chế giới điều: không được làm hay nói như vậy và nên làm nên nói như vậy. Vì đức Phật muốn mọi người mọi loài đều xa lìa những quả báo khổ sở xấu xa như đực, mà được những quả tốt đẹp an vui giải thoát.

“Giới như châu Ma ni

Rưới của giúp kẻ nghèo”.

A- Trong kinh Hiền Ngu Nhơn Duyên nói: “Long Vương nơi đại hải và Thiên Đế có Như Ý Bửu Châu. Châu này có thể lượm mưa xuống những thực phẩm y phục vàng bạc châu báu v.v...”

“Thoát khổ mau thành Phật,

Chỉ giới này hơn cả.

Vì thế nên Bồ tát,

Phải tinh tấn giữ gìn”.

Khởi sanh tử luân hồi để thành tựu quả Phật.

B- Đại khái đều do ba môn vô lậu học: Trì chánh giới, Tập chánh định và Tu chánh huệ. Trong đây tán thán chỉ giới này là hơn tất cả. Trước kia đã nói, tất cả những công đức lành cho đến quả vị Phật đều phải thành tựu ở trên nền giới luật. Nếu không giới, cũng như không có cái nền, những thiện căn công đức không thể thành tựu được. Và định với huệ cũng phải sanh phát từ nơi giới. Vì đều do nơi giới, nên giới là quan trọng nhất. Quả Phật muốn được thành thời phải có Phật nhơn, bởi vì quả phải từ nơi nhơn. Cái chi để làm nhơn cho

quả Phật? Công hạnh Bồ tát là cái nhọn để thành tựu quả Phật. Mà công hạnh Bồ tát đây lấy giới Bồ tát làm chánh.

Vì thế trong đây nói đến thành tựu quả Phật thì giới Bồ tát này là quan trọng nhất, là hơn tất cả. Do đó cho nên, hễ là Bồ tát rồi thì phải tìm cách giữ gìn nơi giới Bồ tát này.

IV. PHẦN XƯƠNG THỜI GIAN

Trên là bài kệ quy ngưỡng nơi Tam Bảo, nói công hiệu của giới Bồ tát và kết khuyên cần phải tinh tấn giữ gìn.

Kể đây nói đến thời gian. Thời gian Bồ tát đây là ngày nào trong mùa nào? Chủ ý gì mà Phật lại bảo trước khi tụng giới cần phải nói thời gian trong lúc Bồ tát? Vì nếu người mà quên sự vô thường thì khó phát tâm tinh tấn tu hành. Do đó cho nên cần nhắc đến thời gian để cho thấy rõ ràng vừa mới đó mà đã qua nửa tháng rồi, mà nếu trực nhớ lại dường như mới Bồ tát ngày hôm qua, rồi hôm nay lại Bồ tát nữa, thời gian qua mau như vậy đó. Hôm nào mới mùa đông, bây giờ lại đến mùa xuân, mà mùa xuân lại sắp sửa hết, mùa hạ sẽ tới liền đây.

Như vậy, thời gian thấm thoát qua mau, sự vô thường nó không đợi ai. Nếu mình chần chờ không kịp thời để tu hành tạo nên công đức thì thời gian đã qua sẽ thành ra luống uổng. Và bao giờ cũng vậy. Một việc chi mà thành tựu không phải là nhứt thời mà cần phải nhiều thời gian. Nếu không tiếc thời gian để cho nó trôi qua, thì chính là thời gian qua rồi nó chưa thành, không thành. Thời gian hiện tại đây mình lầy lắt sẽ vẫn không thành. Như thế sự già, sự bệnh, sự chết nó sẽ đến và khi nó đến rồi thì lúc đó, dầu muốn tinh tấn cũng không được, dầu muốn cho thành tựu một việc gì cũng không thể làm.

Do đó cho nên, mỗi khi Bồ tát đều nhắc đến thời gian. Mà nhắc đến thời gian đó là nhắc phải nắm lấy thời gian mà tinh tấn tu hành, đừng để trôi qua luống uổng.

“Chư Đại đức - Chư Phật tử - Chư Đại chúng”.

Trong đây là lời của người tụng giới gọi Đại chúng. Nếu lúc Bồ tát mà toàn các vị Tỳ kheo không thì người tụng giới nên gọi rằng: **“Chư Đại đức”**. Nếu ở dưới mà toàn là người tại gia thì người tụng giới sẽ gọi: **“Chư Phật tử”**. Còn nếu có kẻ xuất gia, có tại gia lẫn lộn, thời nên gọi: **“Chư Đại chúng”**. Nên đây mới đề cả ba, tùy theo trong lúc chúng nhóm họp để nghe giới: là thuần Tỳ kheo thì kêu **“Đại đức”**, nếu thuần tại gia thì kêu **“Chư Phật tử”** còn nếu có lẫn lộn đủ cả tứ chúng, bởi vì cả tứ chúng đều có thể thọ Bồ tát giới, thời gọi **“Chư Đại chúng”**. Điều này phải chú ý lắm, bằng không thì người tụng giới không biết được là phải nói làm sao đây?

“Phần mùa xuân bốn tháng là một mùa. Nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa một đêm còn ba tháng rưỡi”.

Quý vị phải nhớ, phải ghi mới được. Xuân, hạ, đông trong Phật pháp không giống với ngoài đời. Ngoài đời thì tháng giêng, tháng hai, tháng ba là mùa xuân. Tháng tư, tháng năm, tháng sáu là mùa hạ. Tháng bảy, tháng tám, tháng chín là mùa thu. Tháng mười, tháng mười một, tháng chạp là mùa đông.

Trong Phật pháp, bốn tháng làm một mùa, một năm có ba mùa: xuân, hạ và đông. Ngày 16 tháng chạp đó là bắt đầu mùa xuân đến rằm tháng tư là cuối mùa xuân:

Từ sáng 16 tháng chạp đến hết đêm rằm tháng giêng là tháng thứ nhất của mùa xuân.

Từ sáng 16 tháng giêng đến hết đêm rằm tháng hai là tháng thứ hai của mùa xuân.

Từ sáng 16 tháng hai đến hết đêm rằm tháng ba là tháng thứ ba của mùa xuân.

Từ sáng 16 tháng ba đến hết đêm rằm tháng tư là tháng cuối cùng của mùa xuân.

Như vậy, mùa xuân là chi? Là bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng chạp cho đến hết ngày và đêm rằm tháng tư, đó là bốn tháng mùa xuân theo Phật pháp. Sáng ngày 16 tháng tư là bắt đầu mùa hạ của Phật pháp.

Do đó cho nên đến ngày này mỗi năm, chư Tăng nhập hạ. Theo đúng trong luật thì ngày 16 tháng tư là ngày phải vào hạ, nhưng vì theo nhơn duyên này, sự duyên kia, nên về sau có nơi kiết hạ hoặc dời qua ngày khác. Đúng theo Phật pháp, ngày 16 tháng tư là ngày nhập hạ của chư Tăng, vì ngày đó là ngày đầu mùa hạ, tới rằm tháng năm là một tháng đầu của mùa hạ. Từ sáng 16 tháng năm đến hết đêm rằm tháng sáu là tháng thứ hai của mùa hạ. Từ sáng 16 tháng sáu đến hết đêm rằm tháng bảy là tháng thứ ba của mùa hạ. Từ sáng 16 tháng bảy cho đến hết đêm rằm tháng tám là tháng thứ tư cũng là tháng sau cùng của mùa hạ. Như vậy, mùa hạ trong Phật pháp bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng tư cho đến hết ngày và đêm rằm tháng tám.

Trong Phật pháp không có mùa thu, chỉ có xuân, hạ và đông mà thôi. Vậy mùa đông kế tiếp mùa hạ, tức là bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng tám đến hết đêm rằm tháng chín, là một tháng đầu của mùa đông. Từ sáng ngày 16 tháng chín đến hết đêm rằm tháng mười là tháng thứ hai của mùa đông. Từ sáng 16 tháng mười đến hết đêm rằm tháng mười một là tháng thứ ba của mùa đông. Từ sáng 16 tháng mười một đến hết đêm rằm tháng chạp là tháng thứ tư cũng là tháng cuối cùng của mùa đông trong Phật pháp.

Như vậy, bốn tháng mùa đông trong Phật pháp là bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng tám cho đến hết ngày và đêm rằm tháng chạp. Rồi qua sáng ngày 16 tháng chạp là bắt đầu mùa xuân của Phật pháp.

Khi Bồ tát, mọi người phải nhận biết ngày đó là ngày nào? Trong tháng nào? Thuộc về mùa gì? Cứ theo ngày, mùa

trong Phật pháp mà tính. Bây giờ nếu mình Bồ tát nhằm ngày 30 tháng chạp. Tính coi 30 tháng chạp mùa gì? Tức là mùa xuân, bởi vì mùa xuân bắt đầu từ sáng ngày 16 tháng chạp, còn hiện tại mình Bồ tát trong ngày 30 tháng chạp, vậy là ở trong mùa xuân rồi. Mà mùa xuân đó đã qua mấy ngày rồi? Từ 16 tháng chạp đến bây giờ mình Bồ tát là ngày 30 tháng chạp là đã trải qua nửa tháng. Mà bốn tháng làm một mùa, nay đã trải qua nửa tháng rồi thì số ngày còn lại là ba tháng rưỡi. Cho nên dưới đề còn ba tháng rưỡi. Nhưng ở đoạn giữa lại có thêm một câu: **“thiếu một đêm, thừa một đêm”**. Đây thấy rằng sự tinh tế ở trong Phật pháp. Bởi vì trong ngày 30 đang Bồ tát đó, đêm hãy còn. Đêm 30 còn mà mình nói đã qua rồi nửa tháng nhưng kỳ thiết còn thiếu một đêm nữa mới đúng nửa tháng.

Bởi vì từ sáng 16 cho đến hết đêm 30 là nửa tháng. Qua sáng ngày sau mới bắt đầu ngày thứ nhứt của nửa tháng sau. Bây giờ mình lại ở trong ngày 30 làm phép Bồ tát, mình nói đã qua nửa tháng, kỳ thiết còn thiếu một đêm nữa mới đầy nửa tháng. Mà thiếu một đêm mới đầy nửa tháng trước đã qua thì tất nhiên nửa tháng sau sắp đến đây phải thừa lại một đêm đó, nên mới gọi rằng **“thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng rưỡi”**. Câu **“thiếu một đêm, thừa một đêm”** là nói tắt, nếu nói đủ phải nói: **“thiếu một đêm, mới đầy nửa tháng đã qua”**, nghĩa là nửa tháng qua rồi đó, nói thì nói như vậy chớ còn lại một đêm chưa qua, tức là nửa tháng đã qua đó còn thiếu lại một đêm nữa, hay nói cách khác, còn thiếu một đêm nữa mới đủ nửa tháng đã qua. Mà nửa tháng trước đã thiếu một đêm, thì cái đêm thiếu đó nó dư cho nửa tháng sau. Thành ra cái ba tháng rưỡi còn lại có dư một đêm của nửa tháng đã qua rồi. Như vậy câu **“thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng rưỡi”** nếu nói cho đủ thì phải nói rằng: **“Nửa tháng đã qua còn thiếu một đêm, còn lại ba tháng rưỡi có thừa một đêm”**. Nhưng Bồ tát cần phải đọc gọn tắt để khỏi làm phiền Đại chúng.

Do đây, mới thấy cái tinh tế trong Phật pháp, một đêm vẫn nhắc, chớ không bỏ qua. Rồi từ nơi đó mình tính ra những kỳ Bó tát sắp đến. Nếu Bó tát ngày Rằm tháng giêng, thì đã qua một tháng, trừ cho bốn tháng thì chỉ còn lại ba tháng thôi. Nếu Bó tát ngày 30 tháng giêng, như vậy là đã qua rồi một tháng rưỡi, còn lại hai tháng rưỡi. Nếu Bó tát ngày rằm tháng hai, thì đã qua hai tháng còn lại hai tháng. Nếu Bó tát ngày 30 tháng hai, thì đã qua hai tháng rưỡi còn lại một tháng rưỡi. Nếu Bó tát ngày rằm tháng ba, thì đã qua ba tháng còn lại một tháng. Nếu Bó tát ngày 30 tháng ba, thì đã qua ba tháng rưỡi còn lại nửa tháng. Nếu Bó tát ngày rằm tháng tư, tất nhiên đã đủ bốn tháng của mùa xuân và cũng là ngày cuối xuân. Như vậy, mình nói **“Chư Đại chúng, phần mùa xuân bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua, thiếu một đêm chỉ còn thừa lại một đêm”**. Thiếu một đêm đó là đã qua bốn tháng mùa xuân rồi nhưng kỳ thiết còn lại một đêm mới mãn mùa xuân, vì sáng ngày 16 tháng tư mới bắt đầu mùa hạ, nên nói **“chỉ còn lại một đêm”**. Nếu Bó tát ngày 30 tháng tư, thì phải nói rằng **“phần mùa hạ bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng rưỡi”**. Cứ tuần tự để tính mà trừ cho bốn tháng.

Đại chúng nên chú ý một chút, câu **“thiếu một đêm, thừa lại một đêm”**. Nếu không nhớ kỹ ý nghĩa, về sau tất khó tránh khỏi phân vân bất quyết.

Tôi xin nhắc lại **“thiếu một đêm”** đó là những ngày đã qua nhưng kỳ thiết còn một đêm này mới là đủ. Vì trong Phật pháp cứ đến sáng sớm, lúc tương sáng mặt trời hiện, tức là thấy rõ mặt đất ngoài trời, hoặc ở ngoài trời thấy rõ chỉ trong bàn tay là khởi đầu của ngày, đến sáng sớm ngày sau là trọn ngày và bắt đầu ngày kế. Lệ như sáng sớm ngày rằm là khởi đầu ngày rằm, đến sáng sớm ngày 16 là hết ngày rằm và bắt đầu ngày 16. Thế nên gọi **“một ngày một đêm”** là trọn đủ một ngày vậy.

Do đó mới gọi là “**thiếu một đêm**”. Mà thời gian trước đã qua rồi còn thiếu một đêm, thì một đêm thiếu của nửa tháng đã qua đó nó sẽ thừa lại cho phần thời gian sắp đến.

Tôi xin trình bày bảng đồ xướng ngày Bồ tát ba mùa trong năm để Đại chúng dễ nhận, dễ nhớ.

*

BẢNG XƯỚNG

NGÀY BỒ TÁT TRONG BA MÙA MỖI NĂM

NGÀY BỒ TÁT: Nên xướng rằng

MÙA XUÂN: Sáng ngày 16 tháng chạp khởi đầu mùa Xuân.

- 30 tháng 12: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng rưỡi.

- Rằm tháng giêng: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng.

- 30 tháng giêng: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm thừa lại một đêm còn lại hai tháng rưỡi.

- Rằm tháng 2: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng.

- 30 tháng 2: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng rưỡi.

- Rằm tháng 3: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng.

- 30 tháng 3: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.

- Rằm tháng 4: Phần mùa Xuân bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua, thiếu một, còn thừa lại một đêm.

MÙA HẠ: Sáng ngày 16 tháng tư khởi đầu mùa Hạ - cũng là ngày nhập Hạ, tiền An cư.

- 30 tháng 4: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng rưỡi.

- Rằm tháng 5: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, một tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn ba tháng.

- 30 tháng 5: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng rưỡi.

- Rằm tháng 6: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng.

- 30 tháng 6: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng rưỡi.

- Rằm tháng 7: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng. (Lễ Vu Lan tự tứ).

- 30 tháng 7: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.

- Rằm tháng 8: Phần mùa Hạ bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã thiếu một đêm, thừa lại một đêm (Lễ hậu Tự tứ).

MÙA ĐÔNG: Sáng ngày 16 tháng 8 khởi đầu mùa Đông.

- 30 tháng 8: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, nửa tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn 3 tháng rưỡi.

- Rằm tháng 9: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, thiếu một đêm, thừa lại một đêm, còn ba tháng.

- 30 tháng 9: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, một tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng rưỡi.

- Rằm tháng 10: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, hai tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn hai tháng.

- 30 tháng 10: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, hai tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng rưỡi.

- Rằm tháng 11: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, ba tháng đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn một tháng.

- 30 tháng 11: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, ba tháng rưỡi đã qua, thiếu một đêm, thừa lại một đêm còn nửa tháng.

- Rằm tháng 12: Phần mùa Đông bốn tháng làm một mùa, bốn tháng đã qua, thiếu một đêm còn thừa lại một đêm.

V. PHẦN KHUYẾN TẤN

Sau khi đã nói qua thời gian như vậy, đây mới nhắc đến vấn đề vô thường để khuyên bảo ai nấy cũng đều phải tinh tấn.

CHÁNH VẤN: “Già chết gần kề, Phật pháp sắp diệt, chư Đại đức vì muốn đắc đạo, nên nhứt tâm cần cầu tinh tấn, chư Phật do nhứt tâm cần cầu tinh tấn nên đặng quả Vô thượng Chánh giác, huống là các pháp lành khác”.

Thời gian đã qua rồi, tất nhiên là mỗi ngày lần đến cái già, mà hễ mỗi ngày lần đến cái già thì mỗi ngày lần đến cái chết, nên gọi rằng già chết gần kề. Mà Phật pháp mỗi ngày đi vào thời gian mật, sẽ diệt lần lần. Bây giờ hơn lúc còn sức khỏe và chưa chết và lúc mà Phật pháp cũng còn để cho mình học, mình hiểu, nếu không nắm nơi đó để thực hành, để tu thì tức làm mình bỏ qua một dịp may mắn, đáng gọi là rất đáng tiếc, rất uổng. Mục đích của mình thọ lấy cái giáo pháp của Phật để mà chi? Tất nhiên là muốn được đắc đạo, được giải thoát.

Như vậy, nếu không tinh tấn, thì tất nhiên là mình quên, mình làm trái lại bốn nguyện của mình rồi. Vì bốn nguyện của mình khi mình thọ giới cốt để chi? Cốt để giải thoát, để đắc đạo. Mà nếu không có tinh tấn tu hành thì là mình tự bỏ, tự quên bốn nguyện của mình rồi. Chính chư Phật cũng do nhưt tâm cần cầu tinh tấn nên chứng quả Vô thượng Chánh giác, huống là các pháp lành khác. Các pháp lành khác lại càng phải cần nhờ tinh tấn hơn nữa mới thành.

Tinh tấn có nghĩa là ròng rặc tiến tới. **Tinh** là ròng rặc, **tấn** là tiến tới. Tiến tới là siêng năng, ròng rặc là thuần lành thuần thiện. Nếu không phải là thuần lành, thuần thiện thì nó thuộc về tạp, chớ không gọi là tinh được. Mà tiến tới ở nơi phạm vi hoàn toàn lành là siêng năng tu hành đúng với chánh pháp. Cho nên tinh tấn có chỗ đức Phật gọi là chánh cần. Chánh là chơn chánh, thuần thiện. Cần là siêng năng.

Quả Vô thượng Chánh giác, tức là quả Phật. Đức Phật đã giác ngộ chơn chánh, sự giác ngộ chơn chánh đó không còn có cái gì trên nữa, là tốt cùng nên gọi là Vô thượng Chánh giác.

“Nhân lúc còn mạnh khỏe, các Ngài phải gắng sức siêng tu pháp lành. Đâu nên chảnh gấp cầu đạo lại chần chờ đợi già yếu, còn mong mỗi thú vui gì?”

Ngày nay đã qua,

Mạng sống giảm dần.

**Như cá cạn nước,
Nào có vui chi?**

Đây là lời khuyên nhắc: hiện tại đây còn mạnh khỏe, ai nấy cũng phải gắng sức siêng tu pháp lành, phải tinh tấn, không nên chần chờ mà đợi già yếu.

Giờ đây, đã nhận thấy rằng thân này là gốc khổ, cõi này là cảnh khổ, là chỗ sanh tử luân hồi. Đã ở trong thân cảnh sanh tử luân hồi như vậy mà không tìm cầu con đường giải thoát, mãi chần chờ như vậy là còn mong mỗi những thú vui gì nữa? Hoặc là còn mong mỗi muốn ăn, muốn mặc, muốn giàu sang? Những thứ đó nó níu kéo người đời ở mãi trong vòng sanh tử luân hồi.

Do đó cho nên người tu hành theo Phật pháp phải nhận định, không nên mong mỗi tìm lạc thú thế gian mà cần phải cố làm sao thành tựu quả vui giải thoát. Quả vui giải thoát đó mới thật là vui, mới thật an lạc, còn những lạc thú ở thế gian là sự vui tạm bợ, có nhiều khi nó chính là khổ, hay như khổ, rồi lại mê lầm cho nó là vui.

Bốn câu kệ dưới là bốn câu kệ ở trong kinh Xuất Diệu:

**“Ngày nay đã qua,
Mạng sống giảm dần.
Như cá cạn nước,
Nào có vui chi?”.**

Kinh Xuất Diệu có nói: “Một hôm đức Phật cùng chư Tỳ kheo đi ngang qua một vũng nước, nhằm mùa nắng, nước trong vũng đó đã cạn bớt đi, trong đó có một bầy cá đang nhón như bơi lội. Thấy Phật có vẻ buồn, chư Tỳ kheo mới thưa với Phật hỏi duyên cớ. Đức Phật nói rằng: “Nước vũng dần cạn sắp khô mà bầy cá khờ dại mãi nhón như bơi lội không lo không sợ, làm Ta liên tưởng đến những người mê muội, mỗi ngày qua, sự già, sự chết nó lần lượt kéo đến gần,

sanh mạng giảm bớt mà họ vẫn thản nhiên mãi tìm lạc thú tạm bợ, không sợ không lo, không biết suy tầm con đường diệt khổ giải thoát”. Đức Phật liền nói kệ rằng:

**“Ngày nay đã qua,
Mạng sống giảm dần.
Như cá cạn nước,
Nào có vui chi?”.**

Đọc đến bài kệ trong kinh Xuất Diệu mình nên quan niệm như thế này: Thuở xưa đức Phật đã có than thở như vậy thì tất nhiên hiện tại đây cũng vậy. Chẳng riêng gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà thập phương chư Phật cũng vậy, luôn luôn nhìn ngó đến mình, đến tất cả chúng sanh và luôn luôn thương xót lo lắng mong mỏi cho mọi người y theo chánh pháp của đức Phật đã dạy ra đó mà thực hành để vượt ra khỏi nơi cái ao cạn sanh tử luân hồi. Nói một cách khác, chánh pháp của đức Phật như sợi dây thòng xuống nơi cái ao sâu sắp cạn đó. Giở dây, mình có chịu khó mà nắm sợi dây để phăng lên, để ra khỏi cái ao sâu sắp cạn đó, hầu đến chỗ mát mẻ an lành hơn hay là không đó mà thôi. Nếu mình chưa chịu nắm nơi đó để thoát ra thì chư Phật luôn luôn lúc nào cũng lo lắng xót thương và mong mỏi.

Nếu mình nghĩ đến chư Phật lúc nào cũng thương và lo lắng như vậy, tất nhiên thiện căn mình nó sẽ thúc đẩy mình tinh tấn trên con đường tu học pháp lành. Mỗi khi mình có giây phút tạm quên chạy theo những lạc thú ở thế gian, thì nên nhớ lại bài kệ này để nghĩ ngẫm lại. Vì thế cho nên trong các thời khóa tụng hằng ngày, chư Tổ đem bài kệ này để vào trong thời công phu chiều:

**“Thị nhựt dĩ quá,
Mạng diệt tùy giảm.**

Như thiếu thủy ngư,

Tư hữu hà lạc!”.

Đại chúng!

“Đương cần tinh tấn

Như cứu đầu nhiên

Đản niệm vô thường

Thận vật phóng dật”.

Dịch:

Ngày nay lại đã qua rồi,

Mạng căn huyết mạch lần hồi khô khan.

Dường như cá cạn ở ao,

Khổ thêm thì có chút nào vui đâu?

Trong **Bồ tát Tâm Địa** phẩm, về phần Dưới, đức Phật Lô Xá Na đã nói giới Bồ tát, trong giới Bồ tát có 10 giới trọng và 48 giới khinh, cộng lại là 58 điều giới.

Đức Phật Thích Ca đem lời giảng ở nơi phẩm Tâm Địa của Phật Lô Xá Na để truyền lại khắp tất cả Ta bà thế giới này nghĩa là trong đại thiên thế giới, phần Dưới của phẩm Bồ Tát Tâm Địa. Thế nên những vị đã thọ Bồ tát giới đều phải y cứ nơi 58 điều giới mà thọ trì. Do đó cho nên, người thọ Bồ tát giới rồi phải học và hành những điều giới trong phẩm Bồ tát Tâm Địa, phần dưới đây Đức Phật đã dạy.

Trong đây, giới, có giới tánh và giới tướng. Giới tánh cũng gọi là giới thể, rất quan trọng. Nếu giới thể không thành, giới tướng không nương đâu mà thành tựu được, bởi vì tướng phải từ nơi thể mới có. Do đó, trong phẩm Bồ Tát Tâm Địa, đoạn đầu nói về phần giới thể hay là giới tánh, còn đoạn sau mới nói về giới tướng là 10 điều trọng và 48 điều khinh.

Giờ đây, trong Đại chúng nên dò theo cái văn trong kinh, tôi nương theo đó lần lượt để chỉ dẫn thêm cho Đại chúng được rõ.

Đề kinh là kinh Phạm Võng, đề của phẩm là Bồ tát Tâm Địa. Tôi đã lược nói qua về ý nghĩa của đề kinh và đề phẩm rồi. Đây mới nói đến các nhà phiên dịch, phần này cũng quan trọng lắm, chính đó là phần chứng tín, chắc chắn rằng quyển kinh này có xuất xứ, có lịch sử chứ không phải quyển kinh mơ hồ nơi căn bản xuất xứ. Nếu mơ hồ nơi căn bản xuất xứ thì khó biết được là phải của Phật nói ra và kiết tập truyền lại hay không?

Do đó cho nên các nhà phiên dịch là một điều chứng tín quan trọng.

Trong đây nói Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ văn Phạn ra văn Hán hồi đời nhà Dao Tần, trong mục lục của Tạng thì đề rõ là có những vị nhuận bút, vị nào chép văn, vị nào dịch nghĩa. Như vậy, có nghĩa kinh này chắc chắn là có bản chánh bằng văn Phạn, đã kiết tập từ xưa, truyền qua Tàu, rồi ngài Cưu Ma La Thập mới dịch ra văn Hán và từ đó quyển chánh văn Hán, tôi dịch ra quyển chữ Việt đây.

Trước khi tôi dịch ra bản này thì ở Việt Nam cũng có một vài vị Thượng tọa đã dịch. Nhưng các vị trong Giáo Hội Tăng Già Nam Việt thấy rằng cần phải có một bản dịch chính đôn hơn, để cho chư Tăng cũng như các vị cư sĩ thọ Bồ tát giới có bản để tụng, để Bồ tát. Do đó cho nên, yêu cầu tôi dịch nên thành ra mới có bản này. Lúc đó ngài Hòa thượng Huệ Quang làm Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt. Sau khi tôi dịch rồi, thì đệ lên Giáo Hội và Giáo Hội có triệu tập một ban để kiểm duyệt. Sau khi kiểm duyệt rồi, thì nhận định bản dịch của tôi có phần giá trị xứng đáng có thể lưu hành được để trong hàng Tăng giới cũng như tại gia thọ Bồ tát giới để thọ trì và tụng niệm.

Do đó cho nên mới để chứng minh do Hòa thượng Huệ Quang Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

*

PHÂN NGUYÊN VĂN CỦA KINH

Đầu tiên nói về Đức Phật Lô Xá Na. Danh từ Lô Xá Na Phật thường để chỉ chung cho báo thân của Phật. Chư Phật đều có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Ứng thân.

Pháp thân gọi là Tỳ Lô Giá Na.

Báo thân gọi là Lô Xá Na.

Lô Xá Na chỉ cho phần viên mãn quả đức. Chư Phật đã nhiều kiếp tu hành ở nơi phước và trí. Sự tu hành về phước và trí đó trong nhiều đời thuộc về ở nơi nhơn địa, nhơn địa hoàn mãn thì kết thành quả địa. Nhơn địa là Bồ tát, còn quả địa là Phật.

Quả địa là cái báo mà nhơn địa Bồ tát được, cũng như mình tạo nghiệp thì có báo, tạo nghiệp người thì có báo người, tạo nghiệp trời thì có báo trời. Chư vị Bồ tát cũng vậy, tạo nghiệp Phật, cho nên thành báo Phật. Báo Phật thường gọi là thành Phật. Bây giờ đã có báo Phật, tất nhiên có thân Phật. Thân Phật đó do nơi nhơn Phật mà cảm thành thì gọi là Lô Xá Na cho nên Lô Xá Na là báo thân Phật vậy.

Thứ ba thuộc về Ứng thân Phật.

Sau khi thành Phật, chư Phật đều tùy theo cơ duyên của chúng sanh, ở mỗi một thế giới ứng hiện thân cho vừa theo căn cơ của mọi loài chúng sanh để độ, để giáo hóa. Ứng thân đó vô lượng, vì chúng sanh có vô lượng loài, vô lượng căn cơ, cho nên thân Phật ứng hiện cũng vô lượng.

Phật ứng hiện trong cõi Ta bà thế giới này, trong thời kỳ theo căn cơ của chúng sanh hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Nên biết

rằng hiệu Thích Ca Mâu Ni đó chỉ là hiệu Phật theo căn cơ chúng sanh trong một thời kỳ đó thôi. Phật vì rằng đã theo căn cơ chúng sanh, nếu ở một thế giới khác và căn cơ chúng sanh đó lại khác, ngôn từ cũng khác thì hiệu Phật cũng theo nơi đó mà có khác.

Tóm lại, Phật nào cũng có ba thân: Pháp thân chính là thể tánh Phật. Báo thân Phật là thân quả báo. Từ nơi thân thiết của Phật tùy theo cơ cảm của chúng sanh mà biến hóa nhiều thân để độ chúng sanh mà biến hóa nhiều thân để độ chúng sanh, thân đó gọi là Ứng hóa thân.

Ứng thân và Hóa thân khác nhau thế nào?

Ứng thân mỗi khi hiển hiện ra theo căn cơ chúng sanh để độ thì có từng giai đoạn, gọi là phần căn cứ về lịch sử. Cũng như đức Thích Ca Mâu Ni Phật, trước đó có: Giáng thân, thọ thai nơi vương cung Tịnh Phạn ở nước Ca Tỳ La Vệ, Thiên Trúc. Rồi sanh ra làm thái tử Tất Đạt Đa. Lớn lên xuất gia tu hành thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Sau khi thành Phật, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Từ khi xuất xứ cho đến kết cuộc, cũng đúng theo căn cơ của chúng sanh, cũng phải từ nơi mẹ sanh ra, rồi lớn lên, tạo sự nghiệp, rồi cũng già chết. Đức Phật cũng vậy. Sau khi thuyết pháp xong, công việc đã hoàn tất, đức Phật nhập Niết Bàn, đó gọi là Ứng Thân Phật. Còn Hóa Thân Phật cũng tùy trường hợp, chỉ có trong tùy lúc tùy thời mà thôi.

Chúng sanh đủ duyên, cần được khỏi khổ, được vào đạo, Phật tùy theo đó mà hiện thân, để cho chúng sanh được thấy và giáo hóa họ. Không biết thân đó xuất xứ từ đâu, mà không biết đi về đâu, không có sự giáng sanh, cũng không phải có sự nhập Niết Bàn, đó gọi là Hóa Thân. Ứng Thân và Hóa Thân là những thân tùy theo cơ duyên của chúng sanh để độ. Như vậy, Ứng Thân và Hóa Thân có khác nhau. Ví như đức Quán Thế Âm Bồ tát cũng có Hóa Thân với Ứng Thân. Ứng Thân là

phần lịch sử, hoặc sanh trong nhà vua, lớn lên thế nào, rồi tu hành, rồi đắc đạo. Đó gọi là Ứng Thân của Ngài Quán Thế Âm Bồ tát.

Còn Hóa thân là tử như có người đang bị tai nạn, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm, lúc đó hoặc thấy có một bà già hiện đến cứu người ra khỏi tai nạn, rồi biến mất đi đâu. Như vậy gọi là Hóa Thân. Sau khi được cứu khổ rồi mới trực nhận rằng mình niệm đức Quán Thế Âm mới gặp được bà già, biết rằng đức Quán Thế Âm hiện đến cứu khổ cho ta.

Đức Lô Xá Na Phật, là Báo Thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, còn Thích Ca Mâu Ni là Ứng Thân của Phật Lô Xá Na vậy.

*

I. LÔ XÁ NA PHẬT

“Bấy giờ Đức Phật Lô Xá Na vì trong Đại chúng lược giảng Tâm Địa như chùng đầu sợi lông trong số trăm ngàn hằng hà sa bất khả thuyết pháp môn”.

Pháp môn của chư Phật giáo hóa chúng sanh có vô lượng vô biên. Đức Phật Lô Xá Na giảng pháp Tâm Địa này là một phần nhỏ trong pháp môn của Phật nói, nên gọi là chùng đầu sợi lông mà thôi, để nói lên một phần rất nhỏ đối với pháp môn của Phật đã dạy. Ngài kết:

“Tâm Địa đây chính là lời của tất cả Phật thời quá khứ đã giảng, tất cả Phật thời vị lai sẽ giảng và tất cả Phật thời hiện tại đương giảng. Cũng là pháp môn mà tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đương học”.

Giảng “Tâm Địa” đây là giảng cho chư vị Bồ tát theo đó mà học. Do đó tất cả Bồ tát quá khứ, hiện tại và vị lai đều đã học, đương học, sẽ học. Cho nên biết rằng chúng ta đây đã

nhiều đời trồng thiện căn sâu dày, mới gặp được phẩm Tâm Địa này để học hỏi, phụng trì, chúng ta phải thận trọng pháp Tâm Địa này!

“Ta” đây là chỉ cho đức Phật Lô Xá Na, vì trong lúc đó đức Phật đang giảng:

“Ta đã từng trăm A tăng kỳ kiếp tu tập Tâm Địa này, do đó Ta được hiệu là Lô Xá Na. Chư Phật, các Ngài đem lời giảng của Ta đây hầu mở con đường “Tâm Địa” cho hết thấy chúng sanh”.

Tâm Địa này là đức Phật Lô Xá Na đã giảng và chứng được. Chứng được Tâm Địa đây, đức Phật nói đã từng tu trăm a tăng kỳ kiếp mới được viên mãn quả Phật. Còn chư Phật là đức Phật Lô Xá Na gọi Phật Thích Ca. Trong khi Phật Thích Ca đang ngồi nghe đức Phật Lô Xá Na nói pháp Tâm Địa, không phải một đức Phật Thích Ca mà có nhiều đức Phật Thích Ca, nên đoạn sau có nói đến số lượng.

Sở dĩ cần phải mở con đường Tâm Địa cho chúng sanh vì chúng sanh bị khổ sanh tử trong tam giới, bởi vì không biết được Tâm Địa. Chỉ biết thân cảnh, rồi bị thân cảnh chi phối. Cho nên ba nghiệp cũng bị sự chi phối thân cảnh, do đó có chấp. Do chấp sanh ra phiền não: tham, sân, si. Rồi đối cảnh thuận thì tham, cảnh trái nghịch thì sân. Ở trong đó không nhận được thiệt sự thiệt lý nên sanh ra si mê.

Do chấp thân cảnh, sanh ra phiền não tham, sân, si tất nhiên có hành động, tạo nghiệp lành, dữ, gọi là nghiệp hữu lậu, để kết thành quả sanh tử luân hồi ở trong tam giới này. Nghiệp dữ thì quả báo tam đồ khôn khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghiệp lành thì hưởng quả vui như thiên, nhưng quả vui hay khổ đều ở trong vòng sanh tử luân hồi cả.

Do vì theo ở nơi thân cảnh cũng gọi rằng chạy theo trần lao nên có sanh tử. Muốn thoát khỏi sanh tử thì đừng chạy

theo thân cảnh nữa, mà phải quay trở về “Tâm Địa”. Cho nên nói mở con đường “Tâm Địa” cho hết thấy chúng sanh. Con đường “Tâm Địa” đây không phải là mới có, nó có sẵn nơi tất cả chúng sanh, cũng như chư Phật. Nhưng chư Phật đã đi vào trong đó và chúng được nơi đó. Còn chúng sanh cũng đầy đủ “Tâm Địa” mà không hay không biết, cứ chạy theo trần cảnh, do đó bị bít lấp. Bây giờ chư Phật khai phát nó ra cho chúng sanh được nghe, được biết, được thấy, để chúng sanh đi vào trong đó mà hiển phát nơi diệu dụng của “Tâm Địa”. Việc mà chư Phật làm cho chúng sanh vào trong “Tâm Địa” của chúng sanh, gọi là chư Phật ở trong “Tâm Địa” chúng sanh.

Nhưng kỳ thiệt, “Tâm Địa” không phải là con đường, đã không phải con đường thì tức nhiên đâu có nghĩa là mở hay đóng. Nhưng vì chúng sanh không nhận biết, bỏ rơi cái mình sẵn có thành ra đối với chúng sanh, thì chúng sanh không nhận biết, như là bị lấp bít. Mà chư Phật làm cho chúng sanh nhận biết được thì đó là chư Phật khai phát vậy.

Sao gọi “Tâm Địa” là con đường? Nếu chúng sanh nào nhận thấy được “Tâm Địa”, rồi cứ y theo để tu, thì từ phàm phu trở thành bậc Thánh, từ nơi chúng sanh thành Phật. Như vậy, “Tâm Địa” có nghĩa là con đường để đưa chúng sanh từ chỗ này đến chỗ kia, từ nơi chúng sanh sanh tử mà thành Phật toàn giác giải thoát. Cho nên nói mở con đường, theo ý nghĩa và công dụng mà đặt tên những danh từ thôi, chớ thiệt không có gì gọi là mở, cũng không gì gọi là con đường riêng.

“Liền đó, từ trên tòa Thiên quang sư tử rực rỡ nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, đức Phật Lô Xá Na phóng ra những tia sáng. Trong tia sáng ấy có tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu: “Các Ngài thọ trì phẩm Tâm Địa Pháp Môn của Ta đây, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca cùng tất cả chúng sanh. Ai nấy đều nên thọ trì đọc tụng và nhứt tâm vâng làm”.

Sau khi phú chúc, đức Phật Lô Xá Na liền phóng ra tia sáng nơi tòa Thiên quang sư tử, nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, là chỗ ngự của đức Phật Lô Xá Na. Những tia sáng mà đức Phật Lô Xá Na phóng ra trong tia sáng đó có tiếng nói, tiếng nói với chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu, khuyên chư Phật nên thọ trì phẩm **“Tâm Địa Pháp Môn”** của Phật Lô Xá Na, rồi tuần tự đem giảng lại cho nghìn trăm ức Thích Ca và tất cả chúng sanh. Như vậy, trên nghìn cánh sen báu, mỗi cánh sen có một đức Phật ngự.

Nếu người nào mà theo trong đây đã dự vào hàng chư Phật, vì sao? Vì pháp này chư Phật đều thọ trì, đọc tụng và nhứt tâm vâng làm. Không phải chỉ là Bồ tát mới thọ trì, đọc tụng và nhứt tâm vâng làm.

Số ngàn trăm ức Thích Ca đó, thường hiệu danh hiệu đức Phật Thích Ca là thiên bá ức, là ngàn trăm ức.

“Sau khi lãnh thọ phẩm **“Tâm Địa Pháp Môn”, chư Phật đang ngự trên nghìn cánh sen báu cùng nghìn trăm ức Thích Ca đồng đứng dậy rời khỏi tòa Sư tử. Toàn thân các Ngài chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng ấy đều hóa hiện vô lượng Đức Phật, đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp, xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na. Cúng dường xong chư Phật từ tạ trở về”**.

Nơi đức Phật ngự gọi là tòa sư tử. Tòa sư tử đó, không phải là tướng của sư tử, mà bất cứ nơi nào Phật ngự đều gọi là tòa sư tử cả? Vì sao? Vì đức Phật là bậc tự tại đối với tất cả mọi loài, tất cả người đều kính phục, cũng như sư tử đối trong tất cả loài muôn thú tự tại không e sợ gì cả, bởi vì sư tử là chúa tể trong các loài và khi có tiếng sư tử rống lên thì tất cả muôn thú đều khiếp sợ, nép phục, cho nên lấy sư tử để biểu hiện cho sự tự tại vô ngại vô úy của đức Phật. Vì thế nên chỗ Phật ngự gọi là tòa vô ngại vô úy, là tòa sư tử.

“Toàn thân của chư Phật đều chiếu ra vô số tia sáng. Trong mỗi tia sáng hóa hiện vô lượng đức Phật, nghĩa là nơi thân thì chiếu ra vô số tia sáng, cứ mỗi tia sáng hóa hiện vô lượng đức Phật. Đồng thời tung lên vô lượng hoa đẹp có đủ bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng để cúng dường đức Phật Lô Xá Na, cúng dường xong chư Phật từ tạ trở về”.

Đây là thuật lại cảnh mà chư Phật cúng dường Phật Lô Xá Na trước khi từ tạ trở về thế giới của mình đương giáo hóa.

Nên biết rằng chư Phật là một ngàn đức Phật cùng trăm ức đức Thích Ca đem Đại chúng đến nghe đức Phật Lô Xá Na giảng pháp ở Liên Hoa Đài Tạng, nghe xong trước khi trở về thế giới của mình thời hiện lên sự cúng dường Phật Lô Xá Na. Cúng dường đây, chư Phật không có cái trực tiếp cúng dường.

Sau khi rời khỏi thế giới Liên Hoa Đài Tạng (chỗ đức Phật Lô Xá Na) chư Phật không trở về thế giới của mình bằng cách thường, mà nhập vào chánh định. Chánh định đó tên là “Thể tánh hư không Hoa Quang”.

Trong khi nhập chánh định “Thể tánh hư không Hoa Quang” đó là chư Phật trở về nơi chốn cũ, dưới cội Bồ đề nơi cõi Diêm Phù, là Bồ Đề Đạo Tràng.

“Sau khi ra khỏi chánh định Thể tánh hư không Hoa Quang, Đức Phật mới ngự trên tòa Kim Cương Thiên Quang Vương và Diệu Quang Đường mà giảng về Thập Thế Giới Hải”.

Chư Phật nhập chánh định, trong khi nhập định đó trở về nơi đạo tràng. Khi về Bồ Đề Đạo Tràng rồi, chư Phật mới xuất định nên nói rằng, đức Phật mới ngự nơi tòa Kim Cương Thiên Quang Vương, là tòa nơi cội Bồ đề, nói tắt là Kim Cang tòa.

Tòa Kim Cang này rất sâu cho đến đặng Kim Cang tế. Khi Bồ tát sắp sửa thành Phật, thì lên ngôi trên tòa Kim Cang

đề nhập Kim Cang định, khi nhập Kim Cang định rồi, mới được thành Phật. Khi nhập Kim Cang định tất nhiên có sự chấn động mạnh, thì những chỗ khác không thể nào có sức chịu đựng nổi sự chấn động đó, phải sụp, phải lở, chỉ có tòa Kim Cang này chịu đựng được mà thôi, cho nên tòa Kim Cang sâu đến Kim Cang tế, chứ không phải là lưng chừng giữa, mới có thể chịu đựng được sức chấn động, khi Bồ tát nhập Kim Cang định.

Ta có thể hiểu như thế này, khi đủ duyên thì tòa Kim Cang hiện ra, khi Chư Phật ẩn đi, thì tòa Kim Cang lặn, sau khi Phật đã rời khỏi tòa Kim Cang rồi, đi thuyết pháp cho đến nhập diệt. Do đó cho nên nói dưới cội Bồ đề có tòa Kim Cang, nay chúng ta đến cội Bồ đề hiện còn bên Ấn Độ chỉ là đá.

Tòa Kim Cang Thiên Quang Vương dưới cội Bồ đề là cõi của chúng ta đây, còn Diệu Quang Đường là nơi cung trời của Tứ Thiên Vương. Trên trời Tứ Thiên Vương có một tòa nhà gọi là Diệu Quang Đường. Tòa nhà đó là nơi Phật ngự, nghĩa là Phật ngự nơi Bồ Đề Đạo Tràng, Kim Cang tòa đó và nơi cung trời Tứ Thiên Vương giảng về Thập Thế Giới Hải.

“Rồi đức Phật giảng pháp Thập Trụ nơi cung trời Đế Thích, giảng pháp Thập Hạnh nơi cung trời Diêm Ma, giảng pháp Thập Hội Hương, nơi cung trời Đâu Suất, giảng pháp Thập Thiên Định nơi cung trời Hóa Lạc, giảng pháp Thập Địa nơi cung trời Tha Hóa, giảng pháp Thập Kim Cang nơi cõi Sơ Thiên, giảng pháp Thập Nhẫn nơi cõi Nhị Thiên, giảng pháp Thập Nguyện nơi cõi Tam Thiên và sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương. Đức Phật giảng phẩm Tâm Địa Pháp Môn mà thuở trước đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng”.

Sau khi giảng về Thập Thế Giới Hải ở cung trời Tứ Thiên Vương và Bồ Đề Đạo Tràng rồi, đức Phật ngự nơi cung trời

Đế Thích để giảng pháp Thập Trụ. Cung trời Đế Thích là cõi trời Đao Lợi mà Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn, là chúa của cõi đó.

Thích Đề Hoàn Nhơn là danh hiệu của Thiên Đế, còn gọi Thiên Vương vậy, là vua trời Đao Lợi, cõi trời thứ hai ở cõi Dục. Nơi đó đức Phật giảng pháp Thập Trụ, rồi đức Phật đến cung trời thứ ba (Diệm Ma, có chỗ gọi là Dạ Ma) giảng pháp Thập Hạnh. Sau đó đến cõi trời thứ tư (Đâu Suất) giảng pháp Thập Hồi Hương, rồi đến cõi trời thứ năm (Trời Hóa Lạc) giảng pháp Thập Thiên Định, rồi đến cõi trời thứ sáu (Trời Tha Hóa) giảng pháp Thập Địa.

Cõi Dục có sáu tầng trời, bắt dưới tính lên, thì trời Tứ Thiên Vương là kế thế giới Ta đây, trên Tứ Thiên Vương Thiên thì có Đao Lợi Thiên, rồi đến Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, rồi đến Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Đức Phật rời cõi Dục, đến cõi Sắc. Nơi trời Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên. Sau cùng ở Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương mà giảng phẩm **Tâm Địa Pháp Môn** của đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng.

“Tất cả nghìn trăm ức đức Thích Ca ở nơi thế giới của mình đều giảng nói như thế cả”.

Đây là thuật lại việc thuyết pháp ở nơi các tầng trời của đức Phật Thích Ca, từ nơi Bồ Đề Đạo Tràng, đến cõi trời Tứ Thiên Vương, rồi đến cung trời Đao Lợi, lần lượt cho đến cung trời Tứ Thiên.

Một đức Thích Ca cho đến nghìn trăm ức đức Thích Ca đều hiện thân ở các cõi trời và đều giảng nói những pháp đồng như vậy cả. Không phải chỉ có một ứng thân của Phật Thích Ca mà có đến nghìn trăm ức ứng thân Thích Ca Mâu Ni.

Trong đây nói phẩm Hiền Kiếp là một phẩm trong kinh Phạm Võng này.

II. THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Phần I trên nói về nhơn duyên của đức Lô Xá Na truyền pháp **Tâm Địa Pháp Môn**, mà đức Thích Ca Mâu Ni lãnh thọ.

“Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc sơ khởi hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến tại cung của Thiên Vương tuyên nói kinh Ma Thọ Hóa. Sau đó Ngài giáng sanh nơi cõi Nam Diêm Phù Đề tại nước Ca Tỳ La, vua Bạch Tịnh là thân phụ và Hoàng Hậu Ma Gia là sanh mẫu. Nhũ danh của Ngài là Tất Đạt Đa. Xuất gia bảy năm, ba mươi tuổi thành đạo hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật”.

PHẬT THÍCH CA. Trước khi giáng sinh nơi cõi Diêm Phù, Ngài đã hiện thân nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng, rồi qua phương Đông đến cung của Thiên Vương, như trong sử nói trước khi giáng sanh, Ngài ngự nơi Đâu Suất Thiên cung nói kinh Ma Thọ Hóa. Trong tạng không có bộ kinh này, chỉ thấy nhắc ở đây thôi. Năm ba mươi tuổi thành đạo, hiệu Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong sử nói đức Phật năm 19 tuổi xuất gia, cầu đạo năm năm, đến nơi núi tuyết tu khổ hạnh sáu năm. Rồi rời nơi khổ hạnh đến ngồi dưới cội Bồ đề 49 ngày thành Phật. Tại sao ở đây nói xuất gia bảy năm? Ý nói từ khi đức Phật tự mình tìm đạo, lúc đó mới chính thức gọi là xuất gia, còn lúc chạy theo nhóm ngoại đạo tu khổ hạnh gọi là rời cung vua mà thôi.

Khi đức Phật nhận thấy nhóm ngoại đạo không thiết thực giải thoát, nên Ngài suy nghĩ: Đạo giải thoát, mình nên tự tìm lấy mà thôi, rồi mới tự tu khổ hạnh để tự tìm đạo giải thoát.

Trong lúc đó bỏ ăn bỏ ngủ, trải qua như vậy sáu năm, đó mới gọi là chính thức xuất gia. Sáu năm khổ hạnh và 49 ngày tịnh tọa dưới cội Bồ đề, như vậy là bảy năm, nên nhớ ý nghĩa này. Khi rời khỏi chỗ tu khổ hạnh cũng phải trễ một thời gian,

trong sử có nói: Nào là thọ sự cúng dường sữa, rồi đi tắm, việc này việc kia, cũng phải tốn thời gian. Nhưng thời gian trong sử không nói nhứt định bao lâu. Chỉ nói Ngài đến cội Bồ đề trải cỏ trên tòa Kim Cang ngồi kiết già. Rồi nói nếu không thành Phật nhứt định không rời nơi đây. Bởi vậy cộng lại hơn sáu năm, nên trong đây gọi là bảy năm đó vậy.

“Từ Bửu Tòa Kim Cang Hoa Quang nơi Đạo Tràng Tịch Diệt nhĩn đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, trong mười nơi ấy đức Phật tuần tự ngự đến thuyết pháp”.

Bửu Tòa Kim Cang Hoa Quang, tức là Kim Cang Tòa, ở dưới cội Bồ đề, gọi là Đạo Tràng Tịch Diệt, thì thường gọi là Bồ Đề Đạo Tràng, hay Tịch Diệt Đạo Tràng.

Nhĩn đến nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, Phật đến nơi Tứ Thiên nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương.

Từ nơi Đạo Tràng Tịch Diệt, Phật mới đến trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, lần lần đến Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên. Đây chỉ nhắc lại tất cả có mười chỗ.

Như trong kinh Hoa Nghiêm nói, khi đức Phật đến cung trời Đâu Suất mà giảng về Thập Hội Hương cũng hết bốn, năm quyển vậy. Đức Phật còn ngự ở nơi cung trời Tứ Thiên chỗ của Đại Tự Tại Thiên Vương, tiếp tục nói.

“Lúc đó, nhưn khi xem bửu tràng mảnh lưới của Đại Phạm Thiên Vương, đức Phật vì Đại chúng mà giảng kinh Phạm Vũng”.

Trong lúc đang ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương Đức Phật thấy Bửu tràng mảnh lưới giảng che kết những hột Ma ni, Ngài lấy nơi mảnh lưới mà làm thí dụ, để giảng kinh Phạm Vũng.

Ngài dạy rằng: **“Vô lượng thể giới dường như là lỗ lưới. Mỗi thể giới đều khác nhau cả, khác nhau đến số vô lượng. Giáo pháp của Phật cũng như vậy”.**

Nghĩa là trong khoảng hư không có vô lượng thế giới, thế giới này ở nơi đây, thế giới kia ở nơi kia. Cũng giống như hạt châu Ma ni kết thành lưới báu này. Thì trong mỗi thế giới đều khác nhau cả, cũng như mỗi hạt châu Ma ni, hạt này không phải là hạt kia, mà số nó vô lượng, sự khác nhau cũng vô lượng, cho nên thế giới nào cũng khác nhau cả, giáo pháp của Phật cũng như vậy.

Đó là lược nói Phật dùng nơi lưới báu để thí dụ. Một là lấy những hạt châu Ma ni kết thành lưới để dụ cho những thế giới ở không gian này cũng có vô lượng. Rồi cái vô lượng kết thành hư không giới trong pháp giới này, cũng như vô lượng hạt châu Ma ni đó khác nhau, mà nó kết lại thành màn lưới.

Pháp môn của Phật dạy cũng nhiều vô lượng và khác nhau vô lượng như vậy. Nhưng nó cũng kết với nhau thành pháp của Phật là Phật pháp.

Đây là kinh Phạm Võng. Võng là màn lưới, Phạm là Đại Phạm Thiên Vương. Vì đức Phật đang ngự nơi cung của Đại Phạm Thiên Vương. Ngài thấy màn lưới kết thành những hạt châu Ma ni, nhân đó đức Phật chỉ nơi đó mà nói.

Những pháp môn của Phật nhiều vô lượng chung kết lại với nhau thành ra Phật pháp. Cho nên lấy thí dụ màn lưới của Thiên Vương. Kinh này lấy dụ mà đặt tên là “PHẠM VÕNG”.

“Đức Phật đã tám nghìn lần đến thế giới Ta bà này, ngự trên Bửu Tòa Kim Cương Hoa Quang nhĩn đến ngự nơi cung của Đại Tự Tại Thiên Vương, lược giảng “Tâm Địa Pháp Môn” cho cả thầy Đại chúng trong những pháp hội ấy”.

Phật ngự đến tám nghìn lần, tức nhiên có tám nghìn lần Đại chúng tụ tập nơi cung trời Đại Tự Tại Thiên Vương và đã tám nghìn lần đức Phật đã lược giảng **Tâm Địa Pháp Môn** này. Rồi kiết tập thành kinh Phạm Võng phẩm **Tâm Địa Pháp**

Môn, là lần thứ tám nghìn. Đoạn trước có nói không phải chỉ đức Phật Lô Xá Na nói nơi đây mà thôi. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã nói, sẽ nói, hiện tại đang nói.

“Sau đó từ cung của Thiên Vương, đức Phật trở xuống ngự dưới cội Bồ đề nơi cội Diêm Phù, vì tất cả chúng sanh trên quả đất này, hạng người phạm ngu tối mà giảng một giới pháp Kim Cang Quang Minh Bửu Giới. Giới này là lời thường trì tụng của Phật Lô Xá Na, khi Ngài mới phát Bồ đề tâm trong thời kỳ tu nhơn của Ngài. Giới pháp này cũng chính là bản nguyên của tất cả Phật, là bản nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật tánh”.

Sau khi mãn thời thuyết pháp nơi cung Đại Tự Tại Thiên Vương, đức Phật mới trở xuống quả đất này, nơi Bồ Đề Đạo Tràng vì tất cả chúng sanh là hạng phạm phu ngu tối mà giảng giới pháp này, là Bồ tát giới này. Còn có tên là Kim Cang Quang Minh Bửu Giới.

Giới pháp này là lời trì tụng của Phật Lô Xá Na khi Ngài mới phát Bồ đề tâm trong thời kỳ tu nhơn của Ngài. Mà do Ngài thường trì tụng. Tụng thuộc lòng, thuộc lòng ở nơi tâm rồi theo đó mà thọ trì gọi là trì tụng.

Trong giới pháp này có tên là Kim Cang Quang Minh Bửu Giới, là chỉ giới Bồ tát này. Tại sao? Vì giới Bồ tát đây có ba tụ:

Thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới.

Thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới.

Thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới.

Nhiếp luật nghi giới, là dứt tất cả điều ác, điều sai xấu, để dứt sạch phiền não vô minh mà chứng được Niết Bàn. Như vậy, Niết Bàn chứng được là do dứt trừ tất cả điều ác. Quả Đại Niết Bàn là pháp thân thanh tịnh của Phật. Thể chất

Kim Cang bền chắc, không bao giờ đổi và không lộn một thứ gì trong đó, hoàn toàn trong sạch, dụ cho quả Đại Niết Bàn. Quả Niết Bàn do Nhiếp luật nghi giới mà thành, cho nên có tên là Kim Cang.

Đức Phật khi đã dứt hết tất cả điều ác và viên mãn tất cả điều lành và pháp thứ hai trong giới Bồ tát này gọi là Nhiếp thiện pháp giới. Mà tất cả pháp lành khi đã thành tựu rồi, tức là thành tựu Trí giác. Đó là đại Bồ đề mà Phật đã chứng. Trí giác là nghĩa sáng suốt nên giới Bồ tát này tên kế là Quang Minh. Đây là tụ thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới.

Bồ tát nương nơi Nhiếp thiện pháp giới, thực hành những điều lành để được đầy đủ trí huệ đến bậc Toàn Giác, thành tựu quả đại Bồ đề và Bồ tát phải làm lợi ích chúng sanh. Do vì làm lợi ích chúng sanh mà Bồ tát thành tựu được quả Ứng Hóa Thân. Bồ tát lấy tâm đại bi làm động cơ làm lợi ích chúng sanh. Trong ba tụ giới của Bồ tát thuộc về Nhiếp thiện pháp giới. Do đó, giới Bồ tát có tên là Bửu. Bửu là báu, chất báu như châu ngọc vàng, bạc, tất nhiên hưởng được hạnh phúc sung sướng. Cho nên lấy Bửu để dụ cho giới Bồ tát, là năng lực làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, từ nơi đó Bồ tát thành tựu được Ứng Hóa Thân Phật.

Giới Bồ tát này có tên là Kim Cang Quang Minh Bửu. Kim Cang là chỉ cho thể chất bền chắc trong sạch. Do Nhiếp luật nghi giới Bồ tát ngăn dứt tất cả điều ác, làm tất cả điều lành, nương nơi trí huệ chúng được đại Bồ đề.

Rời giới thể, giới tánh thì khó tỏ ngộ. Còn nơi giới tướng là 58 giới sau, dù cố gắng thọ trì bất quá cũng theo thứ tự mà thôi, chứ nếu mất thể rồi thì công đức trì giới tướng không bằng, tỏ ngộ được thể mới là chơn thiệt thọ trì.

Nên điều này quan trọng, dầu có khó, có sâu, thực hành phải để ý lắm, rồi có lúc nào đó được tỏ ngộ. Bằng không, không biết lấy duyên gì để tỏ ngộ tánh thể của giới.

Giới Bồ tát, chính là bản nguyên của tất cả chư Phật, là bản nguyên của tất cả Bồ tát và là chủng tử của Phật tánh.

Giới Bồ tát này từ Tâm Địa mà có, cho nên trong quyển này gọi là “**Tâm Địa Pháp Môn**”. Tâm Địa ở đây thường gọi là bản tâm tự tánh của mình, chính là cái chơn tâm, từ trong chơn tâm bản tánh có giới Bồ tát này.

Chơn tâm bản tánh của tất cả, không luận là Phật hay chúng sanh, cho nên nói giới đây là bản nguyên của tất cả Phật, vì tất cả Phật cũng từ tự tâm bản tánh đó.

Nhưng tất cả Phật hiển hiện thọ dụng được nơi tự tâm bản tánh, vì thế nên cũng là bản nguyên của Bồ tát.

Tự tâm bản tánh đó tất cả chúng sanh đang có, muốn thành Phật phải từ nơi đó mà thành, cho nên nó chính là Phật chủng, là chủng tử của Phật tánh.

Thọ trì, thực hành giới Bồ tát này, là ươm giống Phật tánh. Có giống rồi, tất nhiên có một ngày nào thành cây, đơm bông kết trái, thành Bồ tát rồi thành Phật.

“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tất cả ý thức, sắc, tâm là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh. Vì chắc chắn thường có chánh nhơn, nên chắc chắn Pháp thân thường trụ”.

Ở trên nói giới pháp này là chủng tử của Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng phải nắm lấy chủng tử Phật tánh, mà giới Bồ tát đây là chủng tử của Phật tánh. Cho nên muốn hiển phát thọ dụng được để thành Phật, thì phải lấy giới Bồ tát này làm chủng tử.

Câu: “**Tất cả ý thức, sắc, tâm, là tình, là tâm đều vào trong phạm vi giới pháp Phật tánh**” có thể nói tất cả pháp đều ở trong phạm vi giới pháp Phật tánh này. Giới pháp này y cứ nơi tự tâm bản tánh để thực hành, mà giới pháp đây là

chúng tử để thành Phật - chúng tử thành Phật đó, lại sẵn có nơi tất cả chúng sanh. Có Phật tánh là có chánh như thành Phật, cho nên nói “**chắc chắn thường có chánh như... chắc chắn pháp thân thường trụ**”.

Pháp thân Phật vẫn thường trụ. Từ pháp thân hiện ra diệu dụng là trí huệ thần thông, phước đức của một vị Phật. Ngược lại, chúng sanh thì quên mất bản tánh nên mãi si mê điên đảo, khổ não.

Như vậy, Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ: tỏ ngộ hiển phát được pháp thân thường trụ là Phật. Ngược lại là chúng sanh, chớ pháp thân thường trụ, thì Phật và chúng sanh không khác.

Như vậy, ta tin tưởng có thể thành Phật, nếu chúng ta chịu y theo giáo pháp Phật để thực hành, vì đức Phật đã từng y theo Pháp đó thực hành rồi thành Phật.

Điều quan trọng là những người chưa phát tâm để thành Phật, hoặc có phát tâm mà chưa có sự thực hành pháp của Phật dạy, nếu ta phát tâm tất nhiên có sự tin tưởng rằng ta có khả năng thì mới có sự đồng mãn... Nhờ sự tin tưởng chắc đó, nên khi thực hành pháp để thành Phật không còn nghi ngờ và trễ nãi. Cũng như người thợ vàng nhận biết được ở trong khối quặng đó có vàng, rồi nấu luyện khối quặng vàng ấy thành vàng mà người thợ đó không còn nghi ngờ gì cả. Nghĩa là trong lúc đó dù có nhọc nhằn ngày đêm, dù có mỗi một, vẫn một mực sốt sắng làm việc, luyện khối quặng cho thành vàng. Được vậy, là do có sự tin tưởng chắc rằng khối quặng ấy có vàng thiệt vậy.

Trên đường tu hành để thành Phật cũng như vậy, phải có đủ niềm tin rằng ta có khả năng thành Phật. Nhờ tin như vậy nên ở nơi công hạnh của ta không có sự nghi ngờ. Và biết chắc rằng mình và Phật vẫn đồng pháp thân trường trụ không khác, gọi là Phật tánh.

“Mười Ba La Đề Mộc Xoa như thế xuất hiện trong đời. Giới pháp này là chỗ kính trọng thọ trì của tất cả chúng sanh trong ba thuở”.

Trong giới Bồ tát có mười giới trọng, cho nên đây nói mười Ba La Đề Mộc Xoa, Ba La Đề Mộc Xoa là tên của giới. Có nghĩa là bảo đảm được giải thoát, nên hành trì đúng với giới pháp này.

Tất cả chúng sanh trong đời đều có tự tâm bồn tánh, cũng đều có Phật tánh. Như vậy, giới này từ nơi tự tâm bồn tánh mà lập. Cho nên tất cả chúng sanh trong ba đời muốn thành Phật phải kính trọng thọ trì giới pháp này.

“Giờ đây đức Phật sẽ vì trong Đại chúng mà giảng lại giới phẩm vô tận tạng, là giới phẩm của tất cả chúng sanh, bồn nguyên tự tánh thanh tịnh”.

Trong đây nhắc lại giới phẩm của tất cả chúng sanh. Vì giới phẩm này từ nơi bồn tâm tự tánh của chúng sanh mà lập ra. Bồn nguyên tự tánh thanh tịnh đó của tất cả chúng sanh, chính là giới phẩm của tất cả chúng sanh.

Tóm tắt bồn tánh của ta không có sát sanh, cho nên trong giới mới có giới không sát sanh, vì tự tâm bồn tánh bồn lai là không sát hại, bồn lai không tham lam. Do đó, có giới không trộm cướp.

Tự tâm, bồn tánh vẫn ngay thẳng nên có giới không nói dối (vọng ngữ), nó thuận đúng theo tự tâm, bồn tánh vậy. Ta tham lam, vọng ngữ, sát hại là ta làm trái với tự tâm, bồn tánh rồi, mà đã trái, tất nhiên đi ngược lại, ta phải làm đúng với công dụng của tự tâm bồn tánh. Nhờ vậy, ta mới đi vào được trong tự tâm bồn tánh.

Tất cả giới đều trong đây, là cứ ở tự tâm bồn tánh, vì sao? Vì để chúng sanh y theo đó mà thuận với tự tâm bồn tánh, đã có thuận thì có sự nhập là chứng.

Bài kệ sau đây thuật lại đại ý đoạn trên.

**“Nay Ta là Lô Xá Na,
Đương ngồi trên đài Liên Hoa.
Trên nghìn cánh sen đơm vòng,
Lại hiện ra nghìn Thích Ca.
Mỗi cánh sen trăm ức cồi,
Mỗi cồi một Phật Thích Ca.
Đều ngồi dưới cội Bồ đề,
Đồng thời thành Chánh giác đạo.
Nghìn trăm ức Phật như vậy,
Lô Xá Na là bản thân.
Nghìn trăm ức Phật Thích Ca.
Đều đem theo vi trần chúng,
Cùng nhau đến tại chỗ Ta.
Để nghe Ta tụng Phật giới,
Ta liền giảng môn Cam lộ.
Bây giờ nghìn trăm ức Phật.
Trở về đạo tràng của mình”.**

Đây là đạo tràng của đức Phật Lô Xá Na. Ngài đang ngự trên đài Liên Hoa Tạng thế giới, vì trên đài chung quanh chỗ đức Phật ngồi có một nghìn cánh sen. Trên mỗi cánh sen đều có một Phật Thích Ca. Mỗi cồi có một Phật Thích Ca, mà đây có trăm ức cồi. Do đó, có trăm ức Thích Ca trên mỗi cánh sen, có nghìn cánh sen, nên có nghìn trăm ức Phật Thích Ca. Cho nên nói:

**“Nghìn trăm ức Phật như vậy,
Lô Xá Na là bản thân”.**

Chỉ có một Lô Xá Na mà có nghìn trăm ức Phật Thích Ca. Mỗi Phật Thích Ca đều đem theo vi trần chúng đến chỗ Phật Lô Xá Na để nghe giới pháp. Giảng môn Cam lộ là giảng môn “**Tâm Địa Pháp Môn**” Bồ tát giới đây. Cam lộ cõi trời có thể làm cho người uống hết mọi tật bệnh, thân khỏe mạnh. Giới pháp Tâm Địa đây cũng vậy, làm cho người thọ trì dứt hết tất cả điều ác, thành tựu tất cả điều lành, được giải thoát được thành Phật.

**“Bây giờ nghìn trăm ức Phật,
Trở về đạo tràng của mình.
Đều ngồi nơi cội Bồ đề,
Tụng mười trọng, bốn mươi tám (giới khinh)
Giới của Bốn Sư Xá Na”.**

Khi nghìn trăm ức Phật Thích Ca nghe Phật Lô Xá Na giảng giới pháp, rồi chư Phật đều trở về đạo tràng của mình mỗi vị Phật giáo hóa một cõi. Trở về chỗ cũ là chỗ mình giáo hóa đó. Chư Phật đều ngồi dưới cội Bồ đề, tụng mười trọng, 48 giới khinh của Bốn Sư Xá Na đã thuyết ra.

Công dụng của giới:

**“Giới như vàng nhật nguyệt sáng,
Cũng như chuỗi báu ngọc châu.
Chúng Bồ tát như vi trần,
Do giới này mà thành Phật”.**

Giới pháp đây có sự chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng vậy, phá hết sự tối tăm ở thế gian, giới pháp làm cho người tu hành nương theo đó mà dứt phiền não, vô minh, tối tăm đem lại sự giải thoát an vui, tự tại, cũng như chuỗi ngọc châu làm cho khỏi nghèo nàn, đói rách vậy. Tất cả Bồ tát đều do giới này mà thành Phật cả, cho nên muốn thành Phật thì phải trì giới này vậy.

**“Đây là Đức Xá Na tụng
Ta đây cũng tụng như vậy”.**

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói: **Ta tụng giới pháp này, cũng như đức Lô Xá Na đã tụng trước kia, đức Lô Xá Na tụng như thế nào thì Ta đây cũng tụng như vậy.**

**“Các ông tân học Bồ tát,
Phải cung kính thọ trì giới.
Khi thọ trì giới này rồi,
Nên truyền lại cho chúng sanh”.**

Đức Thích Ca Mâu Ni nói với Đại chúng: “Những vị Bồ tát mới học là sơ phát tâm Bồ tát, khi thọ giới Bồ tát rồi kể là được vào trong trường học Bồ tát”.

Bồ tát là gì? Bồ tát quả vị cao, chúng được đến pháp thân, có những vị Bồ tát mới phát tâm để tu học thì gọi là tân học Bồ tát, đều phải cung kính thọ trì ở nơi giới Bồ tát. Thọ trì giới, cung kính. Do nơi sự cung kính giới mà thành giữ giới được chặt chẽ. Nếu ta không có tâm trân trọng, không có tâm quý mến thì sự giữ giới bất quá là miễn cưỡng, làm cho lấy lệ lấy có vậy thôi.

Đã có sự trân trọng, kính mến nơi giới để thọ trì mới thiết là thành tâm để trì giới, khi thọ trì giới rồi, nên truyền lại cho chúng sanh, là phải truyền trao cho nhau, cho giới pháp lan rộng, lợi ích cho tất cả chúng sanh.

**“Lắng nghe Ta đang trì tụng,
Pháp Ba La Đề Mộc Xoa
Là giới tạng trong Phật pháp”.**

Điều giới sau đây, tất nhiên giới tạng trong Phật pháp. Hãy lắng nghe:

**“Đại chúng lòng nên tin chắc,
 Các người là Phật sẽ thành
 Ta đây là Phật đã thành,
 Thường có lòng tin như vậy.
 Thời giới phẩm đã trọn vẹn,
 Tất cả những người có tâm.
 Đều nên nhiếp hộ Phật giới.
 Chúng sanh nào thọ Phật giới
 Chính là vào hàng chư Phật.
 Đã đồng hàng bậc Đại Giác,
 Mới thiệt là con chư Phật.
 Đại chúng đều nên cung kính,
 Chí tâm nghe lời Ta tụng”.**

Trong đây họ chắm câu sai nhiều lắm, mấy vị nên sửa:

**“Đại chúng lòng nên tin chắc.
 Các người là Phật sẽ thành,
 Ta đây là Phật đã thành,
 Thời giới phẩm đã trọn vẹn”.**

Thế nào gọi là giới phẩm được trọn vẹn?

Không phải chỉ việc mình trì giới đúng các giới điều sau đây, thì giới phẩm mới được trọn vẹn, đây là lời của đức Phật nên chú ý. Phải tin chắc: **Ta là Phật sẽ thành, còn Phật Thích Ca Mâu Ni là Phật đã thành.** Ta cũng là Phật, nhưng Phật sẽ thành. Còn đức Thích Ca Mâu Ni Phật, là Phật đã thành. Nếu có lòng tin như thế, thì đức Phật nói đây là giới phẩm trọn vẹn.

Sự tin chắc đó không phải là nói suông. Câu nói “tin chắc...” là phải thiết hiểu biết, hiểu biết thế nào ta là Phật sẽ thành, còn thế nào Thích Ca Mâu Ni là Phật đã thành. Phải biết cho rõ thì sự tin ấy mới chắc được. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nghĩa là có công năng thành Phật mà tất cả chúng ta đều có công năng để thành Phật, tất nhiên đều là Phật tương lai, nghĩa là Phật sẽ thành. Bởi vì sẵn có công năng rồi thì một ngày kia, công năng đó mới hiển phát, tất nhiên thành Phật, cũng như là Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Phật cũng có Phật tánh và đã hiển phát rồi. Do đó nên đã thành Phật. Nếu sự hiểu chỉ qua văn tự mà thôi, thì dầu có tin, nhưng cái tin đó chưa thể gọi là tin thiết chắc. Bây giờ muốn tin thiết chắc phải thế nào? Là phải nương nơi văn tự mà nói rằng mình có Phật tánh là có khả năng thành Phật. Làm sao thấy được Phật tánh của ta? Ta tu tập đến khi nào chính ta thấy được Phật tánh của ta, thì mới tin chắc là ta sẽ thành Phật. Lúc đó gọi là có sự tin chắc, hiểu chắc là ta có Phật tánh vậy.

Đã tin chắc như vậy, là đã thấy được Phật tánh của ta, mà đã thấy được Phật tánh, thì những ý niệm, lời nói, hành động đều từ nơi Phật tánh phát ra và đều đúng nơi giới điều cả. Cho nên nói “**giới phẩm mới trọn vẹn**”. Khi giữ giới, là giới tướng đã trọn vẹn, đồng thời mình thấy biết giới thể là Phật tánh và y cứ nơi giới thể để phát ra sự trì giới. Như vậy gọi là giới hạnh đã trọn vẹn.

Nói ngược lại, giới phẩm trọn vẹn là do nơi thấy Phật tánh, vì thấy Phật tánh cho nên lòng tin chắc là ta sẽ thành Phật. Vì thế cho nên đức Phật mới nói rằng: “**Nếu người nào tin chắc mình là Phật sẽ thành, thì đã được trọn vẹn giới phẩm**”.

Phật tánh có nơi gọi là minh tâm kiến tánh, là ngộ đạo. Nhưng sự thấy, sự ngộ đó chưa phải là xong, còn phải đến chỗ chứng. Chứng được Phật tánh tức thành Phật.

**“Tất cả những người có tâm,
Đều nên nhiếp hộ Phật giới.
Chúng sanh nào thọ Phật giới.
Chính là vào hàng chư Phật”.**

Đức Phật khuyên bảo tất cả mọi người, đều nên nhiếp hộ Phật giới. Nghĩa là không ai là không có tâm. Mà đã có tâm thì nên nhiếp hộ Phật giới. Chúng sanh nào thọ Phật giới chính là vào hàng chư Phật - ý nói dự vào hàng của Phật.

Đã đồng hàng bậc Đại Giác, đồng hàng với chư Phật, mới thiết là con chư Phật, gọi là Phật tử, cho nên danh từ Phật tử, quan trọng lắm, hiện giờ ta dùng chữ Phật tử quá bừa bãi, chứ như trong kinh Pháp Hoa, Ngài Xá Lợi Phất chứng quả A la hán trải qua nhiều năm, không khi nào dám xưng mình là Phật tử. Khi đến Hội Pháp Hoa nghe đức Phật cắt nghĩa rõ Phật tánh như thế nào, mọi người đều có thể thành Phật, trước kia Phật nói các vị Đại đức Thanh văn chỉ chứng quả A la hán thôi, kỳ thiết chưa thành Phật. Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất mới tỏ ngộ: Từ trước tới nay ta tu và chúng đây tưởng rằng chỉ tu hạnh Tiểu thừa, chứng quả Thanh văn. Nay nghe Phật nói mới biết rằng ta đương đi trên con đường thành Phật, sau này mới được thành Phật. Ngài nói rằng: **“Bây giờ Ngài mới dám tự nhận mình là Phật tử”**.

Cho nên danh từ Phật tử rất quan trọng. Bây giờ dùng quá bừa bãi mất giá trị rất nhiều.

Trong đây đức Phật có nhấn mạnh: **“Mới thiết là con chư Phật”**, tất nhiên là chơn Phật tử, nếu chưa được như vậy, thì chỉ có được danh từ Phật tử mà thôi, chứ chưa phải là thiết Phật tử. Đức Phật khuyên nhắc:

**“Đại chúng lòng nên tin chắc...
Chí tâm nghe lời Ta tụng”.**

Pháp Đại thừa đây, dù muôn kinh ngàn quyển, chung quy cũng nói đến **tự tâm bản tánh**. Trong kinh này có ba phần:

Thứ nhất: Lô Xá Na Phật

Thứ hai: Thích Ca Mâu Ni Phật

Thứ ba: nói về đức Phật kiết Bồ tát giới.

*

III. ĐỨC PHẬT KIẾT BỒ TÁT GIỚI

Thuở ấy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo Vô thượng Chánh giác trong khi ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kiết Bồ tát giới. Ngài dạy: “Hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận pháp chí đạo. Hiếu gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn”.

Đây là lời nhà kiết tập, nói rằng đức Phật Thích Ca Mâu Ni vừa thành đạo Vô thượng Chánh giác, còn ngồi dưới cội Bồ đề, Ngài đã bắt đầu kiết Bồ tát giới rồi. Cho nên có khác hơn giới Thanh văn (giới Tỳ kheo).

Lúc ban đầu thì không có kiết giới, về sau trong Giáo Hội có nhiều vị phạm những lỗi này, lỗi kia. Đức Phật mới căn cứ theo nhơn duyên phạm tội nặng hay nhẹ mà tuần tự kiết giới. Do đó mà có giới của Thanh văn (Tỳ kheo).

Bồ tát giới thì không như vậy, đức Phật nào khi thành đạo rồi đã kiết giới Bồ tát, không chờ nhơn duyên, vì Bồ tát giới nương nơi thể tánh thanh tịnh mà lập ra giới.

Lời đức Phật dạy đầu tiên là hiếu thuận. Hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo. Ba điều hiếu này nên học kỹ. Hiếu thuận với cha mẹ là hiếu thuận pháp lành thế gian. Sư Tăng là chỉ cho Hòa thượng, A xà lê đã truyền giới (Giới sư). Còn

Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, Tăng trong Tam Bảo là Tăng chúng, tất cả Hiền Thánh với thập phương.

Hiếu thuận pháp lành thế gian từ nơi cha mẹ. Với xuất thế gian là ngôi Tam Bảo. Do hiếu thuận với ngôi Tam Bảo mà những điều sai quấy ngăn dứt, công đức lành phát sanh và tăng trưởng cho đến thành tựu.

Tóm lại, hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo có thể ngăn tất cả pháp ác thế gian và xuất thế gian, viên mãn pháp lành thành tựu chánh quả Vô thượng.

Cho nên hiếu thuận là pháp chí đạo (đạo cùng tốt, rốt ráo). Đức Phật mới kết lại: **“Hiếu gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn”**. Thế nên trong pháp Đại thừa hiếu thuận rất quan trọng. Người tại gia phải hiếu thuận với cha mẹ, rồi đến Sư trưởng... Còn người xuất gia hiếu thuận với Sư trưởng làm trước, rồi đến cha mẹ. Bởi vậy, người xuất gia mà phản sư, bội sư thì mất đi nghĩa hiếu thuận và giới không còn nữa. Nếu người nào mất nghĩa hiếu thuận, thì khó toàn vẹn giới thể.

Liên đó, từ nơi miệng, đức Phật phóng ra vô lượng tia sáng. Bấy giờ có đến trăm vạn ức Đại chúng các Bồ tát, 18 Phạm Thiên sáu cõi trời Đục, mười sáu đại Quốc Vương đồng chí tâm chấp tay nghe đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật.

Sau khi nói lời hiếu thuận là giới, từ miệng đức Phật liền phóng ra vô lượng tia sáng chiếu khắp Đại chúng và thập phương thế giới. Trong Pháp Hội có đến trăm vạn ức Đại chúng (một ức mười triệu).

Chư vị Bồ tát, Thập Phát Thú Bồ tát, Thập Trưởng Dưỡng Bồ tát, Thập Kim Cang Bồ tát, Thập Địa Bồ tát hay Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Thập Địa Bồ tát.

Và 18 Phạm Thiên là chư Thiên cõi Sắc. Cõi Sắc có 18 tầng trời:

Sơ Thiên có ba: Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm Thiên.

Nhị Thiên có ba: Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Quan Âm Thiên.

Tam Thiên có ba: Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.

Tứ Thiên có chín, từ dưới kể lên: Phước Sanh Thiên, Phước Ái Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên, cộng lại có 18 tầng (cõi).

Sáu cõi trời Dục: Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại

Nước Thiên Trúc thời đó chia ra nhiều nước, đại khái có 16 nước lớn (16 Đại Quốc Vương) còn nhiều nước nhỏ nữa. Đây là thành phần dự Pháp Hội đức Phật thuyết Bồ tát giới.

Ai nấy đều chấp tay chí tâm lắng nghe đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả chư Phật. Với một số thính chúng đông như vậy mà lời đức Phật vang khắp trong đại hội là do đức Phật có viên âm, nên người đứng gần và xa cũng nghe như nhau. Trong thính chúng đủ loại, mỗi loại đều nghe đức Phật nói tiếng của mình, nên đều hiểu biết được hết.

Đức Phật nói với các vị Bồ tát:

“Nay Ta cứ mỗi nửa tháng tự tụng giới pháp của chư Phật. Tất cả hàng Bồ tát Sơ phát tâm, nhĩn đến các Bồ tát Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa cũng tụng giới ấy. Vì thế nên giới quang từ miệng Ta phóng ra. Phóng quang là vì có duyên do, chớ chẳng phải vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh vàng, đỏ, trắng, đen; chẳng phải sắc pháp, chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu pháp vô, chẳng phải pháp nhưn pháp quả. Nó chính là bốn nguyên của chư Phật, là

căn bản của chúng Phật tử. Vì thế, nên chúng Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này”.

Đức Phật nói với các vị Bồ tát, kỳ thiết nói với tất cả thánh chúng trong Pháp Hội. Những vị Bồ tát Thập Phát Thụ, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa đã vào địa vị Bồ tát. Ngoài ra còn có các vị danh tự Bồ tát nhưng đã thọ giới Bồ tát rồi cũng gọi là Bồ tát. Phật nói: “Mỗi nửa tháng tụng giới này”, cho nên sự tụng giới rất quan trọng. Giới pháp của chư Phật, chứ không phải riêng một đức Phật nào.

Bồ tát Sơ phát tâm là Bồ tát mới thọ giới chưa vào Bồ tát vị, cùng với Bồ tát vị cũng tụng giới pháp này. Cho nên có những ánh sáng từ nơi miệng của đức Phật phóng ra. Ánh sáng Phật phóng ra đó, có duyên cớ. Nó không phải màu xanh vàng, đỏ, trắng, đen.

Kỳ thiết trong lúc đó thấy những tia sáng nơi miệng Phật phóng ra có đủ màu hết nhưng chính thiết không phải màu nào cả. Không phải là sắc pháp, cũng không phải là tâm pháp; cho là có, không được; cho là không, không được; bất hữu, bất vô; cho là nhơn, không được; cho là quả, không được... Cho nên gọi rằng không phải pháp nhơn, không phải pháp quả. Chính nó là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của chúng Phật tử từ nơi thể tánh bình đẳng thanh tịnh mà phát ra.

Ánh sáng đó biểu tượng của giới thể là bản tánh bình đẳng thanh tịnh. Cho nên tất cả Phật tử phải thọ trì, phải đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này. Đó là cái nguyên do mà đức Phật phóng quang. Phóng quang là lấy ánh sáng để tiêu biểu cho giới thể và cũng chính là để chứng nghiệm rằng: Ai cũng có thể tánh bình đẳng thanh tịnh cả, mà khi đã chứng ngộ phát huy được thì nhưt cử nhưt động đều phóng quang. Cũng như đức Phật vừa nói đến giới thì từ miệng đức Phật có ánh sáng phóng ra. Như vậy nếu hàng Phật tử cố công thọ trì, đọc tụng,

học kỹ giới pháp này cho được thành tựu để phát hiện thể tánh thanh tịnh nơi giới rồi cũng được như Phật.

Đức Phật nói tiếp:

“Chúng Phật tử lắng nghe! Nếu là người thọ giới Bồ tát này, không luận là Quốc vương, Thái tử, các quan chức hay Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, không luận là chư Thiên cõi Sắc, cõi Dục, không luận là hàng thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ hay hàng nô tỳ, cũng không luận là tám bộ quỷ thần, thần Kim Cang hay loài súc sanh nhân đến kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, thời đều thọ đặng giới và đều gọi là thanh tịnh thứ nhất”.

Giới Bồ tát này tất cả loài đều được thọ. Không luận trời, người, quỷ thần cho đến súc sanh, kẻ biến hóa miễn là nghe nhận và hiểu được lời truyền giới của Pháp sư. Thọ được giới này rồi đều gọi là thanh tịnh thứ nhất.

Giới Bồ tát này khác với giới Thanh văn (Sa di, Tỳ kheo). Giới Thanh văn chỉ có loài người mới thọ được. Người còn phải đủ điều kiện: các căn phải hoàn bị, đầy đủ tướng tốt, không đui điếc, câm ngọng v.v...

Trong đây nói rõ ràng tứ chúng như Quốc Vương, Quan chức cho đến hạng người sang, hèn, thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ, hàng nô tỳ, ngoài loài người còn có chư Thiên, quỷ thần, súc sanh kẻ biến hóa. Nhưng chỉ có điều kiện là nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, thì thọ đặng giới này. Khi thọ rồi thì được thanh tịnh thứ nhất, bởi vì đã có giới thể Đại thừa Bồ tát.

Huỳnh môn là người đó không phải nam không phải nữ. Còn dân nam, dân nữ khi đã thọ giới này rồi phải giữ những điều giới cho thanh tịnh. Tám bộ quỷ thần còn gọi là bát bộ: Thiên, Long, Khẩn na la, Dạ xoa, A tu la, Càn thát bà, Ca lâu la, Ma hầu la già. Thần Kim Cang, vị thần cầm chày kim cang

mà ủng hộ Phật pháp, trong Phẩm “Phổ Môn” gọi là Chấp Kim Cang Thân.

Kẻ biến hóa như rồng mà biến ra làm người, thì người đó không phải thiết, nghĩa là không dùng thân rồng mà thọ giới thì biến ra hình người thọ giới cũng được. Nếu giới Thanh văn (Tỳ kheo) thì không cho. Nếu lương gạt Giới sư để thọ giới cũng không thành thọ giới.

Thời kỳ Phật còn tại thế, cũng có rồng biến hóa ra hình người đến thọ giới Tỳ kheo, nhưng sau khi ở chung với một vị Tỳ kheo khác. Một hôm vị Tỳ kheo thiết đi khỏi, vị Tỳ kheo do rồng biến hóa đó còn ở lại trong thất ngủ ngày. Khi vị Tỳ kheo trở về thì thấy vị kia lòi thiết hình rồng ra, vì lúc ngủ hiện nguyên hình rồng lòi lên, mới la lên thì các vị Tỳ kheo khác chạy đến coi. Trong khi ấy, vị Tỳ kheo rồng thức dậy biến hình người trở lại... ngồi kiết già đàng hoàng. Tỳ kheo kia về hạch hỏi vị Tỳ kheo này mới thú thiết tôi là Long Vương, vì muốn tu hành cho nên biến ra hình người đến đây để thọ giới. Các vị Tỳ kheo đến bạch Phật nhơn duyên như vậy Phật quả Ông rồng đó.

Do giới Thanh văn là hiện tướng Tăng đầy đủ, chỉ ở trong loài người mà thôi. Còn Bồ tát giới thì chú trọng về tâm tánh. Cho nên loài nào cũng có thể thọ giới này được. Vì ai cũng có thể thành Phật cả.

*

IV. MƯỜI GIỚI TRỌNG

“Đức Phật bảo các Phật tử rằng: Có mười điều giới trọng. Nếu người thọ giới Bồ tát mà không tụng mười điều giới này, thì người ấy không phải là Bồ tát, không phải là Phật tử. Chính Ta cũng tụng như vậy. Tất cả Bồ

tát đã học, sẽ học và đương học. Đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ tát cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì”.

Đức Phật mới bảo tiếp trong Đại chúng Phật tử có mười điều giới trọng. Nếu những người nào đã thọ giới Bồ tát rồi mà không tụng mười điều giới này, không phải là Bồ tát, không phải là Phật tử. Tất cả Bồ tát không luận là bậc Bồ tát nào cho đến hàng sơ phát tâm, đều đã học mười điều giới trọng này. Vị lai Bồ tát sẽ học và hiện tại Bồ tát đương học. Do đó, Đại chúng đã thọ giới Bồ tát rồi phải siêng tụng, nhưt là phải tụng mười điều giới trọng này. Tụng là thuộc lòng, khác với đọc, đọc chỉ lật qua.

Mười điều giới trọng sau đây:

1. Không được sát sanh
2. Không được trộm cướp
3. Không được dâm dục (tại gia cấm tà dâm)
4. Không được vọng ngữ
5. Không được bán rượu
6. Không được nói dối tứ chúng
7. Không được khen mình, chê người
8. Không được bòn xén
9. Không được giận hờn mãi không nguôi
10. Không được tà kiến phỉ báng Tam Bảo

Đức Phật dạy tiếp, đã lược giảng xong tướng trạng của giới Bồ tát. Tướng trạng đó là mười giới trọng.

1. GIỚI SÁT SANH

Nếu Phật tử, tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhân đến dùng

bùa chú để giết: nhờn giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết.

Phàm loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Phật tử, lẽ ra luôn luôn phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thể cứu giúp chúng sanh, mà trái lại tự phóng tâm nở lòng sát sanh. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

Chữ “Giới” có nghĩa là cấm. Cấm sát sanh là không được sát sanh. Đại chúng phải học mỗi điều giới cho rành. Cần phải biết giới nặng, nhẹ thế nào. Thế nào là phải, thế nào không phải, hình tướng của giới đều phải biết. Nếu không biết thì làm sao giữ được. Có nhiều khi người thiệt rành nơi giới, người đứng ngoài coi in tuồng vị ấy phạm giới, kỳ thiệt vị ấy không phạm. Còn những người chưa rành giới tướng, hết sức giữ gìn mà lại không ngờ mình đương phạm, nên cần biết giới tướng cho rõ.

Nói về giới sát sanh, đầu câu nêu ba chữ “Nếu Phật tử” là nói riêng người thọ giới Bồ tát, trong phạm vi đây. **“Hoặc tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết** (tìm cách giết cho người khác chết), **khen tặng sự giết** (tán thán, tán thành, khen ngợi), **thấy giết mà tùy hỷ”**. Tùy hỷ đây là trong tâm có sự vui thích khi thấy người khác giết, có tính cách xúi người khác giết, làm cho người giết hăng say, vì có sự khuyến khích. Do đó phạm giới, nhẫn đến dùng bùa chú để giết.

Tội sát sanh thành là do bốn điều: nhờn, duyên, cách thức, nghiệp. Nếu không đủ bốn điều này thì chưa kết thành tội được.

Như vậy, tất nhiên một khi mình làm hay người khác có phạm như thế này, thì mình phải xem xét coi đủ bốn điều này không? Nếu bốn điều, thiếu một thì không thành tội, nghĩa là không thiệt thành tội nhưng có chi tiết tội.

“**Nhơn giết**” là tâm niệm giết. Tâm niệm cố ý là động cơ chính cho việc sát sanh, cho nên tâm niệm cố ý giết là nhọn của sự giết hại đó. Nếu có sự giết hại bao nhiêu người bao nhiêu sanh vật mà không có tâm niệm cố ý giết thì không phạm tội sát sanh. Vì người đó vô tâm, đối với họ đâu có sát sanh. Có tâm cố ý giết là điểm chính của sự giết hại, nên gọi là nhọn giết.

“**Duyên giết**” là lấy đối tượng bị giết hại làm duyên. Giết hại hoặc loài người, loài vật. Nói cách khác, là giết hại loài hữu tình (người, vật). Loài hữu tình có cảnh duyên để có sự giết hại, chứ không có người và vật, như sự đập đá, chặt cây không thành sự giết hại. Người và vật là cảnh duyên cho sự giết hại. Cho nên tất cả loài hữu tình gọi là duyên giết.

“**Cách thức giết**”: Tất nhiên dùng phương tiện gì để giết? Hoặc đâm, hoặc chém, hoặc bắn, hoặc thuốc độc, nhận nước, đốt cháy, ếm, trừ, rửa cho người ta phải chết. Như vậy đó là cách thức giết.

“**Nghiệp giết**”: Nghiệp giết cũng gọi tội sát sanh đã thành vậy. Tất nhiên người hay vật bị giết đó, giây phút nó chết đã thành nghiệp sát sanh rồi. Nếu sự giết mà chưa chết, gọi là làm cho bị thương thôi. Giết đây tất nhiên phải chết. Như vậy, người phạm tội sát sanh phải có đủ bốn điều kiện:

1. Tâm niệm cố ý giết
2. Có cảnh duyên (người hay vật)
3. Cách thức: đâm, chém, bắn, trừ rửa, thuốc, đốt, nhận chìm chi đó
4. Người hay vật ấy chết thiệt

Như vậy đã phạm tội sát sanh rồi. Nếu người bị giết đó là cha mẹ hay Thánh nhọn, thì thuộc tội nghịch. Tội nghịch nặng hơn trọng. Ngoài ra, có khi giết người và vật khác cũng phạm

tội nghịch nữa. Như Long Vương thọ Bồ tát giới rồi, mà lại giết vị rồng khác, vị rồng khác đó là cha mẹ của Long Vương. Tất nhiên rồng thuộc trong sáu loài, thuộc súc sanh, nhưng đối với người giết (Long Vương) phạm tội nghịch vì đó là cha mẹ. Có người do loài khác sanh chẳng hạn, như vậy loài khác ấy là cha mẹ. Nếu giết vẫn phạm tội nghịch. Còn nếu là người, vật khác thì trong đó coi là tội trọng. Trọng là thế nào? Nếu giết những loài người hay loài mà có nghe có biết được lời truyền giới, thì phạm tội trọng, mất giới. Người đó muốn cho thanh tịnh trở lại phải **thủ tướng sám hối** (*sám hối cho thấy hảo tướng*) thì tội đó mới tiêu. Tiêu rồi phải thọ giới lại còn nếu giết những con vật như: chó, mèo v.v... con vật đó nó không có biết thì không mất giới.

Phật nói: “Phạm tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được cố ý giết”. Đây nhấn mạnh đến việc cố ý, còn sự vô ý chắc không tránh khỏi hết được. Tránh được sự cố ý giết, đây là Phật tử, thọ giới Bồ tát thì luôn luôn có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Vì trước khi thọ Bồ tát giới, đã phát Bồ đề tâm, phát tứ hoằng thệ nguyện. Như vậy là trên cầu thành Phật, dưới cứu độ tất cả chúng sanh. Nghĩa là cứu giúp tất cả mọi loài hết khổ, hết nạn, đâu nên làm cho họ khổ nạn. Nếu trái lại, tự phóng tâm, nghĩa là cố ý sát sanh, thì Phật tử này phạm “Bồ tát Ba la di tội”.

Ba la di là tiếng Phạn, Tàu dịch là “Khí”, “Khí” là dứt bỏ. Người phạm tội này dứt bỏ khỏi Phật pháp.

2. GIỚI TRỘM CƯỚP

Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, nhẫn đến dùng bùa chú trộm cướp: như trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức, nghiệp trộm cướp. Tất cả tài vật có chủ, dầu là của quý thần hay của kẻ giặc cướp, nhẫn đến một cây kim, một

ngọn cỏ đều không được trộm cướp. Là Phật tử, lẽ ra luôn luôn phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận thường giúp cho mọi người được phước, được vui mà trái lại trộm cướp tài vật của người. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

Nghĩa là ngăn cấm sự trộm cướp. Trộm là lén lấy, cướp là giật lấy. Phật tử đã thọ giới Bồ tát rồi, tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, dùng bùa chú trộm cướp phải đủ bốn điều kiện mới thành phạm:

1. Nhơn: tâm niệm cố ý trộm cướp

2. Duyên trộm cướp (đồ vật, của cải, tiền bạc)

3. Cách thức: cách thức có rất nhiều như đào nền, khoét vách, cạy cửa v.v... hoặc lường gạt: mượn mà không trả, hoặc giả nói thiệt để bán đắt tiền, cân non, vật thiếu nói đủ... Tất cả đều thuộc cách thức trộm cướp.

4. Nghiệp trộm cướp, thế nào thuộc về nghiệp trộm cướp? Khi đồ vật của người khác mà ta lấy sai chỗ cũ, đồ vật rời khỏi chỗ cũ thì thành nghiệp trộm cướp. Trộm là khi lấy vật đó mà người chủ không biết, không hay, còn cướp là khi lấy người chủ hay biết, hay là bị cướp. Do đó, nếu đã có tâm niệm trộm cướp, thì có cái duyên là tiền bạc, đồ vật v.v... và có các cách thức để lấy, khi lấy vật khỏi chỗ cũ thì thành nghiệp trộm cướp.

Ví dụ như muốn lấy một vật gì đó chẳng hạn, khi vừa cầm vật lên thì có người thấy liền để trở lại, hoặc ăn năn trả lại, nhưng tội cũng thành rồi. Hoặc giả mượn sách hay tiền bạc rồi không trả mà tâm niệm muốn lấy luôn. Tâm niệm đây đã thành tội trộm cướp.

Tội trộm cướp đã thành, nếu tương tục thành tội dây dưa, rất nặng, nó sẽ đâm chồi nảy nhánh. Còn nếu không tương tục thì bao nhiêu tội đó cũng thành tội rồi. Lấy rồi trả lại tuy đã thành tội trộm, nhưng còn nhẹ hơn lấy luôn. Trong tội trộm

cướp cũng có nhẹ, nặng. Theo xưa, thì cứ dưới năm tiền, phạm tội nhưng không mất giới, nghĩa là đối thú sám hối tội liền tiêu diệt. Còn từ năm tiền trở lên, thì phạm tội trọng mất giới, phải thủ tướng sám hối. Sám hối thấy hảo tướng rồi, phải thọ giới trở lại vì đã mất giới.

Tài vật của cải có chủ, chứ không phải vô chủ. Vô chủ là vật ở rừng núi, như đá, hoặc viên ngọc v.v... Nếu có chủ lấy người ta không cho, là phạm tội trộm cướp, dầu của quý thần hay của kẻ giặc cướp. Của quý thần là ở trong miếu, trong đình, có nhiều khi ở đó của quý thần người ta giữ gìn, chứ không phải là riêng của loài người thôi... Hoặc vật trong ổ chim mà lấy cũng thành tội trộm cướp của con chim rồi.

Hai bên đánh nhau, kẻ thắng lấy chiến lợi phẩm tức là lấy của kẻ giặc rồi. Hoặc rượt bắt đấm ăn cướp chạy bỏ đồ vật lại, rồi lấy cũng thành tội. Cho nên, người ta đã thọ giới Bồ tát rồi phải thanh tịnh. Chẳng những không gian tham trộm cướp, lường gạt, cho đến hoạnh tài của kẻ giặc cướp, không rớ tới nữa. Nhấn đến một cây kim, một ngọn cỏ, dầu vật rất nhỏ cũng không được trộm cướp. Dầu tiền của cha mẹ mà ta lấy cũng phạm tội trộm cướp, vì ta không hỏi mà lấy, lại có tâm nghĩ rằng cha mẹ không cho mà ta cố lén lấy, nên thành tội. Còn khi lấy ta nghĩ thế này, nếu như cha mẹ hay biết vẫn vui lòng không giận. Như vậy không thành tội trộm.

Tóm lại, đồ vật của chủ không bằng lòng mà mình lấy, do tâm tham có ý để lấy, rời khỏi chỗ cũ liền phạm tội ăn trộm.

Ví dụ, có người chủ trồng mía nghĩ rằng: Nếu có ai muốn ăn thì cứ vào đám mía mà ăn, không được đem về nhà, như vậy dù có ai vào ăn mía đó, không phạm tội trộm, vì họ đã hoan hỷ.

Đức Phật nói “**là Phật tử**”, đây chỉ cho người thọ Bồ tát giới phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, thường giúp cho

mọi người được phước được vui, nghĩa là phải bố thí mà trái lại trộm cắp tài vật của người, thì Phật tử phạm Bồ tát Ba la di tội.

3. GIỚI DÂM

“Nếu Phật tử, tự mình dâm dục, bảo người dâm dục với tất cả phụ nữ, loài cái, loài mái, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm: như dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục. Là Phật tử, đối với tất cả không được cố dâm dục. Lẽ ra phải có lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh khuyên dạy người mà trái lại không có tâm từ bi, làm cho mọi người sanh việc dâm dục, không lựa súc sanh, cho đến hành dâm với mẹ con, chị em trong lục thân. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

(Tại gia cấm tà dâm, xuất gia cấm dâm dục)

Tự mình dâm dục hay bảo xúi người cũng phạm tội. Dâm dục đây là nói đến loài nam đối với loài nữ hay ngược lại. Còn loài cái, loài mái, đó là nói đến loài thú, loài chim, cho đến thiên nữ, quỷ nữ, thần nữ cùng phi đạo mà hành dâm. Phi đạo là sự hành dâm không phải nơi nam căn, nữ căn, hoặc nơi miệng chẳng hạn.

Giới này cũng có bốn điều kiện mới thành tội phạm.

1. Nhơn: là tâm cố ý. Còn như ngủ mê, hay chiêm bao v.v... thì không phải là cố ý.

2. Duyên: người nữ, loài cái, loài mái là duyên của bên nam. Người nam, loài đực, loài trống là duyên của bên nữ.

3. Cách thức: tìm cách thức sao đó để dâm dục

4. Nghiệp: bên nam, bên nữ đã giao xúc với nhau thì giây phút đó là phạm.

“Phải có lòng hiếu thuận cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh chuyên dạy người”.

Cứu độ là sao? Vì biết rằng dâm dục là nhơn sanh tử luân hồi, là sự khổ của chúng sanh. Nếu không dâm dục thì chúng sanh sẽ được giải thoát. Lẽ ra phải đem pháp thanh tịnh làm cho chúng sanh rời sự dâm dục để thoát khỏi sanh tử luân hồi. Câu “không lựa súc sanh” nghĩa là chẳng những đối với người mà đối với súc sanh cũng phạm, mà người trong lục thân cũng phạm Ba la di tội.

Các điều giới này phải học cho rành. Như giới sát sanh, trộm cướp còn dễ nhận, vì làm cho chúng sanh đau khổ. Còn giới dâm dục vì hai bên đồng ý nên có sự vui, tại sao lại phạm giới trọng? Vì dâm dục là nguồn chánh của sự sanh tử luân hồi, là nhơn của quả khổ, cho nên phạm tội trọng.

4. GIỚI VỌNG NGŨ

Nếu Phật tử, tự mình nói vọng ngữ, bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ: nhơn vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, hoặc thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ. Là Phật tử, lẽ ra phải luôn luôn chánh ngữ, chánh kiến và cũng phải làm cho chúng sanh có chánh ngữ chánh kiến, mà trái lại làm cho mọi người tà kiến, tà ngữ, tà nghiệp, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

Vọng ngữ hay xúi người khác vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ, cũng có bốn điều kiện nói thành tội vọng ngữ.

1. Nhơn: tâm niệm cố ý nói dối
2. Duyên: người đối diện để nghe lời nói dối
3. Cách thức: nói ra tiếng, hoặc viết chữ, hay ra dấu

4. Nghiệp: khi người nghe, thấy sự vọng ngữ đó mà nhận hiểu, tất nhiên thành nghiệp. Hoặc đối với người đó, ta ra dấu, lắc đầu, khoát tay để nói dối người kia. Nếu ta muốn người hiểu là không, thì lắc đầu khoát tay, nhưng kỳ thiệt việc đó là có khi người kia thấy và hiểu. Lúc đó đã thành nghiệp.

Nên biết: Cũng như nói dối mà người kia không biết tiếng Việt, dầu có nói bao nhiêu cũng không thành tội, bởi vì nghiệp không thành, người đó không hiểu, hoặc người đó điếc, hoặc mình viết giấy nói dối nhưng không ai đọc được, cũng không thành vọng ngữ, không thành tội. Hoặc mình ra dấu mà người kia không hiểu, tất nhiên không thành vọng ngữ và cũng không thành nghiệp.

Vậy nghiệp là người nghe, thấy sự vọng ngữ mà họ nhận hiểu được, thì mới gọi là nghiệp vọng ngữ, phạm tội. Nhấn đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, thì vọng ngữ đã thành tội rồi.

Không thấy nói thấy, thuộc về khẩu vọng (*tất cả chuyện nói ra lời*). Thân vọng ngữ như ra dấu, gật đầu, khoát tay có tính cách dối thì thuộc thân vọng ngữ.

Theo lệ trong nhà Phật, hễ việc gì mình bằng lòng và nhận là phải thì làm thỉnh khi nhóm chúng có người hỏi, nếu không bằng lòng và không nhận như vậy thì lên tiếng để đình chánh lại hay là cãi lại. Như trong chúng câu hội lại để Bồ tát vị thay mặt trong Đại chúng để tụng giới hỏi rằng: “Trong Đại chúng đây được thanh tịnh không? Nếu thanh tịnh thì làm thỉnh, hễ có phạm tội thì nói ra lời, khai tội ra, còn làm thỉnh đó tức là nhận mình là thanh tịnh, không có tội”. Bây giờ, có tội mà rồi vẫn ngồi làm thỉnh, cái tướng, cái thân làm thỉnh đó, nghĩa là không mở miệng ra, không đứng dậy, không quỳ lên, mọi người chung quanh nghĩ rằng người đó thanh tịnh, không có tội nhưng chính người đó là có tội. Như vậy tất nhiên là thân vọng ngữ rồi. Lại trong cái thân vọng ngữ đó kèm thêm

cái tâm vọng ngữ. Tâm vọng ngữ là chi? Là trong lúc đó, tâm mình biết rằng mình có tội mà vẫn lặng thinh, đó thuộc về ở nơi tâm vọng ngữ.

Tâm niệm nói dối là cái nhơn, chứ không có cách thức vọng ngữ, không nói ra lời nói dối, chớ thiệt ra không có tội gì hết.

Đây nói đã có tâm niệm vọng ngữ thì thành tội. Chính ta có tội, người khác hỏi ta mà làm thinh, để người xung quanh làm mình là người thanh tịnh, là có tội. Còn như thấy mà người khác hỏi làm thinh không nói, tất nhiên người đó không biết gì, chừng nào thấy có mà nói không, mới phạm tội. Giả sử người hỏi mà mình nói họ không hiểu, thì cũng không có tội.

Như vậy hoặc tâm, hoặc thân, hoặc miệng nói ra những lời dối hay là ra dấu hay nơi tâm có sự dối, mà người xung quanh nhận hiểu, như vậy thành tội.

Giới này cũng đủ bốn điều kiện mới thành phạm. Bốn điều kiện ấy là: NHƠN, DUYÊN, CÁCH THỨC, NGHIỆP. Nghiệp là người khác nhận hiểu được sự nói dối của ta biểu hiện qua những hình thức, hoặc từ nơi miệng nói ra, hoặc thân ra dấu, hay chỉ ở nơi tâm niệm.

“Là Phật tử phải luôn luôn có chánh ngữ, chánh kiến” nghĩa là luôn luôn chánh trực ngay thẳng, chơn chánh; mà trái lại làm cho mọi người tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

Vì trong sự hư vọng đó có nhiều cách, hoặc lời nói hư vọng, hành vi hư vọng, đời sống việc làm hư vọng cho nên gọi là tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp. Do sự hư vọng của mình làm cho người khác hiểu lầm, biết sai, như vậy người khác sanh ra tà kiến, hành vi đối trá... Nghề nghiệp đối trá thuộc về tà nghiệp và cũng để xúi bẩy hay làm gương dạy người nói lời đối trá, thuộc về tà ngữ. Sự đối trá ấy, là duyên cho những người khác

cũng thành dôi trá. Do đó hại mình, hại người, trái với từ bi, hiếu thuận của Phật tử thọ Bồ tát giới, vì thế nên phạm Bồ tát Ba la di tội.

Nhưng đây có hai phần: phần phạm trọng mất giới, với phạm trọng không mất giới.

Phạm trọng không mất giới là nói dối thường, vì không mất giới cho nên sám hối được tiêu tội. Còn trọng mất giới là như dối rằng mình đã chứng bậc Thánh hay là niệm Phật chưa được nhứt tâm bất loạn, mà xưng rằng tôi niệm Phật được nhứt tâm bất loạn hoặc nói dối rằng tôi niệm Phật hay nằm ngủ chi đó, thấy Phật đến xoa đầu tôi. Hoặc nói tôi tu đã được niệm lực tương tục, được niệm Phật Tam Muội, hay là được chứng những pháp gì đó. Như vậy, gọi là phạm tội nặng mất giới.

Người phạm tội trọng mất giới, nếu muốn có giới lại phải sám hối cho đến khi thấy được hảo tướng, rồi mới thọ giới lại. Còn ngoài những nói dối kể trên thì phạm tội trọng không mất giới và thiết tâm sám hối tội sẽ tiêu và trở lại thanh tịnh như cũ.

5. GIỚI BÁN RƯỢU

“Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, bảo người bán rượu: nơn bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu. Tất cả rượu không được bán. Rượu là nơn duyên sanh tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt, mà trái lại đem sự mê say điên đảo cho chúng sanh, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

Bồ tát lấy hạnh lợi tha, giác tha làm chánh, mà bán rượu là cố ý làm cho người khác say sưa, mất sự khôn ngoan, trí huệ, làm hại người khác thành ra hại tha.

Hạnh nguyện của Bồ tát là lợi tha, mà làm hại tha nên phạm tội trọng. Còn mình tự uống rượu thuộc tội khinh, vì chỉ hại mình mà thôi.

Sự bán rượu thành tội cũng có bốn điều kiện:

1. Nhơn: tâm niệm cố ý bán
2. Duyên: người đến mua
3. Cách thức bán: đong rượu, cân rượu, vô chai
4. Nghiệp: người mua đã mua xong

Tất cả tội lỗi chi, đều có thể phạm hết, nên nói rượu là nhơn duyên sanh tội lỗi.

“Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí huệ sáng suốt”. Bồ tát phải làm cho chúng sanh hết sự si mê, có trí huệ sáng suốt. Bây giờ đem rượu bán cho chúng sanh uống say sưa, điên đảo, như vậy phạm tội trọng.

Bán rượu phạm tội trọng mà không mất giới, nghĩa là sau khi phạm rồi ăn năn, thành tâm sám hối, thì tội được tiêu, trở lại thanh tịnh. Từ giới thứ năm đến giới thứ mười đều phạm giới trọng mà không mất giới. Nhưng nếu phạm rồi không ăn năn, cứ tiếp tục phạm là mất giới.

Cho đến rượu thuốc cũng không được bán vì rượu thuốc uống nhiều cũng say. Nếu người thọ ngũ giới không được uống rượu, nhưng bán rượu không phạm. Người thọ Bồ tát giới tất cả rượu không được bán, dù là rượu bồ, rượu thuốc vì tất cả đều làm cho người say sưa cả.

Nói về giới thể, giới tánh, thì đều có nói trong giới Bồ tát đây nương nơi tự tâm bản tánh bình đẳng thanh tịnh của tất cả mọi người, cũng như của tất cả Bồ tát. Như vậy, không sát sanh, không trộm cướp v.v... Thế nào nương nơi tự tánh bình đẳng thanh tịnh mà lập? Vì tự tánh bình đẳng thanh tịnh đó... bản lai không có sự sát hại, mà bây giờ nếu sát hại (sát sanh)

thì trái với nơi tự tánh bình đẳng thanh tịnh. Mà đã trái là hành động cũng trái thì không thể nào được vào nơi tự tánh bình đẳng thanh tịnh, chỉ thuận mới được vào, mà thuận là không có sự sát hại, sát sanh.

Và nơi thể tánh thanh tịnh đó, bản lai không gian tham, vậy nếu trộm cướp, tất trái với tự tánh thanh tịnh. Bây giờ không trộm cướp không gian tham, thì thuận với tự tánh thanh tịnh. Còn dâm dục cũng như vậy, nếu dâm dục là uế trước. Vì thế nên phải dứt sự dâm dục để thuận với tự tánh thanh tịnh. Đã thuận rồi thì có thể ngộ chứng. Cũng như bản lai tự tánh không dối trá, nếu dối trá, vọng ngữ, thì trái với tự tánh thanh tịnh, vì thế muốn thuận với tự tánh thanh tịnh thì đừng dối trá vọng ngữ.

Tự tánh thanh tịnh bản lai là sáng suốt, mà bây giờ say sưa thì thêm sự điên đảo mê muội. Như vậy trái với tánh bản lai sáng suốt của tự tánh thanh tịnh. Vì thế nên không bán rượu, nghĩa là tránh biểu tượng mê lầm điên đảo, tất nhiên thuận với cái sáng suốt của tự tánh thanh tịnh. Mà có thuận với tự tánh thanh tịnh mới có thể ngộ nhập, phát hiện được ở nơi tự tánh thanh tịnh.

Tóm lại, tự tánh thanh tịnh bản lai không có sự sát hại, không gian tham, không ô trước, không hư vọng, cũng như không có sự mê lầm điên đảo. Bây giờ, nếu sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ hay là bán rượu, đó là trái với tự tánh thanh tịnh.

Mà muốn bỏ trái làm theo thuận, đức Phật mới chế điều giới: không được sát sanh, không được trộm cướp, không được dâm dục, không được vọng ngữ, không được bán rượu.

6. GIỚI RAO LỖI CỦA TỬ CHÚNG

“Nếu Phật tử, tự miệng rao nói những tội lỗi của Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo

người rao nói những tội lỗi ấy: hơn rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử, khi nghe những kẻ ác, ngoại đạo cùng người Nhị thừa nói những điều phi pháp, trái luật trong Phật pháp thì phải luôn luôn có lòng từ bi giáo hóa những kẻ ác ấy cho họ sanh tín tâm lành đối với Đại thừa, mà trái lại Phật tử lại tự mình rao nói những tội lỗi trong Phật pháp. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

Nghĩa là không được nói lỗi của Tứ chúng. Lỗi này rất nặng. Lại tự miệng rao nói tội lỗi của Bồ tát xuất gia. Bồ tát tại gia, của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy. Tội lỗi của người mình mắt được thấy, tai được nghe, nhưng miệng không được nói. Trừ trường hợp người phạm tội không hay biết, thì mình khuyên cho biết để vì đó chừa bỏ ăn năn sám hối cho tiêu tội. Hoặc người phạm tội không chịu sám hối, không chịu chừa bỏ thì mình có bốn phận thưa các bậc trên nhắc nhở (nên trình riêng với người có trách nhiệm) để ngăn ngừa tội lỗi hay bảo người ấy sám hối. Như vậy là việc tốt. Còn nếu đem thuật lại cho người này người kia nghe bàn bạc tới lui đều là tội rao nói cả. Do đó, cho nên hằng ngày phải cẩn thận. Việc tội lỗi của người tai nghe mắt thấy nhưng miệng không được rao nói.

Đức Phật dạy: “Thấy người có những điều trái luật trong Phật pháp, thì phải khuyên, phải giáo hóa cho họ sanh tín tâm lành đối với pháp Đại thừa”. Mà những người đi rao nói việc đó Phật gọi là những kẻ ác.

Bởi vì những người đó làm mất uy tín của chánh pháp. Họ trọng chánh pháp, trọng Phật, họ luôn nhìn vào hàng đệ tử Phật. Nếu hàng đệ tử Phật thực hành đúng theo chánh pháp, thì người ta kính mến, rồi kính pháp, trọng Phật... Nếu họ khinh khi hàng đệ tử Phật thì giáo pháp của Phật, họ không dám gần, cũng không trọng Phật nữa.

Do đó, trong giới tu hành với nhau, nếu có lỗi thì mình tìm cách ngăn ngừa cho nhau, khuyên lơn nhau sám hối cho tiêu tội, được thanh tịnh. Còn bằng không thì mình cũng không nên đem rao nói tội lỗi ra. Bởi vì đem rao nói người nghe họ sẽ khinh khi chung cả. Một khi người ta đã khinh rồi, thì giáo pháp của Phật khó làm cho người ta tin tưởng được vậy.

Giới này cũng đủ bốn điều kiện mới thành phạm:

1. Nhơn: rao nói tội lỗi là tâm cố ý rao nói những lỗi của người khác.

2. Duyên: nghĩa là cũng có người đối diện với mình để nghe cái lỗi của mình thuật, hay nói những điều lỗi đó.

3. Cách thức: hoặc nói ra lời, hoặc viết thư, viết giấy hay đăng quảng cáo hay làm cách gì đó cho người khác được biết việc đó, rồi người nghe nhận hiểu được lời nói rao tội lỗi.

4. Nghiệp: khi nhận hiểu được đó thì thành nghiệp

Nếu rao nói tội lỗi của tứ chúng thuộc về giới trọng, hoặc nói người đó ăn trộm, tà dâm, hay phạm dâm, vọng ngữ v.v... đó là những tội lỗi về giới trọng của người đó đã phạm mà đem rao nói. *Người đem rao nói đó là phạm trọng.*

Còn đem rao nói những tội giới khinh ở phía sau, thuộc giới thứ sáu. Nhưng ở trong giới trọng thuộc nơi phần vì rao nói những lỗi khinh nên phạm lỗi khinh trong giới trọng? Nếu rao nói những tội lỗi thuộc giới trọng thì phạm lỗi trọng trong giới trọng. Còn rao nói những lỗi khinh thì phạm về tội khinh trong giới trọng. Trong giới này phân ra trọng và khinh, dù trọng dù khinh cũng quy về giới trọng này hay là lỗi trọng trong giới trọng vậy.

Do đó, phải cẩn thận, nếu không hằng ngày phạm lỗi này không ít. Mình gặp nhau nói chuyện nên nói chuyện lợi ích, điều tốt, điều hay, khuyên nhau tu hành, hay bàn việc gì có lợi trong đạo, thêm uy tín, công đức cho Phật, Pháp, Tăng, chứ

không nên gặp nhau đem chuyện người này, chuyện người kia để nói bàn. Cái bịnh thông thường của người là hay tìm kiếm những cái dở của người để bàn nói với nhau, nhưng không biết nói như vậy là phạm tội.

Đây là nói đem ra những lỗi có thiệt của người khác mà còn phạm tội nặng, huống chi là việc vu khống, vu oan nữa thì tội lỗi càng nặng hơn.

7. GIỚI TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI

“Nếu Phật tử, tự khen mình chê người, cũng bảo người khác khen mình chê người: nhưn chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử lẽ ra phải thay thế chịu những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử tự phô dương tài đức của mình mà đim che điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

LƯỢC GIẢI

Những điều hay tốt của mình thì phải tự mình khiêm tốn và phải nêu cao khen tặng điều hay tốt của người khác, chớ không được khoe khoang những điều hay tốt của mình mà đim che điều hay tốt của người và vạch kẻ những điều dở của người để chê.

Đây là nói việc hay dở của người để chê, nếu đem tội lỗi của người đó để bàn, để chê thì gồm cả hai tội. Chê phạm tội ở giới thứ Bảy, còn đem tội lỗi của người đó để bàn, nói thì phạm tội ở giới thứ Sáu.

Trong đây cũng có bốn điều kiện:

1. Nhưn: cố tâm khen mình chê người
2. Duyên: người mà mình đối diện để nói

3. Cách thức: hoặc ra dấu, lời nói hay viết chữ

4. Nghiệp: người kia nghe hiểu được lời nói đó thì đã thành nghiệp

Đức Phật dạy cặn kẽ: bốn phận người Phật tử thì phải chịu thay thế những sự khinh chê khổ nhục cho mọi người, cho tất cả chúng sanh, những việc gì hay tốt nhường cho người, những việc xấu thì mình gánh lấy.

Bốn phận người Phật tử có tâm Bồ tát thì phải như vậy. Mà bây giờ ngược lại, đem tài đức của mình phô dương ra, rồi những điều hay tốt của người khác thì dìm che để cho người bị khinh chê, như vậy phạm tội trọng thứ bảy này.

Nếu mình dìm che điều hay tốt của người là trái với hạnh tùy hỷ công đức. Trong phẩm Phổ Hiền có nói: “Dù chúng sanh có một việc lành việc tốt nhỏ như hạt bụi đi nữa, cũng phải ca tụng ngợi khen, tán thán để cho tất cả chúng sanh nương nơi sự tán dương đó mà phấn khởi làm lành”.

Người Phật tử chỉ được khen tặng điều hay, điều tốt, điều lành của người khác, chớ không được dìm che điều hay tốt của người. Nếu dìm che điều hay tốt của người, làm cho người mất sự phấn khởi để làm lành. Vì người ta làm tốt, làm lành mà không được ai khen ngợi, nâng đỡ, khuyến khích, tất nhiên việc ấy người ta làm một cách rụt rè, rồi thối lui. Như vậy trái với tâm Bồ tát. Bồ tát là phải làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn mà người ta chưa có, phải làm sao cho người ta có, đã có rồi phải làm sao cho được tăng trưởng. Mà cách làm cho tăng trưởng căn lành của họ, không gì bằng sự khen tặng điều lành tốt để khuyến khích.

Bây giờ họ có dịp làm lành, làm tốt lại đi dìm che, tìm những cách này, kia để cho họ thối tâm làm lành, làm tốt. Do đó, trái với bốn nguyện mà cũng mất hạnh Bồ tát cho nên phạm tội.

8. GIỚI BỎN SẴN THÊM MẮNG ĐUÔI

“Nếu Phật tử, tự mình bỏn sễn, bảo người bỏn sễn: nơn bỏn sễn, duyên bỏn sễn, cách thức bỏn sễn, nghiệp bỏn sễn. Phật tử khi thấy những người bần cùng đến cầu xin, thời phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ. Mà Phật tử lại đem lòng giận ghét, cho đến không cho một mảy, có người đến cầu học giáo pháp, cũng chẳng nói một kệ một câu, lại còn xua đuôi quở mắng, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội”.

LƯỢC GIẢI

Bỏn sễn là hà tiện, có mà không chịu xả, chịu thí. Chẳng những không chịu thí xả mà lại còn mắng đuổi người đến xin nữa, cho nên phạm tội.

Giới này cũng có bốn điều kiện:

1. Nơn: tâm niệm bỏn sễn
2. Duyên: tiền hay pháp do người đến cầu xin (xin tài vật hay xin pháp đó vậy)
3. Cách thức: có tiền có vật lại đem dấu đi, hoặc làm cách tỏ vẻ thiếu thốn, hoặc nói tôi không có chẳng hạn
4. Nghiệp bỏn sễn: nghĩa là khi xua đuổi người đến xin, làm họ thất vọng hoàn toàn, khi họ bước lui đi thì thành nghiệp.

Đức Phật nói bốn phận người thọ giới Bồ tát: “Phật tử khi thấy những người bần cùng đến cầu xin phải cấp cho theo chỗ cần dùng của họ”.

Thực hành Bồ tát hạnh, khi thấy những người bần cùng đến cầu xin thì coi họ như là đại ân nhân, đại tri thức của mình, chẳng những mừng rỡ mà còn trọng người đến xin nữa. Bởi vì nghĩ rằng: người đó đến xin, ta mới có dịp thực hành hạnh bố thí, ta mới thành tựu công đức bố thí Ba la mật. Nếu

không có người đến xin thì dù cho có muốn bố thí cũng không biết làm sao bố thí được, muốn thành tựu công đức Đán ba la mật không thể nào mà thành tựu được!

Do đó, đối với người đến cầu xin, coi họ là ân nhân rất lớn, vui vẻ sẵn sàng để cung cấp theo sức của mình đối với sự cần dùng của họ. Nếu họ cần tiền thì cho tiền, cần gạo cho gạo, cần quần áo cho quần áo; cho đến họ cần pháp thì bố thí pháp. Còn nếu không được như vậy thì hạnh Bồ tát đã không có rồi, mà trái lại còn phạm tội trọng.

“Dem lòng giận ghét cho đến không cho một mảy”, đó là nói vật chất. Còn người đến cầu học giáo pháp cũng chẳng nói một kệ một câu để cho người ta hiểu biết, lại còn xua đuổi quở mắng nữa.

Nếu người đến xin thất vọng, lúc họ thất vọng quay đi, tất nhiên người bỏn sẻn xua đuổi đây phạm tội trọng.

9. GIỚI GIẬN HỒN KHÔNG NGUÔI

Nếu Phật tử, tự mình giận, bảo người giận, nhờn giận, duyên giận, cách thức giận, nghiệp giận. Người Phật tử lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh được những căn lành không gây gỗ, thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Mà trái lại đối với trong tất cả chúng sanh, cho đến trong loài phi chúng sanh đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay chân, dao gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến nạn nhân kia lấy lời nhỏ nhẹ xin lỗi, cầu sám hối, tạ tội, nhưng vẫn còn không hết giận. Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

LƯỢC GIẢI

Phàm người đã thọ giới Bồ tát rồi phải luôn luôn có lòng từ bi, thương người, thương vật, đã không thương hại còn

giận, nếu có giận thì sau phải hỷ xả, không nên chứa chấp trong tâm, hờn mãi, như vậy thì phạm tội.

Bảo người giận là xúi người giận như nói rằng: người đó làm việc đó đáng giận lắm! Giới này cũng có bốn điều kiện:

1. Nhơn: tâm giận
2. Duyên: người làm trái ý đó
3. Cách thức: hoặc nói ra lời, dùng tay chân để hắt, đánh đập, trợn mắt, đỏ mặt v.v...
4. Nghiệp: không chịu hỷ xả tức nhiên thành nghiệp. Thực ra, chưa ai tránh khỏi sân hận khi cảnh đến, nhưng giận rồi phải hỷ xả. Còn nếu ôm lòng sân hận mãi không thôi thì phạm tội trọng.

Bốn phận người thọ Bồ tát giới, thì phải làm cho tất cả chúng sanh tăng trưởng thiện căn, vô tránh, nghĩa là không giận nhau, không hờn nhau, không gây gổ tranh đấu nhau, mà phải luôn luôn có lòng cung kính thương xót, nên gọi là thường phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Đây đã không được như vậy mà còn đi giận chúng sanh, dùng những lời ác mắng nhiếc để mạ nhục còn dùng tay, chân, dao, gậy đánh đập. Nhưng cũng chưa thôi, chưa chịu hết giận, cho đến nạn nhân kia dùng lời nhỏ nhẹ để tạ tội, van xin, cũng vẫn không hết giận, không chịu hỷ xả, không thương xót cứ giận mãi.

“Loài phi chúng sanh” là những loài vô tình như: cây, đá v.v... Nhiều khi giận trời, giận đất, giận gió, giận mưa. Như vậy đối với trời đất, cây cỏ mà sanh ra sân giận. Đây chính là đối với loài phi chúng sanh mà sân giận. Như có người giận trời đến nỗi lấy cây sào đứng giữa sân mà thọt lên trên không. Có khi người ta vác rựa, vác búa ra mà chặt cả cây cối, như vậy gọi là sân với loài phi chúng sanh. Có người giận chén, ly, tách đập bể hết, bàn ghế cũng xô ngã lã.

Nếu như giận mà không chịu xả thì mất tâm từ bi, muốn cho chúng sanh chịu khổ vì cơn giận của mình. Cho nên trái với tâm từ bi, mất hạnh Bồ tát, tất nhiên phạm tội trọng.

10. GIỚI HỦY BÁNG TAM BẢO

Nếu Phật tử, tự mình hủy báng Tam Bảo, xúi người hủy báng Tam Bảo: nhưn hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử khi nghe một lời hủy báng Tam Bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình, hướng là tự miệng mình hủy báng. Không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác tà kiến hủy báng nữa, Phật tử này phạm Bồ tát Ba la di tội.

LƯỢC GIẢI

Tam Bảo phải kính trọng, lúc nào cũng phải làm cho giá trị uy tín của Tam Bảo được nêu cao, để cho chúng sanh ngưỡng mộ, hướng về Tam Bảo để hết khổ, bớt khổ... mà bây giờ lại đi phỉ báng làm mất giá trị uy tín của Tam Bảo, do đó nên phạm tội. Có muôn ngàn hình thức hủy báng. Nghĩa là nếu làm hành động gì, lời nói gì mà có tổn thương đến giá trị, uy tín của Tam Bảo đều gọi là hủy báng Tam Bảo cả.

Giới thứ Tám thuộc về tham, giới thứ Chín thuộc về sân, giới thứ Mười thuộc về si. Giới thứ Tám do tham lấy bòn sẻn làm chánh. Giới thứ Chín do sân lấy căm hờn làm chánh. Giới thứ Mười do si lấy tà kiến làm chánh. Hễ hủy báng Tam Bảo tức nhiên là tà kiến. Kính tin Tam Bảo là chánh kiến.

Do hủy báng Tam Bảo, cho nên không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam Bảo, không kính ngưỡng Tam Bảo, tin tưởng sùng trọng Tam Bảo. Nếu kính tin, ngưỡng mộ ngôi Tam Bảo, thì vào được trong nhà Tam Bảo để theo chánh pháp của Phật tu hành, được giải thoát khỏi khổ. Giờ đây ta

hủy báng Tam Bảo, làm cho mất giá trị, mất uy tín, như vậy chúng sanh sẽ không dám gần Tam Bảo, cho nên mất sự lợi ích không được giải thoát, tức nhiên làm cho chúng sanh mất điểm tựa để thoát khổ được giải thoát, vì thế mất lợi lớn của chúng sanh, cho nên phạm tội.

Nếu phanh phui hủy báng ngôi Tam Bảo bằng hành động, lời nói bất luận, ở nơi hình thức nào, làm tổn thương đến uy tín giá trị của Tam Bảo, đều là hủy báng cả. Còn nếu xúi người khác hủy báng, thì tội càng nặng hơn, thường thì hay phạm tội này, vì ban đầu một mình, rồi kéo dắt người khác hủy báng nữa.

Trong mười giới trọng này, ban đầu từ giới sát sanh đến giới vọng. Bốn giới này thuộc về Tánh giới. Nếu phạm thì mất giới (nếu phạm phần Tánh, phần nặng).

Như giới sát sanh, giết người trở lên, phạm trọng mất giới, còn giết những loài nhỏ phạm trọng không mất giới. Còn trộm cướp từ năm tiền trở lên thì phạm trọng, mất giới, còn dưới số đó, phạm trọng không mất giới.

Vọng ngữ, nếu là đại vọng ngữ xưng mình là chứng Thánh được pháp siêu phàm, đó là vọng ngữ thuộc về tội trọng mất giới, còn vọng ngữ thường, phạm trọng không mất giới.

Giới dâm, nếu mà phạm thì mất giới, không có phạm trọng mà không mất giới, chỉ có phạm trọng mất giới mà thôi. Phạm trọng không mất giới nghĩa là phương tiện để hành dâm chưa thành dâm, hoặc do nhân duyên gì đó mà chặn lại được.

Như vậy không có phương tiện hoạt động, nhưng nó chưa thành nghiệp, nên phạm trọng không mất giới.

Như vậy, giới sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ có phân ra phạm trọng mất giới và phạm trọng không mất giới. Nếu phạm trọng mất giới, phải sám hối rồi thọ giới lại. Còn phạm trọng không mất giới, thì sám hối rồi được thanh tịnh trở lại.

Còn giới dâm hay tà dâm, nếu đã phạm thì thành nghiệp phạm trọng thì mất giới.

Còn sáu giới sau: là giới bán rượu cho đến giới hủy báng Tam Bảo là phạm trọng không mất giới. Nhưng nếu không chịu ăn năn sám hối, chừa bỏ thì dần dấp lâu ngày sẽ trở thành tội trọng mất giới.

Tóm lại, trong mười giới trọng phân ra làm ba:

- Những giới phạm trọng mất giới (sát sanh, trộm cướp, vọng ngữ) và cũng vừa phạm trọng không mất giới
- Những giới chỉ riêng phạm trọng mất giới (giới dâm, tà dâm).
- Những giới phạm trọng không mất giới (sáu giới sau)

Trong mười giới trọng, cứ theo hành tướng của nó thuộc Tánh giới hay là Giá giới để phân ra có ba loại giới khác nhau.

Bốn Tánh giới: sát sanh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ cần phải giữ gìn cho kỹ.

Còn sáu giới sau, thì cũng rất đáng sợ! Như giới rao lời của Tứ chúng, tự khen mình chê người, hai giới này thường hay phạm lắm vì khi tiếp chuyện hằng ngày với nhau, chuyện vãng lai vô tình đem chuyện người này nói chuyện người kia, phải thận trọng nếu không sẽ phạm tội, làm cho thiện căn, công đức khó tăng trưởng.

Còn những giới kia rất rõ ràng như giới: bán rượu, bỏn sẻn, giận hờn, hủy báng Tam Bảo.

Giới rao nói lời tứ chúng, nói đúng lỗi còn phạm, nếu bịa đặt vu khống phạm tội phao vu còn nặng hơn!

Do đó cho nên đức Phật nhắc người thọ Bồ tát giới phải thuộc, phải tụng mười điều giới này. Nếu không thuộc, không tụng thì người ấy không phải là Phật tử, không phải là Bồ tát. Nghĩa là người đó không xứng đáng là người đã thọ giới Bồ

tát. Vì thế nên Đại chúng nếu không thuộc hết quyển giới này thì cố gắng thuộc mười giới trọng để hằng ngày kiêm điếm hành vi cử chỉ, lời nói của mình, nhờ đó mới tránh được tội và công đức lành được phát sanh.

*

V. ĐỨC PHẬT KẾT RĂN

“Này các Phật tử: trên đây là mười giới trọng Bồ tát các Phật tử cần nên học!

Trong mười giới đó, không nên trái phạm một giới nào cả, dầu một mảy nhỏ như vi trần, huống chi phạm đủ cả mười giới ư! Nếu có người nào trái phạm thì người ấy hiện đời không được phát Bồ đề tâm, rồi cũng mất ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cũng mất những quả Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa, tất cả diệu quả Phật tánh thường trụ đều mất, đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo. Vì thế nên không được phạm một giới nào cả. Tất cả Bồ tát các Ngài đã học, sẽ học và hiện nay học. Mười giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì”.

LƯỢC GIẢI

Đức Phật răn nhắc, cần phải học, nghĩa là phải hiểu cho rành. Phần đọc tụng ghi nhớ đã đành mà cần phải học, học có nghĩa là phải nghiền ngẫm, phải suy nghĩ, tư duy.

Dầu một mảy nhỏ như vi trần cũng không được phạm. Vì nhiều khi không thiết thành tội, nhưng không giữ kỹ, thì có nhiều điều sơ sót, nhiều lần phạm lỗi nhỏ trở thành lớn.

Như giới sát sanh chẳng hạn, không hẳn là thiệt giết như phải kiến, đập muỗi, chà rệp v.v... mà làm lỡ tay cho nó chết, tuy không cố ý, song cũng phạm tội, vì cũng có một phần nào tâm niệm sân.

Nếu những lỗi nhỏ mình không ngăn ngừa, thì lâu ngày gây nên tội nặng cho nên bài tựa nói “**Không nên coi thường những lỗi nhỏ**”, nghĩa là dù lỗi nhỏ sẽ trở thành những lỗi lớn. Giọt nước coi nó nhỏ, nhưng nhỏ giọt hoài, tất nhiên cũng đầy cả lu lớn, nghĩa là dù lỗi nhỏ mà cứ khinh suất để cho phạm hoài, lỗi nhỏ đó dồn dập thành lỗi lớn.

Nếu có người nào trái phạm, thì người ấy hiện đời không phát Bồ đề tâm. Tâm Bồ đề mất rồi, thì công đức lành không thể sanh được, cho nên mất luôn những quả lành. Rồi cũng mất luôn ngôi Quốc vương, ngôi Chuyển Luân Vương, ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cũng mất những quả Thập Phát Thụ, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa, tất cả diệu quả Phật tánh đều mất.

Nếu phạm những điều trọng này, tất nhiên hơn lành không có thì quả lành làm sao có được? Những quả lành thế gian, xuất thế gian, Quốc vương, Chuyển Luân Vương là quả lành về thế gian, còn như Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thập Phát Thụ, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa là quả lành xuất thế gian. Rồi cho đến quả vị Phật tánh thường trú cũng mất. Tất cả những quả lành thế gian và xuất thế gian đều mất, do vì không có hơn lành. Bởi do phạm mười điều giới trọng này, tất nhiên thành nghiệp ác. Do vì nghiệp ác, nên đọa trong ba ác đạo, trong hai kiếp, ba kiếp, chẳng được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo.

Đọa trong ba ác đạo là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, ở đây đức Phật lại nói trong hai ba kiếp không được nghe danh tự của cha mẹ và Tam Bảo, đúng thiệt như vậy.

Bây giờ ta thử hỏi con chó, nó làm sao biết được danh tự cha mẹ hay là Phật, Pháp, Tăng. Loài chó, trâu bò nó hơn các loài khác còn như vậy, huống chi các loài như kiến, ruồi, muỗi mòng, con dế, con sâu làm gì mà biết được? Vì sự hại lớn như vậy, cho nên đức Phật mới nói: “Vì thế nên không được phạm một giới nào cả”. Phải giữ gìn mười điều giới này cho cẩn thận đừng để phạm.

Vì đức Phật đương giảng với các vị Bồ tát, nên đức Phật mới nói tất cả Bồ tát hiện tại đây là đương học, nếu các vị Bồ tát quá khứ thì đã học, các vị Bồ tát vị lai cũng sẽ học. Nghĩa là đã Bồ tát thì đều phải học giới này cả.

Mười giới như trên, ai nấy cần nên học và kính trọng phụng trì. Học rồi phải hết sức kính trọng, kính trọng phải giữ gìn.

Đây ghi thêm về sự giảng rộng mười điều giới trên, trong “Bát vạn oai nghi”, bởi vì bộ kinh Phạm Võng có nhiều phẩm.

*

VI. BỐN MƯƠI TÁM ĐIỀU GIỚI KHINH

Trong 48 điều giới khinh đây, thiệt ra có nhiều giới cũng hệ trọng lắm, nhưng nói “khinh”, bởi vì đối với mười giới trọng ở trước, gọi là khinh. Những điều giới khinh sau đây, nếu lỡ sái phạm thì thiệt tâm sám hối tội sẽ tiêu và trở lại thanh tịnh.

Đức Phật bảo các vị Bồ tát rằng: **“Đã lược giảng mười giới trọng rồi, sau đây Ta sẽ nói về 48 điều giới khinh”**.

1. GIỚI KHÔNG KÍNH THẦY BẠN

“Nếu Phật tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi Chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức quan, trước nên

thọ giới Bồ tát. Như thế, tất cả quý thần cứu hộ thân vua và thân các quan, chư Phật đều hoan hỷ”.

LƯỢC GIẢI

Lời đầu tiên của Phật khuyên mọi người nên thọ giới Bồ tát. Cho đến những vị sắp sửa sẽ có bốn phận để cai trị muôn dân, có bốn phận lãnh đạo dân chúng lại cần thọ giới Bồ tát, vì sao? Vì những người đó có bốn phận làm lợi ích cho nhơn dân thì nên thọ giới Bồ tát, thực hành giới Bồ tát đem sự lợi ích cho nhơn dân. Nếu thực hành giới này mà trị nước, trị dân chẳng những chư Phật đều hoan hỷ mà tất cả quý thần đều theo phò hộ vua và các quan.

“Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng tọa, A Xà Lê, những bậc Đại Đức, đồng học đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi thăm. Mọi sự đều đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sanh lòng kiêu mạn sân hận ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Giới thứ nhứt đây, phần lớn nói về tại gia, phải có sự kính trọng của bậc Thượng tọa, hoặc A xà lê, những bậc Đại đức đồng học, đồng kiến, đồng hạnh về Đại thừa Bồ tát giới, nghĩa là đồng hạnh Đại thừa thì phải cung kính, cúng dường. Nếu kiêu mạn, sân hận, ngu si mà không chịu cung kính, cúng dường đó, tức nhiên phạm giới, vì bốn phận của người Phật tử thì phải làm sao cho giá trị Đại thừa tăng lên.

Một là lợi ích cho mình, có sự cung kính cúng dường mới có phước lợi lớn. Hai là mọi người cùng cung kính để hướng

về Đại thừa, làm cho mọi người cũng được sự lợi ích nơi chánh pháp Đại thừa của Phật.

Trái lại đem tâm kiêu mạn, mà không chịu cung kính cúng dường thì phạm giới thứ nhứt này.

2. GIỚI UỐNG RƯỢU

“Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống sanh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao cho người uống, sẽ mang ác báo 500 đời không tay, huống là tự uống. Cũng chẳng được bảo người và tất cả chúng sanh uống rượu, huống là tự mình uống. Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống. Nếu mình cố uống và bảo người uống, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Phàm người đã thọ Bồ tát giới rồi thì không được uống rượu vì rượu làm cho người uống sanh ra vô lượng tội lỗi. Chẳng những mình không được uống cũng chẳng được bảo người khác uống, hoặc trao chén rượu cho người uống. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống sẽ mang ác báo 500 đời không tay. Tức là đọa vào loài không tay, do cái nhơn trao rượu cho người uống, làm cho người ta bị hại, cho nên bị quả báo không tay trong nhiều đời. Thí dụ đọa làm thân chó thì cũng không tay rồi, còn bao nhiêu loài không tay như chim, bò, trâu v.v... nhân đến có loài không cả tay chân như rắn, trùng v.v...

Như vậy bị đọa vào loài súc sanh không tay, tự mình uống còn nặng hơn nữa, vì trao chén rượu cho người uống còn phải chịu ác báo 500 đời không tay, còn mình tự uống không biết đọa bao nhiêu kiếp?

Nếu người bệnh, Phật khai cho, nhưng phải cho một người nào thọ giới như mình biết. Phải nói trước rồi mới uống, để

tránh sự hiềm nghi của kẻ khác. Trước khi uống ta phải phân minh rằng, tôi có bệnh như vậy, cần uống rượu như vậy để trị bệnh, sau khi lành rồi thì tuyên bố ra là dứt hẳn không uống nữa, để khỏi có sự hiềm nghi, xung quanh người ta nghĩ rằng đã có phạm giới. Có người thắc mắc rằng: “Tại sao ở giới bán rượu, Phật không cho bán rượu thuốc, còn ở giới này lại khai cho uống rượu khi bệnh?”. Vì có bệnh cần có rượu thuốc mới lành, cho nên Phật khai cho uống. Còn giới bán rượu ở trên, dù là rượu thuốc, nhưng cái đó thuộc về sanh lợi, không bán thì không có lợi, chứ không có hại gì, không đến nỗi tổn thương đến tánh mạng. Còn đây nếu không uống thứ rượu thuốc để trị bệnh thì không hết bệnh, do đó nên cho uống.

3. GIỚI ẪN THỊT

“Nếu Phật tử cố ăn thịt. Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt thì mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh, tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế nên tất cả Phật tử không được ăn thịt của tất cả mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Đại chúng nên biết, nếu muốn có thịt để ăn thì phải sát sanh. Không tự giết thì cũng bảo người giết, cho nên ăn thịt là nguyên nhân cho sự sát hại sanh mạng của các loài vật. Tất cả các thứ thịt, không luận là thịt gì, từ thịt heo, bò cho đến tôm, ốc v.v... thuộc về loài thịt của chúng sanh đều không được ăn.

Có đạo cho rằng loài ốc, tôm không có máu như vậy ăn được. Còn có đạo nói trứng chưa lộn, nó không biết đau đớn nên ăn được.

Nhưng theo lời Phật dạy, xét kỹ nó thuộc về loài thịt đều không được ăn cả, bởi vì dù con tôm, con ốc thiết sự nó không

có máu đi nữa, nhưng nó cũng ham sống sợ chết. Như con ốc biết khép mai khi nghe tiếng động, con tôm, con tép biết nhảy ngược khi mình đụng vào nó. Như vậy là nó có cảm giác biết đau, biết ham sống sợ chết, mới có những tác động như thế. Còn như các trứng, nếu ta ăn trứng mà chưa có tượng hình, nghĩa là chưa lộn, gọi rằng không có tội mà được ăn, như vậy những người có thai, hoặc một, hai tháng, hay bao nhiêu đó mà uống thuốc phá thai thì không có tội, bởi vì thai lúc đó nó cũng chưa thành hình gì. Mà nếu phá thai có tội, thì ăn trứng cũng có tội, bởi vì trong trứng nếu đủ duyên nó sẽ thành con gà hay con gì đó.

Như vậy nói tóm lại, mình y theo lời Phật dạy thì tất cả thuộc về tánh chất thịt đều không được ăn. Tuy thế, đức Phật cũng theo thời cơ của người đời. Do đó trong giới Tiểu thừa, lúc ban sơ Phật có cấm ăn thịt, nhưng cho ăn ba thứ thịt: không nghe bị giết, không thấy bị giết, không nghi người ta giết vì mình. Ngoài ra còn được ăn thêm các thứ thịt: con vật nó tự chết, hoặc con thú khác bắt ăn rồi còn dư.

Nhưng tìm cho được các thứ thịt đó mà ăn cũng khó lắm. Nếu mình chịu khó suy xét kỹ thì trong khi ăn cá hoặc thịt, mình có thể nghĩ rằng: vì sự ăn thịt của mình đây làm duyên cho người giết, xúi người ta giết.

Những người giết nếu không có người mua thì họ giết để làm gì? Có người nghĩ rằng, nếu mình không ăn thì cũng có người bán thịt, họ cũng giết như thường. Nhưng suy nghĩ kỹ: nếu một người không ăn thì sẽ bớt sự giết một phần, thì sự giết hại cũng ít đi.

Tại sao không được ăn thịt?

Đức Phật nói: “Người ăn thịt thì mất lòng đại từ bi, dứt giống Phật tánh...”.

Phật tánh được phát triển là do tâm đại từ bi, Phật tánh ai cũng có, nhưng mà Phật tánh thành giống để thành Phật, là một việc khác, cho nên gọi là giống Phật tánh.

Bây giờ muốn cho nó thành giống để thành Phật, do nơi tâm từ bi mới phát được cái giống đó. Trái lại ăn thịt thì tất nhiên tâm từ bi làm gì cũng có được?

Tâm từ bi là lòng muốn cho chúng sanh khỏi khổ thường vui, mà bây giờ nỡ lấy cái khổ nhứt của chúng sanh để nuôi cái thân mình, ngon cái miệng mình, như vậy thì lòng từ bi làm gì có nữa?

Do đó, các loài cũng ham sống sợ chết, cho nên cá thấy người cá lặn, chim thấy người chim bay.

Có xứ họ không bắt chim thì chim nó vô trong nhà, nó thấy người không sợ sệt gì. Có những xứ không bắt cá thì cá nó lội nhớn nhớn trên mặt nước, thấy người không lặn. Mà bây giờ nó thấy nó tránh xa thì biết rằng do duyên giết hại, ăn thịt nó mà ra.

“Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi...”. Nghĩa là không phải một hay hai tội lỗi, mà đây Phật nói vô lượng tội lỗi vì nghiệp sát rất nặng.

Vì thế, nên tất cả Phật tử, không được ăn tất cả thịt của mọi loài chúng sanh... Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Do đó người đã thọ giới Bồ tát phải trường chay, không phải ăn chay kỳ, nếu lỡ ăn thịt thì phạm Khinh cấu tội, phải sám hối chừa bỏ thì được thanh tịnh.

4. GIỚI ĂN NGŨ TÂN

“Nếu Phật tử, chẳng được ăn loại “ngũ tân”: loại hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân này gia vào

trong tất cả thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ.

Hưng cừ trong bốn tập bên này không có, không biết loại đó là loại gì ở thời kỳ của Phật. Bên này không có giống đó cho nên không biết hưng cừ là thứ gì? Ta đây có hành, hẹ, tỏi, nén, poirot họ kêu là tỏi Tây. Tỏi Tây, tỏi Tàu, tỏi Việt cũng không được ăn. Cũng như hành thì hành ta, hành Tàu, hành gì cũng không được ăn. Không có các món này thì cũng không đến nỗi chết, cho nên gắng giữ cho thanh tịnh.

Tại sao không được ăn ngũ tân? Trong kinh Lăng Nghiêm có cắt nghĩa những loại đó thuộc loài thảo mộc không có tội lỗi gì, nhưng vì chất của nó làm cho người ăn có hại, nhưt là đối với người tu hành vì nó thuộc về tánh nóng. Nếu ăn vào thêm nóng nẩy, làm cho người thêm nóng giận (sân hận). Còn nấu chín rồi thì nó lại thêm âm dục. Đó là hại cho người tu hành. Còn mùi tanh của nó, ăn hôi cả miệng, hơi ra lỗ chân lông cũng hôi tanh nữa. Trong kinh nói, bởi vì do mắt Phật thấy, chư Thiên hay Thiện Thần sợ mùi đó lắm, tránh xa hết, còn các loài quỷ lại thích. Do đó trong kinh nói: Những người ăn các loại này, quỷ nó ưa đến liếm môi người đó. Mà khi liếm môi người đó cũng không hay, chỉ có mắt Phật mới thấy được.

Trong kinh Lăng Nghiêm nói: Người ăn các loại đó thì tụng kinh cũng không có phước, trì chú không linh nghiệm, ngồi thiền tập định gì cũng không thành. Do Phật nhãn xem thấy tai hại của nó như thế. Nếu ăn sống thì thêm sân, ăn chín thì thêm dâm, lại mùi tanh của nó làm cho thiện Thần, chư Thiên tránh xa, tất nhiên người lành cũng tránh rồi, còn ác quỷ nó lại thích, thường đến gần nó, nó liếm môi của người

đó. Cái hại của nó như tụng kinh thì không có phước, trì chú thì không linh nghiệm, thêm sân, thêm dâm, làm sao mà tu thiền luyện định được? Vì thế nên Phật răn cấm không được ăn, cho đến gia vị cũng không được ăn. Nếu ăn thì phạm Khinh cấu tội.

5. GIỚI KHÔNG DẠY NGƯỜI SÁM HỐI

Nếu Phật tử, khi thấy người phạm Ngũ giới, Bát giới, Thập giới, phá giới hay phạm thất nghịch, bát nạn tất cả tội phạm giới v.v... phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Thấy người khác thọ Ngũ giới có điều sai phạm, hoặc thọ Bát giới là Bát quan trai, hay là Thập giới. Phá giới tất nhiên là phạm nặng, đã phá hủy giới hạnh, đến phạm thất nghịch, thường ta chỉ biết ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết Thánh nhơn, phá Tăng và ác tâm làm thân Phật chảy máu, thêm giết Hòa thượng, giết A xà lê thành ra thất nghịch.

Bát nạn là những nạn không thể lãnh thọ được chánh pháp như đọa tam đồ (sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Như làm người mà đui, điếc, câm, ngọng thì cũng không thể nào học được chánh pháp của Phật. Như sanh về Bắc Câu Lô Châu dầu hưởng phước, mà nơi đó không có Phật pháp. Hoặc sanh lên Vô Tướng Thiên, bao giờ cũng ở trong Vô tướng định, không thể nào lãnh thọ được giáo pháp của Phật. Nếu thấy người từ phạm giới, hay là phạm tội nghịch cho đến tạo nghiệp gì mà cảm quả báo nơi bát nạn này, nó làm chướng việc tu hành trong chánh pháp thì phải khuyên bảo người ấy

ăn năn, để họ quay trở về con đường chánh, cũng như họ biết điều tội lỗi đúng như pháp mà sám hối cho tiêu tội, được thanh tịnh.

Đó là lòng từ bi thương xót, muốn cho mọi người được phước, được vui, đều được khỏi tội. Đã là Phật tử thọ Bồ tát giới mà không thể khuyên bảo người phạm tội sám hối, rồi lại cùng ở chung, cùng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới mà không cử tội, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

Cùng ở chung, đồng sống chung, đồng chúng Bồ tát, đồng thuyết giới, mà không cử tội, không nhắc nhở người ấy sám hối, tất nhiên ý nói tán thành tội lỗi của người, khuyến khích người phạm tội, mới tùy hỷ cho sống chung, ở chung, đồng Bồ tát, đồng thuyết giới, không chịu nhắc nhở người đó nhận tội sám hối... Còn cử tội thì người đó không chịu nhận tội, không chịu sám hối, nên phải đem tội người đó ra thưa giữa chúng.

Nhắc nhở rồi mà người đó không chịu nhận lỗi, sám hối nên phải thưa giữa chúng để trong chúng xét xử. Như vậy thì được, còn nếu đi rao nói, bàn tán, đó gọi là rao nói tội lỗi phạm giới trọng ở trên.

6. GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỜNG THỈNH PHÁP

Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa, hay những bậc đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa từ trăm dặm, nghìn dặm đến nơi Tăng phòng, nhà cửa thành ấp, thời liền đứng dậy rước chào, đưa đi, lễ bái cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cấp hộ cho Pháp sư. Mỗi ngày sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp sư thuyết pháp và đánh lễ. Không hề có lòng sân hận buồn rầu. Luôn thỉnh pháp

không mỗi nhàm, chỉ trọng pháp chứ không kể thân. Nếu Phật tử không như thế thì phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Phật tử gặp được vị Pháp sư Đại thừa thì mừng rỡ cung kính, tiếp rước mời vào nhà rồi cúng dường, thỉnh vị đó dạy chánh pháp cho mình để hiểu biết đường lối tu hành, cho đến thừa thỉnh pháp không nhàm mỗi, chỉ trọng pháp chứ không kể thân. Cung kính cúng dường đây, không những đối với vị Pháp sư, giảng sư đó, mà chính là trọng pháp nên thỉnh vị ấy truyền dạy cho.

Cung kính cúng dường những thức uống ăn, giường ghế, thuốc men đó là tứ sự cúng dường, dù vị ấy mỗi ngày tốn hao đến ba lượng vàng cũng phải cấp hộ. Cúng dường dù có tốn hao nhiều cũng chỉ vì trọng pháp cho đến thân mạng còn không tiếc, huống là những vật chất đó?

Tiền thân của Phật, có khi vì một bài kệ mà phải bỏ thân mạng để cầu. Có đời đức Phật chỉ vì một pháp mà bỏ cả ngôi vua để hầu hạ ông Pháp sư. Cũng như trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề Bà Đạt Đa, tiền thân của Phật vì cầu kinh pháp Đại thừa bỏ ngôi vua, nhường ngôi cho người khác, theo vị Pháp sư ấy lên núi, hầu hạ cung cấp cho đến lấy thân làm chỗ ngồi chỗ nằm cho ông Pháp sư, trải qua ngàn năm như vậy vẫn không thối thất tâm cầu pháp. Đức Phật là gương sáng nhắc nhở việc quên thân, trọng pháp, cầu pháp đó vậy. Còn chúng ta nếu đối với chánh pháp mà không trọng, thì khó thành tựu Thánh quả. Muốn trọng pháp thì phải trọng người biết pháp rồi mới lãnh thọ được pháp.

Nếu Phật tử thọ Bồ tát giới mà không có sự cung kính, cúng dường để thỉnh pháp đối với các vị Pháp sư đó thì phạm lỗi này.

7. GIỚI KHÔNG ĐI NGHE PHÁP

Nếu Phật tử, hàng tân học Bồ tát, phạm nơi nào chốn nào có giảng kinh luật, phải mang kinh Luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi, hoặc nơi núi rừng, trong vườn cây, chùa nhà v.v... tất cả chỗ thuyết pháp đều đến nghe học. Nếu Phật tử không đến nơi ấy để nghe pháp cùng thưa hỏi, thời phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Đây là tội biếng trễ. Phạm người thọ Bồ tát giới rồi thì phải cầu mong cho được quả Đại thừa, mà muốn thành tựu quả Đại thừa thì phải có sự tu hành. Muốn có sự tu hành phải có sự hiểu biết giáo pháp Đại thừa, hoặc Kinh, hoặc Luật. Muốn hiểu biết như vậy, phải siêng học. Mà siêng học thì có chỗ nào thuyết pháp, giảng kinh, giảng luật phải chịu khó đến nghe học. Hoặc nơi núi rừng, chùa, nhà, vườn cây v.v... thì phải chịu khó đến nghe học. Nếu chỗ giảng Kinh, giảng Luật Đại thừa như vậy mà bỏ qua thì là sự biếng nhác đối với chánh pháp. Do đó cho nên phạm tội.

8. GIỚI CỐ TÂM TRÁI BỎ ĐẠI THỪA

Nếu Phật tử, có quan niệm trái bỏ Kinh Luật Đại thừa thường trụ, cho rằng không phải của Phật nói mà đi thọ trì Kinh Luật tà kiến và tất cả các giới của Thanh Văn Nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Người thọ Bồ tát giới rồi thì tất nhiên phải trọng pháp Đại thừa, bởi vì thọ giới Bồ tát là thọ giới Đại thừa. Vậy họ phải đọc, phải học Kinh Luật Đại thừa, phải kính trọng tôn sùng

pháp Đại thừa, mà bây giờ có quan niệm bỏ đi, rồi đi thọ trì những pháp của Thanh Văn ngoại đạo.

Đây nói Kinh Luật tà kiến xét kỹ nói rộng ra, ngoài Kinh Luật của Phật thì tất cả Kinh Luật khác đều gọi là của ngoại đạo tà kiến. Mà ở trong Kinh Luật của Phật lại có phân ra Đại thừa Bồ tát với Thanh Văn Nhị thừa.

Nếu ngoài các kinh, luật, luận của Phật ra mà đi học, đi tham cứu những sách vở khác, thì gọi là theo Kinh Luật tà kiến. Ngay chánh pháp của Đức Phật là Kinh, Luật, Luận. Nếu bỏ Kinh, Luật, Luận Đại thừa mà đi học, đi tham cứu hay là thọ trì của Nhị thừa Thanh văn thì cũng có tội. Còn nếu đồng thời thọ trì Kinh, Luật Đại thừa mà cũng kèm theo ở nơi cấm giới Kinh, Luật của Thanh Văn Nhị thừa thì không có hại, không có tội, bởi vì không bỏ Đại thừa chỉ thêm Thanh văn Nhị thừa để giúp cho pháp Đại thừa được hoàn chỉnh hơn. Nếu bỏ Đại thừa để giữ Thanh văn Nhị thừa thì có tội. Thọ giới Bồ tát rồi mà Kinh, Luật Đại thừa Bồ tát không chịu tham học, thọ trì, mà chỉ lo việc học hỏi Kinh, Luật của Thanh văn Nhị thừa hay là thọ trì. Như vậy là phạm tội. Còn nếu đã thọ trì học hỏi nơi Đại thừa mà gồm thêm Thanh văn Nhị thừa thì không có tội.

Cũng như người mà trí lực hữu dư, Kinh, Luật, Luận đã thông về Đại thừa, bây giờ cũng hiểu biết sách vở của đạo khác cũng như sách vở văn hóa thế gian để dùng làm phương tiện độ người thì không có lỗi. Nếu theo sách vở ngoài đời theo văn hóa mà bỏ bê Kinh, Luật Đại thừa, không chịu siêng học đó là phạm tội.

9. GIỚI KHÔNG KHÁN BỊNH

Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, khán bệnh là phước điền thứ nhất. Nếu như cha mẹ, sư

Tăng có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều nên săn sóc cho được lành mạnh, Phật tử lại vì lòng hờn giận không chăm nuôi nhần đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người tật bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Tất cả người tật bệnh, tận tâm cúng dường như cúng dường Phật, đây là nói tâm bình đẳng cúng dường, có công đức rất lớn.

Trên cúng dường Phật, Phật thuộc nơi tích điền. Còn dưới người tật bệnh thuộc về bi điền. Nếu tâm bình đẳng đối với người tật bệnh mà tận tâm săn sóc lo lắng thì công đức đó cũng như công đức cúng dường nơi đức Phật vậy. Vì thế, trong kinh Duy Ma Cật ông Trưởng giả bố thí (lập hội bố thí) ngài Duy Ma Cật thấy cần phải khuyên nhắc cho có tâm bình đẳng để được Bồ thí ba la mật, công đức rất lớn.

Nếu bố thí cho một người hèn hạ, nghèo nàn nhứt mà tâm cũng như tâm kính trọng cúng dường nơi Phật thì công đức đó ngang nhau và rộng lớn vô lượng vô biên. Nếu sự bố thí đó lại thấy đức Phật thì đáng tôn kính hơn, còn người hèn hạ kia lại kém sự cung kính bố thí, như vậy thì phước đức không bình đẳng tất nhiên rất nhỏ bé.

Do đó, ngài Duy Ma Cật mới lãnh lấy một xâu chuỗi, đồng thời phân làm hai: trên thì dâng cúng cho Phật, dưới thì bố thí cho một người hèn hạ nhứt ở trong thành. Tâm đã bình đẳng như vậy, mà sự bình đẳng hết sức cung kính cúng dường cả hai, thì công đức rất lớn. Bình đẳng là đem tâm cung kính tôn trọng để cúng dường đức Phật, cũng như lúc bố thí cho người nghèo. Đức Phật có nói: “Đối với người tật bệnh thì phải thiết tâm cúng dường, phải làm sao như là một sự hoan hỷ cúng dường đức Phật”. Đức Phật lại nói trong tám phước

điền, khán bệnh là phước điền thứ nhất. Vì sao? Bởi vì dù Phật, Pháp, Tăng cho đến cha mẹ đó là phước điền rồi. Nhưng nó không cần kíp như người đang bệnh. Người đang bệnh là người đang chịu khổ, nếu săn sóc cho được lành, cứu vớt người đó khỏi bệnh khổ. Như vậy phước đức rất lớn. Khi gặp người tật bệnh mà thiếu sự săn sóc thì mất phước điền. Khi gặp người tật bệnh phải nghĩ như vậy: đó là nhơn duyên cho ta gây tạo phước vô lượng vô biên, vì đức Phật nói trong tám phước điền, từ nơi Phật, Thánh nhơn cho đến cha mẹ đều là phước điền mà trong đó người bệnh là phước điền thứ nhất ở trong tám phước điền.

Tám phước điền là: 1- Phật, 2- Thánh nhơn (Thánh nhơn là vị đã chứng quả rồi, từ nơi bậc A la hán, các vị Bồ tát cho đến các vị Bích Chi Phật, đều là Thánh nhơn), 3- Chư Tăng, 4- Hòa thượng, 5- A xà lê (là người truyền giới cho mình), 6- Cha, 7- Mẹ, 8- Người bệnh.

Đó là tám phước điền để cho người gieo trồng công đức. Cúng dường chư Phật thì có công đức, cho đến cúng dường cha mẹ, cúng săn sóc người bệnh cũng có công đức. Mà đức Phật nói người bệnh là phước điền thứ nhất vì người bệnh là người đương khổ, tất nhiên cần sự bố thí săn sóc cúng dường hơn. Do đó, người bệnh là phước điền thứ nhất. Huống nữa là chư Phật Thánh nhơn? Mong mỏi của chư Phật, Thánh nhơn là muốn cho người khỏi khổ. Mà bây giờ săn sóc cho người bệnh thì chư Phật, Thánh nhơn cũng đều hoan hỷ.

Như vậy săn sóc cho người bệnh chính là cúng dường chư Phật, Thánh nhơn rồi.

Đoạn kết nói: gần như cha mẹ, sư Tăng, hàng đệ tử, nói chung là hàng con em, chi hết đó là người thân gần, lần cho đến người xa, nếu có bệnh tật thì tất cả sự bình đẳng đau khổ phải săn sóc cho được lành mạnh. Bây giờ trái lại, vì lòng hờn giận không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong Tăng phường

thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường xá có người bệnh tật mà không có nơi nương tựa, thấy như vậy mà bỏ đi, không lo cứu tế, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

Còn những người có bệnh mà có chỗ nơi, có người lo nuôi, có thuốc men rồi, đó là bổn phận của người khác lo rồi.

Đây là nói những người bệnh bơ vơ không ai săn sóc, khi gặp đáng lẽ nên giúp đỡ mà không giúp đỡ, bỏ lơ đi thì phạm tội. Còn như người thân quyến, cha, mẹ, anh, em, những người đồng sống chung trong một nhà, một chùa khi bệnh mà không lo săn sóc thì phạm tội.

10. GIỚI CHỨA KHÍ CỤ SÁT SANH

Nếu là Phật tử, không được cất chứa những binh khí như: dao, gậy, cung tên, búa, giáo v.v... cùng những đồ sát sanh như chài, lưới, rập, bẫy v.v... Là Phật tử dù cho đến cha mẹ bị người giết, còn không báo thù, hướng lại đi giết tất cả chúng sanh! Không được cất chứa những khí cụ sát sanh. Nếu cố cất chứa, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

“Mười giới như thế cần nên học và hết lòng kính trọng phụng trì”.

LƯỢC GIẢI

Xưa không có súng, nên chỉ nói cung tên, bây giờ thì các loại súng đạn cũng không được cất chứa. Chài lưới rập bẫy là những đồ giết hại chúng sanh cũng không được cất chứa. Nếu cố cất chứa thì phạm Khinh cầu tội.

“Là Phật tử dù cho đến cha mẹ bị người giết còn không báo thù, hướng lại đi giết hại chúng sanh” là cố ý nhắc Phật tử tuyệt đối không được sát sanh. Lúc cha mẹ đang bị người ta giết, nếu có cách gì để cứu thì được. Nếu người ta đã giết rồi thì không được đi báo thù.

Việc sát sanh phải tránh hẳn, do đó những khí giới hay những đồ chi để sát sanh không được cất chứa. Nếu cất chứa thì tất nhiên có thể tạo nên duyên để có dịp sát sanh. Vì để ngăn chặn duyên đó, nên Phật răn không được cất chứa.

Cần phải nên học kỹ để hiểu biết, nhớ mà giữ gìn. Trong mười giới này quan trọng đối với chánh pháp thì phải tôn sùng cung kính, tín ngưỡng. Do đó đức Phật dạy phải cung kính đối với những bậc Thầy bạn hiểu rành chánh pháp Đại thừa. Có cung kính mới gần gũi để nghe giáo pháp, cũng như phải cúng dường các vị Pháp sư để thỉnh pháp không được trái bỏ pháp Đại thừa mà theo pháp thế gian tà kiến hay Nhị thừa. Phải siêng năng đi nghe pháp ở chỗ nào có giảng Kinh Luật. Còn đối với những người đồng hạnh, đồng học với mình thì phải giữ gìn cho nhau cho được thanh tịnh. Thấy người khác có lỗi, thì phải khuyên nhắc để cho họ chừa lỗi và sám hối.

Giữ nơi tự thân cho khỏi tội, để được tăng trưởng phước đức lành thì không được uống rượu, vì rượu là nhưn duyên sanh tội lỗi. Trong luật có ghi: Có vị Ưu bà tắc vì uống rượu mà sanh nhiều tội lỗi. Sách có ghi: Một người vào rừng gặp một vị hung thần. Vị hung thần bắt người ấy phải theo một trong hai điều kiện, mà nếu không theo vị thần ấy sẽ giết. Điều thứ nhất là phải về giết mẹ. Điều thứ hai là phải uống rượu của hung thần đưa.

Người ấy suy nghĩ, mẹ mà làm sao mình giết được, thôi thà lãnh bầu rượu. Anh liền nhận bầu rượu, uống say rồi về nhà chẳng những mẹ mà vợ con anh ta cũng giết hết.

Điều ấy cho ta thấy rằng uống rượu say có thể tạo ra nhiều tội lỗi, còn nặng hơn tội giết mẹ nữa!

Như vậy, muốn tránh duyên tạo tội, Phật răn cấm không được uống rượu, cũng như không được ăn thịt của chúng sanh vì ăn thịt mất lòng từ bi, phạm giới sát gây nghiệp oan trái đối

với chúng sanh. Như trong kinh Lăng Nghiêm: **Người ăn thịt đời đời vay trả nhau, không có lúc nào thoát khỏi sanh tử luân hồi. Trong đó, có nói người giết dê để ăn thịt, thì dê nó sẽ làm người rồi vay trả giết xoay dần lẫn nhau, không thể thoát khỏi. Vì thế nên Phật mới kết rằng: Ăn thịt thì mắc vô lượng tội lỗi, tất cả các thứ thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn.**

Không được ăn loại ngũ tân: hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ. Các thứ đó làm đồ gia vị trong các thứ thực phẩm cũng không được ăn. Đến như không được cất chứa khí cụ sát sanh. Nếu trong nhà có sẵn thì phải bỏ đi không nên đem cho người và cũng không được bán. Nếu bán là mình xúi người ta sát hại chúng sanh. Vì thế cho nên không được cho hoặc bán, phải hủy bỏ đi.

11. GIỚI ĐI SỨ

Nếu là Phật tử chẳng được vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh bị giết hại. Là Phật tử, còn không được vào cùng qua lại trong quân trận, huống lại cố làm môi giới chiến tranh! Nếu cố làm, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Đi sứ là lãnh trách nhiệm đem thơ từ hay những lời ủy thác của người này, đi truyền cho một người khác, hoặc qua một nước khác. Vấn đề đi sứ có hai phần: phần lớn là lãnh sứ mạng ở một nước. Phần nhỏ: lãnh sứ mạng riêng với cá nhân một người nào, như đưa thơ chẳng hạn. Đây là cấm những việc đi sứ có tính cách ác, bất thiện.

Việc quan trọng nhất, là lãnh sứ mạng để đi khai chiến cho hai nước. Các nhà du thuyết ngày xưa và bây giờ, các nhà

ngoại giao có thể làm cho hai nước gây hấn nhau để có việc chiến tranh thì vô lượng chúng sanh bị giết hại. Do đó, nên Phật tử mà còn làm việc đó thì phạm nơi giới này.

Theo như trong các bộ giải thích thì đây chỉ là thay thế mà thôi, còn nếu thiết sự đi sứ mà do nơi mình làm cho có sự chiến tranh, chính tự ý mình làm cho sự bất hòa giữa hai nước để có chiến tranh thì phạm tội sát sanh, bởi vì gây chiến tranh thì hai bên phải giết hại nhau. Nếu chỉ thay thế lãnh một tờ hiệp ước hay là một sứ mạng thay thế đi truyền lời thôi thì chỉ phạm giới khinh. Đây nói đến việc lớn, còn việc nhỏ như đem thơ cho hai nhà thù hận nhau để sanh ra những sự bất hòa, có những sự chém giết lẫn nhau thì cũng phạm ở điều giới này.

12. GIỚI BUÔN BÁN PHI PHÁP

Nếu là Phật tử cố bán người lành, tội trai tứ gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây, đồ đựng thây chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, huống lại bảo người? Nếu cố tự buôn bán hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Người xuất gia, nếu buôn bán, bất luận buôn bán thứ gì cũng là phi pháp. Người xuất gia không được buôn bán. Còn người tại gia thì không cấm, bởi vì cũng là nghề nghiệp sanh nhai, nhưng cấm buôn bán phi pháp.

Buôn bán người lành, tội trai, tứ gái như xưa kia có sự buôn mọi, nghĩa là bán những người để làm tội tứ cho người khác, đi bán nô lệ, buôn mọi nô lệ. Đây cũng là nghề làm ăn của người đời. Nếu là Phật tử thì Phật cấm không được buôn bán như vậy. Cho đến buôn bán lục súc (sáu loại thú nuôi): trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê. Đức Phật cấm không được bán

sáu loại đó bởi vì trâu, bò, ngựa nó phải lấy sức lực ra để làm việc cực nhọc, nó làm lưng theo người đòi sai khiến. Nếu đi buôn bán, tất nhiên đem nó vào chỗ cực khổ. Còn các loài khác, hoặc giả để người ăn thịt, hay là để làm thú săn, hay vật sát sanh như mèo, làm thịt để ăn như heo, dê... nếu buôn bán thì làm cho chúng sanh phải khổ.

Như chó, mèo là loại sát sanh, chính nó cũng khổ mà nó làm cho những con vật khác phải khổ. Chính nó cũng khổ như tạo nghiệp ác. Còn heo, dê là con vật người ta ăn thịt, còn những con thú khác như trâu, bò, ngựa thì người ta lại đày ải nó vào công việc nhọc nhằn khổ sở. Do đó người Phật tử phải lấy lòng từ bi làm trọng, không được đồng ý vào việc khổ nhọc của các loài, cho nên Phật cấm buôn bán lục súc.

Thiệt ra, nếu không có những tiệm bán quan tài, hòm đó thì những nhà có người chết không biết lấy chi để chôn cất. Những người bán quan tài thì thường có ác niệm trông mong cho người đến mua nhiều, đồng thời với sự mong mỏi đó thì có quan niệm mong cho nhiều người chết. Như vậy muốn cho Phật tử tránh khỏi duyên khởi niệm ác, cho nên cấm sự buôn bán quan tài.

Những người trại hòm nhiều khi bán ế quá, phải ban đêm bỏ tóc xả vô nằm trong hòm. Cách đó cũng như trù ếm cho có người chết để đến mua hòm đó là ác ý, cho nên Phật cấm. Phật độ người, lẽ nào không hiểu rõ hậu quả của chúng sanh, Phật đã thấy rõ như vậy.

Trái lại, bố thí quan tài thì phước đức vô lượng. Vì sao? Vì người bố thí hòm đó, không khi nào mong muốn cho người chết nhiều để người ta đến xin hòm, chỉ nghĩ là để giúp cho những người nghèo thiếu vậy thôi. Do đó lúc nào cũng muốn người ta mạnh giỏi, người ta ít chết. Tâm niệm đã bố thí rồi, lại muốn cho người ta ít chết, mạnh khỏe, có quan niệm tốt, cho nên được phước đức nhiều. Đức Phật chẳng

những cấm không được buôn bán quan tài, cho đến ván cây, đồ đựng thây chết.

Những đồ đựng thây chết, đến như vải để tẩm liệm hay là các vật khác cũng không được buôn bán. Chẳng những tự mình không được buôn bán, cũng chẳng được bảo người khác làm tiệm đó, buôn bán các thứ đó. Nếu tự buôn bán hay bảo người buôn bán hoặc là hùn vốn đều phạm tội này vậy.

13. GIỚI HỦY BÁNG

Nếu Phật tử vì ác tâm nơi người tốt, người lành, Pháp sư, sư Tăng, hoặc Quốc vương và hàng quý nhơn, vốn vô sự mà hủy báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Với cha mẹ, anh em trong lục thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đọa nơi ác đạo. Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Hủy báng, tất nhiên nói hủy báng những người tu hành hoặc là vu khống cho là phạm tội này, tội kia. Đến trong thân thuộc: cha mẹ, anh em cũng phải luôn luôn nêu đức tốt, hạnh lành, không nên bày vẽ để hủy báng.

Pháp sư là vị thuyết pháp, giảng kinh. Sư Tăng là các vị Hòa thượng, A xà lê. Quốc vương bây giờ là vị nguyên thủ trong quốc gia, Quốc trưởng, Thủ tướng chẳng hạn. Hàng quý nhơn là quan quyền.

Người ta không có lỗi mà lại vu khống cho họ phạm lỗi này lỗi kia. Các vị quan chức không ăn hối lộ, mà lại vu khống cho là hối lộ, có khi vu khống cho người ta là phạm giới trọng như: trộm cắp, nói dối v.v...

Với hàng thân thuộc như: cha mẹ, anh chị, lục thân bà con thân quyến, không được vu khống. Khi nào thiệt có tội lỗi thì

chỉ ngay cho người ta ăn năn sửa lỗi, sám hối chừa bỏ. Còn đây không có lại đi nói cho thành có vì muốn người đọa ác đạo, cho nên phạm tội đọa nơi ác đạo. Những tội nghịch hay tội trọng đều đọa nơi ác đạo. Chỉ một niệm muốn người đọa ác đạo thì phạm Khinh cầu tội.

14. GIỚI PHÓNG HỎA

Nếu Phật tử, vì ác tâm, phóng hỏa đốt núi rừng đồng nội. Từ tháng Tư cho đến tháng Chín phóng hỏa. Hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, Tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quý thần. Tất cả chỗ có sanh vật, không được cố thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Đốt lửa mà đốt phi pháp thì tức nhiên theo luật thế gian phải đền. Còn đây nói phóng hỏa hợp pháp theo thế gian, cũng như trong vườn, nơi ruộng rẫy, làm cỏ rồi vun đóng lại để đốt, hay cỏ khô châm lửa cho cháy. Trong đây cấm từ tháng Tư đến tháng Chín không được đốt, bởi vì tháng đó là tháng mùa mưa, những sanh vật nhỏ ở trong cỏ, ở dưới đất nhiều, những trùng, những kiến, nếu đốt thì các loại ấy bị hại. Cho nên cấm từ tháng Tư cho đến tháng Chín không được phóng hỏa. Phóng hỏa đây là nói đốt một vùng rộng lớn, đốt cả một cánh đồng hay một cụm rừng, một ngọn đồi v.v...

Cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, Tăng phường, ruộng cây của người, theo luật thế gian phải đền bồi. Còn trong Phật pháp phạm tội Khinh cầu.

“**Cung điện tài vật của quý thần**” tức là đền, miếu, đình, chỗ thờ các vị quý thần.

“**Tất cả chỗ có sanh vật không được cố thiêu đốt**”. Do đó không luận là mùa nào hay chỗ nào rộng hay hẹp cũng

không được cố thiêu đốt, hoặc một khúc cây mà trong đó có kiến, có mối cũng không được đem đốt. Cho nên nói **“tất cả chỗ có sanh vật vậy đều không được cố thiêu đốt”**. Chữ “cố” là cố tâm thiêu đốt. Nếu cố ý thiêu đốt thì phạm Khinh cấu tội.

Vì không có tâm niệm hộ sanh, cứ đốt đại mà không coi trong đó có sanh vật không? Đây là tâm ác, phạm tội nặng.

Phóng hỏa từ tháng Tư cho đến tháng Chín trong mùa mưa thì phạm tội không luận có sanh vật hay không. Phóng hỏa làm cháy lan đến nhà cửa người khác, cho đến ruộng cây của người, đình, miếu, cung điện của quý thân. Ngoài việc đền bù cho sở hữu chủ, còn phải mắc tội đây vậy. Không luận chỗ đốt đó nhỏ hay lớn, cũng không luận là thời gian nào, nếu có sanh vật, dù là một que củi, cố đốt thì vẫn phải phạm tội.

15. GIỚI DẠY GIÁO LÝ NGOÀI ĐẠI THỪA

Nếu là Phật tử, từ đệ tử Phật, lục thân, tất cả thiện tri thức đến ngoại đạo ác nhưn, đều phải khuyên bảo thọ trì Kinh Luật Đại thừa. Nên giảng cho hiểu nghĩa lý, khiến phát Bồ đề tâm, Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm, trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món, mà Phật tử lại vì ác tâm, sân tâm đem Kinh Luật của Thanh Văn Nhị thừa cùng các bộ luận của ngoại đạo tà kiến để dạy ngang cho người, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Những Phật tử thọ giới Bồ tát rồi, tự mình phải học giáo lý Đại thừa, bởi vì đã thọ giới Đại thừa, rồi tu tập giáo lý Đại thừa và đem giáo lý Đại thừa đó để dạy cho người khác, hoặc ít hoặc nhiều theo sự hiểu biết của mình, để gây giống lành

manh, thiện căn về Đại thừa để thành Phật. Mà giáo lý Đại thừa không đem dạy cho người, lại đem những giáo lý khác để dạy, việc đó là mất tâm từ bi, cho nên thiếu bốn phạm Phật tử thọ Bồ tát giới.

Đây nói bốn phạm người Phật tử thọ Bồ tát giới. Trong kinh nói “Phật đệ tử” là chỉ cho hàng Thanh Văn Nhị thừa.

Đối với các bậc đó, cho đến lục thân quyến thuộc, tất cả thiện tri thức, các người quen biết bạn bè, đến những người ngoại đạo, những kẻ ác (những người hung ác ngoài đời, kẻ trộm cướp, du côn, du đảng) tất cả phải có tâm bình đẳng mà khuyên bảo họ thọ trì Kinh Luật Đại thừa. Nếu có duyên đến thì đem Kinh Luật Luận Đại thừa để giảng giải cho họ hiểu. Đây không phải giảng giải cho hiểu tất cả, dù đó là một câu kinh, hay một bài kệ, một đoạn ngắn hay chỉ là một pháp thôi, nếu thuộc về Đại thừa đều là giáo pháp Đại thừa cả. Nên giảng dạy cho họ hiểu nghĩa lý để họ phát Bồ đề tâm, tăng trưởng lần lần để được những Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm, nghĩa là tạo sự lý từng bậc tu tập, đến địa vị Bồ tát.

Thập Phát Thú là Thập Trụ Bồ tát, Thập Trưởng Dưỡng là Thập Hạnh, Thập Kim Cang là Thập Hồi Hương. Trong ba mươi tâm ấy phải giảng giải cho họ hiểu pháp dụng tuần thứ của mỗi món.

Đây nói các bậc Đại thừa Bồ tát, Pháp sư có đủ năng lực cần phải đem công hạnh, những sự lý nơi các bậc Bồ tát để giảng giải cho những người mới phát tâm Bồ đề, cho họ ham mộ quy hướng nơi đó, tinh tấn tu hành.

Giờ đây Phật tử lại vì ác tâm, sân tâm không muốn cho họ thành Phật, muốn cho họ sa vào hàng Thanh văn hay lạc vào ngoại đạo tà kiến, mà đem Kinh Luật Thanh văn để dạy cho người hoặc các bộ luận tà kiến để dạy.

Họ thích học kinh điển Đại thừa, nhưng mà đem giáo thuyết Nhị thừa hay của ngoại đạo tà kiến để dạy cho họ. Do đó phạm tội Khinh cấu, tội thứ 15 này.

Nếu không có ác tâm, sân tâm, chỉ vì muốn dẫn dắt những người căn cơ còn thấp, không thể lãnh thọ được giáo pháp Đại thừa, mà đem pháp Tiểu thừa để dạy cho người, như vậy không có tội. Nhiều khi những người thích ngoại đạo, giảng cho họ thấy trong đó có chỗ chưa hoàn bị rồi sẽ đem pháp hoàn bị hơn, để họ hướng về pháp của Phật, như vậy là tâm tốt. Mục đích dìu dắt theo căn cơ người đó, cho nên dạy sách luận của ngoại đạo. Như vậy là không có tội.

Ngoại đạo là gì? Đạo ở ngoài Phật pháp.

16. GIỚI VÌ LỢI MÀ GIẢNG PHÁP LỘN LẠO

Nếu là Phật tử phải tận tâm học Kinh Luật, oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có hàng tân học Bồ tát từ xa trăm dặm, nghìn dặm đến cầu học Kinh Luật Đại thừa, nên đứng như pháp giảng dạy tất cả khổ hạnh, hoặc tự đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay.

Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cũng đừng chur Phật thời không phải là hàng Bồ tát xuất gia. Nhẫn đến xả thịt nơi thân mình cùng tay chân mà bố thí cho tất cả những cạp, sói, sư tử đói, cùng tất cả các loài quỷ đói. Rồi sau mới tuân tữ theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý.

Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng Kinh Luật một cách diên đảo, văn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam Bảo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Lộn lạo là không có thứ tự, làm cho người học không thể nhận được, bởi vì đã lộn lạo tất nhiên sự hiểu biết sai lầm, mặc dù cũng nói về chánh pháp, nhưng nói quả lộn với nhơn, trước sau lộn lạo. Phạm lộn với Thánh, Thánh lộn với Phạm, làm cho người học hiểu biết sai lầm.

Vị nào đã thọ giới Bồ tát, phải tận tâm học Kinh Luật oai nghi Đại thừa. Học Luật để đầy đủ oai nghi, học Kinh để thông hiểu nghĩa lý. Sau khi thông hiểu rồi, khi thấy có hàng tân học (mới hướng vào Đại thừa). Những vị đó sự hiểu biết còn kém, hay là chưa biết, từ xa đến cầu học Kinh Luật Đại thừa, phải đúng như pháp giảng dạy, nghĩa là giảng dạy đúng như pháp, đúng như lời Phật dạy không sai.

Trong Bồ tát hạnh thì trọng khổ hạnh, nên đã lấy việc khổ hạnh cho tất cả hạnh của Bồ tát. Mà trong việc khổ hạnh có việc đốt thân là việc lớn hệ trọng, nên lấy đó làm lẽ cho các khổ hạnh khác.

Tại gia không bắt buộc khổ hạnh là đốt thân, còn hàng xuất gia thì phải đốt như thế. Cho nên nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật, thì không phải là hàng Bồ tát xuất gia.

Không đốt được hết thân thì phải đốt một phần nơi thân như cánh tay, ngón tay. Nếu không đốt được phần tay chân thì đốt một phần nào ít trên thân. Cổ Đức ngày xưa thấy sự khó khăn đó, nên mới có đốt liều để cho hợp với pháp đây, khỏi trái lời Phật dạy. Đốt liều thì cũng đốt trên thân. Do đó đốt liều có nghĩa là đốt thân để cúng dường Phật, chứ không phải để đánh dấu thứ bậc tam đàn hay là nhị đàn. Không thể đốt cánh tay, ngón tay hay toàn thân cúng dường chư Phật, cho nên đốt chút ít trên da như vậy để tỏ lòng cung kính nên mới đốt liều trên đầu. Về sau này, những vị thọ Bồ tát giới tại gia

phát tâm đốt nơi thân để cúng dường Phật. Vì nếu đốt trên đầu thì sợ làm với người xuất gia. Người tại gia có đốt cúng dường thì đốt nơi cánh tay.

Đây là chỉ một phần ít cho hợp lời Phật dạy, do đó mà có đốt hương, đốt liều cúng dường Phật khi đã thọ giới Bồ tát.

Sự khổ hạnh để mà bố thí là đối với chư Phật. Còn đối với chúng sanh thì hạnh khó làm đây (là khổ hạnh), là xả thân để bố thí chúng sanh. Nói xả thân bố thí chúng sanh là nói những vật ngoài thân như nhà cửa, tiền bạc, châu báu, đó là việc dễ nhẫn đến xả thịt nơi thân mình, như tay chân mà bố thí cho tất cả cọp, sói, sư tử đói, cùng tất cả loài quý đói...

Thú đói nếu không có thịt của ta thì nó sẽ chết. Nếu thiếu những hạnh bố thí này khó thành Phật. Nếu đủ nhẫn lực để thực hành hạnh bố thí cả thịt nơi thân mình hay là đốt cả thân hay ngón tay, cánh tay, như vậy mới có công đức.

Còn nếu làm cho lấy lệ, lấy có hay là để cầu danh cầu tướng, rồi trong lúc đó phiền não lại khởi lên, lấy làm đau khổ, bứt rứt bực bội, thì vị tế sân phát khởi, bởi vì không chịu đựng được những sự khổ đó. Phải có đủ nhẫn lực, khi thực hành hạnh bố thí đó, trong tâm thờ thối, mát mẻ sung sướng như uống nước cam lộ. Như vậy mới thành tựu được đức lành. Được sự nhẫn lực như vậy là chúng được sanh Không hay pháp Không. Chớ đừng thấy trong đây tán thán hoặc giả là những người khác tán thán rồi cứ làm đại, không đúng pháp thì không có công đức.

“...Rồi sau mới tuân tự theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học được mở thông tâm ý...”

Ở đây giảng chánh pháp, những hàng tân học Bồ tát đến để cầu pháp. Còn nếu bố thí thân để cho cọp, sói, sư tử đói ăn, thì vị Bồ tát đó phải chết, thì còn ai để giảng chánh pháp. Nên hiểu như thế này:

Đại thừa Bồ tát không lấy thời gian, hạn cuộc nơi một thân. Nếu ở đời đó có chết đi, tức là làm nhơn duyên cho đời sau để độ.

Thuở xưa, đức Phật đã kết nhơn duyên đem thịt nơi thân để bố thí cho mấy người đói, nên khi thành Phật rồi nhờ nhơn duyên đó mới độ được họ đắc pháp.

Người Phật tử thọ Bồ tát giới rồi, phải khô hạnh, phải đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật nếu là Bồ tát xuất gia. Còn đối với chúng sanh, ở dưới thì phải làm tất cả điều lợi ích. Cho đến việc lớn là dù xả thân mình để cho nó khỏi chết đói, vẫn phải cố gắng thực hiện, để đem nhơn duyên đó phát khởi thiện căn cho chúng sanh được kết duyên lành, rồi nó có thể lãnh hội nơi chánh pháp.

“Nếu Phật tử, vì quyền lợi đáng dạy mà không dạy...”. Đáng lẽ đem chánh pháp Đại thừa để dạy cho hàng tân học Bồ tát mà bây giờ vì quyền lợi cho nên không dạy.

“Giảng Kinh Luật một cách điên đảo, vãn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau...”. Như vậy làm mất giá trị chánh pháp của Phật, cho nên trong đây nói thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam Bảo, bởi vì pháp của Phật đâu phải là lộn xộn, không thứ lớp. Bây giờ mà đem pháp của Phật mà giảng một cách điên đảo, lộn xộn làm mất giá trị chánh pháp của Phật. Mà chánh pháp đã mất giá trị thì tất nhiên, Phật, Tăng cũng giảm giá trị. Cho nên thuyết pháp như vậy là hủy báng Tam Bảo. Việc thuyết pháp rất hệ trọng, chứ không phải muốn nói gì thì nói. Nếu nói rằng thuyết pháp thì phải giảng nói chánh pháp của Phật, phải đúng như pháp để thuyết. Còn thuyết pháp mà không đúng như pháp thì tất nhiên có lỗi. Đã có lỗi thì không có công đức.

17. GIỚI CẬY THỂ LỰC QUYÊN TỎI

Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng danh dự mà thân cận Quốc vương, Hoàng tử cùng

các quan, nương quyền cậy thế bức người để lấy tiền của, lại bảo người khác cũng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy, gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Quyên tởi là lạc quyên, quyên tiền để cất chùa hay làm việc khác. Mà đây nói cậy thế lực, cậy thế lực của chính quyền, cậy thế lực của quan, của vua để đi quyên tiền bạc. Đây là dựa quyền của vua chúa, các quan để đi quyên tiền.

Danh từ ác cầu, đa cầu là gì? Ác cầu là cầu không đúng pháp, dùng quyền lực để thúc người ta. Người ta không phát tâm cúng dường nhưng bị quyền lực bắt phải cúng dường, còn đa cầu là cầu quá đáng.

Người được chính quyền ủng hộ, nương thế lực để áp bức người. Nếu làm tất nhiên phạm. Còn như người ta phát tâm thì không phạm.

Nếu đem số tiền đi quyên phi pháp ấy cất chùa, đúc tượng v.v... cũng phạm tội. Không có phước đức gì cả.

18. GIỚI KHÔNG THÔNG HIỂU MÀ LÀM THẦY TRUYỀN GIỚI

Nếu là Phật tử, phải học 12 phần kinh, thường tụng giới mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ tát giới, hiểu rõ nghĩa lý tánh Phật tánh của giới.

Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu cùng như duyên của giới luật, mà dối rằng thông hiểu, đó chính dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một luật mà lại đi làm Thầy truyền giới cho người, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

LƯỢC GIẢI

Nếu Phật tử đã thọ giới Bồ tát rồi, thì phải cố gắng học mười hai phần kinh. Mười hai phần kinh đó là:

- **Trường Hàng** là văn xuôi.
- **Trùng tụng**, là những bài kệ nói lại ý nghĩa của văn Trường Hàng, như trong kinh Phổ Môn, bài kệ ở sau nói lại nghĩa của phần văn ở trước.
- **Cô Khởi**, là bài kệ riêng ra, không phải thuật lại ý nghĩa của Trường Hàng, như bài kệ trong kinh Kim Cang.
- **Bổn sanh, Bổn sự** của Phật, nói những nhơn duyên.
- **Nhơn duyên**, là nói về nhơn duyên gặp Phật, nghe pháp.
- **Luận nghị**, là lời hỏi, lời đáp trong kinh, như trong kinh Duy Ma Cát.
- **Thí dụ**, đem ví dụ để nói rõ nghĩa của pháp, như kinh Pháp Hoa. Phương Đẳng - tức là Pháp Đại thừa.
- **Tự thuyết**, không ai thưa hỏi mà Phật tự nói như kinh Phật thuyết A Di Đà.
- **Vị Tăng Hữu**, là pháp trước kia chưa từng có.
- **Thọ ký**, như thọ ký cho Bồ tát sẽ thành Phật.

“**Thường tụng giới**”: có nhớ thuộc mới thực hành. Mỗi ngày sáu thời: ngày ba thời, đêm ba thời. Ngày ba thời: sáng, trưa, chiều. Đêm ba thời: đầu hôm, giữa đêm, cuối đêm. Như vậy cả ngày đêm nghiêm trì giới Bồ tát, không có lúc nào hở trống.

“**Hiểu rõ nghĩa lý tánh, Phật tánh của giới**”: Tánh của giới chính là chủng tử Phật tánh, bổn nguyên của chư Phật, cũng là căn bản của hàng Bồ tát.

Pháp ta học đây thuộc về giới tướng (tướng của giới). Nếu không hiểu một kệ một câu, nhơn duyên của giới luật mà

đôi là thông hiểu để làm Thầy, tức là tự gạt mình, mà cũng chính là gạt người khác. Nếu đi làm thầy truyền giới cho người, thì phạm Khinh cấu tội... Như vậy, những người chưa thông hiểu giới pháp Đại thừa, không được đi làm thầy truyền giới cho người.

19. GIỚI LƯƠNG THIỆT

Nếu Phật tử, vì ác tâm thấy thầy Tỳ kheo trì giới, tay bung lư hương tu hạnh Bồ tát, tự đi đơm thọc hai đầu, cho sanh sự bất hòa, khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

LƯỢC GIẢI

Lương thiết là nói hai lưỡi, là nói lưỡi đôi chiều đòn xóc hai đầu: đến người này nói người kia, đến người kia nói người này, để cho hai bên hờn giận nhau, thù ghét nhau, làm mất niềm hòa khí.

Đáng lẽ, Phật tử thấy những vị tu Bồ tát hạnh, thì phải tùy hỷ tán dương, khuyến khích khen ngợi, đây lại ghét, có ác tâm tất nhiên không thích. Những vị tu hạnh Bồ tát chỉ bung lư hương vì trong hạnh Bồ tát lấy việc cúng dường Phật làm trọng.

Do đó trong các kinh Đại thừa, trước khi nói pháp đều thuật lại sự cúng dường. Như trong kinh Pháp Hoa, phẩm “Hóa Thành Dụ”, lúc ngài Đại Thông Trí Thắng Phật ngồi đạo tràng các chư Thiên mười phương đến để cầu pháp. Trước khi cầu pháp đều đem hương hoa cho đến cung điện để dâng cúng dường. Sau cúng dường rồi mới thỉnh pháp, thì thấy rằng, việc cúng dường làm trọng trong giáo pháp Đại thừa.

Khi thấy vị Tỳ kheo giữ giới thanh tịnh phải kính trọng, khen ngợi, khuyến khích, giúp đỡ, mà trái lại vì ác tâm, đem

tâm ganh ghét, rồi kiếm chuyện này chuyện nọ để đi nói với người này người kia, cho người ta khinh khi các vị tinh tấn tu hành đó. Như vậy các vị tu hành cũng mất sự ủng hộ và những người chung quanh cũng bị chướng ngại nơi lòng tín kính đối với bậc tu hành. Do đó tạo nhiều tội ác. Trong đời thường có như vậy, người nào phát tâm tu hành thì cũng có người đi nói xấu.

Làm cho chung quanh người ta có ác ý đối với vị tu hành tinh tấn đó, vậy mình đã mất lợi lớn còn sanh ra điều hại, sanh ra nhiều sự chướng, tội lỗi.

20. GIỚI KHÔNG PHÓNG SANH

Nếu Phật tử vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh, tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhơn là mẹ ta. Từ nhiều đời ta đều thác sanh nơi đó. Vì lẽ ấy, nên chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta.

Nếu giết chúng để ăn thịt thì chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sanh nên tìm cách cứu vớt cho chúng được thoát khỏi nạn khổ! Thường đem giới Bồ tát để giảng dạy để cứu độ chúng sanh.

Nếu ngày cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh Luật Bồ tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sanh Tịnh Độ ra mắt chư Phật, hay thác sanh trong cõi trời, cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Mười giới như thế cần nên học tập kính trọng phụng trì.

Nếu sát sanh thì phạm điều trọng thứ nhứt, trong mười giới trọng ở trước. Thấy chúng sanh sắp chết, nếu có duyên,

có sức mà không cố gắng tìm cách giải thoát cho nó, cứ nhẫn tâm để cho nó chết, bị giết như thế, tất nhiên phạm tội không phóng sanh.

Là Phật tử thọ giới Bồ tát rồi, thì phải có tâm từ bi, tất nhiên phải phóng sanh, do tâm từ thương xót cứu vớt khi thấy nó sắp bị giết nên mua nó để thả, tâm từ bi thể hiện như vậy đã đành, nhưng phải hiểu sâu một chút nữa. Phật nói: **“Tất cả nam tử, nam tử đây không chỉ một loài người cho đến loài thú, loài chim, những con trống, con mái nó là cha mẹ ta cả”**.

Vì nhiều đời, ta đều thác sanh nơi đó. Từ vô lượng đời xoay vần trong vòng lục đạo này. Có lúc làm trời, có lúc làm người, có lúc làm súc sanh, có lúc làm quỷ, địa ngục v.v... Như vậy, nếu không nhiều thì cũng có một đời nào đó, có duyên làm mẹ cha với con vật, con chim, chưa nói đến làm người. Cho nên Phật nói: **“Chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, mà cũng là thân cũ của ta”**.

Ta có thân này là do tứ đại hòa hợp mà thành. Sau khi chết rồi thân tan rã trở về tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong thì chất tứ đại đó sẽ kết hợp lại thành thân của những con vật khác. Do đó, những con vật sắp sửa bị giết, bị hại tất nhiên thân của nó cũng là thân cũ của ta.

Phật nói: **“Tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta”**. Nghĩa là tất cả loài vật cho đến loài người, đều dùng chất tứ đại để kết thành thân cả. Vì vậy, nên nghĩ rằng tất cả chúng sanh đều là cha mẹ ta, đều là thân cũ của ta, nên phải thường làm việc phóng sanh và khuyến bảo người làm.

Nếu nghĩ được như vậy thì lòng thương của ta tăng lên. Bởi vì thấy con vật đó như cha mẹ của ta. Và thấy những thân con vật đó như thân của ta nên sanh tâm mến tiếc.

Đức Phật lại bảo: **“Nếu thấy người đời sát sanh, nên tìm cách cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ”**. Tìm cách hoặc mua chuộc, hoặc khuyến lơn, năn nỉ.

Nếu thiệt sự mình không đủ sức thì nên chú nguyện cho nó, hoặc niệm Phật, để nhờ duyên đó sau khi chết rồi, nhờ niệm Phật, trì chú, tụng kinh nó được sanh về cõi lành, được thêm thiện căn trong tương lai không bị khổ nữa. Chẳng những thương xót con vật bị giết mà còn thương xót cả người giết nữa. Vì người đó đang tạo nghiệp khổ, sẽ bị quả báo khổ...! Nhưng như vậy cũng chưa hết khổ cho đôi bên, vì còn người sát và còn kẻ bị giết. Muốn chấm dứt cái nhơn sát, nhơn của khổ ấy, không gì bằng đem giới Bồ tát giảng dạy. Nếu giảng dạy mà họ chịu tin và thực hành thì những việc sát sanh, việc khổ chấm dứt. Cho nên Phật bảo, phải thường xuyên đem giới Bồ tát để giảng dạy cứu độ chúng sanh, tất nhiên cứu cái nhơn, còn phóng sanh, mua chuộc để phóng sanh là cứu cái quả.

Bây giờ muốn cho chấm dứt thì phải cứu cái nhơn, khiến cho mọi người phát tâm từ bi. Mà tâm từ bi có rồi thì sát sanh không còn nữa, chúng sanh khỏi khổ. Do đó, việc phóng sanh ở trên, gọi rằng cứu cho chúng được thoát khỏi nạn khổ. Còn đem giới Bồ tát giảng dạy đó là cứu độ. Điều này quan trọng. Cứu khổ chỉ tạm thời thôi, còn cứu độ mới thiệt là rất ráo.

Chẳng những độ sanh mà còn độ tử. Thế cho nên nói: như cha mẹ anh em những người thân thuộc đã chết thì phải thỉnh Pháp sư giảng kinh Luật Bồ tát giới, nhờ phước đức đó được sanh về Tịnh Độ, gặp Phật, hoặc sanh trong cõi trời, cõi người, khỏi bị sa đọa trong tam đồ.

Do đó, giới phóng sanh này có hai: cứu khổ và cứu độ những chúng sanh sống và cũng là siêu độ cho những người quá vãng. Mười giới như thế cần nên học tập, hết lòng kính trọng phụng trì.

Tiền thân của Phật, có những đời Phật cũng làm đến con chí, con rận, con chim. Có những đời làm con nai, những đời

làm người, những đời tu hành làm Tiên nơn. Chúng ta đây cũng vậy.

Tiền thân đức Phật còn sanh trong các loài như thế, hưởng chi chúng ta đây những đời quá khứ e cũng lẫn lộn trong các loài, có đủ các thân... Nên nói tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nơn là mẹ ta. Chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta. Mình dùng chất tứ đại làm thân, các loài cũng dùng tứ đại làm thân. Do đó nên tất cả chất tứ đại đều là bản thân bản thể của ta. Nếu giết các loài là giết cha mẹ của ta, cũng là giết thân cũ của ta. Nghĩ như vậy thì tình thương nồng hậu tha thiết, việc phóng sanh, việc cứu độ được mạnh mẽ.

21. GIỚI ĐEM SÂN BÁO SÂN, ĐEM ĐÁNH TRẢ ĐÁNH

Nếu là Phật tử không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ, anh em hay lục thân bị người giết, cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người thí chết, cũng không được báo thù. Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng đó là việc không thuận với hiếu đạo. Hãy còn không được chứa nuôi tội tở, rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhứt là khẩu nghiệp. Huống lại cố đi làm tội thất nghịch.

Nếu xuất gia Bồ tát không có lòng từ bi, cố báo thù cho đến cố báo thù trong hàng lục thân, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Là đệ tử Phật thì không được sân trở lại, khi người khác sân với mình; không được đánh trở lại, khi người khác đánh mình.

Tiền thân đức Phật có đời làm tu hành nhẫn nhục, bị vua Ca Lợi lắ tai, xẻo mũi, chặt cả chân tay. Trong kinh Kim Cang có nói tiền thân đức Phật, từ nhiều đời Phật đã không đem giận trả giận, lại còn tăng trưởng lòng thương. Có một

đời đức Phật là một vị tu hạnh nhẫn nhục trong cụm rừng. Nước đó vua Ca Lợi đang trị vì. Một hôm nhà vua dắt cung phi mỹ nữ, các quan đi săn bắn vui chơi trong khu rừng, khi vua mệt mỗi ngòai lại nghỉ, các cung phi, mỹ nữ theo hầu, lúc đó tản ra đi kiếm bông, kiếm hoa rừng để hái. Gặp vị tu hành, các cung phi, mỹ nữ đem bông cúng dường và cầu nghe pháp. Vua Ca Lợi chờ một lát lâu không thấy cung phi mỹ nữ mới đi tìm. Đi tới đó thấy cung phi mỹ nữ đang quỳ kính trọng đối với nhà tu hành, vua bèn sanh lòng ghen tức rút gươm ra hỏi: Ngài là người thế nào mà lại quyến rũ cung phi mỹ nữ của ta? Vị tu hành nói: Tôi chỉ đem giáo pháp để chỉ dạy cho các người đó bởi vì họ yêu cầu chứ không có ý gì khác. Vua nói: Nếu mà ông không có ý gì đối với các người nữ, các nữ sắc thì phải là người đến trình độ ngũ uẩn giai không mới được. Ông đã ngũ uẩn giai không chưa?

Vị tu khổ hạnh trả lời: “Chưa”

Nhà vua nói: Nếu ông chưa phải là ngũ uẩn giai không thì ông phải được cái thiên định ly dục, như là chúng Sơ thiên hay là Nhị thiên. Bây giờ ông đã chứng được thiên định ly dục chưa?

Ông đáp: “Chưa”

Vua nói: Như vậy tất nhiên là ông vẫn còn cái tâm tham dục, tại sao dám nói là ông không có ý nghĩ gì với các sắc đẹp đó? Như vậy là nói dối. Vậy ông ngồi đây để làm gì?

Ông đáp: Tôi ngồi đây để tu hành nhẫn nhục.

Nhà vua nói: Ủ? Để coi ông nhẫn nhục hay không nhẫn nhục cho biết. Nhà vua cắt hai lỗ tai của ông và hỏi: Giận chưa?

Ông đáp: Không!

Lát luôn lỗ mũi. Hỏi giận chưa?

“... Không!”

Chặt luôn hai chơn nữa. Hỏi giận chưa?

“... Không!”

Chặt luôn hai cánh tay. Hỏi có giận chưa?

“... Không!” (mà sắc mặt không đổi)

Lúc đó ông vua run sợ đến rớt gương, các vị Thần trong rừng giận vua nên nổi sấm sét. Người tu khổ hạnh ngược mặt lên. Ngài nói: Các vị Thần nếu có thương các người tu hành thì không nên làm như vậy, sấm sét liền dứt.

Ông vua mới nói rằng: Ngài nói là không giận thì có cái gì để chứng minh hay không? Chớ tôi thấy thì máu mủ nó chảy ra thân của Ngài tôi cũng run lên!

Ngài nói: Bây giờ tôi chỉ còn cách lập lại lời nguyện để chứng minh mà thôi. Nếu tôi có một niệm nhỏ hờn nhà vua thì những vết thương này nó sẽ hành tôi cho chết, còn nếu không có niệm gì để hờn nhà vua, nghĩa là không có một chút gì sân, thì xin cho thân thể tôi hoàn phục lại như cũ, để chứng minh điều đó! Ngài vừa phát nguyện xong thì có luồng gió mát từ bốn phương thổi tới, làm cho thân thể của nhà tu hành đó (tiền thân đức Phật) đều hoàn phục lại như cũ. Vua thất kinh đánh lễ sám hối.

Như vậy chúng ta là đệ tử Phật phải cố gắng! Tiền thân của Phật trong khi tu hành, còn là phàm phu trong cõi dục nhưng vẫn không đem giận để trả giận của người khác, nghĩa là không đem niệm ác để trả lại việc ác của người khác mà họ gieo đến. Vậy chúng ta là đệ tử Phật phải có ảnh hưởng nào một đôi chút. Còn nếu không được, tất nhiên không đáng là đệ tử của Phật. Điều tệ nhất, là người ta sân ít, mình sân nhiều, người ta đánh ít mình đánh nhiều, người ta mắng ít mình mắng nhiều. Nếu có gặp Phật mà nói tôi có phải là đệ tử Phật

không, thì chắc Phật sẽ lắc đầu! Điều này rất quan trọng cho việc tu hành hằng ngày.

Đầu tiên Phật răn dạy Phật tử không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh, nghĩa là người ta có giận mình thì mình cũng phải thương trở lại. Người ta có đánh, chửi mắng nhiếc mình; mình cũng không được đánh chửi, mắng nhiếc trở lại, nghĩa là phải nhẫn, mà nhẫn với lòng hoan hỷ chứ không phải nhẫn mà bực tức rồi đè nén trong tâm, nghĩa là nhẫn với lòng hoan hỷ tha thứ.

Báo oán tức là trả thù, nếu cha mẹ, anh em hay lục thân bị người giết thì theo ở đời phải báo thù. Người ta giết cha mẹ mình thì phải báo thù. Người ta giết chúa mình phải báo thù. Mà đây trong Phật pháp không phải vậy. Phật răn dạy không được báo thù. Phật nói giết sanh mạng để báo thù sanh mạng đó là việc không thuận với hiếu đạo. Ở đời họ nói, nếu không báo thù cho cha mẹ, không báo thù cho chúa, như vậy là bất hiếu, bất trung. Nhưng trong Phật pháp chính cái báo thù ấy là không thuận với hiếu đạo. Tại làm sao? Bởi vì người đời chỉ thấy cái hiện tại mà thôi, chứ không biết đến quá khứ, cũng như không biết đến tương lai, tức là tam thế nhơn quả.

Trong Phật pháp lại thấy tam thế nhơn quả. Nếu việc cha mẹ hay vua chúa bị giết đó, biết đâu là do báo đời trước mà bây giờ phải trả, nghĩa là có vay và có trả. Đời trước có vay nghĩa là cha mẹ, hay vua chúa của chúng ta trước có giết người đó, cho nên đời này mới bị giết trở lại. Như vậy, sự vay trả ấy đã xong rồi thì đời mấy vị ấy được nhẹ nhàng.

Bây giờ chúng ta lại vì cha mẹ hay là vì vua chúa mà đi giết người kia, như vậy đáng lẽ cha mẹ hay vua chúa trả được nợ rồi, nhưng vì mình đi báo thù, giết người khác, nên cha mẹ hay vua chúa cũng bị ảnh hưởng, mà cái nợ còn dây dưa chưa dứt khoát. Cốt ý là mình báo thù để trả hiếu hay là trọn trung,

nhưng thiệt ra còn làm khổ cho cha mẹ hay vua chúa đã bị giết, bởi nợ còn dây dưa, tất nhiên hiếu đạo không trọn vậy. Còn người mà đi giết để trả thù đó biết đâu chính người đó đời trước hay nhiều đời cũng là cha mẹ ta. Mà cha mẹ hiện đời bị giết đó là cha mẹ hiện tại của ta, còn người giết đó biết đâu là cha mẹ quá khứ của ta? Vì trả thù cho cha mẹ hiện tại mà ta đi giết cha mẹ quá khứ. Như vậy không thuận với nghĩa hiếu đạo. Cho nên việc giết người để báo thù đối với cha mẹ bị giết cũng không thuận với hiếu đạo, bởi vì thêm cái khổ cho cha mẹ. Còn đối với người giết đó cũng không thuận với hiếu đạo, bởi vì người đó cũng là cha mẹ quá khứ của ta.

Còn việc không được chứa nuôi tội tứ rồi đánh đập mắng nhiếc chúng, mỗi ngày tam nghiệp tạo vô lượng tội, nhưt là khẩu nghiệp.

Phật nhấn mạnh là khẩu nghiệp. Do đó Phật không cho nuôi tội tứ. Nếu mướn người ta làm công phải trả công cho đầy đủ, chớ không nên coi họ là tội tứ mà đầy ải. Việc nhỏ đối với tội tứ mà Phật còn cấm, huống nữa là cố làm tội thất nghịch?

Cố làm tội thất nghịch là gì? Là giết người để báo thù mà những người đó ở quá khứ là phụ mẫu. Nếu nhìn theo con mắt giải thoát thì hai bên đã từng làm cha mẹ lẫn nhau.

Người đời nhiều khi vì luật lệ thế gian hay phong tục, cho nên cũng khó cấm được. Cũng như việc nuôi tội tứ. Cho nên Phật mới hạn định riêng cho người xuất gia mà thôi. Do đó mới có câu “tại gia không kết tội, bởi người tại gia còn phải sống theo luật thế gian, theo phong tục, còn người xuất gia mà làm thì phạm...”

Nếu xuất gia Bồ tát không có lòng từ bi, cố báo thù nhằn đến cố báo thù trong hàng lục thân, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Nếu là Phật tử tại gia mà báo thù cho cha mẹ, thì kết tội sát sanh, nếu là giết chết, thì phạm tội trọng thứ nhứt. Còn nếu xuất gia Bồ tát cả hai điều: cố báo thù mà giết người kia chết thì sát non, tất nhiên phạm tội trọng thứ nhứt, rồi thêm một tội cố báo thù, là cả hai tội.

Nếu giết người thì phạm tội sát sanh, còn việc cố báo thù thì phạm giới kinh 21 này, còn tại gia chỉ trái lời Phật dạy răn chớ không kết tội.

22. GIỚI KIÊU MẠN KHÔNG THỈNH PHÁP

Nếu Phật tử mới xuất gia chưa thông hiểu kinh Luật mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý, lớn tuổi, hoặc ý mình là dòng sang con nhà quyền quý, hoặc ý mình học rộng, phước to, giàu lớn v.v... rồi sanh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi Kinh Luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc dòng hèn, con nhà hạ tiện, tuổi trẻ, nghèo nàn, hèn hạ hay có tật nguyên nhưng thiết lại có đức hạnh cùng thông hiểu nhiều Kinh Luật. Hàng tân học Bồ tát không được nhìn vào dòng giống vị Pháp sư ấy mà không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị ấy, Phật tử nếu như vậy thì phạm Khinh cấu tội.

Đây là nói ý mình học giỏi, đại học hay là cử nhân, tiến sĩ hay bác sĩ v.v... hoặc giàu lớn, hay con nhà quan lớn. Do ý vậy mà không chịu hạ tâm học hỏi chánh giáo đối với những vị thông chánh giáo trước mình, khởi tâm kiêu mạn không thỉnh pháp.

Đây chỉ trong pháp mà nói, nếu vị ấy có pháp hơn mình thì cần đến để thừa thỉnh học hỏi. Không nên nhìn người đó thế nào, chỉ nghĩ đến chánh pháp nếu vị đó hơn mình, biết trước mình thì cần phải hạ mình đến để cầu học. Nếu mình kiêu mạn ý thị thì đối với chánh pháp luôn luôn nghèo nàn,

bởi vì không chịu cầu học thì làm sao thuộc được chánh pháp? Nếu người Phật tử đã xuất gia rồi cũng như trăm sông đã vào đến biển, tức nhiên thuận một vị nước mà thôi, chớ không có phân hai, ba. Không nên nói rằng tôi là nước sông lớn, còn người kia là nước sông cái, lạch nhỏ. Nếu có quan niệm sang hèn, phân biệt, tất nhiên mất tâm bình đẳng, mà tâm bình đẳng đã mất thì lòng đại bi khó phát. Cho nên bình đẳng đại bi hai điều phải nương nhau, chính do bình đẳng đại bi mới thành.

Mà do đại bi mới giúp cho bình đẳng hoàn bị. Như giới phóng sanh trên, nếu bình đẳng nhận thấy rằng tất cả mọi loài ở trong lục đạo làm cha mẹ lẫn nhau, ta đây cũng là cha mẹ các loài, tất cả loài cũng là cha mẹ của ta. Cũng như thân của ta đây là thân của các loài. Còn thân của các loài chính là thân của ta, nếu có quan niệm bình đẳng như thế, tất nhiên đại bi sẽ được tăng trưởng.

Chỉ nghĩ đến việc sang hèn, quý trọng để phân tích thì mất tâm bình đẳng đừng nói đến việc đồng thân, đồng thể hay là đồng cha, đồng mẹ. Do vì ý thị mình sang giàu rồi lại kiêu mạn nên không chịu hạ thấp mình để học hỏi chánh pháp, như vậy mất lợi ích lớn.

Đức Phật có thí dụ: Người vào trong chánh pháp của Phật cầu học hỏi tu hành cũng như người đi trong rừng giữa đêm tối cầu lấy ánh sáng để ra khỏi cụm rừng tối tăm đó. Như có một người cầm ngọn đuốc sáng soi đường thì ta chỉ chú trọng nơi ánh sáng của ngọn đuốc nương theo đó, để ra khỏi cụm rừng tối tăm, chớ không nên ngó người cầm đuốc ấy là người sang giàu tôn quý mới theo, hay thấy người ấy hèn hạ rách rưới, tật nguyền, rồi không chịu theo. Như vậy là mất lợi lớn, không hưởng được ánh sáng của ngọn đuốc.

Do đó Phật mới răn không nên kiêu mạn, không chịu học hỏi sẽ mất sự lợi ích trong việc tu hành.

23. GIỚI KHINH NGẠO KHÔNG TẬN TÂM DẠY

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ tát thì đối trước tượng Bồ tát tự nguyện thọ giới.

Nên ở trước tượng Phật và tượng Bồ tát sám hối trong bảy ngày hễ được thấy hảo tướng là đắc giới. Như chưa thấy hảo tướng thì phải sám hối 14 ngày, 21 ngày hay đến cả năm cầu thấy được hảo tướng; khi được thấy hảo tướng rồi thì được đối trước tượng Phật và Bồ tát mà thọ giới. Như chưa thấy hảo tướng thì dầu có đối trước tượng Phật, thọ giới vẫn không được gọi là đắc giới.

Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ tát mà thọ giới thì không cần thấy hảo tướng, hễ đối trước vị Pháp sư ấy thọ giới liền đắc giới, do vì hết lòng kính trọng nên đắc giới.

Nếu ở trong vòng nghìn dặm tìm không được vị Pháp sư truyền giới, thì Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ tát mà tự nguyện thọ giới Bồ tát nhưng cần phải thấy hảo tướng.

Nếu các vị Pháp sư ỷ mình thông Kinh Luật cùng giới pháp Đại thừa, kết giao với các nhà quyền quý, khi có hàng tân học Bồ tát đến cầu học Kinh Luật, lại giận ghét hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm Khinh cầu tội.

Bổn phận học trò đối với Thầy phải trọng pháp và không nên ngó đến sự sang hèn của Thầy, cũng như không ỷ sự cao sang thông minh lanh lợi của mình.

Còn Thầy đối với học trò phải tận tâm chỉ dạy, còn nếu khinh ngạo không tận tâm chỉ dạy thì Thầy có lỗi.

Đối trước tượng Phật và tượng Bồ tát mà tự nguyện thọ giới Bồ tát, ở đây không có Giới sư truyền giới, nhưng có điều

kiện là phải thấy hảo tướng. Như vậy là thiện căn phát, tội chướng tiêu, tâm được thanh tịnh. Muốn thấy được hảo tướng thì tội chướng tiêu, cảnh tốt lành (Thánh cảnh) mới hiện được. Do đó phải có cách làm cho tội chướng tiêu, ấy là phương pháp sám hối. Trong đây nói sám hối, hoặc trong bảy ngày thấy hảo tướng, rồi đối trước tượng Phật, Bồ tát thọ giới thì đắc giới. Còn sám hối trong bảy ngày mà chưa thấy hảo tướng thì phải sám hối đến 14 ngày, 21 ngày hay đến cả năm. Cứ lấy từ bảy ngày đó, cho đến chừng nào thấy được hảo tướng. Khi thấy hảo tướng mới được phép đối trước tượng Phật, tượng Bồ tát thọ giới. Nếu chưa thấy hảo tướng mà cứ đối trước tượng Phật thọ giới thì không gọi là đắc giới được. Hảo tướng đó là thấy quang minh, thấy hoa báu, thấy Phật, Bồ tát các cảnh tượng lạ.

Sự thấy hảo tướng có hai: hoặc trong lúc sám hối, tọa thiền thấy, hoặc trong lúc ngủ chiêm bao thấy. Khi thấy rồi mà thân tâm thư thái, nhẹ nhàng đó gọi là tốt.

Nếu đối trước vị Pháp sư... hết lòng kính trọng nên đắc giới.

Đối trước tượng Phật, Bồ tát thọ giới nên cần phải sám hối để thấy hảo tướng. Còn nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ Bồ tát để cầu giới thì không cần phải thấy hảo tướng.

Tại sao vậy? Vì những vị trước truyền giới cho vị sau - vị sau truyền cho vị sau nữa, đem giới mà truyền cho nhau. Cho nên các Giới tử đối với vị Giới sư mà thọ giới thì trong lúc đó lòng kính trọng cho nên giới của vị Giới sư truyền qua Giới tử thành đắc giới. Nếu ở trong vùng nghìn dặm mà tìm không được vị Pháp sư truyền giới thì được phép đối trước tượng Phật để tự nguyện thọ giới Bồ tát, nhưng cần phải sám hối, thấy hảo tướng.

Bây giờ, trong vùng mình đang ở cách xa nghìn dặm cũng vẫn không tìm được vị Pháp sư để cầu truyền giới. Dặm đây là

dặm Tàu có thể là 400 đến 500 thước là một dặm. Nếu tính ra cây số bây giờ nghĩa là trong vòng 400 đến 500 cây số mà không có được một vị Pháp sư để truyền giới thì được phép đối trước tượng Phật và Bồ tát để tự nguyện thọ giới Bồ tát. Nhưng cần sám hối thấy hảo tướng, nếu không sám hối thấy hảo tướng thì không thể đắc giới được. Đó là nói theo thuở xưa, không thể đi bộ, cỡi ngựa mà đi quá xa được, còn bây giờ phương tiện đi máy bay thì 400, 500 cây số chỉ đi một vài tiếng đồng hồ thôi. Cho nên người thọ giới cần phải đến cầu giới nơi các vị Pháp sư (Giới sư), nếu không cầu giới nơi vị Pháp sư, mắc tội khinh mạn, xem thường giới pháp, rất khó đắc giới.

Bây giờ ở các nước thuộc về Đại thừa Phật giáo thì Giới tử phải thọ giới với các vị Pháp sư, không được đối trước tượng Phật mà thọ, vì đã có sẵn Giới sư mà không cầu giới là khinh mạn, không làm sao đắc giới được. Trừ ra nước đó không phải nước Đại thừa Phật giáo. Trong các Tiểu thừa có người tự phát tâm tu giới Bồ tát Đại thừa, mà chung quanh toàn là chư sư Tiểu thừa thì làm sao có vị truyền giới Bồ tát được? Mà đi xuất ngoại qua bên nước Đại thừa để cầu giới là điều rất khó. Cho nên họ có thể đối trước tượng Phật, Bồ tát để tự nguyện thọ giới Bồ tát, nhưng phải sám hối cho thấy hảo tướng trước tiên, nếu không, thì không đắc giới. Còn đối với Giới sư mà thọ giới, không cần thấy hảo tướng, bởi vì giới pháp đó, chư Giới sư vị trước truyền cho vị sau, truyền nối nhau nên cầu giới nơi đó được truyền thì đắc giới.

Thọ giới Bồ tát có hai trường hợp: Đối trước tượng Phật mà thọ giới (cần phải thấy hảo tướng). Còn đối với Pháp sư đã thọ giới Bồ tát mà thọ thì không cần thấy hảo tướng.

“Nếu các vị Pháp sư... không chịu tận tâm chỉ bảo, vị này phạm Khinh cấu tội”. Giới khinh ngạo không chịu tận tâm chỉ bảo. Các vị tân học Bồ tát đến cầu học thì phải thương

xót, mau mắn đem những nghĩa trong Kinh Luật Đại thừa để chỉ dạy, bởi vì bốn phận của các vị Pháp sư Đại thừa Bồ tát đây là đem giáo pháp Đại thừa để hóa độ chúng sanh. Khi có duyên mà bỏ qua hoặc vì sự giận ghét không chịu tận tâm chỉ bảo thì phạm tội.

24. GIỚI KHÔNG TẬP HỌC ĐẠI THỪA

Nếu Phật tử có Kinh Luật Đại thừa chánh pháp, chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật, mà không chịu siêng học siêng tu, lại bỏ bầy của báu trở học những sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó là làm mất giống Phật, là hơn duyên chướng đạo, chẳng phải thực hành đạo Bồ tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Người Phật tử đã thọ giới Bồ tát thì vào trong nhà Đại thừa của Phật, phải học tập giáo pháp Đại thừa, không học phạm tội.

Đã sẵn có Kinh Luật Đại thừa pháp, chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật, tức nhiên nói những Kinh Luật Đại thừa, thì trong đó chứa đủ chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân của Phật.

Chánh kiến là những sự lý nơi Đại thừa pháp.

Chánh tánh: toàn lý tánh, Phật tánh.

Chánh pháp thân của Phật: y theo đó mà thực hành mà tu thì sẽ hiển hiện được pháp thân của Phật, có thể chứng ngộ lấy pháp thân.

Không chịu siêng học siêng tu những Kinh Luật Đại thừa, lại bỏ tiền bỏ của ra, đây gọi rằng bỏ bầy của báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ v.v... Chịu phí bỏ tiền của để đi học sách luận tà giáo (tà kiến), Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục. Hãy thấy bốn phận chính của ta trước tiên là phải học Kinh Luật Đại thừa, rồi tu

hành, thực hành theo đó. Nếu chưa toàn vẹn những điều như vậy, mà trở lại học những ngoại đạo thế tục (thuyết ngoài hoặc triết lý chẳng hạn) cho đến những sách luận tà kiến của Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) ở trong Phật pháp còn cấm, huống chi học ngoại đạo thế tục?

Bởi vì học sách luận của Nhị thừa hay ngoại đạo thế tục, là mất giống Phật, là nhơn duyên chướng đạo Đại thừa, giống Phật sẽ không tăng trưởng được.

Như vậy nên Phật nói: Chẳng phải thực hành đạo Bồ tát, nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm Kinh cầu tội, trừ ra khi học hỏi kinh Đại thừa đã rành, trí lực hữu dư muốn tham cứu để làm phương tiện độ sanh thì được. Còn ngược lại thì phạm tội.

25. GIỚI TRI CHÚNG VỤNG VỀ

Nếu Phật tử sau khi Phật nhập diệt làm Pháp sư, Giảng sư, Luật sư, Thiền sư, Thủ tọa, Tri sự, Tri khách phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam Bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình mà trở lại khuấy chúng gây hấn kinh chống, lung lòng xài của Tam Bảo, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.

Khi Phật tử còn tại thế, lúc đó Phật là Giáo chủ. Sau khi Phật nhập diệt rồi thì những vị đệ tử thay thế Phật để duy trì chánh pháp. Các vị Pháp sư, Giảng sư, Luật sư, Thiền sư, Thủ tọa, Tri sự, Tri khách, những người có bổn phận (chức sự trong ngôi Tam Bảo, trong Giáo hội) thì phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, nghĩa là lúc nào cũng có lòng thương xót, làm cho trong chúng hòa thuận trên dưới đều một lòng vui vẻ trong việc tu hành. Đó là tinh thần, còn vật chất phải khéo giữ gìn tài vật của Tam Bảo; của Tăng như giường ghế, phòng nhà chẳng hạn; của Pháp là kinh sách, tủ rương để đựng kinh sách, hay những tòa nhà, những tháp thờ kinh sách

hay đựng kinh sách; của Phật là điện thờ Phật, tượng Phật hay những lư hương cúng dường Phật, chân đèn, chuông, trống, phải khéo giữ gìn nguyên vẹn khỏi hư hao.

Phật có dạy **“Chớ dùng vô độ như của riêng mình”**. Như vậy những người có phận sự và những người ở trong chúng cũng phải giữ gìn cẩn thận, mà trái lại khuấy chúng gây gổ, nghĩa là chọc đầu này đầu kia, cho có sự bất hòa, lung lòn xài của Tam Bảo, nghĩa là xài phí của Tam Bảo. Hoặc giả, cất tiền của Tam Bảo như các vị thủ bồn, coi tiền đó như của mình, muốn xài chi đó thì xài, nên gọi là “lung lòn xài”. Việc đó tội lắm, nghĩa là của Phật là của Phật, của Pháp là của Pháp, của Tăng là của Tăng, không nên coi đó là của riêng mình. Nếu không khéo biết việc này thì phạm tội. Thường những vị trụ trì trong chùa được toàn quyền để tiêu dùng, mà không ngờ đó là tiền của Tam Bảo.

Tiền hay tài vật của Phật Bảo thì chỉ được xài trong phạm vi Phật Bảo mà thôi, không được đem in kinh sách, hay mua đồ cho chúng Tăng và ngược lại của Pháp và của Tăng cũng vậy. Lúc chư Tăng họp lại, hoặc bốn, năm người trở lên toàn chúng đồng ý như vậy thì được, còn riêng mình ỷ trụ trì rồi xài riêng, đó gọi là lạm, phạm tội.

Trong Sa Di Luật giải: Có vị trụ trì sau khi chết rồi, vị tân trụ trì, một hôm đi vào trong xóm, lúc trở về gặp trời tối, đi qua cánh đồng thấy một nhà giam hành hạ những người tội trong đó, có ông cố trụ trì đương bị hành hạ, mới hỏi thăm tại sao mà bị tội như thế này? (cái chỗ hành như vậy, trong kinh gọi là biên địa ngục, không phải địa ngục chánh). Vị trụ trì nói rằng: Thí chủ cúng một số tiền sắm món ăn cho chúng Tăng, mà tôi lại nghĩ như thế này: ở trong chúng thì mỗi bữa có phần ăn nhứt định rồi (có tiền chợ mỗi ngày). Bây giờ thêm tiền này thì dư, cho nên mái nhà chúng Tăng bị dột, đem tiền đó mua ngói, mua cây để sửa, do đó mới có tội này. Ông về chùa dỡ

cây, dỡ ngói chỗ đó, đem bán đi lấy tiền mua đồ ăn để cúng dường Tăng chúng, để cho tôi được tiêu tội.

Lung lòng là buông lung theo ý mình, xài của Tam Bảo. Nếu vị trụ trì họp chúng, người ta bằng lòng hiến phần đồ ăn đó thì được để tu bổ. Số tiền thí chủ cúng việc này, làm việc khác trong ngôi Tam Bảo còn không được, hưởng chi đem xài riêng cho mình thì tội biết chừng nào! Nếu xài riêng cho mình thì phạm tội ăn trộm.

Người tại gia cũng vậy, nếu trong gia đình có công quỹ tất nhiên phải có ý kiến chung, không nên y quyền cha mẹ để lấy xài riêng của mình, thì cũng có lỗi, bởi vì tất cả người trong gia đình đều có phần hưởng trong đó, quỹ công mà mình xài riêng thì có lỗi với mọi người trong gia đình.

Nếu mình muốn xài riêng phải lên tiếng cho tất cả biết, họ nói “ba cứ xài”, hoặc “má cứ xài” thì xài không sao vì đã có sự đồng ý của mọi người trong gia đình.

26. GIỚI RIÊNG THỌ LỢI DƯƠNG

Nếu Phật tử ở trước trong Tăng phường, lúc sau thấy có khách Tỳ kheo Bồ tát đến, hoặc nơi thành ấp nhà cửa của Tăng hay của vua, nhẵn đến chỗ kiết hạ an cư cùng trong đại hội. Chư Tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho những đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường, ghế v.v... Nếu tự mình không có thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách Tăng ấy.

Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ tự mà phái khách Tăng đi thọ trai. Nếu chư Tăng ở trước riêng đi thọ trai mà không phải khách Tăng đi thì vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là hàng Sa môn, không phải hàng

Thích tử, nào khác gì loài súc sanh, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

Lợi dưỡng tức là những vật tứ sự cúng dường. Sự cúng dường đó có hai cách: một là người ta mời đến tận nhà dâng cúng, đây là có sự hứa mời; hai là đem tới Già lam, Tinh xá, chùa chiền dâng cúng.

Đoạn trên nói về tại gia. Hàng tại gia Bồ tát thấy có vị Tỳ kheo Bồ tát đến thì phải mời thỉnh, cung cấp tứ sự cúng dường: ăn uống, thuốc men, chỗ ở. Trong đây có nói, cho đến bán thân mình, bán đồ đạc trong nhà để cung cấp. Đó là nói các vị Bồ tát Tỳ kheo.

Sự cúng dường nếu sẵn có thì tốt, nếu không sẵn thì tìm cách gì cho có để cung cấp các vị ấy, vì khách Tăng từ nơi phương xa đến, nếu không có những vị Bồ tát tại gia lo lắng thì sẽ vất vả.

Đoạn dưới nói: nếu có thí chủ đến thỉnh chúng Tăng đi thọ trai. Nói về những vị đã xuất gia Bồ tát ở tại chùa, rồi có những khách Tỳ kheo Bồ tát đến. Theo lệ bây giờ có thí chủ đến dâng sẵn ở nơi chùa, trường hợp đây rất ít. Vào thời xưa, chư Tăng thường phải đi khát thực. Do đó, sự ăn dùng của chư Tăng phải đi khát thực mệt nhọc. Chúng ta bây giờ dùng ở trong chùa, nên thấy khỏe hơn là đi đến nhà thí chủ. Ngày xưa nếu có tín thí mời thì hân hạnh vì nếu không có thí chủ mời thì phải ôm bát đi khát thực. Mà đi khát thực có khi được khi không, có khi phải đi xa, có khi phải ghé nhiều nhà mới đủ ăn. Do đó trong đây quy định là nếu các vị khách Tăng đó mà đến thì theo thứ tự để phái đi thọ trai. Vì chúng Tăng đông nên người ta không mời hết được. Một ngày chỉ mời một vị hay là hai vị. Rồi ngày khác các tín chủ khác mời thì chư Tăng theo thứ tự là vị lớn đi trước, lớn là tính theo tuổi hạ lạc. Rồi ngày sau sẽ theo thứ tự mà đi.

Vị Tri sự là người có phận sự coi về việc đó. Nếu những vị Tăng trong chùa dành đi mà không phái khách Tăng đi, thì vị có bổn phận cắt đặt việc đó phạm tội, vì không bình đẳng, gọi là tội riêng thọ lợi dưỡng.

Do đó Phật trách: **Chẳng những không phải là người xuất gia, là Sa môn, không phải là con của Phật, không khác gì loài súc sanh** bởi vì loài súc sanh tranh ăn với nhau, chớ không biết theo tuần tự để nhường cho nhau.

Điều này bây giờ ta không thực hành, nên nghe như mới, hơi khó. Bởi vì không đi khát thực, ít khi thọ trai luân phiên chỉ dùng sẵn ở chùa. Thí như có tín chủ thỉnh cúng dường, chỉ ba hoặc bốn vị thôi thì phải thứ tự mà phái đi. Trong ngày nếu có khách Tăng đến, khi đến hỏi han biết hạ lạp vào thứ nào trong chùa rồi thì theo thứ tự mà tính. Không nên riêng chư Tăng trong chùa đi, mà không phái khách Tăng đi, như vậy không bình đẳng, vì khách Tăng cũng có phần trong việc tín thí cúng, nếu như vậy thì phạm tội.

Bồ tát xuất gia thì phải bình đẳng để thọ sự cúng dường của đàn tín, không cho các vị Bồ tát, Tỳ kheo đó hưởng chung theo thứ tự bình đẳng thì những vị dành để hưởng đó, phạm tội thứ 26 này.

27. GIỚI THỌ BIỆT THỈNH

Nếu là Phật tử tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Của cúng dường này thuộc thập phương Tăng, nếu nhận riêng thì là lấy của thập phương Tăng đem về phần mình. Và của vật trong tám phước điền: chư Phật, Thánh nhơn, Sư Tăng, cha mẹ và người bệnh, tự mình riêng nhận dùng. Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Trong đây quy định tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình. Nếu thí chủ đã cúng dường mà lấy

riêng về mình thuộc về tội trộm. Nếu thí chủ dự định cúng dường thập phương cho chư Tăng, hoặc hiện tiền Tăng ở trong một ngôi chùa, mà những người thí chủ là bổn đạo riêng của một vị sư nào đó, mới nói với người thí chủ rằng: “Thập phương Tăng thì có tín thí lo, chư Tăng trong chùa cũng có đàn na tín thí thường dâng cúng, chỉ riêng Thầy bây giờ đang thiếu, cần phải may y, phải thỉnh một tạng kinh v.v... thí chủ cúng cho sư đi”. Vị thí chủ đó nghe vậy bèn cúng cho sư. Vị sư đó phạm điều thứ 27 này. Vị thí chủ đã nói ra lời là dâng cúng cho thập phương Tăng hay hiện tiền Tăng mà vị sư lại tìm cách đem về mình thì phạm tội ăn trộm, tội giật, tội trọng thứ hai ở trên. Đây là nói thí chủ mới có ý mà thôi, chưa dâng cúng, cho nên vị sư ấy mới tìm cách nói để thí chủ dâng cúng riêng cho mình, do đó phạm tội trong điều thứ 27 này. Còn nếu thiết cúng rồi mà lại dành riêng về mình, thì phạm tội trọng thứ hai là tội ăn trộm, rồi phạm luôn tội dành riêng.

Thập phương Tăng thì không luận là người nào, nếu là Tỷ kheo Bồ tát thì được thọ dụng hết. Chẳng những thập phương Tăng mà nếu đó là của Phật, Thánh nhơn, sư Tăng. Sư là chỉ cho Hòa thượng, A xà lê, của các vị đó, ai cũng có thọ giới với Hòa thượng, A xà lê, đó thuộc về sư Tăng, của cha mẹ, của người bệnh. Cho đến người ta bệnh hộ trợ cho người bệnh mà đi nói người bệnh đó có người này người kia lo hay là có dư giả. Bây giờ nên đem cái đó để cúng dường cho tôi, đó là dành riêng phạm tội thứ 27 này.

28. GIỚI BIỆT THỈNH TĂNG

Nếu Phật tử có những hàng Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh Tăng để cúng dường cầu nguyện, nên vào trong Tăng phường thưa với vị Tri sự, vị Tri sự bảo rằng: Theo thứ tự mà thỉnh thì được thập phương Hiền Thánh Tăng. Mà người đời thỉnh riêng 500

vị A la hán Bồ tát Tăng vẫn không bằng theo thứ tự thỉnh một phạm phu Tăng. Trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có phép thỉnh Tăng riêng. Nếu thỉnh riêng là phép của ngoại đạo, là không thuận với hiếu đạo. Nếu Phật tử cố thỉnh riêng thì phạm Kinh cầu tội.

Thỉnh Tăng riêng là nếu có thí chủ trong Già lam chỉ chú ý đến một số Tăng chúng, trọng riêng để cung cấp cúng dường. Nếu cố ý thỉnh riêng để cúng dường thì Phật tử đó phạm tội.

Nếu thỉnh riêng như vậy thì các vị khác bị thiệt thòi, thiếu thôn. Phật muốn hàng đệ tử được thọ hưởng đồng nhau nên cấm không cho cúng dường riêng. Gọi là thỉnh Tăng riêng đây là từ bốn người trở lên (là Tăng). Vậy chẳng những vị khác bị thiệt thòi mà rồi có hại: thỉnh một nhóm riêng, mà đó là một nhóm Tăng. Như vậy sẽ chia ra bè phái nơi nhóm Tăng này có thí chủ riêng. Mà chia bè phái đủ số Tăng rất có hại. Bởi vì đã thành Tăng rồi thì có quyền quyết định nhiều việc quan trọng. Bây giờ đối với giới luật ít có theo. Nếu trong đó chư Tăng là mười người, có bốn năm vị tách riêng, thành một nhóm riêng, có bốn đạo riêng, thì bốn năm vị đó có thể quyết định nhiều công việc quan trọng riêng, trong nhóm đó không cần đồng ý với năm, sáu vị kia. Rồi năm, sáu vị kia cũng là Tăng, rồi cũng quyết định nhiều việc mà không cần phải hội ý với bốn, năm vị này, như vậy Tăng chia rẽ, không còn hòa hợp nhau nữa.

Đức Phật nêu cao sự cúng dường bình đẳng được phước đức lớn. Chẳng những Bồ tát tại gia hay đàn việt có thể cúng dường, Bồ tát xuất gia nhiều khi cũng có một phần nào về lợi dưỡng, lại hồi hướng cúng dường cho chư Tăng. Vị Tri sự nên theo thứ tự mà thỉnh Tăng. Muốn cúng năm vị, đến mười người chẳng hạn, cũng theo thứ tự từ lớn tới nhỏ, không được lựa chọn. Cứ theo thứ tự bình đẳng để thỉnh thì sẽ được thập phương Hiền Thánh Tăng dự việc cúng dường đó.

Cho nên trong đây nói, dù có thỉnh riêng 500 A la hán Bồ tát Tăng vẫn không bằng (phước đức không bằng) theo thứ tự mà thỉnh một phàm phu Tăng.

Bởi vì phước đức do tâm người cúng dường đó, nếu tâm bình đẳng thì phước đức lớn. Nếu tâm không bình đẳng dù có cúng dường cho 500 vị A la hán Bồ tát Tăng, vẫn không bằng tâm bình đẳng cúng dường cho một vị Tăng phàm phu.

Nếu không có tâm bình đẳng, trọng bên này, khinh bên kia dầu có được duyên lớn cúng dường 500 vị A la hán Bồ tát, do tâm không bình đẳng, có trọng có khinh đó thành ra công đức cũng kém đi.

Trong giáo pháp của bảy đức Phật đều không có pháp thỉnh Tăng riêng.

Bảy đức Phật từ Tỳ Ba Thi Phật, cho đến Thích Ca Mâu Ni Phật là bảy. Nói bảy, chứ thiệt ra quá khứ vô lượng Phật, vị lai tất cả Phật, đều không đức Phật nào cho phép thỉnh Tăng riêng.

Nếu thỉnh riêng là pháp của ngoại đạo, không thuận với hiếu đạo. Hiếu là giới, tất nhiên không thuận với giới pháp của đức Phật. Trừ những người không biết, nếu đã biết mà cố thỉnh riêng thì phạm tội mà cũng không có phước đức gì.

Trong đây nói thưa với vị Tri sự, Tri sự có bảo như vậy rồi mà người cúng dường lại cố ý thỉnh riêng thì phạm tội.

Xưa có vị Hòa thượng đương bệnh nhiều, trong hàng chư Tăng đệ tử, có vị đã chứng quả Tu đà hàm, vị Hòa thượng biết nên kêu riêng ra nói, xem coi cần phải dùng tư lương gì để sau khi tịch, có lợi lớn. Vị đệ tử thưa với Hòa thượng rằng: Nên đem y Tăng già lê của Hòa thượng cúng cho một vị Tăng thì thêm phước đức, về sau Hòa thượng sẽ được hưởng quả lành khi đã viên tịch. Hòa thượng y theo lời như vậy. Vị đệ tử lại dặn Hòa thượng phải đích thân cầm y để cúng dường. Nên

cúng cho vị Tăng nào nhỏ nhất trong chúng đến thọ và không nên có tâm nghĩ so đo thì mới được. Hòa thượng nghe lời thiết trai đàn lớn, thỉnh tất cả chư Tăng thập phương. Đến khi thỉnh chư Tăng theo thứ tự ngồi thọ trai, thấy ông Sa di nhỏ nhất trong chùa, Hòa thượng suy nghĩ: Ông điều này mới vô chùa mà dự trong trai đàn này, ông Sa di là nhỏ nhất, mà đã là Sa di thì làm sao kham nhận được cái y Tăng già lê là cái y lớn của các vị Hòa thượng? Nhưng Hòa thượng nhớ lại lời người đệ tử chứng quả, cho nên hai tay cung kính bưng mâm y đến trước mặt ông Sa di đó để dâng, Ông Sa di cũng hoan hỷ không nói gì hết, nhận y. Sau khi giải tán trai đàn, Hòa thượng mới kêu ông Sa di nhỏ (Sa di này ở trong chùa) vào liêu hỏi: Ông lãnh y Tăng già lê của Hòa thượng đắp có vừa không? Ông Sa di ngơ ngác một lát rồi thưa với Hòa thượng: Bạch Hòa thượng con bữa nay mắc lo phụ ở phía ngoài sau, dọn dẹp nước nội, chứ con đâu có lên dự trai đàn. Khi đó Hòa thượng mới biết: đó là vị Thánh Tăng hiện thân để thọ.

Như vậy, nếu theo thứ tự thỉnh thì được thập phương Hiền Thánh Tăng, tâm cúng dường bình đẳng thường các vị Hiền Thánh Tăng hiện thân đến để thọ sự cúng dường cho nên có phước đức lớn, các Hiền Thánh Tăng thường hay ứng cúng. Tâm người dâng cúng bình đẳng nên phước đức thù thắng.

Trong Kinh Duy Ma Cật có nói: Nếu bố thí cúng dường bình đẳng thì công đức bố thí cho người ăn mày hèn hạ nhất cũng ngang bằng cúng dường cho một đức Phật.

29. GIỚI TÀ MẠNG NUÔI SỐNG

Nếu Phật tử dùng ác tâm vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay, tự giã, xem tướng, bùa mộng, đoán sẽ sanh trai, sanh gái, bùa chú pháp thuật, nghề nghiệp, phương pháp nuôi ó và chó săn, hòa hiệp trăm thứ thuốc độc, nghìn thứ thuốc độc, độc rắn, độc

sanh kim, sanh ngân, độc sâu cổ, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Làm người trong đời ai cũng có nghề nghiệp nuôi sống, nhưng phải có nghề nghiệp hợp pháp không hại người, hại vật, thì những nghề nghiệp đó thuộc về chánh mạng. Còn trái lại thì gọi là tà mạng. Đó là nói người Phật tử thọ Bồ tát tại gia. Nếu xuất gia tự làm nghề nghiệp gì đó để nuôi sống, đều gọi là tà mạng. Chỉ thọ của tín thí mà thôi.

Thọ của tín thí có khi tự người ta dâng cúng, có khi cần việc chi đó, cũng có thể đi quyên hoặc đi khất thực.

Buôn bán nam sắc, nữ sắc: buôn bán nô lệ, ngày xưa người ta đem bán người con gái cho người khác mua về làm hầu hay vợ lẽ.

Nghề xem tướng, bần mộng, đoán sanh trai, sanh gái, theo luật Phật chẳng những người xuất gia không được làm, mà người Phật tử tại gia cũng không nên làm, cho đến nghề bùa chú, pháp thuật, phương pháp nuôi ó và chó săn, việc này hại người hại vật không nên làm.

“Hòa hiệp trăm thứ thuốc độc” hòa hiệp lại để đem bán, các thứ độc dược không nên làm. Nếu làm là không thuận với hiếu đạo, không có lòng từ bi. Do đó nếu cố làm, phạm tội.

Còn nếu thuốc độc đã có hại người, hại vật, quy về tội trọng phạm giới sát sanh.

30. GIỚI QUẢN LÝ CHO BẠCH Y

Nếu Phật tử vì ác tâm, tự mình hủy báng Tam Bảo, giả tuồng kính mến, miệng thì nói không mà hành vi lại ở trong có, làm quản lý cho hàng bạch y, vì hàng bạch y làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp kiết phược, những ngày lục trai trong mỗi tháng,

ba tháng trường trai trong mỗi năm làm việc sát sanh, trộm cướp, phá thai, phạm giới Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Bạch y là chỉ người tại gia, xưa ở Ấn Độ, người tại gia thường mặc áo trắng (chánh sắc), mà nếu sắc trắng hoại đi làm thành màu khác gọi là hoại sắc.

Phật tử Bồ tát vì ác tâm (tâm không chọn chánh đúng đạo pháp, không đúng với pháp Đại thừa) gọi là ác tâm, không phải chỉ có tâm hại người, vật, gọi là ác tâm. Cho đến hàng Nhị thừa ác nơn (tâm ngoài Đại thừa pháp) đều gọi là ác nơn (ác tâm).

Miệng và lòng không giống nhau, ở ngoài như là kính ngói Tam Bảo, nhưng kỳ thiệt là hủy báng Tam Bảo, miệng thì bao giờ cũng nói theo lý chọn Không của Đại thừa (tất cả pháp Không) ngũ uẩn giai Không. Tâm cảnh đều Không, nhưng kỳ thiệt ra không phải người chứng nơi chọn Không, chỉ nói suông mà thôi. Tất cả hành vi đều ở trong CÓ, nghĩa là có gây nghiệp, có phiền não, có đủ thứ, những người như vậy không thành thiệt. Một hành vi cụ thể như làm quản lý bạch y (gánh vác việc cho bạch y).

Vì hàng bạch y làm mai mối. Gần đây việc hôn lễ dẫn đến chùa, nhờ các vị lớn chứng minh dạy bảo, đó là điều khó hết sức chứ không phải dễ. Nếu đúng theo giới luật thì việc đó không nên làm, dầu sao cũng phạm. Làm như thế cũng là chủ hôn vậy. Trong luật đem thư giùm còn cấm (thư hẹn hò hôn nhân) huống nữa là chủ hôn rất thái quá! Cho nên quy tội về việc không thành thiệt: lời nói và việc làm không giống nhau. Lời nói thì chứng chọn Không mà hành vi hoàn toàn ở trong nghiệp, trong phiền não, cũng thành phạm tội.

Làm quản lý nhiều việc, nhưng đây chỉ kể ra một việc làm mai mối, bởi vì nơn duyên gây thành nghiệp kiết phược, ở

thế gian này, việc nam nữ là nhưn sanh tử luân hồi, gọi là ác nghiệp vô lượng.

Theo trong Bồ tát giới thì mỗi tháng có sáu ngày trai, mỗi năm có ba tháng trường trai. Trai đây là không ăn chiều, gọi là trai pháp đó.

Trong giới Sa di cũng có giới không được ăn chiều rồi. Còn giới Bồ tát tại gia không buộc là ăn hay không ăn chiều, những mỗi tháng có sáu ngày trai, bây giờ nhận lầm là ăn chay.

Trong giới bát quan trai nói rõ. Còn ăn chay là không ăn thịt, đó thuộc giới. Còn lục trai hay ba tháng trường trai là những ngày đó không ăn chiều, gọi là bất phi thời thực.

Ba tháng trường trai là ba tháng đầu của ba mùa. Mùa xuân: tháng Giêng, mùa hạ: tháng Năm, mùa đông: tháng Chín, trong ba tháng đó phải bất phi thời thực, nghĩa là không ăn quá Ngọ, phong tục của ta thì dùng tam nguơn: thượng nguơn, trung nguơn, hạ nguơn, thành ra tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười, chớ theo luật Phật thì ba tháng đầu là: tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín.

Tại sao lại có ba tháng đầu mùa như vậy?

Bởi vì tháng đầu mùa thọ trai, lần lần mấy tháng sau nhờ ảnh hưởng đó cũng lạnh. Những ngày hay tháng đó, lại làm những việc sát sanh, trộm cướp, phá trai phạm giới, nghĩa là đáng lẽ giữ gìn nghiêm ngặt hơn, lại đi phá giới đã phạm lại thêm tội thứ 30 này nữa.

Nếu sát sanh thì phạm giới thứ nhất. Sát sanh những ngày khác thì chỉ một tội sát sanh thôi. Nếu sát sanh vào tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín, hoặc vào những ngày lục trai, như vậy ngoài giới sát sanh, còn chồng thêm tội “Khinh Cầu” thứ 30 này.

Người xuất gia cả năm giữ trai luôn, nghĩa là bất phi thời thực (không được ăn quá Ngọ). Những vị tại gia Bồ tát, ít nhất phải có những ngày trai trong mỗi tháng, hay trong mỗi năm, có được một vài tháng, như thọ Bát quan trai giới, trong đó có điều gọi là trai pháp: không ăn phi thời (không ăn quá Ngọ).

Trong đây nói những ngày lục trai, ba tháng trường trai các vị thọ Bồ tát giới làm cho rằng trai đây là ăn chay, cho nên ăn chay kỳ, ăn chay luôn. Bởi vì giới thứ ba không được ăn thịt. Trong Bồ tát giới không có điều giới cấm ăn chiều. Do đó cho nên quy về việc không được ăn chiều, trong mỗi tháng sáu ngày, trong mỗi năm ba tháng. Như vậy gọi là những ngày trai.

Nếu ăn phi thời thì là phá trai mà phạm điều giới khác trong đó gọi là phạm giới. Danh từ phạm trai, phạm giới là: nếu ăn chiều là phạm trai và ăn thịt thì phạm giới.

Chữ trai đây là bất phi thời thực, nghĩa là không ăn phi thời, nếu ăn phi thời thì là phạm trai. Tội phạm trai là những ngày trai pháp, mà lại phạm giới, trên giới đã phạm, đó chồng thêm tội 30 này vậy.

31. GIỚI KHÔNG MUA CHUỘC

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt ở trong đời ác thấy hàng ngoại đạo, bọn giặc cướp cùng tất cả người ác đem bán hình tượng Phật, Bồ tát, cha mẹ. Đem bán Kinh Luật, đem bán Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cùng người hành đạo Bồ tát, kẻ phát tâm Bồ đề để làm tay sai cho các quan hay làm tôi tớ cho mọi người. Phật tử thấy những sự như thế, nên có lòng từ bi tìm cách cứu vớt. Nếu không đủ sức, Phật tử phải đi quyên tiền các nơi để chuộc hình tượng Phật, Bồ tát và tất cả Kinh Luật; chuộc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người tu hành Bồ tát kẻ phát tâm Bồ Đề. Nếu không mua chuộc, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Nếu thấy hàng ngoại đạo, hay giặc cướp đem bán hình tượng Phật, Bồ tát hay hình cha mẹ; đem bán Kinh Luật, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni hay những người hành đạo Bồ tát. Nếu là tượng Phật, Bồ tát hay cha mẹ của mình ở trong tay của họ, họ bán không được họ hủy hoại.

Thời kỳ kháng chiến việc này có nhiều, lính Tây hay lấy các thứ này như vào chùa hay nhà lấy chuỗi huyền... đập cho bể. Nếu thấy phải đem tiền tới chuộc, nếu không thì họ hủy hoại hết. Nếu thấy người hành đạo, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni bị bắt đi, tất nhiên phải chuộc họ sẽ đem đi bán như bán người làm nô lệ. Nếu không đủ sức phải đi quyên tiền. Quyên tiền là kêu các vị khác giúp sức với mình. Không cố chuộc, thấy mà bỏ qua, tức nhiên phạm điều giới 31 này.

32. GIỚI TÔN HẠI CHÚNG SANH

Nếu là Phật tử không được buôn bán dao gậy, cung tên, những khí giới sát sanh, không được chứa cân non giả thiếu. Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Không được ác tâm trói buộc người và phá hoại việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chôn, heo, chó. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Những việc làm chỉ là duyên tôn hại chúng sanh, nếu thiệt tôn hại thì theo sự tôn hại đó kết giới. Đây chỉ là duyên chưa phải tôn hại. Mà duyên không tránh thì phạm điều thứ 32 này.

Buôn bán những dao gậy, cung tên, khí giới sát sanh là một trong những duyên làm tôn hại chúng sanh. Cho đến cân non giả thiếu cũng không được chứa, nếu chứa cũng phạm điều giới 32 này, chứ không đợi đem ra cân hay đong. Nếu đem ra cân đong thì phạm tội trộm. Còn những khí giới sát sanh cũng vậy, chứa cất thì phạm điều giới thứ 32 này, còn đem ra giết hại chúng sanh là phạm giới trọng thứ nhứt trước.

Không được nương thế lực quan quyền mà lấy tài vật của người. Cho đến không được ác tâm trói buộc người, bắt người ta để trói hay phá hoại những việc thành công của người. Không được nuôi mèo, chồn, heo, chó. Heo thì để ăn thịt, để bán cho người giết thịt, nếu tự giết phạm tội thứ nhứt.

Nếu có người bắt heo để làm thịt rồi mua lại nuôi phóng sanh, cái đó không sao. Mèo, chồn hai loại này đều bắt chuột, bắt con này con kia. Nó là loài sát sanh. Nếu nuôi nó thì không nhờ cậy được gì khác hơn là sát sanh. Cho nên nuôi nó phạm tội.

Chó cũng nên cẩn thận, nếu chó săn thì phạm, nuôi chó để giữ nhà thì không phạm, còn nuôi để săn thì phạm.

33. GIỚI TÀ NGHIỆP GIÁC QUÁN

Nếu là Phật tử, không đặng vì ác tâm đi xem tất cả nam nữ v.v... đánh nhau, hay quân trận binh tướng, giặc cướp v.v... đấu chiến nhau. Cũng không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng v.v... cho đến bói xử. Chẳng đặng làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Tà nghiệp là những việc làm không đúng với chánh pháp. Giác quán là loạn tâm, rộn trí, nó làm mất thì giờ buồng lung phóng dật, đều là những việc chướng cho đường đạo hạnh, nên Phật cấm.

Ác tâm là tâm trái với pháp Đại thừa. Tâm không trụ chánh niệm, chánh định, rồi đi đến chỗ nam nữ đánh nhau thì phạm tội.

Không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc, đá cầu, đá bóng... đó là những việc thuộc về phóng dật, làm cho loạn tâm trí thêm sự ham muốn, mất thì giờ, không lợi cho đường tu hành. Coi bói, coi quẻ cũng không được, “bói xử” tự đi bói xử cũng không được, đi xem quẻ cũng không được.

Chẳng được làm tay sai cho kẻ trộm cướp. Nếu cố làm các điều trên đây, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

34. GIỚI TẠM BỎ BỒ ĐỀ TÂM

Nếu là Phật tử ngày đêm sáu thời, đọc tụng giới Bồ tát này. Nên giữ gìn giới luật trong tất cả khi đi đứng nằm ngồi, vững chắc như kim cang, như đeo trái nỏ qua biển lớn, như các Tỳ kheo bị cột bằng dây cỏ. Thường có tín tâm lành đối với Đại thừa... Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, rồi phát Bồ đề tâm và giữ vững không thoái chuyển. Nếu có một tâm niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Nếu bỏ Bồ đề tâm, người Phật tử không còn là Bồ tát nữa. Đây chưa phải bỏ hẳn, chỉ tạm trong thời gian, thì phạm điều thứ 34 này. Bỏn phận mình như vậy, luôn luôn phải nhớ. Muốn nhớ phải luôn luôn đọc tụng. Mà nếu thiệt nhớ trong tâm thì lúc nào cũng có tụng vậy.

Ngày đêm sáu thời là luôn luôn đêm ngày không rời Bồ tát giới này, chứ không phải phân thời. Như nói ngày ba thời: sáng, trưa, chiều. Đêm thì đầu hôm, giữa hôm, cuối hôm. Ngày ba thời, đêm ba thời cộng lại là sáu thời.

Đức Phật đem thí dụ người bị cột bằng dây cỏ và người đeo trái nỏ qua biển. Muốn vượt qua biển thì trái nỏ đó phải nguyên vẹn, nếu trái nỏ mất phần nào dù rất nhỏ như cây kim đi nữa, thì người đó cũng khó bảo toàn tánh mạng. Trong kinh Đại thừa nói: Như người đeo trái nỏ lội qua biển. Giả sử như có quý La sát đến xin trái nỏ đó, người ấy có thể cho được không? Người ấy nhứt định là không cho, bởi vì có trái nỏ mới không chìm, nếu cho trái nỏ nhứt định chìm.

Xin nguyên không cho, xin phân nửa thôi, có thể cho được không? Cũng không thể cho được, bây giờ nó chỉ xin

một phần tư thôi, cũng không cho được, rồi nó xin một phần mười, một phần trăm, một phần ngàn cũng không thể cho được. Bởi vì cho một phần bằng hột cát cũng đủ xì hơi ra, trái nổi vẫn xẹp và xì như thường.

Quý La sát là những nghiệp phiền não ác, xúi dục để phạm điều giới của Phật. Những điều giới cũng như trái nổi vậy. Bởi vì mình phải nương theo giới mới thoát khỏi sanh tử luân hồi cũng như người kia phải nhờ trái nổi để qua khỏi biển.

Những nghiệp phiền não dù cho xúi dục phạm điều rất nhỏ trong giới cấm của Phật cũng quyết tâm giữ gìn không cho phạm. Cũng như người đeo trái nổi kia, con quý La sát dù chỉ xin một phần rất nhỏ bằng hột cát, cũng không thể cho được.

Phải có tín tâm lành đối với Đại thừa. Tự biết rằng mình là Phật chưa thành, còn chư Phật là Phật đã thành, phát Bồ đề tâm và giữ vững không thoái chuyển.

Nếu tự thiết biết như vậy, gọi là đã thấy Phật tánh rồi đó. Thấy Phật tánh là thấy chơn tâm bản tánh.

Nếu chưa thấy Phật tánh, theo văn tự thì gọi rằng biết. Biết có hai: thiết biết Phật tánh (thấy được Phật tánh rồi) nghĩa là chắc chắn sẽ thành Phật. Bởi vì Phật thành Phật cũng do nơi Phật tánh mà thành. Như vậy mình có Phật tánh quyết định mình sẽ thành Phật.

Theo văn tự, nghĩa là chưa thấy được Phật tánh, tin theo lời Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

Nếu y theo chánh giới của Phật mà tu thì thành chủng tử Phật tánh. Đã có chủng tử Phật tánh làm nơon, tức nhiên sẽ thành quả Phật. Tin như vậy gọi là biết theo văn tự. Do đó phát Bồ đề tâm là hướng về nơi Phật quả để tu hành và giữ vững tâm không thoái chuyển.

Giờ đây nếu có một niệm xu hướng theo Nhị thừa hay ngoại đạo thì Phật tử này phạm điều giới 34 đây. Có tâm niệm

xu hướng là chỉ tạm thời thôi, nghĩa là nghĩ đến hành Bồ tát đạo, tu hành thành Phật lâu dài khó khăn, rồi phải hiện thân trong lục đạo để tu hành tất cả Bồ tát hạnh, rồi mới có thể thành, cho nên nghĩ: chi bằng tu theo pháp Nhị thừa để mau chứng quả giải thoát, hay là ham mê theo ngoại đạo tà giáo, chỉ một niệm đó thôi, thì đã phạm. Các vị đã thọ giới Bồ tát rồi, khi có tâm niệm đó khởi lên (nhàm chán Đại thừa) muốn học hay là tuân theo Nhị thừa, hay là có niệm tín ngoại đạo, thì phải mau mau sám hối. Sám hối thì tội tiêu, nếu không sám hối mà cứ tiếp tục, thì có thể làm mất Bồ đề tâm. Mà Bồ đề tâm mất thì tự nhiên giới cũng mất.

Vì sao? Vì giới được thành tựu do Bồ đề tâm. Vì vậy khi thọ giới bảo phải nên phát Bồ đề tâm, rồi mới truyền giới. Cho nên khi có quan niệm trái với Bồ đề tâm, Bồ đề tâm là tâm niệm hướng đến quả Phật. Nếu có tâm niệm trái bỏ trong khoảng thời gian ngắn, có thể nhàm chán Bồ đề hạnh, Phật quả, lại thích Nhị thừa ngoại đạo, như vậy phạm giới 34 này. Phải sám hối để nó không tương tục. Nếu tương tục nhiều, có thể làm mất Bồ đề tâm. Mất Bồ đề tâm thì giới hoại.

35. GIỚI KHÔNG PHÁT NGUYỆN

Nếu là Phật tử nên phát những điều nguyện lớn:

- **Nguyện hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo.**
- **Nguyện đặng gặp được Thầy tốt, bạn thiện tri thức thường dạy bảo tôi các Kinh Luật Đại thừa... dạy cho tôi về Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa... Cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp.**
- **Nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chớ không chịu phai lòng.**

- ...

Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thì phạm Kinh cầu tội.

“Nguyện hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, Tam Bảo”. Hiếu thuận với cha mẹ là ở đời. Sư Tăng là Hòa thượng, A xà lê là Giới sư truyền giới cho ta. Hiếu thuận sư Tăng là hiếu thuận xuất thế gian, còn cha mẹ là thế gian.

“Nguyện đặng gặp được Thầy tốt...” Có Thầy tốt mới dẫn dắt cho thành tốt được.

“Bạn thiện tri thức...” Phải có bạn lành.

Thường dạy bảo tôi các Kinh Luật Đại thừa... dạy cho tôi về “Thập Phát Thú” – “Thập Trưởng Dưỡng” – “Thập Kim Cương” – “Thập Địa”. Cho tôi hiểu rõ để tu hành đúng chánh pháp.

Chẳng những nguyện gặp được Thầy bạn, nguyện được Thầy bạn dạy cho những pháp như trên hay là Kinh Luật Đại thừa. Nguyện cho mình hiểu rõ, nguyện phát tâm tu hành đúng chánh pháp.

Nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chớ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thì phạm Kinh cầu tội.

36. GIỚI KHÔNG PHÁT THỆ

Nếu là Phật tử khi đã phát mười điều nguyện lớn trên đây rồi... phải giữ gìn giới cấm của Phật. Thà nhảy vào đồng lửa, hố sâu, núi cao quyết không cùng với tất cả người nữ làm điều bất tịnh để phạm điều cấm trong Kinh Luật của tam thế chư Phật.

Thà chịu chết chớ không để phạm những điều giới. Vì sao? Nếu có chết, khổ chỉ trong thời gian nào đó thôi. Nhờ việc xả thân mà giữ giới, do đó huệ mạng không mất. Mà huệ mạng không mất thì tương lai sẽ hưởng quả báo lành, sẽ được

thành Phật. Còn nếu không biết mà sợ khổ để phạm giới thì huệ mạng mất. Huệ mạng mất tất nhiên quả báo lành về sau sẽ mất, còn chướng ngại trên đường thành Phật.

Điều thệ thứ nhứt: **Thà chết hay chịu khổ, chớ không để phạm điều bất tịnh với người nữ.** Gặp nhọn duyên, trường hợp gì, đến đời chết đi, thì thà chết.

Lại thề rằng: **Thà lấy lưới sắt nóng quán thân mình cả nghìn lớp, quyết không để thân này phá giới mà thọ những đồ y phục của tín tâm đàn việt.**

Thà chịu nuốt hòn sắt cháy đỏ và uống nước đồng sôi mãi đến trăm ngàn kiếp, quyết không để miệng này phá giới mà ăn các thứ thực phẩm của tín tâm đàn việt.

Thà nằm trên đồng lửa lớn, trên tấm sắt nóng, quyết không để thân này phá giới mà nhận lấy các thứ giường ghế của tín tâm đàn việt.

Thà trong một hai kiếp chịu cho cả trăm gươm giáo đâm vào mình, quyết không để thân này phá giới mà thọ các thứ thuốc men của tín tâm đàn việt.

Thà nhảy vào vạc dầu sôi trong trăm nghìn kiếp, quyết không để thân này phá giới mà lãnh những phòng nhà ruộng vườn đất đai của tín tâm đàn việt.

Người xuất gia thọ tứ sự cúng dường của tín tâm đàn việt thì phải có giới hạnh thanh tịnh mới thọ. Thà chịu khổ ở địa ngục chớ không để phạm giới, phá giới để thọ sự cúng dường của tín tâm đàn việt.

Người tại gia cũng có thân, phải thọ bốn điều đó mới sống được. Như vậy tại gia hay xuất gia đã thọ Bồ tát giới rồi thì cũng phải giữ giới cho thanh tịnh. Không nên phá giới, rồi cũng ăn mặc, nhà cửa, thuốc men v.v... cho nên trong đây nói: **“Thà đọa trong địa ngục chớ không để phạm giới”.**

Lại phát thệ rằng: Thà dùng chày sắt đập thân này từ đầu tới chân nát như tro bụi quyết không để thân này phá giới mà thọ sự cung kính lễ bái của tín tâm đàn việt.

Lại phát thệ rằng: Thà lấy trăm nghìn lưỡi gươm giáo khoét đôi mắt mình, quyết không đem tâm phá giới này mà nhìn xem sắc đẹp của người.

Thà lấy trăm nghìn dùi sắt, đâm thủng lỗ tai mình trải trong một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này mà nghe tiếng tốt giọng hay.

Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt bỏ lỗ mũi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ngửi các mùi thơm.

Thà lấy trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt lưỡi mình, quyết không đem tâm phá giới này mà ăn các thứ tịnh thực của người.

Thà lấy búa bén chặt chém thân thể mình, quyết không đem tâm phá giới này mà tham mặc đồ tốt.

Không đem thân phá giới để hưởng tứ sự cúng dường, đây nói cả tâm nữa. Tâm phá giới không có, tức sự giữ giới được sâu. Chẳng những giữ giới nơi thân mà tâm cũng tương ưng giữ giới.

Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Nếu Phật tử không phát những điều thệ này, thì phạm Khinh cấu tội.

Phát thệ nên nhớ như vậy: trên thì rời hạnh bất tịnh, kẻ đó là phải giữ giới cho trong sạch để thọ sự cung kính của người. Kế đến là tâm phải trong sạch trong khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Và cuối cùng là nguyện cho chúng sanh, tất cả đều được thành Phật.

Những điều thệ trên đây, điều cuối cùng là lúc nào cũng nguyện cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật, nghĩa là chẳng những mình muốn thành Phật mà cũng muốn tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Như vậy là lúc nào cũng đem giáo lý Đại thừa chánh pháp, nếu gặp thuận duyên, thuận cảnh thì bố thí cho tất cả chúng sanh, giáo hóa tùy theo trường hợp không bỏ. Không đủ sức giáo hóa cũng chú nguyện. Nghĩa là trong khi tu hành làm lành, tụng kinh, niệm Phật đem công đức hồi hướng cho tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh đều nhờ hưởng những công đức mình đã làm đó, cho họ tăng trưởng thiện căn, đều đặng thành Phật.

Còn những điều thệ trên, chỉ tóm tắt là luôn luôn giữ giới pháp của Phật mà mình đã thọ hết sức vững vàng. Hết sức thanh tịnh, nghĩa là thà chết chớ không để hủy phạm. Nếu không có tâm niệm kiên quyết phát thệ như vậy là phạm điều giới thứ 36 này. Vì thế nên ai cũng phải phát thệ. Có phát thệ mới giữ gìn, gặp cảnh, gặp duyên không phạm giới, nếu không phát thệ, gặp thuận cảnh thuận duyên có thể phạm.

Nếu giữ giới thanh tịnh, thì một khi có điều gì sai thì người nhìn vào thấy cũng như áo trắng sạch, mà dính một chút bụi bặm đều thấy rõ. Như ngài Mục Kiền Liên dẫn ông Sa di đến ao A Nậu Đạt trên Hy Mã Lạp Sơn để tọa thiền. Khi ngài Mục Liên tọa thiền thì ông Sa di rảnh rang mới đi tới đi lui để chơi, thì thấy có chỗ đó có cát bằng vàng, mới nghĩ rằng cát này nếu mình đem về lót trong chỗ của đức Phật thì tốt quá, nên mới bọc một bọc, tính đem về trải qua chỗ của đức Phật tắm.

Khi ngài Mục Liên xuất định không hay việc này. Ngài bảo ông Sa di đi về, thì ông Sa di không thể bay được. Ngài Mục Kiền Liên ngạc nhiên, coi lại thì ông Sa di đang bị một

vị Thần giữ lại không buông. Ngài Mục Liên biết do có đó, mới bảo ông Sa di xô cát vàng trong bao ra thì vị Thần mới chịu buông.

Vị Thần đó không phải tiếc cát, nhưng thấy ông Sa di làm như vậy cũng phạm không được thanh tịnh, là ham vàng. Dem cát vàng về rải chỗ tắm của Phật để cúng dường, chớ không phải đem về xài phí, nhưng người đó đã trong sạch như áo trắng sạch, dù việc nhỏ như chút ít bụi bám vào áo trắng sạch như vậy cũng lộ vết nhơ.

Muốn giới được thanh tịnh, kiên trì thì phải phát thệ. Nếu không phát thệ thì gặp duyên sẽ phạm.

37. GIỚI VÀO CHỖ HIỂM NẠN

Nếu là Phật tử mỗi năm hành đầu đà hai kỳ, mùa đông mùa hạ thời ngôi thiên kiết hạ an cư...

Theo luật của Phật thì có kiết hạ và kiết đông. Miền Bắc thì mùa đông giá tuyết, muốn đi đứng cũng khó. Do đó phải kiết đông ở tại một chỗ, cũng như mùa hạ, trời mưa tầm tã. Cho nên mùa đông, mùa hạ ở yên một chỗ mà tấn tu giới định huệ. Trong thời kỳ đó, có hai lần hành đầu đà. Đây nói hành đầu đà chớ không phải đi đầu đà khổ cực. Không phải đi du phương.

Thường dùng hành dương, nước tro, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, hộp lư hương, dây lược nước, khăn tay, con dao, đá lửa, cái nhíp, giường dây, Kinh Luật, tượng Phật, tượng Bồ tát.

Tất cả có 18 món. Kinh thì mình thích quyển kinh nào thì đem theo như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Di Đà chẳng hạn. Còn luật là quyển luật mỗi tháng mình Bồ tát đó. Bởi vì hành đầu đà thì không được ở nhà ai, cũng không được vào chùa để nghỉ, nếu thiếu 18 món này thì không tiện nên phải đem theo.

Nhành dương, ngày xưa không có bàn chải đánh răng nên phải dùng nhánh dương để thế cho bàn chải. Nhặt nhánh dương cho nó tưa ra, mềm đi rồi đánh răng, đánh răng rồi thì bỏ đi, qua bữa khác lại nhặt một khúc, trong luật gọi rằng nhặt chùng nào cho nó mềm như bông thì cầm cái đó để đánh răng.

Bây giờ có bàn chải khỏi cần dùng đến nhánh dương nữa. Xưa không có xà bông nên muốn rửa cho sạch phải có nước tro để dùng.

Bát đựng đồ ăn, còn bình thì đựng nước. Nên nhớ cho kỹ, chớ gọi đi trì bình là sai. Bát: tức “Bát đa la” dịch là ứng lượng khí. Bát đựng đồ ăn, còn bình đựng nước đó vậy.

Toạ cụ: đồ lót ngồi. Tích trượng: cây gậy chống đi những chỗ gập ghềnh hay để ngừa chó v.v...

Hộp lư hương: là đến chỗ nào đó đốt hương cúng dường Tam Bảo rồi tụng kinh, ngồi thiền.

Đầy lược nước: là dụng cụ hộ sanh. Bởi vì đi như vậy nhiều khi gặp khe suối, rạch để múc nước. Nếu không đầy lược nước thì nước có lãng quăng làm sao dùng được?

Khăn tay: để lau. Con dao: để cắt nhánh dương hay cắt các vật.

Đá lửa: để nhóm lửa hoặc sưởi khi lạnh. Không phải để nấu ăn. Đi hành đầu đà là khát thực.

Cái nhíp: để nhổ lông mũi.

Giường dây: như bây giờ dùng vải thiết mỏng để làm một cái giường, có thể giăng trên cây để nghỉ được.

“Khi Phật tử hành đầu đà cùng lúc du phương...”: Hành đầu đà với du phương khác nhau. Đi du phương là đi phỏng đạo hay đi giáo hóa. Nhiều khi phải đi đến xứ đó để giáo hóa có bôn phận, hoặc phải đi học thêm ở nơi vị Pháp sư

nào đó gọi là du phương. Còn hành đầu đà, tất nhiên phải thực hành hạnh đầu đà. Đầu đà này rất khó...

“Đi lại trăm dặm nghìn dặm, 18 món này luôn mang theo mình. Đây là hai kỳ hành đầu đà trong mỗi năm: Từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba và từ Rằm tháng Tám cho đến Rằm tháng Mười”.

Chỉ trong mấy tháng đó hành đầu đà, là đi du phương chớ ở một chỗ tu hành đầu đà thì ngoại lệ, lúc nào cũng được.

“Trong hai kỳ hành đầu đà, luôn mang theo mình 18 món ấy như chim hai cánh”.

Đây đức Phật nói, nếu 18 món này mà thiếu thì không thể đi được. Thiếu đồ dùng nơi thân lấy gì hộ trợ thân để hành đạo. Còn đi đến đâu cũng vào nhà hay vào chùa để nhờ thì không phải hành đầu đà rồi. Nên mang theo 18 món này như chim hai cánh, nếu thiếu một phần nào cũng không thể bay được.

Hạnh đầu đà có hạnh khó nhứt, là ngồi luôn không nằm. Hạnh đó khó nhứt. Còn 11 hạnh trên (tất cả 12 hạnh) nếu cố gắng làm đều có thể làm được, nhưng hạnh đầu đà trong luật không buộc phải làm trọn đời, nghĩa là có thể phát tâm phát nguyện thọ hạnh đầu đà trong một thời gian nào đó rồi xả. Khi nào muốn tu nữa thì thọ lại. Bởi vì những khổ hạnh trong Phật pháp để kèm thúc thân tâm khỏi sự buông lung theo vật dục. Do đó để an tâm và để khuyến tu đạo hạnh, nên tùy theo sự phát tâm chớ không bắt buộc. Hành đầu đà là không được ở một chỗ. Chỉ trong hai kỳ trong mỗi năm. Kỳ nhứt từ Rằm tháng Giêng đến Rằm tháng Ba, đó là tháng khô ráo mát mẻ. Rồi từ Rằm tháng Tám cho đến Rằm tháng Mười, tất nhiên sau mùa mưa rồi, trước mùa đông. Mấy tháng đó chưa đến mùa đông lạnh lẽo.

“Nếu đến ngày Bồ tát hàng tân học Phật tử, mỗi nửa tháng luôn Bồ tát, tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh”.

Đây là nói đến ngày Bồ tát. Hàng Phật tử cứ mỗi nửa tháng đến ngày Bồ tát thì phải tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh.

“Lúc tụng giới nên ở trước tượng Phật và Bồ tát mà tụng. Chỉ có một người Bồ tát, thì một người tụng. Nếu hai người ba người nhần đến trăm ngàn người, cũng một người tụng còn bao nhiêu người lắng nghe”.

Nếu riêng một mình thì mình tụng, còn nếu hai người thì cử một người tụng, còn người kia ngồi nghe, cho đến trăm người cũng vậy. Một người tụng còn bao nhiêu người khác ngồi lắng nghe.

“Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp”

Bất luận vị đó lớn nhỏ, nhưng nếu thay thế trong Đại chúng để tụng giới, thì vị đó phải thình lên ngồi ở trên cao.

“Mỗi người đều đắp y hoại sắc chín điều, bảy điều và năm điều”.

Đây là nói hàng xuất gia, chớ không phải người tại gia. Có nhiều khi làm việc đó, rồi người tại gia cũng đắp y sai lầm. Nhưng tại gia cũng phải mặc đồ hoại sắc, không phải màu trắng.

Trong luật Phật, xưa người tại gia lấy chánh sắc làm màu trắng. Do đó gọi người tại gia là bạch y. Phá hư màu trắng đó gọi là hoại sắc.

Hoại sắc hoặc xanh vàng, đỏ, tím, đen, tùy ý hoại. Trong những màu đó tùy ý dùng một màu để pha trắng cho hư. Trong lúc kiết hạ an cư cũng phải mỗi việc đúng theo pháp tắc, nghĩa là không phải kiết hạ an cư rồi không tụng giới, không Bồ tát. Kiết hạ an cư thì cũng phải Bồ tát kiết giới vậy.

Lúc hành đầu đà chớ đi đến chỗ hiểm nạn (có tai nạn) cõi nước hiểm ác nhà vua hung bạo, đất đai gập ghềnh, cỏ cây rậm rạp, chỗ có giống sư tử, cọp, sói, cùng lụt bão, nạn cháy, giặc cướp, đường sá có rắn rít... Tất cả nơi hiểm nạn

ấy đều không được đến. Chẳng những hành đầu đà mà lúc kiết hạ, an cư cũng không được vào những chỗ hiểm nạn ấy. Nếu cố vào những nơi ấy, Phật tử này phạm Kinh cầu tội.

Nếu muốn đi đầu đà, thì phải tránh những chỗ hiểm nạn. Lúc kiết hạ, an cư cũng như vậy. Cũng phải kiết hạ an cư yên ổn, chớ không nên vào trong chỗ hiểm nạn. Nếu biết đó là hiểm nạn mà cố vào thì phạm giới thứ 37 này.

Trên đây nói về việc đầu đà, phải đem những đồ cần dùng. Còn đây chỉ kết tội là đi đầu đà mà vào chỗ hiểm nạn. Biết đó là hiểm, mà cố đi vào nơi đó kiết hạ an cư. Như vậy phạm tội.

38. GIỚI TRÁI THỨ TỰ TÔN TY

Nếu là Phật tử phải theo thứ tự đúng pháp mà ngồi: người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Không luận già trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người sang như quốc vương, hoàng tử, nhĩn đến kẻ hèn như huỳnh môn, tôi tớ v.v... Tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi: người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau...

Đó là luận theo nơi thọ giới trước sau để phân ngôi thứ, chớ không luận theo giai cấp ngoài đời.

Nếu tại gia Bồ tát cùng giới với xuất gia Bồ tát, không lẽ bắt xuất gia ngồi dưới tại gia. Vậy đoàn thể nào ngồi theo đoàn thể này. Như vậy, xuất gia phân ngôi thứ theo xuất gia, tại gia phân ngôi thứ theo tại gia. Tại gia nếu có những hàng quyền quý, quan quyền, quốc vương, hoàng tử mà ngồi dưới tên lính cũng khó coi. Như vậy để cho hàng vua chúa ngồi riêng một nhóm thì họ tự phân với nhau.

Trong khi Bồ tát, biết giới thì phân vậy thôi, còn trường hợp không phải theo luật, hoặc nhóm hội theo đời, đó là ngoại lệ không nên đem giới luật ra để phân.

Không được như hàng ngoại đạo si mê hoặc già, trẻ. Ngồi trước sau lộn xộn, không có thứ tự, không khác cách ngồi của bọn binh nô. Trong Phật pháp của Ta, hễ người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Nếu Phật tử không theo thứ tự đúng pháp mà ngồi thì phạm Khinh cấu tội.

Theo thứ tự đúng pháp, là theo nơi sự thọ giới trước sau mà phân ngôi thứ, đó là đúng pháp. Còn nếu lấy chức tước quyền quý, quan dân để mà phân, hay là lấy tuổi đời mà phân gọi là không đúng pháp.

39. GIỚI KHÔNG TU PHƯỚC HUỆ

“Nếu là Phật tử thường phải khuyến hóa mọi người kiến tạo Tăng phường, nơi núi rừng, vườn ruộng, xây dựng Phật Tháp, chỗ an cư tọa thiền trong mùa đông, mùa hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến tạo...”

Đức Phật khuyên bốn phạm người Phật tử Bồ tát, phạm khi có duyên bất cứ chỗ nào, nếu có thể xây dựng được cơ sở hành đạo tu hành thì đều nên cố gắng.

“Người Phật tử phải giảng thuyết Kinh Luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh. Lúc tật bệnh, nước có giặc, có nạn, ngày cha mẹ, anh em, Hòa thượng, A xà lê khuất tịch và mỗi tuần thất, nhĩn đến bảy tuần thất, cũng nên giảng thuyết Kinh Luật Đại thừa. Tất cả những trai hội cầu nguyện, những lúc đi làm ăn, những khi có tai nạn lụt bão, hỏa hoạn, ghe thuyền trôi dạt nơi sông to biển lớn, gặp quỷ la sát v.v... đều cũng đọc tụng Kinh Luật Đại thừa. Nhĩn đến tất cả tội báo, tam ác, bát nạn, thất nghịch, gông cùm xiềng xích trói buộc tay chân, hoặc người nhiều dâm, nhiều sân, nhiều ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên giảng Kinh Luật Đại thừa này”.

Kinh Luật Đại thừa có thể cứu độ tất cả chúng sanh (người và vật) để khỏi tất cả những nạn khổ, có thể làm cho đầy đủ thiện căn công đức để được giải thoát, để được thành Phật.

Do đó cho nên với tất cả những người còn sống thì tất cả đều đem kinh Đại thừa mà hướng về thì khỏi những khổ, cũng như khỏi những tai nạn, còn người khuất tịch nhờ công đức của Kinh Luật Đại thừa mà giác linh hay hương linh đó được siêu sanh.

Phật tử nên ý thức rằng, rời kinh Đại thừa chúng sanh không thoát khổ được. Cho nên trong mọi trường hợp không được rời kinh Đại thừa, mà phải giảng kinh, thuyết pháp đọc tụng.

“Nếu hàng tân học Phật tử không thực hành như trên đây thì phạm Khinh cấu tội”.

Nghĩa là không tinh tấn để đọc tụng, thực hành theo Kinh Luật Đại thừa. Nếu không tinh tấn như vậy, tất nhiên phạm tội. Nếu thực hành đúng giới Bồ tát này, người đó chẳng những có giới hạnh trang nghiêm thanh tịnh mà còn tinh tấn để tu phước huệ. Bởi vì nếu không tu phước huệ dù giữ thanh tịnh cũng vẫn phạm tội.

“Chín giới như thế cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì”

Đã tinh tấn phước huệ thì phải lìa những duyên phóng dật. Do đó, có những điều giới răn cấm không được coi hát, đá cầu, đá bóng, chơi cờ, đánh bạc... Tất cả việc đó không được làm vì buông lung tâm tánh. Và một điều cần thiết là phải phát nguyện, phát thệ. Có phát thệ nguyện thì nương theo nguyện thệ đó mới gặp Thầy lành, bạn tốt, rồi sự hiểu biết thực hành chẳng những đời này còn nhiều đời sau nữa.

Nếu không phát nguyện thì không thành tựu được nghiệp lành trong đời hiện tại. Và muốn giới hạnh trang nghiêm thanh

tịnh phải có phát thệ. Do phát thệ mà tâm mạnh mẽ. Tự thệ rằng: Thà xả thân mạng mà chết chứ không bao giờ làm sai giới pháp mà ta đã thọ. Nghĩa là trọng giới pháp của Phật hơn thân mạng của mình. Nhờ có phát thệ nên gặp hoàn cảnh bắt buộc phải phạm giới, do có thệ nguyện mà kiên quyết lướt qua, khỏi phải phạm giới.

Có những điều giới phải giữ gìn nơi Bồ đề tâm, dù đó là một thời gian rất ngắn cũng không xao lãng, nghĩa là bao giờ cũng hướng về Đại thừa thành Phật, quyết thực hành Bồ tát hạnh cầu thành Phật.

Nếu không cẩn thận thì có thể chạy theo Nhị thừa, vì người ta cũng tu hành tiến đến Sơ thiên, Phi Phi Tướng định chẳng hạn. Cũng có ngoại đạo tu hành chứng ngũ thông. Huống nữa họ là ngoại đạo tiên tri biết quá khứ, vị lai hay chữa bệnh lành chẳng hạn.

Giả sử có ai bệnh chạy thuốc không lành, rồi có ông thầy nước lạnh, ông chữa cho được lành, đó cũng ham mê theo. Nếu có tâm niệm thích mà xao lãng tâm nguyện cầu thành Phật để độ chúng sanh, người xuất gia nên tránh những nghề nghiệp hại người hại vật.

Việc cúng dường cũng phải nên bình đẳng. Phật tử đối với ngôi Tam Bảo phải có tâm bình đẳng cúng dường.

Nhứt là ngăn các duyên làm tổn hại hữu tình, như chứa hay là buôn bán dao gậy, khí giới, tội nặng nhứt là cân non gia thiếu, đó là hình thức trộm của thiên hạ. Trong phạm vi đây, nếu cất chứa những vật nêu trên, là phạm giới điều thứ 32. Điều cần nên nhớ là đối với giới mình đã thọ, cần phải giữ gìn cho cẩn thận. Phật tha thiết đem một điều dụ với một điều lệ. Điều dụ như trái nổi để người đó vượt qua biển vậy. Nếu trái nổi đó chỉ hư một chút thì cũng đủ chết chìm giữa biển. Trái nổi đó dụ cho giới pháp của Phật, còn người đem trái nổi đó,

dụ cho người thọ giới pháp của Phật thì phải giữ gìn giới pháp đó cho toàn vẹn, mới có thể vượt qua biển khổ sanh tử luân hồi, mà đến nơi quả vị của Phật.

Vị Tỳ kheo thọ giới rồi không được làm tổn hại những cỏ cây còn tươi sống.

Tỳ kheo khi đi qua một cụm rừng bị bọn cướp giật hết y bát, vì sợ các Tỳ kheo này đi tố cáo, cho nên chúng bàn tính với nhau nên đem giết hết đi. Trong số đó có một người hiểu được giới luật của Tỳ kheo nên can rằng: “Ta đã cướp giật của người xuất gia đã là tội rồi, lại còn toan đem giết nữa lại còn thêm tội lớn nữa”! Vậy tôi có cách. Các người đồng bọn liền hỏi: “Cách như thế nào”? Người kia liền đáp: “Ta dùng dây tươi mà cột mấy vị Tỳ kheo này lại, cứ để nguyên dây còn dính gốc trên cây, vì các vị đó giữ giới cây cỏ còn sống không được bứt, thì sẽ bị kẹt nơi đó mà chịu chết đói hoặc bị hùm răn tha. Ta không cần phải giết chi cho thêm mang tội”. Liền đó họ kéo dây để cột các Tỳ kheo dính vào gốc cây.

Sau khi bọn cướp tản đi hết rồi, các Tỳ kheo cứ nhắc với nhau hoài: “Mình bây giờ nhứt định phải giữ giới của Phật, thà chết chứ không nên bứt mấy sợi dây này để phạm giới của Phật”.

Cứ chịu trận như vậy, cho đến đói cả mấy ngày. May mắn thay, có mấy người đi săn gặp, người ta mới mở cho được thoát nạn. Rồi mới truyền tụng cho thế gian mà khen ngợi mấy vị Tỳ kheo đó là người không phá giới để được sống, nghĩa là thà chết chứ không bứt những dây cỏ. Mà dây cỏ đó, nếu có bứt đi cũng chỉ phạm giới nhẹ có thể sám hối được, nhưng vì răn nhau giữ giới kỹ, dù một giới nhỏ cũng không phạm, dù cho thân mạng có chết thì thôi, cũng như các vị Tỳ kheo đó vậy.

Điều dụ rõ rệt nhứt, như người đeo trái nỏ đi qua biển, dù không phải là mất hết trái nỏ đó hay là bẻ đi, nhưng nó chỉ

lũng một lỗ nhỏ chùng bằng hạt cát thôi, cũng đủ xì hơi, xẹp trái nôi, bị chìm.

Đối với Pháp của Phật cũng thế, dù phạm một giới rất nhỏ, thì sự giữ giới không hoàn toàn được, tất nhiên định huệ cũng không do đâu mà sanh ra được và cũng không thể nào giải thoát được. Nên chúng ta phải kiên trì nơi giới luật.

40. GIỚI KHÔNG BÌNH ĐẲNG TRUYỀN GIỚI

Ở trong giới điều này, ý nói các vị Giới sư truyền giới Bồ tát thì phải có tâm bình đẳng để truyền giới cho những vị cầu thọ giới Bồ tát. Không nên lựa chọn những người sang, người thông minh, người quyền quý mà truyền, còn những người hèn, người đàn độn không chịu truyền. Nghĩa là đối với những điều kiện trong giới Bồ tát, mà người cầu thọ có đủ, thì Giới sư phải bình đẳng để truyền.

“Nếu là Phật tử lúc cho người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả hàng Quốc vương, hoàng tử, các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, dân nam, dân nữ, Phạm Thiên trong 18 cõi Sắc, Thiên tử trong sáu cõi Dục, người thiếu căn, hai căn, huỳnh môn, tôi tớ và tất cả quỷ thần đều được thọ giới”.

Như trước đây cũng đã có nói, tất cả người, cho đến tất cả cõi trời cũng như tất cả những quỷ thần cho đến súc sanh hay là người biến hóa, hễ ai hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, đều được thọ giới Bồ tát này. Tất cả người ở trong nhân gian, cho đến các cõi trời đều được thọ giới.

“Tất cả y phục ngọ cụ nên bảo phải hòa màu xanh vàng, đỏ, đen, tím nhuộm thành hoại sắc cho hợp với đạo...”.

Y phục đó tất nhiên đồ mặc ở nơi thân, cho đến những y đắp, ngọ cụ, đồ lót để nằm, để ngồi tất cả phải hoại sắc.

Trên đây nói: hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, hoặc tím đều có thể dùng. Nhuộm hư màu sắc chánh là màu trắng, đều gọi là hoại sắc.

Màu đà cũng là hoại sắc, hoại sắc là hợp với Đạo. Do nơi đâu? Bởi vì người vào trong Đạo thì phải bỏ sự trau dồi xinh đẹp theo thế gian, cho nên mới gọi người cư sĩ tại gia là bạch y. Hễ phá màu trắng là khác với đời, mà khác với đời là hợp với Đạo. Tùy quốc độ, địa phương nào, hễ người đời lấy màu sắc đó để trau dồi thân thể cho xinh đẹp thì người ở trong Đạo, nơi đó phải tránh màu sắc đó, phá hư màu đó đi. Nên đoạn dưới đây nói y phục người trong Đạo phải khác với người thế tục.

“Trong tất cả quốc độ, theo y phục của người trong nước, mặc y phục của thầy Tỳ kheo đều phải khác với người thế tục”.

Lại thêm một nghĩa nữa, là sự cắt may về hình thức cũng phải khác người thế tục. Người xuất gia phải giữ hai điều:

1. Phải mặc màu hoại sắc

2. May cắt, hình thức đó, phải khác với kiểu y phục người thế tục. Còn người tại gia mà thọ giới Bồ tát, nếu vào trong tông lâm, hay vào trong những ngày Bồ tát, thuyết giới thì cũng mặc những y phục hoại sắc. Phá hư sắc trau dồi xinh đẹp ở đời. Còn những cái khác, thì cũng tùy theo phong tục, quốc độ mà mặc y phục theo ngoài.

Do đó nên trong đoạn này nói: “Y phục của Tỳ kheo phải khác với người thế tục”

Nhứt định phải khác, không buộc người tại gia Bồ tát giới.

Khi muốn thọ Bồ tát giới vị sư phải hỏi rằng: “Trong đời này người có phạm tội thất nghịch chăng?”. Bồ tát Pháp sư không được cho người phạm tội thất nghịch thọ giới trong đời này...

Việc thọ giới Bồ tát, theo trong luật thì hễ người nào phát Bồ đề tâm, đã có lập nguyện Bồ tát và hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, đều được thọ giới Bồ tát cả, chỉ trừ một điều kiện là nếu phạm tội thất nghịch thì không được thọ.

Đây là tội thất nghịch: ác tâm làm thân Phật chảy máu, hại bậc Thánh nhơn, giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng và A xà lê, phá yết ma Tăng, chuyển Pháp luân Tăng.

Điều thứ bảy sau gọi là phá Tăng.

Ác tâm làm thân Phật chảy máu, phải có đức Phật hiện đời, cũng như Đê Bà Đạt Đa lăn đá làm cho các miếng đá văng trúng chân Phật, trầy da chảy máu. Vì sao không nói giết Phật? Vì Phật không ai có thể giết được, tột cùng của ác tâm có thể làm cho trầy da, chảy máu, đó là tội nghịch rồi.

Hại bậc Thánh Tăng... là giết hại các bậc đã chứng quả Thánh, chứng A la hán, hay các vị Bồ tát, là giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng, giết A xà lê.

Hòa thượng và A xà lê là những vị độ cho tu hành. “Phá Tăng” Tăng trong đây có thể yết ma Tăng, chuyển Pháp luân Tăng.

Yết Ma Tăng là sao? Nghĩa là từ bốn vị Tỳ kheo trở lên, hiệp lại gọi là Tăng, thì được phép làm yết ma.

Yết ma là quyết định những việc quan trọng ở trong chư Tăng, trong Giáo hội. Có người làm cho chư Tăng hay trong Giáo hội Tỳ kheo chia làm hai phe, phạm tội phá yết ma tăng.

Phá chuyển Pháp luân Tăng là sao? Đây là trường hợp Phật còn tại thế. Chuyển Pháp luân Tăng thì Phật làm giáo chủ chuyển Pháp luân Tăng, dưới vị giáo chủ đó là chư Tăng. Nếu có người quyến rũ một nhóm Tỳ kheo theo mình, rồi cũng xưng là giáo chủ, cũng bày ra một pháp để truyền. Như vậy thành ra hai ông giáo chủ để truyền một đạo Phật. Cố ý làm ra như thế gọi là phá chuyển Pháp luân Tăng.

Trong lịch sử Phật, Đề Bà Đạt Đa quyển rũ 500 vị Tỳ kheo, rồi lập thành một Giáo hội riêng, cũng lập ra những pháp này pháp kia để truyền dạy. Như thế, Đề Bà Đạt Đa đã phạm tội phá chuyển Pháp luân Tăng.

Trong đây chỉ nêu lên điều nghịch thứ nhứt và điều nghịch thứ bảy khi nào Phật còn hiện tiền tại thế mới thành tội nghịch. Còn hiện tại là cố ý phá hoại tượng Phật, đập bể tượng Phật hay làm rách đi cũng đồng với tội thứ nhứt.

Trong quốc độ nào đó, đang có Giáo hội truyền bá chánh pháp của Phật. Có người giả mạo chánh pháp của Phật để lập thành Giáo hội khác. Kỳ thiết chẳng phải truyền bá chánh pháp của Phật (việc làm đó chỉ có người thâm hiểu được Phật pháp mới biết được mà thôi, chớ người sơ cơ làm sao phân biệt được). Như thế là làm hư chánh pháp của Phật, cũng phạm tội phá chuyển Pháp luân Tăng (lập thành Giáo hội riêng giả mạo truyền bá chánh pháp Phật, chứ một, hai người thì không thể gọi là phá chuyển Pháp luân Tăng).

Câu: “Nếu phạm tội thất nghịch, thời hiện đời không đắc giới. Ngoài ra tất cả người đều được thọ giới...”

Phạm tội trọng thì phải sám hối cho đến khi thấy hảo tướng rồi mới thọ giới lại. Còn nếu đã sám hối theo một thời gian bảy ngày, cho đến một năm cũng tha thiết sám hối vậy, nhưng không thấy được hảo tướng, cũng được phép cho thọ lại giới Bồ tát, nhưng không đắc giới được vì tội trước chưa tiêu.

Như vậy tuyệt đối không được thọ giới là chỉ có người nào phạm tội nghịch mà thôi.

“Theo Pháp của người xuất gia không lạy Quốc vương, cha mẹ, lục thân và quý thân...”

Người xuất gia không lạy người thế tục, dù người đó là cha mẹ, vua chúa hay quý thân. Cho nên trước khi đi xuất gia, vị Giới sư phải dạy cho người đó lạy lần cuối, gọi là lạy

tứ ân (Quốc vương, cha mẹ, thí chủ, sư trưởng) rồi từ biệt đi xuất gia.

Quý thân đây gồm chư Thiên, chư Thần. Nếu đi đến chỗ đình miếu nơi thờ chư Thiên, chư Thần thì được tụng kinh cầu an, chớ không được lễ lạy. Không lễ lạy, đó là trọng giới pháp của Phật, chớ không có nghĩa tự cao tự đại. Và lại người xuất gia rồi thì ở vào địa vị Thầy của người thế tục, Thầy của tam giới nên phải cố gắng tu học cho xứng đáng.

Phàm ai hiểu nhận lời của Pháp sư đều được thọ giới. Có người từ phương xa nghìn dặm đến cầu pháp, nếu Bồ tát Pháp sư vì ác tâm, sân tâm mà không mau mắn truyền giới Bồ tát cho người ấy, thời phạm Kinh cầu tội.

Ác tâm nghĩa là muốn cho người đó lạc vào thừa nào khác không được tu nơi Đại thừa, không được đi đến quả Phật. Đó gọi là ác tâm. Sân tâm, qua hành động người đó đối xử rồi giận ghét, đó gọi là sân tâm.

Nếu vì hai tâm niệm đó mà không chịu truyền giới Bồ tát, thì vị Giới sư phạm tội thứ 40 này.

41. GIỚI VÌ LỢI MÀ LÀM THẦY

Làm Thầy cốt là đem giới pháp hay chánh pháp của Phật dạy cho người thấp kém hơn, là mục đích độ người cũng như độ mình vậy. Độ người mà tâm chú trọng về danh lợi, đem giáo pháp của Phật ra dạy không được thanh tịnh, là chính do nơi tâm không chánh.

“Nếu Phật tử giáo hóa người sanh lòng tin tưởng pháp Đại thừa, Bồ tát làm Pháp sư giáo giới cho người. Lúc thấy có người muốn thọ giới Bồ tát, nên bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê... Phải hỏi người ấy có phạm tội thất nghịch không? Nếu người ấy hiện đời có phạm tội thất nghịch, thời Pháp sư không được cho người ấy thọ giới”.

Hễ những vị Pháp sư mà đủ đức làm Giới sư để truyền giới cho người thì nếu thấy người muốn thọ giới Bồ tát phải bảo người ấy thỉnh hai đại sư: Hòa thượng và A xà lê.

Lúc thọ giới Bồ tát thỉnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm Hòa thượng và thỉnh hai vị Bồ tát để làm A xà lê. Đức Văn Thù Sư Lợi làm Yết ma A xà lê, còn đức Di Lặc thì làm Giáo thọ A xà lê.

“Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải bảo người ấy sám hối, đối trước tượng Phật và Bồ tát ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ tát tha thiết đánh lễ tam thế chư Phật cho được thấy hảo tướng.

Thấy hảo tướng là thấy Phật đến xoa đầu mình, thấy quang minh, thấy hoa báu v.v... các thứ cảnh tượng lạ. Thấy được những hảo tướng ấy là triệu chứng tội đã tiêu diệt. Nếu không được thấy hảo tướng, dầu có sám hối vẫn vô ích. Người này hiện đời tuy không đắc giới nhưng được tăng ích thọ giới”.

Sự thấy hảo tướng có hai trường hợp:

Một là trong khi sám hối, lúc niệm Phật hay là lúc lễ Phật mà thấy. Nghĩa là lúc tỉnh táo mà thấy.

Hai là lúc ngủ chiêm bao thấy, mà chiêm bao phải rõ ràng. Sau khi thấy rồi thì thấy trong tâm nhẹ nhàng, thơ thới, vắng lặng. Như vậy là thấy cảnh tốt, còn nếu mà thấy mập mờ, những hoa lãng xăng đủ thứ, có người thuật: tôi thấy muốn bảo ông Phật ngồi thì thấy ông Phật đó cũng ngồi xuống, bảo ông Phật kia đứng lên, ông Phật nọ cũng đứng. Cái đó là thời gian qua rồi.

Thấy như thế có tốt không? Đáp: thấy đó là thấy ma chớ không phải thấy Phật. Rồi người đó tinh thần lơ lửng mất hết vẻ tinh anh, say đắm vào cảnh đó ắt bị ma khuấy phá. Bao giờ mình thấy Phật mà Phật bảo mình lạy hay Phật bảo mình ngồi,

chứ có bao giờ mình thấy Phật mà mình bảo Phật ngồi, bảo Phật đứng như vậy. Tất nhiên là không phải rồi.

Nếu thấy Phật thì phải rõ ràng là một vị Phật hay nhiều Phật, thấy ngự trên tòa sen rõ ràng. Chứ nếu thấy lằng xằng lộn xộn đó là cảnh loạn trong óc, hay là cảnh ma hiện chớ không phải thiệt. Những cảnh khác cũng thế phải phân minh rõ ràng, sau khi thấy rồi thì tinh thần nhẹ nhàng, trong tâm thanh tịnh. Do đâu vậy? Bởi vì lúc đó tội chướng đã tiêu nên Thánh cảnh, hảo tướng hiện ra, trong tâm nhẹ nhàng, thơ thới, còn nếu thấy mà hồi hộp lo sợ, rối rắm trong tâm, hay là bực bội, khó chịu, đó là không phải thiệt, hoặc là do bệnh hay do ma phá, hay nghiệp chướng nó biến tướng ra. Trong kinh khác cũng có nói đến. Như thấy cỡi ngựa qua sông, hoặc cỡi trâu qua sông, hay đi thuyền bè mà qua tới bờ bên kia. Thì đó cũng thuộc về hảo tướng. Trong đây chỉ nói thấy Phật với thấy Bồ tát thì cũng vậy, hoặc là thấy khách Tăng.

Có nhiều người thuật: Tôi cũng có tội như vậy đó, nhưng sám hối ít lúc mới xuất gia, thì thấy chư Tăng đến trao cho cái y, biểu đắp vô, như vậy là tội chướng đã tiêu diệt, nó hoàn lại cái bản thể cũ đó rồi. Đó cũng là hảo tướng. Thấy hảo tướng đó là triệu chứng tội đã tiêu diệt.

Trong đây nói: **“Nếu không được thấy hảo tướng thì sám hối không có lợi ích”** là bởi vì sám hối là để cho tội chướng tiêu diệt, mà hảo tướng không hiện, đó là tội chướng chưa tiêu diệt, cho nên gọi là vô ích. Nói không thấy hảo tướng thì sám hối vô ích, là muốn nhắc nhở người sám hối phải tha thiết thực hành. Mà tha thiết thực hành thì tội chướng dầu lớn bao nhiêu cũng tiêu diệt, chỉ sợ không có thành thật tha thiết mà thôi.

Nếu tội chướng tiêu diệt thì thọ giới lại đặc giới, mà chưa thấy hảo tướng thì tội không tiêu. Nhưng nếu vẫn có công sám hối cả năm như vậy thì được thọ giới, cho nên gọi rằng tăng

ích thọ giới, nhưng trong giới điều nói là không đắc giới. Nó chỉ là hình thức thọ giới mà thôi.

Nếu là người phạm trong 48 điều giới khinh, đối thú sám hối thì tội diệt tiêu diệt, không phải như tội thất nghịch.

Phạm ngoài tội thất nghịch ra thì tội nhẹ nên gọi là Khinh cấu tội.

Đối thú sám hối: nghĩa là đối với những vị Đại đức tu hành thanh tịnh, hoặc là đối với trước Tam Bảo, thành tâm phát lộ tội của mình và hứa hẹn sẽ chừa cải trong tương lai, như vậy gọi là đối thú sám hối. Đối là đối với vị Đại đức thanh tịnh hay Tam Bảo, thú là phát lộ tội đã phạm ra để sám hối. **Sám hối:** nghĩa là ăn năn chừa bỏ.

Như vậy tội tiêu diệt đối với giới khinh, khác với tội thất nghịch. Tội thất nghịch không có cách gì để sám hối được.

“Vị Pháp sư giáo giới ở trong những pháp này phải hiểu rõ. Nếu như không hiểu Kinh Luật Đại thừa, những giới khinh, những giới trọng, hành tướng phải, chẳng phải...”.

Trong giới luật có hai phần: phần về lý tánh, phần về sự tướng. Nơi đây nói giới khinh, giới trọng. Tướng phải, chẳng phải, đó là sự tướng của giới. Phải biết như thế đó thuộc về giới khinh. Như thế đó, nó thuộc về giới trọng. Những điều như vậy đó, nó phải là giới, những điều như vậy, nó không phải là giới. Đối với vị gọi là Pháp sư, Giới sư phải thông hiểu tất cả các môn thiền quán, từng bậc tu hành ở trong địa vị Bồ tát, nên dưới đây có câu: **“Không hiểu Đệ nhứt nghĩa đế, Tập chủng tánh, Trưởng dưỡng tánh, Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh, Đạo chủng tánh, Chánh pháp tánh. Những quán hạnh đa thiếu, xuất nhập của các pháp đó, cùng mười chi thiền, tất cả Phạm hạnh, mỗi mỗi đều không thông hiểu...”.**

Tất nhiên vị đó không được gọi là Pháp sư.

Đệ nhứt nghĩa đế, tức là Phật tánh là bốn nguyên của mỗi người, từ nơi đó tu tập các cấp bậc của Bồ tát, Tập chủng tánh, Trưởng dưỡng tánh, Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh... Đạo chủng tánh, với Chánh pháp tánh đó là các từng bậc đi lên mà ở trước có đề cập đến, nói là Thập Phát Thụ, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cang, Thập Địa.

Thì ở nơi Phật tánh chủng tử đó mà phát sanh những thiện căn, tu hành các pháp môn. Do nơi Phật tánh chủng đó hiển thành lên Tập chủng tánh, rồi đến Tánh chủng tánh, Bất khả hoại tánh, Đạo chủng tánh, rồi đến Chánh pháp tánh. Từng bậc tu hành mà lên Thập Phát Thụ, cho đến Thập Địa rồi thành Phật.

Từ Thập Phát Thụ, cho đến Thập Địa là danh từ để gọi quả vị bên ngoài, còn bên trong là từ Phật chủng tánh chuyển thành ra các tánh, nghĩa là chuyển từ Tập chủng tánh cho đến thành Chánh pháp tánh.

“... những quán hạnh đa, thiếu, xuất, nhập của các pháp đó...”

Trong các pháp đó (là trong các pháp tu hành làm tới các từng bậc như trên) thời không ngoài ba pháp: quán chơn, quán giả và quán trung.

Còn mười Chi Thiên là:

Sơ Thiên có năm chi: hỷ, lạc, giác, quán và nhứt tâm

Nhị Thiên có bốn chi: hỷ, lạc, nội tịnh và nhứt tâm.

Tam Thiên có năm chi: lạc, huệ, xả, niệm và nhứt tâm.

Tứ Thiên có bốn chi: xả, niệm, bất khổ bất lạc và nhứt tâm.

Cộng lại là 18 chi mà nói mười chi đó là trừ những tên chi trùng nhau nên còn lại mười tên: Hỷ, Lạc, Giác, Quán, Nhứt Tâm, Nội định, Huệ, Xả, Niệm và Bất khổ bất lạc.

Quán chơn: tất nhiên là chơn Không

Quán giả: tức là thế tục đế

Quán trung: là trung đạo đế

Đa thiếu đây hoặc giả là theo từng bậc, quán về chơn Không nhiều, mà quán nơi tục đế ít (quán giả) cho nên gọi là đa hay thiếu. Hoặc trái lại, trong bậc đó thì cần phải quán về tục đế giả nhiều mà quán về Không đế lý thì ít. Hoặc giả là chánh thì quán trung đạo nhiều, mà quán tục với quán chơn ít. Nên trong đây gọi rằng chữ đa, thiếu là vậy.

Như vậy, thấy một vị Pháp sư giáo giới đó khó chớ không phải dễ, phải thông hiểu hết.

“**Xuất, nhập**” là gì? Là quán Không. Được Không rồi xuất Không, để quán giả. Như vậy là xuất Không, nhập giả. Được giả rồi thì lại xuất giả, để nhập Không, như vậy gọi là xuất nhập.

Phật tử vì tài lợi, vì danh tiếng, cầu quấy, cầu nhiều, tham đệ tử đông nên giả tuồng là mình hiểu biết tất cả Kinh Luật để được cúng dường. Đó là tự dối mình và cũng dối người khác. Nếu cố làm Giới sư truyền giới cho người, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Nếu chưa thông hiểu như vậy, mà có người đến cầu làm Giới sư thì phải từ chối. Sau đó phải cố tâm học hỏi cho được thông hiểu chớ không được để như vậy, cũng có lỗi. Tại sao có lỗi? Như điều trước đã có nói, là phải mang Kinh Luật đến những nơi thuyết kinh, thuyết giới, thuyết luật. Nếu không có tâm học thì phạm điều giới đó.

Lúc còn đi học như vậy có thể từ chối không làm Giới sư. Bởi vì ham danh lợi, đệ tử đông tất nhiên được cúng dường là phạm giới thứ 41 này.

Những điều trên: thỉnh Hòa thượng, A xà lê thọ giới cho đến phạm tội thất nghịch thì không được thọ giới. Cần phải đúng pháp, sám hối rồi mới được thọ giới.

Đây là những điều Phật dạy chứ không phải kết tội. Trong đây là kết lại một điều là chưa thông hiểu Kinh Luật mà vì danh vì lợi làm Giới sư, làm Thầy người thì phạm tội thứ 41 này.

42. GIỚI VÌ NGƯỜI ÁC GIẢNG NÓI

Nếu là Phật tử không được vì tài lợi mà đem đại giới của chư Phật nói với người chưa thọ giới Bồ tát, hoặc với hàng ngoại đạo, những người tà kiến...

Trừ Quốc vương, ngoài ra không được nói với tất cả hạng người ấy. Những người chẳng thọ giới của Phật gọi là súc sanh, đời đời sanh ra không gặp Tam Bảo, như cây đá, không có tâm thức gọi là ngoại đạo, bọn tà kiến, nào khác cây cối. Với những hạng người tà ác ấy, nếu Phật tử giảng nói giới pháp của chư Phật thì phạm Khinh cấu tội.

Đề ý một chút là bất kỳ chỗ nào, cũng không luận là trường hợp nào, khi nói trong chỗ hoạn nạn, lúc đi làm ăn xa, hay bị trôi, bị cháy, cho đến nạn La sát, lúc trai hội, cầu nguyện đều phải đem giới Bồ tát đây giảng thuyết hết, đem công đức đó để tiêu trừ tai chướng, cùng cứu độ tất cả chúng sanh. Điều giới này thì lại cấm không được đem giới này ra nói, hai điều như vậy phải thông hiểu lắm mới được, nếu không thì không biết lúc nào nên nói lúc nào không nên nói. Cần phải học cho kỹ.

Ở điều giới trước mục đích vì cứu độ người nên đem giới Bồ tát ra giảng nói. Còn như giới này thì cấm đem giới Bồ tát ra giảng cho người tà ác nghe, chẳng những họ không tin mà còn hủy báng, thành ra có hại chứ không lợi. Trừ Quốc vương là người có quyền hạn cấm Phật pháp không cho lưu

hành trong quốc độ họ. Do đó mà đối với Quốc vương dù tin kính hay không, hễ mà bảo đem giới Bồ tát ra giảng cho ông nghe thì không được từ chối. Đây là nói Quốc vương ở chế độ phong kiến. Qua chế độ dân chủ thì việc đó không thành vấn đề nữa.

Trong đây chỉ nói những người trong nội bộ. Đức Phật dạy những người không lãnh thọ giới Bồ tát này, tất nhiên người đó thuộc về người tà ác cả. Nếu đem giảng nói cho họ nghe chỉ làm cho họ thêm tội và người Phật tử có hạnh Bồ tát đó cũng sai lầm, cũng có lỗi. Vì Bồ tát có bốn phận làm lợi người, độ người mà vô tình làm cho người bị hại, như là đối với giới Bồ tát này mà hủy báng không tin là mất chủng tử Phật tánh. Hại rất lớn vậy.

Mất chủng tử Phật tánh thì dễ dàng bị sa đọa vào tam đồ khổ não. Do đó nếu thuyết pháp không đúng chỗ thì phạm nơi tội thứ 42 này.

43. GIỚI CỐ MÓNG TÂM PHẠM GIỚI

Nơi giới Bồ tát này hễ móng tâm phạm giới thì đã phạm giới 43 này rồi, chứ chưa nói đến phạm giới, vì thế ta thấy giới Bồ tát rất khó giữ. Vậy nên biết nếu có móng tâm muốn làm điều chi sai giới, dù sau đó không làm điều cũng phạm nơi điều giới thứ 43 này, thì cần phải sám hối cho dứt cái tâm đó đi!

Nếu là Phật tử do đức tin mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố hủy phạm chánh giới, thời không được lãnh thọ đồ cúng dường của tất cả đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc dân, không được uống nước của quốc dân. Năm ngàn đại quỷ đứng áng trước mặt người đó mà gọi là “Gã bọm giặc”.

Nếu đi vào trong phòng nhà, thành ấp, các quỷ thường theo chà quét dấu chân của người ấy. Tất cả người đời đều

mắng người ấy là kẻ đại bợn trong Phật pháp, hết thầy chúng sanh đều không muốn nhìn ngó người ấy.

Người phạm giới khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Nếu cố hủy phạm giới pháp của Phật, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Nếu đã cố móng tâm phá giới của Phật thì theo giới để kết tội lại kết thêm tội cố tâm. Nếu đã cố tâm rồi mà chưa phạm thì cũng bị tội 43 này, thì cần phải sám hối.

Đức Phật đã răn nhắc nhiều lần nếu người vô tâm thì không nói gì, mà cố ý để phạm pháp, tâm người ấy không còn đáng sống nữa, không được lãnh thọ đồ cúng dường của tất cả tín tâm đàn việt, không đáng được đi trên đất của quốc dân. Như vậy là không đáng sống nữa. Tất cả quỷ thần coi người đó là giặc trong Phật pháp. Nói: **“Chà quét dấu chân người ấy”**, nghĩa là coi người ấy như giặc, cho đến dấu chân cũng ghét, không muốn cho còn nữa, đừng nói chi thân của người đó.

Phật nhấn mạnh rằng người cố phạm giới chẳng khác nào loài súc sanh, cây cỏ. Như vậy ta nghĩ sao? Nếu cố phạm giới tức nhiên Phật đã khai trừ mình ra khỏi nhà, khỏi dòng giống của Phật rồi vậy.

44. GIỚI KHÔNG CÚNG DƯỠNG KINH LUẬT

Quyển kinh, quyển luật, nhờ nơi đó mà ghi giáo pháp của Phật, lợi ích cho mình và người. Nếu không có Kinh Luật thì biết làm sao truyền lại? Do đó phải trọng quyển kinh, quyển luật.

Nếu là Phật tử phải thường nhứt tâm thọ trì đọc tụng Kinh Luật Đại thừa, dùng giấy, vải, hàng, lụa, thẻ tre, vỏ cây, cho đến lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, để biên chép Kinh Luật,

dùng vàng bạc cùng hương hoa vô giá và tất cả châu báu làm hộp rương đựng những quyển Kinh Luật. Nếu không y theo pháp mà cúng dường Kinh Luật, Phật tử này phạm Khinh cầu tội.

Vì Kinh Luật có những lợi ích lớn như trên đã nói, nên phải kính trọng kinh luật mới có phước đức lớn.

Việc khinh trọng Kinh Luật như trong bộ *Pháp Hoa* tôi dịch, tôi có ghi những việc kính trọng kinh Phật đó vì cái linh ứng. Còn đối với Kinh Luật mà có cái khinh mạn thì tội không phải nhỏ.

Do đó hằng ngày phải để Kinh Luật chỗ sạch sẽ, đừng để bụi bám, rách hư thì phải bồi lại, đóng hay bao bìa, làm hộp, rương, tủ đựng cho đàng hoàng. Khi cầm kinh, phải cầm với vẻ cung kính, không được buông xuôi xuống, để chỗ thấp hay xếp gập lại. Có người học kinh thuộc lòng, rồi miệng lầm bầm, quyển kinh thì xếp lại, chấp tay sau đít, điều đó hại lắm, vì Kinh Luật phải đâu sách vở ngoài đời. Xưa có một vị đi thi. Đến trường thi còn thì giờ rảnh rang, nên lên núi để chơi, nghe trên núi có vị Thiên sư biết hết những việc quá khứ vị lai. Thí sinh đó, là một người được bạn bè nhìn nhận là giỏi nhứt, bèn vào yết kiến vị Thiên sư để hỏi xem kỳ thi này ai đậu ai rớt.

Vị Thiên sư cho biết vị nào đậu cao, người nào đậu thấp trong kỳ thi này, còn phần anh thì rớt. Anh lấy làm ngạc nhiên thưa hỏi duyên cớ vì sao mà đoán anh rớt. Vị Thiên sư nói, là trong thời gian qua vì có lỗi đã khinh mạn Kinh Luật cho nên bị rớt. Anh suy nghiệm mãi, vì anh cũng là Phật tử, cũng thường nghiên cứu kinh luận và bao giờ cũng có lòng kính trọng kinh điển. Những lúc rảnh thường đem kinh ra tụng nhứt là kinh *Lăng Nghiêm*. Không hiểu vì sao Thiên sư lại bảo mình khinh mạn để phải cái tội rớt như vậy?

Kết quả kỳ thi đó anh không có tên trên bảng, nhưng không hiểu mình phạm tội khinh mạn như thế nào? Đến khi anh ta soạn cái tráp đựng sách vở (ngày xưa người học trò đi đâu cũng thường mang theo cái tráp trong đó đựng sách vở, bút viết) thì thấy trong đó có một quyển kinh *Lãng Nghiêm* mà anh đã từng lấy cái tráp có quyển kinh đó để gồi đầu. Lúc đó mới tỉnh ngộ là mình lấy kinh gồi đầu. Đó là sự vô ý thôi mà còn bị tội như vậy. Huống gì sự cố ý thì tội lỗi rất lớn! Nên phải chú ý. Trái lại nếu kính trọng Kinh Luật thì tất nhiên sẽ được phước đức lớn.

45. GIỚI KHÔNG GIÁO HÓA CHÚNG SANH

Nếu là Phật tử nên có lòng đại bi, khi vào trong tất cả thành ấp, thấy những loài chúng sanh phải sướng lên rằng: “Các người nên thọ tam quy và thập giới...”. Nếu gặp trâu, bò, chó, ngựa, heo, dê v.v... nên tâm nghĩ miệng nói: “Các người là súc sanh nên phát Bồ đề tâm”. Khi Phật tử đến núi rừng, sông ngòi, cùng tất cả chỗ, đều làm cho hết thấy chúng sanh phát Bồ đề tâm.

Nếu Phật tử không phát tâm giáo hóa chúng sanh thời phạm Khinh cấu tội.

Người mà thọ giới Bồ tát rồi, là phải thực hành hạnh Bồ tát, phải có tâm nguyện giáo hóa chúng sanh khiến cho được tăng trưởng tâm lành, phát Bồ đề tâm và đồng thành Phật. Nếu không có tâm niệm như vậy, tức là phạm nơi điều giới 45 này.

Chẳng những đối với người mà đối với tất cả loài nhỏ như ong, như kiến, như rệp, như muỗi chẳng hạn, đều phải có tâm chú nguyện cho nó được tăng trưởng thiện căn, dần dần gặp Phật pháp tu hành rồi đều thành Phật cả. Phải có cái tâm đó mới gọi là người phát Bồ đề tâm và có cái nguyện Bồ tát độ sanh.

Có nhiều khi mình nghĩ rằng nếu với người thì phải rồi nhưng mà với loài thú hay là những loài khác như kiến, mối hay ong, những bướm cho đến những rệp, muỗi chẳng hạn, thì dầu mình có biểu nó phát Bồ đề tâm hay là nguyện cho nó gặp được chánh pháp để siêu thoát đi chẳng nữa, thì làm gì mà được kết quả?

Phải biết rằng tất cả đều do tâm tạo. Do đó trong đây đức Phật mới có dạy tâm nghĩ miệng nói, chớ nếu miệng nói mà tâm không tha thiết với vấn đề đó thì việc không thành. Nhưng nếu miệng nói mà tâm tha thiết với việc đó thì, dầu nó không hiểu được tiếng nhưng do nơi tâm nghiệp lực có ảnh hưởng lớn cũng có thể chuyển phần nào nghiệp chướng của loài đó, làm cho nó được lợi ích theo tâm niệm của mình muốn. Đã có nhiều vị thực hành việc này rồi. Thời kỳ Phật còn tại thế, tại một thành nọ, Phật không thể giáo hóa dân chúng trong thành đó, Phật sai ngài Mục Kiền Liên đến thì dân chúng trong thành đều vui vẻ theo Phật pháp hết.

Các vị đại đệ tử bạch Phật nhơn duyên gì mà Phật độ không được, mà ngài Mục Kiền Liên tới đó không tổn hơi sức gì mà cả thành đều theo Phật pháp? Thì Phật mới nói đời trước, Mục Kiền Liên là một ông tiều đi đốn củi, chặt cây động đến ổ ong bay tủa xua ra, nó rượt đánh thì ông tiều đó vừa chạy vừa la: “Về sau này ta tu hành đắc đạo, ta quyết sẽ độ cho các người cũng được giải thoát”.

Do nhơn duyên đó, nên có hiện tại bây giờ dân chúng trong thành đó là những con ong, bầy ong hồi xưa đó. Còn Mục Kiền Liên là ông tiều, như thế cho ta thấy ông tiều, là một Phật tử mà việc làm của ông là gặp bất cứ loài nào đều có tâm nguyện muốn độ thoát hết thảy. Nó đã thuần như vậy rồi nên lúc bị ong đuổi đánh cũng không nghĩ đến việc mình đau đớn, chỉ có thuần một tâm niệm độ thoát cho nó mà thôi, như

thế mà ảnh hưởng lớn đến bầy ong và nhờ nơi tâm nghiệp lực của ông tiều, nên nó trở lại làm người.

Rồi cũng do tâm nghiệp lực đó, nên mới có ra nhơn duyên ngài Mục Kiền Liên độ hết đều thành.

46. GIỚI THUYẾT PHÁP KHÔNG ĐÚNG PHÁP

Nếu là Phật tử, thường nên có lòng đại bi phát tâm giáo hóa. Lúc vào nhà đàn việt sang giàu, cùng trong tất cả chúng hội, không được đứng thuyết pháp cho hàng bạch y. Phải ngồi trên tòa cao trước chúng bạch y.

Vị Tỳ kheo Pháp sư không được đứng dưới thuyết pháp cho tứ chúng. Khi thuyết pháp, vị Pháp sư ngồi tòa cao, dùng hương hoa cúng dường, còn tứ chúng, hàng thính giả, thời ngồi dưới. Đối với Pháp sư phải như là hiếu thuận cha mẹ, kính thuận Sư trưởng như Bà la môn thờ lửa. Nếu Phật tử thuyết pháp mà không đúng như pháp thời phạm Khinh cấu tội.

Vì trọng pháp phải cung kính vị thuyết pháp. Theo luật Phật, người thuyết pháp bao giờ cũng ngồi trên tòa cao, người nghe pháp thì ngồi dưới, nếu trái lại thì phạm tội. Vì sao thế? Bởi nếu không có sự kính trọng pháp thì đâu có y giáo thực hành được. Kính trọng pháp tất nhiên phải kính trọng người thuyết pháp. Và người thuyết pháp phải tự trọng lấy mình, trọng mình đó không có nghĩa là tự cao tự đại, chính là vì trọng pháp. Nên khi thuyết pháp phải ngồi trên tòa cao mà thuyết. Do đó trong luật có chỗ phân ra: không được vì người che dù mà thuyết pháp, nếu vì tỏ ra không tôn kính pháp thì không được thuyết pháp. Tỷ như đi ngoài đường có người che dù cũng đồng đi mà muốn nghe pháp thì không nên thuyết. Vì không đúng pháp. Ở giảng đường thì đúng pháp. Nếu người nghe pháp ngồi, mà người thuyết pháp đứng, người nghe pháp đi chỗ cao hơn cũng không được vì người đó mà thuyết pháp,

cho đến người nghe pháp mà nằm, mà mình ngồi cũng không được vì người đó mà thuyết pháp.

Nhưng trong luật có khai, nghĩa là trừ trường hợp bệnh, người bệnh đó không thể ngồi dậy được, phải nằm, hoặc giả chỉ có thể ngồi chớ không đứng được, thì được vì người bệnh đó mà thuyết pháp. Tóm lại để bảo vệ sự tôn trọng chánh pháp thì người nghe pháp và người thuyết pháp phải đúng pháp. Nếu không như vậy, thì phạm nơi giới điều này.

Xưa trong sử có ghi chép nhiều việc lý thú, để chỉ việc đó. Như có một người vào trong vườn của vua để lấy trộm, trong lúc còn trong vườn của vua thì ông vua cùng với một vị thầy đi vào vườn, anh ta sợ quá mới leo lên cây để ẩn. Ông vua đến gốc cây rồi lót chỗ ngồi, còn ông thầy thì đứng, Thầy đó vì ông vua mà thuyết pháp. Giảng pháp được nửa chừng thì người trên cây tuột xuống, anh ta nói: “Bây giờ tất cả người đều có tội hết. Bởi vì bệ hạ nghe pháp không đúng pháp vì ngồi để nghe. Còn ông thầy này thì đứng mà thuyết pháp cho người ngồi nghe, cũng không đúng pháp. Như vậy, thì tất cả người có mặt ở nơi đây đều có tội hết (vì tôi ăn trộm không đúng pháp), thì nhà vua không thể bắt tội tôi được. Nói rồi thản nhiên đi ra. Ông vua nghe phải, đành im lặng để cho ông ta đi. Không bắt tội.

Chuyện trên đây cho ta thấy Phật tử ngày xưa rất trọng chánh pháp, nên vì sơ ý mà vua và ông thầy phạm lỗi, phải bị người ăn trộm chỉ cho. Bởi vì sự lợi ích của pháp là đưa người ra khỏi sanh tử để thành Phật, thì tất nhiên mọi người đều phải kính trọng. Người thuyết pháp cũng phải trọng pháp, người nghe pháp cũng phải trọng pháp, đem pháp để lên cao. Bây giờ người thuyết pháp đem pháp ra để ban bố tức nhiên cái pháp ở nơi người thuyết pháp, phải đặt người đó trên cao. Cao đây, có nghĩa là trọng. Trong đây có nói: Người nghe pháp đối với vị thuyết pháp phải như là hiếu thuận cha mẹ; kính thuận

Sư trưởng, như Bà la môn thờ lửa. Kính trọng như là kính trọng cha mẹ, như Bà la môn thờ thần lửa. Bởi vì Bà la môn thờ lửa. Sớm tối đốt lửa để lạy và giữ cho lửa cháy luôn, không dám để cho tắt. Thì đây đem sự kính trọng đó ra làm lẽ. Nghĩa là phải kính trọng pháp sư như Bà la môn thờ lửa.

47. GIỚI CHẾ HẠN PHI PHÁP

Nếu Phật tử, đều đã có lòng tin thọ giới của Phật, hoặc Quốc vương, Hoàng tử, các quan, bốn bộ đệ tử tự ý thế lực cao quý, phá diệt giới luật Phật pháp, lập ra điều luật chế, hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo, cũng không cho tạo lập hình tượng Phật và Bồ tát, cùng pháp và Kinh Luật. Lại đặt ra chức quan đồng lý hạn chế tứ chúng và lập sổ bộ ghi số Tăng, Tỳ kheo Bồ tát đứng dưới đất, còn bạch y ngồi tòa cao, tìm nhiều việc phi pháp như binh nô thờ chủ.

Hàng Bồ tát này chính nên được mọi người cúng dường mà trở lại bắt làm tay sai của các quan chức, thế là phi pháp phi luật.

Nếu Quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật, chớ làm những tội phá Tam Bảo ấy. Nếu cố làm thì phạm Khinh cấu tội.

Chế hạn nghĩa là chế hạn ở nơi Tam Bảo, chư Tăng cho đến pháp, cho đến chỗ để thờ Phật. Chế hạn là không cho làm rộng lớn ra, cho lan nhiều ra, cũng như là không có cho người xuất gia tu hành được, có một phạm vi, một giới hạn vậy thôi.

Nhưng đây chế hạn là chế hạn phi pháp, vì việc không đáng chế hạn mà lại chế hạn đi. Thì nếu chế hạn như vậy đó, tất nhiên là phạm nơi điều giới thứ 47 này.

Vua chúa với các quan mới có quyền hành chế hạn. Trong đây việc chế hạn trước nhất là chế hạn về người xuất gia hành

đạo. Trong đây có đề: hạn chế bốn bộ đệ tử của Phật, không cho xuất gia hành đạo. Nếu không cho xuất gia hành đạo thì lần lần những người đã xuất gia, rồi già chết đi không có người nối tiếp. Như vậy là làm hư hoại Tam Bảo thế gian. Nếu hạn chế không cho các kinh sách lưu thông sẽ dần dần làm hư hoại chánh pháp của Phật. Đó là thuộc về Pháp bảo. Còn nếu hạn chế không cho tạo lập những chỗ thờ Phật, cũng là hình tượng Phật và Bồ tát, thì tất nhiên làm cho chỗ cơ sở thờ Phật dần dần hư hoại, cái mới thì không làm được. Như vậy là làm hư hoại Phật bảo. Cho nên ở dưới mới kết: “Nếu Quốc vương và các quan có lòng tốt thọ giới của Phật chớ làm những tội phá Tam Bảo như vậy”.

Không nên hạn chế phi pháp như vậy, phải để cho tự do xuất gia tu hành, phải để cho tự do lưu thông những cơ sở, những tháp, những chùa chiền, chỗ thờ Phật xây đắp những hình tượng.

48. GIỚI PHÁ DIỆT PHẬT PHÁP

Nếu Phật tử do lòng tốt mà xuất gia, lại vì danh tiếng cùng tài lợi, giảng thuyết giới của Phật cho Quốc vương và các quan, làm những sự gông trói các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người thọ giới Bồ tát như cách của ngục tù và binh nô. Như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chẳng phải trùng ở ngoài đến ăn. Cũng thế, các Phật tử tự hủy phá Phật pháp, không phải ngoại đạo hay thiên ma phá được...

Như vậy là thế nào? Người ở trong Phật pháp, các vị xuất gia mà có phạm tội như vậy thì theo giới luật của Phật mà trách hay trị phạm mà thôi, chớ không được đem người xuất gia ra mà giam nhốt, đóng gông cùm trói vậy.

Vì vậy nên mấy nước tôn trọng Phật pháp, thì không bao giờ họ làm việc đó. Nếu những vị xuất gia mà có phạm

những điều tội lớn theo luật pháp thế gian, thì họ cũng đưa về chùa, để cho trong chùa xử trước, y theo luật pháp, Phật mà xử vị đó. Nếu đáng phải hoàn tục ngoài thế gian rồi, thì tất nhiên là phải lột y áo, bắt phải hoàn tục, vì đã phạm tội nặng ở thế gian rồi.

Sau khi lột y áo rồi bắt hoàn tục, thành một người thường rồi, thì chừng đó quan lính mới đem về nơi cơ sở của mình để giam, nhốt hay xử theo luật pháp của thế gian, tất nhiên người ta kính trọng Phật pháp. Do đó chúng ta nên y theo điều giáo giới của Phật mà thực hành.

Trong đây đức Phật đã nói: “Nếu là những vị Phật tử đã vào trong Phật pháp rồi mà còn làm như vậy, là những Phật tử tự hủy phá Phật pháp”.

Phật tử không phá Phật pháp, thì không có ngoại đạo hay thiên ma phá được Phật pháp cả. Trong đây Phật có ví dụ như sư tử, chỉ có trong thịt sư tử tự sanh trùng, rồi tự nó ăn thịt sư tử mà thôi.

Nếu ta để cho những hành vi, hay điều chi làm cho chánh pháp của Phật bị suy tôn, tổn thương đến uy tín, là chính mình ở trong nhà Phật pháp, làm con của Phật mà đi phá pháp của Phật. Người đã thọ giới của Phật nên hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được hủy phá...

Điều này hệ trọng lắm, bởi vì đức Phật có nói: Giới luật của Phật còn ở thế gian thì chánh pháp của Phật còn tại thế gian được. Cho nên nói rằng giới luật còn thì chánh pháp còn, vì giới luật là nền tảng của tòa nhà Phật pháp. Nếu nền móng đó còn thì ngôi nhà đó còn. Nền móng sụp thì căn nhà trên cũng sụp. Nên đây Phật mới dạy: Hộ trì giới luật của Phật như ấp yêu con một.

Đã biết rằng giới luật còn thì chánh pháp của Phật còn. Giới luật còn, không phải còn ở trong quyền luật, quyền kinh

mà còn ở là trong con người thọ giới mà biết giữ giới, trì giới. Do đó mà Phật tử lại đi phá giới của Phật, đó là hủy phá chánh pháp của Phật. Đó là điều rất quan trọng cần phải ghi nhớ.

Người Phật tử khi nghe ngoại đạo, người ác, dùng lời nói hủy báng giới pháp của Phật thì đau đớn không khác nào ba trăm giáo nhọn đâm vào tim mình, hay cả nghìn lưỡi dao, cả vạn cây gậy đánh bổ vào thân mình. Thà tự cam vào ở địa ngục đến trăm kiếp, chớ không muốn nghe lời hủy báng giới pháp của Phật do bọn người ác. Huống là không có lòng hiếu thuận tự mình hủy phá giới pháp của Phật hay làm nhơn duyên bảo người khác hủy phá...

Nếu cố phá giới pháp, Phật tử này phạm Khinh cấu tội.

Đã là Phật tử rồi mà nếu nghe những người ác ngoài Phật pháp nói xấu, chạm đến giáo pháp của Phật, thì trong lòng đau đớn, mà trong đây đã nói đau đớn còn hơn những cây giáo nhọn đâm thấu trong tim. Cho đến thà rằng chịu đọa trong địa ngục mà chịu khổ, chớ không muốn nghe lời hủy báng giáo pháp của Phật do những người ác nói. Đây là trọng giới pháp của Phật. Chứ đâu có nhẫn tâm cố ý phá lấy giới pháp của Phật. Nếu là Phật tử rồi, mà đối với pháp của Phật, tự mình thấy không còn ưa thích nữa và thấy tự mình không có khả năng theo đúng như vậy, thì nên chánh thức để xả giới, chớ không nên lạm dụng nơi địa vị hay danh nghĩa rồi lại phá, lại phạm giới pháp.

Phá, phạm giới pháp đó, gọi là hủy phạm. Mà phá giới pháp tất nhiên là phá chánh pháp.

Như thế là sao? Nghĩa là mình thọ giới rồi, cũng như gia bảo của đức Phật mà mình lãnh để gánh vác trên vai, phải yêu mến kính trọng giữ gìn cho tròn vẹn, chớ không nên làm hư. Nếu thấy mình không kham nữa thì giao trả lại tức là xả giới. đừng nên ôm giữ lấy mà làm hư đi. Tội đó rất lớn! Đây là kết về tội cố phá hủy vậy.

Theo sự phá hủy trong giới nào, thì kết tội phạm nơi giới điều đó. Ngoài tội chánh đã phạm, còn thêm tội thứ 48 này và thêm việc cố móng tâm phạm giới điều thứ 43 nữa vậy. Nếu phạm giới trong những ngày lục trai hay là những ngày trường trai thì lại phạm thêm một tội nữa. Do đó đối với giới Bồ tát này mà sơ siển một chút thì không biết bao nhiêu tội. Nó chồng chất trên đầu.

Thí như người dọn cháo chay cho mình ăn, trong đó có nêm hành, khi dọn lên mình biết có mùi hành nồng nặc mà cố ăn, tất nhiên là phạm tội thứ tư là tội ăn ngũ tân; mà nếu vào ngày lục trai trong tháng chẳng hạn (ngày rằm, mười bốn hay mười tám) tức là thêm tội trong ngày lục trai mà cố để phạm giới. Đó là hai tội. Rồi cố tâm để ăn, thành ra phạm tội 43, trong đó có luôn tội 48 này. Một tội như thế, nó dây dưa không biết bao nhiêu tội chồng chất lên. Nếu mình sám hối tội ăn ngũ tân thôi thì mấy tội kia vẫn còn phải đem tùy tội ra mà sám hối, nhưng đây là tội khinh, có thể đem ra đối thú sám hối.

Do đó trước đã có nói vị Giới sư làm Thầy, làm Pháp sư truyền giới cho người, phải thông các hành tướng của giới, nếu không thông hiểu mà đi làm Thầy, tất nhiên phạm tội cố tâm đó. Thông hết thì mới có thể chỉ vẽ cho người khác được, cho nên thọ giới rồi cần phải học. Vì người khác chỉ vẽ không bằng tự mình hiểu biết, phải cần học, nên sau khi thọ giới, quyển giới này cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần. Nếu nửa tháng chỉ nghe một lần rất khó nhớ, mà cũng khó thông hiểu. Phải đọc đi đọc lại từng giới, chiêm nghiệm trong đó. Phải nhớ trước nhớ sau. Nếu không nhớ trước nhớ sau thì việc sám hối tội phạm không đúng pháp và tội không tiêu trừ được.

Chín giới như vậy cần nên học, hết lòng kính trọng phụng trì.

Từ giới 40 cho đến bốn 48 Phật đã căn dặn như thế.

Đến đoạn thứ VII là tổng kết 10 giới trọng và 48 giới khinh.

VII. TỔNG KẾT

Đức Phật dạy: Các Phật tử, đó là 48 điều giới khinh, các người phải thọ trì. Chư Bồ tát đời quá khứ đã tụng, chư Bồ tát đời vị lai sẽ tụng, chư Bồ tát đời hiện tại đương tụng.

Đó là chỉ cho 48 điều giới khinh này mà tam thế Bồ tát đều đã tụng hết.

Các Phật tử lắng nghe: 10 giới trọng, 48 giới khinh đây, chư Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và hiện đang tụng. Nay Ta cũng tụng như vậy.

Chẳng những tam thế Bồ tát đã tụng, sẽ tụng và hiện đương tụng mà hiện tại Phật Thích Ca cũng như chư Phật trong tam thế cũng đều tụng như vậy.

VIII. LƯU THÔNG

Đức Phật phán tiếp: Tất cả Đại chúng, Quốc vương, Vương tử các quan, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ thấy, những người thọ trì giới Bồ tát, nên phải thọ trì đọc tụng biên chép quyển giới pháp Phật tánh thường trụ để lưu thông mãi mãi...

Đây nói giới pháp Phật tánh thường trụ tất nhiên là ở nơi giới Bồ tát này.

Tất cả chúng sanh xoay vần truyền dạy lẫn nhau không dứt. Do đây đặng gặp chư Phật, được chư Phật trao tay. Đời đời khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn. Thường được thác sanh trong loài người hay cõi trời...

Nếu đúng theo giới Bồ tát để thọ trì, tức là Phật tánh chúng tử. Mà đã thọ trì giới Bồ tát tất nhiên là thọ trì Phật tánh chúng tử, thì nhứt định sẽ gặp chư Phật. Mà đã gặp chư Phật

rồi, thì được chư Phật thọ ký, được chư Phật tiếp dẫn, nên gọi là chư Phật trao tay, “trao tay” tức là đưa tay. Đưa tay có hai thứ: một là tiếp dẫn, hai là thọ ký. Đòi đòi khỏi hẳn ba ác đạo và tám chỗ nạn, không còn bị sa đọa nữa. Thường được thác sanh trong loài người hay cõi trời, dần dần được thành Phật.

Nay Ta ở dưới cội Bồ đề này, lược giảng giới pháp của chư Phật. Tất cả Đại chúng phải nhứt tâm học Ba La Đề Mộc Xoa hoan hỷ phụng hành.

Như phần “Khuyến học” trong phẩm “Vô Tướng Thiên Vương” đều mỗi mỗi được giảng rõ...

Đây là đức Phật kết lại: hiện tại đây, đức Phật ở dưới cội Bồ đề, lược giảng giới pháp của chư Phật, đây chỉ là lược giảng thôi. Nói rộng thì còn những phẩm khác, cho nên ở dưới mới giới thiệu phần “Khuyến Học” trong phẩm “Vô Tướng Thiên Vương” mỗi mỗi đều giảng rõ. Ba La Đề Mộc Xoa, tất nhiên là chỉ cho giới luật đây, giới Bồ tát này vậy.

Lúc đó chư Học sĩ trong cõi Tam thiên ngôi lóng nghe đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, hoan hỷ thọ trì...

Chư Học sĩ là chư Bồ tát. Phật là bậc Vô học, Bồ tát là bậc còn phải học, học tới chừng nào thành Phật mới thôi.

Tất cả chư vị Bồ tát trong Tam thiên, Đại thiên thế giới hiện đang có mặt trong pháp hội để nghe đức Phật tụng giới Bồ tát này. Tất cả vị Bồ tát đó đều hết lòng kính trọng hoan hỷ thọ trì.

Do đó nên khi Bồ tát lễ Phật đó, có xướng lên rằng: “Phạm Võng Hội Thượng Tam Thiên học sĩ”.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng xong về mười vô tận pháp giới trong phẩm “Tâm Địa Pháp Môn” của đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng lúc trước: nghìn trăm ức đức Phật Thích Ca cũng đồng giảng như vậy...

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Diêm Phù Đề này, giảng phẩm “Tâm Địa Pháp Môn” của Đức Phật Lô Xá Na đã giảng ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng thì nghìn trăm ức đức Thích Ca phân thân trong Tam thiên Đại thiên thế giới này cũng đồng giảng như vậy.

Từ cung Đại Tự Tại Thiên Vương đến dưới cây Bồ đề này thuyết pháp cả mười chỗ, vì tất cả Bồ tát và vô số Đại chúng thọ trì đọc tụng giảng thuyết pháp nghĩa cũng như vậy... Ngàn trăm ức thế giới. Liên Hoa Đài Tạng thế giới..., vì trần thế giới, chư Phật cũng giảng thuyết như vậy...

Câu này chỉ rõ bất luận chư Phật nào cũng đều giảng thuyết nơi giới Bồ tát như thế cả. Do đó ta thấy giới Bồ tát khác với giới Thanh Văn. Giới Thanh Văn (giới Sa di, Tỳ kheo) tùy theo các trường hợp mà thuyết giới.

Đức Phật ra đời không có kiết giới Tỳ kheo là đức Phật Ca Diếp. Còn chế giới Tỳ kheo là do đức Thích Ca. Đó là tùy nơi trường hợp, trình độ của người xuất gia ở mỗi thời, mỗi chỗ khác nhau giữa giới Thanh văn và Bồ tát, Tỳ kheo có khi có ở cõi này, không có ở cõi khác và có đức Phật ra đời chế giới, có đức Phật ra đời không chế giới.

Giới Bồ tát thì không luận là quá khứ hiện tại vị lai, thập phương chư Phật bất luận cõi nào, không luận Phật nào, đồng như vậy hết.

Tất cả Phật Tâm tạng, Địa tạng, Giới tạng, Vô lượng hạnh nguyện tạng, Như quả Phật tánh Thường trụ tạng. Tất cả chư Phật giảng thuyết vô lượng Pháp tạng như thế đã xong... (đã có chú thích ở trên rồi)

Tâm tạng là Thập Phát Thú tâm, Thập Trưởng Dưỡng tâm, Thập Kim Cang tâm.

Địa tạng chỉ cho Thập địa; Giới tạng chỉ cho 10 giới trọng và 48 giới khinh.

Vô lượng hạnh nguyện tạng là lục độ vạn hạnh của Đại thừa. Nhơn quả Phật tánh thường trụ, Phật tánh tức là thật tướng, là Nhơn của Đại thừa và cũng là quả của Đại thừa.

Hết thấy chúng sanh trong nghìn trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ phụng hành. Còn về phần giảng rộng như hành tướng của Tâm Địa thời như trong phẩm “Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh” có nói.

Đây là nhà kiết tập nói: những hành tướng của Tâm Địa được giảng rộng nơi phẩm “Phật Hoa Quang Vương Thất Hạnh” vậy thì phẩm này nói về hành tướng của Tâm Địa (Tướng Tâm Địa là giới luật của Bồ tát) nơi đây chỉ nói lược mà thôi.

IX. KỆ KHEN TẶNG PHÁP GIỚI

**“Người trí nhiều định huệ,
Thọ trì được pháp này.
Lúc còn chưa thành Phật,
Được hưởng năm điều lợi...”**

Nói những người thọ trì ở nơi giới pháp Bồ tát này thì lúc chưa thành Phật, được hưởng năm điều lợi.

**“Một là thập phương Phật.
Thương tưởng hộ trì luôn...”**

Được chư Phật hộ niệm. Mà được chư Phật hộ niệm thì nguyện lực của Phật luôn luôn hộ trì, giữ gìn người đó luôn ở trong đường lành, tăng trưởng thiện căn, cho các chương ác không còn khởi, chúng tử Phật luôn tăng trưởng.

**“Hai là lúc lâm chung,
Chánh niệm lòng vui vẻ...!”**

Người thọ trì chánh giới thì lúc lâm chung bao giờ cũng được chánh niệm, thường thường người sắp chết tâm tán loạn. Những tạp niệm nổi lên dữ dội trong tâm làm loạn. Còn người thọ giới Bồ tát thì chánh niệm chỉ có nghĩ đến Phật, chánh pháp chớ không có niệm khác xen vô, gọi đó là chánh niệm. Trong lòng vui vẻ, hân hoan.

Người sắp chết biết khổ nên ăn năn hối tiếc, sợ sệt. Còn người thọ trì giới pháp này thì trong lòng hoan hỷ. Đó là điều lợi ích thứ hai.

**“Ba là sanh nơi nào,
Cùng Bồ tát làm bạn...”**

Bất luận là sanh nơi nào, chỗ nào, cõi nào thì luôn được các vị Bồ tát làm bạn. Như vậy là bảo đảm để đi đến con đường thành Phật.

**“Bốn là những công đức,
Giới độ đều thành tựu...
Năm, đời này, đời sau
Đủ giới và phước huệ”**

Giới đức đầy đủ, nơi phước đức đầy đủ mà nơi huệ cũng đầy đủ nữa. Như thế dần dần sẽ toàn vẹn nơi quả Phật. Phước huệ viên mãn là phước trí trang nghiêm. Huệ tức là trí mà nếu phước trí viên mãn trang nghiêm, đó là thành tựu quả Phật. Do nơi đâu? Do nơi giới đầy đủ, nếu giới không đầy đủ thì có xen tội vào. Nếu phước được viên mãn mà giới không toàn vẹn thì định không do đâu mà có, định không có thì huệ làm sao viên mãn được? Nên giới phải đầy đủ trước, rồi phước huệ mới đầy đủ sau, vì giới là nền tảng.

**“Đây là hạnh của Phật;
Người trí khéo nghĩ lường...”**

Nghĩa là phải tư duy nơi giới này.

“Kẻ trước tướng chấp ngã (phàm phu)

Không thể được pháp này...”

Phàm phu luôn chấp ngã (kẻ trước tướng chấp ngã), chấp thân, chấp cảnh, cho nên đối với pháp này khó được.

“Người trầm không trệ tịch (Tiêu thừa)

Cũng không gieo giống được...”

Hàng Tiêu thừa không chấp tướng, chấp ngã như phàm phu nhưng lại say mê nơi cảnh giới Niết bàn Không tịch. Sự say mê đó, gọi là **trầm Không trệ tịch**, cũng không thể gieo giống Bồ đề vô thượng này được.

“Muốn nầy mầm Bồ đề,

Trí huệ soi thế gian.

Phải nên quan sát kỹ,

Thiệt tướng của các pháp.

Không sanh cũng không diệt,

Không thường lại không đoạn.

Chẳng đồng cũng chẳng khác,

Chẳng đến cũng chẳng đi...”

Nói về lý tánh của giới. Lý tánh của giới là thiệt tướng của các pháp. Như vậy người muốn nầy mầm Bồ đề, tức là chủng tử Phật tánh, để có trí huệ Phật soi sáng thế gian, thì cần phải quan sát kỹ thiệt tướng của các pháp, tức là lý tánh của giới.

Về tánh thể thì chỉ có một mà thôi, tâm và pháp cùng một tánh thể đó. Tánh thể không sanh, không diệt, gọi là bất sanh, bất diệt, không thường cũng không đoạn. Đó là bản tánh chơn thiệt không hề thay đổi. Dù không sanh diệt nhưng nó tùy

duyên. Hễ duyên phàm thì hiện phàm, duyên Thánh thì hiện Thánh. Cũng như duyên chúng sanh thì thành chúng sanh, duyên Phật thì thành Phật. Theo duyên mà thành, cho nên không phải thường. Thường là không thay đổi, rồi cũng theo duyên mà thành Phật, như vậy không có sự dứt hẳn, gọi là không đoạn. Chẳng đồng cũng chẳng khác, chẳng khác là sao? Nghĩa là Phật cũng đó, mà chúng sanh cũng đó. Thanh tịnh cũng vậy, nhiễm ô cũng vậy, nên gọi là chẳng khác. Tuy nhiên không phải là không có nhiễm ô và thanh tịnh, không phải không có phàm, Thánh, không phải không có Phật và chúng sanh, nên gọi rằng chẳng đồng.

“Chẳng đến cũng chẳng đi”

Nếu có đến có đi, tức là có sanh diệt. Bây giờ không sanh diệt, tất nhiên không có đến, có đi. Cùng khắp tất cả chỗ, không có chỗ nào là không khắp. Nếu có đến thì đến nơi này, không đến đằng kia, đây tất cả đều khắp, nên không có đến có đi.

“Trong thể nhứt tâm ấy,

Siêng tu tập trang nghiêm...”

Thể nhứt tâm ấy là nơi thể, cái thể tánh chơn thiệt của tất cả pháp. Thể tánh không sanh, không diệt, không thường, không đoạn, không đồng, không khác, không đến, không đi, ở nơi thể tánh đó phải siêng tu tập cho trang nghiêm hiển lộ ra, cho tỏ ngộ, cho chứng đắc. Đây phải siêng tu tập lắm mới thành, mới thể hiện được tánh.

“Công hạnh của Bồ tát,

Phải tuàn tự học tập...”

Công hạnh của Bồ tát, nghĩa là Bồ tát hạnh, tuàn tự học tập là phải học tập và tu từng bậc, từ thấp đến cao.

“Nơi học, nơi vô học,

Chớ móng tưởng phân biệt...”

Bởi vì nơi thể tánh chơn thiệt, không có sự phân biệt học với vô học. Học là bậc của chư vị Bồ tát. Vô học là Phật. Chúng sanh và Phật còn đồng, huống gì Bồ tát và Phật ư?

“Đây là Đệ nhứt đạo,

Cũng gọi là pháp Đại thừa...”

Như trên mới gọi là Đệ nhứt đạo. Cũng gọi là Đệ nhứt nghĩa, cũng gọi rằng chí đạo, mà chính là pháp Đại thừa đó vậy. Do đó chúng ta hiểu pháp Đại thừa như thế nào? Không phải mình thọ giới Bồ tát hay mình tụng kinh Đại thừa mà gọi là tu Đại thừa. Đó chỉ là hình thức thôi, còn thực chất của Đại thừa là phải làm thế nào để thể hiện được thực chất của Đại thừa, tức là phải làm sao để hiện được thực tánh của các pháp như trên đã nói.

“Hết thấy lỗi hý luận,

Đều từ đây dứt sạch...”

Nếu thể hiện được thiệt tánh như trên thì không có lỗi gì nữa.

“Vô thượng trí của Phật.

Đều do đây mà thành...”

Tất nhiên cái quả Phật cũng do nơi đây mà thành.

“Vì thế nên Phật tử,

Phải phát tâm đồng mãnh.

Nghiêm trì giới của Phật,

Tròn sạch như minh châu...”

Phải nghiêm trì cho hoàn toàn, cho thiệt trong cũng như là minh châu Như ý, không có tỳ vết như bợn gì cả.

“Chư Bồ tát quá khứ,

**Đã từng học giới này.
Hàng vị lai sẽ học,
Người hiện tại đương học.
Đây là đường Phật đi.
Là chỗ Phật khen ngợi...”**

Chư Phật cũng đi trên con đường này, bây giờ ta muốn thành Phật cũng phải đi trên con đường này. Mà chỗ Phật khen ngợi thì ta phải trân trọng để thực hành.

Việc mà người đời khen ngợi, những người khác khen ngợi, nó không thiết đáng khen ngợi bằng Phật khen ngợi, bởi vì Phật đã là bậc toàn trí. Mà một khi bậc toàn trí khen ngợi thì không có gì sai.

Có một điều là hàng phàm phu không được pháp này, hàng Nhị thừa cũng không thể gieo giống nơi giới pháp Bồ tát này được. Chúng ta có duyên lành để gặp và thọ giới pháp, dù chưa phải Thánh nhưng cũng đã có thiện căn Đại thừa từ nhiều đời, nên mới khiến cho đủ như duyên ấy. Do đó chúng ta phải trân trọng giữ gìn giới pháp cho thanh tịnh trang nghiêm. Như thế quyết định sẽ được Phật chủng ngày càng tăng trưởng và vững vàng trên con đường thành Phật. Theo trong Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* Phật có nói “Cửu Phẩm Vãng Sanh”. Nếu trong một ngày đêm thanh tịnh trì Bát Quan Trai giới, công đức đó cũng được hồi hướng vãng sanh thế giới Cực Lạc, hưởng gì đối với giới Bồ tát này mà thiệt thanh tịnh trì giới thì vãng sanh Cực Lạc thế giới không phải ở nơi phàm dưới.

Trong Đại chúng đều nên tinh tấn, học tập, tụng đi tụng lại cho tinh tường. Bởi vì nhớ mới có thể trì, mà nhớ và trì đó, phải đúng theo phần hiểu biết.

Do đó cho nên quý vị có rảnh thời giờ ra thì nên lật quyển giới pháp ra để xem đi xem lại. Mỗi lần xem một giới, hai

giới, suy gẫm cho tường. Tra trước tìm sau, có điều gì không rõ thì ghi, để rồi hỏi han những vị biết nghĩa thông suốt hơn mình mà cầu hỏi. Như thế, ngay nơi quyền giới Bồ tát này cũng đủ thành Phật.

Ngày xưa có một ông thiện tín, sanh nhằm thời kỳ không có Phật pháp lưu truyền, mà muốn học, tìm lấy một vài pháp môn của Phật, không biết tìm nơi đâu?

Khi nghe chư Thiên nói có một chỗ cách xa phải qua bao nhiêu con đường hiểm trở đến nơi xứ đó, thì có một người đầy tớ gái có nhớ được một vài câu kệ của Phật. Ông ta lặn lội nhiều ngày, chịu biết bao nhiêu gian nguy để đến đó gặp người con gái cầu chỉ dạy cho ông. Người tớ gái đó nói rằng chỉ nhớ được có hai câu mà thôi:

**“Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành”.**

(Những điều ác đừng làm, những điều lành thì cố gắng làm). Chỉ có hai câu đó thôi, mà ngài thiện tín đó phải trải qua bao nhiêu thời gian, chịu bao nguy hiểm để hạ mình xuống cầu người tớ gái dạy. Sau khi cầu được rồi, ông liền tìm chỗ yên lặng ở gần đó để tư duy quán xét. Tư duy quán xét tức là tu tịnh, trong thời gian thoát nhiên tỏ ngộ cái ý nghĩa sâu xa của hai câu đó, rồi phát thần thông. Lúc trở về dùng thần thông đi về, khỏi phải cực nhọc. Thế mới biết chỉ có hai câu đó, mà ông thiện tín đã thành tựu ngũ thông.

Chúng ta bây giờ kinh sách quá nhiều nên coi thường, thiết ra trong Phật pháp, chỉ cần một bài kệ hay một câu nào thiết yếu, rồi nắm lấy đó mà tư duy quán xét tu trì thì quyết định sẽ thành Phật. Như thế gọi là được một, là được tất cả.

Điều hệ trọng nhất, là ở nơi người học cần phải có sự tư duy, tu tập cho thiết thực, càng ngày càng sâu vào. Sự đi sâu

vào, nó quan trọng hơn là rộng, mà cạn cợt thì bị tản mát, cái rộng đó không có lợi ích chi cho bằng ít, mà sâu thấu đáo. Hễ khi sâu mà thấu đáo rồi thì được một tức là được tất cả.

Sự học rộng nghe nhiều cũng cần, nhưng nó chỉ là sự trợ giúp thôi. Sự thực hành tu tâm đó mới quan trọng, vì thấu đáo pháp môn để thực hành. Hưởng thọ là do nơi sự sâu và thấu đáo. Tư duy là nơi đó mà suy gẫm. Suy gẫm để trụ tâm nơi đó cho tinh tường.

Thí như một câu “Phát Bồ đề tâm”, bốn tiếng đó mình cứ tư duy phát Bồ đề tâm, nghĩa nó như thế nào? Và lúc phát Bồ đề tâm như thế nào? Ta cứ chiêm nghiệm như thế, cho đến khi nào sự tư duy của mình tập trung vào rồi, đi sâu vào đó rồi thì chẳng những là phát Bồ đề tâm mà thấy cả Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là chi? Là MINH TÂM KIẾN TÁNH.

Thể hiện được Bồ đề tâm, vận dụng được, tức là ta đã chứng Bồ đề rồi. Mà chứng được Bồ đề tâm tức là thành Phật vậy.

(Giảng trong mùa kiết hạ an cư năm Đinh Mùi - 1967 tại chùa Vạn Đức).

*



PHÁP HOA CƯƠNG YẾU

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Pháp Hoa là một bộ kinh lớn mà từ xưa đến nay, sau khi đức Phật diệt độ, được lưu thông nhứt và được nhiều người tụng trì nhứt trong các bộ kinh lớn; phải chăng do kinh này hiệp cơ duyên với chúng sanh đời ngũ trược, hay là nhờ oai thần ủng hộ truyền trì của quý ngài Phổ Hiền, Dược Vương cùng vô lượng hằng sa Bồ tát; hay cũng vì tất cả quần sanh đều sẵn đủ tự tâm Phật tri kiến.

Cổ đức đua nhau giải thích kinh này rất nhiều, nào Huyền Nghĩa, Văn Cú, nào Thông Nghĩa, Cú Giải v.v... Bộ thời hiển lý bộ thời giải văn, làm cho kinh *Pháp Hoa* đã chói sáng càng thêm chói sáng, làm cho tiếng Pháp Hoa đã vang dội càng thêm vang dội. Người tụng được lợi, người trì được nghiệm, hoặc hiện tiền thâm nhập tam muội, hay lai thế siêu thăng thánh địa, hoặc tiêu tai, hoặc giải nạn v.v... đó là diệu lực bất tư nghì của kinh, mà cũng là công cổ võ của Cổ đức.

Tụng trì kinh *Pháp Hoa* có hai môn: 1- Sự tụng trì; 2- Lý tụng trì.

Nếu chỉ một mặt về sự tụng trì, nghĩa là chỉ biết đọc tụng kinh văn, hoặc mặt chữ hoặc thuộc lòng, thời dầu phước đức vô lượng, nhưng đối với người kiêm cả sự lý tụng trì, nghĩa là chẳng những chuyên đọc tụng kinh văn mà cũng rõ thấu chỉ thú của kinh, thời nghìn muôn phần không kịp một, bởi vì Phật tri kiến mà được khai thị, được ngộ nhập là ở nơi lý tụng trì vậy, do đây nên người tụng trì muốn công đức viên mãn phải nghiên tâm chỉ thú của kinh.

Trọn bộ kinh *Pháp Hoa* bảy quyển, hai mươi tám phẩm trên sáu vạn lời, nghĩa lý đã sâu, văn tự lại quá rộng. Nghĩa lý đã sâu thời khó hội khó lãnh, văn tự rộng tất khó tóm phăng. Tóm phăng đã không được tất không thể nắm lấy cương lĩnh của toàn kinh. Đã không được cương lĩnh thời có thể nào lãnh hội lý thú, lại thêm trong kinh *Pháp Hoa* này lý thú rất sâu, rất nhiệm. Đọc tụng kinh *Pháp Hoa* mà không lãnh được lý thú, thời huệ giải không do đâu phát sanh, đại thiện công đức không từ đâu thành tựu, chỉ được phần phước lành hữu lậu cùng là viễn non Phật chủng mà thôi.

Tôi từ lâu thường trì tụng *Pháp Hoa*, mãi gian lao vì văn rộng nghĩa sâu, đối với kinh văn chưa có chút phần gì đáng gọi là lãnh hội. Tự mình đã vậy, tất lại có nhiều người cũng thế, hoặc hiện tại, hoặc tương lai. Nghĩ mình, lo người, non đó mới sưu đông tầm tây, phóng theo các bản chú sớ của Cổ đức, gắng gổ chép quyển *Cương Yếu* này lược chỉ cương lĩnh của kinh văn, tóm bài yếu chỉ của phẩm mục. Ngõ hầu non đây làm trợ duyên, người trì tụng *Pháp Hoa* tự phát trí huệ lãnh hội lý mầu đạt Phật tri kiến, thành tựu đại thiện công đức.

Trong bộ *Cương Yếu* này về phần phán thuộc phẩm mục cùng lược giải yếu chỉ là nương theo của ngài Hải Ấn Đại Sư,

đem toàn kinh này phân hiệp bốn phần KHAI, THI, NGỘ, NHẬP PHẬT TRI KIẾN.

Như đoạn trên đã nói quyển *Cương Yếu* này lược chỉ cương lĩnh của kinh văn, tóm bày yếu chỉ của phẩm mục, thời đủ biết nội dung đại thể của quyển này rồi.

Trong kinh nói: “Kinh *Pháp Hoa* này rất sâu xa thâm kín”. Lại nói: “Trí huệ của chư Phật rất sâu, vô lượng môn trí huệ đó khó hiểu khó vào”. Rất sâu thâm kín, đó là yếu chỉ của kinh này rất sâu xa, phần nhiều ở ngoài lời nói, chẳng phải chỉ dùng tai mắt mà có thể rõ biết được. Người tụng trì muốn thâm nhập lý kinh, cần phải lóng thân lặng lòng quan sát kinh văn, rộng thấu thâm ý của đức Phật. Quyển *Cương Yếu* này là một tài liệu giúp vào công việc đây vậy.

Trông mong người đọc, lãnh ý quên lời, nếu có sơ sót nhờ các bậc cao minh bổ đính.

Viết tại Liên Hải Phật Học Đường

Phật lịch 2492 (1948)

Ngày an cư Năm Mậu Tý

Hân Tịnh Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

*

CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG TỰ

Ba mươi tuổi thành đạo, tám mươi tuổi nhập Niết Bàn, ngót năm mươi năm, đức Phật trải qua hơn ba trăm hội, từ hội thứ nhất nơi Bồ đề đạo tràng, đến hội rốt sau nơi rừng Ta La, thuận theo cơ sai khác của chúng sanh mà nói pháp giáo hóa, tất cả đều chỉ mục đích lợi sanh, một mục đích tối cao thượng. Còn gì cao thượng bằng khẩn khấn một lòng cố làm sao cho tất cả chúng đều được dứt hẳn sanh tử khổ, thành tựu quả vị viên mãn giác hoàn toàn giải thoát an vui như đức Phật đã được.

Trong kinh đức Phật tự nói: “Ta hằng nghĩ thế này: làm sao cho chúng sanh đặng vào huệ vô thượng, mau thành tựu Phật thân”. Đức Phật lại nói: “Ta trước lập thệ rằng: muốn cho tất cả chúng đồng như ta không khác”. Lại nói: “Bổn nguyện của các Phật, khắp muốn cho chúng sanh cũng đồng đặng Phật đạo, như của Phật tu hành”.

Cao quý thay! Tôn trọng thay! Nếu không phải một đấng đã cứu cánh lòng đại từ bi, đại bình đẳng, tất không thể có bốn nguyện cao thượng ấy.

Vì bốn nguyện Vô thượng bình đẳng, sau khi chúng quả đại bồ đề, đức Phật liền diễn nói kinh *Hoa Nghiêm* phô bày pháp giới duyên khởi viên dung quả hải, đó là thiết giáo (Phật thừa chơn thật). Trong hội Hoa Nghiêm, vô lượng chúng, hạn căn tánh viên thừa, siêu nhập Phật huệ, ngoài ra hạng người căn tánh chậm lụt hẹp nhỏ, chướng sâu, nghiệp nặng, khó lòng đảm nhận được giáo lý tối thâm tối thượng, đến như các hàng tiểu thánh đại đức Thanh văn, chính thân dự đại hội mà còn như đui như điếc, huống nữa là phàm phu.

Muốn độ hạng người này, đức Phật phải hạ thấp mình chịu theo chúng chỉ dạy lần lần, nào nói pháp tứ đế, nào nói pháp nhơn duyên, hoặc tướng, hoặc tánh, lúc ức, lúc dương,

khi hiển có, lúc hiển không, song hiển v.v... dặt dìu chúng từ thấp lần lên cao, từ cạn lần vào sâu đó là quyền giáo (tam thừa phương tiện).

Trong kinh đức Phật nói: “Nếu ta gặp chúng sanh, đều đem Phật đạo dạy, kẻ vô trí rồi lầm, mê tối không lãnh thọ”. Lại nói: “Ta biết các chúng sanh, chưa từng tu cội lành, ham miết theo ngũ dục... Chấp chặt pháp hư vọng, bền giữ không bỏ được, ngã mạn tự khoe cao, đua dối tâm không thiệt... Người như thế khó độ, cho nên, Xá Lợi Phất! Ta bày chước phương tiện, nói đạo pháp dứt khổ, chỉ cho kia Niết bàn, ta đầu nói Niết bàn, cũng chẳng phải thiệt diệt... Ta có sức phương tiện chỉ bày pháp tam thừa...”

Trong các đoạn kinh văn dẫn trên đây, trước nói duyên do ản thiệt, kế bày căn tánh chúng sanh, cuối sau chỉ đầu mới có quyền thừa. Xem đây thấy rõ quyền giáo không phải chính bản ý của đức Phật, mà là những phương tiện bất đắc dĩ phải tạm dùng để dụ dẫn chúng sanh thôi. Quyền giáo là gì? Là những giáo lý ngoài việc chỉ thẳng đến Phật huệ, ngay về Phật tri kiến, chúng vào cảnh giới cứu cánh Phật quả, mà đức Phật chịu theo căn tánh chúng sanh tạm thời dùng để dặt dìu uốn nắn. Dặt dìu hạng căn tánh thấp hèn lần lên bậc cao thẳng, uốn nắn cơ quyền thừa trở thành pháp khí viên thiệt. Vì thế nên sau hội Hoa Nghiêm, từ vườn Lộc nói pháp tứ đế độ bọn ông Kiều Trần Như nhẫn lại, trên bốn mươi năm, là thời kỳ uốn nắn dặt dìu của đức Phật.

Như trên đã nói bốn nguyện của đức Phật chỉ một mục đích duy nhất là muốn cho tất cả chúng đều được như Phật, đều đồng với Phật. Chúng sanh được đồng với Phật tức là đồng một trí huệ cứu cánh hoàn toàn của Phật. Muốn chúng sanh đủ trí huệ đó thời phải dạy ngay con đường chơn thật cho chúng sanh vào, đức Phật đã sẵn sàng, chỉ còn chờ chúng sanh có đủ tư cách, đủ năng lực đi vào con đường ấy.

Nhờ trải qua một thời gian dài dặt dìu uốn nắn, một số lớn trong chúng hiện tại, dưới sự dạy dỗ của đức Phật, đã có đủ tư cách cùng năng lực đi vào con đường chơn thật, kham lãnh giáo pháp thẳng đến trí huệ cứu cánh, đức Phật liền nói kinh *Pháp Hoa*.

Trong kinh đức Phật nói: “Các đức Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhơn duyên mà hiện ra trong đời. Xá Lợi Phất! Thế nào gọi là các đức Phật Thế Tôn hiện ra trong đời chỉ vì một đại sự nhơn duyên ư?”

Các đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai hiển Phật tri kiến để được thanh tịnh mà hiện ra trong đời. Vì muốn chỉ thị Phật tri kiến cho chúng sanh mà hiện ra trong đời. Vì muốn làm cho chúng sanh tỏ ngộ Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Vì muốn làm cho chúng sanh chứng nhập Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Xá Lợi Phất! Đó là các đức Phật Thế Tôn vì một đại sự nhơn duyên mà hiện ra trong đời vậy”.

Xem lời đức Phật dạy, thời rõ ràng tất cả các đức Phật Thế Tôn ra đời chỉ vì muốn cho chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến. Chúng sanh được khai thị ngộ nhập Phật tri kiến, lòng của đức Phật mới hả, nguyện của đức Phật mới hoàn toàn, đại sự nhơn duyên ra đời của đức Phật mới xong. Lòng hả, nguyện hoàn toàn, duyên xong, chính là hoàn xong khi mãn hội Pháp Hoa vậy. Nhơn đây cũng có thể dự rõ được một vài phần đại ý nội dung của kinh *Pháp Hoa*, tức là không ngoài ý thú:

Khai bày Phật tri kiến.

Chỉ thị Phật tri kiến.

Tỏ ngộ Phật tri kiến.

Chứng nhập Phật tri kiến.

Chỉ có nhứt chơn Phật thừa không hai cũng không ba.

CHƯƠNG THỨ HAI:

ĐỀ KINH

Phàm đầu đề của kinh tức là cương lĩnh của toàn bộ, như giềng lưới, như bầu áo, nắm cương lĩnh mà phăng, thời chi tiết lần lần tuần tự theo về.

Ta quen gọi “Pháp Hoa” đó là gọi tắt của bốn chữ “Diệu Pháp Liên Hoa”. Diệu Pháp thuộc về pháp, Liên Hoa là dụ, dùng “dụ” để hiển “pháp”.

Diệu Pháp là gì? Chính là Phật tri kiến đã nói ở đoạn trên vậy. Phật tri kiến chính là bốn giác diệu tâm. Tâm vi diệu linh giác này là bốn tánh chơn thường bình đẳng của tất cả Thánh, phàm, của cả pháp giới, Phật cùng chúng sanh bốn lai vẫn đồng một tâm thể vẫn không hai tánh. Thể tánh dầu đồng, nhưng mê thể tánh đó là chúng sanh, còn ngộ thể tánh đó là Phật. Ngộ thời thuận tánh, thuận tánh thời hưởng dụng thường lạc, ngã, tịnh bốn đức chơn thường an vui, vì tánh là thể chơn thật viên thường vậy. Mê thời xa tánh theo trần, theo trần thời sanh tử luân hồi đảo điên khổ sở, vì trần lao là cảnh hư vọng vô thường vậy.

Vì lòng đại bi thương xót quần sanh, đức Phật ra đời dùng đủ cách phương tiện để điều luyện ngự phục tâm mê vọng của quần sanh, để đưa chúng sanh đến trí huệ cứu cánh của đức Phật, đó là mục đích duy nhất của đức Phật ra đời.

Trong kinh đức Phật nói: “Ta lập phương tiện đó khiến đặng vào Phật huệ. Sở dĩ Phật ra đời vì nói huệ vậy, nay chính đã phải thời”.

Đức Phật lại nói: “Chưa từng nói các ông sẽ đặng thành Phật đạo, sở dĩ chưa từng nói vì chưa phải lúc nói, nay chính đã phải lúc quyết định nói đại thừa”.

Phải lúc, phải thời, tức là thời kỳ nói kinh *Pháp Hoa*. Đại thừa đây tức là Phật huệ, là Phật tri kiến, là tâm thể của tất cả chúng sanh, là chơn tánh của Pháp giới, cũng gọi là diệu pháp. Vì diệu pháp này là tự tâm sẵn đủ của chúng sanh, nên đức Phật nói kinh này để làm cho chúng sanh được khai thị ngộ nhập tự tâm ấy mà đổi phàm thành Thánh, như trong kinh đức Phật nói: “Nếu có người nào nghe pháp, không một ai chẳng thành Phật”. Pháp nghĩa là đường ấy há lại không phải “Diệu” ư!

Bực đại căn nghe “Diệu pháp” liền ngộ tự tâm, liễu giải tự tánh Pháp hoa tam muội. Những hàng trung hạ không thể lãnh hội ngay “Diệu pháp” nên mượn “Liên Hoa” để tỉ dụ diệu lý thanh tịnh, hơn dụ mà trực nhận bản tâm diệu pháp, chính cũng là ý tam căn kiêm lợi vậy.

Hoa sen đại khái có hai phần: cánh nhị là hoa thuộc hơn, gương hột là quả. Có cánh nhị là có gương hột, đó là lý hơn cùng quả đồng thời, quả không ngoài hơn, hơn không ngoài quả, quả tức là hơn, hơn tức là quả, nên gọi Liên Hoa. Tự tánh bản tâm cũng thế, trong khi tu hơn vẫn tự viên mãn cụ túc, nên gọi là giác tâm bản cụ. Như thế thời tất cả chúng sanh hiện tiền đã tự đủ tự tánh quả giác như Phật không khác, nhưng ngại vì mê bỏ không tự nhận, nên không tự thọ dụng được, vì đó mà đức Phật phải ra đời, kinh nói: “Vì muốn cho chúng sanh khai Phật tri kiến để được thanh tịnh nên Phật Thế Tôn hiện ra nơi đời”. Phật tri kiến chính là tự tánh quả giác sẵn có của chúng sanh vậy.

Lại hoa để dụ quyền giáo, quả dùng chỉ chơn thừa có ba nghĩa:

1. Hàng trung hạ căn tánh ám độn không kham lãnh chơn thừa, nên phải quyền lập tam thừa để dụ dẫn. Như trong kinh nói: “Chúng sanh căn tánh độn làm thế nào đặng độ. Ta nay đã đắc đạo nên vì nói 'tam thừa'. Lập tam thừa chính là phương tiện để đem về nhất thừa, đó là vì chơn thừa mà lập

quyền giáo vậy. Trong kinh nói: “Dầu nói trăm ngàn ức vô số các pháp môn, kỳ thật vì nhất thừa”. Như hoa sen, vì gương hột mà sanh hoa vậy.

2. Dụ dẫn đã lâu, căn tánh đã thuần, liền chỉ ngay quyền giáo phương tiện trước kia đều là nhứt thừa chơn thật. Trong kinh nói: “Hạnh của quý ngài tu là đạo của Bồ tát, đều sẽ đặng thành Phật”. Đó là điểm thị hạnh tu quyền giáo chính là thành Phật chơn thừa. Kinh lại nói: “Các ngài nên biết, đây là con ta”. Gả cùng tử làm thuê chính thật đích tử của Phật. Đó là khai bày quyền giáo hiển lộ thật thừa. Như hoa sen, hoa nở đặng thấy gương hột.

3. Chúng đã thành đại căn, Phật liền phế bỏ danh tự quyền giáo giả nói trước, chỉ nói thẳng giáo lý Nhứt thừa chơn thật vô thượng đạo, để chúng được tự trụ. Như kinh nói: “Chính lúc bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, khắp mười phương cõi Phật, chỉ có một Phật thừa, không hai cũng không ba”. Đó là phế quyền tồn thật. Như hoa sen, cánh nhụy rụng sạch chỉ còn gương hột.

Ba nghĩa trên là ước về căn cơ của chúng mà thi thiết quyền và thật, nếu ước nơi giáo chủ là Phật mà luận, thời hoa dùng lệ đức Phật, thị hiện tích môn còn quả lệ bản môn của đức Phật, tích và bản đây cũng có ba nghĩa:

1. Vì bản thật mà thi thiết quyền tích. Kinh nói: “Ta lúc nhỏ xuất gia chúng đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Như hoa sen, vì gương hột mà có hoa sen.

2. Khai bày quyền tích hiển lộ bản thật. Kinh nói: “Thiệt từ khi ta thành Phật đến nay, thọ mạng vô lượng vô số kiếp”. Như hoa nở lộ bày gương hột.

3. Bỏ tích tồn bản. Kinh nói: “Vì độ chúng sanh vậy, hiện có diệt độ không diệt độ, thiệt thời chẳng diệt độ, thường ở tại đây nói pháp”. Như hoa rụng chỉ còn gương hột.

Đủ các nghĩa như trên, cả pháp lẫn dụ, nên gọi là “Diệu Pháp Liên Hoa”. Bực lợi căn nghe đề kinh bốn chữ ấy, liền chứng ngộ diệu lý Pháp hoa tam muội, không cần giải dụ. Hàng độn tánh không thể nghe danh ngộ lý, cần phải suy dụ để hiểu pháp, từ hoa sen thường mà thể ngộ diệu lý Pháp hoa, nên gọi là tam căn kiêm lợi vậy.

*

CHƯƠNG THỨ BA:

TỔNG PHÁN PHẨM MỤC

Như ở trong chương Tổng tự đã lược chỉ nội dung của toàn kinh Pháp Hoa không ngoài lý thú “khai bày, chỉ thị, tỏ ngộ, chứng nhập Phật tri kiến”. Toàn kinh là 28 phẩm, như thế 28 phẩm liệt bày để cùng hiển lộ lý thú “khai, thị, ngộ, nhập” vậy.

Ngài Hải Ấn đại sư y theo ý này mà phán thuộc các phẩm, phẩm “Tự” là tổng hiển sự tướng của pháp giới; *Phương tiện, Thí dụ, Tín giải, Dược thảo, Thọ ký, Hóa thành, Ngũ bá đệ tử, Học vô học nhơn, Pháp sư*, cả thảy chín phẩm là khai Phật tri kiến. Phẩm *Đề Bà Đạt Đa, Trì phẩm, An lạc hạnh, Dũng xuất, Thọ lượng*, năm phẩm là ngộ Phật tri kiến, cùng sáu phẩm kế *Phân biệt, Tùy hỉ, Pháp sư công đức, Thường Bất Khinh, Thần lực, Chúc luy*, là diệu ngộ cùng cực, hiệp chung lại thời về phần ngộ Phật tri kiến có 11 phẩm. Kế đến sáu phẩm *Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm, Đà la ni, Diệu Trang Nghiêm, Phổ Hiền*, là nhập Phật tri kiến. Cuối phẩm *Phổ Hiền* từ câu: “Phật thuyết thị kinh thời” đến câu “tác lễ nhi khứ” là phần lưu thông.

Đã tổng phán toàn kinh trước sau tuần thứ xâu suốt bốn môn “khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến”, người thọ trì kinh nhơn đây dư rõ bốn ý của đức Phật vì một đại sự nhơn duyên mà hiện ra nơi đời, nhơn đây mà khi trì kinh cảnh giới nhưt chơn pháp giới hiện bày trước mặt, nếu người trì kinh chuyên chú tư duy đề quán.

CHƯƠNG THỨ TƯ: ĐẠI Ý MỖI PHẨM

A. PHẦN TỔNG HIỂN

1. TỰ PHẨM

Trong phẩm này tổng hiển nhứt chơn bình đẳng pháp giới, nhứt chơn pháp giới chính là bốn giác diệu tâm bình đẳng của Thánh phẩm, của tất cả. Tổng hiển nhứt chơn pháp giới để chỉ rõ đức Phật hiện ra nơi đời từ trước đến sau vẫn không ngoài Phổ quang minh trí sát na tế tam muội. Trước chính là hội Hoa Nghiêm nơi Bồ đề đạo tràng, sau là hội Pháp Hoa nơi Linh Thứu sơn này. Trước sau đức Phật vẫn trụ tam muội đó mà chuyển pháp độ sanh. Phổ quang minh trí tức là Phật tri kiến vậy. Chẳng những đức Phật tự trụ mà cũng muốn cho chúng sanh liễu ngộ chơn cảnh thật tướng này, nên trong kinh nói: “Vì muốn cho chúng sanh khi thị ngộ nhập Phật tri kiến mà đức Phật hiện ra trong đời”, liễu ngộ chơn cảnh thật tướng này để làm chánh nhơn chơn thật thành tựu Phật quả.

Trước khi chỉ bày Phật tri kiến, đức Phật nói kinh *Vô Lượng Nghĩa*, rồi tự nhập Vô lượng nghĩa xứ tam muội đó là ý gì? Chính để chỉ rõ rằng tất cả những sự đi đứng nói nín v.v... của đức Phật không phải cảnh giới tâm thức tư lương của phàm tình. Không thể dùng tâm thức tư lương mà suy bàn đến được.

Đức Phật tự trụ trong tam muội mà trời rưới bốn thứ hoa, đất lay sáu diệu. Đó là chỉ rõ sức vô tác diệu lực của đức Phật chấn động hang sâu vô minh mê tối của chúng sanh, suốt trừ tất cả sự chướng ngại của bốn đại sáu căn vậy. Tướng lông trắng phóng hào quang chiếu thấu một vạn tám nghìn thế giới ở phương đông đó, chính chỉ rằng: căn, trần, thức động loạn của chúng sanh không rời Phổ quang minh trí. Phương đông là

nguồn động hóa, 18 nghìn thế giới là lệ 6 căn, 6 trần, 6 thức: 18 giới đây không ngoài Phổ quang minh trí, cũng như 18 nghìn thế giới lộ ra trong bạch hào tướng quang của đức Phật. Trong quang minh hiện ra sự tướng của pháp giới, dưới thấu địa ngục A tỳ, trên suốt cõi trời Hữu Đảnh; nào Phật ra đời, thuyết pháp, Niết bàn, nào Bồ tát tu tập đạo hạnh; y báo chánh báo đồng hiện, cả Thánh lẫn phàm chung bày, đó là gì? Là Phật cùng chúng sanh, tất cả đồng một tánh thể không hai không khác. Chỉ khác là đức Phật chứng ngộ nơi đó, an trụ nơi đó, tự tại giải thoát, thuyết pháp độ sanh, còn chúng sanh, mê nơi đó, dầu rằng không bao giờ rời được đó, nhưng không tự nhận mà phải lưu chuyển. Dầu lưu chuyển nhưng vẫn không một phút xa rời nên chính cảnh giới thường ngày trước mắt chúng sanh là thật tướng chân cảnh, nếu có thể phản tỉnh xoay về, liễu ngộ tánh thể thật tướng này thời đó là chánh non thành Phật mà Phật quả không xa vậy. Đức Như Lai hiện ra đời chính là vì việc này đó là đại sự non duyên, đó là nhứt thừa chơn thật. Trên 40 năm thuyết pháp vẫn nói không hết những việc nhứt thời hiện ra trong bạch hào quang minh. Trên 40 năm qua, đức Phật chưa từng hiển phát cảnh giới này là vì căn cơ của chúng sanh chưa thuần thực còn phải đợi thời tiết, đến nay đã phải lúc nên đức Phật hiển phát.

Ngài Di Lặc Bồ tát sanh lòng nghi không quyết, phải hỏi Ngài Văn Thù Bồ tát, đó là ý chỉ rằng cảnh giới thật tướng này không phải tâm thức có thể biết thấu đáo được, phải dùng chơn trí mới tương ứng. Đại trí Văn Thù dẫn việc sau trước của Cổ Phật Nhựt Nguyệt Đẳng Minh, chứng thối tướng hôm nay cũng thế, để rõ rằng Phật Phật đạo đồng, xưa cùng nay vẫn một lý thôi.

Do những nghĩa trên nên phẩm Tựa này là tổng hiển cảnh tượng một đại sự non duyên vì đó mà đức Phật hiện ra trong đời vậy.

B. PHẦN KHAI PHÁT TRI KIẾN

2. PHƯƠNG TIỆN PHẨM

Vừa rồi, đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ tam muội, phóng bạch hào quang minh hiện chơn cảnh diệu minh, ý muốn chúng hội dương cơ hiện tiền mục kích, khế ngộ biểu tượng chơn thuyên, khỏi cần phải nói phô bày vẽ.

Nhưng ngặt vì cơ liệt, mắt chậm, trí mờ, không thấu được đạo tịch diệt ly ngôn, chẳng đạt được thể tánh chơn vô niệm, nên đức Phật từ tam muội dậy, lại phải dùng lời nói phô bày, tự tán tự dương, trước khích động sau chỉ bày, mở mối tri kiến, gọi là phương tiện, vì phàm hễ xen vào vòng nói năng tức là phương tiện vậy.

Cứ theo trong lời sơ kinh *Hoa Nghiêm* về phương tiện có hai:

1. Viễn phương tiện.
2. Cận phương tiện.

Suy cùng về trước, các kinh của đức Phật tuyên nói trong hơn 40 năm, đều là phương tiện của kinh *Pháp Hoa*. Kinh nói: “Dầu là chỉ bày các đạo hạnh, nhưng chính thật vì một Phật thừa”, đó là viễn phương tiện. Còn luận về hiện tại, thời tất cả các việc, như nhập định, phóng quang, động địa, khai phát v.v... đều là phương tiện của đương hội. Kinh nói: “Nay đức Phật phóng quang minh để trợ phát nghĩa thật tướng”, đó là cận phương tiện.

Bởi từ trước, vì căn cơ của chúng sanh chưa thuần, nên mục đích hiện ra nơi đời, đức Phật chưa từng thổ lộ.

Hiện nay khí tánh của chúng đã thuần thực, đã phải lúc phải thời, đức Phật cùng tận phô bày chủ ý ra đời, phế ba thừa quyền giáo để hiển nhứt thừa chơn thật. Do đó mà sau khi xuất định, đức Phật cùng cực khen ngợi trí huệ rộng sâu của

Phật, ngoài Phật cùng Phật ra, không một ai có thể suy lường thấu đáo được, để làm cho chúng hội sanh lòng hâm mộ. Kinh nói: “Trí huệ của Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào”. Lại nói: “Tri kiến của Như Lai rất rộng lớn sâu xa, vô lượng cũng vô ngại, thập lực, tứ vô úy, thiên định, giải thoát, tam muội đều sâu xa không ngăn mé, trọn nên tất cả pháp vị tăng hữu”. Lại nói: “Pháp ít có thứ nhứt khó hiểu của đức Phật trọn thành. Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể rõ thấu cùng tận thiệt tướng của các pháp”.

Sau khi tán thán công đức trí huệ của Phật, đức Phật còn chưa vội chỉ thị thật bày, vì e rằng trong chúng bồng nhiên nghe pháp chơn thừa cao sâu, khó nổi sanh lòng kính hãi. Đức Phật đợi ngài Xá Lợi Phất thay mặt chúng hội ba phen thưa thỉnh, lòng cầu khẩn đã thiết, ý khí đã thuận tòng, rồi sau mới nói. Đức Phật nói những gì? Đức Phật thận trọng dạy rằng: “Mọi người rồi sẽ thành Phật cả”. Kinh nói: “Nếu có loài chúng sanh, gặp các Phật quá khứ, hoặc nghe pháp, bố thí, hoặc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên trí thấy, tu các món phước huệ, tất cả hạng người đó đều đã thành Phật đạo. Những người xây tháp Phật, người đắp tượng, dựng chùa, cho đến đồng tử chơi vun cát làm tháp Phật, các hạng người như thế đều đã thành Phật đạo... Hoặc người lòng vui mừng ca ngâm khen đức Phật... cho đến đem một bông cúng dường nơi tượng vẽ... Hoặc có người lễ bái, hoặc lại chỉ chấp tay, dơ tay cùng cúi đầu, để cúng dường tượng Phật, lần thấy vô lượng Phật tự thành đạo vô thượng... Nếu có người nghe pháp, không một ai chẳng thành Phật...”

Đức Phật thuật lại ngày trước, khi đức Phật mới thành đạo, trong 21 ngày suy nghĩ phương thế độ đời, độ mọi loài trong đời đều thành Phật như Phật. Dầu bản nguyện của đức Phật muốn khắp cả chúng sanh thẳng vào Phật huệ, song vì căn trí chúng sanh ám độn, nên đức Phật phải chiêu theo, dùng

phương tiện quyền xảo dẫn dắt dụ dỗ lần lần. Kinh nói: “Lúc ta ngồi đạo tràng, xem cây cùng kinh hành, trong khoảng hăm một (21) ngày suy nghĩ việc như vậy: Trí huệ của ta đặng, vì diệu tốt thứ nhất, chúng sanh các căn độn, bị tham si làm mù, các hạng người thế này, làm sao độ đặng đó... ngày nay ta đặng đạo, cũng nên nói ba thừa. Mười phương chư Phật cũng nói:... Chúng ta cũng đều đặng pháp thứ nhất rất mau, vì các hạng chúng sanh phân biệt nói ba thừa. Trí hèn ưa pháp nhỏ, chẳng tin mình làm Phật, nên Phật dùng phương tiện, phân biệt nói các quả, dầu lại nói ba thừa chỉ để dạy Bồ tát”. Kinh lại nói: “Ta lại nghĩ như vậy: Ta hiện ra nơi đời ác trước, cũng nên tùy thuận làm theo như lời của các đức Phật ở mười phương vừa nói”.

Như thế ba thừa là quyền giả, gốc từ nhất thừa mà ra, như kinh nói: “Chư Phật dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba”.

Mặc dầu là phương tiện dẫn dụ, nhưng kỳ thật là đưa đến con đường chơn thật đạo, con đường thẳng đến quả vô thượng. Trong kinh nói: “Sở dĩ Phật ra đời vì để nói Phật huệ, nay chính đã đến giờ... Nay ta vui mừng không lo sợ, ở nơi trong chúng hội Bồ tát, bỏ phương tiện trước, chánh trực tuyên bày, chỉ nói đạo giáo nhất thừa vô thượng... nghìn hai trăm La hán, cũng đều sẽ làm Phật, sanh lòng rất vui mừng tự biết sẽ làm Phật”.

Bắt đầu từ phẩm Phương tiện thứ 2 này đến phẩm Pháp sư thứ 10, chính là khai hiển chơn tri kiến của Như Lai, nên thuộc về phần khai Phật tri kiến.

3. THÍ DỤ PHẨM

Nhơn vì trong phẩm phương tiện trước, đức Thế Tôn thẳng một mực thô lộ chơn thừa, mục đích duy nhất của đức Phật hiện ra nơi đời, ngài Xá Lợi Phất, bực trí huệ thượng thủ

trong chúng hội Thinh văn, nghe pháp chơn thừa liền lãnh hội tỏ ngộ trước nhứt, nghĩ nhớ lại từ trước mê lầm không tự nhận, nên tự trách tự hờn, đến nay mới tin chắc rằng sẽ đặng làm Phật không còn nghi ngờ. Kinh nói: “Nhưng vì chúng con không hiểu rằng Phật phương tiện tùy cơ nghi nói pháp, vừa nghe Phật nói pháp liền tin nhận nghĩ suy chứng quả”.

Thế Tôn! Con từ trước đến nay trọn ngày lẫn đêm thường tự trách mình... Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật nói mà sanh ra, từ pháp hóa sanh, đặng phần Phật pháp... Lòng con rất vui mừng, nghi hối đã trừ hẳn, an trụ trong Phật trí. Con quyết sẽ làm Phật, được trời người cung kính, chuyên pháp luân vô thượng, giáo hóa các Bồ tát”. Vì ngài Xá Lợi Phất đã tự tin nhận làm Phật, đã lãnh hội chơn thừa, nên liền đặng đức Thế Tôn thọ ký, sẽ thành Phật hiệu Hoa Quang ở cõi nước Ly cấu rộng độ vô lượng chúng. Hàng Thinh văn từ lâu trầm trệ nơi quyền thừa, nay một phen nghe thật giáo sanh tín tâm liền đặng thọ ký, đó chính làm rõ tất cả pháp tức tâm tự tánh, thành tựu huệ thân, tỏ ngộ chẳng phải do người khác. Dầu vậy, song còn phải trải qua nhiều kiếp số tu hành mới đặng thành, vì vô minh chưa hết hẳn, mới thiết chứng Phật quả. Thọ ký, ý nghĩa đại khái như thế.

Trong chúng hội tiểu thừa, từ trước tình chấp sâu nặng nghi ngờ không tin, mỗi người đều tự cho rằng: mình quyết không đặng dự phần làm Phật, cũng không có chí mong cầu. Nay chính tai nghe, tận mắt thấy ngài Xá Lợi Phất đặng đức Thế Tôn thọ ký sẽ làm Phật. Ngài Xá Lợi Phất đã vậy, chắc mình cũng thế, nên cả thầy đều sanh lòng rất vui mừng, đều cõi y tung lên cúng dường đức Thế Tôn, để tiêu biểu ý hướng thượng muốn giải thoát. Kinh nói: “Thế Tôn nói pháp đó, chúng con đều tùy hỉ, đại trí Xá Lợi Phất, nay đặng Phật thọ ký, chúng con như thế, quyết sẽ đặng làm Phật, trong tất cả thế gian, rất tôn quý vô thượng”. Dầu tự mình đã quyết định tin

chắc nhưng còn lo trong chúng hội chỗ tin nhận chưa hoàn toàn thấu đáo, nên ngài Xá Lợi Phất, lại ân cần cầu thỉnh đức Thế Tôn vì tứ chúng mà nói rõ: sở non vì sao thưở trước Phật lại nói quyền nay lại bỏ quyền nói thật, để dứt hẳn lòng nghi của toàn chúng hội.

Đức Thế Tôn nói nhà lửa để tỷ dụ.

Tả cảnh nhà cửa hư sụp nguy hiểm, đầy những ác quỷ, trùng độc, thú dữ, lại thêm lửa dấy tư bề, để lệ vòng sanh tử khôn khổ trong tam giới.

Các con ngu dại, tự thân ở trong chỗ hiểm nguy, họa diệt vong ập đến, mà vẫn mê say vui đùa không hay không biết, để lệ sự mê lầm tham chấp của chúng sanh.

Trưởng giả vì cứu con mà phải tự mình vào nhà lửa, đôi ba phen kiệt tâm tư tìm phương dụ dẫn để đem các con ra khỏi nạn chết: trước nói thật trạng hiểm nguy, mà các con không hiểu, không nghe theo, sau cực chẳng đã phải quyền nói hứa cho ba thứ xe để ngoài cửa. Trúng tâm bịnh, các con ham xe mà ra khỏi nhà lửa. Để lệ đức Thế Tôn lòng từ tha thiết vì độ quần sanh mà phải vào trong đời ác trược khôn nguy, phải kiệt tâm tư suy tầm phương thế cứu vớt, nói thật không hiểu, không tin, bất đắc dĩ phải nói quyền giáo ba thừa để dụ dẫn.

Trước hứa ba xe, mà lúc sau, khi các con đã ra khỏi chốn khổ nguy, đồng ban cho một thứ xe trân báu cao rộng đẹp nhất trong đời. Chính chỉ rõ ý nghĩa ngày nay Đức Phật thật giáo phế quyền thừa, mọi người sẽ đặng cứu cánh Phật quả.

Kinh nói: “Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả đó, ban đầu dùng ba thứ xe để dụ dẫn các con, nhưng về sau chỉ cho đồng một thứ xe lớn vật báu trang nghiêm an ổn hạng nhất, mà ông Trưởng giả đó không có lỗi hư vọng. Đức Như Lai cũng lại như thế, không có hư vọng, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh, về sau chỉ dùng đại thừa mà độ thoát đó. Bởi vì sao? Vì

Đức Như Lai có vô lượng trí huệ, thập lực, tứ vô sở úy, tạng các pháp mầu, có thể ban cho tất cả chúng sanh pháp đại thừa, chỉ vì chúng sanh không thể lãnh thọ được hết. Xá Lợi Phất! Do vì nhơn duyên đó, nên phải biết rằng các đức Phật, dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa phân biệt nói ba”.

4. TÍN GIẢI PHẨM

Ngài Ma Ha Ca Diếp v.v.. bốn vị đại đệ tử, nhơn thấy ngài Xá Lợi Phất đã lãnh hội tỏ ngộ, được thọ ký thành Phật, lại nhơn nghe lời thí dụ vừa rồi của đức Thế Tôn: “Phương tiện nói ba thừa hội qui về một Phật thừa”, cho nên sanh lòng vui mừng vô lượng, hiểu rõ quả vị của mình đã chứng trước kia là quyền, tin chắc Phật thừa được nghe hôm nay là chơn; hối hận ngày xưa si mê, vừa được tiểu quả Thanh Văn thoát ly tam giới đã tự lấy làm đủ, không lập chí hướng thượng, không mong cầu đại quả, như kinh nói: “Chúng con ở đâu hàng chúng tăng, tuổi đều già suy tự cho rằng đã đặng Niết bàn không còn kham nhiệm tu pháp đại thừa, nên chẳng tấn cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Hôm nay nghe đức Phật thọ ký cho Thanh Văn thành Phật, từ lâu tưởng rằng: đối với Phật thừa mình đã tuyệt phần, nay bỗng nhiên lại đặng, mừng này còn mừng nào hơn, như Kinh nói: “Nay chúng con ở trước Phật nghe thọ ký đạo vô thượng cho Thanh Văn, lòng chúng con rất vui mừng đặng điều từ hồi nào chưa từng có, chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên đặng nghe pháp mầu hi hữu, mừng rỡ chẳng xiết, đặng lợi lành lớn, vô lượng trân bửu chẳng cầu mà đặng”.

Rồi bốn ngài ở trước Đức Phật tự nói dụ: nào cùng tử bỏ cha trốn đi, nào gặp cha không nhận mà trở lại sợ, nào chỉ ham hốt rửa phân nhơ để được tiền công từng ngày, cho đến trên mấy mươi năm sau, một ngày kia bỗng nhiên được hưởng cả gia tài to lớn của cha. Bốn ngài mượn việc của cùng tử để lệ cảnh huống của mình, mà cũng là của mọi người, thơ ngây

xa Phật lưu lạc trong luân hồi, nổi trôi trong sanh tử; đến ngày gặp đặng Phật lại không biết là chính cha lành mà trở lại sợ, nhờ Phật phương tiện cho ở quả vị tiểu thừa, tự an phần nơi đó, không tin mình chính là con của Phật, có phần ở Phật đạo, sợ hãi pháp chơn thừa, mãi đến ngày nay mới tự hiểu tự tin. Kinh nói: “Thế Tôn! Chúng con vì ba món khổ ở trong sanh tử bị các nhiệt não, mê lầm không biết, ham ưa pháp nhỏ, ngày nay Thế Tôn bảo chúng con suy nghĩ dứt trừ phân như hí luận của các pháp. Chúng con ở trong pháp đó siêng năng tinh tấn, đặng đến Niết bàn, đã đặng đó rồi lòng rất vui mừng tự cho đó đã đủ.

Chúng con từ xưa nhận lại chính thật là Phật tử, mà chỉ ưa pháp tiểu thừa, nếu chúng con có lòng ưa mến pháp đại thừa thời đức Phật vì chúng con nói pháp đại thừa, ở nơi hội nói kinh *Pháp Hoa* này, đức Phật chỉ nói pháp như thừa... Cho nên chúng con nói từ trước không lòng mong cầu, hôm nay Pháp Vương đại bảo tự nhiên mà đến...”

Hiểu trước quyền, tin nay thật nên gọi phẩm này là TÍN GIẢI.

5. DƯỢC THẢO DỤ PHẨM

Nhơn vì vừa rồi bốn vị đại đệ tử đã tín giải, lập dụ để tự trần đã hiểu nơi quyền tin nơi thật của mình, đức Thế Tôn liền ấn chứng cho. Song, do vì còn chưa có thể biết thấu sức tri kiến bình đẳng thâm diệu của Đức Như Lai, hoặc giả những hàng chấp tướng lại cho rằng: Đức Như Lai thiệt có tác ý tùy cơ, do Đức Như Lai tác ý tùy cơ nói ba thừa sai khác, và thiệt có quả vị nói ba thừa nên chứng và đáng được. Nếu chấp cho như thế thời thành có thiệt Niết bàn cùng thiệt pháp. Niệm Niết bàn cùng chấp pháp không tiêu thời có thể nào triệt suốt nguồn đáy của các pháp, đáy nguồn của các pháp không triệt thời tất là Phật tri kiến khó khai hiển được. Dầu Đức Như Lai

nói pháp ba thừa, nói quả vị, nói Niết bàn, nhưng kỳ thật Đức Như Lai bao giờ cũng vẫn vô tâm hành bình đẳng thuyết pháp, viên âm nhưt vị vang khắp, chỉ vì chúng sanh chủng tánh không đồng, nên theo căn, tùy theo tánh, tùy theo loại mà tự thành lãnh thọ sai khác thôi.

Vì muốn giải quyết nghĩa bình đẳng thuyết pháp để ngừa sự nhận lầm, nên đức Như Lai nói dụ dục thảo: mây đầy khắp trời che trùm muôn vật, đồng một loạt mưa xuống chỉ rưới một thứ nước, cũng không chỗ ít nhiều. Mặc dầu một trận mưa không mảy mún riêng tư, nhưng ba thứ cỏ cùng hai loại cây tùy phận được đượm nhuận mỗi mỗi riêng khác. Cứ xem nơi cỏ cây thời thấy sự hấp thụ không đồng, nhưng không đồng là tự nơi cỏ cây giống loại sai khác, chớ nước mưa chỉ một vị thôi.

Đức Như Lai thuyết pháp cũng thế, lòng từ rộng lớn bao bọc cả quần sanh, dùng viên âm ban cho phép nhưt vị bình đẳng. Pháp của Như Lai vốn không sai khác, mà có sai khác là tự ở nơi cơ của chúng không đồng. Do đây mà thấy rõ ý thú “chỉ có một Phật thừa, không hai cũng không ba”. Làm cho người nghe xong dụ “Dục thảo”, liền trừ chấp kiến, có thể sâu vào pháp huệ bình đẳng của Như Lai, chính là khai triển Phật tri kiến vậy.

Kinh nói: “Đức Như Lai làm vua trong các pháp, nơi tất cả pháp dùng trí phương tiện mà diễn nói ra đó thảy đều đến bực nhưt thiết trí”.

Kinh lại nói: “Mây kia tuông ra nước thuần một vị, cỏ cây lùm rừng tùy phận thọ nhuận. Tất có các cây hạng lớn, vừa, nhỏ, xứng theo lớn nhỏ đều đặn sanh trưởng, gốc, thân, nhánh, lá, bông, trái tươi sáng, một trận mưa rưới đến đều đặn tốt tươi. Xứng như thể tướng của cỏ cây kia, tánh loại chia ra lớn nhỏ, mưa nhuận vẫn một vị mà mỗi thứ đều sum sê. Đức Phật cũng thế, hiện ra nơi đời ví như mây lớn khắp

che cả. Ta là đấng tôn trọng nhất trong đời không ai có thể sánh bằng, vì muốn làm cho chúng sanh được an ổn mà hiện ra đời, vì hàng đại chúng nói pháp cam lồ thanh tịnh, pháp đó thuần một vị giải thoát Niết bàn. Dùng một thứ diệu âm diễn thông nghĩa đó, thường vì đại thừa mà làm nhơn duyên. Ta đều bình đẳng khắp xem chúng sanh không có lòng bỉ thử ưa ghét, ta không tham chấp, cũng không hạn cuộc trệ ngại, hằng vì tất cả chúng sanh mà bình đẳng nói pháp... Tất cả chúng sanh nghe ta nói pháp, tùy theo sức mình mà lãnh thọ an trụ nơi các địa vị hoặc ở nơi nhơn, thiên, vua Chuyển Luân Thánh Vương, Đế Thích, Phạm Vương, như giống cỏ thuốc nhỏ. Hoặc đặng Niết bàn, chứng quả Duyên giác như cỏ thuốc bực trung. Hoặc hạng cầu quả Phật, ta sẽ làm Phật, là cỏ thuốc lớn. Lại có các Phật tử chuyên lòng cầu Phật đạo, thường hành đạo từ bi tự biết mình làm Phật quyết định không nghi, đó gọi là hạng cây nhỏ. Bậc an trụ thân thông chuyên pháp luân bất thối, độ vô lượng ức trăm nghìn chúng sanh, Bồ tát như thế gọi là đại thọ. Đức Phật bình đẳng nói pháp như mưa một vị, tùy nơi tánh chúng sanh mà tự bẩm thọ không đồng... Đạo hạnh của các ông tu chính là đạo đại thừa Bồ tát, lần lần tu học đều sẽ thành Phật”.

6. THỌ KÝ PHẨM

Do ngài Ma Ha Ca Diếp v.v... bốn vị đệ tử trong phẩm trước lãnh ngộ ý chỉ bình đẳng nhưt vị, đã hiểu ba thừa vốn không thiệt. Phật tri kiến bốn hữu khai hiển, thời chánh nhơn chơn thật thành Phật đã đủ, nên Đức Thế Tôn tuần tự thọ ký cho bốn ngài.

7. HÓA THÀNH DỤ PHẨM

Nghe “pháp thuyết” khai quyền hiểu thật, ngài Xá Lợi Phất đã sớm lãnh ngộ chơn thừa. “Dụ thuyết” vừa tuyên bày, bốn vị đại đệ tử tin sâu hiểu chắc mà đều được thọ ký.

Trong pháp hội còn có một loại Thanh Văn căn chậm lụt, từ lâu cho rằng quả vị đại giác của Phật, không phải trí phần của mình, không thể đến, không thể chứng. Đến nay thói quen kém hèn vẫn chưa dứt, hoặc giả toan cho rằng: Năm ngài là bậc đệ tử của Phật, là bậc đạo thủ trong chúng, nên đáng đặng thọ ký, còn chúng ta chắc khó đặng dự phần. Nhon thế nên vẫn còn ôm lòng tuyệt phận.

Đức Thế Tôn dự biết lòng chúng, bèn dẫn việc mười sáu vị Vương tử giáo hóa vô lượng chúng, trong thời kỳ Phật Đại Thông Trí Thắng, trải qua vi trần số kiếp về trước, để cho chúng hội biết rằng: Đức Phật với đại chúng đã cùng kết thiện duyên với nhau từ lâu xa. Vi trần số kiếp trước, Đức Phật, vị Vương tử thứ mười sáu, đã từng gieo duyên chủng Pháp Hoa nhứt thừa vào tâm điền của đại chúng rồi. Từ đó về sau, đời đời vẫn không rời Phật, đều được Đức Phật tiếp tục giáo hóa. Nay cơ duyên đã thuận thực chính đã đến lúc ân hứa làm Phật để phá nghi tính chấp trước của đại chúng, làm cho chúng phát khởi lòng hâm mộ đại thừa, quyết định Phật tri kiến. Đức Phật nhắc việc Đại Thông Trí Thắng thuở xưa, dẫn việc mười sáu vị Vương Tử giảng *Pháp Hoa* kinh ngày trước, để hiển rõ duyên nhơn Phật tánh. Phật tri kiến đã sẵn, duyên nhơn Phật tánh lại đã đủ, thời liễu nhơn tự thành.

Bổn ý của Đức Phật bao giờ cũng muốn đưa toàn chúng thẳng một đường đến quả vị giác mãn của Phật, ngặt vì chúng sức kém, chí chúng lụt, tánh chúng chậm, nguyện chúng yếu, ngó quả cao xa sanh lòng chán nản sợ sệt, bất đắc dĩ đức Phật phải quyền lập tam thừa Niết bàn để cho chúng tạm thời an nghỉ, để cho lòng chúng hết sợ hết nhàm. Lòng sợ nhàm đã hết, đức Phật liền dắt chúng thẳng bước đến mục đích chánh của Phật đã định.

Muốn hiểu rõ nghĩa tam thừa Niết bàn rốt ráo là quyền, tạm lập ra chỉ để trừ lòng chán nản sợ sệt của chúng mà thôi,

nên Đức Phật nói dụ “Hóa thành”. Đức Phật là vị Đạo Sư tài trí, dẫn đường, đưa chúng vượt qua con đường hiểm trở dài xa vô minh hoặc chướng, để đến bảo sở chơn thường. Nửa đường chúng mệt, chúng sợ, chúng muốn trở lại. Đạo Sư phải dùng thần lực hóa ra thành trì để cho chúng có chỗ tạm nghỉ khỏi phải trở lui. Thành trì do thần lực biến hóa ra chớ nào phải thật. Chúng hết mệt hết sợ. Đạo Sư liền thu thần lực diệt hóa thành, lại đưa chúng tiến lên con đường thẳng đến bảo sở, trước sau cũng chỉ là một con đường phải noi theo để đến bảo sở thôi.

Tam thừa Niết bàn nào khác hóa thành, tạm thời trụ nơi đó rồi lại phải rời ra mà thẳng đến trước, vì nào phải là cơ sở chơn thật mà ở mãi được, thì chung rồi cũng chỉ một Phật thừa là chơn thật, một con đường duy nhất đến quả Vô thượng chánh giác.

Kinh nói: “Các vị sa di đó.... mỗi vị ngồi pháp tòa nói kinh đại thừa này... mỗi vị sa di đó độ các hàng chúng sanh có sáu trăm muôn ức hằng sa các chúng... Chúng được nghe pháp do nơi trong các cõi Phật thường cùng thầy sanh chung... Ta trong số mười sáu, cùng từng vì các ông nói kinh *Pháp Hoa* cho nên dùng phương tiện dẫn các ông đến Phật huệ, do nhơn duyên trước đó nên nay lại nói kinh *Pháp Hoa* đưa các ông vào Phật đạo, cẩn thận chớ sanh lòng kinh sợ...”

Mọi người đều mỏi mệt mà thưa cùng Đạo Sư rằng: Nay chúng tôi mỏi mệt, nơi đây muốn trở lại mà đành mất trân bảo lớn. Liền nghĩ chước phương tiện, nên dùng sức thần thông hóa làm thành quách lớn, các nhà cửa trang nghiêm... Hóa xong rồi bảo chúng: chớ sợ, các người vào thành này đềuặng tùy ý ưa muốn... Vị Đạo Sư biết chúng nghỉ ngơi xong bèn nhóm chúng mà bảo rằng: đây là thành quách biến hóa thôi, các người nên đi đến trước, đồng nhau đến bảo sở.

Ta cũng lại như thế, là Đạo Sư của tất cả, thấy những người cầu đạo giữa đường mà trễ bỏ, chẳng có thể vượt qua các đường hiểm sanh tử phiền não, ta dùng sức phương tiện nói Niết bàn để chúng nghỉ ngơi: Biết đã đến Niết bàn đều đặn A la hán, bèn nhóm chúng lại vì đó nói pháp chơn thật. Các đức Phật có sức phương tiện phân biệt nói ba thừa, vì để nghỉ nên nói hai, kỳ thật chỉ có một Phật thừa...”

8. NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ PHẨM

Năm trăm vị đệ tử trước kia nghe năm trăm vị thượng thủ được thọ ký, vừa rồi lại được nghe việc nhơn duyên đời trước, đốn ngộ tích nhơn, mới biết rằng Đức Phật dùng vô lượng thần thông phương tiện dẫn dắt chúng sanh, tự tin chắc mình quyết định thành Phật. Lòng nghi ngờ đã dứt, mối lo lắng đã tan cho nên nói rằng: 'tâm tịnh', chí hăm mộ được đức Phật thọ ký nên nói rằng: “dũng dục” (hón hở), tự biết đã kham đảm đương gia nghiệp Phật thừa, cho nên nói rằng: “Chỉ có Đức Phật Thế Tôn biết rõ được thâm tâm bốn nguyện chúng ta”. Phật huệ đã hiển, tri kiến đã khai, nên Đức Thế Tôn tuân tự thọ ký cho cả.

Được thọ ký xong, năm trăm vị nói dụ “hệ châu”, để tỏ chỗ mê lầm của mình ngày trước, bày ý ngộ túc nhơn ngày nay, từ lâu không hề rời Phật thừa nửa bước mà trước không tự nhận, đến nay mới tin chắc.

9. THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ PHẨM

Do vì từ trước, đức Thế Tôn nhiều lần khai thị nào “pháp”, nào “dụ”, nào “nhơn duyên” ba phen nói bày đã cùng, đã khắp, mọi người trong pháp hội đều tin ở nơi lời Phật dạy, chẳng còn nghi ngờ đều đã nhận thiết, cho nên các vị đại đệ tử từ bậc thượng thủ, năm trăm đệ tử nhĩ đến cả một nghìn hai trăm A la hán đều được thọ ký. Như thế là đã an ủi lòng đại

chúng rồi. Nhưng còn hàng tân học Thanh Văn, như các ngài A Nan, La Hầu La v.v... đều muốn được thọ ký để toại lòng trông mong của chúng mà cũng là chủ ý để thấy rằng Phật pháp không hề thừa sót. Nhơn đó mà đức Phật đều thọ ký cho.

Luận về Phật tánh, có ba thứ nhơn, tức là: chánh nhơn, duyên nhơn và liễu nhơn. Ba nhơn nếu đầy đủ thì quyết định thành Phật không nghi vậy. Tự tánh Phật mọi người đều sẵn đủ đó là chánh nhơn Phật tánh. Cần phải nhờ giáo pháp của Phật, các thiện tri thức v.v... trợ giúp cho khai phát, đó là duyên nhơn Phật tánh. Còn tự tin liễu ngộ đó là liễu nhơn Phật tánh, các ngài Xá Lợi Phất v.v... mau tỏ ngộ đó chính vì chánh nhơn Phật tánh thâm hậu vậy.

Với năm trăm vị A la hán, đức Phật rộng dẫn duyên xưa để thấy rằng các vị đã được Đức Phật giáo hóa từ lâu xa, đó là duyên nhơn Phật tánh đặng thuần thực vậy. Trong duyên nhơn lại có hai phần, tức là thân duyên cùng sơ duyên. Các bậc học, vô học gần kề bên Đức Phật, dự pháp hội của Phật đó là thân duyên, vả lại A Nan là em, La Hầu La là con, thời lại là tối thân trong thân duyên, có lý nào không đặng độ, nên đều được thọ ký cả. Mới thấy rõ rằng lòng từ bi của Đức Phật thật là rất ráo bình đẳng vậy.

10. PHÁP SƯ PHẨM

Do vì về trước Đức Thế Tôn cùng cực rộng khen pháp nhứt thừa nhiệm mầu rất sâu, người nào có thể tin được liền đặng thành Phật, các đại đệ tử đã tin, đã nhận, nên đều đã đặng thọ ký làm Phật ở tương lai.

Pháp nhứt thừa này chính là chánh nhơn Phật tánh sẵn sẵn của tất cả chúng sanh. Nay nhờ Đức Như Lai lòng từ bình đẳng khai thị phương tiện, nói Diệu Pháp Liên Hoa này để làm duyên nhơn trợ giúp cho chánh nhơn hiển phát. Đức Phật là duyên thân nhứt, Diệu Pháp là duyên thắng nhứt, được

gặp duyên nhơn thân thẳng, không một ai là không liễu ngộ trọn thành liễu nhơn Phật tánh, ba nhơn đã đủ bèn có thể kham đảm đương sự nghiệp nhà Phật.

Xem kết quả của chúng hội hiện nay, chứng rõ việc gieo mầm trong vi trần số kiếp trước, dầu lâu xa, thay đổi nhiều thân, trải qua nhiều đời, nhưng chỉ càng tăng trưởng nẩy nở, vẫn không một mảy bớt hao.

Đã biết rõ bốn nhơn của Đức Phật thuở Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, trong tâm điền một phen đã huân nạp thẳng pháp, thời rốt ráo thuận tục ở pháp hội ngày nay.

Suy quá khứ, chứng hiện tại. Xưa đã thế thời nay cũng thế. Một hội pháp duyên hiện nay lại là một chủng tử thẳng diệu vô tận mãi mãi, để rồi sẽ rốt ráo thuận tục ở tương lai đó chính là “nếu có người nào nghe pháp không một ai chẳng thành Phật”: nhấn đến “chỉ một niệm vui theo thời cũng nên Phật quả”, vì thế nên dùng hai chữ 'Pháp sư' nêu tên phẩm này. Đây là chú ý rằng, chánh nhơn Pháp Hoa ngày nay, cần nhờ các vị Pháp sư để khai hiển, để truyền đăng làm thẳng duyên vô tận cùng kiếp vị lai. Dầu rằng tất cả chúng sanh, đều có chánh nhơn Phật tánh, nhưng nếu không có diệu pháp để làm thẳng duyên giúp cho phát lộ, thời tất khó mong chứng thành giác quả. Vì có nhơn mà không có duyên thời tất cả không sanh liễu, liễu nhơn đã không, làm thế nào đặng cứu cánh. Do các nghĩa như thế, nên chủng tử Phật tánh cần phải nhờ duyên huân khởi. Duyên huân có hai phần: tân huân và cựu huân. Thuở Phật Đại Thông Trí Thắng, mười sáu vị Vương Tử khai hóa đó là cựu huân. Hiện pháp hội hôm nay là tân huân vậy.

Pháp sư có 5 hạng:

1. Tùy hỉ Pháp sư
2. Đọc tụng Pháp sư

3. Thọ trì Pháp sư
4. Thơ tả Pháp sư
5. Giảng thuyết Pháp sư.

Trong năm hạng trên đây, nếu có thể hoàn toàn một tức là vị Pháp Hoa Pháp Sư.

Kinh *Pháp Hoa* này là toàn thân của Như Lai, gánh vác kinh này chính là gánh vác đức Như Lai, vì thế nên phải kính trọng pháp sư xem như đức Phật, để hiểu rõ pháp mâu thuẫn, cần phải nhờ nơi người hoằng truyền, có hoằng truyền thời giống Phật không dứt mất, đó là “Pháp thâm diệu như thế, nếu không người tuyên nói, dầu có tri cũng không hiểu biết”. Kính trọng thời phước đức vô lượng, còn nếu hủy báng mắc tội báo rất nặng, vì kính trọng là nối giống Phật, còn hủy báng là dứt giống Phật vậy.

Đến đây thấy rằng bốn tâm hiện ra nơi đời của đức Phật cũng có thể gọi rằng là đã vừa khắp đủ.

Kinh nói: “Đức Phật bảo ngài Dược Vương Bồ tát: Tất cả đại chúng trong pháp hội này, từ hàng tứ chúng đến thiên, long, bát bộ v.v... đều ở trước đức Phật nghe kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, một bài kệ một câu, nhẫn đến một niệm tùy hỉ đó, ta đều thọ ký cho những người ấy sẽ đặng đạo Vô thượng bồ đề... Sau khi ta diệt độ cũng thế, nếu có người nghe kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, nhẫn đến một câu, một niệm tùy hỉ đó, ta cũng thọ ký đạo Vô thượng bồ đề cho những người ấy... Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, nhẫn đến một bài kệ, đối kinh quyển này kính xem như Phật, các thứ cúng dường... Phải biết những hạng người như trên đó đã từng cúng dường mười muôn ức đức Phật, nơi các đức Phật đã thành tựu nguyện lớn, vì thương chúng sanh mà sanh trong nhơn gian. Dược Vương! Nếu có người hỏi, chúng sanh nào sẽ làm Phật ở tương lai! Thời nên

chỉ những hạng người trên đó, ở đời vị lai chắc đặng làm Phật... Nếu có trai lành gái tín nào, sau khi ta diệt độ có thể riêng vì một người giảng nói kinh *Pháp Hoa* này nhận đến một câu, phải biết người đó là sứ thần của đức Như Lai, đức Như Lai sai làm việc Phật, hưởng lại là người ở trong đại chúng rộng vì người mà nói.

Dược Vương! nếu có người ác dùng tâm chẳng lành nơi trong một kiếp, hiện ở trước Phật thường mắng nhiếc Phật, tội đó còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời ác chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng kinh *Pháp Hoa* này, tội đây rất nặng...

Dược Vương nên biết! Sau khi Như Lai diệt độ, người mà có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh này vì người khác diễn nói, thời là đức Như Lai lấy y trùm người đó, lại được các đức Phật hiện tại ở mười phương hộ niệm... Thời được đức Như Lai tay xoa nơi đầu... Nếu sau khi ta diệt độ người có thể giảng thuyết kinh này, ta liền sai hóa tứ chúng cúng dường vị pháp sư đó, dẫn dắt các chúng sanh nhóm lại nơi đó (khiến) nghe pháp...”

Từ phẩm *Pháp Sư* này trở về trước phán thuộc về phần Khai Phật tri kiến.

Khai có hai nghĩa 1. Ở nơi đức Phật, thời đức Phật vì (chúng) khai thị, khai hiển, khai phát, cốt yếu làm cho người nghe (được) tự hiểu tự tin Phật tri kiến. 2. Ở nơi người nghe pháp thời (tự khai) ngộ Phật tri kiến, bởi chúng từ lâu mê lầm không tin nay (được) đức Phật giảng nói thời bỗng nhiên liễu ngộ. Chính là liễu (ngộ tự) tâm, ví như hoa sen nở.

C. PHẦN THỊ PHẬT TRI KIẾN

11. HIỆN BỬU THÁP PHẨM

Trong phẩm đây hiển thị pháp thân thường trú của Như Lai, cùng cảnh tịnh tịch thật tướng chơn thật muốn làm cho chúng sanh biết và thấy. Pháp thân cùng chơn cảnh đồng hiện bày trước mắt đại chúng đó là nghĩa “Thị” vậy.

Trong pháp hội Pháp Hoa đây trước như đức Phật phóng quang soi thấu phương đông, hiện đủ sự tướng trong pháp giới, chúng sanh, cùng Phật v.v... trước sau đều khắp, đó chính là chung hiển thị tâm cảnh Phật tri kiến thâm diệu của chúng sanh. Do vì chúng hội đương cơ chưa ngộ được diệu tâm lại dùng tình thức suy nghĩ so lường; phạm hễ tình thức sanh thời trí huệ bị cách ngại, chính trước mắt mà không tự đạt được, lại cho là không phải trí phần của mình. Sau đó đức Như Lai dùng đủ cách khai thị, nào tuyên pháp thuyết, nào dẫn dụ thuyết, nào thuật nhơn duyên nhờ thế mà chúng hội đương cơ đã tin lời đức Phật, tự nhận mình sẽ làm Phật nên đều được đức Phật thọ ký.

Mặc dầu đã được thọ ký, nhưng đó chỉ mới tin tự tâm thôi, còn chưa nhận rõ pháp thân chơn cảnh. Đây thời là niệm chấp chặt nghĩa sanh diệt chưa trừ, lòng cho có tịnh uế chưa dứt. Vì thế nên đức Như Lai toan hiển pháp thân thường trú mà tháp đẹp bảy báu từ dưới đất vọt lên, đức Đa Bửu Như Lai đã diệt độ từ lâu toàn thân hiện còn nguyên vẹn, để làm tiêu tan niệm chấp sanh diệt của chúng. Rồi chính cõi Ta bà uế độ này, ba phen biến thành Tịnh Độ cực kỳ trang nghiêm, để dứt trừ lòng làm cho thật uế thật tịnh của đương hội.

Vả lại vô lượng chư Phật ở mười phương đồng câu hội nơi thế giới này, để chỉ bày trong pháp giới, không luận một trần hay (một cõi) phạm chạm mắt đến đều là chơn cảnh thật tướng cả, đây chính là tri kiến chơn thật của Phật vậy.

Tháp cao năm trăm do tuần, trong tháp toàn thân của đức Đa Bửu Như Lai y nhiên chẳng rã, để chỉ cho chúng sanh biết rằng, chính thân ngũ uẩn sanh diệt của mọi người là nhà ở của pháp thân thường trú. Đến như cõi Ta bà ba lần biến thành Tịnh độ, để chỉ rõ rằng: Hoa Tạng chơn cảnh thật báo trang nghiêm chẳng rời ngoài nghiệp dụng ngũ trược vậy.

Nơi đây đức Thế Tôn chỉ bày pháp thân thường trú y chánh trang nghiêm, là chủ ý muốn cho chúng hội đương cơ biết nghĩa vi diệu của tự tâm cảnh, ngộ hầu liền nơi trước mặt mà hiện chứng, chẳng sanh lòng lo sợ rằng Phật đạo dài xa, như bọn người đến bửu sở sợ đường hiểm trở, nhằm mỗi nẻo dài xa trong phạm trước.

Thâm ý dẫn quyền thừa của Phật rõ thấy nơi phạm này. Do đâu mà rõ thấy ư?

Như trong kinh thường nói: “khai môn phương tiện hiển thị tướng chơn thật”, chơn thật tướng là gì: Chính là pháp thân chơn thật mà đức Tỳ Lô Giá Na do nhiều kiếp tu nhơn chứng đặng, cùng cõi Thường tịch quang chơn độ của Phật trụ. Rồi từ pháp thân hiện báo thân Lô Xá Na ở nơi Tịnh Độ Thật Báo trang nghiêm; những thân cùng độ trên đây đều chơn thật, cho nên là chơn thật tướng.

Còn đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn là từ báo thân mà hiện ứng thân, vì tùy cơ duyên nên cõi của đức Phật ở cũng đồng với chúng sanh, tức là cõi uế độ Ta bà ngũ trược này, thân cùng độ này đều là giả, vì giả nên phạm giáo pháp của đức ứng thân Phật thi thiết ra đều thuộc về quyền, bởi tùy theo quyền cơ của uế chúng, quyền là danh từ khác của phương tiện vậy.

Nhơn vì đức Tỳ Lô Giá Na khi thành chánh giác, hiện thân Lô Xá Na ngồi tòa kim cương nơi Bồ đề đạo tràng cùng vi trần pháp tánh Đại sĩ nói kinh *Hoa Nghiêm*, đây là cả thân

cùng độ đều chơn mà giáo pháp cũng thật. Ngặt vì trong hội Hoa Nghiêm chỉ lợi cho bậc viên căn đại thừa thôi, còn hàng căn khí tiểu thừa cùng bậc tích hạnh Bồ tát tuyệt phần, nên có câu: “Hàng nhị thừa đích thân ngồi tại tòa trong hội mà như đui như điếc”.

Vì thế nên đương lúc đức Lô Xá Na thuyết *Hoa Nghiêm*, chẳng ngại gì hiện thân ứng hóa Thích Ca Mâu Ni tám tướng thành đạo, bắt đầu từ pháp hội nơi vườn Lộc, đem đạo nhất thừa mà phân biệt nói thành ba thừa, để tiếp dẫn cơ hạng trung và tiểu. Dùng sức phương tiện nói pháp tứ chơn đế, pháp thập nhị nhân duyên, sự lục độ v.v... đồng hóa độ ba căn. Mặc dầu cũng có nói pháp giáo hóa Bồ tát nhưng đều thuộc về quyền giáo. Như ông trưởng giả trong phẩm thí dụ hứa ba thứ xe để quyền cứu các con, chẳng phải là có thật. Ngày nào trong toàn chúng hội, hàng đệ tử của Phật, còn chưa chứng thấy pháp thân chơn cảnh, thời là ngày đức Thế Tôn, đáng đại bi bình đẳng chưa toại lòng. Như nói: “Ta vốn lập thế nguyện rằng: muốn làm cho tất cả chúng sanh đồng như ta không khác”. Ý của đức Thế Tôn vẫn muốn cho chúng sanh, mau chứng chơn cảnh pháp thân của Như Lai để thẳng đến thiệt quả Hoa Tạng trang nghiêm. Ngặt vì chúng hội hạ liệt một mực chấp quyền là thật mà chẳng chịu thẳng đến trước, vả lại đối với chơn thuyên của đức Thế Tôn đúng thật tuyên bày lại nghi ngờ không tin không nhận. Làm cho đức Thế Tôn phải hao sức nhọc lòng, hơn bốn mươi năm dùng đủ phương tiện uốn nắn đào thải.

Đến nay căn tánh của chúng hội đã thuần thực, mà cơ duyên giáo hóa của Thế Tôn cũng sắp xong, cho nên trong hội Pháp Hoa này, đức Thế Tôn thổ lộ bốn hoài khai trừ cả ba quyền giáo ngày trước, để hiển nhứt thừa chơn thật, Trưởng giả gia nghiệp giàu lớn, chính là dụ cho pháp nhứt thừa viên diệu của hội Hoa Nghiêm. Hàng Thanh văn chỉ nhận ứng thân

Thích Ca Mâu Ni Phật là chơn, mà chẳng biết chính còn có chơn Phật. Chỉ thấy cõi uế độ Ta bà đáng nhàm mà không thể đạt được chơn cảnh thật tướng. Vì thiên nhận thiên kiến như thế nên khur khur một mực nắm chặt chỗ chấp sanh diệt, cùng niệm cho tịnh uế không chịu rời bỏ, bởi do không đạt lý “duy tâm sở hiện” nên đến đời thế đó.

Sắp sửa nói kinh này, đức Thế Tôn trước phóng quang minh soi suốt mười tám nghìn thế giới phương đông, chỉ toàn chơn cảnh của pháp giới chính là trong hàng ngày của chúng sanh chớ không đâu khác. Cảnh trí này không phải dùng tâm tư mà có thể đến được, nên liền sau đó, đức Thế Tôn từ tam muội dậy, lại dùng ngôn thuyết phương tiện, nhiều cách chỉ bày. Trong đại chúng đều tin tự bản tâm, đức Thế Tôn liền thọ ký làm Phật cho cả. Đúng như trong kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Lúc mới phát tâm biết tất cả pháp chính là tâm tự tánh, thành tựu huệ thân, tỏ ngộ chẳng do người khác”. Đây chỉ mới rõ tự tâm chơn, còn chưa đạt được tự cảnh thật. Tâm cùng cảnh chưa dung thông thời chưa phải chơn như thành Phật, còn thuộc về tri kiến của chúng sanh chớ chưa phải là tri kiến của Phật. Các phẩm trước đức Phật thọ ký cho chúng hội, đã khai hiển tâm chơn, nên nói phẩm này để chỉ cảnh thật, để thị Phật tri kiến.

Trong phẩm này ý nghĩa rất sâu xa, nếu không chính chắn tham cứu thời rất khó lãnh hội diệu chỉ. Đem dung hội với *Hoa Nghiêm* lại càng rõ quy thú trong phẩm này thật là thâm huyền vậy.

*

D. PHẦN NGỘ PHẬT TRI KIẾN

12. ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA PHẨM

Trong phẩm này chỉ bày ngộ Phật tri kiến có khó có dễ, khó dễ chúng hội sanh lòng trân trọng hi hữu, dễ dễ chúng khỏi sợ sệt dài xa, nhắc túc nhờn của đức Phật cùng Đạt Đa, nhờn đây mà đặt tên phẩm.

Do vì trước kia các hàng Thanh văn từ xưa ôm lòng sợ sệt Phật đạo dài xa cho nên không lòng ưa muốn. Đến nay dầu đã nhờ đức Phật thọ ký, nhưng còn phải trải qua nhiều kiếp, mới đặng Phật quả, sợ rằng trong thời gian đó túc tập phát khởi, nửa chừng ngưng trệ không khứng siêng cầu, nếu rời diệu pháp nhứt thừa này thời Phật đạo không do đâu thành tựu.

Đức Thế Tôn tự dẫn việc đời trước của mình, dẫn việc một đời đê lệ vô lượng đời khác, cần cầu kinh *Diệu Pháp nhứt thừa*, không màng giàu sang, không sợ nhọc nhằn, không tiếc thân mạng, dầu làm vua mà cũng phải bỏ, xả thân để cầu Tiên nhờn, tiền thân của Đề Bà Đạt Đa, truyền cho diệu Pháp, nhờ đó mà nay mới đặng viên thành quả vị Bồ đề, lại đem diệu Pháp đó tuyên dạy cho chúng hội hiện tại. Đức Phật lãnh thọ *Pháp Hoa*, Đề Bà Đạt Đa tuyên truyền *Pháp Hoa*, một hiện thành Phật, một sẽ thành Phật, để hiển rõ thành Phật chung quy không ngoài *Diệu Pháp Liên Hoa*. Như thế há lại không nên cố gắng cần cầu tu tập ư! Há lại không nên phát tâm kính trọng hi hữu ư!

Đức Phật từ lâu khổ nhọc cầu diệu pháp mới đặng thành Phật, đó là hiểu nghĩa “Ngộ Phật tri kiến” rất khó vậy. Và lại, sợ rằng hàng đệ tử hạ liệt vì thấy khó mà không gắng tẩn, cho nên kể đó hiển bày việc giáo hóa của ngài Văn Thù Sư Lợi ở long cung, chưa bao lâu mà đã có vô lượng chúng thành Bồ tát vị, cũng có người trước kia là Thanh Văn mà nay tu tập hạnh Bồ tát. Lại thêm Long nữ mới tám tuổi đầu mà trong khoảng

hiển bửu châu, bỗng nhiên biến thành nam tử, qua thế giới Vô Cấu ở phương nam thành bực Đẳng Chánh giác giáo hóa chúng sanh. Tất cả những kết quả vĩ đại mau chóng như trên đều nhờ sức của *Diệu Pháp Liên Hoa*.

Vả lại, biển là chốn sanh tử trầm nịch, rồng là đứng đầu trong tam độc, người nữ là căn khí âm nhu cầu trước, Long Nữ đủ cả ba điều ty tỵ này mà trong một thời gian ngắn, liền có thể hiện chứng Bồ đề. Sao lại quá dễ như thế! Nhon vì gần gũi bực đại trí để làm chỗ y quy vậy. Cũng là chủ ý bảo chúng hội đương cơ sau khi Phật diệt độ nên gần gũi bậc tối thắng tri thức, có thể chắc chắn được rốt ráo diệu ngộ, trọn không còn phải lui vào hàng nhị thừa nữa.

Kinh nói: “Lúc bấy giờ đức Phật bảo các vị Bồ tát cùng thiên, nhơn, tứ chúng rằng: Ta ở trong vô lượng kiếp về quá khứ cầu kinh *Pháp Hoa* không có trễ nải mỗi một, ở trong nhiều kiếp thường làm Quốc vương phát nguyện cầu đạo Vô thượng Bồ đề tâm không lui sụt, vì muốn trọn đủ sáu pháp ba la mật nên siêng năng thật hành hạnh bố thí trong lòng không chút lần tiếc, từ cửa cải vợ con cho đến đầu mắt tay chân không tiếc thân mạng...

Khấp vì chúng sanh, cần cầu pháp đại thừa, cũng chẳng vì thân mình... Do đó bèn đặng thành Phật, nên nay vì các ông mà diễn nói...”

Ngài Trí Tích Bồ tát hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát rằng: “Kinh *Pháp Hoa* này rất sâu vi diệu, là báu nhứt trong các kinh, trong đời rất ít có, vả có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mau đặng thành Phật chăng?”

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp: “Có con gái của Ta Kiệt La Long Vương mới tám tuổi mà lợi căn trí huệ, hay biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, đặng đà la ni..., trong khoảng sát na phát tâm Bồ đề đặng trụ bậc bất thối chuyển,

biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sanh dường như con đò, công đức đầy đủ... có thể đến bực Bồ đề"... Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ bỗng nhiên biến thành nam tử, đủ đạo hạnh Bồ tát, liền qua thế giới Vô Cấu phương nam, ngồi tòa sen báu thành bực Đẳng Chánh giác đủ 32 tướng đẹp, 80 hình tốt, khắp vì mười phương tất cả chúng sanh diễn nói Pháp Hoa".

13. TRÌ PHẨM

Do về trước chúng hội đương cơ đã khai ngộ, dầu được thọ ký, nhưng còn phải trải qua nhiều kiếp mới thành Phật, đức Thế Tôn sợ rằng tập quán hẹp hòi hèn yếu, sợ khó, ngại xa, hoặc giả giữa đường lại sanh lòng lo sợ Phật đạo dài xa, nên đức Thế Tôn tự thuật tiền thân cầu pháp dầu khó nhọc đủ điều nhưng vẫn không một niệm nhằm mỗi, để làm gương cho chúng hội phấn khởi, để cho tập quán yếu hèn tiêu tan. Rồi lại việc Long Nữ thành Phật trong khoảnh khắc, để thấy lực dụng thù thắng của Pháp Hoa, làm chúng dứt kiến chấp xa gần mau chậm. Lòng phấn khởi không yếu hèn, quên bất gần xa, thời có thể an trụ nơi Phật đạo.

Chúng hội đương cơ đã được đủ nhơn đủ duyên như thế, còn chúng sanh sau khi đức Phật diệt độ thời thế nào mà được trụ nhứt thừa, do vấn đề sau đây nên có phẩm Trì này.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này là huệ mạng của chư Phật, là chánh nhơn Phật tánh của chúng sanh. Trong thời kỳ sau khi đức Phật diệt độ, người nhiều tệ ác, tội nặng, phước mỏng, chương sâu, huệ kém, khó có thể phụng trì được. Nếu không người phụng trì thời giống Phật phải dứt mất, đây là chỗ của đức Phật Thế Tôn thâm lo vậy. Các vị Bồ tát cũng thâm hiểu ý của Thế Tôn, mới cung kính an ủi xin Thế Tôn chớ lo, các ngài đều nguyện phụng trì kinh này ở đời vị lai, rộng bày diễn nói chẳng quản khổ nhọc, chẳng tiếc thân mạng.

Năm trăm vị đệ tử cùng hàng học vô học, tất cả chúng hội vừa được thọ ký, cũng lãnh hội ý đức Thế Tôn, nên đều nguyện rộng tuyên diễn ở tương lai, song lại nguyện truyền pháp ở các thế giới phương khác, vì người cõi nước Ta bà này phần nhiều tệ ác thượng mạn, các ngài tự lượng sức mình chẳng kham hóa độ được.

Các vị đại Tỳ kheo ni như Đại Ái Đạo, Liên Hoa Sắc v.v... từ giờ vẫn tự cho thân phụ nữ nhiều cầu chướng không dám vọng cầu Phật quả, hơn vừa rồi tận mắt thấy Long Nữ thành Phật, cũng nên tự tin rằng mình cũng có phần được làm Phật, mới khao khát trông mong đức Thế Tôn thọ ký, sau khi đã được thọ ký, liền phát nguyện tuyên truyền kinh *Pháp Hoa* ở tha phương thế giới, để tự tỏ bày tâm chí, không lui sụt trễ nải.

Bấy giờ đức Thế Tôn bèn ngó tám mươi ức na do tha chúng Bồ tát mà vẫn chẳng thốt lời. Chính ý đức Thế Tôn sợ rằng: chúng Thanh văn dẫu nguyện trì kinh mà chưa quen những công hạnh thiệp tục lợi sanh, pháp lực không đủ, e lại bị chướng nạn mà làm cho pháp duyên khó rộng, nên muốn nhờ các vị Bồ tát hộ trợ, các vị Bồ tát hội ý của đức Thế Tôn đồng phát nguyện trong thời kỳ Phật đã diệt độ, các ngài sẽ qua lại cùng khắp mười phương thế giới, dùng sức nhẫn nại giúp cho chúng sanh thọ trì kinh này, song không dám tự phụ sức mình, nên nói hộ trì được đó là nhờ thần lực của Như Lai.

Kinh nói: “Bấy giờ Dược Vương Bồ tát và Đại Nhạo Thuyết Bồ tát cùng hai vạn Bồ tát đều ở trước đức Phật thệ rằng: Cúi xin đức Thế Tôn chớ lấy thế làm lo, sau khi đức Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì đọc tụng diễn nói kinh này. Chúng sanh trong đời ác sau này căn lành càng ít, nhiều tầng thượng mạn, tham lợi cúng dường, thêm căn chẳng lành, xa lìa giải thoát, dầu khó giáo hóa được, chúng con sẽ khởi sức đại nhẫn đọc tụng kinh này, phụng trì, biên chép, các thứ cúng dường chẳng tiếc thân mạng...”

Lại có hàng học vô học tám nghìn người được thọ ký cũng phát thệ rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở cõi nước khác rộng diễn thuyết kinh này. Vì trong quốc độ Ta bà này người nhiều tánh tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, sân trọc đua dối, tâm không thiết vậy...

Na do tha chúng Bồ tát bạch Phật... Chúng con chẳng mến thân mạng, chỉ tiếc đạo vô thượng. Chúng con nơi đời sau hộ trì diệu Pháp của đức Phật phó chúc. Trong các tụ lạc, thành ấp, có người cầu đại pháp, chúng con là sứ thần của đức Phật, ở trong chúng con sợ sệt. Chúng con sẽ khéo nói pháp, mong đức Phật an lòng”.

14. AN LẠC HẠNH PHẨM

Nhơn vì vừa rồi hàng Thanh văn cùng chúng Bồ tát phát nguyện trì kinh, Thanh văn thời nguyện ở tha phương, Bồ tát thời nói dùng sức nhẫn nại để đương lại với những điều hoạn nạn khó khăn ở thời mạt thế, ý của ngài Văn Thù cho rằng: “Dầu dùng nhẫn lực để trì kinh cũng đã hay, song không bằng làm thế nào để cho khỏi có xảy ra những điều hoạn nạn khó khăn thời ôn hòa hơn, nên ngài bèn thừa thỉnh cùng đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn liền nói bốn hạnh an lạc, các vị pháp sư trì kinh *Pháp Hoa* ở đời ác sau, nếu có đủ bốn hạnh này thời có thể vì chúng sanh nói kinh *Pháp Hoa* khỏi các chướng nạn, thường thường được an vui.

Bốn hạnh an lạc là:

1. Hành xứ và thân cận xứ. Chỗ sở hành và chỗ thân cận của Bồ tát phải thường tương ưng với tánh giới, bề trong thời an trụ nơi đệ nhất nghĩa thật tướng, bề ngoài thời xa những mầm nạn những ác hạnh, tránh tất cả những điều cơ hiểm.

Tương ưng tánh giới; an trụ thật tướng thời tâm an, xa tránh ác hạnh, cơ hiểm, mầm nạn thời thân an, thân và tâm an thời vì chúng sanh nói kinh *Pháp Hoa* tất khỏi bị chướng ngại.

Cũng có vị Cổ đức cho rằng, hành xử cùng thân cận xử là thân nghiệp an lạc hạnh. Lấy ý mà suy thời cùng với nghĩa trên vẫn cũng tương đồng.

2. Ngừa lỗi nơi khẩu nghiệp và khéo nói pháp, làm cho mọi người đều hoan hỉ thời khỏi chướng nạn mà được an vui, chính là khẩu nghiệp an lạc hạnh vậy.

3. Dứt trừ những tánh đê hèn, như đua dối, ghét ganh v.v... tức là nơi tâm xa rời tất cả phiền não cấu trược, kính trọng người trên, không khinh kẻ dưới, được như thế thời không làm bức xúc tâm mọi người, khỏi những điều oán hận mà tự mình được an vui. Đây thuộc về ý nghiệp an lạc hạnh.

4. Bồ tát ở đời sau phải sanh lòng từ bi thế độ tất cả, như thế thời không xa bỏ chúng sanh thường nguyện giáo hóa, không sanh niệm mỗi một nhằm chán. Đây tức là thế nguyện an lạc hạnh vậy.

Đủ bốn hạnh trên đây thời là đủ sức thủ hộ giảng thuyết kinh *Pháp Hoa* ở đời ác trược vị lai, khỏi chướng nạn, được an ổn vui vẻ.

Bốn hạnh này là phép tắc của đức Thế Tôn truyền dạy để giữ gìn gia nghiệp vĩ đại của đấng cứu thế, tất cả luật hạnh oai nghi đều gồm nhiếp trong 4 hạnh này, người xuất gia trong đời mạt pháp, nếu có thể giữ hạnh này hoàn toàn, thời có thể gọi là chẳng phụ ân sâu của Đức Thế Tôn vậy.

15. TÙNG ĐỊA DỨNG XUẤT

Trong phẩm này đại ý là để hiểu rõ tự tâm khi phát ngộ, thời hằng sa tánh đức hiện tiền, mới cùng tột đến chỗ cực diệu trì kinh *Pháp Hoa* vậy.

Dầu rằng đã có rất nhiều Thanh Văn cùng Bồ tát phát nguyện trì kinh, nhưng Thanh Văn tự lượng sức không đủ,

chẳng kham ở Ta bà mà nguyện truyền diệu pháp ở tha phương, các vị Bồ tát đầu đông nhưng vẫn hữu hạn. Thế giới vô biên, chúng sanh vô tận, kinh *Pháp Hoa* lại khó trì thứ nhất, như trong phẩm *Hiện Bửu Tháp* nói: “Nếu có người để cõi đại địa trên móng chơn mà bay lên cõi Phạm Thiên cũng chưa lấy làm khó, đây là rất khó... nếu có người trì tám muôn bốn nghìn pháp tạng, mười hai bộ kinh vì người diễn nói, làm cho những người nghe pháp đều đặn sáu món thần thông nhận đến chứng A la hán cũng chưa lấy làm khó. Sau khi Phật diệt độ, nếu có người phụng trì kinh điển như thế này thời rất khó...”.

Xứ rộng vô biên, người đông vô lượng, pháp lại khó trì thứ nhất, mà người hoằng pháp có số hạn thời thật là khó nổi hoàn toàn, tất phải có một số đại Bồ tát vô lượng vô hạn, công việc trì kinh mới được trọn vẹn, mà đức Thế Tôn mới thật an lòng. Vì cố này nên các vị Bồ tát ở hạ phương đúng thời dũng xuất để ứng tâm của đức Thế Tôn.

Đức Phật trước khước từ lời nguyện hộ trì kinh nơi cõi Ta bà của tám hằng hà sa Bồ tát ở tha phương, chính để hiển rõ ý từ ngoài đến không quý bằng tự nhà có sẵn. Cho nên đức Phật nói: “Cõi Ta bà của ta tự có sáu vạn hằng hà sa chúng đại Bồ tát, mỗi vị Bồ tát đó đều có sáu vạn hằng hà sa quyến thuộc, những người đó có thể lúc sau khi ta diệt độ, kham hộ trì đọc tụng giảng nói kinh này...” Ứng theo lời Đức Phật đại địa rung nứt, vô lượng nghìn muôn ức Bồ tát từ dưới đất vọt lên, đến tháp báu lễ Phật...”.

Đến đây thời kiến chấp sanh diệt dứt, lâu mau đồng thời, cho nên năm mươi tiểu kiếp mà cho như trong khoảng bữa ăn. Do vì xứng tánh đức mà thành hạnh, nên bốn vị thượng thủ trong vô lượng Bồ tát đều dùng chữ “Hạnh” đặt tên, chính là ý dùng tánh đức thành hạnh này trì kinh, mới đúng với bốn hoài của Phật.

Tánh đức hiện tiền trọn chẳng phải là tâm thức có thể lường biết được, cho nên ngài Di Lặc Bồ tát cùng tám hằng hà sa Bồ tát đều sanh lòng nghi. Nhẫn đến không biết đặng một người; các vị Thị Giả của mười phương chư Phật cũng đồng thưa hỏi.

Đây không phải là duyên sự nhỏ, không phải là dễ tin cho nên đức Phật trân trọng răn gắng, bảo trước khi nghe lời đức Phật tuyên bày, phải mặc giáp tinh tấn, phát ý kiên cố, mới khỏi sanh lòng nghi sợ.

Đức Như Lai nói: “Nay đức Như Lai muốn hiển phát tuyên thị trí huệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phần tấn của chư Phật, sức oai mãnh đại thể của chư Phật”. Tất cả công đức quảng đại thâm diệu của chư Phật đều gồm đủ trong những lời sẽ nói của đức Như Lai há lại là việc nhỏ thay! Xét đây thì thấy rằng ý chỉ trong đoạn văn của đức Phật sắp tuyên bày rất sâu, không thể dùng tri kiến thông thường mà đến được, mà đúng thật như thế, nên lúc đức Phật nói các đại chúng Bồ tát từ đất vọt lên đó, đều là từ khi đức Như Lai thành đạo giáo hóa khiến cho đó phát tâm, thời ngài Di Lặc và chúng hội đều sanh lòng nghi. Bởi vì chính mắt các ngài thấy đức Như Lai từ khi thành đạo đến nay mới trải qua hơn 40 năm. Những người được đức Phật giáo hóa đều đủ mặt tại hội Linh Sơn.

Còn đại chúng Bồ tát đó, chúng hội không biết mặt được một người, huống nữa là đại chúng Bồ tát đó đều đã nhiều đời nhiều kiếp vun trồng cội đức căn lành mới đặng đầy đủ thần thông đạo hạnh như thế, đức Như Lai mới thành đạo đây, sau lại nói các vị đó ban đầu do đức Phật giáo hóa mà phát tâm. Vì vậy nên các ngài nói dụ “cha trẻ con già” thuật lòng nghi ngờ của mình, để cầu đức Như Lai giải quyết, chẳng những để quyết nghi cho chúng sanh ở đời vị lai. Phẩm kể đức Như Lai tự nói thọ lượng để quyết nghi vậy.

16. NHƯ LAI THỌ LƯỢNG PHẨM

Do vì vừa rồi ngài Di Lặc cùng chúng hội nghi việc đức Thế Tôn mới thành Phật trong thời gian ngắn, mà thế nào giáo hóa thành tựu được vô lượng đại Bồ tát từ nhiều kiếp huân tu công đức, cho nên đức Thế Tôn tự nói thọ lượng của Phật. Vì vậy cơ duyên giáo hóa, đức Như Lai dùng sức bí mật thần thông hiện thân ra nơi đời, tất cả chúng sanh đều cho rằng: “Nay đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh nơi cung vua dòng họ Thích, ngồi nơi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Đây là chúng sanh chỉ biết một phần tích môn quyền hiện của đức Thế Tôn. Nhưng kỳ thật về bốn môn chơn thật, thời từ khi đức Thế Tôn thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp.

Đức Thế Tôn hiển bày tự bốn và tích để phá kiến chấp sanh diệt của hàng nhị thừa, để hiển pháp thân thường trú, tùy cơ duyên khắp ứng để giáo hóa, hoặc ẩn hoặc hiện đều vô ngại. Đủ thấy trí huệ của Như Lai phương tiện độ sanh rất sâu vô lượng, khó hiểu, khó vào.

Người ngộ đạo tu hành, nếu chẳng đạt pháp thân thời trọn chẳng phải chơn ngộ, đều còn thuộc về tri kiến chúng sanh, chớ chưa phải Phật tri kiến.

Phẩm Hiện Bửu Tháp ở trước, mượn đức Đa Bửu Như Lai để hiển bày pháp thân chơn cảnh, mà trong chúng hội chỉ tin Đa Bửu mà chưa tin Thích Ca đồng là một thân một sức trí huệ; mặc dầu từ khi tháp báu hiện ra đến đây, hai đức Như Lai đồng ngồi chung một tòa sư tử trong tháp. Bởi hàng Thanh Văn cố chấp sanh diệt pháp, tập quán quá sâu, chỉ nhận đức Phật nói pháp bắt đầu từ vườn Lộc nơi thành Ba La Nại đó là chơn thật Thích Ca Mâu Ni Như Lai thôi, chẳng còn lại biết chơn Phật bốn thật. Lại nghe đức Như Lai nói sắp sẽ diệt độ,

thời càng tăng trưởng kiến giải sanh diệt. Dầu đã được thọ ký, nhưng chỉ mới tin lời của đức Như Lai chớ chưa thấy được tâm của đức Như Lai, chưa thấy Phật tâm thời thật khó thành tựu Phật quả vậy, vì còn chưa phải chơn ngộ thời chỗ tu hành cũng chẳng phải chơn tu, ngộ cùng tu không phải chơn làm thế nào kết chơn quả được. Cứ đây mà suy, thời thấy rằng từ trước, những phương pháp khai thị của đức Thế Tôn thi thiết đó đều thuộc về tùy cơ phương tiện, dầu cũng có lúc ám chỉ chơn thường cùng thác sự hiển thật tướng, song chưa lộ bày rõ rệt, đến phẩm Thọ Lượng này thời thật là đức Thế Tôn trải hết bốn tâm bày hết thần lực, chỉ rõ toàn thể pháp thân mà nói thọ lượng vô lượng.

Pháp thân chơn thường là chỗ mà tất cả chúng sanh khó hiểu khó vào, mặc dù Phật có hết cách trải bày, nên trước khi tuyên nói, đức Như Lai ba phen đĩnh ninh dặn bảo đại chúng nên gắng tin lời nói chắc thật của đức Như Lai, rồi lại chờ chúng hội ba phen cần cầu thưa thỉnh, lòng khát ngưỡng đã thiết, rồi sau đức Như Lai mới nói. Vì nếu trong lòng chưa quyết chắc lời Phật thời tình thức phân biệt dễ sanh, mà tình thức phân biệt là bức trường thành ngăn cách Pháp thân, là con đường đi ngược hướng của thật tướng. Và cũng vì Pháp thân của Như Lai thường trú, hiện diệt độ mà không thiết diệt độ khó hiểu khó vào, nên tiếp đó đức Như Lai nói dụ: “Thầy thuốc” vì chữa bệnh cho các con mà phương tiện nói chết, kỳ thật thời vẫn còn.

Ngộ được Pháp thân chơn thường này thời mới là chơn ngộ, chơn ngộ mà tu thời tu là chơn tu là chơn nhơn, dùng chơn nhơn mới kết thành chơn quả được.

Đến phẩm đây thời đức Như Lai hiển lý đã viên mãn, mà cũng là đã tỏ lộ hết cả bốn loài vậy.

Kinh nói: “Tất cả người, trời, a tu la trong đời đều nói đức Thích Ca Mâu Ni Phật, sanh trong cung vua dòng họ Thích,

ngồi nơi đạo tràng cách thành Già Da không bao xa mà chúng thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhưng thiết thời từ Ta thành Phật đến nay, đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na do tha kiếp... Ta tùy theo chúng sanh, nên dùng pháp gì để được độ, nơi nơi nói danh tự không đồng, niên kỷ lớn nhỏ, cũng lại hiện nói sẽ vào Niết bàn... Vì muốn cho chúng sanh sanh các căn lành nên dùng ngàn ấy như duyên thí dụ ngôn từ nhiều cách nói pháp, chỗ làm Phật sự chưa từng tạm bỏ. Ta thành Phật đến nay rất là lâu xa như thế, thọ mạng vô lượng vô số kiếp thường trú bất diệt... Nhưng nay chẳng phải thiết diệt độ mà bèn xưng rằng sẽ diệt độ, đức Như Lai dùng phương tiện đó để giáo hóa chúng sanh... Vì nếu đức Phật ở lâu trong đời, những chúng sanh hạ tiện thấy đức Như Lai thường còn không diệt bèn sanh lòng kiêu tú biếng trễ... Nay nghe đức Phật nhập diệt, tất sẽ sanh ý tưởng khó gặp gỡ, ôm lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật bèn vun trồng căn lành, cho nên Đức Như Lai dầu thiết chẳng diệt độ mà nói diệt độ... Như thầy thuốc chước khéo vì để trị cuồng tử, thiết còn mà nói chết... Ta thường tự nghĩ rằng: lấy vì cho chúng sanh đặng vào đạo Vô thượng mau thành tựu thân Phật”.

17. PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC PHÂM

Do nghe đức Phật nói thọ mạng dài xa, đã ngộ pháp thân thường trú, cùng trước thấy ba phen biến cảnh tịnh độ, đã rõ ba cõi duy tâm sở hiện, đây bèn là dùng chơn tín giải để làm chơn nhơn, có thể khế hiệp chơn quả thường trú của Như Lai, dùng đây trì kinh mới đặng diệu lợi. Bởi pháp thân vẫn thường trú ở thế gian, cảnh tịnh độ không rời cõi trước nên đức Thế Tôn khuyên gắng trong chúng hội: nếu có người quán được như thế, phải biết đó là tướng thâm tín giải. Thâm tín giải là tin và hiểu pháp thân thường trú duy tâm chơn cảnh. Thân và

cảnh đây rất sâu rất diệu, tin hiểu được thời công đức vô lượng vô biên nên sau khi đức Phật nói thọ lượng rồi, tuyên nói đó đến vi trần số Bồ tát đắc pháp lợi, để chứng thành công đức diệu ngộ Pháp thân thường trú. Diệu ngộ đã cùng tột, thời mới thật là chơn trì kinh.

Do đây nên biết rằng: chơn trì kinh chính tại diệu ngộ, chẳng phải chỉ một mặt thế gian văn tự, cho nên đức Như Lai phân biệt công đức trì kinh bất khả tư nghì siêu việt tất cả hữu vi công đức vậy.

18. TÙY HỈ CÔNG ĐỨC PHẨM

Dầu rằng vừa rồi đức Thế Tôn phân biệt công đức của người trì kinh đã là thù thắng vô lượng, nhưng còn muốn cho rõ thêm công đức lợi ích bất khả tư nghì, nên trong phẩm này lấy công đức một niệm tùy hỉ của người lần lượt nghe pháp thứ năm mươi, còn gấp bội hơn phước đức của nhà đại thí chủ trải tám mươi năm đem thất bảo và đồ tư sanh, bố thí cho tất cả bốn loài chúng sanh trong bốn trăm muôn ức vô số thế giới, cùng giáo hóa cho cả thầy đều chứng tứ thánh quả. Huống là công đức của người ban đầu nghe pháp mà sanh tâm tùy hỉ, có thể nào nghĩ hay bàn đến đặng.

Đại khái trong phẩm đây cùng cùng tột hiển bày sự lợi ích rộng lớn thù thắng của kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* này, chú ý để làm cho tâm nguyện của hàng nhị thừa và sơ tâm Bồ tát được bền vững chắc chắn vậy.

19. PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC PHẨM

Trước đã rộng khen công đức trì kinh, nay trong phẩm này nói vị pháp sư trì kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* liên đặng sáu căn thanh tịnh, để chỉ rõ sự lợi ích thù thắng của *Pháp Hoa tam muội*, chính đương hiện tiền lên bực bất thối, để phát khởi lòng tinh tấn không nhàm mỏi cho đương hội và vị lai.

Về phẩm *Pháp Sư* trước trong phần khai Phật tri kiến, chỉ nói nhiệm vụ của năm cách trì kinh *Pháp Hoa*. Đến phẩm này mới chánh chỉ rõ công đức trì kinh của pháp sư được diệu đức thù thắng tại hiện tiền. Bởi chúng tử Phật tánh cần phải nhờ duyên huân mới sanh trưởng phát hiện, Phật tánh sanh phát thời huệ mạng chẳng dứt. Huân trưởng nhờ nơi pháp sư nên công đức rất là thù thắng vô lượng.

Nhưng kinh nói: “Nếu có người thiện nam thiện nữ thọ trì kinh *Pháp Hoa* này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người đó sẽ đặng tám trăm nghìn công đức, một nghìn hai trăm nghìn công đức, tám trăm tỉ công đức, một nghìn hai trăm triệu công đức, tám trăm thân công đức và một nghìn hai trăm ý công đức.

Mắt thường của người đó thanh tịnh thấy suốt cả vật sắc trong tam thiên đại thiên thế giới; lưỡi thường của người đó thanh tịnh nói thông vô lượng pháp; thân thường của người đó thanh tịnh ảnh hiện cả vạn vật trong đại thiên thế giới; tâm ý của người ấy thanh tịnh rõ biết vô lượng pháp, thông đạt vô lượng nghĩa, biết tất cả tâm niệm của mọi loài, kham lãnh thọ tất cả pháp của tất cả Đức Phật....”.

20. THƯỜNG BÁT KHINH BỒ TÁT PHẨM

Từ trước, trong nhiều phẩm nói công đức trì kinh rất thù thắng, đến đây Đức Phật chỉ rõ công hạnh trì kinh bền vững như thế nào, kết quả như thế nào, nên Đức Phật tự thuật tiền thân của Đức Phật để chứng thật.

Đức Phật tự nói thuở quá khứ lâu xa vô lượng kiếp về trước, trong thời tượng pháp của Phật Oai Âm Vương, Đức Phật là một vị Bồ tát tên Thường Bát Khinh, trì kinh *Pháp Hoa* này chỉ chuyên đem Phật huệ bình đẳng giáo hóa chúng sanh. Nhẫn đến nhiều phen bị hủy nhục, nào bị mắng nhiếc, nào bị đánh đập v.v... mà vẫn tuyệt nhiên không hề móng

một niệm chán nản, cũng không chút giận hờn cũng không biết mỗi nhọc.

Do đức nhẫn nại trì kinh kiên cố như thế mà hiện thân trong đời đó được sáu căn thanh tịnh, biện tài vô ngại, thần thông quảng đại, tuổi thọ thêm dài, vì mọi người mà nói kinh *Pháp Hoa*, những người trước kia khinh hủy Bồ tát, lúc thấy Bồ tát được đạo lực thần thông như thế đều trở lại kính tin. Nhờ công hạnh trì kinh *Pháp Hoa* thuở xưa như thế nên hiện ngày nay mới đặng thành Phật.

Công hạnh trì kinh *Pháp Hoa* kết thành diệu quả rộng lớn hiện thật của Đức Phật, đủ để khuyến tấn hàng nhị thừa cùng sơ tâm Bồ tát nếu tuân theo qui phạm đó mà trì kinh *Pháp Hoa* trong thời mạt thế sau này, thời dầu có gặp muôn nghìn nghịch duyên chướng ngại, cũng có thể không nhàm không nản, mà tâm chí không bị thối đọa.

Kinh nói: “...Bất Khinh Bồ Tát qua đến chỗ của tứ chúng cố chấp nơi pháp kia mà bảo đó rằng: “Ta chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài hành đạo đều sẽ đặng thành Phật”. Những người đó nghe Bồ tát nói thế, bèn khinh hủy mắng nhiếc. Bất Khinh Bồ tát hay nhẫn thọ. Khi tội Bồ tát hết rồi, đến lúc mạng chung đặng nghe kinh này, sáu căn thanh tịnh, do sức thần thông thêm dài thọ mạng, lại vì mọi người mà rộng nói kinh này... Vì diễn nói kinh này đặng vô lượng phước, lần lần đủ công đức mau thành Phật đạo. Bất Khinh Bồ tát thuở đó thời chính thân ta...”.

Ức ức muôn kiếp đến bất khả nghị lâu mới đặng nghe kinh *Pháp Hoa* này. Ức ức muôn kiếp đến bất khả nghị, các Phật Thế Tôn mới nói kinh này, đời đời gặp Phật, mau thành Phật đạo.

Từ phẩm *Đề Bà Đạt Đa* đến đây đều lo những việc về sự tỏ ngộ trì kinh, nay tuân theo công hạnh của đức Phật vậy sau mới là trì kinh được tinh thuần vậy.

21. NHƯ LAI THẦN LỰC PHẨM

Từ trước đức Thế Tôn rộng nói công đức trì kinh lại thuật công hạnh trì kinh của Phật, đây thời đương cơ pháp hội chỗ viên ngộ đã cùng tột, bốn nguyện xuất thế của đức Thế Tôn đã thỏa mãn. Kế lại vô lượng chúng Bồ tát từ đất vọt lên phát thệ trì kinh. Chúng hội hiện tiền đã viên ngộ, quần sanh ở vị lai, cũng sẽ được bảo vệ vững vàng, cho nên đức Như Lai vui lòng bèn tận hiện thần lực mà ẩn chúng, và cũng chỉ pháp giới bình đẳng cho đương cơ, làm cho chúng hội, hiện tiền thấy Phật cảnh, đương hạ nhận Tịnh độ, để hiện bày sự lợi ích của diệu pháp đã trọn vẹn, Đức Thế Tôn sắp sẽ đem gia nghiệp của Pháp vương mà phó chúc vậy.

Chúng Bồ tát từ đất vọt lên phát thệ làm duyên khai phát đó, chính để chỉ rằng, tánh đức nơi tự tâm đầy đủ mới thật là toàn thể của Pháp Hoa.

Đức Như Lai liền hiện sức thần thông khắp thân tất cả chân lông đều phóng ánh sáng soi khắp mười phương thế giới, lưỡi rộng dài đến trời Phạm Thế, tiếng vang khắp mười phương, cõi đất sáu diệu vang động. Đó là toàn thân thổ lộ, triệt để khích dương vậy. Đương hội chư Phật, tất cả cũng đều phóng ánh sáng hiện tướng lưỡi rộng dài, tiếng vang khắp mười phương đó là hiểu rõ nghĩa “Phật Phật đạo đồng” vậy.

Thập phương chúng sanh đều ở tại cõi mình mà đồng thấy cõi Ta bà, thấy bảo tháp, thấy các đức Như Lai, thấy chúng hội v.v..., đó chỉ rằng: hễ tình mê cố chấp thời tri kiến chỉ hạn cuộc trong gang tấc, nay nhờ thần lực của Đức Phật tình chấp tạm thông nên chỗ thấy triệt thấu.

Thập phương xướng truyền đức Phật, cùng kinh *Pháp Hoa*, chúng sanh mười phương cũng đồng quy kính, đó là hiểu nghĩa: Phật, tâm và chúng sanh cùng tương ưng, tất cả mọi loài đồng đủ tự tánh Phật tri kiến vậy.

Mười phương thế giới thông đạt không ngại như một cõi Phật, chính là soi rỗng pháp thân chơn cảnh để tiêu tâm hẹp hòi hữu hạn của sơ tâm cùng nhị thừa vậy.

Thần lực của đức Phật quảng đại tự tại như thế, mà đức Như Lai còn nói rằng: “Dầu ta có dùng thần lực trải qua vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số kiếp cũng không hề nói hết công đức của kinh Pháp Hoa này, đó chính bởi vì kinh này gồm nhiếp tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai cùng tất cả sự vụ của Như Lai”.

Cũng vì thế nên ý nghĩa của kinh này rất rộng sâu vi diệu, vì rộng sâu vi diệu nên khó tin hiểu, vì khó tin khó hiểu nên từ lâu đức Như Lai vẫn không tuyên nói, đến nay thời cơ đã phải lúc nên đức Như Lai mới hiển bày.

Vì ý nghĩa của kinh rộng sâu vô hạn, nên người tin hiểu tỏ ngộ phụng trì diệu pháp này thời công đức cũng rộng sâu vô hạn chẳng thể nghĩ bàn được.

Kinh nói: “Chư Phật trụ nơi đại thần thông, vì để vui đẹp lòng chúng mà hiện vô lượng thần lực; tướng lưỡi đến Phạm thiên, thân phóng vô số quang minh... Tiếng tăng hắng cùng tiếng khảy móng tay của Phật vang khắp cả mười phương, cõi đất sáu diệu vang động. Bởi sau khi đức Phật diệt độ, các Bồ tát trì được kinh này, nên các đức Phật đều vui mừng hiện vô lượng thần lực...”

Sau khi đức Như Lai diệt độ, phạm chỗ nào có người thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép kinh này, đều nên dựng tháp cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là đạo tràng, các đức Phật ở nơi đây chuyển pháp luân, các đức Phật ở nơi đây nhập Niết bàn”.

22. CHỨC LUY PHẨM

Đức Phật từ trước đã nhiều phen khai thị hiển lý đã viên mãn, chúng hội ngộ tự bản tâm đã thấu đáo, lòng tin giải đã

chơn, như thế thời chơn nhơn thành Phật đã đầy đủ. Vô lượng đại Bồ tát thệ quyết dốc lòng trì kinh ở vị lai, đức Như Lai đã hiện đại thần thông ẩn chứng để cho tâm chí kia vững chắc. Đến đây, đức Như Lai đem kinh này hai ba phen đình ninh thân trọng phó thác dặn dò các đại Bồ tát gắng gỏi hộ trì ở tương lai để cho Phật chủng khỏi tồn dứt. Nếu có thể hộ pháp lợi sanh thời là báo ơn các đức Phật.

Kinh nói: “Bấy giờ đức Phật từ pháp tòa đứng dậy hiện đại thần lực, lấy tay hữu xoa đánh của vô lượng đại Bồ tát mà bảo rằng: Ta trải qua vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp, tu tập pháp vô thượng khó đặng này nay đem phó chúc cho các ông, các ông phải dốc lòng thọ trì, đọc tụng, tuyên nói rộng truyền pháp này làm cho tất cả chúng sanh đều đặng nghe biết...”

Các ông nếu đặng như vậy thời là đã báo ơn các đức Phật...”

Từ phẩm Chúc lụy này về trước gồm có 11 phẩm thuộc về phần “ngộ Phật tri kiến”. Sau khi nhờ đức Như Lai chỉ thị Pháp thân chơn cảnh trong phần “thị Phật tri kiến” mà đặng tỏ ngộ, lần đến phẩm Dũng Xuất, “Thọ Lượng” chỗ tỏ ngộ mới chơn, đến phẩm “Thần Lực” chỗ tỏ ngộ được viên cực, mà phẩm “Chúc Lụy” là ngộ trì hoàn mãn vậy. Ngộ Phật tri kiến tức là ngộ tự pháp thân, tự pháp thân chính là thể tánh bình đẳng, chúng sanh và Phật vẫn đồng, mình người không khác.

Mình người đã đồng không khác, thời người tức là mình, do đây mà có sự trì kinh ở vị lai. Trì từ nơi ngộ mà khởi, nên toàn trong phần “ngộ Phật tri kiến” này phần nhiều nói về việc trì kinh. Tự ngộ chính là tự trì, ngộ tha tức là tha trì. Trì từ ngộ khởi thời trì mới tinh, ngộ có trì ngộ mới diệu. Như thế thời tự độ độ tha, độ tha chính là tự độ, đó là chơn thật Bồ tát hạnh vậy.

Gồm cả ba phần: Khai, thị, ngộ, 22 phẩm thuộc về phần “tín, giải” trong “tín, giải, hạnh, chứng” đều là hiển lý nên thuộc về “nhơn” trong “nhơn quả”.

*

E. PHẦN NHẬP PHẬT TRI KIẾN

23. DƯỢC VƯƠNG BỒN SỰ PHẨM

Từ trước hiền lý đã viên, nay sẽ hiện hạnh để chỉ rõ “chứng nhập Phật tri kiến” vậy.

Trong phẩm này nói bồn sự của ngài Dược Vương để hiển hạnh, chính là chủ ý rằng dầu đã ngộ viên lý, nhưng vào tục lợi (sinh), ắt cần nhờ (thuốc hay) chỉ quán, phương (pháp) điều trị để trị sạch vô minh phiền não phá ngã chấp và pháp chấp, thành diệu hạnh, mới có thể thật chứng nhập vậy.

Tú Vương Hoa trước đem việc khổ hạnh của ngài Dược Vương hỏi đức Phật, để chỉ rõ rằng: chánh hạnh của Bồ tát phải trừ phiền não vô minh, mà muốn trừ phiền não vô minh phải dứt ngã chấp và pháp chấp, muốn trừ hai món chấp ấy phải nhờ định huệ, muốn có định huệ phải gắng công nơi chỉ quán. Chỉ quán viên thành, định huệ viên phát không gì thù thắng bằng nương kinh *Pháp Hoa*.

Ngài Hỷ Kiến Bồ tát, tiền thân của Dược Vương như nghe kinh *Pháp Hoa*, cần khổ tinh hành mà đặng Hiện nhất thiết sắc thân tam muội, phá ngã và pháp hai món chấp, do đâu mà biết hai chấp phá, vì dùng thần lực cúng dường đức Phật vậy. Do phá pháp chấp nên đối với pháp được tự tại mà có thể hiện ra các thứ đồ cúng dường thù thắng. Ngã tùy pháp sanh, pháp chấp phá thời ngã chấp cũng tùy phá. Thiêu thân cúng Phật là biểu tượng phá pháp chấp. Hai môn chấp đặng phá đó là nhờ diệu lực của kinh *Pháp Hoa*, để chỉ rõ sự lợi ích của kinh rất thù thắng. Phạm người nào chuyên tinh tu hành theo, không một ai chẳng đặng thắng quả vậy.

Ngã và pháp đều có phân biệt chấp cùng câu sanh chấp. Ban đầu phá hai món phân biệt chấp thời lên Sơ địa, rốt sau phá hai món câu sanh chấp cứu cánh thời lên Phật địa.

Phá xong hai món chấp phân biệt bèn là diệu hạnh bước lên thánh địa Bồ tát, đến phẩm Dược Vương này mới rõ ràng nghĩa đó. Thập địa Bồ tát là bực phần phá hai món chấp câu sanh, phần thân chứng Pháp thân, vì thế nên phán định từ phẩm này về sau thuộc về “nhập Phật tri kiến” vậy.

Trong *Lăng Già* kinh nói: Bồ tát dùng sức chỉ quán tấn phá hai món chướng, thiết chứng chơn lý. Bắt đầu từ Sơ địa đến đệ Thất địa liền bỏ tàng thức vào đệ Bát địa nhằm đi chứng đặng ba môn ý sanh thân:

1. Tam muội nhạo ý sanh thân.
2. Giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân.
3. Chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân.

Trong phẩm này nói rõ ngài Hi Kiến Bồ tát mới bắt đầu đặng Hiện nhứt thiết sắc thân tam muội, thời chính là đệ Bát địa Bồ tát đặng món Tam muội nhạo ý sanh thân. Bởi môn ý sanh thân này là lúc nhập định thời có, lúc xuất định thời không nên gọi là Tam muội nhạo.

Hai phẩm kế là *Diệu Âm* cùng *Quan Âm* theo thứ tự phối thuộc hai món ý sanh thân thứ hai và thứ ba.

Được ba món ý sanh thân này thời là chứng nghiệm thật chứng vậy.

24. DIỆU ÂM BỒ TÁT PHẨM

Trong phẩm này, đại ý chỉ rõ do diệu lực của Pháp Hoa tam muội mà thiết lên đệ Bát địa, đệ Bát địa đã chứng Bình đẳng chơn như, tấn lên đệ Cửu địa phát Chơn như dụng, sắc tâm tự tại đặng Như huyền tam muội, trụ Pháp sư vị, nhằm đến Đẳng giác, phân thân thuyết pháp khắp mười phương để độ sanh, nên gọi Diệu Âm.

Từ nhục kế cùng bạch hào của đức Như Lai đồng phóng quang minh, nhục kế là danh tướng biểu quả giác, bạch hào

biểu trung đạo nhơn tâm, hai tướng đồng ánh sáng để biểu lộ nhơn cùng quả khế hội.

Cõi nước tên Tịnh Quang là biểu thức tạng thanh tịnh, còn Phật hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí là biểu trí hải thanh tịnh khế hội thanh tịnh khế hội quả giác.

Diệu Âm Bồ tát diệu khế Phật tâm cho nên nhơn cúng dường Phật mà đặng vô lượng môn tam muội.

Đem quả hội nhơn, nên quang minh của đức Thích Ca Mâu Ni Phật suốt chiếu thân Bồ tát. Từ thể khởi dụng nên nguyện qua Ta bà, đem nhơn hội quả nên Bồ tát muốn qua ra mắt Phật.

Thật hành Phật sự, chính là dùng vô tác diệu lực nên chẳng rời những hoa sen báu hiện ra trước núi Kỳ Xà Quật.

Diệu Âm cùng tám muôn bốn nghìn Bồ tát đồng qua Ta bà, đó chính là Bồ tát trụ trong địa vị này, trí thanh tịnh đã diệu viên, chuyển tám muôn bốn nghìn trần lao làm thành tám muôn bốn nghìn diệu hạnh.

Đem nhơn hiệp quả nên đánh lễ hỏi han đức Thế Tôn, diệu khế pháp thân nên cùng Phật Đa Bảo ra mắt nhau.

Toàn kinh *Pháp Hoa* này dùng chánh trí để lập thể, nên trong *Tự phẩm*, tổng tướng pháp giới vừa hiện, thời Ngài Văn Thù phát biểu, đó là lấy quả giác làm bản nhơn tâm; nay đã chứng chơn thi giác nhơn hiệp nơi bốn giác quả, cho nên Diệu Âm cũng ra mắt Văn Thù. Diệu nhơn diệu quả khế hiệp liền có thể hiện thân trong mười phương để nói pháp. Tùy loại hiện thân ấy chính là môn Giác Pháp tự tánh tánh ý sanh thân vậy.

Tùy loại hiện thân trong đây cùng với ứng thân của đức Quán Thế Âm khác hẳn nhau, vì đây còn là tác ý xuất nhập tam muội cho nên có qua có lại, còn về Quán Âm thời là phổ môn thị hiện không khứ lai, không xuất nhập vậy.

25. QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Do Pháp Hoa tam muội mà thí giác như viên, diệu khế bốn giác quả hải, hiện thập giới thân, không tư niệm, không tác ý mà không chỗ nào không ứng, đây là Thánh chủng loại thân đồng thời đều hiện, là biểu tượng của Chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân vậy.

Bởi diệt căn bốn vô minh, đại viên cảnh trí bình đẳng hiển hiện cho nên nói rằng: Phổ môn thị hiện.

Do ngài Quán Âm Đại sĩ khi ban sơ dùng như huyễn văn huân, văn tu kim cương tam muội, nên sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, bỗng nhiên siêu việt thế xuất thế gian, liền đứng trên cùng mười phương chư Phật đồng một sức từ dưới cùng lục đạo chúng sanh đồng một bi ngưỡng. Dùng một thân khắp ứng tất cả, hiện ba mươi hai tướng, mười bốn vô úy, mười chín loại thuyết pháp, tám món nạn, hai điều cầu thấy đều cảm ứng. Đây là diệu hạnh viên mãn. Sự thành công của Pháp Hoa tam muội diệu cực nơi đây, dùng ba món ý sanh thân chứng hạnh thành đức vậy.

Dầu rằng đến đây, diệu hạnh đã viên, mà còn lo chướng tập của người tu hành đời vị lai khó điều khó phục, nên kế tiếp sau đây nói ba môn gia trì bèn chắc chắn khắc thành diệu quả, cho nên đến ba phẩm kế thời chung kết pháp hội vậy.

26. ĐÀ LA NI PHẨM

Dầu trước đã hiển diệu hạnh, y diệu hạnh, sẽ thành diệu quả, ngặt vì tạng thức kín sâu, nhiễm huân đã nhiều kiếp, tập khí tiềm phục nhiều đời, nếu không nhờ sức gia trì để gia hộ chỉ quán, chống vững định huệ, thời khó trừ tận tuyệt, vì thế nên phẩm này cùng hai phẩm kế để hiển biểu tượng của ba môn gia trì.

Ba môn gia trì là:

1. Thần lực gia trì
2. Pháp lực gia trì
3. Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì

Thần lực gia trì chính là phẩm này:

Bởi vì thức tạng là hang vực của hai loại sanh tử rất sâu rất kín. Tập khí tiềm phục trong đó, sức chỉ cùng quán khó có thể vào đến, vào còn không đến được thời thể nào dứt trừ được, dứt trừ không được thời bị nó làm tổn. Do đó nên cần phải nhờ sức tổng trì thần chú để công phạt tập khí, vì tổng trì là tâm ấn bí mật của chư Phật vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu người tu hành tập khí chưa trừ, nên phải chuyên lòng tụng thần chú của ta”.

Kinh Lăng Già nói: “Nếu không dùng thần lực kiến lập đó thời đọa vào vọng tưởng ác tri kiến ngoại đạo...”

Cho nên từ đệ Thất địa trở lại mà không gia trì thời lạc ngoại đạo; đệ Bát địa không gia trì thời trụ nhị thừa; đệ Cửu địa đến Đẳng giác không gia trì thời không thể nhập Diệu giác. Cho nên cần phải gia trì vậy.

27. DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ PHẨM

Phẩm này đại ý hiển bày biểu tượng chuyển thức thành trí để chỉ rõ môn pháp lực gia trì vậy.

Diệu Trang Nghiêm Vương là biểu tượng Như Lai Tạng tại triền, mà toàn thể thành đệ bát thức tâm vương.

Tịnh Tạng cùng Tịnh Nhãn là biểu tượng đệ lục và đệ thất hai thức có công lực chuyển nhiễm làm cho tịnh.

Tịnh Đức phu nhơn nhu thuận nội trợ, làm biểu tượng chỉ quán nội huân, trị sạch vô minh nên gọi Tịnh Đức.

Hai người con xin xuất gia trước, đó là đệ lục cùng đệ thất hai thức trong khi tu nhơn đã trước chuyển thành trí.

Hai người con chuyển tâm tà của Phụ vương, làm cho Phụ vương rồi cũng đồng xuất gia, chính là hiển biểu tượng bốn giác xuất trần vậy.

Sức chỉ cùng quán trong đây, là Pháp thân Bồ tát đặng vô phân biệt tâm, tương ứng với trí dụng của chư Phật, nương pháp lực tự nhiên tu hành, chơn như nội huân diệt vô minh cho nên gọi là pháp lực gia trì vậy.

28. PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT PHẨM

Trong phẩm này đại khái chỉ rõ “hạnh” thành “đức”, chính là môn Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì vậy.

Kinh Pháp Hoa này dùng chánh trí lập thể, cho nên đầu tiên ngài Văn Thù phát thí, để chỉ nghĩa khai thị Phật tri kiến. Mà kinh này lại dùng “hạnh” thành “đức” cho nên ngài Phổ Hiền thành chung, để rõ nghĩa nhập Phật tri kiến.

Phổ Hiền có hai:

1. Đạo tiền Phổ Hiền, thuộc nhơn hạnh,
2. Đạo hậu Phổ Hiền, thuộc quả đức.

Hạnh khắp pháp giới là Phổ, ngôi kẻ Đại Thánh là Hiền, đây là ngôi hạnh của bậc Đẳng giác Bồ tát thuộc nhơn.

Xứng chơn pháp giới là Phổ, cứu vớt muôn loài là Hiền, đây là Diệu giác thuộc 'quả'.

Bởi Phổ Hiền đây là toàn thể pháp giới, là nguyện thân trong mười thân của đức Tỳ Lô Giá Na. Cho nên Bồ tát nương toàn thể pháp giới tu hành rồi chứng pháp thân chơn thể, cho nên có câu “Không có gì chẳng từ pháp giới lưu ra, không có gì chẳng trở về pháp giới”.

Bồ tát nhơn hạnh đã viên, đến bậc Đẳng giác mà còn phải gia trì, đó là vì sao, bởi đến bậc này tất phải nhờ quả giác tiếp hộ mới đặng nhập Diệu giác.

Cho nên Phổ Hiền Bồ tát là chung kết chứng nhập vậy.

Người tu hành nếu được nguyện lực của ngài Phổ Hiền thủ hộ ắt thọ trì đặng kinh này. Vì thế nên ngài hỏi đức Thế Tôn như thế nào mà có thể đặng kinh này. Đức Thế Tôn nói thành tựu bốn pháp thời đặng kinh *Pháp Hoa* này.

Bốn pháp là:

1. Các đức Phật hộ niệm.
2. Vun trồng cội công đức.
3. Vào vị chánh định.
4. Phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh.

Bốn pháp này cùng ba món “Tín thành tựu” trong luận *Khởi Tín* rất đồng. Luận nói:

1. Trục tâm, vì chánh niệm chơn như pháp vậy. Trong kinh đây nói: “Chư Phật hộ niệm”.

2. Thâm tâm, vì ưa chứa nhóm tất cả cả công đức lành vậy. Trong kinh đây nói: “Vun trồng cội công đức”.

3. Đại từ bi tâm, vì muốn cứu khổ cho tất cả chúng sanh vậy. Trong kinh đây nói: “Phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh”.

Trong luận lại nói: “Tín tâm thành tựu đặng phát tâm như thế, đó thời vào chánh định tụ vậy”.

Trong phẩm Khuyến Phát này là hiển nghĩa chứng nhập, mà lại nói tín thành tựu đó, là vì ban sơ do ngài Văn Thù phát tín, nương tín sanh giải, nương giải phát hạnh, hạnh khởi giải tuyệt thành chứng nhập, chính là viên mãn thành tựu tín tâm vậy. Nên có câu “Phát tâm cùng cứu cánh, hai mà không khác, hai tâm như thế tâm trước khó”. Do những nghĩa trên đây, nên cần phải nhờ Phổ Hiền khuyến phát đặng bốn pháp thời tất đặng kinh này.

Trong Khởi Tín luận y nơi tối sơ phát tâm mà nói ba tâm. Còn kinh này ước nghĩa thành tựu mà nói bốn pháp, cho nên luận là ở ban đầu mà kinh là ở rốt sau vậy.

Phàm có người đúng pháp thọ trì kinh này, ngài Phổ Hiền Bồ tát liền tự hiện thân, đó là Hiện thân diện ngôn thuyết gia trì, có gia trì thời chắc chắn chứng quả, cho nên phần này cũng thuộc về phần 'nhập Phật tri kiến'.

Một đại sự nhân duyên của đức Phật hiện ra nơi đời là muốn làm cho chúng sanh: khai phát, chỉ thị, ngộ trì, chứng nhập Phật tri kiến. Trong 6 phẩm trên đây, 3 phẩm trước như nơi hạnh khắc quả, thành tựu ba môn ý sanh thân, ba phẩm sau dùng ba môn gia trì thủ hộ thời quả địa chắc chắn chứng thành, như thế thời phần “nhập Phật tri kiến” đã hoàn mãn, đại sự ra đời của đức Phật cũng cáo thành, nên vào lưu thông để chung kết Diệu Pháp Liên Hoa đại hội.

*



PHÁP HOA TRÌ NGHIỆM

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

CHƯƠNG I:

CUÔNG LƯỠI KHÔNG TAN RÃ

1. ĐỒNG TỬ

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Vào đời nhà Tống, ông Thích Đạo Sanh ở xứ Bản Đường, thường tụng kinh *Pháp Hoa*. Có gã đồng tử theo ông xuất gia, cũng tụng kinh *Pháp Hoa*. Thời gian sau, đồng tử không bệnh hoạn chi, bỗng chết đột ngột, ông mới đem chôn cạnh rừng. Ít lâu sau, một đêm kia, bỗng có tiếng kinh cạnh rừng ấy, người trong làng lấy làm lạ, đào lên xem, bèn gặp một cái lưõi mọc hoa sen xanh. Nhân đó người làng mới dựng tháp phụng thờ, sau sửa sang thành một ngôi chùa đồ sộ.

2. ĐÀU LÂU TỤNG KINH

(Trích từ bộ Tuyên Thất Chi)

Nhà Đường, niên hiệu Trinh Quán, có vị sư ở chùa Ngô Chơn trên núi Vương Thuận. Ban đêm, đi qua đất Lam Khê,

bỗng nghe tiếng người tụng kinh *Pháp Hoa* văng vẳng đằng xa. Lúc ấy trăng sao tỏ rạng, thầy mới trông ra bốn phía xa xa dài mấy mươi dặm. Vẫn im lìm vắng vẻ, không thấy ai cả. Trong lòng thấy nao nao dao động.

Về đến chùa, thầy thuật lại cho chúng tăng nghe. Qua đêm sau, chúng tăng đồng đến Lam Khê, thì nghe tiếng tụng kinh từ dưới đất phát lên, mới lấy cây cắm nêu làm dấu chỗ ấy.

Rạng ngày, đào chỗ ấy lên, gắp được một bộ xương sọ (đầu lâu) trong gò đất. Xương ấy đã khô, duy còn cái môi trên môi dưới và cuống lưỡi hồng đỏ tươi thắm, các sư bèn đem về chùa đựng trong hộp đá để dưới hiên phía tây điện thiên Phật.

Từ đó về sau, mỗi đêm thường có tụng kinh *Pháp Hoa* từ trong hộp đá. Thiện nam tín nữ ở Trường An đến xem rất đông, số lượng có đến nghìn người.

Sau có vị sư ở nước Tân La đến ngụ trong chùa vừa hơn một năm. Ngày kia, chúng tăng trong chùa có việc xuống núi hết, chỉ còn vị sư ấy ở lại, ông bèn trộm lấy hộp đá mang đi. Chúng tăng theo tìm thì ông đã đem về miền Hải Đông rồi.

3. THÍCH ĐẠO TỤC

(Trích từ bộ Pháp Uyển Châu Lâm)

Nhà Đường, ông Thích Đạo Tục, không biết quê quán ở nơi đâu, ở trên núi Lệ Tuyên, chuyên gong tụng kinh *Pháp Hoa* đến vài nghìn biến.

Niên hiệu Trinh Quán, nhân bệnh sắp chết ông dặn người bạn là Huệ Khoách thiền sư rằng:

“Tôi ở đây dù tụng kinh, nhưng ý trông mong có sự hiệu nghiệm. Vậy sau khi tôi chết, hẹn chừng mười năm thử đào mả lên xem, nếu cuống lưỡi tiêu ra, biết rằng tụng kinh không công hiệu; nếu lưỡi còn nguyên, xin dựng một cái tháp để cho người đời sanh lòng kính tin”. Sư nói rồi liền tịch.

Đến mười một năm sau, Thiên sư Huệ Khoách y lời mà đào mả lên xem, thấy thân xác đều tiêu rã chỉ còn cuống lưỡi nguyên vẹn, lại tươi thắm như của người sống. Bấy giờ, cả huyện ấy, kẻ nam người nữ đều khen ngợi, đem lưỡi đựng vào hộp đá, dựng tháp thờ ở trên gò Cam Cốc.

*

CHƯƠNG II: VÃNG SANH

1. THÍCH HUỆ TẤN

(Trích từ bộ Tường Di Ký)

Niên hiệu Vĩnh Minh, xứ Dương Đô, chùa Cao Toà, có ông Thích Huệ Tấn, lúc niên thiếu rất mạnh mẽ, thích giao du, có chí hào hiệp. Đến tuổi bốn mươi, ông bỗng ngộ lý vô thường bèn xuất gia học đạo.

Từ khi xuất gia, ông chỉ dùng tương rau, mặc vải thô, thệ nguyện chỉ tụng kinh *Pháp Hoa*. Do ông dụng tâm quá lao khổ, nên khi cầm đến quyển kinh liền phát bệnh. Ông bèn phát nguyện ấn tống trăm bộ kinh để sám hối nghiệp chướng. Vừa quyển góp được một nghìn sáu trăm đồng, bỗng có bọn giặc cướp đến tra hỏi tài vật, ông bèn chỉ tiền và nói cho nó biết đó là tiền in kinh. Bọn giặc hổ thẹn mà bỏ đi.

Về sau, in xong trăm bộ kinh thì bệnh ông cũng dứt. Ông tụng kinh rất nhiều, tâm niệm hoàn mãn, hồi hướng công đức tụng kinh cầu sanh về nước Cực Lạc.

Một ngày nọ, bỗng nhiên trên hư không có tiếng bảo rằng: “Phát nguyện đã đủ, tắt được vãng sanh”. Ông không bệnh hoạn chi, an ổn qua đời, hưởng thọ được hơn tám mươi tuổi.

2. VƯƠNG YÊM

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời Đường, quan Huỳnh môn thị lang tên Vương Yêm, bình sanh căn tánh tối dốt, chậm lụt, chỉ có một bộ kinh *Pháp Hoa* mà ông học lâu ngày mới tụng thông được. Sau, ông mắc bệnh từ trần, về báo mộng cho người em là quan Thái thú ở đất Tân An: “Ta nhờ tụng kinh được sanh về Tây Phương, song vì tối dốt nên còn ở trong thai bào hoa sen. Nay về nói cho các người biết, từ nay về sau phải siêng năng trì tụng kinh điển, chớ nên biếng nhác trễ nãi”.

Ông nói rồi liền từ biệt.

*

CHƯƠNG III: KHỎI NẠN

1. THÍCH HUỆ KHÁNH

(Trích từ bộ Pháp Uyển Châu Lâm)

Đời Tống, ông Thích Huệ Khánh, người xứ Quảng Lăng, xuất gia ở chùa Lô Sơn, học thông kinh luật, giới hạnh tinh nghiêm. Ông thường trì tụng kinh *Pháp Hoa*, kinh *Thập Địa*, kinh *Tư Ích*, kinh *Duy Ma*. Hằng đêm tụng kinh, ông thường nghe trên hư không có tiếng khảy móng tay khen ngợi.

Ngày nọ, ông đi thuyền, bỗng gặp trận giông to, mưa lớn sấm sét dữ dội, sóng dậy ba đào, thuyền lắc lư, chao đảo gần úp. Song, ông Khánh cứ mãi tụng kinh. Chợt nghe giữa dòng sông dường như có người kéo dắt, nâng đỡ, phút chốc thuyền đến bờ an toàn. Từ đó, ông Khánh lại càng gắng tinh cần hơn nữa.

2. THÍCH PHÁP LÂM

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Đời Lương, Thầy Thích Pháp Lâm, họ Nghiêm, người huyện Chi Gian, xuất gia ở chùa Ngọc Tuyền, thường tụng kinh *Pháp Hoa* hằng ngày chỉ dùng ngọc trai, thường ngồi, không nằm. Thầy thích đi du phương, thường quảy gậy dạo khắp các miền núi non như Lô Sơn, Thai Đảnh, Hoàn Lĩnh, La Phủ v.v... không chỗ xa nào mà thầy không rảo bước đến; chỉ nương nơi hang sâu vực thẳm, một bề chuyên tu thiền định.

Thầy lại thường đến non Đại, phải đi ngang qua Châu Từ. Có quan huyện xét hỏi để coi thật giả, thấy Thầy chỉ đem theo có một bộ kinh *Pháp Hoa*, quan huyện không tin, nổi giận bắt thầy giam lại. Bảy ngày thầy không ăn, tụng kinh không ngớt. Quan huyện ngủ thấy ác mộng, bèn đánh lễ thầy cầu xin sám hối.

Sau, thầy về ở ẩn chôn u tịch, chuyên bề thiền tụng. Đến khi mất, có mùi hương lạ ngào ngạt, phảng phất cả mười ngày mới tan.

3. SÂM VĂN BỒN

Đời nhà Đường, có ông Sâm Văn Bồn, tự Cảnh Nhân, người đất Lạc Dương.

Thuở nhỏ tin Phật, tụng phẩm *Phổ Môn* trong kinh *Pháp Hoa*.

Một hôm, ông đi dò tới sông Ngô, giữa sông dò úp, mọi người đều bị chết chìm, ông Văn Bồn cũng đắm trong nước, bỗng nghe có tiếng nói rằng: “Người tụng kinh *Pháp Hoa* được khỏi chết”. Nói như thế ba lần, ông liền nổi lên mặt nước, giây phút tấp vào bờ.

CHƯƠNG IV: LÀNH BỆNH

1. NGƯỜI BỆNH HỦI

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời Đường, ở Bồ Châu, ông Thích Pháp Triệt tuổi trẻ mà tánh siêng năng chịu khó tụng kinh *Pháp Hoa*, thường đem kinh này dẫn dắt giáo hoá cho mọi người.

Trong ấp có ngài Cô Sơn, ông Pháp Triệt đến y chỉ với Ngài tu hành, sáng lập cảnh Lan Nhã. Ông từng đi các nơi, trên đường gặp một người bệnh hủi, dẫn về trong núi, đục một cái hang cho ở và nuôi dưỡng. Ông bảo người bệnh hủi tụng kinh *Pháp Hoa*, nhưng người ấy không biết chữ, lại thêm đần độn. Ông bèn dạy cho người ấy học từng câu, từng chữ không nệ mệt mỏi. Khi học đến quyển thứ sáu, bệnh hủi dần lành. Học đủ bộ rồi thì lông mày và tóc mọc lại, da cũng liền như xưa.

2. BÀ PHÍ THỊ

(Trích từ bộ Dị Ký)

Đời nhà Tống, có bà họ Phí, vợ của ông La Dự, người ở đất Thục Ninh. Cha tên Duyệt, làm quan Thứ sử châu Ninh.

Bà Phí thuở nhỏ kính tin Tam Bảo, tụng kinh *Pháp Hoa* được vài năm, siêng năng không biết mệt mỏi.

Sau, bỗng mắc bệnh đau tim. Bà đóng cửa buồn rầu lo sợ, dặn dò người nhà sắm sửa đồ tần liệm để đợi thời. Bà Phí nghĩ rằng: “Mình tụng kinh siêng năng chắc có phước lành, hoá may khỏi chết”. Nghĩ thế rồi an tâm nằm ngủ, chốc lát thức dậy nhưng còn mơ màng, thấy Phật bên song cửa, đưa tay sờ chỗ tim bà, bệnh liền lành ngay lúc ấy. Cả nhà bà, trai gái, tôi tớ đều thấy hào quang sắc vàng chói sáng khắp nhà, lại cũng

nghe mùi hương sức nức. Em gái ông La Dữ đến thăm bệnh, đang ở trước giường cũng thấy rõ rệt.

Từ bấy giờ, bà Phí càng sanh tín tâm, tự răn sẽ gắng trọn đời thường đem điều đó để sách tấn dạy dỗ con cháu.

*

CHƯƠNG V: TRỪ TÀ MA

1. THÍCH TĂNG LÃNG

(Trích từ bộ Cao Tăng Truyện)

Ngài Thích Tăng Lăng, họ Hứa, người huyện Nam Dương, có nuôi một con khỉ và một con chó.

Cuối nhà Trần, đầu đời nhà Tùy, Thầy đi du ngoạn các miền giang lãnh, nay sông này mai núi kia, chỉ mặc y phục sơ sài. Song, oai nghi rất nghiêm chỉnh, theo phép khát thực nuôi mình.

Thầy thường đọc tụng các kinh, nhưng chỉ thích riêng về kinh *Pháp Hoa*. Bình thường tiếng đọc ồ ề không rõ, thầy chú nguyện tụng kinh cho tiếng được thanh tao, nên một phen ngồi, tụng suốt bảy biến mới thôi. Như vậy, chẳng bao lâu, tiếng nói như sấm vang. Biết rằng đã có phước lực rồi, thầy tụng kinh lấy số bảy làm chừng, tụng đến bảy mươi, bảy trăm, bảy nghìn, đến bảy muôn biến thì tiếng giọng rất thanh tao trong suốt, tự nhiên thốt ra rõ ràng trong trẻo như tiếng đàn tranh ống sáo. Vì thế, khi thầy tụng kinh, môi mép không động, chỉ chuyển hơi trong cổ mà ra tiếng, giọng phát phù trầm, lãnh lót, người đến xem nghe sững sốt không quên. Từ đó, thầy được nổi danh.

Dương thời, có một vị ni cô bị quỷ ám nhập. Quỷ làm cho cô thông suốt kinh văn, thấu rõ nghĩa mầu, chuyên sự giảng

kinh giáo hoá; thánh giả đến nghe rất đông, nhưng không ai biết được do sức quý kia, nên đều khen ngợi là bậc thông ngộ. Thầy Tăng Lãng nghe việc ấy nói rằng: “Đó là tà quý ám nhập gia hộ, chớ có gì là chánh lý, ta phải qua xét nghiệm”.

Sáng sớm rạng ngày, con khi và con chó đi trước, thẳng đến chùa ni cô, thầy đi theo sau. Vừa đến, thầy vào lạy Phật, nhiễu tháp rồi mới tới trước giảng đường. Lúc ấy, ni cô còn đang giảng thuyết trên pháp toà, thầy bèn nạt lớn, quở rằng:

- Tiểu tỳ! Ta đã đến đây, sao chẳng chịu xuống pháp toà, còn đợi gì nữa?

Ni cô nhân nghe tiếng quở liền ngã té xuống đất, chạy đến trước giảng đường quỳ gối trước mặt thầy từ giờ Mẹo cho đến giờ Thân không dám nhúc nhích, mồ hôi chảy đầm mình, lạng thính không nói được lời chi.

Thầy gạn hỏi chỗ kiến giải, cô vẫn im nhiên như ngậy như điếc. Qua trăm ngày sau, tâm tánh cô mới hoàn phục lại như cũ. Đương thời những việc thịnh hành linh thông cảm ứng giống với loài ma ám này rất nhiều.

2. THÍCH ĐẠO LÂM

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời nhà Lương, Thích Đạo Lâm là người huyện Sơn Âm, có giới hạnh nghiêm khiết, giỏi về kinh *Pháp Hoa* và kinh *Niết Bàn*. Ông Trương Tự ở nước Ngô rất mực kính thờ thầy.

Niên hiệu Thiên Giám, chùa Tuyên Lâm ở huyện Phú Dương có quý quái nổi lộng quấy nhiễu người. Khi thầy đến, quý đều tiêu hết.

Ông Huệ Thiệu là đệ tử của Thầy bị nhà sập đè, đầu queo cúp vào ngực. Thầy bèn tụng kinh *Pháp Hoa* cầu nguyện cho. Ông Thiệu nằm chiêm bao thấy có hai vị đạo nhân người Tây

Vực kéo cái đầu ông thẳng ra, sáng ngày mạnh như thường. Ai nấy cũng đều khâm phục sự linh cảm thần dị của thầy.

*

CHƯƠNG VI: SIÊU ĐỘ

1. CON NGỰA CỦA THẦY TÂY LÂM

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Triều Minh, niên hiệu Gia Tĩnh, thầy trụ trì chùa Bảo Ân tên là Vĩnh Ninh, biệt hiệu Tây Lâm có nuôi một con ngựa. Mỗi khi thầy đi phó trai nơi dinh quan Lễ bộ đều cưỡi con ngựa ấy. Từ chùa, bắt đầu lên lưng ngựa, thầy thắm tụng kinh *Pháp Hoa* cho đến khi tới dinh xuống ngựa thì vừa rồi một quyền, lần đi nào cũng tụng như thế.

Về sau, một người đàn bà có mang ở ngang cửa chùa, ban đêm nằm mộng thấy con ngựa ấy vào nhà, bèn sanh được đứa con trai. Sáng ngày, đến chùa hỏi thăm, mới biết con ngựa ấy chết cũng đúng giờ đó.

Đến sau, nhà ấy cho con theo làm đệ tử thầy Tây Lâm. Tính nó rất đàn độn, Thầy dạy nó học một chữ cũng không thuộc, duy truyền miệng cho nó một quyền kinh *Pháp Hoa* nó bèn thuộc lòng. Do đó, thầy tin rằng ngựa nghe kinh được thoát thân thú vậy.

2. THÔI QUỶ

(Trích từ bộ Pháp Uyển Châu Lâm)

Đời Đường, niên hiệu Trinh Quán, ông Vương Hoằng Chi làm quan lệnh ở huyện Hoà Xuyên, châu Thẩm, có con gái gả cho ông Thôi Quỷ ở đất Bắc Lãng.

Ông Thôi Quý đi qua huyện Hoà Xuyên (bên vợ), không may lâm bệnh chết. Trải qua vài mươi ngày, trong nhà ấy (nhà ông Vương) nửa đêm bỗng nghe tiếng nói của ông Thôi Quý. Ban đầu, cả nhà đều sợ hãi, sau lần quen coi sự thường. Ông Thôi Quý nói rằng: “Tôi bồn phận là con rể, dầu rằng không phải cách lập bàn linh ở bên nhà vợ, song vì khổ không chỗ nương dựa, xin vì tôi mà lập vậy”. Vợ ông bèn theo lời lập bàn linh, mai chiều đều cúng kiến, ông về không cho cúng thịt, duy phải cúng đồ chay thôi. Ông thường khuyên niệm Phật, lại nói việc trong ngục rằng: “Người ta một đời thường khó khỏi tội, sát sanh và bất hiếu là nặng hơn hết, ngoài ra các tội khác thì nhẹ hơn”. Lại nói rằng: “Tôi tuy không tội chi, song phải cần nhờ phước lực trợ giúp, vậy xin vì tôi thiết trai cúng dường Tam Bảo và chép kinh *Pháp Hoa*, kinh *Kim Cang*, kinh *Quan Âm*, mỗi thứ hai, ba bộ, thì từ đây về sau, tôi không còn trở lại nữa”.

Nhà họ Vương đều y lời yêu cầu, mướn biên chép kinh, thiết trai cúng dường. Bỗng một hôm, ông Thôi Quý lại đến có vẻ e ngại, tạ ơn. Nhân đó, ông nói rằng: “Từ nay, xin từ biệt”. Cả nhà đều buồn khóc mà đưa đi. Ông Thôi Quý lúc chết có để lại một đứa con, nay đã năm sáu tuổi rồi. Ông Thôi Quý lại dặn rằng: “Đứa con tôi đó, sau tất có danh trong trường quan hoạn, xin khéo nuôi giùm”. Từ đó, bật luôn ông không còn trở lại nữa.

3. BÀ LÝ THỊ

(Trích từ bộ *Minh Tường Ký*)

Đời Đường, ở Châu Kỳ, huyện Phong Khưu có bà lão mẫu họ Lý, tuổi đã bảy mươi, không con cái chi, một thân già cô quạnh, chỉ có một tứ trai và một tứ gái. Bà làm nghề bán rượu ở thành phố, tính rất lanh xảo, thường pha thêm nước vào rượu và đong thiếu lường hụt.

Đến niên hiệu Trinh Quán, bà nhân bệnh mà chết. Trải qua hai mươi ngày, đồ tang tế đã sắm đủ, nhưng chưa tẩn liệm, vì trên ngực bà còn hơi ấm. Bỗng bà sống lại nói rằng: “Ban đầu, có hai người toàn mặc áo đỏ, đứng ngoài cửa kêu tôi ra, nói có lệnh trên đòi. Tôi lật đật đi theo, đến một cái thành kia giống như cái thành ngoài của Châu Kỳ này. Sứ giả dẫn tôi đến dinh bên cạnh, thấy một ông quan đội mũ, mặc áo tay rộng, dựa ghế mà ngồi, hai bên tả hữu hầu hạ rất đông, dưới thêm lại có người mang gông xiềng, lính canh giữ như chốn quan trường trên này. Ông quan ấy hỏi tôi rằng : “Tại sao bán rượu làm những việc gian lận để tham lấy của người cho nhiều, còn dự tính in kinh *Pháp Hoa* đã mười năm rồi sao không làm?”. Tôi thưa rằng : “Rượu thì tôi bảo tớ gái làm, đồng cũng đưa tớ tôi đồng, còn kinh kia tôi đã đưa tiền một ngàn đồng cho ngài ẩn sư rồi”. Quan liền sai sứ bắt đưa tớ, giầy lát đưa tớ đến, liền đánh bốn chục trượng rồi thả về. Lại sai người đến hỏi ẩn sư, Ngài trả lời là có thật, Quan bèn bảo tôi rằng: “Nay thả cho ngươi về bảy ngày, tạo kinh xong rồi, sẽ đến đây sanh về cõi lành”. Nhân đó, tôi được sống lại.

Quả thật, khi bà lão mẫu mới chết đưa tớ gái bỗng mắc bệnh ác nghịch chết ngang, giầy lâu tỉnh lại nơi lưng sưng bầm, đó là lần vết bị đòn bốn chục trượng vậy. Còn ngài ẩn sư là vị khách tăng, đã sáu mươi bảy năm từ khi xuất gia, chuyên tu hạnh đầu đà đi khát thực, thường ngày dùng một bữa trai chưa từng tạm thôi, các vị Đại đức xa gần đều kính mộ. Đêm, bà lão mẫu bệnh chết, ngài ẩn sư nằm mộng thấy có người mặc áo đỏ đến hỏi. Trong mộng, sư đáp rằng: “Việc chép kinh có thật”.

Sau đó, bà lão mẫu mời cả bà con chòm xóm và ngài ẩn sư đến làm Phật sự, lại mướn nhiều người chép kinh. Nhờ đông tay nên đúng trong bảy ngày kinh đã chép xong. Bà lại thấy hai người sứ trước kia đến nữa. Bà nói rằng: “Sứ nhân

đã đến rồi, xin bà con ở lại mạnh giỏi”. Vừa dứt tiếng, bà liền chết.

4. TIÊU THỊ

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời Đường, quan Thiếu thường bá Thôi Nghĩa Khởi, cha vợ là ông Tiêu Văn Khanh bình sanh chuyên trì kinh *Pháp Hoa* được vài nghìn biến, bỏ hẳn rượu thịt, chỉ dùng trai tố. Vợ ông Khởi họ Tiêu, đến niên hiệu Long Sóc năm thứ ba, tháng năm, phải bệnh chết. Trong nhà tổ chức luôn ba tuần làm Phật sự, tu trai cúng dường. Bỗng một hôm, cô tớ gái Tố Ngọc nói tiếng phu nhân rằng: “Ta hồi còn sống không tin Tam Bảo, nay thọ khổ không thể nói được, do nhờ các ông vì ta tụng kinh, tu trai thiết cúng mới được thả về. Đến ngày thứ hai mươi sẽ trở lại đem Tố Ngọc đi xem ta thọ tội”. Đúng kỳ hẹn, Tố Ngọc quả thật chết. Ba ngày, cô gái sống lại nói rằng: “Tôi thấy cung phủ trong thành lớn kia, phu nhân vào cái nhà riêng, giây lát có vạc lửa giường sắt tự nhiên đem đến hành tội, chịu đủ sự khổ sở thảm độc”. Chợt thấy ông Khanh ngồi trên đài sen nói với tôi (Tố Ngọc) rằng: “Con ta hồi trước tánh sân hận tật đố, không tin nhân quả, nay phải chịu nỗi khổ đó, ta cũng không thể cứu được gì. Người về nói lại với người nhà bảo phải gắng tu công đức, hoạ may mới thoát khỏi”. Lại thấy ông Phạm Tăng từ trên hư không bay xuống, dạy tôi tụng kinh *Pháp Hoa*, bảo rằng: “Người phải ghi nhớ kinh này, vì người trong cõi Diêm Phù Đề mà truyền tụng, sẽ có người tin”.

Niên hiệu Lân Đức năm đầu, tháng giêng, nhà quan Tiết Tướng Quân thiết lập trai đàn, rước nàng Tố Ngọc đến thờ tụng *Minh Kinh*, có ông Phạm Tăng nghe rồi, chấp tay khen rằng: “Thật đúng như bốn bên Tây Quốc, không khác chút nào”. Ai nấy đều kính phục.

CHƯƠNG VII: CẢM ĐỘNG THÁNH LINH

1. ĐỨC PHỔ HIỀN GIẢI BỆNH

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Trong bộ Trí Độ Luận, quyển chín của ngài Long Thọ Bồ tát, có nói: “Có một người bệnh hủi đến trước tượng đức Phổ Hiền Bồ tát chí tâm quy y, chiêm lễ, xưng niệm công đức Phổ Hiền Bồ tát cầu nguyện cho hết bệnh. Lúc ấy, tượng Phổ Hiền Bồ tát liền dũi tay bên phải, hào quang sáng chói, xoa trên thân người kia, bệnh liền trừ hết”.

2. ĐỨC PHỔ HIỀN HIỆN THÂN

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Trong nước kia, có thầy Tỳ kheo ở A lan nhã, chuyên đọc tụng kinh Đại thừa. Vua trong nước thường trải tóc cho quý thầy đi qua. Có thầy Tỳ kheo khác tâu với vua rằng:

- Ông ấy ngu dốt, đọc tụng kinh điển không bao nhiêu, sao Đại vương lại cúng dường long trọng như thế?

Vua đáp rằng:

- Có một ngày kia, vừa lúc nửa đêm, ta muốn yết kiến thầy Tỳ kheo ấy, liền đi đến chỗ của thầy ở, thấy thầy ở trong hang đá tụng kinh *Pháp Hoa*. Có một người thân ánh hào quang sắc vàng sáng chói cưỡi con bạch tượng chấp tay cúng dường, ta đi lần tới người ấy liền biến mất. Ta mới hỏi vị Đại Đức:

- Tại sao tôi vừa đến, người thân có hào quang sắc vàng kia biến mất đi?

Thầy Tỳ kheo đáp rằng:

- Đó chính là ngài Phổ Hiền Bồ tát. Ngài Phổ Hiền Bồ tát tự nói rằng: “Nếu có người nào đọc tụng kinh *Pháp Hoa*, ta sẽ

cưỡi voi trắng sáu ngà đến dạy bảo nhắc nhở cho”. Do tôi tụng kinh *Pháp Hoa* nên ngài Phổ Hiền Bồ tát hiện thân đến vậy.

3. THẦN THỈNH GIẢNG KINH

(Trích từ bộ Lương Cao Tăng Truyện)

Đời Tấn, thầy Thích Đàm Thuý, không rõ người quê quán ở đâu, thuở nhỏ xuất gia, tu ở chùa Bạch Mã, huyện Hà Âm, tương rau qua bữa, bố vải che thân, thường mỗi ngày đều tụng một bộ kinh *Pháp Hoa*, lại tinh thông kinh giáo, cũng hằng giải nói cho người.

Ban đêm, bỗng thầy nghe có tiếng gõ cửa, nói rằng: “Muốn thỉnh Pháp sư thuyết pháp trong chín tuần”. Thầy Thuý không hứa, nhưng người kia cũng cố cầu thỉnh, thầy bèn chịu đi. Lúc đó, thầy còn mơ màng trong giấc ngủ. Khi thức dậy, thân thầy đã ở trong miếu thần nơi đảo Bạch Mã cùng với người đệ tử của thầy. Từ đó, hằng ngày thầy âm thầm đi qua không ai hay biết.

Sau, các thầy trong chùa có việc đi ngang qua miếu ấy, thấy có hai pháp toà rất cao, ông Thuý ở toà phía bắc, đệ tử ở toà phía nam, dường như có tiếng giảng kinh thuyết pháp, lại nghe có mùi hương lạ ngào ngạt. Bây giờ, kẻ đạo người tục truyền nhau cho là việc thần dị.

Đến măn Hạ, vị thần trong miếu cúng dường cho một con ngựa bạch, năm con dê trắng và chín mươi xấp lụa. Thầy chú nguyện xong, cùng nhau từ biệt không còn qua lại nữa.

*

CHƯƠNG VIII: CẨM CÁCH DỊ LOẠI THÍCH TRÍ THÔNG

(Trích từ bộ Tổng Cao Tăng truyện)

Đời Đường, thầy Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà, non Nhiếp, đất Nhuận Châu, từng qua ở chùa An lạc, xứ Dương Châu.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp, trong nước loạn ly, thầy nghĩ muốn về xứ, nhưng không có cách chi đi được, mới ở ẩn trong đám lao rậm, dựa bờ sông tụng kinh *Pháp Hoa*, bảy ngày không ăn, thường thấy có cọp đi nhiều xung quanh. Thầy nói rằng: “Mạng ta chỉ còn trong giây phút, vậy các người hãy ăn đi”. Cọp bỗng phát tiếng nói rằng: “Từ tạo thiên lập địa đến nay chưa từng có lẽ đó”. Chợt có một ông già chèo đò đến, nói rằng:

- Thầy muốn qua sông về chùa Thê Hà, hãy mau lên thuyền đây!

Lúc ấy, các con cọp đồng sa nước mắt. Thầy hỏi rằng:

- Có lẽ các người cùng ta có duyên chăng?

Thầy liền dắt bốn con cọp đồng xuống thuyền, qua sông rất nhanh. Đã đến bờ phía nam, trông lại chiếc thuyền và ông già đâu mất. Thầy mới dẫn bốn con cọp về chùa Thê Hà, ở phía Tây tháp Xá lợi, đi kinh hành và thiền tọa.

Đồ chúng trong chùa có đến tám mươi vị, nhưng không ai dám ra cả, hoặc khi có việc cần, thì một con cọp vào chùa gầm kêu, lấy đó để làm thường lệ.

Đến niên hiệu Trinh Quán, thầy tịch, hưởng thọ chín mươi chín tuổi.

CHƯƠNG IX: LINH CẢM

1. PHÁP TÍN NI

(Trích từ bộ Minh Báo Kỳ)

Đời Đường, niên hiệu Võ Đức, có ni cô hiệu là Pháp Tín, thường tụng kinh *Pháp Hoa*. Cô cất một gian tịnh thất, mượn một người viết chữ khéo để chép kinh *Pháp Hoa*, trả tiền công rất đắt, bội hơn giá thường.

Phàm mỗi khi vào tịnh thất chép kinh, phải mỗi lần tắm gội sạch sẽ, thay đổi y phục, xông ướp hương trầm. Lại nơi vách tịnh thất, đục trống một lỗ, đặt ống trúc thông ra phía ngoài để cho người chép kinh, mỗi khi muốn thở ra thì kê ống trúc mà thở, vì khi chép kinh cần phải nín hơi mà viết mới thanh khiết tinh nghiêm. Như vậy, tám năm viết mới xong bảy quyển. Cô hết lòng cung kính, cúng dường rất long trọng.

Ngày kia, có ông thầy ở chùa Long Môn, hiệu là Pháp Đoan, thường nhóm chúng giảng kinh *Pháp Hoa*. Cho là bộ kinh của ni cô là đúng hơn hết, không bộ nào bằng, thầy mới sai người qua mượn. Ni cô cố từ chối không cho, vì e mất sự thanh khiết. Thầy Pháp Đoan phiền trách. Cô không biết làm sao, bắt đất dĩ phải đưa cho mượn. Dem về, thầy Pháp Đoan và cả đồ chúng giở ra đọc, chỉ thấy toàn là giấy vàng, không có chữ nào hết, lại giở quyển khác coi, cũng đều như vậy cả. Thầy và đồ chúng hồ thẹn và lo sợ, liền đem trả lại cho ni cô.

Cô buồn bã khóc mà lãnh lấy, dùng nước hương thơm rửa kỹ hộp đựng kinh. Rồi cô tắm gội sạch sẽ, lễ bái, nhiều Phật cầu nguyện đến bảy ngày đêm không nghỉ. Bảy giờ, mở quyển kinh ra xem, thì nét chữ lộ bày như cũ.

Nên biết rằng, sao chép kinh pháp là cần phải hết sức chí thành, làm cho tinh khiết, nghiêm tịnh mới có sự linh cảm hiện tiền. Đời này, không có linh nghiệm, chỉ vì không chuyên lòng cung kính đó thôi.

2. TRỜI RƯỚI HOA HƯƠNG

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Đời Tùy, Châu Ích, nơi chùa Chiêu Đề có thầy Thích Huệ Cung, cùng bạn đồng học là ông Huệ Viễn, hai người rất tâm đồng ý hiệp. Về sau, ông Viễn qua xứ Dương Châu tầm sư học đạo, thời gian ba mươi năm xa cách. Một đêm, cùng nhau trò chuyện, thầy Huệ Viễn bàn luận, ngôn ngữ như nước chảy, còn thầy Huệ Cung thì lặng thinh không đối đáp chi. Thầy Viễn hỏi rằng:

- Mấy mươi năm, thầy không được chi sao?

Thầy đáp rằng:

- Tôi vì tánh tối dốt nên không biết chi nhiều.

Ông Viễn nói:

- Sao chẳng chuyên tụng một bộ kinh ư?

Thầy nói:

- Thường ngày, tôi chỉ có tụng một quyển *Phổ Môn* trong kinh *Pháp Hoa*. Nay tôi xin tụng, nhưng Ngài phải chí thành lắng nghe.

Thầy bèn kiết lập đàn tràng, xong, lên toà cao, vừa cất xướng đề kinh, liền nghe có mùi hương thơm bát ngát, giây lâu lại nghe trên hư không nhạc trời reo trời, mưa hoa tấp nập rơi xuống, đến khi tụng kinh xong mới hết. Ông Viễn thấy sự linh cảm như vậy biết mình không có đạo lực bằng thầy, trong lòng hổ thẹn, mới cung kính đánh lễ tạ lỗi.

3. CHÍCH MÁU VIẾT KINH

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Cuối đời nhà Đường, đất Châu Hoành, Ngài Thích Sở Vân xuất gia ở non Hoành Nhạc, từng chích thân lấy máu viết

một bộ kinh *Pháp Hoa*, dài bảy tấc, rộng bốn tấc, dày hai tấc (tấc Tàu) làm hộp chiên đàn đựng cất ở tạng Tam Sanh – chùa Phước Nghiêm. Trên mặt hộp có khắc tám chữ : “Nhược kha thử, kinh thế đồng Từ Thị”.

Niên hiệu Hoàng Hựu, có vị quý nhân đi du lịch trên núi, thấy đó mà nghi cho là dối không thật, mới bảo người lấy kèm mở ra coi, thấy có một lần máu chảy ra. Bỗng chốc, sấm nổi gió dậy rúng động hang núi, khói mây xông vào nhà mù mịt, ngửa bàn tay không thấy, đến suốt ngày không thôi. Quý nhân kinh hoàng, bèn chí thành đánh lễ cầu sám hối.

Đến đời nhà Tống, thầy Giác Phạm chùa Thanh Môn ở đất Huân Khê, từng du lịch qua đó, cung kính đánh lễ, nhìn kỹ thấy lần máu ấy vẫn còn y nguyên. Đồng thời, thầy Thiên Nguyệt Quán Hưu có làm bài thơ tặng việc viết kinh đó rằng:

Rạch da lấy máu khó khôn ngăn.

Vì viết Linh Sơn chín hội văn,

Mười ngón chảy khô xong bảy quyển,

Đời nay, cầu Pháp mấy ai bằng!

4. TRẦN TẾ SANH

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Đời nhà Minh, huyện Ngô Môn, Trần Tế Sanh hiệu Hoằng Sĩ, con trưởng nam của ông Trang Công. Bình sanh, dốc chí làm lành. Phàm tất cả hạnh lành lời hay, Trần Sanh đều tự tay sưu tập, biên chép chất đống đầy nhà. Ông rất ưa thích kinh điển nhà Phật, thường kết liên xã trì tụng kinh *Pháp Hoa*, nhiều năm vẫn không bê trễ.

Bỗng một đêm, nằm mộng thấy ông già diện mạo phi thường, phong nghi thần dị, tay cầm kinh *Pháp Hoa* chữ vàng và những bộ sự tích nhân quả trao cho Trần Sanh. Trần Sanh

vật dầy đánh lễ lãnh lấy. Sáng ngày, quả có người chở bộ *Pháp Hoa Cẩm Thông Lục* của họ Cát ở Lộc Thành khắc bằng đá đưa đến nhà Viễn Diệu đường của Trần Sanh để lưu thông. Lại có một người bạn đem một bộ kinh *Pháp Hoa* thếp vàng đến cảm cho ông cũng đồng trong ngày ấy.

Chưa bao lâu, Trần Sanh đi đường lại gặp bộ kinh *Pháp Hoa* thếp vàng của ông Lý Chánh Khanh ở Tân An biên chép ra, ông thỉnh đem về cúng dường để đối chiếu. Ông thờ phượng trang nghiêm cực kỳ rục rờ, người xem ai cũng khen là việc hy hữu.

*

CHƯƠNG X: GIẢI OAN NGHIỆT

1. LỤC ÔNG

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời nhà Tống, ở Hồ Châu, đất Thành Nam, có người hàng thịt tên Lục Ông.

Khi Lục Ông được sáu mươi ba tuổi. Một hôm, có một ông tăng du phương đến trước cửa nói rằng:

- Ta đến đây để giáo hóa người có duyên!

Lục Ông nghe nói không hiểu chi cả.

Ông tăng nói rằng:

- Ông giết trâu, bò, dê vô số, tại sao không bỏ nghiệp ấy đi?

Lục Ông thưa rằng:

- Tôi vì theo nghiệp của ông cha để lại, rất khó bỏ!

Ông tăng nói rằng:

- Nếu ông không bỏ, đời sau quyết phải đọa làm loài ấy, đọa rồi thì luôn luôn bị oan báo chẳng biết lúc nào thoát khỏi!

Tôi xem ông đời trước có căn lành, phải nên bỏ nghiệp ác đi, mà chuyên tâm thọ trì kinh *Pháp Hoa* và kinh *Kim Cang* thì nghiệp ác tiêu trừ, phước lành thêm lớn.

Nói xong, ông tăng bỗng biến mất.

Lục Ông trợ người ra đứng một mình, tâm rất hồ thẹn vì những việc làm trước mà tỉnh ngộ lại, liền bỏ mặn ăn chay và phát nguyện thề từ đây về sau không tạo nghiệp sát hại nữa. Ông vẽ một bức tượng đủ cả ba vị thánh: Phật A Di Đà, Quán Âm và Thế Chí, hết lòng thành kính cúng dường. Lại đến thầy học tụng cả hai bộ kinh ấy, chưa được năm năm thì đã thuộc lòng.

Hằng ngày, ở trước bàn Phật, Ông thường dâng hương lễ bái, tụng một quyển *Pháp Hoa* và một quyển *Kim Cang* cầu sám hối, nguyện những chúng sanh bị mình giết mau sanh về Tịnh Độ.

Năm ông được 81 tuổi, lúc sắp từ trần, trước nửa tháng, ông đến các bạn thân hẹn rằng: “Đến mừng chín tháng mười một tôi có thiết tiệc trai để từ biệt nhau. Đến chừng đó, xin mời mấy anh đến dự trai với tôi”. Tới kỳ, các ông bạn y theo lời đến dự trai. Khi mãn tiệc ông liền xin đi tắm gội, thay y phục chỉnh tề, ngồi ngay thẳng viết một bài tụng mà tịch.

Tụng rằng:

Sáu mươi dư tuổi mới hồi đầu,
Rời hẳn con dao sát nghiệp sâu,
Nẻo lộ Bồ-đề nay được đến,
Hoa sen trong lửa trở thêm màu.

2. PHAN QUẢ

(Trích từ bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm*)

Đời nhà Đường, đất Kinh Sư, có ông Phan Quả, tuổi vừa hai mươi, nhậm chức Tiểu Lại ở Đô Thủy, huyện Phú Bình.

Khi về nhà, ông cùng với vài gã thiếu niên đi dạo chơi ngoài đồng trống, thấy một con dê ăn cỏ. Ông cùng hai gã thiếu niên liền bắt đem về.

Vừa về mới nửa đường, con dê bỗng kêu lên, Phan Quả sợ chủ nghe được thì khó, liền móc lưỡi dê đem về nhà làm thịt ăn.

Qua năm sau, lưỡi ông Quả lần teo lần thụt vào, không nói năng được, bèn dâng đơn lên xin thôi chức quan.

Quan huyện Trịnh Du Khánh nghi ông nói dối, bảo ông hả miệng ra coi, quả nhiên thấy lưỡi chỉ còn như hột đậu. Quan huyện hỏi tại sao như thế? Quả lấy bút giấy trả lời những việc của mình đã làm. Quan huyện bảo rằng:

- Ông muốn khỏi, phải chép kinh *Pháp Hoa* để cầu siêu cho vong hồn con dê ấy!

Phan Quả y theo lời, phát tâm viết kinh và thọ trì trai giới không hề biếng trễ. Năm sau, lưỡi ông Quả lần lần dài ra y như cũ. Khi lành bệnh, liền đến quan huyện dâng đơn trần tố, quan huyện bổ cho làm chức Lý Chánh.

3. THÍCH MINH HUÂN

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời nhà Minh, thầy Thích Minh Huân nguyên danh là Hồ Văn Trụ, người ở xứ Huy. Thời Thiên Khải, thầy làm Quan trung thư xã, vì không tuân theo mệnh lệnh của ông Ngụy Đăng nên bị cách chức. Đến năm Bính Tuất, Thầy bỗng bị bệnh ghẻ mặt người, đau nhức không thể chịu nổi. Mùa đông năm Tân Mão, nhức quá Thầy ngất xỉu. Trong khi hoảng hốt nghe mọt ghẻ thốt ra tiếng người rằng:

- Tôi là Lô Chiêu Dung đời Lương đây! Lúc ở trong cung Lạc Vương bị giặc giết, nay đã 600 năm rồi mà còn mắc trong

loài quý. Ông chính là người giết tôi trong lúc ấy. Nay đã chuyển được thân nam tử, phải chép kinh *Pháp Hoa* và các kinh khác để tự cứu ông và cứu tôi!

Ông Trụ khẩn cầu cho bớt đau nhức sẽ chép kinh.

Lúc ấy, đang triều Nghi Chơn, ông sắm đủ giấy bút, chép kinh *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *Kim Cang*, *Lăng Nghiêm* và *Thủy Sâm*. Mỗi khi chép kinh thì hết đau nhức, hễ dừng bút thì đau nhức lại. Như vậy, hơn một năm, viết mới hết các bộ kinh, thì bệnh cũng được lành mạnh.

*

CHƯƠNG XI: THIÊN THẦN GIA HỘ

1. THÍCH PHÁP THÀNH

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời Tùy, non Chung Nam, chùa Ngô Chơn, ngài Thích Pháp Thành là người họ Phàn, ở Châu Ung, chuyên tụng kinh *Pháp Hoa*, thường mang tráp kinh đi du lịch khắp nơi danh sơn thắng cảnh. Ngài lập nguyện chuyên tu phép “*Pháp Hoa Tam muội*”, cảm đến đức Phổ Hiền Bồ tát ứng mộng cười bạch tượng sáu ngà đến khuyên ngài biên chép các kinh đại thừa.

Ngài bèn mượn người viết kinh *Bát Nhã* tám bộ, lại tạo một gian nhà “*Hoa Nghiêm đường*”, hết lòng chuyên tinh về việc biên chép, thọ trì.

Lúc bấy giờ, có ông Hoảng Văn học sĩ là Trương Tịnh, trước kia rất giỏi về văn chương. Ngài thỉnh ông ấy về am trên núi để viết kinh. Khi viết thì ngậm các thứ hương. Vừa viết xong hết bộ, lại cảm đến một con chim lạ bay đến bàn kinh, tự nhiên quen dạn, dường như đã nuôi lâu rồi.

Niên hiệu Trinh Quán năm đầu, chính tay ngài Pháp Thành có viết kinh *Pháp Hoa*, ngồi ở ngoài trời trống trải. Nhân có việc đi qua chỗ khác chưa kịp dẹp cát, kẻ gặp trận mưa to tầm tã. Khi Ngài về tới xem lại, cả bàn chỗ viết kinh đều khô ráo, mà nơi khác đều bị trôi ngập hết.

2. THÍCH PHÁP THÁI

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Đời Tùy, ngài Thích Pháp Thái, người ở Long Sơn, Châu My, thường trì tụng kinh *Pháp Hoa*. Chính tay Ngài có viết một bộ kinh, có nhiều điềm linh ứng hiện. Khi viết xong bộ, đem đến Châu Ích để sơn thép. Khi đi ngang qua cầu Xạ Kiêu, Ngài bỗng xảy tay rớt kinh xuống sông, tìm kiếm mãi không được. Ngài quá buồn bã, nghẹn ngào khóc không ra tiếng, cứ quanh quẩn tìm mãi trên bờ rồi dưới mé sông nhưng cũng chẳng thấy gì. Bỗng trông thẳng xuống bãi bùn, thấy có một cái dây, liền bảo người tới lấy coi thử, hóa ra dây kinh của ngài, nhờ để cỏ nâng đỡ nên không thấm ướt. Ngài vui mừng chẳng xiết, lập tức đến thành đô sơn thép rồi dùng cây đàn hương làm bìa và trang nghiêm rất đẹp.

Sau, Ngài đem về cúng vào chùa. Mỗi đêm, mùi hương lạ bay khắp chùa...

Ngài chuyên cần trì tụng cứ hằng đêm một bộ *Pháp Hoa*.

Lúc bấy giờ, có ngài Bru Pháp Sư giảng kinh ở đó, tối lại đến chỗ Ngài tụng kinh, thấy có nhiều người âm thầm hiện đến, đều quỳ gối chấp tay trước bàn. Ngài Bru Pháp Sư thấy thế, liền toát mồ hôi mà lui ra.

3. THÍCH ĐÀM VẬN

(Trích từ bộ Pháp Uyển Châu Lâm)

Ngài Thích Đàm Vận, người ở Định Châu, xuất gia thuở nhỏ, thường tụng kinh *Pháp Hoa*. Ngài từng dạo khắp non

Ngũ Đài, thấy đủ các tướng linh dị. Sau, Ngài bỗng dừng chân ở lại đài phía bắc nơi chùa Mộc Quai, trải qua thời gian hơn hai mươi năm chuyên tu thiền quán, tụng niệm không dứt.

Cuối đời Tùy, quốc gia rối loạn, Ngài đã bảy mươi tuổi, ở ẩn trong non Tỳ Can, luôn ngày đêm tinh tấn nhiếp tâm, chuyên tu không hề trễ nải. Ngài ôm ấp chí nguyện chép kinh *Pháp Hoa*, nhưng mãi tới mấy năm chưa được như ý muốn.

Ngày nọ, bỗng đâu có chàng thư sinh đến bạch rằng:

- Bạch thầy, con rất giỏi về việc chép kinh, con xin ở đây làm việc để mãn chí nguyện của thầy!

Sau đó, chàng thư sinh bèn dọn một gian tịnh thất tinh nghiêm, vào thất ngậm hương ngồi yên lặng viết kinh. Khi ra ngoài thì gìn giữ ba nghiệp, lúc vào thất thì tắm gội sạch sẽ. Chưa đầy một tuần, bộ kinh đã viết xong, liền đem cúng dường cho ngài Đàm Vận. Xong xuôi không thấy chàng thư sinh đâu nữa.

Sau, nhân giặc Hồ nổi loạn xâm nhiễu, Ngài bèn đem kinh giấu trong hang núi, rồi chạy trốn. Đến mấy năm, khi giặc đã yên, Ngài trở về tìm kinh, bèn thấy trong lùm cỏ dưới ven núi, rương tráp đều hư nát, mà quyển kinh màu sơn còn tốt như xưa.

Chuyện này chính mắt Ngài Tuyên luật sư thấy, vào khoảng niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một.

4. NGƯỜI VỢ HẦU ÔNG TÔ TRƯỜNG

(Trích từ bộ Pháp Hoa Trì Nghiệm)

Trong niên hiệu Võ Đức, có quan Thứ sử tên Tô Trường. Lúc đi trấn nhậm, đến sông Gia Lâm, bỗng gặp trận sóng to gió lớn nên thuyền bị úp. Người nhà của ông bị chết chìm hơn sáu mươi, chỉ có một người vợ hầu của ông, vì thường xuyên

tụng kinh *Pháp Hoa* nên khi nước tràn vào thuyền, nàng liền đội tráp kinh phát thệ rằng: “Thà chịu chết chìm với kinh này, chớ quyết định không rời”.

Trong cơn bấp bênh theo làn sóng hãi hùng, không ngờ có thần lực gia hộ, phút chốc nàng được tấp vào bờ. Vì nương theo kinh được thoát nạn chết chìm, nàng vội vàng mở tráp ra xem, kinh vẫn khô như trước, không bị ướt tờ nào.

*

CHƯƠNG XII:

SỰ TÍCH BIÊN CHÉP KINH PHÁP HOA ÔNG NGHIÊM CUNG

Niên hiệu Đại Kiến năm đầu, triều nhà Trần, Trung Hoa, ở Dương Châu có ông Nghiêm Cung thường biên chép kinh *Pháp Hoa* để phân phát cho người trì tụng.

Lúc đó, có thần ở miếu Cung Đình Hồ mách mộng cho khách buôn đem hết của trong miếu đưa sang ông Cung để lo chi phí cho việc viết kinh.

Lại một hôm, ông Cung mang tiền ra phố mua giấy viết, lỡ thiếu 3000 đồng điều. Bỗng ông thấy từ trong chợ, có một người đi ra, cầm 3000 đồng điều trao cho ông và nói:

- Giúp ông mua giấy!
Người ấy nói xong biến mất.

Cuối đời Tùy, giặc cướp đến Giang Đô, chúng đều dặn nhau không nên phạm đến xóm của ông Nghiêm Pháp Hoa (Nghiêm Cung). Nhờ đó cả xóm an lành.

Đến cuối đời Đường, nhà họ Nghiêm vẫn nối nhau viết kinh không thôi.

Như vậy, viết kinh hay in kinh công đức lớn biết dường nào, không nói đến phước báo tốt đẹp ở nhiều đời sau, mà ngay trong hiện tại cũng không thể lường được. Chẳng những là mình khỏi khổ nguy mà mọi người ở gần cũng được nhờ, cả thần thánh cũng thường theo hộ trợ, như truyện ông Nghiêm Cung đây vậy.

*

CHƯƠNG XIII:

SỰ TÍCH BIÊN CHÉP KINH THOÁT KHỔ

Nhà Đường, niên hiệu Long Sóc năm thứ ba, xứ Trường An, mẹ vợ ông Lưu Công Tín chết.

Không bao lâu, cô họ Trần, vợ ông Tín, bỗng dung cũng chết, thần hồn đi đến một ngục đá, thấy mẹ mình ở trong cửa đá thọ nhiều sự khổ. Bà mẹ khóc bảo con gái rằng:

- Mau vì mẹ viết một bộ kinh *Pháp Hoa* ngõ hầu thoát khỏi tội này!

Nói vừa xong, cửa đá liền khép lại.

Cô họ Trần sống lại, thuật chuyện gặp mẹ với chồng. Ông Tín nhờ ông Triệu Sư Tử viết kinh. Ông Triệu bèn đem một bộ kinh *Pháp Hoa* đã viết xong, viết rất tốt, giao cho ông Tín sửa sang. Nguyên bộ kinh đó vốn là của một người họ Phạm bỏ tiền mướn viết, mà ông Tín thật chưa biết, cũng tin là ông Triệu viết cho mình.

Không bao lâu, cô họ Trần lại chiêm bao thấy mẹ đòi kinh. Cô nói rằng đã viết xong rồi. Mẹ liền khóc rằng:

- Mẹ chính vì bộ kinh đó mà càng bị khổ thêm. Bộ kinh đó vốn là của họ Phạm tu phước, sao lại cướp làm công của mình?

Sau khi thức dậy, cô Trần cùng ông Tín đi hỏi thăm lại, thì quả thật họ Phạm ra tiền hai trăm viết kinh mà chính là bộ đó.

Vợ chồng liền thuê người tả một bộ khác để cúng dường, hồi hướng công đức cho mẹ.

*

Than ôi! Công đức biên chép kinh hay ấn tống lớn biết bao dường nào? Tội nặng bị khổ ở địa ngục nhờ người viết một bộ kinh Pháp Hoa mà còn đủ phước để thoát khổ, hưởng nữa là mình tự ra công ra tiền ư.

*

CHƯƠNG XIV: ĐỌC KINH THOÁT KHỔ

(Trích từ Pháp Uyển)

Đời Đường, ở Ung Châu, huyện Trường An có ông Cao Pháp Hãn là cháu huyền tôn của ông Cao Tần, quan Bộc Xạ đời Tùy.

Đến niên hiệu Long Sóc năm thứ ba, ngày 25 tháng giêng, ông đến Trung Đài dự thi, trưa cưỡi ngựa về nhà. Nhà ông ở góc phía Nam phường Nghĩa Ninh, phía Đông chùa Hóa độ. Giữa đường, gặp bọn người cưỡi ngựa rượt bắt, ông chạy về gần đến nhà té ngựa mê ngất rồi chết, mọi người truy hô, người nhà vội đến khiêng về, đến sáng ngày sau mới sống lại.

Ông Nhãn bảo người nhà rằng:

- Ta bị quỷ bắt đến địa ngục, thấy vua Diêm-la lên ngôi tòa cao, giận mắng ta rằng: “Người sao lại đến chùa Hóa Độ, vào trong phòng thầy Minh Tạng ăn trái của thường trụ Tăng?”

Nói xong, bắt ta nuốt bốn trăm hòn sắt nóng, đang lúc nuốt thì cổ họng nghẹn rút, thân thể đỏ khô co lại, biến làm màu đỏ, nuốt hết mới sống lại.

Ngày 26 là ngày ông mới sống lại, lại có bọn quý hiện đến bắt dẫn về chỗ vua Diêm Vương. Vua quở: “Tại sao người không kính Tam Bảo, dám nói lỗi xấu của tăng? Người nuốt sắt xong sẽ bị cày lưỡi”.

Đến ngày 29 tháng đó, sau khi nuốt sắt nóng xong, sống lại. Qua đến ngày 30, sáng sớm lại chết, đến địa ngục chịu cày sắt cày lưỡi. Tự thấy lưỡi mình dài đến vài dặm, người ở bên xem thấy ông Nhãn le lưỡi ra hơn thước (thước Tàu). Vua lại bảo ngục tốt: “Người này nói việc hay dở của Tam Bảo, đem búa lớn lại chặt bỏ lưỡi nó”. Ngục tốt chặt mãi không đứt. Vua bảo lấy búa theo nhỏ bỏ vào vạc nước sôi nấu, nấu mãi không rã. Vua lấy làm lạ hỏi? Ông Nhãn thưa: “Tôi có từng đọc kinh *Pháp Hoa* một lượt”. Vua không tin, tra sổ công đức, thấy trong đó có ghi: “Đọc một bộ kinh *Pháp Hoa*”. Vua liền truyền thả cho về.

Biết chuyện kỳ lạ này, người đến thăm xem như đi chợ, và ai nấy đều phát tâm tu hành rất đông. Cả nhà ông Nhãn từ đó rất mực kính tin Tam Bảo, gắng chí tinh tấn tu hành, hằng răn nhắc nhau không hề nhầm mỗi.

*

*Tam Bảo là thuyền từ quý báu đưa chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử. Kính thì phước vô lượng, khinh thì họa không nhỏ. Phật là đấng Chí Tôn, pháp là Thánh dược, Tăng là biểu hiện Phật và Pháp. Ông Nhãn khinh Tăng mà phải tội, lại nhờ đọc Pháp mà khỏi tai ương. Chỉ đọc có một bộ kinh *Pháp Hoa* mà lưỡi chặt không đứt, nấu không rã, đến đời Vua Diêm Vương phải kính sợ mà mau đưa về, huống là*

người đọc tụng hai bộ, ba bộ đến trăm nghìn bộ ư! Nếu người nào chí thành tụng niệm kinh Pháp Hoa thì công đức vô lượng vô biên, tội nghiệp đều tiêu, phước lành đầy đủ. Sau khi xả báo thân hiện tại, quyết chắc sẽ cảm thành thân vàng Kim Cang ở vị Lai vậy.

*

CHƯƠNG XV:

SỰ TÍCH TỤNG ĐỀ KINH, MÌNH VÀ NGƯỜI ĐỀU THOÁT KHỔ

(Trích từ bộ “Minh Báo Kỳ”)

Ông Lý Sơn Long ở quận Phùng Dục, làm chức Tả giám môn hiệu úy. Trong niên hiệu Võ Đức, lâm bệnh chết, nhưng trên ngực khoảng bằng bàn tay không lạnh, người nhà chưa nỡ táng liệm. Đến ngày thứ bảy sống lại, thuật rằng:

Đang lúc chết, bị người bắt dẫn đến một dinh quan rất hoành tráng rộng lớn. Trong sân có bọn tù vài nghìn người, hoặc mang gông, hoặc xiềng xích đều đứng xây mặt về hướng Bắc, chật cả sân.

Quân hầu dắt Sơn Long đến dưới dinh. Có một vị Thiên Quan ngồi giường cao kẻ hầu hạ nghi vệ như hàng vua chúa.

Sơn Long hỏi quân hầu:

- Quan nào đó?

Quân hầu đáp:

- Vua đấy!

Sơn Long đến dưới thềm. Vua hỏi:

- Người thở bình sanh làm phước nghiệp gì?

Sơn Long Thưa:

- Mỗi lần người trong làng thiết lập trai đàn giảng kinh, tôi thường thí của vật đồng với người.

Vua lại hỏi:

- Còn tự thân người làm phước nghiệp gì?

Sơn Long thưa:

- Tôi tụng thuộc kinh *Pháp Hoa* hai quyển.

Vua nói:

- Rất hay! Được lên thêm.

Ông Long đã lên trên nhà, thấy phía Đông Bắc có một tòa cao giống như tòa diển giảng. Vua chỉ tòa nói với Sơn Long rằng:

- Nền lên tòa này tụng kinh!

Sơn Long vâng lệnh đến bên tòa. Vua liền đứng dậy nói:

- Thỉnh ngài Pháp sư lên tòa!

Sơn Long lên tòa xong. Vua liền xây về phía tòa mà ngồi. Sơn Long khai kinh tụng rằng: “*Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Tự phẩm đệ nhất*”. Vua nói:

- Thỉnh Pháp sư thôi!

Sơn Long liền thôi, xuống tòa lại, đứng dưới thêm. Nhìn lại xem trong sân, bọn tù nhân vừa rồi không còn một người. Vua bảo Sơn Long rằng:

- Phước đức tụng kinh của ông chẳng những là tự lợi, nhân đến làm cho bọn tù trong sân nhân nghe đề kinh *Pháp Hoa* mà đều được thoát khổ, há chẳng hay lắm thay! Nay tha ngươi trở về”.

Sơn Long lạy từ. Đi đặng vài mươi bước, Vua kêu trở lại, rồi bảo quân hầu:

- Nên dắt người này xem các ngục!

Quân hầu liền dắt Sơn Long đi qua phía Đông hơn trăm bước, thấy một thành bằng sắt rất rộng lớn, trên có mái trùm kín. Quanh thành có nhiều lỗ nhỏ, thấy các nam nữ từ dưới đất bay vào trong lỗ liền chẳng trở ra. Sơn Long lấy làm lạ hỏi, quân hầu Đáp:

- Đây là đại địa ngục, trong đó có nhiều lớp phân cách theo tội riêng khác. Các người đó đều theo nghiệp dữ của mình đã tạo. Vào ngục chịu khổ.

Sơn Long nghe xong buồn sợ, xưng “Nam mô Phật”, xin quân hầu dắt ra.

Đến cửa viện, thấy một vạc lớn lửa mạnh nước sôi, bên vạc có hai người ngồi ngủ. Sơn Long hỏi duyên cớ. Hai người đáp:

- Tôi bị tội báo vào vạc nước sôi này. Nhờ Hiền giả xưng “Nam mô Phật” cho nên các người tội trong ngục đều được một ngày nghỉ, vì mệt quá nên chúng tôi ngủ.

Sơn Long lại xưng “Nam mô Phật”.

Quân hầu đưa Sơn Long về nhà, thấy hàng thân thuộc đang khóc, sửa chữa những đồ tản liệm. Sơn Long vào đến bên thầy thì liền sống lại.

Chuyện trên đây là chính ông Lý Sơn Long nói với chủ chùa Tổng Trì. Chủ chùa thuật lại với tôi.

*

Nhiệm mầu thay kinh Pháp Hoa! Người trì tụng được công đức, ngoài Phật ra, không ai có thể nghĩ lường được. Đọa địa ngục, vì tội nghiệp nặng, lên tòa vừa khai tụng đề kinh mà cả mấy ngàn tù nhân dưới sân đều thoát khổ. Thoát khổ là bởi nghiệp tiêu. Tội nghiệp nặng mà tức khắc tiêu tan,

nếu không phải công đức rộng lớn quyết không thể được. Nghe đề kinh Pháp Hoa mà công đức lớn dường ấy, huống là người trì tụng đề kinh, huống là người trì tụng một phẩm, một quyển đến toàn bộ, hẳn đến người giải nói, biên chép, ấn tống! Ông Sơn Long được thoát ngục, được vua trọng, được quân hầu kính, phải chăng là do oai lực của kinh Pháp Hoa. Ta đối với kinh Pháp Hoa, thật nên chí thành đánh lễ, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, nếu ta có trí tuệ thoát khổ và thoát khổ cho người.

*

CHƯƠNG XVI:

SỰ TÍCH CHÉP KINH CỨU BẠN ĐỒNG HỌC

(Lại bộ Thượng thơ Đường Lâm biên)

Đời Tùy, niên hiệu Đại nghiệp, có vị khách tăng đi đến miếu Thái Sơn, muốn tạm nghỉ. Người giữ miếu nói:

- Ở đây không có nhà nào khác, chỉ có thể tạm nghỉ dưới mái hiên của miếu Thần. Nhưng gần đây, những người nghỉ nơi đó đều chết cả.

Khách Tăng nói:

- Không hề gì, cho ta tạm nghỉ nơi đó!

Người giữ miếu bắt đất dĩ y lời, dọn giường cho khách tăng nghỉ dưới hiên miếu.

Tối đến, khách tăng ngồi ngay thẳng tụng kinh. Ước chừng một canh sau, nghe trong màn có tiếng vàng ngọc khua. Giây lát có vị thần từ trong màn ra lễ lạy khách tăng. Khách tăng nói:

- Nghe người nói trước đây nhiều người bị chết tại chốn này, có phải là đàn việt hại đó chăng? Xin chớ có hại ta!

Thần nói:

- Ngày trước, tình cờ những người mạng số sắp chết, nghe tiếng động của đệ tử, nhân quá sợ mà chết, chớ chẳng phải đệ tử làm hại, xin thầy chớ lo.

Khách tăng mời thần ngồi nói chuyện. Lát sau, khách tăng hỏi:

- Nghe nói thần Thái Sơn cai trị loài quỷ, có thật chăng?

Thần đáp:

- Đệ Tử phước bạc, chính có thể! Có phải thầy muốn biết rõ việc người thân của thầy đã chết chăng?

Tăng nói:

- Ta có hai bạn đồng học đã chết, nay muốn thấy đó.

Thần hỏi tên hiệu, rồi nói:

- Một người đã đầu thai làm người, còn một người bị tội nặng đang ở địa ngục, không thể kêu đến. Nếu thầy muốn thấy cũng có thể được”.

Vị tăng rất mừng, liền đứng dậy đi theo thần. Không bao xa, thấy nhà ngục lửa cháy đỏ rực, thần dắt tăng vào một nhà, xa thấy một người đang ở trong lửa rên la nói không ra tiếng, thân thể nám đen không nhìn được, mùi thối cháy hôi khét khiến người đau lòng.

Thần nói:

- Chính ông ấy đó, thầy còn muốn đi xem vài nơi khác chăng?

Vị tăng buồn rầu xin trở về, giây lát đến miếu, lại cùng thần ngồi. Vị tăng hỏi thần cách cứu bạn học. Thần nói:

- Có thể được lắm. Thầy nếu biên chép được cho ông ấy một bộ kinh *Pháp Hoa*, thì chắc ông ấy được khỏi.

Bấy giờ, trời gần sáng, thần từ biệt tăng vào trong.

Sáng, người giữ miếu thấy khách tăng vẫn yên lành, lấy làm lạ hỏi, tăng thuật chuyện trong đêm lại.

Khách Tăng về chùa vì bạn chép kinh *Pháp Hoa*. Chép xong, Ngài đóng bìa, cắt xén tử tế, lại mang kinh đến miếu. Đêm đó, thần ra chào hỏi mừng rỡ, hỏi thăm đến có việc chi. Khách tăng đem chuyện chép kinh xong nói với Thần. Thần nói:

- Đệ tử đã biết rõ việc ấy, Thầy vì bạn chép kinh, lúc mới chép đề mục thì ông ấy đã khỏi khổ, hiện đã thác sanh vào nhân gian rồi, chỗ này không được tịnh khiết không thể thờ kinh, xin thầy đem kinh về chùa”.

Hai người cùng nhau đàm luận. Gần sáng, thần từ giã khách tăng vào trong. Vị tăng lại mang kinh về chùa.

Quan Biệt giá Trương Đức tự nói: “Khi ông trấn nhiệm ở Châu Duyện, có biết rõ việc trên”.

*

CHƯƠNG XVII:

TỤNG KINH THOÁT KHỎI THÂN NỮ

(Lại bộ Thượng Thơ Đường Lâm Biên)

Đời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng, huyện Bác Lăng, có ông Thôi Ngạn Võ, làm quan Thứ sử châu Ngụy. Một hôm, nhân đi thanh tra trong địa phận của mình quản trị, đến một ấp nọ, bỗng ông ngạc nhiên vừa sợ vừa mừng, bảo kẻ tòng giả rằng:

- Ta xưa nay từng làm vợ người ở trong ấp này, nay vẫn biết nhà cũ.

Liên cỡi ngựa đi vào đường hẻm trong ấp, quanh quẹo đến một nhà, sai người gõ cửa. Ông chủ nhà đó đã già, chạy ra lạy chào.

Ông Ngạn Võ vào nhà, chỉ trên vách phía Đông cách đất chừng năm sáu thước (thước Tàu), có chỗ lồi cao lên mà bảo chủ nhà rằng:

- Chỗ trên cao đó là chỗ mà xưa kia ta cất năm đôi thoa vàng, với bộ kinh *Pháp Hoa* ta đọc hằng ngày. Bộ kinh ấy cuối quyển bảy, lửa cháy xém mất chữ hết một trang. Vì có đó nên hiện nay mỗi khi ta tụng kinh *Pháp Hoa* đến trang đó, thường quên lãng không nghĩ nhớ được.

Nói xong, sai người đục chỗ vách đó ra, quả thật được hộp đựng thoa vàng cùng quyển kinh, cháy xém một trang cuối quyển thứ bảy như lời nói trước.

Ông chủ nhà rơi nước mắt, khóc rằng:

- Thoa vàng cùng kinh quả thật là vật của vợ tôi, ngày còn sanh tiền, vợ tôi thường đọc bộ kinh *Pháp Hoa* này.

Ông Ngạn Võ lại nói:

- Cây hòe trước sân kia ngày trước khi ta sắp sinh, tự tháo đầu tóc mượn giả vào bông cây đó.

Nói xong, bảo người thử lại tìm, thật quả được tóc.

Chủ nhà thấy việc như thế, biết chính quan Thử sử hiện nay là vợ của mình ngày trước tái sanh, vừa buồn vừa mừng.

Thôi Ngạn Võ để đồ vật vàng bạc lại, hậu cấp cho ông chủ nhà mà đi.

Trong phẩm “Được Vương Bồ Tát Bốn Sự”, có nói: “Nếu có người nữ nào nghe kinh này mà có thể thọ trì, thì sau khi bỏ báo thân đàn bà đó, không còn thọ lại nữa”. Chuyện của ông Thôi Ngạn Võ trên đây đủ chứng thật lời trong kinh, làm cho chúng ta lại càng kính tin lời của đức Như lai là chơn thật.

Một người đàn bà, vợ tên dân quê ở trong ấp nghèo cùng đọc tụng Pháp Hoa mà đã sớm khỏi thân hèn khổ, chuyển thành thân quan cao tước lớn, trong khi ấy người chồng vẫn còn là tên dân quê. Chồng lạy rước vợ, nào biết đó là vợ cũ của mình ngày xưa.

Tên dân quê đó cùng một ít kẻ lân cận, khi người đàn bà đọc kinh Pháp Hoa chết, hoặc giả có niệm nghĩ rằng: “Tụng kinh không phước, trái lại bị chết yểu”. Niệm ngu si, lòng chê kinh ấy, khi gặp Thôi Ngạn Võ, như tuyết gặp nước sôi vậy.

Ôi! Công đức bất khả tư nghì của người trì kinh thật vô cùng diệu dụng, lý nhân quả nhiệm mầu! Tâm những kẻ vụng về, trí thức thô thiển nào có thể thấu đáo được. Tôi rất lo ngại cho hạng người bác nhân quả, hủy báng kinh Đại thừa, và thiết tha mong sao những hạng người ấy không nên quá nông nổi.

*

CHƯƠNG XVIII:

NGHE KINH THOÁT KHỎI THÂN CHIM

I. Trích từ Minh Báo Thập Di

Đời Đường, đất Tinh Châu, nơi chùa Thạch Bích có vị lão tăng siêng tụng kinh, tham thiền. Cuối niên hiệu Trinh Quán, có bồ câu làm ổ ở trên xiêng phòng, mớm cho hai chim con.

Mỗi khi có đồ ăn dư, vị lão tăng thường đến bên ổ đút cho hai chim con. Sau khi chim con dần lớn, tập bay, rớt xuống đất chết. Lão tăng lại chôn cất cho...

Cách tuần sau, lão tăng mộng thấy hai đồng tử đến thưa: “Bạch ngài, vì đời trước chúng con tạo tội nên bị đọa làm thân bồ câu. Gần đây, nhờ nghe thầy tụng kinh *Pháp Hoa* và kinh *Kim Cang Bát Nhã*, nên tội diệt phước sanh. Chúng con thác sanh làm con trai nhà ông... ở làng bên cạnh cách chùa mười dặm, mười tháng sau sẽ nên thân người”. Vị lão tăng y lời trong mộng qua xem. Thấy nhà ấy có một người đàn bà đồng sanh hai đứa con trai. Đang cúng đầy tháng, lão tăng bèn hô lên:

- Thằng bồ câu!

Hai đứa trẻ đáp

- Dạ!

*

II. Trích từ Thiết Kiêu Tập

Đời Thanh, tỉnh Hồ Quảng, ông Liên Dẫn, trưởng giả tại chùa Pháp Luân ở Đoan Châu, nói với ông Thiết Kiêu rằng:

- Anh tôi ở một mình trên núi, hằng ngày tụng kinh *Pháp Hoa*. Thường có một con chim trĩ mỗi ngày đến nghe xong lại bay đi. Về sau, đã mấy ngày mà không thấy chim đến.

Cách núi chừng mười dặm, có người làng, sai người đến núi thưa với thầy:

- Vừa rồi, có một người đệ tử của thầy thác sanh làm con trai của chủ tôi, song những ngày gần đây cứ khóc mãi không nín, nên chủ tôi sai tôi đến mời thầy qua xem thử.

Thầy tự nghĩ không có đệ tử nào, chỉ có một chim trĩ thường ngày đến nghe kinh, nay đã vài ngày rồi không thấy đến, hoặc là chim trĩ ấy nhờ công đức nghe kinh mà được sanh làm người chăng?

Thầy liền đi qua nhà đó. Chủ nhà bỗng con ra. Đứa trẻ vừa thấy thầy liền vui mừng, thôi khóc. Do đó, thầy định chắc chim trĩ thác thân vậy.

*

III. Trích từ bộ Thông Tải

Triều Tấn, niên hiệu Nguơn Hưng, tại núi Dư Hàng, có Sa-môn tên Pháp Chi, thường tụng kinh *Pháp Hoa*. Mỗi lần thầy tụng kinh, có chim trĩ bay đến đậu một bên góc chỗ ngồi, hình như nghe Kinh. Như thế đến bảy năm thì chim trĩ chết. Thầy chôn cất. Đêm đó, thầy chiêm bao thấy một đồng tử đến thưa rằng: “Con nhân vì nghe Kinh mà được khỏi loài lông cánh, nay thác sanh vào nhà họ Vương ở trước núi đây”

Sáng ngày, thầy sai người qua hỏi thăm, quả thật Vương Thị vừa hạ sanh một bé trai.

Ít lâu sau, họ Vương thiết trai, thỉnh quý thầy đến cúng dường. Thầy Pháp Chi vừa mới bước vào cửa, đứa trẻ đã reo mừng:

- Hòa Thượng của con đến kìa!

Thầy cũng vuốt ve mà nói:

- Thằng trĩ của ta đây!

Cởi áo nó ra xem, thấy dưới nách có ba lông trĩ. Lên bảy tuổi, cha mẹ cho đứa trẻ xuất gia. Vì dưới nách có lông chim, nên đặt pháp danh là Đàm Dục. Đàm Dục chuyên tụng *Pháp Hoa*. Về sau, cảm Đức Phổ Hiền Bồ tát thị hiện.

Trong kinh có câu: “A Dật Đa! Nếu có người vì kinh Pháp Hoa này mà qua chốn tăng phường, hoặc ngồi hoặc đứng nghe kinh, tin nhận trong khoảng giây lát. Nhờ công đức đó, sau khi bỏ thân hiện tại, sanh ra được giàu sang hoặc ở cung trời^(*)...” (quyển sáu, phẩm Tùy Hỷ Công Đức thứ 12).

^(*) Xem ba chuyện bồ câu cùng chim trĩ ở trên, loài cầm nghe kinh, nhờ công đức đó mà đã sớm chuyển thân chim thành thân người, lại là thân người toàn vẹn sanh ra trong những gia đình phong lưu tử tế. Chẳng những thế mà cả ba đều biết túc mạng, nhất là ông Đàm Dục mới đó là chim trĩ, mà chỉ trong khoảng hơn mười năm sau đã nghiêm nhiên là một vị cao tăng. Loài chim còn được như thế, huống nữa là loài người. Kinh viết: “Giây lát nghe kinh, người ấy sẽ ở cung trời”, rõ là lời chân thật. Công đức nghe kinh Pháp Hoa nào có thể nghĩ bàn. Giống Vô Thượng Chánh Giác một phen gieo vào tâm điền thì sớm muộn gì quyết định cũng sẽ thành Phật, đâu chỉ có hưởng phước ở thế gian mà thôi?

Nghe còn như thế, huống là tự mình biên chép, thọ trì. Người không kết duyên với kinh Pháp Hoa, có thể nói là tự phụ bạc với mình vậy!

*



TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

1. Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Tại sao chúng sanh vô biên? Chúng sanh có tướng và tánh. Về tướng của chúng sanh có vô lượng vô biên. Nếu dùng giác quan hạn hẹp của loài người, chúng ta cũng thấy được chúng sanh vô cùng tận rồi. Về điểm này, kinh nói rõ pháp giới này có vô lượng vô biên thế giới, mỗi thế giới cũng rộng vô lượng vô biên, mà trên thế giới đó đều có chúng sanh. Vì vậy, sự tướng của chúng sanh là vô biên.

Về tánh của chúng sanh thì chỉ có một mà thôi, nhưng

tánh của chúng sanh là tánh pháp giới, mà tánh pháp giới thì vô lượng vô biên. Do đó, tánh và tướng của chúng sanh đều vô biên, nên nói là chúng sanh vô biên.

Bồ tát thệ nguyện độ chúng sanh vô biên. Như vậy, chúng ta cần đặt câu hỏi:

- 1- Những gì là chúng sanh?
- 2- Tại sao phải cần độ chúng sanh?
- 3- Tại sao Bồ tát phải thệ nguyện độ chúng sanh?

Thông thường khi hồi hướng, chúng ta chỉ đọc tụng chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Tuy nhiên, theo tôi nếu triển khai ba câu hỏi được đặt ra như trên thì giải thích cả mùa hạ này cũng chưa hết.

Ở đây chúng ta chỉ đề cập đến ba câu hỏi đó, còn về Bồ tát hạnh thì sẽ nói lược ở phần pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Học làm gì? Học để độ chúng sanh. Do đó, câu hỏi thứ 4 là Bồ tát độ chúng sanh như thế nào và làm thế nào độ chúng sanh thì để giải thích ở phần sau.

Câu hỏi thứ nhất: Chúng sanh là những gì?

“Chúng” là đông nhiều. “Sanh” là từ trước chưa có mà nay có. Thí dụ năm trước bà mẹ chưa có con, năm nay mới sanh con. Theo luận phân tích thì “chúng” gồm những vật hữu hình, hữu sắc và có hình thức ở trong các thế giới của cả pháp giới này có bảy đại chủng: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, căn đại và thức đại.

Như vậy, trong chúng sanh gồm có cả mình. Nhiều khi nghe nói mình là người xuất gia phải lợi tha, mới độ chúng sanh. Vì chỉ nghĩ đến người, đến vật khác thôi, mà quên mất mình cũng là chúng sanh. Quên mình là lỗi rất lớn.

Nói rằng độ hay giác thì phải độ mình, giác mình trước đã; vì mình là chúng sanh, bỏ sao được.

Mình bỏ mình mà mình đi độ ai? Mình bỏ mình mà mình đi giác ai?

Bản thân mình phải được độ, được giác thì mới độ người khác được, làm cho người khác giác ngộ được. Vì vậy, Bồ tát tự độ rồi độ tha, chứ không khi nào giác tha, tự giác. “Tự” đứng trước, “tha” đứng sau. Trong kinh luận chỉ nói Bồ tát là giác tha, độ tha, mà không có tự giác. Phật còn phải tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Với Phật, tự giác còn đứng đầu, huống chi là Bồ tát.

Vì thế, nói đến chúng sanh, phân tích chúng sanh là phân tích chính mình; mình cũng là chúng sanh. Thực tế, ai cũng biết người gần gũi, thân thiết với mình nhất chính là mình. Cho nên phân tích được, biết rõ được chúng sanh nơi chính mình thì sẽ biết rõ những chúng sanh khác, vật khác.

Thông thường, người ta hiểu chúng sanh là hữu tình chúng sanh. Thật sự, theo lí luận, chúng sanh có hai: vô tình chúng sanh và hữu tình chúng sanh. Vô tình là y báo, hữu tình là chánh báo. Chánh báo và y báo luôn luôn đi liền với nhau. Không bao giờ có chánh báo mà không có y báo và không bao giờ có y báo mà không có chánh báo. Cho nên hữu tình và vô tình luôn luôn không rời nhau, dù rằng hai.

Như đã nói ở phần trên, “chúng” là đông nhiều, ở trong đông nhiều đó, nó sanh ra, gọi là chúng sanh. Trong cái đông nhiều đó thì cái nào là đông nhiều? Không phải ở đây có 200 người là đông nhiều. Vì mỗi pháp có được là phải do nhiều nhân và nhiều duyên kết hợp lại. Có nhiều nhân và nhiều duyên, nên gọi là chúng; và từ nhiều nhân, nhiều duyên mà có, nên gọi là sanh. Chúng sanh nghĩa nó rộng như vậy. Nhiều người không biết chữ Hán, nên thường hiểu lầm chó, mèo, gà, vịt lúc nhúc ở chung một quốc độ như thế này, sống chung trên mặt đất như thế này, trong cùng một nhà như thế này, thì cứ nghĩ là chúng sanh. Không phải sống

chung như vậy là chúng sanh. Chúng sanh phải hiểu theo nghĩa mà tôi vừa giảng.

Như trên đã phân tích, “chúng” là nhiều, gồm các vật hữu hình, hữu sắc cấu tạo nên do bảy đại chủng: địa, thủy, hỏa, phong, không, căn, thức. Đại chủng gọi đủ là thức đại chủng. Thí dụ gọi địa là đại chủng vì tính cách của nó có khắp các nơi.

Bảy đại chủng là những pháp có khả năng tạo thành những pháp hữu hình, hữu sắc, có hình thức ở trong pháp giới này, không nói riêng một quốc độ nào. Tất cả đều phải như vậy. Và khi nó cấu tạo như vậy với những pháp không có hình thức thì đầu tiên, nó tạo thành tứ vi. Vi là nhỏ đi với chữ đại là lớn.

Tứ vi là cái bị tạo ra (sở tạo), gồm: sắc, hương, vị, xúc; trừ thính và pháp, vì thính và pháp không có ở nhóm hữu hình, hữu sắc. Tứ vi do địa, thủy, hỏa, phong kết hợp lại mà thành. Ngoài ra, còn có một đại chủng cho cả hữu tình và vô tình là “không đại”. Không có “không đại” thì không có gì thành được. Nhờ “không đại” mà thành tựu các hình sắc.

Ví dụ thân thể con người do “địa, thủy, hỏa, phong” và “không đại” kết hợp mà thành. Thật vậy, thân mình từ đầu đến chân, đến da, lục phủ ngũ tạng, ở đâu cũng có chất đặc cứng là “địa đại”. Máu cũng vậy, nếu được ép chung thì trong đó cũng có tánh chất của “địa đại”. Chất nước như máu là “thủy đại” làm thành, về “hỏa đại” là nhiệt độ, dù là âm độ. Ngoài ra, còn nhờ “phong đại” vì không có phong đại thì cái nào cũng đứng yên. Nhưng thực tế cái gì cũng luôn luôn động chuyển, dù nhiều hay ít. Thí dụ tôi ngồi yên thế này, nhưng máu vẫn chảy, tim vẫn đập, mạch vẫn nhảy, vẫn có hơi thở, tóc trên đầu vẫn mọc ra, móng tay vẫn dài ra. Sự tuần hoàn, tiêu hóa cũng động chuyển, từ rau cải ăn vào biến thành chất bổ dưỡng và chất bã thải ra. Luôn động chuyển trong thân mình do “phong đại” mà

tạo thành. Chữ “phong” ở đây nghĩa là động chuyển, không phải phong là gió ở ngoài thổi ào ào hay gió của quạt.

Do bốn thứ: địa, thủy, hỏa, phong kết hợp lại, mới thành sự, thành việc. Nó đứng rời ra thì không thành việc gì cả. Nó phải đứng chung lại, gọi là hòa hiệp; trong kinh gọi là nhân duyên hòa hiệp. Từ “hòa hiệp” đi sau “nhân và duyên”, thì những thứ: địa, thủy, hỏa, phong có khả năng làm cái gì đó; nó thuộc nhân hoặc thuộc duyên, rồi phải hòa hiệp mới thành.

Những vật chỉ có địa, thủy, hỏa, phong để làm nhân duyên hòa hiệp tạo thành một vật hữu hình, hữu sắc, có màu, có mùi vị, cứng mềm, nóng lạnh, nhiều ít, gọi là sắc, hương, vị, xúc. Bốn vi đó lại bị tạo ra bởi bốn đại năng tạo. Nếu vật chỉ có bao nhiêu đó, cộng thêm một đại chung là “không đại” thì gọi đó là chúng sanh vô tình. Nghĩa là nó chưa có tình thức, dù nó ở trong thân của mình cũng vẫn là chúng sanh vô tình, chứ không phải ở ngoài như đất đá dễ nhận hơn.

Tóm lại, trong thân của mình chỉ có bốn năng tạo là địa, thủy, hỏa, phong và bốn sở tạo là sắc, hương, vị, xúc thì đó là chúng sanh, nhưng là vô tình chúng sanh. Bây giờ nếu thêm căn đại và thức đại. Tánh chất của căn là có khả năng tiếp nhận bốn vi: sắc, hương, vị, xúc. Nếu một vật không có khả năng tiếp nhận của “căn đại” thì vật đó không có cảm giác. Nếu không có cảm giác thì không làm trung gian liên hệ để có sự hiểu biết. “Căn đại” là cái trung gian, môi liên hệ để phát sinh ra nhận biết, nhận biết đó là “thức đại”. “Thức đại” có khả năng biết để mà hiểu. Như vậy, tất cả chúng sanh hữu tình và vô tình như chúng ta và núi sông, cây cỏ, đất đá, đều không nằm ngoài sự cấu tạo hòa hiệp của bảy đại chủng (năng tạo). Các thứ bị tạo, cái được làm ra là sở tạo.

Đừng lầm “nhãn căn” hay con mắt là “căn đại”. Mắt là của tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, làm ra; không phải do căn đại mà có. Nhưng nếu con mắt mà thiếu “căn đại”, nghĩa là

không có khả năng tiếp xúc với sắc trần, thì con mắt đó chỉ là cục thịt mà thôi.

Con mắt tiếp xúc được với trần cảnh là nhờ “căn đại”. Theo quan niệm vật chất thì “căn đại” là thị giác thần kinh. Nhưng thật ra thần kinh hữu hình, hữu sắc, không phải là “căn đại”. Khả năng tiếp xúc với sắc trần mới là “căn đại”. Phải có khả năng tiếp xúc, hay phải có “căn đại” mới tiếp xúc được với sắc trần. Không có khả năng tiếp xúc (căn đại) thì không thể thấy được, biết được. Cái sờ đến được là cái được tạo ra của bốn đại: địa, thủy, hỏa, phong, không phải cái được tạo ra của “căn đại”.

Cần phân biệt rõ “căn” khác với địa, thủy, hỏa, phong và “căn” khác với “thức”. “Căn đại” chỉ là khả năng tiếp xúc. Cái biết được là khả năng của “thức đại”.

Chỉ có Thánh mới phân tích được “căn” với “thức”, còn phàm không biết, nhị thừa chưa phân tích được.

Trong *Bát Thức Quy Củ* có câu: “Ngu giả nan phân thức dữ căn”. Người ngu khó phân biệt “thức” với “căn”; cho đến trí huệ của Thánh nhị thừa cũng chưa phân biệt được. Pháp nhãn, Phật nhãn mới phân biệt được. Ngu ở đây chỉ cho hàng nhị thừa, thánh nhân, không phải là phàm phu mình đâu.

Chữ “phân” là phân biệt biết sự cấu tạo chúng sanh hữu tình là chánh báo, chúng sanh vô tình là y báo. Chánh báo là quả báo chánh. Y báo là chỗ dựa nương. Chánh báo và y báo lúc nào cũng đi đôi với nhau. Dù có phân quả báo chánh, nó vẫn không thành, nếu không có chỗ dựa nương.

Hiện tại ngũ ấm thân của mình là chánh báo, nó phải có y báo. Mình đứng trên đất, đất là y báo; mình ngồi trên ghế, ghế là y báo; cho đến nhà cửa, quần áo, ăn mặc; thậm chí gió thổi, mặt trời... đều là y báo của mình cả. Chánh báo phải dựa trên y báo đó. Chánh báo đại khái nói là hữu tình chúng sanh. Y

báo thiếu căn, thức, nên nó thiếu tình thức, hiểu biết, gọi là vô tình. Nói chung là chúng sanh.

Từ “chúng” đã biết rồi, còn “sanh” là có ra. Về “sanh” thì có phần “năng”, tức phần làm ra là thất đại và cái bị làm ra là thuộc “trần” gồm có 4 vi: sắc, hương, vị, xúc.

Và nói đến chúng sanh thì có biết bao nhiêu thứ. Nhưng hễ chúng sanh là có hữu tình và vô tình kết hợp lại, vì hữu tình ở đâu thì vô tình ở đó, chánh báo ở đâu thì y báo ở đó, không thể tách rời được.

Nhưng tóm lại, như trong kinh nói, gồm chung có chín loài chúng sanh: loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, loài có sắc, loài có tướng, loài không tướng và loài phi tướng phi phi tướng.

1/ Bốn loài chúng sanh được sanh ra theo cách: noãn, thai, thấp, hóa và trong đó cũng phân ra loài có hình sắc và không hình sắc. Loài có hình sắc sanh ra từ noãn là trứng, như loài chim; sanh ra từ thai như loài chó, mèo, con người; sanh ra từ thấp là ẩm ướt và hóa sanh thì ít thấy.

Quý có thể ở 3 loài sinh ra 4 thứ.

Loài thú có thể do nhiều loại sanh ra.

2/ Loài người đa số do thai sanh, là loài có sắc. Loài thú cũng có loài có sắc. Các vị trời cũng có sắc.

3/ Loài có tướng như mình đây

4/ Loài không tướng như chư thiên (vô tướng)

5/ Loài không phải tướng, không phải không tướng (phi tướng, phi phi tướng)

Trong chín loài chúng sanh rất nhiều, không kể hết, nên gọi là chúng sanh vô biên:

Câu hỏi thứ hai: Tại sao chúng sanh cần phải độ?

Không biết bao nhiêu khổ não, phiền toái bao trùm mỗi mỗi chúng sanh. Cho đến chư thiên cũng khổ não sanh ra và mất đi, huống chi những loài dưới chư thiên khổ não biết bao nhiêu, luôn luôn bị khổ bao vây. Vì vậy kinh Pháp Hoa nói Phật nhãn thấy các chúng sanh đều khổ, nhưng lại mê muội, sống trong cái khổ lấy đó làm vui. Ngoài ra còn có tám cái khổ mà Phật cho biết mọi người phải gánh chịu, như sanh ra khóc oa oa do ép ở thai, ra ngoài bị gió thổi rát. Vì khổ quá mà la khóc, không la khóc thì người ta làm cho la khóc. Cái sanh khổ là vậy.

Lúc lớn lên phải lo ăn lo mặc, làm việc lo thành bại, cả đời sống phải làm cho khổ lụy thân. Đến khi tuổi già lại càng khổ, chân tay mỗi mệt..., già lại sanh bệnh, vô số bệnh, rồi chết. Mà chết cũng khổ vì đâu phải chết dễ dàng. Thành linh bị tai nạn, hay không có tai nạn thì cũng bị giăng giạt ngày này tháng kia rồi mới chết. Trong kinh nói, thân thức rời thân này còn khó hơn con rùa bị kéo thịt rời khỏi cái mai.

Sự sống phải kết hợp ba thứ: thức là quan trọng, thức rời thân thì đó là thật chết. Hơi ấm còn một chút ở thân thì thức chưa rời. Khi người chết còn một chút hơi ấm thì đừng đưng vô thân họ, nếu động đến họ sẽ đau khổ, khó chịu. Nếu thức còn thì có phân biệt, có niệm khó chịu là có sân, sân ở trạng thái vi tế. Không vừa ý là sân, từ không vừa ý đó nên phát ra hành động sân.

Nếu sân khởi lên thì đời sau không tốt lắm đâu. Nếu những người ở bên cạnh khóc than thì tưởng lúc đó họ chết, nhưng thực ra thần thức họ còn; nên họ cảm xúc được cái kêu khóc thì tham ái nhiễm. Cái niệm đó khởi lên thì đời sau không tốt.

Do đó, ta nên để yên người chết, cùng nhau tụng kinh, niệm Phật giúp cho thần thức có niệm lành, tốt. Do niệm lành tốt khởi lên mà đi đến nơi hưởng quả báo đời sau tốt.

Trong *Quy Sơn Cảnh Sách* có câu: “Tâm chữ đa đoan, trọng xứ thiên tị”, nghĩa là tâm rối bời, nhưng cái nào mạnh hơn thì cái đó kéo. Thí dụ, tâm tuy rối ren, nhưng nếu niệm lành mạnh hơn thì cái tâm lành đó sẽ kéo mình đến chỗ lành; nếu niệm không lành thì tâm sẽ sa vào chỗ không lành.

Do đó, người về thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà như trong kinh *A Di Đà* nói: Lúc lâm chung, nhờ thiện căn niệm Phật và Thánh chúng hiện tiền nên người đó chánh niệm rõ ràng. Chánh niệm của họ là niệm Phật. Tâm người đó nặng ở niệm Phật, nên họ vào cõi Phật.

Trong tám cái khổ mà Phật nói, có cái khổ vì cầu việc gì đó không toại nguyện. Nếu tạm thời toại nguyện, thì rồi nó cũng hư hỏng, nên gọi là “Cầu bất đắc khổ”. Có cái khổ vì những người mình thân ái, vật mình ưa chuộng mà phải xa lìa, mất mát, gọi là “Ái biệt ly khổ”. Ngược lại, người mình không ưa, làm mình buồn rầu mà lại gặp gỡ, phải gần gũi, gọi là “Oán tăng hội khổ”. Nhất là khổ vì thân ngũ ấm này, nó luôn luôn đòi hỏi rồi nó không bình thường nữa. Có lúc thì sắc uẩn tăng, có lúc thọ, tưởng, hành, thức tăng. Mỗi khi nó tăng như vậy làm cho mình bị bức bách, phiền muộn. Do đó, thân này luôn luôn làm mình khổ. Đại chúng chịu khó tư duy, quan sát điều đó, cảm nhận được cái gọi là “ngũ ấm xí thành khổ”.

Tám điều khổ đó không ai tránh khỏi, dầu là người xuất gia, đại lão hòa thượng đi nữa cũng vậy; vì đại lão cũng phải già, bệnh, chết. Ngoài đời như vua chúa cũng không thoát khỏi tám điều khổ đó. Đó là cái khổ chung của chúng sanh hữu tình có chánh báo và y báo. Ngoài ra, hoàn cảnh ở cõi này có biết bao sự khổ. Nói chung là cái khổ trong vòng sanh tử luân hồi, chẳng những ở một đời hiện tại mà về quá khứ vô lượng đời cũng luôn luôn bị cái khổ như vậy. Bỏ thân này rồi đến thân kia, thì thân này khổ như vậy, thân kia cũng như vậy. Và hiện tại cho đến về sau luôn luôn khổ triền miên, nó xoay

vần, sanh tử luân hồi khổ. Mà đã khổ thì cần phải thoát khỏi cái khổ đó. Vì vậy, tất cả loài chúng sanh hữu tình ở trong vòng sanh tử luân hồi chính là đối tượng của Bồ tát cứu độ. Bồ tát phải thệ nguyện độ chúng sanh, tức đưa họ ra khỏi sanh tử luân hồi.

Nhưng độ chúng sanh là việc làm rất khó trong tất cả việc khó. Muốn làm việc khó đó, nếu không có đại thệ nguyện thì không có nền tảng để đứng vững, làm cho được. Do đó, Bồ tát phải phát thệ nguyện rộng lớn, sâu vững.

Chúng sanh rộng lớn vô lượng vô biên và cái khổ của chúng sanh cũng vô cùng vô tận, nên Bồ tát thấy họ khổ phải độ. Đó là điều đầu tiên của Bồ tát, nhưng mục đích chính không phải chỉ làm cho chúng sanh khỏi khổ sanh tử luân hồi. Chính bản thân Bồ tát lại có điều quan trọng mà không vị Bồ tát nào thiếu được, đó là muốn thành Phật. Và muốn đạt quả vị Phật thì nhân hạnh phải trọn vẹn, trong đó từ bi là điều kiện cần thiết trước nhất.

Thiếu từ bi thì không thành Bồ tát được, vì từ bi là cơ bản đầu tiên để từ đó phát sanh ra công đức, phước huệ. Công đức viên mãn thì thành Phật. Từ bi là căn bản tất nhiên không thể thiếu được. Một đoạn trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm nói rõ điểm đó như sau ở điều thứ 9 là tùy thuận chúng sanh: “Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vi thế. Cố nhân ư đại bi sanh bồ đề tâm, nhân bồ đề tâm thành Đăng chánh giác. Thí như khoán dã sa tích chi trung, hữu đại thọ vương nhược căn đắc thủy, chi diệp hoa quả tất giai phiền mậu sanh tử khoán dã, bồ đề thọ vương, diệp phục như thị. Nhất thiết chúng sanh nhi vi thọ căn, chư Phật Bồ tát nhi vi hoa quả, dĩ đại bi thủy nhiều ích chúng sanh tất năng thành tựu, chư Phật, Bồ tát, trí huệ hoa quả hà dĩ cố nhược chư Bồ tát. Dĩ đại bi thủy nhiều ích chúng sanh đắc năng thành tựu A nậu đa la tam miệu tam bồ đề cố. Thị cố bồ đề thuộc ư chúng

sanh. Nhược vô chúng sanh nhất thiết Bồ tát chung bất năng thành Vô thượng chánh giác”.

Đoạn đó có nghĩa là: “Chư Phật Như Lai lấy tâm đại bi làm thể của mình. Có kinh khác nói chư Phật không có tâm niệm nào khác. Ngài không phải như những người hay những chúng sanh có đủ tất cả tâm niệm. Phật chỉ có tâm từ bi mà thôi. Ngoài tâm từ bi ra, Phật không có tâm niệm nào khác. Do đó trong đoạn kinh vừa nhắc đến thấy rõ ràng đại bi tâm là cái thể của chư Phật, nhân đại bi tâm mà phát bồ đề tâm. Mình thì thường nói phát bồ đề tâm, thượng cầu hạ hóa, là trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sanh.

Bồ đề tâm là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm. Dịch tắt là tâm đại giác ngộ, tâm giác ngộ hoàn toàn là tâm Phật. A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thượng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là đúng rồi, còn tại sao phải hạ hóa chúng sanh?

Muốn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thể không hóa độ chúng sanh. Vì không độ chúng sanh thì không thể rèn luyện tu tập thành tựu hạnh đức, trí huệ để trọn nên quả Phật. Thật vậy, có muốn làm mới học hỏi, có học hỏi việc làm đó mới tốt. Nhờ làm việc nên có kinh nghiệm, nhờ kinh nghiệm lần lần nghề mới giỏi. Vì nghề giỏi đạt đến cứu cánh mới hoàn toàn thành tựu được.

Không nên nghĩ rằng Bồ tát phải độ chúng sanh, nhưng chính Bồ tát có bốn phận phải độ mình. Vì có độ chúng sanh là thực hiện từ bi tâm mới đủ công hạnh Bồ tát. Do độ chúng sanh mà phước huệ Bồ tát được viên mãn, mới thành Phật. Do đó Bồ tát độ chúng sanh chính là tự độ bản thân Bồ tát.

Tóm lại, vì chúng sanh khổ, Bồ tát khởi tâm thương. Tình thương của Bồ tát rộng lớn, bình đẳng, không xen ghét thương, không thấy có không, lấy bỏ, cũng không thấy mình thấy người. Tình thương bình đẳng đó mới là từ bi tâm. Nếu

tình thương không bình đẳng là còn có phân biệt hai thứ như : mình, người, thương, ghét, cho, không cho, độ, không độ, nhiều và ít; đó không phải là từ bi của Đại thừa Bồ tát.

Từ bi của Đại thừa Bồ tát không có hai thứ, nên trong kinh diễn tả bằng từ “vô nhị”, “bất nhị”, hay “pháp môn bất nhị”, “bất nhị pháp môn”, “pháp môn vô nhị”, nghĩa là pháp môn không có hai.

Mà muốn không có hai thì phải bình đẳng. Bình đẳng của đạo Phật khác hơn bình đẳng của người đời dùng. Bình đẳng người đời dùng rất nhiều thứ, nhưng nó đồng với nhau. Bình đẳng trong Phật pháp là duy nhất, là một. Một tuyệt đối, không phải một đối với hai, ba để được bình đẳng.

Đề được tâm từ bi, hạnh từ bi của vị Bồ tát, thì phải bình đẳng, phải vô ngã. Vì có ngã, có người, là có chúng sanh, có đủ thứ; như vậy nó trái với bất nhị, vô nhị rồi, nó bất bình đẳng rồi. Chẳng những không có ngã mà còn có pháp nữa. Vì có pháp thì còn phân ra pháp cao, pháp thấp, pháp tốt, pháp xấu, pháp Phật, pháp chúng sanh, đủ thứ, thì cũng bất bình đẳng. Vì vậy, muốn bình đẳng vô nhị, bất nhị, phải vô ngã, vô pháp mới được.

2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Thực hiện câu nguyện thứ nhất “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” nghĩa là phải có tâm từ bi, bình đẳng, vô ngã, vô pháp. Và cần liên kết câu nguyện này với câu nguyện thứ hai “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”. Vì muốn được vô ngã, vô pháp thì phải bắt đầu từ đâu? Không phải muốn là được. Muốn vô ngã thì vô ngã, muốn vô pháp thì vô pháp; dễ như vậy, chúng sanh cần gì phải tu, chúng sanh là Phật hết rồi.

Chúng sanh không phải là Phật, dầu rằng trong kinh nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tại sao hiện tại chúng

sanh không phải là Phật được? Vì chúng sanh đang ở trong quả khổ sanh tử luân hồi, là do y báo chánh báo nằm trong cảnh vô thường biến đổi, có rồi mất, nên gọi là sanh tử. Cái đó là cái khổ. Quả khổ đó phát sinh từ cái nhân gọi là nghiệp nhân, mà nghiệp nhân là việc làm phát xuất từ thân, khẩu, ý. Thân làm việc lành, việc dữ. Miệng cũng có lời hay, lời sai trái và ý cũng vậy, nghĩ điều hay, điều dở. Như vậy, thân khẩu ý tạo cái lành, cái ác. Nhưng tạo cái ác thì ở trong sanh tử đã đành. Còn cái lành thì có cái lành trong sanh tử, có cái lành ngoài sanh tử. Lành trong sanh tử là lành của phàm phu. Lành ngoài sanh tử là lành của bậc Thánh.

Đối với người tu trong Phật pháp, cái lành trong sanh tử không phải là mục đích, đó chỉ là sự tạm bợ trong thế gian. Người tu hành phải làm cái lành ngoài thế gian, ra ngoài sanh tử. Pháp chúng ta học gọi là hữu lậu, vô lậu.

Lậu là lậu hoặc, nghĩa là nó rơi, rớt, lọt; đó là ý nghĩa của phiền [罣]. Phiền nào là gì? Là thứ làm cho thân tâm nóng nảy, bồn chồn, bức rức, không thư thái, thanh thản. Những thứ đó tạo ra như vậy, thì nó lại phát sinh ra nghiệp lành dữ trong sanh tử luân hồi.

Việc ác bỏ ra rồi, nhưng việc lành còn dính líu thì không vượt dòng sanh tử được; chỉ tạm thời ít khổ mà gọi là vui, là cái vui tạm trong sanh tử thôi. Cũng như Phật nói hiện tại loài người chúng ta ở trong lục đạo sanh tử luân hồi là thuộc về thiện đạo, tức thuộc loại lành. Chử đạo có nghĩa là con đường.

Con đường lành đó ở trong sanh tử như vậy do đâu? Vì nó kèm theo cái lậu hoặc phiền não là chính là đầu mối điều khiển sanh ra nghiệp lành hữu lậu. Do nghiệp lành hữu lậu đó mà hiện tại mình hưởng quả người về nhân đạo thuộc thiện đạo trong lục đạo.

Nhưng nếu suy nghĩ lại trong thiện đạo của loài người, không hề có chánh y báo thật vui. Đường lành phải vui, mà

thật vui không có, chỉ vui tạm, hoặc có vui thì vui đó chỉ là sự đối đãi với cái quá khổ, rồi mình lấy khổ ít mà cho là vui; nên nó vẫn là cái nhân để thành sự khổ. Vì vậy, cái vui mà loài người coi là thật không được Phật pháp công nhận. Trong kinh Pháp Hoa có câu: “Dĩ khổ vi lạc”. Chúng sanh lấy khổ làm vui, như người gánh nặng, gánh bên vai mặt rồi đổi qua gánh bên vai trái thì thấy khỏe, đỡ đau, đỡ mệt một chút thì cho nó là vui; thật thì khổ thay đổi thôi. Như đói được ăn thì mừng lắm, vui lắm. Nhưng cái ăn đó có thực vui không? Ăn rồi thì cần tiêu hóa, không tiêu hóa được thì nặng nề khó chịu, mà một thời gian sau đói trở lại. Như vậy đã lấy cái không vui cho là vui, rồi cái mình cho là vui đó chính là cái nhân để thành cái khổ sở tới. Cái khổ hiện tại của mình mà tìm không ra. Còn cái vui chân thật có được là vì trụ trong Phật pháp nên luôn luôn nhằm chán thế gian.

Việc học rộng mênh mông, có cái nói về tánh, về thể. Nhưng nếu mình quên sự tướng, quên mình hiện tại là phàm phu bị quả báo loài người trong vòng lục đạo luân hồi thì khó tiến lên được. Phải biết vị trí mình đang đứng là phàm phu. Học rộng biết nhiều thì được, nhưng quan trọng là hiểu đúng điểm phát xuất để tiến trên con đường đạo, phải từng bước từ thấp cuối cùng, rồi lần bước lên. Nếu không có quan niệm nhằm chán sanh tử khổ thì không thể tu hành pháp giải thoát của Hiền thánh được. Vì có nhằm chán, bỏ cái này, mình mới làm cái kia. Nếu không nhằm bỏ cái này thì vẫn nắm lấy cái này, ăn ở chỗ này mà thôi. Giống như phần nhiều ai cũng biết niệm Phật. Nhưng mục đích niệm Phật để làm gì? Để được y báo, chánh báo ở Cực Lạc thế giới, nghĩa là sanh nơi Tịnh độ.

Tâm niệm chánh hằng ngày là mền luyến thân cảnh này, như vậy dĩ nhiên không thể thoát ra khỏi thân cảnh này được. Do đó, nhằm chán là điều đứng đầu. Chính vì vậy mà pháp phổ thông trong ba thừa như Tứ đế chẳng hạn, nói đến Khổ

đề trước nhất. Phật nói đây là khổ, các ông phải biết rõ ràng như vậy. Nếu điều thứ nhất đó mà không nhận thức được thì nói các điều sau chỉ là nói chơi, hý luận, không được gì hết. Do đó phải biết khổ, phải thấy khổ để nhàm chán cái khổ đó. Không muốn còn cái khổ đó nữa, thì mình mới tìm con đường ra khỏi cái khổ.

Vì vậy, đầu mỗi chủ động của sanh tử luân hồi là phiền não, hữu lậu phiền não. Trong kinh luận nói mười phiền não chánh là tham, sân, si, mạn, nghi và năm ác kiến là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

Trong mười phiền não có phiền não do nhiều đời huân tập đã thành, không cần học hỏi, không cần tác động bên ngoài mà phiền não đó vẫn khởi lên khi đã có thân này. Nó đồng thời khởi lên, cùng chung với thân khởi nên gọi là câu sanh phiền não.

Có những phiền não không đồng thời có với thân này, mà phải chờ sự chạm xúc, chờ hoàn cảnh, học hỏi, phân biệt phải quấy, mình người... để nó sanh khởi lên, gọi là phân biệt phiền não. Phân biệt nghĩa là có sự hiểu biết, sự phân tích sai khác, rồi mới khen chê, lấy bỏ và từ đó mới phát khởi lên có tham, sân, si v.v... Các thứ phiền não đó khởi lên trong đời hiện tại khi có thân này rồi, do các giác quan tiếp xúc với cảnh ngoài để tạo thành cái khổ gọi là phân biệt phiền não.

Về phân biệt phiền não, tôi đại lược nói con số. Theo phần chung của tam thừa, những phiền não về phân biệt có 88 thứ. Khi người tu hành do quán trí thấy rõ được lỗi của phân biệt, chứ không phải nói theo văn tự. Thấy được cái lỗi của phân biệt, nghĩa là không phân biệt mà rời được phân biệt, thì những phiền não về phân biệt không còn, Phật pháp gọi đó là kiến đạo, thấy đạo. Nhờ thấy đạo mà các phân biệt phiền não bị dứt trừ, cho nên có thể gọi nó là *kiến sở đoạn hoặc*.

Hoặc là cái mê lầm, từ riêng của phân biệt phiền não. Phân biệt phiền não này do “thấy đạo” mà dứt hết, gọi là kiến đạo sở đoạn hoặc, nói tắt là kiến hoặc.

Tiếp theo nói về câu sanh phiền não là phiền não cùng chung thân này, khi thân này có thì nó có. Nếu tư duy tu tập theo pháp môn của Phật, tập trung tư tưởng vào đề mục mà Phật dạy, lần lần tâm không tán động, trụ lại một chỗ. Khi tâm đã trụ lại một chỗ duy nhất gọi là nhứt tâm, hay định. Định đó đúng với pháp đức Phật dạy thì đó là định chân chánh, gọi là chánh định.

Khi có chánh định, tâm không tán động nữa. Tâm không tán động thì những món phiền não đó không có chỗ để phát được, nó bị cột lại, gom lại, bị đè xuống, bị tóm gọn. Nhờ chánh định làm cho tâm đứng yên, do tâm đứng yên mà lần lần thoát từ nội tâm phát sáng ra. Khi nội tâm phát sáng ra thì những hoặc nhiễm phiền não không còn khởi được nữa và nó bị dứt trừ. Do tư duy tu tập thành tựu định huệ mà dứt được những câu sanh phiền não, nên gọi là *tư sở đoạn hoặc*, gọi tắt là tư hoặc. Nếu tư hoặc phân ra ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc có rất nhiều, nên khó dứt.

Về kiến sở đoạn hoặc, khi mình thấy được đạo, là thấy rõ lỗi của phân biệt và rời bỏ cái phân biệt đó thì phiền não này liền dứt, nó dứt một lượt, không có tuần tự.

Còn tư sở đoạn hoặc, nghĩa là phiền não do tư duy tu tập để dứt thì nó lại có rất nhiều phần. Nếu ở Dục giới chia làm 9 phần có thượng, trung, hạ. Thượng thì có thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, cho *đến* hạ cũng có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Do đó có cái thô, cái tế của nó, mới chia ra 9 phần.

Sắc giới thì có 4 cõi thiên, vô sắc giới thì có tứ không, thành 8.

Mỗi tầng đều có 9 phẩm như vậy cả. Nếu nhân lên thì Dục giới là 1, Sắc giới có 4 tầng, Vô sắc giới có 4 tầng. Vậy tất cả là 9 nhân 9 phẩm là 81 phẩm. 81 phẩm đó không thể dứt một lượt được. Sự tu duy tu tập mà thành định huệ của mình thì chỉ dứt được từng phẩm theo tuần tự mà thôi.

Đại lược để nói kiến hoặc và tư hoặc, mình thấy nó đã có rất nhiều như vậy. Chẳng những tham, sân, si, mạn, nghi, cùng 5 ác kiến, mà nó chia ra nhiều phẩm như thế đó. Cho đến trong kinh nói rằng tổng số bao quát của nó có tới 84.000 thường gọi là 84.000 trần lao. Trần lao là từ riêng của phiền não. Đó là nói tổng quát. Trong kinh có chỗ nói rộng ra nữa thì nó vô lượng.

Ngoài ra còn có phân chủ chốt, chỗ dựa của phiền não. Không có cái gì tự nhiên mà có, phải có từ đâu. Phiền não cũng vậy, trong kinh nói nó có từ vô minh bất giác.

Chúng ta ai cũng có tánh thể, thường gọi là tâm hay tâm tánh. Bản lai của tánh thể là gì? Phạm phu chúng ta không ai biết được điều này, nên gọi là bất giác, là vô minh. Vô minh là không sáng biết, bất giác là không biết. Chính cái không biết tánh thể sẵn có của mình, không biết được cái có của mình là đầu mỗi sanh ra tất cả phiền não. Từ phiền não đó sanh ra cái nghiệp hữu lậu, nghiệp vô lậu để kết thành nguyên nhân của tất cả cái lành dữ, mà có ra quả báo khổ vui. Hay nói theo chiều ngược lại thì tất cả quả báo do nghiệp nhân, nghiệp nhân do đầu mỗi phiền não mà phiền não dựa trên vô minh bất giác.

Nói về vô minh bất giác, trong kinh luận phân ra rất phức tạp. Vì phức tạp nên phân chia các bậc Bồ tát, từ sơ phát tâm Bồ tát, rồi thập Tín, thập Trụ, thập Hạnh, thập Hồi hướng, thập Địa cho đến Đẳng giác, Diệu giác thành Phật.

Để dứt trừ vô minh bất giác, nghĩa là không nhận biết được tâm tánh bản lai sẵn có của mình, phải tu tập từ bậc như

vậy, không đơn giản. Gộp chung lại, từ vô minh đến tư hoặc, câu sanh phiền não, kiến hoặc, phân biệt phiền não, tất cả như vậy vô cùng vô tận. Do đó mới nói phiền não vô tận. Phiền não vô tận như vậy, nhưng Bồ tát cũng quyết dứt trừ cho hết.

Phiền não vô cùng vô tận mà không phát thệ nguyện, nhất định là không làm tới nơi tới chốn được. Phải nhờ thệ nguyện làm nền tảng, chỗ dựa vững vàng để không bị thối lui. Dứt trừ phiền não không dễ dàng, nếu không có đại nguyện, đại lực thì không thể dứt trừ được nó. Hoặc có dứt trừ châng nữa thì đến phần nào mệt mỏi rồi dừng lại ở đó, không dứt trừ sạch được.

Muốn dứt trừ sạch phiền não, phải có chỗ đứng thật vững, đó là đại thệ nguyện. Cho nên thệ nguyện rộng lớn thứ hai của Bồ tát là dứt trừ phiền não, dù nó có vô tận vô biên.

Tôi xin nhắc sơ qua về vô minh bất giác để hiểu dễ hơn khi đọc luận Khởi Tín phân chia rõ như thế này. Từ nơi bất giác mới có vọng động. Bất giác là chẳng thấy biết tâm tánh bản lai của mình. Đừng nghĩ là vô lượng kiếp trước hay lúc nào, mà ngay hiện tại, rõ ràng là mình không thấy biết nó khởi lên cái vọng động. Vọng động có phần năng và phần sở. Có vọng động thì có đối tượng. Có đối tượng thì có bên đây, bên kia là phần năng, phần sở. Từ phần năng, phần sở, mới có sự phân biệt nối tiếp không ngừng. Nếu cái phân biệt đó không nối tiếp chẳng ngừng thì mình dễ dàng trở lại cái tánh bản lai của mình.

Vì có sự nối tiếp không ngừng đó mới có sự nắm lấy. Do nắm lấy sanh ra hành động. Có hành động thì có kết quả của nó là quả khổ. Nếu từ hành động tính ngược lại về trước, thì đó là cái nghiệp. Nắm lấy là chấp thủ, tức chấp ngã câu sanh hay chấp ngã phân biệt.

Trong sự nắm lấy có sự nối nhau không dứt, gọi là tương tục. Cái nối mãi không ngừng là do phân biệt, trong luận gọi

là trí. Tại sao gọi là trí? Vì nó đứng trước cái nổi lên, nắm lấy cùng với hành động. Nếu nó đứng dưới cái nổi lên, nắm lấy hành động thì nó là sai lầm, gọi là thức, không gọi là trí nữa. Phần trên đã nói cái trí do năng sở mà có và năng sở thì từ vọng động mới có. Vọng động từ nơi bất giác là chẳng thấy biết tâm tánh bản lai của mình. Thiền tông đi tắt, nhất quyết thấy được tâm tánh mà thôi. Cái đầu mối mà được thì các cái dưới mất hết, cái đầu mối mất thì các cái dưới không có giá trị gì nữa. Do đó người ta gọi là đi tắt.

Nhưng làm sao mình tâm kiến tánh? Nó rõ ràng vậy đó, nhưng các huynh đệ đừng nghe vậy mà ham, phải ghi nhớ là hàng đại căn đại trí mới có thể chỉ trong một đời này mà mình tâm kiến tánh được. Còn người tầm thường không hiểu tới nơi tới chốn, rồi khởi sanh phiền não, khởi nghiệp tạo tội, thiện ác phải lẫn quẩn trong sanh tử luân hồi mãi mà thôi. Không phải dễ dàng được đâu, vì thứ bậc đi quá xa như vậy.

Từ tư hoặc, kiến hoặc là từ chỗ nào? Từ chỗ phân biệt, đến nổi tiếp, đến nắm lấy, mới hành động, dẫn đến kết quả. Kiến hoặc, tư hoặc nằm ở chỗ nắm lấy. Và phần đầu mối là vọng tưởng bất giác là phần vô minh hoặc.

Phân rõ như vậy rồi, mình nhất quyết tu, vì bản tâm của mình, đâu phải của ai mà tự nơi chính mình. Điểm đầu tiên rõ ràng đơn giản lắm là mình có tánh thể, tạm thời dùng ngôn ngữ như vậy để phân tích. Tánh thể đó là bản tâm, bản tánh của mình mà mình không nhận biết được, không thấy được của mình. Nếu cố gắng mình có thể thấy, vì bản tâm đó là cái sẵn có của chính mình.

Muốn thấy bản tâm của mình, như trong kinh Lăng Nghiêm Phật nói rằng mở gút, có nhiều gút quá rồi thì mình phải lần lần gỡ mà thôi. Phật thí dụ có 9 gút, nếu huynh đệ nghiệm ra sẽ thấy đúng vậy. Từ bất giác, không biết sanh ra

vọng động, có năng sở, có phân biệt, có nối liền, rồi có nắm lấy (chia ra câu sanh và phân biệt). Do nắm lấy mà có hành động, do hành động mà có kết quả. Như vậy có phải là 9 gút không? Sợi dây cột 9 lần, không thể mở gút thứ nhất ở trong được, phải mở gút thứ 9 ở chót dây trước. Mở được gút thứ 9, rồi thứ 8, rồi thứ 7..., rõ ràng vậy.

Do đó, biết quả *khổ* của mình, rồi nhàm chán; đó là mình *cố gắng* mở gút thứ 9. Rồi lần qua gút thứ 8, mình ngăn nghiệp, không cho xảy ra, rồi tới phần thứ 7 là kiến hoặc trừ đi, rồi thứ 6 là tư hoặc phải dứt bỏ. Gỡ lần lần cho đến gút thứ nhất cũng được mở tung thì bất giác không còn nữa; lúc đó là đại giác ngộ, thành Phật. Rõ ràng như vậy.

Phật nói pháp vì mình, vì chúng sanh. Phật dùng Phật nhãn thấy rõ tất cả mọi chúng sanh đều có khả năng thành Phật như Ngài, chỉ tại mình không cố gắng mà thôi. Vì ai cũng có bản tánh đó cả, có thể được như vậy cả, nên đại chúng phải hết sức cố gắng siêng tu.

Muốn ngăn nghiệp quả thì giới hạnh làm đầu, rồi tu tập pháp môn, phải niệm Phật, phải tham thiền, để mình trừ phân biệt, kiến hoặc, tư hoặc. Phải có định huệ mới trừ được, lần lần tuần tự lên. Từ phạm phu tới Thánh không phải dễ dàng được, mà không chịu từ khởi điểm này để *tu* để bước tới thì vẫn đứng lại hay sụt lùi mà thôi. Nếu không có bước đầu tiên, thì làm sao có bước cuối cùng; huống nữa là từ phạm bước lên bậc hiền thánh, mỗi từng bậc như vậy đều có cảnh giới mình hưởng thụ cả.

Vì vậy, đừng nghĩ rằng thành Phật thì lâu xa, khó khăn. Nếu chưa thành Phật, mà rời được phần nào phạm phu sanh tử của mình thì cảnh giới cũng là phi phạm, phi thường lắm, vì nó trên phạm phu này. Nhưng cần nhứt là đừng tham đắm, trụ lại, cứ đi mãi đi mãi, không ham dừng lại.

Chúng sanh trong sanh tử luân hồi có thân là chánh báo, cảnh là y báo; mà thân và cảnh đều khổ, nó ở trong vòng vô thường. Vô thường là có sanh có diệt. Cảnh có đó rồi mất đó, thay đổi luôn. Thân cũng vậy, có rồi mất, ở trong vòng lẩn quẩn mà thay đổi sanh diệt như vậy. Vì vô thường, thay đổi, có sanh có tử, có rồi mất, từ đó gây ra cái khổ.

Cái khổ của phàm phu trong vòng sanh tử này không thể kể hết. Đại khái có 8 điều khổ: sanh, già, bệnh, chết, cầu được mà không được, phải thất vọng. Thất vọng là nỗi khổ lớn, thường mình người tu ít nghĩ đến sự khổ, thất vọng. Chúng ta thấy người đời phần nhiều bỏ nhà bỏ cửa ra đi là thất vọng, bỏ thân này tự tử cũng do thất vọng mà ra. Những người thân ái luôn luôn muốn được gần gũi thì lại bị hoàn cảnh xa lìa khổ ái biệt ly quá rõ. Người thân ái mình chết thì cũng là biệt ly. Người ra đi khổ, người sống còn lại với công việc cũng rất khổ. Ái biệt ly là nỗi khổ lớn. Oán thù có thể tổn hại mình, gây khó khăn cho mình, mà phải gần gũi là rất khổ, gọi là oán tăng hội khổ.

Khổ thứ 8 mà người không học đạo ít lưu ý, nhưng người học đạo chúng ta lưu tâm là ngũ uẩn xí thành. Thân mình kết hợp bởi 5 uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. *Sắc uẩn* hay nhục thân hữu hình, hữu sắc của mình, từ đầu đến chân, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, không thể điều hòa được, sanh ra các thứ chướng ngại, làm cho phải khổ.

Về sự nhận lấy, cảm xúc, lãnh thọ thuộc *thọ uẩn*, thường thường mình lãnh lấy những cái không vừa ý thì nhiều, nên phải khổ. Huống nữa là tâm niệm mình muốn, *muốn* được, hay đòi hỏi cho được. Đòi hỏi đó gây ra nhiều phiền toái cho bản thân người đó, thuộc về thọ uẩn xí thành.

Tưởng uẩn thế nào? Luôn luôn trong tâm niệm mình có sự suy tư, suy nghĩ, đưa đến sự tưởng tượng. Tưởng tượng suy

tư gây ra nhiều phiền muộn lo lắng đủ thứ. Do đó, khi tưởng uẩn khởi lên thì làm mình khổ.

Hành uẩn là những gì? Hành uẩn là tất cả tâm sở của mình, ngoại trừ thọ tâm sở, tưởng tâm sở. Hành do sự biến động, luôn luôn biến đổi, vừa vui đó, lại giận đó, thương đó, ghét đó; nó khởi lên đủ thứ. Tất cả tâm niệm khởi lên, dù là tâm sở thiện hay tâm sở bất thiện, đều thuộc về tâm sở. Tất cả tâm sở đó thay đổi, như vậy dù là tâm sở lành cũng làm cho con người không được yên. Huống chi những tâm sở thuộc phiền não, nó làm người ta phải nóng bức. Do đó kỳ thực hành uẩn luôn luôn phát khởi, không lúc nào dừng. Hễ mình có tâm niệm là có tâm sở. Như vậy, tâm luôn luôn loạn động, nên tạo ra sự bức bách, phiền não khổ.

Thức uẩn là gì? Là sự thấy, nghe, nếm, ngửi, có cảm giác, đến ý nghĩ, suy tư biết được quá khứ, hiện tại, vị lai. Nhưng phân biệt, hiểu biết được việc hiện tại là nhờ thấy, nghe. Thấy nghe thì nhiều, mà còn thêm cái phân biệt phải quấy, tốt xấu, chánh tà, Thánh phàm, v.v... Tất cả phân biệt chánh tà đó là do thức uẩn.

Từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, 5 uẩn đó bộc phát, sanh khởi lên, đó là ngũ uẩn xí thanh, không lúc nào nó đứng yên, mà cũng không lúc nào nó chìm xuống cả. Như ngọn lửa bùng lên hoài nên gọi xí thanh mà mình mang nơi thân, nên trong kinh gọi nó là gánh nặng trọng đại.

Ngũ uẩn còn có tên gọi là ngũ âm. Uẩn là cái tích tụ một khối, một nhóm lại. Thí dụ như sắc uẩn có con mắt, lỗ tai, có da, có thịt; sắc có một khối như vậy.

Thọ cũng có khổ vui kết lại một khối. Tưởng là xét biết. Biết bao sự suy tư, tưởng tượng hằng ngày của mình cũng là một khối, chứ không phải là một. Có nhiều thứ hợp lại một đồng, một khối, gọi nó là uẩn.

Hành cũng vậy, biết bao nhiêu là tâm sở, hàng chục tâm sở kết thành một khối là hành uẩn. Thức cũng vậy, nhưng cái biết thấy, biết nghe, cũng kết thành một khối, gọi là thức uẩn.

Từ uẩn là một khối kết hợp lại, nhưng nó lại làm cho mình mê muội, không sáng suốt nhận lấy thể tánh bản lai thanh tịnh của mình, sẵn có chính nơi đó.

Tại sao mê muội, không nhận được? Bởi vì nó luôn luôn không nhìn lại cái gì mình sẵn có, mà nó duyên theo cái không phải là mình. Cũng giống như đại chúng nhìn lên, đây là bàn tay của Hòa thượng. Rõ ràng là đại chúng duyên theo cái không phải của mình. Cái của mình thì quên đi, không bao giờ trụ lại, mà chỉ nhận đại khái. Tôi lấy thí dụ như vậy để quý vị suy nghĩ, coi kỹ thì thấy đúng hằng ngày mình duyên theo cái không phải là mình, sống trong cái không phải là của mình. Vì báo thân ngũ uẩn này mà nó như vậy, cho nên nói ngũ uẩn là ngũ ám.

Ám là che đậy, trùm kín, không cho phát sáng; nó không cho nhận thật. Duy Thức muốn cho rõ, gọi là ngũ thủ uẩn. Chữ “thủ” là chấp lấy, nắm lấy, lấy. Hễ chấp lấy là sai, vì chấp lấy là có năng, có sở, tất nhiên là nhận *lấy* cái gì không phải của mình, nên sai lầm.

Thân người dù là Thánh hay phàm đều gọi là ngũ uẩn. Thân Bồ tát, Bích chi, La hán, thân Phật cũng gọi là ngũ uẩn. Nhưng phàm phu lại sai lầm, mê muội, che đậy, nên Duy Thức cho nó là ngũ thủ uẩn (5 thứ thủ uẩn), vì nó duyên lấy, chấp lấy, thủ lấy, nhận lấy, sai lầm. Thủ là nắm lấy, có chỗ gọi là kiến chấp, nói cho sát là luôn luôn sống trong kiến chấp.

Mê lầm, che đậy là ám, và muốn cho rõ nghĩa cái lỗi của nó, thêm chữ “thủ”. Thủ rồi uẩn, đó là sai lầm chấp kiến, gọi là ngũ thủ uẩn, có từ chung là ngũ uẩn. Riêng phàm phu sanh tử mình là ngũ ám. Nếu dùng chữ uẩn cho phàm phu sanh tử,

thì thêm chữ “thủ” đứng trước. Duy Thức học dùng chữ đó như vậy rồi thì thân mình đang mang là gánh nặng, gánh khổ, là chỗ che đậy làm cho mình không nhận được chân tánh, cũng như làm cho thể tánh của không khởi lên được. Chân tánh có nguyên, không bị tổn giảm, nhưng không phát hiện được vì bị thân ngũ uẩn che đậy.

Đại chúng nên biết rằng muốn không bị thân ngũ uẩn che đậy là điều không đơn giản. Người ta thường nói hễ còn thân thì còn khổ, chết mình hết khổ. Nhưng phải biết không bao giờ không có thân. Nếu thân này hoại thì nó có thân kế, không bao giờ gián đoạn; gián đoạn là thời gian ngắn còn không có. Thí dụ trong đại chúng hiện giờ có một người nào ngã ra không thở nữa là chết. Nếu người đó thực chết thì liền có thân khác, không bao giờ không thân. Nếu thân kế chưa thành được (chưa đầu thai) thì nó có thân chận giữa là trung ấm thân. Lúc đó, nó liền hiện ra trung ấm thân.

Trung ấm thân là gạch nối trung gian để có thân chánh báo ở đời kế. Thân chánh báo đời kế đó sớm hay muộn, mau đầu thai hay chậm tùy theo nghiệp hoặc, tùy theo duyên kết hợp; mà khi chưa có thì không phải không có thân, nó có trung ấm đặt trung gian. Cái thọ của thân trung ấm mắt Phật *thấy* rõ ràng.

Thân trung ấm đã đầu thai thì thân ở cái thai đó, nên thân trung ấm chết. Nhưng nếu không có duyên và nghiệp chưa kết thành quả được thì thân trung ấm chỉ sống 7 ngày thôi. 7 ngày chết thì liền có thân trung ấm thứ hai. Trong kinh Phật dạy 7 ngày phải làm tuần thất để hồi hướng phước đức cho người chết. Lúc đó người chết không phải là chết, vì có thân trung ấm. Họ là người sống nhưng sống với thân trung ấm. Làm tuần thất để thân trung ấm chưa đi đầu thai, nó chết đi, thì thân trung ấm thứ hai thế vô, nhờ phước đức đó mà thân trung ấm thứ hai của họ được *tốt* hơn.

Nếu ngược lại, bà con, quyến thuộc, con cháu vì người chết mà sát sanh, làm những việc tội thì thân trung âm thứ hai cũng bị ảnh hưởng xấu hơn. Theo kinh dạy, thân trung âm thay đổi không quá 7 thân, thân trung âm thứ 7 là thân trung âm cuối cùng. Sau khi thân trung âm thứ 7 đó trải qua 7 ngày 7 đêm, nó phải chết, không thể kéo dài hơn được, nó cũng không có thân trung âm thứ 8, thứ 9 nối tiếp; nên người đó nhất định phải đầu thai. Lúc đó, nếu cái duyên đúng cái nghiệp để có thân sau, đúng cái nghiệp để có cái báo. Nếu không có thì đừng đâu tạm bợ đó để có cái thân trong lục đạo.

Vì vậy, đến 49 ngày mà mình làm tuần thất thứ 49 là cuối cùng của thân trung âm thứ 7. Nhờ phước đức của người sống hồi hướng thì quyết định đầu thai tốt.

Nếu cái duyên không đúng theo nghiệp đầu thai, mà tạm đầu thai, thì thường tạm bợ ở loài mau chết, hoặc tạm bợ vào chỗ ẩm ướt, thành cái gì đó để rồi 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 7 ngày, rồi chết thân thực trong lục đạo. Khi chết rồi, bắt đầu có thân trung âm thứ 1, rồi cứ tuần tự như vậy, khi nào thực theo để mà cảm thân sau, gọi là đầu thai thật sự để có thân trong lục đạo.

Như vậy tuần thất 49 rồi có cần tiếp tục làm phước nữa không? Nếu không kịp đầu thai, duyên đâu tạm đó thì hoặc làm con trùng ở nơi ẩm ướt, lúc đó tạm bợ mà thôi. Rồi trong thời gian ngắn, 5 – 7 ngày gì đó, mạng con trùng chết đi, tức nhiên bắt đầu có thân trung âm lại. Do đó, sau 49 ngày cũng vẫn làm phước đức hồi hướng cho người thân của mình đã chết; không phải làm phước sau 49 ngày là vô ích, trừ khi người đó đi đầu thai rồi. Nếu đầu thai làm trời, được thân trời. Tuy trời vẫn còn ở trong lục đạo, nhưng mình làm phước đức thì ông trời thấy cho vui vậy thôi, chứ không thêm gì. Vì phước đức thêm cho trời cũng cả vấn đề. Còn người chết được vãng sanh thì không làm được gì, họ không cần gì nữa.

Mình làm phước đức gì cũng không bằng phước đức ở Tịnh độ họ tạo ra.

Nếu tái sanh làm người cũng không ảnh hưởng gì, chỉ trừ đầu thai làm quý, ở địa ngục thì sự cầu siêu có ảnh hưởng, còn loài thú không ảnh hưởng. Chúng ta lưu ý trong Phật pháp gọi là ngạ quỷ cũng có nhiều hạng. Hạng đại phước đức thì mình cũng phải kính trọng, gọi là ông thần, ông thánh chẳng hạn. Có những vị phước đức không nhiều như ông thần hoàng, thổ địa, thần nhà, thần cây chẳng hạn và cũng có loài kém phước đức hơn nữa.

Nhưng tất cả những hạng đó, dầu là ông thần lớn đại phước đức trong loại quý, đều phải có cái khổ đối. Tùy theo phước đức ít hay nhiều mà bị khổ đối ít hay nhiều. Trong kinh thuật lại có loại quỷ thấy đồ ăn mà không ăn được, như gần tới miệng thức ăn biến thành lửa than. Như trong kinh Vu Lan, bà Thanh Đề đọa vào ngạ quỷ. Ngài Mục Kiền Liên đem bát cơm tới, bà thấy cơm thì mừng. Trong kinh nói rõ khi cơm tới miệng, nó biến thành than lửa. Ở xa thấy nước uống được, lại gần thấy toàn là lửa hay thứ gì đâu, không uống được, tại nghiệp của họ làm cho họ không ăn, không uống được. Đối khát làm cho nó khổ, đó là những loại quỷ mà đối khát nó lớn, nhiều. Như trong *Lục đạo tập*, có ông Tú tài thấy người bạn đến thăm mình. Người bạn đó chết lâu rồi. Thấy người bạn ăn mặc như ông quan ở địa phương, cũng có năm, ba người lính theo hầu. Những người theo hầu đứng ngoài, ông bạn vào trong nhà ngồi nói chuyện. Anh ta nói rằng sau khi chết mới được làm chức quan nhỏ, bị sai đi công tác chỗ này chỗ kia. Hôm nay đi ngang đây nhớ tình bạn ghé thăm ông. Ông kia mới hỏi anh là ông quan nhỏ sao mà sắc mặt như người đói, xanh xanh vậy? Anh kia mới nói ở trong loài này, dù các ông lớn ở trên cũng không thoát khỏi cái khổ vì đói. Chúng tôi thì đói ít hơn hạng dưới. Hạng dưới còn đói khổ nhiều hơn chúng

tôi. Chúng tôi còn có dịp được ăn uống, còn các hạng dưới có món ăn mà ăn không được, có thức uống cũng không uống được; cho đến có hạng thân mình thật to lớn mà cuống họng nhỏ như kim, nên không nuốt thứ gì được hết.

Ông Tú Tài mới hỏi có thể nào khỏi khổ đó không. Anh kia trả lời rằng người ở dương gian cúng cho, cúng đúng pháp, nếu được ăn một bữa thì khỏi khổ vì đói một năm. Ông Tú Tài hỏi thế nào là cúng cho ăn đúng pháp. Anh kia nói:

1. Trước nhứt là đồ ăn đó không phải thuộc về người nào khác.

2. Quyết định món đồ ăn đó là để cúng cho người đó.

3. Những món ăn đó phải tinh khiết.

4. Phải có chỗ ăn được, nếu chỗ đó có một vị thuộc loài chúng tôi mà vị đó có quyền không cho chúng tôi vô, thì chúng tôi cũng không vô được để ăn. Thí dụ trong nhà có ông thần nhà (trạch thần) không cho các con quý khác vô thì chúng cũng không vô ăn được. Như vậy, cúng ở gốc cây lớn hay bên bờ suối là cách tốt nhất, ở chỗ đó thông thả, không ai ngăn cấm.

5. Điều kiện sau cùng là phải vái đúng tên họ người đó là tôi dâng cúng cho người đó, thì người đó mới được ăn. Còn đem ra đó để thì không thuộc của ai, ai cũng có thể giành được. Cũng xưng tên họ của mình là ai, là người gì đang cúng cho người đó.

Thủ tục như vậy cũng không đơn giản, cho nên mình cúng sơ sơ cũng khó khăn lắm, không biết làm sao nói được. Trong *Lục đạo tập*, ông đó nói rõ cách cúng đúng pháp cho quý thần. Quý thần đó đó không phải hồn ma bóng quế gì, họ có thân rồi, nhưng là thân quý, là một đạo trong lục đạo. Nếu cúng đúng pháp, họ hưởng một lần như vậy khỏi khổ một năm, khỏi khổ vì đói.

Câu chuyện của ông thần đến thăm người bạn vừa nói cho thấy rõ việc cúng tế cầu siêu thí thực của chúng ta trong tuần thất đúng theo Phật dạy. Trong kinh Địa Tạng, Phật cũng nói rõ ràng. Đừng nghe những người tà kiến bất tín rồi sanh nghi ngờ. Mình chỉ tin lời Phật. Nhiều kinh khác cũng nhắc chuyện đó. Trong Phạm Võng có nói 1 tuần thất đến 7 tuần thất làm những việc phước đức, thứ nhất là tụng kinh, hồi hướng phước đức cho hương linh hưởng. Người sống hưởng phước nhiều hơn vong, như kinh Địa Tạng nói 6 phần thuộc người sống, 1 phần thuộc người chết. Cả người sống và người chết đều được nhờ.

Có người nói với tôi rằng có người bài bác việc đó. Hạng tà kiến nói bậy, mình đừng tin. Tin những gì Phật nói vì Ngài là bậc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phạm phu mê muội nói theo ý riêng của họ làm sao đúng được. Đưa tờ giấy che ngang mặt là họ không biết gì hết, không thấy gì hết, làm sao biết mà nói cho trúng. Vì vậy, mình nói gì y theo kinh pháp mà thôi. Mình biện luận thì phải theo giáo lý, lời trong kinh làm bằng cứ cần thiết □ □ út dẫn chứng ra, gọi là thánh giáo lượng; thiếu không được. Vì vậy, các vị cô đức giảng giải thường nhắc là trích trong bộ luận nào, rút ra từ bộ kinh nào.

Bồ tát thấy chúng sanh sống trong vòng khổ như vậy. Bồ tát không phải Phật, nên ít nhiều gì cũng có khổ; trừ Phật ra, tất cả đều là chúng sanh. Như vậy, Bồ tát thế độ chúng sanh vô biên, mà Bồ tát cũng là chúng sanh, nên Bồ tát phải tự độ, độ tha.

Muốn khỏi khổ của thân ngũ ấm trong vòng lục đạo, phải tìm ra nguyên nhân của nó. Nguyên nhân đó được Phật dạy trong kinh, gần nhất là nghiệp do thân khẩu ý tạo ra, kết thành.

Đại chúng đã biết thân có 3 nghiệp, miệng có 4 nghiệp, ý có 3 nghiệp; cộng lại 10 nghiệp. Nếu sai lầm là nghiệp ác, nếu chuyển đổi, đừng cho sai lầm là nghiệp thiện. Nhưng nghiệp

thiện hay ác đều tạo nên chánh báo, y báo trong sanh tử luân hồi, đều chịu khổ ít hay nhiều. Nếu thiện nhiều thì khổ ít, ác nhiều khổ càng nhiều. Do đó trong lục đạo luân hồi đều khổ, kể cả chư thiên cũng khổ. Đối với loài người thì chư thiên vui hơn, chứ không phải hết khổ, vì còn ở trong vòng sanh tử vẫn là khổ. Cái khổ của chư thiên ít so với cái khổ của mình quá nhiều, nên mình cho là chư thiên rất vui, nên vui đó thuộc về đối đãi, không phải vui tuyệt đối. Trong các loài cũng có sự so sánh khổ ít nhiều như vậy.

Nguyên nhân khổ vui, gần như là do 10 nghiệp lành hay ác của thân khẩu ý phát sinh; nhưng chủ động tạo các nghiệp đó là từ đâu? Riêng về thân, thì thân như khúc gỗ, như cây, như cọng cỏ; miệng cũng vậy. Cái gì điều khiển nó? Chính tâm điều khiển, nói thông thường gọi là lòng của tôi, cái tâm của tôi. Nếu nói một chữ tâm thì dễ bị lộn, thêm vô chữ “thức” để thấy đó là cái tâm phân biệt, điên đảo vọng tưởng. Từ nơi tâm thức đó tạo ra cái gì? Lúc nó ham muốn, lúc nó giận hờn, lúc thương, lúc ghét..., nó có đủ thứ như vậy. Do tâm thức đó điều khiển thân khẩu ý này tạo thành mười nghiệp, nên tâm thức quan trọng nhất. Theo kinh nói có năm loại phiền não điều khiển mà thành cái nghiệp trong vòng sanh tử gọi là ngũ trụ phiền não.

Kiến hoặc phiền não chia ra 88 thứ. Kiến hoặc phiền não này do nơi đâu? Do vì không thấy được tánh lý chân thật mà có quan niệm sai lầm (quan niệm sai lầm có 88 thứ). Như vậy, nếu thấy tánh lý chân thật thì 88 thứ ấy sẽ mất.

Vì vậy, hoặc phiền não này do thấy tánh lý chân thật mà mất.

Thấy là kiến, nói tắt là kiến; nói cho đủ là thấy tánh lý chân thật, trong kinh gọi là đế (đế nghĩa là chân thật). Nhờ thấy được tánh lý chân thật, nên các phiền não này mất, gọi là kiến sở đoạn hoặc.

Khi dứt được kiến sở đoạn hoặc thì mới có thể dụng chạm đến những món hoặc khác sâu hơn thường được gọi là tư hoặc hay tu hoặc. Nhờ sự suy tư tu tập dày công theo pháp môn Phật dạy mới có thể dứt các phiền não này, chứ không phải đơn giản như trên là thấy tánh lý chân thật.

Các thứ phiền não này do tư duy tu tập mà dứt, nên gọi là tư sở đoạn hoặc (tư là tư duy tu tập). Trong các phiền não do tư duy tu tập dứt được, có loại ở dục giới, gọi là dục giới tư hoặc; có loại do sắc giới tư hoặc mà dứt, nghĩa là phải trụ ở thiền định sắc giới mới dứt, không phải do tán tâm này mà trừ được nó.

Tư hoặc nằm ở các vị có báo thân ở cõi Sắc, gọi là tứ thiền. Có những tư hoặc của những vị có báo thân ở cõi Vô sắc thì phải tu tập từ định vô sắc là pháp của Phật mới dứt được nó ở cõi Vô sắc.

Có 3 loại tư hoặc: tư hoặc ở cõi Dục, tư hoặc thuộc cõi Sắc và tư hoặc ở cõi Vô sắc; cộng với kiến hoặc là 4 loại. Chủ chốt nhất Phật nói là vô minh hoặc, cái hoặc phiền não mà tên nó là vô minh. Đến đây phải tu quán hạnh của các đại Bồ tát, tuần tự mới dứt được nó; phàm phu sanh tử hay nhị thừa không thể động đến nó được. Như vậy, phải đi suốt qua quan ải kiến hoặc và 3 quan ải khó khăn nữa của tư hoặc, mới động đến phần vô minh hoặc này. Nếu kiến tư hoặc còn nguyên, không lay động được, là còn phàm phu thì làm sao dụng đến vô minh hoặc này được. Phải là Bồ tát đại thừa, tức đại Bồ tát mới đối trị được vô minh hoặc.

Theo kinh nói, vô minh hoặc có nhiều phẩm, nhiều từng. Hễ dứt được một từng thì đó là một bậc của Bồ tát. Như trong kinh Lăng Nghiêm Phật phân tích rõ từng bậc của Bồ tát và mỗi từng bậc thì cảnh giới tu tập như thế nào. Với bậc Bồ tát Càn huệ địa, rồi bước lên là các bậc Bồ tát là 10 bậc Tín, 10 bậc Trụ, 10 bậc Hạnh, 10 bậc Hồi hướng. Rồi lướt qua 4 bậc

gia hạnh với 10 bậc Địa, gọi là Thập Địa Bồ tát và cuối cùng là bậc Đẳng giác Bồ tát. Qua bậc này mới là Phật hoàn toàn.

Qua mỗi tầng như vậy, phải dứt được một tầng vô minh, cả vấn đề lớn, không phải thường. Cho nên khi vào bậc Đại thừa Bồ tát rồi, không phải phàm phu như mình, thời gian không kể được. Từ bậc Bồ tát đến Phật, phải trải qua a tăng kỳ kiếp, không phải thời gian tầm thường như mình.

A tăng kỳ là vô số. Nói vô số vậy, nhưng thực nó có con số. Quý vị chịu khó mở phẩm A tăng kỳ của kinh Hoa Nghiêm, ta thấy rõ hơn con số a tăng kỳ bao nhiêu vạn... na do tha... rồi đến a tăng kỳ.

Theo Phật nói năm tháng thế gian của mình, cứ lấy 100 năm làm 1 tuổi thọ của con người để lượng định con số. Lấy số 84.000 là tuổi thọ cao nhất của loài người. Cứ 100 năm giảm 1 tuổi, giảm lần đến còn 10 tuổi thọ, gọi là kiếp giảm. Từ 10 tuổi thọ tăng lên 100 năm thì thêm 1 tuổi thọ lên đến 84.000 tuổi thọ, gọi là kiếp tăng. Một giảm, một tăng là 1 tiểu kiếp. 20 lần tiểu kiếp là 1 trung kiếp. 4 lần trung kiếp là 1 đại kiếp. Đại kiếp là 80 lần giảm, 80 lần tăng. Nếu trong kinh nói tắt là “kiếp” thì đó phải là đại kiếp, nếu nói “trung” là trung kiếp, nói “tiểu” là tiểu kiếp.

Phàm phu mà vào được Bồ tát vị là việc không đơn giản. Như mình đây, biết chừng nào vào được Bồ tát vị. Từ Bồ tát vị cho đến Phật, tính bằng A tăng kỳ kiếp, không phải tính bằng số thường. Từ vô minh hoặc phải trải qua thời gian tính bằng A tăng kỳ.

Nếu trong kinh nói vị nào vượt thời gian để thành Phật, thì không phải vị đó thành liền, không cần mất thời gian. Nói như vậy là không đề cập đến thời gian tu tập, mà chỉ nói thời gian thành công thôi. Nói tốn ít thời gian nhằm sách tấn người tu không bị chán ngán vì thấy thời gian lâu dài quá; thực ra

phải tuân tự tu như vậy. Nếu vượt thời gian thì làm sao có 57 bậc như kinh *Lăng Nghiêm* nói. Qua mỗi tầng bậc phải dứt cái gì, thành công cái gì, được tam muội gì, được Đà la ni nào, phát được trí huệ thế nào, rồi mới dứt được phần vô minh nào, lên bậc Bồ tát nào, mà tới 57 bậc Bồ tát như vậy. Không phải bậc cầu thang của mình mà bước đi liền liền được! Lên một bậc được bao lâu rồi, rèn luyện thế nào rồi, thành công thế nào, rồi bước lên nữa đến năm mươi mấy bậc vào Bồ tát địa thì có Càn Huệ địa, 10 Tín, 10 Trụ, 10 Hạ 卍, 10 Hồi hương, 4 Gia hạnh, 10 Địa, Đẳng giác, Phật. Tất cả là 57 bậc. Quý vị thấy thời gian như thế nào, không phải xa như vậy rồi chán ngán. Được Càn Huệ địa Bồ tát là quý lắm rồi.

Như Ngài Thiên Thai Trí Giả là vị Tổ Pháp Hoa tông. Khi ngài sắp lâm chung, Ngài nói đáng lẽ tôi vào vị Thập tín, nhưng vì tôi lãnh đạo chúng sớm quá, làm lợi cho người mà mình bị thiệt. Vì lãnh đạo chúng thì công phu tu tập thiền định phải gián đoạn, lo lắng mọi việc, tạo tượng, làm chùa này, chùa kia, đủ thứ hết, rồi lo điều hòa chúng như thế nào; nên tôi chỉ đến bậc Càn Huệ địa mà thôi. Kinh Pháp Hoa nói ở bậc Càn Huệ địa thì lục căn thanh tịnh, từ đó lên bậc Sơ tín. Càn Huệ địa hiện thân Phật ở 100 thế giới không có Phật, cũng hiện 8 tướng thành đạo và thuyết pháp như Phật.

Phật thì phải đủ 10 đức hiệu: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri... Phật Thế Tôn, không phải tự vỗ ngực xưng tên mình là Như Lai...

Có người nói được Thế Tôn rồi mới Chí Tôn. Chí Tôn là từ rỗng, không chỉ cho cái gì hết. Thế Tôn là bậc tôn quý của phàm phu mà cả các bậc thánh. Thế Tôn là bậc tôn quý riêng, Chí Tôn thì các ông vua tự xưng cũng được.

Ở sanh tử khổ lớn, phải gánh chịu quả báo. Quả nào cũng có nhân, đó là thế gian nghiệp. Muốn hết quả báo khổ, phải

dứt nghiệp nhân của nó. Nhân không thì tất nhiên không có quả. Nhân là phiền não, phiền não thì vô tận.

Vì thế, muốn ra khỏi sanh tử của vô lượng vô biên chúng sanh là việc rất khó, nhưng phải quyết định dứt trừ cho hết. Đại chúng biết phiền não là nhân gây ra nghiệp, gây ra quả khổ như vậy, nên phải dứt nó. Phiền não thì vô tận gồm có 1 kiến hoặc, 3 tư hoặc, cùng với vô minh hoặc. Nay muốn dứt nó, không phải muốn là được, mà phải làm cái gì để dứt nó. Những cách đó là phương tiện mà Phật đã dạy kỹ. Chỉ vì không thấy biết tâm tánh bản lai thanh tịnh, nên tạo ra biết bao nhiêu là vô minh phiền não như vậy. Nghe đơn giản, nhưng khi có phiền não hoặc rồi thì rất phức tạp, vì nó bắt đầu sanh thêm vô số phiền não khác.

Nếu phân tích kỹ, trong kinh nói có 84.000 trần lao. Trần lao là tên khác của phiền não. Phiền não nghĩa là làm phiền nhiễu, não loạn, làm khổ cho chúng sanh. Ngoài ra, phiền não cũng là sự biến đổi, ô nhiễm, nên gọi nó là “trần” tức là bụi. Nó biến đổi, ô nhiễm, rồi nó làm cho khó khăn, chướng ngại, khổ não, gọi là “lao”. Trần lao còn gọi là “hoặc” nghĩa là mê lầm, cũng là phiền não.

Phân tích thì có 84.000 phiền não trần lao, nên Phật cũng có 84.000 pháp môn để đối trị. Đại khái, nếu lấy loài người làm tiêu chuẩn, nói về sai phạm, thì có 250 thứ tội lỗi (Tỳ kheo). Thí dụ như không được sát sanh để đối trị việc sát sanh. Vì vậy phải có pháp môn để ngăn chặn những gì liên quan đến sát sanh; còn ngăn khơi khơi không thể được. Phải tu đại bi tâm, phải luyện tập đại từ tâm.

Từ một sai lầm nhỏ suy ra các sai lầm lớn, đại khái là 250. 250 sai lầm đó cũng có mặt trong 4 oai nghi: lúc đi, lúc đứng, ngồi, nằm tạo thành 1.000 lỗi lầm (4 oai nghi x 250 = 1.000).

Chính thân mình có lỗi lầm thô hiện ra mà có giới cấm ngăn. Nói về giới có giới tụ. Tụ thứ nhất là nhiếp luật nghi có 1.000 pháp lành phải rèn luyện. Đối tượng của pháp lành là pháp ác. Pháp lành hay thiện pháp ở tụ thứ hai là nhiếp thiện pháp, gồm 2.000 pháp lành. Ngoài ra, còn có những lỗi lầm đối với chúng sanh, nên tụ thứ ba là nhiều ích hữu tình. Như vậy 3 tụ tịnh giới có 3.000 pháp.

Lấy loài người làm tiêu chuẩn và lấy người xuất gia làm chuẩn rõ hơn 1 người tại gia, để thấy hết cái lỗi lầm lộ ra. Nghiệp thân có 3, khẩu có 4, tất cả là 7. Lấy 3.000 pháp (vừa nói) $\times 7 = 21.000$.

Động cơ từ đâu có tên phiền não? Động cơ chủ chốt có 4 : tham dục, sân hận, ngu si và đẳng phần. Đẳng phần nghĩa là 3 thứ: tham dục, sân hận, ngu si đều có phiền não bằng nhau, không coi cái nào nặng hơn cái nào.

Lấy $21.000 \times 4 = 84.000$ trần lao phiền não. Đối trị phiền não phải có pháp môn. Nếu tham dục thì phải quán bất tịnh... và còn cần quán thêm nhiều nữa mới đối trị được. Đọc kinh Đại Bửu Tích thấy có nhiều hạnh của Bồ tát, mỗi hạnh là một pháp môn.

Pháp môn rèn luyện đã thành hạnh Bồ tát thì đối tượng phiền não mới hết. Mình hiểu rõ ràng tất cả, gọi là hiểu biết đúng và có thể dò biết được là công phu tu hành của mình đúng. Nếu đối trị được phiền não là đúng, đối trị không được là thực hành sai. Cũng giống như mỗi phiền não trần lao là người bệnh, mỗi bệnh phải dùng một thứ thuốc. Mình dùng thuốc không hết bệnh, mà còn bệnh thêm, nghĩa là đã dùng thuốc sai. Nếu bệnh hết hay giảm là dùng đúng thuốc.

Vì vậy, có hiểu biết chính xác, nhưng phải thực hành. Thực hành là thước đo sự hiểu biết của chúng ta và làm được là cả một vấn đề. Nhiều khi một người bình thường không

hành đạo gì cả, mà lúc họ lâm chung, có đủ điều tốt hiện ra. Dù ta không thấy họ hiện tướng tu hành, nhưng thiệt họ đã tu, đã rèn luyện khắc phục thân tâm họ hằng ngày.

Có người làm như tu hành tinh tấn lắm, có danh vọng lắm, được gọi là ông Thượng tọa; nhưng khi ông ta lâm chung, không có gì tốt cả và mê muội. Có người bào chữa tại nghiệp đồ. Không phải nghiệp đồ gì cả. Nếu họ tu hành chân chánh, uống thuốc đúng mà bệnh sanh nhiều là nghĩa thế nào? Tu hành như uống thuốc mà lại thêm bệnh rồi bào chữa tại đôn nghiệp, đôn quả. Tu chân chánh thì không nên thốt lời đó; để lời bào chữa đó cho người không hiểu, vì mình càng bào chữa là càng sai lầm. Phải xét xem mình có uống thuốc đúng hay không, tu hành chân chánh trang nghiêm hay không. Kết quả không *tốt* là biết thuốc không đúng rồi. Tôi nói như vậy là có cả tôi trong đó nữa. Khó lắm! Cho nên phải biết phiền não trần lao cho rõ, thuốc phải cho đúng. Hễ biết bệnh mà dùng thuốc đúng thì nhứt định bệnh bớt dần dần rồi hết. Đó là điều quan trọng đối với người tu trong Phật pháp, phải chú trọng điều đó hơn hết. Nếu không, hàng ngày ở trong chánh pháp mà mình đi sai là thực hành tà pháp, không hiểu thuốc, không biết bệnh, chỉ phớt qua theo danh từ. Nói cho người khác nghe hấp dẫn, nhưng thực hành mở xẻ bệnh thì mình khó biết lắm; nên cần phải nắm rõ pháp môn là vậy. Thí dụ trong lúc thực hành hạnh từ bi, nhưng chưa hẳn là biết rõ hạnh từ bi. Không biết rõ hạnh từ bi, làm sao thực hành trúng được. Mà trong đạo Phật lấy hạnh từ bi làm chánh. Thiếu hạnh từ bi không gọi là Bồ tát, Phật; thiếu từ bi là chúng sanh mà thôi. Từ bi trong phạm vi hạn hẹp chỉ là từ bi của Thanh văn nhị thừa, không phải từ bi của Bồ tát Đại thừa.

Như vậy bước đầu vào từ bi tâm, thấy đã khó, không phải chuyện dễ. Phải tập trung tư tưởng, dần dần vào chánh định về “từ”, nghĩa là được Từ tâm tam muội, không phải tán tâm mà

tham thiền. Từ là ban vui, bi là cứu khổ; từ bi là tình thương muốn cho người an vui, khỏi khổ. Vui là vui thế nào?

Tình thương bình đẳng là tình thương mà không có thương. Phải như vậy mới được. Vì tình thương mà có thương là đối với ghét. Tình thương không có thương là không có đối với ghét, gọi đó là tình thương bình đẳng. Điều này phải nắm cho được rồi thực tập như thế nào? Phải luyện từ từ, như đối với thân của mình, đối với người thân của mình, có bạn tu, đồng học.

Tập luyện tình thương này với người nào mình thương nhất, rồi từ đó khai triển lên. Chọn một người chưa thương để tập luyện tình thương cho họ, thì khó lắm. Chọn người nào mình thương nhất rồi mình tập trung tư tưởng, làm sao cái thương đó không có lợi dụng gì cả, không có sự luyến ái gì cả. Luyến ái là ái, không phải thương của từ bi. Ái là có dục nhiễm, đó là ô trược, phiền não, không phải đức tánh thanh tịnh của Thánh. Đem tất cả cái vui của mình cho người đó, lấy cái vui của người đó làm cái vui của mình, không còn chút gì trở ngại trong việc làm đó. Và người đó hơi khổ là mình khổ. Với tình thương như vậy, không có nâng niu chiều chuộng, không có lợi dụng, không có danh tiếng. Phải tập trung tư tưởng nhiều để luyện được tâm mình như vậy.

Và kế đó, đến người thứ nhì mà ta thương nhất. Ta phải rèn luyện tình thương giống như với người thứ nhất, rồi đến người thứ ba cũng thế. Lần lượt nâng tình thương đến nhiều người, phải tập trung tư tưởng nhiều lần lên đến tột đỉnh từng người như vậy, cho đồng nhau, mới có sức nóng của chánh định từ tâm, như cây cọ lửa đã nóng lên.

Như Ngài Như Thích Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát tập luyện, phải có thời gian, không cho thụt lùi, không cho mất. Mình cũng vậy, phải tập luyện, đừng gấp, tùy căn cơ của mình.

Từ người hợp tánh, hợp ý, ta tạo tình thương với họ dễ nhứt, cho đến phải tập trung tư tưởng để tạo tình thương với người mà ta không thương được. Tình thương tiến từ số không đến đỉnh cao là cả vấn đề.

Tiếp theo, mình nghĩ đến những người hơi khó thương. Tập trung tư tưởng để tạo tình thương với họ. Đến đây tập luyện gần thành rồi thì cũng phải tập đi tập lại cho tất cả các người ta hướng đến đều có đồng một tình thương như nhau.

Sau cùng đến hạng người mình ghét, cũng chia ra 3 hạng: ghét nhiều, ghét vừa, ghét ít. Trước nhứt, mình chọn người ghét ít để tạo tình thương với họ. Mình cũng tập trung tư tưởng tạo tình thương giống như người thứ nhứt (bậc thượng). Những người mình ghét cũng như gai trong mắt, tạo tình thương với họ khó lắm. Gặp người ghét ít xong, mới tiến đến người ghét nhiều. Với người ghét ít, cũng tập trung tư tưởng tạo tình thương lên đến bằng như thương người dễ thương nhứt (thượng thượng). Trong cuộc sống thế nào cũng có những hạng người như vậy.

Rồi mình nhắm đến người ghét như đại thù, cũng thương họ như người dễ thương nhất. Ví như những người ngư phủ nghèo ở nước mình, họ gặp ác thú thì nhập Từ tâm tam muội làm cho ác thú cũng phải gục đầu theo và họ bước lên đầu nó để đi. Mình đem tình thương cho người đại thù đưa lên đến tình thương bậc thượng thượng được, thì Từ tâm tam muội thành tựu. Lúc đó lên đến chánh định từ tâm, chứ không phải diệt trừ ác được. Không tập trung tư tưởng thì không thể lên chánh định từ tâm. Ở đây chỉ mới nói Từ tâm tam muội, chưa phải là chánh định từ tâm. Người tập trung tư tưởng đem Từ tâm tam muội cho tất cả chúng sanh. Người tại gia tu tập cũng được, nghĩa là tình thương cho gia đình, hàng xóm mà không có phân biệt gì cả. Đem Từ tâm tam muội cho đến cả tỉnh, cả nước, cả thế giới, rồi đến tất cả pháp giới. Cả chúng

sanh loài người, rồi đến loài khác như chó, mèo là loài chúng sanh mà ta dễ tập nhứt và phải thương cho được cả những loài vật khó thương. Rất khó, phải luyện công phu lắm mới được, như những con ruồi, muỗi, kiến khó thương. Như con muỗi, ta đuổi mà nó cứ bay đến hoài, khó thương, hay con kiến cắn mình.

Tuy nhiên, quán thân của mình khi chết, nó thúi, không giúp ích gì cho chúng sanh nào. Nếu cho muỗi hút máu, nó no thì cũng không làm ác gì; mà mình nhờ thân này làm lợi ích cho chúng sanh, ban vui cứu khổ được cho con muỗi. Ông trời không thể cho máu, không ban vui cứu khổ được cho con muỗi. Mình làm như vậy thì lần lần được đại bi tâm của Đại thừa.

Nhị thừa cũng có từ bi tâm, đối với vật cũng có tình thương. Bồ tát Đại thừa cũng thấy nhàm chán chúng sanh, nhưng không xa lìa. Cái khổ không riêng mình, mà tất cả chúng sanh đều chưa thoát hết khổ, nên Bồ tát cũng dẫn thân vào, không bỏ. Bồ tát ở trong khổ mà làm cho chúng sanh thoát khổ, làm không giới hạn cho đến cùng tận đời vị lai.

Nhị thừa thấy khổ, nên muốn mình và người cùng thoát khổ, mà người không thoát khổ thì mình thoát khổ. Bồ tát thấy chúng sanh khổ vì phiền não, mà phiền não của họ không bao giờ hết. Thấy thế mà Bồ tát vẫn ở trong đó, nhưng không nhiễm.

Do đó, Bồ tát luôn được tự tại. Ở trong lục đạo, Bồ tát cũng sanh ra, lớn lên, làm việc, rồi chết. Nhưng Bồ tát nguyện tự tại để không trầm luân sanh tử theo nghiệp hoặc như phàm phu. Việc độ sanh rất khó, vì không phải lúc nào chúng sanh cũng nghe lời. Vui thì họ làm, lúc thì họ chống không làm. Nhưng Bồ tát vẫn tiếp độ dẫn dắt. Người nào chưa dẫn dắt được thì để đó, lần lần rồi dẫn dắt và mãi mãi như vậy cùng tận vị lai. Như Bồ tát Địa Tạng nguyện: “Chúng sanh chưa

thành Phật thì tôi chưa thành Phật”. Như vậy là Bồ tát Địa Tạng thành Phật sau chúng sanh. Nhưng sự thật, Ngài không thành Phật sau chúng sanh đâu. Tâm hạnh Địa Tạng vẫn độ chúng sanh và chúng sanh thấy ông vẫn là Bồ tát. Khắp pháp giới đều thấy, như Phổ Môn Quan Âm. Bồ tát hiện 32 thân ứng hóa, khắp pháp giới đều có thân Quan Âm. Sức tự tại của Ngài do từ bi tâm mà thành tựu.

Minh luyện tâm từ bi đối với các loài chúng sanh, gọi là chúng sanh duyên từ bi; nghĩa là nhờ có chúng sanh làm đối tượng mà người hành đạo luyện được tâm từ bi vô lượng đối với khắp các loài trong pháp giới. Từ đó, ta trở thành vị Bồ tát. Thành Bồ tát không còn có nghiệp nữ nhân. Tuy nhiên, vì nguyện lực mà Bồ tát hiện thân nữ nhân. Bồ tát không có nghiệp người nữ, nghiệp nữ thì có báo của nữ.

Từ và bi đi đôi với nhau. Có tâm từ thì không sân, hận, thù; dễ sanh ra tình thương. Tâm từ trong sạch không có ái nhiễm, không lợi danh. Thực hiện lòng từ hướng về các đối tượng: thượng, trung, hạ. Về đối tượng mà mình dễ khởi lòng thương (bậc thượng) cũng có 3 hạng: người mình thương nhất (bậc thượng), người mình thương vừa (bậc trung), và người mình thương (bậc hạ). Về đối tượng bậc trung cũng có 3 hạng và với đối tượng là người thù, cũng có 3 hạng: thượng, trung, hạ. Đối với loài vật, tâm từ cũng hướng đến 3 đối tượng: thượng, trung, hạ.

Như vậy, có tất cả 9 phẩm đối tượng để mình luyện tâm từ. Đối với người mà mình hận thù nhất cũng đều khởi tâm từ đưa họ đến an vui, khỏi khổ. Lấy chúng sanh (người, vật) làm đối tượng để phát tâm từ bi.

Lòng từ bi của bậc Thánh không có ngã, không có nhân (không có đối tượng). Mình còn đối tượng là từ bi thế gian, nên chưa phải Thánh.

Muốn được từ bi của bậc Thánh, phải tu tập xóa bỏ ngã chấp, phải sáng tỏ, ngộ nhập vào thể tánh của tất cả pháp. Vì thể tánh của các pháp là vô ngã. Chưa nhập thể tánh thì ngã chấp chưa dứt được. Thể tánh của các pháp bình đẳng, không sai biệt (đồng nhất), còn tướng của các pháp có sai biệt. Người đã nhập vào thể tánh thì ngã không còn, tướng người cũng không có.

Muốn dứt trừ ngã chấp để được vô ngã cứu cánh, phải nhập vào thể tánh không sai biệt của tất cả pháp. Đối với tam thừa, từ “vô ngã” có khác nhau. Theo tiểu thừa, phải vô ngã để thành Thánh, trừ được chấp tướng ngã. Muốn vậy, trước hết trừ phân biệt vọng kiến (phân tích việc này việc kia). Thí dụ chấp có thân mình, có tên tuổi mình và cho ngã là mình. Có cái ngã là nhiều đời cho ngũ uẩn là của mình, là mình (câu sanh ngã chấp). Trừ được câu sanh và phân biệt ngã chấp là vô ngã theo nhị thừa.

Theo Đại thừa không phải chỉ bao nhiêu đó, vì muốn vô ngã phải nhập vào thể tánh bình đẳng do tu học tứ hoàng thệ nguyện của đại Bồ tát.

Có thể đi tắt, không đi từ phân biệt, câu sanh mới vào thể tánh rốt ráo bình đẳng vô ngã, để không còn nhân tướng, ngã tướng. Đi thẳng, để vào được vào thể tánh bình đẳng của tất cả pháp, gọi là đốn giáo Đại thừa. Như Thiền sư tu Thiền thấy tánh, thấy tâm, là minh tâm kiến tánh. Thấy tâm thấy tánh nghĩa là nhập vào thể tánh bình đẳng. “Nhập vào” thể tánh là “minh”, là “kiến”. Còn năng, còn sở, nghĩa là còn có “cái thấy”, “cái sáng”, “cái bị thấy”, “cái bị sáng”, hay còn đối tượng là chưa nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt. Có hai thứ là có sai biệt rồi, không phải bình đẳng vô sai biệt.

Chú ý ở mức tu, nếu một niệm sai thì tu nhứt định thành sai, không thành đúng được. Có người hỏi tụng kinh *Kim*

Cang là rối tâm loạn trí, vì kinh *Kim Cang* phá tướng, phá ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả v.v...

Ý nghĩa trong kinh *Kim Cang* là vô tướng, mà nếu còn có tướng, nghĩa là thấy những cái sai biệt, có đây có kia, là trái ngược với kinh, thì tụng kinh *Kim Cang* như vậy không hợp rồi. Nếu người tụng kinh *Kim Cang*, lòng không để ý chấp việc này việc kia, tâm bình thường, không nghĩ việc gì hết, không nặng lòng về mình và người, không thắc mắc thì tốt. Còn có nặng lòng, chấp tướng thì không tốt. Gặp cảnh trái lòng sanh thắc mắc, gặp cảnh thuận lòng sanh ái nhiễm, không được lợi ích gì, mà lại sanh tật bệnh. Đó là mình phá mình, không phải kinh phá. Từ đó suy ra các việc khác.

Tụng kinh thì mình phải có ít nhiều tương ứng. Tụng như vậy mới lợi ích, mặc dù thực hành không đúng trọn vẹn ý kinh, nhưng cũng phải có phần nào tương ứng. Nếu không được một chút tương ứng nào thì cũng có gieo hạt giống phước cho tương lai, chứ không được lợi ích thiết thực.

Tất cả pháp Phật dạy đều đem lại lợi ích cho chúng sanh. Tại sao không đem lợi ích, mà có hại? Vì tâm khẩu trái nhau, nên không được lợi ích, đó là mình tự hại, chứ không ai hại mình. Như thuốc có loại thoa ngoài da, mà mình uống là làm ngược, làm cho mình bệnh thêm.

Phật nói pháp là thuốc, phải dùng đúng mới lợi ích. Pháp Phật có 84.000 pháp môn để trị bệnh 84.000 phiền não chúng sanh. Bệnh gì có thuốc này, phải biết rõ bệnh mới dùng thuốc đúng, hết bệnh. Vì vậy, người tu hành phải gần gũi thiện tri thức, không gần họ thì có hại; vì họ biết đúng bệnh và biết chỉ cách dùng thuốc.

Mình ở thời này thiện căn kém, không có phước đức nhiều, thời mạt pháp đã vào sâu rồi. Nếu gặp ác tri thức hay tri thức thường, có hại, không được lợi ích. Thiện tri thức khó

gặp, phải là bậc Thánh hiện thân, như xưa có Thiên Tổ gặp thầy đắc đạo. Bây giờ đi sâu vào mật pháp rồi, thầy thiện tri thức là Hiền, là Thánh khó gặp lắm, không phải các vị bỏ mình tại mình phước kém, chướng sâu. Các vị hiện thân phải theo nhân duyên. Duyên chúng sanh đáng được gặp mới gặp, còn chúng sanh không có duyên gặp, dù các vị có đến, mình cũng theo người tầm thường. Mình thích người tà, người sai hơn, còn người chánh mình không thích.

Như vậy muốn không lạc đường thì nương theo kinh mà thôi, nhứt định theo kinh, vì bây giờ kinh có nhiều rồi. Ngày xưa còn khó vì kinh phải chép tay, in bằng gỗ. Nhưng lúc ấy thiện tri thức đầy dẫy mà đến với các vị thầy đó, không cần kinh gì cả; họ chỉ dạy mình là được. Bây giờ kinh phổ thông rồi, không có thiện tri thức thì mình phải siêng, tìm hiểu kỹ lắm mới được; nếu sai một chút là có hại lớn. Như kinh *A Di Đà* nói “chấp trì”, ít ai hiểu được. Phật nói không sai, tại mình không hiểu rõ. Nếu chấp trì đúng như kinh nói, nhứt định có kết quả.

Phải biết rõ bệnh mình, biết rõ pháp môn Phật dạy, biết rõ phương thuốc. Rồi phải siêng năng dùng thuốc đúng cách. Phải siêng năng lắm mới được. Không siêng năng là dùng thuốc không đúng cách. Thí dụ 6 giờ uống thuốc mà 10 giờ mình uống là không đúng cách.

Bởi vậy, siêng năng là đúng phương pháp. Phật dạy pháp môn nào cũng phải tinh tấn, thiếu tinh tấn là không được rồi. Nên nhớ kỹ, biết rõ điều đó, biết rõ bệnh, biết rành thuốc, biết cách dùng, rồi phải siêng năng.

Giải đãi, phóng dật là tối kỵ với người học đạo. Giải đãi là không chịu làm cho nó tiếp tục thăng tiến, phóng dật là chạy theo sai quấy, trái ngược với thanh tịnh. Như vậy thì khó được lợi ích theo pháp Phật dạy.

Nếu người hành đạo có thể nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt của các pháp giới, lúc đó tự nhiên như vậy, mình và pháp chỉ là một mà thôi, là một thể tánh bình đẳng. Do đó, từ tình thương rộng lớn, trong sạch, đem lợi ích an vui và cứu khổ cho mọi loài cũng như cho chính mình. Ảnh hưởng đó khi nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt rồi thì tác dụng của sự ban vui cứu khổ không có giảm, mà nó mất tướng đối tượng mình và người; nên chúng sanh khổ thì tự nhiên đại bi làm cho hết khổ. Nếu chúng sanh muốn an vui thì tự nhiên sức từ lực làm cho an vui; không có sự phân biệt, suy xét, tâm niệm, nên gọi là pháp tánh duyên từ hay pháp tánh duyên từ bi.

Nói chung, từ bi là một, vì lấy pháp tánh là tánh thể của tất cả pháp bình đẳng vô sai biệt làm duyên để nó thể hiện tác dụng đại từ đại bi, cho nên gọi là pháp tánh duyên từ bi. Đó là mức đại từ đại bi thứ hai. Mức đại từ đại bi này mà thành là đạt đến địa vị của các Địa thượng Bồ tát, Pháp thân Bồ tát, không phải bậc thường.

Như đại chúng nghe nói bồ thí tam luân không tịch chẳng hạn, không thấy người bồ thí, không thấy người thọ nhận, không thấy vật, tiền của, hay phương tiện gì để mà bồ thí. Không thấy ba cái đó, vì người bồ thí luôn luôn ở trong pháp tánh, thể tánh bình đẳng vô sai biệt của tất cả các pháp. Vì thế, cũng có đầy đủ những việc như: mang đồ đem cho, cho người cần một cách tự nhiên, cần mặc thì cho mặc; nhưng vị đó không thấy người cho, người nhận, món đồ. Như vậy người đó bồ thí không ngã, không nhân, không có ngã sở, vì họ nhập vào nơi tự nhiên, sống trong thể tánh bình đẳng vô sai biệt; không phải gắng gượng mà được. Nói theo Thiên tông, phải mình tâm kiến tánh, sống trong tâm tánh đó.

Minh tâm kiến tánh chưa phải đủ đâu, phải làm sao sống trong tâm tánh đó, không phải sống ở giả tướng. Minh bây giờ sống trong giả tướng, điều này thấy rõ; nên cần cố gắng làm

sao để mình tâm kiến tánh rồi sống trong tâm tánh. Đầu tiên là không thấy giả tướng nữa, rồi thấy tâm tánh, rồi phải hòa vào tâm tánh mà sống trong đó.

Khi đã vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt rồi thì tác dụng nó rộng lớn lắm; vì thể tánh vô lượng vô biên như hư không vậy, cho nên chỗ nào cũng có tác dụng của nó. Còn nếu có ngã, có nhân là hữu hạn, vì làm cho người này thì không làm cho người kia được, làm ở đây thì không làm ở chỗ khác được. Vào thể tánh vô sai biệt thì như hư không, chỗ nào cũng có hư không, nên tác dụng của nó bao trùm khắp tất cả. Như quý vị tụng phẩm Phổ Môn thấy đức Quán Thế Âm Bồ tát, đối với chúng sanh đáng được độ thì có Bồ tát đến độ, độ đúng theo chỗ đáng độ. Như vậy trong khắp pháp giới, người cần thì vô lượng vô biên, Ngài đều thấy chỗ họ cần. Và Bồ tát Quán Âm đáp ứng cho tất cả chúng sanh được toại nguyện theo đúng câu xin của họ. Thí dụ như chúng sanh rớt xuống nước, nếu nhứt tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát thì không bị nước cuốn trôi nhận chìm. Nếu khắp chúng sanh bị rớt xuống nước, tất cả chúng sanh ấy nhứt tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm, thì tất cả cũng đều được thoát nạn. Nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt tất cả pháp có tác dụng lợi ích không hạn lượng, không thể dùng tâm ý suy nghĩ được, không thể nói cho cùng được; nên trong pháp gọi là bất khả tư nghị. Bất khả tư là không thể suy nghĩ được, bất khả nghị (là nghị luận) nghĩa là không thể lấy lời, lấy văn, lấy chữ mà mô tả, mà đến với nó được. Chữ nghị mình đọc là nghị. Dùng từ đó chỉ rõ tác dụng của các thù thắng mà người ta có được.

Tác dụng bất khả tư nghị do đâu? Do nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt của tất cả pháp, nên không có hai, như hư không; vì thể trong kinh lấy hư không làm thí dụ.

Trong kinh Kim Cang, Phật nói Bồ tát bố thí không cầu quả báo thì phước rộng lớn như hư không vậy. Câu đó mô tả

Bồ tát sống, nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt của tất cả pháp; nên nhất cử nhất động gì đều như hư không bình đẳng vô sai biệt có ảnh hưởng rộng lớn, kết quả rộng lớn và phước đức của vị đó cũng rộng lớn, không có sai biệt hữu hạn.

Cho nên đường tu của mình đủ thấy nó rất xa, cần phải hiểu biết để làm mục tiêu hướng đến, nhờ đó mình không có tâm tăng thượng mạn. Nếu không, thì mình có phước đức một chút ít gì, rồi tự đắc, tự cao, sanh kiêu mạn. Được chút ít tưởng là nhiều, được nhỏ tưởng được lớn, được thấp tưởng mình được cao, như vậy là tăng thượng mạn. Tăng thượng mạn thì nhứt định chướng đạo, nó ngăn trở đường đạo không thể tiến được. Tăng thượng mạn trong đạo chỉ là giả dối, không phải chân chánh. Trong kinh nói rõ như vậy. Khi nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt, tạo thành pháp tánh duyên từ cho đến viên mãn cứu cánh, thì đó là “vô duyên từ bi”. Mình nghe chữ “vô duyên” thấy kỳ, nhưng đến vô duyên từ bi thì chỉ có Phật mới được; ngoài ra không bậc nào được từ vô duyên.

Từ vô duyên nghĩa là không cần duyên gì hết, nó tự nhiên được như vậy. Tác dụng tự nhiên trong kinh nói là vô tâm ý, vô thọ hành. Không có tâm ý, không có thọ hành mà có thể thành tựu việc cứu độ hằng hà sa chúng sanh ở thế giới vô lượng vô biên.

Muốn rõ tác dụng của vô duyên từ bi, nên coi lại kinh *Duy Ma Cát*, bài kệ tán thán ở đầu kinh này như câu “Dĩ vô tâm ý, vô thọ hành, hàng phục tất cả ngoại đạo...”. Như vậy, chỉ dùng một âm thanh, một lời nói mà tất cả chúng sanh đều tùy theo loại mình hiểu được. Như ông trời thì hiểu Phật nói tiếng trời, đâu phải Đế Thiên Đế Thích mà nghe tiếng người. Cõi trời Quang Âm dùng ánh sáng làm tiếng nói thì thấy Phật dùng ánh sáng để nói. Cũng như loài người, mỗi nước đều có

một thứ tiếng riêng, thì tiếng của Phật cũng theo tiếng của mỗi nước. Nhưng Phật đâu có nghĩ phân biệt thế nào, chỉ nói một thứ thôi mà mỗi người hiểu biết được theo tiếng của mình. Trình độ hiểu cũng tùy theo căn cơ của mình Người ngồi gần, người ngồi xa cũng vừa nghe. Đó là mục tiêu mình biết để tiến tu, vì mình là Phật tử cũng sẽ thành Phật, giống như đứa trẻ rồi sẽ thành người lớn.

Như Ngài Mục Kiền Liên ngồi gần Phật nghe như vậy, ngồi xa cũng nghe giống như vậy, ra khỏi Ta Bà cũng nghe như vậy. Cái gì của Phật đều bắt tư nghĩ như vậy cả. Các vị Bồ tát nhập vào thể tánh bất khả tư nghĩ đều như vậy cả, nhưng giữa Phật và Bồ tát có hơi khác biệt một chút mà thôi. Thấy pháp môn Phật dạy được như vậy, mình phải cố gắng sao tiến tu giống như vậy.

Từ bi tâm có từ bi của thế gian và từ bi xuất thế gian, nghĩa là từ bi của phàm và từ bi của Thánh. Từ bi của thế gian là còn ngã, còn nhân, thấy có mình, có người. Mình luyện Từ bi tam muội còn nhân, còn ngã là từ bi thế gian. Nếu phá được ngã kiến, nhân kiến (ngã chấp, nhân chấp), được từ bi của tiểu Thánh (Tiểu thừa). Còn nhập vào thể tánh bình đẳng vô sai biệt là tâm từ bi của bậc Thánh Đại thừa, Bồ tát Địa Thượng; viên mãn cứu cánh đến vô duyên từ bi của Phật. Vì thế, việc tu hành của mình phải nhận cho rành rẽ, mục tiêu, mục đích, thì bước đường tu của mình không sai, không ngã mạn, không có tăng thượng mạn; vì mình biết rõ đang đến vị trí nào, không phải ở thấp mà thấy mình cao, chưa được mà thấy mình được.

Đây là ảnh hưởng của Từ tâm tam muội mà tôi nói trong kinh. Tình thương thì lúc nào cũng thương, nhưng Từ bi tam muội mà luyện được thì tác dụng của nó khó có thể lường lắm. Nhân như thế nào mà chúng sanh khỏi khổ được vui, trong trường hợp này tác dụng của Từ bi tam muội tự hiện lên, khả năng và kết quả của Bồ tát hành đạo tự nhiên như vậy.

Trong kinh nói Ngài Văn Thù nhập Từ tâm tam muội, ma vương thấy cung điện của họ đều lung lay, muốn sập, họ đứng không vững. Lần lần họ biết là do Ngài Văn Thù nhập định. Họ chạy đến nơi Văn Thù ở thì mới được yên, vui vẻ, an tâm. Từ tâm tam muội có tác dụng như vậy.

Tác dụng làm cho thiên ma, ma vương kinh sợ chạy đến khẩn cầu tha cho nó, nhân đó mới thuyết pháp cho nó nghe được. Gọi đến không đến, bảo nghe không nghe, lúc đó Văn Thù nhập Từ tâm tam muội không phân biệt; cuối cùng các ma quy y Phật pháp. Lợi ích như vậy. Vì nghiệp ma là nghiệp ác, vì phước báo thiên ma đã hết thì phải đọa tam đồ ác đạo. Nhờ Từ tâm tam muội mà chuyển được ma tâm, ma nghiệp thành thiện tâm, thiện nghiệp, nên hết khổ được vui. Đúng là kết quả của tác dụng từ bi. Ngài Văn Thù nhập Từ tâm tam muội không có tác dụng như vậy.

Quên được thân, quên được cảnh, chỉ vào một niệm đó thôi, gọi là nhứt tâm. Nhứt tâm đó là tam muội, là chánh định. Nếu còn có niệm thấy cảnh, thấy thân là chưa vào chánh định, tam muội. Phải tuần tự tu hành mới được. Nếu từng đầu mà tập trung tư tưởng quên thân, quên cảnh rồi thì về sau là vào chánh định được. Tuy nhiên, từ nhận thức như vậy đi đến kết quả là một việc khác, không đơn giản.

Vào được chánh định quên thân, quên cảnh, từ đó về sau, cứ trong định đi lần lần, chứ không phải tán tâm. Phải nỗ lực tu tập pháp Phật dạy, vì tất cả pháp môn đều nhằm dứt trừ cho được tán tâm ban đầu. Về niệm Phật cũng vậy, từ quên thân quên cảnh, chỉ một niệm. Niệm Phật nhứt tâm thành ra chánh định. Nhứt tâm là tên khác của chánh định.

Nhứt tâm là tâm chỉ có một, không có hai. Minh niệm tán tâm là có vô số, kể những cái sai khác. Đạt được nhứt như là cả vấn đề, phải tu luyện mới được; nếu không thì

mình chỉ có ngôn ngữ, văn tự, dù có hiểu biết cũng chỉ một ít, không phải là mục tiêu trong Phật pháp.

Mục tiêu, mục đích của Phật pháp, pháp môn nào cũng lấy chánh định làm gốc. Bồ thí, trì giới cũng vậy, cũng lấy chánh định làm gốc, đâu phải giới thường. Như trì giới có luật nghi giới, có định giới, huệ giới. Từ tán tâm, phải nương vào giới luật đầu tiên để luyện tập, dù chưa phải là cái đích trong Phật pháp.

Bồ thí cũng vậy, bồ thí phát xuất từ tán tâm thì khác. Từ đó luyện tập dần lên, chuyên tâm nhứt ý lại, để tiến lần lần lên bồ thí ba la mật. Cái nào cũng có ba la mật đứng sau; không chánh định, chánh huệ, làm sao thành ba la mật.

Tất cả pháp môn Phật dạy từ hình tướng thông thường, từ tán tâm đưa đến chánh định, chánh huệ theo phạm vi pháp môn đó. Kết quả các pháp môn Phật dạy dù rằng hàng vạn hàng muôn, một pháp môn nào đi đến đích của nó thì cũng như nhau, không cần phải sử dụng tất cả pháp môn.

Tất cả pháp môn nào cũng lấy định và huệ làm kết quả. Đã vào giới, định, huệ thì đều có một vị bình đẳng. Nhưng tại sao có nhiều pháp môn vậy? Vì chúng sanh nhiều bệnh, có người nặng tình ái, nặng hận thù, có người đàn độn quá, người thì lạnh lợi quá, có người lơ đãng... Đại khái như thế, nếu nói chi tiết thì nhiều lắm. Căn cơ phù hợp với pháp môn nào thì theo đó mau thành công. Nếu không biết căn cơ của mình ra sao thì phải tập. Thí dụ niệm Phật hợp thì niệm Phật, ngồi thiền hợp thì ngồi thiền, lạy Phật hợp thì lạy, tụng kinh hợp thì tụng... Nghĩa là nghiệm xem làm cái đó, thân tâm mình có lợi ích hay không, lợi ích như thế nào và phiền não hằng ngày của mình được nhẹ đi.

Thí dụ tôi phân tích rõ vì đã trải qua, như gặp việc hằng ngày thấy nặng nề, phiền toái, bức rức, không biết làm sao cởi

mở được. Như vậy, tất nhiên bị phiền não làm cho não phiền. Mình thử niệm Phật vài bữa, nếu gặp cảnh cũ mà thân tâm được nhẹ nhàng; như vậy là hợp rồi, mình cứ tiếp tục niệm Phật. Nếu niệm Phật đúng mà không bớt phiền não là biết không hợp với pháp này, đổi sang ngồi thiền, yên lặng thì thấy thân tâm nhẹ nhàng, không bức rức, bấn khoăn, nặng nề. Như vậy là hợp với pháp thiền thì tiếp tục áp dụng pháp này. Nếu ngồi tẻo chân thấy bức rức hơn nữa là không hợp, thì qua pháp môn khác. Các thiện tri thức biết rõ căn cơ của mình mà chỉ dạy thì được kết quả. Còn mình bây giờ phải nương theo kinh, đừng cố chấp. Mình tu pháp môn gì cũng không nên bài bác những người tu các pháp môn khác, vì tất cả pháp môn đều của Phật dạy. Thiền, niệm Phật, bồ thí, trì giới đều của Phật dạy. Mình bài bác là bài bác pháp, bài bác Phật, tội này không nhẹ, nên lưu ý.

Trong kinh Phật nói không có tội nào nặng bằng tội chống báng pháp, như là pháp Đại thừa, phải đọa Vô gián địa ngục. Đọc kinh Pháp Hoa, quý vị thấy rõ quả báo của người tùy hỷ, người chê bai kinh Pháp Hoa như thế nào. Quý vị biết quả báo đó không phải một đời, mà nhiều đời như vậy, thời gian không biết lúc nào hết. Phải cẩn thận lắm đối với pháp Đại thừa, phải kính trọng. Mình không làm cũng phải trọng, vì đó là phương thuốc vô thượng của Phật dạy cho chúng sanh. Nếu sơ ý một chút, mình chê người đó, kỳ thực là mình chê pháp, chê pháp là chê Phật rồi.

Chê pháp, chê Phật thì tội nặng, chính cái đó làm hại mình; vì người chê pháp, chê Phật, làm sao thành công được, phải cẩn thận. Thí dụ mình tu thiền được kết quả tốt thì cũng phải tán thành người niệm Phật. Vì biết đâu pháp đó hợp với người ta, mình tán thán là giúp tinh tấn, tịnh tâm cho người ta. Mình tán thán, niệm Phật là tán thán chánh pháp của Phật,

cũng chính là tán thán Phật. Tán thán pháp và tán thán Phật được công đức rất lớn.

3. Pháp môn vô lượng thế nguyện học

Mình phước ít, tội nhiều, nên sanh làm người ở thời kỳ mạt pháp. Nếu có thiện căn phước đức nhiều thì mình tiến lên thế giới khác rồi, chứ đâu phải làm thân người chịu tám sự khổ như nay. Trong đại hội, tôi có nói điều mình nghĩ trong kinh Hiền Ngu rằng các người thân cận hỏi Phật ông Đề Bà Đạt Đa ở đời là anh em chú bác với Phật, cũng thân thuộc lắm, trong đạo ông là đệ tử của Phật. Phật là thầy cũng xứng đáng lắm. Tại sao lúc nào ông cũng luôn luôn hại Phật? Thật vậy, ông hại Phật, tới chết thôi. Phật nói đâu phải đời này mà vô lượng kiếp trước, ông cũng hại tôi như vậy. Như kiếp xa xưa tôi làm con rận trong y ông Tỳ kheo. Lúc ông nhúc nhích, tôi mới ăn, như cắn ngoài da vậy thôi; mà khi ông yên lặng, tôi cũng yên lặng, nằm không nhúc nhích. Do đó ông Tỳ kheo không bị chướng ngại gì hết, vẫn để yên vậy cho tôi sống. Nhờ vậy tôi mập béo lắm. Bữa đó, có con bọ chét nhảy lên; nó thấy tôi béo mập quá, nó ham nên ở lại đó. Nhưng lúc nào ôn Tỳ kheo nhúc nhích thì nó nhát, nó sợ, nằm ép, không dám động đậy gì; mà khi ông yên lặng, nó dạn, mới cắn. Lúc ông yên lặng là ngồi Thiền, ông ngồi thiền không được, nên đem y hơ lửa, hai đũa chết hết. Phật nói thời xa xưa vô số kiếp, báo thân tôi là con rận mà ông vẫn theo báo tôi; đừng nói chi ngày nay, đời nào ông cũng hại tôi.

Tôi đọc chuyện này cách đây bốn mươi mấy năm rồi. Tôi nghĩ trong kinh Phật nói rằng vô lượng vô biên kiếp trước mình cũng có đồng với Phật. Có Phật là có mình, báo thân Phật là con rận, Đề Bà Đạt Đa là con bọ chét; thì lúc đó mình làm ông gì, con gì, không lẽ mình dưới con rận, con bọ chét nữa hay sao. Mình cũng có báo thân, biết đâu mình lúc

đó là người, là trời, hay ít ra mình cũng trên mức con rận. Tại sao con rận đó bây giờ thành Phật Thích Ca, còn Đề Bà Đạt Đa là Pháp thân ở cảnh giới bất tư nghì giải thoát. Còn mình lệt đệt là phàm phu sanh tử luân hồi như thế này. Nếu mình không thức tỉnh thì vô lượng vô số kiếp về sau, mình cũng như thế này, cũng lăn quăn, mãi lên xuống như thế này, gọi là luân hồi.

Trong kinh nói Phật Thích Ca không phải mới thành Phật, ngồi cội bồ đề cách đây mấy chục năm. Ngài đã thành Phật từ nhiều kiếp, nhiều năm về trước rồi, bây giờ chỉ ứng hiện thân ở thế giới Ta bà này độ chúng sanh. Tại mình không tu, đi trật đường, lăn quăn ở nơi phàm phu, hoặc nghiệp khổ, khổ sanh nghiệp hoặc, rồi hoặc nghiệp sanh khổ. Cứ vậy lăn quăn hoài mà không ra được. Bây giờ mình biết rõ Phật pháp, nguyên nhân của khổ báo, biết rõ pháp môn để thoát khỏi. Tại sao không nắm cho vững để ra khỏi sanh tử luân hồi này, mà để kẹt mãi thế này (Xem Đường về Cực Lạc, phần tự thuật đầu quyển).

Mình cần lưu ý cẩn thận. Mình may mắn lắm, gặp Phật pháp trong thời mạt pháp. Trong thời kỳ mạt này, đã mạt rồi thì càng mạt thêm. Sau này chánh pháp của Phật càng đi lùi. Nếu chánh pháp không lần lần đi lùi thì Phật nói sai mà Phật không bao giờ nói sai, tại mình nghĩ thế này thế kia. Sau này trong giáo hội, hội hè rùm beng, cái cốt tủy trong đó lần lần phai hết, không còn được cái tinh túy nữa; lần lần nó sai làm sao mà nắm được. Bây giờ không nắm được, càng về sau làm sao nắm được. Mình phải cố gắng trong đời này, đừng bỏ qua.

Pháp môn vô lượng, mình không có tham vọng biết nhiều, nhưng cũng phải biết một ít. Từ cái biết ít, lần lần mình tiến vượt thêm. Nên nhớ thế nguyện học của Bồ tát không phải như cái học của mình; nghĩa là học đến đâu là làm xong đến đó và có kết quả đến đó. Còn mình thì học ào ào mà làm

không được gì. Đó không phải là mục đích đức Phật ra đời dạy chúng ta.

Biết Phật pháp quý, không phải chỉ quý ở chỗ đó là con đường chân chính, sáng suốt để đưa mình ra khỏi sanh tử luân hồi đến Thánh quả giải thoát tự tại, đầy đủ thiện căn công đức; mà quý ở chỗ biết cho rõ rồi thực hành cho được thì những thiện căn công đức mới thành tựu. Nếu không làm thì không có kết quả.

Không làm thì không được gì hết, Phật ví như người suốt ngày nói đến ăn thì không bao giờ no, như người nói về phương thức làm bánh, như hình bánh vẽ trên giấy. Bây giờ mình đọc chữ, nghe giảng vậy đó thì không bao giờ có cái bánh thật trong tay để ăn cả. Mà rồi suốt ngày mình nói là các bậc A la hán có tam minh, lục thông, bát giải thoát; nói Bồ tát có bao nhiêu công đức, những lục độ; như Phật cũng vậy, có tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng. Tất cả những công việc mình nói đó cũng như người lượm được quyền sở tài chánh của ông nhà giàu, suốt ngày cầm đọc thì cũng không được một đồng nào, một món châu báu nào.

Do đó phải biết cho rõ, rồi phải làm đúng pháp. Thực hành được một pháp môn này thì qua một pháp môn khác. Cũng có những pháp môn khi thành rồi thì lại biết được những pháp môn khác. Nhưng phải tuân tự, từ được ít, đến được nhiều, đầy đủ viên mãn. Nếu không thì mình chỉ học suông, cái biết cũng không biết đúng, vì có thực hành mới có kinh nghiệm, mới biết tới nơi tới chốn. Nếu không, chỉ là biết trên văn tự. Vì thế Phật nói rằng hơn 40 năm thuyết pháp, Ngài không nói một câu nào, tiếng nào. Dù cái lý của Phật pháp vô thượng cao siêu, nhưng cái sự rõ ràng chỉ cho người học đạo thì Phật pháp không phải là lời nói, chữ nghĩa; mà Phật pháp là phải thành tựu được cái pháp đó.

Như vậy, Phật pháp không có ở lời nói, ở văn tự. Giống như tôi nói lửa nóng, viết chữ lửa nóng thì trong lời nói đó không có lửa, trong chữ viết không có lửa. Pháp Phật cũng vậy, lấy cái đó để suy gẫm ra, nên Phật thường dạy hãy nghe thì nghe cho thật rõ, nhớ cho kỹ, không để sai sót, gọi là văn huệ, tức cái huệ về nghe. Nghe rồi phải suy gẫm, để thành cái của mình, như nắm bắt được trong tay vậy. Cái suy gẫm là tư, cũng gọi là tư huệ. Vì khi đã suy gẫm rồi, mình được một cái, có sáng kiến, có phát minh. Sau cái văn là cái tư, tu huệ. Nếu chỉ “văn” thôi thì không có lợi ích gì. Phật dạy rất kỹ, chỉ tại chúng ta không y theo đó phụng hành thôi. Sau bộ kinh nào cũng có “tín thọ phụng hành”. Mình thiếu phần này, chỉ nghe suông, “tín thọ” còn không có, hướng chỉ là “phụng hành”. Như vậy làm sao thành công được.

Tôi nhắc nhở như vậy, điều cốt yếu quan trọng ở người học đạo là lời nào Phật dạy cũng đều là pháp môn cả. Phật mở miệng nói là thành pháp môn, thành pháp rồi. Tại sao gọi là pháp môn? Tất nhiên pháp là cái cửa vào đạo, từ đây mình biết pháp môn Phật dạy để đối trị trần lao phiền não của tất cả chúng sanh. Căn cơ chúng sanh có nhiều, do đó trần lao phiền não có nhiều thứ. Pháp môn của Phật cũng theo đó để đối trị, như đại khái có hai thừa pháp ở thế gian còn trong vòng sanh tử luân hồi và pháp ba thừa xuất thế. Nếu làm được pháp xuất thế là ra khỏi sanh tử luân hồi.

Hai thừa thế gian là nhân thừa và thiên thừa. Tại sao ở thế gian có lục đạo là trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Đại khái có sáu loài nhiếp hết tất cả loài chúng sanh trong vòng sanh tử, mà chỉ có hai thừa pháp Phật dạy cho nhân thiên; vì các đường kia thuộc về đường ác; còn nhân thiên ở nơi thiện. Do đó Phật dạy đạo lợi ích thì dạy lành, dạy thiện thôi, nên Ngài dạy về nhân thừa, thiên thừa. Thí dụ nếu người giữ đúng ngũ giới thì nhất định được thân người. Nếu

giữ không đúng năm điều đó, không bảo đảm được thân người, sẽ sa vào bốn đạo kia. Do đó, giữ năm giới để thoát khỏi nghiệp quả bốn đạo không thiện kia, để vững đường thiện ban đầu này là thân người.

Nếu mình không sát sanh là giữ được một phần của đạo người, có thân người ở đời này và đời sau. Nếu được như vậy, lại phóng sanh cứu khổ con vật hoặc con người. Có thể đối với người hại mình, mình dư sức hại lại, nhưng lại thả họ đi; hoặc mình tìm cách, hay dùng tiền mua chuộc, dùng thế lực để tha họ, có nghĩa là phóng sanh cho người, không phải chỉ phóng sanh cho loài khác. Nếu mình phóng sanh các loài thì được lợi ích rộng lớn lắm, vì cuộc sống xung quanh mình có không biết bao nhiêu sự rình rập, sẵn sàng giết hại lẫn nhau. Những kẻ bị hại được thả ra là họ được lợi rồi và những người làm hại cũng thoát được tội sát hại, thoát khỏi khổ vì tội đó.

Giữ giới thứ hai không trộm cướp, mà còn bố thí, cúng dường, giúp đỡ những người thiếu thốn và cả loài vật, sẽ được thiện căn công đức. Hồi hướng thiện căn công đức đó cho đạo xuất thế thì được thiện căn công đức về xuất thế. Vì thế nên lưu ý điều đó và lấy đó để suy ra các việc khác.

Thừa thứ hai là thiên thừa, theo đó Phật dạy các pháp để giữ vững được thân trời hay được thân trời vị lai. Đại khái có thập thiện nghiệp, ngoài ra chi tiết rất nhiều. Thập thiện nghiệp bao trùm cả nhân thừa, vì có thiện ở nhân thừa rồi mới cộng thêm nữa đến thiên thừa. Thiên thừa có y chánh báo cõi Sắc và cõi Vô sắc thì trên thập thiện của thiên thừa cõi trời Dục, vì ở đó đã thành tựu 12 thiên định.

Thật vậy, muốn được quả báo của cõi Vô sắc phải tu tứ thiên, tứ định, tứ vô lượng tâm. Thành tựu thập thiện và 12 định đó gọi là định thế gian hay thiên của thế gian; đó là tột đỉnh của pháp thế gian. Nếu thêm lên nữa là pháp xuất thế gian, ở pháp xuất thế, người đó phải trọn vẹn nhân thừa và

thiên thừa, cho nên các bậc tiến lên Thánh vị đều phải tu năm giới, thập thiện, tứ thiền, tứ định, tứ vô lượng tâm. Nếu ta không bước nấc thang dưới này, làm sao lên nấc thang cao hơn được.

Do đó, người học đạo phải có giới điều và những thiền định như vậy. Từ mức đó bước lên tam thừa. Pháp tam thừa xuất thế gian này có pháp Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, pháp Bồ tát. Đại thừa Bồ tát nói hai thừa: Tiểu thừa (Thanh văn thừa) và Trung thừa (Duyên giác thừa). Ta đừng ngại tiểu thừa và trung thừa, vì hai thừa này được nói đến trong kinh; mà kinh nói là Phật dạy rõ ràng, không vì tự ái hay vì lý do gì mà giấu nó.

Trường học của mình cũng có 3 cấp: tiểu, trung, đại; pháp Phật cũng có tuần tự như vậy. Vị Thánh xuất thế ở bậc tiểu, bậc trung thì kết quả ở hạng tiểu, hạng trung, là đại thì kết quả ở hạng đại. Trong kinh Duy Ma Cật ghi các Thanh văn và Bồ tát đến thất của Duy Ma Cật thấy việc làm của đại Bồ tát. Các vị tiểu thừa A la hán khóc như mưa, vì thấy việc làm của Bồ tát mà vô lượng kiếp họ làm cũng không được.

Thấy Tiểu thừa và Đại thừa rõ như vậy thì mình đừng ngại. Nếu có người vì tự ái nói thì mình đừng cãi với họ, vì trong cuộc đời này chấp ngã lớn lắm. Tự là ngã, tự ái là ngã ái. Trong Phật pháp ngã ái là điều bị cấm, người tu phải diệt trừ nó trước nhất. Vì vậy, mình học đạo không nên nói tự ái, người đời nói được. Học đạo mà không trừ ngã ái thì nhứt định không được gì, mà còn để nó lớn thêm nữa là nghĩa sao?

Trong tam thừa, mình nghe nói rằng Tứ đế hạn cuộc cho Thanh văn thừa, Thập nhị nhân duyên hạn cuộc cho Duyên giác thừa (Trung thừa) và Lục độ vạn hạnh cho Bồ tát thừa (Đại thừa).

Nhưng nên nhớ Đại thừa phải tu đầy đủ các pháp: Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ vạn hạnh; không phải tu Lục độ

vạn hạnh, rồi bỏ Tứ đế, Thập nhị nhân duyên. Đường đời như bài toán phải từ cộng trừ nhân chia, rồi tới phân số, đại số. Nếu nghe đại số rồi làm đại số, bỏ cộng trừ nhân chia không học, thì làm sao được.

Người tu Đại thừa phải tu tập tất cả pháp của Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa mà mình đang luyện tập. Ví dụ như Bồ tát tu tập Tứ đế thì Tứ đế vẫn là Đại thừa Tứ đế. Cũng giống như quý huynh đệ học trường đời, tốt nghiệp Đại học thì người đó cũng có làm toán cộng trừ; nhưng là cộng trừ của người đại học.

Do đó, Bồ tát cũng phải tu tập Tất cả pháp. Mình thuộc Đại thừa Phật giáo phải hiểu điều đó, phải tôn trọng các pháp Tiểu thừa, tôn trọng giới Tiểu thừa, hình thức Tiểu thừa; vì đó là những điều mà mình phải học, phải làm. Nên hiểu rõ cái đích là Đại thừa, tức thành Phật, không phải cái đích ở A la hán, Tu đà hoàn; trong khi Tiểu thừa đặt cái đích ở Tu đà hoàn cho đến A la hán mà thôi. Người ta gọi A la hán là Phật, vì theo họ, cái đích tới đó là cao nhất rồi.

Nói mình Đại thừa Phật giáo, nhưng sự thật cái được của Tiểu thừa, mình cũng chưa được đâu. Thí dụ không có ai vỗ ngực xưng là tôi được Tu đà hoàn, vì việc đó không dễ đâu. Khi được quả Tu đà hoàn, có hiện tượng gì trước nhứt? Vị Tu đà hoàn đã vào dòng Thánh, nên hiện tượng trước nhứt mà vị đó biểu lộ là “ly ngộ sát” (không giết lầm). Người còn giết lầm là biết chưa được bậc Tu đà hoàn.

Vị Tu đà hoàn được đạo lực tự nhiên như vậy, vì quả đó có khả năng, có công đức hiện ra; không phải cái suy nghĩ vì suy nghĩ thì không còn làm nữa. Giáo hội ngày xưa chia ra từng cấp bậc theo tuổi hạ lớn nhỏ để gọi là Thượng, Trung, Hạ tọa bậc Thánh. Vị đắc quả Tu đà hoàn có tuổi hạ bao nhiêu chẳng nữa, các vị kia cũng phải nhường, dù tuổi hạ lớn cũng thua vị Tu đà hoàn nhiều. Khi vị Tu đà hoàn chỉ có một, hai

hạ, có thể là Sa di, nhưng người 20, 30 tuổi hạ cũng không dám ngồi trên.

Nhưng làm sao biết được để tôn lên hàng Thượng tọa? Dĩ nhiên vị này phải biểu lộ điều trước nhất là “ly ngộ sát”. Thử như thế nào để biết là ly ngộ sát? Vị đó nếu đi ngang bầy kiến, chân không chấm đất, không đạp lên bầy kiến. Tự nhiên đạo lực của vị Tu đà hoàn có tác dụng như vậy, trong kinh gọi là đạo lực của Tu đà hoàn nhiệm vận, nghĩa là nó tự nhiên ly ngộ sát. Thân của Tu đà hoàn từ đầu đến chân có ảnh hưởng cách chúng sanh bị hại là 3 tấc tào (10 phân). Dù cho vị đó cầm cuốc cuốc đất, con trùng con cũng cách lưỡi cuốc 10 phân, do đạo lực của người đó như thế, không bao giờ đụng vào nó.

Vị Tu đà hoàn cũng hiện thân là Sa di, cư sĩ, làm đủ việc. Vị này còn thân trong loài người, loài trời nhiều lần mới thành La hán ra khỏi tam giới. Nếu vị đó cuốc con trùng đứt làm hai thì không phải là Tu đà hoàn, chỉ là phàm phu chưa có quả nào trong bậc Thánh. Nên lưu ý điểm đó. Thậm chí người ta còn thử Tu đà hoàn như thế này: Để những con vật đó trong vũng bùn, nếu đạp vũng bùn đó, các con vật sẽ chết. Nhưng tự nhiên chân vị Tu đà hoàn không đụng bùn, tự nhiên chân vị đó cách con vật, không phải cách bùn. Nếu không phải Tu đà hoàn thì chân lún xuống bùn, nếu là Tu đà hoàn thì chân không lún bùn và chân cách con vật 10 phân. Như vậy quý vị thấy bậc Thánh khác phàm phu lắm. Đó là một điểm nhỏ trong các điểm khác, quý vị cứ lấy điểm đó để nghiệm thì biết rõ liền mình có ở Thánh quả nào hay không.

Điểm đầu tiên mà mình chưa có thì biết mình chưa có gì cả. Đó là cách thử dễ lắm để biết mình tới đâu.

Nếu tự xưng là A la hán thì bắt vị đó phải có thần thông thập bát biến, hiện thân lớn, hiện thân nhỏ, một thân biến thành trăm ngàn thân, trăm ngàn thân hiệp thành một thân, đi trên nước như đi trên đất bằng, đi trên không như đi trên đất,

trên đầu ra lửa, dưới chân tuôn nước... Đủ thập bát biến như vậy mới là A la hán, thiếu một cũng không được.

Vì vậy, đọc sử quý vị thấy sau khi đức Phật nhập diệt, Ma Ha Ca Diếp triệu tập các A la hán trong động để kiết tập kinh điển. Các việc phân chia xá lợi, xây tháp là việc của cư sĩ làm, không phải việc của mình. Để giữ được pháp thì phải kiết tập kinh điển. Kiết tập lúc đó là đọc bằng miệng, không ghi trên giấy. Ai nhớ thì đọc thuộc lòng. Nhưng các vị A la hán, mỗi người chỉ nhớ được một ít, chỉ có Ngài A Nan nhớ tất cả lời Phật dạy trong đời, như chai nước này rót qua chai nước kia không một giọt ra ngoài. Ngài A Nan giữ gìn lời Phật nói cũng như cái chai giữ nước vậy. Nhưng Ngài A Nan không được dự vì còn hữu lậu, chưa phải là A la hán. Ngài A Nan thấy buồn, trong đêm đó ráng tu tập. Ngài đã đắc quả A na hàm, chỉ chưa chứng A la hán, nên chỉ tinh tấn trong một đêm đó thì Ngài chứng A la hán. Ngài liền đi đến gõ cửa động, xin vào dự hội. Ngài Ca Diếp biết A Nan đã đắc A La hán, nhưng muốn thử cho các người dự hội thấy đúng như vậy. Ca Diếp liền bảo A Nan nếu thật là A la hán thì cần gì phải mở cửa, tự nhiên ở ngoài bước vô thôi. Tự nhiên bước vô, đâu cần mở cửa, thần thông của A la hán như vậy đó. A la hán là vô ngại, nên đối với địa, thủy, hỏa, phong không sợ gì.

Pháp môn của Phật phải học, phải hiểu, phải biết, phải làm, phải được. Dĩ nhiên mình phải làm, nhưng được thì tự nhiên nó hiện ra rõ ràng, không phải được mà ngậm ngậm không thể hiện bên ngoài. Như vua A Dục khi tin Phật pháp, lập thệ nguyện là tất cả vị xuất gia, không luận người đức lớn hay đức nhỏ, Ngài đều đánh lễ riêng từng người một, không phải chỉ lễ chung. Có ông Sa đi đi vào rừng vắng, vua được báo vội vàng tới đó lạy. Lạy xong 3 lạy, ông nói: “Thưa Ngài vì tôi có lời nguyện cho tâm được an, do đó tôi đánh lễ Ngài, xin Ngài đừng nói cho người khác biết việc này”. Ông Sa đi 7

tuổi đó nghe nói như vậy liền nhìn qua lề đường thấy cái bình bể mà người ta liệng bỏ bên lề đường. Ông vén y bước vào bình bể đó rồi bước ra, làm như vậy 3 lần mới nói với vua: "Bệ hạ có thấy, nhưng đừng nói cho ai biết. Lúc đó vua A Dục liền cúi xuống lạy nữa và nói: "Thật Ngài là bậc Thánh mà tôi không biết". Thánh là vậy đó.

Hoặc câu chuyện các ông Sa đi tắm sông giỡn rần rần, vua Ba Tư Nặc mới nói với bà Mạt Lợi phu nhân rằng: "Thầy của bà đó". Bà đành lặng thinh. Nhưng mấy người dưới đó biết chuyện, nên tắm xong lên bờ đắp y ngồi xếp bằng, rồi để cái bát ở đằng trước, tự nhiên bay lên hư không. Khi họ bay ngang qua thì bà hoàng hậu liền nói với vua: "Bệ hạ thấy không, thầy của tôi đó".

Nói để thấy Phật pháp rất đáng quý trọng, để mình bỏ tánh tăng thượng mạn, chưa được mà nói được. Chưa đắc được quả Thánh, còn là phàm phu sanh tử thì phải cẩn thận, thân người khó bảo đảm lắm, không phải dễ đâu. Khi đắc được quả vị nào thì nó phải hiển hiện rõ ràng, như người tu tập được sơ thiên là tứ duy, tứ đại cõi Dục trở thành tứ duy, tứ đại cõi Sắc. Cái thân của họ thấy y như vậy, không có gì khác hết, nhưng tính chất bên trong đã thay đổi rồi. Tính chất hiệp lại tạo nên thân của người đó là tứ duy (sắc, hương, vị, xúc), tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong), đã đổi thành cái chất của cõi Sắc, chứ không phải cái chất của cõi Dục trước đó nữa.

Nếu mình không biết thì ngạc nhiên tại sao có vị tổ bị chặt đầu mà không thấy máu phun ra, lại thấy sữa trắng. Vì đó là Thánh, thân của họ như loài người, mà chất cấu tạo không phải của cõi Dục này nữa; chất đã thay đổi khác rồi, nên thân không phun ra máu, mà nó trắng như sữa vậy. Lưu ý việc đó trong kinh dạy rõ ràng, vì mình không gặp hay là học chưa tới, chưa hiểu rõ được các điểm đó. Phật dạy tỉ mỉ lắm, còn việc học của mình không được nhiều. Dầu kinh sách được giảng

rộng, thuyết nhiều, nhưng không đi sâu vào cái rõ ràng. Ở đây tôi nói cái rõ ràng cho huynh đệ nghe. Như quán Thập nhị nhân duyên thì quán hạnh làm sao? Không phải đơn giản. Quán vô minh không phải quán người khác, mà quán chính thân mình đây là thập nhị nhân duyên. Như tôi có sanh, có lão rồi, từ vô minh tới đây có đầy đủ hết, chỉ còn thiếu cái tử nữa thôi, chứ không còn thiếu gì nữa. Do đó mình quán chính mình đây, đầu tiên là quán vô minh.

Phật dạy quán vô minh như thế nào? Mình quán đời mình về quá khứ, vì từ đó nó bắt đầu. Thân trước của thân này là thân trung ấm. Từ thân trung ấm sanh ra niệm ái, niệm dục mà Phật dạy đó là vô minh của đời mình. Do niệm dục ái mới làm cho chất tứ đại, tứ duy hòa hợp (tinh cha, huyết mẹ; nói huyết mẹ chứ đó là cái noãn tinh của bà mẹ). Hai cái đó hợp lại thành một. Ban sơ nó là hai, nhưng do niệm dục ái làm cho hai cái đó hiệp lại thành một; trong kinh nói nó lớn như hột đậu (tùy theo đậu). Con người có người lớn người nhỏ, hột đậu cũng vậy, có hột lớn hột nhỏ. Rồi do nhờ sức thân lực của bà mẹ mà nó lên xuống (khí lực của bà mẹ thở lên xuống). Nó cứ 7 ngày biến một lần, 40 lần 7 như vậy là đúng 9 tháng 10 ngày. Trong kinh nói lúc đầu là ca la lả, mỗi 7 ngày biến một lần, đều có tên. Phật nói đủ những việc trong thai, có 40 tên như vậy, không phải dễ nhớ được. Cái đầu của 12 nhân duyên mà mình không nhớ, rồi cả vấn đề phức tạp, đâu phải chuyện dễ. Do đó, mình phải biết đủ, rồi ngồi tập trung tư tưởng lại, không còn nghĩ việc gì khác nữa, cũng như người nhập định vậy. Đem cái niệm đó của mình ra quán, đối với thân trung ấm người nam, người nữ có niệm dục ái đó. Mình quán tưởng như vậy, rồi có ra ca la lả lúc tuần thất ban đầu, nó lần lần tăng trưởng lên, rồi sau đó nó hiệp thành sự sống. Có thần thức của thân trung ấm vào trong đó, tức cái nghiệp của đời trước duy trì cho nghiệp đời kế, gọi là mạng căn thọ noãn thức. “Thọ” là

thời gian sống, chỗ khác gọi là có hơi ấm. Nếu không có hơi ấm thì nó rã, không sống được và chủ chốt là thần thức.

Rồi phải tập trung tư tưởng, vì vậy định lực phải nằm trong thọ noãn thức, cái định lực nằm trong cái hột mà tinh huyết hợp lại một như hột đậu, không có niệm nào khác tản ra. Nếu không nhập định thì không thể được, suy nghĩ này suy nghĩ kia lộn xộn hết rồi. Cho nên tu tập Thập nhị nhân duyên này đạt đến bậc Bích chi Phật, Duyên giác không phải bậc thường được.

Huynh đệ thấy kết quả đó, rồi mới tư duy qua “hành”. Từ vô minh, hành, đến thức phân biệt mà có cái hiện tại, chứ không phải thần thức đầu tiên từ thân trung ấm nhập vào. Rồi từ đó đến “danh, sắc, lục nhập, thọ... đến sanh”. Trong kinh dạy tỉ mỉ lắm, đó là cả vấn đề phức tạp, không phải chuyện dễ. Theo đó mà quán là quán thuận, thuận là từ vô minh cho đến sanh, lão, tử; rồi quán nghịch trở lại để trừ diệt. Nếu thuận thì sanh tử luân hồi mãi mãi, quán nghịch để trừ diệt, để biết quả do nhân mà ra. Nếu nhân không có thì quả không còn, quả không sanh ra.

Đó là đại lược về quán Thập nhị nhân duyên phức tạp như vậy. Bất cứ pháp môn nào Phật dạy đều có sự phức tạp, cho nên cần học kỹ, nhớ cho rành, theo đó tu tập cho đúng. Phật dạy các pháp môn xuất thế đều phải có định lực, nếu không có định lực là không thành được gì cả. Vì do niệm mới tư duy; nếu tán tâm thì niệm lạc hết, nên kết quả thành là nhờ niệm lực.

Thí dụ đại lược danh từ Tứ đế (khô, tập, diệt, đạo) là cả vấn đề, không phải chuyện thường. Phật nói đây là khô, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo; các ông phải biết. Nhưng biết thế nào là khô, cả vấn đề. Phải biết cho rành, biết chừng nào nó nhàm, ghê sợ. Nếu biết sơ sơ như mình, nó còn ham thêm nữa, chứ đâu có sợ, có nhàm. Biết đến chừng nào không có niệm

quyến luyến đến nó nữa. Phải sợ, phải nhàm, mới nghĩ đến khổ này từ đâu có ra. Nhân của khổ mình thường gọi là phiền não; nó làm chủ, nó gây nghiệp mới có cái khổ là quả. Mà đã biết nhân rồi thì phải trừ cái nhân đó cho hết cái khổ, mới là chứng quả “diệt”.

Muốn được quả Niết bàn tịch diệt như vậy, tất nhiên phải làm cái gì trừ được nhân đó, chứ không phải muốn là được. Tất cả đạo hạnh phải tu đại khái có 37 phẩm trợ đạo (4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 chánh đạo).

Khởi đầu tu tập 4 niệm xứ không phải chuyện thường. Nếu không vào chánh định thì không thể quán được. Cái quán đó phải phát trong chánh định. Như quán thân bất tịnh, phải quán làm sao thân dơ nhớp từ ngoài da đến trong xương, tủy, lục phủ ngũ tạng rất là dơ. Bây giờ ai thử lấy dao rạch da mỏng bên ngoài quệt lên mặt người khác coi họ chịu không. Chắc chắn không ai chịu, máu tanh hôi dơ quá, chứ phải thường đâu, phải rửa sạch thôi. Còn trong người chứa phân, nước tiểu đầy hết, không có gì là không tanh hôi. Thân của mình chết rồi thì còn thúi hơn nữa, không có xác của con thú nào thúi bằng xác người. Tôi biết rõ vì nhà ở bờ sông, con trâu chết sinh ở sông, người đi trên bờ cũng không sao, mà có thầy ma thì cách 50 – 70 thước là không chịu nổi mùi rồi.

Mình thấy con người lúc sống đã dơ, chết cũng rất dơ, dơ nhớp lắm, không phải chuyện thường. Rồi phải quán sao từ dơ đến dòi tủa ra, rã ra thành những đống máu mủ, đến lòi xương, đến xương tan ra. Cả *vấn* đề mà phải quán như trong kinh nói rõ là nhắm mắt, mở mắt cũng thấy rõ ràng như vậy, chứ không thấy gì khác nữa.

Nếu người đó nhập vào cái quán như thế thì dầu sấm sét nổ một bên cũng không nghe, dầu có mùi thật thơm nổi lên cũng không biết. Nếu lúc đó thấy xương trắng thì chỉ thấy

xương trắng mà thôi, không thấy cái gì khác nữa. Quán thân bất tịnh là như vậy, không phải chỉ nói suông. Quán thân bất tịnh tới mức tham tâm mất di. Mang cái thân bọc thúi như vậy đây, dơ thế này, thử ba ngày không tắm coi ai dám đến gần không. Nó như vậy, nói chi trong đó lòi ra thứ gì. Phải quán như vậy, không phải quán sơ sơ là được.

Rồi tới quán “thọ thì khổ” như thế nào? Kinh *Pháp Hoa* nói: “Tất cả là khổ, chúng sanh mê lầm lấy khổ làm vui”. Chẳng có gì là vui, toàn là khổ, phải quán làm sao thấy thực cái khổ đó. Thí dụ như quán tâm vô thường thì nhận thấy tâm của mình, rồi thấy nó vô thường. Nhưng không thấy tâm mình, làm sao thấy nó vô thường được. Mà cái tâm còn lãng xãng lộn xộn thì làm sao thấy tâm được. Vì vậy, phải trụ định, có định tâm mới quán tâm vô thường được. Và kể đến là quán pháp vô ngã.

Trong Tứ niệm xứ có quán riêng biệt từng phần mà được cái riêng đó, như người được định thấy bất tịnh, thấy trong định như vậy, cho đến thấy vô ngã. Có cái riêng là biệt tướng niệm xứ và tổng hợp những riêng biệt này thành tổng tướng niệm xứ.

Những phiền não tập khí của mình khó trừ lắm, nếu không quán cái phiền não đó, cái tham, sân, si, mạn, nghi, phú, hận, não, tật, xan... khó trừ lắm, không phải dễ đâu vì những thứ đó có sẵn một cách sâu thẳm, cứng rắn, bền bỉ. Nếu không dùng pháp đối trị thì khó mà trừ được nó.

Qua Tứ niệm xứ tới Tứ chánh cần, nếu ta cứ đọc như thế này: “Việc ác đã có rắng trừ, việc ác chưa sanh đừng cho nó sanh. Việc lành chưa có thì cho nó sanh, sanh rồi cho nó tăng trưởng”. Cứ đọc như vậy hoài, ác vẫn còn, thiện vẫn không có. Phải làm cách nào chứ.

Có những ác thế gian và những lỗi mà bậc Thánh vẫn còn, cho đến cái thiện cũng vậy, có cái thiện thế gian và thiện xuất

thế gian. Phải làm sao để ác được ngăn trừ, làm sao cho thiện sanh ra. Thiện căn công đức sanh ra không phải là chuyện thường, dễ đâu. Phải học, phải siêng năng, phải luôn luôn không rời, phải làm sao tăng trưởng nó lần lần. Mình phải có khả năng thật sự như vậy, nghĩa là nó tự nhiên ngăn ác, dứt ác, tự nhiên nó sanh thiện và giữ thiện. Không sanh thiện là không được rồi, cho nên trong Tứ chánh cần, cái sanh thiện là cái mở đầu. Nếu có thiện sanh thì ác không sanh được, thiện sanh thì ác tự nhiên dứt.

Trong Tứ niệm xứ, vô ngã đứng đầu; cho nên có người tu tất quán vô ngã, không quán cái kia. Nếu quán vô ngã thì các pháp quán kia nằm trong vô ngã, nên không cần phải quán nữa. Vì vậy mà ngã đứng sau, nhưng chủ chốt của nó là vô ngã.

Tứ chánh cần cũng vậy, dứt ác, ngăn ác, sanh thiện đều cần thiết. Thí dụ sanh thiện là việc cần, vì biết bao nhiêu điều lành mà mình không có, không làm cho nó có thì không thể được. Phải làm sao cho thiện sanh ra.

Rồi kế đó là Tứ như ý túc hay còn gọi là Tứ thần túc không phải chuyện thường, vì người có thần thông mới được. Thí dụ nghe nói là dục niệm, tinh tấn, nhứt tâm thì thấy thông thường quá, chẳng dè những thành quả đó thuộc về thần thông, nên mới gọi là như ý. Túc nghĩa là thần thông, như ý là muốn cái gì thì hiện cái đó; muốn bay là bay, muốn xuống đất là xuống đất, muốn qua vách là qua vách, muốn lớn thì như núi, muốn nhỏ thì như kiến, muốn nhiều thì vô lượng; tùy theo lực của người đó, muốn không hiện diện thì người kế bên cũng không nhìn thấy. Có chỗ gọi đó là thần túc thông.

Rồi rèn luyện đến 5 căn, 5 lực, Thất giác chi. Thất giác chi nằm trong giác ngộ, cho nên mấy chi đó ở trước cũng có, như tinh tấn, niệm ở 5 căn, 5 lực cũng có. Tứ như ý túc cũng có tinh tấn. Niệm cũng vậy, nó ở trong phạm vi của giác ngộ, nên gọi là phẩm chi của giác ngộ hay giác chi. Chưa giác ngộ

thì chưa gọi được như vậy. Từ đó mới lên Bát chánh đạo hay Bát Thánh đạo. Ở đây mình đi tắt, giảng Bát chánh đạo nói các người phải cố gắng tu Bát chánh đạo; trong khi mấy cái kia chưa có thì làm gì có Bát chánh đạo. Nó chánh rồi mới thành đạo, phải không? Nó thành thứ này, thứ kia, nhưng thứ nào cũng có tên chánh trong đó; như kiến gọi là chánh kiến, chỉ nói “kiến” thôi thì không được.

Thế nào là chánh kiến? Phải trải qua đủ các thứ bậc trước và hoàn thành Thất giác chi rồi, mới nói đến Bát chánh đạo. Đến Bát chánh đạo đều là bậc Thánh cả, không phải bậc phàm nữa, nên cũng gọi là Bát Thánh đạo; trong đó có ngữ, có nghiệp, có mạng. Như vậy không phải mình không có ngữ, nghiệp, mạng. Nhưng mình là phàm phu tục tử đâu thế gọi là chánh ngữ, Thánh ngữ; vì phải là bậc Thánh mới được Thánh ngữ. Vì thế người ta phải rèn luyện từ chưa viên mãn đến viên mãn. Cho nên mình không hiểu, trong 37 trợ đạo phẩm mình cứ nắm lấy Bát chánh đạo, luôn luôn đi giảng Bát chánh đạo thôi. Mấy cái trước chưa có làm gì giảng Bát chánh đạo, làm sao gọi bằng chánh, bằng Thánh. Thí dụ như chánh kiến chẳng hạn, cũng nói sơ sơ, đừng có tà kiến vậy thôi. Không phải vậy. Định huệ phải được viên thành, kể cả Tứ như ý túc, Tứ niệm xứ chưa có thì làm sao nói đến Bát chánh đạo. Vì vậy phải biết mấy điểm đó rồi thực hành mới thành công, còn không biết, chỉ nói suông thôi, chưa đạt được vị trí đó mà cứ nghĩ đã được, rồi làm cái khác thì không thể thành công. Nó khó là vậy.

Về Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Thập nhị nhân duyên, Tứ đế; nghe Lục Tổ nói thấy dễ lắm. Như bố thí dễ, có tiền là bố thí được. *Bố thí* mà không thấy có mình thí, không thấy người nhận, không thấy có tài vật đem thí, cũng không thấy có việc làm bố thí nữa; mới gọi là bố thí của Bồ tát Đại thừa. Còn bố thí mà đem của ra cho như mình là phàm phu bố

thí, không phải là Bồ tát bồ thí. Cho đến trì giới, nhẫn nhục... thiền định; chẳng hạn tứ thiền, tứ không, tứ vô lượng tâm, 12 thiền này là thế gian thiền. Tiểu thừa Thanh văn còn chưa được nữa, nói chi đến thiền của Đại thừa Bồ tát là bực thứ năm trong Lục độ ba la mật.

Ba la mật là cứu cánh rốt ráo, đáo bỉ ngạn, nó hoàn toàn lấm rồi. Muốn được như vậy, đầu tiên làm sao đừng thấy có mình, đừng thấy có người, cũng đừng thấy có pháp. Tu tới từng đó rồi thì bồ thí mới thành ra bồ thí của Bồ tát là độ thứ nhất trong lục độ.

Luyện làm sao đừng thấy có mình là vô ngã, đừng thấy có người là vô nhân; không ngã tướng, không nhân tướng, rồi không có chúng sanh tướng, cho đến các pháp tướng đều không có. Còn ở đây thấy có mình, có người, có của, có việc làm, thì cái đó phạm phu hoàn toàn rồi. Tôi nói để huynh đệ suy nghĩ rồi lần rộng ra.

Nói Lục độ, nói đúng phải là Thập độ, Thập ba la mật. Lục độ gồm bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và bát nhã ba la mật. Không nói huệ, vì sợ lộn với thế gian cũng nói trí huệ. Nên nói bát nhã là tiếng Phạn cho khỏi lộn.

Bát nhã ba la mật thì phải thế nào? Mình nhớ Bát Nhã Tâm kinh, chính nó diễn tả nội dung của bát nhã ba la mật. Câu đầu của *Tâm kinh*, từ “Quán Tự Tại Bồ tát... ngũ uẩn giai không”, ta thấy các pháp đều là không, từ đó về sau chẳng những pháp thế gian là không mà pháp xuất thế gian cũng không. Đó là nội dung hành tướng của bát nhã.

Tôi nghe giảng *Pháp Bảo Đàn* kinh lấy bát nhã làm trọng. Bát nhã là gì? Là tất cả pháp đều không. Bát Nhã là thần chú và Phật từ nơi đó mà thành Phật, rõ ràng như vậy. Bát đầu là tất cả pháp đều không, lấy ngũ uẩn thân mình làm chánh trước; về sau, lục căn, lục trần, lục thức, tứ đế, thập nhị nhân

duyên đều không, cho đến trí, hạnh gì của Bồ tát cũng đều không. Lúc đó mới thực là bát nhã ba la mật.

Rồi đến phương tiện ba la mật, nguyện ba la mật, ba la mật và trí ba la mật thì toàn vẹn thập ba la mật; đó là thành quả của thập địa Bồ tát. Các đẳng địa Bồ tát đều có đủ ba la mật nhưng hoàn thành cứu cánh rất ráo, không còn thêm nghiệp nữa thì Sơ địa Bồ tát hoàn thành bố thí ba la mật; Nhị địa Bồ tát thì hoàn thành trì giới ba la mật, Tam địa Bồ tát hoàn thành nhẫn nhục ba la mật, Tứ địa thì hoàn thành tinh tấn ba la mật, Ngũ địa Bồ tát thì hoàn thành thiền ba la mật, Đệ lục địa Bồ tát thì hoàn thành bát nhã ba la mật, Thất địa hoàn thành phương tiện ba la mật, Bát động địa Bồ tát hoàn thành nguyện ba la mật.

Bát địa Bồ tát không còn đệ bát thức (A lại da), vì đã hoàn thành vô ngã. Vô ngã này trùng với vô ngã của A la hán, Bích chi Phật; nhưng nhờ nguyện ba la mật là nguyện thành Phật độ chúng sanh làm cho vị này không dừng ở điểm đó. Từ Cửu địa được tự tại, tâm sắc đều tự tại, nên được lục ba la mật. Lục là sức lực, thể lực, năng lực lúc đó hoàn toàn. Thập địa thì hoàn toàn nhứt thể trí, nên gọi là trí ba la mật.

Đến Thập địa thì 10 ba la mật đã hoàn toàn xong, bước lên nữa là thành Phật. Do đó đừng nghe người thế gian, các học giả giảng về Phật Thích Ca, họ nói Sĩ Đạt Ta cũng như người thường. May mắn ông tu, ông thành như vậy, phát minh được như vậy.

Sự thật là nếu không phải Đẳng giác Bồ tát, Nhứt sanh bồ xứ Bồ tát, làm sao thành Phật được. Đó là mình nói thông thường, còn kinh Pháp Hoa nói Phật Thích Ca hiện thân vậy thôi, chứ Ngài thành Phật vô lượng kiếp rồi. Hiện tại vị đó phải là Nhứt sanh bồ xứ Bồ tát mới đến ngôi Bồ đề đạo tràng, cuối cùng bước lên địa vị Phật.

Nhứt sanh bổ xứ Bồ tát, có chỗ gọi là Đẳng giác Bồ tát, nghĩa là sắp thành Phật, kỳ thực cũng là Thập địa Bồ tát bước thêm nữa là thành Phật. Đẳng giác là tên gọi thêm cho sự trung gian đó mà thôi. Khoảng thời gian trung gian là Ngài hiện thân làm Thái tử Sĩ Đạt Ta, nhưng thật Ngài là vị Nhứt sanh bổ xứ Bồ tát từ cũng trời Đâu Suất giáng thần nhập thai. Nhưng tại sao phải như vậy? Vì xuất hiện trên nhân gian này thành Phật phải là thân người. Khi không mà hiện ra thì như thần, như quỷ. Do đó Ngài phải hiện thân người, phải đủ 8 tướng. Tướng đầu tiên là giáng thần, kế đó là nhập thai, xuất thai khi đản sanh, tiếp theo là xuất gia, hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân độ chúng sanh, nhập Niết bàn.

Trong kinh nói rõ ràng một vị muốn thành Phật xuất hiện ở nhân gian độ chúng sanh thì phải có đủ 8 tướng. Dù vị đó đã thành Phật rồi, nhưng khi ứng thân thì phải tuân tự từ tướng thứ nhứt đến tướng thứ tám là nhập Niết bàn. Đó là nguyên tắc, hiện như vậy chứ không phải là nghiệp báo.

Như vậy ở nhân gian người ta thấy có một người đàn ông mà lịch sử ghi rõ ràng, nên họ tin tưởng, đời sau cũng tin tưởng. Người ta cũng thấy Ngài từ người mà thành Phật và mình là người thì cũng thành Phật được vậy. Đó là cái cơ hiện thân làm Phật phải đủ 8 tướng đó. Về sau, kinh Di Lặc hạ sanh cũng nói vậy.

Di Lặc Bồ tát hiện giờ ở cung trời Đâu Suất, về sau cũng có 8 tướng thành đạo giống như Phật Thích Ca, nhưng công việc, thời gian, địa điểm khác. Cũng phải đủ 8 nguyên tắc đó, thiếu một cũng không được. Nên nhớ điều đó.

4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành

Trong các pháp tu của Đại thừa Bồ tát, nếu thành tựu một pháp, thì có thể nhiếp được nhiều pháp. Pháp tu này khác với pháp tu của các thừa khác. Đại khái như Đại thừa Bồ tát

tu lục độ, thí dụ như bố thí độ. Độ là qua đến bờ bên kia, gọi là đáo bỉ ngạn; Phạm âm là ba la mật, nên gọi là “ba la mật” cũng được, hay “độ” cũng vậy. Bố thí mà Bồ tát tu, nó nhiếp như thế nào?

Hành bố thí của Bồ tát trước hết đừng thấy có mình, tức là vô ngã. Bồ tát tu đạt đến vô ngã thì phải vô nhân, vô chúng sanh. Không nhân, không chúng sanh thì mới thấy không có người thọ, người xin, người nhận và không thấy có pháp. Điều này rất khó, hàng Thanh văn và Bích Chi Phật nhị thừa không thể đến được.

Không thấy có pháp là gì? Trong *Tâm Kinh* nói Bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật thì không thấy có ngũ uẩn, không thấy có tất cả: Lục nhập, Thập nhị xứ, Thập bát giới, cho đến không có Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, không có pháp để được.

Rõ ràng trong *Tâm Kinh* như vậy, không thấy có pháp mới không thấy có vật, hay của đem ra bố thí và không thấy việc làm bố thí. Đó mới đúng là bố thí của Đại thừa Bồ tát. Chưa được như vậy, nghĩa là còn thấy vật đem ra bố thí, cũng thấy người nhận, thấy có mình. Đó là chúng sanh bố thí. bố thí này hữu hạn lắm; vì có sự phân biệt như vậy thì bố thí nhiều sẽ thấy mỏi mệt. Nếu không thấy mình, không thấy người thì bố thí bao nhiêu cũng không mỏi mệt. Không thấy công việc bố thí nữa thì làm hoài cũng đâu mỏi mệt. Nếu Bồ tát không thấy có tất cả, không mỏi mệt và vẫn làm công việc đó; như vậy là đã gồm có tinh tấn trong đó.

Chẳng những bố thí vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, không có pháp, được đại tinh tấn, mà còn được tâm bình đẳng. Với tâm bình đẳng của Bồ tát thì mình và người không khác, không thấy có nhiều ít, không thấy có người thân kẻ oán. Chính tâm bình đẳng với tất cả pháp, là đại trí huệ. Phật trí đại khái như vậy.

Bồ thí mà không thấy mình, không thấy người, không thấy vật đem bồ thí, thì tâm không có chút loạn động, là nhiếp Đại thiên định. Thiên định đó hàng nhị thừa không có được, vì hàng nhị thừa nhập định thì không làm được, xuất định mới làm. Còn Bồ tát trong lúc làm không thấy mình, người, cảnh vật. không thấy gì hết thì tâm không duyên theo cảnh, không duyên theo người, mình, không duyên đến cái gì. Như vậy là tâm Bồ tát không loạn động, đã trụ trong đại thiên định, nên Bồ tát làm một hạnh là nhiếp tất cả hạnh. Giả sử có chúng sanh đến xin một cánh tay, Bồ tát chặt cánh tay cho; rồi nó đem liêng chơi, Bồ tát cũng không giận, không buồn. Vì Bồ tát không thấy bồ thí gì hết, không thấy mình, người, vật chi hết, không có tâm niệm thương ghét; như vậy là Bồ tát đã thực hiện được hạnh nhẫn nhục.

Ngoài ra, không thấy mình, người, cảnh, nên tâm Bồ tát luôn luôn bình đẳng, thanh tịnh; nghĩa là đã nhiếp tịnh giới, trì giới ba la mật đã được thực hiện trong khi bồ thí.

Do đó trong tất cả việc làm của Bồ tát đều gồm đủ các pháp bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ. Huống nữa trong lúc Bồ tát làm như vậy, tâm luôn bình đẳng, không thấy mình, người; vì thế làm cho vô lượng chúng sanh được lợi ích hoàn toàn, không có một tác hại nào xen vô được. Đó là nhờ Bồ tát đầy đủ công hạnh về đại phương tiện mà chỉ có bậc đại trí huệ mới thực hành được. Gọi là đại phương tiện, nghĩa là phương pháp làm nhất định được lợi ích rất lớn cho khắp tất cả chúng sanh, không bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Đại phương tiện như vậy, nên sức bồ thí mạnh và rộng lớn, là đại lực đã có trong đó.

Như vậy không phải do cái duyên thấy chúng sanh đói khổ, thiếu thốn mà đem bồ thí. Vì không thấy có chúng sanh, nhưng Bồ tát vẫn làm việc bồ thí, vẫn được lợi ích; cho nên

không phải chúng sanh duyên từ bi, mà là pháp duyên từ bi và vô duyên từ bi. Đó là pháp thành tựu của bậc thượng.

Đại khái hạnh bố thí của Bồ tát đã nhiếp đủ các công đức, các hạnh khác đều nằm trong đó. Hạnh bố thí nhiếp được như vậy thì các hạnh khác cũng nhiếp như vậy, gọi là “một là tất cả, tất cả là một”. Chính cái đó chỉ có ở pháp Đại thừa Bồ tát. Nếu trọn vẹn được như vậy thì đến Phật địa, được quả vị Phật; cho nên từ Bồ tát đến Phật phải trải qua trên 50 bậc.

Trong hơn 50 bậc của Bồ tát đến quả Phật, không kể hạng chưa vào Bồ tát, mà thường là Bồ tát Càn Huệ Địa. Thế nào là bậc Càn Huệ Địa Bồ tát?

Bồ tát đó đã đi đến bậc “nhiếp phục ngũ trụ phiền não”. Kiến hoặc hay phân biệt hoặc là một, đó là một trụ phiền não. Tư hoặc thì có tư hoặc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; cộng thêm vô minh phiền não là có tất cả 5. Gọi là hoặc hay phiền não cũng cùng một thứ; đó là ngũ trụ phiền não.

Bậc Càn Huệ địa đã chế ngự được ngũ trụ phiền não, nghĩa là vị đó đã vào chánh định tụ, làm cho tất cả phiền não không khởi lên được, nhưng chưa phải là dứt. Bồ tát này chế ngự luôn cả vô minh phiền não, không cho sanh khởi. Vì Bồ tát ở vị trí này đã thấy rõ tánh của tất cả pháp, nên không còn mê lầm các pháp nữa, thì vô minh không khởi được. Dù nó không dứt, chưa dứt chút gì hết, nó cũng không khởi được; cho đến kiến hoặc cũng không khởi được. Các hoặc còn nguyên vẹn, nhưng không khởi được.

Cũng như mình hiện tại có đủ tất cả phiền não, nhưng có lúc mình khởi sân. Trong lúc khởi sân thì phiền não tham ái không khởi. Tham ái không khởi, không phải nó không có. Hoặc có lúc mình tham ái thì tức nhiên mình không khởi sân; nhưng không có nghĩa là mình không có sân. Bồ tát Càn Huệ địa cũng vậy, tất cả phiền não còn nguyên, nhưng không khởi.

Cần huệ địa tu tập các công hạnh không ngoài 37 phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần... Phải tu đủ hết, rồi phải tu cả Thập nhị nhân duyên của Duyên giác thừa, Lục độ. Tu tập như vậy lần lần mới dứt được các hoặc.

Riêng về kiến hoặc, không có dứt tuần tự; hễ dứt là dứt hết một lần. Như tu hạnh Thanh văn chẳng hạn, kiến hoặc dứt là được sơ quả Tu đà hoàn liền, không có tuần tự gì hết. Cũng không có bực này dứt một phần, bực kia dứt một phần; hễ dứt là dứt hết, hễ còn là còn nguyên.

Nếu Bồ tát dứt kiến hoặc thì vào bực Thập tín. Bực Tín này chia làm 10, vào bực này thì tu tập dứt lần lần tư hoặc. Ở Sơ tín Bồ tát thì kiến hoặc không còn rồi. Lần lần qua Nhị tín Bồ tát đến Thập tín Bồ tát là hoàn mãn phần tu tập để dứt được tư hoặc gồm có tư hoặc của cõi Dục, của cõi Sắc và của cõi Vô sắc. Tuần tự tu đến khi chấm dứt một phần vô minh hoặc, là Bồ tát bước tới bực sơ Trụ. Bực này cũng có 10 bực.

Dù chỉ là sơ Trụ, nhưng trong kinh nói Bồ tát này thân thông trí huệ có thể hiện thân làm Phật trong 100 thế giới không có Phật xuất hiện để độ chúng sanh ở đó. Bồ tát này lấy phương tiện lực, phương tiện trí để hiện thân làm Phật, cũng hiện 8 tướng thành đạo, giáng thần..., Niết bàn y như Phật thật. Vị này thuyết pháp y như Phật thực, vì sở chứng chưa phải bằng Phật, nhưng thấy biết không khác Phật thực.

Bồ tát sơ Trụ dứt một phần vô minh lên một bực đến nhị Trụ, cho đến thập Trụ, rồi qua thập Hạnh, thập Hồi hướng, đến tứ Gia hạnh, vào thập Địa, tổng cộng là 44 phần; dứt một phần lên một bực.

Phần sau chót là thập Địa, tới Đẳng Giác Bồ tát, nếu sạch phần chót của vô minh hoặc là thành Phật. Cho nên mình thấy trong sử ghi Sĩ Đạt Ta ngồi thiền dưới cội bồ đề. Đến đêm thứ 49 khi sao mai mọc, thì thoát nhiên đại ngộ thành Phật; tất

nhiên phần sau cùng của vô minh hết. Vô minh dứt sạch do 49 ngày nhập Kim Cang đại định trên Kim Cang tòa. Dù mình không thấy, nhưng kinh nói thì phải tin, vì trí mình không thể thấy được. Chỗ ngồi của thái tử là Kim Cang địa, mới chịu nổi Kim Cang đại định, vì khi ngồi nhập định như vậy là cả thế giới kinh động, không phải thường. Mắt thường không thấy được, nhưng các bực Thánh thấy rõ ràng tòa Kim Cang.

Tôi nói đại lược để mình thấy Phật đạo vô thượng đi tuần tự như vậy, xa xăm, gian lao thật. Gian lao như thế nào? Như Bồ tát hành bố thí trong kinh Pháp Hoa nói có vị Bồ tát Trí Tích nói với Long Nữ rằng theo ông thấy thì Phật Thích Ca Mâu Ni từ lúc làm hạnh Bồ tát đem thân bố thí cho chúng sanh, bố thí đầu, mắt, tay chân... thì cả thế giới này chưa có chỗ nào bằng hột cải mà không có thân bố thí của Bồ tát. Hạnh bố thí của Bồ tát như vậy trong vô lượng đời. Lúc Bồ tát có đại lực thần thông rồi, như Thập trụ Bồ tát hiện thân làm Phật ở 100 thế giới không có Phật. Mà mỗi thế giới như vậy là một tỷ tiểu thế giới. Một tiểu thế giới có một thân Phật độ chúng sanh, chứ không phải một thế giới chỉ có một Đức Phật. Mà 100 tỷ tiểu thế giới như vậy đều có bực Sơ trụ Bồ tát độ sanh. Đó là một Bồ tát nhỏ thôi, huống nữa là các bậc Bồ tát cao hơn, hiện thân làm Phật, hiện thân bố thí cho chúng sanh, hiện vô số thân. Có khi hiện ra thân cây, cây thuốc chẳng hạn, cũng vẫn là thân của Bồ tát; hoặc hiện ra một thân gì đó cho chúng sanh ăn. Hiểu được như vậy thì thấy lời nói của Trí Tích Bồ tát với Long Nữ không sai. Ngài thấy rõ ràng như vậy, nên nói với Long Nữ rằng: “Thành Phật khó vậy mà cô nói một lát nữa cô thành Phật. Tôi không tin”. Vì lúc đó Long Nữ chỉ mới 8 tuổi, là đệ tử của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

Phải biết rằng đó là từng cuối cùng của Long Nữ, còn vô lượng đời trước thì Long Nữ cũng phải tu như tiền thân Phật Thích Ca, không thể khác. Hiện đời của Long Nữ là như vậy,

nhưng không phải lấy thân Long Nữ thành Phật được. Long Nữ phải qua phương Nam ở thế giới Vô Cấu hiện thân trượng phu có 32 tướng, 80 tùy hình hảo để thành Phật; đâu phải đem thân rỗng cái thành Phật được; nhưng liền lúc đó đại chúng phải tin vậy. Nói thấy Phật Thích Ca tu hạnh Bồ tát khó khăn vậy mới thành Phật để dạy người ỷ lại, lười biếng phải tinh tấn tu. Nói Long Nữ thành Phật dễ dàng để những người hạ liệt phấn khởi, siêng năng tu, còn thấy khó thì họ ngán sợ không dám làm.

Phát tâm Đại thừa, tu hạnh Đại thừa không phải dễ, như tiền thân của Xá Lợi Phất đã đứng vào vị trí Đại thừa rồi và đang tu hạnh bồ thí ba la mật. Có người đến xin cặp mắt. Ngài hứa bồ thí nên phải cho, mới móc một con mắt để cho thì người kia được rồi, lại quăng xuống, nhỏ nước miếng, bỏ đi. Ngài thôi thất tâm liền. Tu Thanh văn thừa thành A la hán mà còn như vậy, các vị Hiền Thánh chưa tới bậc bất thối, chưa được tự tại, chưa đến bậc bồ thí không còn thấy mình, người, vật, việc, thì dễ thôi tâm lắm. Không thực hành như vậy thì không được.

Như trong kinh Kim Cang nói tiền thân Phật Thích Ca bị vua Ca Lợi vô cớ đến chặt tay chân. Vì vua dẫn cung nữ dạo chơi trong rừng. Cung nữ dắt nhau qua chỗ khác thấy có vị ngò tu liền hái hoa dâng cúng. Vua ganh tức họ không hầu hạ ông mà lại đến cúng lạy vị này. Vị này thân nhiên, không giận hờn, còn nguyện nếu tôi thành Phật sẽ độ ông trước. Liền theo lời nguyện đó, thân vị này bình phục như thường để chứng mình không giận hờn còn thệ nguyện độ nữa, có từ bi tâm như vậy đó. Phật nói người tu đó là tiền thân Phật Thích Ca, còn người độ trước nhất là Kiều Trần Như trong kiếp quá khứ là vua Ca Lợi đã chặt tay chân Phật. Ngài chứng minh rõ ràng như vậy.

Tu hạnh Bồ tát rất khó, nên nói là Bồ tát làm được những việc khó làm; kinh nói tắt là “nan hành năng hành”. Hạnh Bồ

tát không phải chuyện dễ, phải hàng phục được các hoặc, phiền não, chế ngự được tất cả tâm niệm xấu trở thành tất cả thiện căn công đức; không phải làm việc hình tướng mà không có lợi ích lớn. Vì trong lúc tu tập, Bồ tát không thấy mình, không thấy người, không thấy gương, không thấy chặt. Do Bồ tát không có một tâm niệm nào thay đổi, vẫn là tâm vô phân biệt, bình đẳng. Còn một chút phân biệt thì nhứt định là có tâm khởi lên, nếu nó khởi lên thì không tốt rồi.

Tập luyện cho đến khi thuần thục, thành Phật thì trong kinh nói đại khái đức Phật có: tam thân, ngũ trí (tứ trí), ngũ nhãn, lục thông, tứ vô sở úy, thập trí lực.

Tam thân gồm có Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân. Pháp thân là cái tự chứng của Phật và Phật lấy pháp tánh làm thân.

Báo thân là do thiện căn vô lượng kiếp tu hành tự thành nhân Phật, mới có các báo, quả Phật. Cũng như mình có nhân người mới có thân người. Phật cũng có nhân Phật mới có thân Phật. Thân đó vô lượng hàng hà sa số tướng hảo trang nghiêm, không phải 32 tướng, 80 tùy hình hảo.

Thập địa Bồ tát gần thành Phật mới thấy được Báo thân Phật và Báo thân đó để độ Thập địa Bồ tát. Chính thân đó mới là kết quả của cái nhân thành Phật, cũng như thân người của mình là quả báo của nghiệp nhân người. Cho nên mình thường nghe nói tu tập dứt hết tất cả cái này, cái kia, đến Niết bàn tịch diệt; nghe vậy sợ lắm. Tịch diệt là dứt những cái sai lầm, cái khổ, điên đảo, không đúng, không thật; không phải dứt cái chân thật. Nhưng người còn sai lầm, mê vọng, điên đảo như thế này mà nói chân thật, thì họ cứ nắm cái điên đảo, sai lầm cho là chân thật.

Ứng hóa thân chia ra ứng thân và hóa thân, ứng thân có nhiều loại: thẳng ứng thân và liệt ứng thân. Liệt ứng thân như

Phật Thích Ca giảng sanh vào hoàng cung... rồi nhập Niết bàn. Đó là liệt ứng thân, vì thân người là thân hạ liệt. Nhưng ở nơi cần phải ứng thân trang nghiêm, vì ở chỗ đó thân người cao lớn, trang nghiêm tốt đẹp, thanh tịnh thì Phật cần hiện thân đúng như vậy. Và hơn như vậy nữa, thí dụ Phật hiện thân làm người thì đầu thân người là thân hạ liệt, thì Phật cũng phải có ứng thân với 32 tướng đại trượng phu.

Trong 32 tướng này có vô kiến đánh tướng là tướng đứng đầu, là tướng thủ lĩnh và 80 tùy hình hảo tướng, đứng đầu là chữ “Vạn” nổi trên ngực.

Vô kiến đánh tướng là không ai có thể thấy đỉnh đầu của Phật. Trong kinh nói rõ có vị Phạm Thiên muốn thấy, con mắt của vị này thấy cả tam thiên đại thiên thế giới, không phải mắt thường, nhưng cũng không thấy được. Ông nhón lên lên hoài để nhìn xuống, nhưng vẫn thấy mình thấp hơn. Lại vậy, không biết làm sao, ông Phật không cao, mình là ông trời cao lớn ở trên ngó xuống vẫn không thấy được. Điều này để chứng minh vô kiến là không thấy được, gọi là vô kiến đánh tướng, không phải nhục kế. Không ai thấy đỉnh đầu của Phật, tượng trưng cho trí huệ vô thượng của Đức Phật. Cảnh giới đó không ai biết rõ được.

Còn tướng nữa dễ phân biệt nhất là tướng bạch hào. Hễ đúng là thân Phật 32 tướng đại nhân thì có tướng bạch hào là tướng lông trắng giữa hai chân mày (gọi là ấn đường). Tướng lông trắng xoáy tròn như khu ốc, trong kinh nói rõ ràng vì kinh phải tả rõ để người ta quán tướng bạch hào. Lông đó có hình bát giác (tám cạnh), không phải tròn bông, nó trong suốt như pha lê; nếu kéo dài ra, nó đục tới gót. Trong kinh nói bạch hào của đức Thích Ca dài một trượng ngũ, thân Phật cao một trượng lục, lông đó nếu kéo dài lên đỉnh đầu Phật là một xích nữa. đức Phật nào cũng vậy, cho nên ai xưng là Phật thì trước hết phải có tướng đó. Cái đó dễ nhận nhất, dễ phân biệt

nhút, nếu có lông trắng vài ba phân là lông thường. Ngoài ra, lông trắng đó có phóng ánh sáng là bạch hào tướng quang minh, gọi tắt là hào quang.

Hào quang là ánh sáng từ sợi lông, chữ hào là lông. Bây giờ mình thấy ánh sáng vòng tròn trên tượng Phật, gọi đó là hào quang thì trật rồi. Phải gọi là viên quang mới đúng.

Phật có viên quang, nghĩa là xung quanh Phật có ánh sáng tỏa ra đều tròn gọi thông thường là ánh sáng Phật Thích Ca. Ánh sáng Phật chiếu ra 1 tầm, bên này 1 tầm, bên kia 1 tầm, trên 1 tầm, thành ra một vòng tròn đủ 5 màu. Ánh sáng đó bình thường như vậy, nếu Phật vận thần thông thì có ánh sáng khác, chiếu một thế giới hay vô lượng thế giới. Như kinh Pháp Hoa nói Phật phóng bạch hào tướng quang chiếu phương Đông 8 vạn thế giới chẳng hạn, để hiện rõ sự việc Bồ tát, chư Phật tu hành...

Còn thân của đức Phật Đi Đà ở Tây phương thế giới, trong kinh nói là 62 ức na do tha hằng hà sa do tuần. Một do tuần mình tính là 15km. Sông Hằng có bao nhiêu hột cát, một hột là 1 do tuần. Một na do tha = 10 vạn = 100.000 sông Hằng. Thân Phật cao 62 ức na do tha mà 1 ức là 10 triệu; cả vấn đề. 62 ức x 10 triệu = 62 triệu 100.000 sông Hằng như vậy, rồi đếm hết số cát đó, mới tính số do tuần. Bề cao đức Phật Đi Đà phải tính như vậy. Bên đó người ta không thấy cao vì ai cũng cao lớn. Mình về đó cũng lớn như vậy, tuy không bằng đức Phật Đi Đà, nhưng cũng tương đối.

Như vậy thì bạch hào quang của đức Phật Đi Đà như thế nào? Nó cũng kéo thẳng ra đưng gót, trừ khoảng chặng mày lên tới đỉnh thôi. Nó xoắn lại tròn, mường tượng như 5 hòn núi Tu di hiệp lại, lớn như vậy. “Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu di” không phải nói tượng trưng, nó đúng vậy đó. Bề dài nó như 5 núi Tu di hiệp lại thì bề rộng cũng lớn tương đối với bề dài. Như Phật Thích Ca Cũng vậy, nếu sợi lông dài một

trượng rưỡi thì bề ngang rộng ít nhứt cũng nửa ly, 1 phần 4 ly, nó cũng vẫn là bát giác bọng, trong suốt như pha lê.

Mắt nhìn kỹ lắm mới thấy, nếu không thì thấy một đóm sáng thôi, không thấy là một sợi lông đẹp.

Nhìn tướng đó thì biết có phải là Phật hay không. Thứ hai là 5 ngón tay và 5 ngón chân Phật đều có màng mỏng dính liền nhau; cho nên tay Phật đưng nước không chảy ra. Màng mỏng đó mắt thường không thấy được và không có gì làm rách được, dẫu dao gươm bén nhứt thế gian cũng không làm trầy được. Quý như thế đó, mắt thường nhìn không thấy vì nó trong suốt, nó đẹp chứ không xấu như chân con vịt. Mình đừng nghĩ màng mỏng đó giống như chân con vịt có.

Còn răng thế nào? Nếu là Phật phải có đủ 40 cái răng. Còn mình nếu 4 răng cùng mọc đủ, cũng chỉ có 32 cái. Đó là cái tướng để mình kiểm tra có phải là Phật hay không. Nếu Ngài không cười thì mình không kiểm tra được, thì kiểm tra cái khác. Như lưỡi bình thường le ra là phủ hết cả mặt, nếu hiện thần thông thì bao trùm cả tam thiên đại thiên thế giới. Lưỡi le ra phủ tròn cả mặt, cho đến chân tóc; nó dài rộng, không phải dài nhọn. Lưỡi không phải như vậy cũng không phải là Phật.

Đó là những tướng dễ nhận ra được, còn ngực như sư tử chẳng hạn thì mình khó thấy. Bàn chân Phật có những lần ngang đẹp lắm như ở Kampuchia, Thái Lan, người ta thờ bàn chân Phật. Ở núi Phật Tổ trên tảng đá lớn có dấu chân Phật Thích Ca Mâu Ni, người ta coi theo đó để tạc. Tôi coi tượng tạc trong tảng đá dựng ở đền thờ Đế Thiên, Đế Thích, đúng thực như kinh tả dấu chân Đức Phật, bề ngang 0,6m bề dài 1,4m. Thân một trượng lục thì chân cũng tương đối như thế (1,6 x 0,4m) gần 7m. Thời đó con người lớn như thế nào cũng gần Phật, chỉ có Nan Đà là thân tương đối gần bằng Phật. Nan Đà là em Phật. Sau này Phật bắt ông đắp y đen hoài để người

ta không lộn rồi cung kính thì hai bên đều có lỗi, Tướng Nan Đà to lớn như Phật, mấy người khác thì nhỏ hơn nhiều.

Những người xưa họ to lớn, như Đức Phật, hay Khổng Tử cũng to lớn hơn cả trượng như sách Nho nói, vì thời Khổng Tử sau Phật không bao lâu. Còn mình bây giờ nhỏ lần lần, hề thọ mạng kém chừng nào thì thân nhỏ chừng nấy. Sẵn đây tôi nói để mình thấy mà sợ. Như trong kinh nói chúng sanh lúc thọ mạng nhiều nhất chỉ còn 10 năm thì thân người trên dưới 1 xích mà thôi (trên dưới 4 tấc). Lúc đó thọ mạng còn kém hơn con chó bây giờ nữa. Thọ mạng kém quá nên phải phát triển mau, trí tuệ lại rất nhạy bén, nhạy bén về cái ác thế gian. Cái chấp tướng cũng nhạy bén lắm, xảy ra đao binh kiếp 7 ngày 7 đêm, cả thế giới sống sót không bao nhiêu người. Năm 1941, đọc đoạn kinh đó, mình thấy dễ sợ lắm, một cọng cỏ hay một thứ gì đều có thể là khí giới để giết người. Mà người nào cố ý giết người kia thì đối tượng không có cách gì tránh được. Tôi lấy làm lạ, chế tạo cây súng cũng mất công lắm, mà không biết tại sao phát minh thứ khí giới giết người dữ vậy, thấy dễ sợ. Lần lần đến chế tạo ra bom nguyên tử, thì tôi thấy sáng tỏ lời trong kinh nói. Mà Phật đã nói cách đây hơn 2.500 năm, lúc đó đọc kinh tôi không nghĩ đến được. Năm 1944 – 1945 có phát minh bom nguyên tử, mà năm 1941 trên thế giới đâu ai biết được bom nguyên tử. Lần lần chế tạo khí giới giết người còn tinh vi hơn nữa, có thể giết nhiều người. Người có ý định giết thì người kia không cách gì đỡ được, biết cũng không trốn được. Rõ ràng như thế, về sau cứ theo cái đà này chỉ mấy mươi năm thôi đã tàn sát như vậy, huống gì cả ngàn năm sau, khoa học phát triển thì phát minh ghê gớm đến bậc nào. Vì vậy, mình càng tin lời trong kinh nói về những điểm đó.

Trở lại trong kinh nói có ông Phạm Chí nghe sa môn Cù Đàm là Phật nên thắc mắc về những tướng đặc biệt của Phật. Ông đến nhìn thấy được các tướng của Phật, chỉ còn 1 tướng

mã âm tàng thì không thấy được, vì Phật đắp y. Ông ngằn ngại nhìn qua nhìn lại hoài. Phật biết ý, làm cho một mình ông thấy thôi; ông vội sụp xuống lạy. Thấy 31 tướng rồi, còn một tướng nữa mà người ta chưa chịu lạy.

Còn một ông khác thấy rõ hết rồi, nhưng không thấy tướng dưới lòng bàn chân Phật. Dưới bàn chân Phật có tướng đặc biệt nhất là lằn chỉ xoáy thành khu ốc như vòng xe có 1.000 cây cãm vậy. Vì tạc chân Phật bằng đá, người ta làm không được tướng này, nên làm vòng tròn bằng bạc có đủ 1.000 tia. Tôi có mua một bức ảnh chụp tại đó về làm bức sơn mài treo ngoài đó. Xung quanh lằn chỉ của chân Phật có đủ các tượng Phật tu Bồ tát hạnh trong lục đạo chúng sanh.

Ông này không thấy như vậy nên ngằn ngại hoài, không đánh lễ. Đức Phật mới hiện lên hư không để ông nhìn lên thấy lòng bàn chân Phật, lúc đó mới chịu sụp xuống lạy. Người xưa tin Phật mà kỹ như vậy, còn bây giờ người ta thấy ai xưng Phật tổ, Phật thầy là xúm nhau lạy.

Hễ xưng Phật thì phải có đủ tướng hảo như vậy, còn hiện thân trong lục đạo độ chúng sanh thì khác. Nếu xưng là Phật trước nhứt phải có 32 tướng tốt, đó là những tướng lộ ra bên ngoài để mình kiểm tra; nếu không thì niềm tin của mình không chánh mà thành tà.

Hóa thân cũng tùy chúng sanh ở trong lục đạo, chỗ nào có duyên thì chỗ đó hiện thân Phật để độ. Hóa thân thì hóa giống như loài đó mà độ. Còn Ứng thân Phật để hóa độ thì phải có đủ 32 tướng 80 tùy hình hảo. Đủ tướng đó rồi, mà phải hơn Đế Thích, Chuyển luân thánh vương. Và thân Phật phải có ánh sáng màu sắc khác thân Đế Thích. Còn Chuyển luân thánh vương không có ánh sáng, vì là người.

Nếu là Phật thì có tam thân vậy, còn có ngũ nhãn, tứ trí. Tứ trí là Thành sở tác trí, Diệu quan sát trí, Đại viên cảnh trí

và Nhứt thiết chủng trí. Ngũ nhãn gồm nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Nhục nhãn của Phật có đủ 4 nhãn kia.

Ngoài ra, trong kinh nói Phật thành tựu 10 trí lực mới độ sanh toàn vẹn, khắp cả pháp giới không có sơ sót. Chỉ Phật mới có thập lực, tứ vô sở úy, nghĩa là trong đại chúng không ai có thể chứng minh là Phật không toàn vẹn. Phật cũng đầy đủ từ bi hỷ xả, huynh đệ biết rồi. 18 bất cộng pháp thì chỉ có Phật được mà thôi. Như vậy thấy rằng thành Phật quả vô thượng không đơn giản dễ dàng. Tuy nhiên, Bồ tát phải thệ nguyện thành Phật.

Tứ hoằng thệ nguyện như vậy có khác với các thừa khác hay không? Nó chỉ là tăng thắng vô thượng mà thôi, chứ không khác; nghĩa là nó hơn lên và đạt đến mức vô thượng, mà các thừa khác như Tứ đế Thanh văn thừa, mình gọi là Tiểu thừa, cũng có vậy.

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ thuộc Khổ đế nằm trong Tứ đế. Nhưng ban sơ Bồ tát vì chúng sanh khổ mà phát nguyện độ chúng sanh, thì nguyện này nằm ở Khổ đế. Khổ đế được tăng thượng lên thành ra đại thệ nguyện của đại Bồ tát.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn nằm ở Tập đế. Tập là nhân, nhân là phiền não, nên có quả khổ đây. Tiểu thừa coi nó là Tập đế, Bồ tát thì khai triển rộng ra, gọi là tăng thắng vô thượng, nghĩa là nó thù thắng thêm đến mức vô thượng, không còn có tên nữa.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học là Đạo đế. Đạo đế là tu tập tất cả pháp môn của Tiểu thừa có 37 phẩm trợ đạo. Bồ tát cũng vẫn tu vậy.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, là thành Phật quả, chứng Niết bàn, thuộc Diệt đế. Diệt đế là Niết bàn người tu phải chứng, Bồ tát cũng chứng Niết bàn là Vô dư đại Niết bàn.

Cũng là những pháp đó, mà nó tăng thẳng vô thượng thêm hơn lên, không còn cái gì trên nữa.

Cho nên pháp Phật dạy thấy có khác, nhưng nếu đã biết rõ thì pháp Tiểu thừa vẫn là pháp Đại thừa. Nếu biết dụng công và tâm đi đúng hướng thì sẽ tiến qua Đại thừa. Vì thế trong kinh Pháp Hoa, các A la hán, dẫn đầu là Xá Lợi Phất, nói rằng họ tưởng là ở Tiểu thừa, nên đối với Phật quả, không có hy vọng gì. Không ngờ Phật dạy rằng nếu còn một chúng sanh nào không thành Phật quả thì Ngài phạm lỗi bòn xén. Mà Phật thì không bao giờ bòn xén, Ngài muốn ai cũng thành Phật cả. Nhưng nếu nói Phật quả, các ông sẽ ngán sợ, không dám tu hành pháp Phật. Do đó phải nói pháp như vậy, quả như vậy, gần gần nhỏ nhỏ như vậy, để các ông có thể phát tâm tu được. Tuy nhiên thành quả mà các ông được cũng nằm trên con đường đi đến thành Phật. Cho nên Phật nói Hóa thành dụ, một mối quá thì giữa đường phải có chỗ nghỉ; nhưng con đường đó dẫn đến con đường Phật quả. Nếu nghỉ khỏe rồi, rời bỏ thành đó tiến nữa thì đến Bảo sở thôi, tức Phật quả.

Các A la hán Thanh văn chịu bỏ chỗ đó, tiến lên tu Đại thừa, hành Bồ tát hạnh, cũng thành Phật. Vì thế các vị này cũng được Phật thọ ký sau này thành Phật. Như Ngài Xá Lợi Phất được Phật thọ ký về sau cũng thành Hoa Quang Phật, đâu phải tiểu thừa A la hán không được thành Phật, chỉ cần họ tiến lên. Cần lưu ý trong kinh Pháp Hoa nói các vị đó cần trải qua thời gian dài lắm mới đến Phật quả, vì các vị đó đã vào chỗ nghỉ “Hóa thành” rồi, khó có thể bỏ chỗ nghỉ đó mà lên đường đi tới, phải hiện thân trong lục đạo để thực hành lục độ vạn hạnh. Cả một vấn đề khó khăn vô cùng. Các vị đó đã vào Hóa thành, an vui trong Niết bàn của nhị thừa, nên không muốn rời tịch tĩnh an vui đi vào chỗ khổ trong lục đạo để độ chúng sanh. Thế nên, thiếu hạnh Bồ tát độ sanh thì không thành Phật được.

Cho nên các vị đó được Phật thọ ký thành Phật phải mất thời gian lâu hơn các vị tu Đại thừa thành Phật, vì người tu Đại thừa cứ tuần tự tiến tới, không ghé chỗ nào nghỉ cho nên mau. Còn các vị kia cũng đi con đường đó, nhưng vì ghé vào Hóa thành để nghỉ trong Niết bàn Tiểu thừa. Nhưng từ bỏ nơi an vui tạm nghỉ đó mà bước chân lên con đường khó khăn thành Phật thì cả vấn đề, phải phát đại nguyện đại tâm mới thoát ra.

Do đó Phật nói rõ để các vị này thấy họ cũng hy vọng thành Phật, vì cũng đi trên con đường tiến đến Phật quả, chớ không có con đường nào khác. Chỉ tại các vị này ban đầu nghĩ sai, cho rằng chỗ nghỉ tạm là điểm cuối cùng, nhưng sự thật nó chỉ là điểm tạm dừng ở giữa đường mà thôi. Do đó các Ngài phát tâm, phát nguyện vào Đại thừa, nên được Phật thọ ký về sau sẽ thành Phật. Còn các vị Thanh văn trong kinh Pháp Hoa là đại Bồ tát hiện thân Thanh văn. Vì các vị ở Đại thừa đều hiện đủ các thân trong lục đạo chúng sanh, hiện thân Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật... để tu hành hạnh Bồ tát cũng như để ứng thân theo căn cơ chúng sanh. Giống như Ngài Quán Thế Âm Bồ tát trong phẩm Phổ Môn hiện thân người nam, nữ, cho đến các thân Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật để độ chúng sanh. Tất nhiên đó là thân thị hiện quyền, không phải thân thật. Do đó trong kinh Pháp Hoa, Phật thọ ký các vị A la hán thành Phật mau, đó là các vị đại Bồ tát quyền hiện thành A la hán. Còn các vị thực sự là Thanh văn A la hán muốn thành Phật phải trải qua thời gian lâu hơn, vì họ ham chỗ tạm.

Do đó Phật nói tam thừa vẫn là nhứt thừa, chớ không có 3, chính là nghĩa đó. Tam thừa là quyền phương tiện cho chúng sanh để thích ứng với ham muốn của chúng thì chúng mới chịu làm. Do đó phải nói đủ các thừa, nhưng đều đạt đến Phật thừa. Thí dụ Bồ tát tu giới, định, huệ thì hàng Thanh văn

cũng tu giới định huệ; nhưng chỉ khác nhau là tạm hay đi thẳng. Người thực phát tâm Đại thừa Bồ tát bắt đầu đi tu thì giới định huệ đi thẳng, còn các vị kia cũng giới định huệ ở mức tạm. Nhưng sai lầm nhứt là tạm mà không biết tạm. Do đó, hội Pháp Hoa Phật nói rõ, trước kia không nói vì nói thì hư chuyện. Người ta đang sợ đường dài xa, khó mà cứ nói thẳng ra đường khó dài xa thì có một số ngán không tiến thân, cũng có người mạnh dạn đi; nhưng số đông người không dám, nên Phật chưa nói cái đó mà chỉ nói việc dễ.

Tuy nhiên, nói dễ mà đối với mình không dễ chút nào. Như sơ thiền mình tu tập cho thành cũng không phải dễ. Niệm Phật tam muội ngang với sơ thiền cũng không dễ được. Phải nhập Niệm Phật tam muội, rồi phải ly dục, phải dứt được phiền não tham dục; nhờ sức Niệm Phật tam muội dứt được phiền não về tham dục. Dứt là dứt cái hiện hành, tức là ly dục thì lúc đó ngang với sơ thiền. Việc đó không phải đơn giản được. Cho nên mình đừng nghe nói đó là Tiểu thừa, mình là Đại thừa, rồi coi thường, trở thành tăng thượng mạn, ngã mạn, kiêu mạn, không tốt đâu. Mình là phàm phu sanh tử rõ ràng, phải cố gắng lắm, nếu không mình chấp chững thế này, rồi lẫn lộn trong lục đạo chúng sanh mãi như vậy.

Bốn hoàng thệ nguyện trên đây vừa nói đại lược thôi. Cái biết mà mình không nhắc đi nhắc lại cũng dễ quên lắm. Phải hiểu và nhớ, như 37 phẩm trợ đạo phải biết rõ danh số của nó (4 niệm xứ, 4 chánh cần...). Cứ theo đó tuân tữ mà tu, không phải thành linh đem Bát chánh đạo giảng mà bỏ các pháp kia. Bỏ các pháp kia làm sao Bát chánh đạo thành; nghĩa là 37 nấc thang mà mình lên tám nấc thang chót mà thôi, 29 nấc thang dưới mình không kể đến thì chỉ là không tưởng, làm sao gọi là chánh được. Trong kinh có chỗ gọi Bát Thánh đạo nữa, lúc đó chưa phải ông thánh nhưng cũng bước vào gần ông thánh rồi. Phật gọi là “chánh” thì cái đó không phải thường, phải qua mấy tầng kia mới tới tầng này.

Người có thực tâm để hiểu để tu thì phải hiểu rành, còn lộp chộp thì trọn đời không thành cái gì hết, phải tuần tự, không thể vượt bực được. Chưa được cái này muốn đạt cái trên thì khó lắm, ngoại trừ các vị nhiều đời nhiều kiếp tu hành, đời này của họ là đời sau của nhiều đời đã tu rồi thì khác. Phổ thông mà nói là phàm phu tron để mình luận, lấy cái đó để tự xét lấy mình. Phải cố gắng lắm, nếu không, chập chũng sanh tử luân hồi cũng như con rận, con bọ chết từ thuở xa xưa mà nay chúng đã thành Phật, thành đại Bồ tát; còn mình bây giờ vẫn sanh tử luân hồi trong lục đạo chúng sanh. Tương lai nếu không tu nữa thì càng ngày càng đi sâu vào mạt pháp, mạt kiếp thì lẩn quẩn ở đây càng đi sứt hơn nữa. Chánh pháp sứt như vậy thì thiện căn cũng khó phát triển, tạo nghiệp ác lại dễ thì lại lún sâu thêm nữa. Các duyên ở ngoài làm cho mình đi lùi nhiều hơn là tiến lên, cho nên phải cố gắng trong đời này.

Chùa Vạn Đức (Thủ Đức)

PL. 2543 Kỷ Mão 1999

*



LƯỢC LUẬN VỀ Ý NGHĨA VÀ LUẬN QUÁN

PHẨM PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

I. Ý NGHĨA

Trong pháp hội Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na với vô lượng Pháp thân Bồ tát ở Hoa Tạng giới hải cùng nhau giảng luận cũng như hiển bày về cảnh giới Bất tư nghị giải thoát của mình tự chứng.

Thiền Tài Đồng Tử, một bậc đại cơ đại trí, nhờ đức Văn Thù Bồ tát điểm hóa nên chứng được Căn bản trí (*cũng gọi là Chân thiết trí. Luận Khởi Tín nói: “Thỉ giác hiệp bốn giác”, Luận Duy Thức nói: “Chứng chơn duy thức tánh”, chính là trí này vậy*). Người chứng được trí này thời là bậc Sơ Trụ Bồ tát theo Viên giáo, và là bậc Sơ Địa Bồ tát của Thỉ giáo. Trí lực và thần thông của bậc Bồ tát này có thể phân thân hóa hiện làm một trăm thiên bá ức vị Phật ngự trong một trăm thế giới không Phật để giáo hóa chúng sinh).

Sau đó đức Văn Thù Bồ tát bảo ngài Thiện Tài đi tham học với các bậc đại thiện tri thức khác để được viên mãn phước trí. Học với Đức Văn trước nhất, nhẫn đến Quán Thế Âm, Di Lặc, cuối cùng ngài cầu học với đức Phổ Hiền Bồ tát. Đến đây, quả vị của ngài Thiện Tài đã chứng kẻ bậc Đẳng giác.

Bây giờ, đức Phổ Hiền Bồ tát đứng trước Phật, xưng dương tán thán công đức vô thượng của Phật xong, ngài liền đem mười điều đại nguyện giảng cho Thiện Tài và hải hội Bồ tát cùng nghe. Ngài bảo muốn trọn nên công đức của Phật, nghĩa là muốn thành Phật, chư Bồ tát đều phải tu mười nguyện vương ấy.

Mười nguyện vương ấy cũng gọi là Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Danh từ này có hai nghĩa: chung và riêng.

A. Mười điều đây là hạnh nguyện của bậc Đẳng giác, của bậc Bồ tát gần kẻ quả Phật cùng tu để được thành Phật, nên gọi là Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đây là nghĩa chung.

B. Mười điều đây chính là hạnh nguyện của đức Phổ Hiền Bồ tát, và là của đức Phổ Hiền đem giảng lại cho đại chúng, nên gọi là Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đây là nghĩa riêng.

Như trên đã nói, trong đại hội Hoa Nghiêm, đức Phật và chư Bồ tát cùng nhau giảng luận cũng như hiển bày về cảnh giới Bất tư nghị giải thoát của mình tự chứng, nên tất cả những lời trong phẩm *Hạnh Nguyện* này, đức Phổ Hiền Bồ tát cũng y cứ nơi cảnh giới Bất tư nghị giải thoát của ngài đã tự chứng mà giảng thuật, vì thế nên danh đề của phẩm này là: *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh, Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm*.

Mười Hạnh Nguyện đây đã đứng trên cảnh giới bất tư nghị giải thoát mà thành lập, vậy thời muốn hiểu thấu đáo diệu lý của mười Hạnh Nguyện này, trước tiên cần phải rõ thế nào là Bất tư nghị giải thoát cảnh giới?

Chỗ sở ngộ và sở chứng của hàng Đại thừa Bồ tát chia ra làm bốn tầng cấp. Bốn tầng cấp này đều lấy toàn thể pháp giới tánh làm lượng; thể tánh bốn lai vốn dung thông tự tại vô ngại:

1. Lý vô ngại pháp giới.
2. Sự vô ngại pháp giới.
3. Lý sự vô ngại pháp giới.
4. Sự sự vô ngại pháp giới.

“Lý” tức là chân lý thật tánh, là thể tánh chân thật của tất cả pháp, nên cũng gọi là Pháp tánh, hay Pháp giới tánh, Chân như tánh. Tất cả pháp trong vũ trụ đều đồng một thể tánh chân thật ấy. Thể tánh ấy dung thông vô ngại, nên gọi là “Lý vô ngại pháp giới”. Người chứng được lý vô ngại này chính là bậc thành tựu Căn bản trí, mà bắt đầu dự vào hàng Pháp thân Bồ tát.

Tất cả pháp “Sự” đều đồng một thể tánh chân thật, tức là đồng lấy pháp tánh làm tự thể. Toàn thể “Sự” là pháp tánh, là pháp tánh đã viên dung vô ngại, thời toàn sự cũng vô ngại, nên gọi là “Sự vô ngại pháp giới”.

Người chứng được Sự pháp giới này chính là bậc Pháp thân Bồ tát thành tựu Sai biệt trí (cũng gọi là Quyền trí, Tục trí, Hậu đắc trí).

“Lý” là thể tánh của “Sự” (tất cả pháp), “Sự” là hiện tượng của “Lý tánh”. Vậy thời Lý tánh tức là Lý tánh của Sự, còn Sự lại là Sự tướng của Lý tánh. Chính Lý tánh là toàn Sự, mà tất cả Sự là toàn Lý tánh, nên gọi là “Lý sự vô ngại pháp giới”. Người chứng được Lý-Sự pháp giới này thời là bậc Pháp thân Bồ tát đồng thời hiển phát cả hai trí (Căn bản trí và Sai biệt trí).

Tất cả sự đã toàn đồng một tánh thể, mà tánh thể thời dung thông không phân chia riêng khác, nên bất luận là một sự nào cũng đều dung nhiếp tất cả sự, và cũng đều tức tất cả

sự. Một sự nhiếp và tức tất cả sự, tất cả sự nhiếp và tức một sự. Thế là sự sự vô ngại tự tại, nên gọi là “*Sự sự vô ngại pháp giới*”. Người chứng được Sự sự pháp giới này là bực Pháp thân Bồ tát thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Xét theo văn nghĩa, phẩm này y cứ nơi Sự sự vô ngại pháp giới mà lập hạnh nguyện. Sự sự vô ngại pháp giới dung thông tự tại nên gọi là “*Giải thoát*”. Cảnh giới đây là Thánh trí chỗ chứng, chẳng phải phàm tình lường biết được nên gọi là “*Bất tư nghị cảnh giới*”. Đã chứng được, đã trụ trong cảnh giới vô ngại ấy nên gọi là “*nhập*”.

Sao lại biết rằng phẩm này y cứ nơi Sự sự vô ngại pháp giới mà thành lập hạnh nguyện?

Trong phẩm, đức Phổ Hiền giảng giải về mười điều đại nguyện, nơi nguyện nào cũng đều quán nhiếp cả không gian lẫn thời gian.

Về không gian, nguyên văn luôn luôn nói:

Trong vô lượng cõi có vô lượng vi trần, trong mỗi vi trần đều có vô lượng cõi, trong mỗi cõi đều có vô lượng Phật, nơi mỗi đức Phật đều có vô lượng Bồ tát, vô lượng đại chúng v.v... Nơi trước mỗi đức Phật, tôi đều hóa hiện thân nhiều như số vi trần, mỗi thân đều khắp lễ kính vô lượng Phật v.v... Trong số vi trần khắp hư không pháp giới mười phương ba đời, mỗi mỗi vi trần đều có vô lượng cõi Phật rộng lớn, nơi mỗi cõi, trong một niệm đều có vô lượng chư Phật thành Đẳng Chánh Giác, tất cả chúng Bồ tát nhóm họp vây quanh v.v...

Cho đến nơi văn kệ cũng luôn nói như thế:

Trong một trần có vô số cõi

Mỗi mỗi cõi có nan tư Phật

Mỗi mỗi Phật ở giữa chúng hội

Tôi thấy hàng giảng hạnh Bồ đề.

Thế là tất cả pháp, về không gian, thời nhỏ nhiếp lớn, ít dung nhiều, nhỏ lớn nhiều ít đều viên dung vô ngại.

Về thời gian, điều nguyện nào cũng là mãi mãi vô tận, cho đến một niệm nhiếp tất cả kiếp, rồi tất cả kiếp dung nơi một niệm, ngắn dài, dài ngắn đều viên dung vô ngại. Như nguyện văn nói:

Tôi hay thâm nhập đời vị lai

Tất cả kiếp thấu làm một niệm

Hết thấy những kiếp trong ba đời

Làm khoảng một niệm tôi đều nhập

Và cả không gian lẫn thời gian cũng dung thông nhiếp nhận lẫn nhau, như trên nguyện văn nói:

Khắp hết mười phương các cõi nước (không gian)

Mỗi đầu lông đủ có ba đời (thời gian)

Phật cùng quốc độ số vô lượng (không gian)

Tôi khắp tu hành trải trần kiếp (thời gian)

.....

Trong một niệm tôi thấy ba đời (thời gian)

Tất cả các đấng Nhân Sư Tử (không gian)

Cũng thường vào trong cảnh giới Phật

Như huyễn, giải thoát và oai lực

.....

Trong các cực vi đầu sợi lông (không gian)

Xuất hiện cõi trang nghiêm ba thuở

Mười phương trần sát các đầu lông

Tôi đều thâm nhập để nghiêm tịnh.

.....

Tất cả Sự pháp không ngoài không gian và thời gian. Không gian dung nhiếp không gian, thời gian dung nhiếp thời gian, không gian dung nhiếp thời gian, thời gian dung nhiếp không gian, đó là “Sự sự vô ngại pháp giới”, mà cũng chính là “cảnh giới Giải thoát tự tại bất tư nghị” vậy. *(Muốn rõ diệu lý của Sự sự vô ngại pháp giới, nên tham cứu Thập Huyền Môn của Hoa Nghiêm tông và nên xem phẩm Bất Tư Nghị trong kinh Duy Ma Cật để rõ thêm về cảnh giới Bất tư nghị của Bồ tát).*

Và cảnh giới dung thông bất tư nghị đây là những sự vật thường ở khắp trong thế giới Cực Lạc. Nơi Cực Lạc, trên cây báu, trong đèn đài, trong quang minh, ở mặt đất, giữa hư không v.v... tất cả sự vật đều dung nhiếp lẫn nhau, trùng trùng vô tận vô ngại, cho đến nơi lọng báu hiện hiện tất cả Phật sự ở mười phương v.v... Như trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật*, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã tường thuật.

Người thọ trì đọc tụng phẩm này, tức là huân tập cảnh giới bất tư nghị giải thoát. Vì thế nên về đoạn cuối phẩm nguyên văn nói người thọ trì đọc tụng phẩm *Phổ Hiền hạnh nguyện* này, nhờ oai lực của hạnh nguyện, lúc lâm chung sẽ sinh về cõi Cực Lạc và sẽ được mau thành Phật. Vì cõi Cực Lạc là hiện tướng của cảnh giới bất tư nghị giải thoát. Dưới đây là nguyên văn nói về việc ấy:

... Lại người trì tụng này, lúc lâm chung, phút cuối cùng, tất cả căn thân đều hư hoại, tất cả thân thuộc đều phải bỏ lìa, tất cả oai thế đều thối thất, cho đến các Phụ tướng đại thân, cung thành trong ngoài, voi ngựa xe cộ, trân bảo, kho đụn v.v... tất cả đều không đem một món nào theo được. Chỉ có mười Nguyên vương này chẳng rời người mà thôi, trong tất cả thời gian nó thường ở trước dẫn đường, trong khoảnh khắc liền được sinh về cõi Cực Lạc. Đến Cực Lạc rồi liền thấy Đức

A Di Đà Phật cùng các ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát, Quán Tự Tại Bồ tát v.v... Các Bồ tát này sắc tướng đoan nghiêm, công đức đầy đủ, chung cùng vây quanh. Lúc bấy giờ người ấy tự thấy mình gá sinh nơi hoa sen báu, được đức Phật xoa đầu thọ ký. Sau khi được thọ ký rồi, trải qua vô số trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp, khắp cả mười phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, dùng sức trí huệ tùy theo tâm của chúng sinh mà làm lợi ích. Chẳng bao lâu sẽ ngồi nơi Bồ đề đạo tràng, hàng phục quân ma, thành bực Đẳng Chánh giác, giảng nói pháp mầu vi diệu...

Và vì muốn cho mọi người, cho tất cả chúng sinh đều được chứng nhập cảnh giới bất tư nghị giải thoát; đức Phổ Hiền Bồ tát lại ân cần khuyên:

... Vì thế nên những người được nghe mười điều nguyện vương này chớ sinh lòng nghi ngờ, nên phải lãnh thọ, thọ rồi nên đọc, đọc rồi có thể tụng thuộc, tụng thuộc rồi nên gìn nhớ luôn, nhớ đến biên chép vì người mà giảng nói, những người như vậy trong một niệm đều được thành tựu tất cả hạnh nguyện, được phước vô lượng vô biên, có thể ở trong biển khổ phiền não cứu vớt chúng sinh, khiến chúng được giải thoát, đều được vãng sinh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà...

Thiết thật hơn, đức Phổ Hiền lại khuyên tất cả Bồ tát, tất cả đại chúng hiện tại trong Pháp hội Hoa Nghiêm, dưới sự chứng kiến của đức Phật, cùng nhau đồng phát nguyện vãng sinh Cực Lạc, để được chóng viên thành Phật quả.

Dưới đây là nguyên văn phát nguyện của các ngài:

Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung

Trừ hết tất cả các chướng ngại

Tận mặt gặp Phật A Di Đà

Liên được vãng sinh cõi Cực Lạc.

Tôi đã vãng sinh cõi kia rồi
Hiện tiền thành tựu nguyện lớn này
Cả thấy tròn đủ không thừa thiếu
Lợi lạc khắp tất cả chúng sinh.
Chúng hội Di Đà đều thanh tịnh
Tôi từ hoa sen nở sinh ra
Thân thấy đức Phật Vô Lượng Quang
Liên thọ ký tôi đạo Bồ đề
Nhờ đức Phật kia thọ ký rồi.
Tôi hóa vô số vạn ức thân
Trí huệ rộng lớn khắp mười phương
Khắp lợi tất cả chúng sinh giới.

Trước khi dứt lời, đức Phổ Hiền lại đem tất cả công đức hồi hướng cho pháp giới chúng sinh đồng vãng sinh Cực Lạc, để chúng sinh cũng đồng được chứng nhập Cảnh giới bất tư nghị giải thoát như ngài.

Đây là lời hồi hướng:

Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi
Phước lớn vô biên đều hồi hướng
Khắp nguyện chúng sinh đang chìm đắm

Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang. *(Tức là cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà)*

II. LUẬN QUÁN

Đã lược biết ý nghĩa về phân y cứ cũng như về mục đích của phẩm này, giờ đây cũng nên lược luận về tuần thứ luận quán của mười điều đại nguyện:

Một là lễ kính các đức Phật.
Hai là khen ngợi đức Như Lai.
Ba là rộng sắm đồ cúng dường.
Bốn là sám hối các nghiệp chướng.
Năm là tùy hỷ các công đức.
Sáu là thỉnh đức Phật thuyết pháp.
Bảy là thỉnh đức Phật ở lại đời.
Tám là thường học đòi theo Phật.
Chín là hằng thuận lợi chúng sinh.
Mười là hồi hướng khắp tất cả.

... Chúng sinh lưu lã trong vòng sinh tử luân hồi, nguyên nhân là vì trái quên giác tánh mà đeo theo trần lao. Trần lao là thứ vô thường, nên đã theo nó tức là lưu chuyển như nó. Nếu chúng sinh thức tỉnh biết xét trở lại: rời trần lao mà xoay về giác tánh thời khỏi hẳn luân hồi, vì giác tánh là bản thể chân như thường trụ. Bực chúng cùng giác tánh là đức Phật, nên điều nguyện thứ nhất “*Lễ Phật*” đây, là biểu tượng trái trần lao mà hiệp với giác tánh vậy.

... Đã kính lễ Phật, tất nhiên phải biết rõ hạnh đức thần thông trí huệ vô thượng của Phật. Việc “*Tán thán công đức*”, chính là biểu hiện của sự rõ biết rồi quá khâm phục mà thốt ra lời, làm thành điều nguyện thứ hai trong mười nguyện.

... Muốn thỏa mãn tâm lòng khâm phục, kính ngưỡng ân đức sâu dày của Phật, lễ lạy và tán thán vẫn chưa đủ, Bỏ tát lại lấy sự “*Cúng dường Phật*” làm điều nguyện thứ ba. Hạnh cúng dường có hai cách:

1. Tài cúng dường (dùng hoa, hương, đèn v.v... để dâng cúng)...

2. Pháp cúng dường (y theo lời Phật dạy mà tu hành, cho đến chẳng rời tâm Bồ đề để cúng dường v.v...)

Về tương đối, công đức của pháp cúng dường lớn hơn công đức của tài cúng dường. Nhưng ở nơi tài cúng dường mà tam luân không tịch, thời tài cúng dường trở thành pháp cúng dường công đức vô lượng vô biên, như trong kinh *Kim Cang* nói bố thí không trụ trước nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp công đức rộng lớn như hư không. Và như kinh *Pháp Hoa*, phẩm *Được Vương*, nhắc việc cúng dường của ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ tát.

... Nơi Phật thời đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Nơi ta thời từ vô thi đến nay kết cấu vô biên nghiệp hoặc. Muốn thành tựu công đức, trước phải trừ sạch nghiệp chướng đã gây tạo từ quá khứ, cũng không tái phạm ở hiện tại và tương lai. Đây là ý của điều nguyện thứ tư “*Sám hối các nghiệp chướng*”.

... Ở nơi công đức của người mà mình có quan niệm tán thành kính mộ thời mới có sự phát tâm làm theo, tu tập theo, nên “*Tùy hỷ công đức*” là điều nguyện thứ năm của Bồ tát.

... Đã có quan niệm tán thán thành ngưỡng mộ công đức vô thượng, tất cần phải biết do phương tiện gì, do pháp môn nào mà được thành tựu. Vì thế nên Bồ tát gấp “*Thỉnh đức Phật chuyển pháp luân*”, đồng thời để chúng sinh gọi nhuần ơn pháp nhũ, thành điều nguyện thứ sáu.

Chư Phật thành Phật là vì chúng sinh mà thành Phật, đã vì chúng sinh tất sẽ nói pháp, Bồ tát cần gì phải cầu thỉnh? Sự thỉnh đây có hai nghĩa:

1. Vì muốn cho chánh pháp có phần quý trọng, có quý trọng mọi người mới sinh lòng khao khát ngưỡng vọng, có khao khát ngưỡng vọng mới có lợi ích.

2. Lòng của Bồ tát lúc nào cũng tha thiết đối với sự lợi người lợi mình. Người cùng mình được lợi ích, không gì bằng nghe Phật thuyết pháp, nên đức Phật chưa nói mà Bồ tát đã vội cầu thỉnh trước.

Mình và chúng hội hiện tại được thấy Phật, được nghe pháp âm, nhưng còn lo tương lai thiếu huệ nhật nếu đức Phật nhập diệt. Phật ở nơi đời là phước lợi tối thắng cho quần sinh, nên Bồ tát chí thành “*Thỉnh Phật trụ thế mãi mãi*”. Đây là điều nguyện thứ bảy.

... Đã thỉnh Phật diễn nói pháp mầu, tất đã thông hiểu. Nhưng nghe pháp mà thiếu tư duy tu tập, thời đâu có thể đạt đến kết quả giải thoát thành Phật. Muốn thành Phật, phải đi đúng theo con đường của Phật đã đi. Nghĩa là phải thực hành những công hạnh như Phật đã làm trước khi thành Phật và sau khi thành Phật. Nên điều nguyện thứ tám “*Thường học đời theo Phật*” nối liền với điều nguyện “*khuyến thỉnh*”. (Chữ học trong đây có nghĩa là học tập thực hành).

... Pháp thân do phước đức và trí huệ mà trang nghiêm. Trí huệ cùng phước đức được viên mãn thời Pháp thân viên mãn, tức là thành Phật hoàn toàn. Tư duy tu tập chính để rèn luyện trí huệ, còn từ bi lợi sinh chính là vun trồng phước đức, mà đồng thời cũng là bổ túc cho trí huệ do sự kinh nghiệm. Vì thế nên công hạnh độ sinh lợi tha do từ bi tâm là phận sự khẩn thiết của bậc Bồ tát đặc nhĩn. (Đặc nhĩn nói đủ là đặc Vô sinh nhĩn, nghĩa là bậc Bồ tát đã chứng Vô sinh giải thoát) mà thành điều nguyện thứ chín “*Hằng tùy thuận chúng sinh*” (Hai chữ tùy thuận ở nơi đây chính ý là thiết tha lân mẫn chúng sinh, chịu theo chỗ hạp nghi nguyện vọng trong sạch của chúng sinh, mà thi hành những phương pháp gì để chúng sinh được lợi ích trên đường giải thoát khỏi khổ...).

... Bồ tát đã lấy từ bi làm lòng, nên chúng sinh khổ là mình khổ, chúng sinh vui là mình vui, tất cả công hạnh tu tập

chính là vì chúng sinh mà tu tập, nên Bồ tát có bao nhiêu công đức đều hồi hướng cho cả pháp giới chúng sinh, mong cho muôn loài chóng thoát khổ sinh tử, đồng sớm được thành Phật. Đây là điều nguyện thứ mười “*Phổ giai hồi hướng*” của Bồ tát.

Mười nguyện vương đã thuộc cảnh giới bất tư nghị, thời đâu còn phải ở trong phạm vi ngữ ngôn văn tự, chỉ tùy chỗ sở đắc thánh trí của hành giả tự chứng tỏ lấy. Nhưng vì muốn cho các hàng sơ cơ hiểu được phần nào nơi ý nghĩa trong phẩm này, nên tôi mới trắc đạt viết ra những lời lược luận trên đây. Đồng thời cũng mong mọi người, do sự hiểu biết phần nào ấy, mà phát tâm tin thọ trì tụng phẩm này, để được vô lượng công đức, như nguyên văn trong phẩm nói:

“Này thiện nam tử! Các chúng sinh kia hoặc nghe hoặc tin nơi nguyện vương rộng lớn này, rồi thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người nghe, công đức của chúng sinh kia chỉ có đức Phật Thế Tôn biết, ngoài ra không ai hiểu thấu.

Hoặc có người dùng lòng tin sâu chắc ở nơi mười điều nguyện rộng lớn này thọ trì, đọc tụng, cho đến biên chép một bài kệ bốn câu, thì sớm có thể dứt trừ được năm nghiệp Vô gián, cả thầy thân bệnh, tâm bệnh, khổ não trong thế gian, cho đến tất cả các ác nghiệp nhiều như số cực vi trong cõi Phật đều được tiêu trừ, tất cả các quân ma, quỷ Dạ xoa, quỷ La sát hoặc quỷ Cưu bàn trà, Tỳ xá xà, Bộ đa v.v... các quỷ thần hung ác uống máu ăn thịt thầy đều lánh xa, hoặc nếu có gần gũi thì là hạng phát tâm theo hộ trì.

Vì thế nên người trì tụng nguyện này, thời đi trong thế gian không bị chướng ngại, như mặt trăng giữa lừng ra khỏi mây mù, các đức Phật, Bồ tát đều khen ngợi, tất cả hàng nhân thiên đều nên lễ kính, tất cả chúng sinh đều nên cúng dường. Người thiện nam tử này trọn được thân người đầy đủ bao nhiêu công đức của ngài Phổ Hiền. Chẳng bao

lâu sẽ như Phổ Hiền Bồ tát mau được thành tựu sắc thân vi diệu, đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu... trọn có thể phá hoại tất cả đường ác, trọn có thể xa lìa tất cả bạn dữ, trọn có thể chế phục tất cả ngoại đạo, trọn có thể giải thoát tất cả phiền não... Lại người này lúc lâm chung, trong khoảnh khắc liền được sinh về cõi Cực Lạc. Lúc bấy giờ người ấy tự thấy mình gá sinh nơi hoa sen báu, được đức Phật xoa đầu thọ ký. Sau khi được thọ ký rồi, trải qua vô số trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp, khắp cả mười phương tất cả thế giới, dùng sức trí huệ tùy theo tâm của chúng sinh mà làm lợi ích. Chẳng bao lâu sẽ ngồi nơi Bồ đề đạo tràng, hàng phục quân ma, thành bực Đẳng Chánh giác, giảng nói pháp mầu vi diệu...”

Tháng đầu Xuân Đinh Dậu (1957)

Phật lịch 2501

*



ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

PHẬT HUYỀN KÝ:

Thời mạt pháp ực ực người tu hành, khó có một người đến giải thoát. Chỉ nương pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi...

(KINH ĐẠI TẬP)

LỜI NÓI ĐẦU

Cũng là lời tự thuật

Thời gian qua, tôi từng tự nghĩ:

Ta cùng thập phương chư Phật đồng một bản chơn giác tánh, đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật há chẳng từng dạy rằng: “Tất cả chúng sanh đều đầy đủ Như Lai trí huệ đức tướng”⁽¹⁾ đó ư!

Từ khi sơ thi có thân, không phải là ta sau chư Phật. Tại sao chư Phật, các Ngài đã giải thoát tự tại, đủ vô lượng trí

huệ công đức thần thông, mà ta hiện vẫn bị buộc ràng trong vòng sanh tử, đầy vô biên phiền não tội nghiệp khôn khổ? Phải chăng là do vì chư Phật sớm chứng ngộ bản chơn, còn ta mãi mê say trần dục! Thật là đáng hổ thẹn! Thật là đáng thống trách!

Tôi lại tự nghĩ:

Đã tự biết rồi, giờ đây ta phải kíp lo sao cho được giải thoát, và phải giải thoát nơi đời hiện tại này. Nếu trong đời hiện tại này mà chưa được giải thoát, đời sau quyết khó bảo đảm, và có thể vẫn loanh quanh mãi trong vòng luân hồi như những đời quá khứ thôi! Vì sao vậy? Có nhiều điều rất chướng ngại con đường giải thoát của ta ở đời sau:

1. Do phước lực tu hành hiện đời mà ta sẽ sanh lên các cõi trời ư? Trong kinh có lời: Chư thiên cõi Dục, vì cảnh ngũ dục quá thắng diệu dôi dào làm cho say mê, lại không có sự thống khổ làm cho thức tỉnh, nên khó phát tâm chịu nhọc chịu khổ mà tu hành đạo hạnh. Hưởng phước vui mãi mà không tu, tất có ngày hết phước mà phải sa đọa. Còn chư thiên trong cõi Sắc và Vô Sắc lại vì mãi an trụ trong cảnh giới thiên định, khó tấn tu đạo giải thoát, lúc sức thiên định đã mãn vẫn y nhiên làm kẻ luân hồi.

Vĩnh Gia Thiên sư nói: Người tu phước sanh lên các cõi trời sẽ chiêu vời quả khổ ở tương lai, như bắn mũi tên lên hư không, khi sức đã mãn tên lại rơi xuống đất.

Đó là sanh lên cõi trời thời không bảo đảm giải thoát.

2. Ta sẽ được thân làm người nữa ư? Dui, điếc, câm, ngọng trên mặt địa cầu rất lắm kẻ; Mán, Mọi, dã man cũng nhiều người; biết bao xứ không Phật, Pháp, Tăng; nơi nơi đầy ngoại đạo tà giáo. Được thân người mà có một trong các điều trên đây tất khó mong tu hành chánh đạo, tất sẽ lạc vào tà ngoại. Ngoài ra nếu ta có phước mà sẽ làm vua, làm quan, làm

nhà triệu phú: “Sang giàu học đạo là khó” lời Phật rành rành trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*. Hoặc giả đời trước có tu thiền quán mà được thông minh: “Thế trí biện thông” là một trong bát nạn. Đó là chưa kể đến không biết bao nhiêu người lợi dụng sự sang giàu tài trí để gây tạo những tội ác tày trời, mà ta thường nghe thường thấy trong đời...

Dầu cho thân người đời sau của ta do căn lành mà ở ngoài những chướng nạn ấy, nhưng theo lời Phật, Pháp càng ngày càng đi sâu vào thời mạt, bậc minh sư thiện hữu chân chính tu hành có đạo lực rất là khó có khó gặp. Thầy bạn giải thoát đã không, ai là người dẫn đường cho ta đắc đạo. Lại đương nhằm kiếp giảm, tuổi thọ con người càng lúc càng bớt lần, đời sau tu hành chưa được gì rồi kế chết, đời thứ ba thứ tư sẽ ra thế nào? Ta sẽ đi vào đâu?

Thế là dầu được sanh làm người trở lại, cũng không thể bảo đảm là sẽ giải thoát.

3. Phật nói: “Chúng sanh được thân người như đất dính móng tay, còn sa vào ác đạo như đất toàn cõi đại địa”. Sau khi bỏ thân này, ta dám cả quyết là không đi xuống ư? kinh nói: “Phạm một tội nhỏ (kiết la) phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ Thiên Vương”. Huống là nghiệp chướng từ vô lượng đời đến nay khó có thể lường. E rằng “Cường giả tiên khiên”, một bước trật chân chắc chắn là lăn xuống đến đáy hố sâu. Đây là điều lo sợ cho đời sau mãi mãi trầm luân.

Ôi! Thân người khó đặng, Phật pháp khó được nghe. Nay ta do túc thế thiện căn nên được hưởng ít chút dư âm của Như Lai, võ vẽ biết đôi đường giải thoát, thật là đại hạnh! Thật là hy hữu! Ta còn chờ gì mà không thẳng bước tấn tu? Ta còn đợi chi mà chẳng kịp đoạn dòng sanh tử? Và cả nhơn loại kia, cả mọi loài kia cũng đang nổi chìm trong biển khổ không bờ, ta phải sớm thẳng đến Phật quả, để rồi vận thuyền từ bi nguyện lực cứu vớt quần sanh, không thể dằn dà được.

Rồi tôi tự gẫm:

Y cứ nơi Thánh giáo: Dứt sạch tam giới kiến tư hoặc mới siêu thoát luân hồi. Nếu phiền não còn mảy may, cội gốc sanh tử vẫn chưa đoạn. Đây là thông luận của Tiểu thừa và Đại thừa.

Riêng phần Đại thừa, được bảo đảm trên con đường giải thoát thành Phật, tất phải vào bậc tín tâm bất thoái làm đầu. Chứng bậc này, theo Khởi Tín Luận, phải là người đủ năng lực thiện căn huân tập, thâm tín như quả, chur ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, phát Bồ đề tâm, đặng gặp chur Phật gần gũi cúng dường, tu Bồ tát hạnh. Tu tập như vậy mãi đến đủ một vạn đại kiếp, tín tâm mới thành tựu.

Ôi! Như thế thời thế nào? Ta là chúng sanh thời mạt pháp, tự thấy mình phước mỏng nghiệp dày, chương sâu huệ cạn. Chí nguyện được giải thoát nội hiện đời của ta, chí nguyện đi thẳng đến viên mãn Phật quả của ta, có thể thành cảnh mộng ư?

Nhưng tôi tự an ủi:

Đức Phật Như Lai có dạy một phương tiện siêu thắng để bảo đảm sự giải thoát mà cũng để bảo đảm vững chắc đường thành Phật cho tất cả chúng sanh:

Pháp môn Tịnh độ, Niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới!

Theo lời Phật, dầu là hạng cực ác mà chịu hồi tâm tu theo pháp môn này trong một thời gian rất ngắn (10 niệm) cũng được vãng sanh; đã được vãng sanh thời là siêu phàm nhập Thánh, thoát hẳn sanh tử, bất thoái Vô thượng Bồ đề.

Nương pháp môn này, ắt là ta sẽ được toại bốn nguyện: giải thoát, thành Phật, độ sanh. Người cực ác tu còn thành tựu thay, huống ta chưa phải là kẻ ác!

Từ ngày ấy, tôi lập chí kiên quyết nơi Tịnh độ và cố gắng thực hành. Tôi giao phó pháp thân huệ mạng mình cho Đức

Từ Phụ A Di Đà Phật, coi cõi Cực Lạc là gia hương của mình, bớt lần sự duyên để chuyên tâm niệm Phật...

Dầu rằng sau khi thành Phật, sự độ sanh mới hoàn mãn cứu cánh, nhưng lòng lợi tha thúc giục, nên cũng tùy phần, đương lúc cố lo tự độ, đồng thời khuyến tấn người hữu duyên. Muốn tất cả chúng sanh đều được giải thoát như mình, mong mọi người tấn hóa trước mình, đó là thân tâm của bản tạng này.

Vì thế nên tôi không quản vụng về quê dốt gom góp những chỗ những nơi chỉ dạy về pháp môn Tịnh độ của Phật, Bồ tát và Cổ đức, trong các kinh các Luận chính thức, cùng diễn thuật các sự tích của tăng, tục, tứ chúng vãng sanh ở những bộ sách chánh truyền, mà tổ hợp thành bộ **“Đường về Cực Lạc”** này.

“Đường về Cực Lạc” là con đường pháp dẫn ta và tất cả chúng sanh từ xứ ác trược Ta bà về đến thế giới thanh tịnh Cực Lạc. Cũng chính là **“pháp môn Tịnh độ”** nói bằng một cách khác đầy thôi.

Bộ này chỉ là công trình sưu tập. Vì muốn thủ tín và đề giới thiệu các kinh sách Tịnh độ với mọi người, nên mỗi bài, mỗi đoạn tôi đều dẫn rõ trích ở bộ kinh nào, bộ luận nào, hay bộ sách nào. Trong đây dầu cũng có những chỗ phải sửa đổi đôi chút để chỉnh đốn cho liên đoạn hay đổi lời cho xuôi câu, nhưng tuyệt hẳn không đổi ý. Có thể tín nhiệm rằng: bộ sách này là lời của Phật, của chư Bồ tát, của Cổ đức, mà hoàn toàn không phải là ý riêng của bản tạng này. Tôi còn muốn đặt gì thêm cho thành thừa, một khi mà lời Phật ý Tổ đã quá đầy đủ trong muôn kinh vạn luận, và lại kiến thức của hạng phàm đầu sánh được với trí huệ của bậc Thánh! Giả hoặc có chỗ tôi đưa thêm, như những đoạn “lời phụ” chẳng hạn, bản tạng chỉ diễn thuật lại lời của bài trước cho rõ nghĩa, nhấn mạnh điểm quan trọng, ghi nhắc điều khẩn

yếu, hay khuyến khích sách tấn, hầu giúp đôi phần lợi ích cho mọi người trong lúc xem lúc đọc mà thôi.

Về phần lược sử của các nhà tu Tịnh độ được vãng sanh, tôi chọn lấy những truyện tích có ghi rõ công hạnh tấn tu, hay lời chỉ dạy xác đáng, để có thể làm quy giám cho những người phát tâm tu hành, cùng giúp thêm hạnh giải cho người đọc.

Đọc kỹ toàn bộ sách này, ngoài sự lợi ích lớn là được hiểu rõ Tịnh độ và pháp môn Tịnh độ; được phát khởi tín, hạnh, nguyện nếu ta đã phát; thành tựu tín, hạnh, nguyện nếu đã tăng trưởng và viên mãn nếu đã thành tựu, ta lại có thể dùng đây làm ông bạn tốt chỉ chỗ phải, răn điều quấy trong khi ta hành đạo, vì những căn trí, tâm tánh, những trường hợp, cảnh duyên, những sự thuận trôn hay những điều thắc mắc của mỗi người trong chúng ta, không nhiều thời ít, quyết định là có trúng vào các truyện tích trong bộ này.

Tôi chí thành cầu nguyện bộ sách này sẽ đem kết quả tối thắng lại cho tất cả mọi người, cho tất cả chúng sanh đúng như tên của nó: “Vãng sanh Cực Lạc, trụ bậc bất thoái Vô thượng Bồ đề”.

Phật lịch 2497 ngày Phật Đản (1953)

Hân Tịnh Sa môn Thích Trí Tịnh

*

PHẬT DẠY:

“Nếu có người nào đã phát nguyện, hiện phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, thì các người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và hoặc đã sanh về Cực Lạc rồi, hoặc đương sanh, hoặc sẽ sanh.

Xá Lợi Phất! Vì thế các thiện nam tín nữ nếu có lòng tin nên phải phát nguyện sanh về cõi đó”.

(KINH A DI ĐÀ)

*

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT LÀ THẮNG PHƯƠNG TIỆN CỦA NHƯ LẠI

Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ đức tướng như Phật không khác. Chỉ vì trái giác tánh theo trần lao, nên toàn thể trí đức chuyển thành vô minh phiền não. Rồi thuận theo phiền não gây tạo những nghiệp hữu lậu kết thành những quả báo sanh tử trong tam giới. Từ quả báo sanh tử sanh phiền não rồi lại gây nghiệp hữu lậu... Vì có ấy nên chúng sanh từ vô thủy đến nay, trải vô lượng vô biên kiếp chịu khổ mãi trong vòng luân hồi sanh tử.

Vì lòng đại bi, đức Phật xuất thế thuyết pháp độ sanh. Nguyên bản tâm của Phật chỉ muốn tất cả chúng sanh đều thoát hẳn sanh tử luân hồi chứng viên mãn Phật đạo mà thôi. Song vì chúng sanh căn tánh lợi độn không đồng, trí ngu sai khác nên đức Phật phải chiều theo cơ nghi mà giáo hóa. Do đó nên pháp môn của Phật nhiều đến vô lượng.

Với chúng sanh hạng lợi căn đại trí, thời đức Phật dạy Phật thừa để đặng liền viên Phật quả. Như Thiện Tài trong pháp hội Hoa Nghiêm, Long Nữ nơi đạo tràng Diệu Pháp...

Với chúng sanh hạng căn trí kém, thời đức Phật giảng Bồ tát thừa, Duyên giác thừa và Thanh văn thừa, để cho hạng ấy lần lượt tu tập, tuần tự chứng quả.

Với chúng sanh trình độ quá thấp, thời đức Phật nói Thập thiện Ngũ giới, Thiên thừa và Nhơn thừa, cho hạng ấy nương theo để khỏi sa đọa vào ác đạo, đặng còn thân nhơn thiên mà vun bồi thiện căn lần lần. Tương lai nương nơi căn lành ấy mà tấn tu Thánh đạo; hoặc học Bồ tát thừa tu lục độ vạn hạnh mà chứng pháp thân, hoặc y theo Duyên giác thừa hay Thanh văn thừa ngộ duyên sanh cùng Tứ đế mà đặng đoạn phiền não chứng Niết bàn...

Tất cả những pháp môn ấy, bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, Tiệm giáo hay Đốn giáo, nơi hành giả đều phải tự lực tu tập cho đến đoạn thật hết phiền não mới ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. **Nếu kiến hoặc tư hoặc còn chùng mảy tơ thời cội gốc sanh tử vẫn chưa dứt hẳn.** Như tam quả Thánh nhơn (A na hàm) sau khi sanh lên Bất Hoàn Thiên, còn phải trải qua nhiều thời gian mới chứng quả A la hán. Chứng A la hán rồi mới là thật dứt hẳn cội gốc sanh tử.

Nhưng A la hán chỉ là bậc Thánh Tiểu thừa còn cần phải hồi tâm tu Đại thừa mà cầu Phật đạo: rèn bi nguyện hiện thân trong lục đạo, tu hành lục độ vạn hạnh, trên cầu thành Phật, dưới cứu khổ mọi loài, lần lượt chứng các bậc: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa và Đẳng Giác Bồ tát. Bậc Đẳng Giác lại phải dùng Kim Cang trí phá một phần sanh tướng vô minh, mới viên mãn chủng trí mà chứng Phật quả (Diệu giác).

Giáo pháp của đức Phật chỉ dạy, từng bậc tu chứng từ phàm lên Thánh, từ Thánh đến Phật, quyết không thể vượt ngoài tuần thứ kể trên.

Đức Bổn sư của chúng ta biết rằng **nếu chúng sanh chỉ dùng tự lực để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh thời rất khó đặng**, nên ngoài vô lượng pháp môn chỉ thuộc tự lực, Ngài dạy **một pháp môn tự lực nương tha lực rất viên đôn, rất huyền diệu, dễ thực hành mà thành công cao, dùng sức ít mà mau có hiệu quả, tất cả căn cơ đều hạp, tất cả Thánh phàm đồng tu**. Chính là **Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh** vậy.

Do vì đức Phật A Di Đà có bốn thệ nguyện lực nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Nên người dùng tín nguyện mà niệm Phật (tự lực) thời cảm thông với nguyện lực của Phật, nương nguyện lực của Phật nhiếp thủ (tha lực) liền đặng siêu thoát sanh tử luân hồi mà sanh về Cực Lạc Tịnh độ. Đã được vãng sanh tức là cao thăng vào bậc Thánh lưu bất thoái, nên gọi là rất viên đôn,⁽²⁾ rất huyền diệu,⁽³⁾ và thành công cao.

Nơi pháp môn này, phương pháp thực hành rất giản tiện, mọi người đều có thể tùy phần tùy sức mà hành đạo. Chỉ cần chỗ tu cho đúng pháp thời chắc chắn là thành tựu cả, nên gọi là dùng sức ít, dễ thực hành và mau có hiệu quả. Tổ Thiệu Đạo cho rằng nghìn người tu không sót một. Vĩnh Minh Đại sư công nhận là mười người tu, được cả mười...

Với Pháp môn Tịnh độ này, không luận là kẻ trí hay ngu, không luận là tăng hay tục, không luận là sang giàu hay nghèo hèn, không luận là già trẻ nam nữ, không luận là sĩ, nông, công, thương... **Tất cả các giới trong xã hội đều có thể tu tập và đều có thể thành tựu được cả.**

Văn Thù Bồ tát nói: Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật. Niệm Phật là vua trong các pháp môn.

Đức Quan Thế Âm bảo: Tịnh độ pháp môn hơn tất cả hạnh khác.

Mã Minh Đại sĩ cho rằng: Chuyên tâm niệm Phật là phương tiện siêu thắng của đức Như Lai.

Long Thọ Tôn giả nói: Niệm Phật tam muội có đại trí huệ, có đại phước đức, hay đoạn trừ tất cả phiền não, hay độ được tất cả chúng sanh. Niệm Phật tam muội hay sanh vô lượng tam muội cho đến Thủ Lăng Nghiêm tam muội.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát nói: Pháp môn niệm Phật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát tất nhứt của mọi loài.

Ấn Quang Đại sư từng nói: Vì nương Phật lực nên tất cả mọi người, không kể là nghiệp hoặc nhiều hay ít, không kể là công phu hành đạo cạn cùng sâu, miễn **tin cho chắc, nguyện cho thiết**, thời quyết muôn người tu muôn người vãng sanh không sót một. Còn nếu là bậc đã đoạn hoặc chứng nhơn mà cầu vãng sanh thời đốn siêu Thập Địa. Bậc Thập Địa mà cầu sanh thời mau viên Phật quả. Vì thế nên Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v... các đại Bồ tát đều nguyện vãng sanh⁽⁴⁾. Đến như những kẻ tạo ác cả đời sắp đọa địa ngục, hồi tâm niệm Phật cũng được giải thoát, như các ông: Trương Thiện Hòa, Trương Chung Húc, Hùng Tuấn, Duy Cung v.v...⁽⁵⁾

Hạng người phạm tội ác ấy mà còn được thành tựu thay, huống là những người chưa quá ác, huống là những người lành!

Do đây nên thấy rằng Pháp môn Tịnh độ này nhiếp cả Thánh phàm, nhiếp cả thiện ác, nhiếp cả chúng sanh, như biển lớn gồm thâu muôn dòng vậy.

Vì Pháp môn Tịnh độ với chúng sanh có sự lợi ích rộng lớn như thế, nên muôn kinh vạn luận luôn luôn nhắc đến, chư Thánh chư Hiền đồng nguyện cùng về.

Thật là:

Cửu giới chúng sanh ^([6]) rời pháp môn này thời chẳng thể viên thành Phật quả.

Thập phương chư Phật bỏ pháp môn này quyết không thể độ khắp quần sanh.

Trong kinh *Đại Tập*, đức Phật có lời huyền ký: “Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có một người được giải thoát, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”.

Đó là Phật bảo chúng ta phải tín hướng và thật hành pháp môn Tịnh độ này vậy. Chúng ta há chẳng phải là người thời mạt pháp đó ư!

Vì những lẽ như trên mà biết rằng:

Ngoài môn niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, quyết định chúng ta hiện đời không thể siêu sanh thoát tử được. Còn đứng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh này mà tu, chắc chắn một đời hiện tại này chúng ta đặng vãng sanh Cực Lạc Tịnh độ và bảo đảm trên đường thành Phật.

Tổng quát rằng: **“Thiệt vì sanh tử phát Bồ đề tâm, dùng tin sâu và nguyện thiết mà chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật”**. Đây là tông thú chủ chánh của pháp môn Tịnh độ này. Tâm hạnh đúng theo đây gọi là tu đúng pháp.

Khi chúng ta được nghe giáo pháp của đức Phật dạy về môn Tịnh độ, chúng ta tự nghĩ rằng: Cõi Ta bà là chốn ngũ trược ác thế, tam giới như nhà lửa, cõi Dục mà chúng ta hiện ở đây khác nào một cái hố sâu đầy sinh. Ta và mọi người cho đến muôn loại, hiện tại cũng như dĩ vãng, nhiều đời nhiều kiếp mang lấy không biết bao nhiêu là sự thống khổ trong vòng sanh tử luân hồi. Ngày nay, ta được thân làm người lại được nghe biết pháp môn giải thoát mau tắt siêu thắng, ta phải kíp

quyết chí y pháp tu hành, để mình và mọi người đồng thoát ly sanh tử khổ, đồng chơn chơn thường lạc”. Đây là **“Thiệt vì sanh tử mà phát Bồ đề tâm”** vậy.

Rồi ta tự nhận rằng: Thân cùng cảnh ở Ta bà này đủ điều chướng đạo: dễ sanh phiền não, dễ đắm nhiễm, dễ gây ác nghiệp; nội những sự già, bệnh, chết, vô thường thiên biến cũng đủ ngăn trở con đường giải thoát của ta. Còn thân cùng cảnh ở Cực Lạc rất là lợi đạo: thường được thấy Phật, luôn nghe pháp âm nên tâm thanh tịnh mà định huệ thành; ở chung với chư Đại Bồ tát thượng thiện hơn thời Thánh nghiệp ngày tăng, chánh hạnh ngày tấn; không già không bệnh, thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nên nội một đời một thân thăng lên đến bậc Đẳng giác bồ xứ thành Phật.

Ta lại nhận định: Nguyên lực của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật rộng lớn bất tư nghị, nay ta đúng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ mà tu, quyết đặng Phật nhiếp thọ, quyết đặng vãng sanh, đã đặng vãng sanh tức là trụ bậc Bất thoái mau thành Phật đạo, chỉ có nguyên lực của Phật là chiếc thuyền từ có thể đưa ta ra khỏi biển khổ thôi! Chỉ có cõi Cực Lạc là đại học đường có thể đem ta đến bờ Đại Giác thôi!

Tự nhận như thế rồi bền chặt một lòng: nguyện thoát ly Ta bà ác trược, như người tù muốn ra khỏi ngục tối không chút quyến luyến; nguyện về đến Cực Lạc thanh tịnh, dường như trẻ thơ đi lạc mong mỗi được về nhà không chút dằn dả.

Nhận định như vậy, lập nguyện như vậy, đó là **“Tin sâu cùng nguyện thiết”** đấy.

Bắt đầu từ đây cho đến trọn đời, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, tùy sức tùy phần, chí tâm trì niệm sáu chữ hồng danh **“Nam mô A Di Đà Phật”**, coi đó như là một công vụ hết sức khẩn yếu phải tận lực mà làm. Nếu là người rảnh rang vô sự thì ngày liền đêm, lúc đi đứng cũng như lúc ngồi nằm, giữ

chặt chánh niệm, Phật không rời tâm, tâm không rời Phật; hoặc niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, nhiếp cả sáu căn, Phật hiệu nối liền, đây là tương tục chấp trì; niệm như vậy lâu lâu sẽ tự chứng tam muội, hiện tiền thấy Phật thọ ký, lâm chung cao thăng thượng phẩm. Còn nếu là người đa đoan công việc: việc nước, việc nhà v.v... không nhiều giờ rảnh, thời nên tối và sáng sớm, thực hành phương Thập niệm, giữ mãi trọn đời không sót không bỏ cũng được vãng sanh⁽¹⁷⁾. Vì đức Từ Phụ có bốn nguyện: “Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu ta rồi chí tâm tin muốn, nguyện sanh về cõi nước của ta nhân đến mười niệm, nếu chúng sanh ấy không được sanh, thời ta không ở ngôi Chánh giác”.⁽¹⁸⁾

Ngoài ra những người nào ở vào trường hợp chặng giữa, thời châm chước phân thời định khóa mà thọ trì. Tất cả đều phải cung kính, chí tâm, kỹ chắc trong lúc trì niệm, là điều kiện khẩn yếu. Hành trì như vậy gọi là “*chuyên trì Hồng danh A Di Đà*”, và đây là chánh hạnh.

Người niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới còn cần phải làm những điều lành: có lòng từ bi giới sát hộ sanh, bố thí, cứu tế, trì trai, giữ giới, hiếu thảo cha mẹ, kính thờ Sư trưởng, phò trì Tam bảo, lợi mình lợi người, dẹp lòng ngã mạn tham sân, thêm lớn hòa vui nhân nhục, sâu tin hơn quả, mở mang chánh kiến... dùng đây làm trợ hạnh⁽¹⁹⁾.

Tín nguyện đã có, chánh trợ đã đủ, đến lúc lâm chung, chắc chắn được đức Từ Phụ cùng Thánh chúng thừa bốn nguyện lực đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Dầu Tín, Nguyện và Hạnh phải đủ cả ba mới được vãng sanh, như cái đánh ba chân, thiếu một thời ngã, nhưng nên hiểu thêm rằng: được vãng sanh là do **lòng tin sâu chắc, chí nguyện cho tha thiết** để cảm thông với nguyện lực của Phật, còn nơi công hạnh: ít thời quả thấp, nhiều thời phẩm cao. Do

vì công hạnh không hạn cuộc mà chú trọng nơi tín và nguyện như vậy, nên đoạn trước có nói: “Tất cả người trong tất cả các giới ở xã hội đều có thể thật hành và đều có thể thành tựu được cả” ^([10]) vì tín sâu và nguyện thiết hạng người nào cũng có thể lập được, thập niệm niệm Phật ở trường hợp nào cũng đều thực hành được.

Nội dung của bộ “Đường về Cực Lạc” này cũng không ngoài phạm vi Tín nguyện hạnh.

Các chương đầu thuật lại tiền thân của đức A Di Đà Phật và tả rõ chánh báo cùng y báo trang nghiêm của Cực Lạc thế giới để mọi người đối với đức Phật và Tịnh độ được sự nhận thật, đã nhận thật tức là tin chắc và chí nguyện tha thiết sẽ do đó mà lập được. Đến các chương kể thuật lược sử của chư Bồ tát, chư đại Tổ sư tự thân tu Tịnh độ mà được thành công, cùng những lời dạy bảo khuyên nhắc của các ngài, để mọi người bền vững tín tâm, kiên quyết chí nguyện, cùng hiểu rõ phương pháp hành trì để thẳng tấn tinh tu. Nhấn đến các chương về Tứ chúng vãng sanh, và cuối cùng, chương thích nghi cũng cùng một mục đích ấy.

*

PHẬT DẠY:

“Nếu người nào được nghe lời này nên phải phát nguyện: nguyện sanh về Cực Lạc thế giới”.

(KINH A DI ĐÀ)

PHẬT DẠY:

“Chúng sanh nào được nghe lời ta đã nói, nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi nước ấy (Cực Lạc).

Vì đặng cùng với các bậc thượng thiện như như thế (Bồ xú Bồ tát) câu hội một chỗ...”.

(KINH A DI ĐÀ)

*

[1] Lời của Phật trong phẩm “N hư Lai xuất hiện” kinh *Hoa Nghiêm*

[2] Mau siêu phàm nhập Thánh, liền trụ bậc bất thoái.

[3] Phật lực bất tư nghị

[4] Đề có lược sử ở tập 1 này

[5] Đề có truyện tích ở tập sau

[6] Địa ngục giới, ngạ quỷ giới, súc sanh giới, tu la giới, nhơn giới, thiên giới: 6 giới phàm; Thanh văn giới, Duyên giác giới, Bồ tát giới: 3 giới Thánh. Cả 9 giới đối với Phật đều là chúng sanh.

[7] Phương này là của Từ Vân Sám chủ dạy cho các triều thần quá nhiều công vụ: Nếu ở chỗ có thờ Phật thời kính lễ 3 lạy, rồi lấy hơi dài chí tâm niệm Phật không luận là bao nhiêu câu cứ mãi một hơi thời kể một niệm, mãi mười hơi là đủ mười niệm; kể thiết tha hồi hướng cầu sanh Cực Lạc rồi lễ

Phật mà lui. Còn nếu chỗ ở không có thờ Phật xoay mặt về hướng Tây cung kính chấp tay xá rồi niệm và phát nguyện. Phương này là mượn hơi thở mà nhiếp tâm vậy. Nếu ở chỗ không thờ Phật thì cung kính hướng về hướng Tây mà niệm.

[8] Một trong 48 điều nguyện trong kinh *Vô Lượng Thọ Phật*. Điều nguyện thứ 18.

[9] Trong bộ sách này sẵn đủ lời chỉ dạy của chư Thánh chư Hiền, nơi đây chỉ nói những điều đại khái thôi.

[10] Nhiều trăm truyện tích vãng sanh của bộ Đ.V.C.L. này đủ chứng thật.

*

CHƯƠNG THỨ NHỨT:**TIỀN THÂN CỦA
CỤC LẠC GIÁO CHỦ A DI ĐÀ PHẬT**

Đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã là một đấng lịch sử trong cõi Ta bà, ngoài mấy nghìn năm, hình ảnh Ngài vẫn in sâu nơi ký ức của nhơn loại, do truyện ký cùng di tích, nhứt là nét vàng rực rỡ trong Tam tạng. Đức Từ Phụ A Di Đà Phật cũng là một đấng hoàn toàn lịch sử ở thế giới Cục Lạc, trên vài mươi thế kỷ, hồng danh mãi vang lên nơi miệng, nơi tâm của tất cả, y cứ nơi kim ngôn của Đức Bồn sư, đấng chơn thật ngữ.

Đức Bồn sư trước khi hiện thân thành đạo Vô thượng ở cõi Bồ đề, để rồi trở nên vị Giáo chủ cao cả của cõi Ta bà, Ngài là Thiện Huệ Bồ tát dâng hoa trái tóc cúng dường Phật Nhiên Đăng và là Hộ Minh Bồ tát ngự ở cung trời Đâu Suất, v.v...

Đức Từ Phụ cũng thế, trước khi viên thành quả Chánh giác giữ ngôi Pháp Vương ở Cục Lạc thế giới, Ngài cũng có nhơn địa của Ngài: Vua Vô Tránh Niệm thời kỳ Phật Bảo Tạng, Vương tử Thắng Công Đức trong pháp hội của Phật Bảo Công Đức, Bồ tát Sa Di con trai của đức Đại Thông Trí Thắng Phật v.v...

Trước khi nói đến thân và cõi hiện tại của đức Từ Phụ, ta cần nên rõ nhơn địa của Ngài, để biết rằng kết quả Vô thượng đây, tất do nơi nhơn thù thắng thuở trước vậy.

I. BỒ TÁT SA DI

(Trích thuật theo kinh Pháp Hoa phẩm Hóa Thành Dụ thứ 7)

Đức Đại Thông Trí Thắng Phật khi còn ở ngôi quốc vương, có 16 người con trai. Lúc Quốc vương bỏ ngai vàng xuất gia thành Phật, thời 16 vị Vương tử đồng vào pháp hội

xin xuất gia làm Sa di. Trải qua một thời gian tu học, 16 vị Sa di chứng ngộ diệu lý, đều đăng thân thông trí huệ.

Sau khi giảng kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* cho đại chúng trong pháp hội, đức Đại Thông Trí Thắng Phật liền nhập tịnh thất trụ trong đại định.

Thời gian đức Phật ngồi yên lặng nơi tịnh thất, 16 vị Bồ tát Sa di đều thăng pháp tòa giảng rộng nghĩa lý kinh *Pháp Hoa* cho đại chúng. Mỗi vị Bồ tát Sa di độ được sáu trăm tám mươi muôn ức na do tha hằng hà sa người.

Mười sáu vị Sa di đó hiện nay đều đã thành Phật cả, đang ngự trong đạo tràng ở mười phương thế giới. Vị Sa di thứ 16 thành Phật ở cõi Ta bà hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Và vị thứ 9 hiện tại thành Phật ở Cực Lạc thế giới, tức là Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.

II. THÁI TỬ THẮNG CÔNG ĐỨC

(Trích thuật theo kinh Nhứt Hương Xuất Sanh Bồ tát)

Về thuở quá khứ có ông Thái tử tên là Bất Tư Nghị Thắng Công Đức. Năm 16 tuổi, Thái tử được nghe kinh *Pháp Bản Đà la ni* nơi đức Phật Bảo Công Đức Tinh Tú Kiếp Vương Như Lai.

Nghe kinh xong, Thái tử tinh tấn tu tập trong bảy muôn năm, không ngủ nghỉ, mà cũng không nằm không dựa. Nhờ sức dũng mãnh ấy, nên lần lần Thái tử được gặp chín mươi ức trăm nghìn đức Phật. Bao nhiêu kinh pháp của chư Phật dạy truyền, Thái tử đều có thể thọ trì tu tập cả. Về sau Thái tử xuất gia làm Sa môn, lại tu tập “Pháp Bản Đà la ni” chín muôn năm và giảng truyền Chánh pháp cho mọi người.

Tinh tấn tu hành và cần mẫn giáo hóa, trong một đời hoằng pháp Thái tử độ được tám mươi ức na-do tha người phát Bồ đề tâm, trụ bậc bất thoái chuyển.

Thái tử Thắng Công Đức là tiền thân của đức Từ Phụ A Di Đà Phật.

III. VUA VÔ TRÁNH NIỆM VÀ HAI VƯƠNG TỬ

(Trích thuật theo kinh Bi Hoa)

Vô lượng hằng hà sa kiếp về trước, ở thế giới San Đê Lam, con trai của Phụ tướng Bảo Hải xuất gia thành Phật, hiệu là Bảo Tạng Như Lai.

Bấy giờ, quốc vương Vô Tránh Niệm cùng đi với phụ tướng Bảo Hải, các vị vương tử và thần dân, đến đạo tràng cúng dường đức Phật Bảo Tạng.

Sau khi nghe đức Phật giảng dạy, Vua cùng Phụ tướng đồng phát Bồ đề tâm. Đức vua thời nguyện trang nghiêm Tịnh độ để nhiếp thọ chúng sanh. Quan Phụ tướng thời nguyện thành Phật ở uế độ hầu ngự phục mọi loài.

Đức Phật Bảo Tạng phán rằng: “Quá trăm nghìn muôn ức Phật độ về phương Tây có thế giới của Tôn Âm Vương Như Lai, một hằng hà sa a tăng kỳ kiếp sau, thế giới đó sẽ đổi tên là Cực Lạc; bấy giờ vua sẽ thành Phật nơi ấy hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Và quan Phụ tướng Bảo Hải sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni ở Ta bà thế giới”.

Quan Phụ tướng là tiền thân của Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức vua Vô Tránh Niệm là tiền thân của Từ Phụ A Di Đà Phật.

Lúc vua Vô Tránh Niệm phát nguyện và được thọ ký xong, Thái tử Bất Huyền, trưởng tử của vua, phát nguyện rằng: “Sau này, thời gian tôi tu Bồ tát hạnh, có chúng sanh nào gặp phải các sự khổ não khủng bố v.v... sầu lo cô cùng không ai cứu hộ, không chỗ cậy nương, kẻ ấy nhớ đến tôi, xưng danh hiệu của tôi, được thiên nhĩ tôi nghe đến, thiên nhãn tôi thấy đến, nếu những chúng sanh đó chẳng được

thoát khỏi các sự khổ não khủng bố, thời tôi thề trọn không thành bậc Chánh giác. Và khi vua cha thành Phật ở Cực Lạc thế giới, thời tôi thường ở Cực Lạc thực hành Bồ tát đạo và hộ trì Chánh pháp”.

Đức Bảo Tạng Như Lai phán với Thái tử: “Ông quan sát tất cả chúng sanh mà sanh lòng đại bi, muốn dứt tất cả sự khổ não của chúng sanh, và muốn làm cho chúng sanh đều được an lạc, nay nên đặt hiệu cho ông là Quan Thế Âm. Về sau lúc đức Vô Lượng Thọ Phật nhập Niết bàn, cõi Cực Lạc đổi tên là Nhứt Thiết Trân Bửu Thành Tự thế giới, ông sẽ thành Phật nơi ấy hiệu là Biến Xuất Nhứt Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai”.

Bấy giờ Vương tử Ni Ma, con thứ của vua, phát nguyện đem tất cả công đức hồi hướng Vô thượng Bồ đề, và lúc Thái tử Bất Huyền thành Phật, người sẽ là vị Bồ tát thỉnh chuyển pháp luân trước nhứt, cũng thường ở luôn một bên Sơn Vương Như Lai giúp Phật hoằng hóa.

Đức Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho Vương tử Ni Ma sẽ được toại nguyện, lúc Sơn Vương Như Lai nhập Niết bàn, người sẽ hộ trì Chánh pháp và sau cùng sẽ thành Phật nơi thế giới ấy, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bửu Vương Như Lai. Quang minh, thọ mạng, quốc độ, cùng tất cả Phật sự đều đồng như đức Sơn Vương Như Lai.

Thái tử Bất Huyền là tiền thân của Quan Thế Âm Bồ tát, và Vương tử Ni Ma là tiền thân của Đại Thế Chí Bồ tát.

LỜI PHỤ – Liên Trì Đại sư từng cho rằng giáo pháp của đức Phật có hai môn: 1. Chiết phục; 2. Nhiếp thọ.

Phật dạy: Đây là tam đồ lục đạo, tam giới như: nhà lửa, sanh già bệnh chết vô lượng sự khổ, vô thường sanh diệt rình rập hại người, dục vọng phiền não trùm phủ tâm người, cùng những phương pháp diệt khổ, để mọi người sanh lòng nhàm

lìa thân cảnh ô trược khốn khổ này, mà cầu mong được thoát khỏi v.v... Đây là môn “Chiết phục”.

Đức Phật chỉ cõi Tịnh độ hoàn toàn an vui cứu cánh thanh tịnh giải thoát, cùng những pháp môn Tịnh độ, để người ham mộ nguyện về; đây là môn “Nhiếp thọ”.

Lời phê phán của Đại sư rất hiệp với bốn nguyện của hai đức Phật: “Thích Ca Mâu Ni Phật nguyện ở uế độ để nộ phục chúng sanh cang cường. A Di Đà Phật nguyện trang nghiêm tịnh độ để nhiếp thọ chúng sanh thanh tịnh”.

*

Và dưới đây là truyện tích của một nhà sư tu Tịnh độ được thân nghe những lời trên của Đức Từ Phụ.

SƯ HUỆ CẢNH

(Trích ở bộ Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược)

Sư Huệ Cảnh, người Lưu Châu, ở chùa Ngô Chơn. Sư ưa khổ hạnh, thích Tịnh độ, tự tạo hai tượng Thích Ca và Di Đà để hằng ngày cúng dường lễ bái.

Năm Sư 67 tuổi, đêm Rằm tháng Giêng, thoát thấy một thầy Sa môn thân ánh màu huỳnh kim hiện đến bảo rằng: “Ông muốn thấy Tịnh độ không?”. Sư đáp: “Tôi muốn thấy lắm”. Sa môn thân vàng lại hỏi: “Ông muốn thấy Phật không?”. Sư đáp: “Tôi mong được thấy”. Sa môn liền đưa bát ra bảo nhìn. Sư vừa nhìn vào lòng bát, bỗng thấy hiện ra cảnh giới cực kỳ trang nghiêm rộng lớn: đất toàn vàng ròng, dây vàng giăng phân đường sá, lưới báu phủ cây vàng, cung điện đèn đài trùng trùng điệp điệp đều bằng thất bảo sáng chói rực rỡ, đức Phật đang thuyết pháp cho vô số Bồ tát Thánh chúng.

Bấy giờ, Sa môn thân vàng đi trước, Sư theo sau, bước lần đến trước Phật. Sa môn bỗng biến mất, Sư chấp tay đứng trước Phật. Đức Phật bảo rằng: “Ông biết vị Sa môn dắt ông đến đây đó là ai không? Chính là Thích Ca Mâu Ni Phật đấy! Còn ta đây là A Di Đà Phật. Thích Ca như ông cha, ta đây như bà mẹ, chúng sanh ở Ta bà như con thơ. Ví như con thơ lọt xuống hố bùn lầy, cha lội xuống lầy đem con lên bờ, mẹ đón bồng lầy con đem về nuôi nâng dạy dỗ, làm cho con thơ vĩnh viễn không còn lạc lằm sa xuống hố nữa. Phật Thích Ca đem pháp môn Tịnh độ truyền dạy cho chúng sanh nơi cõi trước, còn ta thời tiếp dẫn chúng sanh về Tịnh độ trụ bậc bất thoái chuyển”.

Sư nghe đức Phật phán xong, lòng vui hơn hởi, liền rập đầu lễ Phật, bỗng không còn thấy nữa, như người nằm mộng tỉnh giấc. Từ đó Sư càng tin hướng Tịnh độ hơn.

Ít lúc sau, Sư lại thấy vị Sa môn thân vàng khi trước hiện đến bảo rằng: “12 năm sau, ông sẽ được sanh về Cực Lạc”.

Quả thật đúng 12 năm sau, sư Huệ Cảnh viên tịch, thọ 79 tuổi. Giờ Sư tịch, ông Tăng ở gần thấy vô số Thánh chúng từ phương Tây bay đến rước Sư, và mọi người đồng nghe tiếng nhạc réo rắt trên hư không.

IV. PHÁP TẶNG BỒ TÁT

(Trích thuật theo kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ, cũng gọi là Đại Bản A Di Đà Kinh)

Một hôm, nhơn thấy dung nhan của đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật tươi tắn sáng rỡ khác hẳn ngày thường, Tôn giả A Nan bèn ra lễ Phật rồi bạch hỏi duyên cớ.

Đức Bồn sư tán thán lời bạch hỏi đây, công đức lớn hơn công đức cúng dường vô lượng vị Thanh văn cùng Duyên

Giác, mà cũng lớn hơn công đức bố thí cho vô lượng hàng chư thiên, nhân dân, cảm súc trong nhiều kiếp. Vì chư thiên, nhân dân nhận đến các loài cảm súc đều nhờ lời bạch hỏi này mà được đạo pháp giải thoát.

Rồi đức Bồn sư cho biết rằng, hôm nay Ngài đang nghĩ đến bốn sự, bốn nguyện và bốn hạnh của đấng giáo chủ Cực Lạc thế giới, đức Phật A Di Đà.

Đức Bồn sư phán tiếp:

Vô lượng vô số kiếp về trước, nhằm lúc đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai xuất thế giáo hóa chúng sanh, có một Quốc vương nghe đức Phật thuyết pháp lòng rất vui thích, liền phát Bồ đề tâm, từ bỏ ngai vàng, xuất gia làm Sa môn hiệu là Pháp Tạng.

Sa môn Pháp Tạng đến đánh lễ Phật Thế Tụ Tại Vương, và sau khi thuyết tụng ca ngợi đức Phật, người cầu cầu đức Phật truyền dạy công hạnh trang nghiêm Tịnh độ nhiếp thủ chúng sanh, để người y theo tu hành.

Rõ biết Sa môn là bậc cao minh, chí nguyện sâu rộng, đức Phật Thế Tụ Tại Vương vì Sa môn Pháp Tạng mà giảng nói y báo và chánh báo của hai trăm mười ức thế giới, đồng thời lại hiện tất cả ra cho thấy.

Khi nghe và được thấy y báo chánh báo trang nghiêm của các quốc độ xong, Sa môn Pháp Tạng phát khởi tâm nguyện thù thắng vô thượng. Rồi trong thời gian năm kiếp, người suy gẫm chọn lấy công hạnh trang nghiêm thanh tịnh Phật độ. (Bồn sư nói với A Nan: Thời kỳ ấy, đức Phật thọ mười kiếp).

Khi tu tập xong, Sa môn Pháp Tạng đến đánh lễ đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai và cầu đức Phật chứng giám cho người thuật 48 điều đại nguyện mà người đã lập thệ quyết thực hiện để tiếp độ tất cả chúng sanh⁽¹⁾.

Lúc Pháp Tạng Bồ tát đối trước đức Phật Thế Tụ Tại Vương thuật 48 điều đại nguyện xong, thời khắp cõi đất đều rung động, hoa báu mưa xuống trên mình người, và giữa hư không tự nhiên tiếng nhạc vang lừng: “Quyết chắc sẽ thành Phật”.

Sau đó trải qua vô lượng vô số kiếp, Pháp Tạng Bồ tát tu hành và thực hiện hoàn toàn các điều nguyện trên, và người đã thành Phật đến nay được mười kiếp hiệu là A Di Đà, hiện đang ngự thuyết pháp tại Cực Lạc thế giới, cách đây mười muôn ức cõi về hướng Tây.

[1] Xem 48 điều nguyện ở chương “Hoảng nguyện” thứ ba.

*

CHƯƠNG THỨ HAI:

DANH HIỆU

Phạn ngữ Buddha (Bụt đà), ta thường gọi là Phật, nghĩa là đấng giác ngộ (Giác giả): nơi đây, sự tự giác, giác tha và công hạnh giác ngộ đã cứu cánh viên mãn. Nói cho rõ hơn, tức là bậc đã giác ngộ ngã chấp chứng lý như không, dứt sạch kiến tư phiền não, giải thoát phần đoạn sanh tử; khác hẳn với phàm phu ngoại đạo còn tà kiến mê chấp ngã như, khởi phiền não tạo nghiệp mãi trôi chìm trong biển khổ sanh tử. Và là bậc đã giác ngộ pháp chấp chứng lý pháp không, phá sạch vô minh, thoát hẳn khổ biến dịch; khác với A la hán cùng Duyên giác còn chấp lấy pháp, bị vô minh che mờ bản chơn, mãi mắc trong vòng biến dịch khổ. Mà cũng khác với hàng Bồ tát, vì Bồ tát dầu chứng lý mà chưa viên, dầu phá mê mà chưa tận, còn Phật thời đã cùng tận viên mãn.

Cứ theo các nghĩa trên, đức Phật nên gọi là đấng **Vô thượng** (đối với Bồ tát) **Chánh đấng** (đối với Nhị thừa) **Chánh giác** (đối với phàm phu tà ngoại). Đây chính là danh từ **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Phật Đà** mà các kinh luôn nói đến. Và còn cần phải hội ý nghĩa của mười hiệu: **Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn**. Như thế mới hiểu rõ hạnh đức và trí huệ của đức Phật.

Lòng kính ngưỡng với đức Phật là điều quan trọng phải có nơi người niệm Phật. Muốn có lòng kính ngưỡng chơn chánh phải nhận chơn điểm cao thượng của Phật. Vậy độc giả cần nên tham cứu cho tinh tường.

Các danh từ trên là đức hiệu chung của chư Phật. Giờ đây chúng ta luận đến biệt hiệu của đức Từ Phụ.

Phạn ngữ **Amita**. Ta đọc trại **A Di Đà**, nghĩa là **Vô Lượng**.

Trong kinh *Di Đà*, đức Bồn sư từng vì đại chúng mà định nghĩa hồng danh của đức Từ Phụ: “Này Xá Lợi Phất! đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà? Này Xá Lợi Phất! đức Phật đó quang minh vô lượng, chiếu suốt mười phương không bị chướng ngại, nên hiệu là A Di Đà. Đức Phật đó và nhân dân trong nước của Ngài, thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nên gọi là A Di Đà”.

Vì quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng nên trong các kinh gọi đức Từ Phụ A Di Đà Phật là Vô Lượng Quang Phật (kinh *Hoa Nghiêm* v.v...) mà cũng có nơi gọi là Vô Lượng Thọ Phật (kinh *Vô Lượng Thọ* v.v...).

Trong kinh *Phật Thuyết Vô Lượng Thọ*, đức Bồn sư bảo ngài A Nan: đức Phật A Di Đà có oai thần quang minh tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật không sánh kịp, vì thế nên đức Phật A Di Đà có 12 hiệu riêng:

Vô Lượng Quang Như Lai

Vô Biên Quang Như Lai

Vô Ngại Quang Như Lai

Vô Đối Quang Như Lai

Diệm Vương Quang Như Lai

Thanh Tịnh Quang Như Lai

Hoan Hỷ Quang Như Lai

Trí Huệ Quang Như Lai

Nan Tư Quang Như Lai

Bất Đoạn Quang Như Lai

Vô Xúng Quang Như Lai

Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai

CHƯƠNG THỨ BA:**HOÀNG NGUYỆN VÀ ĐẠI HẠNH**
Thuật theo kinh *Vô Lượng Thọ*

Trong thời kỳ tu nhơn, Đức Từ Phụ ta vì lòng từ bi quá thiết đối với tất cả chúng sanh, chẳng những muốn sao cho mọi loài đều khỏi tất cả sự khổ, mà còn nặng trĩu lấy quan niệm: Để tất cả chúng sanh ở vĩnh viễn trong sự an vui hoàn toàn và bảo đảm chắc chắn trên con đường đi đến quả Phật.

Vì quan niệm đại từ này, nên lúc còn là một vị Bồ tát, đức Từ Phụ ta luôn canh cánh bên lòng một tâm chí bất di dịch: Tạo một thế giới vô cùng trang nghiêm thanh tịnh thuần vui, để làm gia hương của muôn loài, của tất cả chúng sanh mười phương.

Tâm chí cao thượng đại từ đại bi ấy đã làm cho vua Vô Tránh Niệm (tiền thân của Từ Phụ) lập nguyện nơi đức Bảo Tạng Như Lai, và cũng đã làm cho Sa môn Pháp Tạng tha thiết thỉnh cầu đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai hiện hai trăm mười ức thế giới của thập phương chư Phật cho người được thấy được nghe, rồi người lọc lựa lấy thuần những sự trang nghiêm thanh tịnh nhất trong những thế giới ấy, để hiệp thành một Tịnh độ của người sau này. Và liền đó trong thời gian năm kiếp, người đã chuyên cần suy gẫm những công hạnh phải tu để thực hiện Tịnh độ ấy.

Việc lọc lựa và suy gẫm này đã kết thành 48 điều hoàng nguyện, mà người đã trình trọng tuyên ra, dưới sự chứng minh của đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai.

I. HOÀNG NGUYỆN

Do 48 điều nguyện này nên đức Từ Phụ có những thiện duyên với chúng sanh trong mười phương nhất là cõi trước ược khổ não. Đọc và suy gẫm kỹ ta sẽ được nhiều lợi ích lớn:

Lòng tín nhiệm nơi đức Từ Phụ càng sâu.

Tăng trưởng Bồ đề tâm

Rõ được cảnh giới trang nghiêm ở cõi Cực Lạc.

Hiểu được đặc điểm cao quý của người Cực Lạc.

Hâm mộ về Cực Lạc và phấn chí tu hành.

Vì có nhiều lợi ích lớn ấy, nên Cổ đức rất trọng 48 đại nguyện này. Người thời thuộc nằm lòng, vị thời siêng lễ lạy⁽¹⁾. Mong chư độc giả cố gắng lướt qua quan niệm nhàm phiền.

Điều nguyện thứ 1. Lúc tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 2. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi sau khi thọ chung còn lại sa vào ba ác đạo, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 3. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi thân chẳng màu vàng ròng tất cả, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 4. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi thân hình có kẻ tốt người xấu chẳng đồng nhau, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 5. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng có túc mạng thông, ít nhứt là biết rõ những việc trong trăm nghìn ức na do tha kiếp, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 6. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng được thiên nhãn, ít nhứt là thấy rõ trăm nghìn ức na do tha thế giới của chư Phật, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 7. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng non thiên trong cõi nước tôi chẳng được thiên nhĩ, ít nhất là nghe và thọ trì tất cả lời thuyết pháp của trăm nghìn ức na do tha đức Phật, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 8. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng non thiên trong cõi nước tôi chẳng được tha tâm trí, ít nhất là biết rõ những tâm niệm của tất cả chúng sanh trong trăm nghìn ức na do tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 9. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng non thiên trong cõi nước tôi chẳng được thần túc, khoảng một niệm, ít nhất là lướt qua khỏi trăm nghìn ức na do tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 10.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng non thiên trong cõi nước tôi còn có quan niệm tham chấp lấy thân, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 11. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng non thiên trong cõi nước tôi chẳng trụ chánh định tụ, nhẫn đến trọn diệt độ, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 12. Lúc tôi thành Phật, nếu quang minh còn hữu hạn, ít nhất chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức na do tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 13. Lúc tôi thành Phật, nếu thọ mạng còn hữu hạn, ít nhất chẳng đến trăm nghìn ức na do tha kiếp, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 14. Lúc tôi thành Phật, chúng Thanh văn trong cõi nước tôi, nếu có ai tính đếm biết được số bao nhiêu, dầu đó là vô lượng Bích Chi Phật đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 15. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng non thiên trong cõi nước tôi thọ mạng còn hữu hạn, trừ người có bốn nguyện riêng, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 16. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi còn có người nghe danh từ bất thiện, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 17. Lúc tôi thành Phật, nếu vô lượng chư Phật trong thập phương thế giới chẳng đều ngợi khen xưng danh hiệu của tôi, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 18. Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh chí tâm tin mộ muốn sanh về cõi nước tôi nhân đến mười niệm, nếu không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng Chánh pháp.

Điều nguyện thứ 19. Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh phát Bồ đề tâm tu các công đức nguyện sanh về cõi nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng đại chúng hiện thân trước người đó, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 20. Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chuyên nhớ cõi nước tôi và tu các công đức, chí tâm hồi hướng muốn sanh về cõi nước tôi, nếu chẳng được toại nguyện, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 21. Lúc tôi thành Phật, nếu như hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, tất cả chẳng đều đầy đủ ba mươi hai đại nhơn tướng, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 22. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở cõi khác sanh về nước tôi, cứu cánh quyết đều đến bậc Nhứt sanh bất tử, trừ người có bốn nguyện riêng tự tại hóa hiện, vì chúng sanh mà phát hoằng thệ tu các công đức độ thoát mọi loài, đi khắp các thế giới tu Bồ tát hạnh, cúng dường thập phương chư Phật, khai hóa vô lượng chúng sanh, làm cho tất cả đều đứng vững nơi đạo Vô thượng Chánh giác, siêu xuất công hạnh của các bậc thông thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền, nếu chẳng như thế thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 23. Lúc tôi thành Phật, các Bồ tát trong cõi nước tôi, thừa thần lực của Phật mà đi cúng dường thập phương chư Phật, trong khoảng thời gian một bữa ăn, nếu không đến khắp vô lượng vô số ức na do tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 24. Lúc tôi thành Phật, các Bồ tát ở trong cõi nước tôi, khi ở trước thập phương chư Phật hiện công đức của mình muốn có những vật cúng dường, nếu không được đúng như ý muốn, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 25. Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát trong cõi nước tôi không diễn thuyết được Như thuyết trí, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 26. Lúc tôi thành Phật, nếu các Bồ tát trong cõi nước tôi chẳng đều được thân kim cương na la diên, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 27. Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi, tất cả đồ dùng của nhơn thiên, hình sắc đều sáng đẹp sạch sẽ rất tốt vi diệu, không có thể tính biết, dầu là người được thiên nhãn. Nếu có người biện danh số các đồ ấy được rõ ràng, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 28. Lúc tôi thành Phật, nếu Bồ tát trong cõi nước tôi, dầu là người ít công đức nhưt, chẳng thấy biết được cội cây đạo tràng cao bốn trăm muôn do tuần, vô lượng quang sắc, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 29.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong cõi nước tôi nếu thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh pháp, mà chẳng được trí huệ biện tài, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 30. Lúc tôi thành Phật, nếu có ai hạn lượng được trí huệ biện tài của Bồ tát trong cõi nước tôi, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 31. Lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi thanh tịnh, nơi nơi đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất tư nghị thế giới ở mười phương, như là thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng được như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 32. Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi từ mặt đất vàng lên đến hư không, lầu nhà cung điện, ao nước hoa cây, tất cả vạn vật đều là vô lượng chất báu và trăm nghìn thứ hương hiệp chung lại mà thành. Vạn vật đều xinh đẹp kỳ diệu, mùi thơm xông khắp thập phương thế giới. Bồ tát các nơi nghĩ đến mùi thơm ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu chẳng như vậy, tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 33. Lúc tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, được quang minh của tôi chạm đến thân, thời thân tâm nhu yếu nhẹ nhàng hơn thiên nhơn. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 34. Lúc tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương nghe danh hiệu của tôi mà không được Vô sanh Pháp nhẫn cùng các môn thâm tổng trì, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 35. Lúc tôi thành Phật, các người nữ trong vô lượng bất tư nghị ở mười phương vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm, nhằm ghét thân gái. Nếu sau khi mạng chung mà còn làm thân người nữ nữa, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 36. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương nghe danh hiệu tôi, vẫn thường tu phạm hạnh mãi đến thành Phật. Nếu chẳng đặng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 37. Lúc tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương nghe danh hiệu tôi, cúi đầu đánh lễ, nãi vốc gieo xuống đất, vui mừng tin mến tu Bồ tát hạnh, thời chư thiên và người đời đều kính trọng người đó. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 38. Lúc tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi muốn có y phục, thời y phục tốt đúng pháp liền theo tâm niệm của người đó mà tự nhiên đến trên thân. Nếu còn phải cắt may nhuộm giặt, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 39. Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi hưởng thọ sự vui sướng không như vị lậu tận Tỳ kheo, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 40. Lúc tôi thành Phật, các Bồ tát trong cõi nước tôi tùy ý muốn thấy vô lượng thế giới nghiêm tịnh của chư Phật ở mười phương, thời liền được thấy rõ cả nơi trong cây báu đúng theo ý muốn, như thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 41. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, từ đó nhẫn đến lúc thành Phật mà các sắc căn còn thiếu xấu, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 42. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, thấy đều được Giải thoát tam muội. Trụ tam muội đó, trong khoảng thời gian một niệm, cúng dường vô lượng bất tư nghị chư Phật Thế Tôn, mà vẫn không mất chánh định. Nếu chẳng như vậy thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 43. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung thác

sanh nhà tôn quý, nếu chẳng như vậy thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 44. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi vui mừng hơn hở, tu Bồ tát hạnh vẹn đủ công đức, nếu chẳng như vậy thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 45. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi đều đặng Phổ đặng tam muội, trụ tam muội này mãi đến lúc thành Phật, thường được thấy vô lượng bất tư nghị tất cả chư Phật. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 46. Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong cõi nước tôi muốn nghe pháp gì, thời liền tự nhiên đặng nghe pháp ấy. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 47. Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng được đến bậc bất thoái chuyển, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 48. Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, mà chẳng liền được đệ nhất Âm hưởng nhẫn, đệ nhị Nhu thuận nhẫn, đệ tam Vô sanh Pháp nhẫn, ở nơi Phật pháp chẳng liền được bậc Bất thoái chuyển, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

II. ĐẠI HẠNH

Trong *Vô Lượng Thọ* kinh, sau lúc tường thuật 48 điều hoằng nguyện của Pháp Tạng Bồ tát xong, đức Bổn sư phán tiếp:

Sau khi lập hoằng nguyện này rồi, Pháp Tạng Bồ tát chuyên chí trang nghiêm Tịnh độ. Cõi nước của người tu tạo rất rộng lớn tốt đẹp, siêu thắng hơn tất cả, y nhiên thường lập,

không hư, không đổi. Trong thời gian vô lượng bất tư nghị triệu tải kiếp, người gây trồng vô lượng đức hạnh Đại thừa. Không có tướng niệm: dục, sân, hại. Chẳng hề ham mê cảnh lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người thành tựu nhẫn lực không kể đến sự khổ nhọc. Lúc nào người cũng thiếu dục tri túc, không tham, không sân, không si. Tâm người thường yên lặng nơi chánh định, trí huệ vô ngại. Người không bao giờ có lòng dua dối. Nét mặt người luôn luôn vui vẻ, lời nói dịu dàng, niềm nở hỏi han. Chí nguyện luôn tinh tấn dững mãnh không hề nhàm mỏi. Người chuyên cần cầu lấy pháp trọn lành để lợi ích quần sanh. Với Tam Bảo thời người cung kính. Với Sư trưởng thời người phụng thờ. Người dùng công hạnh đại trang nghiêm hoàn mãn của người mà làm cho chúng sanh thành tựu công đức. Người quan sát các pháp đều như huyễn, như hóa, không tạo tác, không sanh khởi, luôn trụ trong môn giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện. Người xa hẳn lời nói thô tục: hại mình, hại người, mình người đồng hại. Người tu tập trọn nên lời nói hiền lành: lợi mình, lợi người, mình người đồng lợi. Người vất bỏ sự giàu sang, xa tránh những tài sắc. Người thực hành sáu pháp Ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, và dạy mọi người cùng thực hành. Người giáo hóa an lập vô số chúng sanh làm cho đều đứng vững nơi đạo Vô thượng Chánh giác. Vì độ chúng sanh mà người hiện thân trong mọi loài, cùng đồng hình thể, cùng đồng ngôn ngữ, để tùy cơ tùy thời mà dìu dắt...

Pháp Tạng Bồ tát có vô lượng công đức như vậy không thể kể hết. Người thực hiện hoàn thành những hồng nguyện của người đã lập: Người đã thành Phật hiệu là A Di Đà tại Cực Lạc thế giới, cách đây mười muôn ức cõi về hướng Tây, và hiện tại đang thuyết pháp nơi ấy...

LỜI PHỤ

Trong 48 điều hoằng nguyện, nguyện nào cũng đồng một mục đích đại từ bi:

Làm cho chúng sanh ở vĩnh viễn trong cảnh an vui hoàn toàn và bảo đảm chắc chắn trên con đường thành Phật.

Đến đại hạnh độ mình độ người để thực hiện bốn nguyện trên, trong ấy, bao nhiêu là sự dũng mãnh tinh tấn, bao nhiêu là sự kiên nhẫn cần lao. Kể sao xiết nơi hạnh thanh tịnh! Kể sao xiết nơi trí cao thượng! Không nệ khó, không nệ nhọc. Thật là làm những điều khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn.

Vì ai mà trong lúc tu nhơn, đức Từ Phụ ta phải trải qua thời gian vô lượng số kiếp cần khổ thực hành Bồ tát hạnh như thế? Chỉ vì chúng sanh! Vì để cứu khổ ban vui cho mọi loài, cho chúng ta thôi!

Nhơn hạnh của đức Từ Phụ chúng ta đã được biết. Giờ đây chúng ta nên đọc đến những trang kinh, mà nơi ấy, đức Bổn sư của chúng ta giảng về quả địa của Từ Phụ.

Thân tướng thù thắng của A Di Đà Phật và hai vị Bồ tát phụ trợ.

Cảnh Tịnh Độ trang nghiêm: “Cực Lạc thế giới”.

[1] Đại đức Tuyệt Tướng và Giác Nguyên Đại sư, người đời nhà Thanh (Xem lược sử ở quyển chư Tăng vãng sanh ở sau).

CHƯƠNG THỨ TƯ: THÂN TƯỚNG

Dưới đây là thuật theo lời của đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Phật Thuyết A Di Đà.

I. TƯỚNG HẢO CỦA A DI ĐÀ PHẬT

Thân của đức A Di Đà Phật như trăm nghìn muôn ức lần sắc vàng diêm phù đàn của trời Dạ Ma, cao sáu mươi muôn ức na do tha hằng hà sa do tuần ⁽¹⁾. Lông trắng giữa đôi mày uyển chuyển xoáy tròn về phía hữu như năm trái núi Tu Di. Đôi mắt trắng và xanh biếc phân minh như bốn đại hải. Các lỗ chân lông nơi thân đều phóng ánh sáng như núi Tu Di. Viên quang của Phật như trăm ức cõi Đại thiên. Trong viên quang có trăm muôn ức na do tha hằng hà sa vị Hóa Phật. Mỗi Hóa Phật lại có vô số hóa Bồ tát theo hầu.

Thân mình của đức Phật có tám muôn bốn nghìn tướng tốt, mỗi tướng có tám muôn bốn nghìn tùy hình hảo. Mỗi hình hảo có tám muôn bốn nghìn tia sáng. Mỗi tia sáng chiếu khắp thập phương thế giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ rời.

Sắc đẹp của những tia sáng, cùng với Hóa Phật, không thể dùng lời mà tả xiết...

Muôn quán tướng hảo của Phật, thời nên quán tướng lông trắng giữa đôi mày trước. Nếu tướng lông trắng hiện rõ, thời bao nhiêu tướng hảo khác, tự lần lượt hiển hiện.

II. QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Đức Quan Thế Âm là vị đại Bồ tát thường hầu cận phía tả của đức Từ Phụ, và Đại Thế Chí Bồ tát, vị hữu đực. Hai vị

Đại sĩ giúp đấng Từ Phụ những việc giáo hóa trong cõi, cùng phân thân khắp mười phương để cứu khổ mọi loài, và rước người có tịnh duyên về Cực Lạc Tịnh độ. Dưới đây là thân tướng thật của Bồ tát, thuật theo kinh Quán Vô Lượng Thọ. Ngoài ra những hình khác như người đời thường nhận thấy, đều là thân ứng hiện theo cơ cảm của chúng sanh thôi.

Thân của Quan Thế Âm Bồ tát cao tám mươi muôn ức na-do tha do tuần, da màu vàng tử kim. Trên đỉnh đầu có nhục kế. Có vàng sáng tròn mỗi phía rộng trăm nghìn do tuần. Trong vàng sáng tròn ấy có năm trăm vị Hóa Phật, mỗi vị Hóa Phật tướng tốt như Phật Thích Ca Mâu Ni và có năm trăm vị Hóa Bồ tát châu chực.

Toàn thân ánh sáng chiếu suốt mười phương, hình tướng của tất cả chúng sanh trong lục đạo đều hiện rõ bóng trong ánh sáng ấy.

Trên đầu Bồ tát có thiên quan. Trong thiên quan có một vị Hóa Phật cao hai mươi lăm do tuần.

Mặt Bồ tát sắc vàng diêm phù đàn.

Lông trắng giữa đôi mày đủ bảy màu báu đẹp, chiếu ra tám muôn bốn nghìn thứ tia sáng thấu khắp mười phương. Trong mỗi tia sáng có vô số vị Hóa Phật và vô số Hóa Bồ tát.

Cánh tay của Bồ tát màu như hoa sen hồng, tám mươi ức tia sáng đẹp kết thành chuỗi ngọc. Bàn tay năm trăm ức màu hoa sen hồng. Đầu ngón tay có tám muôn bốn nghìn lần chỉ. Mỗi lần chỉ, có tám muôn bốn nghìn tia sáng. Tia sáng ấy dịu dàng chiếu sáng mười phương.

Quan Thế Âm Bồ tát dùng bàn tay báu này tiếp dẫn chúng sanh về Cực Lạc.

Lúc Bồ tát cất chân lên, từ nơi nghìn xoáy chỉ ở lòng bàn chân tự nhiên hóa thành năm trăm ức quang minh đài. Lúc Bồ

tát để chân xuống thời tự nhiên bông kim cương như ý rưới khắp mọi nơi.

Muốn quán tướng hảo của Bồ tát, thời nên bắt đầu quán thiên quan trước, rồi sẽ tuần tự quán các tướng khác...

III. ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT

Thân lượng của Đại Thế Chí Bồ tát đồng như thân lượng của đức Quan Thế Âm Bồ tát. Viên quang nơi cổ mỗi phía rộng 125 do tuần, chiếu xa 250 do tuần. Ánh sáng của toàn thân màu vàng tử kim chiếu thấu thập phương thế giới, người có duyên liền được thấy. Chỉ thấy được ánh sáng nơi một lỗ chân lông của Bồ tát, thời liền được thấy quang minh tịnh diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương. Vì thế nên Bồ tát có hiệu là Vô Biên Quang.

Bồ tát dùng ánh sáng trí huệ chiếu khắp mọi loài, làm cho chúng sanh thoát khỏi tam đồ đặng thành vô thượng lực nên lại hiệu là Đại Thế Chí.

Thiên quan của Bồ tát có năm trăm bảo hoa. Mỗi bảo hoa có năm trăm bảo đài. Hình tướng những thế giới tịnh diệu của chư Phật ở mười phương đều hiện rõ bóng trong mỗi bảo đài.

Trên đỉnh đầu, nhục kế hình như hoa sen hồng. Trên nhục kế có một chiếc bình báu đầy ánh sáng. Ánh sáng trong bình chiếu ra thành những Phật sự. Ngoài ra những tướng hảo khác đều giống như đức Quan Thế Âm Bồ tát.

Lúc Đại Thế Chí Bồ tát đi thời chấn động cả thập phương thế giới ⁽¹²⁾. Chính chỗ đất động đó có năm trăm ức bảo hoa. Mỗi bảo hoa cao đẹp trang nghiêm như Cự Lạc thế giới.

Lúc Bồ tát ngồi, toàn cõi Cự Lạc đồng thời lay động. Từ thế giới của đức Kim Cương Phật ở Hạ phương đến thế giới của đức Quang Minh Vương Phật ở Thượng phương, trong đó vô lượng trần số phân thân của Vô Lượng Thọ Phật,

phân thân của Quan Thế Âm cùng của Đại Thế Chí tất cả đều vân tập nơi Cực Lạc thế giới, đông chật cả hư không. Mỗi phân thân đều ngồi tòa sen báu, đồng diễn nói diệu pháp, cứu khổ chúng sanh...

ÔNG LÝ TRIỆU ĐẢI

Lý Triệu Đải người Ung Châu, ông rất tin tưởng đức Đại Thế Chí Bồ tát và siêng niệm Phật.

Thân phụ của ông không tin Phật pháp, hay bài bác. Ít lâu, thân phụ ông bỗng mang bệnh thổ huyết chết.

Ông Đải lên cột tượng đức Đại Thế Chí bằng vàng cao ba thước (thước tàu) để hồi hướng cầu vong linh thân phụ được siêu độ. Ngày khởi sự trở tượng, khắp mặt đất bỗng rung động.

Hai tháng sau, cột tượng hoàn thành. Đêm ấy, trong khi ngủ, ông Đải thấy một người thân ánh sắc vàng, đầu đội thiên quan bảo rằng: “Ngươi biết đất rung động hôm trước đó là có chi không? Ta chính là Đại Thế Chí Bồ tát đây. Ngươi lên cột tượng nên ta đến chứng minh. Lúc ta bước chân đi thời cả đại thiên đều chấn động. Nhiều chúng sanh trong ác đạo được thoát khổ. Ta nương pháp môn niệm Phật mà chúng Vô sanh nhẫn, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật ở mười phương. Nhờ ngươi lên cột tượng và siêng niệm Phật, nên thân phụ ngươi được ra khỏi địa ngục, ta đưa tay dắt về Tịnh Độ.”

Nghe Bồ tát dạy xong, ông Đải vội cúi đầu đánh lễ. Chợt tỉnh giấc. Trong lòng vui mừng cảm động vô ngần. Từ đó sự tu niệm của ông càng tinh cần hơn.

[1] Na do tha: đồng với số ức của ta.

Hằng hà sa: một số lớn, nhiều như toàn số cát trong lòng sông Hằng.

Do tuần, có ba hạng: 40 dặm tâu, 60 dặm, 80 dặm.

[2] Dưới đây là một truyện tích trích trong bộ “Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược” để chứng thật lúc Bồ tát đi thời chấn động cả thế giới.

*

CHƯƠNG THỨ NĂM:

QUỐC ĐỘ

Trích thuật theo các kinh *Vô Lượng Thọ*, *Quán Vô Lượng Thọ*, kinh *A Di Đà*.

CỰC LẠC THẾ GIỚI

Định danh: Trong hội Kỳ Viên, đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Cõi đó vì sao gọi là Cực Lạc?”. Rồi đức Bồn sư tự giải thích: “Vì chúng sanh trong cõi đó không có các điều khổ, chỉ hưởng thuần những sự vui, nên gọi là Cực Lạc”.

A. CẢNH VẬT

BẢO ĐỊA

Toàn cõi Cực Lạc, đất lưu ly trong suốt. Phía dưới có tràng kim cương nâng đỡ. Tràng kim cương ấy tám góc đều đặn, mỗi mặt có trăm thứ bảo châu. Mỗi bảo châu phóng nghìn tia sáng. Mỗi tia sáng có 84.000 màu, chói đất lưu ly sáng như nghìn ức mặt trời. Mặt lưu ly bằng phẳng, có dây vàng ròng cùng thất bảo giăng phân khu vực và đường sá. Mỗi dây báu phóng tia sáng trăm màu. Tia sáng ấy hình như hoa, như sao, như trăng, chiếu lên kết thành đài sáng chói ở giữa chùng không. Bên những đài sáng ấy có trăm ức tràng hoa, cùng vô số nhạc khí. Từ trong đài sáng thổi ra tám thứ gió nhẹ mát, làm rung động những nhạc khí ấy reo lên tiếng diển nói pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Từ bi, Hỷ xả, các môn Ba la mật.

BẢO THỌ

Trên bảo địa có vô số cây Chiên đàn hương, vô số cây Kiết tường quả, ngay hàng thẳng lối, nhánh, lá, bông, trái đều

đạn chĩnh tề. Mỗi cây cao 8.000 do tuần. Thân, lá, bông, trái đều là chất thất bảo. Hoặc thứ cây thuần vàng, thuần bạc, thuần lưu ly, thuần pha lê, thuần xa cừ, thuần mã não, thuần chơn châu. Hoặc thứ cây gốc vàng thân bạc, nhánh lá bông trái cũng phân vàng bạc, đây là cây hai chất báu. Có thứ cây gốc vàng, thân bạc, nhánh lưu ly, lá bông trái cũng phân vàng, bạc, lưu ly, đây là cây ba chất báu. Hoặc thứ cây thời bốn chất báu, thứ thời năm chất báu, thứ thời sáu chất báu, thứ thời bảy chất báu, cũng xen lẫn nhau hiệp thành.

Tất cả Phật sự trong cõi Cực Lạc đều hiện rõ bóng trong cây, và cả thập phương thế giới cũng hiện bóng rõ trong cây, như trong gương sáng.

Mỗi lá rộng 25 do tuần, một nghìn màu, đồng phóng ánh sáng đẹp, làm gân lá như chuỗi ngọc.

Những bông xinh đẹp sắc vàng diêm phù đàn xen trong kẽ lá, sáng rõ như những vòng lửa. Trên bông tự nhiên có trái thất bảo hình như chiếc bình quý của Thiên Đế. Nơi trái phóng ra ánh sáng lớn tụ thành vô lượng tràng phan cùng bảo cái. Trong bảo cái ấy chói hiện tất cả Phật sự trong nước Cực Lạc cùng cả thập phương thế giới.

Bảy lớp lưới kết bằng diệu chơn châu giăng trên mỗi bảo thọ. Mỗi khoảng lưới có cung điện xinh đẹp như cung trời Phạm Vương. Trong cung điện tự nhiên có các Thiên đồng. Mỗi Thiên đồng đeo chuỗi năm trăm hạt ngọc ma ni. Mỗi hạt ma ni chiếu sáng trăm do tuần, làm cho trên cây chiếu sáng như trăm ức mặt trời mặt trăng hiệp lại.

BẢO TRÌ

Cực Lạc thế giới nơi nơi đều có ao tắm. Thành ao bằng thất bảo. Đáy ao trải cát kim cương nhiều màu. Ao rộng trăm nghìn do tuần xem như biển cả.

Mỗi ao có sáu mươi ức hoa sen thất bảo. Mỗi bông tròn lớn 12 do tuần, đủ các màu đẹp, màu nào chiếu ánh sáng màu nấy. Trong ao, nước bát công đúc từ như ý châu vương sanh, màu thất bảo, lên xuống theo cọng sen chảy lòn vào cánh bông. Tiếng nước chảy thanh tao diễn nói pháp mầu: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã, các môn Ba la mật.

Nơi như ý châu vương phóng ánh sáng sắc vàng ròng. Trong ánh sáng hóa thành các thứ chim đẹp đủ màu, bay lượn, kêu hót hòa nhã diễn nói pháp: Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề, Bát chánh đạo, cùng ca ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Mặt nước, làn sóng gợn lăn tăn, nổi lên nhiều tiếng diệu dàng: tiếng Phật, Pháp, Tăng; tiếng Không, Vô ngã, Đại từ bi; tiếng Ba la mật; tiếng Thập lực, Vô úy, Bất cộng; tiếng thần thông, trí huệ; tiếng vô tạo tác, bất sanh diệt, Vô sanh nhẫn; nhẫn đến tiếng cam lồ quán đảnh, cùng vô biên diệu pháp. Người nghe đến những tiếng này, tâm liền thanh tịnh, thiện căn thành thực, hẳn không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề.

Các thượng thiện nhơn, người Cực Lạc, lúc vào ao để tắm, nếu ý muốn ngập chân, thời nước chỉ ngập chân, nếu ý muốn nước đến bụng thời nước liền ngang bụng, cho đến ý muốn nước đến cổ thời mặt nước liền lên cao đến cổ. Nước ao tùy theo ý muốn của mỗi người mà sâu cạn, ấm mát điều hòa rất thuận thích. Người tắm, thân thể nhẹ nhàng khoan khoái, tâm thần vui vẻ tịch tịnh sáng suốt.

BẢO LÂU

Bốn phía ao báu, những thềm bậc đường sá do vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... hiệp thành. Trên có vô số cung điện nhiều tầng.

Những tòa lâu đài này đều bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... nhân đến vô lượng chất báu xây thành.

Giảng đường, tịnh xá, lâu các cung điện của Phật A Di Đà, của chúng Bồ tát, nhân dân, trăm nghìn muôn lần quý hơn cung điện của Tự Tại Thiên Vương nơi cõi Ta bà này.

Những đèn đài ấy, có thứ nổi lên ở giữa chừng không như mây, cao lớn tùy theo ý muốn của người ở. Có hạng không theo ý muốn mà trụ trên bảo địa. Đó là công hạnh tu hành sâu dày hay kém ít nên chỗ ở khác nhau như thế. Nhưng những sự hưởng dụng như ăn mặc v.v... đều bình đẳng.

Bốn phía đèn đài đều trang nghiêm với những hoa tràng cùng vô lượng nhạc khí. Gió mát nhẹ rung những nhạc khí ấy hòa reo thành tiếng pháp: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Từ bi, Hỷ xả, các môn Ba la mật.

BẢO TỌA

Cực Lạc thế giới, đức Phật, chư Bồ tát, cùng nhân dân đều ngồi trên tòa sen báu. Những tòa sen ấy, từ một chất báu, hai chất báu, nhân đến vô lượng chất báu hiệp thành, màu sắc đẹp lạ, quang minh sáng chói, lớn nhỏ xứng theo thân người ngồi.

Dưới đây là tòa sen báu của đức Phật ngự.

Tòa sen này có 84.000 cánh. Mỗi cánh rộng 250 do tuần, 100 màu. Trên mỗi cánh sen có 84.000 lần gân phóng ra 84.000 tia sáng. Xen vào mỗi cánh sen có trăm ức hạt châu ma ni. Mỗi hạt châu ma ni phóng nghìn tia sáng. Các tia sáng này kết tụ nhau lại như hình cây lọng.

Đài sen bằng chất Thích ca Tỳ lã già bảo. Trang nghiêm với tám muôn thứ ngọc kim cương, ngọc ma ni, cùng màn lưới kết bằng chơn châu.

Trên đài sen, tự nhiên có bốn trụ báu. Mỗi trụ báu cao đẹp như trăm nghìn muôn ức núi Tu Di. Trên đầu bốn trụ báu, màn lưới báu trùm giăng rộng lớn như cõi trời Dạ Ma. Màn lưới báu ấy có năm trăm ức hạt bảo châu. Mỗi bảo châu chiếu ra 84.000 tia sáng. Mỗi tia sáng ấy có 84.000 thứ kim sắc. Các sắc vàng ấy chói khắp mặt bảo địa, nơi nơi biến hóa thành những tướng trạng khác nhau: hoặc hóa ra đài kim cương, hoặc hóa ra lưới chơn châu, hoặc hóa làm những lùm mây hoa đẹp sáng v.v... hiện thành Phật sự ở khắp các nơi trong cõi Cực Lạc...

Khi giảng xong sự lớn đẹp vi diệu của tòa sen báu, đức Bồ đề sư kết rằng: tòa sen báu ấy có ra đó, là do nguyện lực thuở tiền thân của Phật A Di Đà, ngài Pháp Tạng Bồ tát.

B. NHÂN DÂN

LIÊN HOA HÓA SANH

Phàm thân hình có ra, ban sơ đều do thần thức gá vào một nơi để thành. Khác hẳn với người cõi Ta bà gá vào nơi bụng bà mẹ, người tu tịnh nghiệp lúc vãng sanh Cực Lạc thế giới, thời thân thể gá trong hoa sen báu nơi bảo trì mà hóa sanh. Tịnh Độ Luận nói: “Nhân dân thanh tịnh của đức Phật A Di Đà từ hoa báu trí giác hóa sanh”.

Lúc thần thức được Phật và Bồ tát rước về Cực Lạc liền gá vào hoa sen, khi hoa còn búp thời gọi là ở thai sen. Dầu thân hình chưa ra khỏi búp hoa, nhưng cảnh tượng và những sự hưởng thọ ở trong hoa đã vui đẹp hơn các cõi trời ở Ta bà.

Những hoa báu để thác sanh, sự quý đẹp có khác nhau, và thời gian hoa nở cũng chậm mau không đồng. Đó là vì công đức và trí huệ của mỗi thần thức thác sanh có hậu bậc cùng sâu cạn không đồng nhau.

Do sự không đồng này nên Cực Lạc thế giới có chín phẩm liên hoa: ba phẩm Thượng, ba phẩm Trung, ba phẩm Hạ.

Ba phẩm bậc Thượng thời liên hoa bằng chất kim cương, bằng vàng tử kim, hay huỳnh kim. Thời gian hoa nở vừa thác sanh liền nở, hay cách đêm, hoặc một ngày đêm. Đây là phần của những vị trước khi vãng sanh, tu hạnh Đại thừa, phát Bồ đề tâm, thâm ngộ diệu lý vô sanh, tự hành hóa tha, công đức dày, trí huệ sâu mà hồi hướng nguyện sanh về Cực Lạc thế giới.

Sáu phẩm dưới thời liên hoa bằng chất thất bảo. Thời gian hoa nở: hoặc nở liền, hoặc bảy ngày đêm, hoặc hai mươi một ngày hoặc bốn mươi chín ngày v.v...

Ba phẩm liên hoa bậc Trung, là phần của những người trai giới tinh nghiêm, cùng người hiếu thảo, những nhà từ thiện, mà dốc lòng cầu về Cực Lạc thế giới.

Ba phẩm bậc Hạ là phần của những người không biết tu tập, không biết làm lành, cho đến những kẻ ở đời gian ác, đến khi sắp chết, lúc hấp hối, mà biết ăn năn tội lỗi rồi chí tâm xưng niệm “Nam mô A Di Đà Phật” thiết tha cầu sanh Cực Lạc thế giới.

Cứ nơi chín phẩm liên hoa đây, thời thấy rằng Cực Lạc thế giới là chỗ đồng về của tất cả Thánh và phàm ở mười phương. Chẳng những là đạo tràng của các vị Đại thừa Bồ tát, của những bậc đại tâm Thanh văn, Duyên giác, của những người tinh tấn tu trì, của các nhà từ thiện làm lành tránh dữ, mà Cực Lạc thế giới cũng là gia hương của những kẻ tội ác; nhứt đến mọi loài. Nếu ai tin chắc chí tâm niệm Phật rồi hồi hướng cầu sanh thời đều được về cả, vì nhờ sức nhiếp thọ tiếp dẫn của đức Từ Phụ và chư Bồ tát. Chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch⁽¹⁾ và hủy báng Chánh pháp. Sau khi được vãng sanh Cực Lạc thời thành bậc thượng thiện, trụ bậc bất thoái, đồng dự hải hội.

Nơi Cự Lạc, người từ liên hoa hóa sanh. Phật Bồ tát và nhân dân đều ngồi tòa sen báu. Vì thế nên Cổ đức kêu Cự Lạc thế giới là Liên bang (cõi sen), gọi Thánh chúng là Liên Trì Hải Hội, đặt tông Tịnh độ là Liên tông, gọi hội niệm Phật là Liên xã, kêu bạn niệm Phật là Liên hữu (bạn sen)

THÂN THỂ

Nhân dân nơi Cự Lạc thế giới, thân kim cương từ hoa sen báu sanh ra, da màu huỳnh kim. Tất cả mọi người đều đủ 32 tướng hảo đại nhơn, đồng xinh đẹp như nhau.

Đức Bồ đề sư từng hỏi Tôn giả A Nan: “Như gã ăn mày đứng bên vị Đế vương, thời hình dung của hai người có giống nhau không?”

Tôn giả đáp: “Bạch Thế Tôn! Gã ăn mày hình dung xấu xí nhớp nhúa, đâu sánh với vị Đế vương được”.

Đức Bồ đề sư phán: “Vị Đế vương dầu là sang đẹp, nhưng sánh với Chuyển luân Thánh vương thời cũng như gã ăn mày. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Chuyển luân Thánh vương cũng không bằng Thiên Đế Thích ⁽¹²⁾. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Thiên Đế Thích cũng không bằng Tự Tại Thiên Vương. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Tự Tại Thiên Vương sánh không bằng các vị Thượng thiện nhơn nơi Cự Lạc thế giới, nhân dân của đức Phật A Di Đà”.

THUẦN VUI KHÔNG KHỔ

Nhân dân nơi Cự Lạc thế giới không có tất cả sự khổ, chỉ hưởng thuận những sự vui thanh tịnh.

Phàm những sự thống khổ của muôn loài nhiều đến vô lượng. Tóm lại thời có tám điều:

1.- Khổ khi sanh ra. 2.- Khổ khi già yếu. 3.- Khổ lúc bệnh. 4.- Khổ về sự chết. 5.- Khổ vì phải ly biệt người thân

mến. 6.- Khổ vì gặp phải kẻ oán thù. 7.- Khổ vì không được toại vọng. 8.- Khổ vì thân tâm đòi hỏi phóng túng.

Nơi Cực Lạc thế giới, người từ hoa sen báu sanh ra, thời là không “sanh khổ”. Thân kim cương luôn khương kiện trẻ đẹp, thời là không “lão khổ”, và không “bệnh khổ”. Thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp mãi đến bồ xứ thành Phật, thời là không “tử khổ”. Không cha mẹ vợ con, thời là không “ái biệt ly khổ”. Chư thượng thiện như thường chung cùng hội hiệp, thời là không “oán tắng hội khổ”. Cầu muốn điều chi hay vật chi đều liền được toại ý, thời là không “cầu bất đắc khổ”. Không thân kiến mà tâm luôn thanh tịnh, thời không “ngũ ấm xí thạnh khổ”.

Khổ gì có được ở thế giới, mà nơi ấy sự trang nghiêm thanh tịnh đã đến tuyệt đích!

Cực Lạc thế giới, ngoài các sự vui đẹp về vật chất như ăn mặc, ao tắm, nhà ở v.v... người Cực Lạc đồng được hưởng những điều vui cao quý hy hữu:

1. Thường được thấy Phật gần Phật; 2. Chư đại Bồ tát là thầy là bạn cùng chung hội hiệp; 3. Luôn được nghe tiếng diễn nói pháp mầu, không luận chỗ nào và lúc nào, nếu muốn nghe; 4. Thường được chư Phật hộ niệm; 5. Sống lâu vô lượng kiếp đồng với Phật; 6. Không còn lo bị đọa vào ác đạo. Ở Cực Lạc, danh từ ác đạo còn không có thay hưởng là sự thật! 7. Vĩnh viễn thoát ly luân hồi; 8. Thọ dụng tự nhiên, khỏi bận rộn bê trễ công phu hành đạo; 9. Được vào bậc chánh định không còn thoái thất đạo Vô thượng; 10. Hiện một đời thành Phật.

THỌ DỤNG TỰ NHIÊN

Cực Lạc thế giới từ cung điện đèn đài, bảo trì, bảo thọ cho đến tất cả vật dụng, đều bằng thất bảo tự nhiên hiện thành, không phải xây dựng tạo tác.

Người Cực Lạc lúc muốn mặc thời y phục đúng pháp tự nhiên ở trên thân.

Đến giờ ăn, nếu người muốn bát đĩa vàng, thời bát đĩa vàng liền hiện ra trước mặt. Người muốn bát đĩa bạc, hay bát đĩa lưu ly, thủy tinh, minh nguyệt châu, như ý châu v.v... thời bát đĩa đúng như ý muốn hiện ra trước mặt. Thức ăn thức uống thơm ngon đựng sẵn trong đĩa bát, vừa theo lượng người ăn không dư không thiếu. Ăn xong, bát đĩa tự ẩn đi, đến giờ ăn lại hiện đến, khỏi dọn khỏi cất. Vật thực vào thân tự nhiên tiêu tan lần, hóa thành hơi thơm theo lỗ chân lông tiết ra ngoài, không có cặn bã, tâm bổ thân thể thêm sự khỏe mạnh, tâm được an vui như bậc vô lậu.

TÂM TÁNH VÀ THẦN THÔNG

Cực Lạc thế giới, người đều trí huệ sáng suốt, biện tài vô ngại. Không một ai dung ngu. Lúc nghĩ tưởng, thời đều thuận là quan niệm đạo đức. Vì thế nên lời nói ra thuận là đúng Chánh pháp. Mọi người đều yêu kính nhau. Không tham, không sân, không si, không thân kiến. Các căn tịch tịnh, không phóng dật, không vọng duyên.

Người người đều đủ năm thứ thần thông:

1. Thiên nhãn thông, thấy suốt mười phương, người kém nhứt cũng thấy được trăm nghìn ức na do tha thế giới.

2. Thiên nhĩ thông, nghe thấu mười phương. Người kém nhứt cũng nghe được tiếng thuyết pháp của trăm nghìn ức na do tha đức Phật. Nghe rồi đều nhớ hiểu được cả.

3. Tha tâm thông, rõ biết tâm niệm của người khác, người kém nhứt cũng biết được những tâm niệm của các loài chúng sanh trong trăm nghìn ức na do tha thế giới.

4. Túc mạng thông, nhớ rõ những đời trước. Người kém nhút cũng biết rõ những việc trong trăm nghìn ức na do tha kiếp về quá khứ và vị lai.

5. Thần túc thông, trong khoảng thời gian một niệm đi khắp mười phương, người kém nhút cũng đi được trăm nghìn ức na do tha thế giới.

CÔNG VIỆC THƯỜNG NGÀY

Nhân dân Cực Lạc, mỗi sáng sớm, đem bông báu tươi đẹp cúng dường Bồn Phật (A Di Đà) và vô lượng chư Phật ở thế giới khác, nếu muốn cúng dường hoa hương, kỹ nhạc, hoặc muốn cúng dường y phục, bảo cái, tràng phan v.v... đương lúc ở trước chư Phật nơi thế giới khác, do oai thần nguyện lực của Phật A Di Đà, đồ cúng dường quý đẹp đúng theo ý muốn, liền hiện trên không nhóm lại như mây, rồi uyển chuyển nhẹ nhàng rơi xuống đạo tràng thành cúng dường. Lại còn dùng âm thanh vi diệu ca tụng công đức của chư Phật, kính nghe kinh pháp của chư Phật dạy. Cúng dường nghe pháp xong, bỗng nhiên nhẹ nhàng bay về, đến bổn quốc (Cực Lạc) vẫn còn trước giờ ăn.

Người Cực Lạc, sau khi dùng bữa xong đi kinh hành tư duy diệu pháp, hoặc niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Người Cực Lạc, sau khi tắm nơi bảo trì, rồi ngồi trên hoa sen báu tu tập đạo pháp.

Nơi Cực Lạc thế giới, người thời ở trên hư không mà giảng kinh, người thời tụng kinh, người thời tự thuyết kinh, người thời dạy kinh, người thời nghe kinh, người thời tư duy diệu nghĩa, người thời tọa thiền nhập định, người thời đi kinh hành v.v...

Hoặc có những người ở trên bảo địa mà giảng kinh, tụng kinh, thuyết kinh, dạy kinh, nghe kinh hay là tư duy diệu pháp, tọa thiền nhập định cùng đi kinh hành v.v...

Do sự hành đạo này, người chưa chứng tứ quả thời chứng tứ quả, người chưa nhập bất thoái địa thời chứng nhập bậc bất thoái...

ĐỨC VI

Ở Cực Lạc thế giới, mọi người đều trụ bậc Bất thoái chuyển, nghĩa là sau khi đã được sanh về cõi Cực Lạc, thời tất cả đều đứng vững nơi đạo Vô thượng Chánh giác không còn bị thoái chuyển lui sụt, tiến mãi đến bậc Nhất sanh bất tử (Đẳng giác) và thành Phật.

Được như trên, là vì ở Cực Lạc cảnh duyên trang nghiêm thanh tịnh, thuần một mặt giúp thêm sự tăng tấn cho đạo hạnh: (Bảy duyên lành dưới đây trích ở tập “Thập Nghi Luận” của Trí Giả Đại sư).

1. Thường được thấy Phật, được nguyện lực của Phật nhiếp trì. Như ở trên tàu to, không bị sóng nhồi nước đắm,

2. Quang minh của Phật thường chiếu đến thân, làm cho Bồ đề tâm tăng tấn. Như được ánh sáng mặt trời, khỏi sa hầm sụp hố.

3. Thường gần gũi Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, chư đại Bồ tát, được Bồ tát dắt dìu gia hộ, mọi người ở quanh mình đều thuần là bậc thượng thiện không tà sư ác hữu. Như gần đèn được sáng.

4. Nước, chim, cây, lưới, gió, nhạc, quang minh v.v... đều luôn diễn nói pháp mầu. Tai nghe tiếng pháp thời tâm liền thanh tịnh.

5. Đồ ăn thức uống, nước tắm rửa đều làm thêm lớn thiện căn.

6. Tâm ý trọn không kiến chấp vọng duyên, không ác niệm phiền não, chánh niệm thường hiện tiền.

7. Thân thể lại là kim cương bất hoại. Không già yếu, không tật bệnh, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Không bị già bệnh làm trở ngại công phu. Khởi phải vô thường làm gián đoạn đạo hạnh.

Đủ các thắng duyên như trên thời có thể nào thoái thất đạo tâm mà không quyết định thành Phật.

Như trong kinh *Di Đà* nói: “Chúng sanh sanh về Cực Lạc thế giới đều là bậc Bất thoái chuyển”. Lại nói: “Những người nguyện về Cực Lạc thế giới, đều được bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề”.

Trong *Khởi Tín Luận* có lời: “Người sanh về Cực Lạc vì thường được thấy Phật, nên trọn không thoái chuyển”.

*

LỜI PHỤ

Pháp môn Tịnh độ ngoài công hạnh chuyên niệm Phật rất trọng nơi “Tín” và “Nguyện”.

Rõ biết như địa cùng quả địa của đức Phật và hai vị Đại sĩ, đấng Cha lành cùng những bậc Thầy sáng suốt của ta sau này, ta đã nhận chắc rằng: Từ bi nguyện lực của các Ngài đương ôm trùm lấy ta, quang minh của các Ngài đương soi phủ lấy ta cùng tất cả những người niệm Phật, do đó lòng tin tưởng của ta sẽ nồng hậu sâu chắc.

Hiểu rành cảnh Cực Lạc vi diệu trang nghiêm là gia hương vĩnh viễn của ta sau này, biết rõ thân tâm của người Cực Lạc thanh tịnh siêu thoát, mà cũng sẽ là báo thân trường tồn của ta, do đó nguyện vọng của ta sẽ tha thiết mãnh liệt.

“**Tín tâm**” đã sâu, “**chí nguyện**” đã thiết, tất **công hạnh** của ta cũng tự chuyên cần. Như thế chín phẩm sen vàng ta đã nắm phần chắc trong tay rồi.

Huống nữa nếu ai được xem nghe y báo và chánh báo ở Cực Lạc thế giới rồi thiết tha ham mộ muốn về, luôn luôn khẩn nhớ rành rẽ nơi lòng không một giây xao lãng, tất sẽ được thành tựu quán hạnh. Hiện tiền được thấy cõi Tịnh độ cùng Phật và Bồ tát, lâm chung sẽ vãng sanh Thượng phẩm.

Vì có những lợi ích lớn như vậy, nên đức Bôn sư nhiều lần thuật đi nhắc lại trong các pháp hội như khi thuyết kinh: *Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bảo Tích, Bi Hoa, Tiểu bốn Di Đà* v.v... Đây đủ nhứt là những pháp hội thuyết *Quán Kinh* và *Vô Lượng Thọ kinh*.

Nơi các quyển sau của bộ “*Đường về Cực Lạc*” này, chúng ta sẽ được đọc những truyện tích của những người trước ta đã được các sự kết quả tốt đẹp như vừa kể ở trên.

Mong mọi người đều trân trọng chú tâm nơi các chương Thân tướng, Quốc độ.

[1] Ngũ nghịch tội: 1-Giết cha, 2- Giết mẹ, 3- Hại Phật, 4-Giết Thánh nhơn, 5- Phá Tăng.

[2] Nói đủ là Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn, vua cõi trời Đao Lợi. Tục gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

*

CHƯƠNG THỨ SÁU:

CHƯ ĐẠI BỒ TÁT KHUYÊN NGƯỜI NIỆM PHẬT VÀ NGUYỆN SANH

I - ĐẠI THỂ CHÍ

Đức Đại Thế Chí Bồ tát do niệm Phật mà chứng Viên thông, nhân đến tu Bồ tát đạo giáo hóa chúng sanh đều không rời pháp môn niệm Phật. Chúng ta nên cố gắng noi theo người.

Trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, lúc đức Bồ đề sư hỏi về nguyên do chúng nhập viên thông của Thánh chúng, đức Đại Thế Chí Bồ tát bạch rằng: “Tôi nhớ lại hằng hà sa số kiếp về trước Đức Siêu Nguyệt Quang Như Lai dạy cho tôi pháp Niệm Phật tam muội.

Ví như có hai người: A thời nhớ B mãi, còn B thời quên A mãi. Hai người như vậy, dầu gặp nhau cũng thành không gặp, dầu thấy nhau cũng như không thấy. Nếu hai người tha thiết nhớ nhau, thời đời đời gần nhau như hình với bóng.

Chư Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con cứ trốn lánh, thời mẹ dầu có nhớ cũng không làm sao được. Nếu con cũng nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thời mẹ con đời đời không xa nhau.

Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật thời hiện tiền cùng đương lai quyết định thấy Phật, gần kề bên Phật, không cần tu trì phương pháp chi khác mà tự đặng minh tâm kiến tánh. Như người ướp hương, thời thân có mùi hương, đây gọi là Hương quang trang nghiêm.

Ngày trước lúc tôi tu nhơn, do tâm niệm Phật mà được chứng nhập Vô sanh nhẫn. Nay ở thế giới này, nhiếp người niệm Phật về Tịnh độ.

Đức Thế Tôn gạn viên thông, cứ nơi tôi, thời đều nhiếp cả sáu căn tịnh niệm nói luôn, đặng thành chánh định đây là đệ nhất.

(Thuật theo kinh Thủ Lăng Nghiêm)

*

LỜI PHỤ

Kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Do lòng đại bi muốn cứu vớt tất cả chúng sanh mà có Bồ đề tâm, do Bồ đề tâm mà thành Chánh giác”.

Gốc từ lòng đại bi mà thành Phật, nên lòng của Phật, hay đức Từ Phụ ta, không bao giờ rời ta và tất cả chúng sanh. Nếu ta chuyên chí muốn được gặp Phật mà tưởng Phật và niệm Phật luôn, tất sẽ được thấy Phật, sẽ được gần Phật.

Như lời Bồ tát dạy: Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, thời hiện tiền cùng đương lai quyết định thấy Phật gần Phật. “Hiện tiền”... là hiện tại do tâm niệm Phật thuần thực mà được tương ứng với Phật, nên trong lúc tâm tịnh được thấy Phật hiện đến, hoặc thân du Tịnh độ lễ Phật.

“Đương lai”... là đời sau sanh về Tịnh độ ở gần bên Phật. Thấy Phật, nghe lời Phật dạy, tự nhiên trí huệ sáng thông, thấu suốt bốn tâm, chứng nhập Vô sanh nhẫn.

Người chí tâm niệm Phật, dầu chưa thành Phật mà đã có công đức của Phật. Như ta ướp hương, thân ta chưa phải là hương mà đã có mùi thơm của hương.

Vì các lẽ trên, nên các Thánh hiền đều tán thán pháp môn niệm Phật là giản dị siêu thắng trong tất cả pháp môn. “Giản dị”, vì hạng nào cũng có thể thực hành được, “siêu thắng”, vì mau siêu phàm nhập Thánh, công ít mà quả cao, lại chắc chắn sẽ thành Phật.

Bồ tát dạy: “Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con”. Cảm động thay!

Chúng ta nên thiết tha nhớ Phật và chí tâm niệm Phật, chớ nữ phụ lòng nhớ thương của Phật!

II - PHỔ HIỀN

Giữa pháp hội Hoa Nghiêm, trước vi trần số đại Bồ tát cùng chúng đại Thanh văn và vô lượng nhơn, thiên, bát bộ, dưới sự chủ tọa chứng minh của đức Bổn sư Thế Tôn. Phổ Hiền Bồ tát khi ca tụng công đức của Phật xong, ngài nói với đại chúng và Thiện Tài đồng tử rằng: “Này các Ngài! Nếu người nào muốn thành tựu công đức của Phật, phải tu mười môn hạnh nguyện rộng lớn: một là “lễ kính chư Phật”, hai là “xung tán Như Lai”, ba là “quảng tu cúng dường”, bốn là “sám hối nghiệp chướng”, năm là “tùy hỷ công đức”, sáu là “thỉnh chuyên pháp luân”, bảy là “thỉnh Phật trụ thế”. Tám là “thường tùy Phật học”, chín là “hằng thuận chúng sanh”, mười là “phổ giai hồi hướng”.

Nếu các vị Bồ tát tùy thuận vào nơi mười đại nguyện này, thời có thể thành tựu tất cả chúng sanh, thời có thể tùy thuận Vô thượng Chánh giác và có thể thành tựu hoàn mãn các hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ tát.

Hoặc lại có người thâm tín mười đại nguyện này, rồi thọ trì đọc tụng, nhẫn đến biên chép cùng giảng nói cho mọi người, người này sẽ được vãng sanh Cực Lạc. Đến giờ lâm chung căn thân đều hư hoại; thân thuộc, danh vị, quyền thế,

tiền tài v.v... tất cả đều bỏ lìa, duy có đại nguyện này không rời người. Trong một sát na, nó dẫn đạo cho người sanh về Cực Lạc thế giới, liền được thấy đức A Di Đà Phật, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát, Quán Tự Tại Bồ tát, Di Lạc Bồ tát v.v... Người ấy tự thấy mình sanh trong hoa sen báu, được đức Phật thọ ký. Được thọ ký rồi, từ đó đến vô số trăm nghìn muôn ức na do tha kiếp, người dùng trí huệ tùy thuận tâm tánh của chúng sanh trong vô lượng vô số thế giới của mười phương mà làm cho được lợi ích. Không bao lâu người ấy sẽ ngồi đạo tràng Bồ đề, hàng phục quân ma thành bậc Vô thượng Chánh giác, chuyên đại pháp luân, nhẫn đến làm lợi ích cho tất cả chúng sanh cùng tận thuở vị lai...

Kê đó ngài xướng kệ rằng:

*Nguyện tôi đến lúc mạng sắp chết
Trừ hết tất cả những chướng ngại
Diện kiến đức Phật A Di Đà
Liền được vãng sanh nước Cực Lạc.
Tôi đã vãng sanh Cực Lạc rồi
Hiện tiền thành tựu đại nguyện này
Viên mãn tất cả không còn thừa
Lợi lạc hết thấy chúng sanh giới.
Chúng hội của Phật đều thanh tịnh
Tôi liền thác sanh trong hoa sen
Nhìn thấy Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ký tôi thành Phật
Được đức Như Lai thọ ký rồi
Hóa vô số trăm câu chi thân
Trí lực rộng lớn khắp mười phương
Lợi khắp tất cả chúng sanh giới.*

Và sau cùng, Phổ Hiền Bồ tát kết thời thuyết pháp ấy bằng bài kệ hồi hướng công đức, nguyện cho mọi loài đồng về Cực Lạc.

*Thắng hạnh Phổ Hiền của tôi đây
Thắng phước vô biên đều hồi hướng
Nguyện cho những chúng sanh trôi chìm
Mau sanh cõi Vô Lượng Quang Phật.*

Bồ tát dứt lời đức Bản sư liền khen rằng: “Thiện tai! Thiện tai!”.

(Trích Hoa Nghiêm kinh Hạnh Nguyện phẩm)

*

LỜI PHỤ

Pháp hội Hoa Nghiêm, một pháp hội lớn nhất và viên mãn nhất trong một đời ứng thế của đức Bản sư. Phổ Hiền, vị đại Bồ tát thượng thủ của pháp hội này. Chúng hội là những bậc Đại thừa viên giáo, trụ bất tư nghị giải thoát cảnh giới.

Đức Phổ Hiền tự nguyện, và dẫn đạo toàn thể chúng hội đồng nguyện cùng về Cực Lạc thế giới để mau viên mãn phước huệ, chóng chứng quả Vô thượng Bồ đề, và chỉ có cứu cánh Phật quả mới độ sanh được viên mãn rốt ráo.

Do đây thấy rằng, Cực Lạc thế giới là một đại học đường bảo đảm mau thành Phật, nên chư vị đại Bồ tát mới đồng nguyện cùng về như vậy.

III - ĐỨC PHỔ HIỀN DẠY TU NIỆM PHẬT TAM MUỘI

(Thuật theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới)

... Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập vào chánh định Như Lai bất tư nghị cảnh giới. Phổ Hiền Bồ tát nói với Đức Tạng Bồ tát

rằng: “Nếu ai phát Bồ đề tâm muốn chứng chánh định này, trước phải tu trí huệ. Vì chánh định này do trí huệ mà đặng.

Đây là tu trí huệ: Phải xa lìa vọng ngôn ý ngữ và những sự tán loạn vô ích. Rồi đến Phật điện, xem tượng Phật thuần vàng, hay tượng Phật thép vàng, đủ các tướng tốt cùng viên quang hóa Phật. Liền cúi đầu đánh lễ mà suy nghĩ như vậy: “Tôi nghe Đức A Di Đà hiện tại đương thuyết pháp ở Tây phương Cực Lạc thế giới”. Rồi lòng tôn kính tin mến, tưởng hình tượng ấy là thân thiết của đức Phật. Hết lòng kính ngưỡng như đức Phật hiện đến. Rồi nhứt tâm nhìn kỹ từ trên đánh tướng đến dưới bàn chân.

Nhìn xong, đi qua chỗ vắng vẻ ngồi ngay thẳng, quán tưởng đức Phật hiện ra cao lớn chừng một tay. Trong tâm phải khẩn nhớ luôn chớ để quên mất. Nếu tạm quên, thời đến Phật điện mà chăm nhìn lại. Lúc nhìn xem như vậy, lòng phải hết sức cung kính như đối Phật thiết, không để có quan niệm là hình tượng. Rồi sắm hoa đẹp, hương thơm dâng cúng. Nhứt tâm tưởng là đức Phật ở trước mình. Và nghĩ rằng: đức Phật Thế Tôn là bậc Nhứt thiết trí, ngài thấy tất cả, nghe tất cả, chắc ngài biết rõ tâm mình.

Khi quán tưởng thành, liền trở về chỗ vắng, ngồi tưởng nhớ mãi không quên. Nhứt tâm siêng tu đủ 21 ngày, nếu là người phước đức thời bèn thấy đức Như Lai hiện ra.

Hoặc là người đời trước có gây tạo ác nghiệp mà chẳng đặng thấy Phật nếu có thể chuyên cần tu tập không thoái tâm và không móng tưởng việc khác, thời rồi lại mau được thấy Phật.

Vì rằng nếu ai cầu Vô thượng Bồ đề mà chuyên tu một pháp thời đều thành tựu cả. Như người uống một ngụm nước biển, tức là đã được nếm nước của tất cả con sông trong đại địa. Bồ tát nếu có thể tu tập pháp môn này, thời là đã tu tất cả tam muội, các nhẫn, các địa, các môn đà la ni. Vì thế, phải nên

thường siêng tu tập, chớ có biếng trễ, chớ nên phóng dật, nhứt tâm tưởng niệm cho được hiện tiền thấy Phật.

Lúc được thấy Phật, lại nên nhận biết là tâm tưởng sanh, là duy tâm hiện, bình đẳng không sai khác. Tâm mình làm tâm Phật, rời tâm không Phật. Nhấn đến thập phương chư Phật cũng vậy, đều chỉ y tự tâm. Bồ tát nếu có thể thấu rõ chư Phật và tất cả pháp đều là duy tâm, thời đặng chứng tùy thuận nhấn hoặc nhập sơ địa. Lúc lâm chung được sanh về Cực Lạc Tịnh độ, thường được thấy Phật, gần Phật, nghe pháp và cúng dường Phật.

*

LỜI PHỤ

Pháp môn niệm Phật có bốn: A.- Thật tướng niệm Phật; B.- Quán tưởng niệm Phật; C.- Quán tượng niệm Phật; D.- Trì danh niệm Phật.

Một môn A thuộc về lý niệm. Ba môn dưới thuộc về sự niệm gồm cả lý niệm.

Bài trên, Phổ Hiền Bồ tát dạy quán tượng trước, kế tưởng niệm. Và sau cùng, khi quán hạnh đã thành, tấn niệm thật tướng, tức là duy tâm bình đẳng. Đây là trước thành tựu sự tam muội, sau chứng lý niệm Phật tam muội.

Ở *Tiểu Bản* kinh, đức Bổn sư dạy môn **Trì danh niệm Phật**. Chấp trì danh hiệu đến nhứt tâm bất loạn là được sự niệm Phật tam muội, đạt “niệm tức vô niệm” là chứng lý tam muội. Kết quả đồng bậc với môn quán hạnh trên. Nhưng nơi dụng công tu tập thời môn trì danh có phần giản tiện hơn. “**Giản**”, là vì hồng danh có sáu chữ hay bốn chữ dễ nhớ rõ không phải nhiều như các tướng hảo khó nhớ. “**Tiện**” là vì có thể được nghe hồng danh bất cứ ở chỗ nào và lúc nào, không

phải cứ nơi Phật điện và phải thật sáng như quán tượng. Và lại trì danh, niệm thầm cũng được, niệm ra tiếng cũng được. Nhờ niệm ra tiếng, nên có thể thực hành ở nơi ồn ào. Chớ quán tượng quyết phải ở nơi vắng lặng.

Vì các lẽ trên, nên môn quán hạnh phải là bậc thượng trí mới chắc thành tựu. Còn môn trì danh có thể thích hợp với tất cả mọi hạng người, và bất cứ ai, nếu chuyên tâm thiết thiết thực hành đều thành tựu được cả. Chúng ta sẽ được thấy sự chứng nghiệm trong những tiểu sử của các nhà niệm Phật ở quyển sau.

Như lời Bồ tát dạy: **“Nếu ai cầu Vô thượng Bồ đề, mà chuyên tu một pháp thời đều thành tựu cả”**. Thế là vì muốn thành Phật để độ sanh mà chuyên niệm Phật vậy.

Nếu ta muốn thành công nơi Pháp môn niệm Phật, nghĩa là muốn chứng tam muội vắng sanh Cực Lạc, tất phải tuân theo lời dạy của Bồ tát: A- **“Lập chí cầu thành Phật”**. B- **“Chuyên cần tu niệm Phật”**.

III - VĂN THÙ SỰ LỢI

Đức Văn Thù Sư Lợi là một vị Bồ tát. Trong thời kỳ đức Bổn sư ứng thế, ngài là vị thượng thủ trong hàng Bồ tát chúng, mà cũng là thượng thủ cả chúng hội. ngài thường vì chúng hội mà khai thỉnh nơi đức Bổn sư. Ngài cũng là người thường thay mặt đức Bổn sư mà khai thị diệu pháp cho chúng hội.

Dưới đây là lời của ngài khuyến tấn chúng hội nên thường niệm Phật, trích trong kinh Quán Phật tam muội Hải.

Lúc đức Thế Tôn giảng pháp Quán Phật tam muội xong. Văn Thù Sư Lợi Bồ tát bảo đại chúng rằng:

Về thuở quá khứ, thời kỳ Phật Bửu Oai, đồng tử Giới Hộ, con trai của một ông trưởng giả, từng thọ pháp Tam quy khi còn ở trong thai mẹ. Năm lên tám, một hôm cha mẹ thỉnh đức

Phật Bửu Oai về nhà cúng dường. Đồng tử Giới Hộ thấy đức Phật cử chỉ đoan trang đi chậm rãi, dưới chân Phật, mỗi bước mọc hoa sen, thân Phật tỏa ánh sáng rực rỡ, thời mừng rỡ cung kính, liền cúi đầu đánh lễ. Lễ Phật rồi, đồng tử chí thành chăm nhìn Phật không rời.

Đồng tử Giới Hộ nhơn vì một lần được thấy Phật và nhìn Phật đó mà tiêu trừ được tội sanh tử của trăm nghìn ức na do tha kiếp. Từ đó về sau, đời đời luôn được gặp chư Phật, nhiều đến số trăm ức na do ha hằng hà sa đức Phật. Các đức Thế Tôn ấy đều giảng dạy pháp Quán Phật tam muội đúng như lời của đức Bổn sư vừa giảng hôm nay.

Sau đó, có trăm vạn đức Phật ra đời đồng một hiệu Chiên Đàn Hải. Đồng tử châu chực khắp tất cả chư Phật, thường lễ Phật, cúng dường, chấp tay nhìn Phật. Do công đức quán Phật, nên rồi lại được gặp trăm vạn a tăng kỳ đức Phật liền chứng được trăm vạn ức Niệm Phật tam muội, chứng được trăm vạn a tăng kỳ triền đà la ni môn. Khi đồng tử đã chứng các môn tam muội và đà la ni, chư Phật liền hiện thân thuyết vô tướng pháp cho. Khi đồng tử được nghe vô tướng pháp, trong giây lát bèn chứng đặng Thủ Lăng Nghiêm tam muội.

Thuật xong, đức Văn Thù Sư Lợi Bồ tát kết luận: “Đồng tử Giới Hộ tối sơ do nhờ thọ pháp Tam quy, một lần chí thành lễ Phật, quán Phật, tâm không mỗi nhàm, nên rồi được gặp vô số chư Phật. Huống là người chuyên lòng luôn tưởng nơi Phật!

Đồng tử Giới Hộ đó không phải ai đâu lạ, chính là tiền thân của tôi đấy!”.

Văn Thù Bồ tát nói dứt lời, đức Bổn sư phán với ngài A Nan: “Ông nên đem lời của Văn Thù Sư Lợi nói lại cho khắp cả đại chúng và tất cả vô số đời sau.

Nếu ai có thể lễ Phật, ai có thể niệm Phật, ai có thể quán Phật, thời người ấy sẽ đồng với Văn Thù Sư Lợi Bồ tát”.

Cũng như Phổ Hiền, Văn Thù Bồ tát từng có lời tự nguyện về Cực Lạc thế giới, chép trong kinh *Văn Thù Phát Nguyện*.

Nguyện ngã mạng chung thời

Diệt trừ chư chương ngại

Diện kiến A Di Đà

Vãng sanh Cực Lạc quốc

Sanh bỉ Phật quốc dĩ

Thành mãn chư đại nguyện

A Di Đà Như Lai

Hiện tiền thọ ngã ký

Nghiêm tịnh Phổ Hiền hạnh

Mãn túc Văn Thù nguyện

Tận vị lai tế kiếp

Cứu cánh Bồ tát hạnh.

IV - HAI ĐẠI THÁNH ỨNG TÍCH

(Trích ở bộ Tổng Cao Tăng và Lạc Ban Văn Loại)

Đời Đường, ngài Thích Pháp Chiếu trụ trì chùa Vân Phong ở Hoàn Châu, hàng ngày tinh tấn tu hành không bê trễ.

Năm Đại Lịch thứ hai, một buổi sáng nọ, ngài thấy trong bát cháo nơi nhà Tăng hiện bóng mây lành năm màu. Trong mây hiện ra một cảnh chùa, hướng Đông Bắc ngõ chùa có dãy núi, chân núi có khe nước, phía Bắc của khe có một cửa ngõ bằng đá, trong ngõ đá lại có một ngôi chùa to để hiệu Đại Thánh Trúc Lâm Tự.

Ít hôm sau, ngài lại thấy trong bát cháo hiện cảnh chùa, vườn, ao, lầu đài đồ sộ, và một vị Bồ tát ở trong đó.

Ngài mới đem cảnh tượng đã thấy mà hỏi cùng các bậc trí thức.

Một Đại đức bảo: “Việc biến hiện của chư Thánh khó nghĩ bàn được. Nhưng nếu luận về thế diện phương hướng núi sông, thời đó là cảnh Ngũ Đài Sơn”.

Nghe Đại đức nói, ngài có ý muốn viếng cảnh Ngũ Đài Sơn.

Năm Đại Lịch thứ tư, ngài Pháp Chiếu gặp một cụ già bảo: “Ông từng có ý muốn đến Kim Sắc thế giới (Ngũ Đài) để kính lễ Đại Thánh (Văn Thù), sao đến nay vẫn chưa đi?”. Ngài bèn cùng với các pháp hữu đi Ngũ Đài.

Năm Đại Lịch thứ năm, ngày mùng sáu tháng tư thời đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào lối canh tư, ngài bỗng thấy ánh sáng lạ từ xa xẹt đến chiếu mình ngài. Ngài liền nhắm theo tia sáng mà đi. Đi được năm mươi dặm thời đến một dãy núi, dưới chân núi có khe, phía Bắc của khe có ngô đá. Nơi ngô có hai đồng tử đứng chực sẵn xung tên là Thiện Tài và Nan Đà. Hai đồng tử dắt ngài đến một ngôi chùa to, trên bảng đề hiệu Đại Thánh Trúc Lâm Tự, đất vàng, cây báu rất trang nghiêm. Giống hệt như cảnh đã thấy trong bát cháo lúc trước.

Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy phía Tây thời đức Văn Thù, phía Đông thời đức Phổ Hiền, hai vị đại Bồ tát đều ngự trên tòa cao lớn, đương thuyết pháp cho một vạn vị Bồ tát.

Ngài Pháp Chiếu cung kính đến trước tòa đánh lễ rồi bạch rằng: “Phàm phu thời mạt pháp, cách Phật đã xa, chương sâu nghiệp nặng, phước mỏng trí cạn. Dầu sẵn đủ Phật tánh, nhưng không sao phát hiện được. Phật pháp quá mêh mông, chưa rõ nên tu pháp môn nào cho thích hợp?”.

Đức Văn Thù dạy: “Nay ông niệm Phật chính là phải lúc. Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật cả. Rồi

thêm cúng dường Tam Bảo, gồm tu cả phước và huệ ⁽¹⁾. Hai môn này rất là thiết yếu.

Về thuở quá khứ, nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Phật, mà ta chứng đặng Nhứt thiết chủng trí.

Vì thế nên tất cả các pháp môn: Bát nhã Ba la mật, thậm thâm thiền định, đến như Phật cũng đều từ niệm Phật mà sanh. Do đây nên biết, niệm Phật là vua trong các pháp môn”.

Ngài Pháp Chiếu bạch: “Nên niệm Phật như thế nào?”.

Đức Văn Thù dạy: “Hương Tây của thế giới này có đức Phật A Di Đà, giáo chủ cõi Cực Lạc. Nguyên lực của đức Phật ấy không thể nghĩ bàn. Ông nên chuyên niệm đức Phật A Di Đà cho được không gián đoạn, đến lúc lâm chung quyết định vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển đạo Vô thượng”.

Dứt lời, hai vị Đại Thánh đồng đưa tay vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu mà phán rằng: “Nhơn vì ông niệm Phật, không bao lâu ông sẽ chứng quả Vô thượng Bồ đề. Nếu thiện nam tín nữ nào nguyện mau thành Phật, không gì qua niệm Phật. Niệm Phật quyết mau chứng quả Vô thượng Bồ đề”.

Hai Đại Thánh thọ ký xong, ngài Pháp Chiếu vui mừng đánh lễ, rồi từ tạ lui ra.

Hai đồng tử đưa ngài ra khỏi ngõ chùa, ngài ngược đầu ngó lại, bỗng người, cảnh đều biến mất. Ngài bèn dựng đá đánh dấu chỗ ấy rồi trở về chùa Phật Quang.

Đến ngày 13 tháng tư, ngài đi cùng năm mươi vị Tăng, đồng đến hang Kim Cương thành tâm đánh lễ danh hiệu của 35 đức Phật. Ngài Pháp Chiếu lễ vừa được 10 bận, bỗng tự thấy hang Kim Cương rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, có cung điện bằng lưu ly, thấy đức Văn Thù cùng đức Phổ Hiền đồng ngự trong ấy.

Hôm khác, ngài Pháp Chiếu đi riêng một mình đến hang Kim Cương cầu nguyện cho thấy Đại Thánh, rồi gieo mình rập lay. Ngài bỗng thấy Thánh Tăng tự giới thiệu là Phật Đà Ba Lợi dắt ngài vào một viện, bảng đề Kim Cương Bát Nhã Tự. Toàn viện báu đẹp trang nghiêm ánh sáng chiếu lấp lánh.

Dầu đã nhiều lần thấy sự linh dị, nhưng ngài vẫn chưa thuật với ai cả.

Tháng Chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm. Ngài tuyệt thực nguyện vãng sanh Tịnh độ. Đến ngày thứ bảy, đầu hôm, đương lúc niệm Phật, ngài thấy một Thánh Tăng vào bảo rằng: “Ông đã được thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao ông không truyền cho đời được cùng biết!”. Nói xong, Thánh Tăng liền ẩn.

Rạng đông, ngài lại thấy Thánh Tăng vào bảo như hồi đầu hôm. Ngài mới đáp: “Chẳng phải là tôi có lòng dấu kín Thánh đạo, chỉ sợ rằng nói ra người đời không tin mà sanh sự chê bai thôi!”.

Thánh Tăng bảo: “Đức Đại Thánh Văn Thù hiện tại ở Ngũ Đài mà còn không khỏi có người hủy báng. Ông nên đem các cảnh giới mà ông được thân thấy ở Ngũ Đài, truyền khắp với mọi người, làm cho mọi người được nghe biết mà phát Bồ đề tâm”.

Ngài Pháp Chiếu tuân lời, nhớ kỹ lại những sự đã thấy, rồi chép ra truyền cho mọi người.

Năm sau, ông Thích Huệ Tùng với chư Tăng chùa Hoa Nghiêm đi cùng ngài Pháp Chiếu đến hang Kim Cương lễ Phật, rồi đến chỗ dựng đá lúc trước để chiêm ngưỡng cự tích. Mọi người đương ngưỡng vọng ngậm ngùi, bỗng đồng nghe tiếng hồng chung từ vách đá vang ra, tiếng chuông ngân nga, nhật khoan rành rẽ. Ai nấy đều lấy làm lạ và đồng công nhận những lời thuật của ngài Pháp Chiếu là thật.

Nhơn vì muốn người đời phát đạo tâm, nên Tăng chúng khắc sự tích của ngài Pháp Chiếu được thấy vào vách đá.

Ít năm sau, chư Tăng lại dựng một kiếng chùa ngay nơi chỗ ngài Pháp Chiếu đánh dấu, để hiệu là Trúc Lâm Tự, nơi mà ngài Pháp Chiếu được đức Văn Thù cùng đức Phổ Hiền giảng dạy và thọ ký lúc trước.

(Về sự tu trì và hoằng hóa của ngài xem nơi chương “Liên Tông chư Tổ”).

*

LỜI PHỤ

Đức Văn Thù Bồ tát dạy: “Các môn tu hành, không môn nào qua môn niệm Phật cả”. Và ngài lại dạy: “Niệm Phật là vua trong các pháp môn”.

Ngẫm lời Bồ tát, nếu chúng ta, người thời mạt pháp, ai là người phát Bồ đề tâm: “Cầu thành Phật nguyện độ sanh”, đều phải tuân lời Bồ tát mà tu niệm Phật. Vì “niệm Phật thời mau thành Phật”. Lời của hai Đại Thánh phán khi xoa đầu ngài Pháp Chiếu.

Nên niệm như thế nào? Bồ tát dạy: “Chuyên niệm đức Phật A Di Đà cho được không gián đoạn”.

Ta nên chú trọng nơi “chuyên niệm” và “không gián đoạn”, vì đó là công phu phải có nơi người niệm Phật.

“**Chuyên niệm**” tức là chỉ thuần niệm Phật không xen tạp việc khác, mà cũng không cho tâm móng tưởng sự khác.

“**Không gián đoạn**” là danh hiệu của Phật, luôn luôn tiếp tục nơi tâm, Tổ Thiện Đạo và Liên Trì Đại sư gọi là

“tương tục” cũng gọi là “bất niệm tự niệm”. Đây là kết quả của “chuyên niệm” và là khởi điểm của “nhứt tâm bất loạn” hay “niệm Phật tam muội”. Niệm Phật được “không gián đoạn” thời đã được bảo đảm vãng sanh chứng bậc bất thoái. Nếu được nhứt tâm, hay chứng tam muội thời phẩm vị cao hơn.

V - QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT HIỆN THÁNH

(Trích ở Tổng Cao Tăng truyện và Phật Tổ Thống Ký)

Đời Đường, thời vua Trung Tôn, ngài Thích Huệ Nhựt thấy Pháp sư Nghĩa Tịnh sang Tây Vực cầu pháp, lòng mộ lắm.

Ngài bèn ngồi thuyền vượt biển, ba năm sau mới đến Thiên Trúc (Ấn Độ), rồi lần lượt đi lễ ở các nơi di tích của đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, và thỉnh kinh chữ Phạn.

Ngài Huệ Nhựt từ lúc ở xứ nhà đến khi sang Thiên Trúc mục kích nhiều cảnh đau khổ của loài người, mà chính ngài cũng tự trải lắm sự gian lao.

Vì thế, ngài mới suy nghĩ: nước nào, cõi nào chỉ thuần vui mà không khổ? Pháp nào hạnh nào đặng mau thấy Phật? Rồi ngài đem vấn đề ấy thỉnh hỏi gần khắp các bậc danh đức ở Thiên Trúc. Các bậc danh đức đồng chỉ cõi Tây phương Cực Lạc thế giới, và đồng khuyên nên tu Pháp môn Tịnh độ. ngài Huệ Nhựt liền kính vâng lời các danh đức khuyên dạy mà chuyên niệm Phật.

Sau đó ít lâu, ngài đi đến nước Kiền Đà La ở Bắc Ấn. Phía Đông Bắc thành vua có dãy núi lớn. Trên núi có tượng đức Quan Thế Âm Bồ tát, hễ ai chí thành cầu nguyện thời thường được thấy Bồ tát hiện thân. Ngài bèn lên núi kính lạy bảy ngày đêm, rồi tuyệt thực, thệ: Nếu không được thấy Bồ tát thời thà chết tại chỗ ấy.

Đến đêm thứ bảy, trên hư không đức Quan Thế Âm Bồ tát hiện thân vàng tử kim, cao hơn một trượng, ngự trên tòa sen báu, quang minh sáng chói. Bồ tát thông tay xuống xoa đầu ngài Huệ Nhựt mà bảo rằng:

“Ông muốn truyền pháp để độ mình độ người, thời nên chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật và phát nguyện vãng sanh. Lúc về Cực Lạc thấy Phật và ta thời được lợi ích lớn. Ông nên biết rằng Tịnh độ pháp môn hơn tất cả hạnh khác”.

Bồ tát phán dạy xong liền ẩn.

Ngài Huệ Nhựt vì tuyệt thực đã bảy ngày, nên đêm đó khí lực đã mòn, nhưng sau khi được Bồ tát xoa đầu và nghe lời dạy bảo, thân thể ngài bỗng trở nên cường tráng, tinh thần minh mẫn.

Sau rồi ngài chở kinh tượng đã thỉnh được đem về bản quốc. Bận về này, ngài đi đường núi. Tính ra từ ngày đi đến khi về đến nước, mất hết 18 năm, đi được hơn bảy mươi nước.

Năm Khai Nguyên thứ 7, về đến Trường An, ngài vào triều dâng tượng Phật và kinh chữ Phạn.

Từ đó, ngài chuyên cần tu tịnh nghiệp, truyền hóa hưng thịnh một thời. Triều đình phụng hiệu là Từ Mẫn Tam Tạng Pháp Sư.

Nhờ ngài dẫn đạo, người niệm Phật được chứng tam muội và được vãng sanh rất đông.

Ngài có biên tập bộ Vãng sanh Tịnh Độ khắc truyền trong đời.

Năm Triều Hữu thứ 7, giờ ngài viên tịch, đại chúng đồng thấy hoa sen sáng rõ như mặt trời hiện ra trước chỗ ngài ngồi.

VI - MÃ MINH ĐẠI SĨ

(Trích ở bộ Truyền Đăng Lục và Đại Thừa Khởi Tín Luận)

Đại sĩ, người nước Tang Kỳ Đa thuộc Đông Thiên Trúc. Có bày ngựa nghe tiếng Đại sĩ thuyết pháp là buồn cảm hí kêu, nên người thời ấy gọi Đại sĩ là Mã Minh Tôn giả.

Về dòng Tổ chánh truyền, bắt đầu từ ngài Ma Ha Ca Diếp là Tổ thứ nhất, ngài A Nan Đà là Tổ thứ hai... thời Đại sĩ là Tổ thứ 12, đắc pháp nơi Tổ thứ 11, ngài Phú Na Dạ Xà Tôn giả.

Đại sĩ từng trừ tác bộ Đại thừa Khởi Tín Luận, y cứ nơi chúng sanh tâm mà hiển thị Đại thừa nghĩa. Tất cả pháp nhiễm ô sanh tử của phàm, và tất cả pháp thanh tịnh giải thoát của Thánh đều duy tâm tùy duyên tịnh hay nhiễm mà tạo thành. Mê tâm, thời khởi vô minh, phân biệt chấp kiến, rồi gây nghiệp mà chác lấy quả sanh tử khổ lụy. Ngộ tâm, thời dứt nghiệp phá chấp kiến, hết vô minh mà chứng đặng quả giải thoát an vui.

Chứng ngộ tự tâm, tin thật đó là tâm tánh của mình, vĩnh viễn không mê mờ quên lãng tự tâm bản tánh ấy, đây gọi là bậc tín tâm bất thoái của Đại thừa. Đưa người đến bậc Đại thừa, tín tâm bất thoái là mục đích chủ chính của bộ Đại thừa Khởi Tín Luận.

Đến bậc bất thoái này, theo trong luận, phải là người đủ năng lực thiện căn huân tập, thâm tín như quả, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, phát Bồ đề tâm, đặng gặp chư Phật gần gũi cúng dường, tu Bồ tát hạnh. Tu tập các hạnh như vậy đủ một vạn đại kiếp, tín tâm thành tựu chứng bậc bất thoái.

Nếu là người chưa đủ tất cả các điều kiện trên đây, thời là còn có thể bị thoái chuyển, nơi đạo Vô thượng chưa được bảo đảm.

Rốt sau, Đại sĩ có lời khuyên người nên cầu sanh Tịnh độ để được mau thành tựu tín tâm, chắc chắn trụ bậc “bất thoái”.

Đây là lời Đại sĩ khuyên:

“Chúng sanh vì ở Ta bà thế giới này, tự sợ chẳng được thường gặp chư Phật để gần gũi cúng dường, e rằng tín tâm khó thành tựu được. Phải biết rằng đức Thích Ca Như Lai của chúng ta có chỉ dạy một phương tiện siêu thắng để nhiếp hộ tín tâm. Tức là đức Bồn sư dạy chuyên tâm niệm Phật. Do vì chuyên tâm niệm Phật, nên tùy nguyện được sanh về Tịnh độ, thường gần bên Phật, vĩnh ly ác đạo. Như trong kinh: Nếu người chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, bao nhiêu thiện căn công đức của mình tu tập đều hồi hướng nguyện cầu về thế giới ấy, thời bèn đặng vãng sanh. Khi được sanh về Cực Lạc Tịnh độ rồi, vì thường được thấy Phật nên vĩnh viễn không còn bị thoái chuyển”.

Vì nhân duyên như vậy nên đức Bồn sư ta, nơi pháp hội Kỳ Viên thuyết kinh *A Di Đà*, ba bốn phen căn kẽ khuyên bảo mọi người nên đồng phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc thế giới. Bồn sư lại nói chúng sanh nào sanh về Cực Lạc thế giới đều là bậc bất thoái chuyển. (*Cực Lạc thế giới, chúng sanh sanh giả giai thị A bệ bất tri*)⁽¹²⁾.

Về sau, Đại sĩ phó pháp cho Tổ thứ 13, Ca Tỳ Ma La Tôn giả, rồi nhập chánh định Long phấn tấn tam muội, thân vọt bay lên hư không tròn sáng như mặt trời, giây lát trở về pháp tòa ngồi kiết già mà nhập diệt.

Theo lời người xưa, Đại sĩ là bậc Pháp thân địa thượng Bồ tát.

VII - LONG THỌ BỒ TÁT

(Trích ở những bộ *Truyện Đăng Lục, Tỳ Bà Sa Luận, Đại Trí Độ Luận, Nhập Lăng Già Kinh*)

Bồ tát người Nam Ấn từng ở núi tu tập thiền định. Trên núi ấy có một cột cổ thụ rất cao lớn, dưới tàng cây có 500 con rồng ở. Bồ tát hiện thần lực thấu phục bầy rồng, và thường ngày thuyết pháp giảng đạo cho. Vì thế, người đời gọi ngài là Long Thọ Tôn giả.

Ngài đắc pháp với Tổ thứ 13, đức Ca Tỳ Ma La Tôn giả, rồi kế vị làm Tổ thứ 14. Ngài có ý muốn rộng truyền kinh giáo.

Bấy giờ, Đại Long Bồ tát rước ngài vào long cung trong đại hải, mở kho thất bảo, cho ngài tự tiện đọc xem kinh tạng. Ngài chuyên tâm xem trong 90 ngày đêm, thông thuộc được rất nhiều. Sau 90 ngày, Đại Long Bồ tát đưa ngài về Thiên Trúc để hoằng thuyết Chánh pháp.

Bộ kinh *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* (Phạn văn) chính tự tay ngài chép ra sau khi ở long cung về⁽¹³⁾.

Ngài có trứ tác bộ *Tỳ Bà Sa Luận*. Trong luận đó có lời xưng tán đức Phật A Di Đà, đại lược như vậy:

*Nếu ai nguyện làm Phật
 Tâm niệm A Di Đà
 Phật liền hiện thân đến
 Cho nên tôi quy mạng.
 Do bốn nguyện của Phật
 Nên thập phương Bồ tát
 Đến cúng dường nghe pháp
 Vì thế tôi cúi đầu.
 Bồ tát ở Cực Lạc
 Thân xinh đẹp trang nghiêm
 Đủ cả các tướng hảo
 Nay tôi quy mạng lễ.*

*Bồ tát ở Cực Lạc
 Ngày ngày trong ba thời
 Cúng dường thập phương Phật
 Nên tôi cúi đầu lay.
 Nếu người trồng căn lành
 Nghi thời hoa không nở
 Người tín tâm thanh tịnh
 Thời hoa nở thấy Phật.
 Hiện tại thập phương Phật
 Vì muốn độ chúng sanh
 Mà ca tụng Di Đà
 Nên tôi quy mạng lễ.
 Cõi đó rất trang nghiêm
 Thanh tịnh hơn thiên cung
 Công đức rất sâu dày
 Nên tôi lay chân Phật.*

Ngài lại tạo bộ Trí Độ Luận. Trong luận ấy, nơi chương dạy về Pháp môn niệm Phật, có lời như vậy:

“Niệm Phật tam muội trừ được các thứ phiền não và tội nghiệp của đời trước. Các môn tam muội khác, có môn trừ được dâm tâm mà không thể trừ sân; có môn trừ được sân mà không thể trừ dâm tâm; có môn trừ được si mà không trừ được dâm và sân; có môn trừ được tham sân si mà không trừ được tội nghiệp đời trước. Niệm Phật tam muội này trừ được các thứ phiền não và các thứ tội nghiệp.

Lại nữa, Niệm Phật tam muội có đại phước đức có thể độ chúng sanh. Các vị Bồ tát muốn độ chúng sanh, các tam muội

khác phước đức không bằng Niệm Phật tam muội; tam muội này mau trừ diệt được các tội chướng.

Lại nữa, Phật là đấng Pháp Vương, còn chư Bồ tát như Pháp tướng, chỗ tôn trọng của Bồ tát chỉ là Phật Thế Tôn, vì thế nên phải thường niệm Phật. Ví như quan đại thần được đức vua yêu chuộng, nên thường nhớ tưởng đến vua mình. Bồ tát cũng vậy, biết rằng những công đức cùng vô lượng trí huệ của mình đều từ nơi đức Phật mà đặng, vì ơn Phật rất nặng nên thường niệm Phật.

Lại do vì niệm Phật luôn, tâm không rời Phật, nên Bồ tát thường được gặp chư Phật”.

Hỏi: Bồ tát phải hóa độ chúng sanh, sao lại muốn thường gặp chư Phật?

Đáp: Những người chưa nhập Bồ tát chánh vị, chưa chứng đặng bậc Bất thoái chuyển, chưa được Phật thọ ký, nếu rời chư Phật thì hư hoại các thiện căn, chìm trong vực phiền não. Tự độ lấy mình còn chưa được, đâu có thể độ người. Như người đi thuyền, giữa dòng thuyền hư bể, muốn vớt chớ người khác, mà mình đã bị chìm. Nơi tâm thời muốn được, nhưng nơi sự thời không thành mà lại thêm hại. Lại như đem một ít nước sôi đổ vào ao lớn đông giá, dầu tan một ít chỗ nhưng rồi nước sôi ấy trái lại bị đông thành giá!

Bồ tát chưa nhập pháp vị nếu xa rời chư Phật, không phương tiện lực mà dùng một ít công đức đi hóa độ chúng sanh, dầu cũng có thể được chút ít kết quả, nhưng trái lại tự bị đọa lạc. Vì thế nên các bậc Bồ tát này phải thường gần Phật, không được rời!

Các vị A la hán cùng Bích Chi Phật, dầu có kết quả chứng Niết bàn, nhưng vì chưa có Nhứt thiết chủng trí không thể diu dắt các Bồ tát. Duy chư Phật đã thành tựu Nhứt thiết chủng trí nên có thể chỉ dạy dắt diu chư Bồ tát. Như voi sa lầy thời chỉ

có dùng voi mới cứu được. Bồ tát nếu sa vào phi đạo thời chỉ có Phật mới cứu được, vì đồng một đạo Đại thừa vậy. Vì những lẽ trên, Bồ tát phải gần Phật!

Lại nữa, Bồ tát tự nghĩ rằng ta chưa có Phật nhãn không khác kẻ mù lòa, nếu không được đức Phật dẫn đạo thời vì không thấy đường mà sẽ bị lạc vào nẻo khác. Giả sử được nghe Phật pháp, nhưng vì ở khác chỗ của Phật mà thực hành, thời sẽ có sự hại là chưa rõ thời tiết giáo hóa, nơi pháp nên thực hành nhiều hay ít. Vì thế nên Bồ tát phải thường gần Phật.

Lại nữa, Bồ tát gần Phật, hoặc mắt thấy Phật mà tâm thanh tịnh, hoặc nghe Phật dạy tâm liền vui thích pháp vị mà được đại trí huệ, rồi tu hành theo pháp mà được đại giải thoát.

Gần Phật được vô lượng lợi ích lớn như vậy, há lại chẳng nên nhứt tâm cầu muốn thấy Phật, gần Phật ư?

Như trẻ thơ chẳng nên rời mẹ; người đi đường xa vắng chẳng nên rời lương thực; mùa nóng bức chẳng nên rời gió mát nước lạnh; mùa quá rét chẳng nên rời lửa; qua dòng sâu rộng chẳng nên rời thuyền; người bệnh chẳng nên rời lương y.

Bồ tát chẳng nên rời chư Phật, lại là vấn đề thiết yếu hơn các việc trên.

Những sự lợi ích đem lại do nơi cha mẹ, thân thuộc, các trí thức, cùng nhơn vương, thiên vương, nhân đến tất cả, đều không bằng sự lợi ích được nơi đức Phật. Đức Phật làm cho các vị Bồ tát được sự lợi ích lớn: khỏi các nẻo khổ, an ở nơi Phật địa.

Hỏi: Làm thế nào để đừng không rời chư Phật?

Đáp: Chúng sanh đều có tội nghiệp nhân duyên trong vô lượng kiếp, dầu thực hành phước đức mà trí huệ cạn cợt, dầu tu hành trí huệ mà phước đức kém mỏng. Bồ tát cầu Phật đạo phải thực hành Sanh nhẫn và Pháp nhẫn. Vì thực hành Sanh nhẫn mà đối với tất cả chúng sanh phát tâm từ bi, nên diệt

được vô lượng tội chướng, tăng trưởng vô lượng phước đức. Vì thực hành Pháp nhẫn phá vô minh, nên đặng vô lượng trí huệ. Đủ cả hai hạnh Sanh nhẫn và Pháp nhẫn thời được đời đời không rời chư Phật.

Lại nữa, vì Bồ tát thường thích niệm Phật nên đời đời luôn luôn gặp chư Phật.

Ví như chúng sanh nào lòng dâm quá nặng thời sẽ thọ thân dâm điều (se sẻ, vịt, v.v...). Chúng sanh nào tâm sân hận quá trọng thời sẽ sanh vào các loại độc trùng (rắn, rết, v.v...)

Cũng vậy, Bồ tát không màng sự giàu sang phước báu của người của trời, chỉ thích thường niệm Phật, vì thường niệm Phật nên tùy tâm nguyện được sanh về Tịnh độ.

Lại nữa, do vì Bồ tát thường khéo tu Niệm Phật tam muội, nên sanh vào đâu cũng thường gặp chư Phật. Kinh *Bát Chu tam muội* có nói: “Bồ tát nhập tam muội này, thời hiện đời sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà...”

Về sau nhân duyên giáo hóa đã mãn, Long Thọ Bồ tát phó pháp cho ngài Ca Na Đề Bà Tôn giả rồi nhập tam muội mà thị tịch.

Trong pháp hội Lăng Già, đức Bản sư từng nói với Đại Huệ Bồ tát rằng: “Ông Đại Huệ nên biết: Sau khi Phật diệt độ, tương lai sẽ có người hộ trì chánh pháp Phật, là người Nam Thiên Trúc đại danh đức Tỳ kheo tôn hiệu là Long Thọ. Tỳ kheo đó phá được các hữu tông, vô tông, để hiển pháp Vô thượng Đại thừa của Phật dạy. Long Thọ đó chứng bậc Hoan Hỷ địa Bồ tát, vãng sanh Cực Lạc quốc”. Đây là lời huyền ký của đức Bản sư, mà cũng là lời thọ ký cho Long Thọ Bồ tát vậy.

VIII - GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

(Trích ở bộ *Tây Phương Xác Chi*)

Nhà Minh, năm Sùng Trinh thứ 16, Bồ tát giảng thần ở Ngô Môn. Nhà Thanh, năm Thuận Trị thứ tư, Bồ tát ứng cơ thuyết pháp dạy truyền pháp môn Tịnh độ.

Ngài dạy rằng: “Pháp yếu của chư Phật rất vi diệu bí mật không thể nghĩ bàn. Vì không thể nghĩ bàn nên không ai diễn nói hết cả được.

Đức Bồ sư Mâu Ni Phật thương xót chúng sanh mà nói chỗ chẳng có thể nói, để dạy dỗ dắt dìu trong đời nay và đời sau. Đức Phật lại dùng phương tiện đặc biệt hiển bày cõi Cực Lạc, bảo người phát nguyện vãng sanh hầu thoát khỏi luân hồi một cách mau tất.

Do đại nguyện lực của đức Phật A Di Đà nhiếp thọ mọi loài, nên hễ ai nghe danh hiệu A Di Đà Phật mà siêng thọ trì thời quyết định được vãng sanh Tịnh Độ. Nếu người nào dũng mãnh tinh tấn chuyên niệm tâm thường nhưt, thời thành tựu “Niệm Phật tam muội” hiện tiền cũng được thấy đức Phật A Di Đà.

Ngày nay ta theo đúng như lời đức Phật đã dạy mà giảng dạy môn Tịnh độ. Ta nghĩ vì các người mê mờ nên chỉ thiết con đường chơn chánh. Đây chẳng phải là nhân duyên nhỏ, các người phải gắng trân trọng. Cực Lạc đường xa mười muôn ức, một niệm tin chắc thời chính là đây”.

Ngài lại dạy: “Pháp môn Tịnh độ đây thật là tâm tông của chư Phật. Là con đường đi đến quả vị giải thoát tất nhưt của mọi loài.

Nay các người dầu cũng cầu vãng sanh mà tâm lại không thiết, thời cũng như người vào biển mà không được bảo châu, luống nhọc vô ích. Để ta thuật việc đời trước của ta cho các người rõ:

Nhà Tấn, thời vua Minh Đế, ta là một gã nghèo cùng. Vì thiếu hụt khốn khổ quá, nên sau khi ta được biết pháp môn

Tịnh độ, ta bèn lập nguyện lớn như vậy: “Vì đời trước tôi gây tạo nghiệp ác nên nay mang lấy quả báo khổ sở này. Nếu bây giờ tôi không được thấy đức Phật A Di Đà sanh về Cực Lạc hầu thành tựu tất cả công đức, thời dầu cho thân này chết rồi tôi cũng quyết không ngơi nghỉ”. Thề nguyện xong, ta chuyên cần nhớ Phật niệm Phật luôn đêm ngày. Đến ngày thứ bảy, tâm trí ta bỗng khai thông, thấy đức Phật A Di Đà tướng hảo quang minh chiếu sáng mười phương, đức Phật đưa tay vàng xoa đầu ta mà thọ ký. Năm 75 tuổi, ta ngồi kiết già niệm Phật mà bỏ thân. Được Phật và Thánh chúng rước về Cực Lạc. Nhưng vì bốn nguyện độ sanh nặng nơi lòng, nên ta trở lại cõi trước này, tùy thời theo cơ mà hiện thân giáo hóa. Có lúc ta làm thầy Tỳ kheo, nhà cư sĩ. Có khi ta làm vua, làm quan. Lắm lúc ta làm người nữ hay gã ăn mày, v.v... Dùng các phương tiện hoặc ân hoặc hiên, hoặc thuận hoặc nghịch mà dìu dắt mọi người vào Chánh pháp.

Đến nay, ta lại vì các người mà chỉ dạy môn Tịnh độ. Các người phải nhứt ý nhứt tâm bền tu pháp môn này quyết sẽ được lợi ích lớn. Nếu các người tinh tấn bền chí nhứt tâm, thời không đợi gì đời sau mới được gần Phật, mà hiện tiền đây cũng được thấy Phật.

Ngài nói kệ:

Ít nói một câu chuyện

Nhiều niệm một câu Phật

Đánh chết được vọng niệm

Pháp thân người hiển lộ.

Có người bạch hỏi: Niệm Phật mà không được nhứt tâm thời làm thế nào?

Ngài dạy: Ông phải dứt tưởng dừng lo, rồi chậm chậm mà niệm. Phải làm sao cho tiếng hiệp với tâm, tâm duyên theo

tiếng. Niệm như vậy lâu lâu thời các vọng niệm tự đứng lặng, tâm cảnh tuyệt chiếu chứng nhập Niệm Phật tam muội. Nhưng hằng ngày cần phải niệm cho thường, từ nghìn đến muôn, tâm đừng gián đoạn thời rất dễ thuận thực. Nếu cố ép tâm cho nhứt, thời trọn không thể nhứt được”.

Rồi ngài lại dạy: “Vọng niệm diệt dứt, đó là chơn tâm thường trụ của chư Phật. Vọng niệm mà còn đó là nghiệp tâm sanh tử của chúng sanh. Nếu các người có thể miên mật gia công, tâm không một mảy hờ trống thời mới đặng tương ưng đôi phần.

Phải dè dặt đừng có vừa thực hành đặng nửa năm hay mười tháng, rồi tự cho là mình đã có công tu hành. Phải biết rằng quan niệm tự đắc ấy, chính là chỗ chướng đạo. Rất phải cẩn thận! Mặc dầu có gắng sức công phu, nhưng nếu niệm lực chưa vững như núi đồng, chắc như vách sắt, xô không ngã, lay không động, thời vẫn chưa phải đã thành nhứt phiến đầu. Chớ có mới vừa được đôi chút đắc lực bèn dừng tay, mà thành lỗi “bán đồ nhi phé”, có khi rồi phải hỏng cả công phu trước, đây là chứng bệnh lớn của các nhà tu hành, cần phải biết. Nên hiểu rằng: Phật pháp như biển cả càng vào càng sâu, không phải đôi chút tri kiến mà thấu hết được. Phải gia công tu tập trọn đời, đi mãi đến nguồn đến đáy làm mục đích, không nên có quan niệm xem thường”.

Có ông Cố Định Thành thỉnh giáo.

Bồ tát dạy: “Tâm vốn vô niệm. Niệm theo tư tưởng mà sanh. Vì tư tưởng là thứ hư vọng nên lưu chuyển sanh tử.

Ông nên nhận biết: một câu A Di Đà Phật đây, chẳng phải từ tư tưởng sanh, chẳng phải do ức niệm mà có, không phải ở trong, không phải ở ngoài, không có tướng mạo. Đó chính là bất hết các vọng tưởng, cùng với chân thân vi diệu thanh tịnh của Như Lai không phải đồng, không phải khác, không thể

phân biệt là đồng là khác. Niệm Phật như vậy, thời thiền nào trần lao không đoạn dứt mà cũng không hệ phược, duy là nhứt tâm thôi. Được nhứt tâm rồi mới phải là chấp trì danh hiệu, mới được gọi là nhứt tâm bất loạn. Đến đây thời tịnh nghiệp thành công, thẳng lên bậc Thượng phẩm.

Trước hết ông nên phát đại nguyện, nguyện sanh Cực Lạc thế giới. Rồi chí thành tha thiết xưng niệm A Di Đà Phật. Tiếng niệm phải duyên theo tâm, tâm niệm phải duyên theo tiếng. Tiếng và tâm phải khấn chặt vào nhau, như mèo vồ chuột. Niệm Phật như vậy được lâu lâu không xao lãng, thời sẽ chứng nhập Chánh ức niệm tam muội. Chứng tam muội rồi, nếu muốn tiến thêm lên, thời nên tham phỏng với các bậc cao minh đại tri thức để được tự ngộ diệu lý tâm chính là Phật”.

Ngài có lời bảo ông Vô Hủ rằng: “Người tu tịnh nghiệp đại để lúc đi đứng ngồi nằm, lúc ở lúc ăn, đều nên xoay mặt về hướng Tây, thời cơ cảm dễ thành, thiện căn mau thực. Trong thất chỉ cúng một tượng Phật, một bộ kinh, một bàn thờ, một lư hương, một giường, một ghế. Chẳng nên để nhiều đồ vật khác. Ngoài sân lại nên quét dọn trông trải sạch sẽ để kinh hành cho tiện. Cần phải làm sao cho tâm mình không còn phải bận rộn một việc gì khác, trừ ngoài việc chuyên niệm Phật, cũng không lo tính một sự gì, rảnh rang vô sự. Không nhớ thân, không duyên cảnh. Cho đến hiện tại đương niệm Phật hành đạo đây, cũng không có quan niệm là mình tu hành. Được như vậy, thời ngày càng gần với đạo mà việc đời ngày xa, có thể thành tựu tịnh nghiệp. Lúc hiện sống đây mà ông đã sạch việc trần trong tâm niệm không có mảy may vướng víu thời lúc mạng chung ông sẽ thanh thoát vui vẻ mà đi. Như thế há chẳng phải là tư cách của bậc đại trượng phu đầy ư!

Ta bảo như vậy là muốn ông không còn rộn ràng với những sự vật vẩn, để nhứt tâm tu hành. Vì chính đó là điều kiện quan trọng.

Đến như phương pháp tu Tịnh độ không ngoài hai chữ “chuyên” và “cần”.

“Chuyên” thời không quản đến một việc nào khác.

“Cần” thời không bỏ phí một phút một giây.

Từ nay, mỗi sáng sớm, sau khi thức dậy, ông tụng một quyển kinh *A Di Đà*, niệm hiệu Phật một nghìn câu, rồi lay Phật hồi hướng với bài văn “Nhứt tâm quy mạng”, vì bài văn này lời gọn mà đủ ý. Nếu lay Phật được một trăm lay càng tốt. Đây là khóa tụng niệm một thời.

Ban đầu chưa quen, nên ngày đêm bốn thời. Khi đã quen thì tăng lên sáu thời, lần đến mười hai thời. Thành mỗi ngày thêm được mười hai quyển kinh, một muôn hai nghìn câu Phật, dùng số này làm thường khóa mỗi ngày. Cũng có thể hiệp lại chia thành bốn thời. Ngoài số này ra, những công phu khác thời không kể.

Về việc niệm tụng, hoặc ra tiếng, hoặc tưởng thâm, đều được cả. Chỉ cần phải nhiếp tâm niệm cho chắc mà thôi.

Lại, phép trì danh cần phải mỗi chữ mỗi câu rõ ràng rành rẽ, tiếng và tâm hiệp nhau, không cho xen lộn một mảy tưởng niệm thế sự. Lâu lâu tự thành thực, quyết định đặng sanh Cực Lạc, ngòi tòa sen báu trụ bậc Bất thoái chuyển. Ông phải có gắng lấy!”

Bồ tát thuyết pháp kể được 24 hội, đệ tử của ngài là ông Thường Nhiếp chép lời dạy của ngài thành bộ Tây Phương Xác Chỉ, khắc bản lưu truyền.

*

LỜI PHỤ

Về sự hạ thủ công phu nơi Pháp môn Tịnh độ, lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát rất rõ và rất thiết. Ta có thể nắm lấy đại cương như thế này:

Tông chỉ của pháp môn Tịnh độ là “tín”, “hạnh” và “nguyện”. Tín và nguyện làm cơ bản cho hạnh.

Về “Tín”, ngài dạy:

Cực Lạc đường xa muôn ức, một niệm tin chắc thời chính là đây!

Trong lời dạy trên đây, ta nên chú ý nơi hai chữ “tin chắc”. Tin chắc cõi Tây phương Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm. Tin chắc nguyện lực của đức Từ Phụ A Di Đà Phật nhiếp thọ mọi loài. Tin chắc ta y pháp tu hành quyết được vãng sanh trụ bậc Bất thoái chuyển. Với ba điều trên, không một mảy may nghi ngờ, không một niệm dọ dự, đó gọi là “tin chắc”.

Về “Nguyện”, ngài dạy: Nên phát đại nguyện, nguyện sanh Cực Lạc.

Nguyện sanh Cực Lạc là một đại sự. Vì chúng ta, hay chúng sanh trong cõi Ta bà ngũ trược ác thế, từ vô lượng đời, vô lượng kiếp, lăn mình trong vũng lầy ngũ dục, mê say nơi cảnh lục trần, dục vọng tràn ngập tâm thần, phiền não chứa đầy cả bụng, tình ái khó dứt, tham nhiễm khó rời. Nếu chẳng phải là người thông niệm trược ác, lòng quyết thoát ly, thời chí nguyện quyết sanh Cực Lạc khó thể lập vững được. Đây là điều khó phát nguyện thứ nhất. Muốn về Cực Lạc phải có Đại thừa tâm: thượng cầu hạ hóa. Mà nơi chúng ta ngã chấp quá dày, tư kỷ đã quen. Nay phải dẹp ngã hơn để cầu Phật quả, bỏ tư kỷ để thành chí độ sanh, nếu không phải là hạng đại trượng phu, chơn liệt nữ, thời chí nguyện quyết về Cực Lạc

khó lập vững được. Đây là điều khó phát nguyện thứ hai. Vì vậy nên Bồ tát gọi nguyện sanh Cực Lạc là phát đại nguyện. Nơi đây ta nên chú ý “lập nguyện cho vững”, nghĩa là không một hoàn cảnh nào có thể làm dòi đổi chí nguyện vãng sanh của ta, dầu đó là sự khổ như tròng vòng lửa đỏ vào đầu, hay sự vui như ngôi Luân Vương cùng Thiên Đế, Bồ tát có lời răn: “Các người dầu cùng cầu vãng sanh mà tâm lại không thiết”. Và chính tự ngài đã nêu gương: “Nếu ngày nay tôi không được thấy Phật A Di Đà, không được sanh về Cực Lạc hầu thành tựu tất cả công đức, thời dầu thân này có chết rã, tôi cũng không thôi nghĩ”. Nhờ lập nguyện vững, mà Bồ tát đã được thành tựu!

Về “Hạnh”, ngài dạy:

Nơi cảnh: Phải xa tránh tất cả cảnh duyên có thể rộn tâm chướng đạo. Chỗ ở phải đơn giản, để khỏi bận rộn. Hằng ngày phải rảnh rang vô sự, để khỏi lo tính.

Nơi tâm: Phải không lo phiền, dứt tưởng vọng, dùng tư lự.

Về sự tu: Phải định thời khóa trong mỗi ngày. Theo ngài dạy, mỗi ngày đêm ít nhất bốn thời. Mỗi thời ít nhất là một biến kinh *A Di Đà* và một nghìn câu hiệu Phật. Thế là mỗi ngày đêm ít nhất bốn biến kinh *A Di Đà* và 4.000 câu hiệu Phật. Rồi tăng lần lần lên đến mỗi ngày đêm 12 biến kinh và 12.000 câu hiệu Phật. Lại phải lạy Phật hoặc 100 lạy hay ít hơn trong mỗi thời. Và sau mỗi thời đều phải hồi hướng công đức nguyện sanh Cực Lạc với bài văn “Nhứt tâm quy mạng”.

Nhưng nơi đây ta có thể châm chước mà dùng nếu là người vì hoàn cảnh không được thuận tiện hay yếu kém, cũng có thể mỗi ngày đêm ít thời hơn và tụng niệm ít hơn, đó là sự bất đắc dĩ chớ không phải giải đãi. Còn nếu là người có đại lực và được hoàn cảnh thuận tiện cũng có thể tăng nhiều hơn, đó là tinh tấn chớ không phải vội gáp. Điều cốt yếu là sau khi

đã ấn định rồi, phải giữ cho thường, không nên nay vậy mai khác. Thà lúc đầu ít sau tăng lần thêm chớ không nên vội ham nhiều mà rồi sụt ít. Cũng không nên để gián đoạn, nghĩa là không được bữa có bữa không. Hồi hướng cũng có thể đọc văn “Thập phương tam thế Phật” hoặc các văn nguyện về Cực Lạc khác, theo sở thích đều được. Nếu khỏe và nhiều giờ, nên đọc bài “Khê thủ Tây phương An Lạc quốc”. Vì bài này, lời cùng nghĩa rất đầy đủ thiết tha.

Điều kiện thứ nhất, trong lúc tụng niệm, phải rành rẽ rõ ràng. Rành rẽ là chữ câu rành rẽ không lộn lạo mù mờ. Rõ ràng, là tiếng nói rõ ràng, không trại tiếng.

Điều kiện thứ hai, tiếng phải hiệp với tâm, tâm phải duyên theo tiếng, tâm và tiếng hiệp khấn với nhau.

Điều kiện thứ ba, phải chí thành tha thiết, với đức Từ Phụ, lòng ta như con thơ nhớ mẹ, với cõi Cực Lạc lòng ta như viễn khách tưởng cố hương.

Điều kiện thứ tư, không cho xen lộn một mảy tưởng niệm thế sự, nghĩa là phải luôn nhiếp tâm trụ nơi tiếng niệm Phật, không xao lãng. Nếu lỡ xao lãng phải liền nhiếp thu lại. Với trường hợp đây, chú tâm nhận chắc lấy tiếng của mình niệm là công hiệu nhất.

Bồ tát lại bảo ta lúc đi đứng nằm ngồi, khi ăn khi uống, v.v... đều nên xoay mặt về hướng Tây, để tâm ta lúc nào cũng tưởng nhớ Cực Lạc thế giới, hầu giúp cho công phu tịnh nghiệp chóng thành. Về điều này ta có thể trừ lúc khạc nhổ, đi đại tiểu tiện, còn tất cả thời đều nên hướng về Tây phương.

Nếu theo đúng các điều kiện đã dạy trên đây mà gia công thực hành, trong một thời gian tiếp tục luôn không gián đoạn sẽ được “bất niệm tự niệm”. Tổ Thiện Đạo và Tổ Vân Thê gọi là được niệm lực tương tục. Được niệm lực tương tục này mà giữ vững trọn đời thời sự vãng sanh đã bảo đảm. Tiến thêm,

nếu càng gia công chí thành khẩn thiết chuyên niệm không hở, trong quên thân ngoài quên cảnh, thời chứng nhập Chánh ức niệm tam muội cũng gọi Sự niệm Phật tam muội mà cũng chính là Sự nhứt tâm bất loạn. Được tam muội này, thời ở trong tam muội được hiện diện thấy đức Từ Phụ cùng chư Bồ tát Thánh chúng và cõi Cực Lạc. Tức là “Hiện tiền được thấy Phật” lời của ngài đã dạy ở trên, mà cũng là lời của đức Đại Thế Chí Bồ tát trong pháp hội Lăng Nghiêm.

Về lý quán: ngài dạy “Tâm vốn vô niệm”. Niệm không ngoài tâm, nên chính niệm tức vô niệm. Niệm đã tức vô niệm, nên câu A Di Đà Phật hiện tiền đây, chẳng phải từ tư tưởng, chẳng phải do ức niệm, không phải trong, không phải ngoài, không có tướng mạo, ba thuở suy cùng, vốn vô sở đắc, rời tất cả hư vọng, toàn thể là chơn tâm. Đã toàn thể là chơn tâm nên cùng với chơn thân vi diệu của chư Phật không đồng không khác, không thể phân biệt. Được chứng ngộ toàn niệm tức là tâm, toàn tâm tức là Phật, tâm và Phật không hai, thời vô minh diệt, pháp thân hiển lộ, trần lao sanh tử chuyển thành Niết bàn, phiền não vọng hoặc chuyển thành Bồ đề. Đây chính là Lý niệm Phật nhứt tâm bất loạn, mà cũng là Lý niệm Phật tam muội. Người thành tựu lý tam muội này thời sẽ vãng sanh Thượng phẩm, trụ Thường tịch quang Tịnh độ.

Sau khi chỉ dạy công hạnh “sự tu” và “lý quán” xong, ngài dùng hai chữ “chuyên cần” để tổng kết.

“Chuyên cần” tức là tinh tấn. “Chuyên” thời ròng rặt chuyên tu một môn niệm Phật, không xen tạp việc khác. “Cần” thời siêng năng thẳng tấn, không bỏ một thời nào, nhứt đến một phút một giây cũng không bỏ phí. Thực hành đúng pháp mà tinh tấn chuyên cần thời công hạnh chắc chắn thành tựu.

Ta có thể đem bài kệ của ngài để phối hiệp với lời dạy về phần công hạnh này.

Ít nói một câu chuyện: Chính là không xen tạp chuyện khác để một mặt chuyên tu niệm Phật.

Nhiều niệm một câu Phật: Niệm Phật nhiều, chính là siêng cần, mà cũng là chuyên ròng niệm Phật.

Như thế hai câu đầu của bài kệ tổng quát về phần “sự tu”, tức là ngài dạy phải chuyên cần niệm Phật. Y theo đây mà thực hành sẽ thành tựu niệm lực tương tục và nhẫn đến chứng nhập Sự niệm Phật tam muội, mà phiền não vọng hoặc đã bị ngăn đè vậy:

Đánh chết được vọng niệm

Pháp thân người hiển lộ.

Hai câu sau cùng của bài kệ là chỉ về phần chứng Lý niệm Phật tam muội. Đạt diệu lý “Toàn niệm tức tâm, toàn tâm thị Phật”, thời là chứng ngộ pháp thân, mà phiền não vọng hoặc đã bị dứt trừ vậy.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát dạy về Pháp môn niệm Phật bao quát cả tín, hạnh, nguyện. Nhất là công hạnh, từ cảnh duyên đến tâm niệm, cả sự tu cùng lý quan rất rành rẽ xác đáng và rất đầy đủ. Chúng ta nên thường ngày đọc đi đọc lại, kiểm điểm công hạnh niệm Phật của mình, cho được hoàn toàn đúng theo lời Bồ tát đã dạy: Nếu dụng công hoàn toàn đúng theo lời Bồ tát đã dạy thời quyết định sẽ thành tựu tịnh nghiệp, chín phẩm sen vàng sẽ nắm chắc trong tay vậy.

[1] Tu “Phước” là cúng dường. Tu “Huệ” là niệm Phật.

[2] “A bệ bạt trí” là Phạn âm. Hán dịch “bất thoái chuyển” nghĩa là “bậc không còn lui sụt nơi Phật thừa”.

[3] Trong *Hoa Nghiêm Đại Sớ* nói: kinh *Hoa Nghiêm* văn Phạn gồm có 40 vạn Kệ. Bộ Hán dịch 80 quyển chỉ là 10 vạn Kệ. Còn 30 vạn Kệ chưa truyền.

CHƯƠNG THỨ BẢY: LIÊN TÔNG CHƯ TỒ

Trong chương này, lược thuật tiểu sử cùng lời dạy của chư vị Tô sư chánh truyền giữ gìn và rộng truyền Pháp môn Tịnh độ của đức Bổn sư nơi miền Đông châu Á này. Bắt đầu từ Tổ Huệ Viễn đến Tổ Triệt Ngô lưu truyền cộng là 11 vị. Trước Tổ Huệ Viễn, pháp môn Tịnh độ đã lưu truyền phương Đông này rồi và cũng đã có nhiều người thực hành, nhưng sự tổ chức cho có hệ thống và chấn chỉnh cho có quy củ, thời Tổ Huệ Viễn là sơ thi. Vì thế nên ngài là Sơ Tổ của tông Tịnh độ ở miền Đông.

Sau Tổ Triệt Ngô, tất cũng còn nhiều vị Tổ kế truyền, vì Tổ thị tịch năm Gia Khánh thứ 15 triều Thanh, từ ấy đến nay tính thời gian cũng hơn thế kỷ; vả lại vào thời Dân Quốc, pháp môn này rất phổ cập và hàng tứ chúng được thành công có đủ chứng nghiệm không thể kể xiết (Xem tập Tứ chúng vãng sanh, tức là tập sau của bộ này). Nhưng vì tài liệu kê cứu chỉ được đến Tổ Triệt Ngô thôi, nên đành tạm ngưng nơi đệ thập nhứt Tổ.

I. SƠ TỔ HUỆ VIỄN ĐẠI SƯ

(Trích ở các bộ: Đông Lâm truyện, Lô Sơn tập)

Huệ Viễn Đại sư họ Cổ, người Nhạn Môn. Lúc thơ ấu, bẩm tính ngài rất hiếu học, đã thông Nho điển lại rất giỏi về học thuyết Lão, Trang.

Bấy giờ, Đạo An Pháp sư lập chùa Hằng Sơn, vân tập Tăng chúng thuyết pháp. Ngài nghe tiếng mến đức, bèn đến Hằng Sơn quy y với Pháp sư.

Khi nghe Đạo An Pháp sư giảng kinh *Bát Nhã*, tâm trí ngài mở thông tỏ ngộ diệu lý. Ngài bèn than rằng: “Nào ngờ

Phật thừa thâm diệu! Bấy lâu nay ủng công ta đeo đuổi theo bã rác Khổng, Mạnh, Lão, Trang!”.

Rồi ngài xin xuất gia, pháp hiệu Huệ Viễn.

Từ đó trở đi, ngài liền đêm ngày chuyên tâm đọc tụng, tư duy, tu tập. Đạo An Pháp sư thấy ngài chuyên cần nên khen rằng: “Phật pháp sẽ được lưu hành ở Trung Đông, tất do nơi Huệ Viễn này vậy”.

Năm Thái Nguyên thứ 6, nhà Tấn, đến Tầm Dương thấy cảnh núi Lô Sơn rộng rãi tĩnh mịch, phải nơi hành đạo, ngài bèn lập tịnh xá ở đó, hiệu là Long Tuyền ⁽¹⁾.

Lúc đó, Pháp sư Huệ Vĩnh bạn đồng sư của ngài, đã lập chùa Tây Lâm ở phía Tây Lô Sơn mời ngài cùng về Tây Lâm tự.

Được ít lâu, học chúng theo ngài quá đông, chùa Tây Lâm không đủ chỗ, ý ngài muốn lập cảnh khác ở phía Đông Lô Sơn. Sơn thần đến xin cúng cây gỗ. Rồi sau một đêm mưa to gió lớn, cây gỗ chông chát ngổ ngang. Quan Thứ Sử Hoàn Y phát tâm dựng tòng lâm cho ngài. Vì Sơn thần dâng gỗ và đối với Tây Lâm tự, nên để hiệu là “Đông Lâm Thần Vận tự”.

Khi nơi chốn đã yên, ngài liền đốc suất đại chúng hành đạo, đào ao trồng sen. Trên mặt nước thả bông sen gỗ 12 cánh. Cứ mỗi giờ là nước ngập một cánh, dùng định giờ hành đạo. Gọi là Liên lậu.

Lần lần những nhà đại trí thức mộ đạo ở bốn phương, như Giác Hiền, Phật Đà Gia Xá, Lưu Di Dân, Vương Kiều Chi v.v... nghe tiếng ngài nên đến xin dự chúng tu tập được 123 người, ngài bảo: “Quý vị đến chốn này phải chăng là người quyết chí nơi Tịnh Độ ư?”. Ngài bèn tạo tượng Di Đà, Quan Âm, Thế Chí. Lập hội Liên xã, bảo ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Người dự hội đều

ting tấn hành đạo, ngày đêm sáu thời không trễ, lần lượt đều chứng tam muội, đều được vãng sanh. Lúc lâm chung đều có thối ứng cả.

Ngài từng có lời phát huy ý nghĩa tam muội:

“Gọi tam muội đó là chi? Tức là chuyên tư tịch tướng vậy”.

“Chuyên tư” thời tâm trụ nơi nhứt. “Tướng tịch” thời khí rỗng thần sáng. Khí rỗng thời trí ngộ nơi lý. Thần sáng thời không chỗ kín nào mà chẳng thấu.

Lại các môn tam muội rất nhiều, nhưng dễ được mà công lại cao, thời duy có Niệm Phật tam muội là hơn hết. Vì cùng nơi huyễn, tốt nơi tịch mà tôn hiệu Như Lai. Thể hiệp, thần biến không chi sánh bằng. Vì thế nên người nhập tam muội này, tâm thần vắng bật vong sở tri. Chính nơi cảnh sở duyên đó mà thành trí huệ. Trí huệ sáng thời chiếu suốt nơi trong mà vạn tượng hiện bày rõ ràng vậy. Chỗ tai mắt không đến được mà vẫn thấy vẫn nghe. Vẫn thấy vẫn nghe mà tâm thần vẫn vắng bật, vắng bật mà tự nhiên trong sáng. Do trong sáng nên khi tham cứu bốn tâm, tình trệ liền dung lãng...”

Ngài thấy ở Giang Đông kinh tạng thiếu nhiều, nên sai các đệ tử băng núi vượt rừng, đến Tây Thiên thỉnh kinh. Các kinh luật lưu hành từ Lô Sơn gần đến trăm thứ.

Ngài có trứ tác bộ *Pháp Tánh Luận* phát minh chỉ thú Niết bàn thường trụ. Bộ luận này truyền đến Quan Trung. Pháp sư Cưu Ma La Thập được xem, liền khen rằng: “Ông Viễn ở biên phương chưa đọc *Đại Niết Bàn* kinh, mà lời luận lại hiệp với lý”.

Ngài trụ Lô Sơn hơn 30 năm, mà trọn không bước chân xuống núi lần nào. Ngày như đêm, ngài chuyên đề tâm nơi Tịnh độ, lặng lòng quán tưởng. Đã ba phen thấy Phật và Thánh chúng hiện thân, mà ngài trầm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ 12, đêm 30 tháng bảy, ngài ngồi nhập định nơi Bát Nhã đài. Lúc vừa xuất định mở mắt ra, thấy đức A Di Đà hiện thân nơi hư không với vô lượng Thánh chúng. Trong viên quang có vô số Hóa Phật. Quan Thế Âm Bồ tát hầu bên tả, Đại Thế Chí Bồ tát hầu bên hữu. Phật và Bồ tát đều ngự trên tòa sen báu đẹp sáng. Mười bốn tia sáng quanh lộn lên xuống như vòi nước, vang ra tiếng diễn nói những pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã, các môn Ba la mật...”

Đức Phật bảo ngài rằng: “Vì bốn nguyện lực nên nay ta đến an ủi ông, sau bảy ngày ông sẽ sanh về nước của ta”.

Ngài lại thấy những hội hữu trong Liên Xã đã tịch trước, như các ông: Phật Đà Gia Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân v.v... đều đứng phía sau Phật. Các ông ấy bước đến trước chấp tay chào ngài mà nói với ngài rằng: “Đại sư sớm phát tâm về Tịnh độ, sao lại muộn đến ngày nay?”.

Hôm sau, ngài thuật lại với các đệ tử: Pháp Tịnh, Huệ Bửu v.v... và bảo rằng: “Ta ở Lô Sơn này, trong 11 năm đầu, ba lần thấy Phật và Thánh chúng hiện thân. Nay lại thấy Phật thọ ký. Chắc chắn ta sẽ được sanh về Tịnh độ”.

Rồi ngài tự soạn quy chế để cho đại chúng y theo mà cùng ở cùng tu.

Đến ngày mùng 6 tháng Tám, ngài cáo biệt đại chúng, rồi đoạn tọa mà viên tịch, thọ 83 tuổi.

II. NHỊ TÔ THIỆN ĐẠO ĐẠI SU

(Trích: Phật Tổ Thống Kỷ, Lạc Ban Văn Loại)

Thiện Đạo Đại sư người thời nhà Đường. Trong năm Trinh Quán, ngài thấy văn Tịnh Độ Cửu Phẩm Đạo Tràng của Đạo Xước Thiên sư⁽²¹⁾, mừng lắm nói: “Đây mới thật là con đường mau thành Phật. Tu các hạnh môn khác quanh quất khó thành. Duy pháp môn này chóng thoát sanh tử”.

Từ đó, ngài dốc lòng tinh tấn đêm ngày lễ tụng. Ít lâu ngài đến Trường An khuyến khích tứ chúng niệm Phật. Mỗi khi ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa thiết đuối sức thời chưa chịu nghỉ. Lúc ra thời vì chúng mà diễn nói Pháp môn Tịnh độ. Cần khổ tự tu và siêng dạy người, trải ba mươi năm tròn, ngài không ngủ nghỉ.

Ngài lại được giới hạnh tinh nghiêm, không hề sai phạm, dầu là lỗi nhỏ. Khi được dâng cúng thực phẩm, món ngon tốt thời ngài bảo đem dọn cho chúng dùng, còn phần ngài chỉ dùng thứ xấu dở mà thôi. Bao nhiêu tài vật của đàn tín thí cho, ngài dùng tả được hơn mười vạn bốn kinh *Di Đà*, họa cảnh Tịnh độ được ba trăm bức. Ngoài ra thời dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thắp đèn nổi sáng, không để dư một mảy.

Kẻ tặng người tục đến quy đầu với ngài rất đông, lấy số vạn mà tính. Mọi người cảm đức giáo hóa của ngài, nên ai ai cũng đều tinh tấn tu trì cả. Người thời tụng kinh *Di Đà* từ mười vạn biến đến năm chục vạn biến. Kẻ thời mỗi ngày đêm niệm Phật từ một vạn đến mười vạn câu. Những người hiện tiền chứng tam muội, lúc lâm chung được vãng sanh có thoát ứng, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi: “Niệm Phật chắc được vãng sanh ư?”

Ngài đáp: “Ông gắng niệm Phật thời sẽ được toại nguyện”.

Đáp xong, ngài tự niệm “A Di Đà Phật”, liền có một tia sáng từ trong miệng ngài theo tiếng niệm mà xẹt ra. Ngài niệm mười câu đèn trăm câu, cứ mỗi câu là xẹt ra một tia sáng dài nối tiếp nhau làm sáng rực cả chùa.

Sự thần dị này truyền đến triều đình, vua Cao Tông phụng một tấm biển đề hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Ngài có bài kệ khuyên đời như vậy:

Lần lần tóc bạc da môi

Thấm thoát bước đi lụi cụi

*Dẫu rằng: vàng ngọc đầy nhà
 Đau khổ: già suy bệnh khổ
 Mặc ông sung sướng đủ điều
 Cái chết nó rồi cũng đến
 Duy có đường tắt tu hành
 Chỉ niệm A Di Đà Phật”.*

Có người gạn: “Sao Hòa thượng không dạy người quán tưởng Phật, mà chỉ bảo người trì danh hiệu Phật thôi?”.

Ngài đáp: “Chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, tâm thời thô phù mà cảnh Thánh rất tế diệu. Tình thức rộn ràng khó thành tựu quán trí được. Vì lẽ đó nên đức Phật xót thương khuyên người chuyên xưng danh hiệu.

Chính vì xưng danh hiệu là hạnh dễ làm nên nơi tâm mau được tương tục. Nếu có thể niệm niệm tương tục mãi đến trọn đời, thời mười người niệm, mười người vãng sanh, trăm người niệm trăm người vãng sanh.

Tại sao mà được như vậy?

Vì không có tạp duyên nên được chánh niệm. Vì tương ưng với bốn nguyện của Phật A Di Đà⁽¹³⁾. Vì không trái kinh giáo. Vì thuận theo lời Phật dạy.

Nếu bỏ hạnh chuyên niệm Phật, mà tu nhiều hạnh nghiệp xen tạp khác, thời trăm nghìn người tu khó có được ba bốn người giải thoát.

Tại sao vậy?

Vì tạp duyên loạn động nên mất chánh niệm. Vì không tương ưng với bốn nguyện của Phật. Vì trái với kinh giáo. Vì không thuận theo lời Phật dạy. Vì nhiếp niệm không được tương tục. Vì tâm không thường nhớ ơn Phật. Vì dẫu thực hành Phật sự mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích đeo

theo việc tập làm chướng ngại chánh hạnh vãng sanh của tự mình và của người.

Ngày gần đây, thấy những hàng Tăng tục các nơi giải hạnh không đồng nhau: người thường chuyên tu, kẻ thích tập hạnh. Nếu chuyên tâm niệm Phật thời quyết định mười người vãng sanh cả mười. Còn tập hạnh mà không chí tâm, thời ngàn người tu khó được một giải thoát.

Trông mong mọi người nên suy xét cho chín chắn, đi đứng nằm ngồi, đều nên kèm tâm nhiếp niệm khấn chặt nơi Phật, ngày đêm chớ để hở, thế quyết đến hơi thở cuối cùng. Nếu niệm trước mạng chung, niệm sau liền sanh Cực Lạc. Từ đây vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp thọ hưởng pháp lạc vô vi nhần đến thành Phật, như thế há lại không đặng sướng thích lắm ư!”

Ngài từng dạy phương pháp trợ chánh niệm cho người lúc lâm chung:

“Phàm người lúc lâm chung muốn sanh về Tịnh độ, cần nhứt chẳng đặng sợ chết. Nên tự suy nghĩ như vậy: báo thân này là gốc khổ. Nó là dây da đưng đầy đồ nhơ nhớp. Nó là gốc của tất cả sự khổ lụy. Nếu ta rời được đồng thối hôi thúi này mà siêu sanh Tịnh độ, thọ thân vàng kim cương, hưởng vô lượng sự vui thanh tịnh, giải thoát hẳn sanh tử luân hồi. Như cởi áo rách mà đổi lấy trân phục, còn gì thích ý bằng.

Suy nghĩ như thế rồi liền phóng hạ thân tâm, đừng có quan niệm tham luyến. Vừa mang phải bệnh, bèn quán vô thường nhứt tâm niệm Phật chờ chết.

Lại cần phải dặn người nhà và người đến thăm, hễ khi đến gần mình thời vì mình mà niệm Phật. Nhứt quyết không được nói chuyện đời nọ kia, cùng việc nhà việc cửa. Cũng chẳng cần cầu chúc an vui, vì đều là sự hư hoa vô ích cả.

Nếu bệnh ngặt sắp chết, quyền thuộc chẳng được khóc than, không được mắt mũi sụt sùi, làm loạn động tâm thần, hư mất chánh niệm của người bệnh. Chỉ nên nhắc nhở nhớ Phật, niệm Phật, tưởng Phật, cùng rập nhau to tiếng niệm Phật, để giúp chánh niệm cho người bệnh. Như vậy luôn đến lúc người bệnh dứt hơi thở. Nhưng cũng chẳng nên vội động đến thân, phải luân phiên niệm tụng càng lâu càng tốt.

Lúc bệnh cho đến lúc chết, nếu được có người hiểu rành Pháp môn Tịnh độ thường đến nhắc nhở chỉ bảo thời may mắn lắm.

Dùng phương pháp trợ niệm ấy thời quyết được vãng sanh không còn nghi ngờ gì nữa.

Việc chết là sự rất lớn, cần phải tự mình gia công, gắng sức mới đặng. Một niệm sai lầm ắt phải chịu khổ nhiều đời nhiều kiếp, ai thay thế cho mình được! Nên tự xét lấy! Nên tự nghĩ lấy!”.

Một hôm, Ngài vội bảo mọi người rằng: “Thân này đáng nhàm, ta sắp sửa về Cực Lạc”.

Rồi ngài tự leo lên ngọn cây dương liễu trước chùa, chấp tay hướng về Tây phương mà nguyện rằng: “Xin Phật tiếp dẫn tôi, Bồ tát giúp tôi chẳng mất chánh niệm được sanh về Cực Lạc”.

Nguyện xong, ngài tự gieo mình xuống. Thân nhẹ nhàng rơi và tự nhiên ngồi kiết già ngay thẳng trên mặt đất. Đại chúng vội chạy đến, thời ngài đã tịch rồi.

ĐƯƠNG LIÊN HÀNG

(Trích ở bộ: Cận Đại Vãng Sanh Truyện.

Một truyện vãng sanh do sức trợ niệm, chứng thật lời Tổ)

Ông Dương Liên Hàng người Triết Giang. Nhà nghèo, thuở trẻ làm nghề buôn bán.

Năm Dân Quốc thứ 2, ông thường tới lui nghiên cứu Phật lý với Giác Hàng cư sĩ, đầu văn học của ông cạn ít, những chỗ giải ngộ thời hơn người.

Tháng Chín năm Quý Hợi, các đạo hữu trong hội Niệm Phật tại làng đồng nhau làm lễ tuyên thệ phát Bồ đề tâm. Ông Liên Hàng liền xin dự hội và đồng tuyên thệ.

Năm Giáp Tý, cuối mùa Xuân, nhơn bệnh, ông bèn lên phá giới bắt sát, từ đó xa lìa các đạo hữu.

Đêm tháng bảy, bệnh ông thêm nặng. Các đạo hữu đến thăm và có lời răn nhắc ông. Riêng phần ông cũng tự biết không thể mạnh được, nên ông hết sức ăn năn. Ngày mùng 8 tháng Bảy, ông gượng bệnh đến trước Phật chí thành phát lộ. Gieo mình sám hối, thệ chẳng lại dám phạm giới nữa. Từ giờ đó trở đi bỏ hết các việc, dứt trừ ái dục, chí tâm niệm Phật chờ chết.

Các đạo hữu biết ông công phu niệm Phật kém, nên đến ngày 11, thỉnh người đến nhà trợ niệm cho ông. Ngày Rằm, các đạo hữu tự luân phiên đến trợ niệm; cũng từ ngày Rằm này, tinh thần của ông lần lần thanh sáng, thân thể khỏe khoắn.

Đến ngày 17, ông bảo mọi người rằng trong giấc mộng ông thấy quang minh như năm sáu ngọn đèn điện. Chiều tối, thấy ông vẫn tươi tỉnh như thường, các đạo hữu cho rằng ông chưa sao. Nên sau một thời to tiếng niệm Phật, các đạo hữu sắp sửa về nhà nghỉ. Nào ngờ lúc ấy trợ niệm đã đắc lực. Ông nghe yên lặng, bèn kêu nói: “Tôi còn chưa được đến Tây phương, cần phải nhờ chư đạo hữu trợ niệm suốt đêm nay”.

Mọi người nghe ông nói có ý lạ, nên cùng nhau to tiếng niệm Phật. Được nửa giờ, ông bỗng cười và nói rằng: “Tôi đã đến Cực Lạc. Ôi! Hoa sen đẹp quá! Ôi! Ao báu rộng lớn quá! Quang minh sáng đẹp quá!”. Rồi ông lại căn dặn mọi

người gắng trợ niệm cho ông. Từ giờ này trở đi, ông nằm yên không cử động, hai mắt chăm nhìn tượng Phật cúng trên bàn trước giường nằm. Đến sáng sớm ngày 18, hai mắt ông mới nhắm lần, hơi thở cũng mãn. Các đạo hữu chỉ có 4 người, mà trọn đêm trợ niệm không dứt tiếng, niệm đến sau khi ông hết thở một giờ rưỡi, mới gọi người khác niệm thay và không cho thân quấy than khóc. Đến mười giờ trưa, mọi người cùng khám thân ông, tất cả chỗ đều lạnh. Chỉ trên đỉnh đầu còn ấm nóng.

Ông Dương Liên Hàng được vãng sanh, toàn nhờ sức trợ niệm của các đạo hữu. Năm đó ông được 30 tuổi.

*

LỜI PHỤ

Ông Liên Hàng công phu niệm Phật kém mà lại phá giới “bất sát”, nhờ các đạo hữu tận lực trợ niệm nên được chánh niệm hiện tiền mà vãng sanh. Ông vãng sanh có hai điều chứng nghiệm: 1.- Mãi đến dứt thở mà chánh niệm vẫn vững. 2.- Cả thân đều lạnh, chỉ đỉnh đầu còn nóng. Phạm người sau khi chết mà đỉnh đầu nóng sau cùng đó là triệu chứng được siêu phàm nhập Thánh. Người vãng sanh Cực Lạc liền dự hàng Thánh, trụ bậc Bất thoái chuyển, thoát hẳn vòng sanh tử luân hồi, nên đỉnh đầu nóng sau cùng.

Tại sao sự trợ niệm có đại lực như thế?

Vì mọi người, ngoài xác thân tứ đại, ai cũng có một thức thần, tức là tánh hiểu biết phân biệt. Tánh hiểu biết ấy là công dụng của tự tâm thể (đệ bát thức). Tâm thể này gồm đủ cả năng lực của mọi công dụng, và nó tùy theo duyên nhiễm tịnh, thiện ác mà hiện ra thân và cảnh của tất cả Thánh phàm. Lúc sắp chết, là lúc công dụng hiện ra, thân hiện tại đây sắp mãn,

và cũng là lúc một năng lực khác sẽ theo trợ duyên để trở nên công dụng kết thành một thân tương lai.

Nhờ sức trợ niệm mạnh, nên mặc dầu người sắp chết, sanh bình Thánh nghiệp chưa thành, mà năng lực siêu phàm sẵn có, nơi tự tâm liền theo duyên chánh niệm mà thành công dụng kết nên thân cảnh thanh tịnh: chánh báo và y báo ở Cực Lạc.

Kết quả tốt đẹp này do hai điều: A.- Trợ duyên. B.- Chánh nhơn.

- Trợ duyên:

1. Dứt bật tất cả sự bận lòng như việc gia đình sự nghiệp, quyền thuộc khóc than v.v...

2. Người trợ niệm phải chí thành tận tâm đúng pháp.

- Chánh nhơn:

3. Người sắp chết phải quên tất cả việc đời.

4. Phải nhứt tâm tha thiết nhớ Phật, niệm Phật, như trẻ thơ rớt hố sâu, mong mẹ đến cứu.

Phần trợ duyên thứ nhứt để giúp nên chánh nhơn thứ nhứt, vì có dứt tất cả sự bận lòng thời nơi người sắp chết mới có thể quên tất cả sự đời được.

Phần trợ duyên thứ hai để giúp nên chánh nhơn thứ hai, vì người trợ niệm có tận thành đúng pháp, thời nơi người sắp chết mới có thể phát khởi chánh niệm được.

Người sắp chết, nếu được đầy đủ trợ duyên và chánh nhơn, đây thời quyết định vãng sanh, không luận là người tu lâu hay kẻ mới quy tín, cũng không luận người lành hay kẻ dữ. Ở tập sau của bộ này, ta sẽ được thấy nhiều chứng nghiệm nơi lược sử của tứ chúng vãng sanh.

III. TAM TỔ THỪA VIỄN ĐẠI SƯ

(Trích ở bộ Liễu Tử Hậu Văn Tập)

Đại sư ban đầu học đạo với Đường Thiên sư tại Thành Đô, kế theo học với Tân Thiên sư ở Tứ Xuyên, sau đến kinh Châu tham học với Chơn Thiên sư ở Ngọc Tuyền.

Sau khi đã đại ngộ, đạo lực đã thành, Chơn Thiên sư bảo ngài đến Hoành Sơn ở, để hóa độ người.

Lúc đầu, ngài đến ở dưới gộp đá phía Tây Nam của non Hoành. Có ai thí cho cơm cháo thời ăn, hôm nào không thí chủ thời ngài ăn bần, không hề đi quyên xin, đến nỗi mình gầy mặt nám, trên thân chỉ một cái y rách.

Về phần truyền giáo, thời ngài đứng nơi trung đạo mà dạy người pháp môn chuyên niệm Phật để mau được thành công.

Ngài viết lời Phật dạy ra nơi bên đường, bên khe. Khắc giáo pháp lên trên đá, trên vách. Tận tụy khuyên bảo người không nệ mệt nhọc.

Không bao lâu người tin hướng theo ngài, lấy số vạn mà kể. Rồi kẻ mang tiền mang gạo, kẻ đốn cây đẵn gỗ, mọi người đồng tâm xây chùa dựng điện. Ngài vẫn thản nhiên, không khước từ, cũng không bảo làm. Chẳng mấy lúc mà cụm rừng hoang đồi thành cảnh Di Đà Tự đồ sộ.

Phần riêng ngài, vẫn y rách cơm thô. Có ai cúng thí dư ra thời bảo đem cứu giúp kẻ nghèo đói tật nguyên.

Năm Trinh Nguơn thứ 18, nhà Đường, ngày mười chín tháng bảy, ngài thị tịch nơi chùa Di Đà, thọ 91 tuổi.

Trước đây có ông Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn, một hôm nhập định, thần du Cực Lạc. Thấy có ông Tăng đắp y rách đứng hầu bên đức Phật. Đức Phật chỉ ông Tăng ấy mà bảo ông Pháp Chiếu rằng: “Đây là ông Thừa Viễn ở Hoành Sơn đấy!”.

Sau khi xuất định, ông Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm, khi gặp ngài thời rõ ràng là ông Tăng y rách đã thấy trong định, ông bèn xin theo hầu.

Sau khi ngài tịch, ông Pháp Chiếu đi truyền giáo các nơi, triều vua Đại Tông nhà Đường phong vị Quốc sư. Pháp Chiếu thuật đạo hạnh của thầy mình với vua. Nhà vua liền xoay về phía Hoành Sơn mà đánh lễ. Rồi nhà vua truyền chỉ đặt hiệu chỗ ở ngài là Bác Chu Đạo Tràng, và truyền ông Liễu Tôn Ngươn soạn bài văn ký sự khắc vào bia đá dựng bên chùa Di Đà.

IV. TỨ TỔ PHÁP CHIẾU ĐẠI SƯ

(Trích: Tổng Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại)

Pháp Chiếu Đại sư ban đầu ngài ở chùa Vân Phong tại Hoành Châu chuyên cần tu tập.

Năm Đại Lịch thứ tư nhà Đường, ngài mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội, cảm đến mây lành giăng che, trong mây hiện cung điện, Đức A Di Đà Phật và Quan Thế Âm, Đại Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không. Khắp thành Hoành Châu, nam nữ già trẻ đều đặt bàn thắp hương đánh lễ.

Do Phật và Bồ tát hiện thân như thế, nên mọi người đều phát tâm tinh tấn hành đạo. Đạo tràng này, ngài khai được năm hội.

Năm Đại Lịch thứ năm, ngài được gặp Văn Thù và Phổ Hiền hai vị đại Bồ tát tại chùa Đại Thánh Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn. Hai vị Bồ tát khuyên ngài gắng chuyên chí nơi pháp môn niệm Phật để giáo hóa mọi người, đồng thọ ký cho ngài sẽ được vãng sanh Cực Lạc và mau chứng quả Vô thượng Bồ đề ⁽¹⁴⁾.

Triều vua Đức Tông, ngài mở đạo tràng niệm Phật ở Tinh Châu cũng được năm hội.

Mỗi đêm khuya, vua và người trong cung thường nghe vắng tiếng niệm Phật rất thanh. Nhà vua bèn sai người theo

tiếng mà tìm và sau khi biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu. Nhà vua bèn phái sứ giả mang lễ thỉnh ngài vào triều.

Ngài mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung cũng được năm hội. Vì thế nên người đời gọi là Ngũ Hội Pháp sư.

Một hôm, đang lúc định tâm niệm Phật, bỗng có một vị Thánh Tăng hiện đến bảo ngài rằng: “Tòa sen báu của Pháp sư đã hoàn thành. Ba năm sau thời hoa nở”. Dứt lời, Thánh Tăng liền ẩn.

Đúng ba năm sau, ngài hội đại chúng lại mà dặn rằng: “Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu”.

Dặn bảo xong, ngài ngồi ngay mà tịch.

V. NGŨ TỔ THIẾU KHƯƠNG ĐẠI SƯ

(Trích: Tổng Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại)

Thiếu Khương Đại sư, họ Châu, người Tiên Đô. Lúc bé, câm từ khi sanh. Năm bảy tuổi, ngài theo mẹ vào chùa Linh Sơn lễ Phật. Mẹ chỉ Phật mà hỏi đùa: “Con biết ai đó không?”.

Ngài bỗng đáp rằng: “Thích Ca Mâu Ni Phật”.

Biết là có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài bèn cho ngài xuất gia.

Năm 15 tuổi, ngài thông suốt được năm bộ kinh.

Nhà Đường, năm Trinh Nguyên thứ nhứt, ngài viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ cát kinh sách trong điện có ánh sáng xẹt ra, ngài tìm xem, thời ánh sáng ấy phát ra từ tập văn Tây Phương Hóa Đạo của Nhị Tổ Thiện Đạo Đại sư. Ngài vái rằng: “Nếu tôi có duyên với Tịnh độ, nguyện tập văn này lại phóng quang minh”. Ngài vừa nguyện dứt lời, tập văn ấy liền chiếu sáng; trong ánh sáng

dạn dạn có Hóa Bồ tát. Ngài nói: “Kiếp thạch có thể mòn, chớ chí nguyện tôi quyết không dời đổi”.

Rồi ngài đến Trường An lễ di tượng của Nhị Tổ Thiện Đạo Đại sư. Khi đương lễ, tượng của Tổ bỗng bay lên hư không lại có tiếng bảo ngài rằng: “Ông y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh, ngày sau công đức thành tựu sẽ sanh về Cực Lạc”.

Ngài đến Giang Lăng, gặp một sư cụ bảo: “Ông muốn truyền đạo thời nên đến Tân Định, cơ duyên ở đó”. Dứt lời, sư cụ bỗng biến mất.

Ngài đến Tân Định thấy người xứ ấy chưa ai biết niệm Phật là gì. Ngài quỳn tiền rồi dụ các trẻ nhỏ niệm Phật. Lúc đầu các trẻ niệm một câu Phật thời ngài thưởng một tiền. Sau lần lần mười câu thưởng một tiền. Ít lâu không cần thưởng tiền chúng nó cũng niệm. Trước thời có mặt ngài chúng mới niệm. Sau rồi chỗ nào và lúc nào chúng nó cũng vẫn niệm. Chúng niệm Phật nơi đường, chúng niệm Phật trong nhà. Hơn một năm sau, cả xứ Tân Định, mọi người đều biết niệm Phật, và phàm nam nữ già trẻ hễ thấy ngài liền niệm “A Di Đà Phật”. Người người tay lần chuỗi miệng lẩm nhẩm, tiếng niệm Phật vang khắp các nơi.

Ngài bèn lập Tịnh độ đạo tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp. Cứ đến ngày trai, các thiện tín nam nữ đều họp nơi đó để cùng nhau niệm Phật và nghe pháp. Thường số người họp trên ba nghìn. Ngài ngồi trên tòa cao, to tiếng xưng hiệu Phật rồi đại chúng đồng hòa theo. Ngài xưng một câu, thời đại chúng thấy một đức Phật nhỏ từ trong miệng ngài mà ra, mười câu là mười Phật, nối liền nhau như râu chuỗi. Ngài bảo đại chúng: “Quý vị đã được thấy Phật, chắc sẽ được vãng sanh”. Mọi người đều mừng lắm.

Năm Trinh Nguyên thứ 21, tháng Mười, ngài họp hết kẻ Tăng người tục lại rồi dặn rằng: “Với thế giới ác trược này,

mọi người nên nhàm chán; với Cực Lạc Tịnh Độ kia, nên hết lòng tăng tấn. Giờ này ai thấy được quang minh của ta, thời thiệt là đệ tử của ta”.

Nói xong, ngài xòe tay phóng ra vài tia sáng đẹp dài, rồi ngồi yên mà tịch.

Đại chúng xây tháp ngài ở Đài Nham, hiệu là Đài Nham Pháp sư.

VI. LỤC TỔ DIÊN THỌ ĐẠI SƯ

(Trích: Lạc Ban Văn Loại, Vạn Thiện Đồng Quy Tập)

Diên Thọ Đại sư, người Tiền Đường, họ Vương, tự Xung Huyền. Thuở thiếu niên thường trì tụng kinh *Pháp Hoa*, cảm bày dê quỳ mọp nghe kinh.

Lớn lên, ngài làm quan coi về việc thuế vụ cho Văn Mục Vương. Nhiều lần ngài lấy tiền công đến Tây Hồ mua cá trắng phóng sanh. Việc lấy tiền công bị phát giác. Hình quan thẩm định tội của ngài đáng xử tử.

Lúc dẫn ngài đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật sai người theo rình xem gương mặt, nếu có vẻ lo sợ buồn thảm thời cứ chém, còn nếu ngài vẫn vui vẻ thản nhiên thời phải đem ngài về trình lại. Thấy từ lúc dẫn đi cho đến lúc sắp sửa chém, nét mặt của ngài vẫn không có lộ vẻ sợ buồn mà lại có vẻ hân hoan là khác. Sứ giả liền truyền lệnh của Văn Mục Vương cho quan giám trảm rồi đem ngài về ra mắt Vương.

Wương hỏi: “Ông không sợ chết chém ư?”

Ngài đáp: “Tôi tư dụng của công khổ một số tiền lớn, tội đáng chết, nhưng toàn bộ số tiền đó tôi dùng mua chuộc muôn ức sanh mạng. Tôi tin rằng do công đức phóng sanh ấy, dầu thân này có chết, tôi sẽ được vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Vì thế nên tôi không lo sợ”.

Văn Mục Vương cảm động bèn ra lệnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Ngài đến Tứ Minh thọ pháp với Túy Nham Thiền sư. Sau ngài tham học với Thiệu Quốc sư ở Thiên Thai phát minh tâm yếu, được Thiệu Quốc sư ấn khả.

Ngài từng tu Pháp Hoa Sám ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán, thấy đức Quan Thế Âm Bồ tát rưới nước cam lộ vào miệng, từ đó ngài đặng biện tài vô ngại.

Ngài dẫu tu Thiền, song lòng rất mộ Tịnh. Vì muốn có chỗ chuyên chú, ngài bèn đến thiền viện của Trí Giả Đại sư làm hai lá thăm, một lá đề “Nhứt tâm thiền định”, một lá đề “Trang nghiêm Tịnh độ”. Rồi ngài chí thành hương Tam Bảo mà rút thăm. Luôn bảy lần đều rút nhằm lá “Trang nghiêm Tịnh độ”. Từ đây ngài nhứt tâm tu tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ hai, nhà Tống, Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh ⁽¹⁵¹⁾, tôn hiệu là Trí Giác Thiền sư. Ngài ở Vĩnh Minh 15 năm, độ được 1.700 vị Tăng.

Mỗi ngày đêm, Đại sư công khóa 108 việc. Đại sư thường truyền Bồ tát giới, mua thả sanh mạng, thí thực quỷ thần, tất cả công đức đều hồi hướng Tịnh độ. Ban đêm ngài qua gộp núi khác niệm Phật, lấy số mười vạn câu làm chừng. Những người ở gần chỗ ngài niệm Phật, có lúc nghe tiếng loa bồi thiên nhạc du dương. Về phần kinh *Pháp Hoa*, trọn đời ngài tụng được một muôn ba nghìn bộ. Ngài có trứ tác bộ *Tông Cảnh Lục* 100 quyển, hội chỉ thú đồng dị của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Ngài có viết tập *Vạn Thiện Đồng Quy*, trong tập này, về đoạn chỉ quy Tịnh độ, lời lẽ thiết yếu, đại lược như dưới.

Hỏi: Duy tâm Tịnh độ cùng khắp mười phương, sao lại móng tâm thủ xả, mà cầu thác sanh liên đài, gửi thân Cực Lạc.

Như thế đâu hiệp môn vô sanh, và đã có tâm nhằm uế thích tịnh thời đâu thành bình đẳng?

Đáp: Sanh về duy tâm Tịnh độ là phần của bậc liễu đạt tự tâm. Kinh *Như Lai Bát Tư Nghị Cảnh Giới* nói: “Tất cả tam thế chư Phật đều duy tâm lượng, đặng Tùy thuận nhân, hoặc nhập Sơ địa, xả thân mau sanh Cực Lạc quốc độ”. Do đây mà biết rằng người đạt tự tâm mới sanh duy tâm Tịnh độ, còn hàng chấp cảnh chỉ cuộc trong cảnh sở duyên. Đã có hơn quá không sai, mới rõ ngoài tâm không thật pháp.

Lại môn bình đẳng cũng chỉ thú vô sanh, dầu tin theo lời Phật, nhưng ngặt vì lực lượng chưa đủ, quán trí cạn, tâm tưởng thô, trần cảnh mạnh, tập khí nặng, cần phải sanh Tịnh độ, để được nương nơi duyên thù thắng, nhân lực mới dễ thành, mau viên mãn Bồ tát đạo.

Thập Nghi Luận nói: “Người trí dầu mạnh mẽ cầu sanh Tịnh độ, nhưng đạt được lý sanh thể bất khả đắc, tức là chơn vô sanh. Đây là nghĩa “vì tâm tịnh mà Phật độ tịnh”. Người ngu bị “sanh” nó trói buộc, nghe “sanh” liền cho là “sanh”, nghe “vô sanh” liền cho là “vô sanh” mà chẳng hiểu lý: “Sanh là vô sanh, vô sanh là sanh” nên rồi thị phi với nhau. Đây là kẻ tà kiến báng pháp.

Hỏi: Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai, sao lại có việc thấy Phật và Phật đến rước?

Đáp: Duy tâm niệm Phật, dùng duy tâm quán khắp cả vạn pháp. Đã rõ cảnh là tâm, biết tâm là Phật, cho nên niệm đâu cũng là Phật cả.

Kinh *Bát Chu tam muội* nói: “Như người nằm mộng thấy thất bảo, và quyến thuộc vui vậy. Thức dậy nhớ nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu vừa thấy đó ở đâu. Niệm Phật cũng như vậy”.

Đây là dụ cho cảnh do tâm làm ra, chính có mà là không, cho nên không Phật, cũng không lai, khứ. Lại như huyễn không thật, thời tâm và Phật đều bật. Mà chẳng phải là không huyễn tướng, thời tâm và Phật rõ ràng. “Không” và “có” đã vô ngại, nên chính không khứ lai nhưng chẳng ngại gì thấy Phật đến. Đương thấy chính là không thấy, thường hiệp với trung đạo. Vì thế nên Phật thiết không đến, tâm cũng chẳng đi, nhưng cảm ứng đạo giao duy tâm tự thấy. Như người gây tội nặng, cảm tưởng địa ngục. *Duy Thức Luận* nói: “Tất cả như người địa ngục đồng thấy ngục tốt v.v... làm những sự khổ hại cho mình”. Vì lẽ đó, nên đều là do tâm ác nghiệp của kẻ gây tội hiện ra, trọn không có chớ đồng rấn sất thiết ở ngoài tâm. Tất cả sự, tất cả pháp trong đời cũng đều như thế cả.

Hỏi: *Quán Kinh* dạy 16 pháp quán, đều là nhiếp tâm tu định, quán tướng hảo của Phật cho đặng thấy rõ ràng đều đủ mới bước đến cõi tịnh. Người tán tâm làm sao vãng sanh được?

Đáp: Cực Lạc chín phẩm có cao và thấp, nhiếp cả các hạng thượng, trung và hạ, nhưng không ngoài hai tâm này:

A. “Định tâm”, tu tập định quán thời Thượng phẩm vãng sanh.

B. “Chuyên tâm”, chỉ chuyên niệm danh hiệu cùng thực hành các điều thiện, rồi hồi hướng phát nguyện thời đặng thành phẩm dưới. Nhưng cần phải trọn đời chuyên cần. Lúc ngồi nằm đều phải xoay mặt về hướng Tây. Trong những lúc hành đạo, lễ kính, hồi hướng, phát nguyện, phải thiết tha cầu khẩn, lòng không xao lãng. Như đương bị ngục tù, như đương bị giặc bắt, như đương bị trôi, bị cháy, nhứt tâm cầu Phật cứu, nguyện thoát khỏi biển khổ sanh tử sanh về Tịnh độ, mau chóng vô sanh độ khắp mọi loài, để nối thành ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ơn. Nếu ai chí thành được như vậy thời quyết đặng kết quả.

Như hoặc ngôn hạnh không xứng đáng, tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhứt, không nối liền mà thường có ý xao lãng. Giải đãi như vậy, đến lúc lâm chung cầu sanh, e rằng nghiệp chướng trở ngại khó gặp thiện hữu. Thân bị bức rút đau khổ khó giữ vững chánh niệm. Vì hiện tại đây là “nhon”, lúc lâm chung là “quả”. Nếu lo nhon cho chắc thiết thời quả quyết không hư luống. Như tiếng hòa nhã thời vang dội dàng. Như hình ngay thời bóng thẳng.

Như muốn đến lúc lâm chung thập niệm thành tựu, thời hiện tại phải lo sắm sửa trước chuyên tâm niệm Phật, chứa nhóm công đức, hồi hướng cầu vãng sanh, niệm niệm không quên Phật, không rời Cực Lạc. Như thế mới chắc chắn mà khỏi lo ngại.

Vả, hai đường thiện và ác, hai báo khổ và vui đều là do ba nghiệp (thân, khẩu, ý) gây nên.

Nếu tâm sân hận, tà dâm: đó là nghiệp Địa ngục.

Bỏn sẻn tham lam không xả thí: đó là nghiệp Ngạ quỷ.

Đần độn ngu si: là nghiệp Súc sanh.

Ngã mạn cống cao: là nghiệp Tu la.

Kiên trì ngũ giới: là nghiệp Người.

Ròng tu thập thiện: là nghiệp Trời.

Chứng ngộ nhon không: là nghiệp Thanh văn.

Thấu rõ duyên sanh vô tánh: là nghiệp Duyên giác.

Tu trọn lục độ: là nghiệp Bồ tát.

Chơn từ bình đẳng: là nghiệp Phật.

Nếu tâm niệm thanh tịnh thời đài vàng hoa báu, hóa sanh nơi Tịnh độ. Còn tâm niệm như đục thời gò nông hầm hố, thọ thai nơi cõi uế. Đây đều là quả đẳng luân, cảm lấy duyên tăng thượng. Cho nên nhon cùng quả, rời ngoài tâm

nguyên, không có tự thể riêng khác. Muốn đặng quả báo thanh tịnh thời phải thực hành như hạnh thanh tịnh. Như nước thời tánh chảy xuống, lửa thời tánh bốc lên, thế tất nhiên như vậy, có gì mà nghi ngờ.

Lại vì người học đạo thời bấy giờ, phân vân nơi Thiền và Tịnh, chưa biết nên tu theo môn nào là hơn và chắc chắn, nên ngài có bốn bài kệ để so sánh sự lợi sự hại của hai môn:

Có Thiền mà không Tịnh độ
 Mười tu, chín kẻ dần dà
 Ấm cảnh nếu hiện tiền
 Thoạt theo nó mà đi.
 Không Thiền mà có Tịnh độ
 Mười người tu, mười vãng sanh
 Đặng gần Phật Di Đà
 Lo gì không khai ngộ.
 Có Thiền lại có Tịnh độ
 Như cọp mạnh thêm sừng
 Hiện đời làm thầy người
 Đời sau làm Phật, Tổ.
 Không Thiền không Tịnh độ
 Giường sắt cột đồng chờ
 Muôn kiếp cùng nghìn đời
 Không chỗ nương tựa được. ^([6])

Nhà Tống, năm Khai Bửu thứ tám, ngày 26 tháng hai, sáng sớm dậy, ngài thắp hương lễ Phật. Lễ xong, ngài nhóm đại chúng lại dặn dò răn dạy, rồi ngồi kiết già trên pháp tọa mà thị tịch, thọ 72 tuổi.

Ít lúc sau có ông Tăng từ Lâm Xuyên đến chùa, trọn năm lễ tháp của Đại sư. Người gạn hỏi. Ông Tăng ấy đáp: “Năm trước tôi có bệnh, thần thức vào U minh, thấy phía bên điện có thờ tượng một vị Hòa thượng. Minh Vương cung kính lễ lạy. Tôi hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diên Thọ Thiên sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu, ngài đã vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới bậc Thượng thượng phẩm. Minh Vương trọng đức, nên thờ kính ngài”.

VII. THẤT TỒ TỈNH THƯỜNG ĐẠI SƯ

(Trích ở bộ *Phật Tổ Thống Ký*)

Tỉnh Thường Đại sư, người Tiền Đường, họ Nhan, tự Thứu Vi, xuất gia hồi thuở mới lên bảy.

Trong khoảng niên hiệu Thuận Hóa nhà Tống, ngài trụ chùa Nam Chiêu Khánh. Vì mộ Tịnh độ đạo tràng ở Lô Sơn, ngài lập Liên xã, khắc tượng A Di Đà Phật. Ngài tự chích lấy máu chép phẩm *Tịnh Hạnh* trong kinh *Hoa Nghiêm*. Nhon đó bèn đổi tên Liên xã làm Tịnh Hạnh Xã. Hàng sĩ phu trí thức thời bấy giờ dự hội được 120 người. Tướng quốc Vương Văn Đán làm hội thủ. Mọi người đều tự xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Về phần Tỳ kheo Tăng, Đại sư độ được trên nghìn người.

Năm Thiên Hy thứ 4, ngày mười hai tháng giêng, Đại sư đoan tọa niệm Phật, giây lát bỗng nói to rằng: “Phật đã đến!”. Rồi yên lặng mà tịch, thọ 62 tuổi.

Giờ ngài tịch, cả đại chúng đều thấy mặt đất biến thành sắc huỳnh kim, rất lâu mới trở lại màu cũ.

*

LỜI PHỤ

Kinh dạy: “Tất cả do tâm tạo”, “Tâm tịnh thì Phật độ tịnh”. Luận nói “Vạn pháp duy thức biến”. Vĩnh Minh Đại sư bảo: “Nếu tâm niệm thanh tịnh thời đài vàng hoa báu hiện”. Tâm niệm của Tịnh Hạnh Đại sư đã thuần tịnh, đây là tịnh nhơn. Tất hiện thành Phật độ thanh tịnh, đây là tịnh quả. Vì tịnh quả quá mãnh liệt nên đất uế này bị ảnh hưởng mà tạm biến ra sắc huỳnh kim, cả đại chúng cũng được nhờ lây nên tự thấy đất vàng hiện.

Quả vị của Đại sư tất ở bậc Thượng thượng phẩm.

VIII. BÁT TỔ CHÂU HOẰNG ĐẠI SƯ

(Trích ở bộ Vân Thê Pháp Vựng)

Châu Hoằng Đại sư, người Hàng Châu, họ Trâm, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì ⁽¹⁷⁾. Năm 17 tuổi đã được bổ làm Giáo thọ, có tiếng là người học hạnh gồm đủ. Bên nhà ngụ có mù già, mỗi tối niệm Phật vài nghìn câu làm thường khóa. Đại sư hỏi. Mụ đáp: “Chồng tôi lúc sanh tiền chuyên trì niệm Phật. Đến ngày lâm chung không bệnh, vui vẻ vòng tay cáo từ mọi người mà đi. Do đó, nên tôi biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn”.

Từ khi nghe lời mù già lảng giềng nói, Đại sư để tâm nơi pháp môn Tịnh độ. Ngài viết bốn chữ lớn “Sanh tử sự đại” treo trước bàn để tự răn nhắc.

Năm 32 tuổi xuất gia, ngài đến học với Biện Dung Thiền sư, Tiểu Nham Thiền sư, tham cứu câu “Niệm Phật đó là ai?” được tỉnh ngộ.

Năm Long Khánh thứ năm, nhà Minh, Đại sư khát thực ở Vân Thê, thấy cảnh núi u nhã bèn cất am ở, trong núi có nhiều cọp dữ. Đại sư hành Du Già Diệm Khẩu, cọp không khuấy hại người.

Năm đó trời nắng hạn. Người xứ ấy cầu Đại sư đảo võ. Ngài nói: “Tôi chỉ biết niệm Phật, không tài nghệ gì khác”. Mọi người cố thỉnh, Đại sư cảm lòng thành khẩn của dân chúng, bèn tay cầm mõ, đi bộ theo bờ ruộng mà niệm Phật. Mưa to liền xối xuống. Dân chúng vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức cất chùa xây điện. Tăng chúng quy tụ, không mấy lúc mà thành cảnh tòng lâm lớn.

Đại sư chủ trương Tịnh độ Cực Lạc bác bỏ cuồng thiên. Ngài trứ tác bộ Phật Thuyết *A Di Đà Kinh Sớ Sao*, dung hội cả sự lẫn lý, lợi khắp ba căn rất là uyên áo.

Đại sư một mặt chuyên tu Tịnh độ và giáo hóa người, một mặt thường thực hành các điều thiện để trợ tịnh nghiệp: thâm định nghi *Thủy Lục* và văn *Du Già Diệm Khẩu* để cứu khổ u minh, khai ao phóng sanh, và làm văn giới sát. Năm Vạn Lịch thứ 40, cuối tháng Sáu, Đại sư đi vào thành từ biệt các đệ tử và những người cô cụ rằng: “Tôi sắp đi nơi khác”. Rồi ngài trở về đái trà từ biệt đại chúng. Mọi người không hiểu là có gì.

Chiều mừng một tháng bảy, Đại sư vào nhà Tăng nói: “Ngày mai tôi đi”.

Qua chiều hôm sau, Đại sư kêu mệt rồi vào tư thất đoan tọa nhắm mắt. Tăng chúng và các đệ tử, các người cô cụ trong thành đều hội đến. Đại sư mở mắt ra nhìn mà bảo rằng: “Đại chúng phải niệm Phật cho chín chắn, chớ nghi ngờ cũng đừng phá hoại quy củ của tôi”. Dặn xong, Đại sư chấp tay hướng về Tây phương, xướng hồng danh của Phật mà tịch, thọ 81 tuổi.

PHỤ VẤN ĐÁP

(*Trích Vân Thê Pháp Vựng*)

Ông Tào Lỗ Xuyên hai phen gửi thơ đến Vân Thê gạn hỏi, Đại sư hai phen phúc đáp. Nay trích vài đoạn đối đáp có liên quan với tông chỉ Tịnh độ:

Lỗ Xuyên.- Kinh *Hoa Nghiêm* thuộc Vô thượng Như thừa Viên giáo, ngài cho kinh *Di Đà* cùng đồng hàng, in tuồng như không được đúng. Và do đây nên có người làm luận, gác Tịnh độ trên *Hoa Nghiêm*. Xin ngài, với cơ Tịnh độ dạy Tịnh độ còn với cơ *Hoa Nghiêm* dạy *Hoa Nghiêm*. Như thế Phật pháp mới được lưu thông, truyền đủ ngũ giáo nhiếp cả ba căn.

Đại sư.- *Hoa Nghiêm* đủ vô lượng môn, cầu sanh Tịnh độ là một môn trong vô lượng môn, trong bộ số sao, tôi cho rằng “*Hoa Nghiêm* cực viên, kinh *Di Đà* đặng ít phần viên”, chính là tôi nói kinh *Di Đà* là quyền thuộc của *Hoa Nghiêm* thôi, *Hoa Nghiêm* như vua, ai dám đem Thượng thư Bộ trưởng gác trên Quốc vương? Người nào làm luận ấy? Ông bảo tôi nên tùy cơ, ý đó rất hay, nhưng có hai nghĩa:

A. Nghìn cơ đều chiêu dạy, đó là việc của đức Như Lai xuất thế, sức tôi chưa làm được. Vì thế nên tổ Tào Khê chỉ chuyên truyền môn Trục chỉ thiên, chẳng lẽ Tổ không thông giáo pháp khác. Nhấn đến Vân Môn, Tào Động v.v... các Tổ đều lập môn đình riêng, chỗ dạy người đều riêng biệt. Chư Tổ còn như thế, huống tôi là hạng phàm ư! Nếu vọng bắt chước Phật, e rằng muốn lợi cho người mà trở thành hại người, chỉ có Phật mới là đáng Pháp Vương, với tất cả pháp được tự tại. Bình dân muốn mạo hiệu Quốc vương tất khó khỏi tai vạ.

B. Giảng *Hoa Nghiêm* tất gồm Tịnh độ. Giảng Tịnh độ cũng thông *Hoa Nghiêm*. Vì thế nên người giảng *Hoa Nghiêm* thời cứ tự giảng *Hoa Nghiêm*, còn người giảng Tịnh độ thời cũng cứ giảng Tịnh độ, vẫn không có gì trái ngại nhau cả. Và lại kinh *Hoa Nghiêm* do Long Thọ Bồ tát chép ra mà ngài vãng sanh Tịnh độ. Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị Đại Thánh trong pháp hội *Hoa Nghiêm*, mà hai ngài đều có lời nguyện về Cực Lạc và cũng khuyên cả pháp chúng đồng nguyện. Ông tôn sùng *Hoa Nghiêm* mà chê Tịnh độ, há lại không trái với hạnh nguyện của ba vị *Hoa Nghiêm* đại Bồ tát ấy ư! Thiệt tôi không thể hiểu được...

Lỗ Xuyên.- Tề Kỷ Thiên sư bảo: “Người cầu về Tây phương là bỏ cha trốn chạy, dụng Đông chạm Tây, lưu lạc xứ người, khổ thay A Di Đà Phật!”. Lời ấy há không ý nghĩa?

Đại sư.- Ông nên đáp lại với Thiên sư như vậy: “Chính nay bèn là như con nhớ mẹ trở về gia hương, bỏ Đông đặng Tây, vui thay A Di Đà Phật!”.

Lỗ Xuyên.- Người đại ngộ nói: “Nhiều kiếp tu hành khổ sở chẳng bằng trong một niệm chứng Vô sanh Pháp nhẫn. Một niệm duyên khởi vô sanh vượt hơn bậc quyền học trong Tam thừa”. Huống là không luận Tam thừa hay Nhứt thừa đều vô ngã, vô ngã sở. Nay người sanh Tịnh độ thời mình là năng sanh, độ là sở sanh, năng sở rõ ràng tất thành diệt. Nếu đợi “hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh” thời thành lâu chậm.

Đại sư.- Ông đã chứng Vô sanh Pháp nhẫn chưa? Nếu đã chứng thời tất không nên cho rằng: mình là năng sanh, Tịnh độ là sở sanh. Vì tâm tức là độ thời ai là năng sanh? Còn độ chính là tâm thời gì là sở sanh? Vãng sanh mà không thấy năng sanh sở sanh, dầu sanh mà vẫn vô sanh đây mới là chơn vô sanh. Còn bỏ sanh mà nói vô sanh thời là đoạn diệt không, chớ chẳng phải chánh lý vô sanh vậy. Ông đã thấu Thiên tông há chẳng hiểu rằng: “Từ mê đặng giác ngộ, như nằm mê chợt tỉnh, như hoa sen nở” ư? Người niệm Phật, có người hiện đời này thấy Phật kiến tánh đó là hoa nở hiện tiền. Có người sau khi sanh về Cực Lạc mới thấy Phật kiến tánh, đó là hoa nở về sau. Do công tu có siêng cùng trễ, căn cơ có lợi cùng độn, nên hoa nở có sớm và muộn. Đâu nên cho là chậm lâu cả.

Lỗ Xuyên.- Vừa rồi có đồ đệ của ngài từ Vân Thê qua Tô Châu, tôi luận đến thiên cơ thượng thừa thời ông ta mắt sửng lòng kinh hoặc và không tin mà cười. Đó là lỗi của trò hay là lỗi nơi thầy ư? Phàm bậc trượng phu khí vũ xung thiên lấy độ sanh làm phận sự gấp. Ngài đã xuất thế đã khai đường, đã phu tọa, mà chẳng đủ quyền năng của bậc đại nhơn, chỉ có cử chỉ

của ông lão mù già ăn chay. Một mai bị người thông minh gạn hỏi, hay bị nhà trí thức bẻ bác, chừng ấy toan trốn lên mây ẩn vào núi ư?...

Đại sư.- Ở trước ông dạy tôi với cơ Hoa Nghiêm thời truyền Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh độ thời truyền Tịnh độ. Nay sao đối với ông Tăng ở núi hoang nào đó, vốn là kẻ ở vào hạng độn căn hạp với môn Tịnh độ, mà ông lại đem thiên cơ thượng thừa gạn ông ta, làm cho ông ta mắt sừng lòng kính trở lại cười ông, đó có phải là ông tự phạm vào lỗi “cho thuốc không trúng bệnh” ư!

Lão Tăng này từ nào chẳng dám tự xưng xuất thế độ đời, lẽ tất nhiên là chưa đủ quyền năng của bậc đại nhơn. Ông lại chê người tu Tịnh độ là “ông lão mù già ăn chay”. Cổ đức từng nói: như thế chẳng phải là chê hạng ngu phu ngu phụ mà chính là chê đại Bồ tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, nhẫn đến Thiên Thai, Viễn Công, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v... chư đại Tổ sư. Các bậc ấy là ông già ăn chay cùng là mù già ăn chay đấy ư? Các ông Lưu Di Dân, Bạch Thiều Phó, Liễu Liễu Châu, Tô Trường Công v.v... chư đại cư sĩ ấy là ông lão mù già ăn chay đấy ư?

Dầu là ông lão mù già ăn chay, nhưng niệm Phật được vãng sanh liền đăng trụ bậc Bất thoái chuyển, liền đăng ngự tòa sen dự hàng Thánh, đâu nên khinh bi! Vả ông lão mù già chỉ biết ăn chay niệm Phật giữ kỹ tâm hạnh mà cho là hạng ngu cũng được. Còn như người thông minh trí thức mà luận suông Bát nhã, ăn cá thịt cho no rồi đi tìm các ông Tăng để nói thiên nói lý, đó chính là ma vậy. Người ngu quý nơi an phận ngu, chúng ta thà làm ông lão ăn chay niệm Phật hay là bà già ăn chay niệm Phật, chớ chẳng nên làm ma dân cùng ma nữ vậy.

Đến như nếu có kẻ thông minh hay nhà trí thức nào đến bẻ bác, thời không cần phải lên mây vào núi, ông lão mù già

ấy cứ đặt giường ngay hòng kẻ thông minh, cùng trải chiếu nơi tròng mắt nhà trí thức đó là xong. Để chi vậy? Để bảo họ tạm bỏ nói lý luận thiên suông mà tự phản chiếu hồi quang thiệt tu thiệt hành vậy.

*

LỜI PHỤ

Trước Bát Tổ, các Tổ sư dầu hoàng truyền Tịnh độ nhưng một mặt vẫn không bỏ Thiên tông. Chỉ Bát Tổ là một Thiên sư được chính thức ấn khả nơi Tiểu Nham Thiên sư, Tổ dòng chính của Lâm Tế tông, trở lại chủ trương Tịnh độ, mà cực lực bài xích cuồng thiên. Vì thế nên các nhà thiên học đương thời rất không bằng lòng mới thành có những sự tranh biện như thế.

IX. CỨU TÔ TRI HỨC ĐẠI SƯ

(Trích ở bộ Linh Phong Tông Luận)

Tri Hức Đại sư, người Ngô Huyện, họ Chung tự Ngẫu Ích.

Thân phụ thọ trì chú Đại Bi, nằm mộng thấy Quan Thế Âm Bồ tát trao cho một đứa trẻ trai, mà sanh ra ngài.

Thuở thiếu niên ngài học Nho, từng viết sách bác Phật. Sau khi được đọc bộ Trúc Song Tùy Bút của Liên Trì Đại sư, ngài liền đốt quyển sách bác Phật. Năm 20 tuổi, ngài đọc kinh *Địa Tạng Bồ Tát Nguyên*, phát tâm xuất thế, mỗi ngày niệm Phật.

Năm Thiên Khải thứ nhứt, tuổi hai mươi bốn, sau khi nghe một Pháp sư giảng Kinh, ngài sanh nghi tình, mới dụng tâm tham cứu. Ít lúc sau, được tỏ ngộ, ngài bèn đóng cửa thất ở Ngô Giang. Xảy mang bệnh nặng, khi ngọa bệnh, ngài

nhứt tâm cầu sanh Tịnh Độ. Bệnh bớt, ngài kết đàn trì chú vãng sanh.

Ngài làm kệ phát nguyện:

Cúi lạy A Di Đà

Thần chú dứt gốc nghiệp

Cùng Quan Âm, Thế Chí

Hải chúng Bồ tát Tăng.

Con mê bốn trí quang

Vọng đọa luân hồi khổ

Nhiều kiếp không tạm ngừng

Không được cứu được nương.

Nay được thân là người

Vẫn nhằm đời trược loạn

Dầu lại dự Tăng luân

Mà chưa nhận pháp lưu.

Mục kích chánh pháp suy

Muốn chống, sức chưa đủ

Chỉ vì từ đời trước

Chẳng tu thẳng thiện căn.

Nay tâm con quyết định

Cầu sanh Cực Lạc quốc

Rồi ngồi thuyền bốn nguyện

Nếu con không vãng sanh

Thật khó toại bốn nguyện.

Vì vậy với Ta bà

Quyết định phải thoát lìa
Cũng như người bị trôi
Trước cầu mau đến bờ
Sau rồi tìm phương thế
Ra vớt người giữa dòng.
Nay con chí thành tâm
Thâm tâm, hồi hướng tâm
Đốt cánh tay ba liều
Kết tịnh đàn một thất
Chuyên trì chú vãng sanh
Chỉ trừ giờ ăn ngủ
Đem công đức tu này
Cầu quyết sanh Cực Lạc.
Nếu con thoái bốn nguyện
Quên tưởng về Tây phương
Thì liền đọa địa ngục
Để mau biết ăn năn
Thề chẳng luyến nhơn, thiên
Cùng vô vi Niết bàn.
Ngưỡng nguyện Phật oai thần
Lực, vô úy, bất cộng
Tam bảo đức vô biên
Gia bị Tri Húc này
Chiết phục khiến bất thoái
Nhiếp thọ cho tăng trưởng.

Về sau, Đại sư rộng truyền giáo pháp Thiên Thai ở các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thành Khê, Trường Thủy và Tân An, rồi về dưỡng lão ở Linh Phong.

Đương thời, những nhà tu Thiên các nơi, phần đông cho pháp môn Tịnh độ là quyền giáo, phàm gặp người niệm Phật, ắt bảo tham cứu chữ “Thùy (ai)?”. Riêng mình Đại sư cho rằng: Trì hồng danh chính là tâm tông viên đốn.

Ông Trác Tả Xa, một nhà tu thiên, gạn: “Thế nào là “hướng thượng nhứt lộ” của môn niệm Phật? Thế nào là rời tứ cú, tuyệt bách phi? Cực tắc rốt sau cả của người niệm Phật là gì? Gì là một dùi sau ót của kẻ hào hoa hư ngụy?”

Trông mong Hòa thượng dẹp duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà qua một bên. Thân kiến Như Lai cảnh giới nói mau một phen, để chân động Đại thiên thế giới”.

Đại sư đáp: “Hướng thượng nhứt trước” chẳng phải là Thiên chẳng phải Tịnh. Vừa nói đến tham cứu, đã là quyền tạm vì kẻ hạ căn rời. Nếu quả thiết bậc đại trượng phu tự nên tin chắc “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”. Nếu có một niệm cách với Phật thời chẳng đặng gọi là Niệm Phật tam muội. Nếu niệm niệm không trở cách với Phật, thời cần gì gạn hỏi là “ai?”.

Còn Cực tắc của môn Tịnh độ là: không có Phật ngoài niệm làm sở niệm của niệm, cũng không có niệm ngoài Phật năng niệm nơi Phật. Chính lúc hạ thủ, toàn thân lặn vào rời tứ cú tuyệt bách phi.

Chỉ thấy được quang minh của đức Phật A Di Đà, chính là thấy thập phương vô lượng chư Phật. Chỉ sanh về Cực Lạc Tây phương, chính là sanh khắp vô lượng Tịnh độ, đây là “hướng thượng nhứt lộ” của môn niệm Phật.

Nếu bỏ A Di Đà hiện tiền mà đi nói tự tánh Di Đà, bỏ Tây phương Cực Lạc mà đi nói duy tâm Tịnh độ, đó là hào hoa hư ngụy.

Kinh dạy: “Tam Hiền, Thập Thánh còn ở quả báo, chỉ một mình Phật là thật ở Tịnh độ”, lời này là “một dùi sau ót đấy”.

Chỉ tin chắc được môn niệm Phật này, rồi nương tín khởi nguyện, nương nguyện khởi hạnh, thời niệm niệm lưu xuất vô lượng Như Lai, ngôi khắp vô lượng thế giới ở mười phương mà chuyên đại pháp luân, chiếu xưa suốt nay, chẳng phải là việc ngoài phần mình, há lại chỉ chần động Đại thiên thế giới mà thôi ư?”.

Đại sư từng dạy rằng: “Pháp môn niệm Phật không có gì lạ lùng cả, chỉ tin chắc rồi cố sức thực hành thôi”.

Phật dạy: “Nếu người nào niệm một đức Phật A Di Đà, đây gọi là vô thượng thâm diệu thiên”. Tổ Thiên Thai bảo: “Bốn môn tam muội đồng tên niệm Phật. Niệm Phật tam muội là vua trong các môn tam muội”.

Tổ Vân Thê nói: “Một câu A Di Đà Phật gồm hết tám giáo, nhiếp cả năm tông”.

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là việc tầm thường cho là công phu của hàng ngu phu ngu phụ. Do đó mà lòng tin không chắc, không cố sức thực hành, trọn ngày lơ lơ nên rồi tịnh nghiệp không thành.

Phải biết rằng một niệm hiện tiền đây vốn tự rời tứ cú tuyệt bách phi, chẳng cần tác ý rời tuyệt. Chính hiện tiền một câu Phật đương niệm đó cũng vốn siêu tình ly kiến, nhọc gì nói diệu nói huyền. Chỉ quý là tin cho chắc, giữ cho vững, rồi niệm đi. Hoặc ngày đêm mười vạn câu, bảy vạn câu, hoặc năm vạn, ba vạn, phải quyết định chẳng cho thiếu, thề trọn đời không biến đổi. Đúng như vậy mà không được vãng sanh Tịnh độ thời tam thế chư Phật là vọng ngữ. Được vãng sanh rồi thời trụ bậc bất thoái, tất cả pháp môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kỳ này vậy mai khác. Gặp người nghĩa học thời muốn học văn luận, gặp nhà tu thiền lại mong tham mong cứu, gặp

người trì luật thời mộ khát thực trì bát... Như vậy thì ắt không rồi việc gì, trong tâm lắng xảng đủ sự.

Chẳng ngờ: niệm A Di Đà Phật đặng thành thực, thời Tam tạng giáo lý gồm trong đó; một nghìn bảy trăm công án cơ quan hướng thượng cũng ở trong đó; ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng không ra ngoài câu Phật.

Người chơn thật niệm Phật trong thì quên thân, ngoài quên cảnh, đó là đại bố thí; không sanh lòng tham, sân, si là đại trì giới; chẳng chấp thị phi như ngã là đại nhẫn nhục; niệm Phật không gián đoạn là đại tinh tấn; vọng tưởng không móng khởi là đại thiên định; không bị sự khác và pháp khác làm mê lầm là đại trí huệ.

Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên được thân tâm thế giới, còn tham, sân, si, còn thị phi như ngã, còn gián đoạn, còn vọng tưởng tạp niệm, còn bị việc khác môn khác lôi kéo, thời chưa phải là chơn thật niệm Phật.

Muốn đến cảnh giới nhưt tâm bất loạn cũng không phải là có phương cách gì khác lạ, lúc mới tập niệm phải dùng râu chuỗi ghi số rành rẽ định chắc thời khóa quyết định không thiếu.

Lâu lâu thuận thực, không niệm mà vẫn tự niệm, bấy giờ ghi số hay không ghi số, đều đặng. Nếu ban đầu vội muốn viên dung tự tại, muốn vô tướng, thời ắt niệm lực khó thành; đây là vì tin không chắc nên thực hành không cố gắng.

Tha hồ cho ai giảng suốt mười hai phần giáo, tam tạng kinh điển, cùng thấu cả nghìn trăm công án cũng chỉ là việc bên bờ sanh tử mà thôi. Đến phút lâm chung quyết định dùng không đặng”⁽¹⁸¹⁾.

Năm Thuận Trị thứ 11, nhà Thanh, mùa Đông, Đại sư có bệnh. Ngài dặn các đệ tử: sau khi trà tỳ, tán xương trộn bột chia thí cho cá chim để kết duyên Tịnh độ với chúng nó.

Sang năm, ngày 21 tháng Giêng, Đại sư sáng sớm dậy, khỏe khoắn tươi tỉnh như không bệnh. Đến giờ ngọ, Đại sư ngồi kiết già trên giường, xoay mặt về hướng Tây chấp tay mà tịch, thọ 57 tuổi.

Sau khi Đại sư tịch ba năm, các môn nhơn hội lại định y pháp trà tỳ. Lúc mở nắp khánh, thời thấy toàn thân của Đại sư vẫn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ mép tai, sắc mặt như sống.

Đại chúng không nỡ tuân lời của Đại sư dặn, mới xây tháp thờ ở Linh Phong.

*

(Dưới đây là một nhà Sư cận đại sa vào chỗ hại của các Tổ đã răn dạy, trích ở Ấn Quang Văn Sao).

SƯ NGỘ KHAI

Sư Ngộ Khai, một pháp hữu của Ấn Quang Đại sư, vốn là người có căn trí, song tánh Sư cao vọng và háo thắng. Ban sơ, Sư tham cứu Thiên tông, khinh thường Tịnh độ. Ít lúc sau, nhờ Thông Trí Pháp sư khai thị, Sư lần để tâm nơi Tịnh độ. Dầu Sư đã có lòng tin Pháp môn Tịnh độ, song hành trì không chuyên, tâm cao vọng không bớt, Ấn Quang Đại sư từng khuyên nhắc: nên thấp mình chuyên tu. Nhưng vẫn không thể vãn hồi tâm chấp định của Sư.

Sau một thời gian đó đây giảng diễn, Sư mang bệnh bèn trở về Phổ Đà. Vừa về đến núi, cùng sư huynh là sư Nguyên Thông chuyện vãn thăm nom. Hàn huyên chưa dứt, Sư đã mệt mỏi chẳng nói ra lời. Sau giờ ngọ ngày kế thì Sư mất. Trọn không có chút điềm lành, cũng không một điềm tốt nào đủ chứng nghiệm là vãng sanh hay giải thoát cả.

Ồi! Câu: “Nghìn người khó có một giải thoát”, lời của Nhị Tổ và câu: “Chỉ là việc sanh tử, đến lúc lâm chung trọn

dùng không được”, lời của Cửu Tổ, phải chăng là những nhát búa cho hạng tạp hạnh, phải chăng là những tiếng sấm bên tai các bậc tài trí!

Mặc Am Đại sư, một đại Thiên sư và cũng là một đại Giảng sư triều Thanh, lúc lâm chung hỏi đại chúng rằng: “Thế nào gọi là giải thoát?”. Không ai đáp được, Đại sư cười bảo: “Chẳng chi bằng bắt chước ông lão mù già ăn chay, niệm Phật già dặn là được”.

X. THẬP TỔ THIỆT HIỀN ĐẠI SƯ

(Trích: Tư Tế Đại Sư Di Cảo, Tăng Tổ Phong Thuật)

Thiệt Hiền Đại sư, người Thường Thục, triều Thanh, tự Tư Tế hiệu Tĩnh Am.

Đại sư từ bé đã không ăn thịt. Sau khi xuất gia, ngài tham cứu câu: “Niệm Phật đó là ai?” được tỉnh ngộ, bèn nói: “Tôi đã tỉnh giấc mơ!”.

Ngài đóng cửa thất ba năm ở chùa Chơn Tịch ngày thì xem kinh tạng, đêm lại niệm Phật.

Sau Đại sư đến Mậu Sơn lễ tháp thờ xá lợi của Phật. Nhằm ngày kỷ niệm Phật nhập Niết bàn, Đại sư hội hiệp tăng tục sắm sửa lễ cúng dường rồi ở trước Phật, ngài tự đốt ngón tay và phát 48 đại nguyện. Lúc Đại sư phát nguyện, cảm xá lợi phóng quang.

Đại sư có soạn văn Phát Bồ đề tâm để khuyến khích tứ chúng. Nhiều người tụng đến văn này mà rơi nước mắt.

Văn rằng:

Trong kinh dạy: “Yếu môn nhập đạo, phát tâm làm trước. Yếu vụ tu hành, lập nguyện làm đầu”

Phát tâm thời Phật đạo có thể thành. Lập nguyện thời chúng sanh có thể độ. Nếu chẳng phát tâm rộng lớn cũng

không lập nguyện kiên cố, thời dầu trải qua vô lượng kiếp, cũng vẫn y nhiên ở trong vòng luân hồi. Dầu có tu hành cũng đều luống khổ nhọc thôi.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Quên mất Bồ đề tâm mà tu các pháp lành đó gọi là nghiệp ma”.

Quên mất còn là nghiệp ma, huống là chưa từng phát ư! Do đó mà biết rằng: Phạm muốn học Phật đạo, quyết phải phát Bồ đề tâm, không được trì hoãn.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tánh khác nhau, nay tôi vì đạo chúng mà lược giải tám cách: tà, chánh, chơn, nguy, đại, tiểu, thiên, viên.

1.- Trong đời có người tu hành chẳng tham cứu tự tâm, chỉ biết việc ngoài, hoặc cầu tài lợi hoặc ưa danh tiếng, hoặc ham vui sướng hiện đời, hoặc trông quả báo tương lai. Phát tâm như thế gọi là “tà”.

2.- Còn người tu hành mà chẳng cầu danh lợi, chẳng tham sung sướng, chẳng trông quả báo, chỉ vì thoát ly sanh tử, chỉ vì thành đạo Bồ đề, đây gọi là “chánh”.

3.- Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ quần sanh, xem Phật đạo dài lâu mà lòng không khiếp, thấy chúng sanh khó độ mà chí chẳng sờn, như lên núi quyết đến đỉnh, như trèo tháp quyết đến chót. Phát tâm như đây gọi là “chơn”.

4.- Có tội không sám hối, có lỗi chẳng chịu chừa, ngoài thời coi như trong sạch mà trong tâm nhớp nhúa, trước tình tấn sau biếng lười, dầu cũng có tâm tốt, nhưng xen lộn danh cùng lợi, dầu có pháp lành song bị tội nghiệp làm nhiễm ô, đó gọi là “nguy” (dối).

5.- Chúng sanh giới tận, nguyện của tôi mới tận, đạo Bồ đề thành, nguyện của tôi mới thành. Phát tâm như vậy gọi là “đại”.

6.- Xem tam giới như ngục tù, coi sanh tử như oan gia, chỉ mong riêng mình mau giải thoát mà chẳng muốn độ người, đây gọi là “*tiêu*”.

7.- Nếu có quan niệm rằng chúng sanh và Phật đạo ở ngoài tự tâm, rồi nguyện độ nguyện thành, chẳng quên công huân, chẳng dứt tri kiến. Phát tâm như thế gọi là “*thiên*” (*lệch*).

8.- Biết tự tánh là chúng sanh nên nguyện độ, rõ tự tánh là Phật đạo nên nguyện thành. Chẳng thấy có một pháp nào ở ngoài tự tâm, rồi dùng tâm rộng trống phát nguyện rộng trống, thực hành hạnh rộng rang chứng quả rộng rang, cũng không còn thấy tướng rộng rang⁽⁹⁾, đây gọi là “*viên*”.

Tám cách phát tâm đã rành rẽ, thời nên tự xét kỹ coi mình phát tâm thuộc tính cách nào: là tà hay ngụy ư? Là chánh là chơn ư? Là đại là tiểu ư? Là thiên là viên ư?

Nếu nhận thấy là tà là ngụy là tiểu là thiên, thời lập tức sửa đổi. Nếu xét mình là chánh là chơn là đại là viên, thời bền chắc thêm lên. Được như vậy mới là chơn chánh phát Bồ đề tâm.

Bồ đề tâm này là vua trong các pháp lành, nhờ mười nhân duyên mà phát khởi.

1.- *Vì nghĩ đến ơn Phật.*- Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật của ta, từ lúc tối sơ phát tâm, vì chúng ta mà hành Bồ tát đạo, trong vô lượng kiếp chịu đủ sự khốn khổ. Như kinh *Pháp Hoa* nói: “Khấp côi Đại thiên không có chỗ nào chùng bằng hột cải mà chẳng phải là chỗ đức Phật xả thân mạng vì chúng sanh”.

Lúc ta tạo nghiệp, Phật xót thương dạy dỗ, ngặt vì ta quá ngu si không biết nghe theo. Rồi ta đọa ác đạo, Phật càng xót thương muốn chịu khổ thay ta, nhưng ta vì nghiệp quá nặng không cứu vớt được. Ta sanh làm người, Phật tìm cách cho ta trông căn lành, kiếp kiếp đòi đòi lòng Phật theo dõi ta không lúc nào rời.

Khi Phật xuất thế ta còn trầm luân, nay đặng làm người Phật đã diệt độ. Tội chi mà sanh nhằm thời mạt pháp! Phước gì mà đặng xen dự chúng Tăng! Chưong chi mà chẳng thấy thân vàng! May gì mà đặng gặp cốt tượng!

Rồi tự nghĩ như vậy: Nếu đời trước ta không từng trồng căn lành, thời do đâu mà nay đặng nghe Phật pháp, thời đâu biết là thường thọ ơn của Phật. Ở đức ấy, núi cao khó sánh. Nếu ta không phát tâm hành Bồ tát đạo, giữ vững Phật pháp, cứu độ chúng sanh, thời dầu có tan xương nát thịt cũng không đền đặng.

2.- *Vì nhớ ơn cha mẹ.*- Than ôi cha mẹ sanh ta khó nhọc! Mười tháng mang nặng, ba năm bú mớm, ta mới nên người. Ngõ là ta nối năm dòng họ, thừa tự tổ tiên. Dè đâu ta đã xuất gia lấy danh Thích tử. Không dâng cơm nước, chẳng đỡ tay chân.

Cha mẹ còn, ta không nuôi dưỡng thân người. Cha mẹ mất, ta không dắt dìu thân thức. Như vậy, với đời là sự tôn lớn, với đạo lại không thiệt ích. Phải chăng đó là một tội nặng!

Rồi tự nghĩ như vậy: Từ đây trăm kiếp nghìn đời ta phải thực hành Phật đạo. Thập phương tam thế ta luôn cứu khắp chúng sanh. Thế thời chẳng phải chỉ cha mẹ trong đời hiện tại của riêng ta, mà đa sanh phụ mẫu của ta và của mọi người đều do ta mà đặng siêu thăng. Như vậy mới đền ơn sanh thành dưỡng dục đặng.

3.- *Vì tưởng ơn Sư trưởng.*- Không thể gian Sư trưởng thời ta không biết lễ nghĩa. Không xuất thế Sư trưởng thời ta không hiểu Phật pháp. Không biết lễ nghĩa thời khác gì cầm thú. Không hiểu Phật pháp thời nào khác kẻ tục. Nay ta biết chút ít lễ nghĩa, hiểu đôi phần Phật pháp, ca sa che vóc, giới phẩm nhuận thân, đây là do Sư trưởng mà đặng.

Rồi tự nghĩ: Nay ta thực hành Đại thừa, nguyện đem sự lợi ích lớn lại cho tất cả, nối chí Sư trưởng, mà cũng là

thêm lớn công đức của Sư trưởng. Như thế, mới gọi là biết ơn Sư trưởng.

4.- *Vì nghĩ ơn thí chủ.*- Đồ dùng hằng ngày đều không phải của mình: hai bữa cháo cơm, bốn mùa y áo, thuốc men khi bệnh, giường ghế khi ốm... đều của người sắm cho.

Người thời hết sức cày bừa còn khó đủ ăn, ta thời ngồi an thọ thực vẫn chưa vừa lòng! Người thời dật may chẳng nghĩ còn phải thiếu rách, ta thời y áo có thừa mà không biết giữ gìn! Người thời nhà lá vách phen, bận rộn trọn đời, ta thời đèn rộng nóc cao thông thả mãi năm. Dùng sự khổ nhọc của người để cung cấp sự an nhàn cho ta, như vậy, nơi lòng chừng có an được chăng? Dùng tài lợi của người để nuôi thân mình, như vậy có thuận lẽ phải cùng chăng?

Rồi tự nghĩ: Nếu ta không lo song vận bi trí, gồm tu phước huệ, đề đàn tín được nhờ, chúng sanh được độ, thời tác vãi hột cơm có ngày phải trả, địa ngục ngạ quỷ có lúc phải sa. Ta phải kiên cố Bồ đề tâm mới đặng.

5.- *Vì biết ơn chúng sanh.*- Ta cùng chúng sanh từ vô thi đến nay làm quyến thuộc lẫn nhau, đây kia đều có ơn nghĩa với nhau. Nay dầu cách đời đời thân, hôn mê không nhớ biết, song cứ lý mà xét thời không thể không đền đáp.

Hiện tại con vật mang lông đội sừng kia, biết đâu rằng từ trước ta đã từng làm con của nó. Loài giun, dế, bướm, ong đó, biết đâu rằng là thân sanh đời trước của ta. Đến những ai rên siết trong địa ngục, kêu gào nơi ngạ quỷ. Ta dầu không thấy không nghe, mà họ tất cầu cứu tế. Ngoài kinh thời không đâu bày rõ việc này được, ngoài Phật thời không ai nói rành việc đó được. Vì thế nên Bồ tát xem kiến rận đều là quá khứ phụ mẫu, thú cầm đều là chư Phật vị lai, nên thường lo cứu độ, luôn nghĩ báo ơn.

6.- *Vì tưởng khổ sanh tử.*- Ta cùng mọi người từ nhiều kiếp đến ngày nay luôn ở trong biển sanh tử: lúc làm trời, lúc

làm người, hoặc cõi này hay thế giới khác, chết đây sanh kia, thoát lên thoát xuống. Ngạ quỷ sớm đi mà chiều lại, địa ngục nay ra mai vào. Dao sơn kiếm thọ đứt nát thân hình; đồng sôi sắt đỏ cháy rã tâm can; khóc la trong lửa, rên rỉ trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây lát khổ đau bằng thế kỷ. Đương lúc đó dầu biết khổ nhưng ăn năn sao kịp, sau khi thoát khỏi liền quên vẫn tạo tội như thường. Tâm không hằng, như lỗ khách ruồi dong, thân không định, dường như cửa nhà thay đổi. Cát bụi cũng không tính được số thân đã thọ, nước biển vẫn không nhiều bằng giọt lệ chia ly. Nếu không lời Phật, việc này ai thấy ai nghe. Nếu chẳng xem kinh, lý đó đâu hay đâu biết. Nhược bằng đời này cứ tham ái như cũ, vẫn si mê như trước, e rằng muôn kiếp nghìn đời lạc làm mãi mãi. Thân người khó được mà dễ chết mất, giờ tốt dễ qua mà khó trở lại, chẳng may, sau này phải sa vào ác đạo lại tự mang lấy khổ, bấy giờ ai thế được cho! Nên ta phải dứt lòng sanh tử, diệt biên dục tình, độ mình độ người đồng lên bờ giác, quan hệ tại một đời này, không thể bê trễ được.

7.- *Vì tôn trọng tánh linh.*- Tâm tánh của ta cùng Thích Ca Như Lai không hai không khác. Tại sao đức Bổn sư đã thành Phật sáng suốt tự tại, mà ta vẫn còn là phàm phu hôn mê điên đảo? Đức Bổn sư đủ vô lượng thần thông trí huệ, vô lượng công đức trang nghiêm tự tại giải thoát, mà ta chỉ có vô lượng nghiệp hệ vô minh, vô lượng phiền não ô trược sanh tử khổ sở!

Tâm tánh đồng một, mà vì si mê với ngộ nên khác nhau như trời với vực. Ví như vô giá bửu châu vùi dưới sinh lay, xem như đất đá. Nay ta phải dùng vô lượng thiện pháp để đối trị phiền não, tu đức công thành thời tánh đức mới hiển bày. Như bửu châu được rửa sạch lau khô để trên tràng cao liền phóng quang chiếu sáng. Như vậy mới là không uổng công giáo hóa của Phật và chẳng phụ tánh linh của mình.

8.- *Vì sám hối nghiệp chướng.*- kinh nói: “Phạm một tội kiết la, phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ Thiên Vương”.

Tội nhỏ còn bị báo khổ như vậy, huống là tội trọng ư?

Nay ta mỗi ngày, một cử một động thường trái giới luật, lúc ăn lúc uống luôn phạm thi la. Tính kỹ trong một ngày cũng đã nhiều tội, huống là trọn đời cho đến nhiều kiếp về trước kể sao cho xiết. Cứ lấy Ngũ giới mà thẩm xét cũng chưa chắc tròn vẹn, huống là Mười giới, Cụ túc giới, Bồ tát vô lượng giới ư!

Nay ta phải hết lòng cầu ai sám hối, thương mình thương người, thân khẩu tha thiết, nước mắt theo lời mà tuôn ra mới mong tội được tiêu, khổ được thoát.

9.- *Vì cầu sanh Tịnh độ.*- Ở cõi ác trược này tấn tu rất khó. Vãng sanh Cực Lạc thời thành Phật rất dễ. Vì khó nên nhiều kiếp chưa nên, vì dễ mà một đời đắc quả. Do có ấy, nên từ xưa chư Thánh chư Hiền đều xu hướng Cực Lạc, muôn kinh nghìn luận đều chỉ quy Tịnh độ. Đời nay tu hành, không pháp môn nào hơn pháp môn này.

Trong kinh *Di Đà* nói: “Ít thiện căn ít phước đức không vãng sanh được”. Thế là nhiều thiện căn nhiều phước đức mới được sanh. Nhiều phước đức không chi bằng chấp trì danh hiệu, nhiều thiện căn chẳng chi qua phát Bồ đề tâm. Niệm Phật giây lát hơn bố thí cả năm, phát Bồ đề tâm hơn tu hành nhiều kiếp.

Vả lại, niệm Phật cốt mong làm Phật, nếu không phát Bồ đề tâm thời niệm để làm gì? Còn phát Bồ đề tâm để được tấn tu, nhưng không sanh Tịnh độ thời dễ thoái, dễ thất. Nên trong kinh có lời dụ: “Bồ tát sơ phát tâm, với trùng cá cùng bông yêm la, hơn nhiều mà quả ít”.

Gieo giống Bồ đề, vun quén bằng niệm Phật, thời đạo quả tự nhiên tăng trưởng, rồi nương thuyên đại nguyện của Phật

chắc chắn vãng sanh Tịnh độ. Đã được ở Cực Lạc tức là trụ bậc bất thoái; từ đây phước trí nhị nghiêm, nhiệm vận mà tăng trưởng, viên mãn. Vì thế nên ta phải nhứt tâm cầu sanh Tịnh Độ mới được.

10.- Vì hộ trì chánh pháp.- Đức Bồ sư vì ta và tất cả mà tu Bồ tát đạo trong vô lượng kiếp, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn. Sau khi nhơn viên quả mãn thành Phật, một đời tận tụy dìu dắt mọi người, cặn kẽ chỉ dạy muôn loại. Khi cơ duyên giáo hóa đã xong, đức Phật nhập Niết bàn!

Chánh pháp đã qua, tượng pháp đã hết, nay chỉ còn mạt pháp: có giáo pháp mà không người đắc pháp. Tà chánh không phân, phải quấy lẫn lộn. Cùng nhau cạnh tranh nhơn ngã, chẳng vì lợi thời cầu danh, Tam bảo không còn thiết nghĩa, suy tàn tồi tệ không nở thốt lời. Nghĩ đến đây khó cầm giọt lụy.

Ta là Phật tử mà không báo được ơn Phật, trong thời tự mình chẳng được lợi ích, ngoài thời vô ích với người. Sống không lợi ích cho đương thời, chết vẫn vô ích nơi tương lai. Suy nghĩ như vậy nên đau lòng xót dạ vội phát đại tâm, cùng với thiện lữ đồng đến đạo tràng tụng lời sám hối, lập thành pháp hội. Phát 48 điều nguyện, nguyện quyết độ sanh, nguyện được thành Phật. Mãn báo thân này thệ về Cực Lạc, để được lên chín phẩm, để được dự Thánh lưu, để được chứng Vô sanh, để được trụ bất thoái.

Rồi nương thuyên bốn nguyện trở lại Ta bà làm cho Phật nhật trùng huy, pháp luân thường chuyển...

Tám cách và mười duyên đã biết đủ, thời chỗ phát tâm xu hướng, đã có nẻo có đường. Trông mong đại chúng lân mẫn lòng chân thành tha thiết của tôi, mà cùng tôi đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu chưa phát thời nay phát, nếu phát rồi thời nay tăng trưởng, nếu đã tăng trưởng thời làm cho

tương tục. Chớ thấy khó mà khiếp sợ, chớ thấy dễ mà xem thường. Chớ dục tốc mà không bền, chớ giải đãi mà không được. Cũng đừng vì dốt tối mà trợn không phát tâm, cũng đừng vì trí cạn chướng dày mà tự hèn tự bỏ. Ví như trồng cây, trồng lâu ngày thời rễ cạn lần sâu. Lại như mài dao, mài bền thời lưỡi lụt lần bén. Đâu có lẽ vì rễ cạn nông mà bỏ khô không trồng, dao lụt để vậy cho thành đồ vô dụng!

Còn nếu cho tu hành cực khổ, thời chưa biết rằng biếng lười càng khổ cực hơn. Vì tu hành, dầu tạm thời cần lao nơi hiện tại, nhưng rồi được vĩnh kiếp an lạc ở tương lai. Còn biếng lười trộm an nhàn một đời nay, song rồi phải nhiều đời khổ lụy.

Huống là dùng Tịnh độ làm châu hàng thời lo gì thoái chuyển, lại đặng Vô sanh làm nhãn lực thời sợ gì gian nan.

Chớ nói tâm niệm vô thường rồi không phát, cũng đừng cho luống nguyện vô ích mà không nguyện.

Phải biết hể tâm chơn thời quả thiết, nguyện lớn thời hạnh sâu. Hư không kia không rộng lớn bằng tự tâm, kim cương nọ không bền bằng nguyện lực.

Đại chúng nếu không chê bỏ lời tôi, thời từ nay chúng ta là quyến thuộc Bồ đề, làm bạn lành Tịnh độ. Nguyện cùng nhau đồng sanh Cực Lạc đồng hầu Di Đà, đồng độ chúng sanh đồng thành Chánh giác”.

Ít lúc sau, Đại sư trụ chùa Tiên Lâm ở Hàng Châu.

Năm Ung Chính thứ 7, Đại sư lập Liên Xã làm văn thệ giữ chúng, lấy trợn đời làm hẹn. Chia ngày đêm làm 20 phần: 10 trì danh, 9 phần quán tưởng, 1 phần lễ sám.

Có nhà tu thiền đến hỏi về chỉ thú niệm Phật.

Đại sư khai thị: “Một câu A Di Đà Phật là đầu tác công án, không thương lượng gì khác, thẳng liền quyết phán. Như

đồng lửa lớn, nhảy vào liền cháy. Như grom Thái A, xuống đến thì đứt rời. Tám muôn bốn nghìn pháp môn, không ngoài sáu chữ. Một nghìn bảy trăm công án, một câu đủ đoán. Mặc ai không ưa nghe Phật, ta tự niệm niệm nhớ Phật. Xin ông bắt tắt nhiều lời, chỉ nên nhứt tâm bất loạn”.

Năm Ung Chính thứ 11, ngày mùng 8 tháng Chạp. Đại sư bảo đại chúng rằng: “Tháng Tư sang năm thời ta đi”. Rồi Đại sư đóng cửa thất mỗi ngày niệm Phật mười vạn câu.

Sang năm, ngày 12 tháng Tư, Đại sư nói với các đệ tử rằng: “Từ đầu tháng tới nay, tôi hai lần thấy Cực Lạc Tam Thánh. Tôi sẽ vãng sanh!”. Rồi Đại sư viết bài kệ để từ biệt chúng.

Qua ngày kế, Đại sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi ngay thẳng. Đến canh năm, Đại sư tắm rửa thay y áo. Qua ngày sau tức là ngày 14, gần giờ ngọ, Đại sư xoay mặt về hướng Tây nhắm mắt yên lặng. Đại chúng Tăng tục các nơi hội về đông như chợ. Đại sư bỗng mở mắt nhìn mọi người mà bảo rằng: “Tôi về Cực Lạc không bao lâu tôi sẽ trở lại. Thoát ly sanh tử là việc lớn, mọi người nên tự giữ lòng thanh tịnh siêng niệm Phật là được”.

Dặn xong, Đại sư chấp tay xưng to hồng danh của Phật rồi tịch. Thọ bốn mươi chín tuổi.

XI. THẬP NHỨT TỔ TẾ TỈNH ĐẠI SƯ

(Trích ở bộ Triệt Ngộ Thiên Sư Ngữ Lục)

Tế Tỉnh Đại sư, người Phong Nhuận, triều Thanh, họ Mã, tự Triệt Ngộ, hiệu Nạp Đường.

Thuở thơ ấu ngài học thông kinh sử. Sau khi xuất gia ngài đi học các nơi, rộng suốt cả hai tông Tánh, Tướng, tâm đặc nhứt là chỉ thú Pháp Hoa tam quán. Kế tham học với Túy Như Thuận Thiên sư ở chùa Quảng Thông, phát minh tâm yếu được ấn khả. Về sau Thuận Thiên sư qua ở Vạn Thọ

tự, Đại sư kế vị ở Quảng Thông, sách tấn kẻ hậu học. Tông phong rất thanh.

Đại sư nói: “Vĩnh Minh Thọ Thiền sư là bậc long tượng của Thiền môn mà còn quy tâm Tịnh độ thay, hướng nay là thời kỳ mật pháp càng phải tuân theo!”.

Đại sư chuyên tu Tịnh độ chủ trương Liên Tông. Mỗi ngày, hạn thời giờ dạy chúng cùng tiếp khách nội một cây hương. Ngoài ra nhứt quyết lo lễ Phật niệm Phật mà thôi.

Ít lâu sau, Đại sư sang trụ chùa Giác Sanh, không bao lâu lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng bốn phương mến đức Đại sư nên hội về Tư Phước mỗi ngày thêm đông, bèn thành tông lâm.

Đại sư vì pháp vì người lòng không chút mỗi nhàm, tất cả đều dùng Tịnh độ làm quy thú. Mỗi khi giảng đến ơn cứu khổ ban vui của Như Lai thường nước mắt theo lời mà tuôn ra. Thính chúng đều cảm động, phần đông nước mắt nước mũi ướt cả vạt áo.

Đại sư từng dạy: “Đầu mỗi quan hệ trong vòng sanh tử của chúng ta có hai năng lực: A.- “Tâm chữ đa đoan trọng xử thiên trụ ⁽¹⁰⁾”, đây là tâm lực. B.- “Như nhọn phụ trái cường giá tiên khiên ⁽¹⁾”, đây là nghiệp lực.

Nghiệp lực rất lớn nhưng tâm lực lại lớn hơn. Vì nghiệp không tự tánh, toàn nương nơi tâm, vì thế nên tâm chú trọng thời làm cho nghiệp mạnh.

Nếu dùng tâm chú trọng mà tu tịnh nghiệp thời tịnh nghiệp mạnh, ngày sau báo tận mạng chung, quyết định sanh Tây phương Cực Lạc, không sanh ở cõi nào khác. Như cây to, vách cao xiên hướng về Tây phương, khi trốc gốc lỏng chân, quyết định ngã úp về hướng Tây vậy.

Thế nào là tâm chú trọng?

Chúng ta tu tịnh nghiệp, tín tâm phải sâu chắc, chí nguyện phải tha thiết. Do tín tâm sâu cùng chí nguyện thiết, nên tất cả tà thuyết không lay động được, tất cả cảnh duyên không lôi kéo được.

Giả sử lúc ta tu tịnh nghiệp mà có Đạt Ma Tổ Sư hiện ra bảo ta bỏ Tịnh tu Thiền có thể liền thành Phật, thời ta cũng từ tạ Tổ mà không dám tuân lời. Dầu đức Thích Ca Như Lai bỗng hiện thân bảo rằng có pháp môn khác hơn Tịnh độ, rồi bảo ta bỏ Tịnh để tu pháp môn đó, ta cũng lay Phật mà từ. Vững được như vậy mới gọi là lòng tin sâu chắc.

Giả sử vòng lửa đỏ trông vào đầu, ta cũng không vì sự thống khổ này mà quên nguyện vãng sanh. Dầu cho sự giàu sang vui sướng nhứt trong đời như ngôi Luân Vương đến cho ta, ta cũng không vì sự vui sướng ấy mà quên nguyện vãng sanh. Gặp những cảnh duyên nghịch thuận tốt bậc như vậy mà vẫn không đổi lòng, đây gọi là chí nguyện tha thiết.

Lòng tin chắc, chí nguyện thiết, đó là tâm chú trọng. Dùng tâm này mà tu tịnh nghiệp, thời tịnh nghiệp được mạnh, nghiệp mạnh thời mau thành thực. Tịnh nghiệp Cực Lạc thành thực thời nhiễm duyên Ta bà dứt. Như thế, đến lúc lâm chung, dầu có muốn cảnh giới luân hồi hiện ra cũng không thể được, dầu có muốn rời Di Đà cùng cảnh Tịnh độ đừng hiện ra cũng không thể được.

Nhưng lòng tin chắc và chí nguyện thiết ấy, lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, đến lúc lâm chung mới khỏi sa lạc vào lối khác. Như cổ đức lúc lâm chung, chư thiên trở nhạc cảm phan đến rước ở ngôi Đâu Suất Thiên Vương mà các ngài cố từ, cứ chuyên tâm niệm Phật tưởng Phật đến khi Phật và Thánh chúng đến mới chịu theo⁽¹¹⁾. Và sắp chết là lúc tứ đại phân trương, chư thiên đến rước là cảnh tuyệt cực. Nếu bình thời lòng tin cùng chí nguyện không phải mười phần vững

chắc cả mười, thời lúc lâm chung gặp phải cảnh ấy tất khó có thể tự chủ được”.

Có nhà tu thiền đến gạn: “Tất cả các pháp đều huyền mộng, Ta bà vốn là huyền mộng, Cực Lạc cũng là huyền mộng. Đồng là huyền mộng, tu có ích gì?”.

Đại sư nói: “Không phải thế! Từ Thất địa Bồ tát trở xuống, đều là trong huyền mộng mà tu hành. Đến như Đăng giác vẫn còn đương ngủ vì còn vô minh. Chỉ bậc Phật mới là Đại giác.

Đương lúc ở trong cảnh mộng thời khổ cùng vui rõ ràng. Cảnh mộng chịu khổ ở Ta bà, sao bằng cảnh mộng an vui nơi Cực Lạc. Huống lại cảnh mộng Ta bà là từ mộng vào mộng càng lúc càng đi sâu vào chôn mê say. Còn cảnh mộng Cực Lạc là từ mộng ra khỏi mộng thành bậc Đại giác. Cõi uế cùng cõi tịnh dầu đồng cảnh huyền mộng, nhưng ảnh hưởng cùng kết quả khác xa nhau, vì thế nên cần phải sớm tu Tịnh độ”.

Năm Gia Khánh thứ 15, tháng Hai. Đại sư biết trước ngày vãng sanh, bèn đi từ biệt các nơi và dặn rằng: “Thân hư huyền này không bền lâu, ai nấy đều nên nỗ lực niệm Phật, chúng ta sẽ gặp nhau ở Tịnh độ”.

Đến tháng chạp, ngày mùng 2, thoát thấy trên hư không vô số tràng phan bửu cái từ hướng Tây đến. Đại sư nói với đại chúng rằng: “Cảnh Tịnh độ đã hiện, ta sắp sửa về Cực Lạc!”. Rồi Đại sư bảo đại chúng luân phiên niệm Phật. Ngày 17, giờ Thân, Đại sư nói với đại chúng rằng: “Hôm qua tôi thấy Văn Thù, Quan Âm và Thế Chí ba vị Bồ tát, bây giờ lại được đức Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!”. Nói xong, Đại sư đoan tọa xoay mặt về hướng Tây nói: “Xung một câu hồng danh thời thấy đặng một phen tướng hảo!”. Dứt lời, Đại sư kiết ấn mà tịch. Thọ 70 tuổi, Tăng lạp 49. Giờ Đại sư viên tịch, cả chúng đồng nghe mùi hương lạ ngào ngạt. Để lộ khánh 7

ngày, thi thể Đại sư sắc mặt tươi như sống, tóc bạc biến thành đen. Lúc trà tỳ, nặng hơn trăm hột xá lợi.

*

LỜI PHỤ

Trong các tông về Đại thừa, Thiền tông xưng là “trực chỉ chơn tâm, kiến tánh thành Phật” cũng tự gọi là “giáo ngoại biệt truyền”. Trong 11 vị Tổ Sư của Tịnh độ tông, hết 6 vị nguyên là Thiền sư chánh truyền: Tam Tổ Thừa Viễn Thiền sư, Lục Tổ Vĩnh Minh Thọ Thiền sư, Bát Tổ Phật Huệ Thiền sư, Cửu Tổ Ngẫu Ích Thiền sư, Thập Tổ Tĩnh Am Thiền sư, Thập Nhứt Tổ Triệt Ngô Thiền sư. Các ngài ấy từ Thiền qua tu Tịnh, hoằng dương pháp môn Tịnh độ. Tại sao các ngài không hoằng thiền mà trở lại hoằng tịnh? Có hai nguyên nhân ⁽¹²⁾:

1.- Trực chỉ thiền chỉ lợi cho bậc thượng thượng căn, còn bậc trung và hạ khó đại triệt đại ngộ được. Không bằng Pháp môn niệm Phật phổ lợi ba căn: bậc thượng căn chứng lý nhứt tâm cao siêu Thượng phẩm, bậc tối hạ căn chuyên niệm cũng được đới nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh liền dự Thánh chúng, liền thấy Di Đà, liền gần Bồ tát, lo gì không đại ngộ đại triệt. Vì sự lợi ích hẹp (thiền) và rộng (tịnh) như thế, nên các ngài mới cực lực dạy người khuyên người đồng tu Tịnh độ, để ai ai cũng đều được lợi ích một cách chắc chắn.

2.- Minh tâm kiến tánh phải là bậc thượng căn đại trí. Dầu đã được ngộ triệt, nhưng vô minh phiền não cùng nghiệp tập từ vô lượng kiếp đến nay, không phải nhứt đán mà sạch được. Nếu hoặc nghiệp còn chùng mảy tơ, vẫn y nhiên ở vòng sanh tử, một mai cách âm (bỏ thân này thọ thân khác) khó bảo đảm không mê. Nếu được ngộ triệt mà được vãng sanh thời thẳng

đường thành Phật. Vì muốn bảo đảm cho sự giác ngộ nên các ngài đã ngộ thiền bèn gồm tu tịnh, cầu sanh Cực Lạc.

Không phải riêng gì các vị Thiền sư trên đây, còn nhiều vị Thiền sư khác, và nhiều Tổ sư trong các tông khác: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Duy Thức v.v... đồng hồi hướng Tịnh độ, đồng dẫn người về Tịnh độ, mà chúng ta sẽ được xem lược sử của các ngài ở tập sau.

Ôi! Cực Lạc Tịnh độ khác nào biển cả: nghìn muôn sông lạch đều chảy dòn về, thượng Thánh hạ phàm một lòng xu hướng.

Chúng ta, những người lập chí thượng cầu hạ hóa, những người có nguyện độ mình độ người phải nên sớm dùng “tín sâu”, “nguyện thiết”, “chuyên trì Phật hiệu” để được vãng sanh, để dự Thánh chủng, để trụ bất thoái, để thành Bồ đề, để độ chúng sanh, đồng thành Phật đạo.

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm tịnh Phật độ

Cùng pháp giới chúng sanh

Đồng sanh Cực Lạc quốc.

HÂN TỊNH

Ngày Phật Đản PL. 2497 (1953)

[1] Vì nơi ấy không có mạch nước, Ngài cầm tích trượng động xuống đất, bỗng có rấn vàng nhỏ từ chỗ động trời lên, nước ngọt từ đất theo dấu rấn mà vọt ra, bèn thành suối tốt. Vì nhân duyên ấy nên đặt hiệu tịnh xá là “Long Tuyền” (suối rồng).

[2] Xem lược sử ở tập sau

[3] Xem 48 điều nguyện ở chương Hoằng Nguyện

[4] Xem bài Hai Đại Thánh ứng tích”\ ở chương thứ sáu

[5] Người đời trọng đức, kiêng danh hiệu, nên quen gọi là Vĩnh Minh Đại sư.

[6] Lời phê phán trong bốn bài kệ này là cốt tủy của tam tạng. Cổ đức cho là nghìn Phật ra đời cũng không dời đổi. Ý nghĩa rất xác đáng. Xem lời giải thích của Ấn Quang Đại sư ở tập Thiền Tịnh quyết nghi.

[7] Ta quen gọi Tổ là Liên Trì Đại sư

[8] Lời răn của Đại sư rất hiệp với lời dạy của Nhị Tổ: “Chuyên tu thời mười người vãng sanh cả mười. Còn tạp hạnh, nghìn khó được một giải thoát”.

Ôi! Tông thời thâu nghìn trăm công án. Giáo thời suốt tam tạng kinh điển, người như thế rất hy hữu, mà Đại sư còn cho là việc nơi bờ sanh tử, đến lúc lâm chung trọn dùng không được thay, huống là kẻ kinh giáo qua loa, tông chỉ chẳng thâu ư! Huống là kẻ cả năm lạng xăng tạp hạnh ư! Cổ đức nói: “Sở vị tu hành, nguyện lai kết nghiệp”. Chúng ta nên tự tỉnh tự xét, phải sớm chuyên tu mới được.

[9] Rỗng rang, rỗng trống: hoàn toàn không có một niệm, một tướng gì xen vào.

[10] Hai câu này Đại sư trích lấy trong Quy Sơn Cảnh Sách để dẫn giải tâm lực và nghiệp lực. Xem các đoạn kế sẽ hiểu được ý chỉ hai câu, nên để nguyên văn cho toàn lý thú.

[11] Đạo Ngang Thiền sư, xem tiểu sử ở tập sau.

[12] Xin xem và suy gẫm kỹ bốn bài kệ luận Thiền và Tịnh của Lục Tổ Diên Thọ Đại sư. Có giảng rõ ở tập Thiền Tịnh quyết nghi ở sau.

CHƯƠNG THỨ TÁM: TỨ CHÚNG VÃNG SANH TRUYỆN

“Tịnh Độ châu sa giới
Vân hà độc lễ Tây?
Đản năng hồi nhứt niệm
Xúc xứ thị Bồ đề!”.

(Quan Âm đại sĩ)

“... Thuận theo lời dạy của đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật mà đến ra mắt đức Từ Phụ A Di Đà Phật. Rồi thể theo chí nguyện của đức Từ Phụ mà trở lại phụ trợ đức Bồn sư. Không rời Cực Lạc mà khắp đến mười phương, ngồi an trên liên đài mà phân thân Pháp giới.

Từ khi hai đức Giáo chủ lập pháp đến nay, những người đã được như thế đông nhiều như số cát sông Hằng...”.

(Lời tựa Tịnh độ thập nghi luận)

TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ NHỨT CHƯ SƯ TĂNG

I - TRÍ NGHỊ ⁽¹¹⁾

Trí Nghị Đại sư họ Trần, tự Đức An, người Tần Xuyên. Thân mẫu mơ thấy khói thơm năm màu phủ thân mình mà có thai. Giờ sanh ngài, cả nhà thoát sáng rực. Mắt ngài có con người đôi. Từ bé, lúc năm bao giờ ngài cũng nghiêng về hông bên mặt, lúc ngồi bao giờ cũng xếp bằng và xoay mặt về hướng Tây. Lớn lên, hễ gặp tượng Phật, tượng Bồ tát, ngài liền đánh lễ, còn gặp Sư Tăng, ngài liền cung kính.

Năm 18 tuổi, ngài xuất gia tại chùa Quả Nguyên ở Tương Châu. Ngài thông Luật tạng, tụng kinh *Pháp Hoa*, thích ngồi thiền.

Ít lúc sau, ngài đến núi Đại Tô ở Quang Châu tham lễ Huệ Tư Thiền sư⁽¹²⁾. Thiền sư vừa thấy ngài liền nói: “Lúc đức Phật còn tại thế, ông và ta đồng dự hội Pháp Hoa. Do túc duyên ấy nên nay ông tìm đến ta”. Thiền sư liền dạy ngài môn Pháp Hoa tam muội và giảng Tứ an lạc hạnh⁽¹³⁾. Ngài bèn ở lại núi này mà tu Pháp Hoa tam muội. Vừa được ba đêm, khi tụng đến câu “Thị chơn tinh tấn danh chơn pháp cúng dường Như Lai” trong phẩm Dược Vương Bồ tát Bản Nguyên, thân tâm ngài bỗng rỗng rang tịch tịnh mà nhập định, chiếu suốt Pháp Hoa, thấu rõ các pháp tướng, được Huệ Tư Thiền sư ấn khả.

Năm Quang Đại triều Trần, ngài đến Kim Lăng ở chùa Ngõa Quan rộng truyền pháp môn tu thiền. Năm Đại Kiến, ngài qua núi Thiên Thai tại Lâm Hải cát am mà ở. Không bao lâu ngài lại phụng chiếu trở về Kim Lăng.

Nhà Trần mất, ngài đi qua Lô Sơn và các xứ kinh Châu, Dương Châu.

Năm Khai Hoàng triều Tùy, ngài trở lại Thiên Thai.

Trước sau ngài dựng 36 cảnh chùa, đúc tám mươi vạn (800.000) tượng Phật đồng. Đích thân ngài độ được 14.000 vị Tăng. Ngài mua những hào, rạch, đầm, sông hơn 60 chỗ để làm nơi phóng sanh. Ngài dâng biểu lên triều đình ra bảng nghiêm cấm việc bắt cá, chim... Thật là, mọi người đều quy ngưỡng, Long Thiên đều kính trọng, tông Pháp Hoa từ đó rất thịnh hành. Tấn Vương thọ giới Bồ tát với ngài, rồi phụng hiệu là Trí Giả.

Ngài có trứ tác bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận, ở chương cuối nói về hai nghĩa Hân và Yêm: Người muốn được sanh

Cực Lạc thế giới nếu đủ cả hai hạnh sau đây thì chắc chắn vãng sanh.

A.- Hạnh nhàm lìa trước ác

B.- Hạnh ưa thích Tịnh Độ

A.- Hàng phàm phu từ vô thủy tới nay, bị cảnh ngũ dục lôi kéo nên luân hồi mãi trong vòng sanh tử chịu đủ điều khổ khổ, nếu không sanh lòng nhàm lìa vật dục thì không sao giải thoát được. Nên thường quan sát thân người là một bọc máu mủ phần dãi, đủ thứ hôi thối dơ dáy . Kinh *Niết Bàn* nói: “Cái thân này như thế, giống quỷ dữ ngu si thường ở luôn trong đó. Có ai là người trí mà lại ưa thích nó...” . Kinh lại nói: “Thân này là chỗ họp của mọi điều khổ khổ, toàn thể đều dơ thối, là cội gốc của tai hại. Nhấn đến thân thể của chư Thiên cũng đều như vậy cả”.

Người tu hành, ngày đêm thường quán sát thân thể là khổ, là dơ, không chút chi vui, không một mảy sạch, lòng rất nhàm gớm. Nếu người ở nơi sự dâm dục chưa đoạn hẳn được phải quán sát bảy cách như vậy:

1.- Xét nghĩ thân dâm dục này là từ nơi vọng niệm tham ái mà sanh, đó là chủng tử như nhóp.

2.- Do tinh cha huyết mẹ hiệp lại mà thành, đó là thọ sanh như nhóp.

3.- Nhiều tháng ở trong tử cung của đàn bà, đó là chỗ ở như nhóp.

4.- Lúc ở trong thai chỉ ăn huyết của mẹ, đó là ăn đồ như nhóp.

5.- Khi đủ ngày từ nơi cửa mình của đàn bà mà chui ra, đó là lúc sanh như nhóp.

6.- Xem kỹ thân này, dưới lớp da mỏng chỗ nào cũng là những máu mủ đồ dơ, đó là toàn thể như nhóp.

7.- Sau khi chết, thân này sẽ sinh rã thối hôi, đó là rất ráo nhơ nhớp.

Xem xét thân mình cực kỳ nhơ nhớp như thế, thời xét nghĩ thân người khác cũng như vậy. Nếu có thể thường có quan niệm nhơ nhớp như trên, thời vọng niệm dâm dục lần lần yếu bớt. Và nên phát nguyện: Nguyện tôi mau thoát khỏi tám thân máu mủ nhớp nhúa trong vòng sanh tử khốn khổ này, mà được thân kim cương thanh tịnh an vui nơi Tịnh độ.

B.- Hạnh ưa muốn Tịnh độ có hai điều:

I.- Ý nghĩa cầu vãng sanh: Người cầu sanh Tịnh độ chính vì để cứu vớt tất cả chúng sanh. Tự xét như vậy: “Tôi hiện nay không có đạo lực tự tại, nếu ở nơi cõi trược ác này thời cảnh nhiễm ô quá mạnh, tự mình phải bị nghiệp chướng ràng buộc xoay lẩn trong lục đạo luân hồi nhiều đời nhiều kiếp như thời gian quá khứ, biết lúc nào thoát khỏi, làm sao cứu khổ cho chúng sanh được! Vì vậy nên tôi cầu sanh về Tịnh độ để được gần gũi bên Phật, sau khi chứng Vô sanh Pháp nhẫn rồi mới kham vào cõi trược ác hóa độ mọi loài”. Vãng Sanh Luận nói: “Người phát Bồ đề tâm chính là tâm muốn thành Phật, tâm muốn thành Phật chính là tâm muốn độ sanh, tâm muốn độ sanh là tâm mong nhiếp lấy chúng sanh sanh về cõi Phật...”. Bồ đề tâm này do đâu mà thành tựu? Cần phải do sanh về Tịnh Độ, ở gần bên Phật mau chứng Vô sanh nhẫn rồi vào cõi sanh tử cứu độ chúng sanh, trí và bi gồm đủ, tự tại vô ngại, chính đó là tâm Bồ đề.

II.- Tu trì tịnh nghiệp: Người có lòng ưa muốn về Tịnh độ nên tưởng nhớ thân tướng của đức Phật A Di Đà: 84.000 tướng tốt, mỗi tướng tốt có 84.000 tùy hình hảo, mỗi tùy hình hảo phóng ra 84.000 tia sáng chiếu khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quan sát cõi Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm như trong *Quán Kinh*, *Vô Lượng Thọ kinh* v.v... Nên thường tu “Niệm Phật tam muội” và thực hành

những điều lành như: lễ Phật, tụng kinh, cúng dường, sám hối, trì giới, bố thí, phóng sanh v.v... luôn luôn đều hồi hướng cầu được sanh về Cực Lạc thế giới. Được như vậy thời quyết định vãng sanh...

Cơ duyên giáo hóa đã mãn, Đại sư qua chùa Thạch Thành ở Việt Đông nói với đệ tử rằng: “Tôi sẽ từ giã cõi đời tại chùa này!”. Ngài bảo kê giường hướng về Tây phương rồi chuyên niệm A Di Đà Phật với Bát Nhã và Quan Thế Âm. Ngài lại bảo thị giả thắp hương đèn, ngài xướng to đề *Vô Lượng Thọ* kinh và *Quán Vô Lượng Thọ* kinh. Xướng đề kinh xong, ngài tán thán rằng: “Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, ao sen đài báu dễ đến mà không người. Kẻ ác, tướng địa ngục đã hiện, ăn năn niệm Phật còn đặng vãng sanh, huống là người giới huệ huân tu Thánh hạnh, quyết chắc công phu không luống uổng vậy”. Các đệ tử thưa rằng: “Chẳng biết Đại sư chứng bậc nào? Sau khi bỏ thân này sẽ sanh về đâu?”. Ngài đáp: “Nếu ta không bận việc chung, tất được bậc “lục căn thanh tịnh”, vì tôn mình lợi người nên chỉ được bậc “ngũ phẩm”⁽⁴¹⁾. Các thầy bạn của ta hiện theo đức Quan Thế Âm và Đại Thế Chí đồng đến rước ta”. Dứt lời, Đại sư ngồi kiết già mà tịch, an nhiên như nhập thiền định. Thọ 67 tuổi. Bấy giờ là ngày 24 tháng 11, năm Khai Hoàng thứ 17, triều Tùy.

Ông Thích Huệ Diên ở chùa Thiên Hương hay tin Đại sư viên tịch, buồn nhớ lắm. Ông muốn biết Đại sư hiện ở đâu, mới phát nguyện tả kinh *Pháp Hoa* để cầu minh ứng. Đêm đến, ông Diên mơ thấy Trí Giả Đại sư ngồi tòa sen báu theo sau đức Quan Thế Âm, từ phương Tây bay đến, ngó ông mà bảo rằng: “Ông đã hết nghi ngờ chưa?”.

Ngoài ra Đại sư hiện rất nhiều việc linh cảm tương tự như việc trên đây.

Trích ở những bộ: *Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỷ, Tịnh Độ Thập Nghi Luận.*

*

LỜI PHỤ

Trí Giả Đại sư, Sơ Tổ của Pháp Hoa tông, người thủ truyền viên chỉ “nhứt tâm tam quán, nhứt niệm cụ vạn hạnh”. Đại sư thân chứng Pháp Hoa tam muội, hoằng truyền tông chỉ Pháp Hoa, lấy Tịnh độ làm quy túc, và chính Đại sư vãng sanh Cực Lạc. Vì thế nên các bậc tôn túc trong tông Pháp Hoa noi gương Đại sư, cực lực hoằng truyền Tịnh độ, phổ khuyến chúng sanh đồng tu niệm Phật, đồng sanh Cực Lạc.

II - ĐÀM LOAN

(Trích: Tục Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại)

Đàm Loan Pháp sư, người Nhận Môn, thưở niên thiếu đi viếng núi Ngũ Đài, được thấy nhiều cảnh linh dị, phát lòng tin mà xuất gia. Đọc kinh *Đại Tập* thấy lời cùng ý đều thâm mật, ngài mới ra công chú thích. Vừa được nửa bộ, ngài mang bệnh nặng, thuốc men đủ cả mới được lành. Ngài tự than rằng: “Mạng người mỏng manh chết mất trong sớm tối! Tôi nghe các vị Tiên trường sanh thường có nơi thế gian. Trước luyện thuật trường sanh, sau tu học Phật pháp cũng được như vậy!”.

Ngài qua Giang Nam khẩn cầu tiên thuật nơi ông Đào Ân Cư, một nhà tu tiên chánh truyền. Ông Đào truyền cho mười quyển kinh Tiên, ngài hớn hờ mang về, cho rằng Thần Tiên có thể thành. Đến Lạc Dương gặp Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi, ngài bạch hỏi: “Trong Phật giáo có phương pháp trường sanh bất tử hơn kinh Tiên này chăng?”. Tam Tạng Pháp sư

đáp: “Xứ này làm gì có pháp trường sanh bất tử! Tu Tiên đâu được sống lâu, nhưng rồi cũng phải luân hồi, đâu đủ quý báu. Về trường sanh bất tử chỉ trong Phật pháp ta có thôi!”. Pháp sư trao cho ngài quyển Quán kinh mà bảo rằng: “Tu học theo đây thời không còn sanh vào chốn luân hồi sanh tử nữa, tất cả họa phước thanh suy đều không chi phối được. Luận về sự sống lâu, hằng hà sa kiếp số cũng không sánh kịp. Đây là pháp trường sanh rốt ráo của nhà Phật ta đấy!”. Ngài Đàm Loan mừng lắm, bèn đốt kinh Tiên mà chuyên tu tịnh nghiệp, ngài đem chỗ tự tu giáo hóa mọi người rất được rộng lớn. Ngài soạn 12 bài kệ lễ Tịnh độ nối theo kệ của Long Thọ Bồ tát⁽⁵⁾, ngài có trứ tác bộ An Lạc Tập 2 quyển, lưu truyền trong đời. Vua triều Ngụy rất trọng kính ngài, phụng hiệu là Thần Loan Pháp sư, và thỉnh ngài trụ trì chùa Đại Tự ở Tinh Châu. Về sau ngài qua trụ chùa Huyền Trung ở Vân Châu.

Năm Hòa Hưng thứ 4, đêm nọ, có một vị Thánh Tăng hiện ra nói với ngài rằng: “Tôi là Long Thọ đây. Tôi về Tịnh độ đã lâu, vì ông đồng chí nên tôi đến thăm”.

Ngài biết trước giờ viên tịch, vân tập đại chúng lại mà bảo rằng: “Sống chết nhọc nhằn biết ngày nào dứt. Sứ thống khổ trong tam đồ phải biết lo sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp phải gắng siêng tu!”. Rồi ngài bảo hàng đệ tử to tiếng niệm Phật, còn ngài thời xoay mặt về hướng Tây rập đầu cúi lạy mà tịch. Lúc đó, tất cả người tại chùa đồng thấy tràng phan, bảo cái từ phía Tây bay đến, khắp trời vang tiếng nhạc du dương lâu lắm mới dứt.

Triều đình được tin, truyền xây tháp dựng bia ở Văn Cố (Sơn Tây).

LỜI PHỤ

Thiên Tiên được sống lâu nên được tạm gọi là trường sanh, còn gọi là bất tử thời không phải, vì tiên vẫn là phàm phu trong vòng sanh tử luân hồi trong tam giới ⁽⁶¹⁾. Và lại người tu tiên rất chướng ngại đạo giải thoát. Vì luân hồi gốc nơi ngã chấp, ngã chấp từ nơi mến thân mà có, nên trên đạo giải thoát bắt đầu từ quan niệm nhàm thân, có nhàm thân mới có hết ngã chấp, ngã chấp hết mới thoát khỏi luân hồi. Do đây nên trong Phật pháp rất chú trọng đến các vấn đề: quán thân như nhớp, là gốc khổ, là vô thường, là không tự thể... Người tu tiên trái ngược lại, rất mến thân, nên những cách tu luyện của họ cốt yếu là giữ thân máu thịt này cho trường tồn, mến thân là ngã chấp và ngã sở, đó là kiên cố cội gốc sanh tử luân hồi.

Thần Loan Pháp sư nghe một lời khai thị liền đốt bỏ kinh Tiên mà chuyên tu Phật đạo, phải chăng là túc căn tham hậu khiến nên, hay là do chánh trí của ngài thấu tỏ!

III - ĐẠO XƯỚC

(Trích: Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỷ)

Đạo Xước Thiền sư họ Vệ, người Tinh Châu, năm 14 tuổi, ngài xuất gia học tập kinh luận. Ngài theo học thiền với Toàn Thiền sư. Về sau ngài trụ trì chùa Huyền Trung ở Văn Thủy, ngôi chùa của Đàm Loan Pháp sư khai sơn. Ngài ham mộ hạnh Tịnh độ của Đàm Loan Pháp sư nên chuyên tu Tịnh nghiệp: ngồi thường xoay mặt về hướng Tây, sáu thời lễ Phật, tâm tưởng không rời Tịnh độ, ngày đêm niệm Phật bảy vạn câu.

Có một Sư Tăng nhập định xuất thần du Tịnh độ, thấy Đạo Xước Thiền sư ngồi tay cầm chuỗi, thân to lớn tỏa ánh sáng như một tòa núi vàng. Ngoài ra còn rất nhiều thoại ứng khác kể không xiết.

Ngài giảng dạy *Quán Kinh* và *Vô Lượng Thọ* kinh gần 200 bận. Thính giả gồm cả tăng và tục, tay đều cầm chuỗi niệm Phật như tiếng sóng biển. Mỗi khi giảng kinh xong, lúc giải tán, tiếng niệm Phật vang cả rừng, cả đường.

Ngài có trứ tác bộ *Tịnh Độ Luận* hai quyển, lời cùng nghĩa đều thiết yếu, người thời ấy rất trọng.

Năm Trinh Quán thứ 2 nhà Đường, giữa lúc giảng kinh, cả chúng đều thấy Đàm Loan Pháp sư ngồi trên tòa thất bảo gọi Đạo Xước Thiên sư mà nói rằng: “Đèn báu của ông ở *Tịnh Độ* đã hoàn thành, chỉ còn thân thừa chưa mãn đây thôi!”. Đồng thời mọi người thấy Hóa Phật ngự trên hư không, thiên hoa rưới xuống. Cả chúng đều hân ngưỡng và khen lạ.

Từ ngày ấy trở đi, sự hoằng hóa của Thiên sư càng phần chấn hơn. Tăng và tục ở bốn phương về quy kính mỗi ngày thêm đông. Năm 82 tuổi, ngài viên tịch.

Bấy giờ Thượng tọa Thích Đạo Phủ, bạn thân của Thiên sư, được tin Thiên sư đã viên tịch, bèn nói với mọi người rằng: “Tôi thường hẹn sẽ về *Tịnh độ* trước ông, không ngờ nay lại trễ sau. Tôi chỉ gia công thêm một hơi thời theo kịp ông”. Nói xong Thượng tọa liền nghiêm chỉnh y áo, đến trước tượng Phật kính lễ rồi đoan tọa mà tịch.

IV - TĂNG HUYỀN

(Trích ở bộ: *Tổng Cao Tăng Truyện*)

Tăng Huyền Hòa thượng, người Tinh Châu, Hòa thượng thâm đạt Thiên tông, thông giáo lý, giải cùng hạnh đều trọn đủ. Năm 96 tuổi, thấy Đạo Xước Thiên sư giảng *Quán Kinh* cùng trứ tác *Tịnh Độ Luận*, Hòa thượng mới hồi tâm lo niệm Phật. Sợ rằng tuổi đã quá già sống không còn bao lâu, nên Hòa thượng tu Tịnh nghiệp rất chuyên cần: mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy, niệm Phật chín vạn câu, luôn như vậy trọn 5 năm không một ngày thiếu trễ.

Một hôm nhuốm bệnh nhẹ, Hòa thượng hội đệ tử lại mà bảo rằng: “Đức Phật A Di Đà trao cho ta chiếc áo thơm đẹp, Quan Thế Âm và Đại Thế Chí cùng Thánh chúng đều đứng trước ta, vô số Hóa Phật chập cả hư không. Ai nấy ở lại gắng tu. Ta xin đi!”. Dứt lời, Hòa thượng liền tịch. Mùi thơm lạ ngào ngạt trọn bảy ngày mà chưa tan.

Bấy giờ có Khải Phương Pháp sư và Viên Quả Pháp sư mục kích Hòa thượng vãng sanh. Hai người đồng phát tâm cầu sanh Tịnh độ. Đồng nhau đến chùa Ngộ Chơn kiết thất ba tháng chuyên niệm Phật A Di Đà. Hai Pháp sư cùng bẻ một nhánh dương tươi, đem để trong tay tượng đức Quan Thế Âm, rồi đồng vái rằng: “Nếu chúng tôi sẽ được vãng sanh Cực Lạc, nguyện nhánh dương này không héo”. Qua sau bảy ngày, nhánh dương ấy càng xanh tươi hơn. Hai Pháp sư rất mừng, ngày đêm niệm Phật không ngớt. Năm tháng sau, một hôm đương lúc tịnh tọa, hai Pháp sư tự thấy mình đến ao báu, thấy đức Quan Thế Âm cùng Đại Thế Chí ngồi trên hai hoa sen lớn đẹp sáng. Kế thấy đức A Di Đà từ phía Tây đi đến rồi ngự trên một hoa sen lớn nhứt, thân Phật tỏa ánh sáng rực rỡ. Hai Pháp sư lễ Phật rồi bạch rằng: “Chúng sanh ở Ta bà y theo lời dạy trong kinh mà niệm Phật, không rõ có được sanh về đây chăng?”. Phật dạy: “Đừng nghi! Quyết định sanh về cõi nước của Ta”. Hai Pháp sư lại nghe văng vẳng tiếng của Thích Ca Mâu Ni Phật cùng Văn Thù Sư Lợi Bồ tát tán thán kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*. Trên thềm báu thấy có rất đông người, bảo là người ở Ta bà niệm Phật mà được sanh về vậy.

Sau khi xuất định, Khải Phương, Viên Quả, hai Pháp sư thuật lại với hàng đệ tử của các ngài.

V - KHẢ CỨU

(Trích trong bộ *Tịnh Độ Văn*)

Sư Khả Cửu người Minh Châu, chuyên tụng kinh *Pháp Hoa* cầu sanh Cực Lạc. Người thời ấy gọi Sư là Cửu Pháp Hoa.

Năm Nguyên Hựu triều Tống, Sư đoán toạ mà tịch, thọ 81 tuổi. Ba ngày sau, Sư sống lại bảo người rằng: “Tôi đến Tịnh độ thấy cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh đúng như trong kinh đã thuật. Người ở đây tu tịnh nghiệp trên đài hoa đã nêu tên sẵn. Tôi thấy một kim đài nêu tên Huân Công ở Quảng Giáo viện tại Thành Đô, một kim đài nêu tên Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu (ông Tôn Trung), một kim đài nêu tên Khả Cửu, một ngân đài nêu tên Từ Đạo Cô ở Minh Châu”. Dứt lời Sư liền nhắm mắt. Năm năm sau, Từ Đạo Cô mất mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. 12 năm sau, ông Tôn Trung vãng sanh, thiên nhạc đến rước. Lời của Sư Khả Cửu đều nghiệm.

VI - HAI SA DI

(Trích trong bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Ở Văn Châu có hai ông Sa di đồng niệm Phật được năm năm. Một hôm ông lớn chết, thần thức đến Tịnh độ lễ Phật mà bạch rằng: “Con còn một người bạn đồng tu, chẳng biết rồi được sanh về đây chăng?”. Phật dạy: “Lúc trước, nhờ ông Sa di nhỏ ấy khuyên ông, nên ông mới phát tâm niệm Phật. Nay ông trở về gắng tu tịnh nghiệp thêm. Ba năm sau hai người sẽ đồng đến nơi đây”.

Ông Sa di lớn sống lại thuật chuyện gặp Phật với ông Sa di nhỏ và mọi người. Từ đó hai ông càng chuyên cần tu niệm.

Ba năm sau, cả hai ông đồng thấy Phật và Thánh chúng từ phương Tây đến. Khắp đại địa rung động, hoa trời bay rưới. Hai ông đồng thời vãng sanh.

LỜI PHỤ

Đại Thế Chí Bồ tát nói: “Tuởng Phật niệm Phật, hiện tiền và tương lai quyết định thấy Phật”. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát cũng từng bảo: “Nếu người chuyên niệm Phật được nhứt tâm, hiện tiền cũng thấy Phật”. Việc thấy Phật và được Phật dạy của hai Pháp sư, hai Sa di chính là minh chứng.

Luôn nhớ Phật đó là Phật tâm, thấy Phật đó là Phật cảnh. Phật cảnh tùy Phật tâm mà hiện. Tâm và cảnh vốn không hai, cảm ứng đạo giao duy tâm tự hiện. Muốn thấy Phật cảnh phải do Phật tâm, muốn thành Phật tâm phải chuyên niệm Phật.

VII - QUÁN ĐÁNH

(Trích: Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỷ)

Quán Đảnh Đại sư họ Ngô, người Lâm Hải. Vừa sanh được ba tháng, ngài đã xưng được Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Năm lên bảy tuổi, ngài xuất gia ở chùa Nhiếp Tĩnh.

Năm Chí Đức triều Trần, ngài bảm thọ pháp môn chỉ quán với Trí Giả Đại sư tại chùa Tu Thiền, tu tập ít lâu liền được Trí Giả Đại sư ấn khả, bèn theo làm Thị giả. Phàm khi nghe giảng kinh pháp nào, ngài đều thông thuộc tất cả.

Sau khi Trí Giả Đại sư viên tịch, ngài tuyên dương giáo pháp Thiên Thai tông và siêng tu định huệ. Mỗi khi ngài đoan tọa tụng kinh, thường có thiên hoa bay rớt bên mình ngài. Một hôm đương lúc ngài giảng kinh *Niết Bàn* tại chùa Nhiếp Tĩnh, có giặc cướp kéo đến toan đánh cướp chùa. Cửa chùa bỗng hiện cờ xí rợp đất và vô số thần binh mình cao hơn trượng. Giặc cướp kinh hãi tan chạy.

Năm Trinh Quán thứ 6, ngày mùng 7 tháng Tám, trong thất của ngài có mùi hương lạ, ngài kêu các đệ tử đến mà bảo rằng: “Tôi sắp vãng sanh!”. Ngài bỗng đứng dậy chấp tay

cung kính như có Phật, Bồ tát đến, miệng thời niệm to Nam mô A Di Đà Phật ba lần, nét mặt hớn hở, ngài lên giường nằm xoay mặt về hướng Tây mà tịch. Thọ 72 tuổi. Cả ngày đĩnh đầu vẫn âm luôn.

VIII - PHÁP TRÍ

(Trích: Tổng Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại)

Pháp Trí Đại sư, đồng niên xuất gia, các nơi khai giảng kinh luận ngài đều đến tham học. Về sau nghe pháp môn thành Phật mau tất không môn nào qua môn niệm Phật, ngài nói với người rằng: “Tôi thấy kinh nói phạm một kiết la (tội nhỏ) phải đọa địa ngục một trung kiếp, thời tôi tin. Tôi lại thấy kinh nói chí tâm xưng niệm A Di Đà Phật một câu diệt được tám mươi ức kiếp tội lớn, thời tôi chưa tin được”. Có một Tôn túc quở rằng: “Ông là đại tà kiến, đều là lời Phật cả sao lại chẳng tin!”. Một câu khai thị ấy rửa sạch lòng nghi của Đại sư, ngài đến đài Đâu Suất tại chùa Quốc Thanh ngày đêm tinh tấn niệm Phật, cảm Quan Thế Âm và Đại Thế Chí hai vị Bồ tát hiện thân. Một hôm khác lại cảm thiên quan của đức Quan Thế Âm và bửu bình của đức Đại Thế Chí phóng quang chiếu đến thân ngài.

Một ngày kia, Đại sư từ già đại chúng rằng: “Tôi sắp vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, quý vị lấy gì để tiễn biệt tôi!”. Đại chúng Tăng và tục hẹn ba ngày sau họp tại chùa làm tiệc chay để đưa Đại sư. Đến kỳ, sau khi thọ trai xong, nhiều người ở lại chùa để chờ xem. Đến nửa đêm, Đại sư ngồi kiết già trên giường niệm Phật an nhiên mà tịch. Lúc đó ánh sáng màu huỳnh kim từ phương Tây xẹt đến chiếu sáng cả trăm dặm. Người ở những thuyền đậu trên sông đều ngỡ là trời sáng, nào ngờ lúc đó mới vừa quá nửa đêm. Do điềm sáng ấy, mọi người đều công nhận Đại sư thật được vãng sanh.

IX - TRÍ DIỆM

(Trích ở các bộ: Phật Tổ Thống Kỳ)

Trí Diệm Pháp sư họ Châu tự Minh Sáng, người Ngô Quận. Năm lên tám, ngài xuất gia làm đệ tử của Cú Pháp sư ở chùa Thông Nguyên. Ngài đi tham học khắp các nơi rồi rộng truyền kinh luận. Nhà Trần mất, ngài về Hồ Khuru ở tọa thiền 30 năm⁽¹⁷⁾. Sau vì nạn chiến tranh nên lại phải di cư.

Năm Võ Đức thứ 7, nhà Đường, quan Tổng quản Tô Châu, ông Lý Thế Gia, rước ngài về Hồ Khuru. Từ đây ngài chuyên tu tịnh nghiệp. Mỗi tháng họp những pháp lữ đồng chí hơn 500 người đến chùa niệm Phật, luôn hơn 10 năm không sai sót. Tháng 10, năm Trinh Quán thứ 8, ngài thoát thấy một Thánh Tăng tay cầm cái bình báu sáng chói đến trước ngài mà nói rằng: “Tôi là Vô Biên Quang. Ngày sau ở Tịnh độ gọi là Công Đức Bửu Vương, chính là tôi đây!”. Sau khi Thánh Tăng biến đi, ngài bảo đại chúng rằng: “Vô Biên Quang là Đại Thế Chí Bồ tát, còn Công Đức Bửu Vương là Phật hiệu của Ngài ở tương lai. Duyên Tịnh độ đã thực, tôi sẽ về Tây phương!”. Đến tối ngài ngồi kiết già mà tịch thọ 71 tuổi⁽¹⁸⁾.

X - ĐĂNG QUÁN

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Đăng Quán Thiền sư họ Tôn, người Phú Dương. Ngài bảm thọ pháp môn tâm quán với Trí Giả Đại sư, rồi ở Thiên Thai tu thiền quán và thường tụng kinh *Pháp Hoa*. Mùa Đông năm Trinh Quán thứ 9, chùa Pháp Nhãn ở Dư Hàng thỉnh ngài giảng kinh. Mừng một tháng Giêng năm sau, có người mặc sắc phục nhà vua đến chùa bạch cùng ngài: “Đệ tử là thần miếu Kiều Đình. Tháng trước Sư đi ngang qua miếu, nhằm lúc đệ tử mắc đi tuần du nên không dịp tiếp rước. Hôm nay đệ tử đến đây để cầu giới pháp”. Ngài bèn lên hương đèn mà truyền giới

Bồ tát cho Thần. Thọ giới xong, Thần lễ tạ mà lui về. Qua giữa nửa đêm sau, ngài tắm rửa thay áo, ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, to tiếng niệm Tây phương Tam Thánh và hiệu của Trí Giả Đại sư. Đại chúng họp đến vây quanh, ngài giảng rành rẽ pháp nhưt tâm tam quán. Giảng xong, ngài vẫn ngồi yên tại chỗ mà tịch.

XI - ĐỨC MỸ

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Đức Mỹ Đại sư, họ Vương, người Thanh Hà, xuất gia năm 16 tuổi, nghiêm trì giới luật, mỗi ngày chuyên cần lễ sám. Ngài thường tụng kinh *Vạn Ngữ Thiên Phật Danh*. Năm Đại Nghiệp, ngài trụ chùa Huệ Linh ở kinh Sư, tổ chức những việc phước thiện, được rất nhiều sự cảm ứng.

Năm Võ Đức, ngài về ở chùa Hội Xương, lập Sám Hối đường ở phía Tây chùa để làm chỗ tu Bát chu tam muội, trọn một hạ không ngồi⁽⁹⁾.

Có lúc vì ngăn sự lỗi nơi miệng, nên cả ba năm ngài không nói chuyện. Có lúc thực hành hạnh Bất Khinh⁽¹⁰⁾, ngài kính lễ cả bầy chúng. Ngài đoạn tuyệt việc đời, chuyên tưởng Cực Lạc, chấp trì Phật hiệu trọn đời không hở.

Tháng Chạp năm Trinh Quán thứ 11, một hôm ngài mời đại chúng họp lại, dặn dò mọi người tinh tấn niệm Phật tu trì. Dặn xong, ngài chấp tay xướng hồng danh của Phật mà tịch, thọ 63 tuổi.

*

CHƯ SƯ NI

I - HUỆ MỘC

(Trích ở bộ Pháp Uyển Châu Lâm)

Sư Ni Huệ Mộc họ Phó, năm 11 tuổi xuất gia ở chùa tại Tương Quận. Mỗi ngày cô tụng kinh *Đại Phẩm Bát Nhã*, thường thấy hiện rất nhiều sự linh dị, Ni cô từng mơ đến Tây phương, thấy trong ao báu có nhiều hoa sen đẹp sáng chói, những người vãng sanh đều ngồi trên hoa. Ít lúc sau cô tỉnh thấy thợ giới Cụ túc. Lúc đang ở giới đàn, cô bỗng thấy trời đất biến thành màu huỳnh kim.

Một hôm, cô cùng chúng lễ Phật A Di Đà, cô mọp nơi đất rất lâu không trỗi dậy. Người đứng gần đập cô mà hỏi. Cô đáp: “Đương lúc mọp lay, tự thấy mình đến Cực Lạc thế giới, đức Phật giảng *Tiểu Phẩm Bát Nhã* cho tôi nghe, vừa nghe được bốn quyển thời bị đập mà tỉnh dậy. Tôi lấy làm tiếc quá!”.

Năm Nguyên Gia thứ 14, triều Lưu Tống. Sư ni Huệ Mộc vãng sanh có nhiều điềm tốt, thọ 69 tuổi.

II - PHÁP THẠNH

(Trích ở bộ Tỳ Kheo Ni Truyện)

Ni Sư Pháp Thạnh họ Nhiếp, người Thanh Hà. Năm 70 tuổi xuất gia tại chùa Kiến Phước ở Kim Lăng. Cô bẩm tánh rất thông minh, từng nói với các pháp hữu Đàm Kinh, Đàm Ái rằng: “Tôi lập thân hành đạo, chỉ quyết về Tây phương Cực Lạc thế giới mà thôi”.

Năm Nguyên Gia thứ 16, ngày 27 tháng Chín, Ni cô đến dưới tháp lễ Phật, chiều ngày ấy nhuộm bệnh. Đến đêm 30 tháng Chín, cả chùa trong ngoài bỗng sáng rực như ban ngày. Ni cô bảo: “Đó là đức Phật A Di Đà cùng Quan Thế Âm và

Đại Thế Chí đến, nên sáng như vậy...” Dứt lời Ni cô yên lặng. Chúng lại gần xem, thì ra cô đã đi rồi. Thọ 72 tuổi, cô xuất gia mới được 2 năm.

III - TỊNH CHƠN

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Sư Ni Tịnh Chơn người thời nhà Đường, ở chùa Tích Thiện tại Trường An, nạp y không rời thân, luôn đi khất thực. Trọn đời cô tụng kinh *Kim Cang* được mười vạn quyển. Hằng ngày cô rất siêng niệm Phật. Một hôm cô bảo các đệ tử rằng: “Trong năm tháng gần đây, tôi mười lần thấy Phật, hai lần thấy Thiên đồng chơi giỡn trên hoa sen báu. Tôi được vãng sanh bậc Thượng phẩm”. Nói xong, cô ngồi kiết già chấp tay mà tịch. Lúc ấy ánh sáng đẹp mắt tỏa sáng cả chùa rất lâu mới ảm.

IV - PHÁP TẠNG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Sư ni Pháp Tạng, người thời nhà Đường, ngụ ở Kim Lăng, ngày đêm siêng năng niệm Phật. Một đêm nọ, thấy quang minh của Phật và Bồ tát chiếu sáng cả chùa, Sư ni chấp tay yên lặng mà mất.

*

CHỮ TÍN SĨ

I - BẢY VẠN NGƯỜI HỌ THÍCH

(Trích kinh Bửu Tích)

Thuở đức Bôn sư Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại khu rừng Ni Cư Đà trong nước Ca Tỳ La. Một hôm đức Bôn sư phái ngài Ca Lưu Đà Di qua giáo hóa Phụ vương, vua Tịnh Phạn.

Ngài Ca Lư Đà Di liền vận thần thông, ngồi kiết già bay trên hư không mà thẳng đến thành Ca Tỳ La, rồi giảng nói công đức của Phật cho Tịnh Phạn Vương nghe. Vua phát lòng kính tin, bèn dắt người trong họ Thích đến rừng lễ Phật.

Đức Phật giảng rộng nghĩa Tam giải thoát môn ⁽¹¹⁾ cho vua cha và người dòng Thích. Đức Phật lại dạy: “Tất cả pháp đều là Phật pháp”. Vua gạn: “Nếu tất cả pháp đều là Phật pháp, thì lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đều là Phật cả”. Đức Phật giảng: “Nếu ở nơi chúng sanh mà không điên đảo nhận thấy đó chính là “Phật”. Gọi “Phật” tức là nhận thấy chúng sanh đúng như thật. Nhận thấy chúng sanh đúng như thật tức là thấy Thật tế ⁽¹²⁾. Thật tế chính là pháp giới. Tất cả pháp vốn vô sanh, đây là môn Đà la ni. Nên để tâm nơi pháp vô sanh này, đừng tin nơi khác!”.

Bấy giờ vua Tịnh Phạn và bảy vạn người họ Thích nghe Phật giảng dạy, đều tỏ ngộ chứng Vô sanh Pháp nhẫn. Đức Phật mỉm cười mà bảo rằng: “Người họ Thích có trí quyết định nên ở trong Phật pháp được mau an trụ vững vàng. Sau khi mãn thân người này, sẽ đặng vãng sanh Cực Lạc thế giới, hầu gần bên Phật A Di Đà, sớm thành tựu Vô thượng Bồ đề”.

II - SAI MA KIỆT

(Trích trong Bồ tát Sanh Địa Kinh)

Trong thành Ca Tỳ La Vệ có ông Trưởng giả tử Sai Ma Kiệt đến lễ Phật mà bạch rằng: “Bồ tát thực hành hạnh gì mà mau chứng quả Vô thượng Chánh giác, đủ các tướng hảo v.v...?”. Đức Phật vì ông mà giảng những hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục... và sau cùng đức Phật kết luận vô ngã, vô nhơn, như huyễn hóa. Nghe Phật giảng xong, ông Sai Ma Kiệt liền chứng đặng Vô sanh Pháp nhẫn. Trong pháp hội, 500 vị Tỳ kheo, 500 thanh tín sĩ và 500 thanh tín nữ đồng chứng bất thoái chuyển địa. Đức Phật thọ ký cho tất cả những người trên,

khi mạng chung sẽ sanh về cõi nước thanh tịnh của Vô Lượng Thọ Phật ở Tây phương, sẽ thường hộ trì vô lượng Phật pháp, giáo hóa thành tựu vô số nhân dân làm cho đều được bậc bất thoái. Tu hành như vậy đến vô lượng hằng hà sa số kiếp về sau, sẽ ở nơi cõi này, theo thứ tự nối nhau mà thành Phật.

III - Ô TRẦN QUỐC VƯƠNG

(Trích ở Vãng Sanh Tập)

Ô Trần Quốc vương rất mến Phật pháp. Một hôm Vương bảo các quan rằng: “Trẫm dầu ở ngôi vua hưởng phước, nhưng rồi cũng chẳng trốn khỏi số vô thường. Nghe kinh nói cõi Tây phương Cực Lạc là nơi giải thoát, trẫm phải phát nguyện cầu sanh về cõi ấy!”. Từ đó, ngày đêm sáu thời, nhà vua hành đạo niệm Phật. Thường khi trai tăng, nhà vua cùng hoàng hậu đích thân dâng cơm nước cúng dường. Nhà vua tinh tấn tu hành như vậy ngót ba mươi năm. Đến lúc lâm chung, dung sắc nhà vua vui tươi và hiện rất nhiều điềm tốt.

IV - LƯU TRÌNH CHI

(Trích: Đông Lâm Truyện, Xuất Tam Tạng Ký Tập)

Ông Lưu Trình Chi tự Trọng Tư, người Bành Thành. Cha khuất sớm, ông thờ mẹ rất hiếu, học thông kinh sử, rất giỏi về học thuyết Lão, Trang. Ông làm quan Tham quân nơi Bành Thành, vì tánh không thích chiều theo thời tục, mặc dầu các công khanh nhiều phen tiến dẫn về triều, ông đều cố từ.

Bấy giờ, Huệ Viễn Đại sư ở Lô Sơn tu Niệm Phật tam muội, ông nghe tiếng, đến Lô Sơn xin theo tu học. Đại sư hỏi: “Quan cao tước lớn sao lại bỏ đi?”. Ông thưa: “Triều nhà Tấn không vững, quan to thời nhiều nạn, vả lại vô thường không định, đường sanh tử phải lo, nên tôi bỏ việc tục mà cầu đạo pháp!”.

Lưu Dĩ một danh nhơn thời ấy, tặng ông Lưu Trình Chi đức hiệu là Di Dân, để tiêu biểu tâm chí của ông Chi.

Đồng thời lại có các nhà danh sĩ thạc đức, như quý ông: Tông Xác, Lôi Thứ Tông, Châu Tục Chi, Trương Dĩ, Trương Thuyên, Tất Tần Chi, v.v... cùng rất đông Cao Tăng Đại đức đồng đến Lô Sơn. Huệ Viễn Đại sư lãnh đạo tất cả mọi người đến trước tượng Tây phương Tam Thánh đồng lập thế nguyện cùng tu tịnh nghiệp. Đó là hội niệm Phật đầu tiên ở miền Đông vậy.

Tuân lời Huệ Viễn Đại sư, ông Trình Chi soạn bài văn lập thế đồng tu Tịnh độ, đồng sanh Cực Lạc, đồng mong thành Phật, đồng độ chúng sanh mà chạm vào bia đá.

Ít lâu sau, ông Trình Chi qua bên khe phía Bắc Tây Lâm, cất riêng một tịnh thất để làm chỗ thiền quán niệm Phật. Ở thất được nửa năm, trong lúc nhập định, ông thấy quang minh của đức Phật A Di Đà chiếu sáng mặt đất thành màu huỳnh kim. Mười lăm năm sau, đương lúc niệm Phật, ông thấy đức A Di Đà hiện kim thân, phóng quang chiếu mình ông. Ông liền đánh lễ mà bạch rằng: “Ngưỡng mong đức Thế Tôn từ mẫn xoa đầu con và lấy y trùm thân con”. Rồi ông rập đầu cúi lạy nơi chân đức Phật. Đức Phật liền đưa tay vàng xoa đầu ông cùng kéo y vàng phủ trên mình ông.

Ít hôm sau, ông mơ thấy mình đến bên ao thất bảo, trong ao có vô số hoa sen lớn màu xanh và trắng, mặt nước đứng trong như lưu ly. Một người cao lớn, trên đầu có vàng sáng tròn, ngực bày chữ Vạn, chỉ nước ao mà bảo ông rằng: “Nước bát công đức đây, ông uống đi!”. Ông vâng lời lấy tay bụm nước uống, nghe mùi rất thơm ngon, khoan khoái cả tâm thần. Sau khi ông tỉnh giấc, mùi thơm lạ từ lỗ chân lông tiết ra không dứt. Ông thuật chuyện lại với các bạn đồng tu và nói rằng: “Tôi, duyên về Tịnh độ đã đến!”. Rồi ông cung thỉnh chư Tăng đến thất tụng kinh *Pháp Hoa*. Còn ông thì thắp

hương đối tượng Phật đánh lễ nguyện rằng: “Nhờ đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni con mới được biết Phật A Di Đà và Cực Lạc Tịnh độ, nên hương này con thành tâm trước cúng dường đức Bổn sư, kế cúng dường đức Từ Phụ A Di Đà Phật, sau cúng dường kinh *Pháp Hoa*, vì nhờ công đức của kinh này mà con được vãng sanh. Con nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc thế giới”. Nguyện và lạy xong, ông từ biệt mọi người rồi lên giường ngồi xoay mặt về hướng Tây mà tạ thế, thọ 59 tuổi. Bảy giờ nhằm năm Nghĩa Hy nhà Tấn.

V - DƯƠNG KIỆT

(Trích: Đông Đô Sư Lược, Lạc Ban Văn Loại)

Dương Kiệt hiệu Vô Vi Tử, tự Thứ Công, người xứ Vô Vi. Năm Nguyên Phong, ông làm quan Thái Thường. Ban sơ ông mộ thiên, theo học với Thiệu Y Thiên sư, tham cứu cơ ngữ của Bàng cư sĩ. Một hôm ở Thái Sơn thấy mặt trời mọc như chiếc mâm đồng vọt lên, ông bỗng đại ngộ.

Năm Hy Ninh, mẹ mất, ông về nhà cư tang. Nhon được rảnh việc quan, ông chuyên đọc tạng kinh, và cũng do đó mà ông kính ngưỡng Tịnh độ. Ông họa tượng Phật A Di Đà, đi đâu cũng mang theo để ngày đêm lễ niệm. Đời ông trứ tác rất nhiều, tất cả văn phẩm đều chỉ quy Tịnh độ. Dưới đây là bài tựa bộ *Tịnh Độ Thập Nghi Luận* của ông soạn.

“Tình ái không nặng thời chẳng sanh Ta bà, chánh niệm không thuần thời chẳng sanh Cực Lạc. Ta bà là chỗ ứế nhơ, Cực Lạc là nơi thanh tịnh. Thọ mạng của người Ta bà thời hữu hạn, người Cực Lạc sống lâu vô cùng. Nơi Ta bà này đủ muôn vàn sự thống khổ, cõi Cực Lạc kia chỉ thuần hưởng những điều an vui. Ở Ta bà, chúng sanh phải theo nghiệp mà luân hồi sanh tử, còn Cực Lạc, một khi được sanh về thời tất chứng Vô sanh Pháp nhẫn một đời thành Phật, nếu muốn độ sanh thời tùy nguyện tự tại, không bị nghiệp chướng buộc ràng. Sự nhơ

uế cùng thanh tịnh, khổ sở cùng an vui, già chết với trường tồn, luân hồi cùng giải thoát, sanh tử cùng tự tại... Hai cõi khác hẳn nhau rõ ràng mà người đời không biết không hay, thật đáng buồn thương.

Phật A Di Đà là đức cha lành nhiếp thọ chúng sanh về Tịnh độ. Phật Thích Ca Mâu Ni là đấng thầy sáng chỉ đường về Cực Lạc. Quan Âm cùng Thế Chí là hai vị đại Bồ tát giúp Phật độ sanh. Vì thế nên trong các kinh giáo liễu nghĩa Đại thừa, luôn luôn có lời căn kẽ khuyên người phát nguyện vãng sanh.

Đức Phật A Di Đà cùng Quan Âm, Thế Chí ngồi thuyền đại nguyện đi trong biển sanh tử, chẳng neo bờ bên này, chẳng đậu bờ bên kia, cũng không dừng ở giữa dòng, chỉ lấy việc tế độ làm nhiệm vụ. Như trong kinh *Di Đà* nói: “Nếu thiện nam tín nữ nào được nghe Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu từ một ngày đến bảy ngày nhứt tâm bất loạn. Lúc người đó lâm chung, đức Phật A Di Đà Phật cùng chư Thánh hiện thân ở trước người đó. Người đó lúc chết tâm không điên đảo, liền đặng sanh về Cực Lạc quốc độ...” kinh *Vô Lượng Thọ* lại nói: “Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, nhớ tưởng cõi của tôi, tu các hạnh lành chí tâm hồi hướng cầu được sanh về cõi của tôi. Nếu chúng sanh đó không được toại nguyện thì tôi không ở ngôi Chánh giác”⁽¹³⁾.

Thuở Bổn sư tại thế, chính viện Vô Thường⁽¹⁴⁾ ở Kỳ Hoàn Tinh xá sắp đặt cho những người bệnh đều xoay mặt về hướng Tây, chuyên tưởng Cực Lạc thế giới để cầu vãng sanh... Do vì quang minh của Phật A Di Đà chiếu khắp pháp giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ rời. Thánh và phàm đồng thể, hễ có tâm niệm Phật, thì Phật đến rước, đó là cơ cảm tương ưng. Chúng sanh trong tâm của Phật, nơi nơi đều Cực Lạc. Tịnh độ trong tâm chúng sanh, niệm niệm là A Di Đà. Như những lẽ trên tôi xét thấy rằng: “Người trí huệ,

đễ vãng sanh, vì không còn nghi ngờ vậy. Người thiên định dễ vãng sanh, vì không còn tạp loạn. Người trì giới dễ vãng sanh, vì không ô nhiễm. Người bố thí dễ vãng sanh, vì không tham luyến. Người nhẫn nhục dễ vãng sanh, vì không sân hận. Người tinh tấn dễ vãng sanh vì không thoái chuyển. Người không làm lành không gây ác dễ vãng sanh, vì chuyên niệm thuần nhưt vậy. Nhân đến người đã gây tạo tội ác, nghiệp báo đã hiện mà vẫn được vãng sanh vì tâm hết sức ăn năn sợ sệt vậy. Nên biết rằng dầu có nhiều phước lành, nếu không có lòng tin chắc, không phát nguyện hồi hướng, thời chẳng được vãng sanh.

Ôi! Phật A Di Đà rất dễ niệm, Cực Lạc Tịnh độ rất dễ về, mà chúng sanh không chịu niệm không muốn về, đức Phật dầu là đấng đại từ bi, cũng không làm sao được. Vả lại, hễ ai tạo tội ác thời phải đọa vào nơi khốn khổ, còn niệm Phật A Di Đà thời được sanh về Cực Lạc, hai điều ấy đều là lời của Phật cả. Người đời lo sợ bị sa đọa, mà lại nghi sự vãng sanh, há không phải là mê lầm lắm ư!”

Năm Nguyên Hựu, triều Tống, ông giữ chức Đề Hình Lương Triết, một hôm ông họp thân thuộc lại đề từ biệt và nói: “Lúc sống cũng không có gì tham luyến, lúc chết cũng chẳng có chi vất bỏ. Khấp thái hư không: chi, hồ, giả, dã. Đem sai đến làm Tây phương Tịnh độ!”. Dứt lời ông vui vẻ an nhiên mà mất.

Trước đây có quan Tham quân Vương Trọng Hồi, từng bảm thọ pháp môn niệm Phật với ông Kiệt. Ông Hồi từng hỏi: “Thế nào được niệm Phật không gián đoạn?”. Ông Kiệt đáp: “Sau khi đã tin chắc không còn lại nghi ngờ nữa, đó chính là không gián đoạn”. Ông Hồi nghe lời dạy ấy mừng lắm. Năm sau, ông Kiệt mơ thấy ông Hồi đến cúi lạy mình mà nói: “Ngày trước nhờ ngài chỉ dạy cho pháp môn niệm Phật, nay tôi được vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới nên đến tạ

on”. Ít hôm sau, ông Kiệt tiếp được thiệp tang và thơ của con trai ông Hồi gửi đến cho hay rằng: “Ông Trọng Hồi biết trước ngày giờ chết, từ già các thân hữu rồi an lành mà đi”.

Sau khi ông Dương Kiệt mất, kinh vương Phu nhon ^([15]), một nhà tu hành cao hạnh, thần du Tây phương thấy một người ngồi trên hoa sen lớn, y đẹp phát phơ, đội mào vàng, đeo chuỗi ngọc. Phu nhon hỏi người đứng gần, đáp là Vô Vi Dương Kiệt.

VI - KHUYẾT CÔNG TẮC

(Trích: Đại Đường Nội Điển Lục, Niệm Phật tam muội Bửu Vương Luận)

Ông Khuyết Công Tắc người nước Triệu. Triều Tấn, ông ngụ ở Lạc Dương, tánh trầm tĩnh điềm đạm và phóng xả thế sự. Hằng ngày ông thọ trì kinh *Chánh Pháp Hoa*.

Sau khi ông mất, bạn của ông đến chùa Bạch Mã lập trai đàn để hồi hướng công đức cho ông. Đêm ấy, giữa lúc pháp chúng tụng kinh, thoát nghe trên hư không có tiếng người gọi, và ánh sáng chiếu xuống. Mọi người ra sân nhìn lên đồng thấy một người thân hình rất sáng và rất đẹp ngó xuống nói: “Tôi là Khuyết Công Tắc đây! Tôi đã được sanh về Cực Lạc thế giới nay tôi với chư thượng nhơn đến nghe kinh”.

Ông Vệ Sĩ Độ ở Hấp Quận, vốn là học trò của ông Tắc. Bà mẹ của ông Độ thường hay trai Tăng nơi nhà. Một hôm gần đến giờ Ngọ, chư tăng sắp sửa thọ trai, trên hư không, bỗng rơi xuống một cái bát ngay trước mặt mẹ ông Độ. Mọi người xem kỹ thì là cái bát mà trước kia ông Công Tắc thường dùng. Bát ấy đựng đầy cơm, mùi cơm thơm ngát cả nhà. Những người được ăn cơm ấy, cả bảy ngày khỏe khoắn không biết đói. Ông Chi Đạo Lâm, một danh nhơn thời ấy, có làm lời khen ngợi ông Tắc: “Cao cả thay ông Khuyết

Công Tắc! Thần dị linh thiêng! Thần sanh Cực Lạc, ứng tích Đông Kinh. Bay trên hư không thân sáng giọng hòa. Kính dâng vài lời, ghi truyền trong đời”.

VII - CANH TÂN

(Trích ở bộ Nam Sử)

Ông Canh Tân, tự Ngạn Bửu, người Tân Dã, học thông kinh sử. Ông tánh bình dị, thích cảnh núi rừng, ăn chay, áo thô rách, không thích kinh doanh sản nghiệp. Ông bẩm tánh nhu hòa nhẫn nhục, siêng rèn luyện đức hạnh.

Vua Lương Võ Đế thuở thiếu niên chơi thân với ông Tân, khi được hiển vinh, vua mời ông Tân lãnh chức Bình Tây Phủ Ký Thất, ông Tân không nhận lời. Năm Phổ Thông, Lương Võ Đế lại chiếu phong chức Huỳnh Môn Thị Lang, ông Tân cáo bệnh mà từ. Sau ông Tân lập đạo tràng nơi nhà, ngày đêm sáu thời lễ sám, tụng kinh *Pháp Hoa* mỗi ngày một bộ.

Một đêm nọ, thoát có một đạo nhơn đến nơi đạo tràng tự xưng là Nguyên Công gọi ông Tân là Thượng Hạnh tiên sanh, trao cho ông Tân một nén hương rồi biến đi.

Năm Đại Thông thứ 4, ông Tân đương ngủ ngày vụt choàng trỗi dậy kêu người nhà mà nói rằng: “Nguyên Công đã đến, không thể chậm được!”. Dứt lời liền tắt hơi. Cả nhà đồng nghe trên hư không xướng to rằng: “Thượng Hạnh tiên sanh đã sanh về cõi thanh tịnh của Phật A Di Đà!”. Năm ấy ông Tân được 78 tuổi.

VIII - TÔN TRUNG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Ông Tôn Trung người Minh Châu, sớm mộ Tây phương, ăn chay giữ giới. Ông cất am, đào hai ao lớn trồng sen trắng, bên ao dựng điện, nhóm các thiện tín lập hội niệm Phật.

Một hôm ông thấy đức Phật A Di Đà hiện thân trên hư không, ông vội chạy ra sân đồng thời kêu hai người con trai của ông cùng mọp dưới đất lễ Phật. Đức Phật hiện lâu lắm mới ẩn. Nhon đó nên người thời ấy gọi khu đất đó là xóm Trú Phật (đất Phật dùng lại).

Năm Nguyên Hựu thứ 8 triều Tống, Sư Khả Cửu đã sanh Tây phương Cực Lạc, cách ba ngày trở lại nói thấy trên đài vàng nêu tên Tôn Thập Nhị Lang (tức Tôn Trung).

Mười hai năm sau, ông nhuốm bệnh bèn mời tăng và tục 100 người đến niệm Phật. Giữa lúc đại chúng tụng niệm, ông Tôn Trung bỗng ngược mặt ngó lên hư không chấp tay mà vái chào rồi kiết ấn mà qua đời. Cả thành Minh Châu mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc và mùi thơm lạ bay lán về hướng Tây.

Hai người con trai của ông Trung cũng tinh tấn niệm Phật, ít lúc sau đồng ngồi xoay mặt về hướng Tây niệm Phật mà mất.

IX - TẢ THÂN

(Trích: Pháp Hoa Trì Nghiệm Ký, Phật Tổ Thống Ký)

Ông Tả Thân, người Lâm Hải, thọ Bồ tát giới với Thần Chiếu Pháp sư. Ông nghe giảng pháp yếu Đại thừa bỗng rỗng suốt tỏ ngộ. Từ đó ông nghiêm trì giới luật, tạo tượng Tây phương Tam Thánh, sớm tối kính lễ cầu sanh Tịnh độ. Ông tụng kinh trước sau tính được 3.400 bộ Pháp Hoa, 20.000 quyển Kim Cang.

Năm Thiệu Thánh thứ 2, mùa Thu, ông nhuốm bệnh, bảo con trai của ông là Sa môn Tịnh Viên xướng đề kinh *Pháp Hoa*. Kế đó ông mơ thấy ba người cao lớn đứng bờ sông kêu ông mau lên thuyền, ông tuân lời, thuyền liền vụt đi về phía Tây. Thức dậy, ông tự biết đã đến giờ vãng sanh, liền thỉnh

chư tăng đến nhà tụng kinh *A Di Đà*. Ông nói với mọi người rằng: “Tôi đã thấy quang minh của Phật”. Ông tự đi tắm gội thay đổi y phục, căn dặn quyến thuộc đừng than khóc mà làm ngại sự vãng sanh của ông. Rồi ông ngồi ngay thẳng tay kiết ấn mà qua đời.

X - VƯƠNG ĐIỀN

(Trích: Phật Tổ Thống Kỷ, Lạc Ban Văn Loại)

Ông Vương Điền tự Vô Công người Minh Châu, hồng khoa Tân Sĩ, ông bèn mặc áo vải ăn chay đi khắp các nơi tham học Phật pháp. Khi tuổi cao, ông ở nhà chuyên tu Niệm Phật tam muội. Ông trứ thuật bộ “Tịnh Độ Tự Tín Lục”, và dưới đây là bài tựa của bộ sách ấy:

“Pháp môn Tịnh độ của Phật dạy, có một lời trùm cả ý nghĩa: hạng phàm phu mà được trụ bậc bất thoái. Vì sao thế? Vì ở Ta bà này tu hành, về Đại thừa Viên giáo thời Sơ tín Bồ tát, còn Tiểu thừa thời Sơ quả Thánh nhơn, hai bậc này đoạn kiến hoặc bắt đầu dự hàng Thánh, tà kiến tam độc không còn sanh khởi, khởi hẳn ác đạo không mất thân nhơn, thiên và cách đời không quên quả đã chứng. Còn về hạng phàm, dầu là bậc phục hoặc phát ngộ Bồ tát, một khi bị sanh tử, thường thời quên chỗ tu chứng của đời trước, do đó nên có vị gặp chướng duyên phải thoái đạo mà đọa vào tam đồ.

Sao bằng cõi Cực Lạc, chỉ có thượng thiện nhơn mà không ác đạo, nên chỉ được vãng sanh liền thoát hẳn tam đồ. Lại thêm trợ duyên tu hành rất đầy đủ, tuổi thọ lại vô lượng vô biên kiếp. Dầu là hạng rất ngu chậm, nội một đời quyết chứng Thánh quả, trọn không có sự thoái thất. Vì thế nên đức Bổn sư luôn luôn tán thán Cực Lạc, cùng phát nguyện cầu sanh. Nếu là hạng đại căn đại trí minh tâm kiến tánh mà hồi hướng cầu sanh thời chiếm phẩm cao. Người quê tôi, chỉ siêng niệm Phật phát nguyện tha thiết cũng đặng vãng sanh.

Ôi! Xét kỹ một môn niệm Phật thời rõ lòng Phật không bỏ sót một ai. Những người cố chấp si không, bắt chước hạnh vô ngại vô tu đó là chứng mình mà cũng chứng cả người, thật đáng thương đáng xót lắm!”.

Năm Thiệu Hưng thứ 16, tháng Tư, một đêm nọ thoát nghe hương lạ ngào ngạt khắp nhà. Ông Điền nói với Sa môn Tư Tề rằng: “Đó là tịnh nghiệp của tôi cảm cách đây!”. Rồi ông rửa thay y phục, đoan tọa xoay mặt về hướng Tây mà mất. Sau khi thiêu xác ông, được 108 hột xá lợi bằng hột lúa.

*

CHƯ TÍN NỮ

I - VI ĐỀ HI

(Trích ở Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh)

Hoàng Thái hậu Vi Đề Hi, người nước Ma Kiệt, vợ vua Tần Bà Ta La ở kinh thành Vương Xá. Thái tử A Xà Thế nghe lời Sa môn Điều Đạt ⁽¹⁶⁾, bắt vua cha là Tần Bà Ta La giam trong nhà ngục bảy lớp cửa, cấm ngặt không cho các quan lui tới, cố ý bỏ vua chết đói. Thái hậu mới tắm gội thật sạch, lấy bột trộn với sữa và mật trét lên mình, trong chuỗi ngọc thời đựng nước nho, rồi vào thăm vua và lén dâng cho vua dùm. Ngài Đại Mục Kiền Liên và Phú Lô Na vận thần thông bay đến truyền giới Bát quan trai và thuyết pháp cho vua. Mỗi ngày được ăn bột sữa uống nước nho, và được thọ giới nghe pháp, nên dầu bị giam cầm mà dung sắc của vua càng tăng phần khỏe mạnh vui vẻ.

Hai mươi một ngày sau, A Xà Thế được tin ấy, nổi giận, cầm gươm bèn định vào cung giết mẹ. Nhờ hai quan đại thần, Nguyệt Quang và Kỳ Bà, hết lời can gián, A Xà Thế mới bỏ gươm, truyền nội thất nhốt Thái hậu trong cung, không cho đến thăm vua cha nữa.

Thái hậu bị nhốt rất lo âu buồn thảm. Bà mới hướng về núi Kỳ Xà Quật, nơi mà đức Bồ sư đang ngự, cúi đầu đánh lễ rồi vái rằng: “Ngày trước đức Thế Tôn thương sai ngài A Nan đến viếng con, nay con đang gặp phải việc buồn thảm. Đức Thế Tôn oai đức cao trọng, phận con phước bạc không phiền nhọc đến Thế Tôn, ngưỡng mong đức Phật cho ngài Mục Liên và A Nan đến an ủi con!”. Vái rồi bà tủi phận nước mắt trào ra, mọp sát đất mà lạy. Lúc đó, đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật thấu rõ nỗi lòng của Thái hậu, liền sai Mục Liên và A Nan bay trên hư không mà đến hoàng cung, đức Phật cũng rời núi Kỳ Xà Quật mà hiện ra trước Thái hậu.

Thái hậu Vi Đề Hi, sau khi mọp lạy ngược đầu dậy, chợt thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thân màu vàng chói ngự trên tòa sen trăm thứ báu. Bên tả thời Mục Liên, bên hữu thời A Nan. Trên hư không, Thiên Đế cùng Phạm Vương và chư thiên rải hoa trời cúng dường Phật. Thái hậu liền tự bút bỏ những vòng vàng chuỗi ngọc, mọp sát trên đất khóc nức nở mà bạch Phật rằng: “Đời trước con có gây lấy tội gì mà nay sanh đọa con bất hiếu đến thế. Ngưỡng mong đức Thế Tôn chỉ nơi nào không có sự đau khổ lo sầu để con vãng sanh. Con không còn muốn ở cõi trược ác này. Cõi gì mà đầy những địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh! Nguyên con đời sau không còn nghe tiếng ác, không còn thấy kẻ ác. Nay con kính lạy đức Thế Tôn mà cầu ai sám hối. Xin Phật dạy cho con pháp quán tưởng nghiệp hạnh thanh tịnh”.

Bấy giờ, Phật Thích Ca Mâu Ni từ nơi lông trắng giữa chạng mày, phóng ánh sáng sắc vàng chiếu khắp vô lượng thế giới ở mười phương, rồi ánh sáng ấy xoay về tụ trên đỉnh của Phật, hóa làm hình một cái đài vàng lớn như núi Tu Di. Các cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của thập phương chư Phật đều hiện rõ trong đài vàng ấy. Nương thần lực của Phật, Thái hậu thấy được tỏ rõ tất cả: có cõi nước như Tự Tại Thiên cung, có cõi nước thuần là liên hoa, có thế giới bằng bảy chất

báu hiệp thành... Thái hậu ngắm kỹ tất cả rồi bạch Phật rằng: “Những thế giới ấy đều thanh tịnh trang nghiêm, đồng sáng đẹp cả, nhưng con chỉ muốn sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà thôi. Mong đức Thế Tôn dạy con cách tư duy tu tập, dạy con phương pháp thâm nhập chánh định”.

Nghe Thái hậu thưa xong, đức Phật mỉm cười. Ánh sáng năm màu từ miệng Phật phóng ra chiếu thẳng đến đầu vua Tần Bà Ta La. Lúc đó nhà vua dầu bị giam trong ngục kín, nhưng tâm nhãn bỗng khai thông, nên vua thấy được Phật. Nhà vua liền cúi đầu rập lạy tự nhiên đạo lực tăng tấn chứng quả A na hàm ⁽¹⁷⁾.

Đức Phật bảo Vi Đề Hi: “Phật A Di Đà cách đây không xa, Thái hậu nên nhiếp tâm quán kỹ cõi nước Cực Lạc của Ngài. Ta sẽ giảng rõ pháp môn Tịnh độ cho Thái hậu, và cũng để cho chúng sanh đời sau y theo tu hành đặng sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới. Nếu là người muốn sanh về cõi đó phải tu ba phước nghiệp:

1.- Thảo nuôi cha mẹ, kính thờ thầy tổ, từ tâm không sát hại, tu mười nghiệp lành ⁽¹⁸⁾.

2.- Thọ trì tam quy y, nghiêm trì giới hạnh, chẳng phạm oai nghi.

3.- Phát Bồ đề tâm, tin chắc lý nhơn quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

Ba điều trên đây là chánh nhơn tịnh nghiệp của thập phương chư Phật” ⁽¹⁹⁾.

Và sau khi giảng rộng mười sáu pháp quán tưởng xong, Thái hậu Vi Đề Hi cùng 500 cung nữ đồng thấy rõ cõi nước Cực Lạc, thấy rõ đức Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí. Mọi người rất vui mừng, Thái hậu thoát nhiên tâm trí sáng suốt chứng Vô sanh nhẫn. Năm trăm cung nữ phát Bồ đề tâm nguyện sanh Cực Lạc thế giới. Đức Phật

liền thọ ký cho tất cả đều sẽ được vãng sanh, và sau khi được sanh về Cực Lạc, tất cả những người ấy sẽ chứng được Chư Phật hiện thân tam muội. ⁽¹²⁰⁾

II - LẠC ÂM LÃO MÃU

(Trích ở Lão Mẫu kinh)

Một lúc nọ, đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật ở nơi vườn Lạc Âm trong nước Duy Gia La, có một bà già nghèo khổ đến bạch Phật rằng: “Sanh, lão, bệnh, tử bốn điều khổ ấy từ đâu mà lại, rồi chúng nó sẽ về chỗ nào? Cho đến lục thức, lục căn, ngũ đại các thứ ấy từ đâu lại rồi về nơi đâu?”. Phật đáp: “Sanh, lão, bệnh, tử không từ đâu lại, cũng không về chỗ nào, cho đến lục thức, lục căn, ngũ đại không từ chỗ nào lại, cũng không về chỗ nào. Ví như hai khúc gỗ, cọ nhau bật ra lửa, lửa trở lại đốt khúc gỗ, gỗ cháy hết thì lửa tắt. Các pháp cũng vậy, do nhân duyên hội họp mà thành, nhân duyên ly tán thì hoại. Không từ đâu lại, cũng không về đâu”.

Bà già nghe Phật giảng dạy, tâm trí mở thông chứng bậc Pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Phật nói với chúng hội: “Thuở quá khứ lúc Ta phát Bồ đề tâm, có một đời từng làm con trai của thân trước của bà già này. Về sau này, khi thọ mạng đã mãn, bà già này sẽ sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Qua 60 ức kiếp bà sẽ thành Phật hiệu là Phò Ba Kiện, làm giáo chủ cõi nước Hóa Tác.

III - KỶ THỊ

(Trích ở bộ Minh Tường Ký)

Kỷ Thị người thời Lưu Tống, vợ của Cát Tế ở Cú Dung. Ông Tế là dòng dõi ông Cát Hồng, gia thế học tiên thuật. Riêng Kỷ Thị thích Phật pháp, kính tin chí thiết, siêng năng lễ niệm.

Một hôm Thị đương ngồi dệt, cảm thấy trời đất trong sáng hơn ngày thường, Thị ngược đầu ngó lên, thoát thấy vô số tràng phan bảo cái từ phương Tây bay lại, ở giữa có một vị ngự tòa sen báu, thân sắc vàng tỏa ánh sáng chiếu suốt mây xanh. Kỳ Thị ngừng dệt chăm nhìn, lòng mừng lắm tự nói: “Đây chắc là đức Phật A Di Đà mà trong kinh thường nói đến!”. Thị vội vã rập đầu đánh lễ, rồi kêu ông Tế ra chỉ cho xem. Lúc ông Tế nhìn thời chỉ thấy được nửa thân trên của Phật và tràng phan bảo cái. Cả xóm ấy, mọi người cũng đều thấy như thế. Từ đó, Cát Tế bỏ Tiên theo Phật, và rất đông người quy ngưỡng Phật pháp.

IV - CON GÁI CỦA NGUY THẾ TỬ

(Trích ở bộ Minh Tường Kỳ)

Con gái của Ngụy Thế Tử, người Lương Quận. Cả nhà cha và các anh đều tu tịnh nghiệp, cô cũng quyết chí vãng sanh. Riêng bà mẹ chưa phát tâm. Ít lâu cô chết, thân ấm nóng không lạnh, bảy ngày sống lại, cô liền lên ghế cao ngồi tụng kinh *Vô Lượng Thọ*. Tụng xong cô xuống ghế thưa với cha mẹ rằng: “Con đến Cực Lạc thế giới của Phật Vô Lượng Thọ, con đi xem khắp ao thất bảo, thấy cha cùng các anh và con, mỗi người đều có hoa sen lớn đẹp, sẽ thác sanh nơi đó. Chỉ một mình mẹ là không có, vì lòng thương mẹ nên con trở lại báo tin!”. Nói xong cô liền nhắm mắt. Từ đó bà mẹ của cô phát khởi tín tâm tinh tấn tu trì.

V - VƯƠNG THỊ

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Vương Thị vợ của Tiết Ông, thân mẫu của Sư Đánh Cái. Hằng ngày Thị đọc tụng các kinh, siêng tu lễ sám chí cầu Tịnh độ.

Năm Trinh Quán thứ 11, nhuốm bệnh, Thị càng khẩn thiết tu trì hơn. Không bao lâu, trước giường của Thị nằm có hiện một hoa sen đỏ bằng cái ché năm đấu. Rồi lại hiện ra hoa sen xanh lớn chật cả nhà. Đồng thời đức Phật A Di Đà cùng Quan Thế Âm, Đại Thế Chí hiện thân trên hư không. Cháu nội của Thị là ông Đại Hưng lúc đó đương đứng hầu bệnh, thấy đức Phật cao lớn trội hơn hai vị Bồ tát. Một lát sau, Phật và hai vị Bồ tát mới ẩn. Xem lại thời Vương Thị đã tắt hơi rồi.

VI - VIỆT QUỐC PHU NHƠN

(Trích ở bộ Lạc Ban Văn Loại)

Việt Quốc Phu nhơn, họ Vương vợ của kinh Vương chú của vua Triết Tông nhà Tống.

Phu nhơn chuyên tu Tịnh độ ngày đêm tinh tấn, khuyến dẫn hạng thiếp, tỳ đồng dốc chí vãng sanh. Trong hàng tỳ thiếp có một người thiếp trẻ lười, Phu nhơn trách: “Chẳng có thể vì một mình nhà người mà phá hoại trật tự của nhà ta!”. Rồi Phu nhơn ra lệnh đuổi đi, người thiếp ấy sợ lắm và rất ăn năn, cần cầu tạ lỗi, từ đó trở đi, người thiếp ấy hết sức tinh tấn, tu trì không quản mệt nhọc. Ít lâu sau, một hôm người thiếp ấy bảo các bạn rằng: “Tôi sẽ đi nội ngày nay!”. Tối hôm ấy, mọi người đều ngửi thấy mùi thơm lạ khắp nhà, người thiếp ấy vẫn không chút bị ốm, an nhiên mà chết. Cách đêm sau một người thiếp khác thưa với phu nhơn rằng: “Tôi mơ thấy cô ấy mách rằng nhờ phu nhơn khuyên mới được vãng sanh Cực Lạc thế giới, đội ơn vô cùng. Cô ấy bảo tôi thay lời kính tạ phu nhơn”. Phu nhơn nói: “Cô ấy ứng mộng cho ta thời ta mới tin!”.

Tối đến, phu nhơn chiêm bao thấy người thiếp đã chết về tạ ơn. Phu nhơn hỏi: “Tôi có thể đến Tây phương được không?”. Thiếp đáp: “Được!”. Rồi dắt phu nhơn đi. Thoạt thấy trước mặt một thế giới cực kỳ đẹp sáng, có một cái ao rộng lớn mênh mông. Trong ao đầy những hoa sen, hoặc to,

hoặc nhỏ, có cái lại héo. Phu nhơn hỏi duyên cớ. Thiếp phân giải: “Người đời tu Tịnh độ, vừa phát tâm thời trong ao bấu này mọc lên một ngò bông. Vì người siêng kẻ trễ không đồng, nên mới có tươi có héo khác nhau như vậy. Người nào tinh tấn thời bông sen của người ấy tươi tốt to sáng, còn ai biếng lười thoái thất thời hoa của người ấy cũng héo lùn. Nếu người một mực tu trì lâu ngày chẳng nản, công phu niệm Phật thuần thực, đến khi thọ mạng đã mãn, quyết định thác sanh trong hoa sen này”. Trên một hoa sen lớn, phu nhơn thấy một người ngồi mào vàng chuỗi ngọc ánh sáng rực rỡ, bèn hỏi. Người thiếp đáp: “Ông Dương Kiệt đấy!”. Phu nhơn lại thấy một người khác, nhưng hoa sen của ông ấy đang ngò chưa nở xòe. Người thiếp bảo là ông Mã Vu⁽²¹⁾.

Phu nhơn hỏi: “Tôi sẽ sanh tại hoa sen nào?”. Người thiếp liền dắt phu nhơn đi chừng vài dặm thấy một đài hoa, vàng ngọc rực rỡ, chiếu sáng dị thường. Thiếp vừa chỉ vừa nói: “Đó là chỗ phu nhơn sẽ thác sanh. Kim đài thượng phẩm thượng sanh đấy!”.

Sau khi tỉnh dậy, phu nhơn rất vui đẹp nơi lòng, công việc tự tu cùng khuyến hóa người càng chí thiết hơn. Năm ấy, đến ngày sanh nhứt của phu nhơn, sáng sớm phu nhơn tay cầm lư hương hướng về phía lầu thờ đức Quan Thế Âm mà đứng ngay thẳng. Quyển thuộc trong dinh hội lại rồi đồng đến trước mặt phu nhơn định để chúc thọ, chúng xem kỹ, thì ra phu nhơn đã vãng sanh rồi.

VII - GIAO BÀ

(Trích ở bộ Tịnh Độ Văn)

Giao Bà, người Thượng Đẳng, thân với Phạm Bà. Phạm Bà khuyên niệm Phật, Giao Bà nghe lời, bèn giao hết việc gia đình cho dâu con, rồi nhứt tâm niệm Phật.

Đến lúc lâm chung, thấy đức Phật A Di Đà hiện trên hư không. Quan Âm và Thế Chí hầu hai bên. Giao Bà đánh lễ rồi bạch Phật: “Nhờ Phạm Bà con mới được thấy Phật, xin Phật chờ con một lát, để con từ biệt Phạm Bà”. Rồi lập tức cho người mời Phạm Bà, lúc Phạm Bà đến, Phật và hai vị Bồ tát vẫn còn trụ trên hư không. Giao Bà đứng chấp tay từ biệt mà theo Phật.

VII - VỢ ÔNG ÔN TỊNH VĂN

(Trích ở bộ Tịnh Độ Văn)

Vợ ông Ôn Tịnh Văn, người Tinh Châu, năm bệnh dây dưa không mạnh, Tịnh Văn dạy niệm Phật A Di Đà, mù nghe lời. Từ đó đến trọn hai năm sau, mặc dầu bệnh khổ trên thân, mù thâm niệm danh hiệu của Phật không ngớt. Một hôm mù nói với Tịnh Văn rằng: “Tôi đã được thấy Phật chắc chắn sẽ về Cực Lạc ở tháng tới”.

Trước giờ lâm chung ba ngày, có hoa sen lớn sáng như mặt đất mới mọc hiện ở trước giường của mù. Đến ngày, mù sấm sửa thức ăn đến dâng cho cha mẹ mà thưa rằng: “Nay con may mắn được vãng sanh Tịnh độ, trông mong cha mẹ và ba nó chuyên niệm Phật A Di Đà, tất sẽ được gặp nhau ở Cực Lạc”. Thưa xong mù lễ Phật, rồi đoạn tọa mà mất.

IX - CHUNG LY PHU NHƠN

(Trích Phật Tổ Thống Kỷ)

Chung Ly phu nhơn, họ Nhiệm, người Cối Kê, chính là thân mẫu của Tri phủ Chung Ly Cẩn. Đời bà siêng tu tịnh nghiệp, trở gỗ Chiên đàn làm tượng A Di Đà Phật. Mỗi đêm bà thường đội tượng trên đầu mà hành đạo.

Năm 98 tuổi, bà vẫn mạnh giỏi như thường. Một hôm bà gọi Tri phủ mà bảo rằng: “Ai ai đều sẵn có đức A Di Đà, ngặt

vì tự vất đi. Nơi nơi đều là cõi Cực Lạc mà chẳng biết trở về. Mẹ sắp vãng sanh, con phải siêng niệm Phật!”. Sáng ngày sau, bà dậy thật sớm thắp hương quỳ niệm Phật. Niệm được một lát, bà nín lặng mà đi. Tay bà vẫn còn chấp ngang ngực, thân bà vẫn còn quỳ ngay thẳng.

X - MỤ VU

(Trích ở bộ *Phật Tổ Thống Kỳ*)

Mụ Vu họ Tần, người Tiên Đường, chồng làm nghề bán cá. Con trai phạm luật nước, gia sản bị khánh tận. Mụ Vu sầu khổ, đến bờ sông định tự tử. May gặp Từ Chiếu Pháp sư can ngăn mà khuyên rằng: “Đó là nghiệp duyên đã gây từ đời trước, nay mụ nên cam tâm mà trả. Bắt đầu từ nay mụ nên vun trồng nghiệp nhơn thanh tịnh, sau này sẽ hái lấy quả giải thoát an vui. Nhảy xuống sông để trốn nợ, để rồi đời sau lại phải trả nặng hơn. Đâu bằng cứ sống mà chuyên tu niệm Phật!”.

Nghe Pháp sư giảng giải, mụ Vu tỉnh ngộ, bèn đổi trước tượng Phật đốt ngón tay, thệ trường trai niệm Phật. Từ đó trở đi mụ Vu tinh tấn tu niệm trọn mười năm không bê trễ. Phàm gặp bất luận ai, mụ đều gọi là Phật tử cả.

Một ngày nợ, mụ Vu thỉnh chư Sư Tăng đến nhà tụng *Quán Vô Lượng Thọ* kinh, còn mụ thì lần chuỗi niệm Phật. Chư Sư tụng đến đoạn Quán tượng thời mụ Vu yên lặng mà mất.

[1] Tức là Trí Giả Đại sư, Sơ Tổ của tông Pháp Hoa, cũng gọi là tông Thiên Thai

[2] Tác giả bộ *Đại Thừa Chỉ Quán Luận*

[3] Một phẩm trong kinh *Pháp Hoa*

[4] Bạc Lục căn thanh tịnh là bậc Viên giáo sơ tín, bậc này đã viên phục ngũ trụ hoặc và đã đoạn kiến hoặc thuộc Nội Phàm.

Bậc Ngũ phẩm là Viên giáo ngũ phẩm Pháp sư vị, đã viên phục ngũ trụ hoặc, thuộc Ngoại Phàm.

[5] Xem lược sử Long Thọ Bồ tát

[6] Trong kinh *Lăng Nghiêm*, chúng sanh trong tam giới chia làm bảy loài: 1. Địa ngục. 2. Ngạ quỷ. 3. Súc sanh. 4. A tu la. 5. Nhân loại. 6. Tiên. 7. Chư Thiên. Tất cả đều là phàm phu luân hồi sanh tử.

[7] Do đây nên người đời gọi ngài là Hổ Khuru Thiên sư

[8] Nên xem bài Đại Thế Chí Bồ tát nơi chương *Thân tướng* trong Đ.V.C.L tập I.

[9] Cách tu của pháp môn này là vừa đi vừa quán tưởng Phật, đi luôn không ngồi nằm từ 7 ngày đến 90 ngày. Khi chúng chánh định thời tự thấy Đức A Di Đà Phật đứng trên đầu nên gọi “Bát Chu” (Phật đứng).

[10] Trong *Pháp Hoa*, tiền thân của Thích Ca khi gặp chúng tại gia hay xuất gia đều cung kính đánh lễ mà nói: “Quý ngài sẽ thành Phật. Tôi không dám khinh quý ngài!”. Nên người thời ấy gọi ngài là “Thường Bất Khinh”.

[11] Ba môn giải thoát: 1.- Không giải thoát môn.

2.- Vô tướng giải thoát môn. 3.- Vô tác giải thoát môn.

[12] Thật tế: Lý chơn thật, chơn lý.

[13] Điều nguyện thứ 20 trong 48 điều nguyện của đức Từ Phụ. Xem chương Hoằng Nguyện ở tập I.

[14] Nhà để chư tăng bệnh nặng ở.

[15] Tức là Việt Phu nhơn, có lược sử ở đoạn chư Tín nữ truyện thứ VI.

[16] Tức Đề Bà Đạt Đa, em họ của Phật và là đệ tử của đức Bôn sư, thường tìm cách hại Phật và phá Tăng. Ông xúi Thái tử A Xà Thế giết vua cha mà cướp ngôi.

[17] Quả thứ ba trong bốn bậc Thánh Tiểu thừa, người chứng quả này nhứt dứt sạch chín phẩm tư hoặc của cõi Dục. Sau khi xả thân, sẽ sanh lên cõi trời Bất Hoàn ở đầu cõi Sắc, rồi chứng quả A-la hán thứ tư, không còn trở lại cõi Dục nữa.

[18] Thân ba nghiệp lành: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm.

Miệng bốn nghiệp lành: Không nói láo, không đòn xóc, không mắng rủa, không nói thêu vẽ.

Ý ba nghiệp lành: Không giận hờn ganh ghét, không tham lam bòn sẻn, không si mê tà kiến.

Trên đây là mười nghiệp lành thuộc chỉ thiện, còn có mười nghiệp lành thuộc tác thiện:

Ba tác thiện nơi thân: phóng sanh, bố thí, trinh chánh

Bốn tác thiện nơi miệng: Nói thật, nói hòa giải, nói nhã nhặn, nói đúng.

Ba tác thiện nơi ý: từ bi nhơn ái, hỷ xả, chánh tín chánh kiến.

[19] Điều thứ nhứt là tịnh nghiệp bậc hạ. Điều thứ hai là tịnh nghiệp bậc trung. Điều thứ ba là tịnh nghiệp bậc thượng. Đủ cả ba thời là bậc thượng thượng.

[20] Chính là Niệm Phật tam muội. Người chứng tam muội này thời luôn luôn được thấy Phật A Di Đà và thập phương chư Phật hiện thân ở trước mặt.

[21] Bây giờ ông Dương Kiệt đã vãng sanh, ông Mã Vu còn tại thế và đương tu Tịnh Độ.

*

CHƯƠNG THỨ TÁM: TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ NHÌ CHƯ SƯ TĂNG

I - HUỆ TRIỀN

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Huệ Triền Pháp sư, họ Đông, thuở trẻ xuất gia ở Tương Châu. Thời vua Châu Võ Đế diệt Phật pháp, ngài trốn vào Mao Sơn rồi sang Thê Hà, qua An Châu nghe giảng các kinh luận. Phàm bất cứ là kinh luận nào một lần nghe ngài liền tỏ ngộ đến chỗ thâm diệu. Tuổi đã cao, ngài trở về Tương Châu trụ chùa Quang Phước. Chùa ở chót núi, phải xuống dưới triền gánh nước, chúng tăng đông, nước không đủ dùng. Ngài sắp sửa dời đi nơi khác. Tới đến, có một Thần nhơn mình cao hơn trượng mặc áo bào tía, đến đánh lễ ngài rồi bạch rằng: “Phụng thỉnh Pháp sư ở lại đây để thường giảng pháp Đại thừa. Xin đừng quan tâm đến pháp Tiểu thừa. Pháp Tiểu thừa như núi cao không nước không thể lợi ích cho người. Kinh Đại thừa dường biển cả, nếu có một người giảng thuyết thời có thể làm cho chỗ đó trần bửu trang nghiêm, pháp chúng sung thanh, đồ dùng dư dã. Nếu ham Tiểu thừa thời những lợi ấy đều mất. Ngưỡng mong ngài ở lại mà hoằng dương Đại thừa chớ nữ phụ lòng trông mong của tiểu thần này. Pháp sư cần dùng nước, việc ấy rất dễ. Tôi sẽ đích thân đến suối Từ Mẫu ở Kiếm Nam thỉnh một Long Vương. Ngày mùng 8 tháng tới chắc chắn là có nước”. Thần bạch dứt lời bỗng biến mất.

Qua đêm mùng 7 tháng sau, gió lớn từ Tây Nam thổi đến, trọn đêm sấm nổ mưa tuôn, tới sáng trời tạnh. Đại chúng ra xem bốn phía thấy chỗ đất thấp phía Bắc chùa có một đường suối trong mát và ngọt. Cả chùa đều mừng rỡ.

Pháp sư tánh tình hiền hậu, nét mặt luôn mỉm cười vui vẻ, siêng giảng dạy. Ở núi một ít lâu tăng tục đều kính mến.

Năm Trinh Quán thứ 23, đêm mùng 8 tháng Tư, Sơn thần lại hiện ra bạch rằng: “Không bao lâu Pháp sư sẽ vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới”.

Đến ngày 14 tháng Bảy, sau khi họp chúng giảng kinh *Vu Lan* xong, Pháp sư chấp tay nói: “Sống thọ của tín thí nay phải chia đều. Tất cả của vật sở hữu của tôi, xin xả thí cho thập phương chúng Tăng và những kẻ nghèo cùng tàn tật, nhân đến các loài súc sanh”. Dứt lời, Pháp sư ngồi yên mà tịch trên pháp tọa.

II - ĐẠO TRÂN

(Trích: Tục Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại)

Đạo Trân Pháp sư, đầu triều Lương, ở núi Lô Sơn tu quán tưởng Phật A Di Đà, nhưng về việc vãng sanh, trong tâm ngài còn do dự. Một đêm nọ, Pháp sư mơ thấy có người ngồi thuyền báu lớn đi trong biển nói là đi qua nước của A Di Đà Phật, Pháp sư xin theo. Người ngồi thuyền bảo: “Ông chưa cất dựng nhà tắm cúng Tăng, chưa tụng kinh *A Di Đà*, tịnh nghiệp chưa thành, chưa đi được!”. Sau khi thức dậy, Pháp sư cất nhà tắm nước nóng cúng cho chúng tăng và tụng kinh *A Di Đà* nhiều năm siêng tu không bê trễ.

Về sau, đương lúc ngồi trong phòng quán tưởng, Pháp sư thấy có người bung đài sen bạc đến bảo rằng: “Sau khi mạng chung Pháp sư sẽ ngồi tòa bạc này. Công hạnh của Pháp sư đáng lẽ được đài vàng. Nhưng vì lúc ban sơ, tâm chí do dự nên chỉ được bạc này thôi!”. Pháp sư rất mừng, nhơn chép việc trên vào giấy, để trong hộp đựng kinh.

Đêm Pháp sư vãng sanh, từ nửa núi Lô Sơn lên đến chót, sáng như vài nghìn ngọn đuốc cháy đỏ sắp hàng. Những người

ở các làng gần núi tương là các vua chúa họp đại hội. Đến sáng hỏi thăm mới hay Đạo Trân Pháp sư thị tịch.

Tăng chúng kiểm điểm những đồ đạc nơi thất riêng của Pháp sư, khi mở hộp đựng kinh, thấy trang giấy ghi việc thấy đài bạc, mới biết là Pháp sư đã vãng sanh.

III - ĐẠO NGAN

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Đạo Ngan Đại sư, người Ngụy Quận, xuất gia nơi Linh Dũ Pháp sư, học thông kinh giáo, giảng thuyết vô ngại.

Một lúc nọ, Đại sư giảng *Hoa Nghiêm Kinh*, *Thập Địa Luận* nơi chùa Hàng Lăng Sơn, đêm tối không đèn, Đại sư đưa tay chỉ lên, liền phát ánh sáng vàng chiếu sáng cả giảng đường. Thính giả lấy làm kinh lạ. Đại sư bảo: “Ánh sáng ấy thường có ở trong tay, có gì đáng cho là lạ!”. Đòi hoàng pháp của Đại sư luôn luôn chỉ quy Tịnh độ, nguyện quyết sanh Cực Lạc.

Về sau, lúc ở chùa Báo Ứng, Đại sư biết ngày giờ trước, bảo tăng và tục ngày mùng 1 tháng Tám nên họp đến để từ biệt. Đến kỳ, đại chúng vân tập. Đại sư hỏi gần đến giờ trai chưa? Rồi Đại sư lên ngồi pháp tọa, nơi lư hương trên án bỗng phát mùi thơm lạ. Đại sư giảng Bồ tát giới, lời lẽ rất thiết yếu, thính giả tâm thần đều thanh tịnh.

Giảng giới vừa xong, Đại sư ngược mặt ngó lên cao, thấy chư thiên lăng xăng, nhạc trời trời dậy. Đại sư bảo đại chúng: “Chư thiên cõi trời Đâu Suất đến rước tôi. Nhưng cõi trời là căn bản sanh tử, không phải là chỗ muốn của tôi. Tôi cả đời chỉ cầu Cực Lạc Tịnh độ, tại sao lại không được toại nguyện như thế?”.

Đại sư nói dứt lời, nhạc trở nhỏ dần rồi ngưng bật. Liền thấy từ phương Tây, hương hoa kỹ nhạc, tràng phan, bảo

cái, đầy trời như mây lớn cuộn cuộn bay đến, rồi xoay tròn dừng lại ngay đầu Đại sư. Cả chúng hội đồng thấy và đều buột miệng khen là lạ lùng hy hữu. Đại sư to tiếng bảo: “Đại chúng ở lại nên gắng tinh tu. Nay Thánh chúng Cực Lạc đến rước. Tôi xin đi!”. Nói xong, Đại sư vẫn ngồi an ngay thẳng trên tòa mà tịch, thọ 69 tuổi. Năm ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán thứ 7.

IV - HUỆ QUANG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Huệ Quang Pháp sư, ở Lạc Dương. Ngài trứ thuật các bộ sớ như kinh *Hoa Nghiêm*, *Thập Địa*, *Niết Bàn* v.v... trong ấy luận về chỉ thú quyền thiết rất tinh tường.

Một hôm nhuốm bệnh, thấy chư thiên đến rước, Pháp sư từ rằng: “Đời tôi chỉ nguyện vãng sanh Cực Lạc thôi!”. Giây lát, Hóa Phật đông chật cả hư không. Pháp sư đánh lễ bạch rằng: “Ngưỡng mong đức Từ Phụ nhiếp thọ con, cho con được toại nguyện”. Rồi Pháp sư tự khảy móng tay mà tịch.

*

LỜI PHỤ

Sắp chết là lúc tứ đại phân tán, chư thiên đến rước là cảnh tuyệt vui, nhưng vẫn cố từ mà quyết chí vãng sanh, chí nguyện kiên cố của Đạo Ngạn Đại sư và Huệ Quang Pháp sư đáng làm gương cho muôn đời vậy.

*

V - PHI TÍCH

(Trích: *Tổng Cao Tăng Truyện, Bửu Vương tam muội Luận*)

Phi Tích Thiên sư khi mới xuất gia chuyên học luật nghi. Về sau, ngài cùng với Sở Kim Pháp sư nghiên cứu và tu tập giáo quán Thiên Thai.

Năm Thiên Bửu, ngài đến kinh sư, ngụ ở Chung Nam Sơn, soạn bộ Niệm Phật Bửu Vương Luận, ba quyển, lưu truyền trong đời hiện tại. Trong bộ đó về đoạn dạy chuyên chú niệm Phật, đại lược như thế này: “Kinh *Bi Hoa* nói: “Mật Tô Vương tử từ lúc phát Bồ đề tâm, trong khi đi, cứ mỗi bước chuyên tâm nhứt ý niệm Phật, nhờ vậy nên vương tử hiện nay đã thành Phật, tại Diệu Hỷ thế giới, chính là Đức A Súc Bộ Phật”.

Tôi cho rằng khi đi nơi đường rộng, lúc bước trong vườn trong rừng đều phải hành đạo như Mật Tô Vương tử. Nhấn đến, dầu là lúc cầm hột lên ngai hoặc khi khua ngọc vào triều, ngựa xe rần rộ, cờ trống uy nghiêm, cũng đâu đặng chẳng dụng công tu niệm nơi thời gian ấy thay!

Phàm đã là người, chưa có ai không có hơi thở ra vào. Người khác phần đông dùng các thức châu, ngọc, hột cây v.v... làm chuỗi niệm, còn tôi thời dùng hơi thở làm chuỗi niệm. Niệm danh hiệu của Phật mà theo hơi thở rất có sự nương cậy vững vàng. Đâu sợ rằng một hơi thở chẳng trở vào, liền thuộc đời sau đó ư! Đi đứng nằm ngồi, tôi luôn dùng râu chuỗi ấy, dầu cho đến lúc quá mỗi mê, tôi cũng niệm Phật mà ngủ, vừa chợt tỉnh là nói liền lại. Rồi ở trong giấc ngủ được thấy Phật A Di Đà, như cọng cây ra khói, đó là khởi điểm của lửa. Chiêm bao thấy Phật mãi không hở liền thành tựu chánh định, tận mặt gặp Phật được Phật thọ ký, nhứt định vãng sanh muôn không sót một.

Hỏi: Như thế thì chỉ tưởng thầm mà không cần niệm ra tiếng ư?

Đáp: Có năm nghĩa rất cần đến to tiếng niệm Phật. 1- Nhỏ cây cả gốc rễ phải nhờ tiếng thúc giục, trợn đời tinh tấn dứt sạch trăm mối lo sầu; 2- Tiếng Phật tới đâu thời nơi ấy muôn điều tai họa đều tan cả, công đức của tông lâm sơn môn được phồn thịnh đều nhờ nơi tiếng;

3- Thánh cảnh hiện tiền, hoa trời tuôn rưới cũng do nơi tiếng; 4- Như kéo cây đá quá nặng, rập tiếng hè nhau liền đi nhẹ phơi phới; 5- Như dàn quân xông trận nhờ tiếng trống còi, binh sĩ tới lui do nơi phát lệnh.

Cứ theo các nghĩa trên đây, tưởng cùng niệm ra tiếng đồng dùng, chỉ quán song vận, rất hiệp ý của Phật, nào có ngại gì! Hoa Nghiêm nói: “Thà thọ vô lượng khổ mà được nghe tiếng Phật, chớ chẳng chịu hưởng những điều vui mà không được nghe danh hiệu Phật”. Vậy thời tiếng Phật, vang xa thêm lớn căn lành cho muôn loài. Dường như tiếng sấm của mùa Xuân làm động sanh lực của cây cỏ, đâu nên xem thường”...

Về đoạn dạy: “Lý sự song tu, tức sanh vô sanh”, ngài nói: “Nhiều người nói niệm Phật là hữu niệm, còn tôi cho rằng niệm Phật là vô niệm. Niệm chính là “không”, đâu được cho là “hữu”. Chẳng phải niệm diệt mới thành “không”, đâu được cho là “vô”. Thể tánh của niệm tự không, đâu được cho là sanh diệt. Lại đó là “ung vô sở trụ”, mà tu niệm Phật đó là “nhi sanh kỳ tâm”. Lại, đó là “tùng vô trụ bản”, mà tu niệm Phật đó là “lập nhứt thiết pháp”. Lại tâm vô sở niệm đó là “niệm tức thị không”, mà đó là “không tức thị niệm”⁽¹¹⁾. Đây chính là nghĩa “song tịch song chiếu”. Chiếu mà thường tịch đó là “vô sở niệm tâm”, tịch mà thường chiếu đó là mà tu niệm Phật. Chánh định tịch chiếu của đức Như Lai, là vị cứu cánh của Niệm Phật tam muội vậy. Cho nên Niệm Phật tam muội có thể sanh Thủ Lăng Nghiêm Sư Tử Hống định.

Bài kệ phá tướng trong kinh *Bồ tát Niệm Phật tam muội* nói: Niệm thân vàng ròng của Phật, an trụ tâm không tham luyến. Gẫm pháp gì gọi là Phật? Nhiếp tâm thường quan sát luôn. Sắc vàng không phải Như Lai, bốn uẩn sau cũng như vậy. Rời sắc thì không Như Lai, người quán sắc phải nên hiểu. Chính đó là chỗ tịch tịnh, tối thắng nhất của Như Lai. Có thể khéo diệt tất cả những tà kiến của ngoại đạo. Như Long Vương giáng mưa lớn, tất cả loài đều được nhờ.

Trong kinh này chỉ rõ lục độ vạn hạnh, chưa có một pháp gì chẳng phải là Niệm Phật tam muội. Trong *Đại Phẩm Bát Nhã*, đức Phật nói các pháp không tịch để dẫn dạy hạng độn căn, vì hạng này sanh chấp trước. Còn với bậc lợi căn đức Phật giảng tướng hảo của Phật, vì biết là sen chẳng nhiễm trần. Trong kinh *Tọa Thiền tam muội* nói: “Bồ tát tọa thiền chẳng niệm tướng tất cả pháp khác, chỉ niệm một đức Phật, như núi Tu Di vàng ở giữa biển rộng trong mát. Nhấn đến công đức Pháp thân của Phật cũng niệm tướng như vậy”.

Do các đoạn kinh văn và những lý trên, mà biết rằng chẳng được cho không niệm là vô niệm, quán Phật thật tướng quán thân cũng vậy, gặp cảnh nào cũng là chơn tánh, không tâm nào chẳng phải là Phật. Quyết định không rời niệm mà gìn vô niệm, lìa sanh mà cũng lập vô sanh. Nếu rời niệm cùng sanh mà lập vô niệm với vô sanh, chính là bởi chẳng rõ lý “phiền não tức Bồ đề, chúng sanh tức Phật” vậy. Rời lìa đã chẳng được, thì chính niệm mà là vô niệm, chính vắng sanh mà thật là vô sanh. Nghĩa đó rất rõ ràng, như đêm thu trong lặng, vàng trắng tròn sáng ra khỏi lùm mây!...

Năm Vĩnh Thới nhà Đường, Thiền sư từng được triều đình thỉnh giữ chức Chứng nghĩa chánh viện trong các hội dịch kinh, như: *Nhơn Vương Hộ Quốc Bát Nhã Kinh*, *Mật Nghiêm kinh* v.v...

VI - HOÀI NGỌC

(Trích ở Tổng Cao Tăng Truyện)

Hoài Ngọc Luật sư, họ Cao, người Đơn Khưu, nghiêm trì giới luật oai nghi, hành hạnh đầu đà, ngày ăn một bữa gạo, ngồi luôn không nằm, cả năm dùng một nạp y, tha hồ cho rận chí ở. Mỗi ngày Luật sư định khóa niệm Phật năm vạn câu. Trọn đời, ngài tụng kinh *A Di Đà* ba mươi vạn quyển, và luôn lễ bái sám hối.

Năm Thiên Bửu nhà Đường, ngày mùng 9 tháng Sáu, thấy trên hư không Phật và Bồ tát đông như số cát sông Hằng, một vị bung đài bạc xuống rước. Ngài nói: “Tôi trọn đời niệm Phật, thệ quyết ngồi đài vàng thôi!”. Thánh chúng liền ẩn. Luật sư càng tinh tấn gấp bội, 21 ngày sau, thoát nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: “Trên đầu ông đã hiện vàng sáng lớn, nên ngồi kiết già chờ Phật đến!”.

Ba ngày sau, ánh sáng đẹp lạ chiếu khắp chùa. Ngài bảo đại chúng: “Bao giờ nghe mùi thơm lạ, đó là lúc tôi vãng sanh!”. Rồi ngài biên kệ rằng: “Thanh tịnh sáng sạch không mây nhơ. Đài vàng Thượng phẩm hiện đang chờ. Tôi tu đạo hạnh đã mười kiếp. Hiện ra nơi đời nhằm cảnh khổ. Một đời khổ hạnh hơn mười kiếp. Rời hẳn Ta bà về Tịnh độ”. Vừa viết kệ xong, thời mùi hương lạ thơm ngát cả chùa. Thánh chúng chập cả hư không. Phật *A Di Đà* và *Quan Thế Âm* cùng *Đại Thế Chí* hiện thân màu vàng thắm, đồng ngự kim cương đài đến rước. Luật sư mỉm cười mà tịch.

Quan Thái thú Đoàn Hoài Nhiên làm lời khen tụng: “Thầy ta một niệm chứng Pháp thân. Hương nhạc cõi Phật rước hai lần. Trước ngõ vừng cao cội quỳ lớn. Nhánh hồng chỉ để máng đài vàng”.

VII - TÈ HOÀNG

(Trích: *Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Ký*)

Tề Hoàng Pháp sư, họ Trầm, tự Đẳng Chí, người Hồ Châu, xuất gia chùa Vĩnh Định. Tánh trầm tĩnh, ngài xa danh lánh việc, thường ở mãi trong thất lặng lẽ như không có người. Ngài chuyên môn các bộ nghĩa sơ về Pháp Tướng tông, thông kinh *Pháp Hoa*. Ngài từng làm Pháp chủ giới đàn ở Tô Hồ.

Năm Đại Lịch thứ 10, ngài dự đạo tràng niệm Phật ở Lưu Thủy. Chuyên niệm Phật một lát, ngài bỗng thấy cảnh giới Tịnh độ, bèn tự ngâm rằng: “Lưu Thủy nước động sóng lăn tăn. Hoa sen rực rỡ tỏa kim quang. Ngồi trên hoa đài về Cực Lạc. Hỡi ai là bạn đây lên đàng!”.

Sau đó ít lâu, một ngày nọ Pháp sư nhuốm bệnh, bảo các đệ tử rằng: “Chim bạch hạc bay liệng trước mặt ta, các trò có thấy không?”. Đệ tử hỏi: “Hòa thượng sắp vãng sanh, sao lại mang lấy bệnh?”. Pháp sư nói: “Thân tứ đại hư dối vô thường, dầu là Thánh cũng còn chưa khỏi bệnh”. Nói xong, Pháp sư xoay mặt chăm nhìn tượng Phật A Di Đà mà tịch, thọ 68 tuổi.

VIII - TĂNG TẾ

(Trích: *Tổng Cao Tăng Truyện, Đông Lâm Truyện*)

Tăng Tế Pháp sư vào Lô Sơn theo thọ giáo với Huệ Viễn Đại sư, tỏ ngộ pháp yếu. Năm ba mươi ngoài tuổi, ngài lên tòa khai giảng, học giả khuynh phục. Huệ Viễn Đại sư khen rằng: “Cùng ta đồng hoằng truyền Chánh pháp, phải chăng là Tăng Tế này ư!”.

Không bao lâu Pháp sư bệnh nặng, bèn khẩn thiết cầu sớm sanh Cực Lạc, ngày đêm tưởng niệm Phật A Di Đà. Huệ Viễn Đại sư trao cho ngài một cây nến lớn mà bảo: “Ông gắng nhiếp niệm Tây phương!”. Pháp sư hai tay cầm nến, ngồi dựa

thành ghế, nhứt tâm tưởng Phật không xao loạn. Pháp sư lại yêu cầu chúng Tăng tụng kinh *Vô Lượng Thọ*. Đến canh năm Pháp sư trao nển cho đệ tử là ông Ngươn Bật bảo theo chúng mà hành đạo. Pháp sư tạm nằm nghỉ, liền mơ thấy mình tay cầm nển bay trên hư không gặp đức Phật A Di Đà dất đi khắp cả mười phương. Khi thức giấc, Pháp sư mừng rằng: “Tôi chú tâm tưởng niệm có một đêm mà được Phật tiếp dẫn”. Tự xét lấy thân thể trọn không còn một mảy bệnh khổ, không khác người vô bệnh. Qua đêm sau, Pháp sư đương ngồi niệm Phật vụt đứng dậy mắt ngó lên mà bảo Ngươn Bật rằng: “Đức Phật đến rước, Thầy đi thôi!”. Dứt lời, Pháp sư xoay mặt về hướng Tây, chấp tay mà tịch. Bảy giờ nhằm tiết nóng nực, ba ngày sau mà thi hài của Pháp sư như người sống, lại phát ra mùi thơm ngào ngạt. Năm ấy, Pháp sư được 45 tuổi.

IX - HUỆ CUNG

(Trích ở bộ Đông Lâm Truyện)

Huệ Cung Pháp sư, người Dự Chương, dự hội Liên xã ở Lô Sơn, bạn thân của Tăng Quang và Huệ Lang hai vị Pháp sư, Tăng Quang và Huệ Lang sức học không bằng ngài, nhưng chí nguyện và hạnh tu có phần tinh cần hơn. Hai vị Pháp sư từng bảo ngài rằng: “Su huỳnh dầu học rộng hiểu nhiều, nhưng há lại không biết trong kinh *Hoa Nghiêm* có lời răn nhắc: “Như người điếc đánh nhạc, vui tai người khác mà tự mình thời không nghe”. Nghe hai bạn nói, ngài vẫn chưa cho là phải.

Trong vòng bảy năm sau, Tăng Quang và Huệ Lang, hai vị Pháp sư nối nhau thị tịch. Lúc hai Pháp sư thị tịch, ngài mục kích nhiều thoại ứng của hai vị vãng sanh. Và sau đó năm năm, ngài phải bệnh nặng mới tự than rằng: “Xoay vắn mãi trong lục đạo biết ngày nào dứt, sau khi chết ta sẽ về đâu?”.

Pháp sư gượng bệnh đến tượng Phật A Di Đà rửa đầu kính lạy, hai hàng nước mắt như mưa, thệ quyết được về Cực Lạc, trọn ngày tâm không xao lãng. Thoạt thấy đức Phật A Di Đà bung đài vàng đến rước, và ngài tự thấy mình ngồi trên đài ấy. Ngài lại thấy Tăng Quang và Huệ Lang, hai vị đồng đứng trong quang minh của kim đài mà nói với ngài rằng: “Trưởng lão vĩnh sanh bậc Thượng phẩm, chúng tôi lấy làm mừng lắm, chỉ tiếc rằng chậm trễ đến ngày nay thôi!”. Ngài vội kêu đại chúng đến thuật cho nghe các điều, rồi vui vẻ mà tịch. Bảy giờ năm Nghĩ Hy thứ 11 nhà Tấn.

X - HUỆ THÀNH

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Huệ Thành Đại sư họ Đoàn, người Lễ Dương, lúc này Đại sư tu học nơi chùa Thập Trụ. Nghe tiếng Huệ Tư Thiền sư, Đại sư bèn đến Nam Nhạc cầu học. Đại sư hành đạo rất tinh tấn thường mở mắt ngồi thiền từ đầu hôm đến sáng. Huệ Tư Thiền sư bảo Đại sư nhập các môn tam muội: Phương Đẳng tam muội, Quan Âm tam muội, Pháp Hoa tam muội và Bát Chu tam muội, để tiêu trừ túc chướng. Đại sư hành những môn tam muội ấy ba năm, chứng đặng Giải chúng sanh ngữ ngôn tam muội ([2]).

Về sau Đại sư qua kinh Châu lập chùa và trụ lại đó. Hằng ngày Đại sư tụng kinh *A Di Đà*, quán tưởng Tây phương Cực Lạc, trọn ba mươi năm ngồi luôn không nằm. Mỗi khi Đại sư nhập định thường thấy liên đài và bảo thọ. Một ngày kia, Đại sư bảo các đệ tử gặp trần thiết điện đường, để Đại sư giảng Niết Bàn. Khi sửa soạn đã xong, thoạt Trí Giả Đại sư từ Ngọc Tuyền đến. Hai Đại sư cùng nhau ngồi luận huyền lý. Được một lát, Huệ Thành Đại sư an nhiên nhập diệt tại chỗ ngồi. Lúc đó người ta thấy Đại sư ngồi trên liên đài ần ần bay về hướng Tây.

CHƯ SƯ NI

I - HUỆ AN

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Sư ni Huệ An, người Minh Châu, trụ am họ Dương ở Tiểu Khê. Trọn đời chuyên tu Tịnh độ, tụng kinh *Kim Cang*, đầu Đông, Hạ cũng không bao giờ sót trễ, Sư ni thường thấy quang minh của Phật chiếu đến trong thất.

Một hôm nhuốm bệnh, Sư ni ngồi ngay thẳng, dặn mọi người không được ồn náo. Một lát sau Sư ni nói: “Phật đã đến!”. Rồi bảo chúng đồng thanh niệm Phật, còn Sư ni vẫn ngồi ngay thẳng chấp tay hướng về Tây phương mà tịch, thọ 96 tuổi.

II - CHÂU CẨM

(Trích ở bộ Hiếu Nghĩa Am Lục)

Sư ni Châu Cẩm, họ Thang, tự Thái Tố. Người Hàng Châu, vốn là vợ Trầm Giáo Thọ, chính là Liên Trì Đại sư vậy. Ngày Trầm Giáo Thọ đi xuất gia, Châu Cẩm mới 19 tuổi. Có người xúi cô ngăn trở. Cô bảo: “Không nghe ông ấy mỗi ngày luôn mồm nói “sinh tử sự đại” đó sao? Nếu ngăn trở ông ấy tức là làm hại ông, mà mình cũng bị tổn đức. Không nên!”. Đến năm 47 tuổi cô xuất gia thọ Cụ túc giới. Cô giữ gìn giới hạnh rất tinh nghiêm, siêng tu Tịnh độ, chuyên niệm Phật và lễ sám.

Năm Vạn Lịch thứ 42, có bệnh, lúc sắp mất cô bảo thị giả rằng: “Kinh nói thập niệm vãng sanh, mau đỡ tôi dậy!”. Rồi Sư ni đoan tọa hướng về Tây phương chấp tay niệm Phật mà đi, thọ 67 tuổi.

III - QUẢNG GIÁC

(Trích ở bộ Hiếu Nghĩa Am Lục)

Sư ni Quảng Giác, họ Cung, người Tô Châu. Lúc còn ở tục, cô ăn chay trường từ khi 12 tuổi, mỗi ngày trì tụng

kinh chú, siêng lễ Phật, tự thệ không lấy chồng. Đến năm 28 tuổi xuất gia rồi ở tu tại am Hiếu Nghĩa ở Hàng Châu. Cô gìn giữ giới hạnh rất tinh nghiêm tinh tấn chuyên tu không quản khổ nhọc.

Về sau nhuốm bệnh, cô từ thuốc men, nhứt tâm chờ chết. Đương lúc nằm thở thoi thóp, cô bỗng vụt trỗi dậy ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây. Am Chủ dọn bàn thiết tượng A Di Đà ở trước mặt cô. Cô mở mắt nhìn chăm tượng Phật và chấp tay quý kính. Rồi cô rửa tay thay đổi y áo, cầm chuỗi đối tượng Phật mà ngồi ngay thẳng, yên lặng như nhập định. Thị giả sợ cô nghiêng ngã, mới lấy hai cái gối to kê đỡ, cô khoát tay bảo đừng. Chúng trong am đến chung quanh mà niệm Phật, cô nói: “Không dám làm phiền nhọc đại chúng, tôi tự có chủ trương!”. Cô cứ ngồi kiết già ngay thẳng như thế mà niệm Phật nho nhỏ luôn cả hai ngày đêm vẫn không cựa động và không dứt tiếng niệm. Mãi đến lúc hơi mòn tiếng bật, mọi người lại gần xem thì cô đã tịch rồi. Nhằm mùng 7 tháng Hai năm Vạn Lịch thứ 39 triều Minh. Bảy giờ cô được 33 tuổi.

IV - THÀNH TỊNH

(Trích ở bộ Quan Âm Từ Lâm Tập)

Sư ni Thành Tịnh, tự Thiệt Tu, người Quảng Châu, ăn chay giữ giới từ thuở bé. Sau khi xuất gia thọ Cụ túc giới ngày đêm cô niệm Phật không ngớt. Cô từng khuyên hóa đại chúng chung sức nhau trở tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi bằng gỗ Chiên đàn. Ngót một năm tượng mới tạc thành, mà cô cũng vừa nhuốm bệnh. Cô tự biết trước ngày giờ. Đến kỳ cô nói với đại chúng rằng: “Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quan Thế Âm Bồ tát đến rước tôi!”. Dứt lời cô nhắm mắt mà tịch.

V - TRIỀU ÂM

(Trích ở Triều Âm Sự Lược)

Sư ni Triều Âm, họ Kim, người Thường Thục, dâu họ nhà Cũng. Chồng chết sớm, cô ở góa thủ tiết, rồi cùng con trai là Đoan Ngô đồng phát tâm xuất gia. Khi Đoan Ngô đã làm tăng, cô cũng qua Tô Châu lễ Sư ni Chơn Như cầu thế độ. Sau khi thọ Ni giới, cô trở về làng thuê nhà ở tu, ngày đêm sáu thời tiếng niệm Phật lãnh lót.

Một hôm nhuốm bệnh nhẹ, cô tắm gội đắp y rồi ngồi vững ở giữa nhà. Chiều đến cô nói: “Giờ Hợi thì tôi đi!”. Đến giờ cô vẫn ngồi an tại chỗ, thâu tay vào áo mà tịch, thọ 73 tuổi. Lúc ấy nhằm năm Thuận Trị nhà Thanh.

*

CHƯ TÍN SĨ

I - VIÊN HOÀNG ĐẠO

(Trích ở các bộ: Minh Sử, Tây Phương Hiệp Luận, Bạch Tô Trai Tập, Kha Tuyệt Trai Ngoại Tập).

Ông Viên Hoàng Đạo, tự Trung Lang, hiệu Thạch Đầu Cư sĩ, người Hồ Bắc. Anh ruột của ông tên Tông Đạo tự Bá Tu, em là Trung Đạo tự Tiểu Tu. Cả ba anh em đồng đỗ Tiến sĩ triều Minh và đều thích Thiền tông.

Năm Vạn Lịch, ông Hoàng Đạo làm Tri huyện Ngô Giang, kế làm Lễ Bộ Chủ Sự, lần thăng đến chức Huân Tư Lang Trung, rồi cáo bệnh về nhà. Lúc đầu ông học thiền với Lý Trác Ngô, tín giải thông lợi, thích biện luận. Ông tự xét rằng đó chỉ là môi mếp suông chớ không phải thiệt chứng có ích gì nơi sự. Ông bèn hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, sớm tối lễ tụng, giữ gìn cấm giới. Ông từng rút lấy lời dạy trong các kinh

luận, làm thành bộ Tây Phương Hiệp Luận, viên dung cả tánh tướng nhập bất nhị môn. Trong bộ ấy, nơi chương luận về “Ngũ chủng hạnh môn” rất là thiết yếu, đại lược như vậy:

Một là “*Tín tâm hạnh*”. Kinh dạy tín tâm là đầu của đạo, là mẹ của công đức. Tín tâm là chánh nhơn của tất cả công hạnh, nhấn đến quả Vô thượng Bồ đề cũng chỉ là hoàn mãn tín căn này. Như hột thóc rớt xuống đất, cho đến lúc trở bông kết vé, vẫn không khác giống, như chồi măng đến khi thành tre cao vót vẫn là một cây. Sơ tâm Bồ tát đều nương nơi tín lực mà được thành tựu. Tông Tịnh độ dùng tín tâm làm căn bản:

- 1- Tín căn bản trí và bất động trí của Phật A Di Đà cùng mình không khác. Như hư không bao la, mặt trời chói thời sáng, mây giăng thời u ám, hư không vẫn không có khác. Vả lại trời mây không ngoài hư không, cũng chính là hư không.
- 2- Tín đức Phật A Di Đà từ vô lượng kiếp tu vô lượng công hạnh đặc thắng, khó làm khó nhẫn. Mình cũng có thể thực hành như vậy. Vì sao? Vì từ vô thủy đến nay trôi chìm trong tam đồ lục đạo, chịu muôn vàn lần sống chết, cho đến mang lông đội sừng, ngồi trên dao, nằm trên lửa, biết bao nhiêu là sự thống khổ vô ích mà còn chịu được, huống chi nay là công hạnh cứu độ chúng sanh của Bồ tát, há lại sợ khổ nhọc mà không làm được ư!
- 3- Tín đức A Di Đà thành tựu vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, vô lượng nguyện lực v.v... mình cũng sẽ được như vậy. Vì đức Như Lai từ nơi tự tánh thanh tịnh mà có đủ vô lượng công dụng bất tư nghị như thế, mình đây với đức Như Lai, vẫn đồng một tánh thể thanh tịnh ấy.
- 4- Tín đức Phật A Di Đà không khứ không lai, mình cũng không khứ không lai. Tây phương cùng Ta bà chỉ cách ly tắc, muốn thấy liền thấy. Vì tất cả chư Phật đều dùng pháp tánh làm thân và làm cõi vậy.
- 5- Tín đức Phật A Di Đà tu hành nhấn đến chứng quả đều không ngoài sát na, mình cũng không ngoài sát na, vì ngang hàng với chư Phật. Vì thời gian thuộc về nghiệp, trong pháp tánh vốn không có nghiệp. Đủ cả năm

điều tín giải như vậy, là hạnh của hàng sơ tâm nhập đạo, tín Tịnh độ của tất cả chư Phật.

Hai là “*Chỉ quán hạnh*”. Ba môn quán của Pháp Hoa tông, dạy giáo nghĩa của nhứt tâm, yếu lãnh của các pháp. Mười sáu pháp quán của Tịnh độ, mỗi pháp quán đều đủ cả ba môn. Trong bộ Diệu Tông Sao nói:

Thê của ba đức trong tánh, là ba thân của chư Phật ⁽³⁾. Chính ba đức và ba thân ấy là nhứt tâm tam quán của tự mình. Nếu chẳng như vậy thời có Phật ngoài quán trí, thành ra cảnh chẳng tức tâm, đâu thành viên diệu. Cũng có thể ba thân của Phật A Di Đà là Pháp thân, tam quán của mình là Bát nhã, quán thành thấy Phật là Giải thoát. Nắm một mà đủ cả ba, như chữ ⁽⁴⁾. Quán Phật đã như vậy, thời quán các cảnh y báo và chánh báo khác cũng vậy. Như trong bộ số sao ấy đã giảng giải rõ, đây không phiên thuật hết. Hiểu nghĩa trên đây, thời biết rằng niệm Phật một tiếng đủ cả ba môn quán. Rõ tâm năng niệm không phải quả tim, không phải duyên lự, đây là không quán. Rõ Phật sở niệm, chủ bạn viên dung khắp không gian cùng thời gian, đây là giả quán. Rõ năng và sở tuyệt đối, song vong, song chiếu, đây là trung quán. Lại năng niệm là nhứt tâm tam quán, sở niệm là nhứt cảnh tam đế. Năng và sở bất nhị chính là để cùng quán bất nhị. Tam đế là Pháp thân, tam quán là Bát nhã, đế và quán bất nhị, niệm cùng Phật tương ưng là Giải thoát. Nắm một tức là cả ba chữ. Vậy thời niệm Phật một tiếng có thể thanh tịnh cả tứ độ, như cầm một hạt bụi biển quả đất thành huỳnh kim. Đây gọi là quán môn Pháp giới viên dung bất tư nghị.

Ba là “*Lục độ hạnh*”. Luận Khởi Tín nói: Bỏ tất thâm giải hiện tiền sở tu ly tướng, vì biết pháp tánh thể rời xan tham mà tùy thuận tu hành “bồ thí Ba la mật”. Vì biết pháp tánh vô nhiễm, rời lỗi ngũ dục mà tùy thuận tu hành “giới Ba la mật”. Vì biết pháp tánh không khổ, rời sân não mà tùy thuận tu hành

“nhẫn Ba la mật”. Vì biết pháp tánh không có tướng, thân tâm rời giải đãi mà tùy thuận “tinh tấn Ba la mật”. Vì biết pháp tánh thường định, thể không loạn động mà tùy thuận tu hành “thiền Ba la mật”. Vì biết pháp tánh thể vốn sáng suốt, rời vô minh mà tùy thuận tu hành “Bát nhã Ba la mật”. Cho nên người tu Tịnh độ không ngoài một hạnh đủ cả sáu nghĩa. Đương lúc niệm Phật, niệm niệm ly là thực hành thí, niệm niệm tịnh là thực hành giới, niệm niệm tịch là thực hành nhẫn, niệm niệm tương tục là thực hành tinh tấn, niệm niệm thuần nhứt là thực hành định, niệm niệm Phật là thực hành trí”. Nên biết rằng: Ly tịch tịch tục nhứt ắt có sự tướng tùy duyên mà sanh khởi, nhưng đều từ niệm Phật mà có thành ra chánh, trợ bất nhị, sự tướng bất nhị. Vì vậy nên một hạnh niệm Phật gồm tất cả hạnh. Vì niệm Phật là pháp môn nhứt tâm mà vốn không có hạnh gì ở là tâm vậy. Nếu bỏ các hạnh chính là bỏ tâm.

Bốn là “*Bi nguyện hạnh*”, nơi chư Phật và Bồ tát, tánh hải vô tận, cúng dường vô tận, giới thí vô tận, nhẫn đến nhiều ích vô tận. Cho nên Thiên Thân Bồ tát thuật Tịnh độ ngũ niệm môn, dùng bốn môn: Lễ bái, tán thán, tác nguyện, quan sát để thành tựu phần nhập công đức, và dùng một môn hồi hướng nhứt thiết phiến não chúng sanh bạt thế gian khổ để thành tựu phần xuất công đức. Bồ tát tu năm môn Tịnh độ này thời chóng thành Vô thượng Chánh giác. Gạn rằng: “*Kinh Tịnh Danh* nói: “Bồ tát quan sát chúng sanh vốn không. Nếu ta phát nguyện độ sanh, đều như vang, như bóng, như bọt nước v.v...”. Đã là chúng sanh vốn không, nếu ta phát nguyện độ sanh, khác nào mắt lừa thấy hoa đôm?”. Giải rằng: “Trong Luận Trí Độ có chép: “Phật nói vô Phật đó là để phá quan niệm chấp trước nơi Phật, chớ không phải chủ ý bảo nhận tướng không Phật”. Nên hiểu rằng nói không chúng sanh đó là để phá quan niệm chấp trước chúng sanh, chớ chẳng phải bảo nhận lấy tướng không chúng sanh. Vì thế nên *kinh Tịnh Danh* tiếp nói: “Bồ tát quan sát như thế rồi, tự nghĩ rằng ta phải vì

chúng sanh mà giảng pháp không chúng sanh, đó là lòng từ chơn thật”. Do đó mà thấy rằng Bồ tát luôn độ sanh, chính là thấu rõ ý nghĩa không chúng sanh. Nếu thấy có chúng sanh thì là có ngã, phàm có ngã kiến thì tâm từ bi yếu kém, đâu có thể thực hành công hạnh lợi sanh rộng lớn được.

Năm là “*Xứng pháp hạnh*”. Pháp giới vô lượng vô biên, công hạnh cũng vô lượng vô biên, cho nên tất cả công hạnh của Bồ tát cũng đều xứng pháp tánh: phi hữu phi vô, không phải thực hành mà cũng không phải không thực hành. Xứng pháp tự tánh: chẳng phải sơ tâm đặng, chẳng phải hậu tâm đặng. Nay lược thuật hành tướng ấy: A- Bồ tát độ chúng sanh đến rốt ráo Vô dư Niết bàn mà chúng sanh giới chẳng giảm. Như người nộm lên đàn, cười nói rõ ràng, nhưng chỉ là một thứ đất gỗ rỗng không. B- Bồ tát hoặc thực hành năm nghiệp vô gián mà không chút sàu não, đến nơi địa ngục mà không tội lỗi, đến nơi súc sanh mà các thứ vô minh, kiêu mạn... Như cô gái ly hôn có chồng nhả đến sanh con, nhưng chính thể của cô vẫn trinh tịnh không rời bên mẹ ruột. C- Bồ tát tự thân nhập định rồi xuất định ở thân người, một thân nhập định mà xuất định ở nhiều thân. Nhập định ở thân hữu tình mà xuất định ở thân vô tình... Như mãnh hổ khởi thây, quỳ lạy nhảy múa, chỉ là ý muốn của hổ chó thây vẫn vô tri. D- Bồ tát ở nơi thân tiểu chúng sanh chuyên pháp luân, thấp pháp cự, chân pháp lôi, cung ma ngã sập, đại địa chấn động, độ vô lượng vô biên chúng sanh mà tiểu chúng sanh ấy vẫn không hay không biết gì. Như Nhạ thần của Thiên Đế chui vào lỗ mũi của cô bé để trốn, mà cô bé vẫn không hay. E- Bồ tát muốn ở lâu nơi đời, bèn dùng thời gian một niệm kéo dài thành vô số trăm nghìn ức na do tha kiếp. Còn nếu muốn ở đời ít, thì Bồ tát đem vô lượng vô số trăm nghìn ức na do tha kiếp thu ngắn thành thời gian một niệm. Như các trẻ xem ngựa chạy nơi đèn kéo quân, tính coi đầu đuôi nhiều ít hẳn không thể được.

Nếu người chúng được các hạnh bất tư nghị như trên, trong khoảng một niệm nhiếp cả Tịnh độ của chư Phật trong ba thuở. Đây gọi là hạnh trang nghiêm Tịnh độ của Bồ tát. Dùng trí vô tư để soi đó thời thấy được, mà chẳng phải tâm lượng phàm tình có thể suy lường đến. Vì tự tánh siêu việt tất cả hạn lượng vậy”.

Khi bộ Tây Phương Hiệp Luận vừa soạn xong, thời Tông Đạo và Trung Đạo đồng thời phát tâm hồi hướng Tịnh độ. Ít lúc sau, ông Hoàng Đạo đến ngụ nơi một ngôi chùa ở kinh Châu rồi không bệnh mà mất.

Ông Trung Đạo ở quan, chức Lễ Bộ Lang Trung, sau từ quan, về ở nhà ngày ngày siêng lễ Phật tụng kinh. Năm Vạn Lịch thứ 42, đêm Rằm tháng Giêng, sau khi khóa tụng xong, ông tịnh tọa bỗng nhập định, xuất thần lên khỏi nhà, nhẹ bay theo mây, có hai đồng tử dắt ông bay về hướng Tây, giầy lát hạ xuống hô: “Dừng lại!”. Trung Đạo đáp xuống thấy mặt đất bằng phẳng trơn láng sáng ngời. Một bên là ao nước rộng lớn, trong ao hoa sen đủ năm màu, hương thơm dị thường. Ngang ao, bắc cầu bằng huỳnh kim, bên kia cầu vàng, thấy lan can bao giăng, lầu đài tráng lệ. Trung Đạo chấp tay xá đồng tử và hỏi: “Đây là chốn nào, các vị là ai?”. Đáp: “Chúng tôi là thị giả của Linh Hòa tiên sanh!”. Hỏi: “Linh Hòa tiên sanh là ai?”. Đáp: “Là anh của ngài, ông Trung Lang đấy! Hiện tiên sanh đang chờ ngài. Chúng ta đi mau!”. Rồi đồng tử dắt ông đến một nơi có hàng cây đẹp và cao, ao nước mát trong, bên ao có cửa ngõ bằng bạch ngọc. Một đồng tử dắt ông đi, qua khỏi hơn hai mươi lớp đền đài, đến dưới một tòa lầu to, có một người đi xuống mặt sáng ngời như ngọc, áo phát phơ như mây rắng, mình cao hơn một trượng. Người ấy chào mừng: “Em đã đến đấy ư!”. Ông nhìn kỹ thời là ông Hoàng Đạo. Hai ông đồng lên lầu, có năm người khác đến ngồi đồng bàn.

Hoảng Đạo bảo ông: “Đây là biên địa của Cực Lạc thế giới, cũng gọi là Giải Mạn quốc. Người tu Tịnh độ mà tín giải chưa thành, giới đức chưa toàn, phần nhiều sanh nơi này. Trên đây có đền của Hóa Phật ngự. Trước đền ấy có ao sen lớn chừng một trăm do tuần đó là chỗ thác sanh của người vãng sanh. Sau khi sanh thời phân ra ở các đền đài, đoàn tụ với những người hữu duyên. Vì tuyệt không có cảnh ái nhiễm nên dễ thành thắng giải. Ít lúc thời được làm người ở Tịnh độ”. Trung Đạo hỏi: “Anh sanh tại đâu?”. Hoảng Đạo đáp: “Khi còn là nhân loại, nơi anh tịnh nguyện dầu sâu, mà tình nhiễm chưa trừ, nên sanh nơi đây. Bây giờ đã được ở Tịnh Độ rồi. Dầu ở Tịnh độ, nhưng vì đời trước giới đức chưa toàn nên chỉ được địa cư mà chẳng được cùng các bậc Đại sĩ ở hư không lâu các. Còn cần phải tu thêm. May nhờ đời trước trí huệ mãnh lợi, lại có trú tác bộ Tây Phương Hiệp Luận, tán thán nguyện lực độ sanh bất tư nghị của Như Lai nên cảm đặng phi hành tự tại, có thể đi qua các thế giới khác. Chư Phật thuyết pháp đều đến nghe được”.

Nói xong, Hoảng Đạo nắm tay Trung Đạo cùng bay lên hư không, trong chớp mắt rời khỏi chỗ cũ nghìn muôn dặm, đến một xứ khắp nơi sáng chói suốt nhau, đất là lưu ly, cây là thất bảo, đều là thứ cây chiên đàn kiết tường, trên cây vô số hoa đẹp chiếu sáng như những vòng lửa. Có ao báu rộng lớn, gợn sóng tự nhiên vang ra vô lượng tiếng vi diệu. Trong ao có vô số hoa sen bằng các báu vàng ngọc... cánh hoa phóng ánh sáng năm màu. Trên bờ ao ẩn ẩn những lầu đài cao vút, từng dãy dài xa mút, đường đi rộng phẳng dọc theo dãy lầu. Tòa lầu đài nào cũng có vô lượng nhạc khí luôn diễn nói pháp mầu...

Hoảng Đạo bảo: “Cảnh giới em đang ngắm đó thuộc về chỗ ở của địa hành chúng sanh nơi Cực Lạc đây. Qua khỏi chỗ này là chỗ ở của các bậc Đại sĩ muôn lần tốt đẹp hơn nơi đây, thần thông cũng muôn lần hơn, anh nhờ huệ lực nên đến đó

được mà ở lại thời không được. Qua khỏi đó, là chỗ ở của Thập địa Đẳng giác Bồ tát, anh không thể hiểu biết. Qua khỏi nữa là nơi ngự của Diệu giác, chỉ có Phật với Phật mới thấu được”. Giảng xong, Hoàng Đạo dắt Trung Đạo bảo: “Anh không dè vô lượng vui đẹp như thế này. Phải hồi còn ở Ta bà mà anh nghiêm trì giới luật, thời chẳng phải chỉ được thế thôi đâu! Nếu người, giới cùng huệ đều trọn đủ thời vãng sanh phẩm vị rất cao. Chỉ giới hạnh tinh nghiêm cũng vãng sanh rất tốt. Còn nếu có trí huệ mà không giới đức thời phần đông bị nghiệp lực lôi dắt vào trong bát bộ quỷ thần, anh từng mục kích nhiều người. Nơi em khí phần Bát nhã có nhiều, nhưng sức giới định rất kém. Vả người ngộ lý mà không sanh giới định đó là cuồng huệ, chớ không phải chơn trí. Sau khi trở về Ta bà, em phải cố gắng thiết ngộ, thiết tu giữ chắc tịnh nguyện, siêng thực hành công hạnh lợi tha, từ mẫn tất cả. Không bao lâu sẽ cùng anh sum họp, nếu để lạc nẻo khác thật đáng kinh đáng sợ. Nếu em chưa có thể thọ trì tịnh giới, thời nên tuân theo trai pháp mà tu. Giới sát là quan trọng nhất. Anh nhắc lời với các bạn tu hành ở Ta bà: “Chưa có ai mỗi ngày tay xắt thịt xẻ cá, miệng tham ngon béo mà được sanh về thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm này. Dầu cho bậc biện tài thuyết pháp như văn như vũ, nhưng nơi sự, có ích gì? Anh cùng em từ vô lượng kiếp tới nay, đời đời làm huynh đệ với nhau, mãi những thưở làm ác đạo cũng vậy. Nay anh may mắn được thế này sợ em bị đọa lạc, nên dùng thần lực phương tiện nhiếp em đến đây để khuyên nhắc. Cõi tịnh cùng báo ứé cách nhau, không thể lưu em ở lâu!”. Trung Đạo hỏi thăm chỗ sanh của Tông Đạo, vì Tông Đạo đã qua đời. Hoàng Đạo nói: “Chỗ sanh của anh ấy cũng rất tốt, sau này em sẽ tự rõ”. Dứt lời, Hoàng Đạo bay vụt lên hư không mà đi mất. Trung Đạo một mình đi chậm rãi trên bờ ao báu để ngắm cảnh, bỗng trật chân như bị rơi xuống nước, giật mình choàng tỉnh dậy, thì ra thân đang tịnh tọa ở tại nhà. Nhon đó ông mới ghi các điều trên vào sách.

Ngày Hoàng Đạo chưa vãng sanh, Tông Đạo có con trai tên Đăng 13 tuổi, mang bệnh ruột, lúc sắp chết nói với Hoàng Đạo: “Cháu chết mất! Chú có phương gì cứu cháu?”. Hoàng Đạo bảo: “Cháu cứ nhứt tâm niệm Phật thời được vãng sanh Tịnh Độ, chốn này là đời trước ác khốn khổ, không đáng quuyến luyến!”. Đăng liền chấp tay niệm Phật. Thân quuyến cũng đồng thanh niệm Phật để trợ. Giây lát, Đăng mỉm cười nói: “Tôi thấy một búp sen màu hồng”. Một lát Đăng lại nói: “Bông sen lớn lần màu tươi sáng vô cùng”. Lát sau Đăng nói: “Đức Phật đã đến. Tướng Ngài đẹp lắm! Thân Ngài tỏa ánh sáng khắp cả nhà”. Rồi Đăng miêng xưng Phật! Phật! mà tắt thở. Tay Đăng vẫn còn chấp ngay thẳng nơi ngực.

II - NGU THUẬN HI

(Trích ở bộ Đức Viên Tập Phụ lục)

Ông Ngu Thuần Hi, tự Trường Nhụ, người Tiên Đường, là tại gia đệ tử của Bát Tổ Liên Trì Đại sư. Năm mới lên ba tuổi, miệng ông luôn xưng hồng danh của Phật, thấy hoa sen cây báu hiện trong nhà. Bà nội ông, một tín nữ thông giáo lý bảo: “Đó là cảnh tốt của Tây phương Cực Lạc!”. Sau bà mới dạy phương pháp thiền quán cho. Từ ngày ấy, ông thường ngồi ngay thẳng nhắm mắt quán tưởng. Ông Thuần Trinh, em ruột của ông, cùng ông đồng tu tập Thiên Thai chỉ quán. Lúc ông làm thầy đồ trong xóm, giờ rảnh dạy bọn trò nhỏ tập môn tử quán. Sau khi đỗ Cử nhơn, dạy học ở Tuy Sơn, ông cố xưng lập Phật hội. Một lúc nọ cùng các hội hữu kiết thất tụng Lương Hoàng Sám. Qua ngày thứ hai, mây lành chiếu ánh sáng thấu vào hiên, vách rịn nước cam lộ. Trời mưa lóa màu huỳnh kim, nếp màu huyền, cùng nước mùi trầm hương. Đương giữa mùa Đông băng giá mà muôn hoa đua nở. Cảm điềm linh dị ấy, ông Thuần Hi càng tinh tấn tu thiền quán. Không bao lâu ông tự biết được các việc quá khứ và vị lai, có

thể biết trước các việc nắng mưa, những việc lành dữ. Liên Trì Đại sư được tin ấy, gửi thư quở là ma dựa, khuyên không nên tự đắc.

Năm Vạn Lịch thứ 11, đỗ Tiến sĩ. Thân phụ mất, ông cất lều ở bên mộ cha ba năm, đến Vân Thê thọ giới nơi Liên Trì Đại sư. Mộ cha ở trên núi, mỗi ngày ông đem cơm canh thí cho cheo thỏ, có cộp beo lảng vảng đến thời ông nạt đuổi đi.

Mãn tang, ông lãnh chức Phương Ty chủ sự, rồi từ chức lên núi Thiên Mục ở trước tử quan của Cao Phong Diệu Thiên sư, ngày đêm tọa thiền. Đến ngày thứ 21, mỏi mệt quá, ông sắp đi nằm, bỗng thấy Diệu Thiên sư hiện thân chặt đứt cánh tay tả của ông, ông liền tỏ ngộ, đến Vân Thê được Liên Trì Đại sư ấn chứng. Đại sư bảo ông: “Phàm người ngủ mà thức giấc, nếu chẳng rửa mặt, chải tóc đội mũ, mà cứ nằm mãi nơi gối mền thì tất sẽ ngủ lại, còn người mê mà tỏ ngộ, nếu chẳng trang nghiêm mà vẫn gần mãi cảnh uế trước thì tất sẽ mê lại. Hoa sen gần lửa dễ bị héo, chồi non dễ bị gãy, ông phải tự lo lấy! Chớ vì một tia sáng nhỏ mà trở ngại con đường tấn tu. Ông nên hồi hướng Tịnh độ để bảo đảm đạo quả, mà cũng là tiếp nối tức nhơn”. Tuân lời Đại sư, từ đó ông chuyên tu Tịnh độ.

Có người không tin Pháp môn Tịnh độ, ông bảo rằng: “Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn gọi là Phật. Nên niệm Phật chính là niệm giác. Đâu nên niệm niệm chẳng thường giác mà lại niệm niệm thường mê ư!”.

Có người hỏi niệm Phật như thế nào? Ông bảo: “Trong tất cả thời, luôn đề tỉnh chánh niệm là điều cốt yếu. Trăm nghìn phương tiện chỉ là một chữ “tri” ([5]). Niệm niệm không rời Vô Lượng Quang, thời là niệm niệm thẳng vào Phật trí. Người học đạo tu hành chuyên cần xuất ly sanh tử, nay niệm niệm không rời Vô Lượng Thọ, thời có thứ sanh tử nào mà không thoát được!”.

Triều đình triệu ông giữ chức Tư Huân Lang Trung, ít lúc sau ông lại xin thôi. Thuở đó Liên Trì Đại sư đương giảng kinh *Viên Giác* ở Nam Bình Sơn. Mộ tiền chuộc ao vạ công lập hội phóng sanh. Hội viên gồm cả tăng và tục hơn hai vạn người. Trong ấy các bậc trí thức cao hạnh chiếm một số đông. Tiếng kinh, tiếng Pháp chấn động cả vùng. Hội phóng sanh ấy lại chuộc ba đầm lớn, xây rào, cất gác, làm chỗ thả chim cá. Tất cả những công việc vĩ đại trên, đều do ông Thuần Hi cổ xướng.

Về sau, ông Thuần Hi ở luôn nơi Nam Bình Sơn, ông Thuần Trinh cũng ẩn trong núi Linh Thứu đến già.

III - ĐƯỜNG THỜI

(Trích: Kim Cang Trì Nghiệm, Tịnh Độ Thân Chung)

Ông Đường Thời tự Nghi Chi, người Hồ Châu. Sau khi hưu trí, được Liên Trì Đại sư truyền dạy pháp môn niệm Phật. Ông liền siêng tu tịnh nghiệp. Tất cả người trong gia quyến của ông đều thuộc lòng kinh *Kim Cang* và phẩm *Phổ Môn*. Ban ngày thời mỗi người tự lo phận sự, tối đến thời họp cả nhau trước bàn Phật tụng niệm hồi hương, lấy đó làm định lệ. Ông từng nói: “Người tu Tịnh độ cần yếu phải tập quán tưởng. Làm sao cho được dầu lúc mặc áo ăn cơm cũng thường ở trong cảnh quán: Hoặc xuất thần du Liên Hải quỳ trong hoa sen lễ Phật, hoặc ngồi ngắm cõi báu, quang minh của Phật chiếu thân. Nếu quán tưởng được thành lo gì không vãng sanh!”. Từ đó ông chuyên quán tưởng nơi Phật. Ông đến chùa Trường Can ở Nam Kinh, trong lúc lễ tháp niệm Phật, thoát thấy chót tháp phóng bạch quang, trong bạch quang đức Phật hiện thân màu vàng. Một hôm đang ngồi trong thiền đường ngó ra cửa sổ, bỗng thấy biển cả mênh mông, giữa biển có một tòa núi, đức Phật ngự trên đỉnh núi, thân Phật tỏa ánh sáng suốt khắp bốn phía.

Ông vốn là một nhà văn tài, nên thuận theo thể văn của đời mà diễn bày lý đạo. Ông trứ tác các tập: Liên Hoa Thế Giới Thi, Như Lai Hương, Tần Già Âm v.v... ấn hành truyền bá. Ông xả một phần lớn sản nghiệp cúng vào chùa Thê Hà.

Đến lúc lâm chung hiện rất nhiều điềm lành, dặn người nhà dùng pháp trà tỳ, rồi ông niệm Phật vui vẻ mà mất.

IV - TRẦN TOẢN

(Trích ở các bộ Minh Sử, Lạc Ban Văn Loại, Đàm Uế)

Ông Trần Toản, tự Định Quán, người Giang Nam. Đỗ Tiến sĩ triều Minh, phong chức Hình Khoa. Vì lời thẳng mà bị cách chức, ông ở nhà sớm tối chuyên tâm niệm Phật.

Một hôm có người khách đến nhà quở ông rằng: “Ngài không nghe Đại Giám Thiên sư⁽⁶⁾ luận duy tâm Tịnh độ ư! Sao lại nhàm ướ thích tịnh chi vậy?”.

Ông đáp: “Duy tâm Tịnh độ đầu phát ra nơi miệng Đại Giám nhưng không phải bắt đầu từ Đại Giám. “Tự tâm tác Phật, tự tâm thị Phật”, Đức Như Lai vốn đã nói trước lâu rồi! Xét kỹ nơi lời của Đại Giám là e rằng người dùng tâm bất tịnh mà cầu cõi thanh tịnh, chớ chẳng phải nói thế giới không có ướ cùng tịnh. Luận về sự vui nơi Cự Lạc, không riêng nơi đất vàng, cây báu, hoa đẹp, đèn xinh. Không phải chỉ những sự chim hót pháp mầu, gió reo nhạc điệu. Mà ta còn được cùng chư đại Bồ tát Thánh chúng câu hội, ở trong vô lượng quang minh của Phật, sống lâu vô số kiếp, chúng Vô sanh nhẫn, thành Vô thượng Bồ đề, tế độ vô biên chúng sanh, đấy mới chính thật là đáng vui thích.

Khách dùng môn thiên của khách, thích cõi ướ trước. Còn tôi dùng môn thiên của tôi, thích cõi thanh tịnh. Nơi thiên, không khách không tôi. Nơi thích không ướ không tịnh. Khách không có lý lẽ gì mà quở tôi đặng!”.

Năm Long Khánh, ông được phục chức Lại Khoa. Đến năm Vạn Lịch, ông được thăng chức Hình Bộ Thị lang.

Năm Vạn Lịch thứ 16, tháng Bảy, ông nằm bệnh, miệng không ngớt niệm Phật. Thời ấy có lệ đến tháng nắng nực, phàm các quan tam phẩm trở lên, mỗi ngày triều đình có cấp nước đá. Hôm ấy để khối nước đá bên giường ông nằm. Mọi người đồng thấy trong khối nước đá hiện ra một tòa tháp bảy tầng, chung quanh có lan can trên có phan cái, các cửa treo linh ngọc. Khối nước đá tan dần, tòa tháp cũng nhỏ dần theo. Giấy lát sau, lúc ông tắt hơi thời bóng tháp cũng biến mất. Người kinh đô truyền nhau cho là một sự lạ ít có.

V - NGHIÊM TRÙNG

(Trích ở bộ: Thường Thục Chí, Vân Thê Pháp Vị, Tịnh Độ Văn Bát)

Ông Nghiêm Trùng, tự Đạo Triệt, người Giang Nam, làm Tri phủ ở Thiệu Võ. Tuổi già hưu trí, ở nhà tu theo môn Tịnh độ của Liên Trì Đại sư. Con trai ông là Nghiêm Phát vẫn là người siêng niệm Phật, thích làm lành. Năm 25 tuổi có bệnh sắp chết, ông bảo: “Đừng tạp niệm, phải nhứt tâm niệm Phật!”. Phát đáp: “Vâng!”. Giấy lát ông lại bảo: “Từ nay trở đi cha cũng quyết nhứt tâm niệm Phật”. Phát mừng rỡ nói: “Được như vậy thời con không còn lo gì nữa”. Dứt lời Phát nghiêm nét mặt chấp tay mà mất.

Ông đem bản Long Thơ Tịnh Độ của Nghiêm Phát khắc in ra, rồi gửi tặng những người thân thuộc, cùng các bạn hữu xa gần và kèm theo bức thư như vậy: “Trùng này ngày trước phải bệnh tưởng chết nào ngờ được sống sót. Dầu hiện tại mạng còn, biết đâu ở ngày mai! Nghĩ lại bao năm ở hoạn trường cùng những thời gian kinh doanh gia nghiệp, thiệt vô vị đồng như nhai sáo. Dầy da như nhóp sẽ hư rã nay mai. Lục trần duyên ảnh có gì bền chắc. Chẳng chi bằng đổi hẳn

tâm phạm mà cầu sanh Tịnh độ, niệm một câu A Di Đà, tiêu vô biên tội nghiệp. Kính tặng tập văn Tịnh độ này để tỏ chút lòng thành”.

Năm 78 tuổi, ông được chánh niệm phân minh mà tạ thế.

VI - THÁI THỪA THỰC

(Trích Kim Cang Tân Dịch Lục)

Ông Thái Thừa Thực, tự Quý Đình, người Hồ Quảng. Năm hai mươi ngoài tuổi ông trường trai phụng Phật. Ông thường tụng *Tam Thiên Phật Danh* kinh, mỗi ngày ghi nhớ ba hiệu Phật, ba năm thời thuộc lòng trọn bộ nhần đến trọn đời vẫn không quên. Năm Vạn Lịch thứ 11, ông đỗ Tiến sĩ lãnh chức Thái Thú ở Thiệu Hưng. Mỗi ngày ông tụng kinh *Kim Cang*. Nơi tư thất, ngoài lư hương bàn kinh ra, không trần thiết món chi khác. Ông trùng tu chùa Cổ Lăng Nghiêm, cảm dân chúng trong địa phương ông cai trị không được sát sanh tế thần. Sau khi cầu đạo với Liên Trì Đại sư, ông chuyên tu Niệm Phật tam muội.

Ít lúc sau, ông được thăng chức Thái Thường Tự Khanh, rồi ông từ quan về nhà cất am tranh lập hội niệm Phật. Ông dìu dắt những người ruộng rẫy, những kẻ làm thuê, đồng tu niệm Phật. Ông có làm bài kệ để tạ từ các quan khách: “Kẻ khách nhớ nhà An Dưỡng. Hủ nho tạm ở sông Tương, chẳng lo việc ngày mai một, chỉ chờ được giấy Tây phương, an phận một mái tranh nhỏ. Vừa mồm đôi đĩa rau tương. Trong lòng phủ sạch tình thương ghét, phó mặc cho ai quả với hờn”.

Năm sắp từ trần, ông tự hiệu là Bất Cử Đạo Nhơn. Đến khi nhuốm bệnh, ông đến chùa thỉnh chư tăng xuống tóc. Về đến nhà, thấy Thánh chúng đem ngân đài tới rước. Ông luôn miệng xưng Quan Thế Âm Bồ tát mà tạ thế. Ông có trứ tác các bộ *Tịnh Độ Thi*, *Nhơn Quả Thơ* được lưu hành trong đời.

VII - PHÙNG TẬP

(Trích: Ngũ Đăng Hội Nguyên, Liên Tông Bửu Giám)

Ông Phùng Tập, tự Tế Xuyên, người đất Thục, đỗ Tiến sĩ triều Tống. Lúc đầu ông đến học đạo với Phật Nhân Thiên sư, sau lại đến học với Đại Huệ Thiên sư, rồi vào núi kiết hạ tham thiền rất được ngộ nhập, sau khi ngộ đạo, ông tu Tịnh độ, soạn nghi Di Đà Sám.

Năm Thiệu Hưng, lúc trấn nhậm Lô Nam, ông cố xướng tăng và tục lập hội niệm Phật, đồng phát nguyện vãng sanh. Thuở ấy, tạng kinh của tông lâm phần nhiều bị hư mất vì nạn giặc loạn. Ông xuất tiền lương của mình tạo 48 tạng kinh Đại thừa và 48 tạng kinh Tiểu thừa dâng vào các tông lâm, đồng thời ông viết bài phát nguyện: “Sự thí kinh của tôi, một việc mà đủ cả hai. Dùng của tạo kinh là tài thí. Dùng kinh truyền pháp là pháp thí. Tài thí sẽ được phước đức ở nhơn gian và thiên thượng. Pháp thí sẽ được thông minh tài trí. Cả hai báu đó đều là nhơn của sanh tử, gốc của luân hồi. Nay tôi phát nguyện đem hai báu đó hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, đến khi lâm chung vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, hoa nở thấy Phật nghe pháp nhiệm mầu, chứng Vô sanh nhẫn, trụ bậc bất thoái, nhập Bồ tát vị. Rồi tôi sẽ trở lại cõi trước ở mười phương hiện vô lượng thân mà làm Phật sự. Nguyện tôi sẽ như Quan Thế Âm Bồ tát, đủ đại từ bi, đủ đại thần lực, phân thân khắp trong các loài chúng sanh, tùy loại hiện hình thuyết pháp cho chúng sanh đều được trí huệ, dù đất tất cả đều thoát hẳn luân hồi, khắp cùng chúng sanh đồng được thành Phật. Đó là chí nguyện thí kinh của tôi vậy”.

Về sau ông bổ nhiệm Mang Châu. Mùa Thu năm Thiệu Hưng thứ 23, ông dâng biểu xin nghỉ, đồng thời tin cho các quan liêu và thân bằng pháp hữu, hẹn đến ngày mùng 3 tháng

Mười thời từ trần. Đến kỳ, ông truyền thiết tòa cao ở hậu sảnh. Buổi sáng ấy, quan liêu tân khách đến chật dinh. Ông vẫn vui vẻ tiếp như thường. Gần giờ Ngọ, ông sửa mũ áo nghiêm chỉnh vọng về phía hoàng cung mà bái từ. Ông thỉnh Tào Sứ tạm nhiếp các việc trong Châu. Rồi ông thay y phục sư tăng, thăng tòa cao, dặn tất cả tăng và tục gắng tinh tấn tu trì, hoằng pháp độ sanh. Dặn xong, ông cầm tích trượng để ngang gối, ngồi yên mà thác. Tào Sứ nói: “Quan lớn đi ở tự tại như vậy, sao không để lại một bài kệ, hầu nêu gương cho đời!”. Ông lại mở mắt ra bảo đem giấy mực lại, ông tự tay cầm bút viết: “Đầu ba mươi mốt, giữa chín dưới bảy, già này nói hết, anh rùa đỏ mắt”. Ông ném bút mà tạ thế.

VIII - NGÔ BÌNH TÍN

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Ông Ngô Bình Tín, tự Tử Tài, người Minh Châu. Năm Thiệu Hưng triều Tống làm quan nơi triều, vì gây với Tần Cối mà bị đuổi. Ông về làng cát am ở, ngày đêm tịnh tọa quán Phật niệm Phật. Ông sắm một cái hòm, ban đêm vào nằm trong đó. Cắt một đồng tử cứ đến đầu canh năm gõ hòm mà xưng to rằng: “Ông Ngô Bình Tín về đi thôi! Tam giới không an chẳng nên ở, Tây phương Tịnh độ có liên đài. Ông Ngô Bình Tín về đi mau!”. Ông nghe tiếng liền trỗi dậy tọa thiền niệm Phật.

Ít lâu, Tần Cối chết, triều đình triệu ông về giữ Lễ Bộ Thị Lang, rồi bổ nhiệm Thường Châu, năm Thiệu Hưng thứ 26 lại triệu về triều. Đi đến quán dịch ở Tiêu Sơn, ông tịnh tọa, giây lát ông gọi những người tùy tùng bảo lắng nghe, mọi người đều nghe tiếng thiên nhạc du dương từ Tây phương lần đến. Ông nói: “Kim đài đã đến, tôi xin đi!”. Dứt lời, ông liền tắt thở.

IX - HỒ NHƠN

(Trích ở bộ Lạc Ban Văn Loại)

Ông Hồ Nhơn, tự Đạt Phu, người Tiền Đường, làm quan triều Tống. Sau khi trí sĩ ông thường thân cận Thanh Chiếu Luật sư. Một hôm ông nằm bệnh, con ông thỉnh Thanh Chiếu đến nhà. Thanh Chiếu bảo ông: “Đại phu bình sanh thường cùng Huệ Hanh này thân cận nhau, há lại chẳng rõ đại sự cuối cùng ư?”. Ông nói: “Phải chăng là tâm tịnh thời độ tịnh?”. Thanh Chiếu hỏi: “Trong tất cả thời trọn hẳn không tạp niệm nhiễm ô chăng?”. Ông đáp: “Chưa được”. Thanh Chiếu bảo: “Nhu thế thời đâu có thểặng tâm tịnh độ tịnh”. Ông hỏi: “Kinh nói xưng A Di Đà Phật một câu, diệt được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp, là sao vậy?”. Thanh Chiếu bảo: “Đức Phật A Di Đà có đại thế nguyện, có đại phước đức, quang minh thần lực của Phật không thể nghĩ bàn, rõ như trong kinh đã dạy. Vì thế nên một khi xưng hồng danh của Phật thời tội chướng liền tiêu. Như mặt trời đứng bóng sương tuyết đâu còn được!”. Nghe lời giảng giải, ông tỏ ngộ, bèn nhứt tâm niệm Phật, và bảo người thỉnh tăng đến nhà trợ niệm cho ông, cách tháng sau, Thanh Chiếu Luật sư lại đến. Ông vừa thấy liền nói: “Sao ngài đến quá trễ vậy, làm phiền Quan Thế Âm, Đại Thế Chí giảng lâm đợi đã lâu”. Thanh Chiếu và chư Tăng đồng thanh niệm Phật, ông vui vẻ chấp tay mà qua đời.

X - VƯƠNG TRUNG

(Trích: Phật Tổ Thống Kỷ, Lạc Ban Văn Loại)

Ông Vương Trung người Gia Hòa là quan Triều Tán Đại phu nhà Tống. Ông từng đến tham học với Tiểu Bản Thiên sư, mà chưa được ngộ nhập. Một hôm nghe ông Tăng tụng kinh *Di Đà*, trong lòng cảm động, ông bèn chuyên tu Tịnh độ. Mỗi

ngày, ông định khóa tụng bảy biến kinh *Di Đà*, niệm Phật một vạn câu, ngót 16 năm không một ngày biếng trễ, ông lập hội niệm Phật tại nhà, không luận kẻ tăng người tục, kẻ sang hay người hèn đều được dự hội.

Về sau, ông vẫn khỏe mạnh như thường, tám gọi thay y phục, xoay mặt về hướng Tây, ngồi kiết già mà tạ thế.

XI - HAI THỢ RÈN TRIỀU TỐNG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Ký)

Ông Lý Ngạn Thông, người Côi Kê làm thợ rèn, tình cờ đến chơi nơi hội quán của hội niệm Phật tại làng. Ông nghĩ đến thân mạng vô thường, bèn phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Một hôm phải bệnh, ông bảo người nhà: “Tôi mơ đến Cực Lạc thấy hai cửa ngõ bằng vàng ngọc đóng kỹ. Sư tăng tự xưng hiệu Tông Lợi mở cửa dất tôi vào. Thấy đèn đài cao lớn sáng đẹp Phật và Bồ tát đang ngự trong ấy. Tôi sắp sẽ được về Tịnh độ!”. Ông cho người thỉnh *Tăng Hi* kinh và Đạo Quả đến bên giường để sách tấn ông. Ông bảo gia quyến đồng thanh niệm Phật. Giây lát ông tự trỗi dậy ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Tây mà mất.

Ông Huỳnh Sanh, người Đàm Châu, sống với nghề thợ rèn. Tay đập sắt, miệng niệm Phật. Một ngày nọ, ông nhờ người láng giềng chép giùm bài kệ từ trần, rồi ông đọc rằng: “Đanh! Đanh! Đang! Đang! Cứu luyện thành cang. Thái bình tương cận. Ngã vãng Tây phang!”. Ông lại dặn: “Sau khi tôi vãng sanh, nên đem bài kệ này truyền bá khắp nơi, để khuyên người niệm Phật”. Dứt lời ông đoạn tọa mà qua đời.

XII - BA NHÀ NÔNG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Ký, Nhiễm Hương Tập, Thánh Hiền Lục Tục Biên)

Triều Tổng, ông Từ Lục, một ông nhà nông ở Ngô Hưng, ăn chay trường niệm Phật. Tại nhà thờ tượng Phật A Di Đà sớm tối lễ kính, luôn 40 năm tu hành. Ông thường mơ thấy đến Cực Lạc thế giới. Ông có sắm sẵn một cái khánh. Một hôm, ông tắm rửa sạch sẽ thay y phục, mang dép rom vào ngồi ngay thẳng trong khánh niệm Phật. Một lát sau ông nói to: “Đức Phật đã đến rước tôi!”. Rồi yên lặng mà mất.

2) Ông Trần Đức Tâm, một nhà nông ở Tô Châu. Ngày nóng bức ông đi hóng mát, tình cờ thấy bản Kính tín lục nơi trường làng. Ông nhờ thầy học giảng nghĩa cho. Ông tỏ ngộ lý nhơn quả, gắng làm việc phước thiện và thường đi theo đường lượm giấy chữ. Cư sĩ Bành Nhị Lâm thấy thế biết là người có thiện căn, bèn mời vào Văn Tinh Các, khuyên ông niệm Phật, ông vốn không biết chữ, nhưng tu trì rất chuyên cần, rồi tự nhiên lần lần biết đọc biết viết.

Ít lúc sau, ông lãnh chức quản đốc các việc phóng sanh, an táng nơi hội Diệu Tế tại Tô Quận. Mỗi khi thấy thân chết, xương người, ông luôn than thở nhơn mạng vô thường, nên công phu niệm Phật của ông càng thêm tinh tấn. Năm ông 69 tuổi, đương mạnh khỏe như thường, ông bỗng đi từ biệt thân thuộc cùng các bằng hữu mà hẹn ngày từ giã cõi đời. Đến kỳ, ông đóng cửa yên lặng ở trong phòng. Các bạn đồng sự xô cửa vào xem, thời thấy trên bàn cúng một tượng Phật, đôi nến đương cháy sáng, hương lạ thơm ngát. Còn ông Đức Tâm đã chết ngồi, mặt xoay về hướng Tây. Bấy giờ là ngày Rằm tháng Tám năm Gia Khánh thứ 18 triều Thanh.

3) Ông Lại Tường Lân người Giang Tây, tánh chơn chất, trọn đời làm ruộng. Năm sáu mươi ngoài tuổi, con trai chết, ông phải làm nuôi dâu góa cháu cô. Nhơn đó ông rất nhàm chán đời người phiền khổ, muốn tìm phương thoát ly.

Một hôm được nghe cư sĩ Lại Thiên Dung, cháu họ của ông, giảng giải pháp môn Tịnh độ, ông liền ăn chay trường

niệm Phật, quyết chí vãng sanh. Chỉ có bệnh rượu, vì ghiền đã lâu nên chưa bỏ được. Cư sĩ Lại Thiên Dung cắt nghĩa những sự tội lỗi của người uống rượu, ông cố gắng chừa. Lúc đầu ông nghe khắp trong thân thể mỗi mê mệt nhọc, nhưng rồi lần lần thân thể càng khỏe, tâm trí lại có phần minh mẫn hơn và với sự niệm Phật lại sanh quan niệm ưa thích. Được ít lâu, niệm lực thuần thực, dầu cày cuốc suốt ngày, nhưng câu Phật không rời tâm. Người lân cận gặp ông đều chào rằng: “A Di Đà Phật!”. Ông cũng đáp lại: “A Di Đà Phật!”.

Năm Dân Quốc thứ 8, chân ông sưng, đi đứng không tiện. Một hôm ông bảo người cháu đặt bàn hương án vọng về Tây phương và nói: “Cảnh giới Tây phương Cực Lạc rất đẹp! Cháu xem biết bao nhiêu là hoa sen báu sáng chói. Ông sẽ về Tịnh độ trong ngày nay”. Người cháu nói: “Chân ông sưng yếu đi sao được”. Ông bảo: “Tâm đi chớ không phải thân máu thịt này đi!”. Người cháu vâng lời trần thiết hương án, và giữa lúc người cháu thắp hương, ông ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, chấp tay niệm Phật vài câu mà từ trần, thọ 75 tuổi.

*

CHỮ TÍN NỮ

I - PHÙNG THỊ

(Trích ở bộ Lạc Ban Văn Loại)

Phùng Thị Pháp Tín, người Quảng Bình, vợ của Trần Tư Cung ở Trần Giao. Thuở thơ bé Phùng Thị luôn ương yếu, sau khi về nhà họ Trần, bệnh càng ngày càng hơn. Bấy giờ, Từ Thọ Thâm Thiên sư hoằng truyền Phật pháp ở Vương Thành, Phùng Thị đến cầu phương trị bệnh. Thâm Thiên sư bảo ăn chay trường, niệm Phật A Di Đà. Phùng Thị tin thọ.

Sau khi trở về nhà, Phùng Thị ăn chay, dẹp phấn son, mặc áo thô, siêng tu tịnh nghiệp. Tất cả những công hạnh: tụng

kinh, niệm Phật, lễ sám, bố thí v.v... đều hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Không bao lâu mà bệnh lần lảnh. Phùng Thị vẫn quản suất gia nghiệp, vẫn siêng tu tịnh nghiệp, trọn mười năm như vậy. Mặt Thị không chút vẻ trễ lười, không một nét kiêu hãnh, tâm an, thân khỏe thần sắc mỗi ngày mỗi thêm khương kiện.

Một hôm, Phùng Thị bỗng biên bài kệ rằng: “Tùy duyên theo nghiệp đã nhiều năm, uổng làm trâu cày thiệt thương tâm. Chất chứa thân tâm sớm thoát ách. Từ nay khỏi hẳn sợ giây dàm”. Gia quyến thấy bài kệ ấy lấy làm lạ hỏi duyên cớ. Phùng Thị bảo: “Trong cõi tâm thanh tịnh vì vọng niệm mà đọa luân hồi, nghiệp người này nay mai sẽ mãn, tôi liền trở gót về Tây, rất toại nguyện của tôi, có gì lạ mà hỏi”.

Tháng Chín năm ấy, Phùng Thị nhuốm bệnh đến tháng Chạp. Một đêm nọ, Phùng Thị nói với người đang canh bệnh rằng: “Tôi đã được thân du Tịnh Độ, được lễ dưới chân của đức Phật A Di Đà, Quan Âm và Thế Chí nhìn tôi. Trăm nghìn muôn ức Thánh chúng đồng chấp tay mừng tôi sẽ sanh về Cực Lạc. Đến như cung điện, ao bấu, hàng cây, xinh đẹp sáng chói đúng như trong *Quán Kinh* đã nói. Ai đến đó sẽ tự biết, không thể tả rõ ra được”. Người canh bệnh vội gọi Trần Tư Cung đến, và thuật lại lời trên. Tư Cung biết vợ sắp vãng sanh liền hiệp với gia quyến đồng niệm Phật với Phùng Thị. Đến sáng sớm, Phùng Thị nằm nghiêng qua tay mặt mà mất, được 36 tuổi. Ba ngày sau, lúc nhập liệm, mọi người đồng nghe mùi thơm lạ. Đến khi đem trà tỳ, cạy nắp quan tài ra xem, sắc mặt của thân Phùng Thị vẫn tươi như lúc còn sống.

II - NGÔ THỊ

(Trích ở bộ *Tịnh Độ Văn*)

Ngô Thị vợ của Lữ Hoằng, hai vợ chồng đều thông Phật pháp và đồng hiệp chí thanh tu. Cả hai người tứ gái cũng đều trai giới. Một người thích thiền lý, không bao lâu phải bệnh,

vẫn cười nói vui vẻ đoan tọa mà mắt. Một người giữ giới khổ hạnh, hoặc có lúc trọn ngày không ăn chỉ uống một chén nước cúng Phật, một hôm người tứ gái ấy bỗng thấy hoa sen vàng lớn hiện ra trước mặt. Trên hoa chỉ thấy dạn dạn chân người ngồi kiết già. Vài ngày sau thấy rõ đến gối, vài ngày sau thấy rõ đến bụng và ngực. Lại ít hôm sau thấy rõ cả đầu mặt, tướng hảo đều hiện đủ. Thì ra, vị ngồi giữa là đức Phật A Di Đà, bên tả là Quan Thế Âm Bồ tát, bên hữu là Đại Thế Chí Bồ tát. Không bao lâu cả cung điện, cây ao và Thánh chúng đều hiện ra trước mặt rõ ràng, luôn ba năm như vậy không một giây phút ẩn rời. Có người hỏi có nghe được đức Phật thuyết pháp không? Tứ gái đáp: “Tôi chỉ được thiên nhãn chưa được thiên nhĩ, nên chưa được nghe lời Phật thuyết pháp”. Không bao lâu cô ấy tự nói trước ngày giờ vãng sanh rồi từ trần.

Ngô Thị thờ đức Quan Thế Âm rất thành khẩn. Trong tịnh thất để vài chục cái bình đựng nước trong, mỗi ngày tụng chú Đại Bi, bèn thấy đức Quan Thế Âm phóng quang chiếu vào những bình ấy. Ai có bệnh thỉnh nước ấy uống liền được lành. Nước ấy dầu để lâu năm mà mùi sắc vẫn không biến đổi. Đến mùa Đông tiết Đại hàn, nước khác bị hơi lạnh đông đặc, mà nước ấy vẫn y như thường. Vì thế nên người thời ấy gọi Ngô Thị là Quan Âm Huyện Quân.

III - VƯƠNG THỊ

(Trích ở bộ Lạc Ban Văn Loại)

Vương Thị là vợ của Mã Vĩnh Dật. Ông Vĩnh Dật chuyên tu tịnh nghiệp, sự tích chép trong truyện ông Mã Vu. Vương Thị cũng y theo pháp thập niệm hồi hướng của Từ Vân mà tu trì. Thị lại thường tụng bài kệ phá địa ngục, tức là bốn câu kệ trong kinh *Hoa Nghiêm*: “Nhược nhơn dục liễu tri. Tam thế nhứt thiết Phật. Ứng quán pháp giới tánh. Nhứt thiết duy tâm tạo”.

Một đêm nọ, Vương Thị chiêm bao thấy chủ địa ngục đến tạ rằng: “Nhờ công đức tụng kệ của bà, nên trong địa ngục có rất nhiều tội nhơn được sanh lên Thiên đạo”.

Về sau, trong khi nằm bệnh, Vương Thị niệm Phật không ngớt tiếng, mãi đến hơi cuối cùng. Cả quyến thuộc và mấy người tớ gái đồng chiêm bao thấy Thị về mách rằng: “Tôi đã được sanh về Tịnh độ!”.

IV - BỐN NGƯỜI Ở TIỀN ĐƯỜNG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Cung Thị mẹ của ông Tôn Biện mỗi ngày bà tụng kinh *Di Đà* và niệm Phật. Một hôm Thị có bệnh, thỉnh Thanh Chiếu Luật sư đến nhà giảng cảnh Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm. Sư chưa dứt lời Cung Thị đã đoan tọa mà mất.

Mụ tớ già họ Vu cũng ăn chay niệm Phật, nằm mơ thấy Cung Thị về bảo rằng: “Tôi đã vãng sanh Tịnh độ, bảy ngày sau mụ sẽ được về”. Đúng bảy ngày sau, mụ Vu quả không bệnh mà qua đời.

2) Tôn Nữ thường ngày niệm Phật trì chú. Khi cô bệnh, cô thỉnh Thanh Chiếu Luật sư đến mà bạch rằng: “Mang bệnh lâu ngày tôi rất nhàm chán thân sống thừa này. Chẳng biết làm thế nào mau thoát ly cõi trược khổ này, mà được diệu lạc thanh tịnh?”. Sư đem nhân duyên Tịnh độ giảng giải cho. Tôn Nữ rất mừng chí tâm hồi hướng Cực Lạc. Đêm đó Tôn Nữ mơ thấy Sư trao cho một chén thuốc, cô liền bung uống. Sau khi thức dậy bệnh như mất. Ba ngày sau, Tôn Nữ bảo người nhà rằng: “Thánh chúng đã đến, tòa sen vàng rất đẹp sáng. Tôi xin đi!”. Dứt lời Nữ giơ tay kiết ấn mà mất.

3) Thí Thị vợ của ông Trầm Thuyên, cùng chồng đồng tu tịnh nghiệp. Thỉnh Thanh Chiếu Luật sư y theo *Quán Kinh*, họa bức “Cửu phẩm vãng sanh” để hằng ngày quán tưởng. Bà

thường trai tăng cúng Phật, ấn tống kinh Bát Nhã, dựng chùa ở kinh Sơn và Thiên Ninh. Bao nhiêu công đức bà đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Về sau bà cùng chồng trước sau vãng sanh, lúc lâm chung đều thấy Hóa Phật đưa tay, ngời xoay mặt về Tây mà tạ thế.

4) Quách Diệu Viên người Nhơn Hòa, em gái của Thanh Chiếu Luật sư, trưởng trai niệm Phật, mỗi ngày cô tụng kinh *Di Đà* cùng kinh *Pháp Hoa* và lễ *Phương Đẳng sám*. Một hôm cô đương tịnh tọa quán tưởng Tây phương, bỗng nghe trên hư không có tiếng xướng to rằng: “Quách Diệu Viên quyết được vãng sanh Tịnh Độ”. Khi sắp từ trần, cô thỉnh Thanh Chiếu Luật sư đến thuyết pháp, cô ngồi ngay thẳng yên lặng lắng nghe. Sư giảng chưa dứt lời, cô đã theo Phật.

V - NIỆM PHẬT THẤY PHẬT

(Trích ở bộ Lạc Ban Văn Loại)

Giao Bà chuyên tu Tịnh độ, ngày đêm niệm Phật không hở. Một hôm đương lúc bà hướng Tây phương niệm Phật thoát thấy giữa mặt nhật hiện đức Phật A Di Đà đầy đủ tướng tốt. Bà liền cầu Sư Tư Tịnh họa thành bức tượng. Sư Pháp Di đề lời tán vào bức tượng ấy như vậy: “Cực Lạc thế giới có nơi chỗ. Ở hướng mặt trời lặn mỗi ngày. Vì thế Phật dạy Vi Đà Hy. Quán kỹ trời lặn như huyền cổ. Lành thay Giao Thị một mục già! Dùng đặng tâm này cầu Tịnh độ. Tối quán sáng tượng luôn nhiều năm. Ngồi niệm, đi niệm quên lao khổ. Di Đà liền từ tâm tượng sanh. Thoạt nhiên trước mặt kim nhan lộ! Bấy giờ hư không không chút mây, Tây phương còn đứng mặt trời nọ. Phật tỏa quang minh phủ thái dương. Mắt biếc, bạch hào tướng tốt lạ. Mừng vui tràn ngập cả tâm thân. Mục liền tức tức cầu Tịnh Sư. Thuật rõ Phật hiện thật hy hữu. Thỉnh Sư cầm bút mau tô họa. Tôi nghe việc ấy hoan hỷ thay. Vì người chưa ngộ biên lời kệ! Nên biết cách Phật vốn không xa. Xiển đề đâu

rõ sự lý đó. Dầu quá quốc độ mười ức muôn. Một niệm vượt qua như nửa bước. Nếu có người mê hỏi dò đường. Bảo rằng thẳng tới như thế nọ”.

VI - MỤ VƯƠNG

(Trích ở bộ *Kim Cang Chứng Quả*)

Mụ Vương người Minh Châu, mỗi ngày tụng kinh *Kim Cang*. Mụ mang thai 28 tháng mà chưa sanh, càng ngày càng ốm gầy. Một hôm đứng dựa cửa ngõ, tình cờ có một sư tăng đi ngang qua, mụ vái chào, Sư nhìn mụ rồi bảo: “Mụ có thiện căn, sao không ấn tống một nghìn quyển kinh *Kim Cang*?”. Y theo lời Sư mụ ấn tống 1000 quyển kinh *Kim Cang*. Mụ lại tặng 1000 vị sư, tụng 1000 biến *Kim Cang*. Phật sự vừa xong, tối đến, vào lúc canh ba, mụ mơ thấy thần *Kim Cang* cầm bảo xử chỉ bụng mụ, khi mụ thức dậy thời hai đứa trẻ trai đã lọt lòng từ hồi nào rồi.

Từ đó mụ Vương trường trai, tụng kinh *Kim Cang* không sót ngày nào. Năm 61 tuổi chết, hai quỷ sứ dắt mụ đến trước Diêm Vương. Mụ tự thuật là từ thuở trẻ đến nay luôn trì kinh *Kim Cang*. Vương cho ngồi trên ghế vàng bên cạnh điện. Mụ ngồi xong liền tụng rành rõ một biến kinh. Diêm Vương hỏi: “Sao không tụng chú bồ khuyết?”. Mụ đáp vì chưa gặp bản. Vương truyền quỷ sứ vào kho mang bản có chú ra trao cho mụ và dặn: “Mụ đem bản này về dương gian lưu thông chớ để lạc mất! Sau này khi tuổi thọ đã mãn, mụ sẽ được vãng sanh Cực Lạc thế giới, không còn phải đến chôn này nữa”. Vương sai quỷ sứ đưa mụ về. Mụ bèn sống lại. Về sau, mụ Vương vẫn khỏe mạnh ngồi an mà mất, thọ 91 tuổi. Bảy giờ nhằm triều Tống.

Câu chú bồ khuyết ấy như vậy: “Án hô lô hô lô xã duệ mục khế sá ha”.

VII - LÒNG THÀNH CẢM QUAN ÂM

(Trích ở tập *Di Kiên Chí*)

Vương Bá Nương người Minh Châu thờ bé mồ côi, khi vừa mới có chồng lại phải ở góa, bèn sống nhờ nơi nhà người cậu là ông Trần An Hành. Mùa Hạ năm Thiệu Hưng thứ hai, Bá Nương bỗng mắc bệnh điếc và câm. Khi cô muốn việc chi, chỉ viết chữ trên giấy. Ông Hành bảo quy thành nơi Quan Thế Âm Bồ tát, Bá Nương bèn sớm tối lễ lạy.

Một hôm Bá Nương ngủ gật, chợt thấy Bồ tát hiện thân dạy cho tu hành pháp môn mau tắt: mỗi ngày hướng về Tây phương lễ đức A Di Đà Phật. Bồ tát lại truyền cho bài kệ rằng: “Tịnh độ châu sa giới, vân hà độc lễ Tây? Đản năng hồi nhưt niệm. Xúc xứ thị Bồ đề!”. Bồ tát lại căn dặn nên khuyên mọi người trì tụng bài kệ ấy. Sau đó chưa đầy một tháng, Bá Nương hết câm điếc mà thêm được niệm lực thuần thực, trí huệ khai phát ứng đáp như lưu.

Vì muốn người đời phát tâm, Trần An Hành bèn khắc việc trên để truyền cho mọi người cùng biết.

VIII - CHÂU THỊ

(Trích ở bộ *Lạc Ban Văn Loại*)

Châu Thị Như Nhưt vợ của Tiết Sanh ở Minh Châu. Năm hai mươi ngoài tuổi, mẹ mất, Thị mặc tang phục trai cư, siêng tu tịnh nghiệp, Thị dùng hàng vàng, thỉnh người viết chữ khéo tả kinh *Pháp Hoa*, rồi Thị dùng nhung xanh thêu lên, lằn chỉ khít sát, nét chữ vừa rõ vừa đẹp, mười năm mới xong bảy quyển (trọn bộ). Trong thời gian thêu kinh, Thị xưng hồng danh của đức Phật A Di Đà mà đảnh lễ đủ tám muôn bốn ngàn lạy. Thị lại thêu tượng Phật A Di Đà cùng Quan Thế Âm. Thị học kinh *Pháp Hoa* ba tháng thuộc lòng trọn bộ. Kể đó Thị

xem các kinh *Hoa Nghiêm*, *Bát Nhã*, *Lăng Nghiêm*, *Viên Giác* đều thông hiểu được cả. Thị lại chạm gỗ in đồ công đức, dùng khuyến người niệm Phật A Di Đà. Phạm người lãnh đồ niệm đủ số mười muôn câu thời Thị đứng hồi hướng Tây phương Tịnh độ cho. Trước sau, thị giáo hóa được hai chục vạn người phát tâm niệm Phật. Thị cất nhà ở bên mộ, một cái thất thờ Phật, một cái thất để chép kinh, một cái thất để tịnh tọa. Giúp việc chỉ một cô tớ gái, vui khổ cùng chia.

Mùa Xuân năm Thiệu Hy thứ tư, Thị bán cả đồ tư trang, lập trai hội ba ngày cúng dường cho 1000 vị Tỳ kheo. Trong ba ngày ấy, Thị hội tăng và tục một muôn người ngày đêm cùng nhau niệm Phật A Di Đà, rồi Thị sắm bảo tràng trang nghiêm bảy pho kinh *Pháp Hoa* của Thị thêu, và biên tên họ của những người dự hội, đưa cả vào để cúng dường tại đạo tràng La Hầu La.

Tháng chạp năm ấy, Thị nhuốm bệnh nhẹ khi sắp từ trần, Thị ngồi kiết già ngay thẳng. Tiết Sanh nói: “Nhà tôi từ nào không có cách ấy, xin nằm yên”. Thị bèn hướng về Tây phương nằm nghiêng bên tay mặt mà vãng sanh, được 37 tuổi.

IX - NHỊ TRÍ

(Trích ở bộ *Phật Tổ Thống Ký*)

Hạng Thị Diệu Trí người Triết Giang, sau khi chồng chết, Thị rất siêng tu hành, luôn ngày niệm Phật. Có hai người con gái, thị đều cho xuất gia làm sư ni. Thị từng sắm sẵn một cái quan tài. Khi sắp tạ thế Thị nói với hai sư ni rằng: “Tôi muốn ngồi kiết già mà vãng sanh, nhưng cái quan tài này để làm chi?”. Sư ni nói: “Xưa kia đức Phật nhập Niết bàn vẫn dùng kim quan, không hề gì!”. Thị bèn tụng chương Thượng phẩm vãng sanh trong *Quán Kinh*, rồi xoay mặt về hướng Tây, nằm nghiêng bên hữu, hai tay kiết ấn mỉm cười mà mất. Bảy giờ là năm Thiệu Định thứ 6 triều Tống.

Trần Thị Diệu Trí người Tứ Khê, dâu nhà họ Chương. Thuở bé, Thị đã trường trai, mỗi ngày hai thời niệm Phật. Khi về nhà chồng, Thị vẫn không đổi chí, vẫn ăn chay niệm Phật như xưa. Tánh Thị hay thương xót người và vật, không ngớt làm việc phóng sanh và bố thí.

Một hôm nhuốm bệnh sơ sài, Thị càng chuyên niệm Phật, bỗng thấy đức Phật A Di Đà hiện thân vàng trên hư không, Bồ tát và Thánh chúng đứng hầu hai bên. Từ lòng trắng giữa chặng mày của Phật phóng ánh sáng chiếu đến Thị giống như một cái móng dài, sáng chói như cả nghìn ngọn đèn lớn. Một lát sau, Thị nằm kiết tường mà từ trần. Bảy giờ nhằm năm Đoan Bình thứ hai, triều Tống.

X - MỤ THÔI

(Trích ở Vãng Sanh Tập)

Mụ Thôi người Tuy Châu ở nuôi vú cho nhà họ Lương tại Đông Bình. Mụ thì tính tình ngay thật, ăn chay trường. Bà chủ tin Phật, tham cứu thiên học. Còn mụ chỉ mỗi ngày siêng niệm Phật. Năm 72 tuổi đau kiết, mụ càng cố gắng niệm Phật hơn. Một hôm, mụ bỗng xướng đọc bài kệ rằng: “Đường Tây rất tốt dễ tu hành. Trên không non núi dưới không hầm. Khi đi khỏi phải mang giày dép. Mỗi bước hoa sen mọc đỡ chân”. Có người hỏi: “Chùng nào bà đi?”. Mụ đáp: “Giờ Thân chiều nay”. Quả thật đến giờ Thân thời mụ Thôi vãng sanh. Khi trà tỳ, cái lưỡi không cháy, tươi đỏ như cánh sen hồng.

XI - HAI BÀ TRÌ KINH DI ĐÀ

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Ký)

Đào Thị người Thường Thực ở góa tu hành, mỗi ngày trì phẩm Phổ Môn, chiêm bao thấy đức Quan Thế Âm trao cho một hoa sen. Ít lúc sau, Thị lại mơ thấy một sư tăng trao cho

một quyển kinh. Thị lật xem thời là kinh *Di Đà*. Sau khi thức giấc, Thị lấy kinh *A Di Đà* ra tụng, thời lâu lâu như đã quen tụng từ lâu, và bắt đầu ngày ấy, Thị thường tụng kinh *Di Đà*. Một đêm nọ, trong nhà phát sáng như ban ngày, đức Phật A Di Đà hiện thân đứng trên hộp đựng kinh. Cảm sự linh ứng ấy, Thị càng tinh tấn tụng kinh. Thỉnh thoảng Xá lợi nổi ra trên quyển kinh. Thị lượm cát lần đến hơn trăm hộp.

Lý Thị, sau khi chồng chết, mỗi ngày niệm Phật và tụng kinh *Di Đà* từ đầu hôm suốt đến sáng, tiếng vang cả trong ngoài, mãi như vậy đến hơn mười năm. Một hôm Thị đương ngồi ngay thẳng niệm Phật. Thoạt có một vị tăng hiện ra trước mặt, trên đầu sư tăng che lọng bằng lụa đỏ. Sư bảo Thị: “Đến giờ Tý ngày rằm này Thị sẽ được vãng sanh”. Thị thưa: “Sư là ai?”. Sư đáp: “Là người mà Thị đang niệm đó!”. Dứt lời, liền biến mất. Đến kỳ, cả nhà mùi hương lạ ngào ngạt, đương giữa đêm mà sáng như ban ngày. Lý Thị đoan tọa mà từ trần. Qua bảy ngày sau làm lễ trà tỳ, răng, lưỡi, tròng mắt đều không cháy, xá lợi nhiều vô số. Qua ngày kế, chỗ đất trà tỳ mọc lên một đóa hoa sắc trắng vòng tròn hơn hai tấc. Không ai biết là hoa gì.

XII - HIẾU TÂM CHƠN THẬT

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Vương Nữ người Kiệt An, thuở nhỏ cô ham mộ pháp môn Tịnh độ, mỗi ngày tụng các kinh *Di Đà*, *Quan Âm*, *Kim Cang*. Bà mẹ cô mang bệnh rồi mất. Khi sắp liệm, máu ứ chảy lan. Cô thệ rằng: “Nếu lòng hiếu thảo của tôi chơn thật, nguyện cho thi hài của mẹ tôi không hôi dơ”. Cô nguyện dứt lời máu liền ngưng chảy, đến khi liệm hẳn không hơi hôi.

Ít lúc sau, cha chấp nối. Cô cùng bà kế mẫu đồng chí tu tịnh nghiệp.

Một hôm Nữ phải bệnh, thỉnh sư tăng đến nhà giảng pháp quán Tịnh độ. Giây lát, Nữ trời dậy đòi thay áo, rồi nằm kiết tường, tay nắm chót lá phan trước tượng Quan Thế Âm mà đi. Lúc sắp liệm, bà kể mẫu rai tro trên đất. Sáng hôm sau, chỗ rai tro mọc lên vài đóa hoa sen.

XIII - BA BÀ ĐOẠN TUYỆT ÁI DỤC

(Trích: *Phật Tổ Thống Kỷ, Tịnh Độ Thần Chung, Nhàn Song Hoát Dị Chí*)

Tần Thị Tịnh Kiên người Tòng Giang, ham mộ Phật pháp, nhằm ghét thân phụ nữ. Thị xin phép chồng ở riêng, đoạn tuyệt tình dục, nghiêm trì giới luật. Mỗi ngày sớm tối tu nghi sám hối Tịnh độ, lễ Phật một nghìn lạy. Giờ rảnh, thị xem các kinh Đại thừa như *Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Pháp Hoa, Quang Minh* v.v... không ngày nào để luống qua. Một hôm Thị đương ngồi trong nhà niệm Phật, bỗng có quang minh chiếu sáng lấn hơn ánh sáng mặt trời. Thị liền xoay mặt về hướng Tây chấp tay mà từ trần.

2) Bà vợ ông Dương Tuyên Nhứt ở Nam Kinh, năm 30 tuổi, sau khi sanh một đứa con trai, bà ở riêng, cho chồng cưới vợ bé. Từ đó bà ăn chay trường niệm Phật. Cách 15 năm sau, tháng tám, nhọt mọc nơi lưng đau nhức thấu xương. Thị tự thấy một con quỷ dữ tay cầm dao xoi khoét lưng mình. Thoạt có một vị thần cao lớn hiện ra đánh đuổi con quỷ ấy. Mụn nhọt liền êm không đau nhức nữa. Vài ngày sau, bà bảo ông Tuyên Nhứt rằng: “Tôi sắp đi, có bốn vị đồng tử đến rước. Nên rót bốn chén trà thơm cúng họ”. Tuyên Nhứt hỏi: “Bà sắp đi đâu?”. Bà đáp: “Tôi đi Tây phương Cực Lạc thế giới!”. Dứt lời, bà liền chấp tay lên tiếng niệm Phật mà qua đời.

3) Bà vợ ông Tường Thập Bát, người Hải Diêm. Năm 30 tuổi cùng chồng đồng chí tu hành đoạn trừ ái dục, mỗi

ngày niệm Phật và tụng kinh Đại thừa, luôn như thế đến hơn 40 năm.

Một ngày nọ, hai người đều tự tắm rửa thay đổi y phục, đồng thắp hương xướng hồng danh của Phật. Rồi mỗi người tự biên lời kệ để lại mà tạ thế.

Bài kệ của ông Thập Bát: “Cái thân huyễn này, tứ đại hiệp thành, ngày nay phân tán, gốc đâu về đó. Cái huyễn đã diệt, tro bay khói tắt. Như gió ở hư không, như trăng trên trời trong. Đã không chướng không ngại, lại hay sáng hay suốt. Tất cả dứt hẳn, tuyệt đường ngôn thuyết. Ba mươi năm nay, thoát ly ái dục. Xiển dương Đại thừa, sớm tụng tối đọc. Ngày nay thả tay thẳng về Tây, tự có hiện thành sẵn đạo quả”.

Bài kệ của bà Tường: “Đọc *Pháp Hoa* kinh mười bốn ngàn. Bình sanh tu niệm có như lạnh. Tây phương Tịnh độ nhà ta đó. Tự tại ngồi an Bát nhã toàn!”.

XIV - LỄ PHẬT TƯỚNG HẢO

(Trích ở bộ *Phật Tổ Thống Kỳ*)

Hồ Thị Tịnh An người Cối Kê, chuyên tu tịnh nghiệp. Hằng ngày lễ tám muôn bốn nghìn tướng hảo của đức Phật A Di Đà, cứ mỗi tướng hảo lễ một lạy. Thị lễ vừa giáp bốn bận, xảy nhuốm bệnh nhẹ, thấy Phật hiện thân đến rước, Thị ngồi qua đời một cách an lành. Lúc đó những người ở gần và những người qua đường, đều nghe tiếng thiên nhạc trên không văng vẳng đi lần về hướng Tây.

XV - THOẠI TƯỚNG HIỆN TIỀN

(Trích ở các bộ: *Phật Tổ Thống Kỳ*, *Vãng Sanh Tập*, *Tịnh Độ Tiết Yếu*)

Châu Thị người Gia Hòa, dâu nhà họ Tôn, cha mẹ chồng tu Tịnh độ rất chuyên cần, cảm tượng Phật thờ trong nhà

phóng quang minh, hương hoa tự nhiên hiện đầy cả bàn thờ, có lúc trên hư không Phật và Bồ tát hiện thân, có lúc nghe tiếng tụng ở giữa chùng không.

Trịnh Thị người Tiền Đường, mỗi ngày chuyên niệm hồng danh của Phật. Một hôm phải bệnh, thoát nghe trên không có tiếng bảo rằng: “Mụ sắp sẽ được về Tịnh Độ, chớ có giải đãi!”. Kế lại thấy Phật hiện ở trước mặt, thân Phật màu vàng ròng. Thị liền trỗi dậy xoay về Tây phương mà ngồi ngay thẳng. Thị có một người con trai đã xuất gia, pháp danh Nghĩa Tu liền cho người gọi về, Thị bảo tụng kinh *A Di Đà*. Tiếng kinh chưa dứt, Thị đã an lành mà đi. Tối đến, con gái của Thị mơ thấy Thị về mách rằng: “Mẹ đã được vãng sanh Cực Lạc thế giới!”.

Châu Bà người Huyện Cần, hằng ngày chuyên tu Tịnh độ. Cứ đến đầu năm, bà trì hạnh bát ngữ (không nói chuyện), ngày đêm luôn ngồi ngay thẳng tưởng Phật, mãi tháng Giêng mới thôi. Những tháng nắng nực, thời bà thí nước trà cho khách lữ hành, năm nào như năm nấy. Một đêm nọ, bà mơ thấy lá sen lớn trùm khắp cả đường phố, còn bà thời tay lần chuỗi kinh hành trên lá. Không bao lâu bà nhuốm bệnh sơ sài. Tối hôm ấy, những người lân cận thấy bảo cái tràng phan từ trên không giáng xuống thẳng vào nhà bà. Rạng đông bà chấp tay xưng hồng danh của Phật mà mất.

Mụ Trương năm trên năm mươi tuổi ăn trường trai niệm Phật. Năm 79 tuổi, một đêm nọ, mụ tắt đèn tịnh tọa, bốn phía vách bỗng phóng quang minh hiện các thứ anh lạc. Giờ mụ lâm chung, khói hương trên bàn cuộn lên uyển chuyển kết thành tượng Phật, giấy lát tượng ấy thành màu vàng ròng, mặt mắt rõ đẹp như vẽ, một tay thông xuống hình như tiếp dẫn. Mọi người kinh lạ đồng chấp tay chăm chú nhìn. Khói hương tan, tượng mất, mụ cũng đồng thời an tịch.

Tiết Thị, người Võ Đường, dâu nhà họ Châu, sau khi sanh được năm trai thời ở góa. Từ đó Thị chuyên tâm tu Tịnh độ. Tánh Thị ưa bố thí không biết mỏi nhàm. Trong nhà thờ tượng Quan Thế Âm, khói hương trên bàn thường kết thành hoa sen, mọi người đều được thấy. Mùa Hạ năm Vạn Lịch thứ 15, Thị nhuốm bệnh, không uống thuốc, không ăn, chỉ uống nước trong. Đến ngày mùng 6 tháng Chín, Thị cho người thỉnh tăng về nhà lễ sám. Thị nói: “Mãn bốn ngày thời công việc của tôi xong xuôi”. Bảo thiết tượng Phật A Di Đà để cho Thị ngày đêm chuyên niệm. Thị bảo năm người con trai đồng thanh xưng hồng danh của Phật. Cấm hẳn phụ nữ không được vào. Đến ngày thứ năm, sáng sớm Thị đòi nước rửa tay, miệng tụng chú cam lộ, thay y phục mới sạch, đội mũ chí công, rồi quỳ thẳng trước tượng Phật xưng bài kệ: “Nhiên hương tán Phật” và tam tự quy, lễ ba lạy, niệm Phật 108 câu. Niệm xong, Thị ngồi kiết già, tay bắt ấn mà tạ thế. Sắc mặt Thị lộ vẻ vui tươi. Mọi người đồng nghe mùi hương sen thơm ngát cả nhà. Thị có đề lời dặn: đóng khánh không dùng hòm, không được đốt giấy tiền, không được sát sanh để cúng tế. Mấy người con trai của Thị đều tuân hành.

[1] “Tâm vô sở niệm” thuộc lý quán, thuộc sự tu. Đề câu “tâm vô sở niệm mà tu niệm Phật” phối hiệp với câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” của kinh *Kim Cang*, câu “tùng vô sở trụ bản lập nhưt thiết pháp” của kinh *Duy Ma Cát*, câu “sắc tức thị không không tức thị sắc” của *Tâm kinh*.

[2] Nhập tam muội có thể nói và hiểu biết những thứ tiếng của các loài chúng sanh: tất cả tiếng của loài người, của trời, của quỷ thần, của các chim thú v.v...

[3] Ba đức: Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát. Ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân.

[4] Chử là một Phạn tự, ta đọc là “y”

[5] Tri: tỏ biết, giác ngộ

[6] Tức là Lục Tổ Huệ Năng

*

CHƯƠNG THỨ TÁM: TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ BA CHƯ SƯ TĂNG

I - TRÍ LỄ

(Trích ở bộ: Tứ Minh Giáo Hạnh Lục, Quán kinh Sớ Sao, Phật Tổ Thống Ký)

Trí Lễ Đại sư, họ Kim, tự Ước Ngôn, người Minh Châu. Phụ mẫu lễ Phật cầu tự, mơ thấy Thần Tăng trao cho một đồng tử và nói rằng: “Đây là Phật tử vậy”. Không bao lâu Đại sư được sanh. Năm lên 7 mẹ mất. Đại sư ngày đêm kêu khóc, thưa với cha xin xuất gia. Thế độ nơi Hồng Tuyền Đại sư tại chùa Hưng Quốc ở Thái Bình. Tuổi trưởng thành, Đại sư đến học Thiên Thai giáo quán với Nghĩa Thông Pháp sư ở chùa Bửu Vân. Tông chỉ viên đốn một phen truyền dạy là Đại sư liễu đạt cả. Ít lúc sau, Đại sư trụ Báo Ân Viện giảng Thiên Thai giáo quán, Tăng chúng theo học rất đông. Minh Châu bị hạn, Đại sư hiệp cùng Từ Vân Sám chủ tu Quang Minh Sám, Đại sư ước ba ngày mà không mưa sẽ tự đốt một cánh tay. Đến ngày thứ ba, trời mưa to. Năm Tường Phù thứ ba, triều Tống, Đại sư trùng kiến Báo Ân Viện, triều đình phụng hiệu Diên Khánh Tự. Năm thứ sáu, Đại sư lập đạo tràng niệm Phật truyền giới. Đại sư có làm bài văn đề khuyến tấn đại chúng:

“Nguyện về một niệm bốn dung, chư pháp vô ngại, bị huân tập đã khác tất thọ báo không đồng. Cho nên hễ thuận tánh mà tu thời hiển chư Phật Tịnh độ, còn theo tình tạo nghiệp thời chịu khổ trong luân hồi. Vì thế, ở Ta bà mà tu giải thoát rất khó, đọa lạc phần nhiều. Kinh nói: “Được thân người như đất dính móng tay, đọa tam đồ như cỡi đại địa”. Chờ đến Thánh hạnh đầy đủ mới khỏi thọ sanh nơi ác đạo. Đó là do vì ở cõi uế trước này trần cảnh thô cường, phiền não hỷ hưng nên tự lực cầu giải thoát khó có người được. Nếu người sanh về Tịnh độ Cực Lạc thời cảnh giới trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, thẳng một mực lên quả Phật, chẳng còn sa đọa. Như kinh dạy: “Còn không có danh từ ác đạo, huống là có sự thật”. Kinh lại nói: “Chúng sanh, sanh về Cực Lạc đều là bậc A bệ bạt trí”. Nếu ai muốn sanh về cõi tịnh đó, thời phải xưng niệm hồng danh của Phật A Di Đà, tu hạnh từ của Phật A Di Đà, tất được nguyện lực của Phật nhiếp thủ. Khi xả thân này quyết định vãng sanh. Rõ như trong kinh đã dạy, thiết chẳng phải tôi tự đặt điều. Nay kết muôn người để làm một hội tâm tâm chuyên niệm, ngày ngày nguyện sanh.

Mỗi năm đến tiết trọng xuân, đồng hợp một chỗ, đồng cúng dường Phật, đồng nghe pháp âm. Hợp cả vạn tâm làm thành nhứt chí, cho tịnh nghiệp chóng thành, thế được vãng sanh. Huống lại thân mạng ngũ trước khác nào ngọn đèn trước gió. Một hơi thổi chẳng trở lại thời ác đạo hiện tiền. Đâu đứng chân chờ mà không nghĩ đến quả báo ở ngày mai! Phải thể theo lời Phật đã dạy, chớ nên tùy tục tình. Kíp dứt bật phan duyên, siêng gắng niệm Phật”.

Từ đó trở đi, cứ đến rằm tháng hai là ngày đại hội thường năm.

Đại sư từng cùng mười sư tăng tu Pháp Hoa Sám ba năm, kỳ mãn hạn sẽ đốt thân cúng dường kinh *Pháp Hoa* để cầu sanh Tịnh độ. Sau vì đại chúng cực lực ngăn trở nên

thôi. Đại sư lại cùng mười sư tăng tu *Đại Bi sám* ba năm, đốt ba ngón tay cúng Phật. Nhà vua biết được hạnh đức của Đại sư, bèn phụng hiệu là Pháp Trí, và có lời khuyên nên trụ thế truyền đạo.

Đại sư thấy chư tổ xiển dương Tịnh độ phần nhiều luận về sự tướng, ít dạy đến quán môn, nên Đại sư y cứ nơi bộ *Quán Vô Lượng Thọ kinh Sớ* của tổ Trí Giả, mà soạn thành bộ *Diệu Tông Sao*. Dưới đây là lược đoạn trích đề của bộ ấy: “Quán, là mười sáu quán, thuộc năng quán trí, *Vô Lượng Thọ Phật* là cương yếu của sở quán cảnh, nhiếp cả mười lăm cảnh. Năng quán đều là nhứt tâm tam quán, sở quán đều là nhứt cảnh tam đế, Tỳ Lô Giá Na khắp tất cả chỗ, tất cả pháp đều là Phật pháp. Phật là tánh đức của chúng sanh, phi tự phi tha, phi nhơn phi quả, chính là thể viên thường đại giác. Nên trong *Luận Khởi Tín* nói: Giác nghĩa là nói tâm thể ly niệm. Ly niệm tướng thời khắp hư không giới, không đâu chẳng khắp, pháp giới nhứt tướng chính là Như Lai thường trụ pháp thân. Y cứ pháp thân này mà gọi là bốn giác.

Cho nên biết rằng thể của Phật quả viên minh, là tánh đức bốn cụ của phàm phu chúng ta. Vì thế nên tất cả kinh giáo luận về hành pháp đều là hiển bày giác thể này. Cho nên bốn môn tam muội đồng gọi là niệm Phật⁽¹⁾. Dầu đồng là niệm Phật, mà chính là hiển Phật thể. Riêng về mười sáu quán môn này cùng với Bát chu tam muội, thời gá nơi cảnh y báo và chánh báo của Cực Lạc thế giới, dùng quán trí vi diệu chuyên ở nơi đức Phật A Di Đà mà hiển thể chơn thật. Dầu gá vào cảnh Tịnh độ mà nên biết rằng y báo và chánh báo ấy đồng ở nơi nhứt tâm. Tâm tánh trùm khắp, không pháp nào là không tạo, không pháp gì là không đủ. Nếu có một mảy ở ngoài tâm, thời chẳng gọi là Đại thừa quán vậy. Ở đoạn trước nói tâm tánh đủ tất cả pháp, tạo khắp tất cả, thiệt ra thời vốn không năng không sở, tức tâm là pháp, tức pháp là tâm, nhân duyên

năng tạo cùng pháp sở tạo, mỗi mỗi thấy đều là tâm tánh. Cho nên hay quán tướng, hoặc y báo Cực Lạc, hay chánh báo Di Đà, bèn là pháp giới tâm quán lấy pháp giới cảnh, sanh nơi pháp giới y báo sắc tâm. Đây thời gọi là: duy y, duy chánh, duy sắc, duy tâm, duy quán, duy cảnh. Cho nên giải chữ quán thời dùng nhưt tâm tam quán, giải Vô Lượng Thọ thời dùng nhưt thể tam thân. Thể tông lực dụng về nghĩa đều là Viên, phán giáo thuộc Đốn. Xin nói với người tu hành, quán pháp đầu là thâm diệu, nhưng vốn là để lợi ích cho hàng sơ tâm. Nếu có thể tấn công lo gì không thành. Túng sử chưa được nhập phẩm nhưng làm nhơn cũng mạnh, sanh về Tịnh độ đặng dự đại hội, bèn thấy y báo cùng chánh báo vi diệu bất tư nghị mau chứng quả Thánh, độ sanh rất rộng. Huống chi hiện tại đây trần cảnh thô cường thiệt là chôn nguy hiểm. Nên phải: ngoài thời tu sự sám, trong thời chuyên lý quán, đồng thời thực hành cả chánh hạnh và trợ hạnh, lại thêm phát nguyện tha thiết, lập điều ước để tự kiểm chế. Quyết định ở nơi Tịnh độ mau chứng quả vô sanh. Nay giải quán môn, ý nghĩa như thế”.

Ngoài ra các bộ luận sớ khác của Đại sư soạn thuật đều chỉ quy Tịnh độ cả.

Nhơn ngày lễ Phật Đản, Đại sư lập hội phóng sanh, nhóm chúng tác pháp thả những chim cá. Nhà đương cuộc tâu việc ấy lên vua, triều đình truyền chỉ cho quan Khu mật Lưu Quân soạn bài văn khắc vào bia đá dựng trong chùa.

Năm Thiên Khánh thứ 6, Đại sư sắp nhập diệt bèn lập đàn Quang Minh Sám bảy ngày. Sám đến ngày thứ năm, Đại sư ngồi kiết già hợp chúng thuyết pháp xong, vụt tự xưng to A Di Đà Phật vài trăm câu, rồi yên lặng mà viên tịch, thọ 69 tuổi. Để khánh trần 7 ngày, móng và tóc ra dài thêm. Lúc trà tỳ, cái lưỡi không cháy, đỏ hồng như cánh sen.

II - HUỆ MẠNG

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Huệ Mạng Pháp sư họ Quách, người Thái Nguyên. Sau khi xuất gia ngài chuyên tu Phương Đăng Sâm và Phổ Hiền Sâm. Ngài theo thọ giáo với Ấn Quang Thiền sư và Tiên Lộ Thiền sư. Về sau ngài đến Tiên Thành Sơn. Núi này trước đây có đạo sĩ Mạnh Thọ kính mộ Phật giáo, muốn cúng Quán viện của mình để sửa làm chùa tháp. Khi Huệ Mạng Pháp sư sắp đến núi, ông Mạnh Thọ mơ màng thấy chư Thần nghiêm vệ bên cạnh viện, ông chợt tỉnh thì Pháp sư đến cửa, ông liền cúng Quán viện ấy sửa làm chùa Thiệu Quang, đại chúng lần lượt hội về. Không bao lâu, Pháp sư trở lại cố lâm rồi cùng bạn đồng chí là Pháp Âm Thiền sư đồng đến chùa Quả Nguyện ở Trường Sa, chỗ cũ của Huệ Năng Thiền sư, mà tu học thiền định, ít lúc sau lại dắt nhau trở về Tiên Thành Sơn.

Năm năm sau, hai người tự biết trước ngày giờ, dắt tay nhau cùng đi đến rừng tòng ngó nhau cười rằng: “Có thể trọn ở nơi đây!”. Thị giả nghe nói thế, nhưng chưa hiểu. Không đầy tuần nhật, hai người đồng thời nhuốm bệnh. Nhà Chu, năm Thiên Hòa thứ 3, ngày mùng 5 tháng 11, Huệ Mạng Pháp sư ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây mà niệm Phật. Đại chúng đồng thấy Phật A Di Đà hiện đến, Pháp sư liền chấp tay mà tịch. Có tiếng xướng: “Thiện tai!”. Hương thơm ngào ngạt cả chùa, tiếng thiên nhạc vang dậy cả hư không.

Ngày 17 tháng ấy, Pháp Âm Thiền sư cũng đoan tọa xoay mặt về hướng Tây niệm Phật mà tịch. Phật hiện, hương thơm, thiên nhạc v.v... đồng như lúc Huệ Mạng Pháp sư viên tịch, và đồng 38 tuổi.

Đại chúng xây tháp hai ngài ở rừng tòng.

III - TĂNG TẠNG

(Trích ở bộ Tổng Cao Tăng Truyện)

Tăng Tạng Hòa thượng người Tây Hà xuất gia từ thuở bé. Ngài hạ mình thờ người, cung kính tất cả, không từ lao khổ. Thấy y cũ của các sư, ngài bèn lén đem giặt và nhíp vá giùm. Thường cởi áo ngồi trong cỏ thí máu cho muỗi mòng. Mỗi ngày niệm Phật vô số, tinh tấn không bê trễ. Đến lúc lâm chung, chư thiên tử cõi thấp đến cõi cao trước sau đến rước, Hòa thượng đều khước từ. Yên lặng giây lát, Hòa thượng bảo đại chúng rằng: “Vừa rồi tôi qua Tịnh độ thấy chư thượng thiện như rải hoa trên hư không”. Dứt lời, Hòa thượng chấp tay niệm Phật mà tịch.

IV - ĐẠO KIỆT

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Đạo Kiệt Pháp sư họ Dương người Hà Đông năm 20 tuổi xuất gia thọ cụ túc, kế qua Thanh Châu nghe Hà Ký Luận sư giảng Thành Thật Luận. Sau khi Luận sư tịch, ngài đi các nơi tham học tạng Luận và từng khai giảng ở nhiều nơi.

Một hôm ngài tự xét: “Luông đeo theo ngôn thuyết, tâm tánh mê mờ. Đến như chánh huệ không nhờ chánh định thời không phát!”. Ngài bèn thôi giảng, qua học thiền với Chơn Huệ Thiền sư ở Ma Cốc, ngài thâm nhập duyên khởi, Thiền sư khen là lợi căn.

Ngài bầm tánh ít nói, thiếu dục, không quan tâm đến cảnh khổ cũng như cảnh vui.

Về sau ngài làm Tăng chủ chùa Thê Nham.

Năm Trinh Quán nguyên niên, ngày 28 tháng Bảy, ngài nhuốm bệnh nhẹ, đình giảng mà tịch. Cả chùa đồng nghe mùi hương lạ và thiên nhạc. Cũng chính ngày này, hai người

con gái ông Phan Xước, một cư sĩ bạn của Pháp sư, đồng mơ thấy ông Xước ngồi tòa sen trên hư không bảo rằng: “Cha đã vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, nay đến rước Đạo Kiệt Pháp sư”. Rồi ông bay thẳng về phía chùa Thê Nham. Lúc Pháp sư tịch, đại chúng thấy ông Xước hiện thân đứng trên không.

V - THẦN TỐ

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Thần Tố Luận sư họ Vương, người Hà Đông, pháp hữu của Đạo Kiệt Pháp sư. Lúc Đạo Kiệt Pháp sư đình giảng đi học thiền, thì Luận sư giảng thế. Năm Trinh Quán thứ 2, Luận sư làm Tăng chủ ở Thê Nham. Tất cả công hạnh tự hành hóa tha, Luận sư đều hồi hướng trang nghiêm Cực Lạc Tịnh độ.

Năm Trinh Quán thứ 17, ngày 23 tháng Hai, Luận sư họp đại chúng để từ biệt, rồi đoan tọa bảo đại chúng đọc kinh *Quan Âm* hai biến, Luận sư chấp tay chăm chỉ nghe, rồi tự niệm sáu câu A Di Đà Phật. Luận sư lại bảo trong chúng một người xướng còn bao nhiêu thời hòa theo. Như vậy mãi đến tối, Luận sư vẫn nghiêm nhiên ngồi ngay thẳng. Chúng đến gần xem kỹ, thì ra ngài đã đi từ nào rồi. Đêm ấy Trí Khoan Pháp sư ở chùa Nhon Thọ đương lúc tịnh tọa, thấy Luận sư đến cáo biệt, còn dặn gắng hộ trì Chánh pháp để báo ân Phật. Sáng ngày Pháp sư mới được tin Thần Tố Luận sư đã viên tịch hồi chiều qua.

VI - MINH CHIÊM

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỷ)

Minh Chiêm Đại sư họ Đỗ, người Hằng Châu. Thuở trẻ, ngài có chí xuất thế, bỏ khoa cử, xuất gia tại chùa Ứng Giác ở Phi Long Sơn. Triều Tùy, ngài ở kinh sư thường chủ nhiều

pháp tòa. Có được của thí riêng, ngài cúng dường cho chư tăng và thợ tả các kinh luận Đại thừa. Ít lúc sau ngài vào ẩn tại chùa Trí Cự trong núi Thái Ất. Tuổi già, ngài khắc chí Cực Lạc. Có người chê ngài là muộn. Ngài bảo: “Thập niệm công thành còn được thấy Phật thay, tôi nào có lo gì muộn!”

Đầu niên hiệu Trinh Quán, vâng chiếu vào nội điện, ngồi ngự sàng, sau khi thọ trai xong, Đại sư giảng rộng về thuật trị nước của bậc minh quân, dùng lòng từ hộ sanh làm gốc. Nhà vua bằng lòng lắm, liền hạ chiếu truyền khắp cả nước: Mỗi năm trong ba tháng lớn, mỗi tháng trong sáu ngày trai, nghiêm cấm giết thịt, và truyền dựng lập nhiều chùa ở các nơi.

Tháng Mười năm Trinh Quán thứ 2, nhuốm bệnh, Đại sư tự biết trước ngày giờ, bèn đến chùa Hưng Thiện ở kinh, thiết trai để từ biệt đại chúng, lúc đó các quan Phụ tướng như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đều có dự trai. Liên trong ngày đó, Đại sư trở về chùa Trí Cự, ngày đêm tưởng niệm Tây phương chuyên cần chẳng hở. Ngày 27 tháng mười, Đại sư bỗng gọi thị giả mà bảo: “Phật đã đến”. Giây lát lại nói: “Hai vị Bồ tát cũng đến! Tôi ở nơi *Quán Kinh* thành tựu pháp quán thứ 12. Nay Phật và Bồ tát đến rước tôi về Tịnh độ”. Nói xong Đại sư chấp tay vui vẻ mà tịch. Thọ 70 tuổi.

VII - KHẮC CẦN

(Trích ở tập *Cận Đại Vãng Sanh Truyện*)

Sư Khắc Cần họ Trương, người Hồ Nam, từ bé tánh khờ khạo. Năm hai mươi ngoài tuổi, sư xuất gia tại am Hồng Thế ở Thiện Hóa, rồi thọ Cụ túc giới ở Lộc Sơn. Sư không biết chữ, học mấy thời khóa tụng ngót 5 năm mới thuộc. Sau đó trọn 10 năm, Sư đi khắp ngũ nhạc, tứ sơn, và các đại tông lâm để tham học, nhưng rốt cuộc không thông hiểu một mảy gì, vẫn khờ khạo như cũ.

Đến năm 60 tuổi, Sư nghe Minh Quả Pháp sư giảng về công đức của pháp môn trì danh niệm Phật, quý tại nhứt tâm bất loạn. Nếu tán loạn, nên chăm chú nghe kỹ tiếng niệm, thời tạp niệm sẽ tự trừ, vọng tưởng sẽ tự diệt, tâm sẽ đặng thanh tịnh v.v... Từ đó sư mới được biết pháp môn niệm Phật, bèn chuyên tu.

Sáu năm thời tánh cũ của Sư đều mất, tâm hằng tự tại minh mẫn. Lúc rảnh, Sư thường bảo người rằng: “Tu hành quý tại nhứt tâm bất loạn. Nghiệp chướng của tôi do niệm Phật mà tiêu sạch. Mấy năm gần đây, chẳng những không phiền não, mà thân tâm đều được khinh an”.

Một hôm, sư cho người đi mời sư huynh Hàm An. Qua ngày kế, Hàm An đến Sư vừa thấy liền cười nói: “Khắc Cần này xin cáo từ sư huynh!”. Hàm An hỏi: “Tính đi đâu?”. Sư đáp: “Đi Tây phương Cực Lạc thế giới”. Hàm An bảo: “Nói khùng phải không?”. Sư nói: “Từ sáu năm gần đây, tâm tôi không loạn động, niệm A Di Đà, câu rõ ràng, mục kích Tịnh độ, tự biết ngày giờ quyết định vãng sanh. Chẳng phải khi dối vậy!”. Sư liền đem tất cả công sự trong am giao phó cho Hàm An, rồi lại bảo: “Giờ ngộ ngày mai, tôi sẽ từ biệt sư huynh. Anh em già với nhau, tất phải lo cho nhau. Sư huynh nên gắng chuyên tu pháp môn niệm Phật để chuẩn bị tư lương Tịnh độ”. Chiều hôm ấy, sư ngồi một mình niệm Phật không nói chuyện.

Sáng hôm sau, sư tắm gội thay y phục, thắp hương lễ Phật, tạ Tổ xong, Sư vẫn vào tịnh thất ngồi niệm Phật. Đến giờ ngộ, Sư mới chậm rãi đi vào ngồi kiết già trong khánh, tay cầm chuỗi yên lặng niệm Phật. Mãi đến hai giờ sau, Hàm An thấy đã lâu mà không thấy Sư động tịnh, bèn lại gần thăm xem thì ra Sư đã tịch rồi. Chừng đó mới cả kinh mà tin thật, và đồng thời cùng với các sư Phổ Âm v.v... đều nghe mùi hương lạ. Lúc đó là ngày mùng 5 tháng bảy năm Tân Sửu, triều vua

Quang Tự nhà Thanh. Bảy giờ nhằm tiết trời nóng nực, đình khánh bảy ngày mà thi hài vẫn không sinh nứt. Những người mục kích đều khen là lạ ít có.

VIII - TRI HUYỀN

(Trích: Tống Cao Tăng Truyện, Thần Tăng Truyện)

Tri Huyền Đại sư, họ Trần, tự Hậu Giác, người My Châu. Năm lên bảy, Đại sư nghe giảng kinh *Đại Niết Bàn* tại chùa Ninh Di, liền thông thuộc như từng đã học nhuần từ trước. Đêm ấy, Đại sư mơ thấy tay Phật xoa đầu mình. Năm 11 tuổi xuất gia, phàm được học đến bộ kinh bộ số nào, Đại sư đều thông đạt cả. Năm 13 tuổi, Đại sư lên pháp tòa giảng diễn, các hàng tăng và tục đều kính phục.

Triều vua Hi Tông nhà Đường phụng hiệu Ngô Đạt Quốc sư, ban tòa trầm hương. Không bao lâu, trên gối của Đại sư mọc ghẻ mặt người đau nhức lắm, không thuốc gì trị được. Mấy năm về trước Đại sư từng tận tâm săn sóc một ông Tăng có bệnh nặng. Lúc từ giã đi nơi khác, ông tăng ấy dặn Đại sư nếu sau này có nạn khổ nơi thân, thời nên đến tìm ông tại núi Cửu Long ở đất Thục. Bảy giờ Đại sư nhớ lại lời dặn ấy, và tìm gặp ông tăng tại núi Cửu Long. Ông tăng cho một đồng tử dắt Đại sư đến một lạch suối để rửa ghẻ. Khi sắp sửa rửa, mụn ghẻ mặt người bỗng lên tiếng bảo khoan rửa và nói rằng: “Ông từng đọc khắp các kinh sử, chắc ông biết việc Viên Án giết Triều Thố thời nhà Hán chứ? Ông chính là Viên Án còn ta là Triều Thố. Ta đòi đòi theo sát bên ông để báo oán. Song vì ông luôn mời đời làm cao Tăng giới hạnh tinh nghiêm nên hại không được. Mấy lúc gần đây, ông được nhà vua và mọi người kính trọng, vinh hiển thái quá, nên ta mới có dịp mà làm khổ ông. Hôm nay nhờ Ca Nhã Ca Tôn giả dùng nước tam muội rửa ta, ta không theo làm hại ông nữa”. Đại sư khoát nước rửa ghẻ, ghẻ liền lành.

Từ ngày ấy, Đại sư tự răn trách tâm niệm danh vị của mình, làm văn Thủy Sám trừ tội chướng, tinh nghiêm giới luật, thiếu dục tri túc. Đại sư tự xét ở Ta bà khó thành nhân lực nên ngày đêm sáu thời tinh tấn hành đạo cầu sanh Cực Lạc. Một hôm, bỗng nghe trên không có tiếng xướng to rằng: “Chắc đặng vãng sanh Tịnh Độ!”. Đại sư liền hỏi là tiếng ai nói. Trên không đáp: “Phật đây!”.

Một bữa khác, Đại sư lại thấy một vị Bồ tát giáng lâm cặn kẽ khuyên nhắc. Giờ lâm chung Đại sư dặn đem thân mình bỏ nơi bãi biển để thí cho chim cá; Đại sư lại bảo mọi người: “Từ lâu tôi mong được về Tây phương Tịnh độ, bây giờ, chính là lúc được mãn nguyện!”. Dứt lời, Đại sư xoay mặt về hướng Tây mà tịch. Thọ 73 tuổi.

IX - TỰ GIÁC

(Trích: Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỷ)

Tự Giác Đại sư người Bắc Lãng, thưở nhỏ xuất gia tại chùa Khai Nguyên. Về sau Đại sư qua học kinh luật luận ở chùa Thiên Pháp. Cần mẫn trọn chín năm, thông suốt cả Tam tạng. Đại sư qua ở núi Trùng Lâm tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa rau trái sơ sài.

Gặp năm đại hạn, quan Tiết Đại Sứ ở Hằng Dương nghe đạo hạnh của Đại sư bèn đích thân vào núi thỉnh Đại sư cầu mưa. Đại sư chí thành cầu Long thần, mưa liền xối xuống. Từ lâu Đại sư có ý muốn đúc tượng Quan Thế Âm. Sau ngày cầu mưa, thí chủ các nơi họp công của đến, đúc tượng Quan Thế Âm bằng đồng cao bốn mươi chín thước, tướng hảo uy nghiêm. Qua năm sau, chùa điện cũng lạc thành.

Đại sư bèn ở trước bửu điện lập thệ nguyện sớm vãng sanh Cực Lạc. Canh ba đêm ấy, thoát có hai đường kim quang chiếu đến. Đức Phật A Di Đà từ trong ánh sáng vàng bước

xuống. Quan Thế Âm Bồ tát theo hầu bên tả, Đại Thế Chí Bồ tát theo hầu bên hữu. Đức Phật đưa cánh tay vàng xoa đầu Đại sư mà bảo rằng: “Gìn chí nguyện chớ có đổi, độ người làm trước. Đài sen nơi ao báu, ông sẽ được thác sanh!”.

Năm Trinh Nguyên thứ 11, nhà Đường, đêm rằm tháng hai, thiên thần hiện nửa mình trên không, cúi xuống nói với Đại sư rằng: “Ngài đã gần đến kỳ về Tịnh độ!”. Đại sư đưa tay lên tạ thần. Đến ngày 14 tháng Sáu, Đại sư ngồi kiết già trước tượng Quan Thế Âm mà tịch. Từ khi Đại sư viên tịch về sau, tượng Quan Thế Âm ấy thường hiện nhiều việc rất linh ứng.

X - THIÊN ĐIỆU

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Ký)

Thiên Diệu Đại sư người Lâm Tuy, từng vào trước Đại tạng kinh chí thành rút lấy một tập, nhằm quyển *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*. Từ đó trở đi, Đại sư chuyên tâm niệm Phật, tu thập lục diệu quán. Đến khi qua Lô Sơn, được thấy di tích của Huệ Viễn Đại sư, chí nguyện của ngài càng thêm tha thiết. Ít lúc sau, Đại sư vào ẩn ở núi Chung Nam tu Bát Chu tam muội vài năm, cảm bửu lâm bửu trì luôn hiện trước mặt. Rồi Đại sư qua Tấn Dương học *Vô Lượng Thọ kinh* nơi Đạo Xước Thiên sư. Thường khi Đại sư nhập định bảy ngày mới xuất. Đạo Xước Thiên sư thỉnh xem chỗ sanh của mình. Đại sư bảo rằng: “Thiên sư phải sám hối ba tội mới được vãng sanh. Thiên sư từng để tượng Phật bên cửa sổ còn mình thời tự ở giữa nhà, đây là tội thứ nhất, phải đối Phật mà sám hối. Sư lại thường sai khiến người xuất gia, đây là tội thứ hai, phải đối chư tăng sám hối. Lại vì xây dựng nhà cửa làm tổn hại nhiều côn trùng, đây là tội thứ ba, phải đối tất cả chúng sanh mà sám hối”. Xước Thiên sư nghe xong bèn tự xét nhớ kỹ lại những lỗi của mình, rồi chí tâm sám hối. Ít lâu sau, một hôm xuất định, Đại sư bảo Xước Thiên sư rằng: “Sư đã

sạch tội. Ngày sau, bao giờ có bạch quang chiếu đến, đó là triệu chứng vãng sanh!”.

Đại sư đến kinh sư giáo hóa, người quy hướng rất đông. Một ngày nọ nhuốm bệnh nhẹ, Đại sư kiết thất chuyên rông hành đạo, rồi vui vẻ niệm Phật mà tịch. Mọi người đồng nghe thiên nhạc dị hương từ thất của Đại sư lần đi thẳng về hướng Tây.

XI - ĐẠI HẠNH

(Trích: Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ)

Đại Hạnh Pháp sư người Tế Châu, học Thiên Thai giáo quán rồi vào ở núi Thái Sơn, bện cỏ che thân, lượm trái đỡ dạ. Tu Pháp Hoa tam muội cảm đức Phổ Hiền hiện thân. Một hôm, ngài tự than rằng: “Mạng người vô thường, giờ chết không lâu. Ta sẽ đi về đâu?”. Pháp sư vào trước Đại tạng kinh chí thành cầu nguyện. Rút nhằm bản kinh *Di Đà*. Bắt đầu ngày ấy, Pháp sư liền chuyên tâm niệm Phật, 21 ngày sau, đương lúc giữa đêm, bỗng tâm nhãn rỗng sáng thấy cõi đất lưu ly, lại thấy đức Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát hiện thân đứng trên không. Từ đó đạo hạnh của pháp sư mỗi ngày mỗi truyền rộng. Vua Hi Tông phụng hiệu là Thường Tinh Tấn Bồ tát.

Qua năm sau, cõi lưu ly lại hiện. Pháp sư bảo đại chúng rằng: “Hôm nay bửu địa lại hiện. Đã tới ngày tôi về Cực Lạc!”. Và trong ngày ấy Pháp sư xoay mặt về hướng Tây, chấp tay mà tịch.

XII - CHÍ THÔNG

(Trích: Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ)

Chí Thông Đại sư người Phụng Tường. Khi mới xuất gia, ngài gặp Tam tạng Pháp sư Phạ Nhật Ra truyền Mật tông, bèn

theo thọ giáo. Về sau, ngài đến Thiên Thai, khi xem xong tập Tịnh Độ Linh Thoại, ngài phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

Từ ngày đó trở đi, không bao giờ ngài khạc nhổ về hướng Tây, không bao giờ ngồi xoay lưng về hướng Tây.

Một hôm, ngài leo lên mỏm đá Chiêu Thú tụng 48 điều nguyện cầu mau được sanh Cực Lạc thế giới, rồi gieo mình xuống. Thân ngài rơi nhằm trong lùm cây, lá rậm nhánh mềm nên không hề gì. Ngài sửa y áo leo lên mỏm đá mà thệ rằng: “Đã phát đại nguyện, thân sống thừa này đáng nhảm. Cúi mong Thánh chúng đến tiếp dẫn tôi!”. Rồi ngài lại nhảy xuống, thân nằm trên cỏ, giây lát tỉnh lại. Tăng chúng tìm gặp dìu về chùa. Không bao lâu ngài qua núi Pháp Hoa chuyên tu Tịnh độ. Về sau một ngày nọ thấy Bạch hạc Khổng tước đáp xuống cả đàn, lại thấy hoa sen búp nở trước mặt, ngài nói: “Bạch hạc và Khổng tước là cảnh Tịnh độ. Hoa sen búp là chỗ thác sanh. Giờ đã đến!”. Đại sư nghiêm chỉnh oai nghi lễ Phật mà tịch. Khi trà tỳ, mây tốt năm màu che trùm trên ngọn lửa, và xá lợi hiện đầy thân.

XIII - ĐOAN PHỦ

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện)

Đoan Phủ Đại sư người Thiên Thủy, xuất gia nơi Đạo Ngô Thiên sư ở chùa Sùng Phước. Sau khi thọ Cụ túc giới, Đại sư đi cầu học Luận tạng khắp các nơi, đồng thời nghiên cứu cả kinh và Luật. Một đêm nọ, Đại sư mơ thấy Thánh tăng trao cho một bình lưu ly đựng đầy xá lợi bảo nuốt. Đại sư vâng lời nuốt hết Xá lợi, Thánh tăng nói: “Tam Tạng đại giáo chứa cả trong bụng ông!”. Từ đó trở đi, Đại sư được biện tài vô ngại. Giảng kinh ở Thái Nguyên, thính giả hội đến như chợ. Cả ba triều vua nhà Đường: Đức Tông, Thuận Tông và Hiến Tông đều tôn ngài làm bậc thầy. Trước sau Đại sư giảng *Niết Bàn* kinh và *Duy Thức Luận* hơn một trăm sáu mươi hội.

Mỗi ngày, giờ rảnh Đại sư đọc tụng Đại thừa kinh cầu sanh Tịnh độ. Được cúng thí rất nhiều, kể hơn mấy mươi triệu lượng bạc, Đại sư đều chuyển cúng vào các công vụ sửa dựng chùa tháp, còn mình thời vẫn vừa lòng với một cái thất nhỏ đơn sơ cùng một chiếc giường hẹp thấp thôi.

Năm Khai Thành nguyên niên, ngày mùng một tháng sáu, Đại sư xoay mặt về hướng Tây nằm nghiêng tay hữu mà tịch. Giờ đó, mùi hương lại thơm ngát cả gần xa. Sau khi trà tỳ được hơn ba trăm hột xá lợi.

XIV - HÙNG TUẤN

(Trích ở bộ Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ)

Hùng Tuấn Pháp sư họ Châu, người Thành Đô, giảng diễn giỏi, nhưng không giới hạnh. Pháp sư từng thôi tu đi lính, rồi xuất gia làm tăng lại. Tự xét biết lỗi, nên Pháp sư thường niệm Phật A Di Đà cầu tiêu tội vãng sanh.

Năm Đại Lịch nhà Đường, một hôm bỗng ngã ra chết, bị bắt dẫn đến Diêm Vương, Vương kể tội phá trai phạm giới v.v... rồi truyền quỷ sứ giải vào địa ngục. Pháp sư liền tiếng kêu rằng: “Trong Quán kinh có nói: “Người phạm tất cả điều ác, nhẫn đến tội ngũ nghịch, đến lúc lâm chung chí thành niệm Phật trong mười niệm, mỗi niệm diệt vô lượng tội, liền được vãng sanh”. Hùng Tuấn này dầu có tội nhưng chưa phạm đến ngũ nghịch, mà lại đã có lòng ăn năn niệm Phật vô số. Tôi dầu có bị đọa vào địa ngục cũng không ân hận gì, nhưng có lẽ nào lời Phật thành vọng ngữ!”.

Diêm Vương bảo cho về, như đó Pháp sư được sống lại bèn vào ở Tây Sơn, ngày đêm chuyên chí niệm Phật.

Bốn năm sau, một hôm Pháp sư họp đại chúng lại để từ biệt và dặn rằng: “Xin nói với những thân hữu của tôi ở dưới thành rằng Hùng Tuấn nhờ chuyên tâm niệm Phật mà được

vãng sanh, chớ không phải là kẻ tội lọt lưới”. Dặn xong, Pháp sư đoan tọa vui vẻ mà tịch.

XV - DUY CUNG

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Sư Duy Cung, người kinh Châu, thân xuất gia mà thích rượu thịt và bài bạc. Lúc rảnh thời Sư tụng kinh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Sư Linh Quy, một ông tăng ở cùng chùa, với sư Duy Cung là bạn đồng chí đồng hạnh, vì thế nên người lân cận có tặng hai sư một bài kệ để khuyên răn: “Linh Quy phạm giới hạnh, Duy Cung noi dấu bạn. Địa ngục ngàn muôn từng, chớ trách xô đầu vào”. Sư Duy Cung nói: “Tôi thiệt có tội đành vậy. Nhưng mong nhờ Phật lực thập niệm vãng sanh, đâu có lẽ lại bị đọa vào ác đạo ư!”.

Một hôm, sư Duy Cung nằm bệnh, sư Linh Quy có công vụ phải đi, dọc đường gặp hai người trai trẻ tướng tốt tay cầm nhạc khí. Sư Linh Quy hỏi là đi đâu. Hai người đáp là từ phương Tây đi rước Cung thượng nhơn. Một người thò tay vào bọc lấy ra một hoa sen búp bằng nắm tay, cánh hoa tỏa ánh sáng đẹp lạ, rồi hai người đi thẳng về phía chùa. Qua ngày sau, sư Linh Quy về chùa thời mới hay sư Duy Cung đã từ trần vào giờ gặp hai người trai trẻ hôm qua. Từ đó sư Linh Quy ăn năn chừa lỗi giới hạnh tinh nghiêm, ít lúc sau nổi tiếng là một vị tăng chơn tu thiệt đức.

*

CHƯ SƯ NI

I - LÃO NI

(Trích ở tập Âm Chất Văn Chú Thích của Hà Sĩ Viên)

Hồ Thượng Lão Ni tinh nghiêm giới luật, hằng ngày niệm Phật tụng kinh rất thành khẩn. Có một đạo nhơn mỗi năm đến

viếng am một lần, khi đến cùng Lão Ni luận việc đạo hạnh tu hành suốt ngày mới từ đi.

Một hôm, Lão Ni hẹn trước với đạo nhơn. Đến ngày hẹn chờ không thấy đạo nhơn tới, Lão Ni nói: “Tôi sắp về Tịnh độ muốn từ biệt ông bạn ấy”. Chờ thêm vài ngày, đạo nhơn vẫn không đến. Lão Ni bảo người khiêng cái khánh đã đóng sẵn để trên cây cầu gãy ở gần am. Lão Ni tay cầm một cây nhang nhỏ, ung dung vào ngồi trong khánh lên tiếng niệm Phật. Giây lát lửa vụt phát cháy nơi thân Lão Ni. Người tỵ đến xem đông như hội chợ. Mãi đến lúc cả mình cháy đen cả mà tiếng niệm Phật của Lão Ni vẫn chưa dứt.

II - TOẠI KHÂM

(Trích ở Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm)

Sư ni Toại Khâm, người Vô Tích, xuất gia thuở mới lên chín. Khi tuổi trưởng thành, gặp một sư ni khuyến khích chuyên trì hồng danh của Phật, cô liền phát tâm tinh tấn niệm Phật. Ít lúc sau, cô làm trụ trì am Bạch Y ở Tô Châu, công phu niệm Phật càng chí thiết đến 50 tuổi, cô mới thọ Cụ túc giới.

Tháng ba năm cô được 55 tuổi, một đêm nọ, gà vừa gáy hiệp đầu, cô kêu đệ tử đến mà nói: “Tôi sắp về Phật!”. Các đệ tử đều khóc thưa: “Thầy không bệnh hoạn chi, sao lại nói như thế!”. Cô bảo: “Sao ngu si thế! Khóc lóc có ích lợi gì. Nên tinh tấn niệm Phật thôi!”. Rồi cô ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây cùng các đệ tử đồng thanh niệm Phật, khi tàn một cây hương thời cô tịch. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 53.

III - LUẬT TÔN

(Trích ở Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm)

Ni Sư Luật Tôn người Gia Định, ba tuổi mẹ mất, bà nội dắt cô đến am Viên Thông lễ Phật, cô đòi quyết ở lại đó. Lúc

bé cô thích lễ Phật. Lớn lên chuyên tụng kinh *Pháp Hoa* nhưng khổ nổi không rõ nghĩa. Cô bèn đến Kim Sơn và Sùng Phước tham cứu mấy năm. Sau khi trở về am Viên Thông, cô chuyên tâm niệm Phật. Mỗi năm cô thường đến các tông lâm cúng Phật trai tăng.

Năm 53 tuổi, mang bệnh ho, cô cảm tức chuyên tu, lấy vãng sanh làm hẹn.

Rằm tháng Giêng năm 64 tuổi, cô họp chúng đồng thanh niệm Phật, đến mặt trời chính bóng, cô ngó chúng tha thiết khuyên bảo đừng mãnh tu hành, rồi cô chấp tay ba lần xưng “Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới Đại từ Đại bi A Di Đà Phật”. Xưng xong, cô đoan tọa mà tịch. Lúc đó hương sen thơm ngát cả am. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 55.

IV - PHẬT KỲ VÀ LIÊN HƯƠNG

(Trích: Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm, Nhiệm Hương Tập)

Sư Ni Phật Kỳ, người Thường Châu. Từ nhỏ cô chẳng chịu lấy chồng. Lớn lên mẹ cô đưa đến am Vũ Hoa xuống tóc, rồi thọ Cụ túc giới. Về sau, cô trụ trì am Sùng Phật ở trong thành. Cô quyên tiền trở tượng Tây phương Tam Thánh bằng gỗ chiên đàn cao 8 thước. Mỗi năm cô thỉnh chư sư tăng giới đức thanh tịnh đến am kiết thất kỳ, làm hội niệm Phật. Cô thường đi đến các tông lâm cúng Phật và trai Tăng. Cô tậu 30 mẫu ruộng để làm của thường trụ cho chùa Thiên Ninh ở Thường Châu. Về sau cô cảm tức nơi am chuyên tu tịnh nghiệp.

Trước khi tịch ba ngày, cô thấy Quan Thế Âm Bồ tát hiện thân với hai vị đồng tử theo hầu. Trong khi đó có người nói là nghe mùi hoa cúc. Cô bảo đó là hương của hoa sen xanh. Ngày 30 tháng Tám, năm Càn Long thứ 56, có Ưu bà di đến thăm, cô bảo đỡ cô ngồi dậy, rồi họp ni chúng niệm Phật được chừng hai nghìn câu thời cô tịch.

Mục kích cô Phật Kỳ chánh niệm vãng sanh. Sư ni Liên Hương phát tâm tinh tấn niệm Phật. Năm cô được 30 ngoài tuổi, đau bệnh, nhưng sức niệm Phật của cô càng bền. Một ngày nọ, cô xoay mặt về hướng Tây đoan tọa chấp tay niệm Phật mà tạ thế. Bấy giờ nhằm năm Gia Khánh thứ 13.

V - LÃNG NHIÊN

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Sư Ni Lãng Nhiên, người Gia Thiện, năm 18 tuổi, cô thấy sự khổ của người chị dâu bị sản nạn, cô tự thệ không lấy chồng, rồi cô xin với cha mẹ cho xuất gia ở am Tịnh Trì. Sau khi thọ giới, cô chuyên chí tu Tịnh độ. Tinh tấn niệm Phật trong nhiều năm, được niệm lực tương tục, lúc rảnh lúc bận, nơi tâm cô câu Phật đều không gián đoạn.

Năm Gia Khánh thứ 13, cô bảo đệ tử là Sư ni Phước Duyên rằng: “Trong ba tháng gần đây, tôi ba phen mơ thấy mình ngồi kiết già trong hoa sen nơi bảo trì. Tôi sắp vãng sanh! Con phải dốc chí niệm Phật. Nhon thiết thời tự nhiên quả chắc, công phu không luống uổng. Gắng nhớ chớ quên!”. Ngày 25 tháng 3, cô không bệnh, đoan tọa mà tịch, thọ 71 tuổi.

*

CHU TÍN SĨ

I - VƯƠNG CỔ

(Trích: Tống Sử, Lạc Ban Văn Loại, Pháp Lữ Chí)

Ông Vương Cổ tự Mẫn Trung, người Đông Đô, tức là chắt của Tướng quốc Vương Văn Đán. Nhà ông Cổ trì giới bất sát đã được bảy đời. Ông Cổ lại phát tâm phóng sanh

đến một trăm vạn sanh mạng. Ông đến Giang Tây tham cứu thiền lý với Hối Đường và Vương Kỳ hai vị đại Thiền sư. Sau khi trở về, ông trừ tác bộ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập để hoàng dương pháp môn Tịnh độ. Lúc rảnh, xâu chuỗi không rời tay. Trong lúc đi đứng nằm ngồi chuyên tâm niệm Phật không để xen hở. Và dưới đây là bài tựa bộ Tịnh Độ Bửu Châu Tập của ông viết:

“Tâm chúng sanh thanh tịnh thời Phật độ tịnh. Pháp tánh vốn vô sanh mà vẫn luôn sanh, có đức Phật Thế Tôn hiện tại đương thuyết pháp tại Cực Lạc thế giới hiệu là A Di Đà. Cõi ấy cảnh duyên sâu thẳm, nhân dân thọ mạng vô biên. Phật A Di Đà bi tâm rất sâu, nguyện lực rất lớn. Phật thường phóng quang minh chiếu khắp thập phương nhiếp thọ mọi loài. Cực Lạc thế giới tịnh diệu trang nghiêm bất khả tư nghị: lưới ngọc sáng đẹp giữa chừng không, cây vàng ngay hàng trên bảo địa, trong ao đầy nước bát công đức, hoa sen đủ màu tỏa đủ sắc quang minh, thiên nhạc trời ca cả ngày đêm, thiên hoa cúng dường khắp ức cõi. Chư Phật đồng tiếng ca tụng, Thánh phàm đua nhau cùng về. Chúng sanh trong tâm A Di Đà luôn luôn được nhiếp thọ, Tịnh độ trong tâm chúng sanh niệm niệm được vắng sanh. Thân gá hoa sen không rời vương tác, thần du cõi Tịnh há ngoài bốn tâm. Như gương sáng thấu hình vạn vật mà vẫn không có tới lui, dường trăng tròn in bóng nghìn sông nhưng vốn không lên xuống. Đối tượng cơ viên đốn thời đều là bậc Nhứt sanh bổ xứ, khai phương tiện quyền môn thời chia ra có chín phẩm thấp cao. Niệm lấy tự tánh A Di Đà bốn lai vô niệm, sanh duy tâm Cực Lạc chơn thiệt vô sanh. Giải thoát sanh tử, mười niệm cũng được đến bảo địa. Hội về thật tướng, nhị thừa rồi cũng chứng Bồ đề. Như thuyền lớn chở đá dầu nặng nhưng cũng được khỏi chìm, dường xuôi gió trương buồm lướt sóng mà mau qua đến bến. Hễ tỏ ngộ thời Tịnh độ không phải xa không phải gần, còn mê mờ thời chính gần mà thành xa.

Than ôi! Những kẻ ít học chướng nhiều, nghĩ sâu trí cạn, chê pháp môn Tịnh độ là quyền tiểu, đó là chê cả Mã Minh và Long Thọ là chưa phải, báng Thiên Thai cùng Trí Giác là chẳng thông. Cũng là chẳng chịu tự tin rằng mình sẽ được thọ ký Vô thượng Bồ đề chẳng bằng lòng sanh liền vào nhà của Phật. Ôi! Chim trong lồng, cá trong chậu, mà vẫn ung dung nhảy lội vui chơi. Mạng người như ngựa chạy qua cửa sổ, như đèn để trước gió mà vẫn tưởng là lâu dài! Khi còn thời sống luống, lúc chết phải sa đọa. Đâu ngờ rằng Tịnh độ chính miệng đức Đại Hùng tán thán, lời vàng cặn kẽ dạy khuyên. Y theo mà hành thời trong giây phút đã làm bạn với Thánh Hiền, nội chốc lát đã đủ tướng hảo. Dứt hẳn ngũ trược ác báo, hưởng mãi quả đẹp thuần vui. Nếu là người bi nguyện nặng lòng thời tự tại vào tam đồ mà độ chúng. Pháp môn siêu thắng dường ấy mà không biết không tu, thật là kẻ đáng thương đáng xót”.

Triều vua Huy Tông nhà Tống, ông lãnh chức Hộ bộ thị lang, không bao lâu ông an lành vui vẻ mà tạ thế.

Có ông cao Tăng nhập định thần du Tịnh độ, thấy Vương Cổ và Cát Phiền ngồi trên tòa sen báu.

Ông Phiền người Trùng Giang, quan chức Triều tán Đại phu, nơi công thự cũng như tư gia, ông đều dọn tịnh thất thờ Phật. Một hôm đương lúc ông lễ niệm, xá lợi sáng chói từ trên không rớt xuống giữa bàn Phật. Về sau ông nhuốm bệnh, đoan tọa xoay mặt về hướng Tây niệm Phật mà mất.

II - CHUNG LY CÂN

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỳ)

Ông Chung Ly Cản người Cối Kê. Thân mẫu là Nhiệm phu nhon chuyên tu Tịnh độ, đến lúc lâm chung kêu ông mà dặn phải siêng niệm Phật. Từ ngày ấy, ông Cản hằng hái tu trì, mỗi ngày thực hành 20 điều thiện. Ít lúc sau, ông bỏ nhiệm

Triết Tây, gặp Từ Vân Sâm chủ giảng luận về yếu chỉ vãng sanh, công phu tu hành của ông càng thêm chuyên cần. Thuở sanh tiền Nhiệm phu nhơn có trở cốt tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, và hằng ngày bà thường bung đội trên đầu mà hành đạo. Sau khi bà vãng sanh, ông Cẩn chí thiết thờ tượng ấy. Một hôm, đương lúc ông lễ kính, giữa chặng mây của tượng Phật ấy bỗng trời ra hai hột Xá lợi.

Không bao lâu, ông bổ nhiệm Khai Phong phủ. Một ngày nọ, đương lúc nửa đêm, ông gọi người nhà bảo rằng: “Thái phu nhơn về cho tôi hay rằng giờ vãng sanh đã đến!”. Nói xong, ông liền ngồi kiết già mà qua đời. Trước đây một ngày, cả nhà đồng chiêm bao thấy ông Cẩn ngồi trên tòa sen xanh, thiên nhạc du dương, bay trên hư không mà đi về hướng Tây.

Ông Cảnh Dung, con trai ông Cẩn, quan chức Triều Thanh Đại Phu, thường ngày tụng *Quán Vô Lượng Thọ Phật* kinh và tu niệm Phật tam muội. Ông từ quan, cất am tranh bên vườn để làm chỗ tịnh tu. Ông từng nói “Đặng biết Di Đà, thời A Di Đà! A Di Đà! Chẳng biết Di Đà, thời biết làm sao! Biết làm sao! Chẳng biết Di Đà thời Di Đà ở ngoài Tây phương. Còn biết đặng Di Đà thời Di Đà chỉ tại trong nhà ta”. Một hôm, ông thỉnh Sa môn Diệu Ứng tụng *Phổ Hiền Hạnh Nguyên* phẩm, ông thắp hương chăm chỉ nghe. Nghe kinh xong, ông bái từ rồi hai tay kiết ấn mà đi.

Ông Tòng, cháu ông Cẩn, cư ngụ Tô Châu, cùng chư danh đức cao tăng lập hội niệm Phật. Về sau, ông không bệnh, đoan tọa chấp tay hướng về Tây phương niệm Phật mà mất.

III - MÃ VU

(Trích ở bộ Lạc Ban Văn Loại)

Ông Mã Vu tự Trọng Ngọc, người Hiệp Phi. Thân phụ là Trung Túc Công Mã Lượng, lúc làm Thái thú ở Hàng Châu,

được Từ Vân Sám Chủ truyền cho Pháp môn Tịnh độ nên toàn thể gia quyến đều phụng Phật.

Năm Nguyên Phong, ông Mã Vu gặp Sa môn Quảng Sơ tặng cho tập “Thập Nghi Luận”. Ông mừng lắm nói: “Nay tôi đã biết chỗ về!”. Từ đó ông y theo pháp thập niệm hồi hướng của Từ Vân Sám Chủ mà thực hành hơn 20 năm. Về sau ông cùng ông Vương Cổ qua lại với nhau, công phu niệm Phật của ông càng thêm phần tinh tấn. Ông thích lấy việc phóng sanh làm Phật sự. Khi làm quan ở Tuy Xuyên cùng Tân Định, ông đều dùng ân đức mà cai trị dân. Mỗi ngày, ông định thời khóa tụng kinh niệm Phật cùng quán tưởng Tây phương.

Thuở ấy, kinh Vương phư nhơn thần du Liên Trì, thấy hai người ngồi trên tòa sen lớn, người dẫn đạo bảo là ông Dương Kiệt với Mã Vu. Lúc đó Dương Kiệt đã vãng sanh, Mã Vu vẫn còn tại thế.

Năm Sùng Ninh nguyên niên, ông Vu nhuốm bệnh, tự biết trước ngày giờ, ông tắm rửa thay y phục, ngồi kiết già hướng về Tây phương niệm Phật mà đi. Giờ ông Vu mất có khói thơm kết lại như cây lọng xanh từ phòng ông bay bổng lên cao. Sau đó vài ngày trong nhà có hơn mười người đồng chiêm bao thấy ông Vu về mách rằng: “Tôi đã được vãng sanh bậc Thượng phẩm”.

Mùa Thu năm ấy, đưa tứ gái của ông niệm Phật mà mất.

Ông Vĩnh Dật con trai ông Vu, chuyên chí tu thập niệm và tập thập lục quán hơn 30 năm. Ngày có bệnh, ông Dật thấy Phật A Di Đà và Quan Âm, Thế Chí cùng Thánh chúng đến tiếp dẫn, ông liền đọa tọa kiết ấn niệm Phật mà qua đời. Lúc đó hơi thơm lạ khắp nhà. Khi đã liệm, trên linh cữu mọc hoa đẹp ngũ sắc và chói sáng.

IV - GIANG CÔNG VỌNG

(Trích: Tống Sử, Lạc Ban Văn Loại, Pháp Kim Thang)

Ông Giang Công Vọng tự Dân Biểu, người Nghiêm Châu. Năm Kiến Trung nhà Tống, ông đỗ Tiến sĩ, phong chức Tả Tư Gián. Khi ông Thái Trung nhiếp chánh, ghét các quan ngôn sự, bèn cho ông Vọng qua trấn thủ An Nam.

Ông Vọng cùng vợ là Du thị hằng ngày ăn chay, thọ Bát quan trai, tu niệm Phật tam muội, ông có soạn bài Niệm Phật phương tiện. Dưới đây là lược trích một đoạn ấy:

“Các pháp thế gian và xuất thế gian, muốn ít tốn công, mà chóng thành tựu, không gì bằng cột tâm vào một việc. Như xưng niệm Phật A Di Đà có phương tiện rất hay: không cần động đến môi miệng, dùng chót lưỡi nhẹ nhẹ động nơi răng, tâm niệm ứng theo tiếng Phật rành rẽ rõ ràng. Tiếng không lọt ra ngoài, tánh nghe xoay vào trong. Tâm ấn nơi lưỡi, lưỡi gọi tâm niệm. Từ nơi nghe mà quán lấy tâm, tâm trở lại nghe lấy tự tánh. Tiếng Phật, tâm nghe, tự tánh, cả ba dung hội nhau thời niệm niệm viên thông. Lâu lâu tự thành duy tâm thức quán. Nếu là hạng người lợi căn, thời niệm niệm bất sanh, tâm tâm vô sở, các căn vắng bật, hình thức tiêu trừ, pháp pháp toàn chơn, môn môn tuyệt đối, bỗng chốc bèn thành “chơn như thật quán”. Còn người hạng sơ cơ nhứt tâm chuyên niệm hiệu Phật, nhẫn đến lúc lãng xăng công việc, cũng giữ chánh niệm không cho gián đoạn, đồng thời nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối liền, không ngoài tuần tháng quyết tự thành chánh định. Kinh nói: “Tự tâm làm Phật, tự tâm là Phật. Tự tâm thấy Phật. Chính là đó...!”

Người con trai ông chết, mách mộng với người cậu, nhờ thay lời cầu ông đến chùa Thiên Ninh vì mình mà tụng kinh *Bửu Tích* để được siêu độ và nói: “Thấy nơi u minh có tấm bia vàng để rằng: “Ông Giang Công Vọng thân lãnh quan tước mà chí mộ xuất trần, siêng lo tu hành tâm không ái nhiễm. Lúc động lúc tịnh đều không trái Phật pháp. Khi nói khi nín đều hiệp đạo mầu. Tên họ thoát ngoài u đồ, chắc chắn sẽ về Tịnh độ”.

Ít lúc sau, ông Vọng được lệnh vua triệu về nước. Một hôm ông không bệnh, an nhiên vui vẻ mà từ trần.

V - TRẦN QUYỀN

(Trích ở những bộ Đông Đô Sự Lược, Phật Tổ Thống Kỳ, Lý Trung Định Tập)

Ông Trần Quyền tự Vĩnh Trung, người Nam Kiếm Châu. Triều vua Huy Tông nhà Tống, ông ở chức Tả Tư Giám, vì lời ngay trái tai mà phải bỏ làm quan ở tỉnh ngoài.

Ông Quyền vốn thích kinh *Hoa Nghiêm*, tự hiệu là Hoa Nghiêm cư sĩ. Khi được gặp Minh Trí Pháp sư, ông hạch hỏi tông chỉ Thiên Thai. Minh Trí Pháp sư đem môn chỉ quán bất tư nghị cảnh, dùng tánh đoạt tu thành vô tác hạnh mà giảng giải cho. Ông Quyền liền thâm nhập. Từ đó ông bỏ hẳn văn chương chuyên tu niệm Phật tam muội. Ông từng viết bài tựa bộ *Tịnh Độ Thập Nghi Luận* của Trí Giả Đại sư:

“Tâm người vô thường, pháp cũng vô định. Tâm và pháp muôn vàn sai khác chính bởi tại đây. Tin đây thời tin khắp cả, nên Hoa Nghiêm nói Thập tín. Nghi đây thời nghi tất cả. Tổ Trí Giả vì thế mà giảng Thập nghi. Ra khỏi lưới nghi mà vào trọn nơi tín, thời chẳng rời chỗ này liền đặng cứu cánh. Tịnh Độ là nơi cứu cánh đây. Nơi ấy có đức Giáo Chủ hiện đương thuyết pháp hiệu Vô Lượng Thọ Phật. Đức Phật ấy thuyết pháp chưa từng gián đoạn. Vì nghi làm chướng tai mình nên tự điếc mà không nghe. Vì nghi lấy tâm mình nên tự mê muội mà không hay biết. Vì không nghe không biết nên chấp cứng thói quen ô trược, rồi vọng cho thác chất hoa sen là dối bịa, mà trọn không chịu tự xét tẩm thân máu thịt hiện tại đây từ đâu mà có? Từ đâu mà đến?

Tất cả từ nơi thai ngục. Thai ngục uestrợc ấy có chút gì là chơn thật! Do vì dựa theo nghiệp thức nên tự cách bản

chơn, ở trong một huyễn cảnh mà lại chấp đây chê kia, đòi đòi say mê, tuyệt hẳn Thánh lộ. Vì thế nên đức Bồ sư Thích Ca Như Lai sanh lòng từ mẫn, đứng giữa cõi trước ướ lên tiếng to kêu gọi: Tán thán sự thanh tịnh an vui của cõi Tịnh độ. Ngài là vị đại Đạo sư ở bên sanh tử dùng pháp thuyền chở chúng sanh qua đến bờ Tịnh độ. Nhưng bờ thanh tịnh của đức Từ Phụ A Di Đà vốn không phân bỉ thử, thuyền Chánh pháp của Bồ sư Thích Ca thiết chẳng có lại qua. Ví như lồng đèn tám mặt, một ngọn đèn mà chia chiếu tám phương, mặt gương có Đông và Tây, mà ánh sáng vẫn là một. Đức A Di Đà thuyết pháp vốn khắp trong ánh sáng, vì muốn có chỗ chuyên chủ nên đức Thích Ca chỉ một mặt Tây. Cho nên người đã được đến bờ Tịnh Độ mới có thể bắt dứt bỉ thử, kẻ chưa nhập pháp giới làm gì quên được Đông Tây! Đối với pháp môn này nếu là người chưa đạt đến chỗ cứu cánh thời chớ có sanh lòng nê chấp, cũng đừng phân tích kia đây, chỉ nên chánh niệm tin chắc mà thôi. Đây chính là thâm ý của hai đức Giáo Chủ, mà cũng là chỗ quyết tin của Tổ Trí Giả vậy. Tin là mẹ của tất cả pháp lành, còn nghi là gốc của muôn vàn ác nghiệp. Nếu có thể thuận theo tin, đào gốc nghi, thời hạng người nghiệp chướng nặng nề trước kia, kẻ điếc liền hết điếc mà được nghe, người mê liền tỏ ngộ mà được biết chưa ra khỏi sanh tử sẽ được ra khỏi, chưa sanh Tịnh độ tất được vãng sanh. Thuận theo lời đức Bồ sư, mà đến ra mắt đức Từ Phụ rồi thể theo chí nguyện của Từ Phụ mà trở lại phụ trợ Bồ sư không rời Cực Lạc mà khắp đến mười phương ngôi an trên liên đài mà phân thân pháp giới. Từ khi hai đức Giáo Chủ lập pháp đến nay, những người đã được như thế nhiều như số cát sông Hằng, còn gì mà chẳng chịu tin, còn gì mà cứ nghi ngờ. Mình đã tin nên tìm phương chước dìu dắt mọi người cùng tin, đây chính là lòng bi mẫn của Tổ Trí Giả vậy”.

Về sau ông đến cát nhà ở Lô Sơn. Một hôm ông bảo người nhà rằng: “Năm trước mắc nhiều hoạn nạn, tôi chỉ sợ sự

chết làm gián đoạn công phu hành đạo. Đến nay thời vòng sống chết tôi đã được ra khỏi”. Dứt lời, ông Quyền đoan tọa an vui mà mất, thọ 65 tuổi.

VI - DAO ƯỚC

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Ông Dao Ước người Hồ Châu, thông kinh luận, chuyên chí Tây phương, Giác Hải Đại sư lập thành hội niệm Phật, chính nhờ ông Ước cổ xướng.

Một hôm ông Ước nói với Đại sư rằng: “Từ lâu tôi nhàm chán thân sống vô thường này, không còn mấy ngày nữa tôi sẽ về Cực Lạc. Xin Đại sư trợ niệm cho tôi!”. Giác Hải Đại sư liền mỗi ngày cùng ông Ước đồng thanh niệm hồng danh của Phật. Ít hôm sau, ông Ước đoan tọa mà từ trần. Đêm ấy Giác Hải Đại sư thấy ông Ước về mách rằng: “Tôi đã được vãng sanh Tịnh độ, đó là nhờ sức trợ niệm của Đại sư”. Đại sư nói: “Tôi muốn cùng đi với ông được không?”. Ông Ước đáp: “Tuổi thọ của Đại sư chưa mãn. Thầy Cảnh Ý ở trong chùa sẽ được về trước”.

Sư Cảnh Ý là một hội viên của hội niệm Phật. Cách tháng sau, sư Cảnh Ý tự biết giờ trước, vui vẻ niệm Phật mà tịch.

VII - LÂU MÂN

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Ông Lâu Mân người Minh Châu, anh ruột là ông Bửu Châu thường rước chư Sư Tăng về nhà để cùng đàm luận, mỗi lúc như vậy, ông Mân ở một bên chăm chỉ lắng nghe. Do đó nên đối với Phật pháp, lòng tin mộ của ông càng ngày càng thêm sâu.

Năm 22 tuổi mang bệnh nặng, ông nguyện quyết về Tịnh độ, thưa với cha mẹ rằng: “Nếu con được sanh về Cực Lạc để

được thấy Phật nghe pháp thời có gì quý bằng”. Liền thỉnh chư tăng đến nhà tụng *Quán Vô Lượng Thọ Phật* kinh. Ông Mân xin dọn bàn thiết tượng đối với giường bệnh để ông chiêm ngưỡng, rồi ông chăm nhìn tượng Phật mắt không hề rời. Vài giờ sau, mặt ông bỗng hiện vẻ vui mừng mà nói rằng: “Tôi đã được ở Cực Lạc!”. Rồi ông xoay mặt về hướng Tây, xướng hồng danh của Phật mà mất.

VIII - VƯƠNG NHỰT HƯU

(Trích: Lạc Ban Văn Loại, Long Thơ Tịnh Độ)

Ông Vương Nhựt Hưu tự Hư Trung, người Lô Châu. Triều vua Cao Tông nhà Tống, ông đỗ Tiến sĩ không chịu làm quan. Ông học rộng, quán thông cả kinh sử. Dạy truyền Nho đạo, Lục kinh, Luận ngữ, Mạnh Tử.

Được ít lâu, một ngày nọ ông bỏ cả thế pháp, chỉ chuyên tu niệm Phật, mặc vải thô, ăn chay. Mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy.

Ông có soạn bộ Long Thơ Tịnh Độ trong đó đem pháp môn Tịnh độ khuyến dẫn trên từ vua, quan, sĩ đại phu, dưới đến hàng tôi tớ, ăn mày, hàng thị. Văn dễ lời cạn, rất rõ rất thiết, như lời phụ huynh khuyên dạy con em. Đọc đến dễ cảm dễ hiểu.

Mỗi sáng sớm ông lễ Phật chúc nguyện rằng: “Đệ tử kính vì tất cả chúng sanh trong pháp giới mà thấp hương đánh lễ thập phương chư Phật, tôn Pháp, Bồ tát, Hiền Thánh Tăng, xin cho được thanh tịnh tất cả thiện nguyện tế độ tất cả chúng sanh. Đến khi mạng chung liền sanh Cực Lạc, thấy Phật nghe pháp chúng Vô sanh nhẫn, đủ lực thần thông, rồi trở lại cõi trước này giáo hóa chúng sanh, lần lần làm cho chốn Diêm Phù này, nhẫn đến cõi Ta bà và thập phương vô lượng thế giới, đều thành thanh tịnh Cực Lạc thế giới”.

Ông lại nguyện rằng: “Đệ tử Nhựt Hưu kính vì tất cả mọi loài, niệm Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật 108 biến để chúng vô thượng thiện căn. Niệm Nam mô A Di Đà Phật 108 câu để kết vô thượng thiện duyên. Nguyện tất cả mọi loài đều được đơm nhuần ơn đức của Phật. Cùng thương nhau yêu nhau, chẳng tranh giết lẫn nhau, chẳng lấn hiếp chẳng ăn nuốt nhau. Đồng tấn tu Phật pháp, đồng thoát ly khổ hải, đồng siêu sanh Tịnh độ”.

Ông lại nguyện rằng: “Đệ tử Nhựt Hưu túc nghiệp sâu nặng xin vì những chúng sanh bị con giết ngày trước, bị con ăn ngày trước, nhân đến tất cả sanh vật bị giết bị ăn trong cõi này, mỗi ngày niệm Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới tam thập lục vạn ức nhưt thập nhưt vạn cử thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu A Di Đà Phật 120 biến. Ngưỡng mong Như Lai bủa lòng đại từ bi, độ tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc thế giới”.

Niên hiệu Càn Đạo, tháng Giêng năm Quý Tỵ, ông Lý Ngạn Bất ở Lô Lăng cho mấy người con trai đến thọ giáo với ông Nhựt Hưu. Mùng 5 tháng tư năm ấy, ông Bất có bệnh nặng. Đêm 19 tháng Tư, ông Bất mơ thấy một người tự xưng là Long Thơ cư sĩ bảo rằng: “Dậy ăn cháo trắng sẽ mạnh! Ông có nhớ Khuyết Trọng Nhã dạy cho ông con đường tu hành mau tắt đấy không?”. Ông Bất đáp: “Có! Mỗi ngày tôi niệm Phật luôn”. Sau khi thức dậy, ông Bất đòi cháo trắng ăn. Ăn xong bệnh liền lành.

Ít hôm sau, mấy người con của ông Bất trở về nhà thuật lại rằng: “Ông Nhựt Hưu đã tạ thế từ tháng trước. Ba ngày trước khi chết, ông ấy đi từ biệt khắp tất cả thân hữu nói rằng mình sắp đi xa, khuyên nhắc mọi người gắng tinh tấn niệm Phật, đồng thời ông ấy hẹn ngày đi. Đến kỳ, ông ấy vẫn giảng sách cho học trò học, cùng lễ Phật tụng niệm như thường ngày. Đến canh ba, ông bỗng to tiếng niệm ba lần Nam mô A

Di Đà Phật, rồi nói lớn rằng: “Phật đã đến rước tôi!”. Dứt lời ông ấy vẫn đứng ngay thẳng trước bàn Phật, chấp tay mà vãng sanh”. Thuật xong, mấy người con lại trao ra bức chân dung của ông Nhựt Hưu. Ông Bật xem chân dung ấy giống hệt người mà ông đã thấy trong giấc mộng đêm hôm trước. Cảm động, ông Bật bèn khắc tượng ông Hưu và thuật việc mình với mọi người. Do đó nên nhiều người ở Lô Lăng kính thờ tượng ông Hưu tại nhà.

Năm Hàm Hựu, ông Lữ Mông Ích khắc bản bộ Long Thơ Tịnh Độ. Thơ khắc đến thiên Chúc nguyện, trong gỗ có vật cứng chạm lưỡi đục, cạy ra được ba viên ngọc xá lợi để ở thiên đầu.

IX - DIÊM BAN VINH

(Trích ở tập Lạc Ban Văn Loại)

Ông Diêm Ban Vinh người Thang Dương, năm ba mươi ngoài tuổi, gặp một Sư Tăng khuyển tu Tịnh độ trì chú vãng sanh, ông liền ăn chay trường, mỗi ngày hướng về Tây phương tụng chú một nghìn biến. Ông dốc suất cả gia quyến của ông đồng thanh cùng tụng. Tu tập như vậy được hai mươi năm.

Triều Tống năm Thiệu Hy nguyên niên, ngày mùng một tháng Giêng, ông đọc kinh *Đại Niết Bàn*, than rằng: “Nhơn sanh như mộng huyễn thôi. Ta còn quyến luyến gì nữa!”. Ngày mùng một tháng Ba, có mùi hương lạ ngào ngạt cả nhà trọn ngày mới tan. Đêm ấy con trai ông mơ thấy đức Phật A Di Đà phóng quang minh chiếu khắp nhà cửa và nhà cửa đều biến thành màu huỳnh kim. Năm ngày sau, sáng sớm, ông Vinh khóa tụng như thường. Tụng niệm xong, ông xoay lại bảo quyến thuộc rằng: “Hôm nay tôi đi về, cẩn thận chớ làm rầy!”. Rồi ông xoay mặt về hướng Tây ngồi kiết già nhắm

mắt. Đến cuối giờ ngộ, ông vụt nói: “Tôi đi!”. Ông liền đứng dậy đi vài bước, giơ tay kiết ấn mỉm cười đứng yên rồi mất.

X - NGÔ KHẮC KỶ

(Trích: *Phật Tổ Thống Kỷ, Lạc Ban Văn Loại*)

Ông Ngô Khắc Kỷ hiệu Khải Am cư sĩ, ngụ ở Phủ Giang. Ông bị đau mắt lâu ngày mà không lành, xốn nhức khó chịu. Có người khuyên ông nên trì niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ tát. Ông nghe lời, không bao lâu mắt được lành. Từ đó ông tin hướng Phật pháp.

Một lúc nọ, ông đọc kinh *Thủ Lăng Nghiêm* đến đoạn “cả hư không sanh trong tâm như chút mây điểm giữa trời”, tâm trí ông bỗng mở thông. Kế ông tiếp đọc bộ *Tông Cảnh Lục*, lâu lâu bèn được ngộ nhập. Ông soạn bộ *Pháp Hoa Khu Kiện* hồi hướng công đức nguyện sanh Cực Lạc thế giới. Ông từng nói: “Không đọc kinh *Pháp Hoa*, không do đâu rõ thấu diệu pháp vốn sẵn đủ nơi tâm ta. Còn chẳng sanh Cực Lạc thì chẳng thể chứng được diệu pháp vốn sẵn đủ nơi tâm mình. Đức Như Lai cận kề dạy bảo, tổ Trí Giả tha thiết hoằng truyền. Lòng từ mẫn của Phật cùng Tổ vẫn đồng một mục đích”.

Năm Càn Đạo, ông qua ngụ Tô Châu, cùng với Thiệt Công Đại sư lập hội niệm Phật. Ông bảo với thợ họa đồ Thập pháp giới và Tây phương cửu phẩm ở hai bên điện. Bức Thập pháp giới để tiêu biểu ý nghĩa vạn pháp duy tâm. Bức Cửu phẩm để chỉ con đường giải thoát mau tất. Ông Chung Ly Tông, một hội hữu, làm lời ký.

Năm Gia Định thứ 7, ông Ký tạ thế tại Bửu Tích Sơn thọ 75 tuổi. Có lời trời nên làm lễ trà tỳ theo pháp của chư Tăng.

XI - MAI PHƯỚC

(Trích ở bộ *Phật Tổ Thống Kỷ*)

Ông Mai Phước người Tòng Giang, thường ngày trai giới tụng kinh, chú tâm nơi Tịnh độ. Khi lâm chung biết ngày giờ trước, ông chuyên xưng Đại Thế Chí Bồ tát. Đến ngày thứ 7, ông tự tắm rửa thay y phục, rồi đoan tọa mà nói với mọi người rằng: “Đức Đại Thế Chí Bồ tát đến rước tôi về Cực Lạc!”. Dứt lời, ngồi yên mà mất.

XII - VƯƠNG CỬU LIÊN

(Trích ở tập Lang Hoàn Ký)

Ông Vương Cửu Liên, người triều Nguyên, siêng tu tịnh nghiệp, y theo kinh mà tập quán tướng. Nhưng mỗi khi ông mơ thấy Phật đều là hình tượng chớ không phải Phật thiệt. Ông đem việc ấy hỏi Tịch Công Đại sư. Tịch Công bảo: “Việc ấy rất dễ. Ông còn nhớ rõ dung mạo của thân phụ ông chăng?”. Cửu Liên thưa: “Nhớ!”. Tịch Công lại hỏi: “Lúc ông chiêm bao thấy thân phụ ông khác với hồi còn sống không?”. Cửu Liên thưa: “Không khác!”. Tịch Công giảng giải: “Phật vốn vô tướng, như nơi tâm niệm mà thành tướng. Ông muốn thấy Phật thì nên tưởng thân phụ ông là Phật A Di Đà, tướng giữa chạng mày thành tướng bạch hào, tướng mặt thành sắc chơn kim, tướng ông ấy ngồi trên tòa sen báu. Tập như vậy lâu lâu quán tưởng sẽ thành, rồi lần lần thấy thân ông ấy càng ngày càng cao lớn khắp cả hư không thời là được thấy Phật thiệt”.

Ông Cửu Liên liền y theo lời của Tịch Công đã chỉ dạy đó mà tu tập, từ đó về sau, mỗi khi mơ thấy cha, ông liền tưởng là thấy đức Phật A Di Đà. Ít lâu cha ông dấy ông ngồi trên tòa sen rồi thuyết pháp cho. Cửu Liên nghe pháp, tâm được khai ngộ, từ đó công hạnh tu hành của ông càng thêm chuyên cần.

Ông Mã Sanh, một người bạn cũ của cha ông Liên, đi xa về đến thăm ông Liên mà thuật lại rằng: “Cách tháng trước đây tôi mang bệnh nặng chết, bị bắt dẫn đến địa ngục. Giữa

lúc kinh hoàng, bỗng có ánh sáng vàng chiếu đến trên mình tôi. Trong ánh sáng hiện một người ngồi trên tòa sen kêu tên tôi. Tôi nhìn kỹ thì ra là thân phụ của cháu. Ông ấy bảo người đưa tôi về, nhờ đó tôi mới được sống lại. Chẳng biết thân phụ của cháu thừa sanh tiền tu hành thế nào mà được đến bậc ấy?”. Cửu Liên bèn thuật việc mình quán tưởng theo lời dạy của Tịch Công. Ông Mã Sanh nghe xong, cảm động lắm, liền lập nguyện, bắt đầu ngày đó nhứt tâm chuyên tu tịnh nghiệp.

XIII - MÃ VINH TỔ

(Trích ở các bộ Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cú Thơ Chứng, Nhiễm Hương Tập)

Ông Mã Vinh Tổ người Tú Thủy (Triết Giang) năm ba mươi tuổi mang bệnh lạc huyết. Năm năm sau bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền ọa mửa. Sư Tường Phong, người đồng hương, lúc chưa xuất gia cùng ông Vinh Tổ quen biết nhau. Năm ấy sư về thăm làng. Vinh Tổ thấy cử chỉ ngôn ngữ của sư bèn sanh lòng kính mộ mới hỏi phương chữa bệnh. Sư Tường Phong bảo: “Bệnh của anh thuốc men không thể chữa lành được. Nếu anh có thể vất bỏ tất cả việc đời, chỉ chuyên lòng tưởng Phật niệm Phật. Lâu ngày công sâu, vô minh dứt hẳn, bệnh nặng sanh tử từ vô lượng kiếp tới nay liền đặng giải thoát, thời còn có bệnh hoạn gì mà phải lo phải sợ ư!”. Ông Vinh Tổ tỉnh ngộ. Từ đó ông trường trai tu tịnh nghiệp, không bao lâu mà bệnh lành. Trước ngày phát tâm, ông mơ thấy trên hư không hiện vô số chữ “thọ” chiếu sáng rực rỡ. Đến khi đọc kinh, thấy câu: “Đức Phật A Di Đà hiệu là Phật Vô Lượng Thọ, cũng hiệu là Phật Vô Lượng Quang”. Rất hiệp với cảnh chiêm bao. Ông mừng lắm, tự cho rằng mình có duyên với Phật. Rồi ông đi thọ Tam quy y và Ngũ giới. Ông định thời khóa mỗi ngày niệm ba vạn câu hiệu Phật, tụng một biến kinh

A Di Đà, một biển kinh Kim Cang, và đoạn tọa quán tướng. Thỉnh thoảng, ông mời các đạo hữu họp nhau ngày đêm niệm danh hiệu Phật.

Tháng giêng năm 48 tuổi, ông từ Tô Châu về nhà, qua tháng sau thời nằm bệnh. Mừng một tháng ba, ông bảo người nhà rằng: “Tôi từ năm 35 tuổi phát Bồ đề tâm, chỉ cầu trang nghiêm Tịnh độ lợi ích quần sanh. Dầu cho tước công hầu ở đời cũng xem như dép rách. Hiện nay dầu bệnh khổ nơi thân, nhưng trong tâm vẫn an vui không chút xao động. Ngõ hầu lúc lâm chung chánh niệm vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới!”. Có người hỏi: “Gia nghiệp không được dư dả, ông đi những người ở lại làm sao?”. Ông đáp: “Mỗi người tự có phần nấy chẳng phải chỗ tôi lo đến được”. Chiều ngày 18, ông nói: “Sáng mai cần phải đại sám hối”. Sáng sớm ông gượng bệnh thay áo lễ Phật, rồi đoạn tọa xoay mặt về Tây phương tụng hiệu Phật hai trăm câu, và bài văn phát nguyện của Tổ Vân Khê (Khê thủ Tây phương An Lạc quốc v.v...) tàn một cây nhang mới đi nghỉ. Ngày 21, ông nói: “Đức Phật và hai vị Đại sĩ đến thuyết pháp cho tôi nghe. Tôi luôn được ở trong quang minh của Phật”. Ngày 22 ông nói: “Quan Thế Âm Bồ tát đem tịnh thủy tắm cho tôi, rửa sạch hoặc nghiệp của tôi. Thân tâm tôi bây giờ mát mẻ lắm, vui thích không thể tả được!”. Chiều lại có người bạn thân là ông Trần Hồng Điều đến thăm hỏi: “Anh có niệm Phật không?”. Ông đáp: “Có!”. Ông Điều bảo: “Chẳng nên trước tướng!”. Ông đáp: “Tức tâm tức Phật, nào có trước tướng!”. Ngày 29, vừa đến Ngọ trưa, ông nói với mọi người rằng: “Đức Phật đến rước tôi!”. Rồi ông nằm nghiêng qua phía hữu, liền tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật mà qua đời. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 56, ngày 29 tháng Ba.

Lúc đó Tường Phong Hòa thượng đương kiết thất ở Văn Tinh Các (Tô Châu), tu niệm Phật tam muội. Mùa Đông năm ấy, một đêm nọ, ngài mơ thấy ba người dung nghi cao lớn oai

nghiêm, đầu có vàng sáng tròn, đồng đi thẳng vào thất ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Nam. Ngài Tường Phong làm lễ xong, thưa rằng: “Ba vị Đại đức ở đâu quang lâm đến tề thất?”. Người ngồi giữa đáp: “Chúng tôi ở Tây phương đến!”. Ngài thưa: “Có phải là người trong nước Cự Lạc của Đức A Di Đà Phật chăng?”. Đáp: “Phải đấy!”. Ngài thưa: “Dám hỏi quý vị Đại đức quý danh là chi?”. Ba người đồng thanh hỏi lại: “Ông tên chi?”. Ngài Tường Phong thưa: “Đệ tử pháp danh là Đạt Văn”. Người ngồi giữa nói: “Ông vọng ngữ rồi”. Ngài thưa: “Đệ tử thưa thiệt chớ chẳng phải nói dối”. Người ngồi giữa hỏi: “Ông tên chi?”. Ngài thưa: “Đệ tử pháp danh là Đạt Văn”. Người ngồi giữa nói: “Lại vọng ngữ nữa”. Ngài thưa: “Chẳng phải đệ tử nói dối, có sao Đại đức lại cho là đệ tử vọng ngữ?”. Người ngồi giữa bảo: “Tất cả chúng sanh cho vọng là chơn, chấp giả làm thiệt, vì thế mà phải bị luân hồi sanh tử. Nếu là người có trí rõ thấu là vọng là giả, liền không sanh tử. Ông chớ có mê mờ mà quên mất cả chơn tâm của ông. Phải biết rằng chơn tâm không tâm, chơn tri không tri. Giác tri là ma. Nơi Phật vốn không tri giác. Ông phải tin lấy chớ có nghi ngờ!”. Vừa nghe xong, ngài Tường Phong liền tỏ ngộ, tâm trí rộng suốt, thấu bản chơn tâm. Ngài bèn thưa: “Lời dạy của Đại đức chính là Phật pháp bất khả tư nghị. Dám thưa Đại đức, Đại đức đã từ nước Cự Lạc đến đây, chẳng biết có từng thấy đức Phật A Di Đà chăng?”. Người ngồi bên tả nói: “Ông phải tự mình thấy Phật mới được”. Ba người đồng đứng dậy. Mỗi người vỗ trên đầu ngài Tường Phong một cái mà nói kệ rằng:

Người thứ nhứt:

Phải gắng siêng tinh tấn

Tu các nghiệp thanh tịnh

Nhơn chắc thời quả thiệt

Chớ ôm lòng nghi ngờ.

Người thứ hai:

Các pháp từ tâm sanh
 Các pháp từ tâm diệt
 Tâm, pháp bốn lai không
 Thủ xả bất khả đắc.

Người thứ ba:

Sanh Phật, tâm, pháp đồng
 Ví như cảnh trong mộng
 Như huyễn tam ma đề
 Ông đã hiểu đôi phần!

Ba người nói kệ vừa dứt, thoát thấy ông Mã Vinh Tổ nghiêm chỉnh oai nghi đánh lễ ba vị ấy. Ba vị liền xẹt lên hư không bay về hướng Tây. Đồng thời nghe tiếng nhạc du dương, tiếng niệm Phật khắp trời.

Ông Mã Vinh Tổ lại xoay về phía ngài Tường Phong cúi đầu lễ ba lay rồi nói: “Nhờ thầy khuyên tôi quy y Tam Bảo chuyên tu tịnh nghiệp. Nay tôi đã sanh về Tịnh Độ hưởng đại an lạc, nên tôi thỉnh ba vị Đại sĩ đến đây diễn pháp mầu để báo ơn thầy”. Nói xong, ông Mã Vinh Tổ lễ ngài ba lay nữa, rồi chấp tay niệm Phật bay về hướng Tây. Vừa lúc tiếng hồng chung khuya vang động, ngài vụt choàng tỉnh dậy. Rạng ngày, Hòa thượng Tường Phong chép lại các việc đã nghe trong đêm qua thành thiên Mộng ký.

Về sau ngài Tường Phong ẩn tu nơi chùa Phước Thành ở Lữ Giang, lúc lâm chung biết ngày giờ trước, đoan tọa niệm Phật mà thị tịch.

XIV - LỤC SĨ THUYỀN

(Trích ở các bộ Nhất Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cú Thơ Chứng)

Ông Lục Sĩ Thuyên người Tô Châu, nhơn dự lễ Lương Hoàng Sám để cầu cho bạn lành bệnh, mà ông phát tâm tu Phật. Ông qua Thiên Ninh am thọ Bồ tát giới. Vừa gặp lúc Tịch Căn Bồ tát từ Cực Lạc đến giáng thân nơi Ngọc Đàn giảng dạy pháp môn niệm Phật, khuyên người phải nghĩ đến luân hồi sanh tử nhưt tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới. Bồ tát thuyết pháp được 11 hội. Do đó những người dự hội mới bắt đầu biết hồi hướng Tịnh độ. Ông Sĩ Thuyên cũng chuyên tâm quán tưởng cùng tụng kinh *Phổ Hiền*. Ông trường trai được hai năm, kè mang bệnh, kém ăn, ông bèn khai giới thực nhục (tức là ăn mặn). Bệnh càng ngày thêm nặng, tự biết sắp chết, ông rất ăn năn hổ thẹn, liền dứt hẳn cá thịt, miệng không ngót niệm Phật A Di Đà. Ông căn dặn người con gái của ông phải ăn chay niệm Phật, khi ông mất không được khóc than. Bảy ngày sau, bệnh làm xung. Mắt ông ngó lên trên không như có thấy những chi, miệng thời nói: “Bạch liên! Bạch hạc! Chư thượng thiện nhơn!”. Ông lại luôn miệng nói: “Phật! Phật! Phật!”. Ông trở mình nằm nghiêng phía hữu mà đi. Bỗng có mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. Bấy giờ là ngày 18 tháng Năm, năm Càn Long thứ 52, ông được 39 tuổi.

Qua năm sau, ngày mùng một tháng Năm, ông Sĩ Thuyên giáng thân ở Ngọc Đàn bảo mọi người rằng: “Ngày trước tôi sắp phải đọa lạc. Nhờ lúc lâm chung chánh niệm kiên cố, nên may mắn được đức Phật đến tiếp dẫn vãng sanh Tây phương.

Tất cả người đời đều có một việc rất khẩn yếu, không một ai trốn tránh được, mà phần nhiều hay quên lãng đi, các ngài có rõ cùng chăng?

Hiện tiền đây, các ngài thân thể khỏe khoắn tinh thần khương kiện, nên các ngài nào có nghĩ đến ngày mai này sẽ phải bệnh nằm trên giường, hồn phách ly tán, không biện biệt Đông Tây, chẳng phân được Nam Bắc. Trước mắt mờ mịt, không vin níu đâu được, rồi tất phải theo nghiệp mà luân

chuyên, chịu không biết bao nhiêu là sự thống khổ. Chỉ riêng nơi người lúc bình thời chuyên tu Tịnh độ, đến giờ chết tự thấy Phật đến tiếp dẫn sanh trong hoa sen báu, thọ mạng vô lượng, hưởng thuần những điều vui, chứng bậc bất thoái chuyên, một mực tấn tu thẳng đến quả Phật. Nếu các ngài có lòng muốn lập chí nơi đây, tôi sẽ cùng các ngài luận về những quan điểm cốt yếu của môn Tịnh độ. Nghĩa là tôi muốn nói đến “Tin”, “Hạnh” và “Nguyện” vậy.

Một là lòng tin. Tin chắc Tây phương có Cực Lạc Tịnh Độ, như phía Tây của thành này có công viên dinh thự. Cõi Ta bà đây ở Đông phương, như xóm nhà phía Đông của thành này. Ta bà đã là thiệt có, Cực Lạc cũng là có thiệt. Cùng đồng ở trong Giác tánh viên minh, nên chuyên tưởng nhớ thời có thể về. Cũng như đồng ở trong thành, cất bước thời từ xóm nhà phía Đông tất đến được công viên phía Tây. Đã tin chắc Tịnh độ quyết định có thể về được, lại phải tin chắc pháp môn niệm Phật, như là tin những việc mặc áo quần cùng ăn cơm vậy. Mặc áo khỏi lạnh, ăn cơm khỏi đói, niệm Phật khỏi sanh tử. Ngày nay tin ngày mai không tin, chưa phải thiệt tin. Trọn đời mà thoát có một niệm ngờ cũng chưa phải thiệt tin. Bắt đầu từ ngày nay mãi đến hơi thở cuối cùng, luôn luôn tin chắc không một mảy may nghi ngờ, mới là thiệt tin.

Hai là công hạnh. Đã tin chắc có Tây phương Tịnh độ, đã tin chắc nơi pháp môn niệm Phật, nhưng nếu cứ nói suông khen luống, thời có ích gì đối với sự vãng sanh giải thoát! Cho nên hễ ngày nay tin, thời y giáo phụng hành liền nội ngày nay. Ngày mai tin thời thực hành liền trong ngày mai. Rất không nên nói: Tôi bây giờ còn trẻ, thủng thẳng chờ khi lớn tuổi rồi tu cũng chưa muộn. Hãy nhìn qua trên những khoảnh đất chôn người, bao nhiêu là mồ của kẻ đầu xanh! Bao nhiêu là mả của ai mạng ngắn! Đâu có thể chắc rằng ta sẽ được thọ trường! Cũng chẳng nên nói: Tôi bây giờ mắc bận lo việc nước, việc

nhà, việc cha mẹ, việc vợ con, chờ đến lúc rảnh rang sẽ chuyên lo tu trì cũng chẳng muộn. Nên biết vô thường mau chóng, một mai thân chết đưa liền vào cỏ, không có thể bảo với nó chờ cho tôi rảnh việc rồi sẽ đến! Lại có người lúc thời tu trì dững mãi, lúc thời giải đãi qua giờ. Phải biết rằng hàm dưỡng liên thai cần phải công phu miên mật. Như gà ấp trứng, luôn luôn cần phải cho hơi ấm tiếp tục mới có thể nở con. Nếu ngày nay ấp, ngày mai bỏ đi, tất trứng phải hư phải thối.

Ba là chí nguyện. Một chữ nguyện rất là khẩn yếu. Trong đời những người tin Phật niệm Phật chẳng phải là không đông, nhưng phần nhiều hoặc là cầu cho hiện đời được sang giàu sống lâu, hoặc là cầu phước thọ ở đời sau, cầu đặng thân trời thân người cho tạm khỏi khổ. Đó đều là những nguyện vọng trái với ý chỉ của Phật. Đức Phật hết lời bảo người mau ra khỏi sanh tử, mà người lại muốn vào sâu trong luân hồi. Đức Phật căn kẽ khuyên người cầu sanh Cực Lạc, mà người lại muốn ở mãi nơi Ta bà. Như thế thời một đời hành đạo, công phu trọn thả theo dòng. Ví như cày ruộng mà gieo hạt cỏ, công nhọc thời có mà kết quả trọn không. Vì thế, nên nếu là người đã có lòng thiết tin, phải lập tức thực hành chơn hạnh. Đã thực hành chơn hạnh, phải luôn phát chơn nguyện. Mãi đời sống thừa này, quyết định không sanh lên trời, không sanh nhơn gian, chỉ quyết định vãng sanh Tịnh độ. Lập chơn nguyện như vậy mà niệm Phật, mới là thuận với lời dạy của đức Phật. Mới không đến nỗi luống phí công phu, luống hao thì giờ. Các ngài nên cố gắng lấy! Các ngài nên tinh tấn lấy!”

Bốn năm sau, ông Sĩ Thuyên lại giảng thân một lần nữa nơi nhà ông Huỳnh Kính Phu để sách tấn chư hội hữu, lời lẽ rất thiết yếu.

XV - NGÔ NGHIÊU CHỨC

(Trích ở bộ Hiện Quả Tùy Lục)

Ông Nghiêu Chúc ở Tô Châu làm nghề đổ nến. Độc thân, trường trai, ngày đêm niệm Phật, ăn ở ngay thật. Vì ông có những điểm tốt ấy, nên các xưởng làm nến tranh nhau mướn ông. Trong khi làm mỗi lần đổ một gáo dầu vào khuôn, là ông niệm Phật năm ba câu.

Năm ông 71 tuổi, một hôm ông nói với chủ xưởng rằng: “Tôi có dành dụm được một số bạc, ý định để dưỡng già. Nay tôi niệm Phật đã thành công, vài ngày đây tôi sẽ vãng sanh Tịnh độ, không cần đến số tiền ấy, xin kính tặng lại ông”. Chủ xưởng hứa sẽ thay ông mà làm phước sự. Ông mừng lắm, dẫn chủ xưởng đến chỗ cất tiền đếm được một nghìn lượng bạc. Chủ xưởng liền chia ra đem dâng vào các chùa để trai tăng.

Đến ngày hẹn, ông đoan tọa chấp tay niệm Phật an nhiên mà mất. Ông có lời trời nên dùng khánh để liệm. Ngày làm lễ trà tỳ, người đến đưa ông cả trên số vạn. Bấy giờ là năm Sùng Trinh thứ bảy, triều Minh.

*

CHƯ TÍN NỮ

I - CHÚC THỊ

(Trích ở Viên Trung Lang Tập)

Chúc Thị dì của ba anh em Viên Hoàng Đạo. Nhon thường nghe ba cháu đàm luận về Phật pháp, Thị phát tâm chuyên cần niệm Phật và tụng kinh *Kim Cang*.

Một hôm, Thị bảo người nhà rằng: “Đức Phật A Di Đà dạy, sau ba ngày sẽ đến rước tôi!”. Đến kỳ, Thị tắm gội, ngồi ngay thẳng giữa nhà. Các thân quyến ngồi chung quanh Thị để xem chừng. Giây lát Thị tự nói: “Đức Phật đã đến! Giữa chạng mày phóng bạch hào quang dài chừng hai trượng”. Thị

lại nói: “Tôi thấy một ông Sư cao lớn tướng hảo trang nghiêm. Ông Sư ấy tự xưng là Tu Bồ Đề rồi hóa làm một trăm mấy mươi ông Sư”. Trong hàng thân quyến có người lên tiếng nói: “Trong kinh *Kim Cang* tất cả là 138 lần Tu Bồ Đề, phải chăng là đó ư!”. Mọi người thắp hương đồng thanh niệm Phật. Chúc Thị chấp tay mỉm cười mà mắt. Liền lúc đó, một đứa trẻ nhỏ 9 tuổi đương ngủ gật, bỗng nó la to rồi ôm mặt khóc. Hỏi có, nó nói: “Vừa rồi thấy hai người cao lớn mặc giáp vàng, tay cầm phan dài dẫn đường cho bà chủ đi. Cán phan quét nhằm mặt tôi đau quá!”. Mọi người dò xét coi, quả trên trán nó có dấu sừng bằm. Đến khi liệm, nơi thi hài của Thị phát mùi thơm lạ.

II - PHAN THỊ

(Trích ở Ngu Đức Viên Tập)

Phan Thị Quảng Đàm vợ của Công Bộ Chủ Sự Lý Dương Xuân ở Dur Hà. Dương Xuân người lành, thích bố thí, và mỗi ngày thường niệm Phật A Di Đà. Sau khi từ trần được một năm, ông hiện hình cho Phan Thị thấy rồi đi thẳng lên lầu mở cửa sổ gọi to rằng: “Phải tu hành! Phải tu hành!”.

Phan Thị thông Nho giáo, lúc đầu hay bác bẻ Phật pháp, nhưng rồi quy kính Vân Thê Liên Trì Đại sư, ăn chay trường, tập thiền định. Ban đêm Thị thường ngồi kiết già tới sáng, siêng niệm Phật và làm các việc từ thiện. Cho người vay mượn tiền, Thị đều không lấy lời mà cũng không đòi hỏi.

Mùa Đông năm Vạn Lịch thứ 39, Thị nhuốm bệnh. Đến tháng giêng sang năm, Thị tự biết không mạnh được bèn di chúc gia tài rồi bảo gia quyến rằng: “Tôi, ba đời trước là Phạm tăng. Nay tôi theo Quan Thế Âm Bồ tát về Tây phương”. Rồi Thị liền miêng niệm Phật không ngớt tiếng, co ba ngón tay mà qua đời. Đến khi liệm, cả mình mềm dịu nhẹ nhàng, sắc mặt tươi nhuận như hời còn sống.

III - NGÔ NỮ

(Trích ở Tục Vãng Sanh Tập)

Ngô Nữ, người Thái Thương. Khi sanh, cô ngồi kiết già mà lọt ra. Lớn lên cô quy kính Tam Bảo, ở với cha mẹ rất hiếu thảo. Cô không chịu lấy chồng, ai khuyên ép đến việc ấy, cô liền chỉ trời mà thề. Lúc đầu cô học chữ nghĩa nơi các anh các em, về sau cô đọc tụng kinh Phật đều hiểu thông đại ý. Sớm tối cô kính cẩn lễ Phật. Cô mơ thầy thần truyền cho chú Chuẩn Đề bằng chữ Phạn. Phàm có ai bị bệnh rét, cô viết chữ chú trị liền lành. Một hôm cô tự biết được đời trước. Cô nói: “Đời trước làm Cao Tăng triều Tống, đời nay sanh làm con gái nhà họ Ngô đây, mục đích là để diu dắt cha mẹ tu hành thôi. Đến năm 23 tuổi tôi sẽ thành đạo quả”.

Năm Sùng Trinh thứ 4, chính là năm 23 tuổi, cô kiết thất chuyên lo niệm Phật. Cuối mùa Đông năm ấy, cô nhuốm bệnh sơ sài. Cô viết kệ từ thế và tha thiết khuyên nhắc cha mẹ siêng năng tu trì đừng biếng trễ. Đến đúng Ngọ, cô nằm nghiêng bên hữu mà tạ thế. Khi sắp liệm hồng quang ánh sáng trên mặt cô. Bà mẹ sửa tóc cho cô, mùi thơm lạ từ đỉnh đầu cô bay ra thâu đến ngoài cửa cả đêm không tan. Quàn thây 4 năm, rồi làm lễ trà tỳ, xương trong sáng như ngọc, đỉnh đầu biến thành màu huỳnh kim. Cha mẹ cô bèn xây tháp để thờ.

IV - LƯ THỊ

(Trích ở bộ Linh Phong Tông Luận)

Lư Thị Trí Phước, vợ của Trình Quý Thanh ở Huy Châu. Quý Thanh vốn là một Phật tử tinh thông giáo lý, và nhiệt tâm đối với những việc phước thiện. Lư Thị luôn giúp đỡ chồng. Thị ăn chay trường, mỗi ngày niệm Phật một muôn câu. Thị tánh hiền từ, thương yêu kẻ dưới không bao giờ mắng tội tớ.

Năm Sùng Trinh thứ 5, có bệnh nặng, Thị thỉnh Cổ Đức Pháp sư truyền ngũ giới, và bạch hỏi yếu lý Tịnh độ. Sau khi được Pháp sư giảng giải, Thị nhứt tâm cầu về Cực Lạc thế giới. Ông Quý Thanh đặt hương án tại phòng bệnh tụng kinh *Hoa Nghiêm*. Đến phẩm *Nhập Pháp Giới*, ông giảng 53 đoạn tham tri thức của ngài Thiện Tài cho Thị nghe. Thị nghe đến đâu đều lãnh hội ý nghĩa đến đây. Tụng kinh xong, ông Quý Thanh lại sách tấn: “Trăm kiếp nghìn đời tại một phen này. Gắng sức về Tịnh độ chớ dụ dục!”. Thị bèn to tiếng niệm Phật cả ngày liền đêm luôn đến nửa tháng. Mẹ ruột và con gái đến thăm, Thị tạ lỗi mà xin lui ra và bảo: “Xin đừng làm động tâm tôi!”.

Ngày mùng 8 tháng 11, thoát thấy hoa sen hiện ra trước mặt, trên không Hóa Phật đưa tay, Thị mừng lắm lật đặt tấm gối, chấp tay xoay mặt về hướng Tây, niệm Phật liền miệng, rồi nằm nghiêng bên hữu mà từ trần, được 39 tuổi. Lúc đó đương đúng Ngọ trưa, đến chiều rờ đỉnh đầu Thị, hơi nóng có thể hơ tay.

Ngẫu Ích Đại sư chép truyện vãng sanh của Thị, và có lời khen Thị là hạng anh dũng trong hàng nữ lưu tu Tịnh độ.

Bệnh nặng mà to tiếng niệm Phật luôn ngày đêm cả nửa tháng là đại tinh tấn. Mẹ và con vào thăm mà không đoái đến là dứt tình ái ân. Hoa sen cùng Phật hiện, kiết tường niệm Phật mà đi là quyết định được vãng sanh.

V - TỪ THỊ

(Trích ở Vãng Sanh Tập)

Vợ của Lục Sinh ở Gia Định, chồng chết, Thị chuyên tu tịnh nghiệp. Bao nhiêu giấy nợ có giấy tới nghìn lượng bạc, Thị đều đem đốt hết không đòi. Bao nhiêu tư trang, Thị đem làm các việc phước thiện tất cả.

Sớm tối Thị lễ Phật, niệm Phật và tụng kinh luôn mười năm không một ngày sót trễ.

Một đêm nọ, Thị kêu người nhà đến mà bảo: “Thấy phương Tây tỏa ánh sáng đó không? Đã đến giờ tôi vãng sanh!”. Thị chấp tay to tiếng niệm Phật mà qua đời.

Xả tiền của và tư trang là lìa tục nhiễm. Giúp người, bỏ thí là từ tâm. Mười năm tu hành không một ngày sót trễ là chuyên cần. Ôi! Người tu Tịnh độ mà đủ ba điều trên, có thể gọi là hy hữu, mà cũng là những ưu điểm quyết chắc được vãng sanh vậy.

VI - HAI BÀ KÉO CHỈ

(Trích: Châu Ngự Thừa Tục Tập, Tịnh Độ Ước Thuyết)

Mụ Phi vợ của Trâm Xuân Giao ở Hồ Châu, góa chồng hồi còn trẻ, mụ tự sống nuôi con với nghề kéo chỉ vải. Mụ ăn chay trường. Nhà thờ tượng Phật tam thế với cốt Quan Thế Âm bằng đàn hương. Mỗi ngày, Phi tụng kinh *Kim Cang* một quyển, niệm Phật một nghìn câu làm định khóa. Dầu là lúc bận việc hay ốm đau, Phi cũng không để thiếu trễ.

Năm Sùng Trinh thứ 11, bệnh thời dịch hoành hành, ông Trương Thế Mậu, rể của mụ, rước mụ về ở nhà mình. Mụ chỉ mang theo cốt Quan Thế Âm Bồ tát. Mụ ở riêng trên một tầng lầu, mỗi ngày khóa tụng hồi hương, mụ đều nguyện khói hương bay đến chỗ Phật tam thế, ba năm như vậy. Một hôm bỗng có khói hương cuộn vòng quanh lầu của mụ cả hai ngày đêm, rồi trên vách vôi trắng nổi lên tượng Phật tam thế, trang nghiêm đẹp lạ. Tiếng đồn xa gần người đến chiêm lễ mỗi ngày mỗi đông. Có người lấy phấn sạch chà thử, thời tượng càng nổi rõ, màu sắc càng bóng sáng hơn.

Sau đó bốn năm, mụ bảo con rể đưa mụ về nhà cũ. Mụ rưới quét, thắp hương lễ Phật tụng kinh. Sáng ngày thứ ba, mụ

tắm gội thay y phục, rồi ngồi ngay thẳng niệm Phật. Đến đúng Ngọ, mẹ bỗng gọi to: “Phật đã đến! Xin từ biệt mọi người!”. Dứt lời, mẹ niệm Phật vài tiếng mà mất. Thọ 73 tuổi.

Mẹ Trần người ở Thường Thục làm nghề kéo chỉ vải. Mẹ quy tín Phật pháp, niệm Phật theo tiếng xe kéo chỉ luôn cả ngày không ngớt tiếng, ba mươi năm như vậy. Một ngày nọ, mẹ kêu người con trai lại mà nói rằng: “Con không thấy bảo cái tràng phan đó ư! Mẹ vãng sanh đây!”. Dứt lời, mẹ vỗ tay cười lớn. Sau khi đi pha nước tắm gội xong, mẹ liền chấp tay mà mất. Bấy giờ nhằm năm Thuận Trị thứ 10.

Thượng Thơ Ông Thúc Nguơn lúc đó còn hàn vi, được tin, đích thân đến xem, vẫn thấy mẹ còn ngồi ngay thẳng vững vàng, khắp nhà mùi hương lạ ngào ngạt. Về sau, khi trứ tác bộ “*ĩnh Độ Ước Thuyết*, Thượng Thơ ghi việc ấy vào để làm bằng chứng.

VII - LÝ THỊ

(Trích ở tập Kim Cang Trì Nghiệm Ký)

Lý Thị mẹ của ông Lưu Đạo Long. Năm 40 tuổi, Thị ăn chay trường niệm Phật. Thị dọn một căn nhà sạch sẽ thờ đức Quan Thế Âm sớm tối lễ lạy. Mỗi thời, Thị niệm Phật một nghìn câu, dầu lúc đại hàn hay đại thử cũng y số không thiếu. Thị khắc bản kinh *Kim Cang* để ấn tống.

Mỗi khi đến ngày sanh nhật, Thị dặn dẫu con không được bày tiệc, chỉ nên cùng nhau lễ sám một ngày hay ba ngày.

Hai mươi lăm năm sau, mẹ thỉnh chư sư tăng đến nhà tụng kinh bảy ngày đêm. Thị mơ thấy đức Quan Thế Âm trao cho Thị một xâu chuỗi và bảo: “Cho người xâu chuỗi này. Số hột chuỗi là thời hạn người được vãng sanh!”. Thị tiếp lấy xâu chuỗi, đếm được năm mươi ba hột.

Qua năm sau ngày mừng ba tháng Năm, Thị kêu người nhà mà bảo: “Hôm nay tôi về Tây phương Cực Lạc thế giới, nên đồng thanh niệm Phật trợ tôi vãng sanh”. Bọn con dâu ngồi bên giường của Thị mà niệm Phật. Thị ngồi ngay thẳng trên giường xoay mặt về hướng Tây mà qua đời.

VIII - BA BÀ HIỆN SỰ LẠ

(Trích Quả Báo Văn Kiến Lục, Tính Trung Tập)

Trương Thị một mù góa ở Thường Thục, an bản thủ tiết, chuyên trì hồng danh của Phật, không luận nơi nào và lúc nào, tiếng niệm Phật không hở.

Một ngày nọ, Thị đau kiết rồi chết, để lại một cái quần cũ rách hôi dơ lắm. Người ta đem quần ấy quăng dưới sông. Thoạt nhiên từ nơi chiếc quần dơ ấy, nhiều hoa sen nổi lên năm màu sáng rỡ, trôi bập bênh đầy cả mặt sông. Mục kích sự lạ ấy, mọi người đều chấp tay kính lễ, rồi vớt cái quần rách ấy lên giặt sạch, đưa vào am trong làng để làm quần bàn trên bàn Phật. Bấy giờ là năm Thuận Trị nhà Thanh.

Lục Thị người Thường Thục, năm 20 tuổi góa chồng, Thị ăn chay trường giữ giới niệm Phật. Tánh nhã nhặn, không bao giờ Thị tranh cãi với ai. Năm 67 tuổi thời Thị chết. Khi thiêu quần áo của Thị, lửa đã tắt, bỗng thấy ánh sáng màu vàng chiếu lên, trong tro hiện rõ hơn hai mươi tượng Phật. Cả làng đều đua nhau đến xem, và đều cùng nhau thắp hương lễ bái. Bấy giờ là năm Khang Hi thứ ba.

Từ Thái Nghi mẹ của Từ Hạo Hiên ở Tiền Đường. Bà thờ Phật rất thành kính, mỗi ngày niệm Phật A Di Đà Phật. Bà họa tượng Phật, chung quanh tượng chảm vài nghìn vòng tròn để ghi số niệm. Mỗi khi niệm xong một bức, bà xếp lại đựng trong túi vải vàng.

Năm Khang Hi thứ 34, bà từ trần. Ngày bà mất, người nhà đem túi vải vàng ấy đốt trong chậu. Bỗng nghe trong chậu

có tiếng nổ, mọi người bu lại xem, thấy có ánh sáng ngũ sắc chiếu lên, lan ra thành màu nâu. Trên màu nâu ấy hiện đèn đài có lan can bao quanh, trong đèn hiện vài mươi đóa hoa sen, trên mỗi hoa sen đều có một đức Phật ngồi kiết già chấp tay. Hai bên Phật có chư thiên đứng hầu. Mỗi mỗi hình tượng như bức họa màu phấn trắng. Ai được mục kích cũng chép miệng cho là sự lạ trong đời. Qua ngày sau, khều tro lật lại phía dưới túi lên xem, thời mặt dưới hiện hình tượng giống hệt như mặt trên. Chỉ có sau lưng mỗi tượng Phật, có hình một bà già cầm phát trần đứng hầu.

IX - DƯƠNG THỊ

(Trích ở tập Tục Vãng Sanh)

Dương Thị người Ngu Sơn. Vì bên họ mẹ đòi đòi học Phật, nên thị quy kính Phật pháp từ thuở còn bé. Sau khi về làm dâu nhà họ Trương, Thị liền lễ Sư Đức Chơn thọ Tam quy Ngũ giới, rồi đoạn tuyệt ái dục.

Năm 27 tuổi mang bệnh nặng, Thị phát nguyện cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, thỉnh tượng Phật A Di Đà về thờ, ngày đêm to tiếng niệm Phật. Đến ngày thứ năm, mùi hương chiên đàn thơm ngát cả nhà. Ngày thứ bảy, Thị thấy đức Quan Thế Âm Bồ tát bảo: “Liên hoa chúng tử đã được nửa phần công, còn nửa phần chờ xem thủ đoạn của nhà ngươi!”. Thị chấp tay thưa: “Con phải làm thế nào?”. Bồ tát bảo: “Thả tay mà đi”. Thị liền trỗi dậy, ngồi kiết già, chấp tay cất tiếng niệm Phật mà vãng sanh.

X - GIANG THỊ

(Trích ở bộ Tịnh Độ Toàn Thư)

Giang Thị, kế thất của ông Nghiêm Nhuận ở Dư Hàng. Ông Nghiêm vốn là đệ tử của Vân Thê, thực hành pháp môn Tịnh độ.

Giang Thị từ khi về nhà họ Nghiêm, tu trì rất sốt sắng. Khuya gà vừa gáy hiệp đầu, Thị đã dậy quỳ trước bàn Phật niệm Phật một nghìn câu, rồi tụng kinh niệm chú. Dầu là nhà quyền quý, nhưng tất cả các việc đốt đèn thắp hương, cho đến nước rửa nước uông v.v... Thị đều tự làm lấy, không bao giờ sai biểu tôi tớ.

Năm Khang Hi thứ 7, ngày mùng 6 tháng ba, sau khi đi thời khóa sáng sớm xong, nghe trong mình mỗi mệ, Thị nằm tạm. Một lát sau, Thị bỗng to tiếng nói: “Đức Quan Thế Âm Bồ tát đã đến!”. Thị hồi pha nước, tắm gội xong, lên giường nằm nghiêng bên hữu mà mất. Đến giờ liệm, nhan sắc của thầy Thị vẫn tươi nhuận, tay chân mềm dịu.

XI - MẸ CON ĐỒNG VỀ CÔI PHẬT

(Trích ở bộ Thiên Nữ Nhơn Truyện)

Mụ Diếp 40 năm ăn chay trường quy y với Cổ Đàm Hòa thượng, mỗi ngày lay *Hoa Nghiêm* kinh, một chữ một lay, được trọn ba bộ. Năm 81 tuổi, mụ thấy Thánh nhơn hiện thân màu huỳnh kim, liền niệm Phật mà qua đời.

Con gái của mụ Diếp là Lăng Thị, vợ của ông Trần Đình Biểu ở Ngô Quận, năm 40 tuổi, cũng trường trai quy y Cổ Đàm Hòa thượng, ngày đêm sáu thời Thị hành Đại Bi sám. Lay kinh *Hoa Nghiêm* được giáp hai bộ. Tuổi già, Thị chuyên tụng chú Đại Bi và niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Một hôm, Thị nhuốm bệnh nhẹ, thấy đức Quan Thế Âm hiện thân. Thị kêu người con gái lại mà bảo rằng: “Phật quang sáng cả nhà. Mẹ về Tây phương!”. Dứt lời, Thị nhắm mắt, thọ 69 tuổi. Bảy giờ nhằm năm Càn Long thứ 34.

Người con gái của Thị về làm dâu nhà họ Châu cũng tu hành rất tinh tấn. Mỗi ngày cô tụng kinh *Pháp Hoa*, niệm A Di Đà Phật. Người trong thân thuộc cảm hóa phát tâm tu hành rất đông.

XII - BÀ DƯ

(Trích ở tập Thiện Nữ Nhon Truyện)

Bà Dư là thân mẫu của Chiêu Minh Hòa thượng.

Khi trụ trì chùa Cao Mân ở Dương Châu, Hòa thượng rước bà về ở một ngôi nhà bên cạnh chùa. Lúc đầu bà nhớ nhà lắm, hễ nói chuyện với Hòa thượng là nhắc đến việc nhà cửa sự sản thân thuộc. Hòa thượng mới giảng giải các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã và khuyên bà nhứt tâm niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Bà không làm theo, Hòa thượng bèn ản mặt, bà cho người mời Hòa thượng cũng không đến. Bà không biết làm sao phải gắng gượng niệm Phật, nhưng bữa niệm bữa không, vì việc niệm Phật với bà là một sự khổ. Ba năm sau, niệm Phật ngày quen dần, bà tự phát tâm tin hướng, thọ Bồ tát giới, sớm tối lễ bái niệm Phật rất chuyên cần. Hòa thượng đến thăm hỏi còn nhớ nhà không? Bà đáp: “Niệm Phật tốt lắm! Tôi không còn nhớ nhà nữa”.

Một hôm, bà đương ngồi trước sân niệm Phật, phương Tây bỗng tỏa ánh sáng, tất cả nhà vách rừng cây đều ản mặt, bà thấy thấu đến Cực Lạc thế giới. Mừng quá, bà đứng dậy đi thẳng qua, thoát không còn thấy nữa. Từ đó trở đi, sáu căn của bà tịch tịnh, trong tất cả thời không sanh vọng niệm. Chỉ một câu Phật tiếp tục nơi tâm. Ít lâu sau, một đêm nọ bà mơ thấy mình đến một nhà lá, trong ấy có đàn bà đang chuyển bụng. Bà giật mình nói: “Sao tôi lại đến chỗ này? Vào thai ra thai và sanh tử khổ, thật đáng ghê đáng sợ. Tôi luôn mong mỏi được sanh về Cực Lạc thế giới kia mà!”. Bà vội vàng chạy ra khỏi nhà ấy rồi vụt choàng thức dậy.

Sáng hôm sau, bà nói với Chiêu Minh Hòa thượng: “Tuổi đời của tôi đã mãn. Xin thỉnh chư sư tăng niệm Phật, trợ tôi vãng sanh”. Rồi giữa lúc chư tăng đồng thanh niệm Phật, bà ngồi ngay thẳng, xoay mặt về hướng Tây mà tạ thế. Lúc đó nhằm năm Càn Long thứ 27.

XIII - MỤ DƯƠNG

(Trích ở tập Thiện Nữ Nhơn Truyện)

Mụ Dương người Hàng Châu. Năm trên năm mươi tuổi, mụ bị bệnh phong, nằm cứng lưng, ngày đêm rên rỉ. Sư Lữ Đình từ kinh sư về Thiên Mục ghé nhà mụ. Con trai của mụ thỉnh sư vào nhà sau thăm mụ. Mụ sụt sùi nói với Sư rằng: “Bệnh khổ lắm! Thầy có phương gì cứu tôi chăng?”. Sư nói: “Có! Nhưng sợ bà không chịu uống”. Mụ thưa: “Nếu thiệt như vậy, tôi xin uống”. Sư bảo: “Bà nghe kỹ đây! Bệnh từ nơi thân mà sanh, thân từ các duyên giả hiệp mà có. Bà xả được thân thời bệnh tự mất”. Mụ hỏi: “Làm sao xả được thân?”. Sư bảo: “Bà đem cả thân buông bỏ, nhứt tâm tưởng Tây phương Cực Lạc thế giới chuyên niệm Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà là đấng Đại Y Vương chữa được bệnh khổ của tất cả chúng sanh. Chí thành niệm Phật thời Phật tự đến cứu bà”. Mụ gạn: “Thiệt Phật đến ư?”. Sư đáp: “Đến! Chỉ lo bà niệm Phật không chí thiết thôi!”.

Sau khi sư đi, mụ liền niệm danh hiệu của Phật và tưởng nhớ Tây phương Cực Lạc, mỗi ngày mỗi khẩn thiết hơn. Năm tháng sau, mụ nói với người con rằng: “Đức Phật A Di Đà đã đến! Bốn ngày sau nữa má sẽ về Cực Lạc. Con đón thỉnh Đại sư Lữ Đình cho má tạ ơn”. Lúc đó sư Lữ Đình đã về Thiên Mục rồi, đường xa không thể thỉnh được.

Đến ngày thứ tư, thỉnh mười vị tăng đến nhà trợ niệm. Mụ Dương tự trỗi dậy đoan tọa chấp tay niệm Phật mà mất. Bấy giờ là năm Càn Long thứ 36.

XIV - DƯ THỊ

(Trích ở bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Dư Thị Chơn Tu, vợ họ Châu ở Ngô Quận, năm 32 tuổi góa chồng. Đến năm 36 tuổi Thị ăn chay trường thờ Phật. Năm trên năm mươi tuổi, thị giao cả việc nhà cho dâu con mà chuyên tu tịnh nghiệp.

Năm 70 tuổi, tháng sáu, Thị mơ thấy đi đến bờ sông, trên sông có chiếc thuyền lớn chở Tỳ kheo Ni và Ưu bà di chừng mười mấy người. Một người trong thuyền kêu Thị mà bảo rằng: “Đi Tây phương Cực Lạc thế giới!”. Thị tự nghĩ thầm bây giờ chưa đi, chờ cuối năm sẽ đi. Trong thuyền liền có tiếng bảo: “Hãy chờ thuyền sau!”.

Đến ngày mùng 6 tháng Chín, Thị mơ thấy đức Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn. Sau khi thức giấc, Thị tự biết giờ vãng sanh đã đến, bèn thỉnh Sư Văn Kỳ, thầy quy y cho thị, đến nhà để Thị tạ ơn và từ biệt. Sư khuyến tấn. Thị càng chí thiết niệm Phật, mùi hương lạ ngào ngạt, khắp trong ngoài đều nghe.

Đến sáng sớm ngày 11, Thị tắm rửa thay y phục mới, rồi đọa tọa niệm Phật. Một lát sau, Thị nằm nghiêng bên hữu mà qua đời. Nhâm năm Càn Long thứ 36.

XV - LƯƠNG NỮ

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Lương Nữ người Phần Dương, đôi mắt mù từ thuở trẻ. Có một sư tăng bảo Nữ niệm Phật A Di Đà. Nữ bèn chuyên cần niệm Phật. Ba năm sau, hai mắt thật sáng tỏ. Từ đó lòng kính tin càng sâu, ngày đêm Nữ niệm Phật không hở.

Một hôm, Nữ thấy tràng phan bửu cái từ trên không giáng xuống, đồng thời Phật và Bồ tát cũng đến tiếp dẫn, Nữ liền từ biệt thân quyến, chấp tay mà mất.

[1] Hành pháp: Công hạnh tu trì. Bốn môn tam muội:

Nhứt hạnh tam muội

Pháp Hoa tam muội

Bát chu tam muội

Tùy tự ý tam muội

CHƯƠNG THỨ TÁM: TỨ CHÚNG VĨNG SANH THỨ TƯ CHỮ SƯ TĂNG

I - TUÂN THỨC

(Trích ở những bộ Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thống Kỳ, Liên Tông Bửu Giám)

Tuân Thức Đại sư tự Tri Bạch, người Thai Châu. Thân mẫu mơ thấy nuốt minh châu mà sanh ngài. Lớn lên, ngài đến cầu thế độ nơi Nghĩa Toàn Hòa thượng ở Đông Dịch Sơn, chuyên cần học luật. Ngài vào chùa Quốc Thanh, ở trước tượng Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ truyền giáo quán của Thiên Thai tông. Rồi ngài qua chùa Bửu Vân y chỉ với Nghĩa Thông Pháp sư.

Ngài từng kiết thất 90 ngày hành Bát chu tam muội, ngày đêm tinh tấn tuyệt không ngơi nghỉ đến nỗi chân nứt, miệng ói máu, nhưng ngài vẫn lấy chét làm hẹ. Thoạt đức Quan Thế Âm hiện thân đưa tay chỉ vào miệng ngài kéo ra vài con lãi, đầu ngón tay của Bồ tát rịn nước cam lộ nhều vào miệng ngài. Ngài nghe trong mình khỏe khoắn, tâm thần an tịnh, bao nhiêu bệnh khổ đều tự biến mất. Sau khi đó, đỉnh đầu ngài cao thêm ba ngón tay, tiếng nói thanh lớn như hồng chung, trí huệ biện tài vô ngại.

Nghĩa Thông Pháp sư thị tịch, ngài trở về Thiên Thai.

Năm Chí Đạo thứ hai, ngài ở Bửu Vân hợp Tăng tục chuyên tu tịnh nghiệp, đồng thệ sanh Tây phương Cực Lạc. Năm Hàm Bình, ngài vô Đông Dịch Sơn đốc suất đại chúng tu niệm Phật tam muội. Năm Tường Phù, ngài qua Tô Châu giảng kinh nơi chùa Khai Nguơn. Rồi ngài trở lại Hàng Châu chủ Linh Sơn. Triều đình kính đức, phụng cho ngài hiệu là Từ

Vân Sâm chủ. Ngài đem việc phóng sanh của Trí Giả Đại sư nói với Vương Khâm Nhược, một quan trấn ở Hàng Châu. Khâm Nhược dâng biểu xin dùng Tây Hồ làm chỗ phóng sanh. Triều đình y chuẩn.

Ngài thể ý kinh soạn nghi lễ sám, viên dung tam quán, quy hướng Tịnh Độ. Lại như Tri phủ Mã Lượng thừa thỉnh, ngài soạn tập Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyện Nhị Môn.

Trong tập đó, về môn quyết nghi đại lược như vậy:

“Phật pháp có hai: A- Tiểu thừa bất liễu nghĩa pháp. B- Đại thừa liễu nghĩa pháp. Trong Đại thừa lại có chia liễu nghĩa cùng bất liễu nghĩa. Nay luận về Pháp môn Tịnh độ chính là pháp liễu nghĩa của Đại thừa giáo. Pháp môn Tịnh độ viên dung cả như quả, thật là trọn phần thâm diệu của Phật pháp. Kinh Pháp Hoa nói: “Xét kỹ mười phương không thừa nào khác, chỉ có nhưt Phật thừa”, chính là nói Pháp môn Tịnh độ đây vậy. Vậy thời tất cả cõi uế cùng cõi tịnh ở mười phương rút lại đồng trong một sát na. Một niệm sắc và tâm bủa giăng khắp cả pháp giới đều là thiên nhiên bản cụ, chớ chẳng phải duyên khởi tán thành! Một niệm đã thế, một mảy trần cũng vậy. Cho nên, trong mỗi trần đủ tất cả cõi, trong mỗi mỗi niệm gồm tất cả tâm. Mỗi tâm niệm mỗi mảy trần trùm chứa nhau, trùng trùng vô tận vô ngại. Đồng thời hiện cả chẳng có ẩn có hiển. Tất cả đều viên mãn thành tựu không có hơn có kém. Tâm ta đã như vậy, chúng sanh cùng với chư Phật thể vốn đồng. Như thế thời tâm thần lướt qua mười muôn ức thế giới, kỳ thiệt chỉ là thác sanh trong tự tâm của mình. Chín phẩm thai sen đâu có ra ngoài sát na tế. Người tin hiểu lời luận viên dung này thời không sự lý gì mà không thấu hiểu. Kẻ mê mờ nơi lý vi diệu đây thời đâu đâu cũng mê mờ. Cho nên trong *Quán Kinh* dạy: “Chư Phật Như Lai là Pháp giới thân, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh... Tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật”. Nay chỉ vì giải quyết lòng nghi,

cho mọi người được hiểu biết rằng: Bá bửu trang nghiêm và cửu phẩm như quả ở Tịnh Độ, đều là ở nơi trong tâm của chúng sanh. Lý tánh có đầy đủ như thế, mới được thành sự dụng viên dung như vậy...”.

Và đây là hai pháp tọa thiền quán tưởng trong môn hạnh nguyện: “Người muốn tu tập pháp quán vắng sanh, nên ở nơi chỗ thanh vắng, kê giường hướng về Tây phương, để dễ quán tưởng và để biểu chánh hướng. Ngồi kiết già ngay thẳng, đầu và xương sống đối nhau, không khòm không nẩy. Điều hòa hơi thở. Định tĩnh tâm thân.

Trong kinh luận dạy rất nhiều pháp thiền quán, hàng sơ tâm phàm phu đâu có thể tu tập tất cả được. Nay giảng bày hai thứ. Trong hai thứ đây, tùy sở thích tự chọn lấy một mà tu tập bất tất tu cả hai. Nhưng với người lợi căn thời vô ngại.

Sau khi điều thân, điều tức và điều tâm xong, tự nghĩ công phu tu tập của mình đáng được vắng sanh Cực Lạc thế giới. Rồi tưởng là mình sanh về Cực Lạc ngồi kiết già trong hoa sen báu. Tưởng hoa sen búp lại. Tưởng hoa sen nở ra. Chính lúc hoa nở, tưởng có tia sáng 500 màu chiếu đến thân mình, tưởng mình mở mắt. Tưởng thấy Phật thấy Bồ tát. Tưởng thấy cảnh giới trang nghiêm. Tưởng mình dậy lễ Phật rồi ngồi nghe diệu pháp, cùng nghe tất cả tiếng chim hót, lá reo, nước chảy, nhạc rung, đều diễn thành tiếng nói những Phật pháp mà mình vốn thích nghe. Bao nhiêu điều thấy nghe đều phải hiệp đúng với *Khế Kinh*, lúc tưởng như trên đó, rất cần phải kiên cố chánh niệm, đừng cho tâm xao động. Tưởng hiện rõ ràng như tận mắt, thật lâu sẽ xả.

Tưởng đức Phật A Di Đà thân vàng cao mười sáu thước ngồi trên tòa sen lớn. Chăm nhìn một tướng lông trắng giữa chạng hai chân mày của Phật, lông ấy dài 15 thước, chu vi năm tấc, tám góc đều đặn, giữa rỗng và trong suốt như ống pha lê, xoáy tròn về phía hữu. Lông ấy trong sáng chiếu rõ

mặt vàng của Phật. Lúc quán tưởng như vậy, kiềm tâm chăm chú chớ cho xao lãng.

Sau rồi lại nên suy xét, tưởng niệm mà được thấy đó, hoặc đã thành, hoặc chưa thành, đều do nhân duyên tưởng niệm mà hiện, không có tự tánh thật, toàn thể là không. Như bóng mặt trong gương, như ánh trăng dưới nước, như cảnh mộng, như huyền thuật, tức không, tức giả, tức trung, bất khả tư nghị. Nghĩ biết như vậy thời tâm không thủ trước, mà tâm tưởng bèn tịch tịnh, có thể thành tựu Niệm Phật tam muội”.

Năm Thiên Thánh, ngài ở riêng nơi Nhật Quán am, một sở am ở phía Đông cửa chùa, ngày đêm chuyên tưởng Tây phương Cực Lạc. Sau khi giảng kinh Duy Ma Cật xong, ngài giao phó ghế giảng sư lại cho Tổ Thiên Đại sư, một đệ tử cao túc của ngài. Ngài làm kệ tạ duyên tỏ ý sắp thị tịch.

Năm Minh Đạo nguyên niên, ngày mùng 8 tháng Mười, nhuốm bệnh nhẹ, ngài từ thuốc, vẫn họp chúng giảng dạy pháp yếu. Thuyết pháp xong, ngài bảo thỉnh tượng Phật A Di Đà. Chúng lại thỉnh tượng Quan Thế Âm đem về, ngài quỳ lạy, thắp hương nguyện rằng: “Tôi quan sát đức Quan Thế Âm không sanh không diệt, thập phương chư Phật đồng trụ thiết tể, xin thọ lấy một nén hương này. Chư Phật chứng minh tôi vãng sanh Cực Lạc”. Có người hỏi chỗ ngài sẽ về. Ngài đáp là Tịch Quang Tịnh độ. Chiều hôm ấy, ngài ngồi kiết già mà tịch. Thọ 69 tuổi. Người ta thấy ngôi sao rất lớn sa trên chót núi Linh Thứu, hồng quang chói sáng.

II - TÔNG TRÁCH

(Trích: Liên Tông Bửu Giám, Lạc Ban Văn Loại)

Tông Trách Thiên sư người Tương Dương. Thuở trẻ ngài học nho, bác thông thể điển. Năm 29 tuổi, ngài sang chùa Trường Lô ở Chơn Châu, xuất gia nơi Tú Thiên sư. Năm

Nguyên Hựu, ngài trụ trì chùa Trường Lô. Ngài rước thân mẫu là Trần Thị về ở ngôi nhà phía Đông phương trượng rồi ngài khuyên mẹ xuất gia niệm A Di Đà Phật. Cách 7 năm sau, Trần Thị không bệnh, niệm Phật mà mất, qua ngày sau mà đỉnh đầu của thầy Trần Thị vẫn còn hơi ấm, mặt hiện sắc trắng sáng như ngọc. Thiên sư tự cho rằng báo ơn mẹ đã được trọn.

Ngài thể theo quy chế Lô Sơn lập Liên Hoa Thắng Hội, họp tăng và tục tu tập Tịnh Độ quán, và chuyên niệm Phật A Di Đà, hồi hướng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc thế giới. Dưới đây là bài văn cổ xướng của ngài soạn:

“Phàm người cho niệm là niệm, cho sanh là sanh, đó là lỗi chấp thường, còn người cho vô niệm là vô niệm, cho vô sanh là vô sanh, đây là tà kiến mê hoặc. Nếu rõ niệm là vô niệm, sanh là vô sanh là đạt đệ nhất nghĩa vậy.

Vì thế nên nơi thiết lý chẳng chứa mảy trần, thì trên không Phật để niệm, dưới không độ để sanh. Nhưng trong môn Phật sự không bỏ một pháp, thì tổng nhiếp tất cả căn cơ bèn có một môn Niệm Phật tam muội vãng sanh Cực Lạc đây chính là yếu thuật hoàn nguyên. Do đó nên niệm Phật suốt ngày mà vẫn không trái với tánh vô niệm, chăm hãm vãng sanh mà vốn chẳng sai với thể vô sanh, vì thế nên phàm cùng Thánh đều trụ tự vị mà cảm ứng đạo giao, Đông và Tây vốn không lại qua mà tâm thần đến cõi Tịnh. Sự lý đương nhiên, pháp nhĩ như vậy. Cho nên trong kinh dạy: “Nếu người nghe nói Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu nhưt tâm bất loạn. Lúc người sắp chết, đức Phật A Di Đà cùng Thánh chúng hiện thân nơi trước người đó. Lúc chết, tâm người đó không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà”. Và Từ Phụ cùng Bốn sư dầu phân ra hai môn “chiết phục” và “nhiếp thọ” hiện thân ở hai cõi “trước ướ” và “thanh tịnh”, nhưng bốn ý của Phật không phải cho rằng Ta bà trước ác là chỗ đáng nhàm lìa. Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm là

nơi đáng ham mê. Mà chính vì hạng người sơ cơ hành đạo, trí lực chưa thuần cần phải nương nơi cảnh duyên thanh tịnh để dễ thăng tấn.

Cõi Ta bà này, đức Thích Ca đã nhập diệt, đức Di Lặc chưa giáng sanh, còn Cực Lạc thế giới Đức A Di Đà Phật đương ngự thuyết pháp. Nơi Ta bà đối với Quan Thế Âm và Đại Thế Chí, chỉ luống mên danh đức của hai ngài. Còn Cực Lạc thế giới hai đại Bồ tát đó là bạn lành đồng xứ. Nơi Ta bà các loài ma đua nhau phá rối người tu, còn Cực Lạc thế giới trong đại quang minh quyết không ma sự. Nơi Ta bà khắp chỗ tiếng tà nhiễu loạn, nữ sắc mê người, còn Cực Lạc thế giới nước chim cây nhạc đều tuyên pháp mầu, thuần tướng tượng phu hấn không thân nữ.

Cứ như trên đó mà so sánh thời duyên tốt để giúp người tu hành không đâu bằng Tây phương Cực Lạc thế giới. Cũng có lắm kẻ trí kém cạn suy, cứ cố chấp mà không tin thuận. Nay xin luận vài điều:

Người đời, chán nhàm gia đình phiền rộn, thích mên am tự an hòa, cho nên có ai xuất gia thời trầm trở tán thán. Nhưng những khổ ở cõi Ta bà này đâu phải chỉ nơi một việc phiền rộn nơi gia đình, còn những điều vui đẹp nơi Cực Lạc, sự an hòa của am tự đâu sánh kịp. Biết xuất gia là hay là tốt mà không nguyện vãng sanh, là điều mê lầm thứ nhất.

Nghìn dặm không nệ xa, cố tìm bậc minh sư để cầu chỉ dạy, hầu mong nhập Thánh siêu phàm. Mà đức A Di Đà Thế Tôn thân trí tự tại, nguyện lực vô biên, một khi nghe được lời vàng, không ai chẳng được lợi ích lớn. Muốn tìm minh sư mà không mong mới thấy Đức A Di Đà Phật, là điều mê lầm thứ hai.

Tòng lâm nào đại chúng đông nhiều thời nô nức gá nương, am viện nào lẻ tẻ ít người, thời không muốn đến ở.

Cực Lạc thế giới, bậc Nhứt sanh bổ xứ Bồ tát rất đông không thể tính đếm cho xiết, chư Thượng thiện như cùng sum họp một chỗ. Đã muốn thân cận tông lâm mà không ham mộ hải chúng thanh tịnh, là điều mê lầm thứ ba.

Người phương này kẻ thượng thọ không quá trăm tuổi, mà lúc bé thời khờ, lúc già thì lẩn, nào bệnh tật, nào ngủ nghỉ, chiếm hết nửa phần thời gian của một đời. Bồ tát chưa đắc nhẫn còn phải mê khi đối thân, hàng Thanh văn vẫn tối tăm khi lọt lòng mẹ. Thế thời, tác bóng vàng ngọc của người đời, mười phần mất hết chín, ai là người chưa chứng quả bất thoái địa thật phải rợn lòng. Người Cực Lạc thọ mạng vô lượng vô biên vô số kiếp, một khi gá thai sen thời không còn bị tử khổ, mà bệnh khổ cùng lão khổ cũng đã thoát hẳn, thân thanh tịnh cảnh thanh tịnh, nên tâm trí tỏ thông, một mực tấn tu nên liền chứng bậc bất thoái địa, mà Phật quả bảo đảm sẽ thành. Bị lưu chuyển nơi đời sống ngắn ngủi ở Ta bà, mà không mộ sự trường tồn, bất diệt ở Cực Lạc là điều mê lầm thứ tư.

Nếu là bậc bất thoái chuyển chứng quả Vô sanh, ở trong dục mà không tương dục, ở trần mà không nhiễm trần, đủ khả năng như thế mới có thể hưng vô duyên từ, vận đồng thể bi, vào trần lao lẩn mình trong ngũ trược, như ánh sáng năng rọi khắp mặt địa cầu, phá tối tăm mà không bị lây tối. Còn nếu là hạng chưa đến bậc ấy, hoặc mới có đôi chút kiến giải, hoặc chỉ được đôi phần thiện căn, bèn vọng cho mình đã khỏi hẳn tứ ưu, đồng bậc thập địa, rồi ngó lơ Tịnh độ, ham luyến Ta bà, đến khi nhàn quan lạc địa thời y nhiên là kẻ luân hồi, tất bị nghiệp lực cuốn lôi nổi chìm trong lục đạo. Không biết tự lượng sức mình, vọng sánh với bậc đại quyền Bồ tát, đây là điều mê lầm thứ năm.

Há không nghe Phật dạy nên phải phát nguyện nguyện sanh về cõi Cực Lạc đó ư? Không chịu tin lời dạy của Phật, chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, có phải là quá mê lầm

lắm ư? Nếu chịu tin theo lời Phật mà được về Tịnh độ, thời nhà lửa tam giới đâu nốt cầm được, khỏi hẳn tám điều khổ của nhơn gian, trọn không năm điều suy của cõi trời, cần gì nói đến tam đồ! Còn không danh từ ác đạo thay, huống là có sự thật! Nơi Cực Lạc chỉ thuần giáo lý Nhứt thừa, khắp cõi không có hạng quyền tiểu. Quy kính A Di Đà Từ Phụ, thập phương chư Phật đồng được hiện tiền. Tất cả thời ở trong đại quang minh của Phật, nên ngũ trụ phiền não nhiệm vận lần tiêu, khắp mọi người luôn nghe tiếng giảng diễn pháp mầu, mà lục thông Phật huệ tự nhiên đầy đủ. Đồng như đức Quan Thế Âm, phân thân khắp mười phương thế giới, tùy theo các loài chúng sanh, hiện ba mươi hai ứng thân để cứu độ. Giống như đức Đại Thế Chí, từ niệm Phật mà chứng nhập viên thông, đem nước tam muội rưới cùng tam giới dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa. Tất cả công hạnh tự lợi cùng lợi tha thấy đều viên mãn. Đủ thấy rằng Tịnh Độ chẳng ngoài bốn tâm. Di Đà không rời tự tánh. Là yếu môn nhứt của quả giải thoát, là đường tắt nhứt của sự tu hành. Vì thế nên các kinh giáo thuộc Đại thừa liễu nghĩa đều chỉ quy Tịnh độ, mà chư Thánh chư Hiền đều tự nguyện vãng sanh, đồng thời khuyên mọi người cùng nguyện. Vì sao cần phải vãng sanh? Vì muốn độ người trước phải độ mình, mình có được độ mới đủ khả năng độ người được.

Than ôi! Kẻ không lo xa tất có sầu gần, sau khi mất thân người sẽ phải ngậm hờn trong muôn kiếp. Cho nên tôi xin đốc suất đại chúng đồng niệm Phật A Di Đà, từ trăm câu nghìn câu, nhẫn đến muôn câu, hồi hướng phát nguyện đồng sanh Cực Lạc”.

Một đêm nọ, ngài mơ thấy một người bạch y chít khăn đen, tướng mạo đẹp đẽ đoan trang, cỡ chừng ba mươi tuổi, chấp tay nói với ngài: “Tôi muốn vào hội Liên Hoa xin ghi tên cho!”. Ngài lấy sổ hội ra rồi hỏi: “Ông họ tên là chi?”. Đáp:

“Phổ Huệ”. Ngài vừa biên xong, người ấy lại hỏi: “Anh tôi cũng cầu ghi tên vào hội”. Ngài hỏi: “Anh của ông tên chi?”. Đáp: “Phổ Hiền”. Dứt lời người ấy biến mất. Ngài đem việc ấy thuật lại với mọi người. Các bậc tôn túc bảo: “Trong kinh *Hoa Nghiêm* nơi phẩm Ly Thế Gian, Phổ Huệ Bồ tát hỏi hai trăm điều, đức Phổ Hiền Bồ tát dùng hai nghìn nghĩa để đáp lại. Nay chúng ta lập hội niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, hiệp với bốn nguyện của Phật và Bồ tát, nên cảm hai vị Đại sĩ đến xin vào hội để tỏ ý tán thành”. Hội bèn để tên hai vị Bồ tát đứng đầu sổ. Và cũng từ đó người xa gần phát tâm xin vào hội rất đông, ai cũng đều thiết tin thiết tu cả.

III - HỮU NGHIÊM

(Trích ở các bộ Phật Tổ Thống Kỳ, Lạc Ban Văn Loại)

Hữu Nghiêm Thiên sư họ Hồ, người Lâm Hải. Ngài xuất gia khi mới lên sáu. Sau khi thọ Cụ túc giới, ngài qua Đông Sơn học với Thần Chiêu Bản Như Thiên sư, được khế ngộ tông chỉ Nhứt tâm tam quán, rồi ngài chuyên tu Pháp Hoa tam muội, thường hiện những điềm lành.

Trong năm Thiệu Thánh triều Tống ngài ở ẩn trên đỉnh Cổ Sơn, cất am tranh bên cây Tra. Nhơn đó ngài lấy hiệu là Tra Am. Ngài nghiêm trì giới luật, ngoài ba y một bát, không chứa cất một vật chi khác. Hằng ngày Thiên sư tinh tấn trang nghiêm tịnh nghiệp. Phạm có trứ tác, phần nhiều ngài đều khuyến khích vãng sanh.

Có người hỏi: Phạm người sanh lên các cõi trời ở Dục giới do Thập thiện nghiệp làm nhơn. Người sanh lên cõi thiên ở Sắc giới do thiên định làm nhơn. Còn người sanh Tịnh Độ tất phải tu vô sanh diệu quán mới có thể được. Những học giả đời này đều mù mờ nơi giáo lý nên cho rằng sanh lên trời khó, mà về Tịnh Độ dễ. Nói như thế thời ai tin được!

Ngài bảo: “Pháp môn không có khó cùng dễ, khó dễ đều ở nơi người tu. Khó chính là lòng nghi, thời gang tác thành muôn dặm. Còn dễ là tín tâm mà muôn dặm thành gang tác. Về phần người tu tập Vô sanh diệu quán là được vãng sanh, chỉ thuộc về Thượng phẩm vãng sanh thôi. Ông không nên cố mở một môn Thượng, mà lấp mất các môn Trung và Hạ. Trong An Lạc Tập nói: “Người sanh Tịnh Độ có hai hạng: A- “Hữu tướng tâm”, là người thích mến sự tướng Tịnh độ. B- “Vô tướng tâm”, là hạng lý quán tương ưng. Xét người thời nay, phần đông thuộc Trung và Hạ, căn độn trí cạn, chương nặng nghiệp dày, nếu chờ đến chừng lý quán tương ưng mới vãng sanh tất cả là khó có ai được. Nên biết rằng đức Phật tiếp độ chúng sanh có nhiều phương tiện, nào định thiện cùng tán thiện, nào Phật lực cùng pháp lực, nào sự phước nương nơi phát nguyện hồi hướng, nào đến khi lâm chung quá sợ mà chí thiết kêu cầu... Trong nghìn muôn phương như thế, chỉ y cứ được một phương tất cả là được vãng sanh.

Định thiện là tu diệu quán duy tâm, chính là Thủ Lăng Nghiêm định.

Tán thiện là như trong Vô Lượng Thọ kinh dạy thập niệm Phật cũng được vãng sanh.

Phật lực là nhờ đại bi nguyện lực của Phật A Di Đà nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, chúng sanh nương nguyện lực của Phật liền được vãng sanh, như anh dân thường theo bên Chuyển Luân Vương, nội một ngày đi khắp tứ châu thiên hạ, đó chẳng phải là tự lực của anh dân mà là do phước lực của Luân Vương vậy.

Pháp lực là như Phật bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ tát tụng chú Quán đánh gia trì nơi cát đất rồi vẩy lên thân người hay trên phân mộ, người chết ấy hoặc bị đọa vào tam đồ, sẽ nương chơn ngôn này mà được sanh Cực Lạc thế giới.

Sự phước nương hồi hướng phát nguyện là từ tâm bất sát, đủ các giới hạnh, trì chú, tụng kinh v.v... rồi hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ, thời thành như Tịnh độ đang sanh về Cực Lạc.

Sắp chết cầu cứu là người ác lúc chết tướng địa ngục hiện, nhờ sức chí thiết niệm Phật nên lửa dữ hóa làm gió mát, Hóa Phật hiện thân tới rước: Tăng như Hùng Tuấn và Duy Cung, tục như Thiện Hòa và Chung Húc. Vì thế nên trong kinh Phật có lời huyền ký rằng: “Hàng tiểu hạnh Bồ tát và những người tu công đức kém ít, sẽ được vãng sanh, số đông không thể kể nói”.

Phật nói dễ vãng sanh, sao ông lại nói là khó? Chúng ta nên thuận theo kinh giáo mà luận là dễ để mở cửa giải thoát cho người, chớ không nên nề chấp mà cho là khó làm người sơ cơ thoái chí”.

Đầu mùa Hạ năm Tịnh Quốc nguyên niên, thiên thần hiện thân trên không nói với ngài rằng: “Tịnh nghiệp của Đại sư đã hoàn thành”. Kế ngài tự thấy hoa sen lớn trong bảo trì và nghe tiếng thiên nhạc trời quanh mình. Ngài làm kệ tiễn biệt đệ tử chúng. Sau đó bảy ngày, Thiên sư ngồi kiết già mà tịch.

IV - NGUỒN CHIẾU

(Trích ở: Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thống Kỷ, Tây Hồ Cao Tăng Sử Lược)

Ngườn Chiếu Đại sư tự Trạm Nhiên, họ Đường, người ở Dur Hàng. Lúc đầu ngài chuyên học luật với Huệ Giám Luật sư, sau theo hầu Thần Chiếu Thiên sư nghe giảng giáo quán Thiên Thai. Khi ngài thọ giới Bồ tát nơi Quang Từ Pháp sư, giới quang phát hiện chiếu sáng cả giới đàn. Cảm sự linh ứng ấy, ngài chuyên nghiên cứu Luật tạng, cảm bát khát thực nơi chợ. Về sau ngài trụ chùa Linh Chi ba mươi năm truyền giới độ Tăng hơn sáu mươi hội ([1]). Hằng ngày, ngài chuyên chí

nơi Tịnh độ. Ngài thường nói: “Lúc sống thời hoàng truyền Giới luật, khi chết thời về Cực Lạc; đó là chỗ sở đắc của tôi”. Ngài có soạn nghi Tịnh Độ lễ sám và viết lời tựa rằng:

“Ngươn Chiêu này từ khi đến giới đàn, bèn biết chuyên lo học luật. Kế gặp Thiên Thai Thần Ngộ Xử Khiêm Pháp sư hết lòng sách tấn, tôi mới nghiên cứu Phật thừa. Và do đó mà tôi phát nguyện: “Thường sanh tại Ta bà ngũ trược ác thế làm đại đạo sư dìu dắt quần sanh đem về Phật đạo”. Tôi đọc Cao tăng truyện, thấy Huệ Bồ Pháp sư nói Cực Lạc dầu thanh tịnh mà chẳng phải chỗ nguyện của tôi. Giả sử mười hai kiếp hưởng vui trong hoa sen, đâu bằng ở tam đồ cứu khổ chúng sanh! Do đây tôi càng nắm chặt chí hướng cũ, trải qua nhiều năm trọn không có quan niệm quy hướng nơi môn Tịnh độ, lại thêm khinh chê người tu tịnh nghiệp. Năm nọ tôi mang bệnh nặng, thân gầy yếu, tâm mê loạn, toàn không chủ định, trong lúc đó nếu chết sẽ không biết phải về đâu. Sau khi bệnh lành, tôi liền xét biết quan niệm ngày trước là lỗi: chí nguyện dầu là to rộng, song mình chưa đủ khả năng. Buồn khóc cảm thương, tôi tự quả tự trách.

Tôi giờ tập Thập Nghi Luận ra xem, thấy trong ấy nói sơ tâm Bồ tát chưa chứng Vô sanh nhẫn, không được rời Phật. Trong ấy lại dẫn lời Trí Độ Luận: “Cụ phước phạm phu có tâm đại bi rồi nguyện sanh trong cõi ác trược để cứu khổ chúng sanh, quyết không nên! Ví như trẻ thơ, chẳng nên xa cha mẹ, chim non chỉ nên chuyên nhàn”. Từ ngày đó tôi vất cả sở học ngày trước, chuyên tìm xem các bộ kinh cùng luận dạy về Tịnh độ, ngót hai mươi năm chưa từng tạm hờ. Tôi nghiên cứu tinh tường giáo lý, duyệt khắp cả cổ kim. Những quan niệm nghi ngờ về môn Tịnh độ tiêu rã như sương tan; lòng tin Tịnh độ của tôi ngày càng sâu chắc. Tôi lại thấy lời luận về hai môn “chuyên tu” cùng “tạp tu” của Thiện Đạo Hòa thượng: “Nếu chuyên tu thời trăm người tu, trăm người vãng sanh; còn tạp tu thời nghìn muôn khó được một hai”.

Tôi xét mình tâm chí tán loạn, quán hạnh khó thành, nên chỉ chuyên tâm trì niệm bốn chữ hồng danh. Nhiều đời bỏ cha trốn đi, nay mới tự thấy là biết về nhà. Tôi đem chỗ mình đang tu tập khuyên nhắc mọi người cùng tu. Pháp môn thắng diệu do tín tâm mà được thành. Như đức Đại Thế Chí do tâm niệm Phật mà chứng được viên thông, nhập tam ma địa. Tôi lại gẫm xét, mình năm xưa không tin Tịnh độ, hủy pháp, khinh người, tạo vô lượng tội nghiệp. Trong lòng chẳng xiết hổ thẹn, sớm tối lo sợ, đối trước Phật đài phát lộ tâm can, năm vóc mọp đất tha thiết sám hối.

Rồi tôi lại phát đại nguyện: “Nhiếp tất cả chúng sanh đồng tu môn niệm Phật, đều vãng sanh Cực Lạc”.

Muôn thường tu tập, phải lập nghi thức khóa trình, tôi soạn các văn của tiền bối hiệp thành sám pháp này. Từ đầu tới cuối, trình bày mười môn. Trong đây đều chuẩn theo lời Phật cùng ý Tổ. Người sau đọc đến, sẽ rõ chí hướng của tôi”.

Ngoài ra, ngài có soạn *Quán Kinh Nghĩa Sớ*, *A Di Đà Phật Kinh Nghĩa Sớ*. Về phần trí thuật của ngài, cả thầy hơn hai trăm quyển.

Năm Chánh Hòa thứ sáu, mùa Thu, ngài bảo tặng chúng tụng *Quán Kinh* và *Phổ Hiền Hạnh Nguyện* phẩm. Ngài ngồi kiết già, yên lặng lắng nghe rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc khắp hư không.

V - TRÍ TIÊN

(Trích ở bộ *Phật Tổ Thống Ký*)

Trí Tiên Pháp sư họ Lý, người Tiên Cư. Thuở nhỏ ngài không thích ở tục. Sau khi xuất gia, ngài đi du học đến chùa Thiên Trúc, được Thủ tọa Minh Nghĩa truyền cho chỉ thú Nhứt tâm tam quán. Ngài trở về xứ, được phát minh chỉ quán nơi pháp hội của Huệ Pháp sư ở chùa Bạch Liên, rồi ngài kế vị giảng tịch. Trong tất cả thời ngài chuyên tưởng niệm Cực Lạc.

Có người gạn: “Nơi Pháp Hoa tam muội một cõi là tất cả cõi, một thân là tất cả thân, một Phật là tất cả Phật, sao Pháp sư không y theo chỉ quán mà tu Pháp Hoa tam muội, lại khăng khăng cầu sanh Tịnh độ làm chi?”.

Ngài đáp: “Kinh Khê Đại sư từng bảo: Trong phẩm *Phân Biệt Công Đức* quán thẳng một Đồng Cư Độ đầy thời đủ cả bốn độ. Cho nên một đức Phật đây là cả ba thân Phật, một ai chúng đây là tất cả đại chúng. Vì ngũ trụ hoặc chưa dứt sạch nên cần phải tu về Đồng Cư Tịnh độ”.

Hỏi: “Đồng Cư Tịnh Độ rất nhiều nơi hà tất phải Cực Lạc thế giới!”.

Ngài đáp: “Phải tu Đồng Cư Cực Lạc Tịnh độ là bởi có nhiều cớ: A- Vì trong kinh luận rất nhiều phen chỉ dạy. B- Vì cơ duyên sâu dày. C- Vì xu hướng một nơi để cho tâm niệm được chuyên chú. D- Vì nguyện lực của Phật nhiếp thọ”.

Ngài ở chùa Bạch Liên giảng dạy mười ba năm, hằng ngày hướng về Tây phương lễ niệm, không một ngày bê trễ.

Một hôm nhuốm bệnh nhẹ, ngài đi từ biệt các nhà ngoại hộ và khuyên nhắc tinh tấn Phật sự. Rồi ngài về chùa kê giường xoay mặt về hướng Tây, thượng tượng Phật A Di Đà, thỉnh chúng tụng kinh *A Di Đà*, chưa rồi quyền ngài đã ngồi kiết già yên lặng mà tịch. Chúng tăng ở chùa Năng Nhon, một ngôi chùa ở gần, đồng nghe tiếng niệm Phật đều trời, cùng tiếng thiên nhạc trôi khắp nơi, không rõ là điềm gì. Sáng ngày sau mới được tin Trí Tiên Pháp sư đã thị tịch.

VI - TỪ CHIẾU

(Trích ở Phật Tổ Thống Kỷ)

Từ Chiếu Thiên sư họ Dương, người Tiền Đường. Năm 14 tuổi ngài xuất gia học Pháp Hoa, Phương Đăng nơi Nam

Bình. Rồi ngài qua Đông Dịch Sơn tham thiền lý với Thần Ngô Thiên sư, được khế ngộ. Ngài hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ, trọn đời tinh tấn hành đạo, ngài tự chích lấy máu tả kinh *Pháp Hoa*, cứ một chữ lay một lay được mười bộ. Tụng năm tạng *Quán Kinh*, mười tạng *A Di Đà Kinh*, một nghìn bộ *Pháp Hoa* kinh, lễ kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Phạm Võng*, *Tịnh Độ Thất kinh* v.v... mỗi chữ mỗi lay, gồm cả được hai trăm bảy mươi quyển. Ngài chuyên tu Niệm Phật tam muội ở am riêng hiệu Đức Vân, mỗi đêm đến canh tư thời ngài ngồi dậy to tiếng niệm Phật. Các Tỳ kheo giải đãi nghe tiếng niệm Phật của ngài, đều rùng mình hổ thẹn.

Mỗi tháng đến ngày 23, ngài họp kẻ tăng người tục cùng niệm Phật, số mục thường là một nghìn người, trọn ba mươi năm như vậy.

Mùa xuân năm Tuyên Hòa nguyên niên triều Tống, một hôm ngài bảo đồ chúng rằng: “Đêm rồi tôi mơ đức Phật hiện kim thân một trượng sáu thước. Đó là triệu chứng tôi sẽ vãng sanh”. Liên ngay đó, thỉnh bảy sư tăng đến am trợ niệm. Đến chiều ngày thứ bảy, ngài vụt đứng dậy chấp tay to tiếng niệm Phật, rồi ngồi kiết già bắt ấn mà tịch. Khi trà tỳ, răng ngài còn nguyên, trắng sáng như ngọc.

VI - TÈ NGỌC

(Trích ở *Phật Tổ Thống Ký*)

Tề Ngọc Đại sư, họ Mạc, người Tập Xuyên, xuất gia thuở thơ ấu. Ngài sáng lắm, mỗi ngày học kinh thuộc vài nghìn chữ. Lúc đầu ngài tham học với Thần Chí Pháp sư. Về sau ngài y chỉ nơi Từ Biện Đại sư học chỉ thú Nhứt tâm tam quán. Ngài trụ trì chùa Bửu Tạng ở Điều Khê, lập hội niệm Phật lớn. Kế đó, ngài qua trụ Hoàn Sơn, đúc tượng Phật mười sáu thước, quản xuất kẻ Tăng người tục tu hành.

Một hôm giữa thời hành đạo ban đêm, ngài tha thiết bảo đại chúng: “Chúng ta lúc chưa biết niệm Phật, gây tạo vô lượng tội ác. Kinh nói phạm tội nhỏ kiết la phải đọa địa ngục chín trăm nghìn năm chịu khổ, huống là phạm đến các tội lớn thiên tu ư! Chỉ có nhứt tâm niệm Phật, thời trong mỗi niệm diệt tội trọng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nương đó ngõ hầu có thể thoát hẳn quả khổ tam đồ, thành tựu quả Thánh Tịnh độ. Huống chi cha mẹ cho chúng ta đi xuất gia, chúng ta phải cố gắng hành đạo để độ người, để báo ơn sanh thành dưỡng dục. Nếu phá giới cùng biếng tu mà phải bị sa đọa, thời đâu đáng làm người, lấy gì để trọn phận làm con!”. Đại chúng cảm động đều chí thiết sám hối, gieo mình lễ Phật, có người đến bẻ trán, tắt tiếng.

Năm Tuyên Hòa thứ 6, ngài qua trụ chùa Thượng Thiên Trúc, đêm không nằm, giữa đêm đội tượng Phật trên đầu mà hành đạo. Một hôm có ông tăng phạm luật, ngài quở rằng: “Sao ông quá đại như súc sanh vậy!”. Rồi ngài tự ăn năn rằng: “Ông ấy dầu có lỗi, quở ông súc sanh, làm nhục đến Tam Bảo”. Từ đó mỗi ngày, ngài đối trước Tam Bảo sám hối trọn ba năm.

Mùa Thu năm Kiến Viêm nguyên niên, ngài nói với Thủ Tọa Tu Huệ rằng: “Tháp Đa Bửu Phật hiện ra trước giường tôi, song không phải là chỗ tôi muốn. Tôi chỉ mong được gần đức A Di Đà Phật thôi! Ông nên vì tôi mà hạp chúng Tăng niệm Phật!”. Thủ Tọa liền đánh chuông hạp chúng tăng trên một trăm người đồng thanh trợ niệm. Giây lát ngài cúi đầu kính lễ và nói: “Đức Phật đã đến!”. Rồi ngài ngồi ngay thẳng mà tịch.

VII - TƯ TỊNH

(Trích: Phật Tổ Thống Kỳ, Tây Hồ Cao Tăng Sự Lược)

Tư Tịnh Đại sư họ Dụ, người Tiên Đường học Pháp Hoa với Đức Tạng Pháp sư, khi đã tỏ ngộ diệu lý, ngài chuyên tâm

niệm Phật, mỗi ngày tụng *Quán Kinh*, quán tưởng Tây phương. Ngài lập tịnh xá tiếp đãi chúng tăng.

Năm Tuyên Hòa, trong xứ có giặc loạn, ngài đi ngay đến chỗ tướng giặc đóng, xin đem thân thế mạng cho tất cả người trong thành, tướng giặc cảm phục chấp tay.

Ngài họa tượng Phật khéo lắm. Mỗi khi sắp họa, ngài vào tịnh thất niệm Phật, quán tưởng hồi lâu mới cầm viết. Một hôm ngài họa tượng Phật A Di Đà, tượng Phật bỗng phóng ánh sáng lâu lắm mới tắt. Giữa lúc tượng phóng quang, đại chúng đều tụ đến chiêm lễ. Nhon đó mọi người đồng gọi ngài là Dụ Di Đà.

Có người hỏi ngài sao không tham thiền? Ngài đáp: “Bình sanh chỉ biết niệm Di Đà, chẳng biết tham thiền có sao mà! Chín đặng Ngũ Hồ trắng gió mát, thái bình mưa phải khởi can qua!”.

Mùa đông, năm Thiệu Hưng thứ bảy, triều Tống, ngài đoan tọa tượng Phật. Bảy ngày sau, ngài bỗng đứng dậy thắp hương cúng Phật, rồi ngồi kiết già mà tịch. Đinh đầu âm đến bảy ngày mà chưa lạnh. Mùi hương lạ cũng đến bảy ngày mà chưa tan.

VIII - NHƯ TRẠM

(Trích ở bộ Phật Tổ Thống Kỷ)

Như Trạm Pháp sư họ Tiêu, người Vĩnh Gia. Mẹ nằm mộng thấy tòa bảo tháp mà sanh ngài. Thuở trẻ ngài xuất gia với Xa Khê Khanh Pháp sư. Về sau ngài đến học với Huệ Giác Ngọc Pháp sư ở Hoành Sơn. Tinh chuyên thể cứu, ít lâu sau ngài thông cả giáo quán Thiên Thai. Ngài trụ trì chùa Thọ Thánh ở Xa Khê. Mỗi ngày ngoài giờ giảng dạy, ngài tụng kinh *Pháp Hoa* một bộ, niệm Phật hai vạn câu.

Có người muốn được chức Tri sự, ngài không cho. Người ấy cố oán định giết ngài. Nửa đêm, người ấy mang dao vào

thất của ngài, thấy quan khách ngồi chật cả thất, người ấy vội vàng tháo lui. Qua đêm sau, người ấy lại mang dao vào thất, thò tay tìm mào tìm kiếm không ra lối đi. Ít hôm sau, người ấy cũng mang dao vào nữa, thấy ngài phân thân ra hơn mười người đều giống hệt nhau, người ấy kinh hãi bỏ chạy. Sau rồi người ấy đem chuyện trên thuật lại với bạn thân, nhơn đó nên mọi người mới rõ ngài là bậc thần dị.

Ngài ngủ rất ít. Những đêm mưa, ngài ở trên ngồi trong cỏ rậm, miệng tụng kinh Pháp Hoa, thí thân cho muỗi. Đại chúng cho rằng ngài tuổi đã cao, khuyên ngài nên bớt khổ hạnh. Ngài bảo: “Loài muỗi mòng ngu dại không lãnh thọ được Phật thừa, tôi chỉ trông mong rằng chúng nó hút máu tôi, nghe tôi tụng kinh để kết duyên Tịnh độ cho chúng nó mà thôi!”. Người sau nêu chỗ ngài thường ngồi cho muỗi cắn là Nồi văn đài (đài nuôi muỗi) để làm kỷ niệm. Ít lâu sau, ngài từ tất cả việc, ở rảnh rang nơi một cái am nhỏ, mỗi ngày tinh tấn trang nghiêm tịnh nghiệp.

Tháng chín năm Thiệu Hưng thứ 10, ngài vô bệnh đoạn tọa niệm Phật như thường mà tịch. Khi trà tỳ, được rất nhiều xá lợi ngũ sắc.

Ngài có soạn tập *Tịnh Nghiệp Ký* và giải bộ *Quán Kinh Sớ*.

IX - ƯU ĐÀM

(Trích: *Trần Giang Phủ Chí, Liên Tông Bửu Giám*)

Ưu Đàm Tông Chủ họ Tường, người Đơn Dương, xuất gia ở Lô Sơn Đông Lâm Tự. Về sau ngài ở chùa Diệu Quả tại Đơn Dương. Đầu năm Chí Đại triều Nguyên, có chiếu chỉ truyền bãi bỏ Liên Tông, ngài tự nói: “Tôi thân thọ giáo pháp Tịnh độ nơi Liên Tông gần ba mươi năm có lẽ đâu lại để tông này phải mất nơi đời tôi!”. Ngài liền lễ Phật phát nguyện quyết định khôi phục. Rồi ngài soạn bộ Liên Tông Bửu Giám mười quyển. Nay rút lấy vài đoạn khẩn yếu trong bộ ấy:

“Phàm người tu Tịnh độ rõ ràng là phải đối địch sanh tử, chẳng phải nói mà không làm, phải coi đó là một công cụ rất quan trọng mà bản phận mình phải làm cho xong. Nên nghĩ đến vô thường mau chóng, ngày tháng chẳng chờ ai. Nếu mà nửa tin, nửa nghi, nửa tiến, nửa thoái, lúc vô thường đến thời làm thế nào? Làm sao thoát khỏi luân hồi? Nếu là người tin thuận, thời bắt đầu từ ngày nay phát tâm đại dũng mãnh, phát chí đại tinh tấn. Không luận ngộ lý, không ngộ lý, không luận kiến tánh không kiến tánh, cứ thẳng một mặt chấp trì một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, vững chắc như dựa vào tòa núi to, không gì làm lay động được. Phải chuyên tâm, phải chú ý, hoặc tham cứu mà niệm, hoặc quán tưởng mà niệm, hoặc niệm luôn, hoặc mười niệm, hoặc chuyên niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, hoặc xưng niệm, hoặc lễ niệm v.v... Niệm nào cũng là Phật, tâm nào cũng không rời Phật. Sáng cũng niệm, tối cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm. Không để tâm niệm luống qua, niệm Phật không rời tâm. Tất cả giờ, tất cả ngày không được buông rời, kín đáo liền nhau. Như gà ấp trứng phải cần hơi nóng nối tiếp luôn. Niệm Phật được như vậy gọi là tịnh niệm nối luôn. Thêm dùng trí quan sát rõ ràng Tịnh độ bèn là tự tâm. Đây là công phu tấn tu của bậc thượng trí. Dầu gặp những cảnh duyên khổ hay vui, nghịch hay thuận, cũng chỉ niệm Phật A Di Đà. Không một mảy tâm biến đổi, không một chút niệm thoái đọa, cũng không một mảy tạp tưởng. Nhẫn đến hơi thở cuối cùng quyết không một niệm tưởng nào khác, chỉ mong mỗi được về Tây phương Cực Lạc thế giới. Dụng công được như thế thời vô minh nghiệp chướng tự nhiên tiêu mất, trần lao phiền não tự nhiên diệt hết. Tất sẽ tận mặt thấy Phật A Di Đà, khi lâm chung chắc chắn vãng sanh bậc Thượng phẩm.

Nếu người niệm Phật mà phiền não chưa sạch, lúc tâm niệm xấu ác móng khởi phải lập tức tự kiểm điểm. Nếu có những tâm niệm: xan tham, sân hận, si ái, tật đố, khi dỗi ngã

nhon, cống cao, ngã mạn, dua nịnh, tà kiến v.v... phải gặp to tiếng niệm Phật, nhiếp tâm nơi chánh niệm, đừng để niệm xấu được tương tục, cho đến lúc chúng nó tiêu diệt, không còn sức tái khởi nữa. Nếu có những tâm niệm tốt như những tâm niệm thâm tín, chí thành, hồi hướng, từ bi, khiêm hạ, bình đẳng, phương tiện, nhẫn nhục, trì giới, hỷ xả, thiền định, tinh tấn, chánh trí v.v... nên phải giữ gìn cho được tăng trưởng. Rất phải nghiêm trì giới hạnh, chớ làm việc quấy ác, chớ nuôi mèo chồn gà lợn, chớ làm nghề săn bắn lưới chài. Nên biết rằng các bậc Thượng thiện nhơn nơi Cực Lạc, đều do vất bỏ tất cả điều ác, tu tập hạnh lành mà được sanh Tịnh độ trụ bậc bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ đề. Người niệm Phật phải học đòi theo Phật, nên coi việc bỏ dữ làm lành là nhiệm vụ của mình.

Người niệm Phật muốn được sanh Tịnh độ, phải thường nghĩ tất cả sự vật thế gian đều là vô thường, có thành tất có hoại, có sanh tất có tử, nếu không chuyên tu Phật pháp thời chết đây sanh kia, luân chuyển trong tứ sanh lục đạo không biết bao giờ được giải thoát. Nay ta có duyên lành được nghe Phật pháp được tu tịnh nghiệp, nên chuyên tâm niệm Phật, khi bỏ thân này sẽ sanh Tịnh độ vào trong hoa sen báu, thuận hưởng những điều vui thanh tịnh, thoát hẳn sanh tử nhiệm vụ chứng quả Bồ đề. Chính đó là công vụ của hạng đại trượng phu vậy. Khi vừa nhuốm bệnh, liền phải sạch thân tâm, không chút do dự, hướng về Tây phương chuyên tưởng A Di Đà cùng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí, rồi nhứt tâm niệm “Nam mô A Di Đà Phật” không ngớt tiếng. Đối với tất cả thế sự không được lo nghĩ đến, không được tham luyến. Nếu tạp niệm móng khởi phải gấp xưng niệm A Di Đà Phật và tha thiết cho được mau sanh về Tịnh độ. Được như vậy, quyết định vãng sanh. Nếu là mạng số chưa mãn thời tự đặng lành mạnh. Vì nhứt tâm niệm Phật có năng lực diệt được vô lượng tội chướng. Cần thận chớ sanh lòng lưu luyến thế gian. Thân giả

tạm này có còn thời còn, có chết thời chết, chỉ cầu cho được vãng sanh, không chút ngần ngại. Như cởi đồ dơ rách thay y phục sạch lành, vất bỏ thân phàm, bước lên Phật địa còn gì cao quý bằng.

Về sự tín tâm chơn thật mà tu hành chính là vì muốn vãng sanh Cực Lạc thế giới chuyên tâm nhiếp niệm trì một câu A Di Đà Phật. Chỉ có một niệm này là Bản sư của mình, chỉ một niệm này là Hóa Phật, chỉ một niệm này là mãnh tướng phá địa ngục, chỉ một niệm này là bửu kiếm chém bầy tà, chỉ một niệm này là đèn sáng lớn soi tối tăm, chỉ một niệm này là thuyền to chắc qua biển khổ, chỉ một niệm này là phương thuốc thần của lương y, chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi tam giới, chỉ một niệm này là bốn tánh Di Đà, chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh độ. Cố gắng làm sao ghi rõ một câu A Di Đà Phật này khắng nơi lòng chớ cho quên lãng. Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm chẳng rời tâm. Vô sự cũng niệm như vậy, lúc hữu sự cũng niệm như vậy, an vui cũng niệm như vậy, bệnh khổ cũng niệm như vậy, sống cũng niệm như vậy, chết cũng niệm như vậy. Một niệm rành rành không mê mờ như vậy, thời cần gì hỏi thăm người để dò đường về nhà ư!...”

Khi soạn xong, ngài đưa đi cầu chứng giám khắp các bậc thạc đức, không ai có thể đổi một chữ. Ngài dâng sách lên vua nhà Nguyên, xin phục lại giáo pháp của Liên Tông. Triều đình chuẩn y và tôn ngài làm Tông chủ, phụng hiệu là Hồ Khê Tôn giả.

Đến năm Chí Thuận nguyên niên, ngài an tường viên tịch.

X - HUỆ HANH

Huệ Hanh Luật sư tự Thanh Chiếu, xuất gia học luật ở Linh Chi. Về sau ngài trụ trì chùa Diên Thọ ở Hàng Châu, chuyên tu tịnh nghiệp. Mỗi khi nói chuyện với người, tất là khuyên niệm Phật. Ngài xây bửu tháp, đúc tượng Tây phương

Tam Thánh, tướng hảo uy nghiêm, ai cũng khen là bậc nhất. Đồng thời ngài lập hội niệm Phật.

Một hôm, ông Giang Tự Nhiệm mơ thấy Thánh Tăng tay cầm bửu tòa từ trên không giáng xuống nói: “Huệ Hạnh Luật sư sẽ ngồi tòa này”. Chính ngày này, vừa lúc Tôn cư sĩ, một hội hữu, trước đã đến từ biệt ngài rồi, ông ở tại nhà đoan tọa kiết án mà qua đời. Ngài qua nhà Tôn cư sĩ thăm, rồi trở về chùa báo đại chúng: “Tôn đạo hữu đã đi, tôi cũng đi!”. Đại chúng họp đến niệm Phật. Ngài nói kệ rằng:

Di Đà luôn luôn niệm

Bạch hào tâm tâm tưởng

Nắm chặt lòng chẳng thoái

Quyết định sanh An Dưỡng!

Dứt lời, ngài đoan tọa mà thị tịch.

*

CHƯ SƯ NI

I - DIỆU THÀNH

(Trích ở Nhiễm Hương Tục Tập)

Sư ni Diệu Thành, con của họ Hà ở Hồ Châu. Cô bẩm tánh thông minh. Mẹ cô phụng Phật. Lúc còn thơ bé, mỗi khi thấy mẹ lễ Phật và niệm Phật, cô liền chấp tay niệm theo mẹ. Năm 21 tuổi, về làm dâu nhà họ Vương. Chưa đầy nửa năm, chồng chết. Cha chồng vốn là một cư sĩ ăn chay niệm Phật. Nhà chồng nghèo, cô phải làm để cung phụng cha mẹ chồng. Sáng sớm và tối, cô tụng kinh *Hoa Nghiêm*, niệm Phật, định làm thời khóa thường ngày, trải qua hơn mười năm như vậy. Về sau cha chồng xuất gia làm sư tăng, mẹ chồng qua đời, cô

bèn đến xuất gia làm ni tại am Quảng Nghiêm. Sau khi thọ Cụ túc giới, cô giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm, càng chuyên chí tụng kinh niệm Phật.

Năm Gia Khánh thứ 19, triều Thanh, cô nhuốm bệnh sơ sài, bảo chúng rằng: “Tuổi đời của tôi đã mãn, ba ngày sau tôi sẽ về Tây phương. Đại chúng nên gắng sức tu trì, sau này hoặc còn được có lúc gặp nhau. Chớ quên lời dặn của tôi!”. Đến ngày thứ ba, giữa lúc cô đọa tọa niệm Phật, cô bỗng ngược đầu lên nói: “Đức Phật A Di Đà đã đến rước, tôi xin đi!”. Dứt lời cô liền nhắm mắt mà tịch, được 47 tuổi.

II - ĐẠO CÀNG

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Sư ni Đạo Càng, họ Trần, tự Thế Thiên, người Gia Hòa. Năm 17 tuổi, cô xuất gia tại La Am ở Tú Châu. Tánh cô thích ở riêng vắng vẻ. Cô xem chuyện cơ duyên của Cổ đức, bèn phát chí hướng thượng. Sau khi thọ Cụ túc giới, cô đến chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, tham thiền lý nơi Bửu Lâm Đại sư. Khi ra mắt Đại sư, cô liền hỏi: “Thế nào là đại nhơn tướng?”. Đại sư bảo: “Chờ lúc người trừ bỏ ngũ chướng đã, ta sẽ nói cho” ([2]). Cô nói: “Dữ hôn! Thế thời đã gạt Hòa thượng đấy!”. Đại sư bảo: “Người học ở đâu được cái thứ hư đầu thiền ấy thế?”. Cô bất giác toát mồ hôi ướt cả lưng, thoát nhiên tỏ ngộ, bèn đánh lễ. Đại sư gạn trở lại: “Thế nào là đại nhơn tướng?”. Cô liền giăng thẳng hai tay ra. Đại sư ấn khả.

Cô đã được tỏ lý, không đi tham học nữa, ở một am tranh nơi Nam Hồ. Am ấy dột rách, mà cô vẫn ở an. Ngôn hạnh chơn thật, cảnh thuận cảnh nghịch không động lòng. Lễ *Hoa Nghiêm* kinh, một chữ một lạy, được mãn ba bộ, tụng *Đại Phẩm Bát Nhã* được vài mươi bộ. Lần lần đạo hạnh của cô truyền lan, thí chủ vân tập. Không bao lâu mà bên am

tranh dột rách, những điện đường đồ sộ đã lạc thành. Cô lập Niệm Phật đường họp chúng niệm Phật, gần bốn mươi năm, ngày đêm tiếng chuông tiếng mõ không ngớt. Cô từng có bài kệ tự thuật:

*Học đạo chuyên cần năm lại năm
 Từ nay chẳng chấp có cùng không
 Về nhà mưa chớ ngôi nhà mãi
 Sốt sáng vì người chửi thiện căn.*

Mùa đông năm Gia Khánh thứ 25, cô nhuốm bệnh nhẹ. Ngày 11 tháng 11, cô nói với chúng rằng: “Giờ Dần ngày mai, thời tôi đi!”. Đến kỳ, cô nói kệ rằng:

*Tám mươi tám năm, không tham không luyến
 Nay trở về nhà, nước trong trăng hiện.*

Rồi cô bảo chúng đồng thanh niệm Phật. Giây lát cô nghiêng mặt bên hữu mà tịch.

Ôi! Có Thiên có Tịnh, lại hiện nơi nữ lưu. Hy hữu thay!

III - LAN NHÃ

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Sư ni Lan Nhã, họ Trần, người Ninh Quốc. Chồng cô xuất gia làm tăng ở chùa Tây Thiên. Cô cũng xuất gia làm ni ở am Tam Thừa. Ít lúc sau cô qua ở am Lan Nhã nhưn đó mà được tên. Ban ngày cô tùy ni chúng lo việc am. Ban đêm cô riêng đọa tọa niệm Phật. Cô thích khổ hạnh, ăn mặc đạm bạc. Anh ruột của cô có lúc gửi cơm áo đến cho, cô từ mà nói rằng: “Tôi đã xuất gia, nếu thường cùng anh em qua lại, thời khác gì tại gia”.

Về sau cô vô bệnh, đọa tọa niệm Phật mà vãng sanh. Nhảm tiết nóng nực, đến bảy ngày mà thân cô không sinh hôi.

IV - ĐẠO NGỘ

(Trích ở bộ Thánh Hiền Lục Tục Biên)

Sư ni Đạo Ngộ, tự Huệ Tâm, họ Uông, người Tống Giang. Cha mất sớm, không anh em, cô cùng ở với mẹ và bà nội. Nhà nghèo lắm, cô không lấy chồng, sớm tối phụng dưỡng mẹ và bà. Ít lâu sau cô xuất gia tại am Kiết Tường, rồi qua Địa Tạng Viện thọ Cụ túc giới, ngày đêm tinh tấn niệm Phật.

Tháng Sáu năm Đạo Quang thứ 13, mẹ cô niệm Phật mà mất. Cách bảy ngày, bà nội cũng qua đời. Đến mừng năm tháng Tám, cô thỉnh Đạo Sanh Hòa thượng mà bạch rằng: “Việc lớn đã xong, con muốn về Tịnh độ, xin Hòa thượng sắm cho con một cái khánh và ngày mai nhờ chúng niệm Phật một ngày để giúp con vãng sanh”. Chiều hôm ấy cô tắm gội sạch sẽ. Sáng ngày chúng họp niệm Phật suốt một ngày. Đến tối cô bảo mọi người: “Đức Phật đến tiếp dẫn tôi!”. Rồi cô ngồi kiết già mà tịch.

V - NHƯ TRÍ

(Trích ở tập Cận Đại Vãng Sanh Tập)

Sư ni Như Trí, hiệu Lễ Tuyên, họ Vương, người kinh Triệu, cô ăn chay từ thuở bé, thích nghe tụng kinh niệm Phật. Thấy người chị họ xuất gia ở núi tu hành, cô ham mộ lắm, song vì cha mẹ quá yêu, nên cô chưa dám nói. Cô thường lên núi ở với chị, đội củi, gánh nước, ăn tương rau.

Năm 18 tuổi, cô mang bệnh nặng, thuốc men vô hiệu. Trong lúc hôn mê, cô chỉ đòi cạo tóc xuất gia, chớ không nói chi khác. Vì quá lo sợ, nên cha mẹ cô đặt bàn hương án, nguyện cùng Phật gia hộ cho cô được lành mạnh, và hứa sẽ cho cô xuất gia. Bệnh cô tự nhiên giảm dần, ít hôm là cô được mạnh. Năm 21 tuổi, cô cầu Đồng Bảo Lão Hòa thượng thế độ, rồi mùa đông năm ấy cầu thọ giới. Sớm tối cô lễ sám học luật

rất chuyên cần, bỗng bệnh xưa phát lại, cô gượng bệnh thọ Mười giới. Giới sư thương xót, bảo cô về chùa điều dưỡng, chờ lành mạnh sẽ thọ Cụ túc giới.

Về đến chùa, bệnh nặng thêm không thể chữa, nhưng cô vẫn luôn niệm Phật không ngớt tiếng. Một hôm, cô mở mắt ngó lên hư không và chấp tay, miệng to tiếng ba lần xưng Quan Thế Âm Bồ tát, đồng thời xá ba xá rồi cô yên lặng mà qua đời. Bấy giờ nhằm ngày 17 tháng 11 năm Dân Quốc thứ 8.

*

CHỮ TÍN SĨ

I - DƯƠNG GIA VĨ

(Trích ở Vãng Sanh Tập)

Ông Dương Gia Vĩ, người Kiết An, một sinh viên thời Vạn Lịch triều Minh.

Thuở trẻ ông rất ham học, không sách chi là không đọc, nhưt là kinh sách của Phật giáo. Năm 13 tuổi, ông trì giới bát sát rất nghiêm, dầu là rệp muỗi, cũng không làm tổn hại. Năm 24 tuổi, mang bệnh, ông mơ thấy đến địa phủ ra mắt đức Địa Tạng Bồ tát nơi điện Minh Dương. Sau khi thức dậy, ông mua chuộc cá chim để thả và thỉnh tăng đến nhà tụng kinh niệm Phật.

Ít hôm sau ông nói rằng: “Tôi sắp vãng sanh! Thanh liên hoa hiện ở trước tôi, đó không phải là cảnh Tịnh độ đây ư!”. Từ giờ đó trở đi, ông to tiếng niệm Phật suốt ngày đêm. Một đêm nọ, ông bảo người nhà tắt đèn và nói: “Tôi luôn ở trong quang minh của Phật, không cần đến đèn”. Hỏi ông thấy những gì, ông đáp: “Sen báu nở bốn màu”. Hỏi có thấy Phật chăng, ông đáp: “Thấy đức A Di Đà Phật hiện thân cao nghìn

trượng. Đức Quan Thế Âm cũng hiện thân đồng như Phật. Chỉ chưa thấy đức Đại Thế Chí”. Dứt lời ông trở dậy niệm hương rằng: “Kính A Di Đà, công đức bất khả thuyết! Bất khả thuyết! Bất khả thuyết! Tôi được vãng sanh bậc thượng phẩm!”. Rồi ông an tường mà mất.

II - TRẦN ĐẠO DÂN

(Trích ở Thánh Hiền Lục Sơ Biên)

Ông Trần Đạo Dân người Ngô Giang, ăn chay trường từ thuở bé. Năm Gia Tĩnh thứ 26, ông quy y thọ Ngũ giới nơi Kỳ Viên Pháp sư. Mỗi ngày ông đi sáu thời khóa tụng, miệng không rời câu Phật.

Năm Vạn Lịch thứ 15, tháng Chín, ông biết ngày giờ trước, đi từ biệt các đạo hữu. Đêm 17, vợ ông vừa thắp đèn để đàn. Ông vòng tay từ biệt vợ, rồi lên giường ngồi. Ông cởi giày vớ cột chùm lại với nhau mà nói: “Sáng mai không còn xỏ chân vào nữa”. Vợ ông vội kêu con cái ra đứng xem chừng ông và đồng thanh niệm Phật hòa theo ông. Đến nửa đêm, ông yên lặng mà mất, thân vẫn còn ngồi ngay thẳng trên giường.

III - QUA DĨ AN

(Trích ở Vãng Sanh Tập)

Ông Qua Dĩ An người Tiên Đường, quy y với Liên Trì Đại sư. Ông vốn là người hiếu thuận, thích làm việc âm đức. Khi tuổi đã cao ông phụng Phật rất chí thành. Ông hiệp sức với sư Nguyên Tổ lập hội niệm Phật, tụng kinh Hoa Nghiêm. Được ít lâu ông nói: “Mạng số tôi gần mãn, tôi phải gấp lo tư lương về Tịnh độ”. Rồi ông tự cấm túc ở riêng một nếp nhà, ngày đêm niệm Phật và quán tưởng Tây phương. Một hôm, ông gửi lời hẹn trước ngày vãng sanh và từ biệt các hội hữu.

Trước kỳ hẹn hai ngày, thân quyến đến thăm ông, ai nấy đều tỏ vẻ buồn. Ông bảo: “Có sanh tất có tử, có gì mà buồn. Tôi đang ngưng thần chú tưởng Tịnh độ ra mắt đức Phật A Di Đà. Các người chớ đem lòng tình ái làm loạn động chánh niệm của tôi!”. Ông cho người đi thỉnh sư Nguyên Tố đến cùng ông đồng thanh niệm Phật. Quả thật ông chánh niệm phân minh, an lành mà từ trần đúng ngày ông đã hẹn.

IV - ĐỖ CƯ SĨ

(Trích ở Vãng Sanh Tập)

Đỗ Cư sĩ người Thuận Thiên, lánh tục ở ẩn nơi trai đường cạnh chùa Thụy Quang tại Tây Sơn. Ngót ba mươi năm ông chuyên tâm niệm Phật. Có ai tới thăm viếng, ông chỉ chấp tay niệm Phật mà thôi. Về sau, ông dự biết sắp chết, bèn kiết kỳ chín ngày lễ Phật sám hối. Mỗi khi đọc đến lời khấn thiết trong sám văn, thồi ông nghẹn ngào rơi nước mắt. Lễ sám đủ chín ngày, ông đoạn tọa mà qua đời. Mười ngày sau mới nhập liệm, thân ông nhan sắc vẫn tươi như sống. Ngày ấy có mây ngũ sắc giăng trùm trên trai đường. Người ở Tây Sơn đều truyền nhau khen là sự lạ ít có.

V - CỐ NGUYÊN

(Trích ở Hám Sơn Mộng Du Tập)

Ông Cố Nguyên hiệu Bửu Tràng Cư sĩ, người Ứng Thiên. Ông là một danh sĩ thời Gia Tĩnh, thuở trẻ nổi tiếng tài ba, làm thi thơ hay, viết chữ tốt, họa vẽ khéo. Năm 40 tuổi, ông bỏ hẳn tất cả nghề trước, ăn chay trường, ở một mình trên một tòa lầu nhỏ, chuyên tu thiền quán. Hàng phụ nữ, dầu là thân quyến, tuyệt không được thấy mặt ông. Mỗi đêm đến đầu canh năm, ông đánh mõ lớn, to tiếng niệm Phật A Di Đà.

Gần bên lầu có nhà hàng thịt, nghe tiếng mõ niệm Phật bèn dậy làm heo. Một hôm người hàng thịt ấy dậy trễ, giận rầy

mụ vợ sao không đánh thức mình. Mụ vợ nói: “Anh không nghe giờ này ông Đạo Nhơn đánh mõ niệm Phật đấy ư? Người ta thời lo tu hành còn anh lo tạo nghiệp ác. Anh tự không biết tội, mà trở lại rầy tôi là sao vậy?”. Nghe vợ nói, người hàng thịt ngạc nhiên, tự xét lỗi, ăn năn lắm, bèn đập gãy dao, bỏ nghề hàng thịt. Do đó, những người hàng thịt trong xứ ấy cũng cảm hóa theo mà đổi nghề khác rất đông.

Ông Cổ Nguyên rất thân với Vân Cốc Thiền sư ở chùa Thê Hà, và cùng Thiền sư lập hội Tây phương.

Hám Sơn Đức Thành Đại sư, một đệ tử cao túc của Vân Cốc Thiền sư, một hôm đến Thê Hà, trông thấy cư sĩ đang ngồi dáng dượng rất thanh, Đại sư lại gần, thấy cặp mắt của cư sĩ không nháy, gương mặt như người đã bỏ cõi trần. Lát sau cư sĩ vào điện lễ tháp thờ Xá lợi Phật, đánh tháp bỗng hiện ánh sáng năm màu chói rực hình như bức màn báu. Đại sư lấy làm lạ đem việc ấy hỏi Vân Cốc Thiền sư, Thiền sư bảo: “Đó là bửu tràng, ông ấy đương quán tưởng Tây phương đấy!”.

Ít lúc sau, ông Cổ Nguyên nhuốm bệnh nhẹ, ông thỉnh vài vị Sư đến lâu niệm Phật. Người nhà chạy đến báo rằng: “Khắp cả nhà đều nghe mùi hương sen”. Chư sư tăng đều kính mừng. Nhưng ông vẫn thản nhiên như không, thông thả bảo chư Sư rằng: “Hơn nửa tháng nay tôi luôn ngồi trong hoa sen, thấy thân của đức Phật A Di Đà lớn khắp cả hư không thế giới, thế giới đều sắc huỳnh kim. Đức Phật mỉm cười nhìn tôi, nắm tay tôi, cùng lấy y phủ trên mình tôi. Tôi sẽ sanh Cực Lạc”.

Mấy người con trai của ông khóc thưa: “Cha về Tây phương đã an phận, còn bọn chúng con đây thời làm sao?”. Ông cười bảo: “Các con cho rằng cha sống ư! Chết ư! Không xem mặt trời kia: mọc phương Đông rồi lặn phương Tây. Quả là mặt trời lặn thiệt đấy ư!”. Rồi ông hẹn giờ trước. Đến giờ ông tắm rửa thay y phục, đoan tọa hướng về Tây phương mà mất. Hương sen thơm ngát trọn ba ngày mới tan.

VI - CHÂU NGUYỄN CHÁNH

(Trích ở bộ *Pháp Hoa Trì Nghiệm Ký Sự*)

Ông Châu Nguyễn Chánh, một danh sĩ ở Hải Diêm, bình sanh ông có chí học đòi hạnh đức của Thánh Hiền, hằng ngày khắc kỷ rất nghiêm. Năm trên 60 tuổi được thâm nhập thiền duyệt, ông bèn ở riêng một ngôi nhà phía sau vườn, không tiếp khách không hỏi đến việc nhà. Mỗi buổi sáng, ông tụng một quyển kinh *Pháp Hoa*, xế chiều thời tịnh tọa.

Một hôm ông Trần Tác Lương, học trò của ông đến thăm và thưa: “Thầy tuổi đã cao sao không tạm khai giới rượu ư?”. Ông nghiêm mặt bảo: “Có phải là trò muốn bảo ta nên điều dưỡng khí huyết đó không? Trò không biết rằng ta đối với sự sanh tử đã được tự chủ!”. Tác Lương rùng mình khiếp sợ mà lui ra. Tháng Bảy năm ấy, ông nói với người con trai rằng: “Cha ở đây không phận sự gì đáng nên đi”. Người con hỏi: “Cha tính sẽ đi đâu?”. Ông đáp: “Đi Tây phương Cực Lạc thế giới!”. Con và cháu cố cầm ông lại.

Đến ngày mừng một tháng chạp, ông nhuốm bệnh nhẹ, bỏ ăn. Người nhà chộn rộn lo sắm đồ. Ông nói: “Chớ vội! Đây là việc nửa đêm ngày mừng tám, chớ chưa phải liền bây giờ”. Đến kỳ ông đoan tọa muốn từ trần, song lại nói: “Trọn đời, tôi không hề phụ ai một mảy gì. Mùa Đông này, ông thợ ở sau nhà dọn cỏ và ban bằng một khoảnh đất bên ngõ vườn, ý muốn chờ mừng một Tết tiện cho tôi đi đứng. Tôi chưa có chi đáp lại tấm lòng tốt ấy!”. Ông bảo đem giấy bút lại, rồi tự tay viết bài thi gửi tạ ông thợ ấy, và dặn sắp con cháu khi ông mất chừng hai ba giờ sẽ cho phụ nữ đến, có đến cũng chớ có khóc kể. Dặn xong, ông vẫn ngồi yên tại chỗ nhắm mắt mà qua đời. Hùng sáng quyển thuộc đến bu xung quanh mà kêu khóc. Ông bỗng mở mắt lắc đầu khoát tay bảo ra. Khi phụ nữ ra hết, ông mới nhắm mắt mà đi thẳng.

VII - CHÂU ĐÌNH CHƯƠNG

(Trích ở tập Kim Cang Linh Ứng Lục)

Ông Châu Đình Chương người Vân Nam, tánh chơn thật hiền hòa. Khi làm ăn, ông không tính là được hay thất, nếu có dư tiền đem chia cho người nghèo. Có ai đến bàn luận với ông công sự gì, ông liền cười không đáp. Thậm chí có ai chế nhạo, hay mắng nhục, ông cũng chỉ cười mà thôi.

Mỗi ngày sáng sớm, ông tụng một quyển kinh *Kim Cang*, một biến kinh *A Di Đà*, một quyển kinh *Quan Âm*, rồi hồi hướng Tịnh độ. Ông tự lấy làm vừa lòng với công việc ấy lắm. Ông từng nói: “Tôi chẳng rời nhật dụng, chẳng móng tâm tham ái, như thế là đủ rồi”.

Năm 87 tuổi, tiết Thanh minh, ông lên mộ tạ từ tổ tiên. Về đến nhà ông liền nói với mọi người: “Đức Phật A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát đồng đến rước tôi!”. Rồi ông lại nói: “Đức Quan Thế Âm bảo tôi tuyệt đồ cá thịt năm ngày mới được về Tây phương”. Và bắt đầu ngày đó, ông chỉ ăn cháo trắng với rau luộc. Đủ năm ngày, ông tắm gội, thay áo, đội mũ, bảo các con em tụng danh hiệu của thất Như Lai. Còn ông thời tụng kinh như những thời khóa thường ngày. Tụng niệm xong, ông đoan tọa mà mất. Qua ngày sau, có mùi thơm lạ từ thân ông phát ra, sắc mặt vẫn tươi như sống.

VIII - TRANG QUẢNG HOÀN

(Trích ở bộ Tịnh Độ Tư Lương Tập)

Ông Trang Quảng Hoàn tự Phục Chơn, người Gia Hưng. Lúc trẻ học nho, lớn lên học y khoa, đến năm bốn mươi ngoài tuổi ông nhàm việc đời, bèn chuyên luyện thuật dưỡng sanh. Ít lúc sau mang bệnh, ông ngậm ngùi than rằng: “Tôi lại không thể làm một người thanh nhàn trong trời đất này ư?”. Ông tạo

một miếng vườn, chặt đá làm núi, trồng bông, sửa kiếng, rồi luôn ngày ca ngâm ở trong đó. Một hôm thấy bông héo rụng, nghĩ thân mạng vô thường, ông liền phá bỏ cảnh vườn, đóng cửa tọa thiền cùng tụng kinh *Kim Cang*, kinh *A Di Đà* v.v...

Sau đó ông đi Hàng Châu, gặp một cụ già cùng nhau luận về Phật pháp. Cụ già hỏi: “Ông học Phật, mà ai là thầy của ông?”. Ông đáp: “Tôi không có thầy”. Cụ già bảo: “Chắc ông đã từng đọc sách Phục Khí của Liễu Tử Hậu chứ! Trên đường đạo vô thường vi diệu mà không có người dẫn dắt, đâu khỏi sự lạc lăm. Gần đây có Liên Trì Đại sư ở chùa Vân Thê sao ông không đến tham học?”. Ông vâng lời đến chùa Vân Thê ra mắt Liên Trì Đại sư, Đại sư giảng dạy về pháp môn niệm Phật. Ông xin quy y thọ Ngũ giới. Khi về nhà, mỗi ngày ông định khóa năm vạn câu Phật. Hành trì chưa đầy nửa năm thì tâm địa được đứng trong. Năm 80 tuổi, ông lại đến Vân Thê thọ Bồ tát giới.

Ông thường lo người trong xứ không hiểu Chánh pháp, phần đông xu hướng theo tà giáo, ông mới rút lấy yếu ngữ trong những bộ kinh luận về Tịnh độ làm thành bộ *Tịnh Độ Tu Lương Tập* để khuyên người. Từ đó lần lần người trong xứ được cảm hóa mà trở về Chánh pháp.

IX - BÀO TÔNG TRIỆU

(Trích ở *Thiên Nhạc Minh Không Tập*)

Cư sĩ Bào Tông Triệu tự Tánh Tuyên, người Thiệu Hưng. Nhà ông vốn là tín đồ ăn chay trường, thọ Ngũ giới, thuộc lòng hai bộ kinh *Pháp Hoa* và *Lăng Nghiêm*, mỗi ngày đều tụng giáp bộ một bận.

Ngày nọ, thân phụ sai ông coi hàng giấy ở Gia Hưng, giận ông xé giấy xem, phạt ông quỳ. Một lát cho đứng dậy, thời ông đã tụng xong mười quyển kinh *Lăng Nghiêm*.

Ít lúc sau, ông theo học đạo với các đại Thiên sư như Tứ Bá, Tân Mộc v.v... Khi gần già, ông hai ba phen đến tham phỏng Liên Trì Đại sư rồi xin quy y thọ giới, và dốc lòng tu tịnh nghiệp.

Ông nghiên cứu *Phương Sơn Hiệp Luận* và *Vĩnh Minh Tông Cảnh Lục*, được tín giải thông lợi. Tự hiệu là Thiên Cổ Cư sĩ. Ông có trứ tác tập *Thiên Nhạc Minh Không*.

Khi sắp lâm chung, ông bảo người nhà sắm tiệc chay, rồi mời các pháp hữu đến nhà đồng thanh niệm Phật A Di Đà. Lúc mặt trời sắp lặn, ông chấp tay tạ mọi người mà nói: “Xin vĩnh biệt quý ngài!”. Rồi ông đọa tọa mà mất.

X - LA DOÃN MAI

(Trích ở tập Châu An Sĩ Văn Cảo)

Cư sĩ La Doãn Mai người Thái Thương. Cha mơ thấy một Sư Tăng đến nhà xin ở nhờ, sáng ngày thì cư sĩ sanh. Khi lên bốn, cư sĩ nhớ rõ dung mạo cha mẹ đời trước cả đến tên làng, thường đem thuật lại với người nhà. Năm lên năm, một hôm cư sĩ chạy vòng theo cột chóng mặt té, mẹ đánh cho. Cư sĩ khóc mết rồi ngủ, khi thức dậy thì không còn nhớ việc đời trước nữa.

Cư sĩ rất thông minh, khi vào trường học ai cũng định cư sĩ sẽ là người trong khoa đệ. Nhưng thân phụ thấy cư sĩ luôn ươn yếu, nên không cho đi thi. Cư sĩ tham đạo với Nghiệt Nham Thiên sư đặng tỏ thấu diệu lý, tự hiệu là Vô Thiên Cư sĩ. Rồi cư sĩ chuyên tâm quy hướng Tịnh độ.

Khi thân phụ tuổi đã cao, cư sĩ gánh vác tất cả việc nhà, không để phiền đến cha già, cùng cần mẫn phụng dưỡng. Người thời ấy khen tặng cư sĩ là bậc hiền hiếu.

Mùa Thu năm Khang Hi thứ 40, cư sĩ có bệnh nặng, muốn viết kệ từ trần. Thoạt nghe trên không có tiếng gọi to:

“Thắng Liên cư sĩ, còn thọ một kỷ!”. Rồi bệnh liền lành. Thân thích lấy làm lạ, bèn cùng nhau gọi cư sĩ là Thắng Liên.

Người trong xứ ít biết tu hành, cư sĩ cố động lập hội niệm Phật được bốn chỗ, nhờ đó tiếng niệm Phật gần khắp cả quận.

Mùa Thu năm Khang Hi thứ 52, cư sĩ nhuốm bệnh, tính ra đủ 12 năm. Thân thuộc đều lo, nhưng cư sĩ vẫn thản nhiên. Ít ngày cư sĩ mơ thấy một người bảo: “Ông khuyên người niệm Phật có công lớn nên tuổi thọ còn dài”. Sau khi thức giấc, bệnh như mất.

Cư sĩ tánh rất nhơn từ, phạm những việc dục anh, dưỡng lão, chẩn bần, phóng sanh v.v... đều tận tâm, tận lực thực hành. Bình sanh cư sĩ chỉ nghĩ đến sự khổ nạn của người, mà không kể sự tổn hại nơi mình. Dưới đây là một trong nhiều việc: Mùa Đông năm Ất Mùi có hai người lán giềng mượn nơi cư sĩ 100 lượng bạc để đi buôn. Khi ghe đến miếu Thiên Phi thời tiền mất. Trọn ghe bảy người đều trở lại, sắp đến cửa công tố cáo. Cư sĩ hay được, gọi cả lại mà bảo: “Đến quan tất là kèm kẹp tra khảo. Nếu chính là người trộm thời đành, còn nếu không phải thời sao! Vả lại trong đây có hai người ở xứ xa, những ngày bị giam cầm, ai đem cơm nước cho?”. Rồi cư sĩ hứa khỏi phải trả lại số tiền đã mượn ấy, và bảo hai người lán giềng bỏ việc mất đó đi. Xem đây đủ thấy tấm lòng từ thiện của cư sĩ.

Năm 71 tuổi, tiết Đoan dương, Hoài Tây cư sĩ đến thăm, cư sĩ mừng lắm nói: “Tôi muốn soạn tập Tây Quy Trục Chỉ để khuyên người niệm Phật. Nhờ tiên sanh viết thay cho, để khắc bản cho sớm!”. Hoài Tây nhận lời.

Ngày mùng 2 tháng Sáu năm ấy, cư sĩ đi từ biệt các thân thuộc bằng hữu, tha thiết khuyên nhắc tu hành, hẹn đến ngày mùng 6 thì về Cực Lạc. Cư sĩ lại dặn người nhà lo khắc bản tập Tây Quy Trục Chỉ.

Đến ngày mùng 6 tháng Sáu, cư sĩ tắm gội thay y phục rồi đoan tọa mà nói rằng: “Bảy mươi một năm, mang đây da này, ngày nay vất bỏ, tự tại biết bao!”. Dứt lời cư sĩ liền tạ thế. Một giờ sau, thân quyến bu khóc thái quá, cư sĩ mở mắt ra nói: “Sao lại làm lụy tôi phải chậm hết bảy ngày!”.

Sáng sớm ngày 14, cư sĩ nói: “Hôm nay tôi nhứt định về!”. Kế có Càn Hành Trưởng lão dắt vài đạo hữu đến trợ niệm. Giờ Thìn, cư sĩ bỗng đứng dậy nói: “Đại sĩ đã đến rước!”. Rồi cư sĩ chấp tay hướng về Tây phương to tiếng niệm Phật mà qua đời. Ngày 16, Hoài Tây mang bản thảo tập Tây Quy Trục Chỉ đến, mới hay Thăng Liên cư sĩ đã vãng sanh vào ngày bản thảo vừa soạn xong.

XI - CHÂU MỘNG NHAN

(Trích ở bộ An Sĩ Toàn Thư)

Ông Châu Mộng Nhan, vốn tên Tư Nhon, tự An Sĩ, là một danh sĩ ở Côn Sơn. Ông thông khắp kinh tạng, thâm tín Pháp môn Tịnh độ, tự hiệu là Hoài Tây cư sĩ.

Ông từng xét rằng: Người đời tạo vô lượng tội ác mà hai ác nghiệp sát sanh và tà dâm chiếm hết nửa phần. Ông bèn soạn hai bộ sách: giới sát và giới dâm.

Bộ giới sát đề là Vạn Thiện Tiên Tư trong đó lời rất khẩn thiết, ai xem đến cũng động lòng. Ông tự nói mỗi khi qua các miếu thần thờ vái rằng: “Ngưỡng mong Tôn thần phát tâm xuất thế, chớ hưởng rượu thịt. Nên nhứt tâm thường niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ. Tư Nhon này từ nay cho đến trọn đời nếu tự giết một con vật nhỏ, nhẫ đến tất cả quyến thuộc trong gia đình tôi, nếu ai cố ý hại mạng một con muỗi con kiến, xin Tôn thần phạt tội, cùng phá diệt tất cả bản sách của tôi soạn. Tư Nhon này từ nay cho đến trọn đời, nếu thấy cá chim bị nạn mà không thương xót tìm cách cứu vớt, trái lại

móng tâm sát hại, cũng đồng với thế trên. Tu Nhơn này từ nay cho đến trọn đời dầu là trong giấc mộng, nếu thấy người sát sanh mà không chí thành niệm Phật, phát tâm cứu độ, trở lại tùy hỷ tán thành, cũng đồng với lời đã thế trên”.

Bộ giới dâm tên là Dục Hải Hồi Cuồng, trong đó chỉ rõ vô lượng tội lỗi và nhiều khổ báo của người dâm loạn. Với phương pháp trừ dâm ông trình bày:

A- Quan sát thai ngục rõ các thứ khổ xấu, làm phương tiện dứt lòng dâm đầu tiên.

B.- Quan sát trong thân người đây có vô số hộ trùng, dùng làm cửa cho môn bất tịnh quán.

C.- Quan sát thân trai thân gái, trong đó đầy những máu mủ đàm nhớt, nước miếng nước dãi, là bọ da đặng phần nhơ, để đối trị dục tâm.

D- Quan sát thân người chết: xanh bầm lạnh cứng, sinh trương nứt nẻ, cực kỳ hôi thối, sanh tửa sanh dòi, da thịt tan rữa, xương cốt rã rời... Thân hiện tại của ta đây, ngày mai cũng sẽ như vậy. Dùng làm phương tiện dứt hẳn dâm tâm.

E- Quán tưởng thân mình ở trong hoa sen báu nơi ao thất bảo tại Cực Lạc thế giới. Hoa nở, thấy Phật cùng Bồ tát và những cảnh trang nghiêm thanh tịnh, thấy mình lễ Phật cúng dường. Lúc quán tưởng như vậy, phát nguyện tha thiết cầu sanh Cực Lạc thế giới, để thoát hẳn chôn dục trần. Đây là phương tiện cứu cánh giải thoát.

Ngoài ra ông còn có soạn bộ Âm Chất Văn Quảng Nghĩa và bộ “Tây Quy Trục Chi”.

Năm Càn Long thứ 4, tháng giêng ông nói với người nhà rằng ông đi về Tây phương Cực Lạc thế giới. Người nhà xin đem nước thơm đến cho ông tắm rửa. Ông nói: “Tôi dùng nước thơm tự tắm gội rồi!”. Ông nói cười như thường mà mắt. Mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. Thọ 84 tuổi.

Trước đây ông có người bạn là Vương Mạnh Lân chuyên chí tu Tịnh độ, mỗi ngày coi việc niệm Phật là nhiệm vụ khẩn yếu nhất. Năm Khang Hi thứ 41, mùa Đông, ông Lân có bệnh. Tháng 11, ông đến thăm, Mạnh Lân nói: “Ngày 17 tới đây, người đời cho là ngày Khánh đản của đức Phật A Di Đà, tôi sẽ về Cực Lạc nội ngày ấy!”. Ông hẹn sẽ đến đưa. Sáng ngày 17 ông đến, thấy Mạnh Lân dầu là bệnh mà thần sắc tươi tỉnh vui vẻ. Ông bảo: “Tiên sanh nên phát Bồ đề tâm! Trong kinh dạy người tu hành mà không phát Bồ đề tâm như cày ruộng mà chẳng gieo giống”. Rồi ông luận rõ nghĩa lý Tứ hoằng thệ. Ông Mạnh Lân vui vẻ gật đầu. Ông già từ và một lát sẽ trở lại. Sau buổi cơm trưa, ông trở lại thời Mạnh Lân đã niệm Phật mà từ trần hồi nửa buổi rồi. Bảy giờ đã cách hơn ba giờ mà thân ông Lân vẫn đoan tọa ngay thẳng, sắc mặt không đổi.

XII - KHƯƠNG KIẾN LONG

(Trích ở Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Ông Khương Kiến Long người Ngô Huyện, tánh hào hiệp. Gặp năm đói kém ông đem hết tư sản để chẩn bần, do đó nhà bèn trở nên nghèo. Ông học nhãn khoa để sanh nhai. Ông vốn thích thuật trường sanh (tu tiên).

Một đêm nọ, ông mơ thấy mình đến một chỗ núi cao hang thẳm, gió lạnh thổi rợn người, ông vội tìm người. Thoạt trên không trảng phan đầy trời. Trên kiệu báu một người ngồi kiết già, thân cao lớn ánh sắc vàng. Ông chắp tay ngược mặt khẩn cầu: “Tôi vì tội chướng nhiều nên đi lạc vào chốn hiểm địa này, xin ngài cứu cho!”. Người thân vàng hỏi: “Ông chịu phát nguyện không?”. Ông cúi lạy thưa: “Từ nay trở đi, Kiến Long này nguyện làm tôi con nhà Phật”. Người thân vàng bảo: “Tốt lắm! Ngày mai sẽ có Tỳ kheo chỉ dẫn ông tu hành, cẩn thận chớ bỏ qua!”. Ông bỗng choàng thức dậy. Sáng ngày quả thiệt có Sư Tăng đến nhà. Ông hỏi phương pháp tu hành. Sư nói:

“Cốt yếu tu hành không gì qua niệm Phật. Người có thể niệm Phật quyết định sanh Tây phương, người có thể niệm Phật đặng bậc bất thoái chuyển, người có thể niệm Phật chóng thành Chánh giác”. Kiến Long mừng lắm, từ đó mỗi ngày ông niệm Phật trên một vạn câu. Tiếng niệm Phật của ông rất thanh và rất lớn, vang suốt cả xóm làng.

Năm Càn Long thứ 43, tháng tám, ông nhuốm bệnh nhẹ, bảo các con rằng: “Cha nhứt tâm cầu sanh Tây phương không còn quyền luyến chi khác”. Đến ngày Rằm, ông biên bài kệ:

Thoát hẳn ngũ trược khổ

Vãng sanh Cực Lạc độ

Hoa báu sáng đẹp tròn

Một niệm lên giác lộ

Giờ Ngọ ngày 16, ông an lành niệm Phật mà mất. Thọ 75 tuổi.

XIII - TRÂM BÌNH

(Trích ở Nhị Lâm Cư Hậu Tập)

Ông Trâm Bình tự Kính Phu, người Trường Châu. Năm 15 tuổi, ông mang bệnh suyễn, đến năm 30 tuổi bệnh thêm nặng, ông phát tâm xuất thế, niệm Phật rất chí thiết. Năm 50 tuổi bệnh càng trầm trọng, từ tháng giêng đến tháng năm, nằm liệt nơi giường. Ông thệ ăn chay trường.

Dương Quảng Văn đến thăm bệnh, khuyên ông trì kinh *Kim Cang*. Quảng Văn đỡ ông ngồi dậy, chỉ cho ông đọc trọn quyển. Đến ngày thứ ba thời mỗi ngày ông đọc được ba quyển. Nửa tháng sau thời ông lành bệnh. Từ đó về sau, cứ mỗi ngày ông tụng ba quyển kinh *Kim Cang* và không ngớt niệm Phật. Ban đêm ông thường ngồi niệm đến sáng. Bệnh suyễn dần dứt mà lưng lại còm. Sau đó 5 năm, một đêm nọ

giữa lúc tịnh tọa niệm Phật, ông phát nguyện thệ thành Chánh giác độ tất cả mọi loài. Liền đó xương sống bỗng kêu răng rắc lung bèn y thẳng như người thường. Rồi ông đến thọ Ngũ giới với Đại sư Lữ Đình.

Ông thường nói: “Vạn vật trong thế gian sanh diệt không dừng, chỉ có một câu A Di Đà Phật là an ổn nhưt!”. Ông lại nói công phu niệm Phật của mình rất đặng đặc lực, trong những lúc bệnh nặng cả thân đau khổ, chỉ một câu Phật rành rẽ nơi tâm không hề quên hờ.

Năm Càn Long thứ 46, tháng 11, bệnh sơ sài vài ngày. Sáng sớm ngày 30, sau khi súc rửa xong, ông kiết già xoay mặt về Tây phương mà niệm Phật. Vợ lại đứng gần, ông khoát bảo đi. Một lát sau, thấy ông ngồi yên lặng quá lâu, người nhà lại xem thì ra ông đã qua đời rồi.

Vợ ông cũng trường trai niệm Phật, rồi xuất gia làm Ni.

XIV - TRÂM TRUNG HÚC

(Trích ở Nhị Lâm Cư Hậu Tập)

Ông Trâm Trung Húc người Ngô Huyện, một danh y triều Thanh. Ông rất thích bố thí. Với người bệnh nghèo không lấy tiền thuốc, mà còn giúp tiền gạo là khác. Vợ mất sớm, ông không chấp nói, mỗi ngày siêng tu tịnh nghiệp.

Hoặc nơi đầu đường, hoặc bên cầu, hoặc chỗ đô hội, ông đều biên danh hiệu đức Phật A Di Đà và những lời thiết yếu để khuyên người niệm Phật. Khi gặp người bệnh nguy nặng, ông than thở bảo: “Sức tôi không cứu nổi biết làm sao”. Người bệnh khóc cầu. Ông nói: “Tất phải niệm Phật. Tây phương Cực Lạc thế giới có đức Phật A Di Đà. Nếu người chí tâm xưng niệm, thời diệt được tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp. Người có tin không?”. Người bệnh đáp: “Vâng!”. Ông lại hỏi: “Có thể chuyên tâm niệm Phật không?”. Người bệnh

lại vâng dạ. Ông nói: “Nếu thiết được như vậy thì bệnh có thể chữa được”. Rồi ông cho thuốc. Luôn luôn được công hiệu một cách phi thường. Do đó, người tin theo ông mà phát tâm ăn chay niệm Phật rất đông.

Năm trên 70 tuổi, ông chánh niệm an tường mà mất. Ngót mấy mươi năm sau, người xứ ấy, khi luận hàng cư sĩ tu tịnh nghiệp tất để ông vào bậc nhất.

XV - QUỶ ĐỊNH QUỐC

(Trích ở Phật Tổ Thống Kỷ)

Ông Quỷ Định Quốc hiệu Tính Trai, người Minh Châu, chức Học Dụ tại châu. Ông vốn người tu tịnh nghiệp, lập hội Tây quy.

Năm Gia Thối, ông cất Tịnh Độ Viện tại Tiểu Giang, xây tháp đá nơi ao để chứa xương cốt người trong xứ. Mỗi tháng, ngày mùng 8 và 18, họp Tăng và tục nơi viện, tụng *Quán Kinh* và niệm Phật. Ông khắc Niệm Phật đồ để khuyên nhắc mọi người niệm Phật.

Kê Công, một thợ rèn, năm 70 tuổi bị bệnh mù, lãnh đồ niệm Phật. Niệm đủ bốn bức đồ, thời cặp mắt tỏ sáng như thường. Trọn ba năm ông Kê niệm mãi được 17 bức đồ. Một hôm, giữa lúc niệm Phật ông Kê bỗng chết, nửa ngày sống lại bảo con rằng: “Cha đã được thấy Phật và Bồ tát ở Cực Lạc thế giới, Quỷ Học Dụ là người dẫn đạo cho cha tu hành, nên chia công đức sáu bức đồ tặng ngài, và tạ ơn ngài thế cha!”. Dặn xong, ông hướng về Tây phương đọa tọa mà mất.

Năm Gia Định thứ 4, ông Định Quốc mơ thấy Thanh Đồng bảo rằng: “Đức Phật sai tôi đến cho ông hay: Sau ba ngày ông sẽ sanh về Cực Lạc”. Đến kỳ, ông tắm gội thay áo, rồi đọa tọa xướng hiệu Phật mà từ trần.

XVI - HUỖNH THỪA HUỆ

(Trích ở *Hám Sơn Mộng Du Tập*)

Ông Huỳnh Thừa Huệ người Hàng Châu, có chí tiết, không theo lệ tục. Ông thờ mẹ rất hiếu. Tánh thích bố thí, gặp ai không áo, ông liền cởi áo mình đương mặc mà cho, gặp người thiếu ăn, ông liền trút hết tiền trong túi mà tặng.

Văn Khải Sơ, em vợ ông, dắt ông đến chùa Vân Thê quy y với Liên Trì Đại sư, pháp danh là Tịnh Minh.

Về sau ông mang bệnh thổ huyết trọn ba năm bệnh thêm nặng, Văn Khải Sơ đến thăm khuyên niệm Phật. Vì đương đau mệt quá, ông không niệm. Khải Sơ to tiếng bảo: “Nếu anh chết, thời cái mà hiện tại nhận biết đau khổ đây, nó sẽ về đâu?”. Ông giật mình hỏi: “Thế thời phải làm sao?”. Khải Sơ bảo: “Không gì hơn niệm Phật!”. Ông hỏi: “Cậu bảo tôi niệm tự tánh A Di Đà hay Cực Lạc A Di Đà?”. Khải Sơ gạn lại: “Thế anh cho là hai ư?”. Ông tỉnh ngộ, liền thỉnh Huệ Văn Pháp sư đến nhà làm lễ thượng tượng Phật. Pháp sư giảng giải nhân duyên Tịnh độ. Ông mừng lắm, cầu Pháp sư xuống tóc thọ giới Sa di. Khi thọ giới xong, ông dặn thân quyến không được đến gần, chỉ để một người trai trẻ săn sóc ông thôi. Rồi ông chuyên tâm niệm Phật và tụng thầm kinh *Pháp Hoa*. Bảy ngày sau, tất cả người nhà đều nghe mùi hương sen thơm ngát. Ông mỉm cười nói rằng: “Không đem đến một món, không mang đi một vật. Trăng tròn lên đỉnh núi cao, mới thật bỏn lai chơn diện mục!”. Ông bảo người thỉnh chư sư tăng niệm Phật, cùng sắm hoa quả cúng Phật. Khi chư Tăng đọc bài phát nguyện “Khể thủ Tây phương” đến đoạn “Phóng quang tiếp dẫn, thùy thủ đề huề”, ông vụt trở dậy ngồi ngay thẳng, vẻ mặt hân hoan, mắt chăm nhìn tượng Phật mà tạ thế.

XVII - VĂN KHẢI SƠ

(Trích ở Hám Sơn Mộng Du Tập)

Ông Văn Khải Sơ người đồng hương với Huỳnh Thừa Huệ. Thuở trẻ thường đau ốm, ông phát tâm muốn thoát khỏi sanh tử, bèn đến Vân Thê quy y với Liên Trì Đại sư lãnh thọ pháp môn niệm Phật, pháp danh là Đại Thành.

Ngày Liên Trì Đại sư viên tịch, Đức Thanh Đại sư đến Vân Thê điều tang. Khải Sơ đánh lễ cầu xuống tóc xuất gia. Đức Thanh Đại sư bảo: “Tứ đại còn không cầu phước được Phật tánh, huống là mới tóc làm trở ngại được ư! Ông có bốn phận phụng dưỡng cha mẹ, chưa nên xuất gia!”. Ông bèn thôi.

Ít lâu sau, nhuốm bệnh, ông nói: “Tôi sẽ thẳng về Tây phương, bệnh không can gì!”. Đến khi bệnh nặng, tinh thần hôn loạn không tự chủ được, ông lo sợ lắm bảo người thỉnh chư Tăng đến trợ niệm. Qua ngày sau vẫn hôn loạn như cũ. Ông chăm hăm nói: “Gốc rễ sanh tử chẳng phải người khác nhờ thế cho được!”. Rồi ông gượng bệnh đứng dậy, tự đi rửa mặt súc miệng. Sau khi mặc áo xong, ông đến quỳ trước bàn Phật, đốt liệu hương nơi cánh tay, cầu ai sám hối suốt cả đêm không biết mỗi mết. Đến sáng, ông về phòng ngồi, thời tâm thần an định minh mẫn và Thánh cảnh hiện tiền, ông liền cầu chư sư tăng xuống tóc, rồi mặc ca sa từ biệt mọi người mà mất.

Được tin, Đức Thanh Đại sư khen rằng: “Ông Văn Khải Sơ đáng gọi là Liệt trượng phu đại dũng mãnh vậy”.

XVIII - CHUNG HÚC VÀ THIỆN HÒA

(Trích ở Phật Tổ Thống Kỷ)

Trương Chung Húc, người nhà Đường, sống với nghề làm thịt gà. Khi sắp chết, thấy người lừa bầy gà đến hô: Mồ!

Mồ! Bầy gà xúm mổ Húc, mặt mắt đều chảy máu rùng rùng, đau không chịu nổi. Sa môn Hoằng Đạo hay tin bèn đến trưng tượng Phật, khuyên Húc niệm Phật. Ông Húc liền chí tâm hăng hái niệm. Được một lát, bỗng có mùi hương lạ, thơm ngát cả nhà, bầy gà biến mất, máu hết chảy, ông Húc đoan tọa mà mất.

Trương Thiện Hòa cũng người nhà Đường làm nghề giết bò. Lúc bệnh ngặt, thấy vài mươi con bò đến nói tiếng người rằng: “Mày giết chúng tao phải đền mạng!”.

Ông Hòa hỏi vợ thỉnh sư tăng. Sư tăng bảo: “Trong *Quán Kinh* nói: “Nếu chúng sanh nào gây tạo ác nghiệp đáng đọa vào ác đạo, mà chí tâm xưng niệm A Di Đà Phật đủ mười niệm, thời tiêu tội được vãng sanh Cực Lạc thế giới”.

Ông Hòa nói: “Lửa địa ngục đến rồi, không thể chờ lưu hương được!”. Ông liền tay tả cầm lửa, tay hữu cầm hương, hướng về Tây phương to tiếng niệm Phật. Chưa đầy mười hơi, ông bỗng nói: “Phật đã đến trao cho tôi tòa sen báu”. Dứt lời liền tắt hơi.

*

CHƯ TÍN NỮ

I - LIÊN TẠNG BA BÀ

(Trích ở bộ Liên Tạng)

Diên Bà người ở trại ruộng tại Thới Châu. Vợ chồng quy tín Tam Bảo, thường tạo tượng Phật, phóng sanh, trai tăng, bố thí. Ông chồng mỗi ngày tụng kinh *Pháp Hoa*, bà chỉ chuyên niệm Phật. Tu hành như vậy hơn hai mươi năm.

Ngày 23 tháng tám, năm Thuận Trị thứ 14, bà bảo người con trai mau đi đón hai em gái về, vì bà sẽ về Tây phương nội

ngày ấy. Khi đủ mặt thân quyến, bà khuyên bảo mọi người ở lại gắng lo tu trì. Cả nhà đều rơi nước mắt. Bà ngâm kệ:

*Năm mươi sáu tuổi đại sự xong
 Chồng con thân thuộc mưa buồn lòng!
 Nay tôi thẳng bước về Cực Lạc
 Trí huệ bờ kia sáng sạch trong!*

Dứt lời Điền Bà ngồi kiết già chấp tay mà mất.

Tương Thị người Hưng Hóa. Năm 40 tuổi chồng chết, chôn cất xong, Thị khóc mà nói với con trai rằng: “Khi vô thường đến không ai thế cho ai được, ví như bây giờ mẹ chết con cũng không làm sao được. Từ nay về sau mẹ quyết trì trai niệm Phật, không quản đến việc gì khác!”. Người con trai thuận ý mẹ, cất am tranh gần bên nhà cho mẹ ở. Thị bèn cấm túc niệm Phật trọn năm năm. Ngày 20, năm Thuận Trị thứ 17, Thị bảo mua ván đóng khánh, vì Thị sẽ về Cực Lạc nội ngày 23. Thị từ biệt các người thân hữu. Đến kỳ, Thị vào ngồi trong khánh niệm Phật mà mất. Một lát sau, từ trong thân của Thị bỗng phát lửa thiêu cả thân lẫn khánh.

Mụ Hà người Thường Châu cùng chồng là ông Phan Thượng Cao đồng tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày, mụ tụng kinh *Kim Cang*, sớm tối lễ sám niệm Phật hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc. Năm Khang Hi thứ 17, tháng 7 mụ có bệnh. Mụ định đến giờ ngọ ngày 29 thời vãng sanh. Ngày 29, con cái đều họp đủ, cùng mời các đạo hữu đến nhà đồng thanh niệm Phật. Thiệt đến giờ ngọ, mụ Hà vui vẻ mà qua đời.

II - HAI CÔ GÁI

(Trích ở tập Âm Chất Văn Chú Thích của Hà Sĩ Viên)

Cô Huỳnh Tuấn mồ côi từ thuở bé, mỗi ngày cô theo bà nội lay Phật và tụng Kinh, lớn lên hứa gả cho nhà họ Lục. Cô

bồng bệnh nặng, cô quyết chí xuất thế, bảo người dìu đỡ lay Phật sám hối. Chàng rẽ được tin đến thăm, người nhà muốn dắt đến bên giường, cô khoát tay không cho. Chiều hôm ấy, khi thỉnh chư Tăng đến nhà thọ giới xong, cô gọi chàng họ Lục mà bảo: “Từ nay nhân duyên đoạn tuyệt chớ có nhớ tưởng. Anh cũng sớm hồi đầu đừng mê say mãi”. Dứt lời cô xin chư tăng xuống tóc. Cạo tóc xong, cô xá sư tăng ba xá tạ ơn rồi cô liền đoan tọa mà mất, hơn một giờ sau thân cô vẫn không nghiêng ngả. Qua ngày sau, người nhà thay áo cho thân cô, trong thân bỗng phát ra mùi thơm lạ, trên má và chân mày chiếu ánh sáng màu hồng.

Con gái ông Vương kinh Thạch ở Giang Tô, hứa gả cho Từ Cảnh Thiều. Năm 17 tuổi, cô trường trai thọ giới, sớm tối lễ tụng Quan Thế Âm Bồ tát. Không bao lâu Cảnh Thiều mang bệnh rồi chết. Ngày tiếp được thiệp tang, cô liền mặc áo vải, mang dép rơm, cất nhà ở riêng, chuyên tu được năm năm. Một hôm cô từ biệt thân thuộc hẹn đến ngày trùng cửu thời về Tây phương Cực Lạc thế giới. Đến kỳ, tay tả cô kiết ấn, đứng thẳng người mà qua đời.

III - TỪ THỊ

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Từ Thị người Tòng Giang, vợ ông Dương Phát Trai. Năm 32 tuổi, Thị ăn chay trường niệm Phật và trì chú Đại Bi cầu sanh Cực Lạc thế giới. Mỗi ngày, sáng sớm, thị thắp hương niệm Phật một nghìn câu, trì chú 21 biến, rồi sau mới lo liệu việc nhà. Tối đến Thị nhiếp tâm niệm Phật. Thị tu hành như vậy trọn 29 năm không sót một ngày.

Mùa Hạ năm Càn Long thứ 35, Thị nhuốm bệnh nhẹ. Sáng sớm ngày mùng 8 tháng Sáu, Thị khóa tụng như thường. Khi trì chú được một khắc, người nhà nghe tiếng tụng niệm

của Thị vang ra khỏi ngõ nhà, lẩy làm lạ bèn vào phòng thờ Phật xem, thì Thị đã đoan tọa mỉm cười mà mắt rôi.

Lúc đó nhằm tiết nóng nực, đến ba ngày sau, nhan sắc thân của Thị vẫn tươi như sống. Khi đốt y phục của Thị, tất cả những ngọn lửa đều hiện thành những hoa sen năm màu. Ai trông thấy cũng khen là sự lạ trong đời.

IV - TỌA HÓA AM

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Vợ một chiến sĩ ở Tòng Giang, góa chồng không con, ở một gian nhà lá phía Nam chùa Phổ Chiếu. Mụ tánh chất trực, thấy phụ nữ có lỗi, mụ tất chỉ trích tận mặt. Vì thế hàng phụ nữ nơi ấy phần đông đều kính nể mụ.

Mỗi ngày mụ tụng niệm có khóa trình: sáng sớm tụng hai biến kinh *Kim Cang* rồi mới lo công việc sanh nhai, tối đóng cửa niệm Phật. Mụ tu trì như vậy mãi đến già không bê trễ.

Một hôm có vị sư tăng đi ngang qua trước nhà, mụ chấp tay hỏi: “Tôi nghe Kim Cang bất hoại thân. Người tụng kinh này, xác thịt cũng được không hư hoại có phải không Đại đức?”. Sư tăng đáp: “Phải!”. Mụ liền đoan tọa mà từ trần nội trong ngày ấy. Nhà nghèo không có đồ liệm, thân ngồi trần trợn ba ngày, dầu tiết nóng nực mà không biến đổi, mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. Vợ của Đề Đốc Dương Công Thiệp đích thân đến nhà lo ma chay, dựng một tu viện ngay trên khoảnh đất ấy lấy hiệu là “Tọa Hóa Am” (am chết ngồi). Dùng vải sơn quán gói thân của mụ quàn tại am, đến nay còn nguyên vẹn ([3]).

Ít lúc sau có vợ một quan chức tại xứ, chồng chết, đến tu nơi am ấy, mỗi ngày chuyên lo niệm Phật, trọn 50 năm chẳng bước ra khỏi ngõ am, trừ một lần đi qua Đại Hùng Sơn lễ Khê Cốc Hòa thượng cầu thọ giới pháp. Năm

mất mùa bà nấu cỗ mà ăn. Hàng phụ nữ có cúng dường, nếu là người không tốt, thời thà chịu đói chớ bà quyết không lãnh. Trước sau có thuê đệ tử hai ba người, vì khổ quá chịu không nổi nên đều bỏ đi cả. Tuổi càng già, công phu lễ niệm của bà càng thêm tinh tấn. Năm gần 90 tuổi, không bệnh, bà niệm Phật an lành mà tịch, bấy giờ nhằm khoảng niên hiệu Càn Long triều Thanh.

V - MỤ TÀO

(Trích ở bộ Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm)

Mụ Tào, thân mẫu của ông Bá Thiên Hộ ở Thường Châu. Thiên Hộ tánh thích làm việc phước thiện, kính thờ Lữ Chơn nhơn. Ông thường gạn hỏi tiên thuật nơi Chơn nhơn và ưa lắng lòng đoan tọa. Một hôm, ông qua Tô Châu, được người tặng cho tập “Tây Phương Xác Chỉ” ([4]). Trong tập ấy có đoạn bác tiên thuật, chỉ quy Tịnh độ. Thiên Hộ mới bắt đầu nơi Phật thừa, nhưng vẫn còn nghi, bèn đem hỏi Chơn nhơn. Lữ Chơn nhơn bảo: “Ông còn ngờ gì nữa! Khi đại tam tai đến, bọn Thiên Tiên chúng ta cũng không có đường nào trốn thoát. Lạc bang rất thanh tịnh an ổn. Ông nên cố gắng! Ngoài việc niệm Phật lễ Phật, ông nên kèm tụng kinh *Kim Cang* để hồi hướng cầu vãng sanh”. Nghe Chơn nhơn giảng giải, Thiên Hộ mới hết nghi, từ đó ông chí quyết tu Tịnh độ. Năm ấy, mụ Tào được 64 tuổi và mang bệnh. Được tin, Thiên Hộ từ Tô Châu vội về. Khi ông đến nhà thì mẹ đã tắt hơi, chỉ nơi ngực chưa lạnh. Người nhà đang lo sắm quan quách, Thiên Hộ khóc to, kính lạy đức Quan Thế Âm Bồ tát, tụng chú bạch y một muôn hai nghìn biến, nguyện giảm tuổi thọ của mình một kỷ để cầu cho mẹ được sống. Ông khóc đến nước mắt nước mũi ướt cả vạt áo dài. Sáng ngày sau, mụ Tào bỗng cựa mình đòi uống, chỉ vài ngày là lành mạnh. Mụ thuật rằng: Lúc mới chết, bị hai con

quỷ dẫn đi qua các ty Thổ địa Thành hoàng rồi đến phủ Đông Nhạc. Phủ Quân phán nhờ con trai mục chỉ thành cầu khẩn nơi Quan Âm Đại sĩ, nên mục được thêm tuổi thọ. Rồi Phủ Quân truyền quỷ đưa mẹ về, vì thế nên sống lại.

Thiên Hộ khuyên mục tu Tịnh độ. Mục Tào liền ăn chay trường, mỗi ngày ba thời lần chuỗi niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Mười hai năm sau, mục được 76 tuổi, Rằm tháng Chín, mục nói với Thiên Hộ: “Mẹ sắp về Cực Lạc, con cho mời các thân thuộc đến để mẹ từ biệt”. Sau khi từ biệt mọi người xong, mục Tào tắm gội thay y phục rồi an lành mà mất.

Thiên Hộ có người dì là Hứa Thị cũng trường trai niệm Phật mà chưa được chuyên nhứt. Thiên Hộ rước dì về nhà mình, khuyên dì buông bỏ tất cả sự duyên, nhứt tâm niệm Phật. Hứa Thị y lời. Năm đó, Thị đã 65 tuổi. Từ tháng ba đến tháng sáu, trọn ba tháng Thị niệm Phật không để xen hở. Một hôm, Thị lạy Thiên Hộ, ông cả kinh hỏi có. Hứa Thị đáp: “Dì trên 65, mãi điên đảo trong vòng mộng tưởng, chưa từng được một ngày an lạc. Từ khi cháu chỉ dẫn cho dì niệm Phật tới nay, dì sáng niệm Phật thoát đã đến tối, tối niệm Phật phút chốc đã sáng ngày. Sự an lạc trong đời có gì hơn nơi đây! Nếu không nhờ cháu thời tất không được như thế này, nên dì lạy tạ”. Nhon đó Thiên Hộ khen ngợi Cực Lạc trang nghiêm thanh tịnh và nói nếu đặng nhứt tâm Thánh cảnh tự hiện. Lúc Thánh cảnh hiện cũng không nên tham trước. Ba tháng sau, vào lúc nửa đêm, Hứa Thị đang ngồi niệm Phật, thoát thấy kim liên hoa bay hiện ra trước mặt, rồi hóa thành trăm nghìn muôn ức liên hoa bay lên hư không, chói sáng cả trời đất. Sáng ngày, Hứa Thị đến lạy Thiên Hộ mà thuật sự ấy. Từ ngày đó, dung sắc của Thị tươi trẻ như người chừng ba mươi tuổi. Bảy giờ là năm Càn Long thứ 42. Trọn cả ngày, ngoài câu niệm Phật, Thị không hề nói gì khác. Ban đêm Thị chỉ nằm nghỉ chừng một canh, còn thời đoan tọa niệm Phật.

VI - ĐÀO THỊ

(Trích ở các bộ *Thiện Nữ Nhơn Truyện*, *Tây Phương Công Cứ Thơ Chứng*)

Đào Thị tên Thiện, tự Quỳnh Lôu, người Tô Châu, vợ của ông Bành Hi Lạc, cháu của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Thuở bé Thị rất thông minh, thi phú giỏi, sớm tối thường cùng với em gái là cô Đào Nhơn xướng họa. Không bao lâu, Đào Nhơn mang bệnh rồi chết. Thị bỏ thi phú không làm nữa. Đọc *Báo Ân kinh*, Thị cảm kích nhân duyên khổ hạnh thuở tiền thân của đức Phật. Thị bèn phát đại nguyện, nguyện chứng Vô sanh Pháp nhẫn. Thị tả kinh *Báo Ân* và các kinh *Kim Cang*, *Di Đà*... nét chữ vừa đẹp vừa ngay thẳng. Mỗi ngày, Thị siêng niệm hồng danh A Di Đà Phật. Sau khi về nhà họ Bành, hằng ngày thị cùng người nhà luận các pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Sáng sớm là thời niệm Phật định khóa của Thị. Thị nghiên cứu kinh *Pháp Hoa*, *Lăng Nghiêm*, *Hoa Nghiêm* v.v... các kinh về Đại thừa được tín giải thông lợi.

Mùa Thu năm Càn Long thứ 44, Thị làm mười bài thi họa lại mười bài “Bế Quan Thi” của Bành Nhị Lâm cư sĩ, câu câu đều chỉ quy Tịnh độ, lời lẽ rất thâm thiết. Qua Đông, Thị cảm bệnh, tự biết không mạnh được, Thị niệm Phật không hờ. Đầu năm sau, Thị thỉnh mẹ ruột đến để từ biệt. Rồi Thị nói: “Đại Hòa thượng đến. Tôi xin đi!”. Người nuôi bệnh hỏi: “Còn bà cụ mới làm sao?”. Thị bảo: “Tây phương Cực Lạc tốt lắm, ngày sau tôi sẽ rước bà cụ cùng về”. Dứt lời Thị liền nhắm mắt, được 25 tuổi. Bấy giờ là ngày 25 tháng Giêng năm Càn Long thứ 45.

Năm Càn Long thứ 49, Tây phương Đại sĩ hiệu Tịch Căn Bồ tát giáng thân nơi Ngọc Đàn, vì các hàng đệ tử mà tuyên dương Pháp môn Tịnh độ. Một hôm Nhị Lâm cư sĩ đến thưa hỏi về chỗ sanh của những thầy bạn của ông đã quá vãng. Bồ

tát đều đáp rõ: Người thời sanh Thiên, người sanh trong nhân loại. Có bốn người được về Tịnh độ: 1.- Hương Sơn Lão nhơn pháp danh Thiết Định. 2.- Lữ Đình Đại sư pháp danh Tế Hội. 3.- Thệ Nguyên Đại sư pháp danh Phật An. 4.- Trầm Kính Phu cư sĩ (Trầm Bính). Hỏi đến Đào Thị, Bồ tát nói là đã sanh về biên địa của Cực Lạc thế giới (cũng gọi là Giải Mạn Quốc). Giây lát, Đào Thị giáng thân bảo mọi người rằng: “Các ngài quy hướng Cực Lạc thế giới phải rèn tâm thần như sắt đá, ngoài không bị cảnh dục trần làm mê nhiễm, trong không để tình tưởng sai sử, đó là trong bùn lầy mà có hoa sen mọc đầy. Niệm một câu Phật thời có một quang minh, niệm nghìn câu Phật thời có nghìn quang minh. Quang minh ấy từ nơi tâm mà phát, chớ chẳng phải đặng nơi ngoài, là vì vô tướng. Đức Phật A Di Đà thường không rời các ngài. Nếu các ngài có mảy may cách ngại thời quang minh ấy không hiện được. Khi niệm Phật, tâm phải luôn luôn giác chiếu mới phát được niệm lực bất thoái. Khi niệm Phật, tiếng phải tha thiết mới phát được nguyện lực vô thường. Tâm và tiếng dung hòa nhau, không chỗ nào chẳng hiệu Phật, không lúc nào chẳng niệm Phật, như thế mới là đắc lực. Phật hiệu vô lượng, cần phải biết trí huệ vô lượng, thần thông vô lượng, từ bi vô lượng, nhiếp thọ vô lượng. Nếu không phát vô lượng tâm, làm sao thấy được đánh tướng của Đức Từ Phụ. Thương thay cho chúng sanh! Lòng dục không trừ, thiện căn lẩn mất, phải mau niệm Phật đi!”

Cách tháng sau, Nhị Lâm cư sĩ lại đến Ngọc Đàn để hỏi các việc về Đào Thị: “Được biết cô đã vãng sanh, rất tốt! Nhưng các ông La Đài Sơn, Châu Trọng Quán, trai giới tinh nghiêm, hồng thệ rộng lớn, mà còn phải kẹt trong vòng phước báu nhơn thiên. Còn cô, giới phẩm chưa toàn, công phu chưa thuần, mà lại được vãng sanh là sao thế? Quang cảnh lúc cô vãng sanh ra thế nào? Sau khi vãng sanh, sự hưởng thọ ra

làm sao? Đã được thấy Phật chưa? Đã lên bậc bất thoái chưa? Xin giải bày để mọi người nghe biết mà phát tâm tu hành. Đây cũng là hợp với bốn nguyện độ sanh của cô vậy”. Ngày ấy Tịch Căn Bồ tát dạy rằng: “Tháng trước ta ở biên địa thuyết pháp rồi đến đây, nên Đào Thị nương thân lực của ta mà cùng đến. Nay ta không ghé biên địa nên Đào Thị không đến được. Bình nhật, công phu giới hạnh của Đào Thị dầu không kịp bọn ông Đài Sơn, nhưng khi lâm chung chánh niệm của Đào Thị hơn các ông ấy xa, cảm đức Quan Thế Âm Bồ tát đến tiếp dẫn. Lúc lâm chung, Thị thấy Kim liên hoa hiện tiền mà vãng sanh. Hiện Thị ở biên địa thất bửu thế giới, ăn mặc tự nhiên. Dầu chưa được thấy Phật, nhưng mỗi ngày chư đại Bồ tát ở Cực Lạc qua biên địa thuyết pháp hai thời. Người tinh tấn thời lần lên cứu phẩm. Người giải đãi thời hưởng thọ năm trăm tuổi. Một ngày ở biên địa bằng nơi đây 100 năm. Từ khi vãng sanh tới nay, Đào Thị tinh tấn lắm, tương lai có thể ở bậc thượng phẩm hạ sanh. Thời gian ấy nơi đây là hai nghìn năm nữa”.

Tịch Căn Bồ tát, thưở đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật ứng thế, từng dự pháp hội Duy Ma và Vô Lượng Thọ.

VII - UÔNG THỊ

(Trích ở các bộ Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cứ Thơ Chứng)

Uông Thị người Ngô Huyện, vợ ông Lý Cảnh Hi, 26 tuổi góa chồng, có một đứa con trai mới được 7 tháng. Thị đương buồn khổ, lại nhằm lúc người bạn mang bức đồ bộ xương người đến tặng, Thị phấn chấn phát tâm xuất thế. Thị thọ pháp môn niệm Phật nơi Hữu Ta Hòa thượng. Thị ăn chay trường, sớm tối hướng về Tây phương lễ Phật sám hối phát nguyện mau được vãng sanh Cực Lạc thế giới.

Thị khuyến hóa bà con, xóm giềng, đến cả tôi trai tở gái đồng quy hướng Phật pháp hơn một trăm người. Trong số đó được mười mấy người ăn chay trường chuyên tu tịnh nghiệp. Thị đến tham học đạo lý với Văn Học Thiệt Định Đại sư, nghe Đại sư giảng đến câu “Thị tâm thị Phật”, Thị có đôi phần tỏ ngộ. Năm 34 tuổi, thị thọ Bồ tát giới nơi Lữ Đình Tế Hội Đại sư rồi thường tụng *Phạm Võng* kinh. Thị phát tâm tự chích lấy máu lưỡi tả kinh *Pháp Hoa* và kinh *A Di Đà*. Khổ vì máu ra không đủ để viết, có một sư tăng bảo đến giờ Tý và giờ Ngọ hứng lấy, nhờ đó mới được hoàn nguyện. Thị vốn có bệnh gan, mỗi năm cứ đến mùa Thu là bệnh phát.

Năm Càn Long thứ 49, bệnh phát nặng hơn mọi năm. Có người khuyên thị nên bỏ dưỡng. Thị bảo: “Ồ cõi này học đạo, nhiều chướng duyên làm thoái thất. Nếu đặng bỏ báo thân, sớm thấy Phật nghe pháp, chính là sở nguyện của tôi đó. Tôi không mong gì khác hơn”.

Tháng 11, bị hạ ly, nằm liệt nơi giường luôn mấy hôm, nhưng Thị vẫn không rời niệm Phật, tưởng Phật. Đến ngày mùng 10, Thị nói với người nuôi bệnh: “Mai này tôi sẽ về Cực Lạc thế giới!”. Hỏi sanh phẩm nào, Thị bảo là Trung phẩm Thượng sanh. Qua ngày sau có mục Phương đến thăm, Thị nói: “Bà đến tốt lắm, xin tắm rửa giùm tôi”. Tắm gội xong, Thị ngồi kiết già yên lặng. Một lát, thị bảo mọi người đồng thanh niệm Phật, vừa đến giờ Ngọ, Thị chấp tay mà mất. Mùi hương chiên đàn thơm ngát cả nhà. Năm ấy Thị được 38 tuổi.

Ba năm sau, con gái họ Hà ở xóm ấy mang bệnh chết. Đến canh ba lại thuật rằng: “Tôi bị dẫn đến điện Minh Vương. Vương kể tội rồi truyền quỷ lấy chùy đánh tôi. Quỷ chưa kịp đánh, thời bỗng thấy tràng phan bảo cái ủng hộ một đạo nhơn từ Tây phương đến để giáo hóa u minh. Đạo nhơn ấy thân ánh sắc vàng, dung mạo nghiêm trang, xinh đẹp. Tôi nhìn kỹ thời là cô Thầy nhà họ Lý ở Vạn Niên Kiều ([5]). Minh Vương quỳ

mọp mà rước, miệng xưng Bồ tát. Cô Thầy bảo thả tôi và đích thân dẫn tôi đi xem các sự khổ ở địa ngục. Sau cùng cô bảo tôi ráng ăn chay niệm Phật, nhứt tâm cầu sanh Cực Lạc, đến kỳ sẽ rước tôi. Rồi cô truyền đưa tôi trở về dương gian, nên tôi mới được sống lại”.

VIII - PHÍ LAN TƯƠNG

(Trích ở các bộ Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cú Thơ Chứng)

Bà Phí Lan Tương người Ngô Giang, vợ của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Bà tánh hiền lành điềm đạm, trọn đời không mắng nhiếc ai, dầu bà là chủ một nhà giàu to. Khi gặp việc không vừa ý, bà chỉ nín lặng mà thôi. Khi còn là gái, bà nội họ Vương ưa làm Phật sự, bà đã có tâm ham mộ. Sau khi về với Bành Nhị Lâm cư sĩ được sáu năm, sanh được hai gái. Kế Bành cư sĩ tu Tịnh độ, thường giảng nói về phương pháp thoát khổ, bà liền dứt thịt cá ở riêng trong một khu vườn nhỏ, mỗi ngày cùng hai cô gái giảng đọc kinh Đại thừa, hồi hướng Tịnh độ.

Năm Càn Long thứ 55, mùa Thu bà mang bệnh phổi lạc huyết, sức khỏe kém nhiều, bà đến Văn Tinh Các thọ giới Ưu bà di với Tường Phong Hòa thượng rồi về nhà lễ Phật tụng kinh, tinh tấn hơn những ngày trước. Bình sanh khi có của dư riêng, bà liền làm Phật sự. Bảy giờ bà tom góp tất cả tư trang, tiền vật của riêng bà, nhờ Bành cư sĩ đến Vân Thê làm thủy lục đại trai, nguyện cùng tất cả hữu tình đồng sanh Cực Lạc. Ngày ở Vân Thê khai kinh, mọi người trong nhà họ Bành đều nghe mùi hương lạ. Bệnh bà càng thêm trầm trọng, nằm luôn nơi giường trọn năm ngày, bà thường hướng về Tây phương vái rằng: “Xin đức Phật A Di Đà đến rước con!”.

Ngày mùng 8 tháng 9, Bành cư sĩ từ Vân Thê về tới nhà, sách tấn rằng: “Tu lương Tịnh độ đã đủ, buông tay mà đi, chớ

quyển luyến kiếp sống thừa này!”. Bà đáp: “Tôi còn quuyến luyến chi nữa, chỉ lo không được vãng sanh cho sớm mà thôi!”. Giữa đêm hôm ấy, bà bỗng to tiếng niệm Phật được mười câu, rồi an lành mà mất.

IX - HỨA TIẾT PHỤ

(Trích ở bộ Nhứt Hạnh Cư Tập)

Hứa Tiết Phụ, họ Tiền, người Thái Thương, năm 20 tuổi lấy Thái học sanh Hứa Chiếu. Sáu năm sau, ông Chiếu chết, bà thủ tiết tận tâm phụng dưỡng cha mẹ chồng. Năm Càn Long thứ 37, triều đình ban cho bà tấm biển “Tiết phụ”.

Từ thuở bé, bà đã tin pháp môn niệm Phật. Một hôm thân mẫu phải bệnh nguy, bà lạy Phật cầu nguyện cho mẹ được mạnh. Mỗi ngày bà niệm Phật một nghìn câu, bệnh mẹ liền lành. Sau khi góa chồng, bà tu niệm càng tinh tấn và chí thành hơn. Bà luôn đem của riêng giúp người nghèo, cứu người nạn, mua chuộc chim cá để phóng sanh. Mỗi ngày bà tụng kinh *Kim Cang* và niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tịnh độ. Khi tuổi cao, bà ăn chay trường.

Tháng Giêng năm Càn Long thứ 57, bà mơ thấy Quan Thế Âm Bồ tát hiện thân định ngày tiếp dẫn. Đến kỳ, chính là ngày mùng 4 tháng 2, bà thấp hương lên tiếng niệm Phật, rồi ngồi kiết già mà tạ thế. Thọ 72 tuổi.

X - TỔNG NHỤ NHƠN

(Trích ở bộ Nhứt Hạnh Cư Tập)

Tổng Nhụ Nhơn, người Trường Châu, vợ Thái học sanh Cô Văn Diệu. Thị thờ mẹ chồng rất chu đáo. Mẹ chồng bình nhật thờ Quan Thế Âm Đại sĩ, khi qua đời để lại cho thị tượng đức Quan Thế Âm bằng sành, Thị thờ rất thành kính được hơn mười năm.

Một hôm, con trai của Thị, ông Cố Tấn Phương, mơ thấy hai vị đại sĩ mặc Tăng y đến nhà có vẻ muốn ở. Sáng ngày gặp một người đi ghe mang hai bức tượng đem bán. Bức thứ nhất là tăng tướng Quan Thế Âm của Ngô Đạo Tử họa, bức thứ hai là tượng thêu tổng tử Quan Thế Âm. Ông Phương liền mua, kê thợ sửa sang rồi dâng vào am Nguyệt Thịnh tại làng. Năm sau, Tấn Phương lại mơ thấy hai vị đại sĩ ấy bảo là sắp đi nơi khác. Ông Phương lật đật qua am xem, thấy hai bức tượng cuộn đề trong thùng cây. Ông Phương thỉnh về nhà trưng thờ ở tịnh thất. Tổng thị mỗi ngày đứng bên cạnh niệm Phật A Di Đà và thành kính đánh lễ.

Một hôm, trên mặt gạch trong tịnh thất bỗng hiện tượng tăng tướng Đại sĩ, giống hệt bức họa của Ngô Đạo Tử. Tám ngày sau, trên một mặt gạch khác lại hiện tượng Tổng tử Đại sĩ, lần lần Thiện Tài và Long Nữ cũng hiện rõ. Bèn gỡ gạch ra, mượn thợ theo lần mà chạm, tướng hảo chiếu sáng. Tổng Thị cảm kích điềm linh dị này, liền ăn chay trường chuyên tâm niệm Phật. Về sau, Thị bị bại liệt, nhưng mỗi ngày Thị đều nhờ người dìu đến trước bàn Phật lễ niệm như thường, không để lỗi thời.

Một ngày nọ, Thị gọi cả người nhà lại khuyên răn dạy bảo, rồi bảo đồng thanh niệm Phật không được khóc. Thị chấp tay giơ ngang đầu, tụng chú và niệm Phật. Thoạt mùi hương lạ ngào ngạt cả nhà. Thị an lành mà mất, được 54 tuổi. Bấy giờ là tháng năm, năm Càn Long thứ 57.

XI - TRỊNH THỊ

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Trịnh Thị người Tòng Giang, dâu nhà họ Ngô. Thị góa chồng hồi thuở trẻ, quyết chí thủ tiết, cất tịnh thất, đóng cửa tụng kinh niệm Phật trên 20 năm.

Ngày 19 tháng Bảy, năm Gia Khánh sơ niên, trong sân trước tịnh thất của Thị, trên một tảng đá to mọc lên hai bông sen lớn. Vừa lúc quan Tư Khẩu Thái Hồng Nghiệp, cậu ruột của Thị, trí sĩ về làng, mục kích hoa sen lớn mọc trên đá, ông bèn viết bài văn ký sự lạ ấy khắc vào bia đá.

Tháng Chạp năm ấy, Thị nói với người nhà rằng: “Tôi sắp về Tây phương Cực Lạc thế giới!”. Ít hôm sau, Thị không bệnh niệm Phật mà qua đời.

XII - MỤ BÁ BÁT QUẢN

(Trích ở Nhiễm Hương Tập)

Một bà nhà giàu ở Hàng Châu đến am Hiếu Tử hỏi Đạo Nguyên Hòa thượng rằng: “Tu pháp môn nào nội một đời chắc chắn thoát khỏi biển khổ?”.

Hòa thượng dạy: “Không gì hơn niệm Phật! Nhưng niệm Phật không khó, mà khó nơi bền lâu. Bền lâu chưa khó, mà khó nơi tâm chuyên nhứt. Mụ nếu có thể không quản đến tất cả thế sự, mà chuyên tâm trì niệm danh hiệu của Phật và chí thành phát nguyện vãng sanh, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn thời được giải thoát”. Bà mừng lắm, lạy tạ Hòa thượng mà về. Mụ đem tất cả việc nhà ủy thác cho dâu con, còn bà thời cất tịnh thất ở riêng lo tu trì.

Cách đó hơn một năm, bà đến am thưa với Đạo Nguyên Hòa thượng rằng: “Từ khi nhờ ơn Hòa thượng chỉ dạy, đệ tử bỏ cả việc nhà, chỉ chuyên lo niệm Phật. Đệ tử tự xét lấy mình cũng có thể gọi là không biếng trễ, chỉ khổ nỗi khó được nhứt tâm. Trông mong Hòa thượng từ mẫn dạy bảo thêm cho!”.

Hòa thượng nói: “Mụ dầu vất bỏ việc nhà mà trong lòng còn tưởng nhớ con cháu, quyến thuộc tình ái chưa dứt mà muốn nhứt tâm sao được! Từ nay mụ phải gia công. Trước hết, nên nhổ sạch gốc tình ái, trong tâm tất cả đều buông bỏ, rồi sau mới có thể được nhứt tâm!”.

Bà than rằng: “Hòa thượng dạy rất đúng! Đệ tử dầu thân không quản đến gia đình mà tâm chưa rời được. Từ nay đệ tử quyết định trăm sự không quản đến”.

Sau khi về tịnh thất, bà tinh tấn niệm Phật hơn trước. Mỗi khi trong lòng tưởng tới gia đình, bà liền tự bảo: “Trăm sự không quản đến! Trăm sự không quản đến!”, để trừ sự tưởng nhớ ấy. Có ai hỏi đến việc nhà, việc đời, bà cũng chỉ trả lời bằng câu: “Trăm sự không quản đến! Trăm sự không quản đến!”, rồi niệm Phật. Do đó, cái danh hiệu “Bà Bá Bất Quản” truyền khắp xóm làng, và người ta không còn kêu đến tên họ cũ của bà nữa.

Cách ngót hai năm sau, bà đến am tạ Hòa thượng rằng: “Con y theo lời Hòa thượng dạy, niệm Phật đã được nhứt tâm, đã được thấy Phật. Không mấy hôm nữa con sẽ về Cực Lạc!”.

Hai ngày sau, bà không bệnh, đoan tọa mà vãng sanh. Bảy giờ là năm Gia Khánh sơ niên.

TÔNG CHỈ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ VÀ KỆ GIA HẠNH TU TRÌ

*

TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Tin sâu – nguyện thiết – hạnh chuyên

Nam mô A Di Đà!

Không gấp cũng không huẫn

Tâm tiếng hiệp khẩn nhau

Thường niệm cho rành rõ.

Nhiếp tâm là định học

Nhận rõ chính huệ học
 Chánh niệm trừ vọng hoặc
 Giới thể đồng thời đủ.
 Niệm lực được tương tục
 Đúng nghĩa chấp trì danh.
 Nhứt tâm Phật hiện tiền
 Tam muội sự thành tựu.
 Đương niệm tức vô niệm
 Niệm tánh vốn tự không
 Tâm làm Phật là Phật
 Chứng lý pháp thân hiện.
 Nam mô A Di Đà!
 Nam mô A Di Đà!
 Cố gắng hết sức mình
 Cầu đài sen thượng phẩm

Phật lịch 2500 (1956)

Hân Tịnh Tỳ kheo Thích Trí Tịnh soạn

*

[1] Người ta quen gọi ngài là Linh Chi Hòa thượng hay Linh Chi Luật sư.

[2] Ngũ chương là chỉ thân người nữ, vì theo lời trong kinh nói người nữ có năm điều chương: 1.- Không được làm Chuyển Luân vương. 2.- Không được làm Thiên vương. 3.-

Không được làm Ma vương. 4.- Không được làm Phạm vương. 5.- Không được làm Phật.

[3] “Đến nay” là đến lúc Huyền Như Đại sư soạn bộ Nhiễm Hương Tập vào thời Đạo Quang triều Thanh, tính ra cũng được lối một trăm năm.

[4] Của ông Thường Nhiếp chép lời giảng dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát trong 24 hội thuyết pháp. Xem bài Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát ở Đường về Cực Lạc tập đầu.

[5] Uông Thị là vợ họ Lý. Vì Thị là người dẫn đạo cho xóm giềng tu hành, nên người gọi Thị là cô Thầy.

*



THIỆN TINH QUYẾT NGHỊ

Thuật giả: Ân Quang Đại sư

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

LỜI ĐẦU QUYỂN

Từ xưa, trong những xứ mà Đại thừa giáo được lưu hành, nhất là Trung Hoa, tự lực môn và Phật lực môn thường khi thành đối lập, rất chướng ngại cho người học đạo, mặc dầu đều từ kim khẩu của đức Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết và đều là của Đại đức Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà kiết tập.

Vì chỗ lợi ích riêng cho một nhóm người đại căn đến cầu pháp, chư Tổ trong Thiên tông dùng trực chỉ chơn tâm kiến tánh thành Phật để khai thị đôi khi in như bài xích Liên tông. Nhưng chính những lời ấy là chuyển ngữ đối với đương cơ chớ chẳng phải là lời thường dùng đối với tất cả.

Một hạng người tăng thượng mạn tự cao tự phụ, theo kiến thức hẹp hòi của mình, vin theo tiếng vang văng vẳng ấy,

đường hoàng đấng ra công kích môn Tịnh độ cùng khinh hủy người tu tịnh nghiệp, để rồi chuốc lấy tội báng Phật, hủy Pháp, khinh Tăng. Vì môn niệm Phật vãng sanh là gốc từ Phật A Di Đà lập nguyện, đức Thích Ca Mâu Ni chỉ giáo và lục phương chư Phật tán dương, nay bác môn Tịnh độ thời là hủy báng chư Phật vậy. Đã từ nơi Phật tuyên dạy thời môn Tịnh độ là giáo pháp chơn chính, bác Tịnh độ chính là hủy báng chánh pháp vậy. Nơi hội Hoa Nghiêm đức Phổ Hiền, trong hội Bát Nhã đức Văn Thù, cùng vô lượng đại Bồ tát đều có lời phát nguyện vãng sanh Cực Lạc; Mã Minh Đại sĩ có lời khuyên tu niệm Phật trong luận Khởi Tín; Long Thọ Bồ tát được Phật thọ ký vãng sanh nơi pháp hội Lăng Già, cùng vô số bậc đại Tổ Sư của các Tông Đại thừa, chẳng những Liên tông mà cả Thiên tông, Hoa Nghiêm tông, nhưt là Pháp Hoa tông ⁽¹⁾, cho đến trong Duy Thức tông, ngài Thiên Thân, ngài Khuy Cơ v.v... đều cực lực tán dương và hoằng truyền môn Tịnh độ. Nay bác Tịnh độ hay khinh hủy người niệm Phật thời chính là hủy báng chư Hiền Thánh Tăng vậy. Hủy báng Tam Bảo là nghiệp nhơn của quả báo địa ngục A Tỳ.

Ấn Quang Đại sư, một cao tăng của cận đại xót thương những kẻ nông nổi ấy, nương khẩu khí của Mộ Liên Pháp sư ở Hồng Loa Sơn mà thuật ra tập thuyết nghi này, để lấp bít cửa địa ngục cho họ ⁽²⁾.

Nguyên bản đề là TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI LUẬN. Nơi bản Việt dịch này tôi sửa lại là THIÊN TỊNH QUYẾT NGHI.

Nơi tập này trong khi chỉ trích chỗ nhận lầm của các nhà tu Thiên về Pháp môn Tịnh độ với một lối lập luận chặt chẽ sâu sắc. Đại sư căn cứ vào giáo lý mà giảng giải tông thú của môn niệm Phật một cách rành rẽ.

Tập này có thể là kim chỉ nam cho người còn băng khuâng nơi hai nẻo đường: tu Thiên hay tu Tịnh? Và là lèo lái vững chắc cho người đã phát tâm Phật rồi.

Với người tu Thiên, tập này chỉ cho biết rằng có ngại gì kiêm tu niệm Phật để được bảo đảm cho quả giải thoát ở tương lai. Với người tu Tịnh, tập này sẽ hướng dẫn đến mục đích liên hoa hóa sanh và phá tan những tà thuyết bài bác của ma ngoại.

Người học Phật phải tu Phật, nghĩa là phải nhắm mục đích: CHỨNG PHẬT QUẢ, mới phải thật là đệ tử Phật.

Nên tế tâm tự xét: ta có thể cứ tự lực vượt khổ luân hồi để đến quả viên mãn Bồ đề hay cần phải nương Phật lực?

Ta phải bình tĩnh cân nhắc lấy sự lợi hại, không nên quá tự phụ mà thành nông nổi.

Người có chút trí khôn chẳng bao giờ chịu phí sức thì giờ nhúm lửa bằng cách cọ gỗ trước ngọn đuốc đang cháy bùng.

Kẻ quá ngông cuồng mới tự phụ cặp chân của mình, rồi lội bộ băng rừng trèo núi để qua xứ Thiên Trúc trong khi tàu thủy đang chờ ở bến, phi cơ chực sẵn tại sân bay!

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, Phật dạy: “Trong thời mạt pháp, chúng sanh chỉ nương sức niệm Phật mà ra khỏi luân hồi thôi”.

Kinh Bát Nhã, đức Phật đem sự chuyên tâm xưng niệm danh hiệu của Phật để đáp lời hỏi của đức Văn Thù Bồ tát về vấn đề: thế nào mà đặng Vô thượng Chánh giác?

Kinh A Di Đà, đức Phật nhiều lần lặp lại câu: “Các chúng sanh nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà...”

Kinh Hoa Nghiêm ngài Phổ Hiền, kinh Bát Nhã ngài Văn Thù đồng phát nguyện: “Nguyện con đến lúc sắp lâm chung, tận mắt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh về Cực Lạc”.

Văn Thù Bồ tát bảo Pháp Chiếu Đại sư: “Muốn mau thành Phật không gì bằng chuyên niệm Phật A Di Đà...”. Và

Quan Thế Âm Bồ tát khuyên Từ Mãn Tam Tạng: “Ông muốn truyền pháp để độ mình, độ người thì nên chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà và phát nguyện vãng sanh...” (Xem toàn truyện ở bộ Đường Về Cực Lạc tập nhứt).

Hỡi các pháp hữu! Các đạo hữu! Hỡi những người có lòng muốn thoát ly cõi ngũ trược ác thế, những vị mong ra khỏi nẻo luân hồi, những bậc lập chí độ sanh!

Các ngài còn chần chờ gì mà không kíp tuân lời của Phật dạy, của đại Bồ tát khuyên mà chuyên tu niệm Phật!

Các ngài còn do dự gì mà không noi gương chư Tổ Sư, các Cổ Đức để liền phát nguyện cầu về Cực Lạc Tịnh độ! Và các bạn còn nghi ngờ gì khi đã hiểu giáo lý, khi đã biết rõ rằng trước ta đã có vô số người được vãng sanh, đã được siêu phàm nhập Thánh nhờ tu tịnh nghiệp!

PL 2500 (1956) Đạo tràng Vạn Đức,
Ngày thành đạo của đức Thích Ca Mâu Ni Phật
Hân Tịnh Tỳ kheo Thích Trí Tịnh

*

I. TỰ THUẬT

Thuốc không luận đắt hay rẻ, chữa lành bệnh là thuốc hay.

Pháp môn không luận ưu hay liệt, hợp thời hợp cơ là diệu pháp.

Ngày xưa, bậc trí thức đông, căn tánh của người học đạo lại thù thắng ⁽³⁾, nên tu theo một môn nào đều có thể chứng đạo cả.

Hiện nay, bậc trí thức ít, căn tánh của người học đạo lại lậu liệt, ngoài môn Tịnh độ ⁽⁴⁾ thật khó mong giải thoát được.

Tôi ⁽⁵⁾ thăm hồ lấy mình đời trước ít trồng căn lành, phước huệ thời mỏng cạn, nghiệp chướng lại sâu nặng. Trong thời tuổi ham học không sớm gặp thầy sáng bạn lành, không được nghe đạo lý của Thánh Hiền, chỉ tranh đua uống lấy thuốc độc bài bác Phật pháp của Hàn Dũ và Âu Dương Tu ⁽⁶⁾. Ít lúc nghiệp báo hiện ra, phải bệnh trầm trệ luôn cả mấy năm gần như phế nhon, không kham được việc gì.

Trong khi nằm bệnh tôi tự tỉnh tự xét: Thiên địa, quỷ thần rất sáng suốt, những bậc Hiền Thánh từ xưa tới nay rất nhiều. Nếu Phật pháp quả thật là tệ hại cho nhân loại như lời của hai họ Hàn, Âu, thời chẳng những các bậc vua Thánh, quan hiền không dung cho truyền bá, mà thiên địa quỷ thần cũng đã tru diệt từ lâu, đâu chờ đến họ Hàn họ Âu luận suông bàn không đề bài bác. Phật pháp lại vốn không dùng quyền lực để ép người phục tùng, nếu không nhờ thật đức để cảm lòng người, chơn lý để phục trí người, thời đâu dễ còn được lưu thông vĩ đại đến ngày nay!

Sách Trung Dung nói: Đạo của bậc quân tử, dầu là hạng người ngu dại cũng có thể cùng biết được cùng làm được, nhưng đến từng chí cực thời Thánh nhon (thế gian Thánh nhon) còn có chỗ chẳng biết được chẳng làm được.

Họ Hàn họ Âu dầu có thông minh, nhưng chưa phải Thánh, làm sao thấu được chí lý, chỗ mà Thánh hơn ⁽¹⁷⁾ tự nhận là còn có chỗ chưa biết được chưa làm được. Thế phải chăng Phật pháp thâm diệu, phạm tình thế trí chẳng thể suy lường thấu đáo.

Xét đến đây tôi ăn năn sự nông nổi của mình mà để tâm đến Phật pháp, và cũng từ ngày đó bệnh tình của tôi lần lần thuyên giảm.

Tôi phát tín tâm, xuất gia làm tăng.

Sau một thời gian nghiên tầm giáo lý của đức Phật dạy, tôi tự lượng lấy mình: nếu không nhờ nương nơi sức bi nguyện rộng lớn của Phật tất khó được giải thoát ở đời này. Bắt đầu từ ấy, tôi chuyên tâm niệm Phật, chí quyết cầu sanh Cực Lạc. Mặc dầu trải qua nhiều năm đi nghe kinh nghe giảng, học Thiên học Luật, chẳng qua để phát minh lý tánh Tịnh độ, hầu làm tư lương Thượng phẩm vãng sanh mà thôi.

Hòn vì thân thể suy yếu, sức khỏe kém thiếu, nên không thể dừng mãi hành đạo, nhưng tín và nguyện của tôi rất kiên cố, chẳng những các vị Thiên sư, Giảng sư không thể lay chuyển được chí hướng của tôi, dầu cho chư Phật hiện thân bảo tôi tu pháp môn khác, tôi cũng lay Phật mà tạ lỗi, chớ quyết không đổi chí bỏ đây theo kia, trái bổn nguyện của mình. Ngặt vì túc nghiệp của tôi quá nặng, nên mãi chưa được niệm Phật tam muội ⁽¹⁸⁾. Càng nghĩ càng tự hổ!

II. GIÁ TRỊ CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Có một vị Thượng tọa nhiều năm tham cứu Thiên tông lại thông cả giáo lý, mắt ngài xem bốn biển trống không, tự thể chứng Nhứt thừa viên quả.

Thượng tọa theo gương ngài Thiện Tài Bồ tát đi tham phỏng khắp các bậc Thiện tri thức.

Một hôm, Thượng tọa đến Hồng Loa Sơn vấn đạo nơi tôi. Nhằm lúc tôi đang muốn sưu tập giáo lý Thiên Thai đặng chú thích quyển *A Di Đà kinh Yếu Giải* ⁽⁹⁾, để cho người sơ cơ học Phật có phần tiến bộ. Chứ nguyên bản Yếu Giải, văn thời sâu, ý lại kín rất không tiện cho hạng môn học.

Tôi kính tặng Thượng tọa một tập Yếu Giải và ngỏ ý mình muốn soạn chú thích trình Thượng tọa.

Thượng tọa bảo: “*A Di Đà kinh Yếu Giải* tôi đã từng xem, thấy trong ấy nhiều đoạn nói: Áo tạng của Hoa Nghiêm, bí tủy của Pháp Hoa, tâm yếu của chư Phật, chỉ nam của Bồ tát đều không ngoài nơi đây. Những lời ấy rõ là đê bẹp Thiên tông cùng giáo lý mà khen tặng Tịnh độ một cách quá đáng. Thật là hủy báng chánh pháp luân, đưa chúng sanh vào chỗ nghi lầm.

Bất ngờ Ngẫu Ích Đại sư là bậc tri thức mà chẳng trực chỉ chơn tâm cùng hoằng dương chỉ quán, trở đi viết tập Yếu Giải này để làm lá bùa hộ thân cho hạng ngu phu ngu phụ. Khiến cho bao nhiêu người tại gia cũng như xuất gia giữ chặt một môn mà bỏ vạn hạnh, gìn nước vũng mà quên biển cả, đua nhau chạy vào đường mê trái hẳn giác lộ, đoạn diệt Phật chủng. Thật là tội lỗi dấy trời. Những ai có chí muốn báo Phật ân, nên mau thủ tiêu tập Yếu Giải mới phải, có đâu lại muốn soạn chú thích để giúp tập ấy lưu thông?”

Chờ cho Thượng tọa khí bình, Mộ Liên Pháp sư chậm rãi nói: “Ông cho rằng Ngẫu Ích Đại sư soạn tập Yếu Giải này là có tội rất nặng, đó là ông chỉ biết ngọn ngành mà không rõ nguồn gốc. Phải biết tội ấy thiệt không phải nơi bộ Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại sư, mà chính là tại nơi đức Thích Ca Mâu Ni, đức A Di Đà, thập phương chư Phật cùng Tịnh Độ Tam kinh và tại nơi các kinh giáo Đại thừa như *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*, *Bửu Tích*, *Bi Hoa* v.v... cùng tại nơi các đại Bồ tát Tổ Sư như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh ⁽¹⁰⁾ v.v...”

Nếu quả thiệt ông là vị đại Pháp Vương ^([11]) tuyên bố trị tội ấy, mọi người mới có thể tuân theo lời của ông. Bằng không thời nào khác gì gã dân ngu ở thôn dã tự xưng Hoàng đế, tự đặt pháp luật, trái nghịch chỉ dụ của chính phủ, tất khó khỏi tội chết. Lời kết tội của ông quả là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng tất sẽ đọa địa ngục chịu khổ nhiều kiếp, thật đáng thương thay!”.

Pháp sư nói đến đây, Thượng tọa chằm chằm bảo: “Sao Sư lại trái với lệ thường mà nói tội tại nơi Phật, Bồ tát và Tổ sư. Xin Sư biện rõ duyên cớ. Nếu lời lẽ của Sư đúng lý, tôi đâu dám chẳng tuân theo”.

Mộ Liên Pháp sư nói: “Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đại sự nhân duyên là chi? Là muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến để thành Phật mà thôi.

Đó là mục đích độ sanh duy nhất của đức Phật.

Ngặt vì chúng sanh căn tánh không đồng, có bậc đại căn, có hạng tiểu căn ^([12]), chỗ mê chướng lại kẻ sâu người cạn. Đức Phật không thể thực hành sự giáo hóa theo chủ định tối tiên, phải theo trình độ từng lớp người mà dạy dỗ, theo bệnh mà cho thuốc. Vì THẬT mà khai QUYỀN rồi khai QUYỀN mà hiển THẬT ^([13]). Nơi trên pháp Nhưt thừa nói ra nhiều giáo thuyết. Với hạng người căn lành thuần thực thời làm cho thẳng lên bờ giác. Với hạng nghiệp chướng sâu dày thời đưa lần ra khỏi trần lao. Đức Phật chịu khó dạy bảo, theo dõi từng người để dắt dìu. Thật là ơn lớn đức dày, trên đời không ơn gì sánh kịp.

Lại vì tất cả pháp môn đều nương tự lực, dầu là hạng người thiện căn sâu dày triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu kiến hoặc và tư hoặc ^([14]) còn có đôi chút chưa sạch thời vẫn y nhiên là chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử; huống lại

khi đã thọ thai có thân ngũ âm tất sẽ xúc cảnh móng tình; người từ tỏ ngộ đến tỏ ngộ thời ít, mà kẻ từ mê đi sâu vào mê lại nhiều. Bậc thượng căn còn nguy nan như thế, kẻ chi đến hạng trung và hạ.

Phải biết tự lực đoạn kiến hoặc khó như đoạn dòng sông rộng bốn mươi dặm, đoạn tư hoặc lại muôn vạn lần khó hơn. Giải thoát sanh tử đâu phải là vấn đề dễ dàng.

Vì thế nên những pháp môn chuyên thuộc tự lực, chưa thỏa mãn ý muốn độ sanh của đức Phật, vì chưa có thể lợi ích khắp cả cho hết thấy ba hạng chúng sanh.

Duy có môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nương nguyện lực rộng lớn của đức Phật A Di Đà, tất cả lực đạo chúng sanh không luận căn lành thành thực hay chưa thành thực, không luận ác nghiệp nặng hay nhẹ nếu ai bằng lòng tin chắc phát nguyện trì niệm hồng danh A Di Đà Phật, thời quyết định được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc Tịnh độ, là hạng thiện căn thành thực tất chóng viên mãn Phật quả, nhứt đến kẻ ác nghiệp nặng cũng đặng dự hàng Thánh.

Nên biết pháp môn niệm Phật là yếu đạo độ sanh của chư Phật, và là diệu pháp mà trên thì Thánh như đại Bồ tát, dưới đến phàm phu đều đồng tu. Vì thế nên trong các kinh liễu nghĩa Đại thừa luôn nhắc đến, mà lịch đại Tổ sư không ai chẳng tuân hành.

Ông tự phụ là thông Thiên tông giỏi giáo lý, mà lại nói quấy rằng người hoằng truyền môn Tịnh độ là báng chánh pháp đoạn diệt Phật chủng. Rõ ràng ông đã mắc phải ma quỷ dựa, loạn tâm điên cuồng mà tự gây lấy tội địa ngục. Sao ông lại nhận mê làm làm giác ngộ chỉ chánh như cho là tà vậy như thế?

Xét về đức Thích Ca Mâu Ni và Phật A Di Đà, từ nơi kiếp xưa từng phát đại nguyện độ thoát chúng sanh^{〔15〕}. Đức Thích

Ca thị hiện ở uế độ dùng uế dụng khổ để chiết phục và thúc đẩy chúng sanh tiến tu. Còn đức A Di Đà thời an tọa nơi Tịnh độ dùng tịnh dùng vui để nhiếp thọ và đào luyện cho mọi người nên Thánh quả.

Ông thấy dân quê người hèn cũng niệm Phật được rồi vội miệt thị Tịnh độ, sao không xem kỹ lại kinh *Hoa Nghiêm* về phẩm *Nhập Pháp Giới*, đức Thiện Tài sau khi chỗ ngộ chỗ chứng đã sánh kê với chư Phật, Phổ Hiền Bồ tát bèn dạy cho pháp mười điều đại nguyện để hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới hầu chóng viên mãn Phật quả, và cũng khuyên khắp cả hải chúng trong Hoa Tạng (^[16]). Xét về hải chúng trong Hoa Tạng không có một ai là phạm phu hay nhị thừa cả, chỉ rờng là 41 bậc Pháp thân Bồ tát, đồng phá vô minh đồng chứng pháp tánh, tất cả đều có thể hiện thân làm Phật độ sanh nơi thế giới không Phật. Trong Hoa Tạng Hải có vô số Tịnh độ, mà chí chuyên quyết hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, đủ thấy rằng vãng sanh Cực Lạc là huyền môn thoát khổ, là đường tắt thành Phật.

Vì lẽ ấy nên từ xưa tới nay bao nhiêu tự viện, tông lâm thuộc Thiên, thuộc Giáo, hay Luật, tất cả nơi nơi đều sớm tối niệm Phật phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

Ông là người ở trong Thiên môn đi tham phỏng các tông lâm, hàng ngày tất cũng có niệm Phật phát nguyện sao trở lại hủy báng Tịnh độ?

Kinh *Hoa Nghiêm* là vua trong các kinh mà cũng là vua cả tam tạng, không tin *Hoa Nghiêm* thời là hàng nhứt xiển đề (^[17]), thọ tận ắt khó khỏi khổ quả nơi địa ngục.

Tôi muốn thoát khổ mà cầu sanh Tịnh độ, còn ông muốn chác khổ mà hủy báng *Hoa Nghiêm*. Thôi ông cứ gìn lấy chí của ông, tôi thời giữ lấy đạo của tôi. Xin ông đi đi, tôi không muốn cùng ông biện luận thêm nữa!

ĐEM THIÊN GẶN TỊNH

Thượng tọa nói: “Chánh pháp quý nơi hoàng thông, có nghi cần phải hỏi để giải quyết, sao sư nữ xua đuổi như thế.

Tôi từng nghe: Tỳ Lô Giá Na ⁽¹⁸⁾ khắp tất cả, chỗ Phật ngự gọi là Thường Tịch Quang. Thế thời chỉ cần chứng pháp thân, đương xứ tức là Tịch Quang Tịnh Độ. Hà tất dùng tâm sanh diệt bỏ Đông (Ta bà) cầu Tây (Cực Lạc) ư?”

Mộ Liên Pháp sư nói: “Sao ông nói dễ dàng thế; Tịch Quang Tịnh Độ dầu rằng đương xứ tức là đó. Nhưng nếu chưa phải là bậc trí đức đoạn đức cứu cánh ⁽¹⁹⁾, chưa viên chứng Tỳ Lô Pháp thân, thời chưa có thể triệt để thọ dụng. Trong Viên giáo, bậc Thập địa, Đẳng giác còn là phần chúng. Nếu ngài đã viên chứng Tỳ Lô Pháp thân, thời tha hồ mà nói đương xứ là Tịch Quang. Còn nếu chưa phải viên chứng mà nói, thời rõ là nói ăn cùng đém của ⁽²⁰⁾, tất khó khỏi chết đói chết rét”.

Thượng tọa nói: “Câu duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà là lời thường nói của nhà Thiên lý đâu lại sai lầm?”

Mộ Liên Pháp sư nói: “Lời của nhà Thiên nói đó chính là chuyên luận về lý tánh, chớ không phải bàn đến sự tu. Như thế là vì muốn cho người trước ngộ lý tánh rồi sau y theo tánh khởi hạnh tu tập để đạt đến sự siêu phàm nhập Thánh, tức chúng sanh mà thành Phật đạo. Sao chỗ tri kiến của ông lại điên đảo, nhận sự với lý lộn lạo như thế!

Vừa rồi ông cho rằng bỏ Đông cầu Tây là sanh diệt, mà ông không ngờ rằng chấp lấy Đông bác bỏ Tây lại sa vào lỗi đoạn diệt. Lúc chưa chứng Phật quả có ai ở ngoài phạm vi thủ xả (lấy bỏ)? đức Phật ta từ lúc phát Bồ đề tâm trải ba vô số kiếp tu Bồ tát hạnh, trên cầu thành Phật dưới cứu độ chúng sanh, dứt nghiệp hoặc chúng chơn thừa, có điều nào không phải là sự thủ xả?

Phải biết Đức Như Lai muốn cho chúng sanh sớm chứng Tịch Quang và Pháp thân, nên đặc biệt hết lời khuyên mọi người niệm hồng danh cầu sanh Cực Lạc.

Thượng tọa gạn: “Ngài Tào Bá phán pháp pháp môn Tịnh độ là quyền giáo chứ không phải thật giáo. Có sao Hoa Tạng hải chúng lại đồng nguyện vãng sanh? Ngài Tào Bá hiện đời chứng Thánh, thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ lường, tất là Bồ tát thị hiện. Không lẽ ngài phán sai?”

Mộ Liên Pháp sư đáp: “Trong kinh *Hoa Nghiêm* về phẩm *Nhập Pháp giới*, quyển thứ 80, sau khi ngài Thiện Tài chứng bậc Đẳng giác, đức Phổ Hiền liền nói kệ tán thán công đức thắng diệu của Như Lai. Rồi tiếp đến quyển thứ 81, tức là phẩm *Hạnh Nguyện*, đức Phổ Hiền thuyết mười điều nguyện vương, khuyên Thiện Tài cùng chư đại Bồ tát đều phát nguyện hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Lúc Phổ Hiền dứt lời, đức Phật hai lần khen ngợi. Toàn thể đại chúng trong pháp hội đều phụng hành.

Cổ đức từng bảo: Pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, duy Phật cùng Phật mới thấu đáo, bậc đại Bồ tát vẫn chưa hiểu trọn hết. Ngài Tào Bá đâu có là Bồ tát thị hiện, song vì thời kỳ ngài, bộ kinh *Hoa Nghiêm* dịch chưa xong nên ngài không thể đoán trước được. Sau khi ngài tịch hơn 50 năm, toàn bộ *Hoa Nghiêm* 81 quyển mới được phiên dịch hoàn mãn⁽¹²¹⁾.

Xét theo kinh *Hoa Nghiêm* thời bậc thượng căn đại trí đều nhiếp cả về Tịnh Độ.

Kinh *Đại Tập* nói: “Thời mạt pháp ức ức người tu hành khó có một người được giải thoát. Chỉ nương pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”. Xem đây thời Tịnh độ gồm trùm cả lục đạo chúng sanh.

Ông tin ngài Tào Bá mà không tin kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Đại Tập*, như thế khác nào người tin theo chỉ thị của quan huyện mà không tuân sắc dụ của Tổng thống.

Thượng tọa hỏi: “Ngài Tào Bá đã là Bồ tát thị hiện, thời cần gì đợi đến xem kinh rồi mới biết?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp: “Vấn đề hoằng dương Phật pháp không phải là sự dễ. Nói đâu phải có văn kinh làm chứng đến đó, mới thủ tín được. Kinh Hoa Nghiêm lại vượt hẳn các kinh khác nên không do đâu để suy luận, trong khi kinh Hoa Nghiêm chưa lưu hành”.

Thượng tọa lại gạn: “Khi kinh *Niết Bàn* chưa truyền sang, sao ngài Đạo Sanh tuyên bố trước rằng hạng nhứt xiển đề đều có Phật tánh. Có lẽ nào ngài Tào Bá lại sút ngài Đạo Sanh?”

Mộ Liên Pháp sư đáp: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhứt xiển đề là chúng sanh tất cũng có Phật tánh. Phàm người trí thức đều có thể suy hiểu mà đoán trước. Còn về vấn đề vãng sanh Cực Lạc để chóng viên mãn Phật quả, ngoài *Hoa Nghiêm*, các kinh khác tuyệt chưa nói đến. Ai dám tự phụ kiến thức của riêng mình để lập nghĩa!

Vả lại, chỗ tu chứng của hai ngài, chúng ta làm sao rõ được. Đâu nên đem hai ngài so sánh để bàn suông.

Phải biết chư Bồ tát hoằng pháp có nhiều cách: hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ẩn hoặc hiển, kiến thức phàm phu không thể hiểu thấu. Biết chừng đâu ngài Tào Bá thị hiện không rõ thấu để thúc đẩy thêm sự tín hướng của người sau!”.

Thượng tọa hỏi: “Các sư trong Thiên tông thường có lời bác Tịnh độ đó là lẽ gì?”.

Mộ Liên Pháp sư: “Các sư trong Thiên tông chỉ truyền Phật tâm. Lời của các Sư nói ra đều thẳng đến lý tánh. Ông đã nhiều năm tham thiền mà còn chưa hiểu ý đó, thời đủ thấy rằng chỗ kiến giải của ông tất là những ác kiến phá hoại Thiên tông thôi”.

Thượng tọa nói: “Tôi đâu dám tự mình bịa ra, chỉ vì lời của chư vị Tổ Sư quyết có thể y cứ. Nay xin thuật vài điều:

Lục Tổ bảo: Người phương Đông tạo tội cầu sanh Tây phương. Còn người Tây phương tạo tội cầu sanh cõi nào?

Triệu Châu nói: Một chữ Phật ta không thích nghe. Và lại nói: Lão tăng mà niệm Phật một tiếng thời súc miệng ba ngày.

Các sư trong Thiên tông thường nói ra những lời như thế là lẽ gì?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp: Lục Tổ trực chỉ lý tánh để người đối diện nhận lấy tự tâm. Ông lại đem phân tích chữ nghĩa biện luận về phần tu trì, thế là nhận lấy yên lừa làm cảm của kỳ nhơn. Sao ông quá sai lầm đến thế?

Ông nên biết người ở Cực Lạc đều sạch kiến tư phiền não, tiến phá trần sa hoặc cùng vô minh để chứng pháp thân, chỉ có tiến tu tuyệt không có sự tạo tội. Nhưng nay cứ luận coi họ sẽ sanh về cõi nào?

Người ở Ta bà đây niệm Phật nếu chưa đoạn kiến tư phiền não, nhờ nguyện lực của Phật mà được vãng sanh thời sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh độ. Một khi đã sanh Cực Lạc thời kiến tư phiền não sẽ triệt để tiêu diệt, khác nào chút tuyết ném vào lò lửa đỏ lập tức liền tan. Kiến tư sạch hết thời sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ. Bậc phần phá vô minh thời sanh về cõi Thật Báo Vô Ngại Trang Nghiêm Tịnh độ. Vô minh sạch hết, phước và huệ đã viên mãn thời sanh về cõi Thường Tịch Quang Tịnh độ.

Sao ông lại quá lo cho họ không chỗ sanh để rồi chướng mình ngăn người không chịu cầu sanh? Khác nào kẻ quá khờ khạo nghe nói ăn cơm mắc nghẹn, rồi sợ quá mà không dám ăn để cam đối chết!

Ông thuật rằng ngài Triệu Châu nói: Một chữ Phật ta không thích nghe. Sao ông không thuật luôn câu dưới: Có người hỏi Hòa thượng có độ người không? Triệu Châu đáp: Phật! Phật!

Ông lại chỉ muốn nắm lấy câu: Hễ ta niệm Phật một tiếng thời súc miệng ba ngày. Mà ông quên sót đoạn: Có người hỏi Hòa thượng thọ sự cúng dường của nhà vua như thế sẽ dùng gì để báo đáp? Triệu Châu bảo: Ta niệm Phật! Ông lại quên cả đoạn có người hỏi: Thập phương chư Phật có thầy hay không? Triệu Châu đáp: Có. Hỏi: Thế nào là thầy của chư Phật? Triệu Châu đáp: A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!

Ông lại hỏi tại sao chư sư trong Thiên tông thường nói ra những lời như thế? Ông nên biết rằng chư sư khi đối cơ người mà có thốt lời ra, gọi là cơ phong, là chuyển ngữ. Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Nếu người học đạo không biết hỏi quang phản chiếu tự tâm, mà lại một bề suy xét chữ nghĩa, thời là ăn lấy bã hèm, đuổi theo đất cục, bao giờ thấy tánh được!

Tôi trong vòng xuất gia đã hơn ba mươi năm, luôn nghe miệng chư Tăng truyền câu: Một chữ Phật ta không thích nghe..., mà những câu DỪNG NIỆM PHẬT ĐỂ ĐỘ NGƯỜI, DỪNG NIỆM PHẬT ĐỂ BÁO ƠN VUA, A DI ĐÀ PHẬT LÀ THẦY CỦA CHƯ PHẬT thời ít nghe chư tăng nói đến.

Và tất cả những câu trên đều từ miệng ngài Triệu Châu thốt ra, nếu tin thời phải tin cả, sao lại tự mâu thuẫn lựa câu tồn mà bỏ câu ích.

Xét về lời của Triệu Châu đều quy nơi phần của tự mình. Câu không thích nghe chữ Phật cùng câu niệm Phật để báo ơn v.v... đều là chuyển ngữ cả, nếu người nghe trực hạ thấy được tự tâm, mới biết rằng đạo pháp của Triệu Châu vượt hẳn thường tình, lời của Hòa thượng là xuất cách, tất sẽ siêng lo niệm Phật suốt ngày không ngớt tiếng.

Bằng không được thấy nghe như trên, thời chỉ nên nương theo câu niệm Phật mà dè dặt nơi câu bác Phật. Theo niệm Phật thời hiện đời thoát khỏi luân hồi. Còn theo bác Phật tất sẽ sa địa ngục.

Những người theo câu tôn mà bỏ câu ích, phải chăng do vì nghiệp trọng phước khinh, chướng sâu huệ cạn nó khiến như thế ư! (Cứ nơi người nghe không tỏ ngộ hiểu lầm mà gọi là tôn với ích, chớ không phải lời của Tổ sư có tôn có ích).

Ông lại nói lời của chư vị Tổ sư quyết có thể y cứ, sao ông không y cứ nơi Tổ Bách Trượng dạy: TU HÀNH NƯƠNG NIỆM PHẬT LÀ ỔN ĐÁNG. Quy tắc của Tổ phàm kỳ đảo bệnh tăng cùng tống táng vong tăng đều hồi hướng cầu sanh Cực Lạc.

Tổ thứ 14, đức Long Thọ Bồ tát chứng Sơ địa vãng sanh Cực Lạc. Trong các bộ luận của Tổ soạn ra nhiều chỗ tán dương Tịnh độ. Như Tỳ Bà Sa Luận khen pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh là con đường dễ đi mà chóng đến⁽¹²²⁾.

Đức Mã Minh Đại sĩ, Tổ thứ 12, cuối Luận Khởi Tín dạy phương tiện tối thắng, bảo người niệm Phật cầu sanh Tây phương, thường hầu Phật A Di Đà để được trụ bậc bất thoái chuyển⁽²⁾.

Sơ tổ Ma Ha Ca Diếp, Nhị tổ A Nan Đà kết tập các kinh về Tịnh độ. Nếu các kinh về Tịnh độ không lợi ích mà có hại cho người đời sau, lẽ đâu các ngài mù quáng để cho lưu thông!

Trong những kinh về Đại thừa luận thuật và tán dương Tịnh độ. Còn tạng Tiểu thừa thời tuyệt không nói đến. Ông toan muốn tin Tiểu thừa mà bác bỏ Đại thừa giáo ư!

Lúc đức Thích Ca thuyết kinh *A Di Đà*, lục phương hằng sa chư Phật đều hiện tướng lưới rộng dài khuyến chúng sanh nên tin thọ. Ông lại toan cho rằng chư Phật muốn làm hại chúng sanh ư!

Nếu cho rằng với Lục Tổ, Triệu Châu v.v... không thể không tin, thế thời với các ngài Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ, Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà, lục phương chư Phật lại càng không thể không tin. Thấy gần không rõ xa, biết nhỏ

không hiểu lớn, khác nào dân quê chỉ mộ thế lực của quan huyện, quan quận, mà không biết đến oai đức của Tổng thống, Hoàng đế. Như trẻ nhỏ ham tắm gương đồng mà không đoái hoài đến viên bảo châu như ý.

*

THIỀN KHÔNG BẢO ĐẢM GIẢI THOÁT BẰNG TỊNH: TỨ LIỆU GIẢN

Ngừng một giây, Mộ Liên Pháp sư nói tiếp: “Ông có biết ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Trí Giác Thiền sư khai thị bốn bài kệ liệu giản, trong ấy chỉ rõ sự lợi hại đắc thất của Thiền, của Tịnh. Vĩnh Minh là bậc Tổ Sư tông tượng của Thiền Tông và Liên tông, có lý nào nỡ di hại cho người u?”

Thượng tọa nói: “Liệu giản của Vĩnh Minh không đủ cho người noi theo. Vì trong ấy nói ai có thiền có tịnh thời như cọt thêm sừng, hiện đời làm nhơn sư đời sau làm Phật Tổ. Xem như hiện nay người tu thiền tham cứu câu: Niệm Phật đó là Ai? Có người mãi năm trụ niệm Phật đường để niệm Phật, những vị ấy có được hiện đời làm nhơn sư đời sau làm Phật Tổ chăng?”

Trong liệu giản lại nói: “Không thiền mà có tịnh thời mười người tu mười vãng sanh, nếu được gặp Phật A Di Đà lo gì không khai ngộ. Xem như hiện nay vô số người niệm Phật, chưa thấy được mấy người lúc lâm chung hiện các thoại tướng nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ. Thế nên biết rõ ràng liệu giản của Tổ Vĩnh Minh không có chứng nghiệm cụ thể”.

Mộ Liên Pháp sư nói: “Sao ông lại trệu trạo nuốt trọn trái táo mà không chịu nhai nếm vị ngọt của trái như thế”.

Nghiên cứu kỹ lời liệu giản của Tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại tạng, là quy giám của sự tu trì, trước nên

nhận chơn thể nào là Thiên là Tịnh, thể nào là Có là Không, rồi sau mới gẫm xét toàn văn, sẽ thấy rằng trong liệu giản ấy, mỗi chữ vững như trời tạo đất lập. Không chữ nào không hiệp đúng, không một chữ có thể thay đổi. Ông vội phê bình liệu giản một cách mù mờ, vu vơ. Từ mấy mươi năm nay, tôi thấy các Thiên sư, Giảng sư phân đông cũng đồng kiến thức như ông, trách nào Thiên lẫn Tịnh mỗi ngày mỗi suy tàn!

Thượng tọa yêu cầu: “Xin Sư hoan hỷ giải rành thể nào là THIÊN là TỊNH và thể nào là CÓ là KHÔNG”.

Mộ Liên Pháp sư nói: “Thiên chính là chơn như Phật tánh sẵn có của chúng ta. Thiên tông gọi là bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh, mà không nói rõ ra, cố muốn cho người tự tham cứu tự ngộ lấy. Kỳ thật chính là: TÂM THỂ THUẦN CHƠN, LINH TRI LY NIỆM KHÔNG NĂNG KHÔNG SỞ TỨC TỊCH TỨC CHIẾU vậy.

TỊNH chính là TIN SÂU NGUYỆN THIẾT CHUYÊN TÂM TRÌ DANH CẦU SANH CỰC LẠC. Chẳng phải thiên chỉ duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà.

Người hành thiên khi sức tham cứu đã tốt vọng niệm dừng, vọng tình dứt, suốt thấy bản lai diện mục, minh tâm kiến tánh đó gọi là “*có Thiên*”.

Còn người tu Tịnh độ chơn thật phát Bồ đề tâm, tin sâu nguyện thiết chuyên trì hồng danh cầu sanh Tây phương Cực Lạc, thể gọi là “*có Tịnh*”.

THIÊN và TỊNH là ước về giáo lý. Còn CÓ THIÊN cùng CÓ TỊNH là cứ nơi người tu. Về giáo lý thời hằng nhiên không đổi, Phật không thể thêm, phàm không thể giảm. Còn người tu thời cần phải y cứ nơi giáo mà lập hạnh, công hạnh cao tốt chứng lý. Làm sao nơi mình thiết được thiết có. Hai điều ấy (THIÊN TỊNH cùng với CÓ THIÊN CÓ TỊNH), văn

dầu tương tự mà ý rất không đồng nhau, phải suy xét kỹ, chớ nên mù mờ lộn lạo.

Hoặc như người tham thiên mà chưa ngộ, hay ngộ mà chưa thấu triệt đều không được gọi là CÓ THIÊN.

Còn như người niệm Phật mà thiên chấp duy tâm, không có tín nguyện, hay có tín nguyện mà tín không sâu, nguyện không thiết, làm lấy lệ lấy có, hoặc dầu tinh tấn mà tâm tham luyến cảnh dục trần, hoặc cầu đời sau sang giàu hay sanh lên cõi trời, hoặc cầu đời sau làm tăng để hoằng dương Phật pháp phổ lợi quần sanh, tất cả đều không được gọi là TỊNH”.

Thượng tọa ngắt lời gạn: “Xuất gia làm tăng hoằng pháp lợi sanh có lỗi gì mà cũng bị khai trừ?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp: “Nếu là bậc đã dứt sạch nghiệp chướng cùng phiền não, đã thoát sanh tử, rồi nương sức đại nguyện thị hiện có thân nơi cõi trước ác để cứu độ chúng sanh thời được.

Trái lại, nếu là hạng chưa chứng quả giải thoát mà sanh vào đời trước, khó bảo đảm không mê. Dầu có thể hoằng pháp mà tự mình chưa chứng quả Vô sanh tất bị hoàn cảnh chi phối, trần duyên sai sử. Người mê mà may mắn được ngộ rất hiếm. Kẻ mê rồi đi sâu vào cõi mê muôn kiếp trầm luân thời phần nhiều.

Đức Bổn sư Thích Ca ta vì cơ này nên hết lời khuyên đại chúng hiện thời cũng như mật pháp chúng sanh, phải cầu sanh Cực Lạc để được thấy Phật nghe pháp mau chứng Vô sanh nhẫn, rồi sau sẽ tùy nguyện vào Ta bà để cứu độ chúng sanh. Như thế thời có tiến mà không thoái, có lợi mà không tổn.

Vấn đề chưa chứng quả Vô sanh giải thoát mà ở mãi nơi Ta bà, các tông khác có chỗ cho, còn tông niệm Phật thời cấm hẳn. Nhiều người cho rằng tham thiên là có Thiên, niệm Phật là có Tịnh. Đó là chẳng những không rõ Thiên với Tịnh, mà

đến văn nghĩa cũng không biết nốt. Thế là cô phụ tâm đại từ bi của Tổ Vĩnh Minh, làm trở ngại con đường tắt thoát khổ của người tu hành. Chính là nhận lầm hương địa bàn, sai một ly lạc ngàn dặm!”.’

*

CHÁNH GIẢI TỨ LIỆU GIẢN

Thượng tọa nói: “Đã nhờ Sư lược giải về THIÊN TỊNH cùng CÓ KHÔNG, xin Sư từ bi giảng rõ toàn văn cho”.

Mộ Liên Pháp sư nói: “Bài kệ liệu giản thứ nhất, Tổ nói:

Có Thiên lại có Tịnh độ

Cũng như cọp mọc thêm sừng

Hiện đời làm thầy của người

Đời sau sẽ làm Phật, Tổ. ^([23])

Nhà hành đạo này triệt ngộ Thiên tông minh tâm kiến tánh, đó là CÓ THIÊN. Lại suốt thấu kinh tạng hiểu rành cả các pháp môn quyền thật, rồi chọn lấy môn Tín Nguyện Niệm Phật để mình thực hành cùng khuyến hóa người, đó là CÓ TỊNH.

Trong *Thập Lục Quán* kinh nói bậc Thượng phẩm Thượng sanh đọc tụng Đại thừa hiểu đệ nhất nghĩa khuyến tấn hành giả chính là người này đây. Vị này có đại trí huệ đại biện tài. Tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật. Như hổ mọc sừng còn thú nào dám đối địch!

Có ai đến cầu pháp liền theo cơ giáo hóa. Kẻ đáng học môn Thiên Tịnh song tu thời dạy cho môn Thiên gồm tu Tịnh, người đáng học môn chuyên tu Tịnh độ thời dạy cho môn chuyên tu Tịnh độ. Không luận là hạng thượng căn hay là hạ

trí, một khi đến cầu đạo liền đặng lợi ích lớn. Thế chẳng phải là hiện đời làm đạo sư của người ư! Đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, hoa nở thấy Phật chứng Vô sanh, bậc cao thời siêu Thập địa Đẳng giác Bồ tát, thấp nhứt cũng ở bậc Viên sơ trụ Bồ tát. Bậc Viên sơ trụ Bồ tát còn có thể hiện làm Phật độ sanh trong một trăm thế giới không Phật, hưởng là 40 bậc Bồ tát trên. Thế chẳng phải là đời sau làm Phật Tổ ư!

Bài kệ liệu giản thứ hai, Tổ bảo:

Không Thiên chỉ có Tịnh Độ

Muôn người tu, muôn vãng sanh

Khi gặp Phật A Di Đà

Lo gì không được khai ngộ. ⁽¹²⁴⁾

Người chưa minh tâm kiến tánh, nhưng lại quyết chí cầu sanh Tây phương Cực Lạc, hạng tinh tấn tu định huệ chắc được vãng sanh đã đành, nhẫn đến kẻ cả đời tạo ác, lúc sắp chết mà có tâm rất ăn năn hổ thẹn, chí thành khẩn thiết, xưng Nam mô A Di Đà Phật, dầu chỉ được trong mười tiếng liền tắt hơi, đều nhờ nguyện lực của Phật nhiếp thọ vãng sanh Tịnh độ. Như chương Cửu Phẩm Vãng Sanh trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* đã nói rõ. Thế chẳng phải là muôn người tu muôn người vãng sanh là gì! Nhưng nơi đây nên nhận thêm rằng: Phật A Di Đà phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật thiết tha chí thành như con nhớ mẹ, thời cùng Phật cảm cách. Không luận niệm Phật lâu mau nhiều ít đều được tiếp độ cả. Chẳng nên đem sự niệm Phật một cách lơ là lây lắt mà so sánh. Sau khi vãng sanh Cực Lạc thế giới, dầu rằng sự thấy Phật nghe pháp có sớm muộn khác nhau, song đều đồng dự Thánh lưu, chóng hay chày đồng chứng Thánh quả. Đã chứng Thánh quả thời cần gì bàn đến vấn đề khai ngộ. Đó là khi gặp Phật A Di Đà lo gì không được khai ngộ!

Bài kệ liệu giản thứ ba, Tổ nói:

Có Thiền mà không Tịnh Độ

Mười người hết chín chân chờ

Đến lúc ám cảnh hiện tiền

Chớp mắt theo nó mà đi. ^([25])

Hạng này dầu triệt ngộ Thiền tông minh tâm kiến tánh nhưng kiến tư phiền não chưa dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều công phu tu trì gột rửa cho sạch cả mới ra khỏi luân hồi sanh tử. Nếu còn một phần phiền não thời lục đạo luân hồi vẫn y như cũ, nói chi đến người chưa đoạn được phần nào!

Biển sanh tử rộng sâu, đường Bồ đề xa vời, chưa kịp quy gia mà tử thân đã đến, mười người đại ngộ hết chín người như thế. Đó là trong mười người hết chín người chân chờ.

Chữ TA trong nguyên văn là TA ĐÀ tục gọi chân chờ. Còn ÁM CẢNH là TRUNG ÁM THÂN CẢNH, chính là lúc lâm chung, những cảnh thiện hay ác đã gây tạo trong đời này hay đời trước đều tuần tự hiện ra, trong chớp mắt liền theo cảnh nào mạnh nhất mà đi thọ sanh không thể tự chủ được. Quy Sơn bảo: như người mắc nợ chủ mạnh kéo trước, đầu tâm nhiều mối chổ nặng riêng sa. Gương của Giới Tổ và Thảo Đường nên phải biết. ^([26])

Có người giải nghĩa chữ TA là LÂM, còn ÁM CẢNH là NGŨ ÁM MA CẢNH. Đó là vì chẳng hiểu nghĩa chữ THIÊN cùng chữ CỐ nên mới cắt nghĩa sai quấy đến thế. Bao giờ có bậc đại triệt đại ngộ lại trong mười người hết chín người lạc đường đi theo ngũ ám ma mà bị ma dựa, là toàn những hạng tăng thượng mạn, không thông giáo lý không ngộ tự tâm, tu mù luyện đui mà bị hại thôi. Sao lại đem gá cho bậc đại triệt đại ngộ. Vấn đề này quan hệ rất lớn, không nên không biện rõ.

Bài kệ thứ tư, Tổ nói:

*Không Thiên cũng không có Tịnh
Giường sắt nóng cùng cột đồng
Trải muôn kiếp đến ngàn đời
Không nương cậy vào ai được.* ^([27])

Có người nhận lầm rằng: không Thiên không Tịnh là những kẻ vùi đầu tạo nghiệp ác không tu hạnh lành, hiểu như thế là sai lầm!

Nên biết pháp môn của Phật dạy nhiều vô lượng, chỉ có Thiên cùng Tịnh độ là đúng cơ hơn hết. Người tu hành mà chưa đại triệt đại ngộ là không Thiên, lại cũng không có tín nguyện niệm Phật là không Tịnh. Đã không định huệ huân tu đoạn hoặc chúng chơn, lại không do đâu nhờ nguyện lực của Phật nhiếp thọ để đối nghiệp vãng sanh. Hiện đời tu hành có phước đức, cảm được phước báu hơn thiên ở đời kẻ, chưa chứng Thánh trí tất bị phước nghiệp xoay chuyển sẽ mê say nơi cảnh trần dục lạc mà tạo nhiều tội. Đã tạo tội ắt khó trốn khỏi ác quả nơi địa ngục ở đời sau, cả kiếp chịu khổ trên giường sắt nóng, bên cột đồng đỏ để đền tội tham dâm hại vật. Chư Phật, chư Bồ tát dầu luôn thương xót, nhưng vì ác nghiệp của họ tự chướng lấy nên không được độ, nên bài kệ nói muôn kiếp ngàn đời không nương cậy vào ai được.

Người xưa có nói: Phạm người tu hành mà không có chánh tín cầu sanh Cực Lạc, đi tu các thiện pháp khác, thời gọi là oan gia đời thứ ba, chính là một ý với bài kệ này. Bởi vì đời này tu hành đời kế hưởng phước, rồi ỷ phước lực mà tạo nghiệp ác, tất đời sau sẽ bị đọa lạc. Được hưởng phước giả tạm nơi đời kế mà nhiều kiếp thọ khổ ở tương lai. Dầu cho mãn tội địa ngục, nhưng còn phải trải qua quỷ súc. Biết đâu rồi sẽ không tạo nghiệp ác thêm mà đọa xuống nữa ^([28]). Mong thoát tam đồ được thân người lại là điều rất khó trong các điều khó ^([29]).

Đức Phật ta từng lấy ngón tay chấm đất rồi đưa ra hỏi Tôn giả A Nan đất dính trên tay là nhiều hay đất của quả địa cầu nhiều? A Nan bạch đất của địa cầu nhiều. Đức Phật liền phán dạy: Được thân làm người như đất dính trên tay, còn mất thân người như đất của toàn quả địa cầu.

Cứ theo chỗ so sánh tỷ lệ của đức Phật, thời lời Tổ nói muôn kiếp ngàn đời vẫn còn là lời luận gân, vì cuộc nơi văn kệ.

Xét về các pháp môn khác chuyên nương tự lực, còn pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh, thời chuyên nương Phật lực. Các môn khác khi sạch hết phiền não mới thoát ly sanh tử, còn môn Tịnh độ thời đối nghiệp vãng sanh liền dự hàng Thánh ^([30]).

Tổ Vĩnh Minh sợ người đời không nhận được chỗ lợi ích rất rộng lớn của pháp môn niệm Phật vãng sanh nên đặc biệt làm kệ liệu giản để chỉ dạy. Đáng gọi kệ liệu giản là chiếc thuyền báu nơi bến mê, là vị Đạo sư nơi đường hiểm. Rất tiếc rằng người đời chỉ đọc phớt qua chẳng chịu nghiên cứu cho kỹ. Phải chăng chúng sanh đồng phạm ác nghiệp nó khiến thế ư!

*

THƯỢNG TỌA PHÁT NGUYỆN

Thượng tọa nghe Mộ Liên Pháp sư giảng đến đây, đứng dậy chấp tay thưa, với một giọng run run đầy cảm động: “Tôi đời trước tạo tội gì mà đến nỗi mê muội chơn thuyên. Hôm nay may mắn được nghe sư giảng dạy chắc cũng do nơi túc phước. Tôi thành thật xin dự vào hàng tăng chúng ở đây, để được hầu hạ sư sớm tối”.

Mộ Liên Pháp sư khiêm tốn nói: “Bần tăng đây có tài đức gì mà dám lãnh lời của Thượng tọa. Những lời tôi vừa giảng giải ở trên, chỉ là thể theo ý của Phật Tổ. Nếu Thượng tọa có

thể ngưỡng tin nơi Phật Tổ mà hoàng dương môn Tịnh độ, thời tất báo được ơn, tiêu được tội. Xưa kia, ngài Thiên Thân hoàng dương Đại thừa để chuộc tội trót lỗ hủy báng⁽³¹⁾. Thượng tọa nếu có thể noi theo gương Thiên Thân Bồ tát, thời bản tăng này xin xả thân cúng dường.

Thượng tọa liền lễ Phật niệm hương phát nguyện rằng: “Con là M. M. Bắt đầu hôm nay chuyên tu tịnh nghiệp. Trông mong lúc lâm chung được vãng sanh thượng phẩm, thấy Phật nghe pháp liền chứng vô sanh, sau rời dùng sức thần thông tự tại, không rời Cực Lạc, phân thân ở khắp thập phương thế giới, hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ẩn hoặc hiện, dùng đủ phương tiện hoàng môn Tịnh độ để cứu khổ chúng sanh, mãi đến cùng tận thuở vị lai không ngừng không nghỉ. Hư không đâu có tận, chí nguyện của con vẫn vô cùng. Cúi mong đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Từ Phụ A Di Đà thập phương Tam Bảo đồng bủa đức từ nhiếp thọ chứng minh cho con”.

Mộ Liên Pháp sư khuyên: “Về sự Tịnh độ là đại nhân duyên. Về Lý Tịnh độ là tạng bí mật. Nếu Thượng tọa có thể tín thọ phụng hành, đó là đem công đức trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm cho chính mình đấy”.

Thượng tọa liền vâng dạ vái chào mà lui ra.

KỆ HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức việc dịch này
 Hồi hướng trang nghiêm tịnh Phật độ
 Cầu cho kẻ thấy cùng người nghe
 Đồng tu niệm Phật sanh Cực Lạc.
 Hoa nở thấy Phật nghe pháp âm

Nghiệp chướng tiêu trừ phiền não sạch
 Thần thông trí huệ độ muôn loài
 Đồng về Cực Lạc đồng thành Phật.

Hân Tịnh

*

Dưới đây là một Đại sư tự thuật sự thức tỉnh của mình (Trước khinh niệm Phật cầu sanh, sau tỉnh ngộ phát tâm quy kính tu trì pháp môn niệm Phật), như vị Thượng tọa, nhưng với một trường hợp khác.

LƯỢC SỬ NGƯỜN CHIẾU ĐẠI SƯ

(Trích ở tập Đường Về Cực Lạc thứ hai)

Ngươn Chiếu Đại sư tự Trạm Nhiên, họ Đường, người ở Dur Hàng. Lúc đầu ngài chuyên học luật với Huệ Giám Luật sư, sau theo hầu Thần Chiếu Thiên sư nghe giảng Giáo Quán Thiên Thai. Khi ngài thọ giới Bồ tát nơi Quảng Từ Pháp sư, giới quang phát chiếu cả giới đàn. Cảm sự linh ứng ấy, ngài chuyên nghiên cứu Luật tạng, cầm bát khất thực nơi chợ.

Về sau ngài trụ chùa Linh Chi ba mươi năm truyền giới độ Tăng hơn sáu mươi hội ^([32]). Hằng ngày, ngài chuyên chỉ nơi Tịnh độ. Ngài thường nói: “Lúc sống thời hoàng truyền giới luật, khi chết thời về Cực Lạc; đó là chỗ sở đắc của tôi”. Ngài có soạn nghi Tịnh độ lễ sám và viết lời tựa rằng: “Ngươn Chiếu này từ khi đến giới đàn, bèn biết chuyên lo học Luật. Kế gặp Thiên Thai Thần Ngộ Xử Khiêm Pháp sư hết lòng sách tấn, tôi mới nghiên cứu Phật thừa. Và do đó mà tôi phát nguyện: Thường sanh tại Ta bà ngũ trược ác thế làm đại đạo sư dìu dắt quần sanh đem về Phật đạo”.

Tôi đọc Cao Tăng truyện, thấy Huệ Bồ Pháp sư nói: “Cực Lạc dầu thanh tịnh mà chẳng phải chỗ nguyện của tôi. Giả sử mười hai kiếp hưởng vui trong hoa sen, đâu bằng ở tam đồ cứu khổ chúng sanh!”. Do đây tôi càng nắm chắc chí hướng cũ, trải qua nhiều năm trọn không có quan niệm quy hướng nơi môn Tịnh độ, lại thêm khinh chê người tu tịnh nghiệp. Năm nọ tôi mang bệnh nặng, thân gầy yếu, tâm mê loạn. Trong lúc đó toàn không chủ định. Nếu chết sẽ không biết về đâu. Sau khi bệnh lành, tôi liền xét biết quan niệm ngày trước là lỗi, vì chí nguyện dầu là to rộng, song mình chưa đủ khả năng. Buồn khóc cảm thương, tôi tự quở tự trách.

Tôi giờ tập Thập Nghi Luận ra xem, thấy trong ấy nói Sơ tâm Bồ tát chưa chứng Vô sanh nhẫn, không được rời Phật.

Trong ấy lại dẫn lời Trí Độ Luận: “Cụ phước phạm phu có tâm đại bi rồi nguyện sanh trong cõi ác trước để cứu khổ chúng sanh, quyết không nên! Ví như trẻ thơ, chẳng nên xa cha mẹ, chim non chỉ nên chuyên nhàn”. Từ đó tôi vất cả sở học ngày trước, chuyên tìm xem các bộ kinh cùng luận dạy về Tịnh độ, ngót hai mươi năm chưa từng tạm hờ. Tôi nghiên cứu tinh tường giáo lý, duyệt khắp cả cổ kim. Những quan niệm nghi ngờ về môn Tịnh độ tiêu rã như sương tan; lòng tin Tịnh độ của tôi ngày càng sâu chắc. Tôi lại thấy lời luận về hai môn “chuyên tu” cùng “tạp tu” của Thiên Đạo Hòa thượng: “Nếu chuyên tu thời trăm người tu, trăm người vãng sanh; còn tạp tu thời nghìn muôn khó được một hai”.

Tôi xét mình tâm chí tán loạn, quán hạnh khó thành, nên chỉ chuyên tâm trì niệm bốn chữ hồng danh. Nhiều đời bỏ cha trốn đi, nay mới tự thấy là biết về nhà. Tôi đem chỗ mình đương tu tập khuyên nhắc mọi người cùng tu. Pháp môn thắng diệu do tín tâm mà được thành. Như đức Đại Thế Chí do tâm niệm Phật mà chứng được viên thông, nhập tam ma địa. Tôi lại gẫm xét: mình năm xưa không tin Tịnh độ, hủy pháp, khinh

người, tạo vô lượng tội nghiệp. Trong lòng chẳng xiết hổ thẹn, sớm tối lo sợ, đối trước Phật đài phát lộ tâm can, năm vóc mọp đất tha thiết sám hối.

Rồi tôi lại phát nguyện: “Nhiếp tất cả chúng sanh đồng tu môn niệm Phật, đều vãng sanh Cực Lạc”.

Muốn thường tu tập, phải lập nghi thức khóa trình, nên tôi mới soạn các văn của tiền bối hiệp thành sám pháp này. Từ đầu tới cuối, trình bày mười hai môn. Trong đây đều chuẩn theo lời Phật cùng ý Tổ. Người sau đọc đến, sẽ rõ chí hướng của tôi.

Ngoài ra, ngài có soạn *Quán Kinh Nghĩa Sớ*, *A Di Đà Phật Kinh Nghĩa Sớ*. Về phần trứ thuật của ngài, cả thầy hơn hai trăm quyển.

Năm Chánh Hòa thứ sáu, mùa Thu, ngài bảo tặng chúng tụng *Quán Kinh* và *Phổ Hiền Hạnh Nguyện* phẩm. Ngài ngồi kiết già, yên lặng lắng nghe rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc khắp hư không...

(Trích ở: *Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thống Kỷ,*
Cao Tăng Truyện)

*

TRÍCH LỤC NHỮNG KINH VỀ TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ TRONG ĐẠI TẠNG

Năm mươi năm thuyết giáo, đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cả vạn pháp môn. Trong đó, duy có pháp môn Tây phương Tịnh độ, đức Bổn sư giảng dạy rất nhiều lần hơn cả và cặn kẽ hơn cả. Cứ đây mà xét, đủ thấy rằng pháp môn

này rất thích hợp và rất lợi ích cho người nhứt. Dưới đây tôi sẽ tuần tự giới thiệu các kinh dạy về pháp môn này mà tôi đã được đọc, đồng thời lược chép vài đoạn văn thiết yếu trong ấy, hầu giúp thêm tài liệu nghiên cứu và khái tín cho các bạn đồng tu. Ngoài ra, tôi tin rằng còn rất nhiều kinh giảng về pháp môn này mà tôi chưa được đọc tới, mong nó sẽ được bổ túc ở các bậc đa văn.

1. ĐẠI A DI ĐÀ KINH

Nguyên đồng một bốn văn Phạn, dịch thành năm bốn văn Hán:

A - Vô Lượng Bình Đẳng Thanh Tịnh Giác kinh

B - Vô Lượng Thọ Kinh

C - A Di Đà Kinh

D - Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh

E - Bửu Tích kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại thành Vương Xá, núi Linh Thứu, vì Di Lặc Bồ tát và A Nan Đà tôn giả mà nói về nhơn hạnh bốn nguyện và quả địa của đức Phật A Di Đà, Giáo chủ cõi Tây phương Cực Lạc. *(Từ Pháp Tạng Tỳ kheo phát 48 điều đại nguyện, vô số kiếp tu nhơn v.v... cho đến thành Phật nơi Cực Lạc).*

2. QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH

Đức Thích Ca ở tại Vương Xá thành, núi Kỳ Xà Quật, vì Hoàng thái hậu Vi Đề Hi mà giảng về cõi Cực Lạc và đức Phật A Di Đà. Đồng thời dạy rành mười sáu phép điều quán. *(Từ pháp quán mặt trời lặn nhĩn đến cứu phẩm vãng sanh. Trong đây tả cảnh Cực Lạc cùng thân hình Phật A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí rất rõ).*

3. PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH

Đức Bôn sư ở Tinh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, kêu ông Xá Lợi Phát mà nói về đức Phật A Di Đà và tả cảnh trang nghiêm thanh tịnh của Cực Lạc thế giới cùng hết lời khuyên mọi người nên tín hướng niệm Phật cầu vãng sanh. Có cả chư Phật lục phương đồng lên tiếng chứng minh và khuyên chúng sanh tín hướng.

(Ba bộ kinh trên đây giảng nói về Tây phương Tịnh độ rành rẽ và đầy đủ nhứt, muốn rõ xin xem nguyên bản).

4. CÔ ÂM THANH VƯƠNG KINH

Đức Phật Thích Ca giảng tại Chiêm Ba Đại Thành. Trong ấy nói nếu hàng tại gia hay xuất gia thọ trì danh hiệu của Phật A Di Đà, đến khi mạng chung, Phật A Di Đà và Thánh chúng tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc thế giới v.v...

5. A DI ĐÀ PHẬT KỆ KINH

Trong đây toàn văn kệ, đức Bôn sư thuật và khen đức A Di Đà.

6. HOA NGHIÊM KINH NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Giải Thoát Trưởng giả bảo Thiện Tài Bồ tát: “Ta nếu muốn thấy đức Vô Lượng Thọ Như Lai (Phật A Di Đà) ở An Lạc thế giới (Cực Lạc) tùy ý liền thấy v.v...”

7. HOA NGHIÊM KINH HẠNH NGUYỆN PHẨM

Đức Phổ Hiền khuyến tấn Thiện Tài Bồ tát và đại chúng Bồ tát tu mười nguyện lớn. Đến lúc mạng chung, thân căn hư rã, quyền thuộc tiền của đều lìa tan, chỉ có nguyện lớn này theo mãi không rời, sẽ đưa người vãng sanh Cực Lạc thế giới.

Đến Cực Lạc liền thấy đức Phật A Di Đà, cùng thấy Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Di Lặc các vị đại Bồ tát. Tự thấy mình sanh trong hoa sen, được Phật A Di Đà thọ ký. Khi đã được thọ ký, có sức trí huệ, tùy cơ của chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương mà giáo hóa lợi ích v.v... Nhân đến có thể vào trong biển đại khổ phiền não cứu vớt chúng sanh làm cho ra khỏi và đều được sanh về Cực Lạc thế giới của đức Phật A Di Đà v.v...

8. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

Trong phẩm *Được Vương*, đức Phật Thích Ca nói: “Người nghe kinh điển này đúng như chỗ kinh dạy mà tu hành, sau khi mạng chung liền được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Sanh trong hoa sen trên tòa báu, ở chung với chúng đại Bồ tát, liền được Bồ tát thần thông vô sanh pháp nhẫn. Được pháp nhẫn này rồi, nhãn căn thanh tịnh thấy được trăm vạn hai ngàn ức na do tha hằng sa chư Phật Như Lai v.v...”.

9. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Đại Thế Chí Bồ tát bạch Phật Thích Ca: Tôi nhớ hằng hà sa kiếp xưa, có Phật Vô Lượng Quang ra đời... rồi đến Phật Vô Biên Quang ra đời. 12 đức Phật ra đời trong một kiếp. Đức Phật thứ 12 hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy tôi pháp niệm Phật tam muội: “Ví như hai người, một thời chuyên nhớ, còn người kia thời chuyên quên, hai người như thế, hoặc gặp nhau cũng thành không gặp, hoặc thấy nhau cũng như không thấy. Hai người ấy mà nhớ nhau cho sâu chặt, thời đời đời không xa rời nhau, đồng như hình với bóng. Chư Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con... Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và đương lai tất định thấy Phật, cách Phật không xa. Chẳng cần phương tiện, tự động tâm trí khai thông. Như người ướp dầu thơm, nơi thân có mùi thơm, đây gọi là

hương quang trang nghiêm. Nhơn địa của tôi do tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn. Nay tôi ở thế giới Ta bà này nhiếp người niệm Phật về Cực Lạc Tịnh độ...”.

10. BỬU TÍCH KINH

Đức Bồn sư nói với Phụ vương (Tịnh Phạn vương): “Tất cả chúng sanh đều là Phật. Phụ vương nên niệm Tây phương thế giới A Di Đà Phật thường siêng tinh tấn sẽ được thành Phật”. Vương hỏi: “Thế nào tất cả chúng sanh là Phật?”. Đức Bồn sư giảng: “Tất cả quyết vô sanh, không động lay, không thủ xả, không tướng mạo, không tự tánh. Nên an trụ tâm mình trong Phật pháp này chớ tin nơi khác”. Bấy giờ Phụ vương cùng bảy vạn người dòng Thích, nghe Phật giảng, tin hiểu vui mừng ngộ vô sanh nhẫn. Đức Phật mỉm cười mà nói kệ rằng:

Họ Thích có trí quyết định

Thế nên ở nơi Phật pháp

Quyết định tin, tâm an trụ

Sau khi bỏ thân người đây

Được sanh về nước An lạc (Cực Lạc)

Gần gũi Phật A Di Đà

Chúng vô úy thành Bồ đề.

11. BỬU TÍCH KINH

Phật Thích Ca bảo Di Lặc Bồ tát phát tâm mười điều, được vãng sanh Cực Lạc:

Ở nơi chúng sanh có tâm đại bi, không bức nã.

Ở nơi chúng sanh có tâm đại từ, không tổn hại.

Có tâm thủ hộ Phật pháp, không tiếc thân mạng.

Có tâm thắng nhẫn, không chấp trước đối với tất cả pháp.

Có tâm ý nhạo thanh tịnh, không tham lợi dưỡng cung kính tôn trọng.

Có tâm luôn cầu Phật trí không lúc nào quên.

Có tâm tôn kính chúng sanh không hề khinh rẻ.

Có tâm quyết định nơi Bồ đề phần, không mê theo thế luận.

Vun trồng thiện căn với tâm thanh tịnh không tạp nhiễm.

Khởi tâm niệm Phật xa lìa các tướng.

Trên đây gọi là Bồ tát phát tâm mười điều. Do tâm này sẽ được vãng sanh. Nếu trong mười tâm ấy, bất luận thành tựu một tâm nào, mà ưa thích vãng sanh Cực Lạc thế giới của Phật A Di Đà, thì quyết định được sanh.

12. BÁT CHU TAM MUỘI KINH

Đức Phật Thích Ca bảo Bát Đà Hoa Bồ tát: Nếu Sa môn hay bạch y nghe Tây phương A Di Đà Phật, rồi thường niệm được nhưt tâm trong một ngày đêm hay đến bảy ngày đêm. Sau bảy ngày thấy Phật A Di Đà. Ví như chỗ thấy trong chiêm bao, không biết là đêm hay ngày, không phân là trong hay ngoài, không phải vì tối mà chẳng thấy, không phải vì nhà vách ngăn che mà chẳng thấy... bèn thấy đức Phật A Di Đà, nghe Phật ấy nói kinh, đều thọ trì được cả, rồi ở trong chánh định đều có thể vì người thuyết pháp đủ cả.

13. QUÁN PHẬT TAM MUỘI KINH

Văn Thủ Bồ tát tự thuật túc nhưn được Niệm Phật tam muội, sẽ sanh Tịnh độ. Đức Thích Ca thọ ký rằng: Ông sẽ vãng sanh Cực Lạc thế giới.

14. ĐẠI TẬP KINH PHẨM HIỀN HỘ

Đức Phật Thích Ca nói với Pháp Hội: Người cầu Vô thượng Bồ đề nên tu Niệm Phật thiên tam muội... Rồi Phật nói kệ:

*Nếu người xưng niệm Phật A Di Đà
Gọi đó là vô thượng thâm diệu thiên
Lúc chí tâm tưởng tượng được thấy Phật
Chính là đặc pháp bất sanh bất diệt.*

15. THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT KINH

Bây giờ trong pháp hội có bốn ức chúng, tự biết rằng chết đây sanh kia, dây dưa không dứt, chính ái dục là nguồn của sanh tử, nên muốn sanh về cõi không ái dục. Đức Phật Thích Ca bảo: “Cách đây về phương Tây có Phật hiệu Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh không có dâm, nộ, si; liên hoa sanh không do bào thai của cha mẹ, các ông nên cầu sanh”.

16. NHƯ LAI BÁT TỰ NGHỊ CẢNH GIỚI KINH

Bồ tát biết rõ tất cả pháp đều là duy tâm, đặng tùy thuận nhãn, hoặc nhập sơ địa. Mạng chung liên sanh về trong Cực Lạc Tịnh độ, hay Diệt Hỷ thế giới v.v...

17. TÙY NGUYỆN VÃNG SANH KINH

Vô lượng cõi Phật, sao lại chỉ chuyên cầu sanh Cực Lạc thế giới? - Một là vì nhơn thù thắng, do thập niệm làm nhơn. Hai là vì duyên thù thắng, do 48 điều nguyện phổ độ chúng sanh.

18. XUNG DƯƠNG CHƯ PHẬT CÔNG ĐỨC KINH

Nếu ai được nghe danh của Vô Lượng Thọ Như Lai (Phật A Di Đà) nhứt tâm tin ưa. Lúc người này mạng chung, đức Phật A Di Đà và chư Thánh hiện ra trước mặt, ma chướng không làm hoại loạn được tâm chánh giác của người này... Nếu ai thọ trì tụng niệm kinh này, sẽ được phước vô lượng, khỏi hẳn tam đồ, sau khi mạng chung, vãng sanh cõi của đức Phật ấy.

19. ĐẠI VÂN KINH

Đức Bổn sư dạy: “Này thiện nam tử, về hướng Tây của thế giới Ta bà này có một cõi gọi là An Lạc. Giáo chủ là Phật Vô Lượng Thọ, hiện nay thường vì chúng sanh mà tuyên giảng chánh pháp. Đức Phật ấy đương bảo một vị Bồ tát rằng: đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ta bà thế giới đương nói kinh *Đại Vân* cho những chúng sanh bậc phước độ căn. Ông nên qua đó chí tâm nghe pháp. Điềm lành hiện ra đây chính là vì vị Bồ tát ấy sắp đến đây. Thiện nam tử này! Ông xem các vị Bồ tát ở cõi An Lạc thân cao năm vạn sáu ngàn do tuần”.

Bạch Đức Thế Tôn! Vị Bồ tát sắp đến đây danh hiệu là chi? Đến đây để làm gì, phải chăng là muốn độ chúng sanh mà đến? Xin đức Thế Tôn nói cho đại chúng được rõ.

Này thiện nam tử! Vị Bồ tát ấy đến đây là vì muốn nghe việc thọ ký của Tịnh Quang, và muốn cúng dường chánh định ấy. ngài hiệu là Vô Biên Quang (*tức Đại Thế Chí Bồ tát*), đủ trí phương tiện, có thể giáo hóa, dẫn đạo chúng sanh một cách khéo giỏi.

20. LĂNG GIÀ KINH

Đức Phật phán: Này Đại Huệ! Ông nên biết sau khi ta diệt độ, có vị danh đức Tỳ kheo ở xứ Nam Thiên Trúc, hiệu là Long Thọ. Tỳ kheo ấy dẹp được sự tranh chấp của các tông về Hữu với Vô, để nêu cao pháp vô thượng Đại thừa của ta. Vị ấy chúng bậc sơ Hoan Hỷ địa và vãng sanh nước An Lạc.

21. ĐẠI BI KINH

Sau khi đức Phật nhập Niết bàn, xứ Bắc Thiên Trúc có Tỳ kheo hiệu Kỳ Bà Già, tu tập vô lượng thiện căn tối thắng, mạng chung sanh về thế giới của Phật Vô Lượng Thọ cách

đây trăm ngàn ức cõi về hướng Tây. Sau đây, ông sẽ thành Phật hiệu là Vô Cấu Quang Như Lai.

22. HOA NGHIÊM KINH, NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Đức Vân Tỳ kheo nói với Thiện Tài Bồ tát rằng: “Ngài chứng được Niệm Phật tam muội, và đây là lời của ngài thuật lại công dụng của Niệm Phật tam muội mà ngài đã được: Ta được môn “Ức niệm nhưt thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến”. Trong chánh định thường hiện cõi và cung điện trang nghiêm thanh tịnh của tất cả chư Phật. Có thể làm cho chúng sanh thấy Phật rồi được thanh tịnh. Làm cho chúng sanh chứng nhập trong mười trí lực của Như Lai. Thấy vô lượng đức Phật và được nghe pháp. Bình đẳng thấy tất cả thế giới. Thấy thần thông tự tại của chư Phật. Thấy công việc làm của chư Phật trong tất cả thời gian. Thấy mình luôn gần bên Phật không xa rời. Thấy Phật cao đẹp hơn tất cả. Muốn thấy đức Phật nào, thời liền được thấy. Khắp thấy chư Phật tuần tự hiện trong tất cả cảnh giới. Chư Phật nhập Niết bàn đều thấy cả. Trong một niệm thấy rõ sự xuất hành của tất cả chư Phật. Trong mỗi thân Phật đều lớn đầy cả hư không pháp giới. Vô lượng chư Phật ra đời đều đến hầu hạ. Trong nhưt tâm, thấy rõ cả chư Phật thành chánh giác hiện ra đời thuyết pháp độ sanh. Hiện cảnh tượng nghiệp thiện ác của chúng sanh đã gây tạo cho chúng thấy để họ tự giác ngộ. Thấy Phật ngự trên tòa sen báu rộng lớn nở xòe trùm pháp giới. Thấy vô lượng thân của Như Lai trang nghiêm”.

23. QUANG MINH GIÁC PHẨM

Đức Văn Thù Bồ tát ở trước Phật nói kệ rằng:

Khi đi đứng lúc nằm ngồi

Thường niệm công đức của Phật

*Ngày đêm chớ để tạm quên
Phải nên siêng tu như vậy...*

24. HIỀN THỦ PHẨM

*Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật
Lại chỉ tượng Phật bảo chiêm ngưỡng
Khiến người sanh lòng kính tin Phật
Nên đặng thành quang minh Như Lai...*

25. THẬP ĐỊA PHẨM

Từ bậc ban đầu đến bậc rốt sau, mỗi địa đều nói rằng tất cả chỗ làm của Bồ tát đều không rời niệm Phật.

26. TỌA THIÊN TAM MUỘI KINH

Bồ tát tọa thiên không niệm tất cả, chỉ niệm một đức Phật bèn chứng được tam muội.

27. VĂN THÙ BÁT NHÃ KINH

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Bồ tát: Muốn chóng thành quả Vô thượng Bồ đề, phải tu Nhứt hạnh tam muội. Người muốn nhập Nhứt hạnh tam muội phải ở chỗ vắng vẻ rảnh rang, nhiếp tâm chánh niệm để tâm nơi một đức Phật rồi chuyên xưng danh hiệu, nên ngồi ngay thẳng hướng về phía đức Phật ấy (*niệm Phật A Di Đà thời xoay mặt về hướng Tây*). Nếu có thể chuyên niệm một đức Phật nối liền, bèn ở trong chánh niệm thấy được chư Phật trong mười phương ba thuở. Công đức niệm một đức Phật cùng công đức niệm vô lượng đức Phật bằng nhau. Nếu được Nhứt hạnh tam muội, thời được trí huệ biện tài, tất cả pháp môn đều thấu rõ. Ngày đêm, tuyên giảng không trệ, không tuyệt. Sức đa văn

biện tài của A Nan trăm nghìn phần vẫn không bằng một phần của người được Nhứt hạnh tam muội này...

28. ĐẠI TẬP KINH

Mạt thế, ức ức người tu hành không có một người được giải thoát; chỉ nương pháp môn niệm Phật mà ra khỏi luân hồi.

Kinh lại nói: Nếu người chuyên niệm Phật, hoặc ngồi mà niệm, hoặc đi mà niệm, ròng rắt trong 49 ngày, thời hiện đời được thấy Phật, liền được vãng sanh...

Trích lục ngày 1 tháng Giêng,

Phật lịch 2501 (1957)

Hân Tịnh

[1] Xem lược sử của chư Tổ ở bộ *Đường Về Cực Lạc* tập I và tập II.

[2] Nguyên bản đề Hồng Loa Sơn Mộ Liên Pháp Sư Di Cảo Phổ Đà Sơn Ấn Quang Đại Sư Thuật.

[3] Bậc trí thức là những vị có đại trí huệ, đại biện tài có thể làm đạo sư cho người. Hạng người phước dày nghiệp nhẹ, trí sâu chướng cạn đó là căn tánh thù thắng. Trái lại người nghiệp nặng, phước mỏng, trí cạn chướng sâu đó là căn tánh lậu liệt.

[4] Tín nguyện niệm Phật cầu vãng sanh đó là tông Tịnh độ.

[5] Mộ Liên Pháp sư tự xưng

[6] Đây là theo Nho bác Phật.

[7] Thánh nhơn đây là chỉ cho Khổng Phu Tử

[8] Niệm Phật chánh định: tâm và Phật hiệp nhưt, Phật cảnh hiện tiền.

[9] Quyển này của Tri Húc Đại sư hiệu Ngẫu Ích soạn ra để giải chỗ yếu lãnh của kinh *A Di Đà*. Đại sư là bậc triết ngộ Thiên tông và là tổ thứ 9 Liên tông (xem lược sử của Tổ bộ Đường Về Cực Lạc tập nhưt)

[10] Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Thiện Đạo, Vĩnh Minh là bậc đại Bồ tát cùng đại Tổ sư hoàng dương môn niệm Phật. Lược tích của các ngài ở bộ Đường Về Cực Lạc tập I. Trí Giả Đại sư, Tổ của tông Pháp Hoa có lược sử ở bộ Đường Về Cực Lạc tập II. Thanh Lương Đại sư, Tổ thứ tư của tông Hoa Nghiêm.

[11] Bậc viên mãn Phật quả, là vua của tất cả pháp, ở nơi tất cả pháp được hoàn toàn tự tại.

[12] Căn khí Đại thừa là đại căn, người căn khí Tiểu thừa là tiểu căn.

[13] Chỉ thẳng đến Phật tri kiến là Thật giáo; phương tiện khác là Quyền giáo.

[14] Kiến hoặc có 88 phẩm, do mê lý tứ đế mà ra, thấy lý tứ đế thời diệt, nên gọi là kiến sở đoạn hoặc.

Tu hoặc có 81 phẩm, sau khi tỏ ngộ đế lý, (kiến đạo) rồi tư duy, tu tập mà dứt lần lần. Khi dứt sạch hết thời giải thoát sanh tử luân hồi trong tam giới, nên gọi nó là tư sở đoạn hoặc hay tu sở đoạn hoặc.

[15] Vua Vô Tránh Niệm và Phụ tướng Bảo Hải (xem toàn sử ở bộ Đường Về Cực Lạc tập I).

[16] Mười đại nguyện: một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, cho đến mười là phổ giai hồi hướng. Xem toàn văn nơi phẩm *Phổ Hiền hạnh nguyện*.

[17] Hạng cực ác, bất cù tín, đoạn thiện căn.

[18] Thanh tịnh Pháp thân Phật

[19] Trí đức cứu cánh là đại Bồ đề. Đoạn đức cứu cánh là đại Niết bàn.

[20] Luận nói suông về sự ăn thời không no được. Kẻ nghèo ngồi tính đếm của tiền các nhà giàu tất không hết nghèo được.

[21] Ngài Tào Bá ở vào thời vua Đường Huyền Tông. Phẩm Hạnh Nguyên dịch xong vào thời Đường Đức Tông.

[22] Xem *Đường Về Cực Lạc* tập I

[23] Nguyên âm: Hữu Thiên hữu Tịnh Độ. Du như đời giác hồ. Hiện thế vi nhơn sư. Lai sanh tác Phật Tổ.

[24] Nguyên âm: Vô Thiên hữu Tịnh Độ. Vạn tu vạn nhơn khứ. Nhược đắc kiến Di Đà. Hà sâu bất khai ngộ.

[25] Nguyên âm: Hữu Thiên vô Tịnh Độ. Thập nhơn cửu ta lộ. Âm cảnh nhược hiện tiền. Miết nhĩ tùy tha khứ

[26] Ngũ Tổ Giới Diển chuyển sanh làm Tô Đông Pha. Thanh Thảo Đường chuyển thân làm Tăng Lỗ Công. Hai vị này là bậc đại ngộ nhập thâm thiền định. Ngài Thảo Đường mỗi lần ngồi Thiền 49 ngày mới xuất định. Hai ngài nếu kiên tu Tịnh độ quyết định Thượng phẩm vãng sanh thành đại Bồ tát, nhưng vì chỉ chuyên một mặt tu Thiền nơi đời kể phải sa đọa. Rất tiếc! Rất tiếc!

[27] Vô Thiên, vô Tịnh độ. Thiết sàng tính đồng trụ. Vạn kiếp dữ thiên sanh. Một cá nhơn y hộ.

[28] Tôi còn nhớ một đêm nọ đương tụng kinh dưới ngọn đèn dầu, chợt có con thằn lằn trắng bò nằm bên đèn ngược đầu nhìn thẳng. Tôi ngỡ là nó nghe kinh, lòng mừng cho con vật biết phát tâm, tôi to tiếng tụng và nhìn nó. Bỗng một con

bướm đáp xuống, nó đớp lấy rồi tha chạy lên vách. À té ra là nó rình mồi chớ không phải có ý nghe kinh. Bất giác tôi sa nước mắt.

[29] Giữa lúc cùng ông Cấp Cô Độc cân nên để dựng tịnh xá Ký Hoàn, Tôn giả Xá Lợi Phất bỗng búi ngùi than thở. Ông Cấp Cô Độc bạch hỏi, Tôn giả lấy tay chỉ con kiến đen đang bò trên đất mà bảo ông Cấp Cô Độc: “Ta nhờ huệ nhãn mà biết rằng, hồi thời Phật Tỳ Ba Thi về quá khứ nơi đây có con kiến đen, trải qua thời Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm, Phật Ca Diếp, và hiện nay Phật Thích Ca Mâu Ni, con kiến ấy cứ mãi luân hồi, và bây giờ vẫn đáo hoàn thân kiến, chính là con kiến đen đang bò trên đất đây. Nghĩ mà xót thương cho chúng sanh mê muội muôn kiếp trầm luân, nên ta than thở”. Nghe xong ông Cấp Cô Độc cũng ngậm ngùi ứa lụy.

[30] Xuống nước hòn sỏi nhỏ vẫn chìm. Nhờ ghe chở, một trăm cục đá lớn cũng qua sông được.

[31] Ngài Thiên Thân ban đầu xuất gia theo phái Tiểu thừa, soạn 500 bộ luận để truyền Tiểu thừa mà công kích Đại thừa. Sau khi được hiểu Đại thừa giáo, ngài rất ăn năn sự sai lầm của mình, tự muốn cắt bỏ lưỡi mình đi. Anh là Vô Trước Bồ tát khuyên ngăn. Ngài liền soạn 500 bộ luận về Đại thừa để chuộc tội. Ngài là một vị Tổ của tông Duy Thức. Bộ *Tịnh Độ Luận* là của ngài soạn.

[32] Người ta quen gọi ngài là Linh Chi Hòa thượng hay Linh Chi Luật sư.

*



NGỘ TÁNH LUẬN

Nguyên tác: Bồ Đề Đạt Ma

Dịch và chú giải: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

THAY LỜI TỰA

“Nấu cát muốn thành cơm, dầu nấu đến nhiều kiếp cũng chẳng thể thành. Dùng thức tâm phan duyên phân biệt vô thường để tu hành mà muốn được pháp thân Như Lai thường trụ cũng đồng với ví dụ trên”. Đây là lời phán dạy Ngài A Nan của đức Phật trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*.

Kinh *Viên Giác* cũng nói:

Bồn nhờn từ thuở mới phát tâm tu hành của chư Phật Như Lai đều dùng “Trí huệ giác”.

Nhơn và quả của Đại thừa không ngoài phạm vi “Ngộ” và “Chứng” bồn tâm tự tánh.

Thiền tông nói “minh tâm kiến tánh” đó là “tỏ ngộ bồn tâm tự tánh” vậy.

Sau khi tỏ ngộ rồi y cứ theo bốn tâm tự tánh ấy để hiển phát thành công hạnh, đó gọi là “xứng tánh hạnh”, là “chơn thiệt tu tập” là “vô lậu nghiệp”.

Đây mới đúng là “nhơn Phật” để thành tựu “quả Phật” khi viên mãn, ngoài đây không có nhơn nào khác để có thể thành Phật được. Nếu có phương pháp nào khác, cũng của đức Thế Tôn chỉ dạy, đều là những phương tiện để hỗ trợ, để dẫn phát chơn ngôn mà thôi.

Vì thế nên về Phật thừa, vấn đề “quán tâm” để “tỏ ngộ tự tánh” là phần việc tối khẩn yếu của tất cả những người học Phật, tu Phật và quyển “*Ngộ Tánh Luận*” của Đức Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đây là kim chỉ nam vậy. *Tục Tạng* kinh, tập thứ 110.

Ngày tiền an cư năm Tân Hợi(1971), lần đầu tiên đọc quyển *Ngộ Tánh Luận* tôi tự cảm thấy như quá quen thuộc về ý nghĩa hàm súc trong ấy. Với nguồn cảm hứng ấy, tôi phiên dịch ra Việt văn, đồng thời theo sự cảm ngộ mà phân đoạn, đặt tên cho mỗi đoạn và ghi lời “phụ chú”.

Lời “phụ chú” sau mỗi đoạn mà tôi đã tự phân ra phần lớn là những lời trích lấy từ các kinh các luận mà tôi chợt nhớ lại theo nguồn cảm hứng trong khi đọc nguyên văn, còn tự ý mình lại là phần nhỏ. Có lẽ vì ý nghĩa trong quyển *Ngộ Tánh Luận* đây nhiều chỗ trùng hợp với văn các kinh các luận mà tôi đã từng ghi nhớ, nên lúc đọc tôi tự cảm như quá quen thuộc chẳng!

Nói là “phụ chú” vì chỉ là ghi thêm câu văn trong các luận, lời dạy trong các kinh, hoặc vài ý nghĩ giản yếu, cốt để phụ giúp cho nguyên văn được sáng tỏ hơn, dễ hiểu dễ nhận hơn, đồng thời để chứng minh với “thánh giáo lượng”.

Viết xong đọc lại, tôi sững sốt ngẩn ngơ với số đoạn XXXII(32), vì con số 32 đoạn đây ngẫu nhiên trùng với con

số 32 chương của quyển kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* mà Chiêu Minh Thái tử nhà Lương đã phân định từ ngàn xưa. Phải chăng đây là oai thần của Tam Bảo, là sự hộ niệm của Liệt Tổ! Cũng có thể là như thế; vì khi đọc lại những đoạn phụ chú, tôi tự thấy dường như không phải hoàn toàn của chính mình, mà gần như có ai đó ngấm mạch vậy. Bằng có là, nếu giờ đây, bắt đầu làm mới lại, chắc rằng tôi không thể làm giống được, làm được y như vậy.

Và như thế, nếu quyển này có mang lại ít nhiều công đức thì đó là công đức của Tam Bảo, của Liệt Tổ, cộng với căn lành của mọi người, của chúng sanh mà thôi.

Ngày tiền an cư năm Quý Sửu(1973)

Hân Tịnh Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

Cẩn chí

*

BỒ ĐỀ ĐẠT MA NGỘ TÁNH LUẬN NGHĨA

I. TÔNG VÀ THỂ ĐẠI THỪA

- Tịch diệt là thể của đạo.
- Ly tướng là tông của người tu.
- Kinh dạy rằng: Tịch diệt là Bồ đề, vì diệt các tướng.
- Phật là đấng Giác ngộ.
- Người có giác tâm được đạo Bồ đề nên gọi là Phật.
- Do đây nên biết rằng hữu tướng là tướng của vô tướng, chỉ do trí mà biết chớ không thể dùng mắt để thấy.
- Nghe những điều trình bày trên đây mà có lòng tin, người này phát tâm Đại thừa vượt khỏi tam giới.

Phụ chú:

Đạo là gì?

Là tánh là tâm vậy.

Bồn thể của tâm tánh vốn tịch diệt vô tướng.

Kinh *Pháp Hoa* nói: Các pháp bồn lai thường tự tịch diệt. Lại nói: Các pháp tướng tịch diệt chẳng thể tuyên nói được. Kinh lại dạy: Chư Phật Lương Túc Tôn biết pháp thường vô tánh.

Kinh *Bát Nhã* nói: Ngũ uẩn, Lục nhập, Thập Nhị xứ, Thập bát giới, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, cho đến trí cùng đắc, tất cả đều không.

Luận Khởi Tín cũng nói: Tâm chơn như rời lia tất cả tướng.

Thế thì người tu muốn được chứng nhập đạo tất phải ly tướng. Nghĩa là nội tâm phải rời tất cả tướng. Rời lia hai

tướng: ngã và pháp. Rời lìa bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả.

Muốn lìa tướng phải thế nào?

Phải rời vọng tướng phân biệt. Tức phải ly niệm, phải vô niệm vậy.

Kinh *Viên Giác* dạy: Lóng lòng vô niệm là tùy thuận Viên giác tánh.

Luận Khởi Tín bảo: Nếu được vô niệm gọi là chứng nhập Chơn như.

Hữu niệm là hữu tướng mà tất cả tướng đều là hư vọng là sanh diệt.

Kinh *Kim Cang* nói: Phàm có tướng đều là hư vọng.

Trái lại vô niệm thì vô tướng, mà vô tướng là chơn thiệt, là thường trụ.

Kinh *Kim Cang* nói: Rời tất cả tướng gọi đó là chư Phật. Đây là cảnh giới của đại trí huệ, là cảnh giới của Như Lai.

Nghe mà tin được chính là người đã phát tâm đại Bồ đề, đã vun trồng công đức từ nhiều đời nơi vô lượng chư Phật. Như trong kinh *Kim Cang* và kinh *Viên Giác* đã xác nhận. Người này đã vượt khỏi tam giới hữu lậu, đã vào đường Thánh vô lậu sẽ thành Phật.

II. TÁNH THỂ BẤT GIẢM BẤT TĂNG

- Tam giới là tham sân si.
- Trái với tham sân si là giới định huệ.
- Có giới định huệ gọi là vượt khỏi tam giới.
- Thật ra tham sân si cũng không có thể tánh chơn thiệt. Chỉ y cứ nơi chúng sanh mà nói đó thôi.

- Nếu có thể phản chiếu thì thấy rõ tánh của tham sân si là Phật tánh. Ngoài tham sân si không có Phật tánh riêng.

- Kinh dạy rằng: Chư Phật từ nào vẫn ở tại tam độc mà nuôi lớn các pháp lành, mà thành đấng Thế Tôn.

- Đại thừa hay Tối thượng thừa là chỗ noi đi của chư Bồ tát: Thừa này là thừa tất cả mà không chỗ thừa, luôn luôn thừa mà chưa bao giờ thừa, đây là Phật thừa.

- Kinh dạy: Không thừa là Phật thừa.

Phụ chú:

Kinh *Lăng Già* dạy: Vọng tưởng vô tánh. Tánh vô tánh là thiệt tánh, là Phật tánh.

Lại có câu: Phiền não tức Bồ đề.

Tánh phiền não là tánh Bồ đề.

Vì là một tánh duy nhất nên ở phạm tánh ấy chẳng giảm mặc dầu là vọng tưởng phiền não.

Tại Thánh, tánh ấy cũng chẳng tăng dầu là Bồ đề Niết bàn.

Tánh của băng là tánh nước. Mười cân băng đông cứng là mười cân nước ấm lỏng.

Băng cứng nước lỏng vẫn là một chất ướt duy nhất, không giảm dầu cứng, không tăng dầu lỏng.

Vì tâm tánh duy nhất chẳng giảm chẳng tăng, nên tu mà không tu, chứng mà không chứng. Đây là chân tu thiệt chứng, là viên tu viên chứng, cũng là Phật thừa vậy.

Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* nói: Phật pháp là niệm mà vô niệm, hành mà vô hành, ngôn mà vô ngôn, tu mà vô tu.

Kinh *Pháp Hoa* lại dạy: Chỉ có một Phật thừa không hai cũng không ba.

Bồ Tát Giới kinh bảo: Tất cả pháp bốn lai không sanh không diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng đồng chẳng khác, không đến không đi, chớ mong tâm phân biệt.

III. VÔ NIỆM THƯỜNG ĐỊNH

- Nếu người biết lục căn chẳng thiết, ngũ uẩn giả danh, tìm khắp thân thể quyết không chỗ nứt định, người này hiểu lời dạy của Phật.

- Kinh dạy rằng: Ngôi nhà ngũ uẩn gọi là thiên viện. Soi sáng vào trong mở toang thấy rõ là cửa Đại thừa.

- Chẳng tưởng nhớ tất cả pháp mới được gọi là thiên định.

- Người tỏ được lời dạy này thì đi đứng nằm ngồi đều là thiên định.

Phụ chú:

Tất cả sự vật thân cảnh cho đến tướng niệm đều duyên sanh không có tự tánh, chỉ có giả danh.

Từ chơn không thiết trí khởi dụng sai biệt giả quán chiếu soi vạn vật thấy rõ thiết tướng vô tướng của tất cả pháp, không gì chẳng phải là thiên viện, không đâu chẳng phải là cửa Đại thừa.

Tướng không khởi thì pháp chẳng hiện. Niệm không sanh thì pháp chẳng thành.

Tâm và cảnh vắng lặng như như, đây là tự tánh đại định, thường định.

Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: Khắp mọi nơi đều có thân Phật mà Phật vẫn thường ngồi tòa Bồ đề.

Kinh *Tịnh Danh* nói: Chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi.

Kinh *Kim Cang* bảo: Không từ đâu lại cũng không qua đâu nên gọi là Như Lai.

Huệ năng Đại sư thuật: Bỏ lại không mọi vật. Lại nói: Tự tánh đầy đủ tất cả pháp.

IV. TÂM BẤT KHẢ ĐẮC

- Biết tâm là không gọi đó là thấy Phật.
- Vì chư Phật đều vô tâm, nên chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật.

Phụ chú:

Tổ Huệ Khả trình bày: Tìm tâm trọn không thể được.

Kinh *Kim Cang* dạy: Tâm quá khứ chẳng thể được. Tâm hiện tại chẳng thể được. Tâm vị lai chẳng thể được.

Luận Khởi Tín nói: Đại Bồ tát thấy tâm không sanh, hết vô minh thành cứu cánh giác.

Ngược lại, hàng phàm phu luôn có tâm, dùng tâm duyên lấy tâm, tâm tâm diệt sanh nối nhau mãi thành vọng hoặc.

Nếu niệm trước không sanh, niệm sau không diệt; đây là chơn tâm hiển hiện, chơn Phật viên thành, há lại chỉ có thấy Phật ư!

Đàn Kinh nói: Niệm trước chẳng sanh là tâm, niệm sau không diệt là Phật.

V. LOẠN VÀ ĐỊNH ĐỀU RỜI

- Xả thân chẳng tiếc là đại bố thí.
- Rời hẳn động và tịnh là đại tọa thiền.
- Phàm phu chuyên động.
- Nhị thừa chuyên tịnh.
- Rời động và tịnh hơn hẳn phàm phu và Nhị thừa nên gọi là đại tọa thiền.
- Hiểu được ý này thì biết được tất cả pháp, thì lành được tất cả bệnh, là năng lực đại thiên định.

Phụ chú:

Bỏ tịnh ham động là mê muội.

Nhàm động cầu tịnh là thủ xả.

Đâu biết rằng tự tánh bản lai không động nào chờ cầu tịnh.

Rồi lìa động tịnh là thấy tự tánh, là biết pháp tánh, là hết tất cả mê chấp, là như như bất động, đây gọi là đại thiên định.

Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* nói: Hai tướng động và tịnh hoàn toàn chẳng sanh.

Năng văn và sở văn đều hết. Năng giác và sở giác đều không.

VI. BÌNH ĐẲNG VÔ SAI BIỆT

- Dem tâm cầu pháp là mê.
- Chẳng dem tâm cầu pháp là ngộ.
- Chẳng chấp văn tự là giải thoát.
- Chẳng nhiễm lục trần là hộ pháp.
- Thoát khỏi sanh tử là xuất gia.
- Chẳng còn thọ thân sau là đắc đạo.
- Chẳng khởi vọng tưởng là Niết bàn.
- Chẳng còn vô minh là đại trí huệ.
- Chỗ không phiền não là Bát Niết bàn.
- Chỗ không tâm tướng là đáo bỉ ngạn.
- Lúc mê thì có thử ngạn.
- Lúc ngộ thì không thử ngạn.
- Hàng phàm phu mãi trụ tại thử.
- Nếu giác ngộ Tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ tại thử cũng chẳng trụ tại bỉ, nên có thể rời lìa thử ngạn và bỉ ngạn.

- Nếu thấy bỉ ngạn khác với thử ngạn, tâm người này đã là không thiên định.

- Phiền não gọi là chúng sanh, tử ngộ gọi là Bồ đề, chẳng phải một chẳng phải khác. Chỉ vì mê và ngộ mà cách biệt đó thôi.

- Khi mê thì có thể gian đáng xuất ly.

- Lúc tử ngộ thì không thể gian để xuất ly.

- Trong tánh bình đẳng chẳng thấy phạm phu khác với Thánh nhơn.

- Kinh dạy rằng: Nơi pháp bình đẳng hàng phạm phu nhập chẳng được, bậc Thánh nhơn hành chẳng được. Chỉ có chư đại Bồ tát và chư Phật Như Lai hành nơi pháp bình đẳng.

- Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tịnh, đều gọi là bất bình đẳng.

- Chẳng thấy phiền não khác với Niết bàn, gọi là bình đẳng. Vì phiền não và Niết bàn đồng một tánh không.

- Người Tiểu thừa vọng đoạn phiền não, vọng nhập Niết bàn, nên bị Niết bàn làm trở ngại.

- Bồ tát biết tánh phiền não là không bèn chẳng rời lìa không, nên thường ở tại Niết bàn.

- Niết bàn là tịch diệt

- Tịch diệt mà chẳng sanh.

- Diệt mà chẳng tử.

- Xuất ly sanh tử, xuất Bát Niết bàn, tâm không khứ lai là nhập đại Niết bàn.

- Thế nên biết rằng Niết bàn là tâm không vậy.

Phụ chú:

Tâm còn không thể tìm được, còn không thể có được thì tâm đâu để cầu!

Tánh vẫn tự vốn ly nào có triền phược.
 Tình thức chẳng sanh, lấy gì để nhiễm.
 Bản tự vô sanh, không nhà để xuất.
 Pháp thân thường trụ không đặc không chứng.
 Chẳng ngoài vọng tưởng mà chứng Niết bàn.
 Chẳng ngoài vô minh mà có đại Trí huệ.
 Phiền não tánh không tức là Bát Niết bàn.
 Không tâm tướng chính là đại Bồ đề.

Có trí vô sai biệt thấy pháp không sai khác, đây gọi là chứng pháp tánh bình đẳng vậy.

Kinh Kim Cang dạy: Pháp ấy bình đẳng không có cao hạ. Không có cao hạ đây là không sai biệt vậy.

VII. CHÁNH KIẾN VÔ TRỤ

- Chư Phật nhập Niết bàn là ở chỗ không vọng tưởng.
- Bồ tát nhập đạo tràng là ở chỗ không phiền não, là ở chỗ không nhàn.
- Chỗ không nhàn đây là chỗ không tham sân si.
- Tham sân si là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
- Nếu tâm niệm sanh là nhập tam giới, tâm niệm diệt là xuất tam giới.
- Vì thế nên biết rằng tam giới sanh diệt, vạn pháp có không đều do nhứt tâm.
- Nếu biết tâm là giả danh không thể tánh chơn thiệt, thì biết tự tâm cũng chẳng phải có chẳng phải không.
- Vì hạng phàm phu luôn sanh tâm nên gọi là hữu. Tiểu thừa luôn diệt tâm nên gọi là vô.

- Bồ tát và Phật chưa lúc nào sanh tâm chưa lúc nào diệt tâm, nên gọi là phi hữu phi vô tâm, cũng gọi là Trung đạo.

- Thế nên biết rằng dữ lấy tâm học pháp thì đều mê cả tâm lẫn pháp. Chẳng dữ lấy tâm học pháp thì tâm và pháp đều ngộ.

- Mê là mê nơi ngộ.

- Ngộ là ngộ nơi mê.

- Người có chánh kiến biết tâm không vô liền siêu việt mê và ngộ.

- Không có mê ngộ mới gọi là chánh tri chánh kiến.

Phụ chú:

Tự tâm chẳng phải có, vì tìm tâm tướng không thể được.

Tự tâm chẳng phải không, vì tự tâm hay sanh muôn pháp.

Huệ Năng Đại Sư trình bày: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn chẳng động lay. Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp.

Tự tánh chính là tâm mình vốn thanh tịnh, chẳng sanh diệt và chẳng động lay là diễn tả tự tâm chẳng phải có vậy. Vốn đầy đủ và hay sanh muôn pháp là diễn tả tự tâm chẳng phải không vậy.

Kinh Lăng Già nói: Như Lai Tạng chơn không bất không. Chơn không là chẳng phải có. Bất không là chẳng phải không vậy.

Luận Khởi Tín nói: Tâm này có hai môn: Chơn như môn và sanh diệt môn.

Luận lại nói: Như thiết không cảnh, nhơn huân tập cảnh. Chơn như môn và như thiết không cảnh là tự tâm chẳng phải có. Sanh diệt môn và nhơn huân tập cảnh là tự tâm chẳng phải không vậy.

Kinh Kim Cang nói: Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Pháp vô vi là tự tâm chẳng phải có. Có sai khác, là tự tâm chẳng phải không vậy. Rời có lìa không, chẳng dừng ở chặng giữa, đây gọi là trung đạo. Cũng không có trung đạo để an trụ.

Kinh Kim Cang dạy: Phải không có chỗ trụ mà sanh tâm kia... Nếu tâm có chỗ trụ chánh là chẳng phải trụ. Không chỗ trụ và chẳng phải trụ là tâm chẳng phải có. Sanh tâm kia và nếu tâm có chỗ trụ là tâm chẳng phải không. Chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm là thiệt vô trụ. Đây gọi là chánh kiến chánh tri vậy.

VIII. SẮC TÂM BÁT NHỊ

- Sắc chẳng tự nó là sắc, mà do tâm mới là sắc.
- Tâm chẳng tự nó là tâm, mà do sắc mới là tâm.
- Vì thế nên biết rằng tâm và sắc cùng sanh lẫn nhau cùng diệt lẫn nhau.
- Hữu là hữu nơi vô, còn vô là vô nơi hữu.
- Đây gọi là chơn kiến.

Phụ chú:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Do tâm sanh mà pháp sanh, cũng do pháp sanh mà tâm sanh. Do tâm diệt mà pháp diệt, cũng do pháp diệt mà tâm diệt.

Đã là do thì sanh diệt chính là chẳng sanh diệt, chỉ như huyền hóa thôi.

IX. CHƠN KIẾN VÔ KIẾN

- Luận về chơn kiến: Không gì chẳng thấy mà không chỗ thấy. Thấy khắp mười phương mà chưa bao giờ có thấy. Vì

không cái bị thấy, không cái hay thấy. Vì thấy mà chẳng phải thấy vậy.

- Chỗ thấy của phàm phu đều là vọng tưởng.
- Nếu tịch diệt không thấy mới gọi là chơn kiến.
- Tâm và cảnh đối nhau sanh ra sự thấy.
- Nếu trong không khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh. Tâm và cảnh đồng tịch tịnh gọi là chơn kiến.
- Hiểu biết như đây gọi là chánh kiến.
- Không thấy tất cả pháp gọi là đắc đạo.
- Chẳng hiểu tất cả pháp gọi là hiểu pháp.
- Vì thấy cùng chẳng thấy đều không.
- Vì hiểu cùng chẳng hiểu đều không.
- Thấy mà chẳng thấy mới gọi là chơn kiến.
- Hiểu mà chẳng hiểu mới gọi là thiệt hiểu.
- Luận về chánh kiến: Chẳng phải chỉ thấy nơi thấy mà cũng thấy nơi chẳng thấy.

Luận về thiệt hiểu: Chẳng phải chỉ hiểu nơi hiểu mà cũng hiểu nơi chẳng hiểu.

- Phàm có chỗ hiểu đều gọi là chẳng hiểu.
- Không chỗ hiểu mới gọi là thiệt hiểu.
- Hiểu và không hiểu đều chẳng phải hiểu.
- Kinh dạy rằng: Chẳng xả trí huệ gọi là ngu si.
- Không tâm thì hiểu cùng chẳng hiểu đều chơn.
- Có tâm thì hiểu cùng chẳng hiểu đều vọng.
- Lúc hiểu thì pháp theo người.
- Lúc không hiểu thì người theo pháp.

- Nếu pháp theo người thì phi pháp thành pháp.
- Nếu người theo pháp thì pháp thành phi pháp.
- Nếu người theo pháp thì pháp đều vọng.
- Nếu pháp theo người thì pháp đều chơn.
- Vì thế nên Thánh nhân chẳng đem tâm cầu pháp, chẳng đem pháp cầu tâm, chẳng đem tâm cầu tâm, cũng chẳng đem pháp cầu pháp.
- Do đây nên nơi Thánh nhơn: Tâm không sanh pháp, pháp không sanh tâm. Tâm và pháp tịch tịnh cả hai mà thường ở tại chánh định.
- Tâm chúng sanh khởi thì Phật pháp diệt.
- Tâm chúng sanh diệt thì Phật pháp sanh.
- Tâm sanh thì chơn pháp diệt.
- Tâm diệt thì chơn pháp sanh.
- Người đã biết tất cả pháp đều chẳng hệ thuộc nhau, đây gọi là người đắc đạo.
- Người biết tâm chẳng hệ thuộc tất cả pháp, người này thường ở tại đạo tràng.

Phụ chú:

Phàm có chỗ thấy thì quyết định có chỗ không thấy. Thế nên không thấy tất cả có nghĩa là đã thấy rõ tất cả, vì không năng không sở, đây gọi là chơn kiến.

Có tâm nhận được cảnh, đây gọi là sự thấy biết hư vọng.

Tâm không cảnh không, đây gọi là chơn tri chơn kiến.

Duy Thức Luận nói: Nếu hiện tiền còn có cảnh sở đắc là còn hư vọng chưa thấy được thiệt tánh. Nếu trí và cảnh đều bật dứt, rời hẳn năng duyên và sở duyên, đây là thiệt an trụ nơi Duy thức tánh.

Kinh Bát Nhã nói: Không thấy không nghe là chơn Bát Nhã.

Kinh Tịnh Danh cũng bảo: Thuyết giả không nói không dạy, thính giả không nghe không được. Đây là Bồ tát trí.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Động tịnh trọn chẳng sanh. Năng văn và sở văn đều hết. Năng giác và sở giác đều không. Đây là nhập viên thông.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm lại dạy: Nếu hay chuyển vật thì đồng với Như Lai.

Pháp theo người thì người hay chuyển vật. Chuyển vật thì tâm không hệ thuộc tất cả pháp. Cốt yếu là thiệt hiểu vậy.

X. TỘI TÁNH BỒN KHÔNG

- Lúc mê có tội, lúc ngộ không tội. Vì tánh của tội vốn không.

- Khi mê: không tội mà thấy là tội.

- Khi ngộ: Chính nơi tội mà chẳng phải là tội. Vì tội vốn không nơi, không chỗ.

- Kinh dạy rằng: Các pháp vốn vô tánh.

- Chơn dụng chớ nghi ngờ, nếu nghi thì thành tội. Vì tội do nghi hoặc mà phát sanh.

- Người ngộ được ý này thì tội nghiệp đời trước liền tiêu diệt.

Phụ chú:

Tội từ vọng tâm phát khởi. Tâm đã không thì tội đâu còn. Lại nữa, tội vốn không tự tánh. Không tánh là thiệt tánh. Thiệt tánh là tánh phước đức.

Kinh Pháp Hoa nói: Thấu rõ tướng tội phước chiếu khắp cả mười phương.

Tánh của tội là tánh của phước, là tánh của tất cả pháp.
Thấy tánh thì thành Phật.

XI. ĐẮC VÔ SỞ ĐẮC

- Lúc mê: sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử.
- Lúc ngộ: sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết bàn vô sinh.
- Người hành đạo chẳng cầu đạo nơi ngoài, vì biết rằng chính tâm mình là đạo.
- Nếu được tâm, không có tâm để được.
- Nếu đắc đạo, không có đạo để đắc.
- Nếu cho rằng đem tâm cầu đạo để đắc, gọi là tà kiến.
- Lúc mê: có Phật, có pháp. Lúc ngộ: không Phật, không pháp. Vì chính ngộ là Phật là pháp vậy.

Phụ chú:

Tánh mình vốn thanh tịnh đầy đủ tất cả công đức ở phàm không khuyết giảm.

Kinh Kim Cang có câu Phàm phu ấy chẳng phải là phàm phu. Chỉ tại mê mà không tự nhận lấy tánh mình nên kinh nói tiếp: Đây gọi là phàm phu.

Ở Thánh tánh ấy cũng chẳng tăng thêm nên kinh Kim Cang dạy: Đệ nhứt Ba la mật chẳng phải đệ nhứt Ba la mật. Chỉ do ngộ mà nhận được tánh ấy, nên kinh nói tiếp: Đây gọi là đệ nhứt Ba la mật.

Đã thiệt ngộ thì tự tánh phô bày, nên chính ngộ là tự tánh, tự tánh là ngộ. Không kia đây đối lập nên không hay được, không bị được. Kinh Kim Cang dạy: Nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đức Phật không được chút pháp nào.

Tổ Sư bảo: Bảo Tăng nhà mình không đoái hoài lại đi cầu nơi ngoài làm chi. (Lời Mã Tổ bảo Huệ Hải).

XII. THÂN DIỆT ĐẠO THÀNH

- Luận về người hành đạo, thân diệt đạo thành, như mây hột giống nứt rễ mầm cây mọc lên.

- Cái thân nghiệp báo này vô thường, nó biến đổi từng mỗi niệm, không có chút gì như định.

- Người hành đạo chỉ cần theo từng niệm mà tu tập. Nhưng chẳng được nhàm sanh tử hay thích sanh tử. Cần như ở trong mỗi niệm chẳng sanh vọng tưởng. Tu tập như đây thì hiện đời chứng Hữu dư y Niết bàn, khi bỏ thân nhập Vô sanh pháp nhẫn.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang dạy: Không có pháp như định. Nhon vì không như định nên có thể tà, có thể chánh, có thể ác, có thể thiện, có thể vọng, có thể chơn.

Tà, ác và vọng là phàm phu.

Chánh, thiện và chơn là Thánh đức.

Hành giả phải tự mình cảnh giác từng niệm để tu tập. Thế nào là tu tập?

Tránh tà ác vọng, gìn tánh thiện chơn. Cho đến mỗi niệm chẳng sanh vọng tưởng phân biệt đây mới là chơn thiệt tu tập vậy.

XIII. THOÁT CĂN LY TRẦN

- Lúc mắt thấy sắc chẳng nhiễm nơi sắc, lúc tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng, đây đều gọi là giải thoát.

- Mắt chẳng đắm nơi sắc thì mắt là thiên môn.

- Tai chẳng đắm nơi tiếng thì tai là thiên môn.

- Tóm lại, người thấy sắc nếu thấy tánh của sắc thì chẳng nhiễm đắm, đây là thường giải thoát.

- Người thấy sắc nếu thấy tướng của sắc thì có nhiễm đắm, đây là thường hệ phược.

- Chẳng bị phiền não hệ phược gọi là giải thoát, chẳng có giải thoát nào khác.

- Người khéo quán sát nơi sắc thì sắc chẳng sanh tâm, tâm chẳng sanh sắc, tâm và sắc liền thanh tịnh.

Phụ chú:

Thoát căn ly trần vô y độc thoát chẳng rời tự tánh, nên thấy sắc mà không chỗ thấy, nghe tiếng mà không chỗ nghe, sắc và thính còn chẳng có hướng là có đắm nhiễm sắc thính ư!

Không đắm nhiễm thì phiền não không y cứ vào đâu để có được.

Không nhiễm không phiền não là không hệ phược, chính đây là giải thoát vậy.

Điểm trọng yếu là lúc thấy nghe phải thấy tánh của sắc, nghe tánh của thính, đừng dừng nơi tướng của sắc của thính.

Nếu dừng trụ nơi tướng của sắc thính thì chính là đắm nhiễm, là phiền não, là hệ phược vậy.

Kinh Kim Cang dạy: Phạm sở hữu tướng đều là hư vọng.

XIV. KHÔNG TÂM TỨC THÁNH

- Lúc không vọng tưởng, một tâm niệm là một Phật quốc.

- Lúc có vọng tưởng, một tâm niệm là một địa ngục.

- Chúng sanh gây nên vọng tưởng, đem tâm sanh tâm nên thường ở địa ngục.

- Bồ tát quan sát vọng tưởng, chẳng đem tâm sanh tâm nên thường ở Phật quốc.

- Nếu chẳng đem tâm sanh tâm thì tâm tâm nhập không, niệm niệm quy tịnh, từ một Phật quốc đến một Phật quốc.
- Nếu đem tâm sanh tâm thì tâm tâm chẳng tịnh, niệm niệm về nơi động, từ một địa ngục đến một địa ngục.
- Nếu có một tâm niệm sanh khởi thì có nghiệp thiện nghiệp ác, có thiên đường có địa ngục.
- Nếu tâm niệm chẳng khởi thì không hai nghiệp thiện ác, cũng không thiên đường địa ngục.
- Thể tánh của tâm chẳng phải có chẳng phải không: phàm thì có, thánh thì không.
- Thánh như không tâm nên trong lòng rỗng rang lượng đồng hư không.

Phụ chú:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Tự tâm duyên lấy tự tâm, chẳng phải duyên mà thành pháp duyên.

Trong đây Tổ Sư nói: Đem tâm sanh tâm, thì thành vọng động mà đọa vào ác đạo.

Kẻ phàm từ muôn đời luôn đem tâm duyên lấy tâm nên mãi luân hồi sanh diệt.

Bực Thánh như giải thoát thường trụ là do đâu?

Chỉ vì Thánh như chẳng đem tâm duyên lấy tâm, chẳng sanh tâm khởi niệm nên nhập không mà thành tịnh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy tiếp: Chẳng duyên lấy thì không phi duyên. Phi duyên còn chẳng sanh, duyên pháp đâu lập được. Đây gọi là Diệu Liên Hoa Kim Cang Vương Bửu Giác...

XV. PHÁP KHÔNG

- Từ đây nhận xuống đều là chỗ chứng đắc của Đại thừa, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu và Nhị thừa vậy.

- Lúc tâm được Niết bàn thì chẳng thấy có Niết bàn. Vì chính tâm là Niết bàn.

- Nếu ngoài tâm còn thấy Niết bàn, đây gọi là tà kiến.

Phụ chú:

Thấy có pháp ngoài tâm, đây là mê vọng tà kiến, mặc dù pháp ấy gọi là Niết bàn.

Tại sao vậy?

Vì người này còn pháp chấp, chưa thấy tự tánh vậy.

XVI. TỨC TÂM TỨC PHẬT

- Tất cả phiền não là Như Lai chủng, vì do phiền não mà được trí huệ.

- Chỉ nên gọi phiền não sanh Như Lai mà chẳng được nói phiền não là Như Lai.

- Thân và tâm chúng sanh dụ như thừa ruộng, phiền não dụ như hạt giống, trí huệ dụ như mầm mạ, Như Lai dụ như thóc lúa.

- Phật ở trong tâm như hương trong lõi gỗ. Nếu sạch lớp dác mục thì hơi hương từ lõi gỗ thoát ra. Nếu phiền não hết thì Phật từ nội tâm xuất hiện.

- Do đây mà biết rằng ngoài tâm không có Phật, cũng như ngoài lõi gỗ không có hương. Nếu ngoài lõi gỗ có hương đó là tha hương, ngoài tâm có Phật đó là tha Phật vậy.

Phụ chú:

Tâm động là phiền não. Tâm chẳng động là Niết bàn. Niết bàn là Phật.

Khi động tâm là phiền não. Lúc chẳng động tâm là Niết bàn, là Phật.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Nếu người muốn biết rõ tam thể tất cả Phật, phải quán pháp giới tánh, tất cả do tâm tạo.

Ngoài tâm không pháp, tất cả pháp đều do tâm hiện, đều là tâm, tâm là tất cả pháp, đây gọi là Phật vậy.

XVII. GIÁC TÂM THANH TỊNH

- Trong tâm có tam độc thì gọi là quốc độ uế ác.
- Trong tâm không tam độc thì gọi là quốc độ thanh tịnh.
- Kinh dạy rằng: Nếu như quốc độ bất tịnh đầy những uế ác, không bao giờ có vấn đề chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó.
- Bất tịnh và uế ác là vô minh, tam độc. Chư Phật Thế Tôn là tâm thanh tịnh giác ngộ.

Phụ chú:

Tất cả pháp đều do tâm hiện. Phật là giác tâm thanh tịnh.

Từ giác tâm thanh tịnh hiển hiện ra quốc độ thanh tịnh vô lượng trân bảo và sắc thân thanh tịnh vi trần tướng hảo vậy.

XVIII. THUYẾT VÔ SỞ THUYẾT

- Tất cả ngôn ngữ không gì chẳng phải là Phật pháp.
- Nếu có thể không được chỗ nói kia thì dầu trọn ngày nói luôn mà vẫn là đạo.
- Nếu là có nơi chỗ nói kia thì dầu trọn ngày nín lặng mà vẫn là phi đạo.
- Thế nên Đức Như Lai nói năng chẳng nương nơi nín lặng. Đức Như Lai nín lặng chẳng nương nơi nói năng. Đức Như Lai nói năng chẳng rời lìa nín lặng.

- Người tỏ ngộ được ý của sự nói nín này thì đều ở tại chánh định.

Phụ chú:

Kinh dạy rằng: Không có pháp nói được gọi là thuyết pháp.

Không ngã không pháp rời tứ tướng, nói mà không nói không dạy, nghe cũng không nghe không được, kinh Bát Nhã gọi đó là chơn Bát Nhã vậy.

Nói năng chẳng rời lìa nín lặng. Đó là nơi ở tại nín, là chiếu mà tịch.

Kinh Tịnh Danh có câu: Chẳng khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi.

Phó Đại Sĩ lên pháp tọa im lặng vô thủ xích rời bước xuống. Bửu Chí Công nói: Đại sĩ đã giảng xong kinh Kim Cang.

XIX. THỜI THUYẾT THỜI MẶC

- Nếu biết thời mà nói, dầu nói cũng vẫn giải thoát.
- Nếu chẳng biết thời mà nín, dầu nín cũng là hệ phược.
- Nói năng nếu rời tướng, dầu nói cũng là giải thoát.
- Nín lặng mà trước tướng, dầu nín cũng là hệ phược.

Phụ chú:

Trong kệ kinh đức Như Lai thường tuyên bố: Ngã tự tri thời.

Phải thời đúng lúc thì mình và người đều được lợi ích. Phải thời mà nín, sự im lặng ấy là giải thoát.

Đúng lúc hiệp cơ mà nói, sự nói này mới lợi ích đôi bên.

Thế nào là phải thời?

Nơi tâm rời lìa tất cả tướng vậy.

XX. VĂN TỰ TỨC GIẢI THOÁT

- Xét về văn tự, bốn tánh văn tự là giải thoát.
- Văn tự chẳng đến được hệ phược, mà hệ phược từ nào cũng chưa đến được văn tự.

Phụ chú:

Có câu: Văn tự tánh ly tức thị thiệt tánh.

Vì tính chấp trệ nơi văn tự nên tâm tự ràng buộc. Văn tự vốn vô tâm nào quan sanh tử.

Trong kinh Tịnh Danh, Thiên nữ bảo ngài Xá Lợi Phất: Chớ cho rằng hoa này là chẳng đúng pháp. Vì hoa này không phân biệt. Chính ngài tự sanh tướng niệm phân biệt. Thiên nữ lại nói: Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì giải thoát không trong ngoài chặng giữa, văn tự cũng không trong ngoài không chặng giữa.

XIX. THỪA PHI ĐỀ HIỂN THỊ

- Pháp không có cao hạ sai biệt.
- Nếu thấy cao hạ là phi pháp vậy. Phi pháp làm bè gỗ. Người nương bè gỗ này mà qua khỏi phi pháp thì là thị pháp vậy.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang nói: Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ.

Luận Khởi tín nói: Từ bốn giác mà có bất giác. Y cứ nơi bất giác mà có thị giác. Thị giác cứu cánh tức đồng bốn giác, không có thị giác riêng.

XXII. THIẾT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

- Cứ nơi thế tục mà nói thì có nam, có nữ, có sang, có hèn.

- Cứ nơi đạo mà nói thì không nam nữ sang hèn.
- Vì thế nên Thiên nữ ngộ đạo không đổi thân nữ. Xa Nặc đắc đạo đâu dời tên hèn. Do vì nam nữ sang hèn đều là vô tướng.
- Trong mười hai năm Thiên nữ tìm không được tướng nữ của mình. Cứ theo đây cũng biết rằng cầu tướng nam cũng không thể được.
- Mười hai năm tiêu biểu thập nhị nhập vậy.

Phụ chú:

- Đạt Ma Sư Tổ nói: Nếu ngộ thiết tướng thì thấy phi tướng.
- Kinh Kim Cang dạy: Nếu thấy các tướng đều chẳng phải tướng là thấy Như Lai. Như Lai pháp thân là thiết tướng vậy.
- Tất cả pháp bỏn lai đều chẳng phải tướng, đều không tướng, nào chỉ có thập nhị nhập là không tướng, nào chỉ có nam nữ sang hèn là không tướng!

XXIII. NHỨT THỂ BÌNH ĐẲNG

- Lìa tâm không Phật, lìa Phật không tâm. Cũng như rời băng không nước, rời nước không băng.
- Nói là lìa tâm, chẳng phải bảo xa lìa tâm, mà chính là bảo chẳng được nắm lấy tướng của tâm.
- Kinh dạy: Chẳng thấy tướng gọi là thấy Phật. Đây chính là lìa tướng của tâm vậy.

Phụ chú:

- Thấy có tướng là vọng chấp. Vì phàm có tướng đều là hư vọng cả.
- Vọng chấp do khởi niệm. Luận Khởi Tín nói: Tất cả chúng sanh từ nào đến giờ niệm niệm nói nhau chưa từng rời niệm gọi là vô trí vô minh.

Vì thế nên vô niệm thì không thấy có tướng mà tất cả vọng chấp đều không, pháp thân Phật hiển hiện vậy.

XXIV. KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT

- Nói rời tâm không có Phật, là nói Phật từ nơi tâm mà xuất sanh, tâm xuất sanh được Phật.

- Dầu Phật từ nơi tâm mà sanh nhưng tâm chưa bao giờ sanh Phật. Cũng như loài cá từ nơi nước sản sanh, nhưng nước chẳng sanh loài cá.

- Người muốn xem cá, lúc chưa thấy được cá đã thấy nước trước.

- Người muốn quán Phật, lúc chưa thấy được Phật đã thấy tâm trước.

- Lúc đã thấy cá tất quên nước.

- Khi đã thấy Phật tất quên tâm.

- Nếu còn chưa quên tâm thì còn bị tâm làm mê lầm.

- Nếu còn chưa quên nước thì còn bị nước làm mê lầm.

Phụ chú:

Tánh vốn vô tướng. Thấy vô tướng là thấy tánh.

Tâm vốn vô niệm. Được vô niệm là thấy tâm.

Hay quán vô niệm là hướng về Phật trí.

Hay đạt vô tướng là thấy Như Lai.

Không niệm ly và đặc, không tướng năng và sở, mới là viên mãn Phật trí, mới là thành tựu Như Lai vậy.

Kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật.

XXV. NHỨT THỂ ĐỒNG QUAN

- Chúng sanh với Bồ đề như băng cùng với nước.

- Bị tam độc phiền nhiễu gọi là chúng sanh.
- Được ba môn giải thoát lóng sạch gọi là Bồ đề.
- Cũng như bị mùa đông rét lạnh đông cứng lại gọi là băng. Được nắng hạ tan lóng gọi là nước.
- Nếu bỏ băng tất không nước.
- Nếu bỏ chúng sanh tất không Bồ đề.
- Trên đây chứng rõ ràng tánh chất của băng là tánh chất của nước. Tánh thể của chúng sanh là tánh thể của Bồ đề.
- Chúng sanh cùng Bồ tát đồng một thể tánh.
- Mê và ngộ khác cảnh nên có hai danh từ chúng sanh với Bồ đề.
- Như vì thời tiết sai khác nên đồng một gốc mà có hai tên ô đầu cùng phụ tử.
- Thế nên rắn hóa rồng chẳng đổi vảy. Phạm thành Thánh chẳng đổi mặt.

Phụ chú:

Thập pháp giới đồng một thể tánh!

Tánh thể bình đẳng nhưt vị vốn không tướng thánh phàm tịnh uế. Chỉ do mê với ngộ mà tự sai khác. Dầu sai khác nhưng vẫn là tánh thể nhưt vị bình đẳng.

Nên có câu: Sanh tử tức Niết bàn. Và câu: Phiền não tức Bồ đề. Cùng câu: Chúng sanh tức Phật.

Như chất ướt đông nhưt theo duyên âm lạnh mà thành nước thành băng. Chất ướt của băng là chất ướt của nước. Băng cứng rắn, nước lỏng chảy khác nhau mà chất ướt vẫn một.

Gặp lạnh đông lại thành băng cứng, chất ướt vẫn không giảm, không như, không mất.

Gặp ẩm tan ra thành nước lỏng, chất ướt vẫn không tăng, không sạch, không sanh.

Cũng vậy, thập pháp giới đồng một thể chơn như.

Theo mê triền phục thành chúng sanh, chơn tánh vẫn bất giảm bất uế bất diệt.

Theo ngộ giải thoát thành Phật, chơn tánh vẫn bất tăng bất tịnh bất sanh.

Kinh Bát Nhã dạy: Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Kinh lại nói: Thị chư pháp không tướng: bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

XXVI. ĐỘ VÔ SỞ ĐỘ

- Ở trong, trí biết tâm. Ở ngoài, giới soi thân.

- Thật là, chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh. Đây gọi là bình đẳng.

- Nói chúng sanh độ Phật là nói từ phiền não phát sanh trí tỏ ngộ.

- Nói Phật độ chúng sanh là nói trí tỏ ngộ diệt phiền não.

- Vì thế nên biết rằng chẳng phải không có phiền não, chẳng phải không có trí tỏ ngộ.

- Nếu chẳng phải phiền não thì không từ đâu để có trí tỏ ngộ, Nếu chẳng phải trí tỏ ngộ thì không do gì để dứt diệt phiền não.

- Khi mê Phật độ chúng sanh. Lúc ngộ chúng sanh độ Phật.

- Tại sao vậy?

- Vì Phật chẳng tự thành mà do chúng sanh độ vậy.

- Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ.

- Vô minh và tham ái là biệt danh của chúng sanh vậy.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang dạy: Bồ tát độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh nhập Vô dư Niết bàn mà không có một chúng sanh được diệt độ. Tại sao vậy?

Vì chúng sanh không tướng chúng sanh, Niết bàn không tướng Niết bàn. Không tướng đây là pháp thân thiết tướng.

Kinh Pháp Hoa nói: Chúng sanh vốn thành Phật đạo.

Kinh lại dạy: Tất cả chúng sanh bỗng lai thường trụ vào nơi pháp Niết bàn Bồ đề.

Kinh Tịnh Danh cũng nói: Tất cả chúng sanh là tướng Niết bàn chẳng còn lại phải diệt độ nữa.

Chư Phật và chư Bồ tát luôn luôn độ chúng sanh mà vẫn không chúng sanh được độ. Lý này thâm diệu vậy thay!

XXVII. NHƯ LAI VÔ TRỤ

- Khi mê gọi là ở tại thử ngạn.
- Lúc ngộ gọi là ở tại bỉ ngạn.
- Nếu biết tâm không, chẳng còn thấy tướng thì lìa rời cả mê và ngộ.
- Đã rời cả mê và ngộ nên cũng không bỉ ngạn. Đức Như Lai chẳng ở thử ngạn bỉ ngạn cũng chẳng ở trung lưu.
- Trung lưu là nói Nhị thừa. Thử ngạn là nói phàm phu. Bỉ ngạn là nói phàm phu. Bỉ ngạn là nói Bồ đề.

Phụ chú:

Thử ngạn bỉ ngạn và trung lưu đều là tướng đối đãi.

Vì có thử ngạn phàm phu nên nói là Bồ đề bỉ ngạn.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Nhơn vì vọng mà nói chơn. Cả vọng lẫn chơn đều là vọng cả hai.

Vì rời hẳn cả hai thứ vọng: Vọng và chơn, nên gọi là Phật, là Như Lai.

Do đây nên biết rằng: Chư Phật rốt ráo vô trụ, không trụ nơi vọng, thử ngạn và trung lưu, không trụ nơi chơn bỉ ngạn vậy.

XXVIII. TÁNH CỤ TAM THÂN

- Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Hóa thân cũng gọi là Ứng thân.

- Nếu chúng sanh thường làm điều lành là Hóa thân.

- Đương tu trí huệ là Báo thân.

- Hiện giác ngộ vô vi là Pháp thân.

Phụ chú:

Chư Phật chứng tự tánh hiển hiện ba thân.

Chúng sanh dầu chưa hiển hiện nhưng tự tánh vẫn đủ ba thân nên gọi là tánh cụ. Biết tánh cụ ba thân, thuận theo tánh thì ba thân hiển hiện vậy.

XXIX. PHẬT THÂN LY TƯỞNG

- Thường hiện thân mười phương theo cơ nghi tế độ là Hóa thân Phật vậy.

- Nếu dứt sạch ngũ trụ hoặc ngồi đạo tràng thành Phật là Báo thân Phật vậy.

- Vô ngôn vô thuyết vô đặc lặng dưng thường trụ là Pháp thân Phật vậy.

- Nếu y cứ nơi chí lý đề luận thì một thân còn không hưởng là có tới ba.

- Nói có ba thân, đó là y cứ nơi trí nhận hiểu của chín giới chúng sanh mà nói thôi.

- Người chia làm ba hạng: hạ, trung, thượng.
- Người hạ trí vọng làm lành tạo phước, do phước lực mà thấy Hóa thân Phật.
- Người trung trí vọng dứt phiền não thấy Báo thân Phật.
- Người thượng trí chiếu suốt vắng bật hoàn toàn, rõ tâm là Phật, chẳng đem tâm để được Phật trí. Biết ba thân Phật cùng vạn pháp đều chẳng thể nắm lấy chẳng thể nói được. Đây là tâm giải thoát thành đại đạo. Nên bày ý rốt ráo này, trong *Khế Kinh* có nói: Phật chẳng thuyết pháp, chẳng độ sanh, chẳng chứng Bồ đề.

Phụ chú:

Khởi Tín Luận Trục Giải nói: Chơn như pháp vốn không có sắc tướng thấy được. Sắc thân tướng hảo của Chư Phật mà cửu giới chúng sanh thấy được đó, chỉ là tùy theo tâm nhiễm huyền của chúng sanh mà biến hiện. Như sắc thân này cũng chẳng phải có trong tánh bất không của bốn giác. Tại sao vậy?

Vì bốn giác trí chẳng phải là tướng có thể thấy được vậy. Phật thân bốn lai còn không sắc tướng thấy được, huống là thiết có chứng Bồ đề, có độ sanh, có thuyết pháp ư!

Kinh Duy Ma Cật nói: Không lời nói rời sự vấn đáp đó là nhập bất nhị pháp môn.

Luận Khởi Tín cũng nói: Rời tướng ngôn thuyết, rời tướng danh tự, rời tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến đổi khác, chẳng thể phá hoại được, chỉ là nhứt tâm nên gọi là Chơn như. Chứng rốt ráo chơn như gọi là Phật. Bực thượng thượng trí đến được đây vậy.

XXX. VÔ TÂM VÔ NGHIỆP

- Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp chẳng tạo chúng sanh.

- Đòi này tạo nghiệp đời sau lãnh báo không thời kỳ thoát khỏi.

- Chỉ có bực chí nhơn thân đời này chẳng tạo nghiệp nên không lãnh báo đời sau.

- Kinh dạy: Chẳng tạo nghiệp tự nhiên đắc đạo. Người tạo được nghiệp, nghiệp không tạo được người. Nếu người tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt. Thế nên biết rằng: Nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp không từ đâu để sanh được người. Cũng như người hay hoẵng đạo, mà đạo chẳng hoẵng được người.

- Phạm phu luôn luôn tạo nghiệp lại vọng cho là không quả báo. Há lại tối thiểu chẳng bị khổ ư! Nếu nhận là tối thiểu khổ mà dùng tiền tâm tạo báo ở hậu tâm thì đâu có thời kỳ giải thoát. Nếu tiền tâm chẳng tạo thì không có báo ở hậu tâm, lại đâu còn vọng thấy có nghiệp báo.

- Kinh dạy: Dầu tin có Phật mà nói Phật có khổ hạnh, đây gọi là tà kiến.

- Dầu tin Phật mà nói Phật có báo kim thương, mã mạch, đây là hạng Nhứt xiển đề.

Phụ chú:

Luận Khởi Tín nói: Tất cả pháp chỉ y cứ nơi vọng niệm mà hiển hiện sai biệt. Nếu rời vọng niệm thì không tất cả tướng cảnh giới.

Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* bảo: Nếu người phát chơn quy nguyên, với người ấy, mười phương thế giới đều tiêu mất.

Rời vọng niệm là chi? Là vô niệm vậy.

Phát chơn quy nguyên là gì? Là chúng chơn tâm thường trụ, là chúng chơn như vậy.

Vô niệm thì chứng chơn như. Chứng chơn như thì vô niệm.

Luận Khởi Tín nói: Nếu được vô niệm thì gọi là nhập chơn như.

Vô niệm thì không tất cả tướng, không tất cả cảnh giới, tiêu mất tất cả mười phương không gian thế giới, huống còn là nghiệp với báo ư! Tại sao vậy? Vì năng thủ đã không thì sở thủ tất chẳng có.

Người nói Phật còn có nghiệp thừa báo dư, là người chưa hiểu Phật, là người hủy báng Phật.

Nói Phật có tu có chứng là người tà kiến.

Người học đạo đâu nên chẳng cẩn thận nhận định thay!

XXXI. DUY TÂM

- Thấy thánh pháp gọi là thánh nhơn.

- Thấy phàm pháp gọi là phàm phu.

- Nếu bỏ phàm pháp đến thánh pháp thì phàm phu liền thành thánh nhơn vậy.

- Kẻ ngu trong đời chỉ muốn cầu tìm bực thánh mà họ chẳng tin chính tâm trí huệ là thánh nhơn.

- Kinh dạy: Với người vô trí chớ giảng nói kinh này.

- Kinh lại dạy: Tâm là pháp.

- Người vô trí không tin tâm mình thấy pháp liền thành thánh nhơn, họ chỉ mong mỏi cầu tìm học thánh nơi ngoài. Người này sa vào tà kiến thất tâm cuồng loạn.

- Kinh dạy: Nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, đó là thấy Như Lai pháp thân.

- Tám muôn bốn ngàn pháp môn đều phát khởi từ một tâm. Nếu trong tâm tất cả tướng đều sạch dường như hư không

thì rời khỏi tám muôn bốn ngàn phiền não. Trong thân tâm dứt hết gốc bịnh.

Phụ chú:

Tâm thánh là thánh nhơn. Tâm phàm là phàm phu.

Phàm thì thấy tất cả pháp đều là pháp phàm.

Thánh thì thấy tất cả pháp đều là pháp thánh.

Ngài Thường Bất Khinh bảo tất cả tứ chúng đều sẽ thành Phật. Cũng như Đức Như Lai lúc thành Chánh giác, Phật nhãn thấy tất cả chúng sanh bỗng lai là Phật.

Nhẫn đến loài Nga quý thấy lửa thấy máu cam chịu đói khát. Loài người thấy sóng thấy nước đành chịu trôi chịu chìm. Chư Thiên thấy lưu ly thất bảo ngồi đứng tự tại.

Những sự việc trên đây đủ để xác minh rằng: Tất cả pháp duy tâm sở hiện vậy.

XXXII. ĐỊNH NINH KHAI THỊ

- Người phàm đương sống lo chết, đương no lo đói, đều gọi là rất mê lầm.

- Thế nên thánh nhơn chẳng tính trước, chẳng lo sau, chẳng luyến hiện tại, niệm niệm về nơi đạo.

- Nếu ai chưa ngộ được đại lý thâm diệu này phải sớm xây dựng quả lành nhơn thiên, chớ để mất cả hai vậy.

Phụ chú:

Chẳng tính chẳng lo chẳng luyến là hiện tượng của sự Ly niệm vô tâm vậy.

Luận Khởi Tín nói: Ly niệm là cốt yếu của sự tu hành. Vô niệm là đạt đến mức chứng nhập chơn như.

Tổ dùng đây để kết dạy, lại thêm nhắc khuyên người hạ căn gieo giống lành như thiên để làm viên duyên phát khởi tín căn thượng thừa, thiệt là lời cặn kẽ mà cũng là lời chí thiết vậy.

Nhưng xét lại ở cõi người cõi trời, ngoài thì ngũ dục trần cảnh quyến rũ gạt gắm, trong thì dục vọng phiền não nhen nhúm phùng phứt dễ gây ác chướng đạo, một thuở lỡ làm nhiều đời sa đọa thì thiên căn khó phát. Đâu bằng hồi hướng cầu về Cực Lạc thế giới, hầu Phật A Di Đà, gần gũi Quan Thế Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát, cùng chư Thượng Thiện Nhân làm bạn, an trụ bậc Bất thoái, chứng nhập Vô sanh nhẫn, một đời bổ xứ làm Phật.

Luận Khởi Tín nói: Phải biết rằng đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm. Đó là chuyên tâm niệm Phật phát nguyện vãng sanh Tịnh độ thường được thấy Phật xa hẵn ác đạo, như trong *Khế Kinh* có dạy: Nếu người chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, có bao nhiêu căn lành đều hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc ấy, thì được vãng sanh. Vì thường thấy Phật A Di Đà nên không còn thoái chuyển Vô thượng Bồ đề. Lời chỉ dạy này rất đáng được chú ý ngẫm kỹ vậy.

*

BAN ĐÊM NĂM CANH KIẾT GIÀ PHU TỌA

Kệ rằng:

1. CANH MỘT

Canh một ngồi ngay xếp tréo chân
Thơ thói lặng soi bật rỗng không
Nhiều kiếp đến nay chẳng sanh diệt
Nào chờ sanh diệt diệt mới không
Tất cả các pháp đều như huyễn
Bỏ tánh tự không đâu chờ trừ
Nếu rõ tâm tánh không hình tượng
Lặng yên bất động tự chơn như.

Phụ chú:

Nhàn cư tịnh xử là duyên tốt. Già phu đoan tọa điều hòa khí tức là thân an.

Không tâm lóng thân ngưng niệm là tâm chánh.
Chơn tâm lộ lộ như thật không cảnh vậy.

2. CANH HAI

Canh hai ngưng thân càng sáng sạch
Chẳng khởi tướng nhớ đồng chơn tánh
Sum la vạn tượng đều về không
Nếu thấy có không thành bịnh thánh
Các pháp vốn tự phi hữu không

Người phạm mê vọng lộn tà chánh
 Nếu được trong lòng luôn bất nhị
 Ai bảo phạm phu mà chẳng thánh.

Phụ chú:

Chẳng nhớ tất cả pháp đó là chơn thật thiên định.

Không nhớ không niệm thời tất cả pháp đều không:
 không ngã, không nhơn, không phạm, không thánh, không
 chúng sanh, không Phật, không cảnh cũng không tâm.

Đức Như Lai tuyên bố: Đem rồi vì Văn Thù Sư Lợi quan
 niệm có Phật có chúng sanh nên bị ta đày vào núi Thiết Vi.

3. CANH BA

Canh ba lòng sạch đồng hư không
 Cùng khắp mười phương đâu chẳng thông
 Núi sông đá vách không ngăn được
 Hằng sa thế giới ở tại trong
 Thế giới bốn tánh là chơn tánh
 Cũng không vô tánh mà gồm trùm
 Chẳng riêng chư Phật được dường ấy
 Tất cả hữu tình cũng đều đồng.

Phụ chú:

Như thật bất không cảnh, tự tánh sẵn đủ hằng sa tánh đức,
 nơi thánh không tăng, ở phạm không giảm. Chúng sanh với
 Phật vẫn đồng.

4. CANH TƯ

Canh tư chẳng diệt cũng chẳng sanh

Lượng sánh không gian pháp giới bằng
Không khứ không lai không sanh diệt
Chẳng có chẳng không chẳng ám minh
Chẳng khởi kiến chấp là Phật trí
Vô danh khả danh thiệt Phật danh
Chỉ có người ngộ đây biết được
Chúng sanh chưa tỏ đâu thể rành.

Phụ chú:

Cảnh trí tương ưng không trí cảnh
Không năng không sở tuyệt tướng danh
Đạt giả tự rành như uống nước
Tâm pháp song vong viên cảnh thành.

*



HƯƠNG SEN VẠN ĐỨC

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

LỜI ĐẦU SÁCH

Hòa thượng thượng Trí hạ Tịnh, viện chủ chùa Vạn Đức, là một bậc Tông Lâm Thạch Trụ, đã phiên dịch nhiều bộ kinh lớn, khiến cho giáo nghĩa Đại thừa được lưu thông, Phật pháp được lưu truyền trong tứ chúng. Những vị Tăng tài tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài rất đông. Ngài tinh thông cả Thiên – Giáo, nhưng chỗ thực hành và khuyến tấn người chính là pháp môn Trì danh niệm Phật.

Năm 1955, Hòa thượng mở hội niệm Phật tại chùa Vạn Đức, lấy tên là Cục Lạc Liên Hữu, xiển dương pháp môn Tịnh độ. Lời khai thị của Hòa thượng bình dị, không chuộng cao siêu, chú trọng ở chỗ chân thật công phu tu hành. Với tâm từ bi, Hòa thượng luôn luôn ân cần nhắc nhở Tăng Ni, Phật tử phải nhớ quán vô thường để được tinh tấn trong việc tu hành, không nên bỏ phí thời gian; giữ gìn giới luật, thực hành ăn

chay, phóng sanh, niệm Phật cầu sanh Tây Phương nhằm thoát khỏi sanh tử luân hồi, thẳng tiến đến quả vị Phật.

Chúng tôi nhận thấy điều quý báu trên nên đã sưu tập những buổi nói chuyện, những bài thuyết pháp, cùng trích dẫn những trước tác của Ngài, tập hợp thành sách lấy tựa đề là “Hương Sen Vạn Đức”. Chúng tôi chỉ với tâm nguyện góp một phần nhỏ trong việc lưu truyền chánh pháp của Đức Phật nói chung và pháp môn Tịnh độ nói riêng, nhằm giúp cho mọi người nhận rõ giá trị chân thật của pháp Trì danh niệm Phật. Từ đó, mạnh mẽ tinh tấn tu hành, không nghi ngờ, không do dự, thẳng bước về Cực Lạc.

Chúng tôi xin tri ơn ĐĐ. Thích Chân Tính (trụ trì chùa Hoàng Pháp), thầy Pháp Đăng (trụ trì chùa Huệ Viên)... cùng chư pháp hữu đã tận tâm giúp đỡ để quyển sách này được hoàn thành.

Việc lành này, nguyện hồi hướng đến bốn ơn ba cõi, khắp cả chúng sanh trong pháp giới đồng tu Tịnh độ, đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo.

Nam mô A Di Đà Phật!

*

DUYÊN KHỞI TÁI BẢN

Năm 2006, chúng tôi cùng thầy Pháp Đăng đã biên tập những lời dạy của Hòa thượng viện chủ làm thành sách lấy tên là *Hương Sen Vạn Đức*. Cho đến ngày Hòa thượng viên tịch (28/02 năm Giáp Ngọ 2014), thầy Pháp Đăng có thừa với chúng tôi được hoàn chỉnh quyển sách này về phần tiểu sử cũng như những lời dạy của Hòa thượng trong những ngày khánh tuế được đầy đủ hơn và tái bản để phổ biến nhằm giúp Tăng Ni, Phật tử nắm vững pháp tu niệm Phật, bèn chí tu hành không sai lệch. Đây là việc làm rất ý nghĩa, chúng tôi muốn đem một phần nhỏ công đức này dâng lên cúng dường giác linh Đại lão Hòa thượng bằng tất cả tấm lòng.

Chúng tôi thành kính tri ân HT Nhật Quang (trụ trì thiền viện Thường Chiếu) cùng chư Tôn đức trong Ban văn hóa thiền viện đã nhiệt tâm giúp đỡ để quyển sách sớm được hoàn thành và tái bản.

Chùa Vạn Đức

Ngày 11 tháng 03 Giáp Ngọ (2014)

Tỳ kheo Thích Hoàng Tri kính ghi

*

*Phần I:***KHUYẾN TẤN TU HÀNH****1. NGÀY KHÁNH TUẾ 17/ 07
NĂM QUÍ MÙI (2003)**

Người xưa thường nói: “Sanh tử sự đại”, nhưng mình đã quen sống trong sanh tử, ai cũng vậy hết, nên thấy không quan trọng. Kỳ thật, lấy mắt đạo mà nhìn vào thì đó là việc lớn của mọi người, của chúng sanh. Đã lăn lóc mãi trong nhiều đời, hiện tại nếu không cố gắng thì những đời sau cũng vẫn lăn lún trong vũng lầy sanh tử mà thôi.

Gặp được Phật pháp rất khó! Trên đời này không có pháp nào thoát ly sanh tử, chỉ có giáo pháp của Phật mới ra khỏi sanh tử luân hồi. Vì thế, gặp được rồi thì mình phải cố gắng để vững bền trong chánh pháp. Cho nên, Phật dạy tất cả đều phải tinh tấn nhất tâm. Nhưng chúng ta lại có cái lỗi là luôn phóng dật, giải đãi. Trong luật, những khi có việc gì thì các vị Trưởng lão, các vị Đại đức cũng đều khuyên nhắc: “Phải tinh tấn, mạc phóng dật”. Chỉ có hai điều đó thôi!

Phóng dật ở nơi thân khẩu thì dễ biết, còn ở tâm ý thì rất khó biết. Hễ duyên theo lục trần, đều là phóng dật. Do đó, ai nấy cần phải nhất tâm, phải chánh niệm. Chánh niệm đứng đầu là ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đừng để nó rời!

Niệm Phật thì niệm hồng danh, niệm tướng hảo, niệm công đức. Niệm Pháp phải thuộc kinh, vì nhớ đến kinh pháp tức là niệm Pháp. Niệm Tăng thì ở nơi đức Quán Thế Âm Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hay Phổ Hiền Bồ tát; cho đến Di Lặc Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát... đều là Bồ tát Tăng đáng để cho chúng ta nghĩ đến các Ngài và công hạnh của các Ngài. Nếu tâm mình thường nghĩ tưởng như vậy thì bớt phóng dật, hễ bớt phóng dật tất được tinh tấn. Tinh tấn dần từ một ngày, hai

ngày, ba ngày, cho đến nhiều tháng nhiều năm thì lần lần cội Bồ đề mà mình vun trồng sẽ càng thêm to lớn, vững mạnh.

Người xưa khi vào trong đạo liền tìm cách gì để được Định, được Huệ. Chúng ta ở trong thời mạt này lẩn lóc ở trong ồn náo, nhiều chuyện, nhiều việc, đông người. Cho nên, tôi thường nhắc nhở sự tu hành của mình giống như là *tu mót*. Mót thời gian để tu, đừng bỏ qua. Gặp việc thì làm việc, rảnh việc thì nhiếp tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; được một phút thì tốt một phút, được một giờ thì tốt một giờ, thế nên đừng bỏ qua việc *tu mót*. Ví như những người ở quê ngày xưa đi mót lúa, tuy chỉ mót lúa nhưng vẫn nuôi thân được, nuôi gia đình được, đủ lúa đủ gạo để ăn. Mình đây cũng vậy, nếu cố gắng mót thì cũng được đầy đủ nơi đạo pháp, nuôi lớn Pháp thân huệ mạng của chính mình. Nếu huynh đệ thực hành một thời gian rồi nghiệm lại, giờ tu mót lại nhiều hơn thời khóa tu hành. Vì thế, nếu bỏ qua thì bỏ phí rất nhiều thời gian. Ai cũng có công việc hết, nhưng rồi cũng có xen kẽ, lúc tâm trí mình được rảnh rang thì gắng giữ ba điều: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Được vậy, phóng dật bớt dần lại, tương ưng với phần tinh tấn. Nếu trọn đời mình sống trong chánh pháp của Đức Phật thì đường đạo mỗi ngày sẽ mỗi tăng tiến lên.

Vọng tâm, vọng niệm dễ sanh. Những phiền não nghiệp chướng cũng dễ phát khởi. Do vì cảnh duyên bên ngoài trợ giúp cho mấy thứ đó phát triển, tăng trưởng. Mình ở trong thời mạt pháp, lấy sức người để tu hành cũng giống như ở nơi giữa dòng sông, chẳng những là nước mà lại có sóng lớn nữa, luôn luôn lúc nào cũng có sóng hết. Trong đó phải bơi phải lội thì việc đó cần cố gắng lắm mới được! Có cố gắng mới thành công. Do đó, cần phải lập nguyện, chí nguyện sẽ giúp mình thêm cố gắng và vững chắc hơn ở nơi đường đạo. Chí nguyện phải thật vững để giúp cho nghị lực, vì có chí nguyện ắt có nghị lực. Như thế mới vững vàng được ở nơi những luồng

sóng dập dồn, nếu sơ suất liền bị chìm. Nói tiếng *chìm*, huynh đệ cần phải suy nghĩ cho kỹ!

Ở nơi cõi ngũ trước này, phát chí nguyện phải dững mãnh, nghị lực cũng phải dững mãnh. Ở trong cái khó mà tu tập thì hạnh đức cao vời. Khó thì dễ hư nhưng thành tựu được thì công cao. Do đó, trong kinh *Duy Ma Cật* nói: “Bồ tát ở nơi cõi đời này, có những công đức mà nơi cõi khác không có được”. Chính là ý này vậy.

Huynh đệ biết khó thì phải cố gắng. Lập chí lập nguyện cố gắng vượt lên. Luôn luôn kiểm soát tâm ý của mình lẫn cả về hành động và lời nói. Kiểm soát nếu thấy không đúng thì sửa lại cho đúng. Ai cũng đều có lỗi, nhưng có lỗi mà biết sửa đổi thì thành tốt.

Mong rằng chư huynh đệ đều nhất tâm tinh tấn tu hành!

2. NGÀY KHÁNH TUẾ 17/ 07 NĂM GIÁP THÂN (2004)

Sau ngày Tụ tứ, được tất cả các huynh đệ xuất gia cũng như tại gia về đây thăm, nên tôi có vài lời nhắc nhở.

Sau ngày Tụ tứ, được tất cả các huynh đệ xuất gia cũng như tại gia về đây thăm, nên tôi có vài lời nhắc nhở.

Ngày tháng trôi qua mau lắm, một năm không mấy chốc mà đã tới rồi. Già, bệnh, chết, mãi đeo theo người không chừa ai hết. Cũng mong các huynh đệ, ai nấy đối với Pháp của Phật, không biết nhiều cũng biết ít, noi theo chỗ hiểu biết của mình mà tinh tấn tu hành, luôn luôn nghĩ đến vô thường, sanh tử. Thân này không bền lâu, mình phải cố gắng nương theo thân người này để tu hành, vượt qua biển sanh tử, lên đến bến bờ giải thoát. Nếu chưa được vậy thì cũng làm nhân duyên thù thắng cho những đời sau, đạo tâm kiên cố, căn lành tăng trưởng.

Thời gian qua thật mau, đừng để luống uổng, phải thường nghĩ vô thường. Nhớ lại thuở trước, chỗ mình đang ngồi, đang quỳ ở đây là nơi mấy em cháu (bây giờ cũng sáu, bảy mươi tuổi rồi) đứng hái trái sim, thì mấy huynh đệ biết nó thuộc rừng rú. Rồi mình khai hoang, cất chùa. Thấm thoát cây gỗ của chùa cũng mục. Từ đó, biết rằng thời gian trôi mau lắm, năm sáu chục năm thoáng chốc đã qua. Vì vậy, nên nhớ lời Phật dạy, phải luôn luôn nghĩ đến vô thường. Thân này còn đây, ngày mai không bảo đảm.

Pháp của Phật rõ ràng, chỉ ở nơi mình có chịu làm hay không chịu làm đó thôi, nên gắng tinh tấn, giữ đạo tu hành. Cầu mong mấy huynh đệ căn lành mỗi ngày thêm lớn, công đức mỗi ngày mỗi tăng trưởng.

3. NGÀY KHÁNH TUỆ 17/ 07 NĂM ẤT DẬU (21/ 08/ 2005)

Đã qua một năm, thêm một tuổi. Tuổi đời tuổi đạo, tất nhiên tuổi thọ của thân này đã giảm đi một năm. Có sanh là có tử. Không người xưa nào bây giờ còn hết. Mình đây lần lần cũng thành người xưa thôi.

Đức Phật dạy phải luôn quán vô thường: “Thân này vô thường, cảnh vật vô thường”. Biết được thân vô thường phải ráng lo tinh tấn tu hành, chớ bỏ ngày tháng trôi qua. Nhờ thấy cảnh vật vô thường, không nên có sự tham luyến, cũng không nên khởi những vọng niệm phiền não. Tất cả đều nhớ quán vô thường, từ chỗ thân vô thường thì cố gắng tinh tấn tu hành, đối với cảnh thì không có tham luyến và trái ý, nhờ vậy tham sân cũng không khởi. Biết được mấy điều đó, si mê cũng lần lần ít đi, thiện căn công đức mỗi ngày mỗi tăng, đó là mình mỗi ngày mỗi bước tiến trên con đường giác ngộ giải thoát.

Gần đây gặp ai, tôi thường khuyên đầu tiên nên *tránh việc ăn thịt chúng sanh*, hễ còn ăn thịt chúng sanh thì không thể

giải thoát được. Mấy vị nghĩ lại xem, đối trước Tam Bảo mình nói: “Hằng ngày tôi ăn thịt chúng sanh, xin cho tôi được giải thoát”, không bao giờ có điều đó được! Do đó, phải cố gắng tránh việc ăn thịt chúng sanh.

Mình không ăn thịt chúng sanh thì tình thương mỗi ngày mỗi rộng ra. Cũng như người lâu ngày không ăn thịt mà ăn chay thì thấy con gà, con vịt, con chim... vật gì cũng vậy, nếu không thương cũng không có tâm làm hại. Nếu thấy nó bị đau đớn hay tai nạn gì, liền khởi nghĩ phải nuôi dưỡng cho được mạnh khỏe, rồi thả nó đi.

Còn người ăn mặn không ăn chay, thấy những con vật như vậy thì muốn cắt cổ, nhổ lông để làm thịt ăn. Quý vị nghĩ coi, ngay tâm niệm đó như thế nào? Tâm niệm sau rõ ràng sanh tử luân hồi, còn tâm niệm trước tuy chưa phải thành Hiền thành Thánh, nhưng đã làm cái nền để bước lên con đường Hiền Thánh. Từ tâm niệm có tình thương rồi lần lần thêm rộng lớn, thành tâm từ tâm bi của các bậc Hiền Thánh, thiện căn công đức cũng được sanh ra từ đó. Cho nên Phật nói, Đức Phật thành Phật cũng do nơi tâm từ tâm bi, lần lần trưởng thành nên Đại từ Đại bi. Đó là cái gốc. Điều đó rõ ràng như vậy, thế nên, cố gắng phải tránh việc ăn thịt chúng sanh.

Người đã ăn chay rồi thì thấy thường, còn người chưa ăn chay được thì thấy khó, không phải dễ. Bây giờ, có phong trào lan rộng ra trong giới xuất gia, nói chung là bớt việc ăn chay thêm việc ăn mặn. Điều đó từ đâu mà ra? Bởi vì hiện tại đang đi vào thời kỳ mạt pháp, từ nơi tâm người sanh ra những tâm niệm như vậy, rồi tạo thành nghiệp. Mình thấy rõ ràng, đó là mầm móng của” đao binh tai” mà Đức Phật nói trong kinh *Pháp Diệt Tận*. Chỉ là mầm móng chứ chưa đến. Biết được vậy, hiện tại tự mình hãy tránh được thì cố tránh, vươn lên để tâm từ bi lần lần tăng trưởng, thiện căn công đức theo đó mà phát triển. Như thế, tự mình hướng đến con

đường đạo, lần lần ra khỏi sanh tử luân hồi, thành bậc Hiền Thánh, giải thoát tự tại.

Tôi có vài lời nhắc nhở như vậy, để tự mình tỉnh giác và dìu dắt những người khác. Máy huynh đệ có bốn phận lãnh đạo cũng nên nhắc nhở dìu dắt những người dưới mình.

Kể đó, trong pháp môn của Phật, thích pháp nào thì thực hành pháp ấy. Thích niệm Phật thì niệm Phật, thích tụng kinh thì tụng kinh, thích tham thiền thì tham thiền. Nhưng nhớ phải lấy việc “tránh ăn thịt chúng sanh” làm chánh. Tôi thấy mấy năm nay, phong trào ở trong nước cũng như ở nước ngoài, từ xưa ăn chay mạnh lần lần yếu đi, rồi lần lần lan rộng vào giới xuất gia lại ăn thịt nữa. Vì thành phong trào chung, ai cũng vậy nên thấy không có tội.

Mong quý huynh đệ ai nấy đều tinh tấn tu hành, đạo tâm kiên cố, vững vàng tiến bước trong chánh pháp của Phật.

4. MỪNG 01 TẾT NĂM BÍNH TUẤT (2006)

Đầu xuân Bính Tuất, Sư Ông nhắc nhở đại chúng giữ vững đạo tâm, tinh tấn tu hành, để căn lành mỗi ngày một thêm lớn, đạo lực được tăng trưởng thì mới tiến trên đường giải thoát. Phải dày công tu tập, phải nhiều thời gian lắm mới có kết quả được.

Pháp môn của Phật dạy rất nhiều, không pháp nào dễ đạt được kết quả hết. Chỉ có pháp dễ tu hay khó tu mà thôi. Phật dạy thân người khó được, đã được rồi không khéo tu để mất thân này thì muôn đời khó đặng lại. Thời gian qua mau, đừng để luống qua mà uổng phí một đời.

Căn bản của sự tu hành là Giới, Định, Huệ. Từ nơi Giới hạnh được tinh nghiêm mà tâm tĩnh lặng. Tâm được tĩnh lặng thì trần lao phiền não không chi phối được. Do được tĩnh lặng đó mà phát sanh ra Định. Và từ nơi Định mới sanh ra Huệ.

Huệ này do có Định mới phát, chớ không phải do tạo tác mà thành. Nếu do tạo tác thì đó chỉ là phân biệt hơn thua, phải quấy, hay dở, và đó chỉ là ở trong vòng sanh tử mà thôi. Huệ từ nơi Định sanh, Huệ đó mới là giác, là giải thoát. Người đời không biết quý trọng nơi sự giải thoát mà chỉ lo làm cho mạnh thêm cái phân biệt hay dở nên không quan tâm gì đến Giới Định Huệ. Tu pháp môn Trì danh niệm Phật cũng là cách đạt được Định và Huệ.

Năm 1956, một số Tăng Ni và Phật tử thỉnh cầu Sư Ông tóm tắt sự thực hành pháp môn Trì danh niệm Phật, nên Sư Ông có làm ra bài kệ đề là:

Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật

Tin sâu, nguyện thiết, hạnh chuyên.

Như đã nói ở trước, pháp môn nào của Phật dạy muốn đạt được đều rất là khó, chỉ có dễ tu hay khó tu mà thôi. Pháp Trì danh niệm Phật thì rất dễ tu. Nghĩa là mình đang đi bộ, hay đi trên xe niệm Phật cũng được. Mình đang đứng ngắm cảnh cũng niệm được. Mình đang ngồi làm việc cũng niệm được và khi mệt mỏi quá nằm niệm cũng được. Chỉ trừ lúc nói chuyện là không niệm được mà thôi. Còn các pháp môn khác phải ở nơi vắng lặng hay thiết lập đạo tràng thì mới thực hiện được, đại khái là như thế.

Khi thực hiện pháp Trì danh niệm Phật thì lòng tin phải cho sâu chắc; tâm nguyện phải thiết tha và công hạnh phải chuyên cần. Khi niệm Phật, tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau. Nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải ở trong tâm, đừng để nó xao lãng theo một tiếng gì khác, hễ nó rời ra thì phải kéo nó lại. Muốn được vậy, tiếng niệm phải cho rõ ràng, rành rẽ. Niệm như vậy phải chuyên cần, phải nhiều thời gian, phải đều đặn, phải tinh tấn lắm thì mới đắc lực. Khi niệm đã đắc lực thì tự nhiên trong tâm mình nổi lên tiếng niệm Phật

mà mình không cần đề khởi, không cần nghĩ đến, nó vẫn tự niệm. Ban đầu thì lúc được lúc mất, được thì ít mà mất thì nhiều. Cố gắng thêm thì được nhiều mất ít, cho đến không còn gián đoạn nữa thì gọi là niệm lực tương tục. Và như vậy mới đúng nghĩa “*chấp trì danh hiệu*”. Đó mới là nhơn của Niệm Phật tam muội. Được vậy thì sự vãng sanh mới bảo đảm. Bởi được Thánh chúng vây quanh tiếp rước không phải chuyện dễ dàng. Có tương ưng với đại nguyện của Đức Phật A Di Đà thì mới có cảm ứng.

Người được gọi là “*chấp trì danh hiệu*”, nếu hạng lợi căn thì hoặc một ngày, chậm lắm là bảy ngày sẽ được Niệm Phật tam muội. Được Niệm Phật tam muội thì thấy được Đức Phật A Di Đà. Thấy Phật A Di Đà thì thấy được mười phương chư Phật.

Pháp môn Trì danh niệm Phật là pháp môn dùng âm thanh làm phương tiện, nên dù niệm lớn hay nhỏ, hoặc niệm thầm cũng đều là âm thanh. Cho nên, chỉ có khi nói chuyện mới không thực hành được. Vì vậy, Bồ tát Giác Minh Diệu Hạnh có dạy:

“Ít nói một câu chuyện

Nhiều niệm một câu Phật...”

Vì thế, ta phải bớt đi những duyên lãng xăng chung quanh để dành nhiều thời gian mà niệm Phật. Nếu lãng xăng tạp nhạp nhiều quá mà niệm Phật ít quá thì sẽ không đủ lực để lần áp vọng tưởng, khó mà nhiếp tâm được.

Sư Ông năm nay đã tròn 90 tuổi rồi, không biết sẽ dừng lại ở số 0 hay 1, 2, 3 gì đây. Đòi người ngăn ngừa lắm, tất cả nên cố gắng tu hành để ra khỏi vòng sanh tử. Hôm nay, nhân ngày đầu xuân, Sư Ông có lời nhắc nhở tứ chúng, ai nấy đều nên nhất tâm tinh tấn!

5. NGÀY KHÁNH TUẾ 17/7 BÍNH TUẤT (2006)

Năm nay tôi tròn 90 tuổi. Mà tuổi thọ loài người ở thời kỳ này, chỉ trong vòng hai số mà thôi, số 9 là số chót, hễ thêm số 0 thì năm nay, thêm số 1 thì sang năm... không thể vượt lên 3 số được.

Thời gian qua mau lắm, mười năm thắm thoát cũng kể một bên. Từ ngày về đây cất chùa Vạn Đức là năm 38 tuổi, rồi sửa sang, thêm bớt, cho đến thắm thoát đã 50 năm, cây gỗ mục hư. Năm trước (2004), thầy Hoàng Tri báo cho tôi biết, có một khúc đòn tai lớn bị gãy rơi xuống lao-phông, nhờ vậy mà không rớt xuống đất. Ngói ở trên thì nhờ những cây rui đỡ nên chưa đổ. Do đó, tôi mới chuẩn bị khởi công xây dựng lại, đến năm nay thì hoàn thành. Từ đó, tôi thấy tuy hơn 50 năm nhưng thật mau lẹ.

Tôi còn sống thì còn bốn phận phải lo cho chùa, nhắc nhở trong chúng tinh tấn tu hành. Như mấy thầy huynh đệ của tôi, giờ không còn ai. Người hơn tuổi cũng đi, bằng tuổi cũng đi, hoặc nhỏ tuổi cũng đã đi.

Nhớ lại năm 1937, nhằm ngày 14/2 âm lịch năm Đinh Sửu, chiều hôm đó tôi đến chùa Vạn Linh (núi Cẩm) để xin xuất gia. Qua sáng Rằm, thì xuống tóc xuất gia tu hành. Rồi trôi nổi chỗ này chỗ kia, ra Huế học tại chùa Báo Quốc. Đến năm 38 tuổi, bắt đầu làm chùa Vạn Đức, năm 88 tuổi (tròn 50 năm) thì khởi sự trùng tu. Lúc đầu khuôn viên chánh điện luôn cả hậu tổ chỉ có 75m², rồi lần lần rộng thêm 300m². Đầu năm 2004, tạo dựng lại ngôi chùa, hiện giờ tính ra được 1.350m². Đại chúng tu hành dù có thay đổi, người đi kẻ ở, người mới kẻ cũ, người mất người còn, nhưng ngôi chùa lúc nào cũng vẫn đông đảo, như thế cũng là điều tốt.

Tạo chùa thì dễ, còn giữ gìn ngôi Tam Bảo cho được sung túc từ vật chất đến người tu đều tốt đẹp thì rất khó. Cho nên

những người có bốn phận, phải giữ gìn ngôi Tam Bảo được bền vững để có chỗ cho mình tu hành và mọi người nương tựa. Trên chùa Vạn Linh (núi Cẩm), biết bao nhiêu năm, Phật pháp lơ là lắm. Người tu cũng biết niệm Phật, nhưng xem như thuộc đạo nào khác. Từ khi xây dựng chùa Vạn Linh, bắt đầu từ 1995 đến nay được 11 năm, người ta mới biết quy hướng về Tam bảo tu hành theo Phật pháp, lần lần mỗi ngày mỗi đông. Từ đó, nhận thấy chỗ cư trú của chư Tăng thật sự đem lại lợi ích cho mọi người.

Lúc xây dựng chùa Vạn Linh, có người đến nói với tôi: “Hòa thượng cứ bắt làm hoài chừng nào rồi?”, tôi làm thỉnh không nói. Nhưng nếu không có chỗ có nơi, thì lấy đâu để mọi người quy ngưỡng, mà mình cũng không thể an trụ tu hành. Cho nên Trụ trì Tam Bảo phải có nơi có chỗ. Nhưng chính bản thân mình là cái gốc, mình phải thật tu, thật hạnh, nhờ chơn tu mới có công đức. Có công đức rồi thì mới được trang nghiêm. Do đó cảnh giới Bồ tát, cõi nước của Phật được gọi là vô lượng trang nghiêm, tất cả đều do công đức mà thành tựu.

Ngày tháng qua mau, bệnh rồi già, già rồi bệnh không chữa ai hết. Trong vòng mấy chục năm, thân này cũng phải bỏ. Vô thường sanh tử rất mau chóng. Vì vậy Đức Phật gọi cõi này là cõi khổ, có vui mà chẳng thật vui, vui ít khổ nhiều, có khi cái vui đó lại là nhân khổ tương lai, cái vui trong hiện tại cũng chỉ là tạm bợ. Do đó, nên gọi chung là cõi khổ (bốn khổ, tám khổ, vô lượng khổ). Thế nên gặp Phật pháp rồi, phải tu hành mong ra khỏi chỗ khổ này, cũng để dìu dắt những người khác, những ai có duyên, đồng hướng đến con đường an vui giải thoát.

Lúc nào cũng phải nghĩ đến nghiệp nhân quả báo, nghiệp nhân ác quả báo khổ, nghiệp nhân thiện quả báo lành. Thiện thì làm, ác thì tránh, dần dần tiến đến quả vị Hiền Thánh, ai nấy đều cố gắng vươn lên.

Nhân dịp này, tôi nói thẳng với mấy huynh đệ là đời này nghiệp sát nặng lắm. Mà nghiệp sát nặng nên khiến nơi tâm tưởng của các loài, luôn cả loài người, phần nhiều nghĩ đến việc ăn thịt chúng sanh. Do ăn thịt chúng sanh, thành ra nghiệp sát nặng nề, chính yếu ở chỗ này. Mình bây giờ biết pháp của Phật rồi, Đức Phật từng nói: “Luận về người ăn thịt thì mất lòng từ bi”. Lòng từ bi của Hiền Thánh phải từ tình thương trong sạch rộng lớn mà thành, chớ không phải tình thương như thế gian. Như con cọp cũng biết thương vợ thương con của nó, con bò cạp cũng chở con trên lưng đi kiếm ăn. Tình thương ở thế gian thường là vậy. Kế đó Phật nói “dứt giống Phật tánh, người ăn thịt mắc vô lượng tội. Vì thế Phật tử không nên ăn tất cả thịt của chúng sanh”. Lời Phật dạy thật rõ ràng!

Thời kỳ bây giờ trào lưu nghiệp sát nặng, mấy huynh đệ phải biết giữ mình, cũng như nhắc nhở người khác tinh tấn tu hành. Như cơn bão số 1 vừa qua, làm hàng ngàn người chết ở biển. Việc đó do đâu mà ra? Do ăn thịt mà ra. Mình ăn thịt ăn cá, thì họ phải đi đánh bắt về để mình ăn. Nhưng do đâu mà đi bắt cá? Vì do có người ăn. Họ bị khổ là tại sao? Đều do việc ăn thịt ăn cá. Thành ra người ăn thịt ăn cá, tức là xúi người ta ra biển để chết. Rồi cùng nhau giúp đỡ thân nhân của họ còn trong này. Nhưng chúng ta không nghĩ đến cái nhân mà chỉ nghĩ cái quả mà thôi. Thấy quả khổ thì lo cho bớt khổ, nhưng rồi chính họ lại tạo thêm nhân mới. Cho nên trong kinh nói: “Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”.

Biết rõ như vậy thì người đệ tử Phật phải đề phòng. Thời gian gần tới đây, chính nơi chùa cũng không còn ăn chay nữa, đừng nói chi là nhà. Mình thấy vậy phải cố gắng làm sao duy trì được, làm được điều nào thì tốt điều ấy. Tự mình giữ gìn, rồi khuyên người khác cố gắng giữ gìn. Ở nơi đất nước này, dễ ăn chay lắm, dễ mà không chịu làm đó là cái lỗi. Như Tây Tạng và Mông Cổ ăn chay là điều khó nên dễ phạm. Còn

mình đây ăn chay rất dễ, rau, cải, bông, trái... hễ gieo xuống đất đều lên tốt cả, thậm chí dư nữa. Có người cho rằng: ăn chay suy dinh dưỡng. Như tôi ăn chay từ nhỏ còn tại gia, cho đến bây giờ sống đến 90 tuổi. Còn Hoàng Tri cũng ăn chay từ nhỏ, ở với ông ngoại bà ngoại tại chùa Vạn Thành, nhưng bây giờ không ai đi núi bằng Hoàng Tri hết, đi mà như chạy, một ngày lên xuống núi hai, ba lần. Điều này chứng minh ăn chay không suy dinh dưỡng. Nhớ lại lúc tôi vô bệnh viện để chữa bệnh mắt, bác sĩ bảo tôi ăn chay nên bệnh. Tôi nói, bốn năm người nằm chung phòng, có ai ăn chay không? Cả bệnh viện này, bao nhiêu bệnh nhân có mấy người ăn chay? Như vậy ăn chay bị bệnh là thiểu số, còn ăn mặn bị bệnh là đa số. Sao không nói bệnh tại ăn mặn mà ra? Nói đúng hơn, họ bệnh vực chuyện ăn thịt cá, che đậy lỗi của mình.

Những lời nói ấy đều bắt nguồn từ tà kiến (cái thấy sai lầm) mà ra.

Đức Phật nói sát sanh là nghiệp nhân chính nặng nhất tạo ra quả sanh tử luân hồi khổ của chúng sanh. Trong pháp của Phật dạy: không sát sanh đứng đầu. Còn muốn ăn thịt thì phải tránh ba điều:

- 1- Không thấy giết
- 2- Không nghe giết
- 3- Không nghi giết

Không nghi giết khó lắm. Đĩa cá, đĩa thịt để trước mặt mà ăn, lại bảo không nghi người ta giết, điều đó không thể có được. Bởi vì mình muốn ăn nên họ nấu, trước khi nấu phải ra chợ mua, rồi người đi bắt, đi giết cung cấp thịt cá cho người mua. Chỉ có thịt mà con thú ăn còn dư, mình đi dọc đường thấy đem về thì mới được.

Lúc ban đầu, Phật chỉ dạy không sát sanh chớ không cấm việc ăn thịt, vì cấm thì họ không dám đến, không dám đến thì

không thể giáo hóa được. Nhưng về sau Phật cấm dứt hẳn, như trong kinh *Phạm Võng* nói: “Luận về người ăn thịt thì mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh. Người ăn thịt mắc vô lượng tội”. Kinh *Lăng Nghiêm* nói, người chết làm dê, dê chết làm người, xoay vần vay trả không dừng nghỉ”.

Tôi nhắc nhở để mấy huynh đệ giữ gìn, làm cho nghiệp sát bớt đi. Có người nói: Tôi không ăn, nhưng họ cũng bán đầy ngoài chợ! Nhưng nếu ngày nay, được bao nhiêu người không ăn thịt thì ngày mai họ ít giết, vì họ bán ế. Còn ngày nay, nếu thêm bao nhiêu người ăn thịt thì họ sẽ giết thêm; vì ngày nay họ bán đắt, thiếu thịt để bán. Tất cả những lời nói đó đều là tà kiến, nói chỉ để bênh vực cái lỗi mà thôi.

Ở đây ai cũng có bốn phận, bốn phận đối với mình và đối với những người khác. Phải cố gắng làm sao cho chúng sanh bớt khổ, được an vui, lần lần ra khỏi nghiệp nhân quả báo sanh tử luân hồi, lần lần được giải thoát an vui tự tại.

Tu hành cũng phải dần dần. Như Đức Thích Ca cũng phải nhiều kiếp tinh tấn huân tu. Có người cho rằng: thấy tâm thành Phật. Nếu thấy tâm thành Phật thì họ hơn những vị Bồ tát rồi. Đâu phải tâm dễ thấy, mà tâm ở đâu để thấy? Tìm tâm để thấy, đó là đem tâm tìm tâm, thì vô lượng kiếp cũng không nhận thấy tâm được

Mong chư huynh đệ, ai nấy đều tinh tấn tu hành, thiện căn mỗi ngày mỗi tăng trưởng, đời này cũng như đời sau luôn luôn vững bước trong chánh pháp của Phật để dìu dắt mình cũng như dìu dắt người khác.

6. MỪNG 1 TẾT ĐÌNH HỘI (2007)

Đầu năm tôi cầu chúc cho tất cả đại chúng đều được an vui mạnh khỏe, tinh tấn tu tập để thiện căn công đức mỗi ngày được tăng trưởng, đạo tâm kiên cố, đồng thời hướng dẫn nhắc nhở mọi người chung quanh cùng nhau tu tập.

Từ ngày xuất gia đến giờ tôi luôn cố gắng giữ ba điều:

Một là làm sao phải có tâm niệm thương người thương vật. Mà đã thương người thương vật thì luôn làm những điều lành, điều tốt để mọi người cùng muôn vật đều được an vui. Tránh những điều xấu ác, để cho mọi người cùng muôn vật không do mình mà đau khổ. Do đó, chúng ta phải phát nguyện ăn chay. Vì nếu không ăn chay mà ăn thịt chúng sanh thì chúng sanh phải bị bắt bị giết mới có thịt cho người đó ăn. Vì thế ăn thịt chúng sanh là cái cớ để người ta bắt giết. Do vậy, việc cấm ăn thịt chúng sanh là điều cần thiết. Từ đó, tình thương người thương vật mới lần lần phát triển rộng lớn. Nếu ăn thịt chúng sanh thì tình thương rộng lớn đó không sanh được, nếu có chỉ là hạn hẹp trong tình cha mẹ, anh em, vợ chồng. Như con rắn là loài độc, con beo, con cọp là loài hung dữ. Chỉ biết thương con của chúng vậy thôi. Mình làm người lại biết đạo thì phải hơn, phải biết tăng trưởng thêm lòng thương đó. Đạo Phật là đạo từ bi. Muốn tăng trưởng lòng từ bi thì phải từ việc không ăn thịt chúng sanh làm đầu, có phát nguyện ăn chay rồi thì lòng thương người thương vật mỗi ngày một thêm lớn. Đã thương thì không làm điều xấu ác để chúng sanh bị khổ vì mình. Đã thương thì lúc nào cũng cố làm điều lành, để mọi người và muôn vật đều được an vui. Như thế không ăn thịt chúng sanh, thì chúng ta đã thực hiện được lời Phật dạy siêng làm các điều lành, tránh làm các điều ác.

Thứ hai là việc tụng kinh. Tụng kinh là để tăng trưởng trí tuệ. Đạo Phật là đạo trí tuệ. Tụng kinh là lập lại lời Phật dạy để mỗi ngày thâm sâu vào tâm trí mình, để mình mỗi ngày một sáng ra. Chúng ta từ lâu bị nghiệp lực lôi kéo, vô minh sâu dày che mờ bản tâm vốn sáng suốt nên luôn chịu trầm luân sanh tử. Nay nhờ lời Phật dạy, biết được đường đi, biết cởi mở những chấp chặt sai lầm, làm cho tâm tánh mỗi ngày một tỏ rõ, nhận định được đúng đường không còn làm lạc. Do đó, nhờ tụng kinh mà trí tuệ được tăng trưởng.

Ba là phải tự biết căn cơ của mình để tu hành thì được lợi ích lớn. Chúng ta hiện nay đang ở sâu vào thời mạt pháp, trí lực thì cạn mỏng mà nghiệp lực lại sâu dày, khó mà tự sức mình được giải thoát, may nhờ Đức Phật rủ lòng từ bi vì chúng ta mà giới thiệu Đức Phật A Di Đà và cõi nước trang nghiêm thù thắng của Ngài. Nương theo pháp môn Tịnh độ, chúng ta đầy đủ lòng tin sâu chắc, phát nguyện tha thiết, niệm Phật tinh cần, thì sẽ nương đại nguyện của Phật A Di Đà mà đỏi nghiệp vãng sanh, giải quyết việc sanh tử ngay trong đời này. Do vì cõi Cực Lạc có nhiều thắng duyên, luôn thân cận cùng Thánh chúng, suối reo, nước chảy, chim kêu, gió thổi, cây khua đều vang tiếng diệu pháp làm cho hành giả sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Không có duyên xấu để các chủng tử ác sanh khởi, nên lần lần bị trừ diệt. Dầu chưa dự vào hàng Bất thoái nhưng luôn đi lên chớ không có duyên làm cho lui sụt. Vì thế ngay từ bây giờ, mọi người phải phát tâm niệm Phật, nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Phải thực hành đều đặn, ngày càng tăng thêm đừng cho lui sụt, phát nguyện phải thiết tha như người đi xa muốn trở về nhà. Lòng tin phải mạnh mẽ bền chắc không gì lay chuyển được. Lại còn phải tùy duyên tùy phận, khuyến nhắc mọi người chung quanh cùng tu, cùng ăn chay, tụng kinh, niệm Phật để mọi người cùng làm lành lánh dữ thì thiện căn xuất thế mới được khởi phát. Căn lành xuất thế phát khởi thì mới làm Hiền làm Thánh được.

Nhân dịp đầu năm có đôi điều nhắc nhở, mong đại chúng đều nên nhất tâm tinh tấn.

7. NGÀY KHÁNH TUỆ 17/7 ĐÌNH HỘI (2007)

Con người mình từ đời trước đã gây nhiều nghiệp nhân tội chướng nên hiện tại mới có thân nơi cõi đời ngũ trược ác thế này. Quả báo của thân và cảnh đều không sạch. Biết vậy, phải cố gắng tu hành để căn lành công đức càng thêm tăng trưởng, tiêu trừ giảm bớt nghiệp nhân xấu ác, siêng năng tạo

nhiều nghiệp nhân lành tốt. Từ đó, thân và cảnh về sau mới tốt đẹp hơn. Được vậy là đi lên, còn không khéo gây tạo nghiệp ác sẽ làm cái đà lôi mình đi xuống, hễ đi xuống mà muốn mình trở lại khó lắm.

Năm nay, tôi 91 tuổi rồi, vào chùa lúc 21 tuổi, đã tròn 70 năm. Nghĩ lại mình ở nơi pháp môn Phật dạy, chỉ được phần ăn chay, niệm Phật, tụng kinh và làm được chút ít việc lợi người như giảng kinh, dịch kinh. Kỳ thật, những nghiệp này còn trong nghiệp nhân hữu lậu, chưa được ở nơi vô lậu. Bởi vì, tuy làm mà còn trong phạm vi phiền não.

Tất cả các huynh đệ nên nhớ, đã là Phật tử, dù tại gia hay xuất gia, cần yếu là phải cố gắng ăn chay, tránh việc ăn thịt chúng sanh. Loài người hằng ngày ăn thịt, thành thói quen nên cho là không tội. Lấy nhân quả mà xét thì ăn thịt chúng sanh là cái nhân chánh dẫn đến quả báo sanh tử luân hồi. Do đó, cần cố gắng ăn chay và khuyên người khác cũng nên ăn chay. Các loài vật ăn thịt lẫn nhau để sống, vì nó không biết nhân quả thiện ác, Thánh phàm. Còn làm người đã vào đạo thì những điều ác đó biết rõ lắm. Biết rõ rồi mà không thoát ra được thì tự cô phụ chính mình, cũng là phụ lời dạy bảo của chư Phật, chư Bồ tát và các bậc Hiền Thánh. Kinh *Phạm Võng* nói: Người ăn thịt thì mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh, mắc vô lượng tội. Mình ăn thịt con cá, con tôm... sao gọi là thương nó được. Tâm từ bi không thể sanh khởi. Kinh *Lăng Nghiêm* nói: Người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê. Chỉ lẫn quần vạy trả lẫn nhau mà thôi. Phật dạy rõ ràng như vậy, thế nên dù tại gia hay xuất gia đều không nên ăn thịt chúng sanh. Nếu tạo nghiệp giết hại thì bị đọa không sanh vào cõi lành được. Đây là điểm chánh, trên nền tảng ăn chay mới sanh lòng thương người thương vật, lần lần tăng trưởng thành tâm từ, tâm bi của bậc Hiền Thánh. Sau đó mới tiến lên tu tập pháp môn giải thoát của Phật.

Những pháp tu về chánh niệm, Phật dạy đứng đầu là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Niệm Phật là niệm Hồng danh như Nam mô A Di Đà Phật. Niệm Pháp là tụng kinh, học kinh, trì chú. Niệm Tăng là Nam Mô Quán Thế Âm Bồ tát... là những vị Bồ tát Tăng. Ngoài ra còn phải giữ gìn giới hạnh, tránh những điều tội, điều lỗi, hằng ngày việc lành tốt phải cố gắng làm, lớn cũng làm, nhỏ cũng không bỏ. Tuy ít nhỏ mà tích lũy nhiều ngày, nhiều tháng cũng thành rộng lớn. Từ đó sẽ thúc đẩy mình tiến lên, từ thấp đến cao, từ gần đến xa. Đức Phật và các vị Bồ tát cũng vậy, ban đầu là phàm phu dần dần mới tiến lên bậc Hiền, bậc Thánh, rồi đến quả vị Bồ tát, quả vị Phật.

Mấy huynh đệ nên biết, mình là phàm phu mà muốn thoát sanh tử luân hồi thì phải cố gắng lắm mới được, không thể lơ là buông trôi. Xét kỹ thân người này hằng ngày đều tạo nghiệp chướng. Ăn dơ mà không nghĩ là dơ, nếu không dơ sao lại đem rửa trước khi nấu nướng. Ăn chay còn vậy, đồ mặn còn ghê gớm hơn nữa. Nhưng đến lúc trả ra thì hôi thúi hơn cả phân trâu, phân bò. Rồi đến lúc chết, sinh tương hôi không chịu nổi.

Tôi từng sống trong thời chiến tranh, người chết thây thả trên sông sinh lên, mình cách xa 20, 30m người thấy đã muốn ói mửa. Từ đó biết được, mang thân người này, từ lúc sống đến khi chết đều nhớp nhơ, tạm bợ. Nhưng điều đáng quý là con người có cái biết, biết thiện biết ác. Có cái biết mà không lựa điều tốt để làm, không lựa các bậc Hiền Thánh để noi theo thì đã phụ chính mình, cũng là phụ công ơn của các bậc Bồ tát đã chịu gian khó hiện thân nơi cõi trược ứ để đem giáo pháp dạy dỗ cho chúng sanh. Trong sử ghi, có vị Trời xuống nói chuyện với Luật sư Đạo Tuyên, nói rằng hơi hôi của trái đất này xông lên hằng trăm dặm. Mình ở đây vì quen rồi nên cho là thường, chớ chur Thiên thì không dám xuống. Chỉ có những

vị phát tâm rộng lớn, mới chịu khó, chịu khổ, đến thế giới này để hộ trì chánh pháp của Phật. Từ đó biết được quả báo của chúng ta không tốt, thì đừng vì thân hôi dơ, tạm bợ này mà gây tạo nghiệp nhân xấu ác, phải ngăn chặn đừng cho nó phát sanh, còn những nghiệp lành tốt cố gắng làm, mỗi ngày mỗi ngày giữ gìn kỹ, nhiều ngày nhiều tháng tăng trưởng thêm lên. Tất cả huynh đệ chỉ luôn nhớ trong lòng một câu này: “Phải làm sao xứng đáng là người con của Đức Phật”. Bởi vì dù tại gia hay xuất gia đều gọi là Phật tử. Nếu là Phật tử phải tu học để giống như Phật làm lợi ích chúng sanh.

Mong tất cả ai nấy đều tinh tấn tu hành.

8. MỪNG 1 TẾT MẬU TÝ (2008)

Đầu năm được các huynh đệ về chúc Tết, thấy ai nấy đều mạnh khỏe, sư ông cũng mừng. Nguyễn Tam Bảo gia hộ cho hết thầy đều tinh tấn, giữ vững đạo tâm để tu hành.

Thời gian qua mau lắm, mấy chốc đã hết một năm, thấy vậy đại chúng phải luôn nhớ vô thường, còn khỏe mạnh thì tranh thủ thời giờ lo tu tập. Nhân đây, tôi nhắc nhở các huynh đệ gắng giữ vững ba điều: ăn chay, tụng kinh, niệm Phật.

* Thứ nhất là ăn chay, tức là không ăn thịt chúng sanh. Ăn thịt chúng sanh tội nghiệp nặng lắm, mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh. Đạo Phật lấy từ bi và trí huệ làm gốc, thế mà ăn thịt chúng sanh thì tâm từ bi không phát triển được. Thiếu tâm từ bi thì không phải đệ tử Phật. Cho nên mấy huynh đệ nên cố gắng giữ gìn điều này, để làm cho tâm từ bi ngày thêm tăng trưởng trở thành tâm đại từ bi của chư Phật và Bồ tát.

* Thứ hai là tụng kinh, chính là để thêm lớn trí huệ. Phải siêng năng tinh tấn, giữ cho đều đặn bền bỉ. Phải xem như việc ăn cơm uống nước hàng ngày, thiếu là không được. Khi tụng kinh nên chuyên chú nhất tâm đừng xao lãng. Mặc dù

mỗi ngày tụng bao lời ấy, nhưng mỗi ngày mỗi thâm nhập thêm, mỗi ngày mỗi thấy mới, mỗi ngày mỗi sáng ra. Không những tụng kinh theo thời khóa, mà còn phải áp dụng trong đời sống hàng ngày, thực hiện lời Phật dạy trong kinh được nhiều chừng nào tốt chừng ấy.

* Thứ ba là niệm Phật, tức là niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tu pháp môn Tịnh độ. Chúng ta đã ở sâu trong đời mạt pháp, căn cơ chậm lụt, chướng sâu huệ cạn, rất khó thực hành những pháp môn tự lực khác, chỉ nương theo pháp môn Tịnh độ, để đạt được kết quả thoát khỏi sanh tử luân hồi mà thôi. Tu Tịnh độ chính yếu là khởi lòng tin sâu chắc vào lời Phật Thích Ca đã dạy, nhằm chán nỗi khổ ta bà, ưa thích niềm vui Cực Lạc, từ đó phát nguyện tha thiết sanh về Tịnh độ, nhất tâm niệm Phật A Di Đà, nương đại nguyện của Ngài mà đời nghiệp vãng sanh, chứng bậc Bất thối chuyển, giải quyết được sanh tử ngay trong một đời này. Cho nên đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nào cũng nhớ Phật, niệm Phật, lòng mong về Tây Phương như người khách mong về quê cũ. Được vậy thì tất cả các huynh đệ mới không uổng một đời gặp Phật pháp, gặp được pháp môn tu hành thẳng tắt này.

9. NGÀY KHÁNH TUẾ 17/07 MẬU TÝ (2008)

Đã là đệ tử Phật, tu theo Phật thì lúc nào cũng phải quan sát vô thường, thời gian mau chóng, mỗi ngày qua, mỗi tháng qua, mỗi năm qua: sanh bệnh, già bệnh, rồi cái chết nó đến. Trẻ cũng bệnh, già cũng bệnh, không đợi chờ ai hết. Chúng ta có nghĩ đến vô thường thì mới gắng lo giữ đạo tinh tấn cho thiện căn công đức mỗi ngày một tăng. Còn tội chướng phiền não mỗi ngày một tiêu trừ. Điều xấu điều ác làm cho bớt. Điều lành điều tốt làm cho phát sanh. Như vậy mình mới lần lần bước trên con đường ra khỏi sanh tử luân hồi, đến nơi bậc Hiền Thánh.

Tôi hằng ngày không có làm gì nhiều, từ nhỏ tới giờ cố giữ gìn nhất là làm sao lúc nào cũng có tâm thương người, thương vật. Hồi nhỏ khi thấy người ta đem con chim dòng dọc đang còn sống ra nhổ lông để nướng ăn, bèn phát tâm ăn chay trường luôn đến bây giờ. Và khi ăn chay trường như vậy, tình thương từ đó nảy nở thêm. Lúc mà chưa biết thì thấy con gà con vịt ở nhà quê hay nuôi trong vườn thì cứ nghĩ là món ăn của mình nên không có tình thương gì. Từ khi thấy cảnh tượng con chim dòng dọc bị nhổ lông đang khi còn sống mà tự phát tâm ăn chay một mình, trong khi mọi người trong nhà đều ăn mặn. Lúc đó có người hỏi tại sao không ăn thịt thì tôi chỉ trả lời không ăn được vậy thôi. Bởi vì khi thấy đồ mặn là thấy cái khổ chết nó hiện lên. Cá thì bị đập đầu, xẻ bụng, đánh vảy. Gà vịt thì bị cắt cổ nhổ lông. Từ khi biết ăn chay rồi thì tâm mình thay đổi hẳn, thấy con gà con vịt thì khởi lòng thương. Khi nó bệnh hay bị thương nơi đâu thì để tâm săn sóc. Lúc trước chưa biết ăn chay, thấy mấy đứa bạn trong xóm cùng trang lứa như mình khoảng 7 đến 10 tuổi sắm vòn-thun bắn chim thì mình cũng sắm dù chưa bắn con gì. Đến khi ăn chay rồi thì bỏ vòn-thun, thấy con vật thì lại thương. Và khi thấy mấy đứa bạn mình bắn chim, thì tìm đất đá liệng làm động để nó bay đi. Thậm chí thấy người ta rình bắt chó làm thịt, thì cũng cố tìm cách để đuổi cho nó chạy đi mà không sợ họ rầy, không sợ họ giận, vì mình thương chúng nên tự phát ra hành động như vậy để bảo vệ sinh mạng, không nỡ nhìn chúng bị cắt cổ mổ bụng. Do đó ăn chay tốt lắm! Lúc trước nghĩ rằng những con vật là món ăn nên đâu có thương. Biết ăn chay rồi mình mới có tình thương. Về sau khi vào đạo, tôi mới biết chính cái tình thương đó là tình thương “từ”, tình thương “bi”. Tình thương từ bi đó là tình thương của Hiền Thánh, còn tình thương của vợ chồng, cha mẹ, con cháu, anh em trong nhà là thuộc về tình ái nhiệm trước của thế gian, chỉ lẩn quẩn ở trong vòng sanh tử luân hồi chứ không phải tâm từ bi của các bậc Hiền Thánh. Cho nên ăn

chay được lợi ích về mặt đó. Tình thương từ bi sẽ được phát triển lên, làm nền tảng cho tất cả thiện căn công đức xuất thế. Cho nên Phật nói: “Phật chỉ có lòng từ bi chứ không có tâm gì khác”. Đối với tất cả chúng sanh luôn luôn do tâm từ bi đó mà có ra việc độ sanh. Thương tất cả chúng sanh đến mức không còn thấy chúng sanh để thương để độ, mà luôn luôn là thương là độ. Đó là tâm trạng và cảnh giới của chư Phật.

Mình đã có được từ bi đó làm nền tảng, bây giờ phải làm cái gì để thiện căn công đức từ nền tảng đó phát triển. Đến năm 14 tuổi, tôi gặp được quyển Tây Phương Trục Chi, từ đó phát tâm niệm Phật. Cho đến năm 21 tuổi đủ duyên xuất gia vào Chùa rồi thích thêm tụng kinh. Các huynh đệ nên hiểu “tụng” là học thuộc lòng. Những khi lên chánh điện mặc áo tràng đắp y, thắp nhang lễ Phật, có chuông có mõ, mở kinh ra rồi cho đó là tụng. Kỳ thật đó không phải là tụng kinh mà chỉ là đọc kinh. Tụng kinh là phải đọc thuộc lòng kinh, nên nhớ kỹ điều đó! Khi đã thuộc lòng rồi, mình tụng mới có lợi ích lớn. Không những lúc mặc áo tràng đắp y lên điện Phật, mà trong những khi đi đứng nằm ngồi, thỉnh thoảng những lời kinh do mình thuộc nó sẽ khởi lên trong tâm. Như người đời thuộc những bài ca mà họ ưa thích, thì những khi đi đứng nằm ngồi họ thường khe khẽ cất lên vài câu, hay trong tâm cũng thường nghĩ nhớ đến những bài ca bài hát đó. Cũng vậy, nếu mình thường niệm Phật thì nó khởi lên câu niệm Phật. Còn nếu mình thuộc lòng kinh thì những lời kinh thường hay nổi lên thì ngay lúc đó là mình đã tụng kinh rồi. Nhưng thời gian sống được như thế không phải liên tục mà có gián đoạn. Trong cái gián đoạn có một điều tốt là mỗi khi nó khởi lên như vậy mình nhớ lại những lời dạy của Phật thì đó là mình niệm Pháp. Mà khoảng thời gian mình có tụng kinh thì những niệm phiền não, những niệm xấu, niệm ác nó bị đè phục nên không khởi lên, do bị đè phục nên nó yếu đi, nó đã yếu thì lúc có khởi lên cũng khởi yếu. Đây là nói phục, còn đoạn là khác nữa. Nhưng

nhờ cái phục nên nó yếu. Vì yếu nên tội chướng nghiệp chướng cũng yếu dần. Mà bên tội chướng nghiệp chướng yếu thì thiện căn công đức nó khởi dậy. Hai cái đó như hai cái giá cân. Nếu bên này nặng thì bên kia bị nhẹ. Nếu bên này nhẹ thì bên kia nặng, lẽ đương nhiên là như vậy.

Nay tôi sẽ nói rõ điều này cho các huynh đệ nghe, vì thông thường ít ai nghĩ đến. Nhân khi tụng kinh *Kim Cang* tôi đã khám phá ra một điều mà từ lâu suy nghĩ không biết vì sao trong kinh nói một vị Tu đà hoàn dứt trừ được kiến phiền não, còn tư phiền não thì chậm nhất là trong bảy đời dứt hết thành A la hán. Vị Tu đà hoàn không có đời thứ tám, chỉ đến đời thứ bảy là cuối cùng. Trong kinh nói rõ ràng, chứ không nói việc tu hành gì cả. Tôi thường suy nghĩ việc đó hoài, nghiệm mãi không ra. Cho đến khi tụng kinh *Kim Cang* đến đoạn Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: Vị Tu đà hoàn có tự nói mình là Tu đà hoàn không? Ngài Tu Bồ Đề đáp là không. Bởi vì Tu đà hoàn gọi là nhập lưu. Nói nhập mà không chỗ nhập. Không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, do đó gọi là Tu đà hoàn. Ngay đó tôi hoát nhiên phá giải được cái điều mà tốn không biết bao nhiêu thời gian suy nghĩ về lý do tại sao mà vị Tu đà hoàn không có đời thứ tám, chỉ nội trong bảy đời dứt tư hoặc chứng A la hán. Nghĩa là vị Tu đà hoàn sau khi kiến hoặc đã dứt rồi thì tâm của vị ấy không còn bị chi phối bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do không bị chi phối nên tư hoặc không có dịp phát khởi. Vì không phát khởi nên lần lần nó mòn yếu đi. Do mòn yếu nên nó dứt lần lần. Dứt một phần thì thành Tư đà hàm. Dứt thêm phần nữa thì thành A na hàm. Dứt thêm nữa cho đến dứt sạch hết thì thành A la hán. Nó dứt từng phần, dứt lần lần. Cũng thế, hằng ngày mình có niệm Phật tụng kinh, thì lúc đó phiền não, nghiệp chướng nó không khởi. Nó không khởi trong khoảng thời gian mình có niệm Phật, tụng kinh, chứ không phải nó luôn luôn không khởi. Nhưng có như vậy thì nó yếu dần đi. Nó yếu dần đi thì cái lành cái tốt phát triển

lên thì gọi là mình có tu. Phiền não nghiệp chướng bị dẫn bị phục thì thiện căn công đức phát sanh, cho đến lúc nào đó sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không còn chi phối nội tâm mình là thành công. Mà cũng không biết đến lúc nào, bởi vì chúng tử phàm phu trong vòng sanh tử luân hồi của mình nó nặng nề lắm, phiền não nghiệp chướng nặng nề lắm. Nhưng nếu hằng ngày mình có phương pháp để dần để phục, thì nó sẽ yếu dần. Còn nếu bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chi phối thì mỗi ngày chẳng những nó không yếu mà lại mạnh thêm, thì mình càng chui đầu sâu vào vòng sanh tử luân hồi. Lẽ tất nhiên hai ngã rõ ràng như vậy. Tôi nói rõ để huynh đệ biết như thế nào mới là thật tu. Do đó nếu mình niệm Phật thì không duyên việc khác; không duyên theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; Chỉ duyên nơi âm thanh câu niệm Phật. Huân tập mỗi ngày một mạnh lên nơi hạnh niệm Phật thì những niệm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mỗi ngày một bớt đi, vì trong khoảng thời gian đó nó không khởi được thì nó phải giảm bớt. Nếu thời gian niệm Phật càng ngày càng nhiều thì tất nhiên mỗi ngày mình lần lần tiến lên. Cũng như người tu Thiền giữ tâm đừng theo vọng, tức nhiên là làm cho nội tâm đừng bị chi phối bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nó không chi phối thì phiền não nghiệp chướng không do đâu mà sanh khởi. Phiền não nghiệp chướng không khởi được thì lần lần nhẹ đi, cho đến lúc nào đó cũng như cái màn che bị rách, bị tan thì ánh sáng từ trong nội tâm phát ra, gọi là tỏ ngộ. Hai đường tu dù Thiền dù Tịnh giống nhau, chứ không chi khác.

Tôi nói rõ như vậy để chúng ta biết như thế nào là có tu và không tu. Hằng ngày mình bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chi phối là không có tu. Lúc nào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nó không chi phối nội tâm của mình được, thì chính lúc đó là lúc mình tu. Nên nhớ kỹ như vậy! Không phải đợi đến lúc mặc áo, đắp y lên chánh điện. Mặc áo đắp y lên chánh điện, lễ Phật mà bị cảnh ngoài sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

nó chi phối thì chưa phải là có tu. Cho nên pháp của Phật dạy nói cho rõ là tu tâm. Còn nơi thân và khẩu chỉ trợ giúp cho nội tâm mà thôi. Nói vậy không phải phớt bỏ những thời khóa tu tập, ban đầu sức tu còn yếu thì phải nương vào thời khóa, quan trọng ở chỗ là ngoài thời khóa cũng phải tu. Do đó niệm Phật không luận là lúc đi, đứng, nằm, ngồi gì, nếu có niệm luôn thì có tu, mà bị gián đoạn là không có tu. Đó là điểm chánh yếu. Tất cả các pháp môn khác cũng đều như vậy.

Tôi nhắc lại một lần nữa là tụng kinh phải thuộc lòng kinh. Chẳng những các thời khóa trong chùa phải thuộc. Mà các kinh mình thích cũng phải thuộc. Như tôi cũng vậy, thích Phổ Môn phải thuộc *Phổ Môn*, thích *Kim Cang* phải thuộc *Kim Cang*, thích phẩm *Phổ Hiền* phải thuộc phẩm *Phổ Hiền*, cho đến thích *Pháp Hoa* phải thuộc *Pháp Hoa*. Lúc trước mỗi ngày giữ đều đặn như vậy, riêng kinh *Pháp Hoa* thì mỗi ngày tụng một biến hoặc hai ngày một biến. Đến năm 1963 khởi lên việc tranh đấu với ông Diệm và năm 1964 thành lập GHPGVN Thống Nhất, tôi phải bận nhiều công việc nên mỗi ngày không có thời gian tụng kinh *Pháp Hoa* nữa. Mà tụng kinh phải tụng luôn nếu không lại quên nên không thể tiếp tục việc tụng kinh *Pháp Hoa*, mà chỉ giữ lại bài kệ phẩm *Phương Tiện* làm thời khóa cho đến bây giờ. Bài kệ phẩm *Phương Tiện* cũng nhiều lắm, gần 500 câu chứ đâu phải ít. Hiện nay, thời khóa mỗi ngày của tôi nhất định phải có là: sáng sớm thức dậy tụng phẩm *Phổ Hiền* trong kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Kim Cang*, bài kệ Phẩm *Phương Tiện* của kinh *Pháp Hoa*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A Di Đà*” rồi niệm Phật. Nếu tụng ra tiếng thì hơn 2 giờ đồng hồ, nếu tụng thầm thì trên dưới một tiếng rưỡi. Năm nay tôi đã 92 tuổi nên chỉ thực hiện thời khóa bằng cách tụng thầm mà thôi, chứ tụng ra tiếng thì không nổi nữa rồi. Từ lúc nói chuyện với mấy huynh đệ đến bây giờ nghe cái hơi cũng mệt lắm.

Sở dĩ tôi nói kỹ như vậy để chúng ta biết rõ cách tu tập của mình là phải có sự liên tục hằng ngày. Không nên lúc có, lúc không. Nên nhớ ăn chay là để tăng trưởng lòng từ bi. Tụng kinh niệm Phật ngoài mục đích chính yếu là vãng sanh Cực Lạc ra, còn có tác dụng hàng phục những phiền não nghiệp chướng, khiến cho những thiện căn công đức được tăng trưởng. Nếu mỗi ngày tu hành đều đặn như vậy, tức nhiên lần lần bớt đi phần phàm phu sanh tử mà tiến lần trên con đường Hiền Thánh giải thoát. Ngay Đức Phật cũng phải trải qua vi trần số kiếp tu tập chứ không phải con số ức muôn mà mình thường tính toán. Phải lấy số vi trần để tính số kiếp tu hành. Rõ ràng như vậy, chính Đức Phật nói chứ không ai khác. Như phẩm *Đề Bà Đạt Đa* trong kinh *Pháp Hoa*, ngài Trí Tích Bồ tát nói: “Tôi xem trong cõi tam thiên đại thiên hẳn đến không có chỗ nhỏ bằng hạt cải mà không phải là chỗ của Bồ tát (*chỉ cho Phật Thích Ca*) bỏ thân mạng để vì lợi ích chúng sanh, vậy sau mới thành đạo Bồ đề”. Chứ không phải thường thường như chúng ta, làm được chút ít công đức gì đó mà đòi thành ông Hiền ông Thánh liền đâu. Trong kinh dạy rất đầy đủ, nhất là kinh *Đại Bồ Tát Tích* nói về công hạnh của các vị Bồ tát rõ ràng lắm. Mọi người nên cố gắng tìm đọc. Tôi bây giờ phải nhờ người khác đọc để biết được công hạnh của các Ngài quá khứ tu thế nào, hiện tại thành tựu thế nào.

Nói chung, việc dứt trừ nghiệp chướng phiền não để ra khỏi sanh tử luân hồi không phải là chuyện dễ. Nhưng mình có tu tập đều đặn là mình có bước đi, đã có bước đi là có lúc đến. Có bước một bước là có giải thoát một bước, chứ không phải đợi đến đích rồi mới giải thoát. Thường nghĩ như vậy lại thấy vui. Bởi vì biết mình mỗi ngày có bước là mỗi ngày gần thêm bờ giải thoát. Nên nhớ kỹ là vi trần số kiếp chứ không phải ít đâu. Không phải nghe nói: “Tức Tâm tức Phật” rồi cho rằng thấy tâm là thành Phật. Nếu như vậy là mình hơn Phật Thích Ca xa lắm rồi.

Tôi có mấy lời nhắc nhở các huynh đệ. Mong rằng ai nấy biết vô thường mau chóng mà quý tiếc thời gian, hàng ngày hàng giờ phải luôn niệm Phật lấy đó làm chính, còn những việc phước thiện khác thì xem như phụ thôi. Làm được vậy là đã giữ gìn đường đạo của chính mình. Nếu không nội tâm bị cảnh trần chi phối sẽ bị nghiệp chướng nó lôi. Nên cảnh tỉnh!

10. MỪNG 1 TẾT NĂM KỶ SỬU (2009)

Tập tục loài người ở trên thế gian này lấy việc ăn uống làm trọng. Việc ăn uống của loài người cũng giống như các loài khác là giết hại sinh mạng những loài yếu kém hơn mình, lấy máu lấy thịt của nó để ăn. Lâu dần trở thành thói quen. Do đó lần quần mãi ở trong sanh tử, không thoát ra được. Mình ở trong đạo, điều chắc chắn nhất là hàng ngày tránh việc ăn thịt chúng sanh, mới thoát được nghiệp ác của việc giết hại sanh mạng. Tình thương chung của các loài đều thuộc về tình ái, như: vợ chồng, ông bà, cha mẹ. Còn nếu rộng ra chút ít là chỉ ở trong loài người, thương người của mình. Các loài khác cũng vậy, đều thuộc về tình ái trói buộc, không phải lòng từ lòng bi xuất thế. Nên nhớ điều đó!

Tâm từ tâm bi là tâm vượt khỏi thế gian. Nếu được tâm này thì xa lìa ở nơi phàm phu mà bước lên dần thành bậc Hiền bậc Thánh. Cho nên phải tránh việc ăn thịt chúng sanh để nuôi thân ngon miệng, lòng mình không nở đó là thuộc về tình thương, do tâm từ tâm bi sanh ra. Do vậy còn ăn thịt chúng sanh thì tâm từ bi không thể có được. Mình được hoàn toàn không ăn thịt chúng sanh, không nở lấy cái khổ của chúng để làm niềm vui của mình. “Không nở”, đó là tình thương chúng sanh, lần lần phát triển lên thành tâm từ tâm bi. Tâm từ thì làm lành, tâm bi thì không làm khổ. Nếu được tâm từ bi thương chúng sanh, thì tự nhiên tất cả việc ác không làm, tất cả việc lành làm cho phát triển thêm. Đúng với hai điều chánh trên hết

mà Đức Phật đã dạy: “Đừng làm các việc ác, nên làm những việc lành”, bắt nguồn từ nơi tình thương không nở ăn thịt chúng sanh mà phát triển. Từ nơi đây sẽ tự nhiên làm lành, tự nhiên không làm ác. Cái *tự nhiên* mới quý, còn cố gắng tránh điều ác, cố gắng làm việc lành, việc đó còn nhỏ hẹp. Cái *tự nhiên* có được từ nơi tâm từ bi, tâm từ thì làm lành, tâm bi không làm ác, cội gốc chính ở chỗ tránh ăn thịt chúng sanh, không nở làm cho chúng sanh đau khổ. Từ chỗ này mà cái tự nhiên tránh điều ác, làm việc lành sẽ phát xuất, điều này gần với việc làm của các bậc Hiền Thánh. Việc lành của các bậc Hiền Thánh đều phát xuất ở chỗ tự nhiên chứ không phải cố gắng. Ngay điểm này mấy huynh đệ phải nhớ và hiểu thấu để tăng trưởng tâm từ tâm bi, lần lần mình sống được trong đó và dìu dắt những người khác có duyên cũng làm được như vậy.

Từ trên nền tảng này mà tụng kinh niệm Phật thì việc tụng kinh niệm Phật mới trở thành căn lành vượt khỏi thế gian thiết thật. Nếu không chỉ làm có lệ mà thôi. Cho nên chư Phật, chư Bồ tát đều lấy tâm từ bi làm chánh. Nếu được chỗ này, dù không nhiều nhưng được chút ít thì lần lần sẽ ra khỏi phàm phu sanh tử luân hồi, tiến lên bậc Hiền bậc Thánh, tự tại giải thoát. Bước đường Phật dạy từ phàm phu lên Hiền Thánh, rõ ràng như vậy chớ không có gì khó hiểu. Chỉ có điều mình có cố gắng, có quyết tâm làm hay không mà thôi. Khó nhất là mỗi ngày mỗi lúc đều làm, còn nếu làm lúc có lúc không thì khó thành tựu.

Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Tất cả các pháp môn, người nghe không nên nghi ngờ mà phải tin nhận”. Nói tin nhận là chữ “thọ” trong hai chữ thọ trì. Sau khi tin nhận rồi phải đọc. Đọc là mở kinh sách ra xem. Đọc được thuần thục, thuộc lòng thì gọi là tụng. Tụng nghĩa là đọc thuộc lòng, không cần mở sách xem nữa. Tiến lên một bước là trong tâm luôn luôn không lúc nào quên, cái đó gọi là “trì”. Trì nghĩa là

giữ gìn. Có thuộc thì mới giữ được, khi chưa thuộc mở sách ra thì nhớ, xếp sách lại thì nó nằm ở trong sách chứ không ở nơi tâm mình. Nếu vậy đâu gọi là “trì” được! Cho nên phải nhớ kỹ điều này. Chúng ta thường nói thọ (tin nhận), đọc, tụng, trì. Trì đứng chót hết, trong tâm không lúc nào quên, từ đó thành niệm lực, nghĩa là có sức nhớ mạnh mẽ. Niệm lực này nằm trong Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Có niệm lực thì Tín, Tấn được vững vàng, Định, Huệ lần lần phát sanh ra. Cho nên niệm lực đứng chính giữa năm thứ. Mấy huynh đệ nên cố gắng làm sao cho trong tâm mình thành tựu được niệm lực.

Trong các pháp tu về chánh niệm gồm có: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Trong đó niệm Phật là phương pháp Phật dạy đầu tiên phải làm nên quý nhất. Niệm Pháp là phải thuộc kinh, chuyên ròng một bộ kinh nào đó. Tu Tịnh độ nhất định phải thuộc kinh *A Di Đà*, nhưng được chỗ “trì” ít có lắm. Lúc lên chánh điện thì có tụng, ngoài ra thì không nhớ gì, chỉ nhớ những việc khác thôi. Niệm Phật cũng vậy, rất dễ thực hành, nhưng lúc muốn niệm dù niệm thầm hay niệm ra tiếng thì trong tâm mới có câu *A Di Đà Phật*, ngoài lúc đó ra thì không có. Như vậy lúc muốn niệm, muốn tụng thì mới có danh hiệu Phật, mới có lời kinh ở trong lòng, những lúc khác thì không. Rõ ràng mình chưa được chỗ “trì”. Mới chỉ có thọ (tin nhận), đọc, tụng (thuộc lòng), nếu được chỗ “trì” thì mới trở thành niệm lực, chừng đó chánh niệm mới có sức mạnh không gì xen vô phá nổi. Ngay đây lần lần tiến tới ở nơi chánh định. Niệm lực chưa có thì không thể được định, rõ ràng như vậy. Nhiều người đến nói với tôi, niệm Phật mấy chục năm vẫn chưa được Nhất tâm bất loạn? Nhất tâm bất loạn là chánh định, là Niệm Phật tam muội. Do vì mình công phu tu tập chưa có niệm lực (trì) nên định không thể phát. Nhất tâm bất loạn là nói nội dung của chánh định niệm Phật. Nội dung ấy thế nào? Nhất tâm là chỉ một tâm không có hai, bất loạn là không gì làm cho rối loạn

được, không gì xen vào phá được. Trong kinh *A Di Đà*, Đức Phật nói hai chữ “chấp trì”, trì tức là niệm lực, có niệm lực thì trong khoảng thời gian hoặc ngắn hoặc dài sẽ được chánh định niệm Phật. Do đó chữ “trì” trong kinh *A Di Đà* quan trọng lắm, “chấp” là nắm lấy, tin nhận, đọc, tụng. Còn “trì” thì đạt được niệm lực, bậc lợi căn thì chỉ trong thời gian ngắn, hạng độn căn thì thời gian dài hơn, cuối cùng đều được Niệm Phật tam muội. Vì sao gọi là Niệm Phật tam muội? Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: “Do trong chánh định thấy Đức Phật A Di Đà nên thấy được chư Phật trong mười phương”.

Đầu năm có mấy điều nhắc nhở, mong tất cả các huynh đệ cố gắng giữ gìn, tinh tấn tu hành đừng để thời gian luống qua. Trong lời tựa của kinh *Phạm Võng* nói: “Đừng để thời gian luống qua vô ích mà sau này phải ăn năn”. Vì lúc già lúc bệnh sức khỏe quá yếu làm sao tu hành được nữa, khó được giải thoát an vui, khó mà ra khỏi sanh tử. Chừng đó muốn tu cũng tu không nổi, thời gian không còn lâu dài, ăn năn đâu còn kịp nữa, thế nên phải lo chuẩn bị trước. Hằng ngày gắng sức tinh tấn tu hành, đừng để thời gian trôi qua vô ích. Ngày nay khó bảo đảm ngày mai, luôn luôn nghĩ nhớ vô thường mau chóng. Nhưng phần đông mọi người đều mê lầm không nghĩ mình sắp chết, tưởng rằng sống hoài. Dù có bệnh nặng cũng nghĩ mình sống, không ai nghĩ mình sắp chết. Khác biệt với lời Phật dạy phải luôn luôn nhớ nghĩ vô thường, cái chết kề bên. Đã là đệ tử Phật phải thấu rõ việc này, đừng có mê lầm. Nhờ vậy lúc còn khỏe tâm tinh tấn tu hành, phát triển mạnh mẽ thêm lên. Tôi muốn nói nhiều lắm nhưng không đủ sức để nói nhiều được. Mong tất cả mấy huynh đệ tu hành luôn tinh tấn vươn lên, Giới – Định – Huệ ngày càng trang nghiêm hơn.

11. MÙNG 1 TẾT NĂM CANH DẦN (2010)

Đầu năm, được các huynh đệ về thăm, tôi nguyện Tam Bảo gia hộ cho tất cả đều được khỏe mạnh, an vui, thêm

phước thêm thọ, thường tinh tấn giữ đạo tâm tu hành, định, huệ mỗi lúc một trang nghiêm hơn, thiện căn công đức mỗi ngày được đầy đủ, viên mãn. Sau đây tôi có mấy lời dặn dò tất cả các huynh đệ.

Tôi từ lúc biết Phật pháp đến bây giờ đã gần 80 năm, chỉ giữ gìn ba điều chánh là: ăn chay không ăn thịt chúng sinh, niệm Phật và tụng kinh điển Đại thừa. Ban đầu, thực hành ba điều đó chỉ ở nơi Sự: ăn chay chỉ là không ăn thịt cá rồi niệm Phật, thích kinh điển Đại thừa nào thì tụng kinh ấy. Về sau, dần dần ý nghĩa mới được hiểu biết rộng ra. Nay tôi nói rõ để những vị có trách nhiệm hướng dẫn người khác tu hành, nếu thấy tốt thì tự mình tu tập và dẫn dắt mọi người.

Việc tu hành trong Phật pháp phải thiết thực, không phải chỉ ở nơi lý thuyết suông mà được. Bởi vì phàm phu sanh tử trong sáu nẻo luân hồi đều có đủ những tập khí, phiền não, và nghiệp chướng mê lầm, thế nên muốn vượt thoát ra thì phải tuần tự, dần dần.

Ban đầu thì ngưng nó lại, sau đó làm nó mỏng bớt, từ nơi mỏng bớt lần lần mới dứt trừ đi. Nhận thấy điều đó, biết rằng đường đạo rất xa xôi không phải dễ. Nếu chưa dứt trừ được phiền não, tập khí thì mãi mãi còn trong vòng sinh tử luân hồi.

Điều thứ nhất là ăn chay, không ăn thịt chúng sinh, nhờ vậy đầu tiên mình tránh được tội nặng nhất là sát sinh. Chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi, không phải chỉ riêng loài người, những loài khác cũng vậy, ăn thịt lẫn nhau chính là nguyên nhân khiến nghiệp sát đứng đầu. Do đó mình ăn chay, không ăn thịt chúng sinh, để khỏi dính mắc, ảnh hưởng. Dù trực tiếp hay gián tiếp thì tội sát sinh luôn là tội nặng nhất. Nghiệp sát làm cho chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi chịu khổ, lẫn quần lên xuống vay trả lẫn nhau không thể thoát ra được.

Lúc tôi còn ăn thịt cá, chỉ xem loài vật là món ăn nên có tâm bắt, giết, thấy người khác làm lại vui theo, mong làm

xong thật nhanh để dọn cho mình ăn. Như vậy tất nhiên tình thương không phát khởi mà chỉ có tâm ác là muốn mau có thịt để ăn nên phải bắt, phải giết.

Sau khi tôi ăn chay được một thời gian dài, tự nhiên thấy những con vật bị hoạn nạn, gãy chân, gãy cánh... tôi đều muốn săn sóc cho chúng được lành mạnh. Tôi không còn mong người ta làm thịt nó cho mình ăn nữa, ý nghĩ đó mất rồi, vì từ lâu mình đã không ăn thịt nên tự nhiên phát sinh ra cái tâm như vậy.

Mấy huynh đệ nên biết, tâm đó là sự chớm nở của tình thương bình đẳng, là bước đầu của đức từ, đức bi. Từ bi chính là nền tảng, là bước đường tiến lên bậc Hiền, bậc Thánh, chứ không phải của phàm phu tục tử. Tình thương của phàm phu tục tử hay của các loài vật chỉ là tình cảm luyến ái trong vòng chật hẹp: cha mẹ thương con cái, ông bà thương cháu chắt, anh chị em thương nhau...

Con cọp cũng có tình thương vợ con ông bà như mình vậy, nhưng đối với những loài vật khác thì nó thấy là món thịt để ăn, không có tình thương bình đẳng đó. Tình thương của loài người dù có rộng hơn con cọp một chút, nhưng cũng lẩn quẩn trong những gì của mình: cái gì của mình thì thương, cái gì không phải của mình thì không thương. Nói rộng ra thì dân tộc, đất nước mình thì mình thương, còn dân tộc khác, đất nước khác thì không thương. Rộng chút nữa thì chỉ thương loài người mà không thương các loài vật. Đó là tình ái của phàm phu tục tử trong sinh tử luân hồi, nhưng chính tình thương đó là hạt giống cho tình thương bình đẳng. Nếu tình thương bình đẳng được phát sinh thì đó là bước đầu để tâm từ bi chớm nở.

Nếu lấy tâm từ bi làm nền tảng thì sẽ dần tiến lên bậc Hiền, bậc Thánh, thiện căn công đức từ nơi nội tâm phát sinh ra, còn sự khuyến khích bên ngoài chỉ là tạm thời, không thật

có, nghe kinh nói rồi làm theo chứ chẳng phải từ tâm mình mà sinh ra. Từ nơi tâm mình sinh ra mới là thật, gọi là đạo lực. Từ bên ngoài mà đến như nghe các vị thầy giảng kinh nói Pháp, hoặc đọc kinh điển, rồi từ đó phát tâm tu hành, như thế chỉ là tạm thời để bước đầu nương tựa ứng dụng tu, có rồi sẽ mất chứ không phải thật. Chính thiện căn công đức từ tâm mình sinh ra mới là thật có, bền lâu. Các huynh đệ nên nắm vững điều này để tâm từ bi dần nảy nở, làm nền tảng vững chắc giúp ta tiến lên bậc Hiền bậc Thánh.

Từ nền tảng đó, phát tâm niệm Phật. Trong pháp môn của Phật về chánh niệm thì niệm Phật đứng đầu, kế đến là niệm pháp nghĩa là tụng kinh điển Đại thừa hoặc trì chú, sau đó là niệm tạng như niệm “Nam mô Quan Thế Âm Bồ tát”. Đây là ba pháp chánh niệm đầu tiên mà Phật dạy cho mọi người phải thực hành.

Khi mình ăn chay, thương người thương vật bằng tâm bình đẳng, mình sẽ tự có tâm từ bi. Đã có tâm từ bi thì việc hành trì “từ bỏ các việc ác, luôn làm các việc lành” như lời chư Phật dạy tự nhiên thành tựu. Vì sao khi có tình thương rồi, sẽ không làm ác nữa? Vì khi đã thương rồi thì không nỡ làm cho chúng sinh đau khổ, nghĩa là ta không làm ác. Lòng từ bi sẽ khiến mình thường nghĩ đến việc hay, việc tốt, muốn làm cho chúng sinh được an vui, được sung sướng, được bớt khổ. Nhờ đó mình sẽ làm điều lành một cách tự nhiên chứ không phải do ai chỉ bảo. Như vậy “từ bỏ các việc ác, luôn làm các việc lành” tự nhiên thành tựu, chủ yếu nhờ không ăn thịt chúng sinh.

Lòng từ bi phát sanh một cách tự nhiên trong tâm mới chính là lòng từ bi chân thật, nếu do nghe người khác nói hoặc sợ quả báo xấu do việc làm ác thì chỉ là bắt chước hoặc sợ hãi thôi, không phải là thật. Nếu ta có tình thương, có lòng từ bi, chỉ muốn cho chúng sinh khỏi khổ, được vui nên không làm ác mà tự nhiên làm lành.

Kế đó là niệm Phật để sáu căn không chạy theo sáu trần là: sắc, thính, hương, vị, xúc pháp. Niệm Phật để tâm mình an trụ nơi danh hiệu Phật, dần dần hạt giống Phật sẵn có trong tâm mình nương nơi duyên đó được tăng trưởng. Đức Phật dạy: chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng nếu không có duyên tốt sẽ không tăng trưởng được. Niệm Phật chính là duyên mạnh nhất để giúp cho hạt giống Phật tánh phát triển, mà khi nó phát triển rồi thì việc niệm Phật tuy không phải là Phật thật nhưng lại tương ưng với Phật, từ từ tăng trưởng lên thì đương nhiên sẽ trở thành Hiền Thánh.

Kế đó là tụng kinh điển Đại thừa, chúng ta tu theo Đại thừa thì phải đọc, tụng kinh điển Đại thừa. Bởi vì, kinh điển Đại thừa có oai lực rất mạnh, có thể làm cho hạt giống Phật tánh tăng trưởng, thiện căn công đức tối thượng phát sanh. Ngoài ra niệm tụng như niệm: Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát, học theo hạnh của các vị Bồ tát.

Nói chung, trong đời sống hàng ngày nên thường thực hành ba điều trên: không ăn thịt chúng sinh để tăng trưởng tâm từ bi, luôn luôn có tâm hạnh không rời xa Phật, không rời xa chánh pháp của Phật và chư Bồ tát tụng thì ba nghiệp thân, khẩu ý được tương ưng. Nếu thân, khẩu, ý được vậy tự nhiên tiến lên bậc Hiền, bậc Thánh, không gì ngăn được. Hằng ngày suy xét kỹ, nếu thời gian được tương ưng với ba điều đó quá ít mà thời gian dành cho chuyện thế tục lại nhiều hơn thì phải thức tỉnh. Cũng như có hai quả cân, phải làm sao cho quả cân thích hợp với chánh pháp của Phật được nặng hơn, còn quả cân sanh tử luân hồi, lục trần cảnh giới phải nhẹ bớt lần đi. Vì hai điều này không thể đồng thời mà có, hễ có cái này thì không thể có cái kia. Nếu có niệm Phật thì không có niệm chúng sinh mê muội. Thời gian chạy theo chúng sinh mê muội quá nhiều ắt sự sáng suốt giác ngộ niệm Phật không thể có được, vì hai điều này không thể đồng thời tồn tại. Người

thường quán xét như vậy gọi là tu tập có sự quán chiếu chân chánh. Còn quên đi, bị cảnh giới sáu trần dẫn dắt ắt sẽ mê muội, không còn sáng suốt.

Tôi có mấy lời nhắc nhở, mong các huynh đệ ghi nhớ và gắng sức thực hành. Nhất định phải không ăn thịt chúng sinh và không có chút gì dính líu đến việc đó. Hễ dứt thì phải dứt hẳn, làm cho tình thương người, thương vật dần dần tăng lên. Tôi nhớ lúc nhỏ, khi còn ở nhà đã biết ăn chay, tránh việc ăn thịt chúng sinh, do đó có tình thương người, thương vật. Đối với người, tôi không ghét ai, còn với loài vật: chỉ sợ con rắn nhưng không ghét, chỉ ghét bò cạp thôi. Vì hồi xưa, tôi hay máng áo trên vách, con bò cạp thường chui vào, có lần mặc áo, tôi bị nó cắn trên lưng. Một hôm nọ, tôi ngồi trên thềm nhà thấy một con bò cạp mẹ cõng trên lưng lúc nhúc mấy chục bò cạp con. Lúc đó, bò cạp con thân thể còn trong veo, loi nhoi trên lưng mẹ, tôi nhìn chăm chú xem bò cạp mẹ làm gì, thỉnh thoảng thấy nó đưa hai càng trở ngược lên lưng. Tôi biết rằng nó đi kiếm mồi rồi đưa lên lưng đúc cho con ăn, vì loài đó không có bú mớm, con nó không đủ sức đi kiếm ăn nên bò cạp mẹ phải chở đi, kiếm mồi và đúc cho ăn. Tôi liền nghĩ đến tình mẹ thương con, riêng tôi thì mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, khi thấy tình mẹ thương con của loài bò cạp nên từ đó trở đi không còn ghét nữa.

Việc tu hành phải thực hành thiết thực, không phải ở lý thuyết suông, ở lời nói ngoài miệng, hay nói theo những lời ghi trong kinh sách mà được. Đức Phật dạy có Sự và Lý, nhưng về Sự dạy kỹ lắm, nếu không chú trọng nơi Sự thì Lý cũng chỉ là lời nói suông mà thôi. Trong *Trúc Song Tùy Bút* của Đại sư Liên Trì kể rằng: Ở Trung Hoa, vào mùa Đông, thời tiết rất lạnh, mỗi lần tắm đều phải dùng nước nóng. Một đêm nọ, ngài vào nhà tắm, sơ ý để nước sôi đổ phải vào chân, bị phỏng nặng trong ba tháng, thân thể rất đau rát. Ngài là Tổ

sư của Thiên tông, cũng là Tổ thứ tám của Tịnh tông, bậc tu hành đã rõ tâm thấy tánh. Ngài kể lại lúc đó “quán tâm không” nhưng vẫn chẳng thắng nổi cơn đau.

Tổ sư Huệ Khả của Thiên tông, khi giao tổ vị cho Tăng Xán, ra ngoài làm nhân công vác gạo. Có vị cư sĩ nọ thấy Ngài, ngạc nhiên hỏi rằng: “Thầy là bậc Tổ sư sao lại ra ngoài làm việc này?”. Ngài đáp: “Tôi đang tự điều tâm, không can dự gì đến ông”. Việc này khó lắm! Ngài làm như vậy để phần Sự được tương ưng với Lý mà mình đã ngộ. Trong kinh nói, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trải qua số kiếp nhiều như vi trần mới thành Phật. Cho nên đừng tưởng làm rằng “Tâm chính là Phật” thì thành Phật liền. Nếu vậy thì đã vượt hơn Đức Phật xa lắm rồi.

Thân này sanh già bệnh chết, lúc khỏe mạnh là việc thường, nhưng khi phát bệnh đại tiện tiểu tiện không làm chủ được thì cảm thấy rất đau khổ. Từ đó chúng ta nhận thấy được, mình còn đang ở chỗ xấu xa thấp kém. Thế nên việc tu hành phải chú trọng ở chỗ thiết thực làm được, nếu không như vậy thì chỉ lơ là để ngày tháng qua suông mà thôi. Thời gian không dừng lại được, thoáng chốc từ trẻ đến già, tuổi cao sức yếu. Thân này giả dối không thật, Đức Phật nói nó là gốc khổ. Có người cho rằng, thân là gốc khổ nên bỏ thân này đi. Thế nhưng họ đâu biết, nghiệp có thân chưa dứt hết thì mất thân này lại thọ nhận thân sau, càng xấu xa thấp kém hơn. Quan trọng là phải biết cố gắng tu hành, gây tạo nhân lành, nương nơi thân này để làm việc tốt để đời sau có thân tốt đẹp hơn. Nên nhớ không khi nào là không có thân, Đức Phật còn có ba thân, Bồ tát Quan Thế Âm có vô lượng thân tùy theo sở thích của chúng sanh mà độ thoát họ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chỉ dạy cho tất cả chúng sanh muốn được thân tốt đẹp bậc nhất phải niệm Phật nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Chúng sanh ở thế giới ta bà này,

tuổi thọ đều có hạn lượng. Còn ở thế giới Cực Lạc, tuổi thọ vô lượng vô biên. Kinh nói: “Đức Phật A Di Đà cùng nhân dân cõi đó, tuổi thọ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp”. Thân người ở cõi nước đó không có thay đổi nên không có hư mất. Còn ở cõi này thì luôn luôn thay đổi. Như tám hình lúc tôi hai mươi bốn tuổi tu học tại Huế, nhìn lại bây giờ thì không phải là tôi nữa.

Sau cùng mong tất cả các huynh đệ nên nhớ lời Phật dạy và thực hành theo, ai nấy đều tinh tấn tu hành, biết ít làm ít, biết nhiều làm nhiều, đừng nên biết mà không làm. Cũng như người có bước đi thì sẽ về đến quê nhà, không luận mau hay chậm, quan trọng là có đi thì có đến, có làm thì có thành, dốc lòng dốc sức niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

12. NGÀY KHÁNH TUẾ 17 – 07 CANH DẦN (2010)

Trọn đời tôi tu hành như thế nào cũng đều đem ra để nhắc nhở các huynh đệ cùng thực hành. Lúc tôi còn nhỏ, nghe người ta nói “trông dưa được dưa, trông đậu được đậu”. Do đó tôi nghĩ mình tạo nhân tốt thì mới có kết quả tốt, mình tạo điều lành có nhân lành thì chắc chắn được kết quả lành. Vì vậy từ nhỏ tôi đã một mình ăn chay, tránh ăn thịt chúng sanh. Về sau vào đạo, tôi mới hiểu được việc ăn chay không ăn thịt chúng sanh có ý rất sâu xa rộng lớn. Thứ nhất là tránh được nghiệp nhân sát sanh, khỏi chịu những quả báo khổ từ việc sát sanh mà ra. Thời gian trước khi ăn chay, tôi thấy mấy người bạn đồng trang lứa với mình, ở cùng xóm, đi bắt chim, đi câu cá thì tôi cũng làm cần câu giống như vậy, ngồi kế bên họ, chỉ là ham vui đâu hiểu biết gì. Những năm sau khi đã ăn chay thì thay đổi hẳn, hề thấy con chim con cá thì thương nó lắm, luôn luôn có tâm niệm bảo vệ và nuôi dưỡng nó. Điều này khác hẳn mấy năm trước, một khi đã ăn chay dần dần tình thương tự nhiên phát sanh ra. Đã có tình thương loài vật thì tình thương

loài người cũng rộng lớn thêm. Về sau tôi học kinh luận mới biết đó là cội gốc của đức từ đức bi của các bậc Hiền thánh được nảy nở. Vì thế, việc ăn chay gần nhất là tránh được nghiệp sát phải chịu quả báo khổ, sâu rộng thì tình thương người thương vật phát triển thêm lên, chính điều đó là nền tảng để thành tựu tâm từ tâm bi. Thông thường ở trong gia đình, tình thương chỉ là luyến ái mà thôi, cũng như các loài khác gặp con khác thì ăn thịt nhưng riêng vợ con của nó thì ra sức bảo vệ. Tình thương trong gia đình chỉ ở phạm vi nhỏ hẹp đó, nên gọi là tình ái không thể thành tâm từ tâm bi được. Còn tình thương tự nhiên phát sanh, bắt nguồn từ thương người thương vật, lần lần sẽ thành tâm từ tâm bi của các bậc Hiền thánh. Tôi nói cho các huynh đệ hiểu rõ ý nghĩa của việc ăn chay rộng lớn như vậy, chứ không phải tầm thường cạn cợt như mọi người thường nghĩ tưởng. Đã thương vật thương người thì đâu có làm cho họ khổ, làm cho con vật bị hại, phù hợp với câu “*không làm các điều ác*” đó là điều thứ nhất Đức Phật dạy, tự nhiên sẽ thành. Mặt khác, đã thương người thương vật thì muốn cho người và vật đều được an vui, như vậy phù hợp với câu thứ hai Đức Phật đã dạy “*luôn làm các việc lành*”, từ đó trong tâm tự nhiên sẽ làm các điều lành. Cái tâm tự nhiên mới quý, còn sợ tội không dám tạo nghiệp ác, làm lành để được phước thì cũng tốt nhưng còn nhỏ hẹp. Tôi nhắc lại, ăn chay là cội gốc để thành tựu tâm từ tâm bi của các bậc Hiền thánh, là nền tảng của tất cả các nghiệp lành.

Từ trên nền tảng này, mỗi ngày mình niệm Phật tụng kinh để vun trồng thiện căn công đức xuất thế, hết thân này được sanh về thế giới Cực Lạc. Công đức xuất thế không phải dễ được, nó thuộc về vô lậu vô vi không phải cái thông minh, phước đức hữu vi mà được. Nếu thiện căn xuất thế tăng trưởng thì đời sống của mình sẽ phù hợp với thân khẩu ý nghiệp, các hạnh lành của các bậc xuất thế. Đó là lần lần

chúng ta đang tiến lên trên con đường giác ngộ giải thoát. Còn nếu không, chúng ta đứng nơi ngã sáu đường, nếu không cẩn thận để rơi vào một trong sáu nẻo sanh tử luân hồi thì nó sẽ lôi mình càng lúc càng sâu. Cái đầu mối chính ở nơi hiện tại của mỗi người, là trung tâm của mười con đường, mỗi người không biết sẽ qua con đường nào. Khi mạng sống kết thúc, mỗi người đều theo nghiệp lành hay dữ mà thọ sanh nơi cõi lành hay cõi dữ để có những quả báo khổ vui tương xứng. Đến lúc đó phàm phu không thể làm chủ được nghiệp thức, chỉ có các bậc Hiền thánh làm chủ được thôi.

Tôi có mấy lời nhắc nhở với mấy huynh đệ như vậy. Trọn đời tôi tu hành chỉ có mấy điều như thế. Trước tiên là tin nhân quả, trồng dưa được dưa trồng đậu được đậu. Kế đến là không nỡ ăn thịt các loài vật để tình thương người thương vật phát triển lên. Lấy đó làm nền tảng hàng ngày niệm Phật tụng kinh, căn lành công đức càng ngày tăng trưởng thêm lên. Nếu các huynh đệ giữ vững được như vậy là đã bước vào con đường tốt, rồi sẽ đi sâu đến cái tốt. Nếu không như vậy, mê lầm tạo nghiệp ác để sanh vào cõi xấu ác thì cứ lún sâu vào chỗ xấu xa đau khổ mà thôi. Tất cả đều phải cẩn thận giữ gìn.

Các huynh đệ hằng ngày đều tiếp xúc với cảnh bệnh, già và chết. Còn riêng tôi thì ít lắm chỉ ở nơi thất chuyên tu niệm Phật, bốn đạo có tới thăm thì họ khỏe mới tới được nên đâu có thấy cái khổ của bệnh và chết. Cho nên phải cố gắng! Đức Phật thuở xưa, một lần dạo bốn cửa thành thấy cảnh già, bệnh, chết. Ngài nghĩ tất cả chúng sanh và ngay nơi thân mình đều phải trải qua cảnh khổ như vậy, làm sao phải thoát khỏi ba thứ đó? Từ đó Ngài thức tỉnh xuất gia đi tu thành Phật nên mới có Phật pháp đến bây giờ. Hiện tại, mình hàng ngày tiếp xúc với cảnh già, bệnh, chết mà vẫn chưa thức tỉnh. Vì sao? Thiện căn công đức quá kém, nghiệp chướng nặng nề nên thấy bình thường.

Gặp được Phật pháp khó lắm, việc tu hành không phải dễ dàng. Ngày tháng qua mau, vô thường sanh tử, già bệnh yếu không chữa ai hết. Mình mang thân này, có người lúc mới sanh ra đã mang bệnh hoặc chết đi, còn cái già, cái bệnh, cái chết đón chờ trước mặt tất cả chúng ta, ai nấy đều phải chui đầu vào đó hết, không dừng lại được. Cho nên còn khỏe phải gấp sớm lo tu, đừng để thời gian ngày tháng trôi qua luống uổng. Chư Tổ thưở xưa luôn luôn nhắc nhở: “*khát đến, đào giếng sao kịp!*” lúc đó theo nghiệp dẫn mà thôi, mình không tự chủ được. Lúc còn khỏe mạnh ai nấy cũng đều phải nên tinh tấn nhất tâm tu hành, dốc lòng dốc sức niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để bảo đảm thành Phật, rộng độ chúng sanh.

13. MỪNG 1 TẾT NĂM TÂN MÃO (2011)

Đầu năm tôi có đôi lời nhắc nhở mọi người. Tôi làm điều gì cũng muốn cho mọi người đều làm giống như mình vậy. Cả đời ăn chay, từ nhỏ đã biết thương người thương vật, thấy con vật thì thương lắm, không phải chỉ riêng có thương người thôi, đó là nhờ ăn chay. Có lòng thương như vậy, về sau khi vào đạo mới thấy phù hợp với lời Phật dạy. Đức Phật từng nói, chư Phật trong trong ba đời mười phương cũng nói pháp tóm tắt có bốn câu sau:

Từ bỏ các việc ác

Vâng làm các việc lành

Giữ tâm ý thanh tịnh

Là lời chư Phật dạy.

Tu học theo Phật chỉ tóm lược ở bốn câu trên. Biết ăn chay, thương người, thương vật. Hễ có tình thương thì chẳng dám gây khổ đau, không làm điều ác cho người mà ngay cả loài vật cũng thế, ngược lại còn giúp cho người cho vật bớt

khổ, bớt đi nỗi khổ mỗi khi cần, đó chính là không làm các điều ác, làm tất cả việc lành như lời chư Phật đã dạy.

Ngày xưa, tôi có cứu một con chó, hồi đó còn nhỏ lắm, đi ngang một nhà nọ thấy mấy người hàng xóm độ 20 tuổi trở lên, một người cầm chày, một người cầm búa, một người cầm khúc cây, nhìn dưới ghé thì thấy một con chó đang nằm thì biết ngay là họ muốn giết nó, vì muốn cứu nó nên tôi vội vàng đi thẳng vào nhà họ, dùng chân mình tán con chó một cái, nó la quăng lên rồi bỏ chạy. Ba người kia thấy thế cự nự nhau, người này nói tại sao người kia không ra tay trước, còn người kia lại bảo tại sao người nọ không chịu ra tay... cự một lúc rồi bỏ đi. Họ chỉ biết rầy rà nhau thôi, còn tôi cũng không dám nói năng gì. Dầu sao thì họ cũng biết mình là người tốt, mình nhỏ hơn nhưng họ cũng không nói gì mình được, vì biết việc họ làm là không phải.

Thấy con vật biết thương và cứu giúp nó, đó là việc làm tự nhiên không phải theo giới cấm mà không làm điều ác, hay phải cố gắng để tạo việc lành. Theo giới mà cố gắng làm sẽ không bằng tâm tự nhiên, tâm tự nhiên mới đáng quý. Có tình thương tự nhiên thì lúc nào cũng muốn cho người cho vật được sung sướng, được tốt đẹp. Biết rằng cố gắng làm điều lành là để cho có phước, cho bớt khổ, bớt tội... nhưng vẫn không bằng tâm tự nhiên làm. Tâm tự nhiên chính là tâm từ bi của các bậc thánh. Tâm cố gắng để làm thì cũng đúng theo lời chư Phật dạy nhưng đó chỉ là tâm của phàm phu, hai tâm này rất khác xa.

Tâm tự nhiên đó xuất phát từ việc ăn chay mà được. Người ăn thịt chúng sanh, khi thấy con gà ngoài sân thì chỉ thấy nó đơn thuần là con vật để ăn thịt, không có gì phải thương hết, cho nó ăn cũng để nó mập, lớn rồi cũng làm thịt mà thôi. Người ăn chay phải ăn nhiều ngày, ăn lâu năm (không phải mới ăn năm ba ngày hay năm ba tháng) mới có

lòng thương yêu loài vật được, thấy con gà bị đuổi bắt thì nghĩ cách cứu giúp nó, đó là tình thương tự nhiên. Nói điều này để cho mọi người biết, người còn ăn thịt sẽ không có tình thương, hoặc nếu có chỉ là gắng gượng thôi, chớ ăn thịt chúng sanh thì làm sao có thể thương chúng sanh được. Chúng sanh không thương thì loài người cũng không thể thương được. Nếu có thương chỉ là tình thương thuộc về tình ái của phàm phu tục tử sanh tử luân hồi. Nhiều lắm thì cũng như con cọp thương vợ thương con của nó. Chúng ta nên nhớ mình phải có bốn phận phải nhắc nhở người khác về những điều này.

Câu thứ 3 “*Giữ tâm ý thanh tịnh*”. Đời này chúng ta được gặp Phật pháp, hằng ngày nên cố gắng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Trước tiên phải niệm Phật, thêm nữa là niệm pháp: tụng kinh, đọc kinh, trì chú, tham thiền; kế nữa là niệm tăng như đức đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, ngài Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, ngài Phổ Hiền Bồ tát... Hằng ngày niệm như vậy tất nhiên tâm sẽ được thanh tịnh.

Ba điều Đức Bốn Sư Thích Ca dạy trên đây, thập phương chư Phật hay quá khứ hiện tại vị lai chư Phật cũng đều dạy như vậy. Nhưng làm hay không là tự chúng ta mà thôi, mỗi ngày tu tập từng chút một, thời gian lâu thì từ ít sẽ thành nhiều, từ nhỏ thành lớn. Việc ác cũng vậy mà việc thiện cũng vậy. Hạt gạo tuy nhỏ, nhưng để có được bao gạo, có được nồi cơm thì phải do nhiều hạt chung lại mà thành.

Chúng ta mỗi ngày tu tập một chút thì lần lần nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm công đức sẽ tăng trưởng. Cho nên phải biết quý tiếc thời gian vì thời gian qua rất mau. Thời gian chỉ có đi tới không thể đi lui. Như tôi bây giờ, chỉ còn vài ba năm nữa cũng về với Phật, không thể sống lâu hơn nữa, người xưa đi trước rồi tới lượt mình, mình cũng lại là người xưa, tránh đâu cho khỏi. Mấy huynh đệ cũng đừng nghĩ rằng mình tuổi còn nhỏ, rồi thủng thẳng tu mà bỏ mặc thời gian trôi qua.

Tôi từ nhỏ ở nhà đã biết ăn chay, rồi tập niệm Phật. Về sau vào chùa cứ thế mà tiếp tục hành trì thêm lên. Hằng ngày ăn chay, niệm Phật tụng kinh cho tới bây giờ không bỏ được. Như hồi khuya này cũng vậy, ngủ một giấc thức dậy... biết đúng 12 giờ (giờ đón giao thừa), tôi bắt đầu tụng kinh, tụng kinh xong thì hơn 2 giờ, ngủ thêm một chút tới sáng thức dậy để lo cho thân này, lo cho nó thiệt cực, già yếu một mình nhưng có thêm người bên cạnh lại càng rộn. Vì mình lo cho mình, làm cái này, cái kia như xếp mùng, dọn chỗ nằm, hay việc gì đó, trong tâm mình luôn giữ câu Phật hiệu, hễ có người ở bên cạnh sẽ bị phân tâm. Họ làm giúp thì cũng tốt rồi, nhưng có người ở bên cạnh sẽ làm trở ngại cho việc niệm Phật. Khi họ hỏi chuyện thì phải trả lời, hoặc họ làm không đúng theo ý mình muốn thì phải nói họ làm lại, nên tâm niệm Phật lúc đó bị gián đoạn. Những ai niệm Phật lâu năm sẽ thấy được điều này. Đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật, nó tự nhiên niệm chứ không phải là cố gắng để niệm, nhiều lúc không để ý mà nó cũng tự nhắc mình, có người bên cạnh không niệm được, mắc lãng xãng nói chuyện sẽ bị gián đoạn.

Tóm lại chỉ dẫn mấy điều cho mấy huynh đệ biết, nên nhớ mình làm và nhắc nhở cho người khác cùng làm, ai cũng phải có bổn phận. Mình làm nhiều người làm, chính là báo ơn Phật, là trụ trì chánh pháp của Đức Phật ở thế gian.

Mấy điều nhắc nhở, các huynh đệ nên cố gắng tinh tấn, đạo tâm kiên cố, dũng mãnh tu hành, thiện căn tăng trưởng, định huệ mỗi ngày trang nghiêm hơn.

14. NGÀY KHÁNH TUẾ 17/07 TÂN MÃO (2011)

Tôi năm nay đã 95 tuổi, ngày giờ đã đến lúc phải mãn. Tôi cũng cố gắng lắm, kỳ thật những người bạn đồng tu cùng thời với tôi đều đã theo Phật từ lâu. Tôi còn ở trên đời để gặp

mặt tất cả các huynh đệ là điều hy hữu lắm. Tôi tuổi đã cao, sức khỏe cũng yếu không thể nói nhiều nên chỉ nói những điều cốt yếu để nhắc nhở tất cả các huynh đệ.

Trong việc tu hành, quả vị cao của các bậc Thánh chính yếu là nương nơi lý tánh (tánh không). Nhưng chúng ta đều là người sơ cơ, trong sáu nẻo luân hồi dù rằng may mắn được thân người nhưng vẫn còn lăn quẩn trong vòng sanh tử, nói thẳng đều là phạm phu tục tử. Cho nên mình phải biết căn cơ và vị trí của mình trong hiện tại để bước đi cho vững chắc. Vì sao như vậy? Vì ngày, tháng, năm, tuổi không chờ đợi. Trong kinh nói, những cõi nước khác thọ mạng người dân tính bằng số kiếp, tính theo thời gian ở cõi này không biết bao nhiêu triệu năm. Còn thọ mạng của loài người ở cõi này chỉ mấy mươi năm, rất ngắn ngủi. Một ngày ở cõi trời Tứ Thiên Vương bằng 50 năm ở cõi người, còn ở cõi trời Đao Lợi thì một ngày bằng trăm năm ở cõi người. Thế nên đời sống con người ngắn ngủi không bền lâu. Chỉ vì chúng ta là phạm phu mê tối được một ngày thì cho là dài lâu, được một tháng hay một năm lại lầm tưởng là lâu hơn. Kỳ thật, thời gian qua rất mau do đó mình phải tranh thủ thời gian ngắn ngủi này đừng để lãng phí.

Tôi từ lúc vào chùa, biết được Phật Pháp, trước tiên là tụng thuộc lòng kinh *Phổ Môn*. Các huynh đệ nên nhớ tụng nghĩa là phải thuộc lòng. Tôi biết được công hạnh của Bồ tát Quán Thế Âm liền nghĩ rằng: Bồ tát Quán Thế Âm làm lợi ích rộng lớn cho chúng sanh như thế, mình cũng phải làm gì để đem lại lợi ích cho mọi loài? Mình bây giờ lăn quẩn chỉ lo ăn, lo uống, hoàn cảnh xung quanh toàn là những chuyện phạm phu tục tử, phiền não nghiệp chướng. Từ đó tôi mới lập chí. Tôi thường ra nơi thờ Ngũ hành trong chùa Vạn Linh (núi cấm) ở đó thanh vắng, một mình để học thuộc kinh. Chỉ trong 2 tháng, thời công phu sáng chiều, tôi thuộc lầu hết.

Lúc tôi xuất gia vô chùa không có áo tràng để mặc. Mỗi khi tụng kinh ở chánh điện thì tôi phải mượn. Lúc đó, có cô Phật tử cúng 4 thước vải nâu, yêu cầu tụng 60 biến phẩm Phổ Môn. Các thầy bảo tôi nên nhận lãnh phần này để được vải nâu may áo tràng mặc đi tụng kinh. Tôi hứa nhận, chỉ một ngày tôi thuộc phẩm Phổ Môn. Nhờ đó, tôi biết rõ bổn phận của mình phải làm gì để lợi ích chúng sanh, trong khi thời gian lại quá ngắn. Tôi sức khỏe lại yếu kém, trong đại chúng là người ốm yếu nhất.

Tôi biết chữ Hán, nên chùa giao việc viết sớ cầu an cầu siêu. Lúc đó lá sớ phải viết sẵn bằng tay, khi có việc thì điền tên thí chủ vào. Do đó, chùa cất cho tôi cái cốc, chiều ngang 1,5m chiều dài 2,5m làm bằng tranh, tre. Tôi lấy tấm ván làm cái bàn để trên đầu giường, ngồi trên đầu giường để viết sớ. Nhưng tôi mượn việc viết sớ để có chỗ tịnh tu, giành thời gian tụng kinh niệm Phật thêm bốn thời nữa, chưa tính thời khóa nơi chánh điện của chùa.

Tôi lại nghe nói tu hành phải khổ hạnh nên không ngủ, đến nỗi ngồi thọ trai mà chén cơm rơi xuống đất lúc nào cũng không hay. Tôi không ăn cơm, chỉ ăn rau rừng, đến khi đi lên những dốc cao trên núi bước lên không nổi. Cuối cùng tôi từ bỏ lối tu này.

Về sau, tôi đọc tạp chí *Từ Bi Âm* (tờ báo này mỗi tháng đều được gửi lên tận chùa) của hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn (Sài Gòn). Trong tạp chí ấy, tôi đọc được một đoạn kinh *Pháp Hoa*, trong tâm rất vui thích (lúc đó là năm 1938). Qua năm sau, tôi nghĩ phải đến trường để học Phật Pháp, vì có học có hiểu biết đúng thì tu hành mới đúng chánh pháp.

Năm 1940, tôi ra Huế được học ở trường Phật Học Báo Quốc.

Tôi đọc kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, y theo đó lập hạnh cho mình. Trong kinh nói: người muốn sanh về Cực Lạc phải có ba hạnh:

1. Tin sâu nhân quả. Tôi từ trước đến giờ biết điều nào lành thì làm, điều nào ác thì tránh. Nên đối với đạo lý nhân quả rất tin tưởng.

2. Đọc tụng kinh điển Đại thừa.

3. Khuyến tấn hành giả.

Cuộc đời tu hành của tôi nhất định phải làm được ba điều này để sanh về thế giới Cực Lạc. Hiện tại, tôi nhận thấy những điều này đã đem lại kết quả tốt, tương lai cũng tốt. Tôi y theo điều thứ hai (đọc tụng kinh điển Đại thừa) nên hề thích kinh nào thì tụng thuộc lòng kinh đó. Nhờ tụng thuộc lòng, dù ở hoàn cảnh nào, đi đứng nằm ngồi đều có thể tụng kinh được. Còn ở chánh điện trước bàn Phật mở kinh ra thì gọi là đọc. Cho nên ý nghĩa giữa đọc và tụng rõ ràng không nên hiểu sai lệch.

Năm 1945, lúc nhập thất 49 ngày tại chùa Kim Huê (Sa Đéc), ban ngày tôi xem tụng Luật, ban đêm thì đọc kinh *Hoa Nghiêm*. Lúc đến phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, lòng tôi vui mừng như người đi xa được trở về cố hương, cảm thấy rất quen thuộc, chỉ mấy ngày thôi tôi đã thuộc lòng phẩm kinh này. Từ đó, tôi lập thời khóa riêng của mình: tụng phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyện*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm *Phổ Môn*, kinh *A Di Đà*, rồi niệm Phật hồi hướng Tây Phương Cực Lạc.

Năm 1947, tại trường Liên Hải Phật Học, vào đêm 30 tháng 3 âm lịch, tôi chợt nghĩ: mừng 8 tháng 4 âm lịch này là lễ Phật Đản, mình lấy gì để cúng dường lên Đức Phật? Mình nhất định phải học thuộc kinh *Kim Cang* để đến ngày đó cúng dường Phật. Đến ngày mừng 7 tháng 4 âm lịch, tôi nhờ thầy

Tắc Phước (bây giờ là Hòa thượng trụ trì chùa Phước Huệ ở Úc), cầm bút dò theo. Nếu tôi đọc sai thì biết để sửa. Tôi tụng kinh xong thì thầy Tắc Phước nói không sai chỗ nào hết. Từ đó trở về sau, tôi đưa thêm kinh *Kim Cang* vào thời khóa của riêng mình thành năm bộ kinh: kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện, kinh *Kim Cang*, bài kệ *Phẩm Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A Di Đà*, rồi niệm Phật hồi hướng về Cực Lạc. Tôi giữ kỹ thời khóa tu tập, mỗi ngày đều phải thực hành đều đặn chưa từng bỏ sót.

Tôi nói chân thành với các huynh đệ rằng, sự tướng không thể bỏ được. Lấy sự tướng của việc tụng kinh, niệm Phật để chống lại sự tướng của ba độc tham, sân, si, phiền não, già, bệnh, chết. Ngày tháng không thể bỏ qua, nó thúc đẩy mình tiến đến chỗ chết mà thôi. Như tôi năm nay 95 tuổi, qua sang năm là 96 tuổi, không thể trở lại 94 tuổi được. Thân này, mầm bệnh tật bao vây từ trong đến ngoài, nó luôn chờ dịp để sanh khởi lên. Còn trước mặt là tâm bằng già yếu, bệnh tật, chết chóc, chui đầu vào đó mà thôi. Ai cũng phải đến chỗ đó hết, chỉ sớm hay muộn. Thân này là như vậy, kết cuộc của thân là như vậy. Mọi người phải nhận hiểu rõ ràng, chớ nên mê lầm.

Tôi cũng có 3 điều để diu dắt mọi người, xuất gia cũng như tại gia. Vì người tin được thì sẽ thực hành theo:

1. Ăn chay. Phải thiết thực. Vì mỗi ngày ăn thịt chúng sanh thì điều ác nào chẳng dám làm, việc thiện nào có thể sanh khởi được? Bởi vì loài vật bị giết bị nấu bị nướng thì con người mới có thịt ăn. Vả lại, đạo Phật lấy Từ Bi làm chánh, nhưng ăn thịt chúng sanh thì đâu còn Từ Bi nữa.

Ăn chay có những lợi ích gì:

- Không vướng mắc vào nhân quả của nghiệp giết hại. Nghiệp sát sanh ở thế gian rất nặng, vì chúng sanh bị bắt giết thì chúng ta mới có thịt ăn.

- Ăn chay vì tình thương không nở ăn thịt loài vật. Tình thương phát sanh thì mong muốn mọi loài đều được an vui, do đó làm các việc lành. Như thế, tâm từ đã sanh ra. Ví như mình thương người em, người cháu thì đâu muốn nó khổ, đã không muốn nó khổ thì không làm những việc bất thiện. Do vậy, tâm bi cũng sanh khởi mà làm các việc lành.

Tâm từ bi có được, cội gốc do ăn chay mà thành. Thuở nhỏ, những người bạn trong xóm sắm giàn thun để bắn chim, tôi cũng làm theo. Bạn bè sắm cần câu để câu cá, tôi cũng sắm cần câu đi câu theo. Từ lúc biết ăn chay, tôi thấy con gà, con chim, các con vật khác thì thương nó lắm. Nếu người ăn thịt thì tình thương không thể phát sanh. Ví như, chúng ta có con em, mỗi ngày mình ăn thịt nó mà cho rằng thương nó thì không được.

Tình thương phát sanh ảnh hưởng nơi “Từ” thì làm lành, nơi “Bi” thì không làm ác. Điều thiện lành thì tăng thêm, việc xấu ác ắt giảm dần và dứt sạch. Như vậy, chúng ta ăn chay tự nhiên làm được hai việc mà Đức Phật từng dạy: “Từ bỏ các việc ác, Luôn làm các việc lành”. Do đó, tâm từ bi là cội gốc để đi lên con đường Hiền Thánh.

2. Trong kinh *Lăng Nghiêm*, đoạn Đức Phật nói ba món tiếm thứ. Trước tiên, không được ăn ngũ tân (hành, hẹ, tỏi, ném, hung cừ). Vì tính chất của ngũ tân làm tăng tham dục và sân hận, ảnh hưởng của nó là quấy rối Ngạ quỷ, chư thiên cùng thiện thần đều tránh xa. Nó hay trợ giúp phát sanh nghiệp phiền não.

Cách đây ít hôm, có người xưng là Quý vương nói : “Tôi lên đây để đấu với Hòa thượng, nếu Hòa thượng thua thì tất cả binh tướng của tôi sẽ chiếm chỗ này”.

Sáng hôm đó, tôi đang ngồi uống thuốc Tam tài thấy có một người đàn ông và một người đàn bà. Người đàn ông thì

đứng chấp tay, còn người đàn bà thì uốn mình như con rắn (có thể thuộc loài Ma hầu la già) rồi quỳ xuống lạy, lạy xong rồi đi xuống. Tâm tôi cũng không để ý chỉ nhìn thấy vậy thôi. Sau đó, tôi nghe mấy thầy nói, họ lên chánh điện ngồi niệm Phật một ngày một đêm. Các thầy kể lại đã hỏi họ rằng: “Sao không thấy đấu với Hòa thượng mà quỳ lạy rồi đi xuống?”. Người kia nói: “Tôi nhìn thấy Hòa thượng sợ quá nên quỳ xuống lạy chứ không dám làm gì hết”. Các thầy hỏi, lúc đó sư ông có bắt ấn hay niệm chú gì không? Thật ra, tâm tôi không để ý tới.

Tôi nói việc này để các huynh đệ biết, mình sống ở đây các loài Ngạ quỷ hạng cao đầy dẫy. Cho nên Phật nói, nếu ăn ngũ tân sẽ ảnh hưởng đến các loài đó. Bây giờ, nhiều chùa ngập tràn mùi vị ngũ tân. Cho đến các chùa xung quanh, tỏi, hành (ba rô) treo đầy trong nhà bếp. Các huynh đệ muốn giữ điều này cũng khó lắm, vì mỗi ngày phải đi đám, người ta nấu thức ăn bỏ hành bỏ tỏi, nếu không dùng thì nhịn đói. Do vậy, tôi không đi dự các đám cúng. Từ trước đến giờ, tôi chưa bao giờ dùng năm thứ rau cay này. Có khi xuống chùa Huệ Nghiêm (Bình Chánh), tôi phải dặn không được bỏ ngũ tân vào thức ăn. Lúc đến các chùa, dùng cơm chay mà có mùi vị này thì tôi chỉ ăn chút cơm và bánh ngọt rồi về.

3. Từ trên nền tảng đó tu hành chánh niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Niệm Phật là trì niệm danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật. Niệm Pháp là tụng kinh. Niệm Tăng là niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí, Bồ tát Địa Tạng... Trong đó lấy niệm Phật làm chánh, mỗi ngày đều thực hành như thế thì chánh niệm dần dần tăng lên, thiện căn cũng từ đó thêm lớn, công đức và phước đức cũng từ đó tăng trưởng.

Trong sinh hoạt hàng ngày, có những điều giúp mình tăng phước và giảm phước mà chúng ta không để tâm lưu ý. Trong

Mười đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền, điều nguyện thứ năm là “tùy hỷ công đức” dễ thực hành lắm, lấy công đức của người làm công đức của mình. Đây là pháp tu thông thả nhẹ nhàng. Đối với các việc lành của người, chúng ta không vui mừng lại còn ngăn cản chê trách thì tổn phước. Còn tùy hỷ (vui mừng theo) thì phước đức tăng thêm. Chẳng hạn, có người xây một ngôi nhà lớn, khách bước vào khen ngợi khang trang mát mẻ thì người chủ liền vui. Một người khác lại cho rằng, nhà rộng quá dọn dẹp mệt thêm. Người chủ nghe được cũng hơi buồn. Như lúc xây chánh điện chùa Vạn Đức, có người khen ngợi cây Bồ đề cao đẹp quá. Nhưng có người lại nói nhìn lên cây Bồ đề quá cao thật mỗi cổ. Chỉ một việc nhỏ này, một bên tăng phước, một bên tổn phước. Các huynh đệ lưu ý để ứng dụng trong đời sống thường ngày, những điều tăng phước thì nên làm. Những điều tổn phước thì nên tránh. Mỗi ngày tích lũy một ít thì phước đức từ ít thành nhiều, từ nhỏ thành lớn.

Ngày tháng qua mau, các huynh đệ lấy ăn chay làm nền tảng, luôn lấy việc niệm Phật tụng kinh làm công đức xuất thế. Từ những điểm này gắng sức giữ gìn, rồi tu thêm các việc lành khác. Mong các huynh đệ ai nấy đều nhất tâm tinh tấn, vững bền ở trong giáo pháp của Phật. Phải khắc ghi hai chữ: “*Vững bền*” này.

15. NGÀY KHÁNH TUẾ 17/7 NHÂM THÌN (2012)

Trong những pháp môn Phật dạy, tôi cả đời chuyên tâm nơi pháp môn Trì danh niệm Phật. Pháp tu niệm Phật có nhiều, trì niệm danh hiệu Phật là một trong những pháp niệm Phật. Đây là pháp môn dễ tu, dễ thực hành nhất, dễ thành tựu. Về chỗ thành tựu cũng như chỗ đạt được rất rõ ràng từng bước, từng nấc tiến, có thể diễn nói, có thể khắc nghĩa. Do cái rõ ràng mà người được nghe, người được biết, nghe cũng dễ

mà biết đúng cũng dễ. Chỉ quan trọng là phải có lòng tin chân thật, chí nguyện vãng sanh chân thật và thực hành đúng pháp siêng năng. Được vậy, thì đã nắm vững ở pháp môn niệm Phật. Nếu lúc tu hành có sai cũng dễ nhận biết, làm đúng mình cũng tự biết, khi được mình cũng tự biết.

Tôi nói thật với các huynh đệ, những gì sau khi tôi đã hiểu đã biết, lúc thực hành như thế nào, trải qua mấy mươi năm, các huynh đệ đôi khi thắc mắc: không biết Hòa thượng tu như vậy thành tựu được gì không? Có được mà chỉ được bước đầu tiên thôi.

Các huynh đệ tụng kinh *A Di Đà*, Đức Phật có nói, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân được nghe Đức Phật *A Di Đà* rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày nhất tâm bất loạn thì người đó đến lúc lâm chung được Đức Phật *A Di Đà* cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt. Lúc ấy, do sức niệm của mình đã vững, lại có Phật và Thánh cùng đến tiếp đón nên tâm không điên đảo, được sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc.

Khi về cõi Cực Lạc lấy hoa sen làm bào thai mà sanh ra, thọ hưởng về chánh báo là thân thể, được thân kim cương bất hoại. Trong kinh nói, hoàn cảnh ở cõi đó rất rõ ràng, đất đai, nhà cửa, sự sinh hoạt đều rất trang nghiêm thanh tịnh, bảo đảm chắc chắn thành tựu quả vị Phật. Cho nên, vãng sanh Tịnh độ không phải chuyện tầm thường, phải được Đức Phật cùng Thánh chúng đến tiếp đón.

Vậy làm thế nào chúng ta được sanh về cõi Cực Lạc? Trong kinh *A Di Đà* nói: “*Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. “*Chẳng dùng chút ít*” nghĩa là phải nhiều, nhiều thiện căn phước đức nhân duyên mới được sanh về. Nhưng muốn được nhiều phải làm sao? Theo lời Phật dạy, rất dễ hiểu, dễ thực hành, dễ được

kết quả. Nghĩa là: Người nào nghe đến Đức Phật A Di Đà rồi *chấp trì danh hiệu*. “Nghe đến” nghĩa là chưa từng nghe biết cõi Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà, bây giờ mới được nghe biết danh hiệu của Ngài và cõi nước ấy.

Bốn tiếng “*Chấp trì danh hiệu*” thường thường không ai chú ý. Khó lắm! Lời trong kinh nói là lời Phật nói không phải chuyện thường, từ tiếng phải nắm cho rõ chứ không phải như phàm phu nói chuyện với nhau. Nếu không như vậy thì sẽ hiểu sai lệch, đã hiểu sai thì tu sai, tất nhiên không có chỗ thành tựu. Thế nào mới đúng ở nơi “*chấp trì danh hiệu*”? “*Chấp*” nghĩa là nắm, “*trì*” nghĩa là giữ, tức là trong tâm thường niệm Phật luôn luôn, chẳng phải như lúc mới tập niệm hoặc nửa tiếng hay một tiếng, hoặc một trăm câu nhưng lúc buông ra thì trong tâm không nhớ niệm Phật. Như vậy nghĩa của “*chấp trì*” là nắm luôn giữ kỹ, không lúc nào không có, lúc có lúc không thì chẳng phải.

Về sau các bậc cổ đức diễn tả bốn tiếng ấy như là:

1. Bất niệm tự niệm: mình không nghĩ niệm nhưng trong tâm vẫn luôn tự niệm Phật.

2. Niệm lực tương tục: niệm Phật có sức mạnh thường niệm luôn, không lúc nào hờ dứt.

Nếu người nào tự thực hành thì sẽ tự biết. Từ chỗ được “*chấp trì danh hiệu*” là đạt bước đầu tiên về đạo lực trong pháp môn Trì danh niệm Phật.

Tôi nói rõ cho các huynh đệ biết, điều này tôi cũng đã nói rồi. Từ trước đến giờ, tôi chuyên tu ở nơi pháp môn niệm Phật, là pháp tu mà Phật dạy từ phàm phu tiến lên bậc Thánh. Về chỗ thành tựu, tôi chỉ được bốn tiếng như trong kinh đã nói là “*chấp trì danh hiệu*”. Từ bước đầu tiên này mới được những bước sau như tiến lên tam muội (chánh định) chẳng hạn. Đến bây giờ, tôi cũng chỉ được tầng bậc này thôi, phần ít nhất của

pháp môn niệm Phật. Đời tôi năm nay đã 96 tuổi mà thọ dụng không hết. Thứ nhất: ngũ tạng, lục phủ trong thân không sanh bệnh. Có lần tôi vô bệnh viện để khám bệnh. Sau khi khám xong, bệnh viện làm giấy kết quả xét nghiệm về tim, gan, lá lách, phổi, thận, máu huyết... Họ tổng kết rằng: kiểm tra kỹ, tất cả đều bình thường. Kế nữa, có điều làm chứng cho mình biết, các vị đắc đạo lên bậc Thánh, cái ngủ không có, thùy miên tâm sở bị trí lực làm cho thể lực của nó yếu hẳn hoặc mất đi. Người bình thường, thùy miên tâm sở còn nguyên, hễ nằm nhắm mắt thì khởi lên ngủ mê, còn trần trọc không ngủ là bị bệnh mất ngủ. Còn người được đạo, thùy miên tâm sở yếu hoặc không còn. Vì sao? Vì có trí lực chế phục. Như lâu rồi cho đến bây giờ, mấy tháng nay tôi không ngủ. Mấy chú thị giả nói: “Con không ngủ một đêm thì ngày sau không làm gì được! Sư ông mấy tháng không ngủ tinh thần vẫn tỉnh sáng, còn phần chân mạnh hơn lúc trước kia”. Thỉnh thoảng tôi cũng ngủ nhưng ít lắm, đến đổi chỉ khi có chiêm bao mới biết mình ngủ.

Trên đường đạo, mình biết rất rõ ràng chứ không phải mù mờ. Mù mờ nguy hiểm lắm! Chính mình không rõ để nhận biết, rồi tự viết thành sách. Người đọc tưởng rằng đúng, chẳng dè chỉ là phạm phu tự ý nói ra. Tôi thường nói, phải y cứ trong kinh làm chánh, gọi là Thánh giáo lượng. Trong kinh không nói, dù người có nói hoặc viết sách truyền bá thì chưa chắc chắn. Vì phạm phu vẫn phải phạm phu, chẳng thể phạm phu muốn thành Thánh liền thành Thánh.

Hồi xưa, tôi chuyên nắm giữ nơi pháp môn niệm Phật là do có tâm ưa thích. Tâm ưa thích này, nghiệm lại là tập quán quen thuộc của mình nhiều đời nhiều kiếp chứ không phải mới đây. Kế đến, tôi nhận thấy pháp tu này chắc chắn, từ chỗ ứng dụng tu đến lúc được kết quả đều có mục thước rõ ràng. Chẳng hạn, lúc hạ thủ công phu trì danh niệm Phật, bắt đầu thực hành cũng rõ ràng từ việc nghe tiếng Nam mô A Di Đà

Phật, chỉ có sáu chữ, dễ nhận, dễ biết, dễ nhớ. Nhưng niệm phải đúng pháp là thế nào? Lúc niệm Phật thì có âm thanh của câu Phật hiệu, nhưng tâm phải nhận rõ được tiếng niệm, chớ đừng miệng niệm mà tâm lại nghĩ việc khác. Ví dụ: miệng niệm Phật, trong tâm lại suy nghĩ khâu chìa khóa để đâu rồi? Như vậy là tu trật, đúng hay sai liền biết.

Niệm Phật đúng pháp là “*tâm tiếng hiệp hẳn nhau*”. Tiếng ở đâu thì tâm ở đó, tâm ở đâu thì tiếng ở đó. Niệm thầm hay ra tiếng đều phải vậy. Thế nên, lúc ứng dụng tu đúng hay không đúng tự mình dễ dàng phân biệt. Muốn niệm đúng pháp cũng khó lắm! Tâm phải theo tiếng rất khó! Khó kèm, khó nhiếp cho đến phải dùng khâu chuỗi, nhờ lần chuỗi để trói buộc cái tâm loạn tưởng lại, chớ không phải lần chuỗi thiệt lệ hột này rồi đến hột khác.

Thuở trước, tôi tự tìm cách để niệm Phật. Lúc ngồi lại niệm Phật thầm, tôi định thời gian là một khâu chuỗi. Ban đầu niệm đủ ba câu Phật hiệu rồi lần một hột, nhưng ba câu Phật này phải chắc chắn, nếu nó xao lãng không rõ ràng thì bỏ, lại niệm ba câu khác. Sau đó, tiến lên năm câu lần một hột, rồi đến bảy câu lần một hột, sau rốt mười câu lần một hột. Nếu lúc niệm Phật mà có một chút xao lãng, tạp niệm xen vào thì mười câu đó bỏ, niệm mười câu khác. Nhiếp tâm không dễ dàng, phải chuyên cần tinh tấn, nắm cho thật vững chắc. Nếu tu hành lơ là để phí thời gian thì thật vô ích. Minh tu đúng thì chính mình được thành tựu, do đó phải cố gắng.

Lúc được “*Bất niệm tự niệm*” trong tâm biết rất rõ ràng như từ chỗ điểm A bước đến điểm B, được rồi thì nhất định không bao giờ mất, chắc thật không phải mờ mịt. Đến bây giờ, tôi chỉ được chỗ này thôi. Các huynh đệ đừng nghĩ rằng, các vị Thánh xuôi chân nằm ngủ ngáy khò khò như mình đâu, nghĩ vậy là sai. Tôi được một chút đó mà cái ngủ đã tự nhiên mất, nếu có thì chỉ thỉnh thoảng.

Các pháp môn khác cũng vậy, lúc còn phàm phu thì chưa có đạo lực, ở pháp Phật được chút gì thì gọi là đạo lực. Đã có sức mạnh trên đường đạo ắt phải khác hẳn lúc chưa có.

Tôi từng diễn đạt phương pháp niệm Phật qua bài kệ:

Nam Mô A Di Đà

Không gấp cũng không hoãn

Tâm tiếng hiệp khẩn nhau

Thường niệm cho rành rõ.

“Rành” là câu tiếng rành rẽ. “Rõ” là phải rõ ràng. Lúc niệm Phật đừng ham nhiều rồi niệm phớt phớt, không cần nhiều nhưng phải thật rành rẽ. Khi công phu nắm thiết vững chỗ này. Ké đến là “*tâm tiếng hiệp khẩn nhau*”, tuy khó nhưng luôn luôn cố gắng, đừng để lúc niệm Phật tiếng một nơi, tâm một ngã. Đó là tu không đúng rồi, mà không đúng thì không thể được. Ví như anh thợ mộc muốn làm cái bàn, anh phải làm đúng phương pháp thì mới thành ra cái bàn. Do vậy, việc quan trọng trước nhất là phải **tu đúng pháp**. Trì danh niệm Phật mà tâm tiếng hiệp khẩn nhau gọi là tu đúng pháp, còn sai trật thì không được gì.

Muốn được như vậy, tôi đã dùng chuỗi để hạn định thời gian, lúc đến chỗ mười câu mới lần một hột phải mất mấy tiếng đồng hồ mới rồi một xâu chuỗi. Mỗi thời niệm Phật như vậy, ngồi khoanh chân niệm thầm phải mất hai tiếng đồng hồ. Tu hành phải chịu khó, phải bền bỉ thì mới có chỗ được. Lúc tôi niệm thầm mười tiếng lần một hột chuỗi, trong mười tiếng đó tới câu số tám hoặc số chín mà xao lãng thì bỏ không lần qua, bắt đầu từ một trở lại. Thế nhưng lúc thành tựu được chút gì trên đường đạo (đạo lực), trong tâm an lạc khỏe lắm!

Tôi từng nghĩ, bản thân mình có làm cái gì, được cái gì, có làm có được, phải đến chỗ được cho thật vững vàng rồi mới

đem cái mình đã từng làm, từng tu khuyên nhắc truyền dạy người khác. Nguy hiểm nhất là phạm phụ tự ý nghĩ ra rồi viết thành sách, làm làm người khác. Thế nên, đệ tử Phật phải lấy Thánh giáo lượng (lời Phật dạy trong kinh điển) làm mực thước để đo. Nếu đúng theo kinh thì chắc chắn tin theo, so lại mà chưa đúng thì cần kiểm tra suy xét cho kỹ. Nếu chưa được đạo đều gọi là phạm phụ, tự ý nói thì không bảo đảm.

Mấy huynh đệ phải nhớ đừng nên bỏ phí thời gian. Về Thiền Tông, tôi cũng đọc nhiều bộ sách lớn như Thiền Học Tập Thành, Thiền Học Đại Thành. Nhiều người đọc đến đoạn ngài Triệu Châu khi có người đến tham học, Ngài không chỉ dạy điều gì, chỉ kêu nói “Uống trà đi”! Người học lễ bái rồi lui ra. Đó là câu khai thị, nhưng người thường khó nhận khó hiểu, lại tưởng làm rằng đã đắc Thiền thì chỉ uống trà thôi!

Riêng về pháp môn niệm Phật là pháp dễ tu, có mực thước rõ ràng mà hành giả đều có thể nắm vững để thực hành. Một phương pháp lúc tu hành có từng bước thật rõ, tu đúng hay không đúng dễ nhận biết. Tôi xem nhiều kinh sách nhận thấy pháp môn niệm Phật dễ nắm vững, thực hành cũng dễ, khi chưa được cũng biết chưa được, khi được thì cũng biết đã được, thật rõ ràng!

Thời gian gần đây, tôi không thể lạy Phật nên mong các huynh đệ đừng lễ lạy tôi, chỉ xá là được rồi! Mong tất cả đều tinh tấn tu hành.

16. NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN DỊCH KINH

Tôi có quan niệm, dịch không phải để cho mình đọc mà để cho mọi người đọc. Vì vậy nên khi dịch, tránh dùng văn tự cầu kỳ, bóng bẩy làm người đọc tụng khó hiểu. Tôi thường chọn bản văn chữ Hán của ngài Cư Ma La Thập để dịch vì văn nghĩa rất phổ thông, mạch lạc, dễ hiểu. Riêng những bản văn của ngài Huyền Trang vì dùng nhiều từ ngữ triết lý sâu xa

rất khó đoán định, phải nghiệm lắm mới thông suốt. Cho nên theo tôi, những văn bản của ngài Huyền Trang dùng để nghiên cứu, học tập hay hơn là để đọc tụng. Tôi nghĩ rằng pháp của Phật sâu xa, mầu nhiệm, vốn đã khó rồi mà chúng ta còn dùng văn tự khó hiểu nữa thì làm sao người đọc lãnh hội được. Điều đáng lưu ý nữa là trong khi ngồi dịch, tâm mình phải theo âm vận, làm thế nào để đọc cho suôn sẻ và nghe cho vui tai, nếu âm vận nghe trắc quá sẽ gây cho người đọc cảm giác khó chịu, mệt mỏi.

Trước đây, Giáo hội Tăng già Nam Việt có yêu cầu tôi dịch bộ Phạm Võng cho những người thọ giới Bồ tát Bồ Tát. Sau đó, cũng có vài vị Tôn đức cũng dịch, nhưng có lẽ vì không để ý đến âm vận nên nhiều người đã nhận xét: “Nếu dùng để đọc tụng rất khó vì câu văn nghe trắc quá”. Cho nên, ở đây tôi phải nói thẳng: “Phật pháp bất vị nhơn tình”, nếu theo nhơn tình thì sẽ hư việc. Ví như giới luật nhà Phật, nếu chịu theo nhơn tình thì đâu còn giới luật. Tuy rằng Phật pháp vốn không rời nhơn tình, đúng việc cũng phải tùy thuận nhơn tình. Thường thì trước khi dịch kinh, tôi chọn thời điểm thích hợp, tránh các chuyện chung quanh. Thí dụ như ngày nào không có Phật sự, giao tiếp thì phải bắt đầu từ 07 giờ 30 sáng tôi lên phòng riêng ngồi làm việc tới 12 giờ trưa mới xuống dùng cơm. Buổi chiều từ 14 giờ tới 18 giờ. Trước khi viết, tâm mình phải thật vắng lặng, phải quán xuyên trước sau, thông suốt ý nghĩa. Tôi khởi sự dịch kinh năm 30 tuổi (1947). Bộ kinh *Pháp Hoa* được khởi dịch đầu tiên tại chùa Kim Huê (thị trấn Sa Đéc) Đồng Tháp, ngay nơi sanh quán của tôi. Sau đó, tôi dịch tiếp các bộ kinh *Tam Bảo*, *Địa Tạng*, *Phẩm Phổ Hiền*, *Hoa Nghiêm*, *Niết bàn*, *Đại Bát Nhã*, *Phạm Võng*, *Đại Bửu Tích*...

Tôi cũng có dịch cuốn *Ngộ Tánh Luận* của Tổ Bồ Đề Đạt Ma, đây là một trong mấy quyển của Ngài được ghi trong Tục Tạng để cho mọi người biết rằng, Tổ cũng để lại kinh sách chớ không phải chỉ có ngồi nhìn vách (cửu niên diện bích). Nên

khi dịch quyển này, tôi có cảm nhận như được sự trợ lực của oai thần Tam Bảo và sự hộ niệm của chư vị Tổ sư. Nên khi dịch và phân 32 đoạn xong, tôi sửng sốt vì con số 32 đoạn này ngẫu nhiên trùng hợp với con số 32 chương trong quyển kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba la mật* mà Chiêu Minh Thái Tử đời nhà Lương đã phân định từ ngàn xưa.

Đối với người thọ trì đọc tụng, nên biết rằng, kinh Phật là Pháp vương, phải hết sức trân trọng. Ngày xưa, tiền thân Đức Phật muốn tu hành phải xả thân cầu đạo. Ngày nay, mọi việc tu hành được thuận lợi hơn nhiều vì có kinh sách chỉ đường mà chúng ta thờ ơ ỷ lại là điều đáng trách. Nếu người nào còn thích đọc tụng kinh chữ Hán hoặc chữ Pali thì phải học để thông hiểu được ý nghĩa lời Phật dạy hầu ứng dụng tu hành. Nếu không học được thì nên đọc tụng bằng những bản kinh đã dịch ra Việt ngữ sẽ có lợi ích hơn.

Chúng ta ngày nay không gặp Phật ra đời, nhưng gặp được các vị Bồ tát cũng quý rồi, cộng thêm có kinh sách chỉ đường dẫn lối. Như vậy, muốn no thì phải ăn, muốn giải nghiệp thì phải thật sự tu hành, đừng chấp lỗi người khác. Phải tự soi xét lại mình, coi căn lành có lớn chưa, nguyện lực có tha thiết chưa, tu hành có được chánh định chưa. Tu hành quan trọng là ở chỗ không dính mắc, có như vậy mới mong thoát khỏi trần lao nghiệp chướng đã nhiều đời, nhiều kiếp.

Nhân ngày sanh nhật 02 tháng 09 Mậu Thìn (1988), tôi có cảm tác một bài thơ như sau:

“Tuổi ngoài bảy chục gẫm hơn sanh

Nhơn sanh vô nghĩa mãi trôi quanh

Ăn uống, uống ăn, lo đại tiểu

Việc làm, làm việc, nhọc bại thành

Sống đeo danh lợi phiền đắc thất

*Chết để thịt xương ngàn hôi tanh
 Ân cần nhắn gửi chư thân hữu
 Đạp phá cửa trần gấp chuyển nhanh”.*

17. DẶN DÒ ĐẠI CHÚNG

Sống trong cuộc đời, muốn được thông thả rảnh rang thì đừng dính đến quyền lợi. Làm việc hễ thuận duyên thì làm, không thuận thì phải khéo léo nhẫn chịu để vượt qua.

Không phải hàng xuất gia không bị dính mắc vào quyền lợi. Huống nữa, chính quyền lợi đó sẽ đem đến những tai họa cho thân mình. Mấy huynh đệ tuổi còn trẻ, đường còn dài, phải lưu ý lắm mới được.

Nói đến đây, tôi nhớ lúc còn học tại chùa Báo Quốc ở Huế, nhân đọc Đại tạng đến quyển Trúc Song Tùy Bút của Đại sư Liên Trì, phần nói về “Con nhện con tằm”. Trong ấy nói hai con vật này đều nhả tơ, giăng lưới. Nhưng một con phải chết vì sự nhả tơ đó, còn một con thì lợi dụng sự nhả tơ để bắt mồi. Con tằm nhả tơ rồi bị đem đi luộc, còn con nhện cũng nhả tơ nhưng lại tự tại qua lại trên những sợi tơ đó, không bị vướng kẹt.

Đại sư Liên Trì đưa ví dụ này nhằm để khuyên nhắc tất cả mọi người. Vì ai nấy đều có sự nghiệp. Người đời cũng có sự nghiệp, mà người xuất gia cũng có sự nghiệp; chỉ là lớn hay nhỏ mà thôi. Tuy vậy, mình nhớ tạo sự nghiệp phải được như con nhện, đừng như con tằm nhả tơ rồi phải chết trong kén.

Tôi nhận thấy bài đó hay, lấy làm thích thú, luôn nhớ và đem ứng dụng tu hành. Nghĩ lại, từ năm 1946 tôi lập Liên Hải Phật Học Đường, các Phật Học Viện, thành lập chùa, ra làm việc cho Giáo hội như: Trưởng ban Giáo dục, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự, rồi Viện trưởng Phật học viện Huệ Nghiêm... nhưng làm việc mà không bị ràng buộc.

Lúc giữ chức Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự, đã 4 tháng mà tôi vẫn chưa mở văn phòng. Mấy thầy thầy vậy thắc mắc hỏi thăm, riêng tôi lại nghĩ hễ lập thì bị kẹt phải vào ở đó. Về sau, tôi đích thân xuống thỉnh HT. Từ Nhơn giữ chức Phó Tổng vụ Tăng sự và đặt sẵn văn phòng tại chùa Ấn Quang. Thế là tôi mở văn phòng từ đó, nhưng chỉ đứng ở ngoài để lo tinh thần mà giảng kinh cho mấy huynh đệ học.

Tôi không phải mong cầu những cái lợi như người đời thường nghĩ, chỉ luôn luôn cầu công đức. Cái lợi của người tu chính là thiện căn công đức, đâu phải là tiền bạc vật chất. Mấy huynh đệ phải nhớ mình ở chỗ nào nơi nào cũng phải gây tạo thiện căn công đức, đừng chạy theo những vật chất bên ngoài.

Lúc giữ chức Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự tất cả là 10 năm. Trong thời gian đó hễ thầy nào muốn du học qua Hồng Kông..., hễ đến tôi thì tôi ký giấy tờ. Mà phải trực tiếp đến mới được, nếu qua trung gian thì người khác sẽ nghĩ mình làm việc có điều không tốt, chẳng hạn như vì tiền. Tôi chỉ nghĩ, phải trợ giúp cho mấy thầy được thuận duyên tu học, làm được việc này cũng chính là vun bồi căn lành công đức cho mình, không bao giờ dính đến tiền bạc.

Điều thứ hai: tôi luôn làm theo khẩu hiệu ngầm của riêng mình: Những việc đúng pháp, về mặt tinh thần hoặc vật chất thì “*không cầu cũng không từ*”. Đây là khẩu hiệu để tôi lập thân, nghĩa là “không tìm cầu cũng không từ chối”. Chẳng hạn, nếu có duyên cất chùa, mà cái duyên đó nó tự đến, nhận thấy đáng thì không từ chối. Cho đến tứ sự cúng dường cũng vậy, những vật gì không dùng, nhưng cũng không từ chối. Mình không sử dụng thì chuyển đến người khác, cho đại chúng dùng. Lúc trùng tu chùa Vạn Đức cũng vậy, tôi không cho đi quyên góp, ai hay biết thì đến cúng dường, còn “*tìm cầu*” thì nhất định không.

Ngoài ra, nếu làm việc gì, dù có cái lợi lớn trước mắt nhưng khi làm có cái hại xen vô trong hiện tại hoặc tương lai thì tôi quyết không làm, không tham dự. Ví dụ như: danh vị, tiền bạc, lời khen tặng... Nếu được lợi thì phải xem có cái hại hay không, nếu có phải tránh xa, thấy hại mà vẫn chạy vô thì bị nghiệp dẫn.

Tôi thấy việc tu hành đã trải qua mấy mươi năm, nhờ ứng dụng hai điều trên nên không bị tổn thất chịu cái hại lớn, mà lại thấy việc nhẹ nhàng thanh thoi. Tuy vẫn có sự lo lắng cực nhọc, nhưng ít thôi, còn kết quả cũng khá nhiều.

Ở đây tôi đã nói tận đáy lòng, mấy huynh đệ thấy đúng lý thì nên bắt chước làm theo, để sự tu hành không bị vướng kẹt, thiện căn công đức luôn được tăng trưởng. Đó là điều tôi luôn mong muốn ở nơi tất cả mấy huynh đệ!

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT ĐƠN GIẢN, DỄ THỰC HÀNH

Thuở nhỏ ở nhà khoảng 14 tuổi, tôi đã tự mình niệm Phật. Nhân đọc được quyển Tây Phương Trục Chi, thấy có nói hễ niệm Phật 300 ngàn câu thì được vãng sanh Cực Lạc. Tôi tin làm theo. Tôi lấy quyển sách quảng cáo thuốc của ông anh (anh tôi làm chủ tiệm thuốc Bắc), đem về đặt trên gối ở đầu giường, cứ mở sách ra rồi niệm Phật. Niệm được 100 câu Phật thì lật 1 tờ. Mọi người trong nhà tưởng tôi đọc truyện, bởi người ta có in kèm truyện trong sách. Tôi niệm Phật lén như vậy, không ai hay biết. Nhưng vô chùa không được, vì thời gian đó chùa lúc nào cũng tối om, tượng thì ông nào cũng đội khăn đỏ trên đầu, chỉ có một đóm sáng nơi lỗ mũi mà thôi. Ngoài đường thì có một ông thầy đi trước, thằng nhỏ theo sau, đầu đội cái thúng, trong đó để chuông mõ, tượng Phật và giấy tiền vàng mã để đốt. Tôi chỉ nghĩ tu hành gì kỳ lạ vậy?

Cho đến năm 21 tuổi, tôi bỏ nhà lên núi Cẩm, xuất gia tu học tại chùa Vạn Linh. Trong vòng 2 tháng, tôi thuộc lòng mấy thời công phu trong chùa. Tôi vì không có áo dài mặc lễ Phật, sau có một Phật tử phát tâm cúng 4 thước vải nâu, nhưng họ yêu cầu tôi tụng 60 biến kinh *Phổ Môn*. Mấy huynh đệ thấy tôi không có áo dài mặc nên bảo tôi tụng. Do đó mà tôi thuộc lòng phẩm *Phổ Môn* đầu tiên.

Xét lại từ trước đến giờ, tôi luôn lấy pháp môn niệm Phật trọn đời tu hành và hướng dẫn mấy huynh đệ.

Pháp môn trì danh niệm Phật đơn giản lắm! Trước hết luôn luôn phải có lòng tin. Tin ở nơi lời giới thiệu của Đức Phật Thích Ca về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là chân thật. Tin vào y báo, chánh báo của cõi nước ấy, vì đó là chỗ mà tất cả chúng sanh và các bậc thánh đều phải nên về. Có thể đưa mình đến quả vị Bồ tát, thành Phật, không bị ngưng trệ hoặc thối lui.

Tiếp theo là tin ở nơi pháp tu mà Đức Phật Thích Ca đã dạy, niệm Phật nhất định vãng sanh Cực Lạc không nghi ngờ.

Đã sanh lòng tin thì phải ưa muốn được về Cực Lạc. Đó gọi là phát nguyện, là mục đích của sự tu hành. Chỉ luôn mong muốn được về Tịnh độ, để chấm dứt sanh tử luân hồi, thành Phật độ chúng sanh. Cho nên sau mỗi thời niệm Phật đều phải tha thiết phát nguyện, cho đến làm mọi việc lành cũng hồi hướng về Cực Lạc.

Tín – Nguyện đã có, kế đến là Hạnh. Là sự thực hành, cũng như người muốn tới nơi nào thì nhất định phải cất bước đi. Có nhiều cách, song phương pháp trì danh là đơn giản nhất. Bởi theo danh tự mà niệm thì dễ, còn quán tưởng thì trí lực của người rất khó đến. Trong khi trì danh thì mi căn cơ, mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể thực hành.

Quý huynh đệ thấy, nếu quán về 32 tướng tốt của Phật, ngay như tướng lông trắng giữa chạn mày của Đức Phật A Di

Đà thôi cũng đã lớn bằng năm hòn núi Tu Di, như vậy thì làm sao nghĩ tới? Ở đây, ánh sáng lại tỏa ra khắp mười phương. Còn cặp mắt của Ngài thì bằng 4 đại hải (đại hải đó không phải như biển ở đây, biển ở đây so ra chỉ là một cái cù lao mà thôi) vậy thì quán tưởng sao nổi?

Vả lại, tướng lông trắng của bất kỳ vị Phật nào cũng đều đung tới gót. Theo kinh, bề cao của thân Phật A Di Đà là 60 muôn ức Na do tha số cát sông Hằng. Thủ nghĩ sông Hằng có bao nhiêu hột cát, bao nhiêu do tuần. Do đó tướng lông trắng của Phật A Di Đà xoắn tròn lại thì lớn bằng năm hòn núi Tu Di.

Đó không phải là cách nói tượng trưng đâu, mà Phật Thích Ca nói đúng thật như vậy. Nếu chỉ quán tưởng thân Ngài cao như tượng mình thờ thì không chính xác. Còn nếu quán Thật tướng Chân Như lại càng khó hơn nữa. Dù cũng có người làm được, nhưng chỉ là bậc Hiền Thánh hiện thân. Do vậy, trì danh được xem là dễ thực hành nhất, mọi căn cơ đều ứng dụng được. Mình đang đi bộ hay đi trên xe niệm Phật cũng được. Mình đang đứng ngắm cảnh cũng niệm được. Mình đang ngồi làm việc cũng niệm được. Và khi mỗi một quá nằm niệm cũng được. Chỉ trừ lúc nói chuyện là không niệm được thôi! Ở chỗ sạch sẽ trang nghiêm thì niệm thầm hoặc ra tiếng đều được, riêng những chỗ không sạch sẽ hoặc khi nằm ngủ thì chỉ nên niệm thầm, nếu niệm ra tiếng thì thiếu sự tôn kính.

Khi niệm Phật thì tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau, đây là điều cốt yếu. Nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải ở trong tâm, đừng để nó xao lãng theo một tiếng gì khác, hễ nó rời ra thì phải kéo nó trở lại. Nói cho dễ hiểu hơn, miệng niệm Phật rành rẽ rõ ràng, tai nghe lấy tiếng niệm Phật của chính mình cho rành rẽ rõ ràng. Cần phải chuyên cần, phải đều đặn, phải tinh tấn. Khi đã đắc lực thì tự nhiên trong tâm mình tự nổi lên tiếng niệm Phật mà mình không cần đề khởi, không

cần nghĩ đến mà nó vẫn tự niệm. Lúc đầu thì lúc được lúc mất. Nhưng càng cố gắng thì được nhiều mất ít, cho đến khi không còn gián đoạn nữa thì gọi là niệm lực tương tục. Và như vậy mới đúng nghĩa “chấp trì danh hiệu”. Đó là nhân của Niệm Phật Tam Muội. Được vậy thì sự vãng sanh mới đảm bảo.

Gần đây, có nhiều vị lên thuyết giảng cho rằng: kinh *A Di Đà* không phải của Phật nói, mà người sau tự đặt ra. Tôi khẳng định: nói sai lời Phật là ma nói. Máy huynh đệ có trách nhiệm phải dẫn dắt mọi người đi đúng hướng, đúng đường lối như Phật đã dạy, không nên tự theo ý riêng của mình.

Người niệm Phật hiện tại tâm chuyên chú theo nơi danh hiệu Phật, thì không nghĩ nhớ về quá khứ, không nghĩ nhớ về tương lai, an trụ nơi một câu A Di Đà Phật. Như vậy là đang tập định, tâm sẽ bớt dần phiền não vọng tưởng, ngoại cảnh không chi phối được. Tức là không khác với pháp tu Thiền. Chỉ có khác ở chỗ, người tu niệm Phật đã hết sức tinh tấn tu hành, nhưng cái chết chợt đến thì nương vào sức tín nguyện hạnh lúc bình thường huân tập và sức mạnh đại nguyện tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà vãng sanh Cực Lạc. Hễ một khi vãng sanh thì chấm dứt sanh tử luân hồi, tiến thẳng đến quả vị Phật.

Khi tôi dịch các kinh điển đại thừa nhận thấy đều có nói đến cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Như trong kinh *Hoa Nghiêm*, ngay cả các vị đại Bồ tát còn phát nguyện vãng sanh Tịnh độ. Bởi vì cảnh duyên ở cõi đó đâu có nơi nào sánh bằng. Vậy nên tôi khuyên tất cả các huynh đệ ai nấy cũng đều chuyên tâm niệm Phật, tinh tấn tu hành.

NIỆM PHẬT LÀ CON ĐƯỜNG THOÁT KHỔ

Vừa rồi, Hoàng Tri có ra thưa với tôi việc tổ chức lễ tang cho Hòa thượng Thiện Phát vừa viên tịch. Thế nên tôi có mấy lời nhắc nhở tất cả huynh đệ.

Nghiệp lực của chúng sanh khó nói được lắm. Mọi người sanh ra trong cõi này đều có vô số nghiệp lực đeo theo, do mình đã tạo ra từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ tích tụ lại và nó sẽ tùy duyên mà phát ra quả báo. Cõi này là cõi khổ, nên dĩ nhiên phần nhiều đều là quả khổ, do chúng ta gây nhân tội lỗi mà sanh ra. Trong kinh *Phổ Hiền* nói: “Nếu ác nghiệp chúng sanh đã tạo mà có hình tướng thì khắp cõi hư không chẳng thể đựng chứa hết được”. Những nghiệp ác này chỉ có tu hành theo pháp Phật mới có thể giảm thiểu dần dần và chỉ khi nào dứt hẳn không còn mảy tơ thì chủng tử ác mới thật sự được dứt sạch. Người thời nay tu hành cho sạch nghiệp được giải thoát thật là khó. Do vậy, Đức Phật đã vì lòng từ bi mà nói ra pháp môn Niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc, đối nghiệp vãng sanh. Nghĩa là mang cả khối nghiệp mà hư không chẳng thể đựng chứa hết được này, sanh về cõi nước của Phật A Di Đà thì an toàn bảo đảm không phát ra quả báo khổ để phải chịu. Vì cõi ấy không có duyên phát khởi nên những chủng tử xấu không kết thành quả báo xấu. Rồi do công năng tu hành mà những nghiệp dư ấy dần dần tiêu trừ, cho đến không còn nữa. Còn ở cõi này, ngay như thân cuối cùng để thành Phật của Đức Thích Ca cũng còn phải chịu những dư báo xấu sót lại, như bị kim đâm, ăn lúa ngựa..., huống là những bậc thấp hơn, nói gì đến chúng ta là hàng phàm phu nghiệp lực đầy đầy.

Người đời nay trong khi tu hành rất dễ sa vào nghiệp tăng thượng mạn, xem kinh thấy có chút gì hiểu biết rồi cứ tưởng mình là đã được, mình là người cứu độ chúng sanh. Như đọc trong kinh *Kim Cang* có câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, rồi nghĩ tới ngẫm lui rất là đắc ý, tưởng rằng mình đã được đến chỗ như trong kinh nói. Nhưng không ngờ được vậy, không những là Bồ tát mà phải là bậc Đại Bồ tát. Còn chúng ta là phàm phu ăn dơ, lúc tiêu hóa phải thải ra cặn bã mà chính mình còn không chịu nổi.

Trong kinh *Duy Ma Cật* nói, khi ngài Duy Ma đi xin cơm ở nước Chúng Hương của Phật Hương Tích để cúng dường chúng hội, mọi người ăn vào đều được nhẹ nhàng sáng khoái. Ngài Xá Lợi Phất có bạch Phật, cơm ấy chừng nào mới tiêu? Đức Phật dạy: Nếu người ăn vào mà được tăng thượng quả chúng, từ quả vị này bước qua quả vị khác thì cơm ấy sẽ tiêu. Còn như bình thường thì thể lực của nó được trong bảy ngày, nghĩa là trong bảy ngày người ấy không thấy đói mà vẫn nhẹ nhàng sáng khoái. Và khi tiêu hủy hết sẽ tan thành hơi thơm mà ra ngoài, không có cặn bã. Cũng vậy, ở cõi nước Cực Lạc, tưởng ăn thì thức ăn hiện ra rồi mình tưởng như đã ăn, chớ thật ra không có ăn nhưng vẫn cảm thấy no đủ nhẹ nhàng. Trong kinh *A Di Đà* đã diễn tả ở Cực Lạc ngày đêm sáu thời rưới hoa trời Mạn Đà La. Hoa ấy sẽ tự tan biến rồi rưới hoa mới, không còn cặn bã. Nếu không như vậy thì hoa mới chồng lên hoa cũ mỗi ngày một cao lên không biết đến đâu. Đó chính là quả báo thù thắng. Chúng sanh ở cõi ta bà nghiệp lực sâu dày, thứ gì cũng có cặn bã. Nói như thế để chúng ta luôn nhớ mình là phàm phu sanh tử, là chúng sanh nghiệp lực đầy đầy. Nhiều khi mình quên mình cũng là chúng sanh, cứ nghĩ mình là bậc này bậc nọ đang cứu độ chúng sanh thì thật là sai lầm. Vì thế tôi mỗi khi tụng kinh niệm Phật đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh và nghĩ mình cũng là người được hồi hướng, chớ không nghĩ mình là người đang hồi hướng.

Qua việc này, tôi khuyên nhắc các huynh đệ cố gắng tu hành, bớt việc ngoài, dành nhiều thời gian để tụng kinh niệm Phật, phải chí thành tha thiết thì nghiệp lực nhiều đời mới nhẹ bớt và chỉ có sanh về Cực Lạc mới có thể mang được dư nghiệp mà tiến tu đến ngày thành Phật.

HÓA GIẢI NGHIỆP ĐỜI TRƯỚC

Con người khi sanh ra trên cõi đời này đã mang theo nghiệp nhân của đời trước, lúc lớn lên lại gây tạo thêm nghiệp

mới. Nghiệp nhân cũ cộng với nghiệp nhân mới nên nó chi phối cuộc đời còn lại (cận tử nghiệp) của mỗi người.

Nếu mang bệnh mà do nghiệp nhân mới sanh ra thì dùng thuốc điều trị sẽ hết. Còn bệnh mà do nghiệp nhân cũ sanh thì điều trị khó lành. Chỉ nhờ nơi Pháp của Phật mới hóa giải được. Chính yếu ở chỗ tu tập chánh niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên). Niệm Phật thì có chư Phật mười phương, trong đó có Đức Phật A Di Đà với 48 đại nguyện tiếp độ chúng sanh. Niệm Pháp thì tụng kinh là phổ thông hơn hết, ngoài ra còn có thể trì chú hoặc tham thiền... Niệm Tăng thì niệm danh hiệu chư Bồ tát và công hạnh của các Ngài. Niệm Thí là pháp đứng đầu trong Lục độ, có bố thí mới trừ tham lam, bỏn xẻn, và làm duyên độ sanh dễ nhất. Niệm Giới là nhớ nghĩ và giữ gìn các giới luật mình đã thọ. Trong giới có ba tụ: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới. Nhiếp luật nghi thì dễ nhận diện, nhưng Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình thì phải phân biệt cho rõ ràng, bởi vì lợi mình lợi người mới gọi là thiện, mà lợi người thì là lợi ích chúng sanh. Phần đông ở đây chưa ai đạt đến Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình mà chỉ ở Nhiếp luật nghi mà thôi. Chỉ khi nào đạt được tam luân không tịch mới gọi là Nhiếp thiện pháp giới. Nghĩa là không thấy người giữ giới, không thấy giới để giữ, không thấy quả báo của việc giữ giới. Niệm Thiên là luôn nhớ mười nghiệp lành (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời ác, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời thêu dệt, không tham, không sân, không si). Có nghĩ nhớ thì mới thực hành.

Nếu có được chánh niệm như thế, thì những bệnh do nghiệp nhân đời trước gây ra có thể được tiêu trừ hoặc giảm bớt. Nhớ lại lúc mới đến chùa Vạn Linh (núi Cẩm) xin xuất gia, Hòa thượng khai sơn đã nói nghiệp nhân đời trước của tôi đã từng tu

làm Hòa thượng vì mắt hay nhìn con gái nên đời nay bị bệnh suốt đời. Xét lại không sai, tôi bị đau mắt từ lâu và rất nặng, chữa trị nhiều nơi cũng không khỏi. Đến năm 1988, gần như hết thấy được. Biết đây là do nghiệp nhân đời trước của mình gây nên, do vậy mà lúc nào nhất cử nhất động đều giữ gìn chánh niệm, luôn luôn niệm Phật, lúc rảnh thì tụng kinh. Cơ bản thường tụng kinh *A Di Đà*, kinh *Kim Cang*, kinh *Phổ Hiền Hạnh Nguyên* và phẩm *Phương tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, mỗi ngày ít nhất là một biến các kinh trên, không dám bỏ sót. Nhờ đó mà tập quen thành tánh nên khởi niệm rất dễ, chỉ khi nào tiếp khách nói chuyện là không niệm được thôi. Do sự hành trì như thế, nên năm 2001 sau cuộc giải phẫu, mắt tôi đã sáng và thậm chí tốt hơn người bình thường ở tuổi đó. Cho đến nay (90 tuổi), tôi vẫn giữ vững thời khóa tu niệm không bỏ.

Nhân sự việc thầy Hoằng Nhuận qua đời vì bệnh xuất huyết não, tôi nhắc nhở mấy huynh đệ: luôn nhớ vô thường mau chóng, tinh tấn tu hành, mỗi người phải tự lo cho mình đừng để quả báo đến rồi đành chịu, theo nghiệp mà trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi.

GẮNG SỨC TU HÀNH

Ba tạng, mười hai bộ kinh không ngoài Giới – Định – Huệ; tất cả các sách Tịnh độ đều chỉ rõ Tín, Nguyện, Hạnh. Năm Ất Mùi 1955, tôi có soạn bài kệ niệm Phật cho chư Liên hữu, đến nay đã trải qua hơn 40 năm. Từ trên đọc xuống, trong bốn câu đầu quan trọng ở chỗ: “Tâm tiếng hiệp khẩn nhau”. Nghĩa là lúc niệm Phật tâm phải trụ nơi tiếng, tiếng phải nằm trong tâm. Công phu luyện tập để được như câu trên không phải là việc dễ dàng, cố gắng lắm mới được. Ngồi lại niệm Phật thì vọng tưởng lăng xăng, suy nghĩ miên man, hết nghĩ đông rồi nghĩ tây. Nhưng mấy huynh đệ đừng thấy vậy rồi lo sợ, đừng nghĩ rằng mình tu không thấy tiến bộ. Vọng

tưởng có khởi, lúc niệm Phật biết rõ ràng, một lòng nghe lấy tiếng mình niệm thì nó tự tiêu không cần phải đè ép. Bởi vì bản chất của vọng tưởng là hư dối không thật có, khởi lên rồi tự mất, cho nên mình chỉ cần nắm chặt nghe lấy danh hiệu Phật, lâu dần thuần thục, nhờ sức tu niệm mạnh mẽ, vọng tưởng sẽ bớt dần đi. Ngay nơi điểm đầu tiên này, phải thiết thực hành trì cho được, đừng có lo nhất tâm hay không nhất tâm. Nhân chắc chắn thì quả sẽ không sai, cho đến tụng kinh trì chú v.v.. cốt yếu vẫn như vậy.

Người tu niệm Phật khi đã định thời khóa thì phải giữ cho vững. Nếu có việc mà bỏ, trong lòng phải cảm thấy ray rứt rồi tiếp tục đi niệm Phật, có thể dần dần mới tiến được. Còn dễ dàng bỏ trôi, chính là buông trôi chính mình.

Thời gian qua mau lắm, nên tận dụng tu hành. Ngoài thời khóa quy định ra, hễ rảnh lúc nào niệm Phật ngay lúc ấy, đừng bỏ phí. Nằm võng vẫn niệm được, lật rau, đi đường cũng niệm được. Tập dần thành thói quen, đã thành thói quen sẽ có sức mạnh dẫn dắt mình. Thói quen niệm Phật dẫn mình đến chỗ an định sáng suốt, đến thế giới Cực Lạc.

Lúc tôi còn dịch kinh, ngày nào cũng ngồi viết cả buổi nên một ngày chỉ có một thời (tụng kinh *Kim Cang* và phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyện*). Bây giờ, không còn phiên dịch nữa nên tăng lên hai thời, niệm Phật thì luôn luôn. Lúc còn dạy ở chùa Huệ Nghiêm, nếu đi từ chùa Vạn Đức (Thủ Đức) đến chùa Huệ Nghiêm (Bình Chánh), hễ lên xe tôi ít nói chuyện lắm, dành thời gian tụng kinh, tụng được một biến kinh *Kim Cang* và phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyện*.

Chúng ta tu niệm Phật, tâm trụ nơi danh hiệu Phật không để xen tạp, phải nhớ đó là đang tập định chớ chưa được định. Nhưng hễ có tập thì chắc chắn sẽ được kết quả, trong kinh gọi là nhất tâm bất loạn (chánh định niệm Phật). Hễ có định thì sẽ

có huệ, huệ này do định mà có. Ví như con đường tuy xa nếu chúng ta chịu đi thì chắc chắn sẽ về đến nhà. Chỉ sợ mình không chịu đi mà thôi.

Các huynh đệ nên nhớ, mình tu cũng giống như người tập bơi, mới tập thì phải lựa chỗ bớt sóng bớt gió để tập lợi tập lặn, sau này bơi giỏi rồi có ra sông, ra biển mới không bị chìm. Phải nhớ kỹ mới được! Đức Phật còn phải tự giác rồi mới giác tha, giác hạnh viên mãn. Bồ tát là bậc bi tâm cũng không ngoài tự giác trước. Có nhiều người tu thường cho rằng: “độ chúng sanh” nhưng quên rằng mình vẫn còn là chúng sanh làm sao độ chúng sanh được. Kinh *Duy Ma Cát* nói: “Kẻ bị trời không thể nào cõi trời cho người khác”. Vì vậy, trước phải tự cứu mình, sau mới cứu người. Nhưng chúng ta cũng không ngại đem pháp môn Tịnh độ khuyên người cùng tu. Phải nên dạy họ ăn chay, không sát hại sanh mạng, thực hành phóng sanh. Vì Đức Phật A Di Đà lập nguyện tiếp dẫn vãng sanh cũng phát xuất bởi tâm từ bi, có như vậy mới cùng Phật tương ưng.

Nhận ra được nghĩa trên, mới không khởi nghi ngờ vì sao nơi phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, các bậc Đại Bồ tát vẫn còn phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Bồ tát do chưa phá sạch căn bản vô minh nên vẫn còn thân – cảnh, tức y báo – chánh báo. Trong khi đó cõi Cực Lạc y – chánh đều thù thắng trang nghiêm, nên Bồ tát nguyện vãng sanh được ở Thượng phẩm để mau thành Phật. Chúng ta thấy Bồ tát còn nguyện sanh về Cực Lạc, huống chi mình là phàm phu!

Mấy huynh đệ nên nhớ điều này: “*Thông minh hiểu biết nhiều, coi chừng không bằng ông già, bà lão ăn chay niệm Phật*”.

CHUYỆN CÂY TÙNG BÁCH TÁN

(Thị giả Hoàng Luân)

Năm 1964 Sư ông có trồng hai cây Tùng Bách Tán hai bên điện Quán Âm phía trước thất của Ngài. Cây tùng bên phải từ ngoài nhìn vào cao khoảng 20 mét, đứng nghiêng về phía lầu của Sư Ông nên khi lợp mái nhà có cắt một khoảng bao quanh thân cây tùng.

Vào khoảng tháng 5 âm lịch năm Canh Dần (2010) thì cây này có dấu hiệu bị khô nhánh lần lần, đến tháng 6 âm lịch thì các nhánh bị khô hoàn toàn không còn hi vọng như cây bên trái chỉ chết phân nửa rồi lên lại. Thầy Tri sự có bảo tôi (thị giả Hoàng Luân) lên thưa Sư ông đốn để sợ nguy hiểm. (Nếu có đốn cũng phải đốn từ khúc rồi, thông dây chuyền xuống chứ chung quanh cây Tùng rất nhiều chướng ngại). Sư ông dạy: “*Không được đốn, cứ để tự nhiên như thế*”. Sư ông còn nhắc lại không ai được phép đốn.

Đến tối ngày mùng 10 tháng 6 âm lịch một sự kỳ lạ đã xảy ra. Tôi đang nằm ngủ trên nền gạch phòng khách phía ngoài phòng ngủ của Sư ông hướng về khung cửa sổ tròn nhìn ra cây tùng đó, bỗng nghe có tiếng động nên tôi thức dậy nhìn đồng hồ mới có 24h15. Năm phút sau, thì thấy một đường ánh sáng và những tiếng động lớn phía trên. Tôi cứ nghĩ là tiếng trời gầm (sấm). Nhưng nghe lại thì tiếng phát ra từ mái nhà trên lầu như có nhiều người đi trên đó, và đến 24h25 thì không còn nghe tiếng gì nữa. Định ngủ lại thì thấy Sư ông đã thức, tôi nghĩ nên thưa lại việc vừa xảy ra, nhưng ngại rằng Sư ông bận tâm nên thôi và tôi đi nghỉ. Đến 3h30 xuống sân thì thấy cây tùng đã ngã. Dưới lầu Sư ông có thầy Hoàng Khởi đã 70 tuổi, nghỉ trong phòng chỗ cây sa la gần cây tùng. Thầy cho biết không nghe tiếng cây ngã, nhưng kể lại rằng vào lúc nửa đêm thầy thấy một đường ánh sáng rất lạ từ nơi cây sa la chỗ cửa sổ tròn mà Sư ông thường ngồi uống thuốc Tam tài và

nhìn bông sa la mỗi buổi sáng. Thầy tưởng là chập điện trên Su ông nên đẩy cửa ra ngoài xem, nhưng không thể nào được mặc dù cửa không khóa. Thầy chỉ niệm được hai câu “Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát” rồi ngất đi, khoảng một tiếng rưỡi sau mới tỉnh lại thì sự việc đã xong, đi ra ngoài thì thấy cây tùng đã ngã một cách kỳ lạ. Nếu ai đã từng nhìn qua tư thế cây tùng ngã thì không thể nào lý giải được nó ngã như thế nào. Vào thời điểm đó trời đứng gió, cây đang trong tư thế dựa vào nhà, nhánh lá thì khô nếu có gió lớn cũng chưa chắc đẩy ra khỏi mái nhà được huống nữa là ngã ra phía trước. Trong khi đó cây ngã ra ngoài cũng đã là một chuyện lạ. Và nếu ngã thẳng ra ngoài với chiều dài 20m thì vương những cây ở phía trước và nếu có rớt xuống được thì ngọn gần đụng vách Niệm Phật Đường. Đáng này một điều lạ nữa là khi ngã xuống cây gãy làm 2 khúc, chỗ gãy cách góc khoảng 3m, dấu gãy cũng rất bằng. Và gãy như vậy thay vì hai mặt gãy nó nằm gần nhau và nếu có cách ra cũng chừng 5 tấc, 1m hoặc 2m nhưng hai mặt gãy phải đối nhau, nhưng lạ một điều là đầu của phần trên được đưa ra ngoài rất xa, gần bậc thềm của sân rồi đưa cái ngọn trở vào lại diện Quán Âm rất thẳng theo phần góc và cuối phần ngọn gần đụng vách phòng khách dưới, ngọn cong đỉnh lên rất đẹp. Chung quanh chỗ cây ngã, chướng ngại vật rất nhiều mà cây ngã rất êm không gãy nhánh, rụng lá thậm chí một đường dây điện đi dọc theo hướng cây gãy cũng không hề hấn gì. Và một cây to như thế, dài như thế ngã rất êm không gây tiếng động lớn. Đây quả là một việc rất kỳ lạ, sức người không thể làm được. Do đức độ của Hòa thượng mà cảm đến chư Hộ Pháp dùng thần lực mới tạo ra được một tư thế như vậy. Nếu leo lên cây đốn từng khúc đưa xuống thì quả là nguy hiểm, vì cây đã mục mà lại rất cao. Đọc trong Tự Truyện ngài Hư Vân cũng có một chuyện tương tự như thế. Những bậc cao tăng thường có chư Hộ Pháp theo ủng hộ. Xin ghi lại việc này để làm tăng thêm lòng tin cho mọi người.

*Phần II:***KHAI THỊ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT****1. TẠI SAO LẠI NIỆM “NAM MÔ A MI ĐÀ PHẬT”?**

Sáu chữ hồng danh đây nguyên là Phạn âm (*tiếng Thiên Trúc*).

Hai chữ đầu (Nam mô) nguyên âm là Namo, ta quen đọc liền vắn Nam mô, là lời tỏ lòng thành kính, có nghĩa là Quy y (*về nương*) và Quy mạng (*đem thân mạng gởi về*).

Chữ thứ sáu (Phật) nguyên âm là Buddha (Bụt Đa hay Bụt Thô), ta quen đọc gọn là Phật, chỉ cho đấng hoàn toàn giác ngộ (đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác).

Ba chữ giữa (A Mi Đà) là biệt danh của đấng Cực Lạc giáo chủ, dịch nghĩa là Vô Lượng (Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ). Như trong kinh, đức Bôn sư tự giải thích rằng: “Đức Phật ấy, quang minh vô lượng, soi suốt các cõi nước ở mười phương không bị cách ngại. Đức Phật ấy và nhơn dân trong nước của Ngài thọ mạng vô lượng vô biên vô số kiếp”.

Trong *Quán Kinh*, nói: “Nếu người chí tâm xưng danh hiệu của Đức Phật đây, thời trong mỗi niệm diệt được tội sanh tử trong 80 ức kiếp và được vãng sanh...”.

Trong kinh *Chư Phật Hộ Niệm* nói: “Nếu người nghe danh hiệu của Đức Phật đây mà chấp trì trong một ngày đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thời được thành tựu nhiều thiện căn phước đức. Đức Phật ấy và Thánh chúng sẽ hiện đến nghinh tiếp...”.

Kinh *Văn Thù Văn Bát Nhã* nói: “Nếu người chuyên xưng danh hiệu thời đặng chứng Nhất Hạnh tam muội và chóng thành Phật...”.

Xem như lời của đức Bốn Sư Thích Ca, đấng chân thật ngữ phán trên đây, thời thấy rằng ba tiếng hồng danh của đức Giáo chủ Cực Lạc có những năng lực bất khả tư nghị. Muốn được kết quả to tát như lời trong kinh, hành như phải chí tâm xưng niệm, và phải xưng niệm đúng âm vận, chớ không nên như người Pháp gọi danh từ Chợ Lớn là Sôlông, hay Bà Rịa là Baria.

Ba chữ A Mi Đà, nguyên là Phạn âm. Người Tàu đọc là A-mi-thô, và họ tụng xuôi là Á-mi-thồ. Danh hiệu ấy truyền qua xứ Việt ta bằng chữ Tàu, biên sẵn trong các pho kinh sách Tàu. Người Việt ta cứ theo lệ phổ thông, chữ đâu đọc đó nên đọc là A Di Đà. Như đọc Nã-phá-luân để kêu Hoàng đế Napoleon (Na-po-lê-ông), cùng đọc Ba-lê để kêu kinh đô Paris (Pari).

Với sự phiên âm bằng chữ Tàu, người Tàu đọc giống gần với nguyên âm, mà người Việt ta đọc sai quá xa. Giá như ta gặp Hoàng đế Pháp và gọi ông ta là Nã-phá-luân thời thật là đáng buồn cười. Với A Di Đà để gọi đức Giáo chủ Cực Lạc cũng theo lệ đó.

Nhiều năm về trước, trong thời gian niệm Phật theo thông lệ Nam mô A Di Đà Phật, khi chuyên niệm nhiều (mỗi ngày từ hai vạn câu trở lên), tôi bị sự chướng là trệ tiếng trong lúc niệm ra tiếng và lờ mờ trong lúc niệm thầm. Giữa lúc đó, tiếng “di” là chủ của sự chướng. Vì thế, tôi mới để ý đến chính âm vận của sáu tiếng hồng danh. Đồng thời, lời của Tổ Vân Khê trong Sớ Sao nói: “Hồng danh Nam mô A Mi Đà Phật toàn là tiếng Phạn, chuyên trì không quên, thời cùng với pháp trì chú của Mật tông đồng nhau”, lại thúc đẩy tôi vào sự khảo cứu.

Với vần La tinh, người Anh ghép Amita, mà tôi được thấy ở bộ Phật Học Đại Từ Điển.

Tôi đem ba chữ A Mi Đà ra hỏi, thời các sư Tàu cũng như Cư sĩ Tàu đều đọc gần từng tiếng một trước mặt tôi: A-mi-thô.

Hai tiếng đầu “A” và “Mi” đã nhất định, và đồng thời quyết chắc đọc “di” là sai. Tôi còn thắc mắc ở tiếng thứ ba, vì nếu đọc Amita như vắn Anh, cùng A-mi-thô như người Tàu thời với tiếng Việt có hai điều bất tiện:

1. Nghe không nghiêm và không êm.
2. Quá khác với thông lệ từ xưa.

Một học giả Pa-li và Phạn ngữ giải thích: chữ “đà” của Tàu dùng phiên âm Phạn ngữ có hai giọng:

1. *Thô* như danh từ “Bụt Thô” mà người Tàu đọc xuôi là “Bù Thồ”.
2. *Đa* cũng như danh từ “Bụt Đa” (Buddha).

Với giọng “đa” để đọc chữ “thô”, nó mở đường cho tôi ghép ba chữ lại: A-mi-đa và theo cách đọc xuôi đánh dấu huyền: A Mi Đà.

Ghép luôn cả sáu tiếng Nam mô A Di Đà Phật, tôi nhận thấy rằng tránh khỏi cái lỗi quá khác với nguyên âm, dù vẫn chưa được toàn, nhưng có thể gọi là nhiều phần đúng, và không quá cách biệt với cách đọc phổ thông theo cổ lệ, vì trong sáu tiếng đây chỉ có đổi “di” thành “mi” thôi.

Sau khi tham cứu như trên xong, tôi bắt đầu chuyên chí niệm Nam mô A Mi Đà Phật, và cũng bắt đầu từ đó tôi liền nhận được kết quả.

1. Sáu tiếng hồng danh đây nổi rõ nơi tai cũng như nơi tâm, khác hẳn sự mờ mờ lợt lợt của tiếng “di” trong thời trước.

2. Khi niệm ra tiếng, từ năm ngàn câu mỗi thời trở nên, môi lưỡi càng lúc càng nhạy, càng chuyên, càng lạnh. Khác hẳn sự trệ môi cứng lưỡi của những ngày niệm khi xưa.

3. Niệm ra tiếng với A mi khỏe hơn niệm ra tiếng của A di khi trước, nhờ vậy mà mỗi thời niệm được lâu và nhiều.

Người chuyên niệm danh hiệu của Phật, tầng cấp đầu tiên là đến mức *bất niệm tự niệm*, hay *niệm lực tương tục*. Nếu khi niệm mà bị trệ, và tiếng Phật lại lơ mờ không nổi rõ nơi tâm thì khó mong được kết quả trên. Còn nếu trái lại thì mới có hy vọng đến đích.

Biết rằng niệm A Mi Đà được nhiều phần đúng với nguyên âm, nó sẽ đem đến cho mình cái mãnh lực bất tư nghị, diệt vô số kiếp tội thành đại thiện căn phước đức giống như pháp trì chơn ngôn (thần chú) của Mật tông mà Tổ Vân Khê đã phán. Nó sẽ đưa mình đến mức bất niệm tự niệm, vì tiếng niệm không bị trệ lụt và nổi rõ nơi tâm. Nhất là niệm A Mi Đà được khỏe hơi, nhờ đó nên niệm được lâu và nhiều. Niệm Phật được thuần thực là nhờ niệm nhiều câu, nhiều giờ và tiếng niệm nhấn rõ nơi tâm. Và mức bất niệm tự niệm đây là phần bảo đảm vắng sanh Tịnh độ cho người chuyên niệm. Tôi tin rằng niệm gần với nguyên âm, tức là gần đúng với thật danh của đức Giáo chủ Cực Lạc, tất dễ được tương ứng và chóng được cảm thông với Phật. Và tôi đã tự cảm thấy có lẽ đúng như thế.

Nhưng trong kỳ kiết thất 49 ngày ở tịnh thất nơi chùa Linh Sơn Cổ Tự, một hôm tôi bỗng có ý nghĩ: “Mình dù thiên trí bạc đức, song cũng là người tai mắt trong Tăng giới, và cũng có đôi phần uy tín đối với gần xa, riêng mình tự tu đã đành không ngại gì, song rồi đây, tất có người vì tin tưởng nơi mình, mà họ sẽ tự noi theo chỗ làm của mình, nghĩa là họ sẽ niệm Nam mô A Mi Đà. Một người như thế, lần lần sẽ có nhiều người như thế, tất sau này khó khỏi đôi điều thắc mắc:

1. Bàn quan sẽ cho mình lập dị, riêng phái, phá sự đã phổ thông của cổ lệ.

2. Đem sự ngờ vực cho người niệm A di khi những người này chưa hiểu thế nào là A di và thế nào là A mi. Và sự ngờ là điều rất chướng của pháp môn niệm Phật”.

Tôi tự giải thích: “Cổ lệ đã sai thời sự sửa đổi là điều cần (tôi tự sửa đổi riêng tôi). Mình không có quan niệm lập phái riêng hay lập dị, thời cũng không ngại gì với sự thị phi phê bình của bàng quan”. Và với sự ngờ của những người chưa nhận chơn, sẽ giúp họ tìm tòi khảo cứu, nhờ tìm xét họ sẽ thấu rõ sự sai với đúng, và họ sẽ thấu hoạch được kết quả tốt cũng như mình”.

Mặc dù tôi tự giải thích với tôi như thế, nhưng trong thâm tâm vẫn mãi băn khoăn gần suốt ngày.

Chiều hôm ấy, khi đứng dựa cửa sổ ngó mong về phía mặt trời sắp lặn, tôi bỗng thấy chữ A mi nổi bật giữa khung trời xanh sáng, gần giống như chữ điện ở trước cửa của những hiệu buôn chiếu sáng trong đêm. Tôi thử ngó qua hướng khác thời không thấy, khi ngó trở lại hướng Tây thời chữ A mi vẫn nổi y nơi chỗ cũ, khổ chữ lớn lồi bốn tác Tây bề cao, và hiện mãi đến trên 30 phút mới ảm.

Tôi hôm ấy, tôi chiêm bao thấy mình đi vào một khu vườn cây cao cảnh đẹp. Giữa vườn, một dãy nhà cất theo kiểu trường học, và nghe rõ trong ấy một người xướng và số đông người hòa: Nam mô A Mi Đà Phật! Tôi tự bảo: “Ừ lạ! Câu Nam mô A Mi Đà Phật, tưởng là chỉ riêng của mình cải cách, riêng mình tín hướng và riêng mình chuyên niệm. Bất ngờ ở đây, người ta cũng đồng niệm như vậy rồi!”. Tôi đứng dừng trước ngõ trường chăm chú nghe xướng hòa như thế hơn 10 lần mới choàng tỉnh. Bây giờ mới biết là mình nằm mơ.

Do hai điềm trên đây (chữ A mi hiện giữa trời và chiêm bao nghe xướng hòa Nam mô A Mi Đà Phật), bao nhiêu nỗi thắc mắc và băn khoăn nơi lòng tôi đều tan rã như khối tuyết dưới ánh nắng trưa hè...

Từ hồi nào, dù với hàng đệ tử, tôi chưa từng bảo ai bỏ niệm A di mà niệm A mi. Song, do ảnh hưởng ngấm ngấm mà lần lần có một số đông người xuất gia cũng như hàng tại gia

niệm A Mi Đà. Đó phải chăng là do cơ duyên thời tiết nó nên như thế! Và cũng vì có ấy mà hôm nay có bài thuyết minh và tự thuật này.

Tôi viết bài này chỉ với mục đích giúp thêm sự nhận chơn về câu Nam mô A Mi Đà Phật cùng lịch sử của nó, cho các bạn đồng tu đã chuyên niệm như thế. Và bài này cũng chỉ truyền bá trong phạm vi giữa các bạn đây thôi.

Tôi xin khuyên nhắc các bạn, đối với những vị đã quen niệm hay đã sẵn tín tâm nơi câu Nam mô A Di Đà Phật, nhất là người ở trong hoàn cảnh thiếu tiện lợi, các bạn nên để yên cho các vị ấy niệm theo sự phổ thông cổ lệ để tránh sự ngoại chướng cho họ và cho họ khỏi sự do dự trên đường hành trì mà họ có thể vướng phải.

2. TỌA THIÊN NIỆM PHẬT

Trong bài tựa Phạm Võng Bồ tát giới, có dạy rằng:

“Sắc trẻ không dùng, dường như ngựa chạy.

Mạng người vô thường, mau hơn nước dộc

Ngày nay dù còn, khó bảo đảm ngày mai”.

“Đại chúng! Mỗi người nên nhất tâm cần cầu tinh tấn, chớ biếng nhác trễ lười, phóng túng ngu ngủ; ban đêm phải nhiếp tâm niệm Phật tham thiền, chớ để thời gian luống qua vô ích mà sau này phải ăn năn...”.

Nhưng phàm muốn làm việc gì cho được lợi ích, chúng ta cần phải “biết làm”. Việc ở đây muốn y chỉ lời dạy nhiếp tâm niệm Phật, tham thiền. Lẽ tất nhiên, chúng ta phải biết làm sao để nhiếp tâm niệm Phật, tham thiền cho đúng cách, đúng phương pháp, tức là biết cách tọa thiền niệm Phật.

Vậy trước khi học, về phần thực hành, chúng ta nên hiểu sơ qua về mục đích của phương pháp tọa thiền.

A. Mục đích của phương pháp tọa thiền

Tọa thiền là một phương pháp rất thông dụng, chẳng những trong đạo Phật mà ở ngoại đạo cũng vẫn có từ xưa.

Tọa thiền tức là ngồi để tham cứu một vấn đề gì. Thế nên, tọa thiền không phải là một phương pháp chứng quả thành đạo, mà là một trong vô lượng phương tiện giúp cho thân được an, để cho tâm không loạn và được chánh niệm chánh quán. Ngoại đạo chỉ chú trọng nơi thân mà không để ý đến tâm, trong khi thật ra, tâm mới là phần chánh, đáng chú trọng hơn cả.

B. Phương pháp tọa thiền

Phần này chia làm ba:

1. Điều thân:

Thân lúc nào cũng làm duyên trợ cho tâm. Thế nên, nếu thân có những cử động thô thiển, khí lực sôi nổi, và lẽ tất nhiên tâm ý sẽ phù động, do đó khó mà nhập định được. Cho nên, trước khi tọa thiền, cần phải điều hòa thân. Vậy phải điều hòa thân bằng cách nào?

a. Phải điều dưỡng sự ăn uống: Sự ăn uống đối với thân rất hệ trọng, vì bệnh thường phát sanh do nơi sự ăn uống. Có những thực vật hợp với cơ thể người này nhưng lại không thể hợp với người kia và trái lại. Dù sao, không nên dùng những thứ có dầu mỡ nhiều, tránh những chất hăng, kích thích thần kinh như cà phê đậm, rượu, trà đậm, thuốc hút v.v... mà chỉ nên dùng những món ăn sơ sài trong sạch.

Trước giờ tọa thiền, không nên ăn quá no mà chỉ ăn vừa đủ, vì nếu ăn quá no sẽ làm mệt dạ dày, ngồi không yên ổn. Không ăn chiều, lẽ tất nhiên là thích hợp đặc biệt với việc tọa thiền niệm Phật.

b. Y phục: Trước khi tọa thiền, phải tắm rửa cho thân thể được sạch sẽ để tránh khỏi ngứa ngám trong người.

Sau đó, trời lạnh thì mặc áo ấm, trời nóng thì dùng y phục mỏng, rộng rãi và sạch sẽ.

Đai lưng (lưng quần) lúc nào cũng phải nói rộng ra.

Những điều trên đây giúp cho sự hô hấp dễ dàng và không bị lay chuyển bởi thời tiết.

c. Giữ thân cho được ngay thẳng và vững vàng: (nghĩa là làm thế nào mà khi quên nó, không nghiêng ngã hay lay động). Muốn được như vậy, chỉ có cách duy nhất là ngồi, vì đi, đứng hay nằm không thể đạt được mục đích vừa nói trên.

Nhưng nếu ngồi mà thòng hai chân xuống, thì khi quên, thân lại cũng không vững. Hơn nữa, lúc ở trong nhà, thất, có bàn, ghế, giường v.v... thì không nói chi, nhưng khi ra ngoài vườn tược, đồng ruộng hay đến núi rừng để tọa thiền, khó tìm ra chỗ ngồi có thể thòng chân xuống được dễ dàng.

Thế nên, chỉ có cách rút chân xếp bằng lại, là giúp cho chúng ta ngồi ngay thẳng và vững vàng mà thôi.

d. Cách ngồi: Có nhiều cách ngồi mà hành giả cần phải chọn lựa cho thích hợp với mình.

* Toàn già (cũng gọi là kiết già hay Kim Cang tọa): Gác bàn chân trái lên đùi bên mặt, gác bàn chân mặt lên đùi bên trái, gót hai bàn chân đều phải sát vào bụng.

* Bán già, có hai cách:

- *Hàng ma tọa:* gác bàn chân mặt lên đùi bên trái (như ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát).

- *Kiết tường tọa:* gác bàn chân trái lên đùi bên mặt (như ngài Phổ Hiền Bồ tát).

Trong ba cách ngồi, khi ngồi phải tập cho đầu gối đồng sát xuống chiếu như nhau, hai hông cùng chịu đều như nhau

thì mạch máu không bị cản, chân không bị tê, cũng không nên dùng nệm quá dày. Một điều nên để ý, là thường lúc ban sơ, khi vừa ngồi kiết già hay nghe một chân nặng một chân nhẹ. Để sửa chữa khuyết điểm đó, chỉ có một cách là dùng hai tay chống xuống chỗ ngồi để nâng toàn thể thân lên và hạ bên chân hay hông nhẹ xuống trước, bên nặng xuống sau, đôi ba lần thì hai chân hoặc hai hông sẽ đều, không còn cảm tưởng nặng nhẹ nữa.

Tay: Hai bàn tay để ngửa, bàn tay mặt đặt lên trên bàn tay trái, vừa sát bụng và để nhẹ trên hai bàn chân, hai đầu ngón tay cái đầu lại (Tam muội ấn).

Phương pháp để bàn tay như vậy, theo cổ đức nói, làm cho điện lực trong thân lưu thông đều đặn, không biến thoát ra ngoài, giúp cho tâm dễ an ổn.

Lưng: Tay chân đều đầu vào đó rồi, phải lay chuyển thân thể độ ba, bốn lần cho được ung dung và phải giữ xương sống ngay thẳng, chẳng khác nào một cây cột đối với cái nhà. Nếu cột xiêu thì nhà đổ vậy.

Đầu, cổ: Đầu và cổ cũng phải giữ cho ngay, nhưng không được ngược thẳng quá.

Mắt: Mắt hơi nhắm lại, để chỉ còn thấy tương trắng hay sáng sáng bên ngoài thôi, đừng mở hẳn sẽ tán loạn; mà cũng đừng nhắm hẳn sẽ bị hôn trầm.

Miệng: Miệng phải ngậm lại, chót lưỡi để trên chân răng hàm trên, răng phải để cho thông thả, đừng cắn cứng lại, nhờ đó hơi thở sẽ nhẹ nhàng.

2. Điều tức:

Khi thân đã nghiêm chỉnh rồi, bấy giờ hành giả mới bắt đầu thở ra nhẹ nhàng nhưng cho dài, tâm nghĩ tất cả ô trược trong thân đều tựa theo không khí mà ra ngoài hết. Đến khi hít

vô cũng phải nhẹ nhàng và cho dài, nghĩ bao nhiêu điều thanh tịnh bên ngoài đều vào trong hết.

Làm như vậy được hai ba lần hay đến năm bảy lần nếu cần, cho trong thân được khoan khoái.

Sau đó phải giữ hơi thở nhẹ nhàng thông thả, suông êm, dài ngắn cho quân bình.

Nên để ý, khi điều hòa hơi thở, hành giả thường gặp hai lỗi sau:

a. Phong tướng: tức là hơi thở ra hít vào, nghe có tiếng gió, do vì hơi thở quá mạnh.

b. Suyễn tướng: tức là tuy thở ra vào không nghe tiếng nhưng lại gấp rút hoặc rít sấp không thông.

Nếu khi ngồi tĩnh tọa mà thấy hai tướng trên đây, đó là triệu chứng tâm không được an định.

Nếu khéo điều nhiếp, dùng sổ tức thở ra hít vào thông thả, ít lâu sẽ thuần thục, tự nhiên hơi thở sẽ điều hòa, huyết mạch được lưu thông, trong người sẽ được ung dung khoan khoái.

Thế nên, điều hòa hơi thở là một công phu hệ trọng đối với phép tĩnh tọa

3. Điều tâm:

Trước khi tọa thiền, hành giả có phát tâm trước, hoặc sổ tức, hoặc quán bất tịnh, hoặc niệm Phật v.v...

Nếu đã phát tâm niệm Phật, thì hành giả phải nghĩ ta bà ngũ trược, nhớp nhơ, là nguồn gốc của muôn ngàn thống khổ, nơi thân và hiện cảnh, phải làm thế nào thoát ly cho được, tức là phải yểm ly (chán nản) sanh tử nơi ta bà mà cầu sanh về Cực Lạc.

Hành giả nhớ ngay đến cảnh Cực Lạc thuần vui không khổ, có đủ thắng duyên, thắng cảnh trợ lực cho hành giả mau

thành Phật quả, quảng độ chúng sanh, đến Đức Phật A Di Đà tướng hảo quang minh, lúc nào cũng đuổi lòng từ tiếp dẫn chúng sanh về Lạc quốc.

Lúc bảy giờ, hành giả khởi niệm câu dài: “Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại từ Đại bi tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật”, rồi lần lần thâu ngắn lại còn sáu chữ “A Di Đà Phật” lúc đầu niệm lớn, sau niệm thềm để nhiếp tâm cho an trụ vào đó. Khi niệm ra tiếng hoặc thầm, đều cần thiết là phải niệm cho tiếng nổi rõ trong tâm chậm rãi, tâm ý nghe rõ, nhận rõ từng tiếng từng chữ, tức là “Quán trí hiện tiền”. Nếu không, tâm sẽ tạp niệm (*tán loạn*), hay ngủ gục (*hôn trầm*). Nếu tán loạn, không rõ, lơ là hay khi hôn trầm muôn đến, hành giả phải cử tâm ngay bằng cách chú ý đến câu niệm Phật.

Có khi hành giả cố gắng kiềm tâm, nhưng tâm vẫn chạy và nếu tâm chạy mãi, thì có cách phải niệm Phật và nghĩ ở đầu hai ngón tay cái, đầu hai ngón chân cái hoặc nghĩ ở nơi cái rún mà niệm.

Làm như vậy, thân kinh hệ sẽ hạ xuống, tức cái tâm sẽ hạ xuống mà bớt tán loạn.

Còn nếu bị hôn trầm thì phải nghĩ ở đỉnh đầu hay ở trán mà niệm thì sẽ hết, vì ý chí phân khởi.

Hoặc hành giả có thể niệm theo phương pháp “Thập niệm ký số”, là khi niệm Phật, phải ghi nhớ rành rẽ từ một đến mười câu, hết mười câu liền trở lại một, cứ như thế xoay vần mãi. Nhưng phải niệm trong vòng mười câu mà thôi, không được hai mươi hoặc ba mươi câu, lại không nên lần chuỗi vì dùng tâm ghi nhớ. Có thể phân làm hai đoạn từ một đến năm, từ sáu đến mười. Hoặc còn thấy kém sức lại chia ra làm ba hơi, từ một đến ba, bốn đến sáu, bảy đến mười.

Cần đề ý: *niệm nhớ và nghe phải rõ ràng*, vọng niệm mới không xen vào được. Dùng phép này lâu sẽ được nhất tâm.

Điều tâm là pháp môn tu chủ chánh. Nếu có sự biến chuyển nơi thân, không nên để ý đến, mà phải chuyên gìn chánh niệm.

C. Phương pháp giải tọa (xả thiền)

Khi xả thiền, hành giả làm ngược lại tất cả. Nghĩa là trước hết phải xả nơi tâm, kế xả nơi tứ và sau cùng là xả thân.

1. *Xả tâm*: Hành giả phải nhớ lại, coi hiện giờ mình ngồi chỗ nào, nãy giờ mình làm gì, nhớ coi mình có bị tán loạn hay hôn trầm không, và dù có hay không, cũng vẫn hồi hướng công đức về Tây Phương để trang nghiêm Tịnh độ.

2. *Xả tứ*: Sau khi xả tâm xong, hành giả mở miệng thở ra vài hơi thật dài để cho khí nóng trong người giảm bớt, và để hồi phục lại trạng thái bình thường như trước khi tĩnh tọa.

3. *Xả thân*: Tâm, tứ đều xả xong, lúc bấy giờ hành giả sẽ giao động nơi lưng và cổ. Khi mạch lạc chạy đều, từ từ duỗi hai tay ra, lấy hai bàn tay xoa nhẹ với nhau, rồi xoa lên mắt, kế từ từ mở mắt. Sau đó, uốn lưỡi một vài lần và nuốt chút nước miếng.

Tay và mắt xả xong, đến lượt hai chân. Trước hết phải lấy tay xoa hai bắp vế, rồi tháo lần lần hai chân ra, thoa hai bắp chuối và hai bàn chân. Khi nghe hai chân nóng hết rồi, hành giả chuyển động nhẹ nhàng toàn thân rồi đứng dậy, đi tới đi lui.

D. Những điều cần biết để tọa thiền có kết quả

Hôn trầm, ngủ nghỉ là một chướng trong việc tu thiền, thế nên, nơi thân phải bớt ngủ nghỉ.

Phật dạy đầu hôm cuối đêm thì tham thiền, nửa đêm thì tụng kinh để tự tiêu tức, nhưng nếu mình không kham nổi thì nên bớt sự ngủ nghỉ. Ban đêm thì chỉ nghỉ ba canh, từ 11 giờ đến 04 giờ sáng thôi, đó là lời dặn dò của cổ đức vậy. Còn nơi tâm thì phải có sự điều nhiếp theo hai cách dưới đây:

1. Không niệm tham dục.
2. Không niệm sân hận.

Nếu thực hành hai cách này mà không đắc lợi trên đường chánh định, hành giả phải kiểm điểm lại nơi tâm coi sanh tội lỗi chi không. Hằng ngày phải nói lời dịu dàng, hòa nhã cho tâm lỏng xuống. Đối với người và vật, giữ cho tâm mát mẻ và luôn luôn nhẹ nhàng.

Ngoài giờ tĩnh tọa, phải giữ câu niệm Phật không rời tâm.

Tâm tương ứng với chánh định thì phát ra khinh an, trong thân sẽ thấy khoan khoái. Thân tâm hiệp nhất, thân cảnh không hai. Lúc bấy giờ, hành giả ở trong định vắng lặng sẽ thấy thân tướng Phật, nghe Phật thuyết pháp và những cảnh giới nhiệm màu không sao kể xiết... Đó là tướng niệm Phật thiện căn phát hiện do công phu tọa thiền niệm Phật mà thành công vậy.

3. YẾU CHỈ PHÁP TRÌ DANH NIỆM PHẬT

(Bài thuyết pháp đầu tiên tại chùa Vạn Linh, (núi Cẩm) ngày 23/11/2003 Quý Mùi).

Nhân dịp đạo tràng Vạn Linh tổ chức khóa niệm Phật trong bảy ngày, kể từ ngày Khánh Đản Đức Phật A Di Đà 17/11 đến 24/11 Quý Mùi. Do nhân duyên này, tôi đến đây cùng tất cả quý vị nói một vài điều liên quan đến pháp môn niệm Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời cách đây hơn 2.500 năm, chỉ vì một mục đích duy nhất là muốn cho tất cả mọi người, tất cả chúng sanh, cũng như muốn cho tất cả chúng ta hiện nay thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, được giải thoát, an vui, tự tại. Vì sanh tử luân hồi là tất cả những sự khổ. Nghĩa là từ phạm phu mê muội này mà tu hành lên thành các bậc Thánh giác ngộ, giải thoát, tự tại.

Đức Phật Thích Ca ra đời, Ngài dạy rất nhiều pháp môn tu hành để giải thoát, trong những pháp môn đó có *pháp môn*

Tịnh độ. Tu tập theo pháp môn này, sau khi bỏ báo thân ở nơi cõi trước ược sanh về cõi thanh tịnh trang nghiêm, gọi là Tịnh độ. Còn cõi ta bà này Đức Phật gọi là ược độ, cõi của đơ xấu, của khổ não.

Trong những pháp môn sanh về cõi trang nghiêm Tịnh độ đó, có *pháp môn niệm Phật*, gọi là tướng Phật. Nghĩa là mình nhớ, lấy trí tưởng tượng của mình để làm sao cho hình tượng Phật hiện ra. Cũng như mình thích hình tượng nào đó (như hình tượng Phật A Di Đà là tu về pháp môn Tịnh độ), rồi nhớ nơi hình tượng đó để niệm làm sao trong trí tưởng của mình hiện ra hình tượng đúng như mình nhìn thấy, gọi là pháp môn *Tướng Phật Niệm Phật*.

Lại có pháp môn gọi là *Quán Phật Niệm Phật*. Pháp môn này nghĩa là không phải thấy nơi hình tượng Phật, mà do trong kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tả hình tượng tốt đẹp trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, rồi mình lại nhớ những lời Đức Phật Thích Ca đã tả, đã dạy trong kinh để quán tưởng làm sao có hình tượng đó hiện ra trong trí của mình. Đó là cách thứ hai về niệm Phật.

Thứ ba là Đức Phật A Di Đà có danh hiệu là A Di Đà. Chúng ta nghe nói đến danh hiệu Phật A Di Đà, chúng ta nhớ và niệm cho thuần, đó gọi là phương pháp *Trì danh niệm Phật*.

Mấy hôm nay, huynh đệ đã thực hành niệm Phật. Mỗi thời đều niệm “Nam mô A Di Đà Phật”, đó là tu theo pháp môn Trì danh niệm Phật. Về kinh, theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đến pháp môn này, thì quan trọng nhất là *Phật Thuyết A Di Đà kinh*, thường gọi tắt là kinh *A Di Đà* mà chúng ta đang tụng, trong đó, Đức Phật dạy về pháp môn Trì danh niệm Phật.

Đầu tiên, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi ngài Xá Lợi Phất để chỉ dạy rằng: “Cách đây qua Tây Phương, trải qua

mười muôn ức cõi Phật có cõi nước tên là Cực Lạc, trong cõi Cực Lạc đó có Đức Phật A Di Đà, hiện tại Ngài đang thuyết pháp”. Trước hết, Đức Phật Thích Ca giải thích tại sao cõi đó gọi là Cực Lạc? Có tên Cực Lạc? Đức Phật giải thích: “Cõi Cực Lạc không có tất cả các sự khổ, mà người ở đó thường hưởng những sự vui, do đó nên gọi là Cực Lạc, nghĩa là cõi vui tột bậc”. Tại sao gọi là cõi vui tột bậc? Đức Phật diễn tả: “Nơi cảnh của cõi Cực Lạc gồm cả những hàng cây báu, thành núi báu, lan can, bao lơn báu. Tất cả đều dùng kim ngân, lưu ly, pha lê... làm thành. Cho nên, cõi đó gọi là Cực Lạc”. Ở cõi Cực Lạc, nhiều nơi có những ao báu. Tại sao gọi là ao báu? Vì những ao đó chẳng những rộng lớn mà nó làm thuần bằng kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não v.v... để xây thành. Dưới đáy ao có cát vàng huỳnh kim, nước ao đầy đủ tám công đức. Do đó, nên gọi là Cực Lạc.

Cõi Cực Lạc ngày và đêm trên trời (tức trên hư không) rơi xuống những bông hoa báu. Chúng ta ở đây, trên trời rơi nước xuống gọi là mưa. Ở Cực Lạc thế giới, trên trời rơi xuống những hoa báu. Những hoa đó, ai thấy đều vui, đều thích nên gọi là Mạn đà la hoa, và vì trên trời rơi xuống nên gọi là Thiên Mạn đà la hoa.

Sinh hoạt của người ở Cực Lạc thế giới nhiều việc chứ không phải một việc. Cõi đó đất bằng hoàng kim, nó tương tự như vàng 9999 ở đây. Hai việc trên, Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ nói tóm tắt. Nhưng ở các kinh khác, nói Cực Lạc thế giới có chỗ cõi đất bằng lưu ly, không phải chỉ một thứ hoàng kim. Đất của chúng ta ở đây bằng đất cát, sinh bùn dơ bẩn; đất ở cõi nước Cực Lạc như vậy sạch sẽ. Từ sáng sớm, họ lựa những bông hoa rơi xuống, hoa nào đẹp nhất đựng trong vạt áo đi cúng dường mười phương chư Phật (trong kinh nói cúng dường mười muôn ức chư Phật không phải ít). Đến giờ ăn, các vị đó trở về đúng bữa không có trễ, ăn xong rồi đi kinh hành

v.v... Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta việc sinh hoạt của người nơi cõi Cực Lạc tóm tắt như vậy.

Nhưng nếu mình suy nghĩ, thì thấy những vị nơi cõi Cực Lạc đối với mình thì họ đều thành bậc Thánh hết. Vì sao nói thành bậc Thánh? Bởi vì thân thông tự tại, họ đi cúng dường chư Phật mười phương rồi về đến cõi mình mà không trễ bữa ăn. Các huynh đệ nên suy nghĩ, mình ở đây tốc độ mau nhất là gì? Chỉ có một là ánh sáng, hai là điện. Đó là tốc độ mau nhất mà các nhà khoa học nói. Có nhiều hành tinh, ánh sáng từ hành tinh đó đến trái đất phải trải qua nhiều năm ánh sáng mới đến được (những hành tinh mà các nhà khoa học nói vẫn còn nằm trong phạm vi cõi ta bà này thôi).

Nhưng ở Cực Lạc, đem hoa cúng dường mười phương chư Phật (quốc độ khác nhau) mà đi và trở về nước không trễ bữa ăn, thì biết thân thông tự tại đến bậc nào (nó có thể là ngàn triệu lần mau hơn tốc độ ánh sáng; hàng triệu, hàng tỷ lần mau hơn tốc độ của điện). Vậy phải đến bậc Thánh mới có thân thông tự tại như vậy, thân phàm phu làm sao có thân thông tự tại đó được. Cho nên, người ở cõi Cực Lạc toàn những bậc Thánh. Vì thế, ai cũng mong được sanh về cõi đó.

Ở đây, là người phàm phu, ai rồi cũng bỏ thân này. Như tôi già rồi cũng phải chết, quý Phật tử cũng vậy, cũng già cũng chết. Có nhiều người không đợi đến già mà chết trẻ, chết rồi lại luân hồi có thân kế. Từ nơi phàm phu sanh về Cực Lạc tất nhiên thành bậc Thánh. Điều đó là ưu điểm bậc nhất trong các phương pháp Phật dạy từ phàm phu lên bậc Thánh.

Từ phàm phu lên bậc Thánh trong một thời gian ngắn. Như chúng ta chuyên niệm Phật thế này, một hoặc hai, hoặc năm năm, mười năm thì từ phàm phu có thể lên bậc Thánh, tất nhiên, đó là ưu điểm nhất của pháp môn Tịnh độ. Nếu như tu những pháp môn khác phải trải qua nhiều năm, nhiều kiếp,

nhiều thân mới thoát được. Ở đây, phàm phu mà đến được Tu đà hoàn đã không phải dễ, dù Tu đà hoàn chỉ là bậc Thánh nhỏ không phải là bậc Thánh lớn.

Sau khi giải thích các ưu điểm của thế giới Cực Lạc như vậy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu Đức Phật A Di Đà hiện tại đang ở cõi Cực Lạc. Thọ mạng Đức Phật A Di Đà vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Nhân dân ở đó cũng đồng thọ mạng như vậy, cũng vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Cho nên, mình còn gọi Phật A Di Đà là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ là sống lâu vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Phật Thích Ca giải thích danh hiệu Phật A Di Đà còn một nghĩa nữa là Vô Lượng Quang, vì thân Đức Phật A Di Đà luôn luôn tỏa sáng chiếu khắp cả mười phương không chướng ngại, do đó gọi là Vô Lượng Quang.

Danh từ A Di Đà có hai nghĩa: *Vô Lượng Quang* và *Vô Lượng Thọ*.

Vô Lượng Quang có nghĩa là ánh sáng của Phật A Di Đà tỏa khắp mười phương, không phải như ánh sáng Đức Phật Thích Ca. Trong kinh nói ánh sáng thân Phật Thích Ca Mâu Ni (ra đời ở nơi thế giới của mình đây) chỉ có mấy tầm thôi (ánh sáng thường chứ không phải ánh sáng thần thông). Còn ánh sáng của Phật A Di Đà chiếu khắp mười phương. Do đó, gọi là Vô Lượng Quang.

Về thọ mạng thì tuổi thọ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, cho nên có nghĩa là Vô Lượng Thọ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại sợ mình thắc mắc về thọ mạng của Phật A Di Đà là vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp. Đức Phật A Di Đà khi thành Phật ở cõi Cực Lạc, tính đến thời điểm Đức Phật Thích Ca nói pháp được bao lâu rồi? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tự nói Đức Phật A Di Đà từ khi thành Phật ở cõi Cực Lạc, đến khi Đức Phật Thích Ca nói pháp giới thiệu

về Ngài thì đã mười kiếp. Kiếp số dài lớn lắm. Một kiếp như vậy có bao nhiêu triệu năm chứ không phải ít. Vì vậy, từ Đức Phật A Di Đà thành Phật, đến khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu thời gian là mười kiếp. Mười kiếp đó đối với thọ mạng, đời sống vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp thì chưa thấm vào đâu hết. Cho nên, bây giờ Đức Phật A Di Đà vẫn ở Cực Lạc thế giới, đến vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, Đức Phật A Di Đà vẫn còn ở đó để thuyết pháp.

Nhân dân ở cõi Cực Lạc thọ mạng cũng dài lâu như vậy. Do đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mới tiếp tục chỉ dạy: “Người nào sanh ở cõi Cực Lạc thế giới đều là bậc Bất thối chuyển”. Trong kinh gọi là A bệ bạt trí, *nghĩa là ai mà sanh về cõi đó đều là bậc A bệ bạt trí* (bậc Bất thối chuyển). Sanh về đó rồi thì từ từ chứng Thánh quả, đầy đủ trí huệ, tu lên lên bậc Thánh, Đăng giác, Diệu giác rồi thành Phật chớ không có ai lui sụt.

Đã sanh về cõi Cực Lạc rồi thì chắc chắn sẽ thành Phật. Cho nên, người được sanh về cõi đó không có tất cả sự khổ, chỉ hưởng điều vui (do đó gọi là cõi Cực Lạc), rồi một mực tiến tu lên để thành Phật, không có vấn đề ngưng lại hay thối lui. Do đó, ở cõi Cực Lạc đều là những bậc Bồ xứ Bồ tát, là những bậc sắp thành Phật, số đông không thể tính đếm, có thể dùng lời nói là vô lượng vô biên. Nhiều như vậy nên Phật Thích Ca nói người nào nghe đến đây, cũng như mình đang nghe được đó thì nên phát nguyện: “*Nguyện sanh về cõi Cực Lạc*”.

Tại sao Đức Phật dạy phát nguyện như vậy? Vì sanh về đó sẽ sống chung với những bậc Bồ xứ Bồ tát. Các bậc đó Phật gọi là chư Thượng thiện nhơn. Mình ở đây, ta bà này thấy sống lao xao. Già, trẻ, bé, lớn gồm đủ thứ chuyện, sống chung như vậy tiến tu trên đường đạo rất khó. Còn sống chung với các bậc Hiền, bậc Thánh thì lại dễ, do đó mới mau thành Phật. Ở cõi Cực Lạc không có sự già bệnh chết. Thọ sanh sang

Cực Lạc thế giới tu tập để thoát khỏi sanh tử luân hồi và được Bất thoái chuyển (tức không lui thối), tiến lên thành bậc Thánh, thành Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, nếu người nào nghe được kinh này thì nên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc để được cùng với các bậc Thánh, Thượng Thiện nhơn sống chung một chỗ.

Đó là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng ta nên phát nguyện sanh về Cực Lạc thế giới.

Lần thứ nhất trong kinh *A Di Đà*, Đức Phật Thích Ca nói được sanh về cõi Cực Lạc không phải tầm thường. Người thiện căn, phước đức ít, không sanh về được. Như vậy nghĩa là sao? Phải thiện căn phước đức nhiều mới được thọ sanh. Muốn có thiện căn phước đức nhiều thì phải làm gì?

Đức Phật Thích Ca nói: “Ai nghe đến danh hiệu Phật A Di Đà rồi chuyên chấp trì”, cũng như quý vị mấy ngày qua niệm Phật đó, như vậy tất nhiên là được thiện căn phước đức nhiều. Nhưng niệm Phật mà được gọi là *chấp trì danh hiệu* cũng không phải thường, không phải chuyện dễ làm được!

Chấp trì nghĩa là sao? Nghĩa là nắm giữ hay cầm giữ. Thí dụ như hiện tại, quý vị nhìn lên đây thấy tôi bây giờ đang nắm cầm cái gì? Tôi đang nắm cầm cái mào, và cái mào dụ cho danh hiệu Phật A Di Đà. Bây giờ tay tôi chỉ còn nắm cầm cái mào, ngoài cái mào không còn nắm cầm cái gì hết. Nếu cầm vật áo mà quý Phật tử nói tôi đang cầm nắm cái mào thì đâu có được phải không? Cái mào này tỷ dụ cho danh hiệu Phật A Di Đà. Cũng tương tự như vậy! Nếu trong tâm mình đang niệm Phật mà còn niệm nào khác thì không thể nói là niệm Phật (như ở đây tôi đang cầm cái mào chung với cái vật áo thì không thể gọi là chỉ cầm giữ cái mào được). Cho nên, tiếng *chấp trì* thực hành cũng khó lắm chứ không phải dễ, nghĩa là một thứ thôi. Chấp trì danh hiệu Phật chỉ là một thứ danh hiệu Phật thôi. Nếu trong tâm mình có một cái tưởng,

hoặc một niệm, một suy nghĩ gì khác, đâu thể gọi là chấp trì. Như tay tôi như vậy thì gọi là chấp trì cái mào, mà bây giờ lại thêm vạt áo nữa thì không thể nói chấp trì cái mào được, có phải vậy không?

Khó chớ không phải dễ đâu! Việc làm từ phàm đến Thánh đâu phải chuyện thường, phải tinh tấn cố gắng nhiếp tâm. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy, nếu mình nhiếp trì danh hiệu Phật được từ một ngày, hai ngày đến sáu ngày, bảy ngày thì được nhất tâm bất loạn, gọi là Niệm Phật tam muội, là *chánh định*. Người như vậy, lúc sắp lâm chung sẽ được Phật A Di Đà cùng với Thánh chúng hiện đến trước người đó. Người đó thấy Phật cùng với Thánh chúng thì *chánh niệm* hiện tiền, được *vãng sanh về Cực Lạc thế giới* (nghĩa là bỏ thân này liền sanh về Cực Lạc).

Việc làm từ phàm đến Thánh, từ khổ đến vui mà tóm tắt mau lẹ như vậy nên Đức Phật Thích Ca nói đó là một điều lợi lớn. Cho nên, Đức Phật khuyên tất cả mọi người đều nên phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc. Đó là lời khuyên phát nguyện lần thứ hai trong kinh *A Di Đà*.

Lần thứ nhất là khuyên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc để sống cùng với những bậc Thượng thiện nhơn, Nhất sanh Bỏ xứ. Kế đến là được Phật A Di Đà và các Thánh chúng đến hiện thân trước mặt, người đó được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Vì vậy, mọi người nên nghe theo đây mà phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc. Đó là lời khuyên phát nguyện lần thứ hai của Đức Phật Thích Ca.

Huynh đệ nên nhớ bốn chữ *chấp trì danh hiệu* trong kinh, cũng như tôi thí dụ nắm giữ cái mào này, để mà kiềm giữ cái tâm mình. Khi mình xưng danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”, làm sao trong tâm mình chỉ có “Nam mô A Di Đà Phật” mà thôi. Đừng có cái gì khác, đừng cho một niệm gì xen vào hết. Ví như khi tôi nắm giữ cái mào này thì chỉ nắm

giữ cái mao này thôi, chớ không có cái gì khác xen vào. Không có cái này xen vào, không có cái kia xen vào, chỉ có một thứ thôi. Minh tập như vậy lâu ngày thì tâm nó dần quen. Ban đầu khó lắm chớ không phải dễ, đủ thứ chuyện nó xen vào trong tâm mình. Không phải một chuyện, hai chuyện, ba chuyện đâu; cũng không phải một chục, hai chục, ba chục mà là hàng trăm chuyện, không phải ít đâu! Quý Phật tử cứ nghiệm ở nơi tâm mình thì biết, nhưng mà tại sao vậy? Vì từ lâu mình luôn sống trong tạp niệm, nó quen quá rồi. Khi đã huân tập thành thói quen mà bắt nó chỉ nghĩ một thứ thôi, việc đó không phải dễ dàng.

Dù rằng không phải dễ nhưng cứ cố gắng làm, lần hồi nó cũng quen, lâu ngày tạp niệm tự bớt, mình sẽ nhất tâm lại. Nhất tâm là sao? Nghĩa là chỉ chú tâm ở nơi câu niệm Phật “Nam mô A Di Đà Phật”, lâu dần tâm nó cũng quen đi, lần bớt xao động, lần sẽ dừng lại.

Cũng có nhiều người đến than thở với tôi là muốn giữ cái tâm lại, nhiếp tâm để chấp trì danh Phật mà làm hoài nó vẫn cứ chạy. Vì cái chạy đó, nó quen lâu năm rồi. Không phải lâu năm trong đời này, mà nó đã lâu năm trong nhiều đời trước nữa. Cho nên, mình phải cột, phải nắm lại, rồi lần lần “cột nắm” cũng dần quen. Khi đứng lại thì nó cũng quen đứng luôn. Vậy nên phải thật chịu khó.

Thành thật nói với đại chúng, tôi biết niệm Phật hồi năm 14 tuổi, đến 21 tuổi mới về chùa. Thì cũng vậy, cũng chuyên về niệm Phật, tu pháp môn Tịnh độ, đến bây giờ kể ra là bảy mươi mấy năm cũng chỉ trì danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”, mà bây giờ niệm lực nó vẫn còn yếu lắm, chớ không được mạnh đâu. Thật là khó! Cảnh duyên nơi này đủ chuyện quyến rũ, đủ chuyện lôi kéo, đủ chuyện nó xen vào. Sự lôi kéo với xen vào đó do mình đã huân tập nhiều đời, nhiều năm quen chạy theo rồi. Nó chạy theo thuận quá, nó quen quá rồi, bắt nó dừng lại

tất nhiên phải dày công lắm, nhưng mà mình phải cố làm. Không làm thì đời này mình trắng tay, không được gì hết trong Phật pháp. Vì thế, Phật dạy lúc nào cũng phải tinh tấn tu hành.

Tóm lại, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy mình những cái nghe biết ở cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, sự sinh hoạt nơi cõi Cực Lạc, khuyên bảo mình phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc để chuyển từ phàm phu lên bậc Thánh, từ nơi cõi luân hồi này lên bậc Bất thối chuyển để thành Phật. Đức Phật Thích Ca dạy như vậy đó. Ngài nói chẳng phải riêng ở nơi Ngài mà mười phương chư Phật đều tán thán việc này (trong kinh mình tụng chỉ nói tắt nơi sáu phương, kỳ thật là mười phương chư Phật cũng đều tán thán việc sanh về thế giới Cực Lạc).

Vả lại, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cuối cùng cũng nói pháp môn Tịnh độ. Pháp môn niệm Phật để sanh về cõi Cực Lạc mà Phật nói đây khó tin lắm, chứ không phải dễ (rất khó tin). Nên trong kinh *A Di Đà*, vị nào có tụng thì biết, chư Phật mười phương đều khen ngợi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở nơi cõi này mà giảng dạy pháp môn niệm Phật để sanh về cõi Cực Lạc là rất khó, khó hơn ở cõi ngũ trược mà thành Phật. Nơi cõi ngũ trược mà thành Phật đã khó, song nói pháp môn này lại càng khó hơn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau đó nhấn mạnh lại rằng: “Đúng như vậy! Đức Phật ở thế gian này nói pháp môn niệm Phật, cầu sanh về cõi Cực Lạc rất là khó”. Bây giờ, quý Phật tử ở đây đều tin, đều phát nguyện, sớm tối tu hành niệm Phật cầu sanh về cõi đó, như vậy tất nhiên là việc khó. Chư Phật mười phương và Đức Phật Thích Ca nói khó mà quý vị đã làm được rồi. Việc khó tin mà quý vị quyết tâm làm thì cũng làm được. Như vậy, việc này hy hữu, ít có lắm, nên phải cố gắng tinh tấn tu hành, đừng nản (đừng nghĩ mình niệm Phật sao nó cứ loạn, niệm Phật sao không nhất tâm, niệm Phật sao kiềm giữ không được...).

Chúng ta phải nghĩ thế này: “*Chỉ vì thói quen mà thôi, mình chịu khó luyện tập kiên giữ thì cũng có thói quen luyện tập kiên giữ. Thói quen này thuần thì nó có sức mạnh. Có sức mạnh rồi thì không có gì khó đâu, cứ cố gắng làm rồi sẽ thành công*”.

Cũng mong nơi tất cả đại chúng tinh tấn, nhất tâm nhiếp trì danh hiệu Phật, và ai cũng được về cõi Cực Lạc khi bỏ thân này. Ai cũng có ngày bỏ thân này, nhưng có người nghe nói sanh về cõi Cực Lạc thì sợ lắm. Sợ bị chết đó! Nhưng có ai khỏi chết đâu mà sợ. Thế nào rồi cũng phải chết thôi, sợ gì. Chỉ sợ sau khi chết rồi, mình sanh ở nơi không tốt, chỗ khổ, chỗ xấu mà thôi. Cũng như thay áo, bỏ áo này thì có gì đáng sợ! Sợ là bỏ áo này mà mặc áo không tốt hơn mà thôi. Nếu bỏ áo này mặc áo tốt hơn thì nên vui mừng, việc gì phải sợ! Cho nên, bỏ thân này sanh về cõi Cực Lạc phải nên vui mừng. Việc mà thập phương chư Phật nói khó tin nhưng mình lại tin, lại làm được, như vậy phải rất vui mừng!

Mong mỗi tất cả đại chúng đều tinh tấn nhất tâm tu hành. Cầu nguyện từ lực Đức Phật A Di Đà, cũng như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng với mười phương chư Phật, cho đến các vị Bồ tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chư Thượng thiện như đến gia hộ cho tất cả Phật tử. Tất cả chúng ta khi bỏ thân này, đều được sanh về thế giới Cực Lạc, xa lìa sanh tử luân hồi, không còn sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não, hưởng sự an vui, tự tại, giải thoát.

Mong mỗi tất cả đại chúng, ai nấy đều thành công trong pháp môn niệm Phật, chấp trì danh hiệu Phật để được vãng sanh Tịnh độ, thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà!

Nam mô A Di Đà Phật.

4. KỆ NIỆM PHẬT HẠ THỦ CÔNG PHU

“Nam mô A Di Đà

**Không gấp cũng không huẩn
Tâm tiếng hiệp khẩn nhau
Thường niệm cho rành rõ”.**

Khi hạ thủ công phu nơi một câu hồng danh của Phật “Nam mô A Di Đà Phật” hay “A Di Đà Phật”, phải niệm cho được vừa chừng, không quá mau (*không gấp*), cũng không quá chậm (*không huẩn*), là niệm cho đều đặn. Kế đó, phải giữ làm sao cho tiếng niệm Phật cùng với tâm mình hiệp khẩn nhau, nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải nằm ở trong tâm, không để cho nó xao lãng theo một tiếng gì khác. Hễ nó thoát rời đi thì phải nhiếp kéo nó trở lại liền, để cho nó trụ nơi cái tiếng, như vậy gọi là “*tâm tiếng hiệp khẩn nhau*”. Nghĩa là cái tâm và cái tiếng không khi nào rời nhau, mà tâm và tiếng không rời nhau thì đó mới gọi rằng thiết thật niệm Phật. Chớ nếu trong lúc mình niệm Phật mà lại tưởng và niệm những việc khác, đó là mình niệm việc khác chớ đâu phải là thật niệm Phật. Nếu là thật niệm Phật thì trong tâm mình chỉ nhớ và tưởng Phật mà thôi. Bây giờ niệm danh hiệu Phật, tất nhiên là mình nhớ và tưởng lấy ở nơi cái tiếng niệm Phật, cái hiệu của Phật, như vậy mới gọi là thiết thật niệm Phật. Thành ra, mình làm cái gì cũng phải cho thiết thật trúng cái đó, chớ nếu sai đi, tất nhiên khó có thể thành công được, do đó mới có câu “*tâm tiếng hiệp khẩn nhau*”. Nên nhớ kỹ lắm mới được! Khi niệm Phật phải nhớ câu đó và phải làm cho đúng theo mới có lợi lạc. Nếu được tâm tiếng hiệp khẩn nhau như vậy mới gọi là niệm đúng cách và thiết thật.

Giờ đây, phải “*thường niệm cho rành rõ*”. Tâm tiếng hiệp khẩn nhau rồi, nhưng phải để ý cho nó rành. Rành là rành rẽ, tức là từ tiếng, từ câu không có lộn lạo; còn rõ là rõ ràng. Tiếng niệm Phật cho rõ ràng, hễ “Nam” thì rõ tiếng “Nam”, “A” thì “A”, cho đến “Phật” thì “Phật”. Cái tiếng không trại đi, phải cho thật rõ, vì điều này rất cần lắm. Nếu mình niệm

mà không nhận cho rành rẽ và rõ ràng, niệm một cách bơ thờ, về sau khi công phu được thuần thục, mà khi thuần rồi, cái niệm trong tâm nó tự nổi lên cũng không rành rẽ, nó hơi trại đi. Còn nếu lúc nào cũng giữ cho nó rành rẽ, thì khi thuần thục, trong tâm mình nó cũng nổi lên cái tiếng niệm Phật rõ lắm, điều này rất quan trọng. Nên nhớ chữ “*thường*”, nếu muốn được cái tâm mà về sau nó tự niệm lấy nó, không cần phải ép buộc nó mới niệm, phải *thường*, nghĩa là luôn luôn niệm cho được nhiều giờ và thời gian cho được tương tục nên gọi là *thường*. Chớ nếu trong một ngày, một đêm mà chỉ niệm có một hay hai tiếng đồng hồ thôi, còn 22 tiếng kia lại nghĩ việc này việc nọ thì biết bao giờ tâm mới thuần thục được! Phải tập cho nó niệm luôn, lâu ngày thành quen thuộc. Nhưng bây giờ mình bận đủ các công việc, đâu phải như những vị rảnh rang cảm túc, kiết thất hay là tịnh niệm, tịnh khẩu chẳng hạn, vậy mình phải làm sao đây? Tất nhiên, trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi và lúc rảnh, phải bắt tâm mình nó niệm Phật, trừ khi nào tâm mình bắt buộc chú trọng đến những công việc gì khác, nhưng xong rồi phải nhớ niệm Phật lại. Ví như lúc mặc áo cũng niệm Phật được, bởi vì lúc đó cái tâm có thể rảnh để niệm Phật. Lúc ngồi ăn cơm cũng vẫn niệm Phật được, hoặc lúc nằm nghỉ... chớ không phải chỉ niệm Phật lúc ở trước bàn Phật, có chuông, có mõ quỳ nơi đó. Nếu chỉ có như vậy thì thời gian ít lắm, không thể gọi là thường làm được, và nếu không làm được như vậy thì khó thuần thục, khó thành thói quen. Về công hạnh niệm Phật, điều đó cần phải nhớ lắm mới được.

“Nhiếp tâm là Định học.

Nhận rõ chính Huệ học.

Chánh niệm trừ vọng hoặc.

Giới thể đồng thời đủ”.

Trong một câu niệm Phật gồm cả ba môn Vô lậu học mà các vị đệ tử của Phật cần phải thực hành, là Giới, Định và Huệ. Như vậy, trong câu niệm Phật đang thực hành mà tương ứng với Giới, Định, Huệ là thế nào? Đáng lẽ là bài kệ phải nói Giới trước rồi mới Định và Huệ, nhưng vì phải theo việc trình bày, thành ra phải để Giới về sau.

Trước hết là mình nhiếp tâm niệm Phật, không nghĩ việc gì khác, tâm trụ nơi câu niệm Phật thôi, đó là mình đang học về môn Định. Đây là nói học về môn Định chứ không phải được Định. Nhưng đã học môn Định thì tương ứng với Định, một ngày kia sẽ được Định. Đó là môn Vô lậu học thứ nhất, gọi rằng **Định học**.

Kế đó, trong lúc niệm Phật, tâm và tiếng hiệp khẩn nhau, mình lại nhận biết rõ ràng và rành rẽ câu Phật hiệu. Tất nhiên trong lúc đó, tâm mình sáng nên mới nhận được rành rẽ và rõ ràng, chứ nếu không sáng thì làm sao mình nhận được rành rẽ. Cái sáng đó nó tương ứng với Huệ, đây là môn Vô lậu học thứ hai, gọi là **Huệ học**. Và trong lúc niệm Phật thì không có những vọng tưởng, tất nhiên không có những lỗi lầm là tương ứng với Giới. Đây là môn Vô lậu học thứ ba, gọi rằng môn học về **Giới**.

Đó là từ dưới đi lên trên, hay là bắt từ trên trở xuống dưới thì nhiếp tâm thuộc về **Định học**. Tâm mình nhận rành rẽ và rõ ràng đối với câu niệm Phật là tâm sáng, tương ứng với **Huệ học**. Vọng niệm không khởi, chánh niệm hiện tiền, không có sự lỗi lầm trong lúc niệm Phật tức là tương ứng với **Giới**. Như vậy, trong lúc mình thực hành một câu niệm Phật đủ cả ba môn Vô lậu học (Giới, Định, Huệ). Mà đã tương ứng với Giới, Định, Huệ rồi thì một ngày kia, khi câu niệm Phật được thuần, tất nhiên sẽ thành tựu được cả ba môn Vô lậu học. Như vậy, mình thấy trong hiện đời, đã có sự lợi ích rất lớn là được điều nhiếp thân tâm đi vào nơi pháp lành, tương ứng với ba môn

Vô lậu học là ba điều mà Đức Phật dạy. Hễ đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia đều phải tu tập và trong tương lai, tất nhiên nhờ ở nơi Tịnh nghiệp mình tu hành đó sẽ được vãng sanh về Cực Lạc thế giới, bảo đảm sự giải thoát thẳng đến lúc thành Phật không thối chuyển.

Như vậy, pháp môn Niệm Phật, nếu mình suy nghĩ kỹ, sẽ thấy lợi ích lớn biết chừng nào. Cần phải noi theo và thực hành cho đúng và cũng phải cố gắng khuyên những người có duyên với mình đều phải *tín*, phải *nguyện* và *thực hành* như mình để cho mình cùng tất cả mọi người đều được lợi ích nơi pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy và đúng theo bản hoài của Ngài là muốn cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Tóm lại, mấy câu kệ trên nói về nơi hạ thủ công phu. Ở nơi một câu hồng danh của Phật “Nam mô A Di Đà Phật” hay là “A Di Đà Phật”, niệm cho vừa chừng, không quá mau gọi là *không gấp*, không quá chậm gọi là *không hưỡn* và nơi đó phải nhiếp tâm theo cái tiếng niệm Phật. Tâm với tiếng đi đôi với nhau, gọi là *tâm tiếng hiệp khẩn nhau*. Phải niệm cho được nhiều giờ trong ngày đêm. Khi niệm, cái tiếng phải cho nó rõ ràng, nhận cho nó rành rõ, nên gọi rằng *thường niệm cho rành rõ*. Kế đó, mới hiệp câu niệm Phật cho tương ứng với ba môn Vô lậu học Giới, Định và Huệ. Khi mình niệm thì nhiếp tâm, không cho tán tâm, tâm trụ nơi tiếng niệm Phật. Như vậy gọi rằng tâm duyên nơi một cảnh, nghĩa là cái tâm ở nơi một cảnh hồng danh của Đức Phật, đó tất nhiên là học về môn Định. Và khi niệm đó thì trí rất sáng, nhận ra tiếng niệm Phật rõ ràng, từ câu rành rẽ. Trí sáng đó tất nhiên là tương ứng với môn Huệ học, lần lần trí huệ sẽ phát.

Trong khi mình niệm thì nhiếp tâm nơi chánh niệm, vọng niệm không xen vô, mà những lỗi lầm đều ở nơi vọng tâm phân biệt mà ra. Nay vọng tâm không có, tâm trụ ở chánh

niệm, như vậy những lỗi lầm không có. Mà giới là chi? Tất nhiên là để ngăn, không cho thân khẩu ý tạo tội lỗi. Giờ đây, thân khẩu ý trụ nơi câu niệm Phật là chánh niệm thì không có những tội lỗi, tương ưng với Giới. Như vậy, trong một câu niệm Phật, lúc mình chuyên tâm đúng cách thì đầy đủ cả Giới Học, Định Học và Huệ Học. Khi Giới, Định, Huệ phát ra thì thành tựu, là chứng quả Thánh.

Giờ đây, mới tiếp tục đề tiến lần thêm ở nơi cái phần niệm Phật cho nó được nơi Sự tam muội, hay Lý tam muội, tức là chánh định niệm Phật về Sự và chánh định niệm Phật về Lý. Theo đúng như trong kinh nói: “Người niệm Phật mà được ở nơi Sự tam muội, thì khi lâm chung chắc chắn vắng sanh, vắng sanh rồi tất nhiên không mất phần Trung phẩm, và nếu được gồm Lý niệm Phật nữa thì khi vắng sanh không mất phần Thượng phẩm. Thượng phẩm tức là bậc Đại Bồ tát. Trung phẩm là ngang hàng với bậc Thánh của Nhị thừa, thành ra không phải bậc thường được”. Đây theo nơi bài kệ đề tuần tự giảng giải. Quý đạo hữu nên nghe kỹ và cố gắng, để mình đi được bước nào thì được bước nấy.

“Niệm lực được tương tục

Đúng nghĩa chấp trì danh

Nhất tâm Phật hiện tiền

Tam muội Sự thành tựu”.

Khi niệm Phật nhiếp tâm đúng cách như vậy rồi, niệm mỗi ngày mỗi đêm, niệm được nhiều giờ, nhiều thời gian gọi rằng thường niệm. Đã thường niệm rồi, trải qua một thời gian tất nhiên cái tâm được thuần thực. Khi tâm được thuần thực rồi thì nó có cái trốn niệm Phật nơi tâm. Lúc đó thì không còn cần phải tác ý, không cần phải dụng công, nhưng nơi tâm vẫn cứ tiếp tục nổi lên tiếng niệm Phật. Nhớ kỹ là cái tâm nổi lên tiếng niệm Phật không có gián đoạn, nghĩa là đi, đứng, nằm,

ngồi, gì cũng nhận thấy rằng tâm mình nó vẫn có tiếng niệm Phật, không cần phải dụng công tác ý gì hết, đó gọi rằng là được *niệm lực tương tục*, là sức chánh niệm nối tiếp. Cho nên biết rằng, lúc mình tác ý dụng công thì phải cố gắng lắm cái tâm mới chịu duyên theo tiếng niệm Phật, nhưng thật ra trong lúc đó, tâm có nhiều khi không ở nơi mình, cái miệng niệm Phật, tiếng có phát ra mà cái tâm nhiều khi nó nhận ra câu thứ nhất, câu thứ nhì thì lơ là, hay là ở trong câu niệm Phật nó nhận tiếng “Phật” tiếng “A” gì đó, tiếng “Mô” lại lơ là. Còn giờ đây tâm tự niệm Phật, do sau khi mình niệm Phật được thường lâu ngày nó thuần thục. Nói lâu ngày đây, chớ như trình độ này, có người chỉ trong một ngày một đêm có thể được, nếu căn trí lanh lợi và tinh tấn. Có người chừng bảy ngày đã được rồi, còn người niệm Phật không được thường lắm thì phải thành ra lâu. Nếu được cái sức niệm Phật ở nơi tâm tự động nó niệm, gọi là *bất niệm tự niệm* thì được chánh niệm nối tiếp luôn gọi là *niệm lực được tương tục*, mới đúng với cái nghĩa *chấp trì danh hiệu* mà trong kinh *A Di Đà* các đạo hữu thường tụng.

Thường thường, người tụng kinh *A Di Đà* ít có để ý, vì lời Phật nói ra không phải là thông thường, cần phải để ý lắm. Hễ Phật nói nhất tâm thì nhất định là cái tâm phải chuyên nhất thôi, không được xen gì hết mới gọi là nhất tâm. Còn Phật nói nhất niệm thì tất nhiên là cái niệm phải cột nó lại trong một chỗ mới gọi là nhất niệm. Giờ đây, Phật gọi rằng chấp trì danh hiệu thì tất nhiên ở nơi danh hiệu Đức Phật, nơi hồng danh Đức Phật *A Di Đà* hay là Nam mô *A Di Đà Phật*, phải nắm cầm cho chắc, không lúc nào rời và không để cái gì xen tạp vô, như vậy mới gọi rằng cái tâm nó chỉ nắm cầm hay là giữ chắc một câu niệm Phật không rời. Nếu giữ chắc không rời câu niệm Phật mới gọi là niệm lực tương tục, dù không niệm tâm vẫn tự niệm, nói gọn lại là *bất niệm tự niệm* và cái chánh niệm nó được nối tiếp, nghĩa là tương

tục. Đó mới thật là cái nghĩa chấp trì danh hiệu trong kinh *A Di Đà*. Nên cuối câu kệ gọi rằng: “Niệm lực được tương tục. Đúng nghĩa chấp trì danh”.

Khi niệm lực được tương tục, tâm nắm giữ danh hiệu của Đức Phật mà không có một tạp niệm xen vô thì trong một thời gian, tâm vọng tưởng dừng lại, lìa hết tất cả cảnh ngũ trần, là sắc, thanh, hương, vị, xúc nó không còn duyên nữa. Lúc đó, dù có con kiến cắn cũng không hay, nghĩa là lìa nơi xúc trần, dù có mùi hương thoảng cũng không biết là lìa nơi hương trần và cho đến có tiếng chi một bên cũng không nghe, có cái chi ở trước mắt cũng không thấy, dù lúc đó mở mắt, mà cái tâm chỉ duyên rành rẽ ở câu niệm Phật và chỉ có nhận câu niệm Phật mà thôi. Lúc đó, trong thì quên thân, ngoài không duyên theo cảnh, cái tâm nó đứng lặng là” nhất tâm bất loạn”. Khi được như vậy rồi, trong kinh *Vô Lượng Thọ* nói, lúc đó Phật thân hiện, Phật *A Di Đà* hiện cho đến Phật cảnh Cực Lạc hiện, nên câu kệ gọi rằng: “**Nhất tâm Phật hiện tiền**”. Đó là thành tựu được Sự tam muội. Câu kệ gọi là: “**Tam muội sự thành tựu**”. Chánh định thuộc về Sự, thì tâm mình chỉ trụ ở nơi câu niệm Phật. Trong quên thân, ngoài không duyên theo cảnh, và lúc đó Phật và Thánh cảnh hiện, nó thuộc về sự tướng. Nếu người được ngang đây thì sau khi vãng sanh bảo đảm ở nơi Trung phẩm, tất nhiên ngang với hàng Thánh của Nhị thừa. Còn nếu được “niệm lực tương tục, đúng nghĩa chấp trì danh” ở trên là bảo đảm vãng sanh, nhưng mà trong phẩm vị thì chưa chắc phẩm nào, còn tùy theo ở nơi thiện căn công đức của người tu hành.

“Đương niệm tức vô niệm

Niệm tánh vốn tự không

Tâm làm Phật là Phật

Chứng Lý Pháp thân hiện”.

Bây giờ, do chánh định thuộc về Sự nên tâm đứng lặng, do tâm đứng lặng thành ra trí huệ phát. Trí huệ đây gọi là Vô lậu trí huệ hay là Thánh trí phát. Do nơi phát đó mà toàn thể tự tâm bỗng tánh hiển hiện. Trong Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh. Lúc đó, đã thấy bỗng tánh rồi, mà bỗng tánh không phải tánh riêng của một cái gì hết, nó là tánh của tâm mà cũng là tánh của pháp, nói chung là của tất cả pháp. Mà đã là tánh của tất cả pháp rồi thì đương nhiên lúc niệm Phật đó, cái tâm nó trụ ở nơi câu niệm Phật, nơi Sự niệm Phật. Chính ở nơi Sự niệm Phật đó lại tỏ ngộ, thấy là vô niệm. Cho nên biết rằng, thể tánh chân thật của tất cả các pháp, nghĩa là không luận của tâm hay của sắc đều là tánh không tịch cả. Đã không tịch tất nhiên không có một sự gì và cũng không có một tướng gì hết. Cái thể tánh chơn thật nó như vậy. Do đó, mới tùy duyên ra mà có tất cả sự, tất cả pháp. Vì vậy, nên khi tỏ ngộ bỗng tâm tự tánh rồi thì thấy cái chánh niệm mình đương niệm đó tức là vô niệm, gọi là “*đương niệm tức vô niệm*”.

Cái tánh của chánh niệm không phải mình làm cho nó không, bởi vì bỗng lai (xưa nay) là không. Cũng như cái tánh của tất cả tâm, cái tánh của tất cả pháp, bỗng lai nó là không tịch. Do đó, cho nên sợ rằng người học đạo không biết “*cố ý mà dần ép cái tâm*”, phải nhận ra rằng ngay lúc đương niệm tánh nó là không. Lúc đó, thấy cái niệm là không tánh mà cũng rõ biết rằng tánh của niệm bỗng lai nó là không. Như vậy, mới thật là thấy cái thật tánh của niệm. Nếu thấy thật tánh của niệm thì thấy thật tánh của các pháp, bởi vì tất cả pháp đều là một tánh mà thôi.

Cho nên, thấy thật tánh của một pháp tất nhiên thấy được thật tánh của tất cả pháp. Nên hai câu kệ mới nói “*đương niệm*”, chính lúc đương niệm đó không phải bỏ niệm, mà giác ngộ là vô niệm. Giác ngộ vô niệm là chi? Tức là cái niệm tánh không tịch, mà cái niệm tánh không tịch đó là tánh bỗng lai của

cái niệm, cho nên gọi rằng “*niệm tánh vốn tự không*”, chớ không phải là nó mới “*không*” đây, tại vì trước kia mình mê muội, mình theo sự tướng thấy nó thế này, thế kia đủ thứ hết.

Giờ đây, giác ngộ được rồi thì thấy bản tánh không tịch, bản tánh không tịch đó là bản lai từ hồi nào đến giờ nó vẫn không tịch như vậy, chớ không phải mới, không phải do mình tu hành đây rồi mới là không.

Kể đến câu: “**Tâm làm Phật là Phật**”.

Đồng thời, lúc đó phải giác ngộ cái tâm của mình đây chính là chơn tâm thật tánh của mình. Vì rằng ở trên, hễ giác ngộ ở nơi tâm niệm đó rồi thì thấy rõ bản tâm của mình làm Phật, và bản tâm đó chính là Phật. Đó gọi rằng là bản tâm chơn thật. Lúc đó, tất nhiên gọi rằng chi? Là đã chứng nơi Lý tánh, thành tựu Lý tam muội niệm Phật và đồng thời Pháp thân Phật hiện. Ở trên về Sự tam muội, gọi rằng Phật hiện tiền, lúc đó có Phật ở ngoài mình mà hiện ra, rồi mình thấy Phật hiện. Còn giờ đây ngay nơi tâm mình làm Phật là Phật. Nên biết rằng, sự tỏ ngộ đó không phải do trí suy luận mà tỏ ngộ, chính là Hiện lượng chứng trí lúc đó nhận như vậy, thấy như vậy, chứng như vậy chớ không phải là suy luận. Mà đã chứng ngộ bản tâm mình làm Phật và tức là Phật, vậy Phật và tâm không phải hai, chính tâm là Phật, Phật là tâm. Như vậy, tất nhiên là chứng nơi Pháp thân, gọi là Pháp thân hiện tiền. Lúc đó, Pháp thân Phật hiện, còn ở trên, nơi Sự tam muội mà Phật hiện đó là Phật sự tướng hiện, sắc thân Phật hiện, còn đây là “Pháp thân Phật hiện”. Nếu người được đến đây rồi, khi vãng sanh quyết định ở nơi Thượng phẩm, tức là một vị Đại Bồ tát. Hiện tại, người ấy ở tại đây cũng là một vị Bồ tát. Tầng bậc này đối với Thiên tông gọi là chứng tâm tánh. Sau khi minh tâm kiến tánh rồi, chứng tâm tánh gọi là đại triệt, đại ngộ. Nhưng pháp môn Niệm Phật thì hơn Thiên tông, bởi vì Thiên tông đến khi minh tâm kiến tánh hay là chứng nhập tự tánh

rồi, còn cần phải theo một thời gian rèn luyện để dứt trừ những nghiệp chướng phiền não. Còn người niệm Phật thì không như vậy. Bởi vì ngoài sự tỏ ngộ ra, còn có nguyện lực của Phật nhiếp trì, mà đã vào trong nguyện lực của Phật nhiếp trì rồi, tất nhiên chẳng những là chứng ngộ nơi tự Pháp thân mà cũng ở vào nơi Pháp thân của Đức Phật A Di Đà. Do đó, không luận nghiệp chướng phiền não, sau khi bỏ thân này rồi sanh về Cực Lạc thế giới, được vãng sanh ở Thượng phẩm thì mấy cái đó tự mất. Thế nên, trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* có nói: “Người được vãng sanh về Thượng phẩm, bậc đó gọi rằng ở vào Sơ địa Bồ tát”. Hiện tiền, sau khi sanh về có thể dùng trí lực và thần thông, hiện thân làm Phật trong 100 thế giới không Phật. Nghĩa là trong những thế giới nào không Phật thì vị Bồ tát có thể hiện thân làm Phật để độ chúng sanh. Nên biết rằng, mỗi thế giới như vậy là có vô số tiểu thế giới hiệp lại, cũng như ta bà thế giới của mình có 1.000 triệu tiểu thế giới hiệp lại, nghĩa là 1.000 triệu thái dương hệ hiệp lại mới thành thế giới ta bà.

Do đó, lúc đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi, thì cái thân hiện ra gọi rằng “thiên bá ức”, nghĩa là 1.000 trăm ức, 1.000 trăm lần ức. Một ngàn trăm ức đó là 1.000 tỷ. 1.000 tỷ thân Phật Thích Ca chớ không phải chỉ một thân Phật Thích Ca. Đó là nói một thế giới, mà đây vị Bồ tát chứng Lý Pháp thân, nghĩa là ở nơi Lý Niệm Phật tam muội thành tựu rồi, vãng sanh về cõi Cực Lạc, trụ nơi bậc Sơ địa có thể dùng thần thông trí huệ hiện thân làm Phật ở trong 100 thế giới không Phật tế độ chúng sanh.

Mình thấy pháp môn Niệm Phật, nếu bắt đầu từ dưới nhìn lên trên, và từ trên nhìn lần xuống dưới, đường đi rành rẽ hết sức phân minh. Và ở nơi đó, mình thấy cũng không đến nỗi quá khó, chỉ khó là mình phải tin, quyết định thực hành, tinh tấn và không giải đãi mà thôi. Khó là có chịu nhất định để tu

và quyết định tinh tấn hay không? Chỉ khó nơi đó mà thôi. Theo pháp môn Niệm Phật thì không có gì là khó lắm, không phải như các pháp môn khác. Vì các pháp môn khác do tự lực. Tự lực thành khó, các pháp môn khác tu đến chỗ chứng Lý Pháp thân hiện không phải dễ. Bên Thiên Tông thuộc về Vô tướng tu. Vô tướng tu khó nắm nơi đâu để làm cột trụ, để hạ thủ. Nếu sai một chút thì thuộc về hữu tướng, mà hữu tướng tất nhiên không phải của Thiên tông, sai rồi thì không thành tựu được. Còn như theo Pháp Hoa tông mà tu thì cũng phải tâm chỉ tâm quán, cái đó không phải dễ được. Theo Hoa Nghiêm tông thì thuộc về pháp quán rất khó. Theo như Duy thức tông tu thì phải là Duy thức quán, quán chẳng phải dễ. Đó là nói những pháp môn thuộc về tự lực tu.

Muốn đến được trình độ chứng Lý Pháp thân hiện thì phải ở các Tông thuộc Viên đốn Đại thừa. Nếu ngoài những Tông đó ra mà tu những Tông khác thì không thể đến các tầng đó được. Những Tông vừa kể trên tu chứng đến tầng này khó lắm, bởi thuộc về tự lực. Còn đây, ngoài tự lực, pháp môn Niệm Phật này còn có tha lực, tức là nguyện lực của Phật nhiếp trì. Do đó, có sự dễ dàng hơn, bảo đảm hơn. Huống nữa trong pháp môn Niệm Phật này, nếu mình chỉ được tầng công phu thấp nhất là có sự chuyên niệm được tương ứng với nghĩa “chấp trì”, tất nhiên bảo đảm vãng sanh. Nếu được vãng sanh rồi thì dự vào hàng Thánh, được Bất thối chuyển nơi đạo Vô thượng. Dù rằng đối với các bậc mà được Sự tam muội niệm Phật hay Lý tam muội niệm Phật là còn thấp. Nhưng kỳ thật, khi đã được vãng sanh thì dự vào hàng Thánh, được Bất thối chuyển, nhất là được về thế giới Cực Lạc thì không có các sự khổ về già, bệnh, chết, không có các sự khổ của những cảnh duyên làm mình xao động, hoặc là sự ép buộc ở thời tiết, nhất là những việc ăn, việc mặc, làm mình bận rộn cả ngày đêm. Không có tất cả điều đó tất nhiên rảnh rang tu hành, mà trong

khi rảnh rang đó lại có tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, tiếng nước chảy đều phát ra tiếng nói pháp hết.

Hơn nữa, nơi Cực Lạc thế giới, như trong kinh *Vô Lượng Thọ*, *Quán Vô Lượng Thọ*, kinh *A Di Đà* mà các đạo hữu thường tụng, thì các bậc Nhất sanh Bồ xứ Bồ tát Thượng thiện hơn là bạn, và người được vãng sanh sẽ ở chung với các bậc đó. Cho nên, trong kinh *A Di Đà* có nói: “Những người nào mà nghe nơi đây thì phải phát nguyện, nguyện sanh về Cực Lạc thế giới. Tại sao vậy? Vì đồng với các bậc Thượng thiện hơn Nhất sanh Bồ xứ Bồ tát câu hội một chỗ, ở chung một chỗ”.

Như vậy thì thấy, mình về bên đó rồi thì cùng ở chung với các bậc Đại Bồ tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và vô số các vị Bồ tát khác. Cung điện của mình ở đây, thì cung điện của các Ngài ở kia, muốn gặp lúc nào cũng được, muốn hỏi han lúc nào cũng tiện. Và hóa thân Phật ở khắp nơi trong thế giới Cực Lạc, không có chỗ nào không có hóa thân Phật hết. Thành ra, muốn thấy Phật lúc nào cũng được, trừ ra những bậc thuộc về Thượng phẩm, chứng Lý Pháp thân. Chừng đó, tất nhiên về thế giới Cực Lạc, mới thấy được Báo thân thật của Phật, còn những bậc dưới thì thấy hóa thân. Hóa thân thì cũng như báo thân, bởi vì sự thuyết pháp độ sanh của Phật thì hóa thân, báo thân gì cũng giống nhau, nhưng cái thân có khác theo trình độ người: thân lớn, thân nhỏ, chỗ đẹp nhiều hay là đẹp ít khác nhau, theo trí lực ở con mắt thấy có sai khác, mà sự giáo hóa vẫn đồng.

Phật bao giờ cũng theo căn cơ mà thuyết pháp. Cho nên, trong kinh *A Di Đà*, Phật nói: “Người nào theo kinh này mà thọ trì, tu hành cùng những người đã phát nguyện, đương phát nguyện, sẽ phát nguyện vãng sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà, thời những người ấy đều đặng không thôi chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Nghĩa là người đó sẽ được vãng sanh và được bảo đảm đi thẳng đến thành

Phật. Do đó, thấy căn cơ của mình hiện tại đây, cũng như tất cả mọi người trong thời gian này mà rời pháp môn Niệm Phật, quyết khó bảo đảm giải thoát lắm, đừng nói là bảo đảm thành Phật. Vậy các đạo hữu cũng nên cố gắng tự tu cho tinh tấn và đem pháp môn Niệm Phật chỉ dạy người khác và khuyên bảo người khác nên thực hành như mình!

5. PHÁP MÔN NIỆM PHẬT LÀ PHƯƠNG TIỆN THÙ THẮNG CỦA NHƯ LAI

Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ, đức tướng như Phật không khác. Chỉ vì trái giác tánh theo trần lao, nên toàn thể trí đức chuyển thành vô minh phiền não. Rồi thuận theo phiền não gây tạo những nghiệp hữu lậu, kết thành quả báo sanh tử trong Tam giới. Từ quả báo sanh tử sanh phiền não, rồi lại gây nghiệp hữu lậu... Vì có ấy, nên chúng sanh từ vô thủy đến nay, trải vô lượng vô biên kiếp mãi chịu khổ trong vòng sanh tử luân hồi.

Vì lòng đại bi, Đức Phật xuất thế thuyết pháp độ sanh. Nguyên bản tâm của Phật chỉ muốn tất cả chúng sanh đều thoát hẳn sanh tử luân hồi, chứng viên mãn Phật đạo mà thôi. Song, vì chúng sanh căn tánh lợi độn không đồng, trí ngu sai khác nên Đức Phật phải chiều theo cơ nghi mà giáo hóa. Do đó, pháp môn của Phật có nhiều đến vô lượng.

Với chúng sanh hạng lợi căn đại trí, thời Đức Phật dạy Phật thừa để đặng liền viên Phật quả, như Thiện Tài trong pháp hội Hoa Nghiêm, Long Nữ nơi đạo tràng Diệu Pháp...

Với chúng sanh hạng căn trí kém, thời Đức Phật giảng Bồ tát thừa, Duyên giác thừa và Thanh văn thừa, để cho hạng ấy lần lượt tu tập, tuần tự chứng quả.

Với chúng sanh trình độ quá thấp, thời Đức Phật nói Thập thiện, Ngũ giới, Thiên thừa và Nhơn thừa cho hạng ấy nương

theo để khỏi sa đọa vào ác đạo, đặng còn thân nhơn thiên mà vun bồi thiện căn lần lần. Tương lai nương nơi căn lành ấy mà tấn tu Thánh đạo. Hoặc học Bồ tát thừa tu Lục độ vạn hạnh mà chứng Pháp thân, hoặc y theo Duyên giác thừa hay Thanh văn thừa ngộ duyên sanh cùng Tứ đế mà đặng đoạn phiền não chứng Niết bàn.

Tất cả những pháp môn ấy, bất luận là Tiểu thừa hay Đại thừa, Tiệm giáo hay Đốn giáo, nơi hành giả đều phải *tự lực tu tập* cho đến đoạn tận hết phiền não mới ra khỏi vòng sanh tử. Nếu kiến hoặc, tư hoặc còn chùng mảy tơ thời cội gốc sanh tử vẫn chưa dứt hẳn. Như Tam quả Thánh nhơn (A na hàm), sau khi sanh lên Bất Hườn Thiên, còn phải trải qua nhiều thời gian mới chứng quả A la hán. Chứng A la hán rồi mới thật dứt hẳn cội gốc sanh tử.

Nhưng A la hán chỉ là bậc Thánh Tiểu thừa, còn cần phải hồi tâm tu Đại thừa mà cầu Phật đạo. Rèn bi nguyện hiện thân trong lục đạo, tu hành Lục độ vạn hạnh, trên cầu thành Phật, dưới cứu khổ mọi loài, lần lượt chứng các bậc: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác Bồ tát. Bậc Đẳng giác lại phải dùng Kim Cang Trí phá một phần phẩm sanh tướng vô minh, mới viên mãn Chứng trí mà chứng Phật quả (Diệu giác).

Giáo pháp của Đức Phật chỉ dạy, từng bậc tu chứng từ phàm lên Thánh, từ Thánh đến Phật, quyết không thể vượt ngoài tuần thứ kể trên.

Đức Bổn sư của chúng ta biết rằng: “Nếu chúng sanh chỉ dùng tự lực để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh thời rất khó đặng”. Nên ngoài vô lượng pháp môn chỉ thuộc tự lực, Ngài dạy một pháp môn tự lực nương tha lực rất viên đốn, rất huyền diệu, dễ thật hành mà thành công cao, dùng sức ít mà mau có hiệu quả, tất cả căn cơ đều hạp, tất cả

Thánh phàm đồng tu. Chính là *pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh* vậy.

Đức Phật A Di Đà có thế nguyện nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Nên người dùng tín nguyện mà niệm Phật (tự lực) thời cảm thông với nguyện lực của Phật. Nương nguyện lực của Phật nhiếp thủ (tha lực), liền đặng siêu thoát sanh tử luân hồi mà sanh về Cực Lạc Tịnh độ. Đã được vãng sanh tức là cao thăng vào bậc Thánh lưu Bất thối, nên gọi là rất viên đốn, rất huyền diệu và thành công cao.

Nơi pháp môn này, phương pháp thực hành rất giản tiện, mọi người đều có thể tùy phần tùy sức mà hành đạo. Chỉ cần chỗ tu cho đúng pháp thì chắc chắn sẽ thành tựu, nên gọi là dùng sức ít, dễ thực hành và mau có hiệu quả. Tổ Thiệu Đạo cho rằng, nghìn người tu không sót một. Vĩnh Minh đại sư công nhận là mười người tu, được cả mười...

Với pháp môn Tịnh độ này, không luận là trí hay ngu, không luận là Tăng hay Tục, không luận là giàu sang hay nghèo hèn, không luận là già trẻ nam nữ, không luận là sĩ, nông, công, thương... tất cả các giới trong xã hội đều có thể tu tập và thành tựu.

Văn Thù Bồ tát nói: “Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật. Niệm Phật là *vua* trong các pháp môn”.

Đức Quán Thế Âm bảo: “Tịnh độ pháp môn hơn tất cả hạnh khác”.

Mã Minh đại sĩ bảo rằng: “Chuyên tâm niệm Phật là phương tiện siêu thắng của đức Như Lai”.

Long Thọ tôn giả nói: “Niệm Phật tam muội có đại trí huệ, đại phước đức, hay đoạn trừ tất cả phiền não, hay độ được tất cả chúng sanh. Niệm Phật tam muội hay sanh vô lượng tam muội, cho đến Thủ Lăng Nghiêm tam muội”.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát nói: “Pháp môn niệm Phật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát tất nhất của mọi loài”.

Ấn Quang đại sư từng nói: “Vì nương Phật lực nên tất cả mọi người, không kể là nghiệp hoặc nhiều hay ít, cũng không kể công phu hành đạo cạn hay sâu, miễn *tin cho chắc, nguyện cho thiết*, thời quyết muôn người tu muôn người vãng sanh không sót một. Còn nếu là bậc đã đoạn hoặc chúng chơn mà cầu vãng sanh, thời đốn siêu Thập địa; bậc Thập địa mà cầu sanh thời mau viên Phật quả. Vì thế, nên Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v... các Đại Bồ tát đều nguyện vãng sanh. Đến như những kẻ tạo ác cả đời sắp đọa địa ngục, hồi tâm niệm Phật cũng được giải thoát, như các ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Húc, Hùng Thuần, Duy Cung v.v...”.

Hạng người phạm tội ác ấy mà còn thành tựu được thay, huống là những người chưa quá ác, huống là những người lành!

Do đây nên thấy rằng, pháp môn Tịnh độ này nhiếp cả Thánh phàm, nhiếp cả thiện ác, nhiếp cả chúng sanh, như biển lớn gồm thâu muôn dòng vậy.

Vì pháp môn Tịnh độ với chúng sanh có sự lợi ích rộng lớn như thế, nên muôn kinh vạn luận luôn luôn nhắc đến, chư Thánh chư Hiền đều nguyện cùng về.

Thật là: “Cứu giới chúng sanh rời pháp môn này thời chẳng thể viên thành Phật quả. Thập phương chư Phật bỏ pháp môn này quyết không thể độ khắp quần sanh”.

Trong kinh *Đại Tập*, Đức Phật có lời huyền ký: “Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có một người được giải thoát. Chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”.

Đó là Phật bảo chúng ta phải tín hướng và thực hành theo pháp môn Tịnh độ này vậy. Chúng ta há chẳng phải là người thời mạt pháp đó ư!

Vì những lẽ như trên mà biết rằng: Ngoài môn niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chúng ta hiện đời không thể siêu sanh thoát tử được. Còn đúng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh này mà tu, chắc chắn một đời này chúng ta đặng vãng sanh Cực Lạc, và đảm bảo trên đường thành Phật.

Thế nào là tu đúng pháp?

Tổng quát rằng: “Thật vì sanh tử phát Bồ đề tâm, dùng tin sâu và nguyện thiết mà chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật”. Đây là tông thú chủ chánh của pháp môn Tịnh độ này. Tâm hạnh đúng theo đây gọi là tu đúng pháp.

Khi được nghe giáo pháp của Đức Phật dạy về pháp môn Tịnh độ, chúng ta tự nghĩ rằng: “Cõi ta bà là chốn ngũ trược ác thế, Tam giới như là lửa, cõi Dục mà chúng ta hiện ở đây khác nào một cái hố sâu đầy sinh. Ta và mọi người cho đến muôn loại, hiện tại cũng như dĩ vãng, nhiều đời nhiều kiếp mang lấy không biết bao nhiêu là sự thống khổ trong vòng sanh tử luân hồi. Ngày nay, ta được thân người, lại được nghe biết pháp môn giải thoát mau tất siêu thắng, ta phải kíp quyết chí y pháp tu hành, để mình và mọi người đồng thoát ly sanh tử khổ, đồng chứng chơn thường lạc”. Đây là thật vì sanh tử mà phát Bồ đề vậy.

Rồi ta tự nhận rằng: “Thân cùng cảnh ở ta bà này đủ điều chướng đạo, như dễ sanh phiền não, dễ đắm nhiễm, dễ gây ác nghiệp. Nội những sự già, bệnh, chết, vô thường thiên biến cũng đủ ngăn trở con đường giải thoát của ta. Còn thân cùng cảnh ở Cực Lạc rất là lợi đạo, thường được thấy Phật, luôn nghe pháp âm, nên tâm thanh tịnh và định huệ thành; ở chung

với chư Đại Bồ tát Thượng thiện hơn thời Thánh nghiệp ngày tăng, chánh hạnh ngày tấn; không già, không bệnh, thọ mạng vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, nên nội một đời, một thân thăng lên đến bậc Đăng giác Bồ xứ thành Phật”.

Ta lại nhận định: “Nguyện lực của đức Từ phụ A Di Đà rộng lớn bất tư nghị. Nay ta đứng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ mà tu, quyết đặng Phật nhiếp thọ, quyết đặng vãng sanh. Đã đặng vãng sanh tức là trụ bậc Bất thoái, mau thành Phật đạo. Chỉ có nguyện lực của Phật là chiếc thuyền từ có thể đưa ta ra khỏi biển khổ trôi. Chỉ có cõi Cực Lạc là Đại Học Đường có thể đem ta đến bờ Đại giác”.

Tự nhận như thế rồi, bèn chặt một lòng nguyện thoát ly ta bà ác trược, như người tù muốn ra khỏi ngục tối không chút quỵ lụy; nguyện về Cực Lạc thanh tịnh, dường như trẻ thơ đi lạc mong mỗi được về nhà không chút dằn dà.

Nhận định như vậy, lập nguyện như vậy, đó là “Tin sâu cùng nguyện thiết”.

Bắt đầu từ đây cho đến trọn đời, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, tùy sức tùy phần, chí tâm trì niệm sáu chữ hồng danh Nam mô A Di Đà Phật, coi đó như một công vụ hết sức khẩn yếu phải tận lực mà làm. Nếu là người rảnh rang vô sự thì ngày cũng như đêm, lúc đi đứng cũng như lúc ngồi nằm, giữ chặt chánh niệm. Phật không rời tâm, tâm không rời Phật. Hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, nhiếp cả sáu căn, Phật hiệu nối liền. Đây là tương tục chấp trì. Niệm như vậy lâu ngày sẽ tự chứng tam muội: hiện tiền thấy Phật thọ ký, lâm chung cao thăng Thượng phẩm. Còn nếu là người đa đoan công việc, như việc nước, việc nhà v.v... không nhiều giờ rảnh, thời nên tối và sáng sớm, thực hành phương pháp “thập niệm”, giữ mãi trọn đời không sót, không bỏ cũng được vãng sanh. Vì đức Từ phụ có bốn nguyện: “*Chúng sanh ở mười*

phương nghe danh hiệu tôi rồi chí tâm tin muốn, nguyện sanh về cõi nước tôi nhẫn đến mười niệm mà không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh giác”.

Ngoài ra, những người nào ở vào trường hợp chặng giữa, thời chiêm chước phân thời định khóa mà thọ trì. Tất cả đều phải cung kính, chí tâm, kỹ chắc trong lúc trì niệm, là điều kiện khẩn yếu. Hành trì như vậy gọi là chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật, và đây là chánh hạnh.

Người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc còn cần phải làm những điều lành, như có lòng từ bi, giới sát hộ sanh, bố thí cứu tế, trì trai, giữ giới, hiếu thảo cha mẹ, kính thờ sư trưởng, phò trì Tam Bảo, lợi mình lợi người, dẹp lòng ngã mạn tham sân, thêm lớn hòa vui nhẫn nhục, tin sâu như quả, mở mang chánh kiến... dùng đây làm trợ hạnh.

Tín nguyện đã có, chánh trợ đã đủ, đến lúc lâm chung, chắc chắn được đức Từ phụ cùng Thánh chúng thừa bốn nguyện lực, đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Tín, Nguyện và Hạnh phải được cả ba mới được vãng sanh, như cái đánh ba chân, thiếu một thời ngã. Nhưng nên hiểu thêm rằng: “Được vãng sanh là do lòng tin sâu chắc, chí nguyện tha thiết để cảm thông với nguyện lực của Phật”. Còn nơi công hạnh ít thời quả thấp, nhiều thời phẩm cao. Do vì công hạnh không hạn cuộc mà chú trọng nơi tín và nguyện như vậy, nên đoạn trước có nói, tất cả người trong tất cả các giới ở xã hội đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu được cả. Vì tin sâu và nguyện thiết, hạng người nào cũng có thể lập được; thập niệm niệm Phật, ở trường hợp nào cũng đều thực hành được.

*Phần III:***NHỮNG CẢNH SEN TRẮNG**

Thời gian qua, tôi từng tự nghĩ: “Ta cùng thập phương chư Phật đồng một bản chơn giác tánh, đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật há chẳng từng dạy rằng, *tất cả chúng sanh đều đầy đủ Như Lai trí huệ đức tướng* đó sao!”.

Từ sơ thi có thân, không phải là ta sau chư Phật. Tại sao chư Phật, các Ngài đã giải thoát tự tại, đủ vô lượng trí huệ công đức thần thông, mà ta hiện vẫn bị buộc ràng trong vòng sanh tử, đầy vô biên phiền não, tội nghiệp khôn khổ? Phải chăng do vì chư Phật sớm chứng ngộ bản chơn, còn ta mãi mê say trần tục! Thật đáng hổ thẹn! Thật đáng thống trách!

Tôi lại tự nghĩ: “Đã tự biết lỗi, giờ đây ta phải kíp lo sao cho được giải thoát, và phải giải thoát nơi đời hiện tại. Nếu trong đời này mà chưa được giải thoát, đời sau quyết khó bảo đảm và có thể vẫn loanh quanh mãi trong vòng luân hồi như những đời quá khứ thôi! Vì sao vậy? Vì có nhiều điều rất chướng ngại con đường giải thoát của ta ở đời sau:

1. Do phước lực tu hành hiện đời mà ta sẽ sanh lên các cõi trời ư? Trong kinh có lời: “Chư Thiên cõi Dục, vì cảnh ngũ dục quá thắng diệu dòi dào làm cho say mê, lại không có sự thống khổ làm cho thức tỉnh, nên khó phát tâm chịu nhọc, chịu khổ mà tu hành đạo hạnh. Hưởng phước vui mãi mà không tu, tất có ngày hết phước mà phải sa đọa. Còn chư Thiên trong cõi Sắc và Vô sắc vì mãi an trụ trong cảnh giới thiên định, khó tấn tu đạo giải thoát, lúc sức thiên định đã mãn vẫn y nhiên làm kẻ luân hồi”.

Vĩnh Gia Thiên Sư nói: “Người tu phước sanh lên các cõi Trời sẽ chiêu vời quả khổ ở tương lai, như bắn mũi tên lên hư không, khi sức đã mãn tên lại rơi xuống đất”.

Đó là sanh lên cõi Trời thời không bảo đảm giải thoát.

2. Ta sẽ được thân làm người nữa ư? Dui, điếc, câm, ngọng trên mặt địa cầu rất lắm kẻ; Kinh, Thượng xuôi ngược cũng nhiều người, biết bao xứ không Phật, Pháp, Tăng; nơi nơi đầy ngoại đạo tà giáo. Được thân người mà có một trong các điều trên đây tất khó mong tu hành chánh đạo, sẽ lạc vào tà ngoại. Ngoài ra, nếu ta có phước làm vua, làm quan, làm nhà triệu phú thì “sang giàu học đạo là khó”, lời Phật rành rành trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*. Hoặc giả đời trước có tu thiền quán mà được thông minh thì “thế trí biện thông” là một trong bát nạn. Đó là chưa kể đến không biết bao nhiêu người lợi dụng sự sang giàu, tài trí để gây tạo những tội ác tày trời, mà ta thường nghe thường thấy trong đời...

Dù cho thân người đời sau của ta, do căn lành mà ở ngoài những chướng nạn ấy, nhưng theo lời Phật, Phật pháp càng ngày càng đi sâu vào thời mạt, bậc minh sư thiện hữu chơn chánh tu hành, có đạo lực là rất khó gặp. Thầy bạn giải thoát đã không, ai là người dẫn đường cho ta đắc đạo? Lại đương nhằm kiếp giảm, tuổi thọ con người càng lúc càng bớt lần, đời sau tu hành chưa được gì rồi chết, đời thứ ba thứ tư sẽ ra thế nào? Ta sẽ đi vào đâu?

Thế là dù được sanh làm người trở lại, không thể bảo đảm là sẽ giải thoát.

3. Phật nói: “Chúng sanh được thân người như đất dính móng tay, còn sa vào ác đạo như đất toàn cõi đại địa”. Sau khi bỏ thân này, ta dám cả quyết là không đi xuống ư? Kinh nói: “Phạm một tội nhỏ (kiết la) phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ Thiên Vương”. Huống là nghiệp chướng từ vô lượng đời đến nay khó có thể lường. E rằng: “Cường giả tiên khiên”, một bước trật chân chắc chắn là lăn xuống đến đáy hố sâu. Đây là điều lo sợ cho đời sau mãi mãi trầm luân.

Ôi! Thân người khó đặng, Phật pháp khó được nghe. Nay ta do túc thế thiện căn nên được hưởng chút ít dư âm của Như Lai, võ vẽ biết đôi đường giải thoát, thật là đại hạnh! Thật là hi hữu! Ta còn chờ gì mà không thẳng bước tấn tu? Ta còn đợi chi mà chẳng kịp đoạn dòng sanh tử? Và cả nhơn loại kia, cả mọi loài kia, cũng đang nổi chìm trong biển khổ không bờ, ta phải sớm thẳng tiến đến Phật quả, để rồi vận thuyền từ bi nguyện lực cứu vớt quần sanh, không thể dằn dà được”.

Rồi tôi tự ngẫm: “Y cứ nơi Thánh giáo, dứt sạch Tam giới kiến tư hoặc mới siêu thoát luân hồi. Nếu phiền não còn mây may, cội gốc sanh tử vẫn chưa đoạn. Đây là thông luận của Tiểu thừa và Đại thừa.

Riêng phần Đại thừa, được bảo đảm trên con đường giải thoát thành Phật, tất phải vào bậc Tín tâm bất thối làm đầu. Chứng bậc này, theo Khởi Tín Luận, phải là người đủ năng lực thiện căn huân tập, thâm tín nhơn quả, chur ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, phát Bồ đề tâm, đặng gặp chư Phật gần gũi cúng dường, tu Bồ tát hạnh. Tu tập như vậy mãi đến đủ một vạn đại kiếp tín tâm mới thành tựu.

Ôi! Như thế thời thế nào? Ta là chúng sanh thời mạt pháp, tự thấy mình phước mỏng nghiệp dày, chướng sâu huệ cạn. Chí nguyện được giải thoát nội hiện đời của ta, chí nguyện đi thẳng đến viên mãn Phật quả của ta, có thể thành cảnh mộng ư?”.

Nhưng tôi tự an ủi: “Đức Như Lai có dạy một phương tiện siêu thắng để đảm bảo sự giải thoát, mà cũng để bảo đảm vững bước đường thành Phật cho tất cả chúng sanh: *Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới!*

Theo lời Phật, dù là hạng cực ác mà chịu hồi tâm tu theo pháp môn này, trong một thời gian rất ngắn (10 niệm) cũng được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thời siêu phàm nhập Thánh, thoát hẳn sanh tử, bất thối Vô Thượng Bồ đề.

Nương pháp môn này, ắt là ta sẽ được toại bốn nguyện: giải thoát, thành Phật, độ sanh. Người cực ác tu hành còn thành tựu thay, huống ta chưa phải là kẻ ác!”.

Từ ngày ấy, tôi lập chí kiên quyết nơi Tịnh độ và cố gắng thực hành. Tôi giao phó pháp thân huệ mạng của mình cho đức Từ phụ A Di Đà Phật, coi cõi Cực Lạc là gia hương của mình, bớt lần sự duyên để chuyên tâm niệm Phật...”.

(Trích: Đường Về Cực Lạc)

*

Từ xưa, trong những xứ mà Đại thừa giáo được lưu hành, nhất là Trung Hoa, Tự lực môn và Phật lực môn thường khi thành đôi lập, rất chướng ngại cho người học đạo, mặc dù đều từ kim khẩu của đức Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết, và đều là của Đại đức Ma ha Ca Diếp và A Nan Đà kết tập.

Vì chỗ lợi ích riêng cho một nhóm người đại căn đến cầu pháp, chư Tổ trong Thiên tông dùng trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật để khai thị, đôi khi in như bài xích Liên tông. Nhưng chính những lời ấy là chuyên ngữ đối với đương cơ, chứ chẳng phải là lời thường dùng đối với tất cả.

Một hạng người tăng thượng mạn, tự cao tự phụ theo kiến thức hẹp hòi của mình, vin theo tiếng vang vẳng vẳng ấy, đường hoàng đứng ra công kích môn Tịnh độ cùng khinh hủy người tu Tịnh nghiệp, đề rồi chuốc lấy tội báng Phật, hủy Pháp, khinh Tăng. Vì môn niệm Phật vãng sanh là gốc từ Phật A Di Đà lập nguyện, đức Thích Ca Mâu Ni chỉ giáo và lục phương chư Phật tán dương, nay bác môn Tịnh độ thời là hủy báng chư Phật vậy. Đã từ nơi Phật tuyên dạy, thời môn Tịnh độ là giáo pháp chơn chánh; bác Tịnh độ chính là hủy báng chánh pháp vậy. Nơi hội Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền; trong

hội Bát Nhã, đức Văn Thù cùng vô lượng Đại Bồ tát đều có lời phát nguyện vãng sanh Cực Lạc; Mã Minh đại sĩ có lời khuyên tu niệm Phật trong Luận Khởi Tín; Long Thọ Bồ tát được Phật thọ ký vãng sanh nơi pháp hội Lăng Già, cùng vô số bậc đại Tổ sư của các tông Đại thừa, chẳng những Liên tông mà cả Thiền tông, Hoa Nghiêm tông, nhất là Pháp Hoa tông. Cho đến trong Duy Thức tông, ngài Thiên Thân, ngài Khuy Cơ v.v... đều cực lực tán dương và hoằng truyền pháp môn Tịnh độ. Nay bác môn Tịnh độ hay khinh hủy người niệm Phật, thời chính là hủy báng chư Hiền Thánh Tăng vậy. Hủy báng Tam Bảo là nghiệp nhơn của quả báo địa ngục A tỳ.

Ấn Quang đại sư, một cao Tăng của cận đại, xót thương những kẻ nông nổi ấy, nương khẩu khí của Mộ Liên pháp sư ở Hồng Loa Sơn mà thuật ra tập quyết nghi này, để lập bít cửa địa ngục cho họ.

Nguyên bản đề là Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, bản Việt dịch này tôi sửa lại là Thiền Tịnh Quyết Nghi.

Nơi tập này, chỉ trích chỗ nhận lầm của các nhà tu Thiền về pháp môn Tịnh độ với một lối lập luận chặt chẽ sâu sắc, Đại sư căn cứ vào giáo lý mà giảng giải tông thú của môn niệm Phật một cách rành rẽ.

Tập này có thể là kim chỉ nam cho người còn bâng khuâng nơi hai nẻo đường: tu Thiền hay tu Tịnh? Và là lèo lái vững chắc cho người đã phát tâm Phật rồi.

Với người tu Thiền, tập này chỉ cho biết rằng, có ngại gì kiêm tu niệm Phật để được bảo đảm cho quả giải thoát ở tương lai. Với người tu Tịnh, tập này sẽ hướng dẫn đến mục đích liên hoa hóa sanh và phá tan những tà thuyết bài bác của ma ngoại.

Người học Phật phải tu Phật, nghĩa là phải nhắm mục đích: Chứng Phật quả, mới phải thật là đệ tử Phật.

Nên tâm tự xét: “Ta có thể cứ tự lực vượt khỏi luân hồi để đến quả viên mãn Bồ đề, hay cần phải nương Phật lực?”.

Ta phải bình tĩnh cân nhắc lấy sự lợi hại, không nên quá tự phụ mà thành nông nổi.

Người có chút trí khôn, chẳng bao giờ chịu phí sức thời giờ nhúm lửa bằng cách cọ gỗ trước ngọn đuốc đang cháy bùng.

Kẻ quá ngông cuồng mới tự phụ cặp chân mình, rồi lội bộ băng rừng trèo núi để qua xứ Thiên Trúc trong khi tàu thủy đang chờ ở bến, phi cơ chực sẵn ở sân bay!

Kinh *Đại Tập Nguyệt Tạng*, Phật dạy: “Trong thời mạt pháp, chúng sanh chỉ nương sức niệm Phật mà ra khỏi luân hồi thôi”.

Kinh *Bát Nhã*, Đức Phật đem sự chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật để đáp lời hỏi của đức Văn Thù Bồ tát về vấn đề: “Thế nào mau đặng Vô Thượng Chánh giác?”.

Kinh *A Di Đà*, Đức Phật nhiều lần lặp lại câu: “Các chúng sanh nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà...”.

Kinh *Hoa Nghiêm*, ngài Phổ Hiền; kinh *Bát Nhã*, ngài Văn Thù đồng phát nguyện: “Nguyện con đến lúc sắp lâm chung, tận mắt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi Cực Lạc”.

Văn Thù Bồ tát bảo Pháp Chiếu đại sư: “Muốn mau thành Phật không gì bằng chuyên niệm Phật A Di Đà...”. Và Quán Thế Âm Bồ tát khuyên Từ Mẫn Tam Tạng: “Ông muốn truyền pháp độ mình, độ người thì nên chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật và phát nguyện vãng sanh”.

Hỡi các pháp hữu! Các đạo hữu! Hỡi những người có lòng muốn thoát ly cõi ngũ trược ác thế, những vị mong ra khỏi nẻo luân hồi, những bậc lập chí độ sanh! Các Ngài còn

chần chờ gì nữa mà không kíp tuân lời Phật dạy, cùng Đại Bồ tát khuyên mà chuyên tu niệm Phật!

Các Ngài còn do dự gì mà không noi gương chư Tổ sư, các cổ đức để phát nguyện cầu về Cực Lạc Tịnh độ! Và các bạn còn nghi ngờ gì khi đã hiểu giáo lý, khi đã biết rõ ràng trước ta đã có vô số người được vãng sanh, đã được siêu phàm nhập Thánh nhờ tu Tịnh nghiệp!

(Trích: *Thiền Tịnh Quyết Nghi*)

*

Toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm* có 81 quyển, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện này là quyển thứ 81 tức là quyển chót vậy.

Pháp sư Bát Nhã (người Thiên Trúc) dịch phẩm này từ văn Phạn ra văn Tàu vào thời vua Đức Tông nhà Đường.

Phẩm *Hạnh Nguyện* này có ra, do vì Bồ tát Thiện Tài, sau khi chỗ ngộ và chỗ chứng đã gần kề quả Phật. Bồ tát Phổ Hiền, dưới sự chủ tọa của Đức Phật, giảng Mười Điều Nguyện Vương, khuyên Thiện Tài cùng chư vị Bồ tát, đều hồi hướng phát nguyện cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, để chóng được thành Phật. Lúc đức Phổ Hiền dứt lời, Đức Phật hai lần khen ngợi, toàn thể đại chúng trong pháp hội đều tuân hành.

Vì Mười Điều Nguyện Vương trong đây là chánh non của Phật quả, là tịnh duyên của Tịnh độ, nên từ xưa chư vị Cổ đức khắc bản lưu thông riêng để mọi người thọ trì đọc tụng cho dễ, cũng như phẩm Phổ Môn của kinh *Pháp Hoa* vậy.

Lại vì phẩm *Hạnh Nguyện* chứa chánh non Phật quả cùng tịnh duyên Tịnh độ, nên Cổ đức trích nhiều đoạn văn ghép vào trong các nghi tụng niệm sớm tối của Thiền môn:

Nào là chánh đề Mười Nguyên Vương nói sau bài *Sám Thập Phương*:

*Nhất giả lễ kính chư Phật,
Nhị giả xưng tán Như Lai...*

Nào là đoạn kệ trùng tụng ở cuối nghi Hồng Danh Bửu Sám:

*Sở hữu thập phương thế giới trung
Tam thế nhất thiết Nhơn Sư Tử,
Ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý...*

Nào là bốn câu kệ hồi hương:

*Ngã thử Phổ Hiền hạnh thù thắng
Vô biên thắng phước giai hồi hương
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.*

Nào là kệ phát nguyện vãng sanh:

*Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời
Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại
Diện kiến bỉ Phật A Di Đà
Tức đắc vãng sanh Cực Lạc quốc...*

Gần đây Đại sư Ấn Quang luôn dẫn giải văn nghĩa trong phẩm Hạnh Nguyên này để sách tấn mọi người tinh tu tịnh nghiệp (niệm Phật cầu vãng sanh), và đồng thời để chứng minh vãng sanh Cực Lạc là điều nguyện chung của hải hội Đại Bồ tát, không phải yếm thế hay tự lợi như số người nông nổi đã phán đoán một cách sai lầm.

Pháp sư Đế Nhân, vị tổ của tông Pháp Hoa thời cận đại, trọn đời tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên này làm thời khóa

hằng ngày. Ngài tự nói trọn bốn mươi năm không để sót ngày nào. (Lời tựa *Tập Phổ Hiền* của Ngài giải thích)

Mười hai năm về trước, trong kỳ kiết thất tại chùa Kim Huê (Sa Đéc), tôi tụng kinh *Hoa Nghiêm*, khi tụng đến phẩm Hạnh nguyện này, lòng tôi hoan hỷ như viễn khách về đến cố hương, lại như là người gặp được món đồ của mình đã quên mất từ lâu. Và cũng từ ngày đó tôi dùng phẩm này làm kinh nhật tụng.

Mùa Đông năm nay (1956), cư sĩ Dương Kiều Thi sau khi được nghe Pháp sư Tịnh Lạc giảng phẩm này ở Hội quán Hội Phật Học Nam Việt, cư sĩ nhận được giá trị của phẩm này nên đích thân đến tịnh thất chùa Vạn Đức yêu cầu tôi nên dịch phẩm này ra Việt văn, để đem lại sự lợi ích tối thượng cho người đất Việt.

Tôi cũng có ý muốn lưu thông phẩm này bằng Việt văn, nay thêm duyên cư sĩ khuyến thỉnh, tôi vui vẻ nhận lời và gấp rút lo soạn dịch...

(Trích: Lời tựa phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện)

*

Đại sư Ấn Quang là bậc long tượng trong thế kỷ này. Về Giáo thì thông cả Tam tạng, về Luật thì giới hạnh sáng rõ, về Thiền thì thấu triệt tâm tông, về Tịnh thì tự hành hóa tha. Đúng là bậc Thiện tri thức của mọi người, đáng là đáng Đại đạo sư của mọi giới.

Lời khai thị của Đại sư là khuôn vàng cho hàng Phật tử cùng noi, lời giảng dạy của Đại sư là thước ngọc cho nhơn thế cùng bước.

Các thiện hữu hảo đồ ghi chép lại những chỗ giảng dạy khai thị của Đại sư, in thành nhiều bộ sách để lưu truyền lợi

ích cho đời, trong đó tập “Tám bài thuyết pháp hộ quốc tiêu tai” là một.

Phương châm giáo hóa một đời của Đại sư, có thể gom vào 16 chữ sau đây: “*Tránh dữ, làm lành, giới sát, ăn chay, tin sâu, nguyện thiết, niệm danh hiệu Phật*”.

Vì thế, nên nội dung của tám bài thuyết pháp này cũng vẫn không ngoài 16 chữ trên.

Ôi! Khổ không ai chẳng chán mà ít người chịu tránh dữ; vui không ai chẳng ưa mà ít kẻ ham làm lành. Phạm phu ai cũng chê mà tôi ngày tưởng nghĩ trần lao; Thánh nơn ai cũng thích mà biếng trễ niệm Phật... Như thế thì nơn quả còn chưa tin chưa hiểu, nói chi đến diệu lý nghĩa huyền.

Nếu chịu nghe lời dạy khuyên thông thiết của Đại sư mà thực hành, thì tất sẽ được an lạc giải thoát. Phải biết: “Muôn hái quả ngon phải trồng giống tốt, muôn được bóng thẳng phải sửa hình ngay”. Cái nhân làm lành, lánh dữ, ăn chay, niệm Phật, thì cá nhân an lạc; mọi người làm lành, lánh dữ, ăn chay niệm Phật thì mọi người an lạc.

Những ai biết thương mình, lo đời, không thể không quan tâm cố gắng nơi đây vậy.

(Trích: Tám Bài Thuyết Pháp Của Ấn Quang Đại Sư).

*

Phần IV:**PHỤ LỤC****TRUYỆN VÃNG SANH CÓ CHỨNG NGHIỆM**

Những sự tích của các vị tu Tịnh độ được vãng sanh mà chúng ta được đọc đến, hầu hết là trích dịch ở sách Trung Quốc, mà những vị được vãng sanh kia là người Trung Quốc. Người nước ta tu Tịnh độ, từ xưa đến nay há lại không có người được vãng sanh ư? Nếu có, sao không thấy sách nào ghi đến? Có vãng sanh cùng chép vào sách là hai chuyện. Từ xưa đến nay, người nước ta tu Tịnh độ được vãng sanh rất nhiều, nhưng vì thiếu sót sự ký lục, thiếu sự lưu truyền, nên dù có nhiều mà ít người được biết. Có biết cũng cho riêng nơi nhóm người được mục kích, nhưng rồi nó cũng theo thời gian mà phai lặn.

Chính tôi cũng từng nghe biết nhiều người tu Tịnh độ, khi lâm chung có chứng nghiệm chắc chắn được vãng sanh, nhưng vì không ghi chép, không thường lập lại trong trí, nên nay thấy sự khuyết điểm như vừa nói ở trên, muốn tường thuật lại thời đã quên lãng gần hết, hoặc nhớ người mà quên tên họ, năm tháng v.v... Ghi chép mà không rành rẽ tên họ, chỗ nơi, thời làm thế nào mà thủ tín được!

Vài sự tích chép dưới đây may chăng nó có thể làm tiên phong bổ cứu điều khuyết điểm trên, mà từ đây về sau, lần lượt mọi người được đọc những trang tiểu sử vãng sanh có chứng nghiệm của các nhà đạo tâm vì mục đích vị tha tường thuật, để thực nghiệm lời Phật đã dạy và nẩy nở tín tâm của mình.

Ngày 10 tháng 10 năm Mậu Tý (DL. 1948)

1. NÁN LẠI MỘT NGÀY

Bà Nguyễn Thị Danh, pháp danh Đạt Nhiên, người làng Thanh Hà, hạt Chợ Lớn.

Gần 60 tuổi mới phát tâm cầu đạo. Thọ pháp với Sư cụ chùa Tôn Thạnh, chuyên tâm tu Tịnh nghiệp. Đến năm Ất Dậu (DL.1945), năm 68 tuổi, bà nhuốm bệnh, biết trước giờ vãng sanh. Ngày 07 tháng 04, bà sai người đến chùa Tôn Thạnh thỉnh Sư cụ Liễu Toàn rằng: “Ngày mùng 08 tháng 04 này, bà theo Phật, xin thỉnh Sư cụ đến ngày đó xuống nhà để bà từ tạ!”.

Nhưng vì ngày mùng 08 tháng 04 là ngày lễ Đản sanh của đức Thích Ca, Sư cụ mắc ở lại chùa hành lễ, nên thành ra sáng mùng 09 Sư cụ mới xuống đến. Thấy Sư cụ, bà mừng rỡ mà bạch rằng: “Từ hôm qua tới nay, tôi trông thầy lắm. Trước khi về Phật, tôi muốn gặp thầy để tạ từ. Đáng lẽ tôi đã đi hồi trưa hôm qua, song vì chờ thầy nên tôi phải nán lại tới hôm nay. Bây giờ tôi sắp đi, xin nhờ thầy hộ cho một biển kinh!”.

Sư cụ cùng vài người đệ tử lên trước bàn Phật tụng kinh *A Di Đà*, vừa xong quyển, thời bà ngồi chấp tay niệm Phật mà quy Tây. Bà có hai người con trai đều xuất gia, hiện đương coi chùa Linh Phong tại làng Tân Hiệp, tỉnh Mỹ Tho.

2. Y NGUYỆN VÃNG SANH

Bà Trần Thị Lai, người ở làng Tân Kim, hạt Chợ Lớn.

Năm 45 tuổi, phát tâm tu hành. Có lời nguyện rằng: “Con quyết chí tu hành, xin Phật cho con được vãng sanh vào ngày vía Đức Phật A Di Đà (17 tháng 11)”.

Quả nhiên, đến ngày 17 tháng 11 năm Đinh Hợi (DL.1947), bà niệm Phật mà từ trần.

Con cháu của bà đều xuất gia, hiện nay đang tu tại chùa Pháp Tánh (làng Tân Kim, Chợ Lớn).

3. BIẾT TRƯỚC NGÀY GIỜ VÃNG SANH

Ông Hồ Văn Định, người làng Long An, Chợ Lớn.

Năm 42 tuổi, phát tâm mộ đạo, chuyên ròng niệm Phật tụng kinh.

Đến năm Mậu Tý (DL.1948), ngày mùng 03 tháng 09, ông nói trước với vợ con ông rằng: “Đến giờ Thân, thời tôi về Phật!”.

Thật đến giờ Thân, ông chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Ba tích vãng sanh trên đây của Sư cụ Liễu Thoàn (Hòa thượng chùa Tôn Thạnh ở Cần Giuộc) tường thuật. Sư cụ tự nói rằng, những người tu Tịnh độ lúc lâm chung, có thực nghiệm là được vãng sanh. Sư cụ tường thuật đây, đều là tận mắt Sư cụ mục kích trong khi Sư cụ đến hộ niệm. Ngoài ra, Sư cụ còn thuật thêm bảy người nữa, như ông Nguyễn Văn Xá (làng Quy Đức) niệm Phật chờ mây trắng đến mà từ trần, cô Nguyễn Thị Sao (làng Mỹ Lệ), trước giờ lâm chung thấy ba lần móng bạc xẹt ngang mình từ Đông sang Tây v.v...

Ôi! Sanh không biết từ đâu đến, chết không biết sẽ về đâu. Hãi hùng kinh sợ, giật mình lăn lộn, mắt trợn ngược, miệng méo xéch, ngộp hơi cứng lưỡi, chân rút, tay vịn v.v... kể sao cho hết cảnh trạng thống khổ trong khi sắp chết của một phần đông trong số người cả đời không biết gì là điều lành, là đạo đức.

Muốn "tử an", há lại dễ được lắm ư! Câu "tử khổ" từ xưa Đức Phật đã từng nhắc! Muốn khỏi "tử khổ" phải làm thế nào?

Kinh nói: “Khi con người sắp chết, thời tất cả cảnh tượng của những điều ác hay lành trọn trong đời của người đó gây tạo đều tuần tự phô diễn lại trong trí của người đó. Nếu cảnh

dữ thời sẽ chết một cách đau khổ, sợ sệt; còn cảnh lành thời đi một cách yên vui vững vàng”. Biết trước ngày giờ mình sẽ từ giã thân ô trược này, khi đi thông dong tự tại, là những điều lành dành riêng cho những người hành đạo chân chính và đã đắc lực, mà dễ được nhất là người tu về pháp môn Tịnh độ (niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc).

Ngày thường đã tu Tịnh độ, thời là đã vun trồng chánh nhân Tịnh độ. Nhân lành thời có kết quả lành. Trong kinh, Đức Phật có dạy: “Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà... nơi cõi nước kia hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay sanh về, hoặc sẽ sanh về”.

Lời của Đức Phật, đấng Thiên nhân sư phán ra, quyết định là đúng thật. Đó là điều mà từ xưa đến nay, người có chánh tín, không ai là không công nhận pháp môn Tịnh độ (niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc) là pháp môn vừa thù thắng nhất, vừa giản tiện nhất. Đó là lời các vị Tổ sư thường nói.

Thù thắng nhất, vì người tu Tịnh độ mau chứng bậc”Bát thoải”, mau”thành Phật”. Cho đến ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền là bậc Pháp Vương Tử mà còn nguyện sanh thay!

Giản tiện nhất, vì mọi người, bất luận là trí, ngu, nam, nữ đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu.

Xem như nguyện của bà Danh v.v... đến già mới phát tâm. Thời gian tu hành không bao lâu, mà đều có phần tự tại an vui khi lâm chung: người thời ngừng sự chết lại, người thời y như chỗ mình nguyện cầu, người biết rõ giờ khắc... Những sự tự tại an vui khi lâm chung của người tu Tịnh độ, là thoại ứng được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc vậy.

Người tu Tịnh độ được như thế là do nhờ sức đại nguyện của Đức Phật A Di Đà nhiếp thọ.

Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật, Đức Phật A Di Đà khi tu hạnh Bồ tát, có phát 48 điều đại nguyện để nhiếp thọ chúng sanh. Ngài đã thực hành đầy đủ 48 điều đó, và hiện tại cũng như vị lai, Ngài vẫn dùng 48 điều đại nguyện đó tỏa khắp pháp giới để tiếp độ muôn loài.

4. BÀ LÝ THỊ CÚC

Sanh quán tại Bình Tây, Chợ Lớn.

Năm 18 tuổi, bà phối duyên cùng ông Trần Thu Cơ, sanh được hai người con trai.

Vợ chồng ly dị. Không bao lâu, hai người con trai chết. Bà vẫn thủ tiết lo buôn bán tự nuôi sống, phát tâm quy y Tam Bảo với pháp danh là Diệu Thu. Rồi lúc ở Huế, lúc ở Chợ Lớn, khi ở Bạc Liêu... Cuối cùng, do chiến tranh, năm 1946, bà về Chợ Lớn thuê một ngôi nhà nhỏ gần đình Minh Phụng (đường Chợ Lớn, Phú Lâm) rồi ở đó một mình cho đến ngày rời bỏ cõi trần.

Trải bao phen đau khổ vì gia đình cũng như những nỗi tai biến, bà giác ngộ cõi đời là biên khổ, đường đạo là chốn lành. Đạo tâm của bà mỗi ngày thêm mạnh, thêm lớn.

Đi chùa lễ Phật cùng cô xướng những việc cúng dường Tam Bảo là việc làm hàng ngày của bà. Bà thích may phan cái cúng Phật. Lúc không đủ tiền, bà xin hàng vải của các bà thân hữu, rồi ra công may. Cặp phan dâng vào chùa Hải Ấn trước ngày bà mất hơn một tuần, là cặp phan sau rất chính tay bà may.

Mùa Đông năm 1955, bà tham gia toàn thể Cục Lạc Liên Hữu ở đạo tràng Vạn Đức, cùng thỉnh số Niệm Phật Công Cứ. Từ đó trở đi, bà cần mẫn niệm Phật A Di Đà, tha thiết cầu sanh Cục Lạc thế giới.

Người ta thuật lại, có lúc bà lễ Phật, kêu cầu đức Từ phụ A Di Đà thương xót tiếp độ cho bà đến đổi nước mắt ràn rụa,

tiếng thồn thức từng hồi trong cổ. Tình cảnh không khác đứa con thơ đang bị nạn to mà kêu cầu cha mẹ cứu giúp.

Hạ tuần tháng 11 âm lịch năm Bính Thân (1956), sau khi vắng cảnh Long Hải, nước ngọt về, bà nhuốm bệnh. Vì thấy bà ở có một mình, ngày 23, cô Chín, cháu bà, rước bà về dưỡng bệnh tại nhà cô ở gần chợ Phú Lâm.

Trong những ngày nằm bệnh, từ những đồ vật mượn gửi cùng những của riêng, bà dặn dò giao trả cũng như phân chia, tất cả đều rành rẽ. Và cũng trong những ngày ấy, bà niệm Phật rất chuyên cần.

Chiều ngày 30, cô Hoàng Anh, cháu bà đến thăm. Bà nói: “10 giờ sáng mai dì sẽ về Minh Phụng, không còn ở Phú Lâm đâu!”.

Đến tối, mặc dù bệnh thêm nặng, nhưng bà vẫn niệm Phật không ngớt và có vẻ thiết tha hơn lúc thường.

Sáng sớm ngày mùng 01 tháng chạp, sau khi cho bà ăn xong một chén cháo, thấy tay chân bà lạnh, mấy người đưa bà về nhà riêng của bà ở gần đình Minh Phụng.

Được tin, cô hai Diệu Nghiêm lại nhà thay y phục cho bà. Tiếp đến, cô tám Diệu Cúc, cô Diệu Hiếu, cô Diệu Lộc đồng đến niệm Phật trợ duyên cho bà. Bảy giờ, bà nằm ngay thẳng yên lặng để nghe niệm Phật.

Một lát sau, thầy trụ trì Phước Cần đi tới với hai học Tăng đến khai kinh *A Di Đà*. Khi tụng đến đoạn: “Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc...”, thời bà hơi động hai vai rồi tắt thở một cách rất êm ái, thân vẫn nằm yên như ngủ. Lúc bấy giờ là 10 giờ sáng. Mọi người vẫn tiếp tục niệm Phật.

Sau khi mất, sắc diện của bà tươi tắn khác thường, nét mặt vui vẻ như cười.

02 giờ chiều hôm ấy, bà Hội đồng Thánh từ Vũng Tàu về, rồi cùng với cô hai Diệu Nghiêm y theo lời trong kinh luận mà khám hơi nóng trong thi hài, thời cả mình đều lạnh, chỉ đỉnh đầu là còn nóng. 04 giờ, cô hai Diệu Nghiêm thấy tóc bà hơi rối, nên lấy lược gỡ, thoát trong tóc có mùi thơm, cô gọi các bà đến khoe sự ấy.

Giờ ngộ, ngày mùng 02, làm lễ nhập mạch, cách giờ bà mất đã 26 tiếng đồng hồ, mà nét mặt của bà vẫn tươi vui, da mặt trắng như dôi phấn, có phần nở nang xinh đẹp hơn lúc còn sống, toàn thân không có chút mùi hôi, gối chiếu vẫn khô ráo không âm ỷ. Người đến dự lễ, ai cũng khen là rất ít có. Cho đến những người từ trước rất sợ thây người chết, mà cũng muốn nhìn gương mặt của thi hài bà.

Sau khi kiểm lại đồ vật riêng của bà, thời thấy quyển sổ Niệm Phật Công Cứ đã chắm đầy năm trương (mỗi trương 378.000 câu hiệu Phật).

Bà thọ được 73 tuổi.

Lời phụ:

Xét tình hình khi sắp mất và sau khi mất, bà Diệu Thu có nhiều điểm chứng nghiệm được vãng sanh Cực Lạc.

Những ngày bệnh cho đến giờ tạ thế, bà không ngớt niệm Phật, bệnh càng nặng sự niệm Phật của bà càng thành khẩn. Đây là điểm "Chánh niệm vững vàng".

Sau khi mất đến 26 tiếng đồng hồ, thi hài bà vẫn không thay đổi, như người nằm ngủ, lại thêm có phần tươi vui nhuận thắm hơn lúc bà còn sanh tiền. Đây là điểm "Thiện căn thiện quả".

Sau khi mất, trong tóc bà phát ra mùi thơm như mùi trầm. Đây là điểm "Tịnh như Tịnh báo".

Cả mình lạnh, đỉnh đầu nóng sau cùng. Đây là điểm chứng cứ được vãng sanh cụ thể nhất. Vì y theo kinh luận, thời thân thể người chết, nếu đỉnh đầu nóng sau rớt, khi cả mình đều lạnh, thời đó là một vị đã siêu phàm nhập Thánh. Người được vãng sanh Cực Lạc không luận hạng nào, dù là bậc tối Hạ phàm, đều dự vào hàng Thánh giải thoát cả.

Ôi! Với thân thể một phụ nơn cư sĩ, bà Diệu Thu đã nhờ công phu niệm Phật theo châm ngôn "Lánh dữ làm lành, tin sâu nguyện thiết" mà được hiện đời vượt khỏi vòng sanh tử luân hồi, siêu sanh Tịnh độ. Thế là bà đã hân hạnh được ở cõi Phật, thường được gần Phật A Di Đà, cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chư Đại Bồ tát Thượng thiện, và bà đã được dự hàng Thánh Đại thừa, thành bậc Bất thối chuyển.

Thế mới biết rằng, nguyện lực của Phật A Di Đà thật rõ là từ bi bất tư nghị; pháp môn niệm Phật rất hợp với căn cơ của nơn loại, rất giản tiện dễ tu, mà công lại cao, quả lại lớn.

Những ai có chí siêu phàm, muốn giải thoát cho mình cho người, cho muôn loài, thiết tưởng chỉ nương theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mới có thể được toại nguyện mà thôi.

Như trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng bảo: "Trong thời mạt pháp, chúng sanh chỉ nương pháp môn niệm Phật A Di Đà mà ra khỏi luân hồi".

Kinh Bát Nhã, đức Thích Tôn bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: "Xưng danh hiệu của A Di Đà Phật, thời mau được quả Vô Thượng Bồ đề...".

Và ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát đã đem lời của đức Thích Tôn truyền lại cho Pháp Chiếu đại sư: "Muốn mau thành Phật, không gì bằng chuyên niệm Phật A Di Đà...".

Sau rớt, xin chép lời của đức Bồn sư thọ ký trong kinh Tiểu Bồn để làm lời kết của bài này: “Nếu có người hoặc đã phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, những người ấy đều được chẳg thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳg Chánh giác, nơi cõi Cực Lạc, hoặc đã sanh, được sanh, sẽ được sanh”.

*

48 ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

01. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trong cõi nước của tôi còn có địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

02. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, mà hàng trời, người trong cõi nước tôi, sau khi mạng chung còn đọa vào ba ác đạo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

03. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, tất cả thân thể của hàng trời, người trong cõi nước tôi, chẳng thuần sắc vàng ròng cả, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

04. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, mà hình sắc của hàng trời, người trong cõi nước tôi có tốt xấu không đồng nhau, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

05. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời người trong nước tôi chẳng biết túc mạng, ít nhất là biết những việc trong trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

06. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi chẳng đặng thiên nhãn, ít nhất là thấy trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

07. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi chẳng đặng thiên nhĩ, ít nhất là nghe lời nói khắp của trăm ngàn ức vô số Đức Phật mà chẳng thọ trì trọn vẹn được, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

08. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi chẳng đặng tha tâm trí, ít nhất là rõ biết tâm niệm của chúng sanh trong nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

09. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi chẳng đặng thân tức thông, trong khoảng một niệm, ít nhất chẳng vượt qua được trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

10. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, nếu hàng trời, người trong cõi nước tôi còn sanh lòng tham chấp nơi thân mình, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

11. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi chẳng trụ trong dòng chánh định mãi đến lúc thành Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

12. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, ánh sáng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

13. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, thọ mạng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất là trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

14. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, có người tính đếm biết đặng số của hàng Thanh văn trong cõi nước tôi, hoặc giả hẳn đến tất cả chúng sanh trong cõi Tam thiên Đại thiên đều thành bậc Duyên giác, cùng nhau đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp mà biết được số Thanh văn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

15. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, thọ mạng của hàng trời, người trong cõi nước tôi không có hạn lượng, trừ khi họ có bốn nguyện riêng, dài ngắn tự tại theo ý muốn, nếu không đặng vậy, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

16. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi hẳn đến nghe có tên bất thiện, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

17. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các Đức Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương không đều ngợi khen xưng danh hiệu tôi, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

18. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tín nguyện muốn sanh về cõi nước tôi, hẳn đến trong mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch và chê bai chánh pháp.

19. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sanh về cõi nước tôi, đến lúc người đó mạng chung, nếu tôi chẳng cùng với đại chúng vây quanh hiện ra nơi trước người đó, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

20. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, để tâm nơi nước của tôi, vun trồng cội công đức chí tâm hồi hướng muốn sanh về cõi nước của tôi, nếu không được quả toại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

21. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi chẳng đều thành tựu đầy đủ 32 tướng đại nhân, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

22. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi Phật phương khác sanh về cõi nước tôi, rốt ráo chắc đến bậc Nhất sanh Bồ xứ, trừ những vị có bốn nguyện, muốn tự tại hóa độ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoằng thệ, chứa nhóm cội công đức, độ thoát mọi loài, đi qua cõi nước của chư Phật tu hạnh Bồ tát, cúng dường các Đức Phật Như Lai ở mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh làm cho trụ vào đạo Vô thượng Chánh nhân, vượt ngoài hạnh tu tuần thứ theo địa vị của hạng tầm thường, hiện tiên tu tập đức của Phổ Hiền. Nếu chẳng được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

23. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi nương thân lực của Phật mà đi cúng dường các đức Như Lai, chùng trong khoảng một bữa ăn mà chẳng có thể đến khắp vô số vô lượng ức Na do tha cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác

24. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi, ở trước chư Phật hiện cội công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường chư Phật, nếu chẳng có đúng như ý muốn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

25. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi không thể diễn nói Nhất thiết trí, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

26. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi không đặng thân kim cang bền chắc, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

27. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trong cõi nước tôi những hàng trời, người, tất cả muôn vật đều đẹp đẽ trong sạch sáng rỡ, hình sắc lạ thường, rất nhiệm, rất màu, không ai có thể cân lường được. Những chúng sanh kia nhìn đến người được Thiên nhãn mà có thể biện biết rõ ràng danh số của những vật trên đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

28. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát trong cõi nước tôi nhìn đến những vị công đức kém ít mà không thấy biết được Đạo Tràng Thọ cao bốn trăm muôn dặm, vô lượng màu sắc, vô lượng ánh sáng, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

29. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, nếu Bồ tát trong cõi nước tôi đọc kinh pháp, phúng tụng pháp, phúng tụng thọ trì, giảng thuyết mà không đặng trí huệ biện tài, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

30. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ tát trong cõi nước tôi nếu có người hạn lượng được đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

31. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, cõi nước của tôi thanh tịnh, thấy đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật mười phương, dường như gương sáng soi thấy rõ bóng mặt, nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng quả Chánh giác.

32. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, trong cõi nước tôi, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa... Tất cả muôn vật đều do vô lượng chất báu đẹp cùng trăm nghìn thứ hương thơm hiệp chung lại làm thành, nghiêm sức tốt lạ, hơn hẳn hàng trời. Mùi thơm của những vật ấy xông khắp cả cõi nước ở mười phương, Bồ tát nào ngửi được hơi hương ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu không đặng như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

33. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương, được ánh sáng của tôi chiếu đến thân, thời thân tâm của chúng sanh ấy hòa dịu hơn hẳn hàng trời, người. Nếu không đặng như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

34. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, những loài chúng sanh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà chẳng đặng các món Tổng trì sau mâu cùng Vô sanh Pháp nhẫn của Bồ tát, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

35. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, những người nữ trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm nhằm ghét thân gái, nếu sau khi mạng chung còn thọ thân gái trở lại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

36. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, thời sau khi mạng chung vẫn thường tu hạnh thanh tịnh đến lúc thành Phật đạo. Nếu không đặng như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

37. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng trời, người nhân dân trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu lễ lạy, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ tát thời các hàng trời, người đều kính trọng đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

38. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi muốn đặng y phục, thời những y phục tốt đẹp đúng pháp như Đức Phật ngợi khen liền tùy niệm tự nhiên hiện đến trên thân, nếu còn phải cần may, vá, đập, nhuộm... tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

39. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước tôi hưởng thọ sự vui sướng không bằng bậc lậu tận Tỳ kheo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

40. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi, tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương, tức thời ở trong cây báu thấy đều soi thấy rõ ràng đúng như ý muốn chẳng khác gương sáng soi thấy bóng mặt. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

41. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mãi đến lúc thành Phật, nếu các căn thiếu xấu chẳng đầy đủ, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

42. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, thấy đều chứng

đặng”Chánh định thanh tịnh giải thoát”. Trụ trong chánh định đó, trong khoảng móng niệm liền cúng dường khắp vô lượng bất khả tư nghị của Đức Phật Thế Tôn, mà vẫn không sao mất tâm chánh định. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

43. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, sau khi mạng chung sanh vào nhà tôn quý. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

44. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, vui mừng hơn hờ, tu hạnh Bồ tát đầy đủ cội công đức. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

45. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, thấy đều chứng đặng Chánh định Phổ đẳng. Trụ trong chánh định đó, mãi đến lúc thành Phật, thường thấy tất cả vô lượng bất khả tư nghị các Đức Phật. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

46. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi tùy ý muốn nghe pháp chi, thời tự nhiên liền đặng nghe pháp đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

47. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, chẳng liền đặng bậc Bất thối chuyển, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

48. Giả sử khi tôi đặng thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mà chẳng liền chứng đặng bậc Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sanh Pháp nhẫn, cùng ở nơi pháp của chư Phật mà chẳng liền đặng bậc Bất thối chuyển, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

Trong kinh lại nói: “Sau khi thuật 48 điều đại nguyện xong, Đức Phật phán tiếp: “Này A Nan! Ngài Pháp Tạng Tỳ kheo (tiền thân của Đức Phật A Di Đà) vừa phát nguyện và nói tụng xong, liền đó khắp cõi đại địa sáu diệu vang động. Trời rưới hoa báu để rải trên mình ngài Pháp Tạng. Âm nhạc tự nhiên trên hư không vang ra tiếng khen rằng: “Quyết định chứng thành quả Vô thượng Chánh giác!”. Đó rồi ngài Pháp Tạng Tỳ kheo tu hoàn toàn đầy đủ các đại nguyện như thế chắc thật chẳng dối... Pháp Tạng Bồ tát nay đã thành Phật hiện ở nước Cực Lạc bên phương Tây, cách đây mười muôn ức cõi...”.

Mười phương chư Phật ba đời

Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sanh,

Sen vàng chín phẩm sẵn dành

Oai linh đức cả đã dành vô biên!

Nam Mô Lạc Bang Giáo Chủ Đại Từ Bi Phụ A Di Đà Phật.

*

LỜI SAU CÙNG

Tôi từ bé đã bệnh yếu lại thêm càng ngày càng cận. Lúc tôi cầm viết ghi mấy dòng này là lúc đôi mắt đã bệnh nhiều suốt hơn một năm, kể từ đầu tháng Tám năm ngoái, năm Mậu Thìn (1988), nay nhìn chữ chỉ thấy mờ mờ.

Hồi nhớ lại từ ngày vào đạo, theo nghĩa thế tục, đến nay đã hơn nửa thế kỷ, luôn luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, dạy kinh, giảng kinh và phiên dịch kinh từ Hán tạng ra Việt văn làm chánh hạnh đời mình.

Năm 1947, bộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* là bộ kinh đầu tiên được ấn hành, kế đến là *Phổ Hiền Hạnh Nguyên*, bộ *Tam Bảo*, bộ kinh *Địa Tạng Bốn Nguyên* v.v... Đến năm 1953, bộ *Đường Về Cực Lạc* hai tập được ra đời. Do bộ này mà hai năm sau, năm 1955, hội Cực Lạc Liên Hữu được thành lập, lấy chùa Vạn Đức ở Thủ Đức làm trung tâm và ngày mùng 06 tháng 08, ngày khánh lễ tổ Huệ Viễn là ngày đại hội thường niên. Nhớ lại biết bao đạo tình đạo nghĩa của bao nhiêu Hòa thượng, Thượng tọa, Ni sư, Đại đức, Sư cô, bao nhiêu Tăng Ni cùng các đạo hữu cư sĩ từ các tỉnh miền Nam nước Việt, có cả các vị từ Nam Vang (Cambodge) cũng về dự đại hội, tiếng niệm hồng danh Đức Phật, sổ ghi công đức niệm Phật được lan rộng gần xa...

Tôi ghi vài dòng trên đây là có ý ghi lại ảnh hưởng của bộ *Đường Về Cực Lạc*.

Rồi các năm sau, những bộ kinh khác do tôi phiên dịch được tiếp tục ấn hành, như là bộ kinh *Hoa Nghiêm*, bộ kinh *Đại Bát Niết bàn*, bộ kinh *Đại Bát Nhã*. Những năm 1970, tôi dịch xong bộ kinh *Đại Bửu Tích*, và mãi đến năm 1987, mới được bắt đầu ấn hành. Vì những năm trước đó điều kiện ấn hành không được thuận lợi, nên cũng làm uể oải tinh thần dịch kinh, nên tôi không sốt sắng phiên dịch thêm, để thời gian quý

báu tuần tự trôi qua trong lúc tuổi già thật là điều đáng tiếc. Nhờ vào sự ấn hành bộ kinh *Đại Bửu Tích*, thúc đẩy tôi phấn khởi, nên trong ba tháng liền an cư năm 1988, tôi dịch xong bộ kinh Đại Tập, và nó được ấn hành tiếp nối bộ kinh *Đại Bửu Tích*. Muốn được thuận lợi, tôi vẫn đề là kinh *Đại Bửu Tích*, Hán tạng bộ Hạ.

Bộ kinh *Đại Bửu Tích* Hán văn được lưu hành từ xưa nay, vì thể theo ba môn Vô lậu học Giới Định Huệ, nên ngài Bồ Đề Lưu Chi để pháp hội Tam Tự Tịnh Giới ở đầu bộ kinh. Bộ Việt văn này, tôi thể theo Tam Bảo Phật Pháp Tăng nên tôi để pháp hội Vô Lượng Thọ Phật khởi đầu, và cũng có ý muốn cho người đọc lúc mở kinh ra đã kết duyên với Đức Phật A Di Đà, Đức Phật đã được giới thiệu trong nhiều bộ kinh Đại thừa, và cũng là hồng danh mà phần lớn Phật tử ta luôn trì niệm. Nếu các pháp hữu muốn so với bộ Hán văn, chỉ giản đơn sửa tập I Việt văn thành tập II, và sửa Việt văn tập II thành tập I là hai bộ Hán và Việt ăn khớp nhau.

Nội dung bộ *Đại Bửu Tích* Hán văn đến pháp hội Quảng Bác Tiên Nhơn là hết, nhưng hết với nửa chừng. Trong bộ Việt văn này, tôi sưu tầm trong Đại tạng, bổ sung phần cuối trọn vẹn cho pháp hội này. Và cũng từ Đại tạng tôi dịch thêm pháp hội Diệu Cát Tường Bồ tát.

Tiếp theo đó, nếu các pháp hữu thấy pháp hội nào có câu "Đức Phật ngự tại giữa khoảng cõi Dục và cõi Sắc trong Đại Bửu Phờng Đình" thì đó chính là kinh *Đại Tập*. Cũng từ trong Đại tạng, tôi phiên dịch thêm pháp hội Vô Tận Ý Bồ tát nối sau bộ kinh Đại Tập Hán văn đã lưu hành và để kết thúc toàn bộ kinh *Đại Bửu Tích* Việt văn, tôi đặt pháp hội Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Chư pháp hữu thân mến! Cho phép tôi được dùng từ này để gọi tất cả các giới Phật tử xuất gia cũng như tại gia. Tôi có ý nguyện nhỏ, dù nhỏ nhưng là từ đáy lòng thiết tha, muốn

cùng các pháp hữu, tất cả các pháp hữu, những ai có đọc có tụng có nghe thấy những quyển kinh sách do tôi dịch soạn, sẽ là người bạn quyến thuộc thân thiết với tôi đời này và mãi mãi những đời sau, cùng nhau kết pháp duyên, cùng nhau dự pháp hội, cùng dìu dắt nhau, dìu dắt tôi để được vững bước mãi trên con đường đạo dài xa, con đường đạo nhiều trở ngại chông gai lồng giữa cõi đời thế tục mà lớp vỏ cứng của nó là lợi danh ngũ dục, sức mạnh của nó là cơn lốc bát phong. Tôi chân thành nói lên câu cần dìu dắt nhau. Vì vào giây phút mà tôi đang nguệch ngoạc ghi lại vài dòng này, chính tôi, phải chính tôi, không dám ngừng mặt tự xưng là Tỳ kheo chơn chánh, chỉ biết như thảo phú địa, nhất tâm sám hối mười phương pháp giới.

Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ tát.

Chùa Vạn Đức

Ngày Trùng Cửu năm Kỷ Tỵ (08/10/1989)

Thích Trí Tịnh *cân chí*

*



VẠN ĐỨC PHÁP NGŨ

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

LỜI ĐẦU SÁCH

Người xưa từng nói:

*“Trên đường trời người, làm phước đứng đầu
Trong biển sanh tử, niệm Phật bậc nhất”.*

Vậy thì, pháp môn niệm Phật chính là chiếc thuyền từ đê cứu vớt chúng sanh đang đang chìm đắm trong biển khổ sanh tử. Thế nhưng chúng sanh không chịu bước lên thuyền thì Phật cũng chẳng biết làm thế nào?

Thế nên, các bậc Cao tăng Đại đức xưa nay không ngừng xiển dương pháp này, tự tu và giáo hóa người, dẫn dắt muôn loài cùng về cõi tịnh, bảo đảm trên con đường thành Phật, không còn nỗi lo thoái chuyển.

Hòa thượng *thượng* Trí *hạ* Tịnh, viện chủ chùa Vạn Đức là bậc long tượng trong pháp môn. Một đời Ngài vì pháp quên thân, dày công phiên dịch nhiều bộ kinh điển Đại thừa, làm

cho Chánh pháp được truyền bá rộng khắp trong và ngoài nước. Hòa thượng còn là bậc Kỳ túc Trưởng lão một đời tu Tịnh độ và hoằng dương pháp niệm Phật này. Hòa thượng đã đặt nền tảng cho Tịnh tông phát triển trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Cuối bộ kinh *Đại Bảo Tích*, lời sau cùng có ghi rằng: “*Năm 1955, hội Cực Lạc Liên Hữu được thành lập, lấy chùa Vạn Đức làm trung tâm và ngày mùng 06 tháng 08, ngày khánh lễ tổ Huệ Viễn là ngày đại hội thường niên. Nhớ lại biết bao đạo tình đạo nghĩa của bao nhiều Hòa thượng, Thượng tọa, Ni sư, Đại đức, Sư cô, bao nhiêu Tăng Ni cùng các đạo hữu cư sĩ từ các tỉnh miền Nam nước Việt, có cả các vị từ Nam Vang (Cambodge), cùng về dự đại hội, tiếng hồng danh đức Phật, sổ ghi công đức được lan rộng gần xa...*”.

Năm 2009 tuy tuổi đã 93, nhưng Hòa thượng vẫn tinh cần tu Tịnh nghiệp, mỗi sáng sớm thức dậy thâm tụng thuộc lòng năm bộ kinh: kinh *Kim Cang*, Phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyện* trong kinh *Hoa Nghiêm*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A Di Đà*, sau đó niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tây phương, lấy đó làm thời khóa thường ngày.

Công hạnh tu hành của Hòa thượng thật là tấm gương sáng cho Tăng Ni, Phật tử noi theo. Lời dạy của Hòa thượng bình dị, không chuộng cao siêu, quý ở chỗ thực hành.

Nhằm đem lại lợi ích rộng lớn cho người tu niệm Phật, vào năm 2006 chúng tôi cùng thầy Pháp Đăng (trụ trì chùa Huệ Viễn), góp nhặt những bài pháp, những lời khai thị về pháp môn Tịnh độ của Hòa thượng, ghi lại làm thành sách lấy tựa là *Hương Sen Vạn Đức*.

Nhận thấy những bài thuyết giảng về pháp môn Niệm Phật của Hòa thượng rất có giá trị, trình bày rõ ràng từng bước tiến trong công phu niệm Phật, và lợi ích rộng lớn của việc

sanh về Cực Lạc, phá tan sự nghi ngờ do dự cho đại chúng. Thế nên chúng tôi cho in thành tập sách nhỏ này, lấy tựa là *Vạn Đức Pháp Ngữ* để phổ biến. Mong rằng những ai khi đọc qua đều được thấm nhuần ơn pháp nhũ nơi Hòa thượng, Tín-Nguyễn-Hạnh luôn vững chắc chuyên cần, để ao thất bảo nơi cõi tịnh luôn thêm được những đóa sen tươi sáng.

Chùa Vạn Đức 20/09/2009

Tỳ-kheo Thích Hoàng Tri

Kính ghi

*

KHAI THỊ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Tất cả chúng sanh cũng như mọi người chúng ta đều có cả ngàn muôn trần lao phiền não. Vì vậy, đức Phật cũng theo những tâm bệnh đó mà nói nhiều phương pháp đối trị. Trong đó, có pháp môn niệm Phật mang tính đối trị chung; nghĩa là trần lao nào, phiền não nào, chướng nào, pháp môn niệm Phật cũng đối trị được.

Trong khi những pháp tu khác không có tính đối trị chung. Thí dụ, pháp môn quán bất tịnh là quán thân người hôi dơ, khi chết nó sinh chướng, rồi tan rã thành bộ xương khô. Pháp này để trị tâm tham dục; vì người ta thường ưa cái đẹp, cái sạch của thân, cho nên bây giờ cần quán tưởng thân không sạch, lại không đẹp. Chẳng những nó không sạch, không đẹp, mà ngược lại, nó rất xấu và rất dơ nữa. Khi hạnh quán như vậy thành tựu thì tâm tham dục không còn.

Hoặc để đối trị tâm sân hận, giận thù, có phương pháp quán từ bi. Vì có tình thương phát ra thì không còn sân hận, giận thù. Nhưng nên nhớ rằng pháp quán nào cũng phải thành công mới có hiệu nghiệm. Không thành công thì không có hiệu nghiệm, nhiều khi ngược lại, nghĩa là bệnh không trừ được còn nặng thêm.

Hoặc người tâm tán loạn là cứ nghĩ vẩn vơ, có tiếng động thì vướng theo, sắc đến thì chạy theo. Muốn đối trị tâm tán động, Phật dạy quán sổ tức, chỉ chuyên chú nhiếp tâm ý vào hơi thở của mình. Do đó, tâm không chạy ra bên ngoài. Khi pháp quán này thành tựu, tâm tán động không còn.

Hoặc người đần độn, đếm không được, tính cũng không xong, học cũng không nhớ, nghĩa lý cũng không hiểu, làm thế nào cũng không thuộc. Như vậy phải quán nhân duyên, lấy mười hai nhân duyên làm chánh. Trong khi quán nhân duyên trụ tâm vào việc phân tích; nhờ đó tâm đần độn ngu si kia sẽ giảm dần rồi hết.

Như vậy, các pháp môn vừa nói có tác dụng đối trị những đối tượng cụ thể duy nhất của nó mà thôi, không có tác dụng đối trị chung.

Pháp môn niệm Phật không phải vậy, đó là pháp môn đối trị tất cả bệnh, tất cả phiền não, tất cả những lậu hoặc. Do vậy, Phật thường nói rất nhiều đến pháp môn niệm Phật, nhất là trong kinh Đại thừa; vì pháp môn này chẳng những trị chung được tất cả tâm bệnh của chúng sanh, mà còn tạo nên vô lượng vô biên công đức. Nghĩa là đem những gì của Phật, từ thân của Phật, từ đức của Phật, từ danh hiệu Phật, cho đến trí huệ của Phật vào trong tâm mình, để gợi nhắc tâm mình cũng có những tánh công đức, những tánh tốt. Nhờ sự gợi nhắc đó khiến những cái sẵn có của mình phát khởi lên thành ra của mình. Vì vậy, pháp môn niệm Phật là ưu điểm nhất.

Đối với pháp quán bất tịnh khi thành công thì người đó nhập định, nghĩa là quán đến chừng nào ban ngày cũng như ban đêm, lúc ngồi cũng như lúc đi, đứng, nằm, cảnh quán điều hiện ra trước mặt chứ không mờ đi; như vậy mới gọi là pháp quán thành tựu. Thí dụ bây giờ mình quán xương trắng là cái sợ người, phải quán chừng nào cái sợ trắng hiện ra trước mắt, mở mắt cũng thấy sợ trắng, nhắm mắt cũng thấy sợ trắng, ngồi lại thì cái sợ trắng cũng hiện ra, đứng dậy cái sợ trắng cũng hiện ra, ban ngày sợ trắng hiện rõ ràng, ban đêm cũng hiện y như ban ngày; như vậy mới thành công pháp quán.

Đức Phật nói rõ về các pháp quán, cho nên lấy một pháp quán bất tịnh để làm chuẩn thì có thể hiểu được các pháp quán khác như quán sở tức, quán từ bi, quán nhân duyên... đều phải theo cái chuẩn như vậy. Nghĩa là đều đi đến chánh định; nhưng tùy theo trình độ mà chánh định (*tam muội*) có cao thấp khác nhau, vì điều đó cũng tùy theo căn cơ của mỗi người, tùy công phu của mỗi người, cũng như tùy theo tâm trụ của mỗi người có mạnh yếu sai biệt, có thượng trung hạ khác nhau. Do đó, tam muội có tầng bậc khác biệt.

Trong tam muội đó, không những chỉ có “Sự”, mà còn có “Lý” ẩn tàng. Để hiểu được điều này, chúng ta trở lại thí dụ cái sọ trắng hiện ra lúc hành giả vào tam muội. Lúc mở mắt, lúc nhắm mắt, lúc ngồi, lúc đứng, ban đêm ban ngày đều hiện ra, thì hành giả đó đã vào chánh định nhất tâm bất loạn rồi. Như vậy họ đạt được lý vô thường, bởi vì sao? Vì thân nó tan rã chứ đâu có bền mãi được. Chẳng những nó bất tịnh, mà còn vô thường biến đổi. Và trong cái sọ đó, hay trong thân con người có chủ hay không? Nó không có chủ, chỉ là tứ đại giả hiệp mà thôi, tức là hư dối không thật. Mà đã là hư giả thì đâu có chủ thể ngã; như vậy thành vô ngã.

Do đó, thấy rõ lý vô thường, vô ngã không có chủ thể, cho đến không có tánh riêng của nó. Chỉ là chất liệu địa thủy hỏa phong làm nên, để rồi khi tan rã thì trở về không. Như vậy, nó không có tánh cố định, là vô tánh. Nếu nhập được vô tánh thì khác nào chơn không quán và nhập vào Chơn không tam muội rồi.

Như vậy, Lý ở trong Sự, nhưng phải từ nơi Sự thì Lý mới hiển hiện ra được. Còn không có chánh định về Sự mà cứ ngám ngòm hiểu nó là vô thường, vô ngã, nó là không, như huyễn ảo, như vậy chỉ trên văn tự ngữ ngôn; chứ không phải thật biết thật ngộ.

Thật biết, thật ngộ không có thì làm sao có thật chứng, thật nhập được. Cho nên phải để ý một chút để biết rõ pháp tu của mình. Nếu còn xen ngữ ngôn văn tự thì đó chỉ là hư giả, chứ không phải thật. Ngôn ngữ văn tự là phương tiện để mình nương vào để hiểu biết cái thật và được cái thật. Như tôi từng thí dụ, tôi nói “lửa”, thì lửa đó chỉ có trong tiếng nói của tôi, chứ không có thật; nhưng nương theo tiếng nói “lửa” để thấy được lửa thật và sử dụng được lửa. Nhưng được vậy là cả một công phu lớn lao, chứ không phải thường. Nên lưu ý điểm đó là điểm chánh của người hành đạo, người tu. Còn bằng không, mình chưa được mà nói mình được.

Cũng như mấy vị có học, rồi giảng nói về pháp nhân duyên cấu tạo chẳng hạn. Các vị giảng sư cứ đem cái bàn ra làm thí dụ, nói rằng cái bàn làm từ gỗ, gỗ do mấy ông tiều phu đốn từ rừng, rồi thợ cưa đem gỗ về, thợ mộc đóng thành cái bàn. Và kết luận, cái bàn chỉ là mấy khúc ráp lại mà mọi người nghĩ đó là cái bàn. Nói nhân duyên như vậy là xong. Nhưng chỉ nói suông là sai lầm, phải thấy đúng như thật nhân duyên pháp. Nếu không tu tập về nhiếp tâm để định, có niệm lực để sanh ra tam muội thì cả đời không rõ biết như thật được nhân duyên pháp, không thấy được nhân duyên.

Người biết được nhân duyên, thấy được nhân duyên, họ có thần thông biến hóa kinh khủng lắm. Như cái bàn người ta có thể hiện ra cái nhà, muốn nó thành cái núi, muốn nó thành biển thì nó thành biển, muốn nó mất thì nó mất, mà người khác không biết nó mất đi đâu. Vì người đạt được pháp nhân duyên, họ vận dụng được khả năng của nhân duyên đó mà tự tại. Còn nếu không như vậy, mình nói cái bàn là hư giả, hay nói cách nào đi nữa, mình và mọi người cũng vẫn thấy nó là cái bàn; vì mình chỉ ở nơi ngữ ngôn văn tự mà thôi, chứ chưa được gì hết.

Tôi nói điếm đó để tất cả huynh đệ cùng tứ chúng đều phải ghi nhớ và nhận xét Phật pháp như thế nào. Không phải chỉ dừng mãi ở nơi ngữ ngôn văn tự là đủ. Ngữ ngôn văn tự chỉ là phương tiện đầu tiên để dẫn dắt mình đến chỗ thật hiểu, thật biết, rồi nhận được cái chân thật; đó mới gọi là chứng nhập.

Khi chứng nhập thành công bất kỳ pháp môn nào của Phật, người đó đều thành bậc Thánh, chứ không phải người phàm. Bởi vì sao? Như đã nói ở phần trước, pháp môn niệm Phật có khả năng đầu tiên là đối trị trần lao phiền não. Khi pháp đối trị thành tựu, bệnh trần lao phiền não không còn. Phàm phu là do trần lao phiền não tạo thành, mà cái nhân tạo

thành trần lao phiền não không còn thì phàm phu cũng không còn nữa, hiển nhiên thành bậc Thánh.

KHẢ NĂNG ĐỐI TRỊ CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT, VỀ SỰ THÌ NHƯ THỂ NÀO?

Phật và chúng sanh đều chung đồng thật tánh, thật thể. Do đó, mình cũng có thể thành tựu được những gì mà đức Phật có. Cho nên trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói, nếu người nào trong lúc tưởng Phật niệm Phật thì tâm của người đó đầy đủ những tướng hảo của Phật, cũng như tất cả công đức của Phật. Bởi vì tâm tánh không hai, Phật cũng là mình và tâm tánh mình cũng là tâm tánh của Phật.

Nói về tâm tánh là như vậy, đầy đủ những công đức thì bây giờ mình đi vào bằng con đường nào? Nếu đi thẳng là tức tâm tức Phật, chính tâm đó (*chơn tâm*) là Phật rồi. Người đạt được cấp bậc đó đã trải qua vô số kiếp tu hành, đến mức cuối cùng mới phát khởi như vậy. Nếu không đạt được đến mức “tâm chính là Phật”, phải lui lại một bước là quán tâm để hiện Phật.

Như vậy, mình đã biết tâm với Phật không hai, tức là Phật ở nơi tâm mình, không thể ở ngoài được, mà ở chỗ nào? Nếu mình cứ suy tư như vậy, tập trung tư tưởng không tán loạn, đến khi nhận được Phật ở nơi tâm mình, tức là thấy Phật. Mà thấy Phật là thấy tâm. Hai mức này thành công, Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh. Nếu thấy tâm là thấy Phật chính mình, thấy chơn thân Phật, thấy Phật của mình với Phật bên ngoài không khác, chính đó là Phật.

Trong Thiền tông có những câu nói bác bỏ vị Phật mà thiền sinh còn theo dõi, vì nếu theo dõi Phật ở ngoài sẽ không thấy tự tâm. Vì như vậy là theo cảnh, đối với Thiền tông là điều tối kỵ. Theo Thiền tông, phải đạt được tự tâm tự tánh của

mình. Nếu còn theo cảnh thì sai rồi, dù đó là ông Phật cũng là cảnh. Cho nên bắt đắ dĩ lắ người ta mới nói những câu đề bài bác đó thôi. Bác là bác riêng với người chạy theo cảnh ngoài; vì tu là tu ở tự tâm. Vì vậy, trong nhà Thiền có một vị Tổ nói; “Nếu tôi niệm Phật, tôi súc miệng cả ngày cũng không sạch”. Nhưng người ta hỏi muốn độ người thì dùng pháp gì? Ngài nói: “Niệm Phật!”.

Các huynh đệ phải suy nghĩ lắ mới được. Trong kinh nói các vị đại đệ tử, hay các Bồ tát tham dự hội thuyết pháp, thuyết kinh của Phật, đến khi mãn thời pháp, mãn thời kinh, thì có bao nhiêu người chứng được Ly cấu trần, đắ Pháp nhãn tịnh, hay dứt các lậu thành A la hán, hay phát tâm Bồ đề, hay được Bất thối chuyển chẳng hạn... Mình không thể liền tức thì đắ được những quả vị như các Ngài đâu. Mình cứ theo những gì Phật nói trong kinh rồi tu tập qua một thời gian bao nhiêu kiếp, bao nhiêu đời, mới có thể được. Phải biết lượng sức mình bây giờ là như vậy.

Nhưng nên biết rằng, khi bỏ thân người này, đắ vào bào thai trong loài người chẳng hạn. Từ khi vào thai mẹ, như một giọt dầu nổi trong nước, lắ lắ cho đến khi đầy đủ thân người, thì hỏi còn nhớ đắ, còn biết đắ những gì của đời trước không? Không thể nhớ đắ! Thử hỏi tất cả huynh đệ không lẽ mình không có đời trước, mà đã có thì phải biết chứ, chẳng hạn như biết tiếng nói. Hỏi người ta sanh ra từ lúc nhỏ cho đến lớn, nếu không đắ dạy gì hết thì có nhớ tiếng nói của mình trong đời trước không? Tất nhiên không ai đắ nói rằng mình nhớ đắ. Như vậy, tất cả những gì của đời trước, ngay như cái quen nhất mình còn không nhớ thì còn nhớ gì nữa, mà không nhớ thì làm sao tiếp tục. Hiên tại mình đắ như thế này, nếu suy xét lại thấy rõ ràng toàn là cái tom góp, cái học hỏi trải qua trong đời này thôi. Có học cái gì thì mới biết, có nghe cái gì mới nhớ; còn không học, không thấy,

không nghe thì không biết gì hết. Đó là thấy nghe học hỏi trong đời này. Nếu nay mai, quý vị đi liệm, đi tẩn, đi tống, đi tán, cầu siêu hàng ngày, phải biết rồi lần lần đến lượt mình cũng đi đến cái chết, chứ chạy đi đâu được. Như vậy thì đời này mình bỏ hết. Thế nhưng mình cũng biết chủng tử không mất, nếu không có duyên thì nó không phát được. Thử hỏi đời sau bảo đảm có duyên hay không? Đây là thời kỳ mạt pháp nữa, nên cũng không chắc là bảo đảm được thân người.

Còn sanh lên trời, tôi đọc trong kinh thấy một vị thiên tử được hóa sanh làm thân trời liền lúc đó chỉ trong bảy ngày đã thành ông trời lớn rồi, có cung điện dành riêng cho họ, chứ không phải như mình phải tạo nhà, tạo cửa. Trong cung điện của họ có sẵn hàng trăm ngàn thiên nữ mừng rỡ đón tiếp, nói với thiên tử rằng cung điện này là của ngài, chúng tôi là người của ngài hết. Như vậy chỉ hưởng lạc và có bao nhiêu phước hưởng lần lần hết, không tạo thêm nữa. Đó là cả một vấn đề không đơn giản, huống là sanh trong loài người có bảo đảm gặp được Phật pháp, gặp được thầy lành để tâm tu tiếp tục hay không, hay là lo nghề nghiệp sinh sống? Bị sự nghiệp thế gian lôi cuốn phải chạy theo, rồi tạo những nghiệp ác. Đó là cả vấn đề lớn lắm, nên mình phải suy nghĩ.

Vì vậy, đức Phật Thích Ca lo cho mình cũng như tất cả mọi người được bảo đảm tiến đến giải thoát và có đầy đủ tâm từ bi và trí huệ độ tận chúng sanh cho đến thành quả vị Phật. Muốn bảo đảm như vậy thì phải ngay nơi hiện đời được bảo đảm, chứ không thể nào khác. Mà hiện đời để được bảo đảm, đức Phật dạy phải nhờ tha lực, không nhờ tha lực thì không thể được. Mà tha lực thì không có sức lực nào, không có thể lực nào bằng dựa vào thể lực của đức Phật và đức Phật đó cũng sẵn sàng để cho mình dựa, cho mình nương nhờ.

Do đó, đức Phật Thích Ca nói nhiều về đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, cho đến nói về bốn

nguyện của đức Phật lúc còn làm Bồ tát phát nguyện tạo thành một cõi nước để khi thành Phật có thể tiếp nhận tất cả chúng sanh về ở nơi đó.

Rồi điều kiện tiếp nhận chúng sanh, tức những người được về thế giới của Ngài rất đơn giản. Có nhiều đức Phật khác cũng phát nguyện tạo thế giới để tiếp nhận, để độ chúng sanh; nhưng điều kiện không đơn giản như điều kiện của đức Phật A Di Đà.

Trong những điều kiện để được sanh về thế giới Cực Lạc, có điều kiện rất đơn giản. Đó là một người cả đời tạo ác, lúc lâm chung, niệm cuối cùng của họ nghe được thế giới Cực Lạc, họ liền có lòng tin sâu, có nguyện tha thiết vững vàng, chắc chắn nhiếp tâm niệm mười niệm thôi là được sanh về Cực Lạc. Đức Phật A Di Đà phát nguyện rõ ràng: Nếu không được như vậy, Ngài không thành Phật. Mà Ngài đã thành Phật rồi, thì lời nguyện đó phải được thực hiện trọn vẹn. Đó là điều kiện đơn giản nhất trong các điều kiện. Đó là điều kiện đơn giản hơn những điều kiện để siêu phàm nhập Thánh, để thoát ly sanh tử luân hồi.

Bây giờ tôi nói sâu về pháp môn niệm Phật. Trong tứ chúng đây thường quen quá rồi, mục đích của đức Phật Thích Ca thuật lại cho mình, chứ không phải từ nơi ý của một người nào khác. Người sanh về cõi Cực Lạc sẽ có thân kim cang bất hoại, không già, không bệnh, cũng không nói đến sự chết. Bởi vì sao? Vì người sanh về cõi đó lần lần được thành Phật. Ngoài ra, nếu người đó không có thân ở thế giới Cực Lạc là do họ đủ sức tự tại hiện thân ở các thế giới khác để độ chúng sanh, chứ không phải là có sự chết.

Do đó, sanh về Cực Lạc có thân không già, không bệnh, không chết, như vậy là một điều đảm bảo cho những hành giả đi trên con đường đạo không bị ngăn trở giữa chừng.

Thật vậy, các huynh đệ tụng kinh thì thấy rõ, đơn giản nhất là kinh *A Di Đà* nói cảnh ở cõi đó tiếng chim kêu, tiếng gió reo, tất cả đều làm cho người nghe tự nhiên sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Ở thế giới này, mình tu hành, kèm chế hết sức mà nó còn không chịu niệm; ở Cực Lạc thì tự nhiên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. “*Tự nhiên*” đó là do Phật nói, đâu phải người thường nói. Quý nhất ở chỗ này.

Đã là tự nhiên thì tiếng pháp luôn luôn không dứt; cho nên người cõi đó trong tâm lúc nào cũng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Như vậy, ở thế giới Cực Lạc có đức Phật A Di Đà thì lúc đó tự nhiên tâm nghĩ đến đức Phật ấy, đó là niệm Phật. Còn trong tâm nghĩ đến Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí, đó là niệm Tăng. Ở cõi Cực Lạc luôn luôn có những pháp âm vang ra, hoặc hóa Phật dạy tất cả những pháp tu như Lục độ vạn hạnh, Tứ nhiếp pháp... để mọi người hướng đến Vô thượng Bồ đề, cho đến tất cả những pháp khác thì lúc đó tự nhiên họ liền nghĩ đến những pháp đó. Như vậy là tự nhiên niệm Pháp.

Nếu luôn luôn như vậy thì đạo lực, thiện căn tăng trưởng không lúc nào ngừng, không có thoái chuyển. Trong kinh nói rõ ở thế giới Cực Lạc, đại đa số là các vị Bồ tát Bất thối chuyển địa, tất nhiên đều là bậc địa thượng Bồ tát, không những thế mà có rất nhiều vị Nhất sanh Bồ xứ Bồ tát nữa. Người sanh về cõi nước đó, bất kỳ ở tầng cấp nào, phẩm sen nào, luôn được gần gũi những bậc Bồ tát đó, cũng như bây giờ mình sống chung với loài người vậy. Như vậy tất nhiên các Ngài là bạn của mình. Bạn như thế nào? Nghĩa là mình luôn sống chung với các Ngài thì công đức thiện căn không ngừng tiến triển mà lại có duyên để tiến triển mạnh nữa. Do đó, chẳng những trong kinh *A Di Đà* thường tụng, mà kinh *Vô Lượng Thọ*, *Quán Vô Lượng Thọ*, cho đến tất cả những

kinh khác, đều nói rõ người sanh về cõi nước đó bảo đảm được bất thối chuyển Vô thượng Bồ đề. Nghĩa là người sanh về Cực Lạc nhất định trong một đời sẽ thành Phật. Đó là đức Phật Thích Ca lo lắng cho mình và cho tất cả mọi người sẽ bị sa đọa, vì thời gian trên con đường đạo chưa được tới nơi mà đã bị sa đọa rồi thì y báo chánh báo không tốt sẽ sanh ra nghiệp không tốt, mà nghiệp không tốt sẽ tạo thành cái quả không tốt. Cứ như vậy mà dây dưa kéo dài mãi trong sanh tử luân hồi.

Trong kinh *A Di Đà*, Phật nói rõ cảnh Cực Lạc, có bốn thứ báu cho đến bảy loại báu kết thành đường đi, lầu các, hoa sen, mỗi ngày trời mưa hoa báu. Người ở đó, mỗi sáng sớm lượm các hoa tốt đẹp để cúng dường mười phương chư Phật. Mình nghe nói đã ham thích rồi. Người bên đó đều như vậy, chứ không nói riêng người nào. Như vậy họ đều có thần thông tự tại, đi cúng dường mười phương chư Phật đâu phải chuyện thường được. Mỗi vị Phật ở một thế giới riêng, mà một thế giới như vậy bây giờ bằng phương tiện khoa học của loài người có tìm thấy thế giới nào khác ngoài thế giới ta bà này được đâu. Đi mười phương thì biết bao nhiêu thế giới và đi cúng dường như vậy tất nhiên có nghe pháp, rồi trở về Cực Lạc còn kịp giờ ăn.

Trong kinh *Vô Lượng Thọ* còn nói rõ sự ăn mặc ở Cực Lạc là tự nhiên theo ý muốn của người đó, chớ khỏi phải làm ra, khỏi phải dọn dẹp. Đúng như ý muốn, sở thích, gọi là như ý. Cho đến trong kinh nói, nước trong ao thất bảo để mọi người tắm chẳng hạn, muốn nước tới gót chân thì nước tới gót chân, muốn nước tới bụng thì nó tới bụng, muốn tới ngực thì nó tới ngực. Tự nhiên theo ý muốn riêng của mọi người. Cả trăm ngàn người xuống đó tắm đều theo ý muốn của mỗi người mà sâu cạn khác nhau và nó còn làm cho thiện căn công đức tăng trưởng, mát mẻ, khỏe thân, chứ không phải như nước ở cõi này.

Phải biết sự ăn uống ở cõi này đầy đủ thì tăng trưởng dục, tăng trưởng sân, tăng trưởng đủ thứ các tạp nghiệp phiền não, chứ không phải thiện căn công đức. Thế giới này là uế độ, phải hiểu như vậy. Chính đức Phật nói thế giới này là ngũ trược ác thế. Nếu bên đó là Tịnh độ thì tất cả mọi thứ đều ngược lại với cõi này. Nếu cõi này có bệnh thì cõi nước kia không bệnh, cho đến sanh đẻ là khổ thì cõi đó không có sự khổ về sanh, vì liên hoa hóa sanh nên không có khổ. Bên mình già khổ thì bên đó không có già nên đâu có khổ. Bên mình có chết khổ thì bên đó không có chết khổ. Bên này những gì thuộc về khổ, thuộc về ác thì bên đó ngược lại là vui, là thanh tịnh, tốt đẹp cả.

Đức Phật nói cõi Cực Lạc xong. Ngài còn nói quang minh của đức Phật A Di Đà như thế nào, thọ mạng như thế nào, cho đến những người bên đó đều gọi là chúng sanh, chứ gọi là người cũng không đúng; vì như thế chỉ hạn định trong loài người mà thôi, nên phải dùng từ chúng sanh. Nếu một vị chưa phải là Phật thì đều có thể gọi là chúng sanh, dù vị đó là đại Bồ tát. Chỉ trừ Phật không phải là chúng sanh mà thôi.

1. Phải có lòng tin thật sâu, thật chắc chắn

Trước tả cõi Cực Lạc, rồi tả đức Phật A Di Đà, để cho người nghe sanh lòng tin có cõi đó, có đức Phật đó. Cho nên lòng tin phải đi trước. Niềm tin phải chắc chắn, không nghi. Nếu còn nghi thì phải giải tỏa mỗi nghi đó. Chứ nghi ngờ, tu tập không thể thành công, vì nghi thì điều kiện về Cực Lạc không có. Phải thật tin, tin thật sâu, thật chắc chắn, không gì lung lay được, gọi là thâm tín. Đức Phật tả rõ ràng là để cho mình tin. Trong kinh *A Di Đà*, chẳng những đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói về đức Phật A Di Đà mà các kinh khác cũng vậy, mười phương chư Phật đều khác miệng chung lời đồng thanh nói như Phật Thích Ca, để cho người nghe có lòng tin sâu chắc về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

2. Phải phát nguyện tha thiết sanh về cõi Cực Lạc

Trong kinh *A Di Đà*, mỗi khi đức Phật Thích Ca nói đến sự trang nghiêm tốt đẹp như thế, sau đó Phật bảo người nghe phải nên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị tụng kinh lưu ý nhận thấy không biết bao nhiêu lần Phật khuyên như vậy. Đó là điều kiện thứ hai phải phát nguyện tha thiết sanh về cõi Cực Lạc.

Đức Phật Thích Ca nói đi nói lại điều nguyện đó hoài, tất nhiên là để cho mọi người muốn được y báo chánh báo trang nghiêm bảo đảm thành Phật ở thế giới Cực Lạc thì phải có nguyện tha thiết. Sự tha thiết đó các vị Tổ của mình ngày xưa thường thí dụ thế này, cũng như một đứa con nít té xuống nước, lúc đó không mong muốn nào khác, chỉ mong cầu được mẹ cha vớt lên thôi. Nguyện phải như vậy, mong muốn phải như vậy, muốn được ra khỏi nước để lên bờ.

Người tu niệm Phật cũng vậy, phải tha thiết mong muốn được sanh về thế giới Cực Lạc, không phải chỉ lúc tụng kinh đến hồi hương rồi đọc “Nguyện sanh Tây phương cõi Tịnh độ”. Nói suông một cách vô cảm, nói lấy lệ như vậy thì đến cả đời cũng không có kết quả gì hết. Trong lòng mình phải tha thiết thật sự muốn về Cực Lạc, như người té xuống nước chỉ mong được lên bờ.

Phải cố gắng! Phật không bao giờ nói sai, tại mình làm không đúng như Phật dạy. Nguyện phải tha thiết; đây là tôi nói lại thôi. Vì sao người cả đời làm ác, lúc sắp chết nghe được cõi Cực Lạc liền tin tưởng sâu chắc, chỉ mười niệm được vãng sanh. Do lúc đó họ chỉ muốn về Cực Lạc để không còn khổ đau, ngoài ra không còn muốn gì nữa hết. Nhờ vậy, họ niệm ít mà thành công, được về Cực Lạc do phát nguyện tha thiết. Trên đời này xét kỹ có thể dựa vào đâu được vững chắc? Dựa vào cha cũng không được, dựa nơi mẹ cũng không xong.

Nếu có nhà, dựa vào cái nhà cũng không được; có xe, dựa theo xe cũng không được. Nếu người đó có chức phận như làm vua chẳng hạn thì cũng không thể dựa vào ngai vàng để cho khỏi chết. Cho nên, không thể dựa vào chỗ nào được hết.

Bây giờ chỉ dựa vào đức Phật A Di Đà để về cõi nước Cực Lạc mà thôi. Lòng tin phải như vậy, dù là rất ngắn nhưng rất sâu. Phát nguyện như vậy, dù trong chót lát nhưng rất tha thiết. Nhờ tin sâu, nguyện thiết, nên dù niệm Phật ít mà thành công được sanh về Tịnh độ.

3. Công hạnh tu hành

Đã tin sâu, nguyện thiết rồi thì đến công hạnh tu hành. Niệm Phật có bốn pháp, nay chỉ nói về pháp Trì danh hiệu Phật. Ngoài ra, nếu quán tượng cũng phải là tượng Phật A Di Đà. Nếu quán tượng thì cũng là đức tướng của Phật A Di Đà.

Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* có pháp quán thân tướng của Phật A Di Đà nhưng khó có thể thực hành được. Như tướng bạch hào chẳng hạn, bạch hào xoắn lại bằng năm hòn núi Tu Di. Minh thường ca ngợi Phật là: Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di. Cầm mực trừng thanh tứ đại hải”. Hồi xưa lúc tôi mới vô chùa tụng kinh, nghĩ rằng nói như vậy là tượng trưng. Đến chừng xem trong kinh mới thấy rõ ràng thân tướng của Phật A Di Đà như thế đó thì bạch hào phải như vậy rồi. Nếu cặp mắt muốn tương xứng với thân hình của Phật thì phải lớn bằng bốn đại hải ở bên ta bà này. Như thế thì trí của mình làm sao tương tượng nổi mà quán. Vậy phải làm sao? Hiện giờ nếu đức Phật A Di Đà hiện thân thật xuống đây thì quả địa cầu này cũng không đủ mặt đất để làm chỗ cho chân của Phật đặt lên, chớ đừng nói chi là ở nước của mình, cho nên không thể quán tượng nổi.

Do vậy, tu pháp quán tượng trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* cho thành tựu thì người đó phải thuộc hàng đại căn đại trí

mới có thể thực hành được, chớ không phải chuyện thường. Nhưng Phật dạy kỹ lắm, có thể khơi trí của mình từ ít thành nhiều, từ nhỏ thành lớn, từ hẹp thành rộng. Cho nên đầu tiên quán về tướng mặt trời lặn; từ tướng mặt trời lặn quán đến mặt đất lưu ly, làn nước trong chẳng hạn. Lần lần rồi mới quán lên, một cái lá cây trong kinh nói, nó lớn hơn cả miền Nam mình, chớ không phải thường đâu; nhưng bên đó người ta coi nó rất nhỏ, bởi vì thân người nơi cõi Cực Lạc to lớn lắm. Một cái lá mà lớn như vậy thì cây chắc chắn phải rất lớn, cả quả núi cũng không bằng nữa thì trí của mình làm sao tưởng tượng nổi. Phải đại căn, đại trí mới vào được pháp quán đó.

Nhưng người thành tựu được pháp quán đó là Hoàng hậu Vi đề hy. Phật nói cho bà nghe pháp quán tướng, nghe đến đâu bà thành tựu đến đó. Mặc dù pháp đó quá khó nhưng Phật cũng nhằm chỉ dạy cho chúng ta mà thôi. Tôi nói phải đại căn đại trí mới tu được pháp này, vì lo rằng các huynh đệ ham quá, rồi thời gian trôi qua mà không thành tựu được gì thì thật đáng tiếc!

Do đó, mình phải từ cái đơn giản nhất mà đi vào là niệm danh hiệu Phật. Danh hiệu Phật A Di Đà chỉ có bốn chữ, bốn tiếng nên rất dễ nhớ, ai cũng thực hành được. Có người thắc mắc danh hiệu Phật bằng tiếng Phạn, làm sao phát âm trúng được? Đừng nghĩ như vậy, bởi danh hiệu mà Phật Thích ca nói ra là đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phải có tiếng giống ở cõi Cực Lạc phải không? Nhưng đức Phật Thích Ca ở Bắc Thiên Trúc nói pháp thì Ngài phải sử dụng tiếng nơi đó để nói danh hiệu của đức Phật, gọi là tiếng Phạn. Đó là tiếng thông dụng thuở xưa của Ấn Độ, nhưng nghĩa vẫn là Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Qua Trung Hoa thì lại phiên âm khác, mà mình là người Việt đọc giọng cũng trại đi, khác đi; nhưng cũng đồng một nghĩa là Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Nghĩa thì không bao giờ khác, dù cho người Pháp hay người Anh

không nói như mình là Vô lượng thọ, Vô lượng quang, nhưng cũng có nghĩa là ánh sáng vô lượng vô biên, thọ mạng cũng vô lượng vô biên, không thể tính đếm hạn lượng ánh sáng của Phật A Di Đà phát ra. Rõ ràng nghĩa là một mà thôi.

Hễ nghĩa là một thì tùy theo sự tin tưởng, nghe biết của mình mà niệm, nên tiếng nói gì không quan trọng. Vì vậy, mình cứ niệm Nam mô A Di Đà Phật hay A Di Đà Phật là thành công. Từ xưa tới giờ tôi nghe nói người niệm như vậy thành công nhiều lắm, chớ đâu phải ít. Có linh nghiệm hay không là tại nơi mình.

4. Bây giờ niệm như thế nào, hạ thủ công phu ra sao?

Thứ nhất là phải niệm rõ ràng. Bởi vì khi niệm, danh hiệu Phật huân tập vào trong tâm mình. Nếu niệm không rõ ràng thì nó huân tập trại đi, không rõ ràng. Đừng ham niệm nhiều mà không rõ ràng. Phải niệm kỹ, kỹ đó tùy theo trí lực của mình. Nếu trí lực của mình không thể nhanh được, mà mình lại ham mau nhiều nên câu Phật hiệu bị trại đi. Nếu niệm trại đi thì về sau nó huân tập trong tâm cái trại đi thì chưa tốt.

Thứ hai là niệm phải chắc thật. Như thế nào là chắc thật? *Tâm ý của mình cùng tiếng niệm phải hiệp khắn với nhau, chỉ một mà thôi.*

Phải luyện được như vậy. Tâm ý và tiếng niệm là một, không có hai; nếu là hai tất nhiên không phải chắc thiết. Trong lúc mình niệm Nam mô A Di Đà Phật hay A Di Đà Phật, nhưng tâm ý của mình không hiệp với tiếng thì nó nghĩ đến việc khác rồi. Như vậy là tâm không khắn với tiếng. Cho nên tôi nói tâm và tiếng phải hiệp làm một. Luyện được một phút cũng tốt, được mười phút cũng tốt. Phải tập lắm mới được, gọi là điều tâm nhiếp ý. Tất cả các pháp môn tu đều phải điều tâm nhiếp ý. Quan trọng nhất là tâm ý. Cái tiếng chỉ phụ trợ thôi.

Niệm là ghi nhớ, tưởng nhớ. Nghĩa như vậy rõ ràng, nếu tâm mình lúc đó lại nghĩ qua việc khác, có nhiều khi nghĩ rõ việc khác nữa. Miệng niệm Phật nhưng tâm thì nghĩ việc khác; bởi vì nó quen rồi, không cần để ý cũng nghĩ trúng. Như vậy là nghĩ tưởng việc khác chứ không phải nghĩ tưởng danh hiệu Phật thì đâu phải niệm chắc thật.

Điều này cần phải tập. Mình đừng có bản khoăn lo lắng, bởi vì ai cũng có tâm trạo cử, tâm tán loạn. Tâm tán loạn là ưa nghĩ lãng xãng đủ thứ. Còn trạo cử là việc qua rồi cũng nhớ, việc chưa tới cũng tính toán, nó không cần việc hiện tại. Cái đó thì ai cũng có cả; nhưng mình cứ điều tâm của mình, nhiếp ý của mình. Khi biết như vậy thì nhiếp tâm về nơi tiếng niệm Phật. Nếu được mười lần cũng quý lắm, được 100 lần càng quý hơn. Mình tập lần lần, tâm điều phục rồi quen. Còn nếu ban đầu mình thả trôi thì về sau cũng quen việc thả trôi.

Các huynh đệ phải tập, nếu người nào chưa được nên bắt đầu tập luyện. Lúc đầu không chịu cực, chịu khó để nhiếp tâm, quen sâu với việc thả lỏng thì về sau khó thu nhiếp lắm. Vì thả trôi cũng quen, mà điều nhiếp cũng quen.

Phải tập làm sao có một thời khóa nhất định, thời gian hoặc một giờ, một ngày... theo đó lần lần bước lên để nắm chắc lấy danh hiệu Phật, không có gì xen vô hết mà nó nối tiếp luôn, không lúc nào gián đoạn; như vậy gọi là được niệm lực tương tục, hay bất niệm tự niệm.

Niệm lực là sao? Nghĩa là chánh niệm niệm Phật có thể lực, có sức mạnh, nên gọi là lực. Còn trước kia chưa được vậy chỉ là tập niệm thôi, chứ chưa phát ra sức mạnh của nó.

Sức mạnh đó như thế nào? Sức mạnh đó có thể ngăn chặn tất cả tạp niệm khác, không cho xen vào, nên gọi là niệm lực tương tục. Niệm lực tương tục như vậy trong kinh gọi là chấp

trì danh hiệu. Chấp trì là nắm giữ, thí dụ như các huynh đệ nhìn thấy tôi đang nắm giữ cái khăn trong tay. Trong tay tôi chỉ nắm cái khăn thôi, mới gọi là nắm giữ. Còn tay tôi có thêm cái muống thì nắm giữ cái gì? Nói cái khăn cũng không được, nói cái muống cũng không đúng. Nếu trong lúc mình niệm mà nhớ nghĩ đến việc khác thì không phải là chấp trì danh hiệu. Quý vị khi niệm Phật tự nghiệm lấy mình, đồng một lúc không thể có hai thứ như cái khăn và cái muống, mà có đến mười thứ, một trăm thứ, có khi nhiều hơn nữa. Như vậy làm sao gọi là chấp trì danh hiệu được.

Phải biết rõ câu “*chấp trì danh hiệu*” trong kinh *A Di Đà*, hay còn gọi là niệm lực liên tục không gián đoạn. Có niệm lực tất nhiên là chấp trì; liên tục không gián đoạn là không gì chen vô được. Mà muốn không gì xen vô được thì niệm phải có lực, có sức mạnh. Nếu có niệm khác xen vô thì chánh niệm niệm Phật của mình chưa có thể lực, chưa có sức mạnh, nên nó không ngăn được các niệm khác.

Cố gắng hạ thủ công phu lúc ban đầu phải niệm cho rõ ràng và chắc thật. Lúc mới tập không cần nhiều, không cần lâu, nhưng phải rõ ràng và chắc thật, rồi lần lần từ ít thành nhiều, từ thời gian ngắn đến thời gian dài. Lần lần mới tự có niệm lực liên tục, chấp trì danh hiệu.

Tôi nghe nhiều người đến trình bày chấp trì danh hiệu. Họ nói: “Tôi bây giờ ngộ lắm, bước đi cũng niệm Phật, làm cái gì cũng thấy có niệm Phật hết”, nghĩa là tự rõ biết mình đang niệm Phật, không khác nào người niệm Phật theo tiếng mõ, bất kỳ hành động nào cũng niệm Phật. Như vậy gọi là chấp trì danh hiệu, niệm lực liên tục. Người đó cầm cây chổi quét nhà, chú thật ra là niệm Phật; việc quét nhà không chen vô được, vì sức niệm nó không cho vô, luôn luôn cái niệm Phật hiện ra. Đó mới gọi rằng được chấp trì danh hiệu, niệm lực liên tục không gián đoạn, cũng có thể gọi là nhậm vận niệm Phật.

Chấp trì danh hiệu, niệm lực liên tục như vậy có thời gian của nó. Nếu mình duy trì được, giữ gìn được, không cho lui sụt, qua một thời gian không biết bao lâu bất chợt nhập định vào Niệm Phật tam muội, nhất tâm không loạn. Cái đó thì không cầu được, không thể muốn được. Mình muốn được là được ở tầng bậc niệm lực tương tục, chấp trì danh hiệu. Chứ còn nhất tâm không loạn không thể muốn được; vì có ý mong cầu xen vô thì tâm đâu có nhất, không phải là nhất tâm.

Người được chấp trì danh hiệu, nhậm vận niệm Phật phải trải qua thời gian không biết bao lâu, tùy thuộc vào giới hạnh của người đó thanh tịnh đến tầng nào. Giới hạnh rất cần, là phương tiện giúp cho việc đó nhiều lắm. Nếu giới hạnh không thanh tịnh thì nó ngăn trở việc được Chánh định niệm Phật. Chướng ngăn ở nơi định, gọi là ngũ cái. Những chướng đó sâu hay cạn tùy theo mỗi người, người có chướng cạn mỏng thì vượt qua mau; còn người chướng sâu dày vượt qua rất chậm.

Bất chợt được vào Niệm Phật tam muội, gọi là nhập định. Trong thời gian nhập định đó, lúc ban sơ chưa theo ý muốn của mình được, lúc mãn thì tự nhiên xuất định, cứ giữ được như vậy mà thôi.

Các huynh đệ nếu dày công luyện tập được niệm lực liên tục hay còn gọi là chấp trì danh hiệu thì người đó còn cần phải xả bỏ tất cả duyên để luyện cho thành Niệm Phật tam muội nhất tâm bất loạn; vì cảnh duyên xen vào thì chướng ngại, phá hoại ghê gớm lắm.

Việc giải thoát sanh tử để trở thành bậc Hiền Thánh là việc quan trọng nhất của người tu hành. Không có việc gì quan trọng bằng. Cho nên tất cả việc gì khác cũng đều có thể buông bỏ, không nghĩ được hay mất điều gì nữa. Buông bỏ tất cả để luyện thành công Niệm Phật tam muội. Khi thành tựu rồi thì cũng phải như vậy mà luyện, nó có xuất ra thì tập cho nó nhập lại. Lần lần sẽ trở thành dễ, khi muốn nhập thì nó

nhập, hễ muốn xuất thì nó xuất. Có thể lực như vậy rồi, muốn nhập một giờ thì nó nhập một giờ; muốn nhập hai giờ thì nhập hai giờ, nếu muốn nhập một ngày thì nhập một ngày, muốn bảy ngày thì bảy ngày.

Trong kinh *A Di Đà* nói, sau khi chấp trì danh hiệu thì được nhất tâm không loạn. Hoặc là một ngày, chớ một giờ cũng quý lắm rồi. Vì Phật không nói chi tiết nhiều, nên chỉ lấy từ số 1 đến số 7 mà thôi và lấy thời gian là ngày. Nhưng trên số 7 thì càng quý nữa, không phải hạn định chỉ bao nhiêu đó. Cho nên các vị Tổ khi nhập định, có lúc tới 21 ngày mới xuất ra.

Nhưng đừng sợ khi nhập định thân thể bị yếu. Vì định lực sẽ phát ra sự khinh an. Nếu có định thì tự nhiên phát ra sự khinh an này, gọi là thiên chi. Khinh an đó nuôi thân nuôi tâm của hành giả. Nuôi tâm là nuôi tinh thần, nuôi thân tất nhiên làm cho thân thể ngày càng khỏe mạnh hơn là mỗi ngày nuôi bằng thức ăn. Nếu người nhập định 7 ngày khi xuất định sẽ mạnh hơn người thường trong 7 ngày ăn uống đầy đủ. Khinh an ở trong tam muội, nuôi thân và nuôi tâm có được thế lực như vậy. Cho đến nhiều vị nhập định hàng tháng hàng năm, khi xuất định thì thần thông tự tại biến hóa vô cùng, chớ không phải thường. Mình đừng ngại chuyện đó. Trong kinh, Phật nói điều này rõ ràng, người được Niệm Phật tam muội, khi nhập định tự nhiên Phật *A Di Đà* cùng chư Thánh chúng đều hiện ra trước mắt người đó, và tùy ý tự tại muốn thấy đức Phật nào cũng đều thấy được. Và lại, thấy Phật thì được nghe pháp. Nghe Phật nói thì thiện căn công đức phát khởi, tăng trưởng; trong kinh nói là thấy Phật nghe pháp liền chứng quả Thánh. Bởi vì đó là cảnh duyên thù thắng nhất trong các cảnh duyên, làm cho mình tiêu trừ những nghiệp chướng và tăng trưởng thiện căn, đạo lực nhân đó mà tăng theo, rồi từ tam muội đó lại còn sanh ra các tam muội khác.

Do vậy, được một tam muội thì đưa đến được nhiều tam muội khác. Được một chánh định thì có thêm nhiều chánh định khác. Không phải như thiên định thế gian, hễ tu cái nào chỉ được cái đó thôi, không sanh được cái khác.

Còn thiên định xuất thế gian mang đến những kết quả lạ lẫm, khi được rồi thì sẽ sanh ra các thiên định khác, các tam muội khác. Bởi vì tam muội xuất thế gian lấy tâm tánh làm trọng yếu, mà không có pháp nào không phải là của tâm tánh chuyển thể lên; những tam muội cũng đều từ tâm tánh lưu xuất.

Do vậy, các thiên định thế gian khác với tam muội xuất thế gian, vì chủ chốt của nó là ngoại duyên, ngoại cảnh; cho nên có chướng ngại, có hạn định, có ranh giới, tức là cái nào ra cái đó, không sanh ra cái khác.

Còn tâm tánh thì có đặc tánh chung nên tất cả các pháp đều có một tâm tánh. Dù là của người này, hay của người khác, thật sự cũng đồng một tâm tánh. Cho nên khi một cái gì từ nơi tâm tánh mà thành thì nó cũng từ nơi tâm tánh đó sanh ra cái khác. Đây là cái được của nhất tâm không loạn Niệm Phật tam muội, trong cảnh đó thấy rõ Phật hiện ra, được thành tựu công đức thiện căn như thế, gọi là *Sự niệm Phật tam muội*, nghĩa là được tam muội về Sự.

Nếu trong khi niệm Phật được chánh định tự nhiên nó phát minh “đương niệm vẫn vô niệm”, không thể dùng lời nói diễn tả được.

Đương niệm mà tại sao không có niệm? Ở đây tạm dùng lời nói như vậy, chứ không thể diễn tả được cái đó.

Trong khi không có niệm mà vẫn là niệm thì đạt được lý chân không của tất cả các pháp, nghĩa là tánh chân thật của tất cả pháp.

Tánh chân thật của tất cả pháp là tánh chân không. Tánh chân không chẳng phải là không suông, không có gì hết. Do đó, không có niệm mà vẫn niệm, cũng chẳng phải không có đương niệm mà vẫn là không niệm. Tự người đó cảm thấy như thế, chứ không thể nói được. Ý này được cổ đức diễn tả giống như việc uống nước. Giả sử tôi uống nước, lạnh hay nóng, ngọt hay lạt, thì chỉ một mình tôi biết thôi. Tôi có nói ra, người khác chỉ nghe chứ đâu có cảm được sự nóng lạnh, ngọt lạt. Ở đây cũng giống như vậy, đạt được *Lý tam muội* này chỉ người đó biết được.

Nếu do niệm Phật được Sự niệm Phật tam muội, rồi đến Lý niệm Phật tam muội. Ở đây, Lý là Lý tánh chân thật, đạt được Lý tánh chân thật đó đồng với Thiên tông gọi là đến trình độ minh tâm kiến tánh, nhưng hơn Thiên tông xa lắm. Vì sao?

Trong nhà Thiên, người minh tâm kiến tánh, nhưng không thể về Cực Lạc được. Còn người đạt được “đương niệm là vô niệm” thì người đó muốn về Cực Lạc là về, không phải chờ đến chết, lúc đó tự tại lắm. Hơn Thiên tông xa ở điều đó. Cho nên, pháp môn niệm Phật bảo đảm lắm.

Bây giờ tôi lập lại, được về Cực Lạc ở mức cao là tự tại như thế đó, nhưng ở mức thấp và căn bản thì chỉ cần có lòng tin sâu chắc và sự phát nguyện tha thiết. Về lòng tin sâu chắc, tôi nhắc lại có ba điều:

Một là tin lời nói của đức Phật Thích Ca. Hai là tin cõi Cực Lạc có đức Phật A Di Đà và những điều kiện vãng sanh mà Phật đã chỉ dạy. Thứ ba quan trọng nhất là tin mình có khả năng tu hành và thành tựu nơi pháp tu này. Nhưng phải nhớ hai điều trước cũng rất quan trọng.

Có nhiều người tin Phật và tin pháp của Phật dạy, lại do dự không biết mình có làm được hay không. Vậy là không được rồi! Phải tin chắc mình có khả năng làm thì mới có sự

phát nguyện tha thiết. Nếu có nguyện tha thiết thì không đòi hỏi công hạnh nhiều ít, đến mức độ nào. Như phần trên đã nói, người làm ác cả đời đến lúc lâm chung chỉ tin và phát nguyện, niệm mười câu Phật hiệu cũng được sanh về Cực Lạc.

Như vậy, hạnh không đòi hỏi phải đến mức độ nào, mà quan trọng nhất là phải tin cho sâu, nguyện cho chắc. Có làm thì được rồi; không cần nhiều ít chi hết. Thực hành nhiều thì đạt đến Sự niệm Phật tam muội, Lý niệm Phật tam muội, được tự tại vãng sanh và ở phẩm sen cao, nghĩa là liền vào hàng Bồ tát nào đó.

Còn nếu người chỉ biết niệm Phật nhưng không nhiều, không được niệm lực liên tục, không được chấp trì danh hiệu, không được nhất tâm bất loạn, không được gì hết; người đó thường có niệm là được rồi. Nhưng tin phải sâu chắc, nguyện phải tha thiết. Hai điều đó phải nắm vững, như vậy vẫn được vãng sanh.

Người bình thường làm được vậy, dù chưa đến trình độ nào mà vẫn được về Cực Lạc; được sống chung với các vị Bồ tát Nhất sanh Bồ xứ, Bồ tát Bất thối chuyển; được thân kim cương bất hoại, ăn mặc tự nhiên hóa hiện, cho đến cảnh duyên dù chưa gặp Phật thật nhưng lúc nào cũng có hóa thân Phật để thân cận. Điều đó trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói, khắp nơi trong cõi Cực Lạc luôn luôn có hóa thân Phật không khác chi Phật thật thuyết pháp.

Nhưng như vậy, mình có được lơ là việc niệm Phật hay không? Dứt khoát không được lơ là. Trong trường hợp bất đắc dĩ mới niệm ít mà thôi. Chứ còn lơ là niệm Phật thì tất nhiên Tín - Nguyện lâu dần cũng bị phai tàn.

Cho nên người tin sâu và nguyện thiết nhất định sẽ thực hành tinh tấn. Và ngược lại, người có thực hành tinh tấn thì nhất định là tin sâu, nguyện thiết. Còn người không có tin

sâu nguyện thiết, dù có hành tinh tấn nhưng chỉ được một thời gian, sau dần sẽ trở nên lơ là, trở thành thừa thớt, giải đãi lần lần.

Vì vậy, lòng tin và phát nguyện phải vững lắm mới được. Người nào chưa có tin sâu, nguyện thiết thì phải có. Người có rồi, phải giữ niềm tin và sự phát nguyện đó được bền vững. Còn công hạnh thì tùy theo hoàn cảnh mà thực hành để tiến bộ. Nhưng người có tin sâu nguyện thiết rồi, lúc nào cũng muốn về Cực Lạc, đâu có quên Phật được phải không?

Không quên Phật thì nhớ Phật, mà nhớ Phật tất nhiên niệm Phật rồi. Người tha thiết muốn về Cực Lạc chắc chắn có tin rồi và trong tâm người đó luôn luôn có cảnh Tịnh độ, vì họ muốn về đó mà. Có cảnh Cực Lạc trong tâm là gì? Là niệm thế giới Cực Lạc rồi, luôn luôn lúc nào cũng nhớ đến cõi nước đó thì luôn luôn lúc nào cũng niệm Phật A Di Đà. Cho nên không cần phải bảo người tin sâu nguyện thiết niệm mà họ vẫn niệm.

Các huynh đệ phải nắm vững điều kiện tin sâu nguyện thiết và cũng phải khuyên người khác nắm vững hai điều đó trước; chứ đừng dạy người ta niệm Phật cho nhiều mà hai điều kia không chắc thì nhất định không thành công.

Trong kinh *A Di Đà*, để cho mọi người có lòng tin nơi cõi Cực Lạc, thế nên đức Phật Thích Ca mới tả cảnh đó cho mọi người thấy rõ ràng, chứ không phải nói suông. Phật thấy rõ ràng như vậy và Ngài thuật lại cho mình về đức Phật A Di Đà như thế nào, những người ở bên đó như thế nào để cho mình tin. Tất nhiên tin lời Phật rồi, tin có cõi Cực Lạc rồi, mới tin nguyện lực của Phật A Di Đà. Trong kinh, đức Phật Thích Ca luôn luôn khuyên mình phát nguyện sanh về Cực Lạc không biết bao nhiêu lần. Cho đến mười phương chư Phật, mà trong kinh chỉ nói sáu phương, chứ thật sự cũng đủ cả mười phương chư Phật đều hiện ra để đồng nói như Phật Thích Ca.

Vì thời gian có hạn, có nhiều điều trong kinh nghiệm của pháp môn niệm Phật, thí dụ như trải qua thời gian mình niệm Phật được thành công hay thất bại, có chứng ngại hay được thông suốt, những điều đó không thể trình bày hết được cho đại chúng.

Nhưng những điều chủ yếu các huynh đệ phải nhớ nhất là việc niệm Phật chấp trì danh hiệu; phải nắm vững việc hạ thủ công phu. Nếu không cứ lơ là, nghe niệm Phật thì niệm ào ào mà không nắm chắc hạ thủ công phu ra sao.

Tôi nhắc lại hạ thủ công phu có hai điều: *phải rõ ràng và chắc thật*. Thế nào là rõ ràng, thế nào là chắc thật thì đại chúng đã nghe tôi nói đi nói lại nhiều lần rồi, nắm cho thật kỹ hai điều đó. Nếu thiếu hai điều đó thì những điểm sau không tiến được đâu. Hai điểm đó chúng ta phải làm cho được nơi bước đầu tiên trong việc tu hành, rồi từ đó mới tiến lần lên.

Thế nhưng, trước khi làm điều đó, phải luyện như thế nào cho có lòng tin sâu, phát nguyện vãng sanh thật thiết tha. Sau đó mới kèm theo công hạnh. Công hạnh cao thì về Cực Lạc ở tầng bậc cao. Còn thấp thì về Cực Lạc ở tầng bậc thấp, nhưng tầng bậc thấp này cũng là bất thối chuyển nơi quả vị Phật. Bởi vì trong kinh có nói rõ ràng, người sanh về Cực Lạc nhất định một đời thành Phật. Trừ những vị có phát nguyện sanh vào các cõi khác để độ chúng sanh, các vị đó đi qua các cõi khác một cách tự tại, thường là các vị đại Bồ tát hiện thân khắp pháp giới độ chúng sanh chẳng hạn.

Do đó, pháp môn niệm Phật mà đức Phật dạy nhằm để đảm bảo chẳng những cho hàng đệ tử Phật, mà cho tất cả mọi người, tất cả chúng sanh, nếu y theo thì bảo đảm gần nhất là thoát ly khỏi ngũ trược ác thế sanh tử luân hồi và kẻ đó là đảm bảo việc thành Phật.

Cuối cùng tôi cùng đại chúng niệm Phật A Di Đà mười câu rồi hồi hướng.

LỢI ÍCH CỦA VIỆC VÃNG SANH CỰC LẠC

Chư Phật, Bồ tát lấy môi trường nào để thành Phật? Từ trong lục đạo mà thành, chủ yếu ở cõi người. Các Ngài tuy biết nó là hư dối, là chỗ khổ lụy, nhưng muốn thành Thánh, thành Phật đều phải từ nơi đó, cho nên nói Phật pháp ở tại thế gian, chẳng lìa thế gian mà được giác ngộ. Vì vậy, có người hỏi rằng: Tại sao trong kinh lại nói sanh về thế giới Cực Lạc được không thôi chuyển và thành Phật?

Người sanh về Cực Lạc là vì chưa đủ sức, khi đạt được Vô sanh Pháp nhẫn, chứng đắc quả vị Bồ tát Bất thôi chuyển thì hiện thân khắp pháp giới để hành đạo, chớ đâu chỉ một thân nơi cõi nước Cực Lạc. Như Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Phổ Hiền v.v... Huống là trong kinh nói người nơi cõi Cực Lạc, sáng sớm đi nhật hoa cúng dường mười phương chư Phật, đó gọi là hiện thân để cúng dường, và cũng có thể hiện thân giáo hóa chúng sanh khắp các cõi. Cho nên đức Phật Thích Ca sơ dĩ nói pháp môn niệm Phật nguyện sanh về Cực lạc là để giúp chúng sanh *bảo đảm chắc chắn thành Phật*. Tại sao? Vì thành Phật ở thế giới ta bà này khó lắm! Thân và cảnh ở đây dễ đưa xuống phàm phu, còn tiến lên bậc Thánh thì thật khó. Nhiều khi tu đến già năm mươi, sáu mươi tuổi cũng chưa bảo đảm đâu, ngũ dục (*tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ*) cũng có thể lôi kéo được. Huống nữa thời gian tu hành trong một ngày đêm, trong lòng biết bao tạp niệm, phiền não dậy khởi, bên ngoài hoàn cảnh ngũ dục cám dỗ làm mình say mê, rối loạn, chuyện này chuyện kia nó đến khiến mình xa rời nơi pháp của Phật dạy. Phá trừ si mê khó lắm! Tôi nhiều lúc nghiệm xét mà thấy lo sợ. Như sáng sớm chùa đánh chuông thức dậy là 3g30 nhưng thân này nó cứ bắt mình phải nằm rắng, chỉ một chút vậy thôi kèm cái tâm đã không nổi rồi, cho nên đủ thứ chướng ngại chứ không phải thường được. Đây chỉ là những chuyện nhỏ, huống chi chuyện khác nữa.

Nhiều khi mấy huynh đệ thấy cả ngày tôi không nói chuyện với ai hết, tôi biết rõ mình có ngày phải chết nên dành thời gian để niệm Phật, nắm chắc danh hiệu Phật, giữ được chánh niệm trong lúc đó không phải dễ. Tất cả các huynh đệ bình thường phải cố gắng quyết tâm!

Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: “Người tạo tội ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung chánh niệm vững vàng, từ một tới mười niệm vẫn được Phật tiếp dẫn về cõi Cực Lạc ở nơi Hạ phẩm”. Vậy phiền não nghiệp chướng của người này khi sanh về Tịnh độ còn hay mất? Nếu còn thì như thế nào? Đây là một điều tôi cần phải nói rõ cho các huynh đệ hiểu.

Ví như lúc mấy huynh đệ ngồi trong giảng đường nghe pháp, trong lòng có sân giận hay không? Không, nhưng chẳng phải không hoàn toàn, nó nằm im đó. Thế giới Cực Lạc cũng vậy, tập khí phiền não vẫn còn nhưng không có điều kiện phát khởi. Cõi nước đó, hằng ngày đều tương ứng với Tam bảo nên hạt giống thiện căn công đức tăng trưởng, còn hạt giống tập khí phiền não dần dần tàn lụn yếu đi. Cũng như người chứng được quả vị Tu đà hoàn chậm nhất trong bảy đời thành A la hán, không thể hơn được, đó là điều quyết định, mau chỉ một đời, hai đời thì thành tựu. Bạc Tu đà hoàn tập khí chủng tử còn nguyên, đã đoạn dứt kiến hoặc phân biệt nên nó không khởi hiện hành, trong bảy đời sẽ tiêu trừ sạch hết không còn. Cũng vậy, thân người nơi cõi Cực Lạc không có già bệnh chết, mạng sống vô lượng, không có sự đòi hỏi về tham dục. Lúc xuống ao tắm muốn nước cao thấp đều tùy ý, muốn tới đầu gối thì ngập tới đầu gối, muốn tới lưng thì tới lưng, muốn ngập đầu thì ngập đầu. Sau khi tắm công đức sẽ tự nhiên tăng thêm, ví như người chứng được Tu đà hoàn thì sẽ tiến lên bậc Tư đà hàm. Ngoài ra còn thường nghe tiếng chim kêu, tiếng gió thổi, tiếng linh reo, tự nhiên sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Quan trọng nhất là hai chữ “*tự nhiên*”. Còn ở cõi này,

mình muốn niệm Phật thì phải ép, phải đề khởi, nhiều lúc nó không chịu niệm nữa. Cho nên việc tu hành ở thế giới Cực Lạc không nhọc nhằn, bó buộc, cứ sinh hoạt bình thường mà tự nhiên thành Phật. Trong kinh nói, sanh về Cực Lạc đều chứng bậc Bất thối chuyển, Nhất sanh bổ xứ. Đây là lời Phật nói chứ không phải tôi bịa đặt.

Như vậy, tập khí chủng tử phiền não khởi lên thì nó hiện hành, còn không dậy khởi thì là tập khí chủng tử. Trong thời gian lâu dài, nếu không có môi trường, không có dịp để khởi hiện hành thì nó sẽ yếu dần cho đến mất đi. Cũng như hạt giống gieo xuống đất, đủ điều kiện sẽ nảy mầm lên cây, còn không có điều kiện như để nó trong tủ, trên bàn chẳng hạn thì hạt giống đó theo thời gian sẽ bị hư mục mà thôi. Cõi Cực Lạc được lợi ích lớn ở phần này, thân và cảnh đều giúp cho thiện căn công đức phát triển, không có môi trường để phiền não nghiệp chướng phát khởi, thì chủng tử tập khí phiền não lần lần tiêu trừ.

Thuở trước, tôi đọc truyện ngài An Thế Cao là bậc Cao tăng đặc đạo. Hôm nọ, Ngài phó chúc chùa viện cho đệ tử rồi nói: Tôi còn cái nợ giờ phải trả. Ngài đi đến ngôi chợ, thì chợ có người thanh niên cầm dao chặt lên đầu Ngài. Ngài An Thế Cao tuy trả quả, nhưng là bậc đạt đạo nên không sanh tâm sân giận. Còn mình bây giờ đi ngoài đường, có người đến chửi mắng thì liền khởi tâm giận tức, muốn chửi mắng lại. Nhân quả vay trả nhau mãi không dứt, quả báo này gây qua nghiệp nhân kia. Trong kinh nói: “Giả sử trăm ngàn kiếp, việc làm kia chẳng mất. Nhân duyên khi hội đủ, quả báo lại tự mang”.

Vả lại, ở cõi này tu hành tinh tấn mà cái chết chợt đến thì đời sau sẽ quên, khó có thể tiếp tục được. Như tu có phước sanh qua những đất nước giàu có, nhưng tìm được ngôi chùa phải đi cả ngàn cây số mới đến, cho đến kiếm được người ăn chay cũng khó lắm. Từ đó hưởng phước rồi tạo nghiệp ác, căn

lành không thể tiếp tục phát khởi lại, sẽ yếu dần, lần lần quên mất luôn, quên làm việc lành, không còn lễ Phật, niệm Phật, cho đến tu theo Phật nữa.

Tôi nhớ lúc dưỡng bệnh ở chùa Linh Sơn Cổ Tự (Vũng Tàu), tối ngày ít có nói chuyện, chỉ chuyên niệm Phật. Một ngày nọ, mấy huynh đệ đang công phu ở chánh điện, tôi và ông tám chủ tiệm vàng ngồi dưới gốc cây nhãn trước chùa. Ông thì ngồi chéo ngoáy, hát hàm nói: “Việc đó để mấy điều làm, còn tôi với thầy cần gì phải làm!”. Tôi trả lời: “Mấy việc đó không đáng làm, lo ngồi nói chuyện đời thì lúc chết lấy gì nói chuyện với Diêm Vương!”. Ông ta công cao ngã mạn như vậy, cho rằng tụng kinh niệm Phật là thấp kém, đi đâu ông cũng đem theo quyển kinh *Kim Cang*. Điều này quả thật làm chướng đạo! Mấy huynh đệ tu học Phật pháp phải cẩn thận, luôn luôn phải xét mình, lấy giáo lý làm thước đo, làm tấm gương sáng để soi. Tại vì mình quên, không chịu đem thước ra đo, đem gương ra để soi mà thôi.

Có lúc giữa chúng đông, tôi thường nói, bây giờ làm đến Hòa thượng mà tôi nhận thấy còn thua hồi nhỏ. Ai nấy đều ngạc nhiên! Tôi nói mình học giáo lý thì biết rõ người ngộ đạo, đạt đạo thì phải ít phiền não, ít chấp trước, nhất là cái ngã tuy chưa hết nhưng cũng nhẹ đi, còn mình bây giờ ngã chấp lại lớn hơn hồi nhỏ. Tại sao? Tôi nhớ lúc nhỏ ai kêu “thằng Bình” tôi đâu có buồn, còn bây giờ ai nói chuyện mà hơi ngang một chút đã thấy khó chịu rồi. Như vậy, tôi chấp ngã nặng hơn hồi nhỏ. Mình phải biết rõ như vậy, lấy lời Phật dạy làm gương soi sáng lại chính mình. Thế nên, càng lớn tuổi sống lâu năm trong đạo mà tu không tiến thì phải lấy làm hổ thẹn, đừng bao giờ cho là đủ, hễ công cao ngã mạn thì có tội có lỗi, đừng nói chi phước đức hay công đức gì.

Từ những cái khó ở ta bà này mà đức Phật Thích Ca giới thiệu thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà để cho chúng sanh

được bảo đảm thành tựu quả vị Phật. Mấy huynh đệ biết rõ như vậy, ai nấy ý chí phải mạnh mẽ kiên định, dốc lòng niệm Phật, phát nguyện vãng sanh để độ mình và độ khắp tất cả chúng sanh.

GIẢI TRỪ NGHI NGỜ

Có vị cư sĩ lên tịnh thất chùa Vạn Đức gặp tôi thưa hỏi:

- Bạch Hòa thượng! Trong pháp môn niệm Phật nguyện cầu sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà, như vậy là còn mong cầu và có chỗ đến. Vậy theo giáo lý của Phật không phù hợp. Hòa thượng nghĩ sao về việc này?

Tôi đáp:

- Việc phát nguyện mong cầu sanh về Cực Lạc là do ai dạy?

Cư sĩ thưa:

- Do đức Phật Thích Ca chỉ dạy.

Tôi nói tiếp:

- Đã là do Phật dạy, sao ông lại nói không phù hợp giáo lý. Vả lại, ông từ dưới tỉnh đến chùa gặp tôi có lợi ích bằng vô rập hát không? Cũng vậy, vào chùa gặp tôi là lợi ích, nhưng sao bằng gặp Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc.

Tôi kể câu chuyện trên nhằm cảnh tỉnh tất cả huynh đệ, khi nào chúng ta tu hành sạch hết tứ tướng (tướng nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả), tâm không còn vọng tưởng sanh diệt, thể nhập chân tâm thường trụ thì mới bàn đến chỗ không khứ lai, lấy bỏ. Mình phải hiểu từng tầng, đừng tưởng thành bậc Thánh gì rồi, thật nguy hiểm lắm. Như khi đọc *Chứng Đạo Ca* của ngài Huyền Giác thì phải biết Ngài trình bày chỗ được, chỗ thấy của người chứng đạo, cho nên những pháp phương tiện ít được nói đến. Chẳng hạn đầu tiên là câu:

“Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân

Bất trừ vọng tưởng, bất cầu chân”.

Người tuyệt học vô vi là bậc chứng đạo, kể đó mới trình bày vọng tưởng không trừ, chân tánh cũng không cầu. Vì khi còn vọng tưởng mới nói đến nghĩa trừ, và khi chưa đạt chân tánh thì mới cầu. Lúc đạt được chân tánh rồi thì còn gì để cầu, vọng tưởng sạch hết thì còn gì để trừ. Nhiều người đọc đến đây, liền nghĩ không cần trừ vọng tưởng, đâu cần trở về chân tánh làm chi, đâu biết mình còn là phàm phu mê chấp, đâu phải bậc chứng đạo, đem chỗ chứng của bậc Thánh mà áp dụng vào vị trí của mình thì thật quá sai lầm, rớt cuộc vẫn y cũ sanh tử luân hồi.

*

KHUYÊN KHẮP TRÁNH VIỆC ĂN THỊT CHÚNG SANH

(Trích dân Lễ Khánh Tuế 17/07 năm Kỷ Sửu - 2009)

Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói: đức Phật cũng như tất cả chư Phật Như Lai ở mười phương đều lấy tâm đại từ bi làm thể. Như vậy, muốn đi đúng con đường đức Phật dạy thì mình phải làm sao có biết có nhớ có làm, hoặc nhiều hoặc ít phải tương ứng với từ bi làm thể. Nếu mình không có chút nào từ bi thì tất nhiên còn đứng ở bên ngoài, chưa phải ở trong phạm vi của chư Phật, do đó phải tập.

Trong vòng lục đạo sanh tử luân hồi, tội lớn nhất là ăn thịt lẫn nhau, loài này loài kia cho đến loài người đều vậy. Hôm nay chúng ta đã có may mắn được làm người xuất gia, làm đệ tử Phật, mình biết đức Phật cũng như chư Phật Như Lai ở mười phương đều lấy từ bi làm thể, do đó phải cố gắng tập tránh ăn thịt chúng sanh. Nói đúng ra, không có ở đâu tránh ăn thịt chúng sanh dễ dàng như miền Nam này, cũng như ở thành phố này. Vì những món ăn ngoài thịt chúng sanh ra rất dồi dào, mà còn tốt hơn thịt chúng sanh nữa. Nếu còn ăn thịt chúng sanh thì đó là cố ý, cố ý ở trong vòng sanh tử luân hồi, cố ý ở ngoài phạm vi của chư Phật. Như vậy, người đó không phải là Phật tử nữa, tôi nói thẳng như vậy. Huống nữa, sát nghiệp ở nơi cõi này rất nặng. Sát nghiệp bởi do ăn thịt lẫn nhau làm chính. Vì vậy phải cố gắng tập tránh ăn thịt chúng sanh.

Người tránh ăn thịt chúng sanh không được là do tập quán, tập nghiệp nhiều đời, đã quen quá rồi. Do thói quen đó nên mới có sự ưa thích ăn thịt chúng sanh. Nói tóm tắt như vậy, mấy vị phải nên hiểu. Mình đã tránh ăn thịt chúng sanh rồi thì thứ nhất tránh được sát nghiệp, tội chướng đó nặng nề lắm. Hơn nữa, từ việc không nỡ ăn thịt chúng sanh, tâm từ bi

mới lần lần nẩy mầm, đâm chồi. Nếu còn ăn thịt chúng sanh thì tình thương đâu có nữa, hết mất rồi.

Trong kinh *Phạm Võng*, Phật nói người ăn thịt chúng sanh mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh, mắc vô lượng tội. Tâm từ bi sanh không được thì Phật tánh làm sao sanh trưởng lên, để thành tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề không có thì làm sao thành Phật. Cho nên, đức Phật mới nói chư Phật đều lất từ bi làm thể. Điều đó mấy huynh đệ, tất cả hết thầy nam nữ đều là con của đức Phật, là Phật tử rồi phải cố gắng phải tranh đấu với chính mình.

Tại sao phải cố gắng và tranh đấu? Vì tập quán nhiều đời ăn thịt lẫn nhau đã quen quá rồi. Do cái quen đó mới có sự ham thích, tôi muốn nhắc kỹ là vậy. Mình được sanh làm người, ở khu vực này là có phước rất lớn. Bởi vì những món ăn thay thế cho thịt chúng sanh để nuôi thân rất dồi dào mà còn ngon, còn tốt, còn lành nữa. Cho nên, ai nấy đều cố gắng tránh ăn thịt chúng sanh.

Lúc tôi còn nhỏ, khi khởi tình thương đối với loài vật rồi thì tự nhiên không nỡ ăn thịt chúng cho tới bây giờ. Đọc kinh sách tôi thấy mình không ăn thịt chúng sanh mà ăn chay rất hạp, tốt lắm nên cũng mừng, biết mình có hạt giống đó từ lâu, nên mới không ai bảo không ai dạy, chung quanh cũng có ai để bắt chước, tự nhiên không ăn thịt được. Thịt cá, thịt gà, thịt gì cũng không thể ăn, tự nhiên trong lòng thấy bất nhẫn. Thấy thịt heo thì nhớ con heo trong xóm, ông đồ tể bắt nó nằm ngửa ra, trói bốn chân, lấy dao thọc cổ để giết, xúm nhau đổ nước sôi rồi cạo, tôi đứng coi nữa chứ phải không đâu. Còn cá lóc, cá trê, cá rô mua về còn sống, dùng súng dao đập cho nó nhảy tê tê rồi đánh vảy, cắt, khứa, mổ bụng. Còn gà, vịt thì bắt lại, lấy chân đập hai cánh, một tay lật ngửa cổ nó ra, một tay nhổ lông trên cổ, rồi lấy dao cứa đem làm thịt. Hồi nhỏ gặp mấy cảnh đó tự nhiên không thể ăn thịt được, nhìn món đó trên đĩa,

trên tô thì nó phớt phớt hình dạng những con vật bị giết như
vừa rồi tôi kể hiện ra. Nhưng phần đông mọi người khi thấy
điều đó không có thắm thía gì hết mà lại còn muốn cho mau
có, nấu chín cho mau để ăn. Đó là tập quán quen nhiều đời.
Mình vào Phật pháp rồi phải chống trở lại, đi ngược trở lại.

*

VĂN KHUYÊN PHÓNG SANH

(Trích Tịnh Từ Yếu Ngữ - Thiền sư Nguyên Hiền)

Từng nghe rằng: “Chư Phật và chúng sanh đồng một tâm thể. Chư Phật dùng tâm tham ái của chúng sanh mà chuyển thành lòng từ bi, cho nên lòng từ bi của các Ngài rất rộng lớn. Chúng sanh đem lòng từ bi của chư Phật lấp kín lại thành tâm tham ái, cho nên tâm tham ái của chúng sanh rất sâu dày”.

Sự tham ái sâu dày thì không vật gì mà chẳng yêu thích, nhưng yêu thích nhất là bảo vệ mạng sống của riêng mình. Lòng từ bi rộng lớn thì không vật gì chẳng thương xót, nhưng thương xót lớn nhất chính là hành vi cứu vớt mạng sống của chúng sanh.

Thế nên, bậc quân tử ngày xưa ưa thích phóng sanh. Bởi vì, trên hợp với lòng đại từ của chư Phật, dưới thỏa mãn tâm mến tiếc thân mạng sâu dày của chúng sanh. Sự rộng lớn của việc làm lành không gì sánh bằng.

Động lòng thương xót trước cảnh sát hại, sự thê thảm độc hại được bày ra, trăm phương ngàn kế giăng câu bắt lấy, hoặc nhốt chặt trong lồng, trong chuồng; hoặc sinh mạng treo trên dao bén. Hồn phi phách lạc, mẹ con ly tán. Miệng kêu gào tức tưởi biết nói cùng ai, mắt đẫm lệ cầu xin cứu vãn. Giống như tù nhân sắp bị hành quyết, bức bách vì cận kề cái chết; cũng như mọi người đang an ổn mà bỗng nhiên bị đánh cướp.

Tình trạng đau đớn ai oán ấy thật chẳng biết nói thế nào! Cho nên, chư Phật vì đối với nỗi khổ đau này mà ngăn cấm sát sanh, khuyên bảo phóng sanh.

Hao tổn tiền của không bền của ta để chuộc lại mạng sống rất quý giá của chúng, hoặc ít chỉ một hai con vật, hoặc nhiều thì muôn ngàn sinh mạng, giúp cho chúng đổi nguy thành an ổn, sắp chết được sống lại, trời cao biển rộng mặc tình dạo đi,

nắng ấm gió hòa ra sức bay lượn trong hư không quang đặng. Tuy bảo rằng sự bố thí một ít tiền của chẳng đáng bao nhiêu, nhưng ơn cứu mạng thật rộng lớn vô cùng.

Ở đây không bàn đến việc những sinh vật ấy sẽ là Phật ở đời vị lai hay là cha mẹ nhiều đời của chúng ta, nhưng vì tri giác vốn chung đồng nên xét theo lý rất khó mà nhẫn tâm. Cũng không bàn đến việc bị quả báo ở đời này, hay bị nợ nần sau khi chết, nhưng một khi đã ra tay giết hại thì tự nhiên nơi lòng khó mà quên được.

Nhìn cỏ cây rơi rụng héo tàn còn thảm thương bi cảm, thấy mây mù bủa giăng âm u thì buồn bã không vui, huống gì là mạng sống của chúng sanh bị giết hại. Do đó nên biết, chân tâm trùm khắp cả hư không mười phương, bậc chí nhân thẳng dòng xuyên suốt nơi vạn vật. Lẽ nào có cùng một dòng máu đỏ, mà thật không có lòng thương xót hay sao?

Cúi mong ai nấy thường thực hành việc cứu vớt, chuộc mạng sinh vật, khiến cho mạch nước nhân đức luôn luôn tuôn chảy. Hướng dẫn rộng rãi bạn bè để ngọn gió từ bi dào dạt mọi nơi, cuối cùng được trở về với bản tâm chân thật viên mãn của chính mình. Làm được như vậy thì chư Phật rất khen ngợi!

*

MỤC LỤC

<i>Ban chứng minh</i>	5
<i>Ban cố vấn</i>	7
<i>Ban biên tập - Ban thực hiện</i>	9
<i>Tán dương công đức</i>	11
<i>Lời khai bạch</i>	13
<i>Tiểu sử HT. Thích Trí Tịnh</i>	17
▪ Kinh Tam Bảo:	
<i>Kinh A Di Đà</i>	31
<i>Hồng Danh Bửu Sám</i>	57
<i>Kinh Vu Lan Bồn</i>	73
<i>Kinh Phổ Môn</i>	81
<i>Kinh Kim Cang</i>	95
<i>Thích nghĩa Văn Mười Phương</i>	127
<i>Lời bạt</i>	151
▪ Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên	157
▪ Phật Thuyết Kinh Phạm Võng	233
▪ Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Giảng Giải	265
▪ Pháp Hoa Cương Yếu	457
▪ Pháp Hoa Trì Nghiệm	519
▪ Tứ Hoàng Thệ Nguyệt	559
▪ Lược Luận Về Ý Nghĩa Và Luận Quán Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên	645
▪ Đường Về Cực Lạc	659
▪ Thiền Tịnh Quyết Nghi	995
▪ Ngộ Tánh Luận	1037
▪ Hương Sen Vạn Đức	1077
▪ Vạn Đức Pháp Ngữ	1227

(i) Phẩm Bồ Tát Địa có hai phần:

- Phần Trên: Đức Lô Xá Na Phật giảng về quả vị của Bồ tát có bốn mươi bậc: Thập Phát Thú, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương, Thập Địa.

- Phần Dưới: Đức Thích Ca Mâu Ni Phật kết giới Bồ tát: 10 điều trọng và 48 điều khinh.

(ii) Kinh văn trong phần trên nói: Lúc ấy, đức Thích Ca liền đem đại chúng nơi thế giới này đến nơi Liên Hoa Đài Tạng thế giới, trong cung Bá Vạn Úc Tử Kim Cương Quang Minh, thấy đức Lô Xá Na Phật ngự trên tòa Bá Vạn Úc Liên Hoa chói sáng rực rỡ.

(iii) Kinh văn trong phần trên, đức Lô Xá Na phán: “Ta đã tu hành tâm địa trong trăm A tăng kỳ kiếp, dùng đó làm nhân, bỏ hẳn phàm phu, thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Lô Xá Na, ngự nơi Liên Hoa Đài Tạng thế giới”. A tăng kỳ, Phạm ngữ, Tàu dịch là vô số.

(iv) Kinh văn trong phần trên nói: “Liên Hoa đài ấy có ngàn cánh, mỗi cánh là một thế giới, thành một nghìn thế giới. Đức Lô Xá Na phán: “Ta hóa làm một nghìn Thích Ca ngự nơi nghìn thế giới ấy. Về sau cứ mỗi thế giới trên mỗi cánh hoa lại có trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt nhật, mặt nguyệt, trăm ức Nam Diêm Phù Đề, trăm ức Bồ tát Thích Ca ngồi dưới trăm ức cội Bồ Đề v.v...”.

Trong bộ Hiệp Chú giải: một ức là một ngàn vạn, tức là mười triệu (10,000,000). Một Tu di, một thái dương hệ là một tiểu thế giới. Một nghìn Thái dương hệ là một Tiểu thiên thế giới. Một nghìn tiểu thiên (1,000,000) là một Trung thiên thế giới. Một nghìn Trung thiên thế giới (1,000,000,000) là một Đại thiên thế giới. Đài hoa có nghìn cánh, thành tất cả có một nghìn Đại thiên thế giới, hay là một nghìn tỷ Tiểu thế giới (1,000,000,000,000). Mỗi Tiểu thế giới (một Thái dương hệ), một đức Thích Ca, thành tất cả là một nghìn tỷ Thích Ca, hay là thiên bá ức Thích Ca (ngàn trăm ức).

(v) Tòa Kim Cương Hoa Quang ở tại cội Bồ đề nơi đức Thích Ca thành đạo. Diệu Quang Đường là cung của trời Tứ Thiên Vương, từng trời thứ nhất trong sáu cõi trời Dục giới.

(^{vi}) Thập Trụ: (1) Phát tâm trụ, (2) Trì địa trụ, (3) Tu hành trụ, (4) Sanh quý trụ, (5) Phương tiện cụ túc trụ, (6) Chánh tâm trụ, (7) Bất thối trụ, (8) Đồng chơn trụ, (9) Pháp vương tử trụ, (10) Quán đảnh trụ. Thập trụ đây có thể hiệp với Thập Phát Thú.

(^{vii}) Thập Hạnh: (1) Hoan hỷ hạnh, (2) Nhiều ích hạnh, (3) Vô sân hận hạnh, (4) Vô tận hạnh, (5) Ly si loạn hạnh, (6) Thiện hiện hạnh, (7) Vô trước hạnh, (8) Tôn trọng hạnh, (9) Thiện pháp hạnh, (10) Chơn thiết hạnh. Thập Hạnh đây có thể hiệp với Thập Trưởng Dưỡng.

(^{viii}) Thập Hồi Hướng: (1) Cứu hộ chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng, (2) Bất hoại hồi hướng, (3) Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng, (4) Chí nhất thiết xứ hồi hướng, (5) Vô tận công đức tạng hồi hướng, (6) Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng, (7) Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng, (8) Chơn như tướng hồi hướng, (9) Vô phược giải thoát hồi hướng, (10) Pháp giới vô lượng hồi hướng. Thập Hồi Hướng đây có thể hiệp với Thập Kim Cương.

(^{ix}) Thập Địa: (1) Hoan hỷ địa, (2) Ly cấu địa, (3) Phát quang địa, (4) Diệm huệ địa, (5) Nan thắng địa, (6) Hiện tiền địa, (7) Viễn hành địa, (8) Bất động địa, (9) Thiện huệ địa, (10) Pháp vân địa.

(^x) Tịch Diệt là Niết Bàn: Đức Phật dùng Đại Bồ Đề tri chứng Đại Niết Bàn lý. Đạo Tràng Tịch Diệt chính là Bồ Đề Đạo Tràng.

(^{xi}) Phạm là Đại Phạm Thiên Vương, tức là vua cõi trời Tứ Thiên, cũng gọi là Đại Tự Tại Thiên Vương. Nhon vì trong hội thuyết pháp này, đức Phật dùng bửu võng của Đại Phạm Thiên Vương làm tỉ dụ, nên gọi là Kinh Phạm Võng. Bửu võng là bức màn kết bằng bửu châu treo trước điện Thiên Vương.

(^{xii}) Về giới Bồ Tát có ba phần:

1. Nhiếp luật nghi giới (những điều ngăn cấm thân, khẩu, ý, không cho phạm tội lỗi),
2. Nhiếp thiện pháp giới (những điều lành, điều tốt mà thân, khẩu, ý phải thật hành)
3. Nhiều ích hữu tình giới (những điều cứu khổ ban vui cho chúng sanh).

Nhiếp luật nghi giới đưa Bồ Tát 31 đến quả đoạn đức (Đại Niết Bàn), chứng Thanh tịnh pháp thân.

Nhiếp thiện pháp giới đưa Bồ Tát đến quả trí đức (Đại Bồ Đề), chứng Viên mãn báo thân.

Nhiều ích hữu tình giới đưa Bồ Tát đến quả ân đức (Đại Từ Bi), chứng Ứng hóa thân.

“Kim Cương” thể chất bền chắc trong sạch, dùng dụ cho Đại Niết Bàn, “Quang Minh” chiếu sáng khắp nơi, dùng dụ cho Đại Bồ Đề, “Bửu” có năng lực làm cho chúng sanh khỏi nghèo khổ, được vui sướng, dùng dụ cho Đại Từ Bi.

Vì những ý nghĩa trên nên dùng danh từ “Quang Minh Kim Cương Bửu Giới” để gọi ba phần giới Bồ Tát.

Và vì ba phần giới Bồ Tát có năng lực đưa hành giả đến Phật quả, nên giới này là chủng tử của Phật tánh, là bản nguyên của Bồ Tát và của chư Phật. Do đây mà biết rằng nếu không có giới pháp này, chúng sanh không thể thành Bồ Tát, không thể thành Phật được.

(^{xiii}) Như đoạn trên nói giới pháp này là chủng tử của Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thành ra giới pháp này là giới phẩm của tất cả chúng sanh. “Bản nguyên tự tánh thanh tịnh” là thể tánh thanh tịnh bản hữu của tất cả chúng sanh, tức là Phật tánh.

(^{xiv}) Người trì giới này sẽ được dứt hẳn tất cả tâm bệnh, và chứng chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh của quả Đại Niết Bàn, tỷ dụ như Cam lộ, người uống nó sẽ khỏi bệnh khổ mà được an vui và trường thọ.

(^{xv}) Mặt trời, mặt trăng và châu ngọc có những đức tánh: trừ tối tăm, chói sáng, có lợi ích cho sanh vật. “Trừ tối”, tức là năng lực phá ác của Nhiếp luật nghi giới. “Chói sáng”, tức là năng lực thành thiện của Nhiếp thiện pháp giới. “Lợi ích”, tức là năng lực lợi sanh của Nhiều ích hữu tình giới.

(^{xvi}) Chơn thiệt Phật tử.

(^{xvii}) Sư tăng trong đây chỉ cho Hòa thượng và A xà lê. Còn chư Tăng, thì là Tăng bảo trong phẩm vị Tam Bảo (lời giải trong bộ Hiệp Chú).

Hiếu thuận với cha mẹ thì những điều ác về thế gian dứt, mà những điều lành về thế gian sanh trưởng. Hiếu thuận với Sư tăng, Tam Bảo, thì những điều ác của thế gian và xuất thế gian dứt diệt, những điều lành về thế gian và xuất thế gian phát sanh cho đến viên mãn thành tựu. Vì ý nghĩa ấy, nên hiếu thuận là cốt tủy của Bồ Tát giới, và là chí đạo.

(^{xviii}) Các Bồ tát đây là chỉ cho chư Bồ tát trong 40 vị: Thập Phát Thu, Thập Trưởng Dưỡng, Thập Kim Cương và Thập Địa.

(^{xix}) Mười tám Phạm Thiên là 18 cõi trời ở sắc giới. Trời Sơ Thiên có 3 cõi: (1) Phạm Chúng thiên, (2) Phạm Phụ thiên, (3) Phạm Vương thiên. Trời Nhị Thiên có 3 cõi: (4) Thiếu Quang thiên, (5) Vô Lượng Quang thiên, (6) Quang Âm Thiên. Trời Tam Thiên có 3 cõi: (7) Thiếu Tịnh thiên, (8) Vô Lượng Tịnh thiên, (9) Biến Tịnh thiên. Trời Tứ Thiên có 9 cõi: (10) Phước Sanh thiên, (11) Phước Ái thiên, (12) Quảng Quả thiên, (13) Vô Tướng thiên, (14) Vô Phiền thiên, (15) Vô Nhiệt thiên, (16) Thiện Kiến thiên, (17) Thiện Hiện thiên, (18) Sắc Cứu Cánh thiên.

(^{xx}) Trong Dục giới có 6 tầng trời: (1) Trời Tứ thiên vương, (2) Trời Đao lợi, (3) Trời Dạ ma, (4) Trời Đâu suất (đức Di Lặc ngự nơi nội viện), (5) Trời Hóa lạc, (6) Trời Tha hóa (chỗ Ma vương ngự).

(^{xxi}) Thời ấy Tây Vực chia ra nhiều nước, và đây là 16 đại quốc: (1) nước Sứ Già, (2) nước Ma Kiệt, (3) nước Ca Thi, (4) nước Câu Tát La, (5) nước Bạt Kỳ, (6) nước Mạt La, (7) nước Chi Đề, (8) nước Bạt Sa, (9) nước Ni Lô, (10) nước Bàn Xà La, (11) nước A Thập Ba, (12) nước Bà Ta, (13) nước Tô La, (14) nước Càn Đà La, (15) nước Kiếm Phù Sa, (16) nước A Bàn Đề. (theo bộ Hiệp Chú)

(^{xxii}) Mười bực Phát Thu Bồ Tát: (1) Xả tâm, (2) Giới tâm, (3) Nhẫn tâm, (4) Tấn tâm, (5) Định tâm, (6) Huệ tâm, (7) Nguyễn tâm, (8) Hộ tâm, (9) Hỷ tâm, (10) Đánh tâm. Có thể hiệp với Thập Trụ Bồ Tát.

- Mười bực Trưởng Dưỡng Bồ Tát: (1) Từ tâm, (2) Bi tâm, (3) Hỷ tâm, (4) Xả tâm, (5) Thí tâm, (6) Hảo ngữ tâm, (7) Ích tâm, (8) Đồng tâm, (9) Định tâm, (10) Huệ tâm. Có thể hiệp với Thập Hạnh Bồ Tát.

- Mười bực Kim Cương Bồ Tát: (1) Tín tâm, (2) Niệm tâm, (3) Hồi hướng tâm, (4) Đạt tâm, (5) Trục tâm, (6) Bất thối tâm, (7) Đại thừa tâm, (8) Vô tướng tâm, (9) Huệ tâm, (10) Bất hoại tâm. Có thể hiệp với Thập Hồi Hướng Bồ Tát.

- Mười bực Thẻ Tánh Địa Bồ Tát: (1) Thẻ tánh Bình Đẳng địa, (2) Thẻ tánh Thiện Huệ địa, (3) Thẻ 32 tánh Quang Minh địa, (4) Thẻ tánh Nhĩ Diệm địa, (5) Thẻ tánh Huệ Chiếu địa, (6) Thẻ tánh Hoa Quang địa, (7) Thẻ tánh Mãn Túc địa, (8) Thẻ tánh Phật Hỷ địa, (9) Thẻ tánh Hoa Nghiêm địa, (10) Thẻ tánh Nhập Phật Giới địa. có thể hiệp với Thập Địa Bồ Tát.

(^{xxiii}) Huỳnh môn là người không phải nam không phải nữ (kẻ bộ nắp). Tám bộ quỷ thần: (1) Thiên thần, (2) Long thần, (3) Dạ xoa, (4) Càn thát bà (nhạc thần), (5) A tu la, (6) Ca lâu la (kim xí điều), (7) Khẩn na la (ca thần), (8) Ma hầu la già (thần rắn). Thần Kim cương là vị thần cầm chày kim cương, trong phẩm Phổ Môn gọi là Chấp kim cương thần. Kẻ biến hóa, như rồng hoá làm người v.v...

(^{xxiv})“Phương tiện giết” là những phương thế trước khi giết, như bắt, trói, nhốt, đê, chỉ đường cho người rượt, cho người bắt v.v...

“Khen ngợi sự giết” là người ấy không có tâm giết, tự mình đến khuyến khích cho người ấy giết, hay tự tử.

“Thấy giết tùy hỷ” là thấy người giết, rồi tự tán thành, ưng ý sự giết ấy. Phạm tội sát sanh do đủ bốn điều. Như tội sát sanh đây, tất cả những tội khác cũng đều như vậy.

- “Nhơn giết” là cố tâm muốn giết, điều này là trụ cốt của tội.

- “Duyên giết” là loài hữu tình (người, thú v.v...) cùng những khí cụ, nơi chốn v.v...

- “Cách thức giết” như đâm, chém, đập, đánh, bắn, nhận nước, thiêu đốt, thắt cổ, đồ thuốc độc v.v...

- “Nghịệp giết”, khi người hay thú v.v... tắt thở (chết) thời nghịệp giết thành. Chính nơi thế gian này mà kết tội.

Ba La Di tội, Tà uịch là Khí tội; khí là vứt bỏ. Người phạm tội này thời bỏ hẳn ra ngoài phạm vi Phật pháp, không còn là Bồ tát, không còn phải là Phật tử, là Thích tử nữa.

Cứ theo cảnh mà luận tội thời có ba hạng: nơi cha mẹ, Hòa thượng, A xà lê, Phật và Thánh nhân mà giết thời phạm “tội nghịch”, cũng gọi là “vô gián tội”, cũng gọi là giá tội (giá là ngăn chướng, trọn đời quyết không được thọ giới lại).

Nơi loài người và tất cả loài khác, những ai có thể nhận hiểu lời nói của Giới sư mà giết thời phạm tội “Ba la di”, mất giới. Người phạm tội này phải sám hối thấy hảo tướng mới được thọ giới lại.

Nơi loài súc sanh v.v..., không hiểu lời nói của giới sư mà giết thì phạm tội trọng, không mất giới. Đối thú sám hối thì thanh tịnh. Ngoài ra còn theo tâm mà luận tội nặng nhẹ v.v...

(^{xxv}) Vật sở hữu của kẻ khác, có tâm gian lén lấy gọi là trộm, đoạt lấy gọi là cướp, cùng dối lấy, gạt lấy, gian lận mà lấy v.v..., đều thuộc về trộm cướp cả. Lấy năm tiền hay nhiều hơn năm tiền (đồ vật thì cứ tính giá mà định) phạm Ba la di, mất giới. Lấy dưới năm tiền, phạm trọng, không mất giới.

(^{xxvi}) Phật tử tại gia thì trừ vợ chồng chánh thức; Phật tử xuất gia thời với tất cả nam nữ, nếu hành dâm, phạm Ba la di, mất giới. Phật tử tại gia, ngày thọ Bát quan trai cũng đồng như người xuất gia. Phật tử tại gia, nơi vợ chồng chánh thức mà hành dâm trái thời, trái nơi thì phạm tội khinh, phải đối thú sám hối. Trái thời là ban ngày, ngày lễ Phật, Bồ tát, ngày trai. Trái chỗ là trừ năm căn, nữ căn. Trái nơi là chỗ không phải phòng ngủ riêng của vợ chồng.

Phi đạo: đối với người nữ, đạo tức là miệng, nữ căn và hậu môn, còn đối với người nam, đạo tức là miệng và hậu môn. Phi đạo hành dâm, nghĩa là hành dâm ở những chỗ khác trên thân thể, ngoài ba chỗ này.

(^{xxvii}) Khi nói vọng mà người khác nhận hiểu lời nói ấy thời thành tội. Thân vọng ngữ là ra dấu, lắc đầu, gật đầu, đưa tay v.v... Tâm vọng ngữ như khi Tăng hỏi, tự biết mình có tội mà vẫn yên lặng v.v... Vọng ngữ cho người khác nhận lầm mình là bực siêu phàm, đắc thiền, đắc định, chứng Thánh v.v... thời phạm Ba la di, mất giới. Những vọng ngữ khác thuộc tội khinh, phải đối thú sám hối.

(^{xxviii}) Về Bồ tát giới lấy tích cực lợi tha làm chủ, nên bán rượu phạm tội trọng, còn tự uống rượu phạm tội khinh.

(^{xxix}) Theo bộ Hiệp Chú, trong mười giới trọng đây, nếu phạm sáu điều sau (từ Bán rượu đến Hủy báng) thì phạm trọng, không mất giới, phải đối thú sám hối, vì là giá giới. Nhưng nếu không hổ thẹn chừa bỏ, cứ để tâm tương tục thì cũng mất giới.

(^{xxx}) Đối với mười giới trọng trên, nên 48 điều này gọi là giới khinh, cũng gọi là “đọa” (theo ý của Thanh văn giới, vì nếu phạm mà không như pháp sám hối, thế lực của tội có thể làm cho người phạm phải sa đọa).

(^{xxxii}) Ngũ tân là năm loại rau tanh nồng. Hưng cừ chưa biết là rau gì, các bộ sớ Tàu cho rằng phương này (xứ Tàu) không có. Phạm thứ nào có tánh chất tanh nồng và hình thức tương tự đều thuộc về các loại này, đều không ăn được, không được dùng gia vị. Như loại hành, thời hành tây, hành tàu v.v... cũng đều cấm, chớ chẳng phải chỉ cấm hành ta thôi. Người ăn ngũ tân có các điều tổn: ăn sống thêm lòng nóng giận, ăn chín thêm lòng dâm dục, miệng và mồ hôi tanh, các thiên thần xa tránh, các ác quỷ ưa gần, tụng kinh trì chú không linh, không phước ...

(^{xxxiii}) Tám Phước Điền: (1) Phật, (2) Thánh nhơn, (3) chư Tăng, (4) Hòa thượng, (5) A xà lê, (6) cha, (7) mẹ, (8) người bệnh.

(^{xxxiiii}) Người bán quan tài, bán đồ đựng thây chết v.v... ắt muốn bán được chạy, được nhiều, không khỏi có quan niệm trông cho nhiều người chết nên thành tội. Trái lại, nếu bố thí quan tài v.v... thời được phước rất lớn.

(^{xxxv}) Từ tháng tư đến tháng chín, giống sanh vật nhỏ như kiến, trùng v.v... sanh sản rất nhiều, nên không cho thiêu đốt cỏ cây. Trong đây cháy lan đến của người khác trong trường hợp tình cờ vô ý nên thuộc tội khinh. Nếu cố ý thời thuộc tội trọng thứ hai. Cố ý cho chết sanh vật thời thuộc tội trọng thứ nhất.

(^{xxxvi}) Đem giáo pháp Tiểu thừa v.v... dạy cho người với tâm ác, tâm giận đó là muốn hại người cho mất lợi ích về Đại thừa, nên phạm tội. Nếu vì theo tiểu cơ mà truyền tiểu giáo thì không phạm.

(^{xxxvii}) Trong giới này, nương quyền cậy thế bức người lấy của v.v..., chỉ trong phạm vi thâm thuê nặng, cho vay nặng lời, tiền đất tiền nhà quá cao v.v... Nếu thật bức người mà sang đoạt thì thuộc tội trọng thứ hai.

(^{xxxviii}) Tất cả các kinh của đức Phật thuyết giáo, chia ra từng loại thì có 12 phần:

1. “Trường hàng” (văn xuôi).

-
2. “Trùng tụng” (văn vần lặp lại những điều đã giảng).
 3. “Cô khởi” (văn vần đi riêng).
 4. “Nhân duyên” (gọi Phật thuyết pháp, cũng gọi là Duyên khởi).
 5. “Bốn sanh” (những đời trước của Phật, của Bồ tát).
 6. “Bốn sự” (những việc trong đời quá khứ của Phật, Bồ tát).
 7. “Vị tăng hữu” (sự hay lý nghĩa làm chúng ngạc nhiên vì thưở giờ chưa từng có).
 8. “Tỉ dụ” (mượn dụ để chỉ Pháp).
 9. “Luận nghị” (biện luận chánh nghĩa).
 10. “Tự thuyết” (không ai thừa thỉnh, Phật tự giảng nói).
 11. “Phương quảng” (giáo lý Đại thừa).
 12. “Thọ ký” (Phật thọ ký cho chư Bồ tát, hay đệ tử bao giờ thành Phật, hiệu gì, ở đâu v.v...).

Trong 12 phần, 3 phần Trường hàng, Trùng tụng và Cô khởi là thể tài của kinh văn, ngoài ra chín phần kia là những điều, những sự trong kinh văn mà phân loại ra.

(^{xxxviii}) Đây là tội lưỡng thiệt do thấy người tinh tấn tu hành mà sanh lòng tật đố. Trong đây kể một hạnh dâng hương để tỉ dụ cho bao nhiêu hạnh Bồ tát khác.

(^{xxxix}) Tội không cứu vớt chúng sanh có bốn duyên thành tội: (a) chúng sanh bị khổ, (b) nhận biết là chúng sanh bị khổ, (c) không có từ tâm, (d) ngồi nhìn không cứu vớt. Nếu vì không đủ sức để cứu, thời phải niệm Phật chú nguyện cho nó. Đó là không cứu được xác thân nó, thời cứu huệ mạng nó.

(^{xl}) Câu “Giết sanh mạng để báo thù sanh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo”, có hai ý:

1. Như cha mình bị người giết, đó hoặc là do túc nghiệp vay trả nhau, nếu mình giết người để báo thù cho cha, thời túc nghiệp của cha không dứt mà gây thêm oan trái cho cha; hoặc không phải do túc nghiệp, thời cũng kết thêm oan trái cho cha. Thành ra sự báo thù của mình, không lợi ích cho người cha đã bị giết, mà còn làm cho người cha thêm khổ ở tương lai, nên gọi là không thuận với hiếu đạo.

2. Phóng xa tầm đạo nhãn, nhưng trong giới phóng sanh trên, đức Phật nhấn mạnh rằng: Tất cả nam nữ đều là cha mẹ của ta trong nhiều đời, vì ta đã có vô lượng thân vê thuở quá khứ. Giết người để báo thù cho cha, chính là vì báo thù cho cha đời này mà đi giết cha ở đời trước, thế cũng là không thuận với hiếu đạo.

Trong giới này căn cứ nơi phạm vi cố báo thù mà kết thêm tội khinh, còn giết sanh mạng thời tự thuộc về giới trọng thứ nhất.

(^{xli}) Thọ giới này có ba phẩm đặc giới:

1. Đối trước Phật cùng Bồ tát mà thọ giới thời thuộc thượng phẩm đặc giới.
2. Thọ với Bồ Tát Giới Pháp sư thời thuộc trung phẩm đặc giới.
3. Đối trước tượng Phật, tượng Bồ Tát mà tự nguyện thọ thời thuộc hạ phẩm đặc giới.

Trong phần tự nguyện thọ giới này phải đủ hai điều kiện mới đặc giới: 1- Trong nghìn dặm không có Pháp sư truyền giới, 2- Phải thấy hảo 34 tướng. Nếu có Pháp sư có thể truyền giới mà không đến xin thọ, lại tự nguyện thọ giới, thời dầu có thấy hảo tướng cũng không đặc giới, vì có tâm khinh mạn vậy.

(^{xlii}) Đây là giới cấm bỏ giáo lý Đại thừa đi học tiểu giáo cùng sách ngoại đạo. Bỏ bảy báu có hai ý:

- Giáo lý Đại thừa như châu báu, vàng ngọc, tiểu giáo và sách ngoại đạo như đá, đất. Theo học tiểu giáo v.v.... đó là vứt bỏ châu báu Đại thừa vậy.

- Không tiếc châu báu, không sợ tốn phí mà đi học tiểu giáo v.v... đó là tỏ ra quá ham thích, quá chuộng.

(^{xliii}) Tài vật của Tam Bảo, người có phận sự quản lý, khi muốn chi tiêu phải đúng luật đúng pháp, không được theo ý riêng. Nếu tự ý riêng, chi tiêu không đúng luật đúng pháp, thì phạm tội. Trong đây vì chi tiêu sai phép nên thuộc tội khinh, còn nếu tự lấy tiêu riêng, dùng riêng, thời thuộc tội trọng thứ hai.

(^{xliiv}) Nơi lợi dưỡng nếu khách Tăng có phần, mà chủ Tăng không cho cùng hưởng, thời trái với điều :Lợi hòa đồng quân”, nên phạm tội.

(^{xlv}) Đây là cố ý tìm cách cho thí chủ đem cúng riêng cho mình nên phạm tội khinh. Nếu đã thuộc về chư Tăng, Tam Bảo, mà đi dành riêng về phần mình, thời thuộc về tội trọng thứ hai.

(^{xlvi}) Phạm là Bồ Tát, hay Phật tử phải có tâm từ bi bình đẳng, nếu thỉnh riêng, thời trái với đức bình đẳng nên phạm tội. Trong đây thỉnh riêng năm trăm La hán Bồ tát tăng, đức Phật cho rằng không bằng theo thứ tự mà thỉnh một vị Tăng phạm phu, là vì nơi sự cúng dường bố thí, phước đức nhiều hay ít, chẳng phải chỉ do nói cảnh (người thọ), nơi vật (của tiền), mà tâm của thí chủ rất quan hệ. Nếu bố thí cúng dường với tâm từ bi bình đẳng, không phước đức bố thí nào sánh kịp. (xem chương Pháp Cúng Dường trong kinh Duy Ma Cát).

(^{xlvii}) Cấm đến cả vì tài lợi mà nấu ăn, xay giã, nghề nghiệp v.v... thuộc riêng về phần Bồ tát xuất gia. Còn Bồ tát tại gia tự có nghề nghiệp chơn chánh, lợi mình lợi người. Nhưng không được vì ác tâm mà làm, cũng không được ham tài lợi mà làm, vì bốn phạm Phật tử phải xa danh lợi. Sâu cổ, là loài sâu độc, phần nó có thể giết chết người.

(^{xlviii}) Trong những ngày trai mà đi phạm giới tạo tội, nên kết thêm tội khinh, còn sự phạm giới thời cứ phạm giới nào luận tội về giới ấy.

Sáu ngày trai trong mỗi tháng: Mồng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi (tháng thiếu thời hai mươi tám, hai mươi chín).

Ba tháng trường trai mỗi năm: tháng giêng, tháng năm và tháng chín (tục ta thời là tháng giêng, tháng bảy và tháng mười).

Câu “làm quản lý cho người bạch y”, là nói người xuất gia lại đi gánh vác công việc thế tục giúp cho người tại gia. Chữ “trai” trong luật của Phật là nói “không ăn phi thời” (từ mặt trời chính về hướng tây, cho đến sáng sớm ngày mai là phi thời, không phải giờ ăn). Vì thế nên người tu tại gia trong các ngày trai và những tháng trai nên thọ Bát quan trai.

(^{xlix}) Nương thế lực lấy của người, đây là trên tội trọng thứ hai mà kết thêm tội khinh về phần lán hiệp vậy. Chứa cất cân non, giả thiếu phạm tội khinh. Nếu dùng cân non, giả thiếu mà lường gian của người thời thuộc về tội trọng thứ hai, cứ theo giá đồ vật về phần gian lận mà định tội. Mèo, chồn, chó v.v... là những thứ săn thịt nên cấm nuôi, nếu chó chỉ để giữ nhà thì không phạm. Heo chỉ để ăn thịt, hay bán thịt nên cấm

nuôi, nếu mua, thuộc phóng sanh mà nuôi thời không phạm. Trong giới này ở nơi sự nuôi chứa mà kết tội khinh. Còn xúi mèo, chồn, chó v.v... săn thịt, bắt chuột v.v... thời người xúi sai phạm tội trọng thứ nhất, nếu mèo, chồn, chó theo lệnh giết chết con thịt.

(ⁱ) Phật tử lấy từ bi làm chủ, lấy hòa thuận làm tông, đâu nên an lòng nhìn xem người đánh nhau, chiến nhau, đấu là võ sĩ đấu võ, cho đến đá gà, đá cá, đá dế v.v... cũng không được xem (nên chú ý hai chữ “Ác tâm”). Đây là điều cấm tà giác tà quán. Trong văn cấm năm điều: (1) xem đấu chiến, (2) mua vui, (3) chơi bời, (4) bói quẻ, (5) làm sứ mạng cho giặc cướp. Năm điều này là những duyên chướng đạo giải thoát, làm tăng thêm phóng vật loạn tâm. Trong Địa Trì Giới Bản có nói: “Nếu Bồ Tát lười biếng trễ nải, thích ngủ nghỉ, nếu là không phải giờ, hay thái quá thời phạm tội nhiễm ô (Khinh cấu). Trừ khi có nhon duyên, như bệnh, yếu, quá mệt nhọc v.v...”

(ⁱⁱ) Nhị thừa là Tiểu thừa, cũng gọi là Thanh văn thừa, A la hán là tột đích, và Trung thừa, tức là Duyên giác thừa, Bích chi Phật là đạo quả cuối cùng. Đại thừa là con đường duy nhất của Phật quả. Là Phật tử 35 phải nhắm quả Phật mà tiến, nếu xu hướng theo Nhị thừa, thời là sái nẻo, đâu còn phải thật là Phật tử, nên phạm tội

(ⁱⁱⁱ) Hai điều giới thư 35 cùng 36 đây rất chí thiết cho hàng Phật tử trên con đường hành đạo. Là Phật tử không thể thiếu. Trong điều giới 36, có thể gom lại thành 5 điều nguyện: 1) Nguyện lìa hẳn dâm dục. 2) Nguyện giữ giới thanh tịnh để xứng đáng thọ tứ sự cúng dường. 3) Nguyện giữ giới thanh tịnh để xứng đáng thọ sự cung kính của người. 4) Nguyện trừ tâm nhiễm ô đối với ngũ trần. 5) Nguyện tất cả chúng sanh đều thành Phật. Toàn cả năm điều chuyên thuộc Bồ tát xuất gia, nếu là Bồ tát tại gia, thời nơi điều 1) là lìa tà dâm, còn điều 2) là sự cung cấp của xã hội, điều 3) thời là danh dự cá nhân.

(ⁱⁱⁱⁱ) Đầu đà có nghĩa là phải sạch trần cấu của thân tâm. Trong mười tám món, nhang dương dùng nhả cho tưa ra để chà răng vì thời ấy không dùng bàn chải. Nước tro dùng như xà bông bây giờ. Ba y: y năm điều, bảy điều, và đại y (chín điều xấp lên cho đến hai mươi lăm điều). Bình dùng đựng nước. Bát (Bát đa la) dùng đựng cơm và đồ ăn. Lư hương để dâng hương cúng Phật. Đầy lược nước dùng hộ mạng cho sanh linh. Con dao để cạo râu tóc, cắt móng tay. Cái nhíp để nhổ lông

mũi. Ba y là y phước điền, đức Phật chế riêng cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni mặc, người chưa thọ giới không nên lạm dụng. Nếu là Thức xoa, Sa di ni thời tự có mạn y, còn hàng tại gia thời chỉ mặc y phục hoại sắc. Những xứ, những nơi hiểm nạn có nhiều sự cảnh hại thân, chướng đạo, nên cấm đến ở. Trong Giới Kinh (Đại Luật) lại còn cấm những nơi nhiều kiến, nhiều muỗi.

(^{liv}) Trong Phật pháp thời trọng đức hạnh, nên y cứ nơi ngày thọ giới trước sau mà phân ngôi thứ, chớ không theo tuổi đời, cũng không theo tước vị. Nếu khi tụng giới có đủ hạng Phật tử, thời nên phân riêng từng đoàn thể mà ngồi; người xuất gia ngồi theo nhóm xuất gia; người tại gia ngồi theo nhóm tại gia. Trong hàng tại gia nếu có ngại, thời nên chia ra nhiều nhóm có quan tước, cùng nhóm bình dân. Rồi từ mỗi nhóm cứ y theo giới đức mà phân ngôi thứ.

(^{lv}) Là Phật tử phải nhận chơn những tai nạn, họa phước và sự lợi ích. Họa hay phước là do nghiệp ác hay thiện chiêu cảm. Nghiệp từ nơi tâm mà phát khởi. Kinh luật Đại thừa có năng lực chuyển tâm ô trược thành thanh tịnh, chuyển tâm ác thành tâm thiện, chuyển tâm si mê thành tâm giác ngộ. Đọc tụng giảng thuyết kinh luật Đại thừa là một thiện nghiệp cao quý. Vì thế nên có thể làm cho người chết, vong linh được siêu sanh, người gặp tai nạn được qua khỏi. Có thể ngừa những sự không may và đem hạnh phúc đến. Phật tử bao giờ cũng phải có tín tâm sâu mạnh nơi năng lực của giáo pháp Đại thừa, bao giờ cũng lấy sự giải nguy, cứu khổ làm phận sự, nên bỏn phận của Phật tử phải giảng kinh luật Đại thừa trong những trường hợp có tai biến xảy đến cho người hay cho mình.

(^{lvi}) Trong nghi Giới Đàn: Giới sư dạy cho người cầu giới Bồ Tát thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật làm Hòa thượng, thỉnh đức Văn Thù và đức Di Lặc làm A xà lê. Sám hối có ba cách:

1. Tác pháp sám hối: người có tội đối trước chư Tăng, hoặc hai mươi vị, bốn vị, ba vị, một vị mà phát lồ sám hối, tùy theo tội lớn nhỏ
2. Thủ tướng sám hối: tức là sám hối cho được thấy hảo tướng
3. Vô sanh sám hối: quán chơn lý thật tướng, chứng ngộ vô sanh thời tội diệt.

Vô sanh sám hối có thể diệt tất cả tội, dầu là tội thất nghịch; Thủ tướng sám có thể diệt tội thập trọng và tất cả tội khinh; Tác pháp sám hối chỉ trừ được tội khinh. Đối thú sám hối tức là Tác pháp sám hối.

Đệ nhất nghĩa đế là thể tánh của giới pháp, là chánh non của tâm địa, là lý cảnh của chơn trí. Tập chủng tánh, trưởng dưỡng tánh, là do nghiên cứu tu tập không quán lần lần tăng trưởng, tức là Thập phát thú tâm.

Tánh chủng tánh, bất khả hoại tánh là do phân biệt giả tánh (giả quán) mà tục đế kiến lập nên không thể hoại, tức là Thập trưởng dưỡng tâm.

Đạo chủng tánh là trung đạo Thập kim cương tâm. Chánh pháp tánh là chứng nhập chánh vị (chơn như) tức là Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác.

Những quán hạnh đa, thiếu, xuất, nhập trong các pháp đó: nghĩa là Phát thu tâm thời từ giả nhập không quán; Trưởng dưỡng tâm thời xuất không quán nhập giả quán; Kim cương tâm thời xuất không giả nhập trung đạo quán; Thập địa thời nhập Thánh. Tập chủng tánh thời không quán thiếu (ít); Trưởng 36 dưỡng tánh thời không quán đa (nhiều); Tánh chủng tánh thời giả quán thiếu; Bất khả hoại tánh thời giả quán đa; Đạo chủng tánh thời trung quán thiếu; Chánh pháp tánh thời trung quán đa. Lai tam quán (không giả trung) theo tuần tự mà tu thời là thiếu, còn tu tập cả trong nhất tâm thời là đa.

Mười chi thiên: **Sơ thiên có 5 chi**: (1) giác, (2) quán, (3) hỷ, (4) lạc, (5) nhứt tâm. **Nhị thiên có 4 chi**: (1) Hỷ, (2) lạc, (3) nhứt tâm, (4) nội tịnh. **Tam thiên có 5 chi**: (1) lạc, (2) nhứt tâm, (3) xả, (4) niệm, (5) huệ. **Tứ thiên có 4 chi**: (1) nhứt tâm, (2) xả, (3) niệm, (4) bất khổ bất lạc. Nói tổng quát thời có mười chi thiên: (1) giác, (2) quán, (3) hỷ, (4) lạc, (5) nhứt tâm, (6) nội tịnh, (7) xả, (8) niệm, (9) huệ, (10) bất khổ bất lạc.

Trong văn, không hiểu giới khinh, trọng, thị, phi, thời mù mờ nơi giới tướng, không thể quyết nghị xuất tội. Không hiểu đệ nhất nghĩa đế, thời mù mờ nơi giới lý (thể tánh của tất cả giới), không thể phát khởi chơn thiết tín giải. Không hiểu tập chủng tánh v.v..., thời mù mờ nơi định cộng giới, không thể tu chứng quả vị. Không thông hiểu như thế mà lại làm tuồng là thông hiểu để được cúng dường nhiều, đệ tử đông, thành tội khi dối.

(^{lvii}) Trừ Quốc vương, vì Phật đem chánh pháp phó chúc cho Quốc vương hộ trì. Nếu đem giới này giảng cho người chưa thọ thời có hai điều bất lợi: 1) hạng căn khí tiểu thừa và ngoại đạo, người ác sẽ sanh niệm bất kính; 2) về sau lúc thọ giới tâm trần trọng kém. Trong điều giới 39, bảo phải giảng thuyết kinh luật Đại thừa cho tất cả chúng sanh, bất luận lúc nào và chỗ nào (luật Đại thừa là Bồ Tát giới). Trong điều giới thứ 42 này lại không cho giảng thuyết giới Bồ Tát trước những người chưa thọ giới Bồ Tát, vậy có chỗ nào mâu thuẫn chăng?

Xét ra nói điều giới 39 ở trong phạm vi giải nạn cứu khổ nên bảo giảng thuyết với tất cả. Còn trong điều giới 42 này thời vì ngừa tội lỗi nên cấm giảng cho người chưa thọ giới. Cứ theo đây mà suy cứu thời Bồ Tát giới chỉ cấm người chưa thọ dự nghe trong thời bố tát mỗi nửa tháng, nên khi bố tát, trước khi tụng giới phải bảo người chưa thọ ra ngoài, còn những lúc khác thì không kê. Không đồng như tiểu thừa giới (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giới) thì cấm hẳn, vì người chưa thọ cụ túc giới mà dự biết danh nghĩa những giới điều của tỳ kheo hay của tỳ kheo ni, thời thành chương nạn, đời này không được thọ cụ túc giới. Ý trên đây là thế theo bộ Hiệp Chú.

(^{lviii}) Người thọ giới mà có tâm hộ trì thời từ người cho đến thiên thần đều kính trọng, còn mống tâm phá giới thời tất cả đều khinh khi. Đây là từ lúc mống tâm phá giới mà kết tội khinh, vì người đã thọ giới phải có bốn phận hộ trì, mống tâm muốn phá là thiếu bốn phận nên thành lỗi. Nếu đã phá giới thời tùy giới mà luận tội.

(^{lix}) Theo văn, cúng dường kinh luật có 5 điều: 1) thọ trì, 2) đọc, 3) tụng (thuộc lòng), 4) biên chép, 5) hương hoa châu báu vàng bạc để đưng, để trang nghiêm. Lột da, chích máu, chẻ xương là cử trọng để lệ cho khinh. Như tiền thân của đức Bồ Sư đã thật hành để cầu Pháp.

(^{lx}) Thuyết pháp cho loài súc sanh cũng có lợi ích, vì ảnh hưởng của tâm lực (tư tưởng), nên trong văn có câu: “Tâm nghĩ miệng nói”, nên chú ý hai chữ “tâm nghĩ”, và hoặc giả, có loài nhận được lời, hay hiểu ý của người. Lưu Thủy trưởng giả với mười nghìn con cá mắc cạn, tôn giả Xá Lợi Phất với con chó bị chặt chân v.v... là những bằng cứ cho vấn đề này.

(^{lxi}) Bốn bộ đệ tử: 1) cư sĩ, 2) vợ cư sĩ, 3) đồng nam, 4) đồng nữ. Không cho xuất gia thời là đoạn Tăng bảo; không cho tạo hình tượng, tháp thời là đoạn Phật bảo; không cho tạo kinh luật thời là đoạn Pháp bảo.

(^{lxii}) Người xuất gia được giảng thuyết Bồ Tát giới cho Quốc vương và các quan đã thọ giới, nhưng không được ở trước quan chức trị phạt phi pháp. Nếu đệ tử có lỗi chỉ nên theo luật mà trị phạt, không nên gông, trói như ngục tù, làm thương tổn thể thống người xuất gia. Lại lấy sự áp yêu con một của mẹ hiền và sự thờ kính cha mẹ của con thảo để tỷ dụ lòng của Phật tử hết sức kính mến giới luật.

(^{lxiii}) Trì giới này đại lược có ba điều lợi ích: 1) lìa khổ (đời đời không bị đọa ác đạo, bát nạn), 2) được vui (thường sanh trong người trời hưởng phước), 3) được gặp Phật gần Phật.

(^{lxiv}) Ba nghìn học sĩ (Hán: tam thiên học sĩ): là những hàng đồng thọ trì Bồ Tát giới trong tam thiên đại thiên thế giới.

*